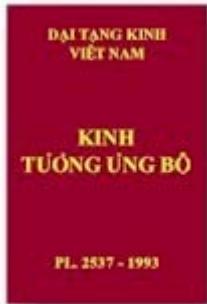


KINH TƯƠNG ƯNG BỘ

Samyutta Nikaya

Hòa Thượng Thích Minh Châu Dịch Việt



MỤC LỤC

Giới Thiệu

Tập I - Thiên Có Kệ

01. Tương Ưng Chư Thiên
02. Tương Ưng Thiên Tử
03. Tương Ưng Kosala
04. Tương Ưng Ác Ma
05. Tương Ưng Tỷ Kheo Ni
06. Tương Ưng Phạm Thiên
07. Tương Ưng Bà La Môn
08. Tương Ưng Trưởng Lão Vangisa
09. Tương Ưng Rừng
10. Tương Ưng Dạ Xoa
11. Tương Ưng Sakka

Tập II - Thiên Nhân Duyên

12. Tương Ưng Nhân Duyên
13. Tương Ưng Minh Kiến
14. Tương Ưng Giới
15. Tương Ưng Vô Thi
16. Tương Ưng Kassapa
17. Tương Ưng Lại Ích Đắc Cung Kính
18. Tương Ưng Rahula
19. Tương Ưng Lakkhana
20. Tương Ưng Thí Dụ
21. Tương Ưng Tỷ Kheo

Tập III - Thiên Uẩn

22. Tương Ưng Uẩn
23. Tương Ưng Radha
24. Tương Ưng Kiến
25. Tương Ưng Nhập
26. Tương Ưng Sanh
27. Tương Ưng Phiền Não
28. Tương Ưng Sàriputta
29. Tương Ưng Loài Rồng
30. Tương Ưng Kim Xí Điểu
31. Tương Ưng Càn-Thát-Bà

- 32. Tương Ưng Thần Mây
- 33. Tương Ưng Vacchagota
- 34. Tương Ưng Thiên

Tập IV - Thiên Sáu Xứ

- 35. Tương Ưng Sáu Xứ
- 36. Tương Ưng Thọ
- 37. Tương Ưng Nữ Nhân
- 38. Tương Ưng Jambukhàdaka
- 39. Tương Ưng Sàmandaka
- 40. Tương Ưng Moggalàna
- 41. Tương Ưng Tâm
- 42. Tương Ưng Thôn Trưởng
- 43. Tương Ưng Vô Vi
- 44. Tương Ưng Không Thuyết

Tập V - Thiên Đại Phẩm

- 45. Tương Ưng Đạo
- 46. Tương Ưng Giác Chi
- 47. Tương Ưng Niệm Xứ
- 48. Tương Ưng Căn
- 49. Tương Ưng Chánh Cân
- 50. Tương Ưng Lực
- 51. Tương Ưng Như Ý Túc
- 52. Tương Ưng Anuruddha
- 53. Tương Ưng Thiên
- 54. Tương Ưng Hơi Thở Vô, Hơi Thở Ra
- 55. Tương Ưng Dự Lưu
- 56. Tương Ưng Sự Thật

GIỚI THIỆU

Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikāya) là bộ kinh thứ ba trong kinh tạng Pāli (Trường bộ, Trung bộ, Tương Ưng bộ, Tăng Chi bộ, và Tiểu bộ). Bộ kinh là một tập hợp các bài kinh dài ngắn không đều, nhưng đa số là các bài kinh ngắn, được sắp xếp và kết nhóm theo từng loại chủ đề, gọi là Tương Ưng (Samyutta). Có tất cả là 56 Tương Ưng được bố trí vào 5 tập, gọi là 5 Thiên (Vagga):

1. Thiên Có Kệ (**Sagàthavagga Samyuttapàli**): 11 Tương Ưng
2. Thiên Nhân Duyên (**Nidànavagga Samyuttapàli**): 10 Tương Ưng
3. Thiên Uẩn (**Khandavagga Samyuttapàli**): 13 Tương Ưng
4. Thiên Sáu Xứ (**Salàyatanavagga Samyuttapàli**): 10 Tương Ưng
5. Thiên Đại Phẩm (**Mahàvagga Samyuttapàli**): 12 Tương Ưng

Bộ kinh đã được Hòa thượng Thích Minh Châu dịch sang Việt ngữ và Thiền viện Vạn Hạnh phát hành trong đầu thập niên 1980. Sau đó, trong chương trình phiên dịch và ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam, bộ kinh được tái bản năm 1993 và có số thứ tự từ 12 đến 16.

Trong hệ A-hàm của Hán tạng, bộ kinh tương ứng là Tập A-hàm, đã được Hòa thượng Thích Thiện Siêu và Hòa thượng Thích Thanh Từ dịch và ấn hành năm 1993-1995, Đại tạng kinh Việt Nam số 17 đến 20.

*Bình Anson
Tháng 11-2000*

**TẬP I: THIỀN CÓ KỆ
CHƯƠNG I
1. TUƯƠNG ƯNG CHU THIỀN**

I. Phẩm Cây Lau**I: Bộc Lưu (S.I,1)**

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

Rồi một vị Thiên, khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên áy bạch Thέ Tôn:

- Thưa Tôn giả, làm sao Ngài vượt khỏi bộc lưu?
- Nay Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu.
- Thưa Tôn giả, làm sao không đứng lại, không bước tới, Ngài vượt khỏi bộc lưu?
- Nay Hiền giả, khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống. Nay Hiền giả, khi Ta bước tới, thời Ta trôi giạt; do vậy, nay Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu.

(Vị Thiên):

*Từ lâu, tôi mới thấy
Bà-la-môn tịch tĩnh.
Không đứng, không bước tới,
Vượt chấp trước ở đời.*

Vị Thiên áy nói như vậy và bậc Đạo Sư chấp nhận. Vị Thiên áy biết được: "Thέ Tôn đã chấp nhận ta". Vị áy đánh lễ Thέ Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

II. Giải Thoát (Si.2)

... Ở Sàvatthi. Rồi một vị Thiên, khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thέ Tôn. Sau khi đến, vị áy đánh lễ Thέ Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên áy bạch Thέ Tôn:

- Thưa Tôn giả, Ngài có biết giải thoát, thoát ly, viễn ly cho các chúng sanh không?
- Nay Hiền giả, Ta có biết giải thoát, thoát ly, viễn ly cho các chúng sanh.
- Thưa Tôn giả, như thế nào Ngài biết giải thoát, thoát ly, viễn ly cho các chúng sanh?

*Hỷ, tái sanh đoạn tận,
Tưởng, thức được trừ diệt,*

*Các thọ diệt, tịch tịnh,
Như vậy này Hiền giả,
Ta biết sự giải thoát,
Thoát ly và viễn ly,
Cho các loại chúng sanh.*

III. Đưa Đến Đoạn Tân - (Tạp 36.9. Đại 2,262b. Biệt Tạp 8.7, Đại 2,427b). (S.i,2)

... Đứng một bên, vị Thiên ây nói lên bài kệ này trước mặt Thê Tôn:

*Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chọn an lạc.*

(Thê Tôn):

*Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thé lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.*

IV. Thời Gian Trôi Qua (Biệt Tạp 8.8, Đại 2,427b) (S.i,3)

... (Nhân duyên ở (Sàvatthi), đứng một bên, vị Thiên ây nói lên bài kệ này trước mặt Thê Tôn:

*Thời gian (lặng) trôi qua,
Đêm (ngày luôn) di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến (chọn) an lạc.*

(Thê Tôn):

*(Thời gian lặng) trôi qua,
Đêm (ngày luôn) di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,*

*Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế loi,
Tâm hướng cầu tịch tĩnh.*

V. Bao Nhiêu Phải Cắt Đoạn. (S.i,5)

... Đứng một bên, vị Thiên ây nói lên bài kệ này trước mặt Thê Tôn:

*Phải cắt đoạn bao nhiêu,
Phải từ bỏ bao nhiêu,
Tu tập thêm bao nhiêu,
Vượt qua bao trói buộc,
Để được có danh xưng,
Tỳ-kheo vượt bộc lưu?*

(Thê Tôn):

*Phải cắt đoạn đến năm,
Phải từ bỏ đến năm,
Tu tập thêm năm pháp (lực),
Vượt qua năm trói buộc,
Để được có danh xưng,
Tỳ-kheo "vượt bộc lưu".*

VI. Tỉnh Giác (S.i,5)

... Đứng một bên, vị Thiên ây nói lên bài kệ này trước mặt Thê Tôn:

*Có bao pháp mê ngủ,
Khi pháp khác tỉnh giác?
Có bao pháp tỉnh giác,
Khi pháp khác mê ngủ?
Có bao nhiêu việc làm
Đưa ta đến trần cầu?
Có bao nhiêu việc làm
Khiến ta được thanh tịnh?*

(Thê Tôn):

*Có năm pháp mê ngủ,
Khi pháp khác tỉnh giác,
Có năm pháp tỉnh giác,
Khi pháp khác mê ngủ.
Chính có năm việc làm
Đưa ta đến trần cầu,
Chính có năm việc làm
Khiến ta được thanh tịnh.*

VII. Không Liễu Tri (S.i,4)

... Đứng một bên, vị Thiên áy nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Những ai với các pháp,
Không liều tri thấu suốt,
Bị hướng dẫn làm lạc,
Vòng quanh các dị giáo.
Họ mê ngủ triền miên,
Họ không có tinh giác,
Nay thật đã đến thời,
Họ cần phải thức tỉnh.*

(Thé Tôn):

*Những ai với các pháp,
Khéo liều tri sáng suốt,
Không bị dẫn làm lạc,
Vòng quanh các dị giáo,
Họ chứng Chánh đăng giác.
Họ liều tri viên mãn,
Trên đường không thăng bằng,
Họ bước thật thăng bằng.*

VIII. Mê Loạn (Tập 22.5, Đại 2,154b. Biệt Tập 9.5, Đại 2,435c) (S.i,4)

... Đứng một bên, vị Thiên áy nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Những ai đói các pháp,
Quá đắm say mê loạn,
Bị hướng dẫn làm lạc,
Vòng quanh các dị giáo,
Họ mê ngủ triền miên,
Họ không có tinh giác,
Nay thật đã đến thời,
Họ cần phải thức tỉnh.*

(Thé Tôn):

*Những ai đói các pháp,
Không đắm say mê loạn,
Không bị dẫn làm lạc,
Vòng quanh các dị giáo,
Họ chứng Chánh đăng giác.
Họ liều tri viên mãn,
Trên đường không thăng bằng,
Họ bước thật thăng bằng.*

IX. Mong Muốn Kiêu Mạn (Tập 36.4, Đại 2,261a. Biệt Tập 8.2, Đại 2,426a) (S.i,4)

... Đứng một bên, vị Thiên áy nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Đối vị u ra kiêu mạn,
Ở đây không điều phục,
Không trí tuệ sáng suốt,
Không định tĩnh nhiếp tâm,
Độc thân trú rừng núi,
Sóng với tâm phóng dật,
Vị ấy không vượt khỏi,
Sự chi phối ma lực.*

(Thé Tôn):

*Tù bỏ mọi kiêu mạn,
Tâm tư khéo nhiếp định,
Với tâm khéo tư sát,
Giải thoát mọi phiền trước,
Độc thân trú rừng núi (giới),
Với tâm không phóng dật,
Vị ấy vượt thoát khỏi,
Sự chi phối ma lực.*

X. Rừng Núi (Tạp 36.3, Đại 2,260c. Biệt Tạp 8.1, Đại 2,426a) (S.i,5)

... Đứng một bên, vị Thiên áy nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Thường sóng trong rừng núi,
Bậc Thánh sóng Phạm hạnh,
Một ngày ăn một buổi,
Sao sắc họ thù diệu?*

(Thé Tôn):

*Không than việc đã qua,
Không mong việc sắp tới,
Sóng ngay với hiện tại,
Do vậy, sắc thù diệu.*

*Do mong việc sắp tới,
Do than việc đã qua,
Nên kẻ ngu héo mòn,
Như lau xanh rời cành.*

II. Phẩm Vườn Hoan Hỷ

I. Vườn Hoan Hỷ (Tạp 22.1, Đại 2,153c) (S.i,5) (Tăng 31.9. Tứ Lạc, Đại 2,672b) (Biệt Tạp 9.1, Đại 2,435a)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cáp Cô Độc). Tại đây, Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" -- "Thưa vâng, bạch Thé Tôn".

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thé Tôn. Thé Tôn nói như sau:

-- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có vị Thiên thuộc cõi trời Ba mươi ba, với chúng Thiên nữ vây quanh, du hí ở vườn Hoan Hỷ, họ hưởng năm thiên dục công đức. Bây giờ, vị Thiên áy nói lên bài kệ này:

*Chúng không biết đến lạc,
Nếu không thấy Hoan Hỷ,
Chỗ trú cả Trời, Người,
Cõi ba mươi lừng danh.*

Được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, một vị Thiên khác đáp vị Thiên áy với bài kệ:

*Kẻ ngu, sao không biết,
Vị Ưng cũng đã nói:
"Mọi hành là vô thường,
Tự tánh phải sanh diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc."*

II. Vui Thích (Tạp 36.12, Đại 2,263a) (S.i,6) (Biệt Tạp 8,11, Đại 2,428a)

... Đứng một bên, vị Thiên áy nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Cha đói con vui thích ,
Chủ với bò vui thích,
Người sanh y, vui thích ,
Không sanh y, không vui.*

(Thé Tôn):

*Cha đói con sâu muộn ,
Chủ với bò sâu muộn,
Người sanh y, sâu muộn,
Không sanh y, không sâu.*

III. Không Ai Bằng Con (Tạp 36.14, Đại 2,263b) (S.1,6) (Biệt Tạp 12.19, Đại 2,458c)

... Đứng một bên, vị Thiên áy nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Thương ai bằng thương con,
Của nào bằng bò nhà,
Sáng nào bằng mặt trời,
Nước nào hơn biển cả.*

(Thé Tôn):

*Thương ai bằng thương mình,
Của nào bằng lúa gạo,
Sáng nào bằng trí tuệ,
Nước nào hơn mưa rào.*

IV. Giai Cấp Sát Đé Ly (Tập 36.15 Sát-ly, Đại 2,263b) (S.i,6)

*Giữa các hàng hai chân,
Sát-ly là tối thảng,
Giữa các loài bốn chân,
Bò đực là tối thảng,
Trong các hàng thê thiếp,
Quý nữ là tối thảng.
Trong các hàng con trai,
Trưởng nam là tối thảng.*

(Thê Tôn):

*Giữa các loài hai chân,
Chánh giác là tối thảng.
Giữa các loài bốn chân,
Thuần chủng là tối thảng.
Trong các hàng thê thiếp,
Nhu thuận là tối thảng.
Trong các hàng con trai,
Trung thành là tối thảng.*

V. Tiếng Động Rừng Sâu (hay Thân tịch tịnh) (S.i,7) (Tập 50.II, An trú, Đại 2,360b) (Biệt Tập 16.26, Đại 2,490b)

*Nay là thời giữa trưa,
Loài chim nghỉ yên lặng,
Vang động tiếng rừng sâu,
Ta run, ta khiếp sợ.*

(Thê Tôn):

*Nay là thời giữa trưa,
Loài chim nghỉ yên lặng,
Vang động tiếng rừng sâu,
Ta vui, Ta thích thú.*

VI. Ngủ Gục, Biếng Nhác (Tập 22.23, Đại 2,160a) (S.i,7) (Biệt Tập 9.15, Đại 2,437c)

*Ngủ gục, nhác, ngáp dài,
Không vui, ăn quá độ,
Ở đây, đối chúng sanh,
Thánh đạo không hiển lộ.
Ngủ gục, nhác, ngáp dài,
Không vui, ăn quá độ,
Với tinh tấn, đoạn chúng,
Thánh đạo được thanh tịnh.*

VII. Khó Làm (hay Con rùa) (Tập 22.25, Đại 2,169b) (S.i,7) (Biệt Tập 9.14, Đại 2,437b)

*Khó làm, khó kham nhẫn,
Thiếu trí, hành Sa-môn,
Chỗ kẻ ngu thói đọa,
Chỗ ấy đây chướng ngại.
Bao ngày hành Sa-môn
Nếu tâm không chế ngự,
Mỗi bước, phải sa đọa,
Nô lệ cho suy tư,
Như rùa rút chân cẳng,
Trong mai rùa của mình.
Vị Tỳ-kheo cũng vậy,
Thâu nhiếp mọi suy tư,
Không tham dính vật gì,
Không làm hại người nào,
Hoàn toàn thật tịch tĩnh,
Không chỉ trích một ai.*

VIII. Tàm Quý (S.i,7)

*Người được tam chế ngự,
Tim được ai ở đời?
Ai biết ngăn chỉ trich,
Như ngựa hiền bóng roi.
Người được tam chế ngự,
Sông thường thường chánh niệm,
Vị ây đạt kết quả,
Khổ đau được đoạn tận,
Bước những bước thăng bằng,
Trên đường không thăng bằng.*

IX. Am Tranh (S.i.8)

*Ngài không có am tranh,
Ngài không có tổ ám,
Ngài không có dây giăng,
Ngài thoát khỏi hệ phược.*

(Thé Tôn):

*Ta không có am tranh,
Ta không có tổ ám,
Ta không có dây giăng,
Ta thoát khỏi hệ phược.*

(Vị Thiên):

*Con nói am là gì?
Nói tổ ám là gì?
Nói dây giăng là gì?
Nói hệ phược là gì?*

(Thé Tôn):

*Ông nói am là mẹ,
Nói tổ ám là vợ,
Nói dây giăng là con,
Nói hệ phược là ái.*

(Vị Thiên):

*Lành thay, Ngài không am!
Lành thay, không tổ ám!
Lành thay, không dây giăng!
Lành thay, Ngài thoát phược!*

X. Samiddhi (Tập 38.17, Đại 2,281c) (S.i.8) (Biệt Tập I.17) Đại 2,379a)

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Vương Xá tại Tapodàràma (Tịnh xá Suối nước nóng).

2) Tôn giả Samiddhi, khi đêm đã gần tàn, thức dậy và đi đến suối nước nóng để tắm rửa tay chân. Sau khi tắm rửa tay chân, ra khỏi suối nước nóng, Tôn giả đứng, đắp một tấm y để phơi tay chân cho khô.

3) Rồi một vị Thiên, khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng suối nước nóng, đi đến Tôn giả Samiddhi, sau khi đến, đứng giữa hư không, nói lên bài kệ với Tôn giả Samiddhi:

*Không hưởng, Ông khát thực,
Nay khát thực, không hưởng,
Hãy hưởng rồi khát thực,
Chớ uống phí thời gian.*

(Samiddhi):

*Thời Ông, ta không biết.
Thời ta, ẩn không hiện.
Không hưởng, ta khát thực,
Không uống thời gian ta.*

4) Rồi vị Thiên ấy đứng xuống đất và thưa với Tôn giả Samiddhi:

-- Nay Tỷ-kheo, Ông còn trẻ tuổi mà đã xuất gia, niên thiếu, tóc còn đen nhánh trong tuổi thanh xuân. Trong thời trẻ thơ của tuổi đời, Ông không thọ hưởng các ái dục. Nay Tỷ-kheo, hãy thọ hưởng các ái dục của người đời. Chớ có bỏ hiện tại mà chạy theo những gì bị thời gian chi phối.

5) -- Nay Hiền giả, ta không bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối. Và nay Hiền giả, chính ta bỏ những gì bị thời gian chi phối để chạy theo hiện tại. Nay Hiền giả, Thé Tôn đã nói, các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều phiền não (Upayàsà); nguy hiểm ở đây càng nhiều hơn. Còn pháp này thuộc về hiện tại, không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu.

6) -- Và này Tỷ-kheo, như thế nào mà Thέ Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phói, nhiều khổ đau, nhiều phiền não, nguy hiểm ở đây càng nhiều hơn? Như thế nào thuộc về hiện tại là pháp này, không bị thời gian chi phói, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu?

7) -- Nay Hiền giả, tôi là người mới xuất gia, mới đến đây không bao lâu. Tôi không thể giải thích rộng rãi cho Ông pháp và luật này. Nhưng Thέ Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ở Ràjagaha (Vương Xá) tại tịnh xá Tapoda (Suối nước nóng) hãy đi đến Thέ Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thέ Tôn trả lời cho Ông như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

8) -- Nay Tỷ-kheo, không dễ gì cho chúng tôi được đến gặp bậc Thέ Tôn ấy, một bậc được chư Thiên khác, có đại uy lực đoanh vây. Nay Tỷ-Kheo, nếu Ngài đi đến bậc Thέ Tôn ấy và hỏi ý nghĩa này, chúng tôi có thể đến để nghe pháp.

9) -- Thura vâng, Hiền giả.

Tôn giả Samiddhi vâng đáp vị Thiên ấy, đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Samiddhi bạch Thέ Tôn:

10) -- Ở đây, bạch Thέ Tôn, sau khi đêm đã gần tàn, con thức dậy và đi đến suối nước nóng để tắm rửa tay chân. Sau khi tắm rửa tay chân, ra khỏi suối nước nóng, con đứng đắp một tấm y để phơi tay chân cho khô. Bạch Thέ Tôn, rồi một vị Thiên, sau khi đêm vừa mãn, với dung sắc thù thăng, chói sáng toàn vùng nước nóng, đi đến con, sau khi đến, đứng giữa hư không và nói lên bài kệ này:

*"Không hưởng, Ông khát thực,
Nay khát thực, không hưởng,
Hãy hưởng rồi khát thực,
Chớ uống phí thời gian."*

11) Khi nghe nói vậy, bạch Thέ Tôn, con trả lời với vị Thiên ấy bằng bài kệ:

*"Thời Ông, ta không biết,
Thời ta, ân không hiện,
Không hưởng, ta khát thực,
Không uống thời gian ta."*

12) Bạch Thέ Tôn, rồi vị Thiên ấy đứng xuống đất và thura với con:

-- Nay Tỷ-kheo, Ông còn trẻ tuổi mà đã xuất gia, niên thiếu, tóc đen nhánh, trong tuổi thanh xuân. Trong thời trẻ thơ của tuổi đời, Ông không thọ hưởng các dục. Nay Tỷ-kheo, hãy thọ hưởng các dục lạc của người đời. Chớ có bỏ hiện tại để chạy theo những gì bị thời gian chi phói."

13) Khi được nói vậy, bạch Thέ Tôn, con nói với vị Thiên ấy:

-- Nay Hiền giả, ta không bỏ hiện tại để chạy theo những gì bị thời gian chi phói. Và này Hiền giả, chính ta bỏ những gì bị thời gian chi phói để chạy theo hiện tại. Những gì thuộc thời gian, này Hiền giả, là các dục, được nói đến là nhiều khổ đau, nhiều phiền não (upayasa), nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn. Còn pháp này thuộc hiện tại, không bị thời gian chi phói, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu."

14) Khi được nói vậy, bạch Thέ Tôn, vị Thiên ấy nói với con:

-- Và này Tỷ-kheo, như thế nào mà Thέ Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều phiền não, nguy hiểm ở đây càng nhiều hơn? Như thế nào thuộc về hiện tại là pháp này không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu?"

15) Khi được nói vậy, bạch Thέ Tôn, con nói với vị Thiên áy:

-- Này Hiền giả, tôi là người mới xuất gia, mới đến đây không bao lâu. Tôi không thể giải thích rộng rãi cho Ông về pháp và luật này. Nhưng Thέ Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ở Ràjagaha (Vương Xá), tại tịnh xá Tapoda (Suối nước nóng). Hãy đi đến Thέ Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thέ Tôn trả lời cho Ông như thế nào, hãy như vậy thọ trì."

16) Khi được nói vậy, bạch Thέ Tôn, vị Thiên áy nói với con:

-- Này Tỷ-kheo, không dễ gì cho chúng tôi được đến gặp bậc Thέ Tôn áy, một bậc được các chư Thiên khác có đại uy lực đoanh vây. Này Tỷ-kheo, nếu Ngài đi đến bậc Thέ Tôn và hỏi ý nghĩa áy, chúng tôi cũng sẽ đến và nghe pháp."

-- Bạch Thέ Tôn, nếu vị Thiên áy nói sự thật, thời vị áy ở đây, không xa bao nhiêu.

17) Khi được nói vậy, vị Thiên áy nói với Tôn giả Samiddhi như sau:

-- Hãy hỏi đi, Tỷ-kheo! Hãy hỏi đi, Tỷ-kheo! Tôi đã đến rồi.

18) Rồi Thέ Tôn nói lên bài kệ với vị Thiên áy:

*Chúng sanh được hiểu biết,
Những điều được nói lên,
Và chấp trước thái độ,
Trên những điều được nói.
Nếu họ không liều tri
Những điều được nói lên,
Họ đi đến trói buộc.
Do thần chét chi phối,
Nếu họ liều tri được
Những điều được nói lên,
Họ không có tướng tri,
Những điều được nói ra.
Đối với vị như vậy,
Lỗi làm nhất định không.
Nếu các Ông có biết,
Hãy nói lên Dạ-xoa.*

19) -- Bach Thέ Tôn, con không có hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi những điều Thέ Tôn nói lên một cách vắn tắt. Lành thay, nếu Thέ Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu một cách rộng rãi những điều Thέ Tôn nói lên một cách vắn tắt.

(Thέ Tôn):

20)

Bằng, thắng hay thua Ta,
Nghĩ vậy đấu tranh khởi;
Cả ba không dao động,
Bằng, thắng không khởi lên.
Nếu như Ông có biết,
Hãy nói lên, Dạ-xoa.

21) -- Bạch Thé Tôn, con không có hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi những điều Thé Tôn nói lên một cách vắn tắt. Lành thay, nếu Thé Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu một cách rộng rãi những điều Thé Tôn nói lên một cách vắn tắt.

22) (Thé Tôn):

Hãy từ bỏ tính toán,
Không chạy theo hư tưởng,
Từ bỏ mọi tham ái,
Đối danh sắc ở đời,
Vì áy đoạn triền phược,
Không lo âu, không ái.
Chư Thiên và loài Người,
Đời này hay đời sau,
Ở cảnh giới chư Thiên,
Hay tại mọi trú xứ,
Tim cầu nhưng không gặp,
Vết tích của vị áy.
Nếu Ông biết người áy
Hãy nói lên, Dạ-xoa.

23) -- Bạch Thé Tôn, lời nói vắn tắt của Thé Tôn, con hiểu ý nghĩa rộng rãi như sau:

Khắp thế giới chờ làm,
Điều ác thân, miệng, ý,
Từ bỏ mọi ái dục,
Chánh niệm, tâm tịnh giác,
Không khổ hạnh ép xác,
Vô bồ, không lợi ích.

III. Phẩm Kiếm (S.I,13)

... (Nhân duyên ở Sàvatthi). Đứng một bên, vị Thiên áy nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

I. Kiếm:

Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỳ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia bỏ ái dục.

(Thé Tôn):

*Như kiém đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỳ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia bỏ thân kiến.*

II. Xúc Chạm

*Không xúc, không có chạm,
Có xúc, thời có chạm,
Nên hại người không hại,
Tức có xúc, có chạm,
Ai hại người không hại,
Người tịnh, không ô nhiễm,
Kẻ ngu hái quả ác,
Như ngược gió tung bụi.*

III. Triền Phuợc

*Nội triền và ngoại triền,
Chúng sanh bị triền phuợc,
Con hỏi Gotama,
Ai thoát khỏi triền này?*

(Thé Tôn):

*Người trú giới có trí,
Tu tập tâm và tuệ,
Nhiệt tâm và thận trọng,
Tỳ-kheo ấy thoát triền.
Với ai, đã từ bỏ
Tham, sân và vô minh,
Bậc Lậu tận, ứng cúng,
Vị ấy thoát triền phuợc.
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn tận, vô dư,
Đoạn chướng ngại, sắc tướng,
Chỗ ấy triền phuợc đoạn.*

IV. Ché Ngự Tâm (S.i,14)

*Chỗ nào ý ché ngự,
Chỗ ấy đau khổ tận.
Ý ché ngự hoàn toàn,
Thoát đau khổ hoàn toàn.*

(Thé Tôn):

Không nên ché ngự ý,

*Hoàn toàn về mọi mặt,
Chớ có ché ngụ ý,
Nếu tự chủ đạt được.
Chỗ nào ác pháp khởi,
Chỗ ấy ché ngụ ý.*

V. Vị A-La-Hán (Tập 22.6 - 7, La-hán, Đại 2,154b (S.i,14) (Biệt Tập 9.6, Đại 2,435c)

*Vị Tỷ-kheo La-hán,
Đã làm điều phải làm,
Các lậu được đoạn tận,
Thân này, thân tối hậu.
Vị ấy có thể nói:
"Chính tôi vừa nói lên"
Vị ấy có thể nói:
"Họ nói là của tôi".*

(Thê Tôn):

*Vị Tỷ-kheo La-hán,
Đã làm điều phải làm,
Các lậu được đoạn tận,
Thân này, thân tối hậu.
Vị ấy có thể nói:
"Chính tôi vừa nói lên",
Vị ấy có thể nói:
"Họ nói là của tôi".
Vị ấy khéo biết rõ,
Danh xưng ở thế gian,
Vì chỉ là danh xưng,
Vị ấy cũng danh xưng.*

(Vị Thiên):

*Vị Tỷ-kheo La-hán,
Đã làm điều phải làm,
Các lậu được đoạn tận,
Thân này, thân tối hậu.
Có phải Tỷ-kheo ấy,
Đi gần đến kiêu mạn,
Khi vị ấy có nói:
"Chính tôi vừa nói lên".
Khi vị ấy có nói:
"Họ nói là của tôi"?*

(Thê Tôn):

*Ai đoạn tận kiêu mạn,
Không còn những buộc ràng,
Mọi hệ phược kiêu mạn,*

*Dược hoàn toàn đoạn tận.
Vị có trí sáng suốt,
Vượt khỏi mọi hư tưởng,
Vị ấy có thể nói:
"Chính tôi vừa nói lên",
Vị ấy có thể nói:
"Họ nói là của tôi".
Vị ấy khéo biết rõ,
Danh xưng ở thế gian,
Vì chỉ là danh xưng,
Vị ấy cũng danh xưng.*

VI. Ánh Sáng (Tạp, Đại 2,360b) (S.i,15) (Biệt Tạp 15.12, Đại 2,478c)

*Vật gì chiếu sáng đời,
Do chúng, đời chói sáng?
Con đến hỏi Thê Tôn,
Muốn biết lời giải đáp.*

(Thê Tôn):

*Bốn vật chiếu sáng đời,
Thứ năm, đây không có.
Ngày, mặt trời sáng chói,
Đêm, mặt trăng tỏ rạng,
Lửa cháy đỏ đêm ngày,
Chói sáng khắp mọi nơi.
Chánh giác sáng tối thắt,
Sáng này, sáng vô thượng.*

VII. Nước Chảy (S.i,15)

*Chỗ nào nước chảy ngược?
Chỗ nào nước xoáy dừng?
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt, không dư?
Chỗ nào nước và đất,
Lửa, gió không vững trú,
Do vậy nước chảy ngược,
Chỗ ấy nước xoáy dừng,
Chỗ ấy danh và sắc,
Được đoạn diệt, không dư.*

VIII. Giàu Lớn (S.i,15)

*Sát-đé-ly giàu lớn,
Tài sản, quốc độ lớn,
Luôn luôn ganh tị nhau,
Hưởng dục không biết ngán,
Giữa người sống dao động,*

*Trôi theo dòng tái sanh.
Ai bỗ tật và ái,
Không dao động giữa đời.*

(Thê Tôn):

*Vị xuất gia bồ nhã,
Bồ con, gia súc, thân,
Bồ tham và bồ sân,
Và từ bồ vô minh,
Bậc Lậu tận, La-hán,
Không dao động giữa đời.*

IX. Bốn Bánh Xe (S.i,16)

*Bốn bánh xe, chín cửa,
Đày uế, hệ lụy tham,
Chìm đắm trong bùn nhơ,
Ôi, thưa bậc Đại Hùng,
Sanh thú người như vậy,
Tương lai sẽ thế nào?*

(Thê Tôn):

*Cắt hỷ và buộc ràng,
Dục tham và tà ác,
Ái cẩn được đoạn tận,
Sanh thú sẽ như vậy.*

X. Con Sơn Dương (S.i,16)

*Chân như chân sơn dương,
Vừa thon lại vừa mạnh,
Ăn uống có chừng mực,
Không tham lam, say đắm,
Như sư tử, voi rừng,
Độc hành, không dục vọng.
Sau khi đến, con hỏi,
Làm sao thoát khổ đau?*

(Thê Tôn):

*Có năm dục ở đời,
Ý cẩn là thứ sáu,
Ở đây, từ ước muốn,
Như vậy thoát khổ đau.*

IV. Phẩm Quần Tiên

I. Với Người Thiện (S.i 16)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cáp Cô Độc).

2) Rồi rất nhiều quàn tiên Satullapa, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi đứng một bên.

3) Đứng một bên, một vị Thiên nói lên bài kệ này trước mặt Thέ Tôn:

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Được tốt hơn, không xấu.*

4) Rồi một vị Thiên khác lại nói lên bài kệ này trước mặt Thέ Tôn:

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Được tuệ, không gì khác.*

5) Rồi một vị Thiên khác lại nói lên bài kệ này trước mặt Thέ Tôn:

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Không sầu, giữa sầu muộn.*

6) Rồi một vị Thiên khác lại nói lên bài kệ này trước mặt Thέ Tôn:

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Chúng sanh sanh thiện thú.*

8) Rồi một vị Thiên khác lại nói lên bài kệ này trước mặt Thέ Tôn:

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Chúng sanh thường hưởng lạc.*

9) Rồi một vị Thiên khác bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, trong tất cả vị ấy, ai đã nói lên một cách tốt đẹp?

-- Về vấn đề này, tất cả các Ông đều nói lên một cách tốt đẹp. Tuy vậy, hãy nghe lời Ta nói:

Hãy thân với người lành,

*Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Giải thoát mọi khổ đau.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Quần Tiên áy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

II. Xan Tham (Tạp, Đại 2,354c) (Biệt Tạp, Đại 2,473b) (S.i,18)

- 1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.
- 2) Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.
- 3) Đứng một bên, một vị Thiên nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Vì xan tham, phóng dật,
Như vậy không bồ thí,
Ai ước mong công đức,
Có trí nên bồ thí.*

- 4) Rồi một vị Thiên khác nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Điều kẻ xan tham sợ,
Nên không dám bồ thí,
Sợ áy đến với họ,
Chính vì không bồ thí.
Điều kẻ xan tham sợ,
Chính là đói và khát,
Kẻ ngu phải cảm thọ,
Đói này và đói sau.
Vậy hãy ché xan tham,
Bồ thí, nghiệp cầu ué,
Chúng sanh vững an trú,
Công đức trong đói sau.*

- 5) Rồi một vị Thiên khác nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Không chét giữa người chét,
Như thiện hữu trên đường,
San sẻ lương thực hiếm,
Thường pháp là như vậy.
Kẻ ít, vui san sẻ,
Kẻ nhiều khó, đem cho,
Bồ thí từ kẻ khó,
Đong đong ngàn đồng vàng.*

- 6) Rồi một vị Thiên khác nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Khó thay sự đem cho,
Khó thay làm hạnh ấy.*

*Kẻ ác khó tùy thuận,
Khó thay pháp bắc lành.
Do vậy kẻ hiền, ác,
Sanh thú phải sai khác,
Kẻ ác sanh địa ngục,
Người lành lên cõi trời.*

7) Rồi một vị Thiên khác bạch Thé Tôn:

- Bạch Thé Tôn, trong tất cả vị ấy, vị nào đã nói một cách tốt đẹp?
- Về vấn đề này, tất cả các Ông đã nói một cách tốt đẹp. Tuy vậy hãy nghe Ta:

*Sở hành vẫn chọn chánh,
Dầu phải sống vụn vặt,
Dầu phải nuôi vợ con,
Với đồ ăn lượm lặt,
Nhưng vẫn bố thí được,
Từ vật chira ít ỏi,
Từ ngàn người bố thí,
Từ trăm ngàn vật cho,
Trí giá không ngang bằng,
Kẻ bố thí như vậy.*

8) Rồi một vị Thiên khác nói lên bài kệ này với Thé Tôn:

*Vì sao họ bố thí,
Rộng lớn nhiều như vậy,
Trí giá không ngang bằng,
Kẻ nghèo, chọn bố thí?
Sao ngàn người bố thí,
Từ trăm ngàn vật cho,
Trí giá không ngang bằng,
Kẻ bố thí như vậy?*

9) Rồi Thé Tôn nói lên bài kệ này với vị Thiên ấy:

*Có những người bố thí,
Một cách bất bình thường,
Sau khi chém và giết,
Mới làm voi nỗi sầu.
Sự bố thí như vậy,
Đầy nước mắt đánh đập,
Trí giá không ngang bằng,
Kẻ nghèo, chọn bố thí.
Từ ngàn người bố thí,
Từ trăm ngàn vật cho,
Trí giá không ngang bằng,
Kẻ bố thí như vậy.*

III. Lành Thay (S.i,20)

1) Ở Sàvatthi.

2) Rồi rất nhiều quan tiên Satullapa, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thăng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

3) Đứng một bên, một vị Thiên nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

*Lành thay sự bồ thí!
Kính thưa bậc Tôn giả.
Vì xan tham, phóng dật,
Như vậy không bồ thí,
Ai ước mong công đức,
Có trí nên bồ thí.*

4) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm ứng này trước mặt Thế Tôn:

*Lành thay sự bồ thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bồ thí trong thiếu thốn!
Kẻ ít, vui san sẻ,
Kẻ nhiều khó, đem cho,
Bồ thí từ kẻ khó,
Đong đongs được ngàn đồng vàng.*

5) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

*Lành thay sự bồ thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bồ thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bồ thí,
Phát xuất từ lòng tin.
Bồ thí và đánh nhau,
Được nói là bằng nhau,
Một số ít kẻ lành,
Thẳng xa số đông người.
Vì đâu cho có ít,
Nhưng cho với lòng tin,
Do vậy được an lạc,
Vì lợi ích cho người.*

6) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

*Lành thay sự bồ thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bồ thí trong thiếu thốn!*

*Lành thay sự bồ thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bồ thí,
Với tài sản hợp pháp!
Ai là người bồ thí,
Với tàn sản hợp pháp,
Do nỗ lực tinh tấn,
Nhờ vậy thâu hoạch được;
Vị ấy vượt dòng suối,
Thần chết Dạ-ma giới,
Sau khi chết được sanh,
Chỗ trú xứ chư Thiên.*

7) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thệ Tôn:

*Lành thay sự bồ thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bồ thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bồ thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bồ thí,
Với tài sản hợp pháp!
Lành thay sự bồ thí,
Có suy tư sáng suốt!
Bồ thí có suy tư,
Bậc Thiện Thệ tán thán.
Bồ thí cho những vị,
Đáng kính trọng ở đời,
Bồ thí những vị ấy,
Được hưởng quả phước lớn,
Như hạt giống tốt đẹp,
Gieo vào ruộng tốt lành.*

8) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thệ Tôn:

*Lành thay sự bồ thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bồ thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bồ thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bồ thí,
Với tài sản hợp pháp!
Lành thay sự bồ thí,
Có suy tư sáng suốt!
Lành thay sự tự chế,
Đối với các chúng sanh!
Giữa chúng sanh hữu tình,
Ai sống không làm hại,
Sợ người khác chỉ trích,*

*Không làm ác, bất thiện,
Họ khen kẻ nhút nhát,
Nhưng chỉ trích người hùng,
Chính sợ bị chỉ trích,
Người lành không làm ác.*

9) Rồi một vị Thiên khác bạch Thê Tôn:

- Bạch Thê Tôn, giữa chúng con, lời nói ai được tốt lành?
- Về vấn đề này, tất cả các Ông đều nói lên một cách tốt đẹp. Tuy vậy hãy nghe lời của Ta:

*Bố thí với lòng tin,
Được tán thán nhiều mặt,
Có pháp hơn bố thí,
Pháp ấy là Pháp cú.
Từ xưa, từ xa xưa,
Người lành, người chọn thiện,
Với trí tuệ sáng suốt,
Đạt đến cảnh Niết-bàn.*

IV. Chúng Không Phải (S.i,22)

- 1) Một thời Thê Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).
- 2) Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thê Tôn, sau khi đến, đánh lén Thê Tôn rồi đứng một bên.
- 3) Đứng một bên, một vị Thiên nói lên bài kệ này trước mặt Thê Tôn:

*Giữa loài Người chúng ta,
Có các dục vô thường.
Ai hưởng chúng ở đời,
Bị chúng trói, chúng buộc.
Phóng dật đối với chúng,
Khó thoát ly với chúng,
Người nào khó thoát ly,
Bị thần chết chinh phục.
Họa từ dục vọng sanh,
Khổ từ dục vọng khởi,
Dục vọng được nghiệp phục,
Nhờ vậy họa nghiệp phục,
Tai họa được nghiệp phục,
Nhờ vậy khổ nghiệp phục.
Vật sai biệt ở đời,
Chúng không phải các dục,
Chính tư niệm tham ái,
Là dục vọng con người.
Vật sai biệt tồn tại,*

*Như vậy ở trên đời,
Do vậy bậc Hiền trí,
Điều phục các dục vọng.
Hãy từ bỏ phẫn nộ,
Hãy nghiệp phục kiêu mạn,
Hãy vượt qua tất cả,
Mọi kiết sử trói buộc.
Chớ có quá chấp trước,
Đối với danh sắc ấy,
Khổ không thể đến được,
Với ai không có gì.
Hãy từ bỏ tính toán,
Không chạy theo hư tưởng,
Cắt đứt mọi tham ái,
Với danh sắc ở đời.
Vị ấy đoạn phiền trước,
Không lo âu, không ái;
Chư Thiên và loài Người,
Đời này hay đời sau,
Ở cảnh giới chư Thiên,
Hay tại mọi trú xứ,
Tìm cầu nhưng không gặp,
Vết tích của vị ấy,
Họ tìm nhưng không thấy,
Vị giải thoát như vậy.*

(Tôn giả Mogharàjà nói như vậy)

*Chư Thiên và loài Người,
Đời này hay đời sau,
Bậc tối thượng loài Người,
Lo hạnh phúc chúng sanh,
Họ đánh lẽ vị ấy,
Nên tán thán họ không?*

(Bậc Thệ Tôn lên tiếng)

*Này Mogharàjà
Họ cũng nên tán thán,
Bậc giải thoát như vậy.
Này Tỷ-kheo khát sĩ,
Nếu họ biết Chánh pháp,
Đoan trù được nghi hoặc,
Họ trở thành giải thoát.*

V. Hiềm Trách Thiên (S.i,23)

- 1) Một thời Thệ Tôn ở Sàvatthi (Xá-vê), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Rồi rất nhiều quần tiên Ujjhānasannà (Hiềm trách thiên), sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, các vị ấy đứng giữa hư không.

3) Rồi một vị Thiên đứng giữa hư không, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Những ai nói mình khác
Với điều họ thực có,
Thời mọi vật thọ dụng,
Xem như do trộm cắp,
Chẳng khác kẻ gian mạnh,
Dùng lừa đảo trộm cắp.
Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Không làm nói có làm,
Kẻ trí biết rõ họ.*

(Thế Tôn):

*Những ai chỉ biết nói,
Hay chỉ biết nghe thôi,
Những hạng người như vậy,
Không thể nào tiến bộ.
Khó nhọc thay con đường,
Giúp kẻ trí giải thoát.
Nhờ Thiền định thiêu cháy,
Mọi trói buộc quằn ma,
Kẻ trí không làm vậy,
Sau khi biết thế tình,
Với trí, chứng Niết-bàn,
Vượt chấp trước ỏ đời.*

4) Rồi các quần tiên ấy đứng xuống đất, cúi đầu đánh lě chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

-- Đây là tội lỗi của chúng con, bạch Thế Tôn. Chúng con đi đến tội lỗi, vì ngu xuẩn, vì mê mờ, vì bất thiện. Chúng con nghĩ chúng con có thể công kích Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho chúng con, lỗi lầm là lỗi lầm để gìn giữ trong tương lai.

5) Rồi Thế Tôn mỉm cười.

6) Các quần tiên ấy càng tức tối thêm và bay lên hư không.

7) Một vị Thiên nói bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Ai không chịu chấp nhận,
Tội lỗi được phát lộ,
Nội phản, ưa sân hận,
Hận thù càng kiên chặt.
Nếu không có tội lỗi,
Ở đây không lầm lạc,
Hận thù không thể tiêu.*

*Do gì xem là thiện?
Với ai không tội lỗi?
Với ai không làm lạc?
Ai không bị si mê?
Ai kẻ trí thường niệm?*

(Thέ Tôn):

*Như Lai, bậc Giác Ngộ,
Thương xót mọi hữu tình,
Nơi Ngài không tội lỗi,
Nơi Ngài không làm lạc.
Ngài không bị si mê,
Ngài chánh trí thường niệm.
Ai không chịu chấp nhận,
Tội lỗi được phát lộ,
Nội phần, ưa sân hận,
Hận thù càng kiên chặt.
Ta không thích hận thù,
Ta nhận tội các Ông.*

VI. Lòng Tin (S.i,25), (Tập, Đại 2,354b) - (Biệt Tập, Đại 2,473a)

- 1) Một thời, Thέ Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm) tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).
- 2) Rồi rất nhiều quண tiên SatullapaKàyikà, khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi đứng một bên.
- 3) Đứng một bên, một vị Thiên nói lên bài kệ này trước mặt Thέ Tôn:

*Tín là người thứ hai,
Là bạn của loài Người,
Nếu không trú bất tín,
Được danh dự, xưng tán,
Sau khi bỏ thân này,
Được sanh lên Thiên giới.
Hãy từ bỏ phẫn nộ,
Hãy nghiệp phục kiêu mạn,
Hãy vượt qua tất cả
Mọi kiết sử trói buộc.
Chớ có quá chấp trước,
Đối với danh sắc ấy.
Tham không thể đến được,
Với ai không có gì.
Kẻ ngu không trí tuệ,
Mới đam mê, phóng dật,
Kẻ trí không phóng dật,
Như giữ tài vật quý.
Chớ đam mê, phóng dật,*

*Chớ đắm say ái dục,
Thiền tư, không phóng dật,
Đạt được tối thăng lạc.*

VII. Tụ Hội (S.i,26) - (Tạp, Đại 2.323a) (Biệt Tạp, Đại 2.411a) (S.i,26) (D. 20 Mahàsamaya, Trườòng, Đại 1,79b - 81b)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở giữa dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở rừng Đại Lâm, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng 500 vị, tất cả là bậc A-la-hán. Và chư Thiên ở mươi phương thế giới phần lớn cũng thường tập hội để chiêm ngưỡng Thé Tôn và chúng Tỷ-kheo.

2) Rồi bốn vị Tịnh cư thiên (Suddàvàsà) suy nghĩ như sau: "Thé Tôn nay ở giữa dân chúng Sakka, thành Kapilavatthu, rừng Đại Lâm, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng 500 vị, tất cả đều là bậc A-la-hán. Và chư Thiên ở mươi phương thế giới, phần lớn cũng thường tập hội để chiêm ngưỡng Thé Tôn và chúng Tỷ-kheo. Vậy chúng ta hãy đi đến Thé Tôn; sau khi đến, mỗi chúng ta đọc một bài kệ dâng lên Thé Tôn."

3) Rồi chư Thiên ấy nhanh như nhà lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co cánh tay đã duỗi ra, biến mất từ Tịnh cư thiên và hiện ra trước mặt Thé Tôn.

4) Chư Thiên ấy đánh lẽ Thé Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một vị Thiên đọc bài kệ trước Thé Tôn:

*Đại hội tại Đại Lâm,
Chư Thiên đồng tụ tập,
Chúng con đến Pháp hội,
Đánh lẽ chúng Bất thắng.*

5) Rồi các vị Thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thé Tôn:

*Tại đây chúng Tỷ-kheo,
Thiên định, tâm chánh trực,
Như chủ xe nấm cương,
Bậc hiền hộ các căn.*

6) Lại một vị Thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thé Tôn:

*Như khóa gãy, chốt tháo,
Trụ bị đào, tham đoạn,
Sóng thanh tịnh, vô cầu,
Có mắt, voi khéo điều.*

7) Lại một vị Thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước mặt Thé Tôn:

*Những ai quy y Phật,
Sẽ không đe ác thú,
Sau khi bỏ thân Người,
Sẽ sanh làm chư Thiên.*

VIII. Miếng Đá Vụn - (Tạp, Đại 2,355a) - (Biệt Tạp, Đại 2,473c) - (S.i,27)

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thê Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá), tại vườn Nai (Maddakucchi)

2) Lúc bấy giờ, chân Thê Tôn bị miếng đá bể đâm phải. Cảm thọ Thê Tôn mãnh liệt. Thân cảm thọ khổ đau, nhói đau, nhức nhối, khốc liệt, không khoái tâm, không thích thú. Nhưng Thê Tôn chánh niệm tinh giác, nhẫn chịu, không phiền não.

3) Rồi Thê Tôn cho trải áo Sanghàti (Tăng-già-lê) xếp tư lại, nằm xuống phía hông bên phải như dáng điệu con sư tử, chân đặt trên chân, chánh niệm tinh giác.

4) Rồi bảy trăm quần tiên Satullapakàyikà, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thăng chói sáng toàn vùng Maddakucchi, đi đến Thê Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thê Tôn rồi đứng một bên.

5) Đứng một bên, một vị Thiên đọc lên lời cảm hứng này trước mặt Thê Tôn:

-- Sa-môn Gotama thật là bậc Long tượng. Và với tư cách Long tượng, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, đau khổ, nhói đau, nhức nhối, khốc liệt, không khoái tâm, không thích thú, Ngài chánh niệm tinh giác, nhẫn chịu, không phiền não.

6) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thê Tôn:

-- Sa-môn Gotama thật là bậc Sư tử. Và với tư cách Sư tử, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

7) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thê Tôn:

-- Sa-môn Gotama thật là Lương tuấn mã. Và với tư cách Lương tuấn mã, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

8) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thê Tôn:

-- Sa-môn Gotama thật là bậc Ngưu vương. Và với tư cách Ngưu vương, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

9) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thê Tôn:

-- Sa-môn Gotama thật là bậc Nhẫn nại Kiên cường. Và với tư cách bậc Nhẫn nại Kiên cường, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

10) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thê Tôn:

-- Sa-môn Gotama thật là một bậc Khéo điều phục. Và với tư cách là một bậc Khéo điều phục, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

11) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thê Tôn:

-- Hãy xem tâm của Ngài khéo được tu tập Thiền định và giải thoát, không có nổi lên, không có chìm

xuống, mọi hành động được tác thành, không có ai kích thích. Ai có thể nghĩ mình đi ngược lại một Long tượng như vậy, một bậc Sư tử như vậy, một bậc Lương tuấn mã như vậy, một bậc Ngưu vương như vậy, một bậc Nhẫn nại Kiên cường như vậy, một bậc Nhiếp phục như vậy, trừ phi là một người mù.

*Các vị Bà-la-môn,
Tinh thông năm Vệ-dà,
Đầu tu tập khổ hạnh,
Cho đến hàng trăm năm,
Tâm họ không có thể,
Chọn chánh được giải thoát.
Tự tánh quá hạ liệt,
Không đến bờ bên kia,
Bị khát ái chi phối,
Bị giới cám trói buộc,
Đầu tu tập khổ hạnh,
Cho đến hàng trăm năm,
Tâm họ không có thể,
Chọn chánh được giải thoát.
Tự tánh quá hạ liệt,
Không đến bờ bên kia.
Ở đời không nghiệp phục,
Kiêu mạn cùng các dục,
Tâm không được an tĩnh,
Không tu tập Thiên định.
Ở trong rừng cô độc,
Nhưng tâm tư phóng dật,
Vì ấy khó vượt khỏi,
Sự chinh phục từ thân.
Nhiếp phục được kiêu mạn,
Khéo tu tập Thiên định,
Tâm tư khéo an tĩnh,
Giải thoát được viên mãn,
Ở trong rừng cô độc,
Tâm tư không phóng dật,
Vì ấy khéo vượt khỏi,
Sự chinh phục từ thân.*

IX. Con Gái Của Pajjunna (Tập, Đại 2,350a) (Biệt Tập, 14.4, Đại 2,469a) (S.i,29)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Vesàli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

2) Rồi Kokanadà, con gái của Pajjunna, sau khi đêm vừa mãn, với dung sắc thù thảng chiêu sáng toàn vùng Đại Lâm, đi đến Thé Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi đứng một bên.

3) Đứng một bên, Thiên nữ Kokanadà, con gái của Pajjunna, nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Thượng thủ các chúng sanh,*

*Nay an trú Đại Lâm,
 Tại thành Vesàli,
 Hãy để con đánh lễ,
 Con gái Pajjunna,
 Tên Kokanadà.
 Từ trước con chỉ nghe,
 Bậc chứng ngộ Chánh Giác.
 Bậc vô thượng Pháp Nhẫn,
 Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.
 Ngày nay con có thể,
 Biết được Chánh pháp áy,
 Do Thiện Thệ thuyết giảng,
 Bậc Mâu-ni Chánh Giác.
 Những ai kém trí tuệ,
 Khinh báu chống Thánh pháp,
 Sẽ rơi vào địa ngục,
 Mệnh danh Roruva,
 Trải thời gian lâu dài,
 Thọ lãnh nhiều thống khổ.
 Những ai đói Thánh pháp,
 Kham nhẫn, tâm tịch tĩnh,
 Từ bỏ thân làm người,
 Viên mãn thân chư Thiên.*

X. Con Gái Của Pajjunna (Tập, Đại 2, 349c) (Biệt Tập 14.3, Đại 2, 469a) (S.i,30)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Vesàli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

2) Rồi Cùla - Kokanadà, con gái của Pajjunna, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Đại Lâm đi đến Thé Tôn; sau khi đi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Cùla-Kokanadà, con gái của Pajjunna, nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Con gái Pajjunna,
 Tên Kokanadà.
 Nhan sắc như điện quang,
 Nàng đã đến tại đây,
 Đánh lễ Phật và Pháp,
 Nói kệ lợi ích này,
 Đầu với nhiều pháp môn,
 Con phân tích pháp này.
 Nhưng lược nghĩa con nói,
 Theo ý con hiểu biết,
 Ở đời, chớ làm ác,
 Cả ba: thân, khẩu, ý,
 Từ bỏ mọi thứ dục,
 Chánh niệm, tâm tĩnh giác,
 Không khổ hạnh ép xác,
 Vô bồ, không lợi ích.*

V. Phẩm Thiêu Cháy

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thê Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi một vị Thiên, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thê Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thê Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thê Tôn:

I. Thiêu Cháy (Biệt Tạp 5.4, Đại 2,403) (S.i,31)

*Trong ngôi nhà thiêu cháy,
Vật dụng đem ra ngoài,
Vật ấy có lợi ích,
Không phải vật bị thiêu.
Cũng vậy trong đời này,
Bị già chét thiêu cháy,
Hãy đem ra, bằng thí,
Vật thí, khéo đem ra.
Có thí, có lạc quả,
Không thí, không như vậy.
Kẻ trộm, vua cướp đoạt,
Lừa thiêu đốt hủy hoại,
Khi giờ cuối cùng đến,
Bỏ thân, bỏ sở hữu.
Kẻ trí, hiểu biết vậy,
Thọ dụng và bỏ thí,
Thí xong, thọ dụng xong,
Theo lực hành động ấy,
Không bị ai chỉ trích,
Vì ấy được sanh Thiên.*

II. Cho Gì? (Tập 36.6 Vân hà đại đắc, Đại 2,261b) (Biệt Tạp 8.4, Đại 2,526b) (S.i,32)

*Cho gì là cho lực?
Cho gì là cho sắc?
Cho gì là cho lạc?
Cho gì là cho mắt?
Cho gì cho tất cả?
Xin đáp điều con hỏi?*

(Thê Tôn):

*Cho ăn là cho lực,
Cho mặc là cho sắc,
Cho xe là cho lạc,
Cho đèn là cho mắt.
Ai cho chõ trú xứ,*

*Vị ấy cho tất cả,
Ai giảng dạy Chánh pháp,
Vị ấy cho bất tử.*

III. Đò Ăn (S.i,32)

*Trời, Người, cả hai loài,
Đều ưa thích ăn uống,
Vị Dạ-xoa tên gì,
Lại không thích ăn uống?*

(Thê Tôn):

*Ai cho với lòng tin,
Với tâm tư thanh tịnh,
Được phần món ăn ấy,
Đời này và đời sau.
Vậy hãy ngừa xan tham,
Bồ thí, nghiệp cầu ué,
Hữu tình vũng an trú,
Công đức trong đời sau.*

IV. Một Căn Rẽ (S.i,32)

*Một rẽ, hai phương diện,
Ba ué, năm môi trường,
Biển lớn, mười hai họa,
Vực xoáy bắc Thánh siêu.*

V. Bậc Hoàn Toàn (S.i,33)

*Bậc viên mãn toàn diện,
Thấy được nghĩa bí huyền,
Ban phát chân trí tuệ,
Thoát ly khỏi dục tạng,
Thấy được bậc toàn trí,
Bậc Thiện tuệ trí giác.
Vị Đại Thánh dần bước,
Trên con đường Thánh đạo.*

VI. Thiên Nữ (S.i,33)

*Thiên nữ đoàn tu hội,
Nga quỷ chúng tối lui,
Rùng ây danh rùng si,
Làm sao có lối thoát?*

(Thê Tôn):

Đường ấy tên chon trực,

*Phuơng áy danh vô úy,
Cỗ xe gọi vô thanh,
Với pháp luân khéo ráp,
Tâm là dàn xe dựa,
Niệm là trướng màn xe,
Ta nói vị đánh xe,
Túc là chơn diệu pháp,
Và chính chánh tri kién,
Mau chóng đi tiền phong.
Không kẻ nam hay nữ,
Đều dùng cỗ xe áy.
Chính nhở cỗ xe áy,
Hướng tiền đến Niết-bàn.*

VII. Trồng Rừng (S.i,33)

*Những ai ngày lẩn đêm,
Công đức luôn tăng trưởng,
Trú pháp, cụ túc giới,
Kẻ nào sanh thiên giới?
Ai trồng vườn, trồng rừng,
Ai dựng xây cầu công,
Đào giếng, cho nước uống,
Những ai cho nhà cửa,
Những vị áy ngày đêm,
Công đức luôn tăng trưởng,
Trú pháp, cụ túc giới,
Những vị áy sanh Thiên.*

VIII. Kỳ Viên (S.i,33)

*Đây là rìng Kỳ Viên.
Chỗ trú xíu Thánh chúng,
Chỗ ở đắng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.
Nghịệp minh và tâm pháp,
Giới và tối thăng mang,
Chính những diệu pháp áy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ,
Không phải vì tài sản.
Do vậy bậc Hiền trí,
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.
Như ngài Xá-lợi-phát,
Tuệ giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.*

IX. Xan Tham (S.i,34)

*Ở đời kẻ xan tham,
Keo kiết hay khuốc từ,
Tạo nên những churóng ngại,
Ngăn kẻ khác bồ thí,
Đời này và đời sau,
Quả báo họ là gì?
Chúng con đến tại đây,
Chính muốn hỏi Thé Tôn,
Chúng con muốn được biết,
Thé Tôn đáp thế nào?*

(Thé Tôn):

*Ở đời kẻ xan tham,
Keo kiết hay khuốc từ,
Tạo nên những churóng ngại,
Ngăn kẻ khác bồ thí,
Bị tái sanh địa ngục,
Bàng sanh, Dạ-ma giới.
Nếu được sanh làm người,
Sanh gia đình nghèo khó,
Y, thực, dục, hỷ lạc,
Họ được rất khó khăn.
Điều kẻ ngu ước vọng,
Họ không thâu hoạch được,
Quả hiện tại là vậy,
Đời sau sanh ác thú.*

(Vị Thiên):

*Nhờ những điều Ngài nói,
Chúng con được hiểu vậy,
Tôn giả Gotama,
Con xin hỏi câu khác.
Ở đây được thân người,
Từ tốn không xan tham,
Tin Phật và Chánh pháp,
Cùng tôn trọng chúng Tăng,
Đời này và đời sau,
Quả báo họ là gì?
Chúng con đến tại đây,
Chính muốn hỏi Thé Tôn,
Chúng con muốn được biết,
Thé Tôn đáp thế nào?*

(Thé Tôn):

*Ở đây được thân người,
Từ tốn không xan tham,
Tin Phật và Chánh pháp,
Cùng tôn trọng chúng Tăng,*

*Họ chói sáng chư Thiên,
Tại đây họ tái sanh.
Nếu họ sanh làm người,
Họ sanh nhà phú gia,
Y, thực, dục, hỷ lạc,
Họ được không khó khăn,
Như các Tự tại thiên,
Hân hoan được thọ hưởng,
Giữa vật dụng tài sản,
Được người khác quy tụ,
Quả hiện tại là vậy,
Đời sau sanh Thiên giới.*

X. Thợ Đồ Gốm (S.i,35) (Tạp 22.10 Vô phiền thiêん, Đại 2,159b) (Biệt Tạp, 9.29, Đại 2,442b)

*Được sanh Vô phiền thiêん,
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Vượt qua đời triền phược.
Vượt bùn, họ là ai,
Khéo vượt lệnh thần chét,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư Thiên?
Họ là Upaka,
Với Pukkusati,
Hợp thành là ba vị,
Và Phalaganda,
Lại thêm Bhaddiya,
Với Khandadeva,
Và Bâhuraggi,
Cùng với Pingiya,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư Thiên.*

(Thê Tôn):

*Người nói điều tốt lành,
Về bảy Tỷ-kheo ấy,
Họ thoát ly, đoạn trừ,
Các cạm bẫy Ma vương,
Pháp họ biệt, của ai,
Đoạn diệt hữu kiết sử?*

(Ghatikàra):

*Không ai ngoài Thê Tôn,
Chính thật giáo lý Ngài,
Họ biết pháp của Ngài,
Đoạn được hữu kiết sử.
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt, không dur,*

*Họ học được pháp áy,
Ở đây từ noi Ngài.
Nhờ vậy họ đoạn trừ,
Hữu kiết sứ trói buộc.*

(Thé Tôn):

*Lời nói người thâm sâu,
Khó biết, khó chứng ngộ,
Pháp Ông biết của ai,
Sao Ông không nói được?*

(Ghatikara):

*Thuở xưa, con thợ gốm,
Tại Vehalinga,
Và con được tên gọi,
Là Ghatikara.
Chính con lo nuôi dưỡng,
Cả mẹ lẫn cả cha,
Đối với Phật Ca-diếp,
Con đệ tử tại gia.
Con viễn ly dâm dục,
Phạm hạnh, không thể vật,
Thuở xưa con đồng hương,
Cũng là bạn của họ,
Do vậy con biết họ,
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Vượt qua đời triền phược.*

(Thé Tôn):

*Vậy này Bhaggava,
Chính như Ông vừa nói,
Thuở xưa, Ông thợ gốm,
Tại Vehalinga,
Và Ông được tên gọi,
Là Ghatikara.
Chính Ông lo nuôi dưỡng,
Cả mẹ lẫn cả cha,
Đối với Phật Ca-diếp,
Ông đệ tử tại gia.
Ông viễn ly dâm dục,
Phạm hạnh, không thể vật.
Thuở xưa Ông đồng hương,
Cũng là bạn của Ta,
Như vậy là hội ngộ,
Giữa những bạn thời xưa,
Cả hai khéo tu tập,
Mang thân này tối hậu.*

VI. Phẩm Già

I. Già (S.i,36)

-- Vật gì tốt đến già?
 Vật gì tốt kiên trú?
 Vật gì vật báu người?
 Vật gì cướp khó đoạt?
 -- Giới là tốt đến già,
 Tín là tốt kiên trú,
 Tuệ, vật báu loài Người,
 Công đức, cướp khó đoạt.

II. Không Già

-- Vật gì tốt không già?
 Vật gì tốt trường cửu?
 Vật gì vật báu người?
 Vật gì cướp không đoạt?
 -- Giới là tốt không già,
 Tín là tốt trường cửu,
 Tuệ, vật báu loài Người,
 Công đức, cướp không đoạt.

III. Bạn

-- Ai bạn kẻ đi đường?
 Ai bạn người ở nhà?
 Ai bạn khi cần thiết?
 Ai bạn cho đời sau?
 Bạn đường, bạn đi đường,
 -- Bạn ở nhà là mẹ,
 Bạn bè khi cần thiết,
 Mới là bạn thường xuyên,
 Công đức tự mình làm,
 Là bạn cho đời sau.

IV. Cơ Sở

-- Vật gì, cơ sở người?
 Vật gì, bạn tối thương (ở đời)?
 Hữu tình gì trì mạng?
 Y cứ vào địa đai?
 -- Con là cơ sở người,
 Vợ là bạn tối thương,
 Thần mưa là trì mạng,
 Y cứ vào địa đai.

V. Sanh Nhân

-- Cái gì sanh thành người?
 Cái gì luôn dong ruỗi?
 Cái gì chịu luân hồi?
 Cái gì người sợ hãi?
 -- Ái dục sanh thành người,
 Chính tâm luôn dong ruỗi,
 Chúng sanh chịu luân hồi,
 Đau khổ, người sợ hãi.

VI. Sanh Nhân

-- Cái gì sanh thành người?
 Cái gì luôn dong ruỗi?
 Cái gì chịu luân hồi?
 Vì đâu, không giải thoát?
 -- Ái dục sanh thành người,
 Chính tâm luôn rong ruỗi,
 Chúng sanh chịu luân hồi,
 Vì khổ, không giải thoát.

VII. Sanh Nhân

-- Cái gì sanh thành người?
 Cái gì luôn dong ruỗi?
 Cái gì chịu luân hồi?
 Cái gì người nương tựa?
 -- Ái dục sanh thành người,
 Chính tâm luôn dong ruỗi,
 Chúng sanh chịu luân hồi,
 Chính nghiệp, người nương tựa.

VIII. Phi Đạo

-- Cái gì gọi phi đạo?
 Cái gì diệt ngày đêm?
 Cái gì uế Phạm hạnh?
 Cái gì tắm không nước?
 -- Tham dục gọi phi đạo,
 Tuổi tác diệt ngày đêm,
 Nữ nhân uế Phạm hạnh,
 Khiến loài Người hé lụy,
 Khổ hạnh và Phạm hạnh,
 Là tắm không cẩn nước.

IX. Người Bạn

-- Cái gì làm người bạn?
 Cái gì giáo hóa người?

*Cái gì người ái lạc?
 Giải thoát mọi khổ đau?
 -- Tin thành làm bạn người,
 Trí tuệ giáo hóa người,
 Người ái lạc Niết-bàn,
 Giải thoát mọi khổ đau.*

X. Người Thi Sĩ

*-- Vật gì nhân kệ tụng?
 Vật gì làm tự cú?
 Vật gì kệ y cí?
 Vật gì kệ an trú?
 -- Âm vận nhân kệ tụng,
 Văn tự làm tự cú,
 Kệ ý cú đè danh,
 Kệ an trú thi nhân.*

VII. Phẩm Thắng (S.i,39)

I. Danh (S.i,39)

*-- Vật gì thắng tất cả?
 Vật gì không số hơn?
 Và có một pháp nào,
 Mọi vật đều tùy thuộc?
 -- Danh vượt thắng tất cả,
 Danh không số nào hơn,
 Chính danh là một pháp,
 Mọi vật đều tùy thuộc.*

II. Tâm (S.i,39)

*-- Vật gì dắt dẫn đời?
 Vật gì tự não hại?
 Và có một pháp nào,
 Mọi vật đều tùy thuộc?
 -- Chính tâm dắt dẫn đời,
 Chính tâm tự não hại,
 Chính tâm là một pháp,
 Mọi vật đều tùy thuộc.*

III. Khát Ái (S.i,39)

*-- Vật gì dẫn dắt đời?
 Vật gì tự não hại?
 Và có một pháp nào,
 Mọi vật đều tùy thuộc?
 -- Chính ái là một đời,
 Chính ái tự não hại,*

*Chính ái là một pháp,
Mọi vật đều tùy thuộc.*

IV. Kiết Sứ (S.i,39)

-- Vật gì trói buộc đời?
Vật gì dẫn hành đời?
Do đoạn trừ pháp gì,
Mới được gọi Niết-bàn?
-- Chính hỷ trói buộc đời,
Tâm cầu dẫn hành đời,
Do đoạn trừ khát ái,
Mới được gọi Niết-bàn.

V. Triền Phược (S.i,39)

-- Vật gì triền phược đời?
Vật gì dẫn hành đời?
Do đoạn trừ pháp gì,
Mọi triền phược đoạn diệt?
-- Chính hỷ triền phược đời,
Tâm cầu dẫn hành đời,
Do đoạn trừ khát ái,
Mọi triền phược đoạn diệt.

VI. Bị Áp Đảo (S.i,40)

-- Vật gì áp đảo đời?
Vật gì bao phủ đời?
Tên gì bắn trúng đời?
Bởi gì thường huân tập?
-- Sự chét áp đảo đời,
Già nua bao phủ đời,
Tên ái bắn trúng đời,
Bởi dục, thường huân tập.

VII. Bị Treo Cột (S.i,40)

-- Vật gì treo cột đời?
Vật gì bao phủ đời?
Vật gì đóng kín đời?
Trên gì đời an trú?
-- Khát ái treo cột đời,
Già nua bao phủ đời,
Sự chét đóng kín đời,
Trên khổ, đời an trú.

VIII. Bị Đóng Kín (S.i,40)

-- Vật gì đóng kín đời?

*Trên gì đòn an trú?
Vật gì treo cột đòn?
Vật gì bao phủ đòn?
-- Sự chết đóng kín đòn,
Trên khổ, đòn an trú,
Khát ái treo cột đòn,
Già nua bao phủ đòn.*

IX. Ước Muôn (S.i,40)

*-- Vật gì trói buộc đòn?
Điều phục gì được thoát?
Vật gì được đoạn trừ,
Khiến mọi phược đoạn tận?
-- Ước muốn trói buộc đòn,
Điều phục dục được thoát,
Ước muốn được đoạn trừ,
Mọi triền phược đoạn tận.*

X. Đòn (Thế gian) (S.i,41)

*-- Trên gì thế gian sanh?
Trên gì được giao tiếp?
Thế gian chấp trước gì?
Trên gì đòn khổ não?
-- Trên sáu, thế gian sanh,
Trên sáu, được giao tiếp,
Thế gian chấp trước sáu,
Trên sáu, đòn khổ não.*

VIII. Phẩm Đoạn (S.i,41)

... Đứng một bên, vị Thiên nhân ấy nói lên bài kệ với Thế Tôn:

I. Đoạn Sát (S.i,41)

*Sát vật gì được lạc?
Sát vật gì không sầu?
Có một pháp loại gì,
Ngài tán đồng sát hại,
Tôn giả Gotama?*

(Thế Tôn):

*Sát phẫn nộ được lạc,
Sát phẫn nộ không sầu,
Phẫn nộ với độc cắn,
Với vị ngọt tối thượng,*

*Pháp áy, bậc Thánh Hiền,
Tán đồng sự sát hại.
Sát pháp áy không sâu,
Này (Hiền giả) Thiên nhân.*

II. Cỗ Xe (S.i,41)

-- *Cỗ xe hiện tướng gì?
Ngọn lửa hiện tướng gì?
Vương quốc hiện tướng gì?
Phụ nữ hiện tướng gì?
-- Cờ hiện tướng cỗ xe,
Khói hiện tướng ngọn lửa,
Vua hiện tướng vương quốc,
Chồng hiện tướng nữ nhân.*

III. Tài Sản (S.i,42)

-- *Tài sản gì ở đời,
Đối người là tối thượng?
Sự gì khéo tu trì,
Đưa đến chọn an lạc?
Vật gì ngọt tối thượng,
Trong tất cả vị ngọt?
Sóng cuộc sống thế nào,
Được gọi sóng tối thượng?
-- Lòng tin ở đời này,
Là tài sản tối thượng.
Chánh pháp khéo tu trì,
Đưa đến chọn an lạc.
Sự thật ngọt tối thượng,
Trong tất cả vị ngọt.
Sóng cuộc sống trí tuệ,
Được gọi sóng tối thượng.*

IV. Mưa (S.i,42)

*Vật gì được mọc lên,
Là mọc lên tối thượng?
Vật gì được rơi xuống,
Là rơi xuống tối thượng?
Vật gì thường bộ hành?
Vật gì thuyết tối thượng?*

(Một Thiên nhân):

*Hột giống được mọc lên,
Là mọc lên tối thượng.
Cơn mưa được rơi xuống,
Là rơi xuống tối thượng.*

*Con bò thường bộ hành,
Con trai thuyết tối thương.*

(Thέ Tôn):

*Huệ minh được mọc lên,
Là mọc lên tối thương.
Vô minh được roi xuống,
Là roi xuống tối thương.
Tăng-già thường bộ hành,
Đức Phật thuyết tối thương.*

V. Khủng Bố (S.i,42)

*Vì sao ở đời này,
Rất nhiều người sợ hãi,
Dù con đường đê cập,
Dưới hình thức sai biệt?
Con hỏi Gotama,
Bậc trí tuệ sáng suốt,
Phải an trú chỗ nào,
Khỏi sợ hãi đời sau?*

(Thέ Tôn):

*Hãy chánh trú lời, ý,
Thân nghiệp chớ làm ác.
Nếu an trú trong nhà,
Với tài sản dồi dào,
Hãy tín tâm, nhu hòa,
Chia tài sản, hòa nhã.
An trú bốn pháp này,
Không sợ hãi đời sau.*

VI. Không Già (S.i,43)

-- Ai già, ai không già?
Thế nào gọi phi đạo?
Vật gì chướng ngại pháp?
Vật gì đêm ngày diệt?
Vật gì ué Phạm hạnh?
Vật gì tắm không nước?
Đời bao nhiêu lỗ trú?
Trên ấy, tâm không trú?
Con đến hỏi Thέ Tôn,
Mong biết câu trả lời!
-- Sắc hữu tình bị già,
Danh tánh lại không già,
Tham dục gọi phi đạo,
Tham ái, chướng ngại pháp.

*Tuổi tác đêm, ngày diệt,
Nữ nhân uế Phạm hạnh,
Đắm trước trong uế này,
Là toàn thể chúng sanh.
Khổ hạnh và Phạm hạnh,
Là tăm không cần nước,
Sáu lỗ trống ở đời,
Trên ấy, tâm không trú,
Biếng nhác và phóng dật,
Uế oái, không tự chế,
Thụy miên và hồn trầm,
Cả sáu lỗ trống này,
Cần ly khai tất cả.*

VII. Tôn Chủ (S.i,43)

-- Vật gì chủ ở đời?
Hàng hóa gì tối thượng?
Vật gì làm rỉ sét,
Lưỡi kiém ở trên đời?
Vật gì ở đời này,
Tác thành cõi địa ngục?
Ai đem đi, bị chận?
Ai đem đi, được ưa?
Ai thường xuyên đi lại,
Được kẻ trí hoan hỷ?
-- Thé lực chủ ở đời,
Nữ nhân, vật tối thượng.
Phẫn nộ làm rỉ sét,
Lưỡi kiém ở trên đời.
Kẻ trộm ở đời này,
Tác thành cõi địa ngục.
Trộm đem đi, bị chận,
Sa-môn đem, được ưa,
Sa-môn thường đi lại,
Được kẻ trí hoan hỷ.

VIII. Dục (S.i,44)

-- Nghĩ lời, không cho ai,
Con người từ bỏ gì?
Thiện gì nên thốt ra?
Ác gì nên ngăn chặn?
-- Con người không cho mình,
Không nên từ bỏ mình,
Lời thiện, nên thốt ra,
Lời ác, nên ngăn chặn.

IX. Lương Thực (S.i,44)

-- Cái gì cột lương thực?

*Cái gì hút tài sản?
 Cái gì lôi cuốn người?
 Ở đời, khó bỏ gì?
 Cái gì buộc phàm nhân,
 Như chim bị bẫy sập?
 -- Lòng tin cột lương thực,
 Thần tài hút tài sản.
 Lòng muốn lôi cuốn người,
 Ở đời, muốn (icchà) khó bỏ.
 Ham muốn buộc phàm nhân,
 Như chim bị bẫy sập.*

X. Chớp (S.i,44)

*-- Vật gì chiếu sáng đời?
 Vật gì thức tỉnh đời?
 Ai cọng nghiệp với người?
 Cử chỉ chúng là gì?
 Ai nuôi kẻ nhác, siêng,
 Như mẹ nuôi con cái?
 Hữu tình gì trì mạng,
 Y cứ vào địa đai?
 -- Trí tuệ chiếu sáng đời,
 Chánh niệm thức tỉnh đời,
 Bò cọng nghiệp với người,
 Đường cày là con đường.
 Mưa nuôi kẻ nhác, siêng,
 Như mẹ nuôi con cái.
 Mưa trì mạng chúng sanh,
 Y cứ vào địa đai.*

XI. Không Tranh Luận (S.i,44)

*-- Ai không tranh luận đời?
 Ai sống không hoại diệt?
 Ai rõ ham muốn đời?
 Ai thường xuyên tự tai?
 Ai an trú như vậy,
 Cha, mẹ, anh đánh lẽ?
 Ai dầu có hạ sanh,
 Được Sát-ly tôn kính?
 -- Sa-môn không tranh đời,
 Sa-môn sống không diệt,
 Sa-môn rõ dục vọng,
 Sa-môn thường tự tai,
 Sa-môn trú như vậy,
 Cha, mẹ, anh kính lẽ.
 Sa-môn dầu hạ sanh,
 Được Sát-ly tôn kính.*

CHƯƠNG II
2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ

I. Phẩm Thứ Nhất (S.i,46)**I. Kassapa - Ca-diếp** (Tạp 49.24 - Ca-diếp, Đại 2,361c) Biệt Tạp 15.19, Đại 2,480c)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thê Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Thiên tử Kassapa (Ca-diếp), sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thê Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thê Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Kassapa bạch Thê Tôn:

-- Thê Tôn đề cao Tỷ-kheo và sự giáo giới vị Tỷ kheo cho chúng con.

2) -- Vậy này Kassapa, hãy nói lên ở đây về vấn đề ấy.

3) (Kassapa):

*Hãy học điều khéo nói,
Trong hạnh nghiệp Sa-môn,
Vắng lặng, ngồi một mình,
Với tâm tư an tĩnh.*

4) Thiên tử Kassapa nói như vậy. Bậc Đạo Sư chấp nhận. Rồi Thiên tử Kassapa, sau khi được biết: "Bậc Đạo Sư đã chấp nhận ta", đánh lễ Thê Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất từ chỗ ấy.

II. Kassapa (S.i,46) (Tạp 49.25 Ca-diếp, Đại 2,361c) (Biệt Tạp 15.20, Đại 2,480a)

1) Tại Sàvatthi.

2) Đứng một bên, Thiên tử Kassapa nói lên bài kệ này trước Thê Tôn:

*Với tâm tư giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tu thiền,
Và với lòng ước vọng,
Đạt được tâm sở nguyện.
Sau khi biết cuộc đời,
Hung thịnh và phế tàn,
Tâm thuần, không nương tựa,
Hướng lợi quả như chọn.*

III. Mågha (S.i,47) (Tạp 49.16 Ma-khúu, Đại 2,360c) (Biệt Tạp 15.11, Đại 2,478c)

1) Tại Sàvatthi.

2) Rồi Thiên tử Mågha, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thê Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thê Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Mågha nói với

Thέ Tôn bài kệ:

3)

*Sát vật gì được lạc?
Sát vật gì không sâu?
Có một pháp loại gì,
Ngài tán đồng sát hại,
Tôn giả Gotama?*

4) (Thέ Tôn)

*Sát phẫn nộ được lạc,
Sát phẫn nộ không sâu,
Phẫn nộ với độc căn,
Với vị ngọt tối thương.
Pháp áy bậc Thánh Hiền,
Tán đồng sự sát hại.
Sát pháp áy không sâu,
Này Hiên giả Thiên nhân.*

IV. Màgadha

1) Đứng một bên, Thiên tử Màgadha nói lên với Thέ Tôn bài kệ:

*Vật gì chiếu sáng đời,
Do chúng, đời chói sáng?
Con đến hỏi Thέ Tôn,
Muốn nghe lời giải đáp.
Bốn vật chiếu sáng đời,
Thứ năm đây không có,
Ngày, mặt trời sáng chói,
Đêm, mặt trăng tỏ rạng,
Lửa cháy đỏ đêm ngày,
Chói sáng khắp mọi nơi,
Chánh giác sáng tối thắt,
Sáng này sáng vô thượng.*

V. Đàmali (Tạp 49.18, Đàm-ma, Đại 2,360c) (Biệt Tạp 15.13, Đại 2,478c)

1) Tại Sàvatthi.

2) Thiên tử Đàmali, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắt chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Đàmali nói lên bài kệ này trước Thέ Tôn:

3)

*Ở đây, Bà-la-môn,
Tinh cần, không biếng nhác,*

*Đoạn trừ các dục vọng,
Nhờ vậy không tái sanh.*

4) Thέ Tôn bèn trả lời:

*Ôi này Dàmali,
Với vị Bà-la-môn,
Không còn gì phải làm,
Việc phải làm đã làm,
Chính là Bà-la-môn.
Chúng sanh đủ tay chân,
Không tìm được chân đứng,
Trôi giạt và chìm nổi,
Trong biển rộng, sông dài.
Tim được chỗ chân đứng,
Khô ráo vị áy đứng,
Đã đến bờ bên kia,
Vị áy không trôi giạt.
Vậy này Dàmali,
Ví dụ áy là vậy.
Cũng vậy Bà-la-môn,
Đoạn trừ các lậu hoặc,
Sáng suốt và kín đáo,
Tinh tấn tu Thiền định.
Vị áy đã đạt được,
Tận cùng đường sanh tử,
Đã đến bờ bên kia,
Nên không còn trôi giạt.*

VI. Kàmada (S.i,48) (Tập 49.20 Thực trí, Đại 2, 361a) (Biệt Tập 15.15, Đại 2, 479a)

1) Đứng một bên, Thiên tử Kàmada bạch Thέ Tôn:

2) Khó làm, bạch Thέ Tôn,

*Thέ Tôn, thật khó làm.
Tuy vậy, Kàmada,
Họ làm việc khó làm,
Chính các vị hữu học,
Kiên trì tu giới định,
Đã chọn đời xuất gia,
Biết đủ, đem an lạc.*

3)

*Biết đủ, bạch Thέ Tôn,
Biết đủ, thật khó được.
Tuy vậy, Kàmada,
Họ được điều khó được.
Những vị lòng ưa thích,*

*Tâm tư được điều tịnh,
Cả ngày và cả đêm,
Ý an lạc tu tập.*

4)

*Khó tịnh, bạch Thé Tôn,
Tâm ấy, thật khó tịnh.
Tuy vậy, Kàmada,
Họ tịnh tâm khó tịnh.
Những vị lòng ưa thích,
Các căn được tịch tịnh,
Cắt đứt lưỡi tử thần,
Bậc Hiền Thánh đi tới.*

5)

*Khó đi, bạch Thé Tôn,
Con đường thật lồi lõm.
Tuy vậy, Kàmada,
Bậc Hiền Thánh vẫn đi.
Trên con đường khó đi,
Và có nhiều lồi lõm,
Kẻ phàm phu vấp ngã,
Trên đường mấp thăng bằng.
Con đường đối bậc Thánh,
Là con đường thăng bằng,
Bậc Thánh bước thăng bằng,
Trên đường mấp thăng bằng.*

VII. Pancàlacanda (S.i, 48) (Tập 49.12 Ban-xà-la, Đại 2, 358b) (Biệt Tập 15.7, Đại 2, 477a)

1) Đứng một bên, Thiên tử Pancàlacanda nói lên bài kệ này trước Thé Tôn:

*Dầu giữa những chướng ngại,
Bậc Đại trí Chánh giác,
Vẫn tìm được lối thoát,
Vượt qua mọi chướng ngại.
Bậc trí hiểu Thiền định,
Biết từ bỏ, tối thắng,
Bậc Mâu-ni, ẩn sĩ*

2) Thé Tôn lên tiếng:

*Pancàlacanda,
Dầu giữa những chướng ngại,
Họ tìm được lối thoát,
Họ tìm được Chánh pháp
Đưa đến quả Niết-bàn.
Những vị đạt chánh niệm,*

*Kiên trì không dao động,
Họ là bậc chọn chánh,
Tâm điều phục, định tĩnh.*

VIII. Tàyana (S.i,49) (Dhammapada 313, 314, 311, 312 Thera G 277)

1) Rồi Thiên tử Tàyana, trước kia thuộc ngoại đạo sư, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Tàyana nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

2)

*Ôi này Bà-la-môn,
Tinh tấn, cắt dòng nước,
Đoạn trừ và tiêu diệt,
Mọi tham đắm dục vọng.
Ân sỉ không đoạn dục,
Không chứng được nhứt tâm.
Nếu làm việc phải làm,
Cần kiên trì, tinh tấn.
Xuất gia, nếu biếng nhác,
Càng tung vãi bụi trần.
Không làm, hơn làm dở,
Làm dở sau khổ đau.
Đã làm nên làm tốt,
Làm tốt không khổ đau.
Như nắm vụng lá cỏ,
Có thể bị đứt tay.
Sa-môn hạnh vụng tu,
Kéo đến cõi địa ngục.
Mọi sở hành biếng nhác,
Mọi hạnh tu ô nhiễm,
Ác hạnh trong Phạm hạnh,
Không đưa đến quả lòn.*

3) Thiên tử Tàyana nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.

4) Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, liền gọi các Tỷ-kheo.

5) -- Này các Tỷ-kheo, đêm nay Thiên tử Tàyana, trước kia thuộc ngoại đạo sư, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Tàyana nói lên bài kệ này trước mặt Ta:

6)

*"Ôi này Bà-la-môn
Tinh tấn cắt dòng nước,
Đoạn trừ và tiêu diệt,
Mọi tham đắm dục vọng.*

*Ân sỉ không đoạn dục,
 Không chứng được nhứt tâm.
 Nếu làm việc khó làm,
 Cần kiên trì tinh tấn,
 Xuất gia nếu biếng nhác,
 Càng tung vãi bụi trần.
 Không làm, hơn làm dở,
 Làm dở sau khổ đau.
 Đã làm nên làm tốt,
 Làm tốt không khổ đau.
 Như nắm vụng lá cỏ,
 Có thể bị đứt tay,
 Sa-môn hạnh vụng tu,
 Kéo đến cõi địa ngục.
 Mọi sở hành biếng nhác,
 Mọi hạnh tu ô nhiễm,
 Ác hạnh trong Phạm hạnh,
 Không đưa đến quả lớn."*

7) Nay các Tỷ-kheo, Thiên tử Tàyana nói như vậy. Nói vậy xong, đánh lẽ Ta, thân phía hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ. Nay các Tỷ-kheo, hãy đọc bài kệ của Tàyana. Nay các Tỷ-kheo, hãy học thuộc lòng bài kệ của Tàyana. Nay các Tỷ-kheo, bài kệ của Tàyana có đầy đủ nghĩa lợi và chính là căn bản của Phạm hạnh.

IX. Candima (S.i,50) (Nguyệt Thiên tử, Tập 22.8 Nguyệt Thiên tử, Đại 2, 155a) (Biệt Tập 9.7, Đại 2, 436a)

1) Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ).

Lúc bấy giờ, Thiên tử Candima bị Ràhu, vua A-tu-la bắt. Rồi Thiên tử Candima, tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:

2)

*Đánh lẽ đắng Giác Ngộ,
 Bậc Anh Hùng muôn thuở,
 Ngài là bậc Giải Thoát,
 Thoát ly thật viên mãn,
 Còn con bị trói buộc,
 Hãy cho con quy ngưỡng.*

3) Rồi Thế Tôn, vì Thiên tử Candima, nói lên bài lệ này cho Ràhu, vua A-tu-la:

*Canda đã quy y,
 Như Lai, bậc La-hán,
 Ràhu, hãy thả nó,
 Vì chư Phật thương đời.*

4) Rồi Ràhu, vua A-tu-la, giải thoát cho Thiên tử Candima. Như bị hốt hoảng, Ràhu đi đến Vepacitti, vua A-tu-la, run sợ, lông tóc dựng ngược và đứng một bên. Và Vepacitti, vua A-tu-la, nói lên bài kệ cho

Ràhu, vua A-tu-la, đang đứng một bên:

5)

*Vì sao, như hốt hoảng,
Ràhu thả Canda,
Ông đến, lòng run sợ,
Ông đứng, tâm kinh hoàng?*

6)

-- *Đâu con bέ thành bάy,
Đời con không hạnh phúc,
Với lời kệ đức Phật,
Nếu không thả Canda.*

X. Suriya: (S.i,51) Nhật Thiên tử

1) Lúc bấy giờ, Thiên tử Suriya bị Ràhu, vua A-tu-la bắt. Rồi Thiên tử Suriya tưởng niệm đến Thé Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:

2)

*Đánh lε đάng Giác Ngộ,
Bậc Anh Hùng muôn thuở,
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn,
Còn con bị trói buộc,
Hãy cho con quy ngưỡng.*

3) Rồi Thé Tôn, vì Thiên tử Suriya, nói lên bài kệ này cho Ràhu, vua A-tu-la:

*Suriya đã quy y,
Như Lai bậc La-hán,
Ràhu, hãy thả nó,
Vì chư Phật thương đời.
Ông đi giữa hư không,
Chớ nuốt Suriya,
Trong thế giới tối tăm,
Đã đem lại ánh sáng,
Là mặt trời sáng chói,
Là đĩa tròn hực đỏ,
Là lò lửa cháy nóng,
Là bà con của Ta.
Này Ràhu, (Ta nói):
Hãy thả Suriya.*

4) Rồi Ràhu, vua A-tu-la, giải thoát cho Thiên tử Suriya. Như bị hốt hoảng, Ràhu đi đến Vepacitti, vua A-tu-la run sợ, lông tóc dựng ngược và đứng một bên. Và Vepacitti, vua A-tu-la, nói lên bài kệ cho Ràhu, vua A-tu-la, đang đứng một bên:

5)

*Vì sao, như hót hoảng,
Ràhu, thả Suriya,
Ông đến, lòng run sợ,
Ông đứng, tâm kinh hoàng?*

6)

*-- Đâu con bέ thành bάy,
Đời con không hạnh phúc,
Với lời kệ đέc Phá̄t,
Nếu không thả Suriya.*

II Phẩm Cáp Cô Độc (S.i,51)

I. Candimasa

Tại Sàvatthi.

1) Rồi Thiên tử Candimasa, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thǎng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thé Tôn, sau khi đến, đánh lǚ Thé Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Candimasa nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

2)

*Họ sẽ đi an toàn,
Như thú, vùng không muỗi;
Sau khi chứng Thiên định,
Nhứt tâm, niệm tinh giác,
Họ sẽ đi bờ kia,
Như cá, phá rách lưới,
Sau khi chứng Thiên định,
Tự chế, vượt lỗi làm.*

II. Vendu (S.i,52)

1) Đứng một bên, Thiên tử Vendu nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

2)

*Hạnh phúc thay những người,
Sau khi hầu Thiên Thé,
Tuân phung lời Ngài dạy,
Tu học không phỏng dật!*

3) Thé Tôn nói:

*Vendu!
Những ai Thiên tu học.*

*Trong pháp cú Ta dạy,
Tinh cần, không phóng dật,
Đúng thời họ sẽ đi,
Thoát khỏi tay tử thần.*

III. Diighalatthi (S.i,52)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Thiên tử Diighalatthi, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thé Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Diighalatthi nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Với tâm tư giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tu Thiên,
Và với lòng ước vọng,
Đạt được tâm sở nguyện,
Sau khi biết cuộc đời,
Sanh khởi rồi đoạn diệt,
Tâm thuần không chấp trước,
Hướng lợi quả như chon.*

IV. Nandana (S.i,52)

1) Đứng một bên, Thiên tử Nandana nói bài kệ với Thé Tôn:

*Con hỏi Gotama,
Bậc Đại Giác toàn trí,
Con hỏi đáng Thé Tôn,
Với tri kiến vạn năng.
Người nào gọi tri giới?
Người nào gọi trí tuệ?
Người nào vượt sầu khổ?
Người nào chư Thiên lạy?*

2) (Thé Tôn):

*Ai hộ trì giới luật,
Trí tuệ, tâm tu trì,
Chú tâm, vui Thiên định,
Tâm tư trú chánh niêm,
Tất cả mọi sầu khổ,
Được trừ diệt, đoạn tận,
Các lậu hoặc tận trừ,
Sống với thân tối hậu,
Vị ây gọi tri giới,
Vị ây gọi trí tuệ,
Vị ây vượt sầu khổ,*

Vị áy chư Thiên lạy.

V. Candana: Chiên Đàm (S.i,53)

1) Đứng một bên, Thiên tử Candana nói lên bài kệ với Thê Tôn:

*Làm sao vượt bộc lưu,
Ngày đêm vũng, kiên trì,
Không trú, không bám víu,
Ai không chìm vực sâu?*

2) (Thê Tôn):

*Vị luôn luôn trì giới,
Trí tuệ, khéo định tĩnh,
Chí siêng năng dỗng mãnh,
Vượt bộc lưu khó vượt.
Vị đoạn, ly dục tướng,
Vượt khỏi sắc triền phược,
Đoạn tận hỷ, hữu ái,
Không chìm xuồng vực sâu.*

VI. Sudatta (Tu-đạt-đa)

1) Đứng một bên, Thiên tử Sudatta nói lên bài kệ này trước mặt Thê Tôn:

*Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỳ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia, bỏ ái dục.*

2) (Thê Tôn):

*Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỳ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia, bỏ thân kiết.*

VII. Subrahmà (S.i,53)

1) Đứng một bên, Thiên tử Subrahmà nói lên bài kệ với Thê Tôn:

*Tâm này thường sợ hãi,
Ý này thường dao động,
Điếc mong ước không khởi,
Điếc không mong lại khởi,
Nếu có, không sợ hãi,
Hãy nói điểu con hỏi.*

2) (Thê Tôn):

*Không ngoài hạnh giác chi,
Không ngoài hộ trì căn,
Không ngoài bồ tát cả,
Ta thấy các pháp áy,
Đưa đến sự an toàn,
Cho tất cả chúng sanh.*

3) Rồi Thiên tử biến mất tại chỗ ấy.

VIII. Kakudha (S.i,54)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thê Tôn ở Sàketa, rừng Anjana, tại vườn Nai. Rồi Thiên tử Kokudha, sau khi đêm đã gần mãn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn khu rừng Anjana, đi đến Thê Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thê Tôn rồi đứng một bên.

2) Đứng một bên, Thiên tử Kakudha bạch Thê Tôn:

- Thưa Sa-môn, Ngài có hoan hỷ không?
- Ta được cái gì, này Hiền giả, mà Ta hoan hỷ?
- Nếu vậy, thưa Sa-môn, có phải Ngài sầu muộn?
- Ta mòn mỏi cái gì, này Hiền giả, mà Ta sầu muộn?
- Vậy thời thưa Sa-môn, Ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?
- Thật như vậy, này Hiền giả.

3)

*Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn,
Tuy vậy, Ngài cũng không
Có được sự hoan hỷ?
Làm sao nay Ngài lại,
Ngôi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?*

4)

*Thật sự, này Dạ-xoa,
Ta không có sầu muộn,
Tuy vậy ở nơi Ta,
Hoan hỷ không khởi lên,
Dẫu nay Ta có ngôi,
Riêng một mình cô độc,*

*Ta không có hoan hỷ,
Cũng không bị dao động.*

5)

*Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sâu muộn,
Làm sao ở nơi Ngài,
Hoan hỷ không khởi lên?
Làm sao nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?*

6)

*Hoan hỷ chỉ có đến,
Với người tâm sâu muộn,
Sâu muộn chỉ có đến,
Với người tâm hoan hỷ.
Do vậy, vị Tỷ-kheo,
Không hoan hỷ, sâu muộn.
Vậy nên, này Hiền giả,
Ông phải biết như vậy.*

7)

*Đã lâu, con mới thấy,
Bà-la-môn tịch tĩnh,
Vị Tỷ-kheo không sâu,
Cũng không có hoan hỷ,
Đã an toàn vượt khỏi,
Chỗ người đời đắm say.*

IX. Uttara (S.i,54)

1) Nhân duyên tại thành Vương Xá.

Đứng một bên, Thiên tử Uttara nói lên bài kệ này trước mặt Thê Tôn:

2)

*Mang sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Dưa đến chơn an lạc.*

3)

*Mạng sống bị dát dã,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dãm đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thé lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.*

X. Anàthapindika: Cấp Cô Độc (S.i,55)

1) Đứng một bên, Thiên tử Cấp Cô Độc nói lên bài kệ này trước mặt Thê Tôn:

*Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đáng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.
Nghiệp, minh và tâm pháp,
Giới và tối thăng mang,
Chính những diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ,
Không phải vì tài sản.
Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.
Như ngài Xá-lợi-phát,
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỳ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.*

2) Thiên tử Anàthapindika nói như vậy, nói vậy xong, đánh lễ Thê Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ ấy.

3) Rồi Thê Tôn sau khi đêm ấy đã qua, liền gọi các Tỳ-kheo và nói:

4) -- Nay các Tỳ-kheo, đêm nay có Thiên tử, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thăng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỳ-kheo, vị Thiên tử ấy nói lên bài lệ này trước mặt Ta:

5)

*"Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đáng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.
Nghiệp, minh và tâm pháp,*

*Giới và tối thắng mạng,
Chính những diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ,
Không phải vì tài sản.
Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.
Như ngài Xá-lợi-phất,
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỳ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng."*

6) Nay các Tỳ-kheo, Thiên tử áy nói như vậy, nói vậy xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

7) Được nghe nói như vậy, Tôn giả Ananda bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, có phải vị Thiên tử áy là Anàthapindika? Gia chủ Anàthapindika hết dạ tín thành đối với Tôn giả Sàriputta?

8) -- Lành thay! Lành thay! Nay Ananda, cho đến những gì có thể đạt được nhờ suy diễn, nay Ananda, Ông đã đạt được. Nay Ananda, Anàthapindika là vị Thiên tử áy.

III. Phẩm Các Ngoại Đạo (S.i,56)

I. Siva

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Thiên tử Siva, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Siva nói lên bài kệ này trước mặt Thέ Tôn:

2)

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Chỉ tốt hơn, không xấu.
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Được tuệ, không gì khác.
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Không sầu giữa sầu muộn.*

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Chói sáng giữa quyền thuộc.
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Chúng sanh sanh thiện thú.
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền
Chúng sanh thường hưởng lạc.*

3) Rồi Thé Tôn đáp lại Thiên tử Siva với bài kệ:

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Giải thoát mọi khổ đau.*

II. Khema (S.i,57)

Đứng một bên, Thiên tử Khema nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Kẻ ngu không trí tuệ,
Lấy ngã làm kẻ thù,
Tự làm các ác nghiệp,
Đưa đến quả đắng cay.
Nghiệp nào không khéo làm,
Làm xong bị nung nấu,
Với mặt đầy nước mắt,
Khóc lóc chịu quả báo.
Và nghiệp nào khéo làm,
Làm xong, không nung nấu,
Tâm vui, ý thoái mái,
Vị ấy hưởng quả báo.
Biết điều lợi cho mình,
Làm trước điều phải làm,
Không tâm trạng đánh xe,
Kẻ trí lòng tinh tấn.
Như người chủ đánh xe,
Rời đại đạo thăng bằng,
Leo lên đường lôi lõm,
Ưu tư nạn gãy trực.
Cũng vậy bỏ Chánh pháp,
Người ngu theo phi pháp,
Rời vào miệng tử thân,
Ưu tư như gãy trực.*

III. Serì (S.i,57)

1) Đứng một bên, Thiên tử Serii nói lên bài kệ với Thé Tôn:

*Cả hai loại Trời, Người,
Đều ưa thích ăn uống,
Có Dạ-xoa tên nào,
Lại không thích ăn uống!*

(Thé Tôn)

*Ai cho với lòng tin,
Với tâm tư thanh tịnh,
Được phần món ăn ấy,
Đời này và đời sau.
Vậy hãy ngăn xan tham,
Bố thí, nghiệp cầu ué,
Chúng sanh vẫn hưởng tho,
Công đức trong đời sau.*

2) -- Thật là hy hữu, bạch Thé Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thé Tôn! Thé Tôn đã nói điều khéo nói như vậy:

*"Ai cho với lòng tin,
Với tâm tư thanh tịnh,
Được phần món ăn ấy,
Đời này và đời sau.
Vậy hãy ngăn xan tham,
Bố thí, nghiệp cầu ué,
Chúng sanh vẫn hưởng tho,
Công đức trong đời sau."*

3) Bạch Thé Tôn, thuở xưa con là vị vua tên Seri ưa bồ thí, là bậc thí chủ tán thán bồ thí. Bạch Thé Tôn, tại bốn cửa thành, bồ thí được phân phát nhân danh con, cho những ai đến xin, cho các vị Bà-la-môn và Sa-môn, cho các người nghèo đói và tàn phế, cho các nhà lữ hành và hành khất.

4) Bạch Thé Tôn, khi con đến các cung phi của con, họ thưa với con: "Đại vương thường hay bố thí, còn chúng con chưa bồ thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bồ thí và làm các công đức."

5) Bạch Thé Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bồ thí, là thí chủ tán thán bồ thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: 'Chúng ta hãy bồ thí'?" Bạch Thé Tôn, con cho các cung phi cửa thành thứ nhất. Ở đây các cung phi được bồ thí, và bồ thí của con trở lại cho con.

6) Rồi bạch Thé Tôn, các Sát-đê-ly (Khattiya) chư hầu của con đến con và thưa: "Đại vương đã bồ thí. Các cung phi đã bồ thí. Chúng con chưa bồ thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bồ thí và làm các công đức".

Bạch Thé Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bồ thí, là thí chủ tán thán bồ thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: 'Chúng ta hãy bồ thí'?" Bạch Thé Tôn, con cho các chư hầu Khattiya cửa thành thứ hai. Ở đây các chư hầu Khattiya được bồ thí, và bồ thí của con được trả lui lại cho con.

7) Rồi bạch Thέ Tôn, quân đội đến con và thưa: "Đại vương đã bố thí. Các cung phi đã bố thí. Các chư hầu Khattiya đã bố thí. Chúng con chưa bố thí. Tốt lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công đức".

Bạch Thέ Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thân bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: "Chúng ta hãy bố thí"?". Bạch Thέ Tôn, con cho quân đội cửa thành thứ ba. Ở đây quân đội được bố thí và bố thí của con được trở lui lại cho con.

8) Rồi bạch Thέ Tôn, các Bà-la-môn gia chủ đến con và thưa: "Đại vương đã bố thí. Các cung phi đã bố thí. Các chư hầu Khattiya đã bố thí. Quân đội đã bố thí. Chúng con chưa bố thí. Tốt lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công đức!".

Bạch Thέ Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thân bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: "Chúng ta hãy bố thí"?". Bạch Thέ Tôn, con cho các Bà-la-môn gia chủ cửa thành thứ tư. Ở đây các Bà-la-môn gia chủ được bố thí và bố thí của con được trở lui lại cho con.

9) Rồi bạch Thέ Tôn, các người của con đến con và thưa: "Nay Đại vương không còn bố thí nào để cho nữa".

Khi được nói vậy, bạch Thέ Tôn, con nói với các người ấy như sau: "Này các Ông, các thuê má thâu hoạch được từ các nước ngoài vào, một nửa hãy gửi vào trong nội thành, một nửa ngay tại chỗ ấy đem bố thí cho các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các người nghèo và tàn tật, các nhà lữ hành và hành khất".

10) Như vậy, bạch Thέ Tôn, con không chấm dứt trong một thời gian dài các việc làm công đức, trong một thời gian dài các việc làm thiện, những việc làm được con xem như là công đức, hay như là công đức quả hay như là những điều kiện được sanh thiêng giói.

11) Thật là hy hữu, bạch Thέ Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thέ Tôn! Thέ Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy:

*"Ai cho với lòng tin,
Với tâm tư thanh tịnh,
Được phần món ăn ấy,
Đời này và đời sau.
Vậy hãy ngăn xan tham,
Bố thí, nhiếp cầu ué,
Chúng sanh vẫn hưởng tho,
Công đức trong đời sau."*

IV. Ghatikara (S.i,60)

1) Đứng một bên, Thiên tử Ghatikara nói lên bài kê này trước mặt Thέ Tôn:

*Được sanh Vô phiền thiêん,
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Siêu thoát đời ái trược.*

2)

*Vượt bùn, họ là ai?
Khó vượt lệnh thân chét,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư Thiên.*

3)

*Họ là Upaka,
Và Phalaganda,
Với Pukkusati,
Hợp thành là ba vị.
Lại thêm Bhaddiya,
Với Khandadeva,
Và Bâhuraggi,
Cùng với Pingiya,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư Thiên.*

4) (Thé Tôn):

*Ông nói điều tốt lành,
Về bảy Tỷ-kheo ấy,
Họ thoát ly, đoạn trừ,
Các cạm bẫy Ma vương.
Pháp họ biết, của ai
Đoạn được hưu kiết sử?*

5) (Ghatikara):

*Không ai ngoài Thé Tôn,
Chính thật giáo lý Ngài,
Họ biết pháp của Ngài,
Đoạn được hưu kiết sử.
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt không dư,
Họ học được pháp ấy,
Ở đây từ nơi Ngài.
Nhờ vậy họ đoạn trừ,
Hưu kiết sử trói buộc.*

6) (Thé Tôn):

*Lời Ông nói thâm sâu,
Khó biết, khó chứng ngộ,
Pháp Ông biết của ai,
Sao Ông không nói được?*

7) (Ghatikara):

Thuở xưa, con thơ gồm,

*Tại Vehalinga,
Và con được tên gọi,
Là Ghatikara.
Chính con lo nuôi dưỡng
Cả mẹ lẫn cả cha,
Đối với Phật Ca-diếp,
Con đệ tử tại gia.
Con viễn ly đâm dục,
Phạm hạnh, không thể vật,
Thuở xưa, con đồng hương,
Cũng là bạn của họ
Do vậy con biết họ,
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Vượt qua đời phiền trước.*

8) (Thê Tôn):

*Vậy này Bhaggava,
Chính như Ông vừa nói,
Thuở xưa, Ông thợ gốm,
Tại Vehalinga,
Và Ông được tên gọi,
Là Ghatikara,
Chính Ông lo nuôi dưỡng
Cả mẹ lẫn cả cha,
Đối với Phật Ca-diếp,
Ông đệ tử tại gia,
Ông viễn ly đâm dục,
Phạm hạnh, không thể vật.*

9)

*Thuở xưa, Ông đồng hương,
Cũng là bạn của Ta.
Như vậy là hội ngộ,
Giữa những bạn thuở xưa,
Cả hai khéo tu tập,
Mang thân này tối hậu.*

V. Jantu (S.i,61)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời một số đông Tỷ-kheo trú ở Kosala (Câu-tát-la), trên sườn núi Himavanta (Tuyết sơn), tại một cốc nhỏ trong rừng. Họ tự cao, tự mãn, dao động, lầm mờ lầm miệng, ăn nói huyên thuyên, thất niêm, không tĩnh giác, không định tĩnh, tâm tư tán loạn, các căn không chế ngự.

2) Rồi Thiên tử Jantu, vào đêm Bồ-tát, ngày rằm, đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói lên bài kệ với các Tỷ-kheo ấy:

Các Tỷ-kheo thuở xưa,
 Sóng thật chơn an lạc,
 Họ thật là đệ tử,
 Bậc Đại Giác Cù-dàm.
 Không ham tìm món ăn,
 Không ham tìm chỗ trú,
 Biết đời là vô thường,
 Họ chấm dứt khổ đau.
 Nay tự làm ác hạnh,
 Như thôn trưởng trong làng.
 Họ ăn, ăn ngả gục,
 Thèm khát vật nhà người.
 Con vái chào chúng Tăng,
 Đánh lě một vài vị
 Kẻ khác, sóng vất vưởng,
 Không chỉ đạo, hướng dẫn.
 Họ giống như thân thể
 Kẻ chét bị quăng bỏ.
 Những ai sống phóng dật,
 Vì họ con nói lên,
 Những ai không phóng dật,
 Chân thành, con đánh lě.

VI. Rohita (S.i,61)

1) Tại Sàvatthi (Xá-vệ).

2) Đứng một bên, Thiên tử Rohitassa bạch Thề Tôn:

-- Bạch Thề Tôn, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, làm sao, bạch Thề Tôn, với bộ hành, có thể biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới?

3) -- Này Hiền giả, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, Ta nói rằng (tại chỗ ấy), không có thể với bộ hành, biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới.

4) -- Thật vi diệu thay, bạch Thề Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thề Tôn! Thề Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể với bộ hành biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới".

5) Bạch Thề Tôn, thuở trước, con tên là Rohita con của Bhoja, có thần thông, có thể đi giữa hư không. Bạch Thề Tôn, tốc lực con mau lẹ cho đến con có thể bay, như người thợ bắn cung lão luyện, khéo tập, khéo luyện, thuần thực, thiện xảo, với một cây cung chắc mạnh không gì khó khăn, có thể bắn một mũi tên nhẹ bay vượt qua bóng tối của cây tala.

6) Và bạch Thề Tôn, bước đi của con dài cho đến con có thể bước từ biển phía Đông qua biển phía Tây. Và ở nơi con, bạch Thề Tôn, khởi lên sự ước muồn như sau: "Với bộ hành, ta có thể đạt đến được sự tận cùng của thế giới".

7) Và bạch Thé Tôn, dầu cho tốc lực của con mau đến như vậy, và dầu cho con có bước dài đến như vậy, và dầu cho con không có dùng để ăn, hay uống, hay nhai, hay ném, dầu cho con không có đại tiện, tiểu tiện, dầu cho con không ngủ, không bị mệt nhọc, không trừ cầu uế, dầu cho trăm năm là tuổi thọ thường tình, dầu cho trăm năm là mạng sống thường tình, tuy con đi hơn trăm năm và bị mệnh chung, con cũng không thể đạt đến sự tận cùng của thế giới.

8) Thật là vi diệu, bạch Thé Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thé Tôn! Thé Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi. Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể bộ hành, biết được hay thấy được sự tận cùng của thế giới. Ta nói như vậy".

9) -- Nay Hiền giả, nhưng Ta cũng không nói rằng không đạt được sự tận cùng của thế giới thời chấm dứt cuộc khổ đau. Nay Hiền giả, chính trong cái thân thể dài một tầm có tướng, có ý này, Ta tuyên bố thế giới, nguyên nhân của thế giới, sự đoạn diệt thế giới và con đường đưa đến sự đoạn diệt của thế giới.

10)

*Bộ hành không bao giờ
Đạt được thế giới tận,
Không đạt thế giới tận,
Không thể thoát khỏi khổ.
Do vậy, bậc Hiền thiện,
Thế gian giải, Thiện tuệ,
Đạt đến thế giới tận,
Phạm hạnh được viên thành.
Với tâm tư định tĩnh,
Biết được thế giới tận,
Không ước vọng đời này,
Không ước vọng đời sau.*

VI. Nanda: (S.i,62) (Xem trước I, 1*4).

1) Đứng một bên, Thiên tử Nanda nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Thời gian lặng trôi qua,
Đêm ngày luôn di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Được hưởng cảnh an lạc.*

2) (Thé Tôn):

*Thời gian lặng trôi qua,
Đêm ngày luôn di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,*

*Hãy bỏ mọi thé lợi,
Được hưởng chon tich tịnh.*

VII. Nandivisàla: (S.i,63)

1) Đứng một bên, Thiên tử Nandivisàla nói lên bài kệ với Thé Tôn:

*Bốn bánh xe chín cửa,
Đầy uế, hê lụy tham,
Chìm đắm trong bùn nhơ,
Ôi! Thưa bậc Đại Hùng,
Sanh thú Ngài như vậy,
Tương lai sẽ thé nào?*

2) (Thé Tôn):

*Cắt hỷ và buộc ràng,
Dục tham và tà ác,
Ái căn được đoạn tận,
Sanh thú sẽ như vậy.*

IX. Susima (S.i,63)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Đại đức Ananda đi đến Thé Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thé Tôn nói với Đại đức Ananda đang ngồi một bên:

-- Nay Ananda, Ông có hoan hỷ đối với Sàriputta không?

3) -- Bạch Thé Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sàriputta? Bạch Thé Tôn, hiền trí là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, đại tuệ là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, quảng tuệ là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, hỷ tuệ là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, tiệp tuệ là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, lợi tuệ là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, quyết trach tuệ là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, ít dục là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, biết đủ là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, viễn ly là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, bất cộng trú là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, tinh cần, tinh tấn là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, biện tài là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, nghe lời trung ngôn là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, cáo tội trung thực là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thé Tôn, chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sàriputta.

Bạch Thé Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sàriputta!

4) -- Như vậy là phải, nay Ananda. Như vậy là phải, nay Ananda. Này Ananda, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Sàriputta? Này Ananda, hiền trí là Sàriputta. Này Ananda, đại tuệ là Sàriputta. Này Ananda, quảng tuệ là Sàriputta. Này Ananda, hỷ tuệ là Sàriputta. Này Ananda, tiệp tuệ là Sàriputta. Này Ananda, lợi tuệ là Sàriputta. Này Ananda, quyết trach tuệ là Sàriputta. Này Ananda, ít dục là Sàriputta. Này Ananda, biết đủ là Sàriputta. Này Ananda, viễn ly là Sàriputta. Này Ananda, bất cộng trú là Sàriputta. Này Ananda, biện tài là Sàriputta. Này Ananda, nghe lời trung ngôn là Sàriputta. Này Ananda, cáo tội trung thực là Sàriputta. Này Ananda,

chỉ trích ác pháp là Sàriputta. Nay Ananda, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Sàriputta?

5) Rồi Thiên tử Susima, trong khi được nghe lời tán thán về Tôn giả Sàriputta, với đại chúng Thiên tử đoanh vây, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

6) Đứng một bên, Thiên tử Susima bạch Thế Tôn:

-- Như vậy là phải, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sàriputta?. Bạch Thế Tôn, hiền trí là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thế Tôn, đại tuệ là Tôn giả Sàriputta..... Bạch Thế Tôn, chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sàriputta? Bạch Thế Tôn, con đi đến chúng Thiên tử nào, con đều được nghe nhiều lần tiếng nói như vậy: "Hiền trí là Tôn giả Sàriputta... ... chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sàriputta. Ai không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sàriputta?"

7) Rồi chúng Thiên tử của Thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sàriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

8) Ví như một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giữa, khéo mài, được đặt trên một tấm màn màu vàng da cam, chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy, chúng Thiên tử của Thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sàriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

9) Ví như một đồ trang sức bằng vàng mịn được một người thợ vàng thiện xảo, khéo đập, khéo mài, đặt trên một tấm màn màu vàng da cam, chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy, Thiên tử chúng của Thiên tử Susima... ... và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

10) Ví như trong khi đêm đã gần sáng, sao mai chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy, chúng Thiên tử của Thiên tử Susima... ... và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

11) Ví như trong mùa thu, trên trời các vòng mây đã được bay sạch, mặt trời mọc lên giữa trời, đánh tan màn đêm, khắp giữa hư không chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy, chúng Thiên tử của Thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sàriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

12) Rồi Thiên tử Susima, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn về Sàriputta:

*Ngài Sàriputta,
Được mọi người xác nhận,
Là bậc Đại hiền trí,
Không phẫn hận, ít dục,
Nhu thuận và điều phục,
Được Đạo Sư tán thán.*

13) Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ về Sàriputta cho Thiên tử Susima:

*Về Sàriputta,
Mọi người đều xác nhận,*

*Là bậc Đại hiền trí,
Không phẫn hận, ít dục,
Nhu thuận và điều phục,
Như người khéo điều phục,
Chờ đợi thời giờ đến,
Để hưởng quả thuần thực.*

X. Các Ngoại Đạo Sư (S.i,65)

- 1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở thành Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi rất đông Thiên tử, là đệ tử của nhiều ngoại đạo sư Asama, Sahali, Ninka, Akotaka, Vetambari và Mànava Gàmiya, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Thé Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi đứng một bên.

3) Đứng một bên, Thiên tử Asama nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn về Pùrana Kassapa:

*Ở đây nếu có người,
Chém giết hay hại người,
Kassapa không thấy,
Qua các hành động ấy,
Là ác nghiệp cho mình,
Hay công đức cho mình.
Ngài tuyén bố như vậy,
Làm căn bản đức tin,
Ngài thật bậc Đạo sư,
Đáng được tôn kính, lễ.*

4) Rồi Thiên tử Sahali nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn về Makkhali Gosala:

*Khổ hạnh và yém ly,
Khéo điều phục, tự chế,
Tự bỏ các lời nói,
Gây đấu tranh với người,
Thắng bằng, tránh phạm tội,
Nói những lời thực ngữ,
Ngài không bao giờ làm,
Các tội phạm như vậy.*

5) Rồi Thiên tử Ninka nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn về Nigantha Nàtaputta:

*Vị Tỷ-kheo yém ly,
Sáng suốt theo tể hạnh,
Khéo theo bốn tự chế,
Chỉ nói điều nghe thấy,
Không phạm điều lỗi làm.*

6) Rồi Thiên tử Akotaka nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn về các ngoại đạo sư:

*Các ngoại đạo sư này,
Như Pakudhaka,
Và Kàtiyàna,
Cùng với Nigantha,
Kẻ cả Makkhali,
Và cả Piurana,
Mỗi vị là Đạo sư,
Chúng đệ tử của mình,
Đã đạt Sa-môn quả,
Không xa bậc Chân nhân.*

7) Rồi Thiên tử Vetambarì nói lên bài kệ này với Thiên tử Akotaka:

*Con giả can ghê tởm,
Có tru sùa thế nào,
Làm sao sánh bằng được,
Tiếng rống con sư tử.
Lõa thể, nói vọng ngôn,
Lãnh đạo môn đồ chúng,
Làm các hạnh tà vay,
Làm sao sanh thiện nhân?*

8) Rồi Ác ma nhập vào Thiên tử Vetambarì nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Tu khổ hạnh yếm ly,
Sống viễn ly hành xác,
Đắm say trong sắc pháp,
Hoan lạc, mê Thiên giới.
Dầu họ bị tử vong,
Chắc chắn họ giảng dạy,
Hướng dẫn thật chon chánh,
Đưa đến đời về sau.*

9) Rồi Thé Tôn biết được chính là Ác ma, liền nói lên bài kệ cho Ác ma:

*Phàm những sắc pháp gì,
Đời này hay đời sau,
Với màu sắc thù diệu,
Chói sáng giữa hư không,
Tất cả những sắc áy,
Được Ma vương tán thán,
Chúng chỉ là bảy mồi,
Quăng ra để diệt cá.*

10) Rồi Thiên tử Mànava Gàmiya nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn về Thé Tôn:

*Trong tất cả ngọn núi,
Ở tại Vương Xá thành,
Ngọn núi Vipula,
Được gọi là tối thắng.*

*Trong dãy núi Tuyết Sơn,
Ngon Bạch Sơn tối thắng.
Giữa các loại không hành,
Mặt trời là tối thắng.
Giữa các loại thủy lô,
Đại dương là tối thắng.
Trong các loài tinh tú,
Mặt trăng là tối thắng.
Giữa Thiên giới, địa giới,
Phật được gọi tối thượng.*

-ooOoo-

CHƯƠNG III
3. TUƯƠNG ƯNG KOSALA

I. Phẩm Thứ Nhất

I. Tuổi Trẻ (S.i.68)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Rồi vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala (Kiều-tát-la) đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, nói lên với Thέ Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thέ Tôn:

-- Tôn giả Gotama có tự cho mình đã chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không?

4) -- Thưa Đại vương, nếu có ai có thể nói một cách chọn chánh là mình đã chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thời người ấy phải chính là Ta. Thưa Đại vương, Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

5) -- Thưa Tôn giả Gotama, có những vị Sa-môn, Bà-la-môn là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng. Như ngài Purana Kassapa, Makkali Gosala, Nigantha Nàtaputta, Sanjaya Belatthiputta, Kakudha Kaccayana, Ajita Kesakambala. Khi con hỏi các vị ấy: "Có tự xem là đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?", thời họ đã trả lời, không tự xem mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy làm sao Tôn giả Gotama, trẻ tuổi, sanh sau đẻ muộn, và chỉ mới xuất gia lại tự cho mình như vậy?

6) -- Thưa Đại vương, có bốn loại trẻ tuổi không nên khinh thường, hay không nên miệt thị vì họ là trẻ. Thế nào là bốn?

-- Thưa Đại vương, Khattiya trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì họ là trẻ. Thưa Đại vương, con rắn trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ. Thưa Đại vương, ngọn lửa trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ. Thưa Đại vương, Tỷ-kheo trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì họ là trẻ.

Thưa Đại vương, bốn loại trẻ tuổi này không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ.

7) Thέ Tôn nói như vậy. Nói xong, bậc Thiện Thệ lại nói thêm như sau:

8)

*Sanh dòng Sát-dé-ly,
 Thuộc quý tộc, danh xưng,
 Chớ khinh thường là trẻ,
 Chớ miệt thị là nhỏ.*

Vị Sát-đé-ly áy,
 Đến thời lên ngôi vua,
 Làm chúa tể loài Người,
 Trị vì cả quốc độ.
 Vị áy nếu phẫn nộ,
 Dùng vương phạt gia hình,
 Ai bảo tồn mạng mình,
 Hãy tránh né vị áy.

9)

Ở làng hay là rừng,
 Có thấy rắn bò qua,
 Chớ khinh thường rắn trẻ,
 Chớ miệt thị rắn nhỏ,
 Cao thấp hình sai biệt.
 Rắn sống đầy nhiệt khí,
 Bị tấn công, nó cắn,
 Kẻ ngu cả nam nữ,
 Ai bảo tồn mạng mình,
 Hãy tránh né loài rắn.

10)

Lửa cháy đầy khát vọng,
 Lửa đốt thiêu, đốt cháy,
 Chớ khinh thường lửa trẻ,
 Chớ miệt thị lửa nhỏ.
 Lửa được đồ bén cháy,
 Liền cháy to, cháy lớn,
 Bị tấn công, lửa đốt,
 Kẻ ngu cả nam nữ,
 Ai bảo tồn mạng mình,
 Hãy tránh né lửa cháy.

11)

Khu rừng bị lửa đốt,
 Lửa đốt thiêu, đốt cháy,
 Sau nhiều đêm và ngày,
 Rẽ mầm lại mọc lên.

12)

Còn Tỷ-kheo trẻ giỏi,
 Nồng cháy với nhiệt tình,
 Nhưng không con, không cái,
 Không của cải truyền thừa,
 Không con, không thừa tự,
 Như thân cây tala.

13)

*Do vậy, người hiền trí,
Tự thấy hạnh phúc mình,
Đối với rắn và lừa
Danh xưng Sát-đế-ly,
Vị Tỳ-kheo trì giới,
Với bốn vị kề trên,
Hãy biết cách cư xử,
Chọn chánh và tốt đẹp.*

14) Khi nghe nói vậy, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thέ Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thέ Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mặt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thέ Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thέ Tôn, con xin quy y Thέ Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Mong Thέ Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

II. Người (S.i,70)

1) Tại tịnh xá ở Sàvatthi.

2) Rồi vua Pasenadi nước Kosala, đi đến Thέ Tôn, sau khi đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thέ Tôn:

-- Có bao nhiêu loại pháp, bạch Thέ Tôn, khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy?

4) -- Thưa Đại vương có ba loại pháp khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy. Thế nào là ba? Tham pháp, thura Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy. Sân pháp, thura Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an trú cho người ấy. Si pháp, thura Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy. Ba pháp ấy, thura Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy.

5)

*Tham, sân, si ba pháp,
Là ác tâm cho người,
Chúng di hại tự ngã,
Chúng tác thành tự ngã,
Như vỏ và lõi cây,
Tự tác thành trái cây.*

III. Vua (S.i,71)

1) Ở tại Sàvatthi.

2) Ngòi một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, có cái gì sanh mà không già và không chết không?

3) -- Thura Đại vương, không có cái gì sanh mà không già và không chết.

4) Thura Đại vương, dàu cho những vị Sát-đé-ly là những bậc đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc. Các vị ấy có sanh cũng không thoát khỏi già và chết.

5) Thura Đại vương, dàu cho những vị Bà-la-môn là những bậc đại phú, dàu cho những gia chủ là những bậc đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng bạc, có nhiều tài sản vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc, các vị ấy có sanh cũng không thoát khỏi già và chết.

6) Thura Đại vương, cho đến các vị Tỷ-kheo, những bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, những việc nêu làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích tối hậu, đã đoạn được hữu kiết sú, đã được giải thoát nhờ chánh trí, cho đến thân này của các vị ấy cũng phải bị hủy hoại, cũng phải bị từ bỏ.

7)

*Xe vua dàu mỹ diệu,
Rồi cũng phải hư hoại,
Thân thể này cũng vậy,
Rồi cũng phải già yếu.
Chỉ thiện pháp không già,
Bậc thiện nhân nói vậy.*

IV. Thân Ái (S.i,71)

1) Ở tại Sàvatthi.

2) Ngòi xuông một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, ở đây khi con đang ngồi yên tịnh một mình, tư tưởng này khởi lên nơi con: "Đối với những ai, tự ngã là thân ái? Đối với những ai, tự ngã là kẻ thù?" Và rồi bạch Thé Tôn, con suy nghĩ như sau:

3) "Những ai sống thân làm ác, sống miệng nói ác, sống ý nghĩ ác; đối với người ấy, tự ngã là kẻ thù. Dầu họ có nói: "Tự ngã là thân ái của chúng tôi", nhưng tự ngã đối với họ là kẻ thù. Vì sao vậy? Những gì kẻ thù làm cho kẻ thù, tự ngã của họ làm cho tự ngã của họ như vậy. Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thù.

4) Những ai sống thân làm thiện, sống miệng nói thiện, sống ý nghĩ thiện, đối với họ, tự ngã là thân ái. Dầu cho họ có nói: "Tự ngã là kẻ thù của chúng tôi", nhưng tự ngã đối với họ là thân ái. Vì sao vậy? Những gì kẻ thân ái làm cho kẻ thân ái, tự ngã của họ làm cho tự ngã của họ như vậy. Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thân ái."

5) -- Như vậy là phải, thura Đại vương. Như vậy là phải, thura Đại vương. Thura Đại vương, những ai sống thân làm ác... Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thù. Thura Đại vương, những ai sống thân làm thiện...

Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thân ái.

6)

*Nếu những ai biết được,
Tự ngã là thân ái,
Họ sẽ không liên hệ,
Với các điều ác hạnh.
Kẻ làm điều ác hạnh,
Khó được chọn hạnh phúc,
Bị thần chết cầm tù,
Từ bỏ thân làm người.
Kẻ có nghiệp như vậy,
Cái gì là của mình?
Lấy cái gì đem đi?
Cái gì theo dõi họ,
Như bóng theo dõi hình?
Ở đây kẻ bị chết,
Làm các nghiệp công đức,
Làm các nghiệp ác đức,
Lấy cả hai đem đi.
Cả hai của kẻ áy,
Như bóng theo dõi hình.
Cả hai theo kẻ áy,
Do vậy hãy làm lành,
Tích lũy cho đời sau,
Công đức cho đời sau,
Là hậu cù cho người.*

V. Tự Bảo Hộ (S.i,72)

1) Ngài một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thé Tôn:

2) -- Ở đây, bạch Thé Tôn, trong khi con đang ngồi yên tĩnh một mình, tư tưởng này khởi lên nơi con: "Đối với những ai, tự ngã được bảo vệ? Đối với những ai, tự ngã không được bảo vệ?" Và rồi bạch Thé Tôn, con suy nghĩ như sau:

3) "Những ai thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, những người áy không bảo vệ tự ngã. Dầu cho họ được tượng binh bảo vệ, hay được mã binh bảo vệ, hay được xa binh bảo vệ, hay được bộ binh bảo vệ; đối với những người áy, tự ngã không được bảo vệ. Vì có sao? Vì sự bảo vệ như vậy là bảo vệ ở ngoài, không phải sự bảo vệ bên trong. Cho nên đối với những người áy, tự ngã không được bảo vệ."

4) Và những ai thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, những người áy bảo vệ tự ngã. Dầu cho họ không được tượng binh bảo vệ, hay không được mã binh bảo vệ, hay không được xa binh bảo vệ, hay không được bộ binh bảo vệ; đối với những người áy, tự ngã được bảo vệ. Vì có sao? Vì sự bảo vệ như vậy là sự bảo vệ bên trong, không phải sự bảo vệ ở ngoài. Cho nên đối với những người áy, tự ngã được bảo vệ."

5)

*Lành thay bảo vệ thân!
Lành thay bảo vệ lời!
Lành thay bảo vệ ý!
Lành thay tổng bảo vệ!
Kẻ liêm sĩ bảo vệ,
Tổng quát và cùng khắp,
Vị ấy có tên gọi,
Là vị được bảo vệ.*

VI. Thiếu Số (S.i,73)

1) Ở tại Sàvatthi.

2) Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thέ Tôn:

-- Ở đây, bạch Thέ Tôn, trong khi con đang ngồi yên tĩnh một mình, tư tưởng này khởi lên nơi con: "Ít thay là những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào lại có thể không bị lôi cuốn, không bị chìm đắm, không bị say mê trong các dục và không có những hành vi không tốt đẹp đối với các người khác. Trái lại, thật là nhiều thay, những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào, có thể bị lôi cuốn, bị chìm đắm, bị say mê trong các dục và có những hành vi không tốt đẹp đối với các người khác.

3) -- Thật sự là vậy, thưa Đại vương. Thật sự là vậy, thưa Đại vương. Ít thay là những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào, lại có thể không bị lôi cuốn, không bị chìm đắm, không bị say mê trong các dục và không có những hành vi không tốt đẹp đối với người khác. Trái lại, thật là nhiều thay những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào, có thể bị lôi cuốn, bị chìm đắm, bị say mê trong các dục và có những hành vi không tốt đẹp đối với các người khác.

4)

*Loài người bị đắm say,
Trong tài sản, trong dục,
Họ tham lam, điên dại,
Trong các dục ở đời,
Không ý thức rõ ràng,
Đã quá độ say mê,
Chẳng khác gì con nai,
Không thấy đặt bẫy sập,
Về sau họ khổ đau,
Chịu quả báo ác nghiệp.*

VII. Xử Kiện (S.i,74)

1) Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thέ Tôn:

2) -- Ở đây, bạch Thέ Tôn, con ngồi trong pháp đường (để xử kiện), con thấy chính các vị Sát-đé-ly đại phú, các Bà-la-môn đại phú, các gia chủ đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc; vì nhân các dục, vì duyên các dục, vì nguyên nhân các dục, đã dụng ý nói lời vọng ngôn. Bạch Thέ Tôn, con suy nghĩ như sau: "Nay ta đã chán ngấy xử kiện. Nay hãy để cho vị hiền diện (bhadramukha) được có danh tiếng nhờ tài xử kiện."

3) -- Thưa Đại vương, các vị Sát-dé-ly đại phú, các vị Bà-la-môn đại phú, các vị gia chủ đại phú, phú hào có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc; vì nhân các dục, vì duyên các dục, vì nhân duyên các dục, đã dụng ý nói lên lời vọng ngôn. Do vậy họ sẽ gánh chịu bất lợi, đau khổ trong một thời gian dài.

4)

*Loài Người bị đắm say,
Trong tài sản, trong dục,
Họ tham lam, điên dại,
Trong các dục ở đời.
Không ý thức rõ ràng,
Đã quá độ say mê,
Chẳng khác gì con cá,
Không thấy đặt bẫy sập.
Về sau họ khổ đau,
Chịu quả báo ác nghiệp.*

VIII. Mallikà: Mạt-ly (S.i,75)

1) Tại Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ vua Pasenadi nước Kosala có mặt với hoàng hậu Mallikà, trên lầu thượng (hoàng cung).

3) Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với hoàng hậu Mallikà:

-- Nay Mallikà, có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của hoàng hậu.

4) -- Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?

5) -- Nay Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.

6) Rồi vua Pasenadi nước Kosala bước xuống lầu và đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

7) -- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi lên lầu thượng (của hoàng cung) với hoàng hậu Mallikà và con nói với hoàng hậu Mallikà:

" -- Nay Mallikà, có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của hoàng hậu?".

Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, hoàng hậu Mallikà trả lời với con:

" -- Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?". Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời cho hoàng hậu Mallikà:

" -- Nay Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta".

8) Rồi Thế Tôn, sau khi biết rõ ý nghĩa này, trong lúc ấy liền nói lên bài kệ này:

*Tâm ta đi cùng khắp,
Tất cả mọi phương trời,
Cũng không tìm thấy được,
Ai thân hơn tự ngã.
Tự ngã đối mọi người,
Quá thân ái như vậy.
Vậy ai yêu tự ngã,
Chớ hại tự ngã người.*

IX. Té Đàn (S.i,75)

- 1) Tại Sàvatthi.
- 2) Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala tổ chức một đại tế đàn. Năm trăm con bò đực, năm trăm con bò con đực, năm trăm con bò con cái, năm trăm con dê, và năm trăm con cừu (urabbha) được dắt đến trụ tế lễ để làm lễ tế đàn.
- 3) Và có những người nô tỳ, hay những người phục dịch, hay những người lao động, bị hình phạt thúc đẩy, bị sọt hãi thúc đẩy, với nước mắt đầy mặt, than khóc và làm các công việc chuẩn bị (cho lễ tế đàn).
- 4) Rồi rất nhiều Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Sàvatthi để khát thực; khát thực xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lối Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:
- 5) -- Ở đây, bạch Thế Tôn, vua Pasenadi nước Kosala tổ chức một đại lễ tế đàn. Năm trăm con bò đực, năm trăm con bò con đực, năm trăm con bò con cái, năm trăm con dê, năm trăm con cừu được dắt đến trụ tế lễ để làm lễ tế đàn. Và có những người nô tỳ, hay những người phục dịch, hay những người lao động, bị hình phạt thúc đẩy, bị sọt hãi thúc đẩy, với nước mắt đầy mặt và than khóc, làm các công việc chuẩn bị cho lễ tế đàn.
- 6) Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ:

*Lễ cúng ngựa, cúng người,
Quăng coc, rượu chiến thắng,
Không chót cửa, đại lễ,
Chúng không phải quả lớn.
Chỗ nào có giết hại,
Dê, cừu và trâu bò,
Lễ tế đàn như vậy,
Bậc Đại Thánh không đi.
Tế đàn không rộn ràng,
Cúng đường được thường hằng,
Không có sự giết hại,
Dê, cừu và trâu bò,
Lễ tế đàn như vậy,
Bậc Đại Thánh sẽ đi.
Bậc trí tế như vậy,
Tế đàn vậy, quả lớn.
Ai tế lễ như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu,*

*Là té đàn vĩ đại,
Được chư Thiên hoan hỷ.*

X. Triền Phượç (S.i,76)

- 1) Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala đang bắt trói một số đông người. Một số người bị trói bằng dây, một số người bị trói bằng dây chuyền, một số người bị trói bằng kềm kẹp.
- 2) Rồi một số đông Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi vào Sàvatthi để khất thực. Đi khất thực xong, sau bữa ăn, trên con đường khất thực trở về, họ đi đến Thé Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.
- 3) Ngoài xuống một bên, các Tỷ-kheo áy bạch Thé Tôn:

-- Ở đây, bạch Thé Tôn, vua Pasenadi nước Kosala bắt trói một số đông người. Một số người bị trói bằng dây, một số người bị trói bằng dây chuyền, một số người bị trói bằng kềm kẹp.

Rồi Thé Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc áy nói lên bài kệ:

*Bậc có trí nói rằng
Trói vậy không vững chắc,
Trói bằng sắt, dây gai,
Kềm kẹp bằng gỗ mộc;
Đam mê các dục lạc,
Với châu báu, trang sức,
Và tâm tư tưởng vọng,
Hướng về con, về vợ.
Bậc có trí nói rằng
Trói vậy thật vững chắc.
Dầu trói buộc trì xuống,
Té nhị và khó thoát,
Các vị chơn xuất gia,
Cắt đứt chúng làm đôi,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi dục lạc.*

II. Phẩm Thứ Hai

I. Bện Tóc (S.i,77)

- 1) Một thời Thé Tôn ở tại Sàvatthi, Pubbàràma (Đông Viên), tại lâu đài Migàramàtu (Lộc Tử Mẫu giảng đường).
- 2) Lúc bấy giờ, Thé Tôn vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, và đến ngồi tại mái hiên phía cửa ngoài.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn và ngồi xuống một bên.

- 3) Lúc bấy giờ, bảy vị bện tóc, bảy vị Niganthà, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ với thân đầy lông, với móng tay dài, lớn như cây lau, mang các dụng cụ khất sĩ đang đi ngang qua, cách Thé Tôn

không xa bao nhiêu.

4) Rồi vua Pasenadi nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào phía một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chắp tay hướng về bảy vị bện tóc, bảy vị Niganthà, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc môt y và bảy vị du sĩ ấy và nói lên ba lần tên của mình: "Thura chư Tôn, con là vua Pasenadi nước Kosala".

5) Rồi vua Pasenadi nước Kosala, khi bảy vị bện tóc, bảy vị Niganthà, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc môt y và bảy vị du sĩ ấy đã đi qua không lâu liền đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

6) Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, có phải những Tôn giả ấy là những vị A-la-hán trên đời này, hay là những vị đang đi trên con đường hướng đến đạo quả A-la-hán?

7) -- Thura Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ, trong khi còn sống thọ hưởng các dục, bị con cái trói buộc, quen dùng các loại chiên đàn ở xứ Kàsi, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, sử dụng vàng và bạc, thời Đại vương thật khó biết được các vị ấy là bậc A-la-hán hay là bậc đang đi con đường hướng đến A-la-hán quả.

8) Thura Đại vương, chính phải cọng trú mới biết được giới đức của một người, và phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

9) Thura Đại vương, chính phải cùng chung một nghề mới biết được sự thanh tịnh của một người, phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

10) Thura Đại vương, chính trong thời gian bát hạnh mới biết được sự trung kiên của một người, phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

11) Thura Đại vương, chính phải đàm đạo mới biết được trí tuệ của một người, và phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

12) -- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: " Thura Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ... ... không phải không với ác tuệ"!

13) Bạch Thế Tôn, có những người trinh thám này của con, những người trinh sát, sau khi đi trinh sát một nước, họ đến con. Trước hết họ báo cáo rồi con mới đúc kết.

14) Bạch Thế Tôn, ở đây những người ấy sau khi tẩy sạch bụi và nhớp, sau khi tắm rửa và xoa dầu, sau khi chải sạch râu tóc, mặc áo vải trắng, họ được hầu hạ săn sóc và cho thọ hưởng năm dục công đức.

15) Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy mới nói lên bài kệ:

*Không phải do sắc tướng,
Biết rõ được con người,
Không phải nhìn thoáng qua,
Đặt được lòng tin cậy.*

*Dưới bộ áo đạo đức,
Với hình tướng tự chế,
Những kẻ sống buông thả,
Sóng phây phây đời này.
Như bông tai bằng đất,
Giả dạng bông tai thật,
Như nứa tiền bằng đồng,
Được sơn phết lớp vàng.
Một số sống che đây,
Ân kín dưới bê ngoài,
Nội thân thật bất tịnh,
Mặt ngoài giả mỹ diệu.*

II. Năm Vua (S.i,79)

- 1) Trú ở Sàvatthi.
- 2) Một thời, năm vị vua, với vua Pasenadi nước Kosala là thượng thủ, đang thọ hưởng, được cung cấp và được đoanh vây với năm dục công đức. Câu chuyện sau đây được khởi lên giữa các vị ấy: "Dục lạc nào tối thượng?"
- 3) Ở đây, có người nói: "Sắc là dục tối thượng"; có người nói: "Tiếng là dục tối thượng"; có người nói: "Hương là dục tối thượng"; có người nói: "Vị là dục tối thượng"; có người nói: "Xúc là dục tối thượng". Và các vua ấy không thể thuyết phục nhau về vấn đề này.
- 4) Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với các vua ấy:
 - Chu Tôn giả, chúng ta hãy đi đến Thé Tôn, sau khi đến hãy hỏi Thé Tôn ý nghĩa này. Thé Tôn trả lời chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.
- 5) -- Thưa vâng, Tôn giả.
- Các vua ấy vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala.
- 6) Rồi năm vua ấy, với vua Pasenadi nước Kosala là thượng thủ, đi đến Thé Tôn, sau khi đến, đánh lẽ Thé Tôn và ngồi xuống một bên.
- 7) Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thé Tôn:
 - Ở đây, bạch Thé Tôn, năm vua chúng con đang thọ hưởng, được cung cấp, được đoanh vây với năm dục công đức, câu chuyện sau đây được khởi lên giữa chúng con: "Dục nào là tối thượng?". Có người nói: "Sắc là dục tối thượng". Có người nói: "Tiếng là dục tối thượng". Có người nói: "Hương là dục tối thượng". Có người nói: "Vị là dục tối thượng". Có người nói: "Xúc là dục tối thượng". Bạch Thé Tôn, dục nào là tối thượng?
- 8) -- Thưa Đại vương, tùy theo cùng độ ưa thích mà Ta nói rằng dục ấy là tối thượng trong năm dục công đức. Vâng thưa Đại vương, các sắc ấy đối với một số người được ưa thích, các sắc ấy đối với một số người không được ưa thích. Thưa Đại vương, nếu một ai ưa thích đối với các sắc pháp, tâm viên ý mãn, không có muôn các sắc pháp nào khác hơn, các sắc pháp nào tốt đẹp hơn các sắc pháp ấy, thời đối với vị này, các sắc pháp ấy là tối thượng, đối với vị này, các sắc pháp ấy là vô thượng.

9) Thưa Đại vương,các tiếng áy... ... Các hương áy Các vị áy... ... Thưa Đại vương, các xúc áy đối với một số người được ưa thích, các xúc áy đối với một số người không được ưa thích. Thưa Đại vương, nếu một ai ưa thích đối với xúc pháp, tâm viên ý mãn, không có ý muốn các xúc pháp nào khác hơn, các xúc pháp nào tốt hơn các xúc pháp áy, thời đối với vị này, các xúc pháp áy là tối thượng, các xúc pháp áy là vô thượng.

10) Lúc bấy giờ, có cư sĩ Candanangalika đang ngồi trong hội chúng áy. Rồi cư sĩ Candanangalika từ chỗ ngồi đứng dậy đắp thượng y lên một bên vai, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, một tư tưởng khởi lên nơi con. Bạch Thiện Thệ, một tư tưởng khởi lên nơi con.

11) Thế Tôn nói:

-- Này Candanangalika, hãy nói lên tư tưởng áy.

12) Rồi cư sĩ Candanangalika trùoc mặt Thế Tôn tán thán với một bài kệ thích nghi:

*Giống như hoa sen đỏ,
Nực thơm mùi hương dịu,
Sáng sớm tinh sương nở,
Với hương hoa úr động.
Hãy xem Angira,
Chói hào quang chiếu diệu,
Như mặt trời sáng chói,
Giữa hư không bao la.*

13) Rồi năm vị vua áy đắp năm áo lên trên mình cư sĩ Candanangalika.

14) Nhưng cư sĩ Candanangalika đắp năm áo áy lên trên thân Thế Tôn.

III. Đại Thực: Ăn nhiều (S.i,81)

1) Trú ở Sàvatthi.

Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala thường ăn bữa ăn thịnh soạn.

2) Rồi vua Pasenadi nước Kosala sau khi ăn xong, no đủ, thỏa thích, đi đến Thế Tôn sau khi đến, đánh lẽ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

3) Rồi Thế Tôn sau khi biết vua Pasenadi nước Kosala đã ăn xong, no đủ, thỏa thích, ngay lúc áy nói lên bài kệ:

*Con người thường chánh niệm,
Được ăn, biết phải chăng,
Chứng mục, cảm thọ mạnh,
Già chậm, tuổi thọ dài.*

4) Lúc bấy giờ, thanh niên Bà-la-môn Sudassana đứng sau lưng vua Pasenadi nước Kosala.

5) Rồi vua Pasenadi nước Kosala gọi thanh niên Sudassana:

-- Nay Bạn, hãy đi đến và học thuộc lòng bài kệ từ Thέ Tôn và trong khi dọn ăn cho ta, hãy đọc lên bài kệ ấy. Ta sẽ cấp thường nhật cho ông một trăm đồng tiền vàng.

6) -- Thura vâng, Đại vương.

Thanh niên Sudassana vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala, học thuộc lòng bài kệ này từ Thέ Tôn, và trong khi dọn cơm cho vua Pasenadi nước Kosala, đọc lên bài kệ này:

*"Con người thường chánh niệm,
Được ăn, biết phải chăng,
Chứng mục, cảm thọ mạnh,
Già chậm, tuổi thọ dài."*

7) Rồi vua Pasenadi nước Kosala tuân túy hạn chế, cho đến chỉ ăn nhiều nhất là một nàlika.

8) Vua Pasenadi sau một thời gian, thân thể được khỏe mạnh, tự tay thoa bóp chân tay và nói lên lời cảm hứng sau đây: "Ôi, thật sự Thέ Tôn đã thương tưởng nghĩ đến lợi ích cho ta, cả hai đời hiện tại và vị lai!"

IV,V. Hai Lời Nói Về Chiến Tranh (Si,82)

Trú ở Sàvatthi.

1) Vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha, triệu tập bốn binh chủng gây chiến với vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kàsi.

2) Vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha triệu tập bốn binh chủng gây chiến với ta và tiến đánh Kàsi."

3) Rồi vua Pasenadi nước Kosala sau khi triệu tập bốn loại binh chủng dàn trận ở Kàsi, chống vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha.

4) Rồi vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha, tấn công vua Pasenadi nước Kosala. Trong cuộc chiến trận, vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha chiến thắng vua Pasenadi nước Kosala. Bị chiến bại, vua Pasenadi nước Kosala lui về tại kinh đô Sàvatthi.

5) Rồi một số Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Đi khát thực ở Sàvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về, họ đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, đánh lê Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

6) -- Ở đây, bạch Thέ Tôn, vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng gây chiến với vua Pasenadi nước Kosala, tiến đánh Kàsi. Bạch Thέ Tôn, vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajàtasattu con bà Videhi nước Magadha gây chiến với ta, tiến đánh Kàsi". Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận ở Kàsi chống vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha. Bạch Thέ Tôn, rồi vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha và vua Pasenadi nước Kosala xáp chiến nhau. Trong cuộc chiến trận ấy, vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha chiến thắng vua Pasenadi nước Kosala. Bạch Thέ Tôn, bị chiến bại, vua Pasenadi nước Kosala rút lui về kinh đô của mình là Sàvatthi.

7) -- Nay các Tỷ-kheo, vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha là ác hữu, là ác bạn lữ, là ác giao

du. Và này các Tỷ-kheo, vua Pasenadi nước Kosala là thiện hữu, là thiện bạn lữ, là thiện giao du. Và này Tỷ-kheo, hôm nay, trong đêm này, vua Pasenadi nước Kosala trải một đêm đau khổ của người bại trận.

*Thắng trận sanh thù oán,
Bại trận ném khổ đau,
Ai bỏ thắng, bỏ bại,
Tịch tĩnh, hưởng an lạc.*

8) Rồi vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kàsi.

9) Vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến ta và tiến đánh Kàsi."

10) Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận ở Kàsi chống vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha.

11) Rồi vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha và vua Pasenadi nước Kosala xáp chiến với nhau. Trong cuộc chiến ấy, vua Pasenadi nước Kosala chiến thắng vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha và bắt sống vua ấy.

12) Rồi vua Pasenadi nước Kosala suy nghĩ như sau: "Tuy vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha làm hại ta, dầu ta không làm hại ai; nhưng vua ấy là cháu trai của ta. Vậy ta hãy tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha và chỉ tha cho vua ấy mạng sống".

13) Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau khi tịch thu toàn bộ tượng binh... ... và chỉ tha cho vua ấy mạng sống.

14) Rồi một số lớn vị Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, mang theo y bát và đi vào Sàvatthi để khát thực. Khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, họ đi đến Thế Tôn sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

15) -- Ở đây, bạch Thế Tôn, vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kàsi. Bạch Thế Tôn, vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với ta và tiến đánh Kàsi". Rồi bạch Thế Tôn, vua Pasendi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận chống vua Ajàtasattu, con bà Videhi, nước Magadha. Rồi Bạch Thế Tôn ,vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha và vua Pasenadi nước Kosala xáp chiến với nhau. Trong cuộc chiến ấy, vua Pasenadi nước Kosala chiến thắng vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha và bắt sống vua ấy. Rồi vua Pasenadi nước Kosala suy nghĩ như sau: "Tuy vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha làm hại ta, dầu ta không làm hại ai; nhưng vua ấy là cháu trai của ta. Vậy ta hãy tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha và chỉ tha cho vua ấy mạng sống." Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau khi tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của vua Ajàtasattu con bà Videhi nước Magadha, và tha cho vua ấy mạng sống.

16) Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ:

Vì nghĩ đến tư lợi,

*Nên mới cướp hại người,
Khi người khác cướp hại,
Bị hại, lại hại người.
Người ngu nghĩ như vậy,
Khi ác chưa chín muồi,
Khi ác đã chín muồi,
Người ngu chịu khổ đau.
Sát người, bị người sát,
Thắng người, bị người thắng,
Mắng người, người mắng lại,
Não người, người não lại,
Do nghiệp được diễn tiến,
Bị hại, lại hại người.*

VI. Người Con Gái (S.i,86)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn và ngồi xuống một bên.
- 3) Rồi một người đi đến vua Pasenadi nước Kosala và báo tin kè bên tai vua Pasenadi nước Kosala: "Thưa Đại vương, hoàng hậu Mallikà đã sinh hạ được một người con gái".
- 4) Khi được nói vậy, vua Pasenadi nước Kosala không được hoan hỷ.
- 5) Rồi Thé Tôn, sau khi biết vua Pasenadi nước Kosala không được hoan hỷ, ngay lúc ấy nói lên bài kệ:

*Này Nhân chủ, ở đời,
Có một số thiếu nữ,
Có thể tốt đẹp hơn,
So sánh với con trai,
Có trí tuệ, giới đức,
Khiến nhạc mẫu thân phục.
Rồi sinh được con trai,
Là anh hùng, quốc chủ,
Người con trai như vậy,
Của người vợ hiền đức,
Thật xứng là Đạo sư,
Giáo giới cho toàn quốc.*

VII. Không Phóng Dật (S.i,86)

- 1) Ở tại Sàvatthi.
- 2)... Ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thé Tôn:
-- Bạch Thé Tôn, có một pháp nào có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau?
- 3) -- Thưa Đại vương, có một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời

này và hạnh phúc đời sau.

4) -- Bạch Thé Tôn, pháp ấy là gì, có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau?

5) -- Bất phóng dật, thura Đại vương, là một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau. Thura Đại vương, cũng như con voi, trong tất cả loài hữu tình có chân, tóm thâu tất cả đặc tướng của chân trong bàn chân của nó; và bàn chân của voi được xem là đệ nhất về phương diện to lớn trong tất cả loại chân. Cũng vậy, thura Đại vương, bất phóng dật là một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau.

6)

*Ai ước nguyện tuổi tho,
Không bệnh, có diệu sắc,
Được sanh lên Thiên giới,
Sanh các nhà quý tộc,
Phải liên tục tăng thượng,
Tinh tấn, không dừng nghỉ.
Người hiền triết tán thán,
Hạnh lành không phóng dật,
Đối với những người lành,
Làm các hạnh công đức,
Người hiền không phóng dật,
Được cả hai lợi ích,
Lợi ích trong đời này,
Lợi ích cả đời sau.
Kẻ anh hùng được gọi,
Là bậc chọn hiền trí,
Nếu biết nắm chụp lấy,
Hạnh phúc cho chính mình.*

VIII. Không Phóng Dật (S.i,87)

1) Trú ở Sàvatthi.

2) ... Rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thé Tôn:

-- Ở đây, bạch Thé Tôn, trong khi con ngồi yên tĩnh một mình, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Pháp được Thé Tôn khéo giảng. Và pháp ấy giảng cho thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, không phải cho ác hữu, ác bạn lữ, ác giao du".

3) -- Như vậy là phải, thura Đại vương. Thura Đại vương, pháp được Ta khéo giảng. Và pháp ấy giảng cho thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, không phải cho ác hữu, ác bạn lữ, ác giao du.

4) Một thời, thura Đại vương, Ta ở giữa dòng họ Sakka (Thích-ca) tại một thị trấn của các vị Sakka.

5) Rồi thura Đại vương, Tỷ-kheo Ananda đến Ta, sau khi đến, đánh lẽ Ta và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thura Đại vương, Tỷ-kheo Ananda bạch với Ta:

-- Bạch Thé Tôn, quá phần nửa đời sống Phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du."

6) Khi được nói vậy, thưa Đại vương. Ta nói với Tỷ-kheo Ananda:

" -- Nay Ananda, không phải vậy. Nay Ananda, không phải vậy. Thật sự, nay Ananda, toàn phần đời sống Phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du. Từ một Tỷ-kheo làm bạn với thiện, nay Ananda, chúng ta hy vọng rằng vị ấy sẽ tu trì Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành của vị thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du.

7) Và Ananda, thế nào là Tỷ-kheo thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

8) Ở đây, nay Ananda, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ đoạn diệt, y cứ xả ly, tu tập chánh tư duy..., tu tập chánh ngữ..., tu tập chánh nghiệp..., tu tập chánh mạng..., tu tập chánh tinh tấn..., tu tập chánh niệm..., tu tập chánh định, y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ đoạn diệt, y cứ xả ly. Như vậy, nay Ananda, là vị Tỷ-kheo thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

9) Và chính theo pháp môn này, nay Ananda, Ông cần phải hiểu như thế nào toàn phần đời sống Phạm hạnh này là thuộc về thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du.

10) Nay Ananda, chính vì Ta y cứ, làm bạn với thiện, nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị bệnh được giải thoát khỏi bệnh; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Và chính theo pháp môn này, nay Ananda, Ông cần phải hiểu như thế nào toàn phần đời sống Phạm hạnh này là thuộc về thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du."

11) Do vậy, nay Đại vương, cần phải học như sau: "Tôi sẽ là thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du". Như vậy, nay Đại vương, Đại vương cần phải học. Nay Đại vương, để Đại vương có thể trở thành thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, Đại vương cần phải y cứ, an trú vào một pháp, tức là không phóng dật trong các thiện pháp.

12) Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời các nữ cung nhân sẽ suy nghĩ: "Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật."

13) Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, các vị Sát-đế-ly chư hầu sẽ suy nghĩ: "Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật."

14) Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, các dân chúng ở thị trấn và quốc đô sẽ suy nghĩ: "Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật. Vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật."

15) Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời tự ngã được che chở, hộ trì, nội cung được che chở hộ trì, kho tàng được che chở, hộ trì.

16)

*Người ước mong tài sản,
Phải liên tục tăng thương,
Người hiền trí tán thán,
Hạnh lành không phóng dật.
Đối với những người lành,
Làm các hạnh công đức.
Người hiền không phóng dật,
Được cả hai lợi ích,
Lợi ích trong đời này,
Lợi ích cả đời sau.
Kẻ anh hùng được gọi
Là bậc chơn hiền trí,
Nếu biết nắm chụp lấy
Hạnh phúc cho chính mình.*

IX. Không Con (S.i,89)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Rồi vua Pasenadi nước Kosala, vào buổi trưa đi đến Thê Tôn, sau khi đến, đánh lẽ Thê Tôn và ngồi xuống một bên. Thê Tôn nói với vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên:
 - Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu đến trong giữa trưa như thế này?
 - 3) -- Ở đây, bạch Thê Tôn, có triệu phú gia chủ ở Sàvatthi bị mệnh chung, và con đén để xem tài sản của vị không có con áy được chở vào nội thành. Bạch Thê Tôn, có đến tám triệu đồng tiền vàng, không nói đến tiền bằng bạc. Bạch Thê Tôn, tuy vậy đồ ăn của triệu phú gia chủ áy lại chỉ gồm có cháo tẩm chua ngày hôm qua để lại. Còn vải mặc chỉ mang vải gai may thành ba tấm. Còn xe thì đi xe nhỏ, cũ kỹ và hư nát, có gắn tán che bằng lá.
 - 4) -- Thật như vậy, thưa Đại vương! Thật như vậy, thưa Đại vương! Một kẻ không phải Chân nhân, thưa Đại vương, dù cho có được tài sản lớn không đem lại an lạc cho mình, không đem lại an lạc cho cha mẹ, không đem lại an lạc cho vợ con, không đem lại an lạc cho các người phục vụ, cho các người làm công hoan hỷ, không đem lại an lạc cho bạn bè thân hữu; đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, không thiết trí các sự cúng dường hướng thượng, có khả năng đưa lên thượng giới, đưa đến lạc quả, hướng đến Thiên giới. Các tài sản của người áy nếu không thọ dụng chơn chánh, thời vua chúa sẽ cướp đoạt, hay trộm cắp cướp đoạt, hay bị lửa đốt, hay bị nước cuốn trôi, hay bị con cháu thừa tự thù nghịch cướp đoạt. Sự việc là như vậy, thưa Đại vương, các tài sản nếu không thọ dụng chơn chánh, đưa đến tốn gián, không đưa đến thọ hưởng.
 - 5) Ví như, thưa Đại vương, một hồ nước tại chỗ vắng người, với nước trong sáng, với nước mát lạnh, với nước dịu ngọt, với nước trắng tinh, với bờ bến tốt đẹp và khả ái. Nhưng không có người đến gánh nước, hay uống nước, hay tắm, hay sử dụng hồ nước áy vào bất cứ công việc gì. Như vậy, thưa Đại vương, nước áy không được thọ dụng chơn chánh sẽ đưa đến tốn gián, không đưa đến thọ hưởng. Cũng vậy, thưa Đại vương, một kẻ không phải Chân nhân, dù cho có được tài sản lớn, không đem lại an lạc cho mình... . Sự việc là như vậy, thưa Đại vương, các tài sản nếu không thọ dụng chơn chánh, đưa đến tốn gián, không đưa đến thọ hưởng.
 - 6) Và bậc Chân nhân, thưa Đại vương, có được tài sản lớn, đem lại an lạc cho mình, đem lại an lạc cho cha mẹ, đem lại an lạc cho vợ con, đem lại an lạc cho người phục vụ, cho người làm công, đem lại an

lạc cho bạn bè thân hữu; đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thiết trí các sự cúng dường hướng thượng, có khả năng thăng lên thượng giới, đưa đến lạc quả, hướng đến Thiên giới. Các tài sản của người ây được thọ dụng chơn chánh, thời vua chúa không cướp đoạt, hay trộm cắp không cướp đoạt, hay không bị lừa đốt, hay không bị nước cuốn trôi, hay không bị con cháu thừa tự thù nghịch cướp đoạt. Sự việc là như vậy, thưa Đại vương, các tài sản nếu thọ dụng chơn chánh, sẽ đưa đến thọ hưởng, không đưa đến tổn giảm.

7) Ví như, thưa Đại vương, một hồ nước không xa làng mạc hay thị trấn, với nước trong sáng, với nước mát lạnh, với nước dịu ngọt, với nước trắng tinh, với bờ bến tốt đẹp và khả ái. Và có người đến gánh nước, hay uống nước, hay tắm, hay sử dụng hồ nước ấy vào bất cứ công việc gì. Như vậy, thưa Đại vương, nước ấy được thọ dụng chơn chánh, sẽ đưa đến thọ hưởng, không đưa đến tổn giảm. Cũng vậy, thưa Đại vương, một bậc Chân nhân khi được tài sản lớn, đem lại an lạc cho mình... ... Sự việc là vậy, các tài sản được sử dụng chơn chánh, sẽ đưa đến thọ hưởng, không đưa đến tổn giảm.

8)

*Như nước trong tươi mát,
Nằm tại chỗ không người,
Không người uống, người dùng,
Đi đến chỗ tổn giảm;
Cũng vậy là tài sản,
Kẻ hạ liệt có được,
Không tự mình thọ hưởng,
Lại không cho một ai.
Kẻ trí tuệ sáng suốt,
Tài sản thâu hoạch được,
Biết thọ dụng, phục vụ,
Với bà con, đoàn thể,
Trở thành như nguru vương,
Nuôi dưỡng và giúp đỡ,
Vô tội khi bị chém,
Được sanh lên Thiên giới.*

X. Không Có Con (S.i,91)

1) Rồi vua Pasenadi nước Kosala, giữa trưa, đi đến Thé Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn và ngồi xuống một bên. Thé Tôn nói với vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên:

-- Thưa Đại vương, Đại vương đi đâu lại giữa trưa như thế này?

2) -- Ở đây, bạch Thé Tôn, có triệu phú gia chủ ở Sàvatthi bị mệnh chung. Và con đến để xem tài sản của vị không có con ấy được chở vào nội thành. Bạch Thé Tôn, có đến tám triệu đồng tiền vàng, không nói đến tiền bằng bạc. Bạch Thé Tôn, tuy vậy đồ ăn của vị triệu phú gia chủ ấy lại chỉ gồm có cháo tám chua ngày hôm qua để lại. Còn vài mặc chỉ mang vài gai may thành ba tấm. Còn xe thì đi xe nhỏ cũ kỹ và hư nát, có gắn tán che bằng lá.

3) -- Thật như vậy, thưa Đại vương. Thật như vậy, thưa Đại vương. Thưa Đại vương, vị triệu phú gia chủ ấy thuở xưa, đã bố thí đồ ăn khất thực cho một vị Bích-chi Phật tên là Tagarasikkhi. Vị ấy nói: "Hãy bố thí cho vị Sa-môn". Nói xong, vị ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi bỏ đi. Nhưng về sau, vị ấy hồi tiếc, nói rằng: "Tốt hơn, các người phục dịch hay làm công ăn đồ ăn khất thực này". Và hơn nữa, vị ấy

đoạt mạng sống người con độc nhất của người anh, vì tài sản của người ấy.

4) Thura Đại vương, vì người triệu phú gia chủ ấy có bồ thí đồ ăn khát thực cho vị Độc Giác Phật tên là Tagarasikkhi. Do kết quả hành động ấy, vị ấy được sanh bảy lần lên thiện thú, Thiên giới. Do kết quả dư hướng còn lại, vị ấy được làm nhà triệu phú bảy lần ở Sàvatthi này.

5) Thura Đại vương, vì người triệu phú gia chủ ấy sau khi bố thí về, lại hối tiếc nói rằng: "Tốt hơn, các người phục vụ hay làm công ăn đồ ăn khát thực này". Do kết quả của hành động ấy, tâm của vị ấy hướng về các món ăn không được tốt đẹp, tâm của vị ấy hướng về các đồ mặc không được tốt đẹp, tâm của vị ấy hướng về các xe cộ không được tốt đẹp, tâm của vị ấy hướng về sự thọ hưởng năm dục công đức không được tốt đẹp.

6) Thura Đại vương, vì người triệu phú gia chủ ấy đoạt mạng sống người con độc nhất của người anh, vì tài sản của người ấy. Do kết quả hành động của vị ấy, vị ấy bị nung nấu ở địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều trăm ngàn năm. Do kết quả dư hướng còn lại, gia tài không con bảy lần phải nhập vào công khố của vua. Thura Đại vương, đối với người triệu phú gia chủ này, các công đức cũ bị đoạn diệt và công đức mới chưa được chừa cất thêm. Và nay, thura Đại vương, người triệu phú gia chủ đang bị nung nấu trong địa ngục Mahàroruva.

7) -- Bạch Thê Tôn, như vậy người triệu phú gia chủ đã sanh vào địa ngục Mahàroruva?

8) -- Thura Đại vương, như vậy người triệu phú gia chủ đã sanh vào địa ngục Mahàroruva.

9)

*Lúa, tài sản, vàng bạc,
Hay mọi vật sở hữu,
Nô tỳ và lao công,
Các mạng sống tùy thuộc,
Vị ấy phải ra đi,
Không đem theo được ai,
Tất cả phải bỏ lại,
Khi ra đi một mình.*

10)

*Chỉ có các hành động,
Về thân, miệng và ý.
Mới thật thuộc vị ấy,
Mang theo khi ra đi,
Nghiệp ấy theo vị ấy,
Như bóng không rời hình.*

11)

*Do vậy hãy làm lành,
Tích lũy cho đời sau,
Công đức cho đời sau,
Làm hậu cứ cho người.*

III Phẩm Thứ Ba

I. Người (S.i,93)

1) Ở tại Sàvatthi.

2) Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thέ Tôn nói với vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên:

-- Thưa Đại vương, có bốn loại người này có mặt, hiện diện ở đời.

3) Thέ nào là bốn? Sống trong bóng tối và hướng đến bóng tối, sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng, sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối, sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng. (Xem A ii, 85; Tăng II 85).

4) Thưa Đại vương, và thế nào là người sống trong bóng tối hướng đến bóng tối? Ở đây, thưa Đại vương, có một số người sanh trong gia đình hạ tiện, gia đình kẻ chiên-đà-la hay gia đình người đan rổ, hay gia đình người làm bẫy sập, hay gia đình người làm xe, hay gia đình người đồ rác nghèo đói, ăn uống thiếu thốn, sanh kế khó khăn, khó kiếm đồ ăn mặc, và người ấy xấu xí khó nhìn, còm lưng, nhiều bệnh, mù lòa, quẹo tay, bại chân, hay nửa thân tê liệt. Người ấy không nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phán sáp, không nhận được chõ năm, chõ ở, đèn đuốc. Người ấy thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thưa Đại vương, ví như một người đi từ tối tăm này đến tối tăm khác, hay đi từ hắc ám này đến hắc ám khác, hay từ vết máu đỏ này đến vết máu đỏ khác. Thưa Đại vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong bóng tối, hướng đến bóng tối.

5) Và thưa Đại vương, thế nào là người sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng? Ở đây, thưa Đại vương, có một số người sanh trong gia đình hạ tiện, gia đình kẻ chiên-đà-la, hay gia đình người đan rổ, hay gia đình người làm bẫy sập, hay gia đình người làm xe, hay gia đình người đồ rác, nghèo đói, ăn uống thiếu thốn, sanh kế khó khăn, khó kiếm đồ ăn mặc. Và người ấy xấu xí, khó nhìn, còm lưng, nhiều bệnh, mù lòa, quẹo tay, bại chân hay nửa thân tê liệt. Người ấy không nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phán sáp, không nhận được chõ năm, chõ ở, đèn đuốc. Người ấy thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Do thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, sau khi thân hoại mạng chung người ấy được sanh lên thiên thú, Thiên giới, cõi đời này. Thưa Đại vương, ví như một người từ đất leo lên kiệu, hay từ kiệu leo lên lưng ngựa, hay từ lưng ngựa leo lên thân voi, hay từ thân voi leo lên lầu. Thưa Đại vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng.

6) Và thưa Đại vương, thế nào là người sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối? Ở đây, thưa Đại vương, có số người sanh ra trong gia đình cao quý, trong gia đình Sát-đé-ly đại phú, hay trong gia đình Bà-la-môn đại phú, hay trong gia đình gia chủ đại phú, phú hào có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, nhiều tiền của, ngũ cốc. Người ấy đẹp trai, dễ nhìn, dễ thương, với màu da tuyệt đẹp, mỹ miều. Người ấy lại nhận được đồ ăn, đồ uống, áo mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phán sáp, chõ năm, chõ trú, đèn đuốc. Người ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ví như, thưa Đại vương, một người từ lầu leo xuống thân voi, hay từ thân voi leo xuống lưng ngựa, hay từ lưng ngựa leo xuống chiếc kiệu, hay từ chiếc kiệu leo xuống đất, hay từ đất leo xuống lòng đất tối tăm. Thưa Đại vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối.

7) Và thura Đại vương, thế nào là người sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng? Ở đây, thura Đại vương, có người sanh ra trong gia đình cao quý, trong gia đình Sát-đế-ly đại phú, hay trong gia đình Bà-la-môn đại phú, hay trong gia đình gia chủ đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc. Và người ấy đẹp trai, dễ nhìn, dễ thương, với màu da tuyệt đẹp, mỹ miều. Người ấy lại nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, chõ nấm, chõ trú, đèn đuốc. Người ấy thân làm thiện, miệng nói thiên, ý nghĩ thiện. Do thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, người ấy khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Ví như, thura Đại vương, một người từ chiếc kiệu này bước qua chiếc kiệu khác, hay từ lưng ngựa này bước qua lưng ngựa khác, hay từ thân voi này bước qua thân voi khác, hay từ lầu này bước qua lầu khác. Thura Đại vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thura Đại vương, như vậy là người sống trong ánh sáng, hướng đến ánh sáng.

8) Thura Đại vương, những người như vậy có mặt, hiện diện trong đời.

9) Thura Đại vương, người nghèo đói bất tín và xan tham :

*Keo kiết, ác tư duy,
Tà kién, thiếu lẽ nghĩa,
Nhiếc mắng và mạ ly
Sa-môn, Bà-la-môn,
Cùng các khát sĩ khác;
Không cho, làm phiền nhiều,
Ngăn chặn sự bồ thí,
Cơm nước cho người xin;
Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Sanh địa ngục hải hùng.
Ôi Nhân chủ, người vậy,
Được gọi sanh bóng tối,
Và hướng đến bóng tối.*

10)

*Đại vương, người nghèo đói
Có tín, không xan tham,
Bồ thí, thiện tư duy,
Có chí, tâm không loạn,
Đứng dậy và chào đón
Sa-môn, Bà-la-môn,
Cùng các khát sĩ khác,
Tu học hạnh thăng bằng;
Không ngăn sự bồ thí,
Cơm nước cho người xin;
Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Được sanh lên Thiên giới,
Ôi Nhân chủ, người vậy,
Được gọi sanh bóng tối,
Nhưng hướng đến ánh sáng.*

11)

*Đại vương, người hào phú,
Bất tín và xan tham,
Keo kiết, ác tư duy,
Tà kiến, không lễ nghĩa,
Nhiếc mắng và mạ lỵ.
Sa-môn, Bà-la-môn,
Cùng các khát sĩ khác,
Không cho, làm phiền nhiều,
Ngăn chặn sự bồ thí,
Cơm nước cho người xin.
Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Phải sanh vào địa ngục.
Ôi Nhân chủ, người vậy,
Được gọi sanh ánh sáng,
Và hướng đến bóng tối.*

12)

*Đại vương, người hào phú,
Có tín, không xan tham,
Bồ thí, thiện tư duy,
Có chí, tâm không loạn.
Đứng dậy và chào đón,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Cùng các khát sĩ khác,
Tu học hạnh hòa bình,
Không ngăn sự bồ thí,
Cơm nước cho người xin.
Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Được sanh lên Thiên giới,
Ôi Nhân chủ, người vậy,
Được gọi sanh ánh sáng,
Và hướng đến ánh sáng.*

II. Tỗ Mẫu (S.i,96)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Thέ Tôn nói với vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên:

-- Đại vương đi từ đâu lại, giữa trưa như thế này?

3) -- Bạch Thέ Tôn, tổ mẫu của con mệnh chung, già nua, tuổi tác, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đạt đến tuổi thọ, đã mệnh chung, được một trăm hai mươi tuổi.

4) Bạch Thέ Tôn, con rất ái luyến và quý mến tổ mẫu. Bạch Thέ Tôn, nếu con được cho một voi báu, hay để tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho voi báu để tổ mẫu con khỏi chết. Bạch Thέ Tôn, nếu con được cho một ngựa báu, hay để tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho ngựa báu để tổ mẫu con khỏi chết. Bạch Thέ

Tôn, nếu con được cho một thôn làng tốt đẹp, hay để tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho thôn làng tốt đẹp để tổ mẫu con khỏi chết. Bạch Thé Tôn, nếu con có thể được cho một quốc độ, hay để tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho quốc độ để tổ mẫu con khỏi chết.

5) -- Tất cả chúng sanh, thura Đại vương, đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết.

6) -- Thật là vi diệu, bạch Thé Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thé Tôn! Bạch Thé Tôn, Thé Tôn đã khéo nói: "Tất cả chúng sanh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết."

7) -- Như vậy là phải, thura Đại vương. Như vậy là phải, thura Đại vương. Tất cả chúng sanh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết. Ví như, thura Đại vương, tất cả đồ gốm do người thợ gốm làm ra, chưa nung chín hay đã nung chín, tất cả đồ gốm ấy đều phải bể, đều kết thúc trong sự bể, đều không vượt qua sự bể. Cũng vậy, thura Đại vương, tất cả chúng sanh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết.

8)

*Mọi chúng sanh sẽ chết,
Mạng sống, chết kết thúc,
Tùy nghiệp, họ sẽ đi,
Nhận lãnh quả thiện ác,
Ác nghiệp đọa, địa ngục,
Thiện nghiệp, lên Thiên giới.
Do vậy hãy làm lành,
Tích lũy cho đời sau,
Công đức cho đời sau,
Làm hậu cứ cho người.*

III. Thé Gian (S.i,98)

1) Ở tại Sàvatthi.

2) Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, có bao nhiêu pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú?

3) -- Thura Đại vương, có ba pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú.

4) Thé nào là ba? Thura Đại vương, tham là pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú. Thura Đại vương, sân là pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú. Thura Đại vương, si là pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú.

5) Thura Đại vương, ba pháp này ở đời, khi khởi lên đem lại bất lợi, đau khổ, bất an trú.

6)

*Tham, sân, si ba pháp,
Là ác tâm cho người,
Chúng di hại tự ngã,*

*Chúng tác thành tự ngã,
Như vỏ và lõi cây,
Tự tác thành trái cây.*

IV. Cung Thuật (S.i,98)

- 1) Ở tại Sàvatthi.
- 2) Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thέ Tôn:
-- Chỗ nào, bạch Thέ Tôn, bồ thí cần phải đem cho?
- 3) Thura Đại vương, tại chỗ nào, tâm được hoan hỷ.
- 4) Bạch Thέ Tôn, chỗ nào cho được quả lớn?
- 5) -- Thura Đại vương, câu : "Chỗ nào bồ thí cần phải đem cho" khác với câu: "Chỗ nào cho được quả lớn". Thura Đại vương, cho người trì giới được quả báo lớn. Cho người không giữ giới không được như vậy. Về vấn đề này, thura Đại vương, Ta sẽ hỏi Đại vương, Đại vương kham nhẫn như thế nào, hãy trả lời câu hỏi ấy như vậy.
- 6) Thura Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, Đại vương đang lâm chiến, và cuộc giao tranh đang tiếp diễn dữ dội. Rồi một thanh niên Sát-đé-ly đến, không có học tập, không có huấn luyện, không có thực tập, không có phục vụ, rụt rè, sợ hãi, run sợ. Đại vương có chấp nhận người ấy không? Đại vương có ủng hộ người ấy không, và một người như vậy có lợi ích gì cho Đại vương không?
- 7) -- Bạch Thέ Tôn, con không ủng hộ người ấy và một người như vậy không có lợi ích gì cho con cả.
- 8) Rồi một thanh niên Bà-la-môn, không có học tập... Rồi một thanh niên Vessa (thương gia) đến... Rồi một thanh niên Sudda (Thủ-đà: cùng định) đến, không có học tập,... và một người như vậy không có lợi ích gì cho con cả.
- 9) -- Thura Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, Đại vương đang lâm chiến, và cuộc giao tranh đang tiếp diễn dữ dội. Rồi một thanh niên Sát-đé-ly đến, có học tập, có huấn luyện, có thực tập, có phục vụ, không rụt rè, không sợ hãi, không run sợ. Đại vương có chấp nhận người ấy không? Đại vương có ủng hộ người ấy không, và một người như vậy có lợi ích gì cho Đại vương không?
- 10) -- Bạch Thέ Tôn, con ủng hộ người ấy. Và một người như vậy có lợi ích cho con.
- 11) -- Rồi một thanh niên Bà-la-môn đến, có học tập... Rồi một thanh niên Vessa đến... Rồi một thanh niên Sudda đến có học tập,... và một người như vậy có ích lợi gì cho Đại vương không?
- 12) -- Bạch Thέ Tôn, con ủng hộ người ấy và một người như vậy có lợi ích cho con.
- 13) -- Cũng vậy, thura Đại vương, đâu cho một người có xuất gia từ một gia đình nào, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vì ấy đoạn trừ năm chi và hội đủ năm chi. Bồ thí cho một người như vậy có quả báo lớn.
- 14) Thế nào là năm chi được đoạn trừ? Tham dục được đoạn trừ, sân được đoạn trừ, hờn trầm thùy miên được đoạn trừ, trạo hối được đoạn trừ, nghi được đoạn trừ. Năm chi này được đoạn trừ.

15) Thέ nào là năm chi được hội đủ? Vô học giới uẩn được hội đủ, vô học định uẩn được hội đủ, vô học tuệ uẩn được hội đủ, vô học giải thoát uẩn được hội đủ, vô học giải thoát tri kiến uẩn được hội đủ. Năm chi này được hội đủ.

16) Chính một người như vậy, năm chi được đoạn trừ, năm chi được hội đủ, bô thí cho người như vậy được quả báo lớn.

17) Thέ Tôn nói như vậy. Rồi bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Vị vua đang lâm chiến,
Sẽ giữ lại thanh niên,
Cung thuật được thiện xảo,
Đông mãnh đầy khí lực.
Nhà vua không tuyển chọn,
Theo tiêu chuẩn thọ sanh.
Cũng vậy, người có trí,
Kính lễ bậc hạ sanh,
Bậc này sống Thành hạnh,
Nhẫn nhục và hiền hòa.
Hãy làm cốc thoái mái
Dựng nhà cho đa văn,
Rừng khô làm bê nước,
Hiếm trổ, mở đường đi.
Với tâm tư thanh tịnh,
Hãy cho kẻ trực tâm,
Cho đồ ăn, đồ uống,
Cho vải mặc, trú xá.
Như mây giông gầm thét,
Chớp sáng trăm đầu mây,
Nước mưa ào ào xuống,
Tràn đầy đất thấp cao.
Cũng vậy, bậc thiện tín,
Đa văn, trữ đồ ăn,
Thỏa mãn kẻ khát sĩ.
Kẻ trí tâm hoan hỷ,
Phân phát vật ăn uống,
Nói "Cho, hãy đem cho".
Như vậy, la, gầm, thét,
Mưa móc như thần mưa,
Các công đức to lớn,
Do bô thí mang lại,
Đem mưa ân, mưa móc,
Trên những người bô thí.*

V. Ví Dụ Hòn Núi (S.i,100)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Thέ Tôn nói với vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên:

-- Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu lại?

3) -- Bạch Thé Tôn, con rất là bận rộn với những sự việc các vua chúa bận rộn. Các vua chúa Sát-đé-ly đã làm lễ quán đánh, say đắm kiêu hanh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ, và sống chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn.

4) -- Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, nếu có người đến với Đại vương từ phương Đông, một người thân tín, đáng tin cậy. Người ấy đến Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con từ phương Đông lại và có thấy tại đây một ngọn núi cao như hư không, đang di chuyển và chà đạp, đè bẹp tất cả loại hữu tình. Tâu Đại vương, Đại vương hãy làm những gì cần phải làm".

5) Rồi một người khác đến từ phương Tây... Rồi một người thứ ba đến từ phương Bắc... Rồi một người thứ tư đến từ phương Nam, thân tín đáng tin cậy. Người ấy đến Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con từ phương Nam lại và có thấy tại đây một ngọn núi cao như hư không, đang di chuyển và chà đạp, đè bẹp lên tất cả loại hữu tình. Tâu Đại vương, Đại vương hãy làm những gì cần phải làm". Như vậy, thưa Đại vương, một khùng bố lớn khởi lên cho Đại vương, sự diệt tận nhân loại thật khùng khiếp, được tái sanh làm người thật khó khăn, thời Đại vương có thể làm được những gì?

6) -- Như vậy, bạch Thé Tôn, một khùng bố lớn khởi lên, sự diệt tận nhân loại thật khùng khiếp, được tái sanh làm người thật khó khăn, thời con có thể làm được những gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chánh làm các hạnh lành, làm các công đức!

7) -- Thưa Đại vương, Ta nói cho Đại vương biết, Ta cáo cho Đại vương hay. Thưa Đại vương, già và chết đang tiến đến chinh phục Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì?

8) -- Bạch Thé Tôn, khi con bị già và chết chinh phục, thời con có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!

9) Bạch Thé Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát-đé-ly đã làm lễ quán đánh, say đắm, kiêu hanh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và sống chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn cùng các trận chiến với tượng binh. Bạch Thé Tôn, các trận chiến với tượng binh không đem lại một hướng đi (gati), một điểm tựa cho các vua chúa ấy, mỗi khi bị già chết chinh phục.

10) Bạch Thé Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát-đé-ly đã làm lễ quán đánh, say đắm, kiêu hanh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và sống chinh phục cả một vùng đất đai rộng lớn cùng các trận chiến với mã binh...., với xa binh..., ... với bộ binh. Bạch Thé Tôn, các trận chiến với bộ binh không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

11) Bạch Thé Tôn, trong vương quốc này có những Đại thần tinh luyện về thần chú. Các vị này có thể với thần chú, phá tan quân địch tới tân công. Nhưng bạch Thé Tôn, các trận chiến chú thuật không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

12) Bạch Thé Tôn, trong vương cung này có nhiều số vàng được chứa cát trong những nhà hầm hay những lầu thượng, và với số vàng ấy chúng con có thể phá tan quân địch tấn công tài chánh. Nhưng bạch Thé Tôn, các trận chiến tài chánh không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

13) Và bạch Thé Tôn, khi con bị già chét chinh phục, thời con có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!

14) -- Như vậy là phải, thưa Đại vương. Như vậy là phải, thưa Đại vương. Khi Đại vương bị già chét chinh phục, Đại vương có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!

15) Thé Tôn nói như vậy,..., và bậc Đạo Sư nói thêm:

*Như núi đá rộng lớn,
Đứng đứng lên hư không,
Tiến tới tràn xung quanh,
Áp đè cả bốn phía.
Cũng vậy, già và chét
Di chuyển đến hữu tình,
Giai cấp Sát-dé-ly,
Bà-la-môn, Phệ-xá,
Thủ-đà, Chiên-đà-la
Kẻ đỗ rác, đỗ phân,
Không một ai thoát khỏi,
Tất cả bị chinh phục.
Ở đây không tượng binh,
Không xa binh, bộ binh,
Không trận chiến chú thuật,
Không trận chiến tài sản
Có thể giúp chiến thắng,
Chóng với già, với chét.
Do vậy người hiền trí,
Thấy rõ phần tự lợi,
Người trí đặt tin tưởng,
Vào Phật, Pháp và Tăng.
Ai với thân, khẩu, ý,
Hành trì đúng Chánh pháp,
Đời này được tán thân,
Đời sau, hưởng phước trời.*

CHƯƠNG IV
4. TƯƠNG ƯNG ÁC MA

I. Phẩm Thứ Nhất**I. Khổ Hạnh Và Nghiệp** (S.i,103)

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Uruvelà bên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây Ajapàla Nigrodha, khi Ngài vừa giác ngộ.

2) Rồi Thé Tôn trong khi Thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật sự Ta được giải thoát khỏi khổ hạnh ấy. Tốt lành thay, thật sự Ta được giải thoát khỏi khổ hạnh không liên hệ đến lợi ích ấy! Tốt lành thay, Ta kiên trì, chánh niệm, chứng đạt Bồ-đề!"

3) Rồi Ác ma với tâm tư của mình biết được tâm tư của Thé Tôn, liền đi đến Thé Tôn, sau khi đến nói lên bài kệ này với Thé Tôn:

*Từ bỏ pháp khổ hạnh,
Giúp thanh niên trong sạch,
Không tịnh, nghĩ mình tịnh,
Đi ngược thanh tịnh đạo.*

4) Rồi Thé Tôn, biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

*Biết được pháp khổ hạnh,
Được xem là bất tử,
Pháp ấy không lợi ích,
Không đem lợi ích nào,
Như chèo và bánh lái,
Chiếc thuyền trên đất cạn.
Giới, định và trí tuệ,
Con đường hướng chánh giác.
Ta tu tập hạnh ấy,
Đạt được tối thắng tịnh,
Này kẻ Tử ma kia,
Ông bị bại trận rồi.*

5) Rồi Ác ma biết được: "Thé Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

II. Con Voi (S.i,103)

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở tại Uruvelà, bên bờ sông Neranjarà, dưới cây Nigrodha Ajapàla, khi Ngài mới giác ngộ. Lúc bấy giờ, Thé Tôn đang ngồi ngoài trời, trong bóng đêm tối, và trời đang mưa tung hột mít.

2) Rồi Ác ma muốn khiến Thé Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, liền biến hình thành con voi

chúa to lớn và đi đến Thέ Tôn.

3) Và đầu con voi ví như hòn đá đen lớn (aritthako), ngà của nó ví như bạc tráng tinh, vòi của nó ví như đầu cái cày lớn.

4) Thέ Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

*Ông luân hồi dài dài,
Hình thức tịnh, bất tịnh.
Thôi vừa rồi, Ác ma,
Ông đã bị bại trận.*

5) Rồi Ác ma biết được: "Thέ Tôn biết ta, Thiện Thệ biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

III. Tình (S.i,104)

1) Trú tại Uruvelà.

2) Lúc bấy giờ, Thέ Tôn đang ngồi ngoài trời, trong bóng đêm tối, và trời đang mưa từng hột mọt.

3) Rồi Ác ma muốn khiến Thέ Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, liền đi đến Thέ Tôn.

4) Sau khi đến, hiện lên những hình tướng cao thấp, tịnh, bất tịnh, không xa Thέ Tôn bao nhiêu.

5) Rồi Thέ Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

*Ông luân hồi dài dài,
Hình thức tịnh, bất tịnh.
Thôi vừa rồi, Ác ma,
Ông đã bị bại trận.
Những vị thân, khẩu, ý,
Khéo hộ trì chế ngự,
Này kẻ Ác ma kia,
Những vị ấy như vậy,
Không bị Ông chi phối,
Không phải đê tử Ông.*

6) Rồi Ác ma biết được... liền biến mất tại chỗ.

IV. Bầy Sập (S.i,105)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở tại Barànasi (Ba-la-nại), Isipatana (chư Tiên đọa xứ), vườn Lộc Uyển. Rồi Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo: -- "Này các Tỷ-kheo." -- "Thưa vâng, bạch Thέ Tôn ". Các vị Tỷ-kheo áy vâng đáp Thέ Tôn.

2) Thέ Tôn nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, chính nhờ chánh tác ý, chính nhờ chánh tinh cần. Ta chúng đạt Vô thượng giải thoát. Ta chúng ngộ Vô thượng giải thoát. Vậy này các Tỷ-kheo các Ông cũng phải với chánh tác ý, chánh tinh cần, chúng đạt Vô thượng giải thoát, chúng ngộ Vô thượng giải thoát.

Rồi Ác ma đi đến Thé Tôn, sau khi đến nói lên bài kệ với Thé Tôn:

*Ngài còn bị trói buộc,
Trong bẫy sập của ma,
Bởi những dây dục lạc,
Cả Thiên giới, Nhân giới.
Ngài đang bị cột chặt,
Trong triền phược của ma.
Này vị Sa-môn kia,
Ngài chưa thoát khỏi ta.*

4) (Thé Tôn):

*Ta đã được giải thoát,
Khỏi bẫy sập của ma,
Thoát khỏi dây dục lạc,
Cả Thiên giới, Nhân giới.
Ta đã được giải thoát,
Khỏi triền phược của ma,
Này kẻ Tù ma kia,
Ông đã bị bại trận.*

5) Rồi Ác ma... biến mất tại chỗ.

V. Bẫy Sập (S.i,105)

1) Một thời Thé Tôn trú ở Bàraṇasi (Ba-la-nại) tại Isipatana, vườn Lộc Uyển. Ở đây Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo: "-- Nay các Tỷ-kheo." "-- Thưa vâng Thé Tôn." Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thé Tôn.

2) Thé Tôn nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã được giải thoát khỏi tất cả bẫy sập ở Thiên giới và Nhân giới. Nay các Tỷ-kheo, các Ông cũng được giải thoát khỏi tất cả bẫy sập ở Thiên giới và Nhân giới. Nay các Tỷ-kheo, hãy du hành vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Chớ có đi hai người một chỗ. Nay các Tỷ-kheo, hãy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Hãy tuyên thuyết Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Có các chúng sanh sanh ra ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe pháp sẽ đi đến hoại diệt. Họ sẽ trở thành những vị thâm hiểu Chánh pháp. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ đi đến Uruvelà, thị trấn Senà để thuyết pháp.

3) Rồi Ác ma đi đến Thé Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thé Tôn:

*Ngài còn bị trói buộc,
Trong bẫy sập của ma,
Bởi những dây dục lạc,
Cả Thiên giới, Nhân giới.*

*Ngài đang bị cột chặt,
Trong triền phược của ma,
Này vị Sa-môn kia,
Ngài chưa thoát khỏi ta.*

4) (Thέ Tôn)

*Ta đã được giải thoát,
Khỏi bầy sập của ma,
Thoát khỏi dây dục lạc,
Cả Thiên giới, Nhân giới.
Ta đã được giải thoát,
Khỏi triền phược của ma,
Này kẻ Tù ma kia,
Ông đã bị bại trận.*

VI. Con Rắn (S.i,106)

- 1) Một thời Thέ Tôn ở Ràjagaha, Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.
- 2) Lúc bấy giờ Thέ Tôn đang ngồi ngoài trời, trong bóng đêm tối, và trời đang mưa tùng hột mít.
- 3) Rồi Ác ma muốn khiến Thέ Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, bèn biến thành con đại xà vương và đi đến Thέ Tôn.
- 4) Thân của nó to lớn ví như một chiếc thuyền đeo ra từ một thân cây. Cái mang của nó ví như cái khay đan của người nấu rượu. Mắt của nó ví như cái đĩa bằng đồng của nước Kosala; lưỡi của nó le ra từ miệng ví như mũi tên chớp sáng lòe khi trời mưa gió sấm sét; tiếng hơi thở vô, hơi thở ra của nó ví như bệ thổi của người thợ rèn.
- 5) Rồi Thέ Tôn biết: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ này với Ác ma:

*Quý thay bậc Mâu-ni,
Sóng trong nhà không tịch,
Biết ché ngự tự ngã,
Tại đây vị ấy trú.
Sóng từ bỏ tất cả,
Với hạnh tu tương xứng,
Nhiều loại thú bộ hành,
Nhiều sự vật khủng khiếp,
Nhiều ruồi muỗi độc xà,
Không mấy may rung động
Sợi lồng bậc Mâu-ni
Sóng trong nhà không tịch.
Dầu trời nirt, đất động,
Dầu muôn loài khủng bố,
Dầu bị giáo, đao, tên,
Quẳng ném vào ngực Ngài,
Chư Phật không tạo nên,
Những căn cứ sanh y.*

6) Rồi Ác ma biết được: " Thέ Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", liền biến mất tại chỗ.

VII. Thụy Miên (S.i,107)

1) Một thời Thέ Tôn ở Ràjagaha, Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Thέ Tôn sau khi đã đi kinh hành ngoài trời một phần lớn của đêm. Khi đêm đã gần mãn, Ngài rửa chân, bước vào tịnh xá, và nằm xuống phía hông bên phải theo thế nằm của con sư tử, hai chân gác lên nhau, chánh niệm tĩnh giác và nghĩ đến lúc thức dậy.

3) Rồi Ác ma đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thέ Tôn:

*Sao Ngài còn nằm ngủ,
Sao Ngài vẫn nằm ngủ,
Sao Ngài ngủ như vậy,
Như kẻ chết nằm co?
Nghĩ rằng nhà trống không,
Nên Ngài ngủ như vậy,
Sao Ngài ngủ như vậy,
Khi mặt trời đã mọc?*

4) (Thέ Tôn):

*Khi không còn tham ái,
Với lười triền, nọc độc,
Người vậy được giải thoát,
Không bị dấn noi nào.
Ác ma! Bậc Giác Ngộ
Mọi sanh y diệt tận,
Vì ấy nếu có ngủ,
Các Ông làm được gì?*

VIII. Hoan Hỷ (S.i,107)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Ác ma đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này trước mặt Thέ Tôn:

*Cha sung sướng vì con,
Người chăn sướng vì bò,
Người sướng vì sanh y,
Không sanh y, không sướng.*

(Thέ Tôn):

*Cha sầu vì con cái,
Người chăn sầu vì bò,
Người sầu vì sanh y,*

Không sanh y, không sâu.

Rồi Ác ma biết rằng: "Thέ Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", liền biến mất tại chỗ.

IX. Tuổi Thọ (S.i,108)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở Ràjagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Ở đây, Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" -- "Thưa vâng, bạch Thέ Tôn". Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thέ Tôn.

3) Thέ Tôn nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, ngắn ngủi thay là tuổi thọ loài Người ở đời này, rồi phải đi trong tương lai! Hãy làm điều lành. Hãy sống Phạm hạnh. Không có gì sanh ra lại không bị tử vong. Nay các Tỷ-kheo, người sống lâu chỉ có một trăm năm, hoặc ít hơn, hoặc nhiều hơn.

4) Rồi Ác ma đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thέ Tôn:

*Loài Người thọ mạng dài,
Người lành chờ âu lo,
Bú sūra no, hãy sống
Tử vong đâu có đến.*

5) (Thέ Tôn):

*Loài Người thọ mạng ngắn,
Người lành phải âu lo,
Như cháy đâu, hãy sống,
Tử vong rồi phải đến.*

6) Rồi Ác ma, biết được "Thέ Tôn đã biết ta...", liền biến mất tại chỗ.

X. Tuổi Thọ (S.i,108)

1) Tại Ràjagaha (Vương Xá).

Tại đây, Thέ Tôn nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, ngắn ngủi thay là tuổi thọ loài Người ở đời này, rồi phải đi trong tương lai! Hãy làm điều lành. Hãy sống Phạm hạnh. Không có gì sanh ra lại không bị tử vong. Nay các Tỷ-kheo, người sống lâu chỉ có một trăm năm, hoặc ít hơn, hoặc nhiều hơn.

2) Rồi Ác ma đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này với Thέ Tôn:

*Ngày đêm không trôi qua,
Thọ mạng không chấm dứt,
Thọ mạng người xoay vần,*

Như vành theo trực xe.

3) (Thế Tôn):

*Ngày đêm có trôi qua,
Thọ mạng có chấm dứt,
Mạng người phải khô cạn,
Như suối nhỏ đầu non.*

4) Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

II. Phẩm Thứ Hai

I. Hòn Đá (S.i,109)

- 1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakuta (Linh Thứu).
- 2) Lúc bấy giờ Thế Tôn ngồi giữa trời, trong bóng đêm tối, và trời mưa từng hột một.
- 3) Rồi Ác ma muốn làm Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, xô những tảng đá lớn rơi xuống không xa Thế Tôn bao nhiêu.
- 4) Rồi Thế Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói bài kệ với Ác ma:

*Dầu Ông làm chấn động,
Toàn bộ núi Linh Thứu,
Cũng không làm rung động,
Bậc Giác Ngộ, Giải Thoát.*

5) Rồi Ác ma được biết: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ.

II. Con Sư Tử (S.i,106)

- 1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn xung quanh có đại chúng bao vây, đang thuyết pháp.
- 2) Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này xung quanh có đại chúng bao vây, đang thuyết pháp. Vậy ta hãy đến Sa-môn Gotama và làm mờ mắt (đại chúng ấy)."
- 3) Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này với Thế Tôn:

*Sao Ngài lại rồng lên,
Rồng như loài sư tử,
Vô úy không sợ hãi,
Trước hội chúng đồng đảo?
Nay Ngài có địch thủ,
Chớ nghĩ Ngài thắng trận!*

4) (Thế Tôn):

*Bậc Đại Hùng róng lên,
Vô úy trước đại chúng,
Như Lai chứng mười lực,
Vượt tham ái ở đời.*

5) Rồi Ác ma biết được : "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thế đã biết ta", buồn khổ, thát vọng liền biến mất tại chỗ ấy.

III. Phiến Đá (S.i,110)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Maddakucchi, vườn Nai (Migadaya).

2) Lúc bấy giờ, chân Thế Tôn bị phiến đá gây thương tích. Thế Tôn cảm xúc khóc liệt, toàn thân đau đớn, nhói đau, đau nhức mãnh liệt, không thích thú, không vừa ý. Và Thế Tôn chánh niệm tinh giác, nhẫn chịu không để tâm tư buồn nǎn.

3) Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này với Thế Tôn:

*Sao Ngài uể oải nằm,
Hay tìm thơ, tìm vận,
Phải chẳng việc sai biệt,
Không chờ đợi Ngài làm,
Phải một mình cô độc,
Trên ghế giường nằm, ngồi,
Với gương mặt ngái ngủ,
Sao Ngài ngủ như vậy?*

(Thế Tôn):

*Ta không uể oải nằm,
Không tìm thơ, tìm vận,
Mục đích Ta đã đạt,
Đâu có sâu muộn gi!
Ta nằm ngồi một mình,
Trên ghế giường vắng lặng,
Yên tĩnh Ta nằm nghỉ,
Tâm từ, thương chúng sanh.
Những kẻ, ngực bị đâm,
Hồn hồn tim đồn dập,
Vẫn tìm được giấc ngủ,
Đầu bị thương tích nặng.
Sao Ta lại không ngủ,
Khi không bị thương tích,
Khi thức không âu lo,
Khi ngủ chẳng sợ hãi,
Ngày đêm không khởi lên,*

*Phiền não bận lòng Ta?
Ta không thấy tai hai,
Một chỗ nào trên đời,
Do vậy, Ta nằm nghỉ,
Tâm từ, thương chúng sanh.*

5) Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng liền biến mất tại chỗ ấy.

IV. Tương Ưng Thích Nghi (S.i,111)

1) Một thời Thế Tôn trú ở Kosala, tại một làng Bà-la-môn tên là Ekasàlà. Lúc bấy giờ, Thế Tôn xung quanh có đại chúng cư sĩ doanh vây, đang thuyết pháp.

2) Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này, xung quanh có đại chúng cư sĩ doanh vây, đang thuyết pháp. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và làm mờ mắt (đại chúng này)."

3) Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

*Thật không chút thích hợp,
Để Ngài giảng dạy người,
Giữa người thuận, kẻ nghịch,
Chớ hành nghề đứng giữa.*

4) (Thế Tôn):

*Với lòng từ, thương tướng,
Bậc Giác Ngộ dạy người,
Giữa người thuận, kẻ nghịch,
Như Lai chọn giải thoát.*

5) Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta..." liền biến mất tại chỗ ấy.

V. Ý (S.i,111)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

*Mọi hành tung của ý
Là bấy sập trên không,
Chính với bấy sập ấy,
Ta trói buộc lấy Ngài,
Này vị Sa-môn kia,
Ngài chưa thoát khỏi ta.*

3) (Thế Tôn):

*Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Làm tâm ý ưa thích,
Ta không ưa muón chúng,
Ta vượt thoát ngoài chúng,
Này kẻ Tử ma kia,
Ông đã bị bại trận.*

4) Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta...", liền biến mất tại chỗ ấy.

VỊ. Bình Bát (S.i,112)

1) Trú ở Sàvatthi. Lúc bấy giờ Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về năm thủ uẩn, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tâm tư, lóng tai nghe pháp.

2) Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về năm thủ uẩn, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, và các Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tâm tư, lóng tai nghe pháp. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và làm mờ mắt (các Tỷ-kheo ấy)".

3) Lúc bấy giờ có nhiều bình bát được đặt ra ngoài trời (để phơi cho khô).

4) Rồi Ác ma biến hình thành con bò đực và đi đến các bình bát ấy.

5) Rồi một Tỷ-kheo nói với một Tỷ-kheo khác:

-- Nay Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, con bò đực này sẽ làm bể các bình bát.

6) Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

-- Nay Tỷ-kheo, nó không phải con bò đực. Nó chính là Ác ma muốn đến làm mờ mắt các ông.

7) Và Thế Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ cho Ác ma:

*Sắc, thọ, tưởng, hành, thức,
Cái ấy không phải tôi,
Cái ấy không của tôi,
Như vậy đây ly tham,
Ly tham vậy, tâm an,
Mọi kiết sử siêu thoát,
Đầu tìm mọi xú sở,
Ma quân không gặp được.*

8) Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta...", liền biến mất tại chỗ ấy.

VII. Xứ (S.i,112)

1) Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli (Tỳ-xá-ly), Đại Lâm, chỗ Trùng Các giảng đường.

2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về sáu xúc xứ, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các vị Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tư tưởng, lóng tai

nghe pháp.

3) Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về sáu xúc xứ, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tâm tư, lắng tai nghe pháp. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và làm mờ mắt (các Tỷ-kheo ấy)".

4) Rồi Ác ma đi đến Thé Tôn; sau khi đến, Ác ma hét lên một tiếng to lớn, khủng khiếp, dẽ sợ, như đất bị nứt vỡ.

5) Rồi một Tỷ-kheo nói với một Tỷ-kheo khác:

-- Nay Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, hình như quả đất này bị nứt vỡ.

6) Khi nghe nói vậy, Thé Tôn nói với Tỷ-kheo ấy :

-- Nay Tỷ-kheo, không phải đất nứt vỡ. Đó là Ác ma đi đến để làm mờ mắt các Ông.

7) Rồi Thé Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói bài kệ cho Ác ma:

*Sắc, thanh, vị và hương,
Cùng toàn bộ xúc, pháp,
Là thế vật rùng rợn,
Làm mê loạn ở đời.
Đẹ từ bắc Chánh Giác,
Chánh niệm, vượt khỏi chúng,
Vượt thế lực Ác ma,
Như mặt trời sáng chói.*

8) Rồi Ác ma biết được: "Thé Tôn đã biết ta...", liền biến mất tại chỗ ấy.

VIII. Đoàn Thực (S.i,113)

1) Một thời Thé Tôn trú ở Magadha, tại làng Bà-la-môn tên là Pancasàlà.

2) Lúc bấy giờ, tại làng Bà-la-môn tên là Pancasàlà, lễ trao đổi tặng vật giữa nam nữ thanh niên đang được xảy ra.

3) Rồi Thé Tôn đắp y, vào buổi sáng, cầm y bát đi vào làng Bà-la-môn Pancasàlà để khất thực.

4) Lúc bấy giờ, các Bà-la-môn gia chủ ở Pancasàlà bị Ác ma xâm nhập và quyết định: "Chớ để Sa-môn Gotama nhận được đồ ăn khất thực".

5) Rồi Thé Tôn đi vào làng Bà-la-môn tên Pancasàlà để khất thực với bình bát rửa sạch như thế nào, cũng đã trở về cùng với bình bát được rửa sạch như vậy.

6) Rồi Ác ma đi đến Thé Tôn, sau khi đến nói với Thé Tôn:

-- Nay Sa-môn, Ngài có nhận được đồ ăn khất thực không?

7) -- Nay Ác ma, có phải Ông làm cho Ta không nhận được đồ ăn khất thực?

8) -- Vâng bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy đi vào làng Bà-la-môn Pancasàlà một lần thứ hai nữa. Và tôi sẽ làm để Thέ Tôn nhận được đồ ăn khất thực

(Thέ Tôn):

*Ác ma làm điều ác,
Để tấn công Như Lai,
Này Ác ma, vì sao,
Ông có thể nghĩ rằng,
Điều ác Ông hại Ta,
Sẽ không có kết quả.
Chúng ta sống sung sướng,
Những người không có gì,
Như chư Thiên Quang Âm,
Như chư Thiên Quang Âm,
Có hào quang sáng chóe,
Lấy hỷ làm đồ ăn.*

9) Rồi Ác ma biết được: " Thέ Tôn đã biết ta...", liền biến mất tại chỗ ấy.

IX. Người Nông Phu (S.i,114)

1) Nhân duyên ở Sàvathhi. Lúc bấy giờ Thέ Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về vấn đề liên hệ đến Niết-bàn, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tâm tư, lóng tai nghe pháp.

2) Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho các vị Tỷ-kheo về các vấn đề liên hệ đến Niết-bàn... Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama để làm mờ mắt (các Tỷ-kheo ấy)."

3) Rồi Ác ma biến hình thành một người nông phu, mang trên vai một cái cày lớn, tay cầm một cây gậy đâm bò, đầu bù tóc rối, mặc đồ vải gai, chân lâm bùn nhơ, đi đến, sau khi đến, nói với Thέ Tôn:

4) -- Nay Sa-môn, Ngài có thấy con bò đực không?

5) -- Nhưng này Ác ma, con bò đực đói với Ông là gì?

6) -- Nay Sa-môn, mắt là của ta, sắc là của ta, thức xứ do mắt xúc chạm là của ta. Nay Sa-môn, Ngài có thể đi đâu để thoát khỏi ta?

Này Sa-môn, tai là của ta. Tiếng là của ta...

Này Sa-môn, mũi là của ta, hương là của ta...

Này Sa-môn, lưỡi là của ta, vị là của ta...

Này Sa-môn, thân là của ta, xúc là của ta...

Này Sa-môn, ý là của ta, pháp là của ta, thức xứ do ý xúc chạm là của ta. Nay Sa-môn, Ngài có thể đi đâu để thoát khỏi ta không?

7) -- Này Ác ma, mắt là của Ông, sắc là của Ông, thức xứ do mắt xúc chạm là của Ông. Và này Ác ma, chỗ nào không có mắt, không có sắc, không có thức xứ xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của Ông, này Ác ma.

8) Này Ác ma, tai là của Ông, tiếng là của Ông, thức xứ do tai xúc chạm là của Ông. Và này Ác ma, chỗ nào không có tai, không có tiếng, không có thức xứ do tai xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của Ông, này Ác ma.

9) Này Ác ma, mũi là của Ông, hương là của Ông, thức xứ do mũi xúc chạm là của Ông. Và này Ác ma, chỗ nào không có mũi, không có hương, không có thức xứ do mũi xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của Ông, này Ác ma.

10) Này Ác ma, lưỡi là của Ông, vị là của Ông, thức xứ do lưỡi cảm xúc là của ông. Này Ác ma, chỗ nào không có lưỡi, không có vị, không có thức xứ do lưỡi xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của Ông, này Ác ma. Này Ác ma, thân là của Ông, xúc là của Ông, thức xứ do thân xúc chạm là của Ông. Và này Ác ma, chỗ nào không có thân, không có xúc, không có thức xứ do thân xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của Ông, này Ác ma.

11) Này Ác ma, ý là của Ông, pháp là của Ông, thức xứ do ý xúc chạm là của Ông. Và này Ác ma, chỗ nào không có ý, không có pháp, không có thức xứ do ý xúc chạm, thời này Ác ma, chỗ ấy không có hành xứ của Ông, này Ác ma.

12)

-- *Sự vật được Ngài nói:*
"Cái này là của tôi".
Và những người đã nói:
"Cái này là của tôi".
Nếu ở đây có ý,
Đối với sự vật áy,
Như vậy, này Sa-môn,
Ngài không thoát khỏi ta.

13) (Thê Tôn):

Sự vật được Ông nói:
"Cái này không của tôi".
Và những người đã nói:
"Chúng không phải là tôi".
Này Ác ma, như vậy,
Ông có biết được chăng,
Cho đến Ông không thấy,
Con đường của Ta đi?

14) Rồi Ác ma... liền biến mất tại chỗ ấy.

X. Thống Trị (S.i,116)

1) Một thời Thê Tôn ở Kosala, dưới chân núi Tuyết Sơn, tại một am thất nhỏ trong rừng.

2) Trong khi Thé Tôn Thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Có thể chăng cai trị mà không giết hại, không để người giết hại; không chinh phục, không khiến người chinh phục; không sầu muộn, không khiến người sầu muộn một cách đúng pháp?".

3) Rồi Ác ma, biết được tâm tư Thé Tôn như vậy, liền đi đến Thé Tôn; sau khi đến, nói với Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, Thé Tôn hãy cai trị. Thiện Thệ hãy cai trị không giết hại, không khiến người giết hại; không chinh phục, không khiến người chinh phục; không sầu muộn, không khiến người sầu muộn một cách đúng pháp.

4) -- Này Ác ma, Ông thấy gì mà Ông nói với Ta như vậy: "Bạch Thé Tôn, Thé Tôn hãy cai trị. Thiện Thệ hãy cai trị không giết hại, không khiến người giết hại....,... một cách đúng pháp"?

5) -- Bạch Thé Tôn, bốn như ý túc đã được Thé Tôn tu tập, làm cho sung mãn, làm cho nhu thành cỗ xe, làm cho nhu thành căn cứ địa, kiên trì, chất chứa, khéo áp dụng. Và Bạch Thé Tôn, nếu Thé Tôn muốn núi Tuyết Sơn, vua các loài núi trở thành vàng, Thé Tôn có thể quyết định như vậy, và ngọn núi có thể trở thành vàng.

6) (Thé Tôn):

*Dẫu cho cả ngọn núi,
Trở thành toàn vàng ròng,
Cho đến hóa gấp đôi,
Cũng không thỏa mãn được,
Tham vọng của một người.
Biết vậy để hành trì,
Ai thấy rõ đau khổ,
Và nguyên nhân đau khổ,
Làm sao người như vậy,
Có khuynh hướng ái dục?
Sau khi biết sanh y
Là ràng buộc ở đời,
Người biết vậy nên học,
Giải trừ mọi buộc ràng.*

7) Rồi Ác ma biết được: "Thé Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", sầu khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

III. Phẩm Thứ Ba (Thêm năm kinh)

I. Đa Số (S.i.117)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở giữa các vị Sakkà, tại Silavatii

2) Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo sống không xa Thé Tôn, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

3) Rồi Ác ma biến hình thành một Bà-la-môn, với búi tóc lớn, mặc áo bằng da con linh dương, già yếu, lưng còng như xà nhà, hơi thở hồn hênh, tay cầm gậy bằng gỗ udumbara, đi đến các Tỷ-kheo ấy; sau khi

đến, nói với các Tỷ-kheo:

-- Chư Đại đức xuất gia quá trẻ, niên thiếu, tóc còn đen nhánh, trong tuổi thanh xuân, trong thời trẻ thơ của tuổi đời, không thọ hưởng các dục. Chư Đại đức hãy thọ hưởng các ái dục của con người, chớ có bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối.

4) -- Nay Bà-la-môn, chúng tôi không bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối. Và này Bà-la-môn, chúng tôi bỏ những gì bị thời gian chi phối và chạy theo hiện tại. Nay Bà-la-môn, Thé Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều phiền não, tai họa ở đây càng nhiều hơn. Còn pháp này thuộc về hiện tại, không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, và chỉ người trí mới tự mình giác hiểu.

5) Khi nghe nói vậy, Ác ma cúi đầu, le lưỡi, trên trán hiện ra ba đường nhăn, chống gậy bỏ đi.

6) Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Thé Tôn, sau khi đến đánh lễ Thé Tôn, ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thé Tôn:

7) -- Ở đây, bạch Thé Tôn, chúng con sống không xa Thé Tôn, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Rồi bạch Thé Tôn, một người Bà-la-môn, với búi tóc lớn, mặc áo bằng da con linh dương, già yếu, lưng còng như xà nhà, hơi thở hồn hển, tay cầm gậy bằng gỗ udumbara, đi đến chúng con; sau khi đến, nói với chúng con như sau:

" -- Chư Đại đức xuất gia quá trẻ, niên thiếu, tóc còn đen nhánh, trong buổi thanh xuân, trong thời trẻ thơ của tuổi đời, không thọ hưởng các dục. Chư Đại đức, hãy thọ hưởng các ái dục của con người, chớ có bỏ hiện tại để chạy theo những gì bị thời gian chi phối".

8) Khi được nghe nói vậy, bạch Thé Tôn, chúng con nói với Bà la môn ấy:

" -- Nay Bà-la-môn, chúng tôi không bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối. Và này Bà-la-môn, chúng tôi bỏ những gì bị thời gian chi phối để chạy theo hiện tại. Nay Bà-la-môn, Thé Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều phiền não, tai họa ở đây càng nhiều hơn. Còn pháp này thuộc về hiện tại, không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng và chỉ người trí mới tự mình giác hiểu".

9) Khi được nghe nói vậy, người Bà-la-môn ấy cúi đầu, le lưỡi, trên trán hiện ra ba đường nhăn, chống gậy rồi ra đi.

10) -- Nay các Tỷ-kheo, người ấy không phải là Bà-la-môn, chính là Ác ma đi đến để làm mờ mắt các Ông.

11) Rồi Thé Tôn biết được ý nghĩa này, ngay khi ấy nói lên bài kệ:

*Ai thấy rõ khổ đau,
Và nguyên nhân đau khổ,
Làm sao người như vậy,
Có khuynh hướng các dục?
Sau khi biết sanh y
Là ràng buộc ở đời,
Người biết vậy nên học,
Giải trừ mọi buộc ràng.*

II. Samiddhi (S.i,119)

- 1) Một thời Thέ Tôn ở giữa các vị Sakkà, tại Silàvatii.
- 2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Samiddhi sống không xa Thέ Tôn, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.
- 3) Rồi Tôn giả Samiddhi, trong khi Thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi bậc Đạo Sư của ta là bậc A-la-hán, Chánh Đắng Chánh Giác! Thực lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi ta được xuất gia trong Pháp luật khéo giảng! Thực lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi những vị đồng Phạm hạnh với ta là những bậc trì giới và hành trì thiện pháp!"
- 4) Rồi Ác ma với tâm tư của mình biết được tâm tư của Tôn giả Samiddhi, liền đi đến Tôn giả Samiddhi. Sau khi đến, không xa Tôn giả Samiddhi, Ác ma hét lên tiếng hét to lớn, rùng rợn, khiến người ta nghĩ như là quả đất vỡ tung.
- 5) Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Samiddhi bạch Thέ Tôn:
- 6) -- Bạch Thέ Tôn, con sống không xa Thέ Tôn, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Bạch Thέ Tôn, trong khi con Thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi bậc Đạo Sư của ta là bậc A-la-hán, Chánh Đắng Chánh Giác! Thực lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi ta được xuất gia trong Pháp luật khéo giảng! Thực lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi các vị đồng Phạm hạnh với ta là những bậc trì giới và hành trì thiện pháp!" Khi ấy, bạch Thέ Tôn, không xa con, một tiếng hét to lớn rùng rợn khởi lên, khiến người ta nghĩ như là quả đất vỡ tung.
- 7) -- Nay Samiddhi, không phải quả đất vỡ tung đâu. Đó là Ác ma đã đến để làm mờ mắt Ông. Nay Samiddhi, Ông hãy đến tại chỗ ấy và sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.
- 8) -- Thura vâng, bạch Thέ Tôn.

Tôn giả Samiddhi vâng đáp Thέ Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thέ Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi ra đi.

- 9) Lần thứ hai, Tôn giả Samiddhi tại chỗ ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Lần thứ hai, trong khi Tôn giả Samiddhi Thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật lợi ích thay cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi bậc Đạo Sư của ta là bậc A-la-hán, Chánh Đắng Chánh Giác! Thực lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta khi,..., và hành trì thiện pháp!". Lần thứ hai, Ác ma biết được tư tưởng của Tôn giả Samiddhi,..., khiến người ta nghĩ như là quả đất vỡ tung.
- 10) Rồi Tôn giả Samiddhi, sau khi biết: "Đây là Ác ma" liền nói lên bài kệ với Ác ma:

*Ta với lòng tín ngưỡng,
Bỏ gia đình, xuất gia,
Niệm tuệ ta tăng trưởng,
Tâm tư ta Thiền định.
Dẫu Ông tạo sắc gì,
Không làm ta sợ hãi.*

- 11) Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo Samiddhi biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ.

III. Godhika (S.i,120)

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thê Tôn trú ở Ràjagaha, Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Godhika trú ở sườn núi Isigili, tại Kàlasilà.

3) Rồi Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chứng được nhứt thời tâm giải thoát. Rồi Tôn giả Godhika lại thối thất nhất thời tâm giải thoát ấy.

4) Lần thứ hai, Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần và chứng được nhứt thời tâm giải thoát. Và lần thứ hai, Tôn giả Godhika lại thối thất nhất thời tâm giải thoát ấy.

5) Lần thứ ba, Tôn giả Godhika sống... tâm giải thoát ấy.

6) Lần thứ tư, Tôn giả Godhika sống... tâm giải thoát ấy.

7) Lần thứ năm, Tôn giả Godhika sống... tâm giải thoát ấy.

8) Lần thứ sáu, Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chứng được nhứt thời tâm giải thoát. Lần thứ sáu, Tôn giả Godhika cũng thối thất nhất thời tâm giải thoát ấy.

9) Lần thứ bảy, Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chứng được nhứt thời tâm giải thoát.

10) Rồi Tôn giả Godhika suy nghĩ: "Cho đến lần thứ sáu, ta bị thối thất nhất thời tâm giải thoát. Vậy nay ta hãy đem lại con dao".

11) Rồi Ác ma biết được tâm tư của Tôn giả Godhika, liền đi đến Thê Tôn; sau khi đến nói lên bài kệ với Thê Tôn:

*Ôi, bậc Đại Anh hùng!
Ôi, bậc Đại Trí tuệ!
Ngài chói sáng hào quang,
Thân lực và danh xưng.
Ngài vượt qua tất cả,
Mọi sân hận hãi hùng.
Con chân thành đánh lẽ,
Dưới chân bậc Pháp nhãn.
Ôi, bậc Đại Anh hùng!
Bậc Chinh phục tử thân!
Đệ tử Ngài muốn chết,
Đang suy nghĩ đến chết.
Ôi, bậc Chói Hào quang!
Hãy ngăn chặn vị ấy.
Làm sao, bạch Thê Tôn,
Vị đệ tử của Ngài,
Hoan hỷ trong giáo lý,
Lại không chứng hữu học,*

*Còn muốn đoạt mạng sống?
Ôi, danh vọng thế gian!*

- 12) Lúc bấy giờ, Tôn giả Godhika đã đem lại và sử dụng con dao.
- 13) Rồi Thé Tôn được biết: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

*Như vậy là sở hành,
Của bậc Đại Anh hùng,
Không còn nuôi ước vọng
Tạo thêm dòng sinh mạng,
Đoạn tận ái, ái căn,
Godhika nhập diệt.*

- 14) Rồi Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến sườn núi Isigili, Kàlasilà, tại chỗ thiện nam tử Godhika đã đem lại và sử dụng con dao.

- 15) -- Thưa vâng, bạch Thé Tôn.

Các vị Tỷ-kheo áy vâng đáp Thé Tôn.

- 16) Rồi Thé Tôn cùng với một số đông Tỷ-kheo đi đến sườn núi Isigili, Kàlasilà, và Thé Tôn thấy từ đằng xa, Tôn giả Godhika đang nằm trên giường, với hai vai mở rộng (bị thương hay co quắp lại).

- 17) Lúc bấy giờ một làn khói đen tối đi về phía Đông, đi về phía Tây, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía Trên, đi về phía Dưới.

- 18) Rồi Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy làn khói đen tối áy đi về phía Đông, đi về phía Tây, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía Trên, đi về phía Dưới không?

-- Bạch Thé Tôn, chúng con có thấy như vậy.

- 19) -- Nay các Tỷ-kheo, đó là Ác ma đang đi theo dõi thức của thiện nam tử Godhika: "Thức của thiện nam tử Godhika được an trú ở đâu?". Và nay các Tỷ-kheo, thiện nam tử Godhika đã nhập diệt, với thức không an trú ở đâu cả.

- 20) Rồi Ác ma tay cầm đòn thát huyền cầm màu vàng, đi đến Thé Tôn, sau khi đến nói lên bài kệ:

*Trên, dưới và bê ngang,
Bốn phương, các phương giữa,
Ta tìm, nhưng không gặp,
Godhika đi đâu.*

- 21) (Thé Tôn):

Vị Anh hùng kiên chí,

*Thường Thiền lạc, Thiền tư,
Ngày đêm đầy nhiệt tình,
Nhưng sự sống, không tham,
Chiến thắng quân thần chết,
Tài sanh không đi đến,
Chinh phục ái, ái cắn,
Godhika nhập diệt.*

22)

*Còn kẻ bị sầu muộn,
Từ nách rơi huyền cầm,
Da-xoa bị thất vọng,
Liền biến mất tại chỗ.*

IV. Bảy Năm (S.i,122)

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Uruvelà trên bờ sông Neranjarà, dưới cây Ajapàla Nigrodha.

2) Lúc bấy giờ, Ác ma đi theo Thé Tôn trong suốt bảy năm, với hy vọng tìm cho được lối làm, nhưng tìm không được.

3) Rồi Ác ma đi đến Thé Tôn, sau khi đến, nói lên bài kệ với Thé Tôn:

*Với tâm tư sầu muộn,
Ngài Thiền tư trong rùng,
Vì tài sản hao mòn,
Hay vì thèm tài sản?
Có thể tại xóm làng,
Ngài đã gây tội phạm.
Sao Ngài không làm thân
Với bà con xóm giềng?
Sao Ngài không có thể
Làm bạn với một ai?*

4) (Thé Tôn):

*Mọi sầu căn nhổ sạch,
Không tội phạm, Ta Thiền,
Không sầu muộn, Ta Thiền.
Mọi hữu ái, đoạn tan,
Vô lậu, Ta Thiền định,
Này Bà con phóng dật!*

5) (Ác ma):

*Sự vật được Ngài nói:
"Cái này là của tôi".*

*Và những người đã nói:
"Cái này chính là tôi".
Nếu ở đây móng ý,
Đối với sự vật ấy,
Như vậy, này Sa-môn,
Ngài không thoát khỏi ta.*

6) (Thế Tôn):

*Sự vật được ông nói:
"Cái này không của tôi"
Và những người đã nói:
"Họ không phải là tôi".
Hãy hiểu biết như vậy,
Này kẻ Ác ma kia!
Cho đến Ông không thấy,
Con đường của Ta đi.*

7) (Ác ma):

*Nếu Ngài chứng ngộ được,
Đường an toàn bất tử,
Ngài hãy đi một mình.
Sao lại dạy người khác?*

8) (Thế Tôn):

*Người đi đến bờ kia,
Họ hỏi nước bất tử,
Được hỏi, Ta trả lời,
Cánh giới vô duy y.*

9) -- Bạch Thế Tôn, ví như một hồ nước không xa làng hay thị trấn. Tại đây có một con cua. Rồi bạch Thế Tôn, nhiều người con trai hay người con gái, từ làng ấy đi ra, đi đến hồ nước ấy. Sau khi đến, họ kéo con cua ấy lên khỏi nước và đặt nó trên đất liền. Bạch Thế Tôn, khi nào con cua ấy thò ra cái càng nào, những người con trai hay những người con gái ấy, lấy gậy hay lây miềng sành chặt đứt, bẻ gãy hay đập nát cái càng ấy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con cua ấy, với mọi càng bị chặt đứt, bẻ gãy, đập nát, không thể bò xuống hồ nước ấy nữa. Ví như lúc trước có những lộn xộn, mâu thuẫn, xuyên tạc gì đã được Thế Tôn chặt đứt, bẻ gãy, đập nát. Và nay, bạch Thế Tôn, với hy vọng tìm cho được lối làm, con không thể đến gần Thế Tôn được.

10) Rồi Ác ma, trước mặt Thế Tôn, trong nỗi niềm thất vọng, nói lên bài kệ này:

*Như qua liệng hư không,
Thấy đá như miếng mỡ,
Tưởng rằng sẽ tìm được,
Miếng gì mềm và ngon.
Không tìm được gì ngon,
Liền từ đó bay đi,
Như qua mỡ hòn đá,*

*Thất vọng ta bỏ đi,
Giã từ Gotama.*

11) Rồi Ác ma, sau khi nói lên những bài kệ ấy trước mặt Thê Tôn, từ chối ấy bỏ đi, rồi ngồi kiết-già trên đất, không xa Thê Tôn, im lặng, hổ ngươi, thụt vai, cúi đầu, sững sờ, câm miệng, lấy chiếc gậy cào trên đất.

V. Những Người Con Gái (S.i,124)

1) Rồi các nữ ma Khát ái, Bất lạc và Tham dục, đi đến Ác ma, sau khi đến, nói lên bài kệ này với Ác ma:

*Cha thân yêu, sao cha
Lại thất vọng như vậy?
Vì ai, vì người nào,
Khiến cha phải sâu muộn?
Chúng con với ái dục,
Sử dụng như bầy mồi,
Sẽ buộc chặt họ lại,
Như buộc chặt voi rừng,
Và dẫn họ đến cha,
Khiến họ quy phục cha.*

2) (Ác ma):

*Bậc La-hán, Thiện Thê,
Bậc Chánh Giác ở đời,
Không dễ dùng ái dục,
Khéo nghiệp phục vị ấy.
Vị ấy đã vượt qua,
Lãnh vực của Ác ma,
Do vậy, ta sâu não,
Buồn phiền đến cực độ.*

3) Rồi các nữ ma Khát ái, Bất lạc, và Tham dục đi đến Thê Tôn; sau khi đến, nói với Thê Tôn:

-- Thura Sa-môn, chúng con xin hầu hạ dưới chân Ngài.

Nhưng Thê Tôn không chú ý đến, vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y.

4) Rồi các nữ ma Khát ái, Bất lạc và Tham dục đi qua phía một bên và suy nghĩ như sau: "Sở thích của con người cao thấp khác nhau. Vậy chúng ta biến hình thành một trăm thiếu nữ".

5) Rồi các nữ ma Khát ái, Bất lạc và Tham dục, sau khi biến hình thành một trăm thiếu nữ, liền đi đến Thê Tôn; sau khi đến, nói với Thê Tôn:

-- Thura Sa-môn, chúng con xin hầu hạ dưới chân Ngài.

Nhưng Thê Tôn không chú ý đến, vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y.

6) Rồi các nữ ma Khát ái, Bất lạc và Tham dục đi qua phía một bên và suy nghĩ như sau: "Sở thích của con người cao thấp khác nhau. Vậy chúng ta hãy biến hình thành một trăm thiếu phụ chưa sanh con".

7) Rồi các nữ ma Khát ái, Bất lạc và Tham dục sau khi biến thành một trăm thiếu phụ chưa sanh con, liền đi đến Thê Tôn; sau khi đến, nói với Thê Tôn:

-- Thưa Sa-môn, chúng con xin hầu hạ dưới chân Ngài.

Nhưng Thê Tôn không chú ý đến, vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y.

8) Rồi các nữ ma Khát ái,..., sau khi biến hình thành một thiếu phụ đã sanh một con, đi đến Thê Tôn,..., vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y.

9) Rồi các nữ ma Khát ái,..., sau khi biến hình thành một thiếu phụ đã sanh hai con, đi đến Thê Tôn,..., vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y.

10) Rồi các nữ ma Khát ái,..., sau khi biến hình thành một thiếu phụ trung niên, đi đến Thê Tôn,..., vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y.

11) Rồi các nữ ma Khát ái,..., sau khi biến hình thành một phụ nữ lớn tuổi, đi đến Thê Tôn,..., Vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y.

12) Rồi các nữ ma Khát ái, Bất lạc và Tham dục đi qua một bên và nói như sau:

-- Cha chúng ta nói thật đúng sự thật:

*Bậc La-hán, Thiện Thệ,
Bậc Chánh Giác ở đời,
Không dễ dùng ái dục,
Khéo nghiệp phục vị áy.
Vị áy đã vượt qua,
Quyền lực của Ác ma,
Do vậy ta sầu não,
Buồn phiền đến cực độ.*

13) Nếu chúng ta tấn công với phương tiện này, một Sa-môn hay Bà-la-môn nào chưa ly ái dục, người ấy sẽ bể tim, hay miệng hộc máu nóng, hay bị loạn tâm, hay bị cuồng ý. Ví như một cây lau xanh bị gặt hái sẽ héo hắt, khô cằn, tiêu tụy. Cũng vậy, người ấy sẽ héo hắt, khô cằn, tiêu tụy.

14) Rồi các nữ ma Khát ái, Bất lạc và Tham dục đi đến Thê Tôn; sau khi đi đến, liền đứng một bên.

15) Đứng một bên, nữ ma Khát ái nói lên bài kệ với Thê Tôn:

*Với tâm tư sầu muộn,
Ngài Thiền tư trong rừng,
Vì tài sản hao mòn,
Hay vì thèm tài sản?
Có thể tại xóm làng,
Ngài đã gây tội phạm,
Sao Ngài không làm thân*

*Với bà con xóm giềng?
Sao Ngài không có thể
Làm bạn với một ai?*

16) (Thê Tôn):

*Với mục đích đạt thành,
Với thân tâm an tĩnh,
Ta chiến thắng quân binh.
Hình sắc lạc, khả ái.
Ta độc tọa Thiên tư,
Chúng ngộ chọn an lạc,
Do vậy, giữa chúng sanh,
Ta không bạn một ai.
Làm bạn với một ai,
Đối với Ta không cần.*

17) Rồi nữ ma Bất lạc nói lên bài kệ với Thê Tôn:

*Làm sao vị Tỷ-kheo,
Sóng giữa nhiều (chướng ngại),
Đã vượt năm bộc lulu,
Lại gắng vượt thứ sáu?
Làm sao Thiên tư được,
Giữa rất nhiều dục tưởng,
Được giữ ngoài vị áy,
Không bắt vị áy được?*

18) (Thê Tôn):

*Với thân được khinh an,
Với tâm khéo giải thoát,
Không còn các sở hành,
Chánh niệm, không tham trước,
Biết rõ được Chánh pháp,
Không tầm, tu Thiền định.
Không phẫn nộ, vọng niệm,
Không thuy miên, giải đai,
Như vậy vị Tỷ-kheo,
Sóng giữa nhiều chướng ngại,
Đã vượt năm bộc lulu,
Lại gắng vượt thứ sáu,
Như vậy tu Thiên tư,
Giữa rất nhiều dục tưởng,
Được giữ ngoài vị áy,
Không bắt vị áy được.*

19) Rồi nữ ma Tham dục, nói lên bài kệ này trước mặt Thê Tôn:

Đoạn tận được khát ái,

*Sóng giữa các chúng đoàn,
Phân lớn các chúng sanh,
Chắc chắn sẽ sóng vây.
Vị không tham trước này,
Sóng từ bỏ đám đông,
Đoạn tận dẫn quân sanh,
Thoát khỏi Ma vương quốc.*

20) (Thê Tôn):

*Thật vậy, chư Đại Hùng,
Thật vậy, chư Như Lai,
Với chọn vi diệu pháp,
Hướng dẫn (mọi quân sanh),
Được Chánh pháp hướng dẫn,
Đâu có ganh tức gì,
Không thể không biết vậy.*

21) Rồi các nữ ma Khát ái, Bất lạc và Tham dục đi đến Ác ma.

22) Và Ác ma thấy các nữ ma Khát ái, Bất lạc và Tham dục từ xa đi lại. Thấy vậy, Ác ma liền nói lên bài kệ:

*Các Nguoi thật kẻ ngu,
Lấy cành sen phá đá,
Lấy móng tay đào núi,
Lấy răng nhai sắt thép.
Các Nguoi thật giống người,
Lấy đâu húc đá tầng,
Cố gắng tìm chân đứng,
Trong vực thăm thâm sâu.
Các Nguoi thật giống người,
Lấy ngực đâm lao nhọn.
Thát vọng, các Ông đến,
Giã từ Gotama.*

23)

*Trong áo xiêm lòe loet,
Con gái ma, chúng đến,
Khát ái và Bất lạc,
Cùng với nàng Tham dục.
Bậc Đạo Sư quét sạch,
Các con gái Ác ma,
Như Thần gió quét sạch,
Các cây lá rơi rụng.*

**CHƯƠNG V
5. TUƯƠNG ƯNG TỶ KHEO NI**

I. Alavikà (S.i.128)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Tỷ-kheo-ni Alavikà, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, Tỷ-kheo-ni đi đến rừng Andha để tìm sự yên tĩnh viễn ly.

3) Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Alavikà run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn nàng từ bỏ yên tĩnh viễn ly, nên đi đến Tỷ-kheo-ni Alavikà và nói lên bài kệ:

*Đời không có xuất ly,
Sóng viễn ly làm gì?
Hãy trọn hướng dục lạc,
Chớ hối hận về sau.*

4) Tỷ-kheo-ni Alavikà suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

5) Tỷ-kheo-ni Alavikà suy nghĩ: "Chính Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn làm ta từ bỏ yên tĩnh viễn ly nên đã nói lên bài kệ đó".

6) Tỷ-kheo-ni Alavikà biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ:

*Ở đời có xuất ly,
Nhờ trí tuệ, ta chừng.
Này Bà con phóng dật,
Biết sao được pháp áy?
Ái dục như kiêm thương,
Đài chém đầu các uẩn.
Diều Ông gọi dục lạc,
Ta gọi là bất lạc.*

7) Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Alavikà đã biết ta", nên buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

II. Somà (S.i.129)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

Rồi Tỷ-kheo-ni Somà vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực.

2) Khát thực ở Sàvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường khát thực trở về, Tỷ-kheo-ni đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày. Sau khi đi sâu vào rừng, nàng ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

3) Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Somà run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn nàng từ bỏ Thiền

định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Somà; sau khi đến, nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Somà:

*Địa vị khó chứng đạt,
Chỉ Thánh nhân chứng đạt,
Trí nữ nhân hai ngón,
Sao hy vọng chứng đạt?*

- 4) Tỷ-kheo-ni Somà suy nghĩ: "Ai đã nói bài kệ này? Người hay không phải người?"
- 5) Tỷ-kheo-ni Somà suy nghĩ: "Đây là Ác ma muốn làm cho ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn ta từ bỏ Thiên định, nên đã nói lên bài kệ đó".
- 6) Tỷ-kheo-ni Somà biết được : "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

*Nữ tánh chướng ngại gì,
Khi tâm khéo Thiên định,
Khi trí tuệ triển khai,
Chánh quán pháp vi diệu?
Ai tự mình tìm hỏi :
"Ta, nữ nhân, nam nhân,
Hay ta là ai khác?"
Xứng nói chuyện Ác ma,
Ác ma thật cẩn xứng.*

- 7) Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Somà đã biết ta", nên buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

III. Gotamì (S.i.129)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực.

- 2) Khát thực ở Sàvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về, Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Andha, đến ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

- 3) Ác ma muốn làm cho Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ Thiên định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì; sau khi đi đến, liền nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì:

*Sao nàng như mệt con,
Một mình, mặt ứa lệ.
Hay một mình vào rừng,
Để tìm đàn ông nào?*

- 4) Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"
- 5) Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì suy nghĩ: "Đây là Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ Thiên định nên đã nói lên bài kệ đó".

6) Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

*Con hại, đã qua rồi,
Đàn ông đã châm dứt,
Ta không sầu, không khóc,
Ta sợ gì các Ông?
Khắp nơi hỷ, ái đoạn,
Khôi mê ám nát tan,
Chiến thắng quân thần chết,
Vô lậu, ta an trú.*

7) Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì đã biết ta" nên buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

IV. Vijayà

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

Tỷ-kheo-ni Vijayà vào buổi sáng đắp y... và ngồi xuống dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

2) Ác Ma muôn làm cho Tỷ-kheo-ni Vijayà sợ hãi ... muôn khiêng nàng từ bỏ Thiên định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Vijayà; sau khi đến, nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Vijayà:

*Nàng vừa trẻ, vừa đẹp,
Ta vừa trẻ, vừa xuân,
Với cung đàn năm điệu,
Nàng cùng ta vui hưởng.*

3) Tỷ-kheo-ni Vijayà suy nghĩ : " Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

4) Tỷ-kheo-ni Vijayà suy nghĩ : " Đây là Ác ma... nói lên bài kệ đó."

5) Tỷ-kheo-ni Vijayà suy nghĩ : "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

*Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Làm cho ý đam mê,
Ta nhường lại Ác ma,
Ta đâu có cần chúng.
Với thân bất tịnh này,
Dễ hư hoại mong manh,
Ta bực phiền, tủi hổ,
Dục ái được đoạn tận.
Họ sanh hưởng sắc giới,
Chúng vọng vô sắc giới,
Thiền chứng an tịnh ấy,
Mọi nơi, mê ám diệt.*

6) Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Aijayà đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

V. Uppalavannà (S.i.131)

1) Nhân duyên Sàvatthi.

Rồi Tỷ-kheo-ni Uppalavannà vào buổi sáng đắp y... và đứng dưới gốc cây tala có trổ hoa.

2) Ác ma muốn làm cho Tỷ-kheo-ni Uppalavannà run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiêu nàng từ bỏ Thiên định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Uppalavannà.

3) Sau khi đến, Ác ma nói lên bài kệ này với Tỷ-kheo-ni Uppalavannà:

*Này nàng Tỷ-kheo-ni,
Dưới gốc cây tala,
Đang nở nụ trâm hoa,
Nàng đến đứng một mình,
Nhán sắc Nàng tuyệt đẹp,
Không ai dám sánh bằng!
Tại đây Nàng đã đến,
Trong tư thế như vậy,
Nàng ngu dai kia oii,
Không sợ cảm dỗ sao?*

4) Tỷ-kheo-ni Uppalavannà suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay là không phải người?"

5) Tỷ-kheo-ni Uppalavannà suy nghĩ: "Đây là Ác ma... đã nói lên bài kệ đó."

6) Tỷ-kheo-ni Uppalavannà biết được: "Đây là Ác ma", liền trả lời với bài kệ:

*Trăm ngàn người cảm dỗ,
Có đến đây như Ông,
Mảy lông ta không động,
Ta không gì sợ hãi.
Ác ma, ta không sợ,
Ta đứng đây một mình,
Ta có thể biến mất,
Hay vào bụng các Ông.
Ta đứng giữa hàng mì,
Ông không thấy ta được.
Với tâm khéo khiếp phục,
Thần túc khéo tu trì,
Ta thoát mọi trói buộc,
Ta đâu có sợ Ông?
Này Hiền giả Ác ma!*

7) Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Uppalavannà đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

VI. Càlà (S.i.132)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

Tỷ-kheo-ni Càlà vào buổi sáng đắp y... ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

2) Ác ma đi đến Tỷ-kheo-ni Càlà; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo-ni Càlà:

- Này Tỷ-kheo-ni, Nàng không vui thích gì?
- Này Hiền giả, ta không vui thích sanh.
- Sao Nàng không vui thích sanh?
- Khi đã sanh, phải thọ hưởng các dục.
- Này Tỷ-kheo-ni, ai dạy cho nàng: "Chớ có vui thích sanh"?

3) (Càlà):

*Sanh ra rồi phải chết,
Đã sanh thấy khổ đau,
Kiết sứ trói gia hại,
Do vậy không thích sanh.
Đức Phật thuyết giảng pháp,
Khiến vượt khỏi tái sanh,
Doan trừ mọi khổ não,
Giúp ta trú chân thật.
Chúng sanh hướng sắc giới,
Họ vọng vô sắc giới,
Nếu không biết đoạn diệt,
Họ đi đến tái sanh.*

4) Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Càlà đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

VII. Upacàlà

1) Ở tại Sàvatthi.

2) Rồi Tỷ-kheo-ni Upacàlà, vào buổi sáng, đắp y... và ngồi xuống một gốc cây để nghỉ ban ngày... nói với Tỷ-kheo-ni Upacàlà:

- Này Tỷ-kheo-ni, Nàng muốn tái sanh tại chỗ nào?.
- 3) -- Ta không muốn tái sanh tại một chỗ nào cả, này Hiền giả.

4)

*Chư Thiên Ba mươi ba,
Dạ-ma, Đầu-suất thiên,
Chư vị Hóa lạc thiên,
Tha hóa Tự tại thiên,
Nàng hãy hướng tâm này,
Đến cảnh giới chư Thiên,
Rồi Nàng được tái sanh,
Hướng an lạc cảnh áy.*

5)

*Chư Thiên Ba mươi ba,
Đã-ma, Đâu-suất thiên,
Chư vị Hóa Lạc thiên,
Tha hóa, Tự tại thiên,
Vì ái dục trói buộc,
Lại bị ma chinh phục.
Toàn thế giới cháy đỏ,
Toàn thế giới hỏa thiêu,
Toàn thế giới bùng cháy,
Toàn thế giới rung động.
Không rung, không dao động,
Không hệ lụy, phàm phu,
Chỗ nào ma không đến,
Chỗ ấy ta vui thích.*

6) Rồi Ác ma biết được... biến mất tại chỗ ấy.

VIII. Sisupacàlà

1) Tại Sàvatthi.

Tỷ-kheo-ni Sisupacàlà vào buổi sáng đắp y... rồi ngồi xuống một gốc cây để nghỉ ban ngày.

2) Rồi Ác ma đi đến Tỷ-kheo-ni Sisupacàlà; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo-ni Sisupacàlà:

-- Này Tỷ-kheo-ni, Nàng thích thú tà giáo của ai không?

3) -- Này Hiền giả, ta không thích thú tà giáo của ai cả.

4)

*Vì ai Nàng trọc đầu,
Hiện tướng nữ Sa-môn?
Nàng không thích tà giáo,
Vậy nàng tu cho ai,
Này kẻ Ngu muội kia?*

5) (Sisupacàlà):

*Những kẻ tin tà kiến,
Thuộc ngoại đạo tà giáo.
Ta không thích pháp họ,
Ta không giỏi pháp họ!
Có dòng họ Thích-ca.
Đản sanh Phật vô tỳ,
Ngài chinh phục tất cả,
Ngài đại phá chúng ma,
Tại mọi chỗ, mọi nơi,*

*Không ai chiến thắng Ngài.
Ngài giải thoát hoàn toàn,
Không bị gì triền phược.
Bậc Pháp nhân thấy khắp;
Tất cả nghiệp đoạn diệt,
Giải thoát, diệt sanh y.
Thέ Tôn, Đạo Sư ta,
Ta thích giáo pháp Ngài.*

6) Rồi Ác ma biết được... liền biến mất tại chỗ ấy.

IX. Selà (S.i.134)

1) Ở tại Sàvatthi.

Tỷ-kheo-ni Selà vào buổi sáng đắp y... ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

2) Rồi Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Selà run sợ... nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Selà:

*Bởi vì bong bóng này,
Được tạo tác làm ra,
Ai là người sáng tạo,
Bong bóng như huyền này?
Từ đâu bong bóng sanh?
Di đâu bong bóng diệt?*

3) Rồi Tỷ-kheo-ni Selà suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

4) Rồi Tỷ-kheo-ni Selà suy nghĩ: "Đây là Ác ma, muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ Thiên định, nên đã nói lên bài kệ ấy".

5) Rồi Tỷ-kheo-ni Selà được biết: "Đây là Ác ma", nên trả lời Ác ma với bài kệ:

*Bong bóng như huyền này,
Không phải tự ngã làm,
Sự vật bạc phược này,
Không phải người khác làm.
Do nhân duyên quy tụ,
Sự vật được hình thành,
Do nhân duyên tán ly,
Sự vật bị tiêu diệt.
Hột giống gieo vào ruộng,
Được nảy mầm, sinh lộc,
Khi nhiễm thâm cả hai,
Vị đất và khí ướt.
Cũng vậy uẩn và giới,
Cùng với sáu xíu này,
Do nhân duyên quy tụ,
Chúng sẽ được hình thành,
Do nhân duyên tán ly,*

Chúng bị hoại, tiêu diệt.

6) Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Selà đã biết ta", nên buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

X. Vajirà

1) Ở tại Sàvatthi.

Tỷ-kheo-ni Vajirà vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Khát thực xong, sau bữa ăn, trên con đường khát thực trở về, Tỷ-kheo-ni Vajirà đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày, đi sâu vào rừng Andha và ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

2) Rồi Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Vajirà run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ Thiền định, liền đi đến, nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Vajirà:

3)

*Do ai, hữu tình này,
Được sanh, được tạo tác?
Người tạo hữu tình này,
Hiện nay ở tại đâu?
Từ đâu hữu tình sanh?
Di đâu hữu tình diệt?*

4) Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirà suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

5) Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirà lại suy nghĩ: "Chính là Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ Thiền định, nên đã nói lên bài kệ này".

6) Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirà biết được: "Đây là Ác ma", liền trả lời Ác ma với bài kệ:

*Sao Ông lại nói hoài,
Đến hai chữ chúng sanh?
Phải chăng, này Ác ma,
Ông roi vào tà kiến?
Đây quy tụ các hành,
Chúng sanh được hình thành,
Như bộ phận quy tụ,
Tên xe được nói lên.
Cũng vậy, uẩn quy tụ,
Thông tục gọi chúng sanh.
Chỉ có khổ được sanh,
Khổ tồn tại, khổ diệt,
Ngoài khổ, không gì sanh,
Ngoài khổ không gì diệt.*

7) Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Vajirà đã biết ta", nên buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

CHƯƠNG VI
6. TƯƠNG ƯNG PHẠM THIỀN

I. Phạm Thú Nhất**I. Thủ Cầu (S.i. 136)**

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Uruvelà trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây Ajapàla Nigrodha, khi Ngài mới thành đạo.

2) Rồi Thé Tôn, trong khi Thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên:

3) "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tĩnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người có trí mới cảm nhận! Còn quần chúng này ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó thấy định lý này, tức là y duyên tánh duyên khởi pháp. Thật khó thấy định lý này, tức là tất cả hành là tịch tĩnh, tất cả sanh y được từ bỏ, ái tận, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, như vậy thật mệt mỏi cho Ta, như vậy thật bức phiền cho Ta."

4) Rồi những bài kệ vi diệu này, từ trước chưa từng được nghe, được Thé Tôn nói lên:

*Pháp Ta chứng khó khăn,
 Sao nay Ta nói lên?
 Tham, sân chi phổi ai,
 Khó chứng ngộ pháp này.
 Pháp này đi ngược dòng,
 Vi diệu và thâm sâu,
 Khó thấy, rất vi tế.
 Những ai ưa ái dục,
 Bị vô minh bao phủ,
 Rất khó thấy pháp này.*

5) Thé Tôn với suy tư như vậy, tâm hướng về thụ động, không muốn thuyết pháp.

6) Rồi Phạm thiên Sahampati biết được tâm tư Thé Tôn nhờ tâm tư của mình, liền suy nghĩ: "Thật sự thế giới bị tiêu diệt, thật sự thế giới bị diệt vong, nếu tâm Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đặng Giác hướng về thụ động, không muốn thuyết pháp".

7) Rồi Phạm thiên Sahampati, như nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi thẳng; cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thé Tôn.

8) Rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y trên một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, chắp tay hướng về Thé Tôn và bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiên Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít nhiễm bụi trần sẽ bị nguy hại, nếu không được nghe Chánh pháp. (Nếu được nghe) những vị này có thể thâm hiểu Chánh pháp.

9) Phạm thiên Sahampati nói lên như vậy. Nói xong như vậy, vị ấy lại nói thêm như sau:

*Tại xứ Magadha,
Thuở trước có hiện ra,
Tà pháp không thanh tịnh,
Do uế tâm suy diễn.
Mở cửa bát tử này,
Để họ được nghe pháp,
Do bậc Thánh vô ué,
Đã chọn chánh giác ngộ.
Như đứng trên tảng đá,
Tại đỉnh một núi cao,
Đưa mắt nhìn xung quanh,
Quần chúng (dưới chân mình).
Cũng vậy, Ngài Thiện Thệ,
Leo lên lâu Chánh pháp,
Biến nhẫn, không sầu muộn,
Nhìn xuống đám quần sanh
Bị ưu tư sâu khổ,
Bị sanh già áp bức.
Anh hùng, hãy đứng lên,
Bậc Chiến thắng chiến trường,
Vị Trưởng đoàn lữ khách,
Đáng Thoát ly nợ nần,
Thế Tôn hãy thuyết pháp,
Bộ hành khắp thế gian,
Có người nhờ được nghe,
Sẽ thâm hiểu diệu nghĩa.*

10) Rồi Thê Tôn biết được lời thỉnh cầu của Phạm thiên, vì lòng thương xót đối với chúng sanh, nhìn đời với Phật nhẫn.

11) Thê Tôn trong khi nhìn đời với Phật nhẫn, thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời; có hạng lợi căn, độn căn; có hạng tánh thuận, tánh nghịch; có hạng dễ dạy, khó dạy; một số thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

12) Ví như trong hồ sen xanh, sen hồng hay sen trắng, có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lón lên dưới nước, không vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước. Có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lón lên dưới nước, vươn lên tới mặt nước. Có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lón lên dưới nước, vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước làm đắm ướt. Cũng vậy, Thê Tôn trong khi với Phật nhẫn nhìn quanh thế giới, thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời; có hạng lợi căn, độn căn; có hạng tánh thuận, tánh nghịch; có hạng dễ dạy, khó dạy; một số thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác, và sự nguy hiểm của các hành động lỗi lầm.

13) Thấy vậy, Ngài trả lời cho Phạm thiên Sahampati với những bài kệ:

*Hãy rộng mở cho họ,
Cửa trưởng sanh bát tử,
Hỡi những ai có tai,
Hãy giải thoát tà tín,
Ý thức sự nguy hại,
Ta sẽ có thuyết giảng*

*Pháp tốt đẹp vi diệu,
Giữa nhân loại, chúng sanh,
Ôi Phạm thiên Sahampati!*

14) Rồi Phạm thiên Sahampati biết được: "Ta đã tạo ra cơ hội cho Thέ Tôn thuyết pháp", nên đánh lẽ Thέ Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ ấy.

II. Cung Kính.

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở tại Uruvelà trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây Ajapàla Nigrodha, khi Ngài mới thành đạo.

2) Và Thέ Tôn trong khi Thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật là khó khăn, sống không có cung kính, không có vâng lời. Vậy Ta hãy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào một Sa-môn hay Bà-la-môn".

3) Rồi Thέ Tôn, suy nghĩ: "Với mục đích làm cho đầy đủ giới uẩn chưa được đầy đủ, Ta hãy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào một Sa-môn hay Bà-la-môn khác. Nhưng Ta không thấy một chỗ nào trong thế giới chư Thiên, Ác ma và Phạm thiên, giữa các Sa-môn, giữa quần chúng loài Trời hay loài Người, không có một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, với giới uẩn cụ túc, tốt đẹp hơn Ta mà Ta có thể cung kính, tôn trọng và sống y chỉ".

4) "Với mục đích làm cho đầy đủ định uẩn chưa được đầy đủ, Ta hãy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào một Sa-môn hay Bà-la-môn khác..."

5) "Với mục đích làm cho đầy đủ tuệ uẩn chưa được đầy đủ..."

6) "Với mục đích làm cho đầy đủ giải thoát uẩn chưa được đầy đủ..."

7) "Với mục đích làm cho đầy đủ giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ, Ta hãy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào một Sa-môn hay Bà-la-môn khác. Nhưng Ta không thấy một chỗ nào trong thế giới chư Thiên, Ác ma và Phạm thiên, giữa quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, giữa loài Trời hay loài Người, không có một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, với giải thoát tri kiến uẩn tốt đẹp hơn Ta mà Ta có thể cung kính, tôn trọng và sống y chỉ".

8) "Với pháp này, Ta đã chánh đẳng giác, Ta hãy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ pháp này".

9) Rồi Phạm thiên Sahampati với tâm tư của mình biết được tâm tư của Thέ Tôn, như một nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thέ Tôn.

10) Rồi Phạm thiên Sahamapati đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thέ Tôn và bạch Thέ Tôn:

11) -- Như vậy là phải, bạch Thέ Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thέ Tôn, trong thời quá khứ, các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, chư Thέ Tôn ấy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào (Chánh) pháp. Bạch Thέ Tôn, trong thời vị lai, các vị ấy sẽ thành A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, chư Thέ Tôn ấy sẽ cung kính, tôn trọng và sẽ sống y chỉ vào (Chánh) pháp. Bạch Thέ Tôn, mong rằng

trong thời hiện tại, Thέ Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đǎng Chánh Giác cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào (Chánh) pháp.

12) Phạm thiên Sahampati nói như vậy, sau khi nói như vậy, lại nói thêm như sau:

*Chư Phật thời quá khứ,
Chư Phật thời vị lai,
Và đức Phật hiện tại,
Đoạn sâu muộn nhiều người.
Tất cả các vị ấy,
Đã, đang và sẽ sống,
Cung kính và tôn trọng,
Pháp chọn chánh vi diệu,
Pháp nhĩ là như vậy,
Đối với chư Phật-đà.
Do vậy, muốn lợi ích,
Ước vọng làm Đại nhân,
Hãy cung kính, tôn trọng
Pháp chọn chánh vi diệu,
Hãy ghi nhớ giáo pháp,
Chư Phật Chánh Đǎng Giác.*

III. Phạm Thiên.

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ con một nữ Bà-la-môn, tên là Brahmadeva đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thέ Tôn.

3) Rồi Tôn giả Brahmadeva sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà các thiện nam tử chọn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, chính là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh. Vị ấy ngay hiện tại với thảng trí tự mình chứng đắc, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Và Tôn giả Brahmadeva trở thành một vị A-la-hán.

4) Rồi Tôn giả Brahmadeva vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khất thực. Trong khi bộ hành thứ lớp khất thực ở Sàvatthi, Tôn giả Brahmadeva đi đến nhà người mẹ của mình.

5) Lúc bấy giờ, nữ Bà-la-môn, mẹ Tôn giả Brahmadeva, thường làm lễ cúng dường Phạm thiên.

6) Rồi Phạm thiên Sahampati suy nghĩ: "Nữ Bà-la-môn mẹ Tôn giả Brahmadeva này, thường làm lễ cúng dường Phạm thiên. Vậy ta hãy đến bà ấy và làm cho bà chán động".

7) Rồi Phạm thiên Sahampati, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trong nhà mẹ Tôn giả Brahmadeva.

8) Rồi Phạm thiên Sahampati đứng giữa hư không, nói lên bài kệ này với nữ Bà-la-môn mẹ Tôn giả Brahmadeva:

Ôi! Nữ Bà-la-môn,
 Phạm thiên giới rất xa,
 Chính Bà thường cúng đường,
 Cho chính Phạm thiên ấy,
 Món cúng đường như vậy,
 Không món ăn Phạm thiên.
 Người bập bẹ làm gì,
 Chưa biết Phạm thiên đạo.
 Nay nữ Bà-la-môn,
 Brahmadeva này
 Là con trai của bà,
 Ngài đoạn mọi sanh y,
 Chứng pháp siêu Thiên giới,
 Khát sỉ, không sở hữu,
 Không nuôi dưỡng một ai.
 Vị ấy nay đã đến,
 Nhà Bà để khát thực,
 Xứng đáng được cúng đường,
 Thâm hiểu các Thánh điền,
 Các căn khéo tu tập,
 Nhơn, Thiên xứng cúng đường.
 Vất ngoài mọi tà ác,
 Thoát ly mọi nhiễm ô.
 Ngài đi, tìm độ thực,
 Lặng dịu mọi ưu phiền,
 Về sau ngài không có,
 Về trước, ngài cũng không.
 Vắng lặng, không mù quáng,
 Não phiền, không đắm say.
 Ngài bỏ rơi gậy gộc,
 Đổi kẻ yêu, người mạnh.
 Mong ngài được thọ hưởng,
 Món thương, vị Bà dâng,
 Không bị ác quân phá,
 Tâm tư thuần lắng dịu.
 Như voi thuần, ngài đi,
 Thoát ly mọi ái dục.
 Vị Tỷ-kheo trì giới,
 Tâm tư khéo giải thoát,
 Hãy mời ngài thọ hưởng
 Thương vị Bà cúng đường.
 Bà hãy dâng cúng đường.
 Lên ngài, Bà tin tưởng,
 Với lòng tin bất động,
 Xứng đáng Bà cúng đường.
 Hãy làm điều phước đức,
 Dành an lạc đời sau.
 Nay nữ Bà-la-môn,
 Nay Bà đã thấy Ngài.
 Bậc Thánh nhân ân sỉ,
 Bậc vượt khỏi bộc lưu.

9)

*Bà hãy đáng cúng dường
Lên ngài, Bà tin tưởng,
Với lòng tin bất động,
Xứng đáng Bà cúng dường.
Bà đã làm công đức,
Dành an lạc đời sau,
Này Nữ Bà-la-môn,
Nay bà đã thấy ngài,
Bậc Thánh nhân ân sỹ,
Bậc vượt khỏi bộc lụu.*

IV. Phạm Thiên Baka (S.i.142)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, Phạm thiên Baka khởi lên ác tà kiến như sau: "Đây là thường. Đây là thường hằng. Đây là thường trú. Đây là viên mãn. Đây là bất động. Đây là không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi. Và ở ngoài đây ra, không có một sự giải thoát nào khác".

3) Rồi Thé Tôn, với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Phạm thiên Baka. Như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngai biến mất ở Jetavana (Thắng Lâm) và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy.

4) Phạm Thiên Baka thấy Thé Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền bạch Thé Tôn:

-- Hãy đến đây, Tôn giả ! Đón chào mừng Tôn giả ! Thưa Tôn giả, đã từ lâu Tôn giả tạo ra cơ hội này, tức là đến đây. Thưa Tôn giả, đây là thường. Đây là thường hằng. Đây là thường trú. Đây là viên mãn. Đây là bất động. Đây là không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi. Ngoài đây ra, không có một pháp giải thoát nào khác hơn.

5) Được nghe nói vậy, Thé Tôn nói với Phạm thiên Baka:

-- Ông thật là vô minh, này Phạm thiên Baka! Ông thật là vô minh, này Phạm thiên Baka! Ở đây, cái vô thường lại nói là thường. Cái không thường hằng lại nói là thường hằng. Cái không thường trú lại nói là thường trú. Cái không viên mãn lại nói là viên mãn. Cái không bất động lại nói là bất động. Và ở đây có sanh, có già, có chết, có diệt, có khởi, lại nói ở đây không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi. Và có pháp giải thoát khác nữa lại nói là không có pháp giải thoát nào khác.

6) (Baka):

*Này Ngài Gotama,
Bảy hai công đức nghiệp,
Chúng ta ngự thế giới,
Chinh phục sanh và già,
Đây đời sống cuối cùng,
Thâm hiểu Thánh Vệ-dà,*

*Đạt được Phạm thiên vị,
Nhiều người lê bái ta.*

7) (Thé Tôn):

*Ngắn thay đời sống này,
Thợ mang đâu có dài,
Chỉ có Ông, Baka,
Nghĩ rằng thợ mạng dài,
Ta biết thợ mạng Ông,
Này Brahma như vậy,
Khoảng trăm ngàn năm xưa,
(Nirabbudànam).*

8) (Baka):

*Nếu Ngài là Thé Tôn,
Thầy được sự bất tận,
Ngài vượt qua, chinh phục,
Sanh già và sầu muộn,
Giới hạnh thuở xưa ấy,
Nào ích gì cho con,
Hãy nói lên cho con,
Để con biết rõ ràng.*

9) (Thé Tôn):

*Có khát đông nhiều người,
Khát nước và nhiệt não,
Quá khát Ông cho uống,
Và cứu độ nhiều người.
Chính giới ấy, hạnh ấy
Của Ông trong thời xưa,
Như kẻ ngủ được thức
Ta có nhớ như vậy.
Tại bờ sông Sơn Dương,
Khi quân chúng bị bắt,
Ông giải thoát cho họ,
Ông dắt trốn kẻ tù.
Chính giới ấy, hạnh ấy
Của Ông trong thời xưa,
Như kẻ ngủ được thức,
Ta có nhớ như vậy.
Khi giữa dòng sông Hằng,
Có thuyền bị công hãm,
Bởi loại rắn bao ngược
Muốn nuốt sống loài Người,
Với sức mạnh thần lực,
Ông chinh phục, giải cứu,
Chính giới ấy, hạnh ấy
Của ông trong thời xưa,*

*Như kẻ ngủ được thức,
Ta có nhớ như vậy.
Ta với tên Kappa,
Một thời đệ tử Ông,
Ta được Ông xác nhận,
Bậc thông minh trí tuệ,
Chính giới áy, hạnh áy,
Của Ông trong thời xưa,
Như kẻ ngủ được thức,
Ta có nhớ như vậy.*

10) (Baka):

*Chắc chắn Ngài được biết,
Thọ sanh con như vậy,
Ngài cũng biết người khác,
Vì Ngài, bậc Giác Ngộ.
Như vậy oai đức Ngài,
Chói sáng là như vậy,
Hào quang Ngài sáng chói,
An trú Phạm thiên giới.*

V. Tà Kiến Khác (S.i.144)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Lúc bấy giờ, một Phạm thiên khác có khởi lên một ác tà kiến như sau: "Không một Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể đến ở đây".
- 3) Rồi Thé Tôn, với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Phạm thiên ấy. Như người lực sĩ,..., hiện ra trong Phạm thiên giới ấy.
- 4) Rồi Thé Tôn ngồi kiết-già giữa hư không, trên đầu Phạm thiên ấy, toàn thân phun lửa.
- 5) Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna khởi lên ý nghĩ: "Nay Thé Tôn đang trú ở đâu?".
- 6) Mahà Moggallàna, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, thấy Thé Tôn đang ngồi kiết-già giữa hư không, trên đầu Phạm thiên ấy, toàn thân phun lửa. Thấy vậy, như nhà lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, ngài biến mất ở Jetavana và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy.
- 7) Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna ngồi kiết-già giữa hư không về phía đông, trên đầu vị Phạm thiên ấy, phía dưới Thé Tôn, toàn thân phun lửa.
- 8) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa (Đại Ca-diếp) khởi lên ý nghĩ: "Nay Thé Tôn đang trú ở đâu?". Với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Mahà Kassapa thấy Thé Tôn đang ngồi kiết-già giữa hư không,..., thấy vậy như nhà lực sĩ,..., cũng vậy, biến mất ở Jetavana, hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa ngồi kiết-già giữa hư không về phía Nam, trên đầu vị Phạm thiên ấy, phía dưới Thé Tôn, toàn thân phun lửa.
- 9) Rồi Mahà Kappina (Đại Kiếp-tân-na) khởi lên ý nghĩ: "Nay Thé Tôn đang trú ở đâu?"

10) Với thiên nhãnh thanh tịnh, siêu nhân, Mahà Kappina thấy Thé Tôn,..., toàn thân phun lửa. Thấy vậy, như nhà lực sĩ,..., cũng vậy biến mất ở Jetavana và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Rồi Tôn giả Mahà Kappina ngồi kiết-giả giữa hư không về phía Tây, trên đầu vị Phạm thiên ấy, phía dưới Thé Tôn, toàn thân phun lửa.

11) Rồi Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà) khởi lên ý nghĩ: "Thé Tôn hiện nay đang trú ở đâu?". Với thiên nhãnh thanh tịnh, siêu nhân, Tôn giả Anuruddha thấy,..., hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Rồi Tôn giả Anuruddha ngồi kiết-giả giữa hư không về phía Bắc, trên đầu vị Phạm thiên ấy, phía dưới Thé Tôn, toàn thân phun lửa.

12) Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna nói lên bài kệ với Phạm thiên ấy:

*Này Hiên giả, hôm nay,
Người còn giữ tà kiến
Như tà kiến của Ông,
Đã gìn giữ thời xưa.
Ông có thấy hào quang
Siêu việt Phạm thiên giới?*

13) (Phạm thiên ấy):

*Này Thân hữu, nay tôi
Không còn giữ tà kiến,
Như tà kiến của tôi,
Đã gìn giữ thời xưa.
Tôi có thấy hào quang,
Siêu việt Phạm thiên giới,
Làm sao tôi chấp nhận:
"Tôi là thường, là hăng"?*

14) Rồi Thé Tôn sau khi làm cho Phạm thiên ấy dao động, như một nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất tại Phạm thiên giới ấy và hiện ra ở Jetavana.

15) Rồi Phạm thiên ấy gọi một Phạm thiên chúng:

-- Nay Tôn giả, hãy đi đến Tôn giả Mahà Moggallàna; sau khi đến, thưa với Tôn giả Mahà Moggallàna: "Thưa Tôn giả Moggallàna, bậc Thé Tôn ấy có những vị đệ tử nào khác, cũng có thần lực, cũng có uy đức như các Tôn giả Moggallàna, Kassapa, Kappina và Anuruddha?"

16) -- Thưa vâng, Tôn giả.

Phạm thiên chúng áy vâng đáp Phạm thiên áy và đi đến Tôn giả Mahà Moggallàna.

17) Sau khi đến, vị áy thưa với Tôn giả Mahà Moggallàna:

-- Thưa Tôn giả Moggallàna, bậc Thé Tôn áy có những đệ tử nào khác, cũng có thần lực, cũng có uy đức như các Tôn giả Moggallàna, Kassapa, Kappina, Anuruddha?

18) Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna nói lên bài kệ với Phạm thiên chúng áy:

*Chúng ba minh thân lực,
Khéo đọc hiểu tâm người,
Bậc lậu tận La-hán,
Đệ tử Phật rất nhiều.*

19) Rồi Phạm thiên chúng áy hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Mahà Moggallàna nói, đi đến Đại Phạm thiên; sau khi đến, nói với vị Phạm thiên áy:

-- Thưa Tôn giả, Tôn giả Mahà Moggallàna nói như sau:

*"Chúng ba minh thân lực,
Khéo đọc hiểu tâm người,
Bậc lậu tận La-hán,
Đệ tử Phật rất nhiều."*

20) Phạm thiên chúng áy nói như vậy. Vị Phạm thiên kia hoan hỷ, tín thọ lời nói của Phạm thiên chúng áy.

VI. Phóng Dật (S.i.146)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang Thiền tịnh độc cư vào buổi trưa.

3) Rồi hai Bích-chi Phạm thiên Subrahmà và Suddhavàsa đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, họ đứng mỗi người dựa vào một cột cửa.

4) Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmà nói với Bích-chi Phạm thiên Suddhavàsa:

-- Nay Tôn giả, nay không phải thời để hầu thăm Thế Tôn, Thế Tôn đang Thiền tịnh vào buổi trưa. Và có một Phạm thiên giới phồn vinh và thịnh vượng, tại đây có Phạm thiên an trú, sống phóng dật. Nay Tôn giả, hãy đi đến Phạm thiên giới áy; sau khi đến hãy làm cho Phạm thiên áy dao động.

5) -- Thưa vâng, Thân hữu.

Bích-chi Phạm thiên Suddhavàsa vâng đáp Bích-chi Phạm thiên Subrahmà.

6) Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmà và Bích-chi Phạm thiên Suddhavàsa, như một lực sĩ..., cũng vậy, các vị này biến mất trước mặt Thế Tôn và hiện ra ở Phạm thiên giới áy.

7) Phạm thiên này thấy các Phạm thiên kia từ xa đi đến, thấy vậy, liền nói với các vị Phạm thiên kia:

-- Nay chư Tôn giả, chư Tôn giả từ đâu đến?

8) -- Nay Tôn giả, chúng tôi đến, sau khi được diện kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nay Tôn giả, Tôn giả nên đi đến hầu thăm Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

9) Khi được nói vậy, Phạm thiên này không để ý đến lời nói áy, tự mình biến hình thành một ngàn thân, rồi nói với Bích-chi Phạm thiên Subrahmà:

-- Nay Tôn giả, Tôn giả có thấy thần lực, uy đức của ta như vậy không?

10) -- Nay Tôn giả, ta có thấy thần lực, uy đức của Tôn giả như vậy.

11) -- Nay Tôn giả, thần lực và uy đức của ta như vậy, thời ta còn phải đi hâu thăm một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác để làm gì?

12) Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmà tự thân biến hình thành hai ngàn thân rồi nói với Phạm thiên kia:

-- Nay Tôn giả, Tôn giả có thấy thần lực, uy đức của ta như vậy không?

13) -- Nay Tôn giả, tôi có thấy thần lực, uy đức của Tôn giả như vậy.

14) -- Nay Tôn giả, Thê Tôn có đại thần lực và đại uy đức thắng hơn Ông và ta nữa. Nay Tôn giả, Tôn giả hãy đi đến hâu thăm Thê Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác.

15) Rồi Phạm thiên kia nói lên bài kệ với Bích-chi Phạm thiên Subrahmà:

*Ba hàng kim sí điếu,
Và bốn hàng thiên nga,
Năm hàng trăm hổ cái
Rực rõ và sáng chói,
Cung điện này chiếu diệu,
Bừng sáng cả Bắc phưong.*

16) (Bích-chi Phạm thiên Subrahmà):

*Dầu cho cung điện Ông,
Rực rõ và chói sáng,
Chiếu diệu cả vòm trời,
Bừng sáng cả Bắc phưong.
Bậc Thiên Thê sáng suốt,
Thấy nguy hiểm trong sắc,
Luôn luôn phải biến hoại,
Nên không ái lạc sắc.*

17) -- Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmà và Bích-chi Phạm thiên Suddhavàsa; sau khi làm vị Phạm thiên ấy dao động, liền biến mất tại chỗ ấy.

18) Và Phạm thiên ấy, sau một thời gian đi đến hâu thăm Thê Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác.

VII. Kokàlika (S.i,148)

1) Ở tại Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ Thê Tôn Thiền tịnh độc cư vào buổi trưa.

3) Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmà và Bích-chi Phạm thiên Suddhavàsa đi đến Thê Tôn; sau khi đến, đứng mỗi người dựa vào một cái trụ cửa.

4) Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmà vì Tỷ-kheo Kokàlika nói lên bài kệ trước mặt Thέ Tôn:

*Ai là người có trí,
Biết nhận xét phân tích,
Lại muôn đem ước lượng,
Bậc siêu vượt ước lượng?
Ta nghĩ kẻ phàm phu,
Bị hạn chế bao vây,
Làm sao ước lượng được,
Bậc siêu vượt ước lượng?*

VIII. Tissaka (S.i,148)

- 1) Tại Sàvatthi.
- 2) Lúc bấy giờ, Thέ Tôn đang thiền tịnh độc cư vào buổi trưa.
- 3) Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmà và Bích-chi Phạm thiên Suddhavàsa đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, mỗi người đứng dựa vào một cột trụ cửa.
- 4) Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmà vì Tỷ-kheo Katamodaka Tissaka nói lên bài kệ này trước mặt Thέ Tôn:

*Ai là người có trí,
Biết nhận xét phân tích,
Lại muôn đem ước lượng,
Bậc siêu vượt ước lượng?
Ta nghĩ người vô trí,
Bị hạn chế bao vây,
Làm sao ước lượng được,
Bậc siêu vượt ước lượng?*

IX. Tudubrahmà (S.i, 149)

- 1) Tại Sàvatthi.
- 2) Lúc bấy giờ Tỷ-kheo Kokàlika bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.
- 3) Rồi Bích-chi Phạm thiên Tudu khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Tỷ-kheo Kokàlika.
- 4) Sau khi đến, vị ấy đứng trên hư không, và nói với Tỷ-kheo Kokàlika:
 - Này Kokàlika, hãy đặt tin tưởng vào Sàriputta và Moggallàna. Sàriputta và Moggallàna thật là hòa nhã.
 - 5) -- Ông là ai, này Hiền giả?
 - 6) -- Ta là Bích-chi Phạm thiên Tudu.

7) -- Này Hiền giả, phải chăng Ông đã được Thέ Tôn nói là đã chứng quả Bát lai. Vậy Ông đến ở đời này làm gì? Ông có thấy lỗi lầm của Ông như thế nào?

*Phàm con người đã sanh,
Sinh với búa trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy thân.
Ai khen kẻ làm bậy,
Ai chê người làm hay,
Tự nhen nhúm bất hạnh,
Do chính miệng của mình;
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc,
Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc (ruồi may),
Bị tan hoang tài sản,
Trong giờ phút đen!
Lớn hơn, sự bất hạnh,
Hơn mọi bất hạnh khác,
Do tự mình gây nên,
Cho tự ngã của mình!
Ai đối xử ác ý,
Với chư Phật, Thiện Thệ,
Phải trải qua thời gian,
Trăm ngàn, nhiều hơn nữa,
Ba mươi sáu và năm,
Trải thời gian thật dài.
Ai với lời và ý,
Phi báng bạt Hiền Thánh,
Dùng ác tâm chống đối,
Sẽ sa đọa địa ngục.*

X. Kokàlika (S.i,119)

1) Tại Sàvatthi.

2) Rồi Tỷ-kheo Kokàlika đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, Sàriputta và Moggallàna là hạng ác dục. Họ bị ác dục chi phói.

4) Khi được nghe nói vậy, Thέ Tôn nói với Tỷ-kheo Kokàlika:

-- Này Kokàlika, chó có nói như vậy. Này Kokàlika, chó có nói như vậy. Này Kokàlika, hãy đặt tin tưởng vào Sàriputta và Moggallàna. Sàriputta và Moggallàna thật là hòa ái.

5) Lần thứ hai, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, dẫu Thέ Tôn đáng tin tưởng, rất đáng tin cậy; nhưng Sàriputta và Moggallàna là hạng

ác dục. Họ bị ác dục chi phổi.

6) Lần thứ hai, Thέ Tôn nói với Tý-kheo Kokalika:

-- Này Kokàlika, chó có nói như vậy. Này Kokàlika, chó có nói như vậy. Này Kokàlika, hãy đặt tin tưởng vào Sàriputta và Moggallàna. Sàriputta và Moggallàna thật là hòa ái.

7) Lần thứ ba, Tý-kheo Kokàlika bạch Thέ Tôn:

-- ... Họ bị ác dục chi phổi.

8) Lần thứ ba, Thέ Tôn bảo Tý-kheo Kokàlika:

-- ... Sariputta và Moggallàna thật là hòa ái.

9) Rồi Tý-kheo Kokàlika từ chố ngồi đứng dậy, đánh lễ Thέ Tôn, thân bên phải hướng về Ngài, rồi ra đi.

10) Tý-kheo Kokàlika ra đi không được bao lâu, toàn thân mọc lên những mụn nhọt lớn bằng hột cải. Từ hột cải, chúng lớn lên bằng hột đậu xanh (mugga). Từ hột đậu xanh, chúng lớn lên bằng hột đậu lớn (kalaya). Từ hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng rolathi (hột cây jujube, cây táo). Từ hột rolathi, chúng lớn lên bằng hột kolama. Từ hột kolama, chúng lớn lên bằng hột amala (a-ma-la quả). Từ quả amala, chúng lớn lên bằng quả beluva chưa chín. Từ quả beluva chưa chín, chúng lớn lên bằng quả billa. Từ hình lớn bằng quả billa, chúng nứt vỡ ra, chảy máu và mũ.

11) Rồi Tý-kheo Kokàlika do bệnh này bị mệnh chung. Bị mệnh chung, Tý-kheo Kokàlika sanh trong địa ngục Sen hồng, với tâm hận thù đối với Tôn giả Sàriputta và Moggallàna.

12) Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn và đứng một bên.

13) Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, Tý-kheo Kokàlika đã mệnh chung. Bạch Thέ Tôn, sau khi mệnh chung Tý-kheo Kokàlika phải sanh vào địa ngục Sen hồng với tâm hận thù đối với Tôn giả Sàriputta và Moggallàna.

14) Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Thέ Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.

15) Rồi Thέ Tôn, sau khi đêm áy đã qua, liền bảo các Tý-kheo:

-- Này các Tý-kheo, hồi hôm, Phạm thiên Sahampati, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Ta; sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tý kheo, Phạm thiên Sahampati bạch với Ta: "Bạch Thέ Tôn, Tý-kheo Kokàlika đã mệnh chung. Và bạch Thέ Tôn, Tý-kheo Kokàlika sau khi mệnh chung đã sanh vào địa ngục Sen hồng với tâm thù hận đối với Tôn giả Sàriputta và Moggallàna". Này các Tý-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ.

16) Được nghe nói vậy, một Tý-kheo bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, bao nhiêu lâu là tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng?

17) -- Thật dài, này Tỷ-kheo, là tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng. Không dễ gì tính được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm.

18) -- Bạch Thé Tôn, có thể tính được bằng bằng một ví dụ?

19) Thé Tôn đáp:

-- Có thể được, này Tỷ-kheo. Nay Tỷ-kheo, ví như có một bao hột đậu mè, nặng hai mươi khàrika, theo đo lường ở nước Kosala. Ví dụ sau một trăm năm, một người lấy ra một lần một hột mè. Nay Tỷ-kheo, còn mau hơn là bao hột mè, nặng hai mươi khàrika ấy, theo đo lường của nước Kosala, đi đến tiêu hao, đi đến hao mòn do phương tiện ấy, so sánh (với tuổi thọ) ở địa ngục Abhuda. Nay Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Abhuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục Nirabbuda. Nay Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Nirabbuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục Ababa. Nay Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Ababa bằng một tuổi thọ ở địa ngục Atata. Nay Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Atata bằng một tuổi thọ ở địa ngục Ahaha. Nay Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Ahaha bằng một tuổi thọ ở địa ngục Kumuda. Nay Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Kumuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục Sogandhika. Nay Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Sogandhika bằng một tuổi thọ ở địa ngục Uppala (Hoa sen xanh). Nay Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Uppala bằng một tuổi thọ ở địa ngục Pundarika (Sen trắng). Nay Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Sen trắng bằng một tuổi thọ ở địa ngục Sen hồng. Nay Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Kokalika sanh tại địa ngục Sen hồng với tâm hận thù đối với tôn giả Sàriputta và Moggallàna.

20) Thé Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, bậc Thiện Thệ lại nói thêm:

*Phàm con người đã sanh,
Sanh với búa trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy thân.
Ai khen kẻ làm bậy,
Ai chê người làm hay,
Tự nhen nhúm bất hạnh,
Do nơi miệng của mình,
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc.
Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc rủi may,
Bị tan hoang tài sản,
Trong giờ phút đỏ đen.
Lớn hơn sự bất hạnh,
Hon mọi bất hạnh khác,
Do tự mình gây nên,
Cho tự ngã của mình.
Ai đối xử ác ý,
Với chư Phật, Thiện Thệ,
Phải trải qua thời gian,
Trăm ngàn nhiều hơn nữa,
Ba mươi sáu và năm,
Trải thời gian thật dài.
Ai với lời và ý,
Phi báng bậc Hiền Thánh,
Dùng ác tâm chống đối,*

Sẽ sa đọa địa ngục.

II. Phẩm Thứ Hai

I. Sanamkumàra - Thường Đồng tử (S.i,153)

- 1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), trên bờ sông Sappini.

2) Rồi Phạm thiên Sanamkumàra, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng bờ sông Sappini, đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn, rồi đứng một bên.

3) Đứng một bên, Phạm thiên Sanamkumàra nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Sát-dé-ly tối thắng,
Giữa người tin giao cách.
Vị đầy đủ trí, đức,
Tôi thắng giữa Nhơn, Thiên.*

4) Phạm thiên Sanamkumàra nói như vậy, và bậc Đạo Sư chấp nhận.

5) Rồi Phạm thiên Sanamkumàra biết được: "Thé Tôn đã chấp nhận ta", đánh lễ Thé Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

II. Devadatta (S.i,153)

1) Một thời Thé Tôn ở Ràjagaha, trên núi Linh Thủu, khi Devadatta bỏ đi không bao lâu.

2) Rồi Phạm thiên Sahampati, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng núi Linh Thủu, đi đến Thé Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn và đứng một bên.

3) Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn về Devadatta:

*Cây chuối bị trái giết,
Cũng vậy cây tre, lau.
Danh vọng giết kẻ ác,
Như thai giết con la.*

III. Andhakavinda (S.i,154)

1) Một thời Thé Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại Andhakavinda.

2) Lúc bấy giờ Thé Tôn ngồi ở ngoài trời, trong bóng đêm, trong khi trời mưa từng hột mít.

3) Rồi Phạm thiên Sahampati, trong khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Andhakavinda, đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi đứng một bên.

4) Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

Hãy ở chỗ núi non,
 Xa vắng các xóm làng,
 Hãy sống đời giải thoát,
 Từ bỏ các kiết sử !
 Nếu tại đây không đạt
 Điều Ông ưa, Ông thích,
 Hãy sống giữa chúng Tăng,
 Hộ trì, giữ chánh niệm,
 Và bộ hành khát thực,
 Nhà này đến nhà khác,
 Các căn được hộ trì,
 Thận trọng, giữ chánh niệm.
 Hãy ở chỗ núi non,
 Xa vắng các xóm làng,
 Thoát ly mọi sợ hãi,
 Vô úy, sống giải thoát.
 Những chỗ có rắn độc,
 Có đêm chớp, sấm vang,
 Trong đêm đen tối mịt,
 Vị Tỷ-kheo lặng ngồi,
 Không run, không hoảng sợ,
 Lông tóc không dựng ngược,
 Chính mắt con thây vậy,
 Không phải chỉ nghe đồn.
 Chính trong một Phạm hạnh,
 Ngàn người thoát tử thần.
 Hơn năm trăm hữu học,
 Mười, mười lăm một trăm,
 Tất cả chúng Dụ lulu,
 Khỏi sanh loại bàng sanh.
 Còn các vị còn lại,
 Theo con đều hướng phuốc,
 Con đêm không kể xiết,
 Sợ roi vào vọng ngũ.

IV. Arunavati (S.i,155)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Sàvatthi...,...

2) Ở đây, Thé Tôn gọi các vị Tỷ-kheo:

-- Này các Tỷ-kheo.

3) -- Thưa vâng, bạch Thé Tôn.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thé Tôn.

4) Thé Tôn nói như sau:

5) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có vị vua tên là Arunavà. Nay các Tỷ-kheo, kinh đô vua Arunavà này tên là Arunavati. Nay các Tỷ-kheo, gần kinh đô Arunavati, Thê Tôn Sikhì bậc A-la-hán, Chánh Đắng Chánh Giác an trú.

6) Nay các Tỷ-kheo, Thê Tôn Sikhì, bậc A-la-hán, Chánh Đắng Giác có hai vị đệ tử xuất chúng, thượng túc, tên là Abhibhu và Sambhava.

7) Rồi này các Tỷ-kheo, Thê Tôn Sikhì bậc A-la-hán, Chánh Đắng Giác gọi Tỷ-kheo Abhibhu:

" -- Nay Bà-la-môn, chúng ta hãy đi đến một Phạm thiêng giời cho đến thời dùng bữa ăn".

8) "-- Thưa vâng, bạch Thê Tôn."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Abhibhu vâng đáp Thê Tôn Sikhì, bậc A-la-hán, Chánh Đắng Chánh Giác.

9) Rồi này các Tỷ-kheo, Thê Tôn Sikhì, bậc A-la-hán, Chánh Đắng Chánh Giác và Tỷ-kheo Abhibhu, như nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy (hai vị) biến mất ở kinh đô Arunavati và hiện ra ở Phạm thiêng giời ấy.

10) Rồi này các Tỷ-kheo, Thê Tôn Sikhì, bậc A-la-hán Chánh Đắng Chánh Giác bảo Tỷ-kheo Abhibhu:

" -- Nay Bà-la-môn, hãy nói bài pháp cho Phạm thiêng này, cho Phạm phụ thiêng và cho Phạm chúng thiêng".

11) "-- Thưa vâng, bạch Thê Tôn."

Tỷ-kheo Abhibhu vâng đáp Thê Tôn Sikhì, bậc A-la-hán, Chánh Đắng Giác, tuyên thuyết bài pháp cho Phạm thiêng ấy, cho Phạm phụ thiêng và cho Phạm chúng thiêng, khích lệ, làm họ phán khởi, làm họ hoan hỷ.

12) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Phạm thiêng, Phạm phụ thiêng và Phạm chúng thiêng cảm thấy xúc phạm, bức bối, tức tối và nói rằng: "Thật là hy hữu, thật là vi diệu, làm sao một đệ tử lại thuyết pháp trước mặt bậc Đạo Sư?".

13) Rồi này các Tỷ-kheo, Thê Tôn Sikhì, bậc A-la-hán, Chánh Đắng Giác bảo Tỷ-kheo Abhibhu:

-- Nay Bà-la-môn, Phạm thiêng, Phạm phụ thiêng, và Phạm chúng thiêng ấy cảm thấy xúc phạm, bức bối, tức tối, nói rằng: 'Thật là hy hữu, thật là vi diệu, làm sao một đệ tử lại thuyết pháp trước mặt bậc Đạo Sư?' Vậy này Bà-la-môn, hãy làm cho Phạm thiêng, Phạm phụ thiêng và Phạm chúng thiêng càng dao động bối phần hơn nữa".

14) "-- Thưa vâng, bạch Thê Tôn".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Abhibhu vâng đáp Thê Tôn Sikhì, bậc A-la-hán, Chánh Đắng Giác, hiện thân thuyết pháp, tàng thân thuyết pháp, hiện nửa thân dưới không hiện nửa thân trên thuyết pháp, hiện nửa thân trên không hiện nửa thân giữa thuyết pháp.

15) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Phạm thiêng, Phạm phụ thiêng và Phạm chúng thiêng, tâm khởi lên hy hữu, kỳ diệu nói rằng: "Thật là hy hữu, thật là kỳ diệu, đại thần lực và đại uy lực của vị Sa-môn".

16) Rồi Tỷ-kheo Abhibhu bạch Thé Tôn Sikhì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

-- Bạch Thé Tôn, con xác nhận với lời nói này giữa chúng Tỷ-kheo Tăng: "Đứng ở Phạm thiên giới, con có thể khiếu cho ngàn thế giới nghe được tiếng của con."

17) "-- Này Bà-la-môn, nay là thời cho sự việc áy. Này Bà-la-môn, nay là thời cho sự việc áy. Này Bà-la-môn, Ông hãy đứng ở Phạm thiên giới và làm cho ngàn thế giới nghe được tiếng nói của ông".

18) "-- Thưa vâng, bạch Thé Tôn".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Abhibhu vâng đáp Thé Tôn Sikhì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, đứng ở Phạm thiên giới và nói lên bài kệ này:

*"Hãy đứng dậy, lên đường,
Hãy dấn thân Phật giáo,
Hãy đánh bại Ma quân,
Như voi phá chòi lá.
Ai trong pháp luật này,
An trú không phóng dật,
Đoạn tận vòng sống chết,
Sẽ chấm dứt khổ đau".*

19) Này các Tỷ-kheo, rồi Thé Tôn Sikhì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và Tỷ-kheo Abhibhu, sau khi làm cho Phạm thiên, Phạm phụ thiên và Phạm chúng thiên dao động, như người lực sĩ,..., biến mất ở Phạm thiên giới ấy và hiện ra ở Arunavati.

20) Rồi này các Tỷ-kheo, Thé Tôn Sikhì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác gọi các vị Tỷ-kheo:

-- Này các Tỷ kheo, các Ông có nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhu đứng tại Phạm thiên giới, nói lên không?".

21) "-- Bạch Thé Tôn, chúng con có nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhu đứng tại Phạm thiên giới đã nói lên."

22) "-- Này các Tỷ-kheo, như thế nào các ông nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhu đứng lên tại Phạm thiên giới đã nói lên?"

23) "-- Bạch Thé Tôn, chúng con nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhu đứng tại Phạm thiên giới đã nói lên như sau:

*"Hãy đứng dậy, lên đường,
Hãy dấn thân Phật giáo.
Hãy đánh bại Ma quân,
Như voi phá chòi lá.
Ai trong pháp luật này,
Ai trú không phóng dật,
Đoạn tận vòng sống chết,
Sẽ chấm dứt khổ đau".*

24) Như vậy, bạch Thé Tôn, chúng con đã nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhu đứng tại Phạm thiên giới đã

nói lên."

25) "-- Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo. Lành thay, này các Tỷ-kheo! Các Ông đã được nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhu đứng tại Phạm thiên giới, đã nói lên".

26) Thέ Tôn đã nói như vậy. Các Tỷ-kheo áy hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy.

V. Parinibhàna - Bát-Niết-Bàn (S.i,157)

1) Một thời Thέ Tôn ở Kusinàrà, tại Upavattana, trong rừng cây ta-la, giữa dân chúng Mallà, giữa hai cây ta-la song thọ trong khi Ngài nhập Niết-bàn.

2) Rồi Thέ Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên các Ông, hãy tinh tấn, chớ phóng dật. Các pháp hữu vi là vô thường. Đây là những lời cuối cùng của Nhu Lai.

3) Rồi Thέ Tôn vào định sơ Thiên. Ra sơ Thiên, Ngài vào Thiên thứ hai. Ra Thiên thứ hai, Ngài vào Thiên thứ ba. Ra Thiên thứ ba, Ngài vào Thiên thứ tư. Ra Thiên thứ tư, Ngài vào Không vô biên xứ. Ra Không vô biên xứ, Ngài vào Thức vô biên xứ. Ra Thức vô biên xứ, Ngài vào Vô sở hữu xứ. Ra Vô sở hữu xứ, Ngài vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

4) Ra Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài vào Vô sở hữu xứ. Ra Vô sở hữu xứ, Ngài vào Thức vô biên xứ. Ra Thức vô biên xứ, Ngài vào Không vô biên xứ. Ra Không vô biên xứ, Ngài vào Thiên thứ tư. Ra Thiên thứ tư, Ngài vào Thiên thứ ba. Ra Thiên thứ ba, Ngài vào Thiên thứ hai. Ra Thiên thứ hai, Ngài vào sơ Thiên. Ra sơ Thiên, Ngài vào Thiên thứ hai. Ra Thiên thứ hai, Ngài vào Thiên thứ ba. Ra Thiên thứ ba, Ngài vào Thiên thứ tư. Ra Thiên thứ tư, Thέ Tôn liền nhập diệt.

5) Khi Thέ Tôn diệt độ, nhân sự diệt độ này, Phạm thiên Brahmà nói lên bài kệ:

*Mọi sinh vật ở đời,
Tử bỏ thân năm uẩn,
Bậc Dao Sư cũng vậy,
Đáng Tuyệt Luân trên đời,
Nhu Lai, đáng Hùng Lực,
Bậc Giác Ngộ nhập diệt.*

6) Khi Thέ Tôn diệt độ, nhân sự diệt độ này, Thiên chủ Sakha nói lên bài kệ:

*Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Tịnh chỉ chúng, an lạc.*

7) Khi Thέ Tôn diệt độ, nhân sự diệt độ này, Tôn giả Anada nói lên bài kệ:

*Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật lóng tóc dựng ngược,
Bậc Thắng Tướng đầy đủ,
Bậc Giác Ngộ nhập diệt.*

8) Khi Thé Tôn diệt độ, nhân sự diệt độ này Tôn giả Anuruddha (A-nậu-lâu-đa) nói lên bài kệ:

*Không thở ra, thở vào,
Tâm trú vào chánh định,
Không tham ái, tịch tĩnh,
Bậc Biển Nhã diệt độ.
Với tâm an, bất động,
Ngài cảm thọ lâm chung,
Như đèn sáng chợt tắt,
Tâm giải thoát Niết-bàn.*

-ooOoo-

CHƯƠNG VII
7. TUƯƠNG ƯNG BÀ LA MÔN

I. Phẩm A-La-Hán Thứ Nhất

I. Dhananjāni (S.i,160)

1) **N**hư vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, nữ Bà-la-môn Dhananjāni, vợ một người Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja, có lòng tin thành đối với Phật, Pháp và Tăng.

3) Rồi nữ Bà-la-môn Dhananjāni, trong khi bụng cơm cho Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja, hưng khởi thốt lên ba lần lời cảm hứng: "Đảnh lễ Thé Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác áy!"

4) Được nghe nói vậy, Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja nói với nữ Bà-la-môn Dhananjāni:

-- Như vậy, trong mọi thời, mọi dịp, kẻ hạ tiện này nói lời tán thán vị Sa-môn trọc đầu áy. Nay kẻ Hạ tiện kia, ta sẽ luận phá bậc Đạo Sư của Người.

5) -- Thưa Bà-la-môn, tôi không thấy trong thế giới chư Thiên, Ma giới hay Phạm thiên giới, trong chúng Sa-môn hay Bà-la-môn, giữa chư Thiên hay loài Người, không một ai có thể luận phá Thé Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy này Bà-la-môn, Ông hãy đi. Sau khi đi, Ông sẽ biết.

6) Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja phẫn nộ, không hoan hỷ, đi đến Thé Tôn; sau khi đến, nói lên với Thé Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

7) Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja nói lên bài kệ với Thé Tôn:

*Sát vật gì, được lạc?
 Sát vật gì, không sâu?
 Có một pháp loại gì,
 Ngài tán đồng sát hại,
 Tôn giả Gotama?*

8) (Thé Tôn):

*Sát phẫn nộ, được lạc
 Sát phẫn nộ, không sâu,
 Phẫn nộ với độc cẩn,
 Với vị ngọt tối thượng,
 Pháp áy, bậc Hiền Thánh,
 Tán đồng sự sát hại.
 Sát pháp áy, không sâu,
 Nay Bà-la-môn kia.*

9) Được nghe nói vậy, Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvàja bạch Thé Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Thé Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama cho con được xuất gia trước mặt Thé Tôn, cho con được thọ đại giới!

10) Và Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvàja được xuất gia trước mặt Thé Tôn, được thọ đại giới.

11) Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhàradvàja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chúng được mục đích mà các thiện nam tử chọn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: Đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa".

12) Và Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán nữa.

II. Phỉ Báng (S.i,161)

1) Một thời Thé Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Bà-la-môn Akkosaka Bhàradvàja được nghe Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvàja đã xuất gia với Thé Tôn, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

3) Ông phẫn nộ, không hoan hỷ, đi đến Thé Tôn; sau khi đến, nói những lời nói không tốt đẹp, ác ngữ, phỉ báng và nhiếc mắng Thé Tôn.

4) Được nghe nói vậy, Thé Tôn nói với Bà-la-môn Akkosaka Bhàradvàja:

-- Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Các thân hữu bà con huyết thống, các khách có đến viếng thăm Ông không?

5) -- Thưa Tôn giả Gotama, thỉnh thoảng, các thân hữu, bà con huyết thống, các khách có đến viếng thăm tôi.

6) -- Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ông có sửa soạn cho họ các món ăn loại cứng, loại mềm và các loại đồ ném không?

7) -- Thưa Tôn giả Gotama, thỉnh thoảng tôi sửa soạn cho họ các món ăn loại cứng, loại mềm, các loại đồ ném.

8) -- Nhưng này Bà-la-môn, nếu họ không thâu nhận, thời các món ăn ấy về ai?

9) -- Thưa Tôn giả Gotama, nếu họ không thâu nhận, thời các món ăn ấy về lại chúng tôi.

10) -- Cũng vậy, này Bà-la-môn, nếu Ông phỉ báng chúng tôi là người không phỉ báng; nhiếc mắng chúng tôi là người không nhiếc mắng; gây lộn với chúng tôi là người không gây lộn; chúng tôi không thâu nhận sự việc ấy từ Ông, thời này Bà-la-môn, sự việc ấy về lại Ông. Này Bà-la-môn, sự việc ấy chỉ

về lại Ông. Nay Bà-la-môn, ai phi báng lại khi bị phi báng, nhiếc mắng lại khi bị nhiếc mắng, gây lộn lại khi bị gây lộn, thời như vậy, này Bà-la-môn, người ấy được xem là đã hưởng thọ, đã san sẻ với Ông. Còn chúng tôi không cùng hưởng thọ sự việc ấy với Ông, không cùng san sẻ sự việc ấy với Ông, thời này Bà-la-môn, sự việc ấy về lại Ông! Nay Bà-la-môn, sự việc ấy về lại Ông!

11) Nhà vua và vương cung, vương thần nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama là vị A-la-hán". Tuy vậy Tôn giả Gotama nay đã phẫn nộ.

12) (Thê Tôn):

*Với vị không phẫn nộ,
Phẫn nộ từ đâu đến?
Sóng ché ngự, chánh mạng,
Giải thoát, nhờ chánh trí.
Vị ấy sống như vậy,
Đời sống được tịch tịnh.
Những ai bị phi báng,
Trở lại phi báng người,
Kẻ ấy làm ác mình,
Lại làm ác cho người.
Những ai bị phi báng,
Không phi báng chông lại,
Người ấy đủ thắng trận,
Thắng cho mình, cho người.
Vị ấy tìm lợi ích,
Cho cả mình và người.
Và kẻ đã phi báng,
Tự hiếu, lăng nguôi dần.
Bậc Y sư cả hai,
Chùa mình, chùa cho người,
Quần chúng nghĩ là ngu,
Vì không hiếu Chánh pháp.*

13) Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Akkosaka Bhàradvàja bạch Thê Tôn:

-- Thật là vi diệu thay, Tôn giả Gotama!.... Con xin quy y Thê Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama cho con được xuất gia tu học với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

14) Bà-la-môn Akkosaka Bhàradvàja được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

15) Được thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Akkosaka Bhàradvàja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chọn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến: Đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại với thắng trí, tự mình giác ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa".

16) Và Tôn giả Akkosaka Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán nữa.

III. Asurindaka (S.i,163)

- 1) Một thời Thέ Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.
- 2) Bà-la-môn Asurindaka Bhàradvàja nghe như sau: "Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvàja đã xuất gia với Thέ Tôn, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".
- 3) Phẫn nộ, không hoan hỷ, vì áy đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, có những lời không tốt đẹp, ác ngữ, phi báng và nhiếc mắng Thέ Tôn.
- 4) Được nghe nói vậy, Thέ Tôn giữ im lặng.
- 5) Rồi Bà-la-môn Asurindaka Bhàradvàja nói với Thέ Tôn:
 - Này Sa-môn, Ông đã bị chinh phục. Này Sa-môn, Ông đã bị chinh phục!
- 6) (Thέ Tôn):

*Kẻ ngu nghĩ mình thắng,
Khi nói lời ác ngữ,
Ai biết chịu kham nhẫn,
Kẻ áy thật thắng trận.
Những ai bị phi báng,
Trở lại phi báng người,
Kẻ áy làm ác mình,
Lại làm ác cho người.
Những ai bị phi báng,
Không phi báng đổi lại,
Người áy đã thắng trận,
Thắng cho mình cho người.
Vì áy tìm lợi ích,
Cho cả mình và người,
Và kẻ đã phi báng,
Tự hiểu, lảng người dần.
Bậc y sư cả hai,
Chữa mình, chữa cho người,
Quần chúng nghĩ là ngu,
Vì không hiểu Chánh pháp.*

- 7) Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Asurindaka Bhàradvàja bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama..., "... không còn trở lại đời sống này nữa."

- 8) Và Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán nữa.

IV. Bilangika (S.i,164)

- 1) Một thời Thέ Tôn ở Ràjagaha, Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.
- 2) Bà-la-môn Bilangika Bhàradvàja được nghe: "Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvàja đã xuất gia với Sa-môn Gotama, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

- 3) Phẫn nộ, không hoan hỷ, vị ấy đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, giữ yên lặng, đứng một bên.
- 4) Rồi Thέ Tôn, với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Bà-la-môn Bilangika Bhàradvàja, liền nói lên bài kệ cho Bà-la-môn Bilangika Bhàradvàja:

*Ai hại người hiền thiện,
Thanh tịnh, không cầu nhiễm,
Ác hạnh được chín mùi,
Phản lại hại người ngu,
Chẳng khác gì ngược gió,
Lại tung vãi bụi trần.*

- 5) Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Bilangika Bhàradvaja bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Nay con quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và Tỷ-kheo Tăng. Mong cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama...., Đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa".

- 6) Và Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán nữa.

V. Bát Hại - Ahimsaka (S.i,164)

- 1) Nhân duyên tại Sàvatthi.

- 2) Rồi Bà-la-môn Ahimsaka Bhàradvàja đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói lên với Thέ Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

- 3) Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ahimsaka Bhàradvàja bạch Thέ Tôn:

-- Con là Ahimsaka, thưa Tôn giả Gotama! Con là Ahimsaka, thưa Tôn giả Gotama!.

- 4) (Thέ Tôn):

*Danh phải tương xứng người,
Người phải là bát hại!
Ai với thân, miệng, ý,
Không làm hại một ai,
Ai không hại người khác,
Người ấy thật bát hại.*

- 5) Khi được nghe vậy, Bà-la-môn Ahimsaka Bhàradvàja bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama..."... không còn trở lui đời sống này nữa."

- 6) Và Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán nữa.

VI. Bện Tóc (S.i,165)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Rồi Bà-la-môn Jatabhàradvàja đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói với Thέ Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.
- 3) Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jatabhàradvàja nói lên bài kệ với Thέ Tôn:

*Nội triền và ngoại triền,
Chúng sanh bị triền phuộc,
Con hỏi Gotama,
Ai thoát triền phuộc này?*

- 4) (Thέ Tôn)

*Người có trí, trú giới,
Tu tập tâm và tuệ,
Nhiệt tâm và thận trọng,
Tỳ-kheo ấy thoát triền.
Với ai đã từ bỏ,
Tham sân và vô minh,
Bậc ứng cúng lậu tận,
Vị ấy thoát triền phuộc.
Chỗ nào danh và sắc
Được đoạn tận vô dư,
Đoạn chướng ngại sắc tướng,
Chỗ ấy triền phuộc đoạn.*

- 5) Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Jatabhàradvàja bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!...

- 6) Và Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán nữa.

VII. Suddhika (S.i,165)

- 1) Tại Sàvatthi, Jetavana.
- 2) Rồi Bà-la-môn Suddhika Bhàradvàja đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.
- 3) Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Suddhika Bhàradvàja nói lên bài lê này trước mặt Thέ Tôn:

*Không Bà-la-môn nào,
Đầu giữ giới, khổ hạnh,
Có thể được thanh tịnh,
Đầu ở thế giới nào.
Chỉ vị Minh Hạnh Túc,
Mới có thể thanh tịnh.
Không một quán chúng nào.
Ngoài vị hành như vậy.*

4) (Thέ Tôn):

*Dầu lảm bẩm nhiều chú,
Nhưng không vì thọ sanh,
Được gọi Bà-la-môn,
Nội ô nhiễm bất tịnh,
Y cứ trên lừa đảo,
Bà-la-môn, Phệ-xá,
Thủ-đà, Chiên-đà-la,
Kẻ đồ phẩn, đồ rác,
Tinh càn và tinh tân,
Thường dōng mãnh tấn tu,
Đạt được tịnh tối thắng,
Bà-la-môn nên biết!*

5) Khi được nghe vậy, Bà-la-môn Suddhika Bhàradvàja bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!...

6) Và Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán nữa.

VIII. Aggika: Thò lửa (S.i,166)

1) Một thời Thέ Tôn ở Ràjagaha, Veluvana, tại chổ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, một món ăn gồm gạo và sữa đông được sửa soạn cho Bà-la-môn Aggika Bhàradvàja để vị này sấp đặt: "Tôi sẽ tế lửa, tôi sẽ làm lễ cúng dường lửa".

3) Rồi Thέ Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Ràjagaha để khát thực. Trong khi đi khát thực thứ lớp ở Ràjagaha, Thέ Tôn đi đến trú xứ của Bà-la-môn Aggika Bhàradvàja; sau khi đến, Thέ Tôn đứng một bên.

4) Bà-la-môn Aggika Bhàradvàja thấy Thέ Tôn đi khát thực đến, thấy vậy liền nói lên bài kệ với Thέ Tôn:

*Vị đầy đủ ba minh,
Thiện sanh và nghe nhiều,
Minh hạnh được trọn vẹn,
Hãy thọ món ăn này!*

5) (Thέ Tôn):

*Dầu lảm bẩm nhiều chú,
Nhưng không vì thọ sanh,
Được gọi Bà-la-môn.
Nội ô nhiễm bất tịnh,
Y cứ trên lừa đảo,
Thấy thiên giới ác thú,
Đoạn diệt được tái sanh,
Thắng trí, bậc Mâu-ni,*

*Đầy đủ ba minh này,
Ba minh, Bà-la-môn,
Minh hạnh được đầy đủ,
Hãy thọ món ăn này.*

6) - Mong Tôn giả thọ lanh món ăn này. Tôn giả Gotama thật là bậc Bà-la-môn.

7) (Thέ Tôn):

*Ta không có hướng thọ,
Vì tụng hát kệ chú,
Thường pháp không phải vậy,
Đối vị có tri kiến.
Chư Phật đã loại bỏ,
Tụng hát các kệ chú,
Chân thật niệm Chánh pháp,
Sở hành là như vậy.
Bậc Đại Sĩ vẹn toàn,
Cúng dường phải khác biệt,
Doan tịnh các lậu hoặc,
Đao động được lắng dịu.
Với những bậc như vậy,
Ăn uống phải cúng dường,
Thật chính là phước diền,
Cho những ai cầu phước.*

8) Được nghe như vậy, Bà-la-môn Aggika Bhàradvàja bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay Tôn giả Gotama!...

9) Và Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán nữa.

IX. Sundarika (S.i,167)

1) Một thời Thέ Tôn ở giữa dân tộc Kosala, trên bờ sông Sundarika.

2) Lúc bấy giờ Bà-la-môn Sundarika Bhàradvàja té lửa trên bờ sông Sundarika, làm lễ cúng dường lửa.

3) Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhàradvàja sau khi té lửa, làm lễ cúng dường lửa xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, nhìn xung quanh tất cả bốn phương và nghĩ: "Ai có thể hướng họ món ăn cúng té còn lại này?"

4) Bà-la-môn Sundarika Bhàradvàja thấy Thέ Tôn đang ngồi dưới gốc cây, đầu được bao trùm, thấy vậy, tay trái cầm món ăn cúng té còn lại, tay phải cầm bình nước đi đến Thέ Tôn.

5) Và Thέ Tôn nghe tiếng chân của Bà-la-môn Sundarika Bhàradvàja liền tháo đồ trùm ở đầu.

6) Và Bà-la-môn Sundarika Bhàradvàja nghĩ: "Đầu vị này trọc, vị này là người trọc đầu", nghĩ vậy, muốn trả lui.

7) Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhàradvàja lại suy nghĩ: "Trọc đầu ở đây, một số Bà-la-môn cũng như vậy.

Vậy ta hãy đến và hỏi vấn đề thọ sanh".

8) Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhàradvàja đi đến Thé Tôn; sau khi đến, nói với Thé Tôn:

-- Thọ sanh Tôn giả là gì?

9) (Thé Tôn):

*Chớ hỏi về thọ sanh,
Hãy hỏi về sở hành.
Tùy theo mọi thứ cùi,
Ngon lúa được sanh khởi.
Dầu thuộc nhà hạ tiện,
Bậc ẩn sĩ tinh cần,
Được xem như thượng sanh,
Biết tầm quý, trừ ác.
Điều thuận bởi chân lý,
Thuần thực trong hành trì,
Thông đạt các Thánh kinh,
Phạm hạnh được viên thành.
Té vật đã đem lại,
Hãy câu khẩn vị ấy,
Lẽ té làm đúng thời,
Vị ấy xứng cúng dường.*

10) Sundarika:

*Vật cúng này của con,
Thật sự khéo cúng dường,
Nay con đã thấy được,
Bậc sáng suốt như Ngài.
Con không thấy một ai
Có thể sánh được Ngài,
Không có người nào khác
Thọ hưởng vật cúng này.
Tôn giả Gotama,
Hãy thọ hưởng vật cúng.
Ngài thật là Bà-la-môn,
Là bậc đáng tôn trọng.*

11) (Thé Tôn):

*Ta không có hương thọ,
Vì tụng hát kệ chú,
Thường pháp không phải vậy,
Đối vị có tri kiến.
Chư Phật đã loại bỏ
Tụng hát các kệ chú,
Chân thật niệm Chánh pháp,
Sở hành là như vậy.*

*Bậc Đại Sĩ vẹn toàn,
Cúng dường phải khác biệt.
Đoạn tận các lậu hoặc,
Trao hồi được lảng dịu,
Với những bậc như vậy,
Còn nước phải cúng dường,
Thật chính là phước điền,
Cho những ai cầu phước.*

12) -- Vậy thưa Tôn giả Gotama, con phải cho ai vật cúng còn lại này?

13) -- Nay Bà-la-môn, trong toàn thế giới chư Thiên, Ma giới, Phạm thiên giới, trong chúng Sa-môn và Bà-la-môn, trong thế giới chư Thiên và loài Người, Ta không thấy một ai ăn vật cúng còn lại này có thể tiêu hóa được, ngoại trừ Như Lai hay đệ tử Như Lai. Nay Bà-la-môn, vậy này Bà-la-môn, hãy quăng vật cúng còn lại này tại chỗ không có cỏ xanh, hay nhận chìm xuống nước, nơi không có loài hữu tình.

14) Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhàradvàja nhận chìm vật cúng còn lại ấy vào trong nước, nơi không có loài hữu tình.

15) Vật cúng ấy khi được quăng vào trong nước liền xì lên, sôi lên, phun hơi và phun khói lên. Ví như lưỡi cày đốt nóng cả ngày, khi bỏ vào trong nước, bèn xì lên, sôi lên, phun hơi và phun khói lên. Cũng vậy, vật cúng còn lại ấy khi được quăng vào trong nước bèn xì lên, sôi lên, phun hơi và phun khói lên.

16) Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhàradvàja hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, đi đến Thê Tôn; sau khi đến liền đứng một bên.

17) Thê Tôn nói lên bài kệ cho Bà-la-môn Sundarika Bhàradvàja đang đứng một bên:

*Này Bà-la-môn kia,
Chớ có nghĩ gì tịnh.
Sự sấp đặt cùi lửa,
Như vậy chỉ bè ngoài.
Bậc thiện nhân dạy rằng,
Người ấy không thanh tịnh,
Với những ai chỉ muốn
Thanh tịnh mặt bên ngoài.
Này Bà-la-môn kia,
Ta từ bỏ cùi lửa,
Ta chỉ nhen nhúm lên
Ngọn lửa từ nội tâm,
Ngọn lửa thường hăng cháy,
Thường nồng cháy nhiệt tình.
Ta là bậc La-hán,
Ta sống đời Phạm hạnh.
Này Bà-la-môn kia,
Người mang ách kiêu mạn,
Phẫn nộ là khói hương,
Vọng ngôn là tro tàn,
Lưỡi là chiếc muỗng té,
Tâm là chỗ té tự,*

*Tự ngã là ngọn lửa.
Còn người khéo điều phục,
Chánh pháp là ao hồ,
Giới là bến nước tắm,
Không cầu ué, trong sạch,
Được thiện nhơn tán thán,
Là chõ bậc có trí,
Thường tắm, trừ ué tạp.
Khi tay chân trong sạch,
Họ qua bờ bên kia.
Chánh pháp là chân lý,
Tự chế là Phạm hạnh,
Chính con đường trung đạo,
Giúp đạt tối thắng vị,
Đánh lě bậc trực tâm,
Ta gọi tùy pháp hành.*

18) Khi được nói vậy, Bà-la-môn Sundarika Bhàradvàja bạch Thé Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!...

19) Và Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán nữa.

X. Bahudhiti (S.i,170)

1) Một thời Thé Tôn trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

2) Lúc bấy giờ, một Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvàja bị mất mười bốn con bò.

3) Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvàja trong khi đi tìm những con bò đực ấy, đi đến khu rừng kia; sau khi đến, thấy Thé Tôn ngồi kiết-già trong khu rừng ấy, lung giữ thắng và để chánh niệm trước mặt.

4) Thấy vậy, Bà-la-môn đi đến Thé Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này với Thé Tôn:

*Với vị Sa-môn này,
Không có mười bốn bò,
Nên không thấy sáu mươi (ajjasatthi),
Do vậy được an lạc.
Với vị Sa-môn này,
Không có ruộng mè hu,
Một hai lá cây mè,
Do vậy được an lạc.
Với vị Sa-môn này,
Không kho trống, không chuột,
Chạy chơi và múa nhảy,
Do vậy được an lạc.
Với vị Sa-môn này,
Không tắm nệm bảy tháng,
Tràn đầy những chí rận,
Do vậy được an lạc.*

Với vị Sa-môn này
 Không bảy gái quả phụ
 Hoặc một con, hai con,
 Do vậy được an lạc.
 Với vị Sa-môn này,
 Không vợ đen, mặt rõ.
 Lấy chân thúc đá dập,
 Do vậy được an lạc.
 Với vị Sa-môn này,
 Không kẻ nợ buổi sáng,
 Mắng nhiếc: "Hãy trả đi"
 Do vậy được an lạc.

5) (Thê Tôn):

Bà-la-môn, với Ta,
 Không có mười bốn bò,
 Nên không thấy sáu mươi,
 Do vậy Ta an lạc.
 Bà-la-môn, với Ta,
 Không có ruộng mè hu,
 Một hai lá cây mè,
 Do vậy Ta an lạc.
 Bà-la-môn, với Ta,
 Không kho trống, không chuột,
 Chạy chơi và mùa chảy,
 Do vậy Ta an lạc.
 Bà-la-môn, với Ta,
 Không tắm nệm bảy tháng,
 Tràn đầy những chí rận,
 Do vậy Ta an lạc.
 Bà-la-môn, với Ta,
 Không bảy gái quả phụ,
 Hoặc một con, hai con,
 Do vậy Ta an lạc.
 Bà-la-môn, với Ta,
 Không vợ đen, mặt rõ,
 Lấy chân thúc đá dập,
 Do vậy Ta an lạc.
 Bà-la-môn, với Ta,
 Không kẻ nợ buổi sáng,
 Mắng nhiếc: "Hãy trả đi",
 Do vậy Ta an lạc.

6) Được nghe nói vậy, Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvàja bạch Thê Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc.

Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay

con xin quy y Thέ Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama, cho con được thọ đại giới.

7) Rồi Bà-la-môn Bhàradvàja được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

8) Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhàradvàja ở một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà các thiện nam tử đã xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình hướng đến: Đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại tự mình với thượng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không có trở lại trạng thái này nữa".

9) Và Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán nūra.

III. Phẩm Cư Sĩ

I. Cày Ruộng (S.i,172)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở giữa dân chúng Magadha, trên núi Nam Sơn, tại làng Bà-la-môn tên Ekanàlà.

2) Lúc bấy giờ là thời gian gieo mạ, và Bà-la-môn Kasi Bhàradvàja sắp đặt sẵn sàng khoảng năm trăm lưỡi cày.

3) Rồi Thέ Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến nông trường của Bà-la-môn Kasi Bhàradvàja.

4) Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kasi Bhàradvàja đang phân phát đồ ăn.

5) Thέ Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, rồi đứng một bên.

6) Bà-la-môn Kasi Bhàradvàja thấy Thέ Tôn đang đứng một bên để khát thực, thấy vậy, bèn nói với Thέ Tôn:

-- Này Sa-môn, tôi cày và tôi gieo mạ; sau khi cày và gieo mạ, tôi ăn. Này Sa-môn, Ông có cày và gieo mạ không; sau khi cày và gieo mạ, Ông ăn?

7) -- Này Bà-la-môn, Ta cũng có cày và gieo mạ, sau khi cày và gieo mạ, Ta ăn.

8) -- Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, cái cày, cái lưỡi cày, cái gậy đâm, hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Tuy vậy Tôn giả Gotama lại nói như sau: "Này Bà-la-môn, Ta cũng có cày và gieo mạ, sau khi cày và gieo mạ, Ta ăn".

9) Rồi Bà-la-môn Kasi Bhàradvàja nói lên bài kệ với Thέ Tôn:

*Ông nói là nông phu,
Ta không thấy Ông cày,
Người nông phu được hỏi,
Hãy lên tiếng trả lời,
Sao chúng tôi biết được,
Ông thật sự có cày?*

10) (Thé Tôn):

*Lòng tin là hạt giống,
Khổ hạnh là mưa móc,
Trí tuệ đối với Ta,
Là cày và ách mang,
Tâm quý là cán cày,
Ý căn là dây cột,
Chánh niệm đối với Ta,
Là lưỡi cày, gậy đâm.
Thân hành được hộ trì,
Khẩu hành được hộ trì
Đối với các món ăn,
Bụng Ta dùng vừa phải,
Ta nhổ lên (tà vạy),
Với chọn lý sự thật,
Hoan hỷ trong Niết-bàn
Là giải thoát của Ta.
Tinh tấn đối với Ta,
Là khả năng mang ách,
Đưa Ta tiến dần đến,
An ủn khỏi ách nạn,
Đi đến, không trở lui,
Chỗ Ta đi, không sâu.
Như vậy, cày ruộng này,
Đưa đến quả bất tử,
Sau khi cày cày này,
Mọi đau khổ được thoát.*

11) -- Hãy ăn Tôn giả Gotama, Tôn giả Gotama thật là người nông phu. Tôn giả Gotama cày, sự cày đưa đến quả bất tử.

12) (Thé Tôn):

*Ta không có hướng thọ,
Vì tụng hát kệ chú,
Thường pháp không phải vậy,
Đối vị có tri kiến.
Chư Phật đã loại bỏ,
Tụng hát các kệ chú,
Chọn thật đối với Pháp,
Sở hành là như vậy.
Bậc Đại Sĩ vẹn toàn,
Cúng dường phải khác biệt,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Trạo hỏi được lắng dịu,
Với những bậc như vậy,
Cơm nước phải cúng dường.
Thật chính là phước điền,
Cho những ai cầu phước.*

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Kasi Bhàradvàja bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phoi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối cho người có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tý-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

II. Udaya (S.i,173)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Rồi Thέ Tôn vào buổi sáng, cầm y bát đi đến trú xứ của Bà-la-môn Udaya.
- 3) Bà-la-môn Udaya lấy cơm đồ đầy bình bát của Thέ Tôn.
- 4) Lần thứ hai Thέ Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của Bà-la-môn Udaya...
- 5) Lần thứ ba, Bà-la-môn Udaya lấy cơm đồ đầy bình bát Thέ Tôn và nói với Thέ Tôn:

- Tham lam là Sa-môn Gotama, đến đi đến lại nhiều lần!

(Thέ Tôn):

*Nhiều lần và nhiều lần,
Chúng gieo vãi hạt giống.
Nhiều lần và nhiều lần,
Trời mưa đi, mưa lại.
Nhiều lần và nhiều lần,
Người nông phu cày ruộng.
Nhiều lần và nhiều lần,
Lúa gạo đến quốc độ.
Nhiều lần và nhiều lần,
Hành khát lại xin ăn.
Nhiều lần và nhiều lần,
Thí chủ lại bỏ thí.
Nhiều lần và nhiều lần,
Thí chủ sau khi cho.
Nhiều lần và nhiều lần,
Được đi đến thiên giới.
Nhiều lần và nhiều lần,
Người làm sữa vắt sữa,
Nhiều lần và nhiều lần,
Bò con tìm bò mẹ.
Nhiều lần và nhiều lần,
Mệt sức và lao khổ.
Nhiều lần và nhiều lần,
Kẻ ngu nhập bào thai.
Nhiều lần và nhiều lần,*

*Lại sanh rồi lại chết.
Nhiều lần và nhiều lần,
Họ mang đến nghĩa địa.
Họ được đường giải thoát,
Không đưa đến tái sanh.
Bậc đại trí, đại tuệ,
Không sanh di, sanh lại.*

7) Khi được nói vậy, Bà-la-môn Udaya bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

III. Devahita (S.i,173)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ, Thέ Tôn bị bệnh về phong khí và Tôn giả Upavàna là thị giả Thέ Tôn.

3) Rồi Thέ Tôn gọi Tôn giả Upavàna:

-- Này Upavàna, Ông có biết làm sao cho Ta nước nóng?

4) -- Thura vâng, bạch Thέ Tôn.

Tôn giả Upavàna vâng đáp Thέ Tôn, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của Bà-la-môn Devahita; sau khi đến, đứng im lặng một bên.

5) Bà-la-môn Devahita thấy Tôn giả Upavàna đứng im lặng một bên, bèn nói lên bài kệ với Tôn giả Upavàna:

*Tôn giả đứng im lặng,
Trọc đầu, choàng đại y,
Ông muốn gì, cầu gì?
Ông đến để xin gì?*

6) Tôn giả:

*Bậc La-hán, Thiện Thέ,
Hiện bị bệnh phong khí,
Nếu đây có nước nóng,
Hãy dâng bậc Đại Thánh!
Xứng đáng được cúng dường,
Ngài đã được cúng dường.
Xứng đáng được tôn kính,
Ngài đã được tôn kính,
Xứng đáng được cung kính,
Ngài đã được cung kính,
Vì Ngài, tôi muốn được
Nước nóng để đem về.*

7) Rồi Bà-la-môn Devahita bảo một người lấy đòn gánh gánh nước nóng và một bình đường mật, dâng cho Tôn giả Upavàna.

8) Rồi Tôn giả Upavàna đi đến Thệ Tôn, dùng nước nóng tắm cho Thệ Tôn, dùng đường mật pha với nước nóng dâng lên Thệ Tôn dùng.

9) Và bệnh phong khí của Thệ Tôn được nhẹ bớt.

10) Rồi Bà-la-môn Devahita đi đến Thệ Tôn; sau khi đến, nói với Thệ Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

11) Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Devahita nói lên bài kệ với Thệ Tôn:

*Chỗ nào người thí chủ,
Xứng đáng nên bố thí?
Chỗ nào sự bố thí,
Đưa đến quả báo lớn?
Cúng đường phải thế nào?
Cung kính phải thế nào?*

12) (Thệ Tôn):

*Ai biết được đời trước,
Thấy Thiên giới, ác thú,
Doan diệt được tái sanh,
Thắng trí, bậc Mâu-ni.
Nên bố thí vị ấy,
Bố thí được quả lớn.
Cúng đường phải như vậy,
Cung kính phải như vậy.*

13) Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Devahita bạch Thệ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọng đời quy nguõng!

IV. Mahàsàla: Đại phú giả hay y choàng thô.

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi một Bà-la-môn đại phú, dâng bộ tiêu tụy, đắp y thô xáu, đi đến Thệ Tôn; sau khi đến, nói lên với Thệ Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Thệ Tôn nói với vị Bà-la-môn đại phú đang ngồi xuống một bên:

-- Này Bà-la-môn, sao dâng bộ ông tiêu tụy? Sao ông đắp y thô xáu?

4) -- Thưa Tôn giả Gotama, ở đây bốn đứa con trai của con, chúng âm mưu với vợ của chúng, trực xuất con ra khỏi nhà.

5) -- Vậy này Bà-la-môn, hãy đọc thuộc bài kệ này, và khi nào quần chúng hội họp trong thính đường và cả các người con cùng ngồi họp, hãy đọc lên bài kệ:

*Khi chúng sanh, tôi mừng
Tôi muốn chúng sinh thành.
Cùng vợ, chúng âm mưu,
(Chông tôi và đuổi tôi),
Chẳng khác gì con chó,
Xua đuổi bầy heo lợn,
Ác độc và lỗ mang,
Chúng gọi tôi: "Cha thân".
Chúng thật quý Dạ-xoa,
Đội lốt là con tôi,
Và chúng trực xuất tôi,
Khi tôi đến tuổi già,
Như ngựa già suy nhược,
Bị tần xuất chuồng ăn.
Nay cha già bọn trẻ,
Phải ăn xin nhà người,
Thà cho tôi cái gậy,
Hơn lũ con bất hiếu.
Với gậy, chận bò dữ,
Chận được loại chó dữ,
Chỗ tôi dò an toàn,
Chỗ sâu, tìm chân đứng,
Với sức mạnh chiết gậy,
Váp ngã đứng dậy được.*

6) Bà-la-môn đại phú áy học thuộc lòng bài kệ này từ Thé Tôn. Khi quần chúng tụ hội tại thính đường và giữa các người con đang ngồi họp, vị áy đọc lên bài kệ:

*Khi chúng sanh, tôi mừng,
Tôi muốn chúng sinh thành.
Cùng vợ, chúng âm mưu,
(Chông tôi và đuổi tôi),
Chẳng khác gì con chó,
Xua đuổi bầy heo lợn.
Ác độc và lỗ mang,
Chúng gọi tôi: "Cha thân".
Chúng thật quý Dạ-xoa,
Đội lốt là con tôi,
Và chúng trực xuất tôi,
Khi tôi đến tuổi già,
Như ngựa già, suy nhược,
Bị tần xuất chuồng ăn.
Nay cha già bọn trẻ,
Phải ăn xin nhà người.
Thà cho tôi cái gậy,
Hơn lũ con bất hiếu.
Với gậy, chận bò dữ,
Chận được loài chó dữ.*

*Chỗ tối, dò an toàn,
Chỗ sâu, tìm chân đứng,
Với sức mạnh chiết gãy,
Vấp ngã, đứng dậy được.*

8) Rồi những người con Bà-la-môn đại phú áy, dắt người cha về nhà, tắm rửa và mỗi người đắp cho cha một bộ áo.

9) Rồi Bà-la-môn đại phú áy cầm một bộ áo đi đến Thê Tôn; sau khi đến, nói lên với Thê Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

10) Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn đại phú áy bạch Thê Tôn:

-- Thura Tôn giả Gotama, chúng con Bà-la-môn, có dâng cúng sở phí cho bậc Đạo Sư. Mong Tôn giả Gotama chấp nhận sở phí cho bậc Đạo Sư của con.

11) Và Thê Tôn vì lòng từ chấp nhận.

12) Rồi Bà-la-môn đại phú áy bạch Thê Tôn:

-- Thật vi diệu thay Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

V. Mànathada (S.i,177)

1) Nhân duyên tại Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ, Bà-la-môn tên Mànathada trú ở Sàvatthi. Vị này không cung kính mẹ, không cung kính cha, không cung kính Đạo sư, không cung kính anh trưởng.

3) Lúc bấy giờ, Thê Tôn đang thuyết pháp, có đại chúng doanh vây.

4) Rồi Bà-la-môn Mànathada suy nghĩ như sau: "Sa-môn Gotama nay đang thuyết pháp có đại chúng doanh vây. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama. Nếu Sa-môn Gotama nói chuyện với ta, ta cũng sẽ nói chuyện với Sa-môn Gotama. Nếu Sa-môn Gotama không nói chuyện với ta, ta cũng sẽ không nói chuyện với Sa-môn Gotama".

5) Rồi Bà-la-môn Mànathada đi đến Thê Tôn; sau khi đến, liền đứng một bên và im lặng.

6) Và Thê Tôn không nói chuyện với Bà-la-môn ấy.

7) Bà-la-môn Mànathada suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này không biết gì hết", bèn muốn trở về.

8) Rồi Thê Tôn với tâm tư của mình biết được tâm tư của Bà-la-môn Mànathada, liền nói lên bài kệ với Bà-la-môn Mànathada:

*Hỏi này Bà-la-môn,
Kiêu mạn không có tốt,
Ở đây không có ai,
Bà-la-môn nên biết.*

*Ông đến, mục đích gì,
Hãy nói lên cho biết?*

9) Bà-la-môn Mànathada suy nghĩ: "Sa-môn Gotama biết tâm tư của ta", cúi đầu đảnh lễ chaân Thê Tôn, lấy miệng hôn chân Thê Tôn, lấy tay thoa vuốt và nói lên tên của mình:

-- Tôn giả Gotama, con là Mànathada. Tôn giả Gotama, con là Mànathada.

10) Rồi đại chúng ấy tâm khởi lên kinh dị vi diệu: "Thật là vi diệu, thưa Ngài! Thật là hy hưu, thưa Ngài! Bà-la-môn Mànathada không bao giờ cung kính mẹ, không bao giờ cung kính cha, không bao giờ cung kính Đạo sư, không bao giờ cung kính anh trưởng, nay lại hạ mình tột cùng như vậy trước Sa-môn Gotama."

11) Rồi Thê Tôn nói với Bà-la-môn Mànathada:

-- Thôi vừa rồi Bà-la-môn. Hãy đứng dậy và ngồi lại trên ghế của Ông. Lòng tín thành của Ông đối với Ta từ đâu đến?

12) Rồi Bà-la-môn Mànathada sau khi ngồi trên ghế của mình, nói lên bài kệ với Thê Tôn:

*Đối ai không nên kiêu?
Đối ai nên kính trọng?
Đối ai nên tôn kính?
Cúng dường ai, tốt lành?*

13) (Thê Tôn):

*Với mẹ và với cha,
Với anh nhiều tuổi hơn,
Với thầy là thứ tư,
Không nên sanh kiêu mạn,
Nên kính trọng vị áy,
Nên tôn kính vị áy,
Cúng dường họ, tốt lành.
Các bậc A-la-hán,
Thanh lương, lậu hoặc đoạn,
Việc nên làm đã làm,
Hãy nghiệp phục kiêu mạn,
Bậc Vô thượng tôn áy,
Ông thật nên đảnh lễ.*

14) Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Mànathada bạch Thê Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

VI. Paccanika (S.i,179)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

- 2) Lúc bấy giờ Bà-la-môn tên là Paccaniikasàta ở tại Sàvatthi.
- 3) Rồi Bà-la-môn Paccaniikasàta suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi đến Sa-môn Gotama, và Sa-môn Gotama có nói điều gì, ta sẽ nói lời phản ngược lại".
- 4) Lúc bấy giờ Thέ Tôn đang đi kinh hành ngoài trời.
- 5) Rồi Ba-la-môn Paccaniikasàta đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói với Thέ Tôn đang đi kinh hành:
- Này Sa-môn, hãy thuyết pháp.

6) (Thέ Tôn):

*Không thuyết pháp với ông,
Này Paccanika!
Tâm ông thật ô uế,
Và đầy những thù hận,
Làm sao biết tốt đẹp,
Làm sao nói tốt đẹp!
Ai nghiệp phục thù hận,
Nghiệp phục tâm chống đối,
Từ bỏ mọi sân tâm,
Vị ấy biết tốt đẹp,
Vị ấy nói tốt đẹp.*

7) Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Paccaniikasàta bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

VII. Navakammika (S.i,179)

- 1) Một thời Thέ Tôn trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
- 2) Lúc bấy giờ Bà-la-môn Navakammika Bhàradvàa đang làm công việc tại khu rừng ấy.
- 3) Bà-la-môn Navakammika thấy Thέ Tôn ngồi kiết-già dưới gốc cây, lung thảng và để niêm trước mặt.
- 4) Thấy vậy, vị Bà-la-môn suy nghĩ: "Ta thích làm việc về cùi gỗ tại khu rừng này. Còn Sa-môn Gotama thời thích làm việc gì?"
- 5) Rồi Bà-la-môn Navakammika đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thέ Tôn:

*Nay Ông làm việc gì,
Trong rừng cây sa-la,
Khiến Ông sống một mình,
Vui gì Ông tìm được,
Tỷ-kheo Gotama?*

6) (Thέ Tôn):

*Ta không phải làm gì,
Trong khu rừng (sa-la).
Với Ta, rẽ dã cát,
Cả khu rừng rậm rap,
Như vậy Ta được thoát,
Mọi rừng rú chông gai.
Tâm Ta không bị đâm,
Một mình sống an lạc,
Đoạn trừ mọi bất mãn,
Sống thích thú hoan hỷ.*

7) Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Navakammika Bhàradvàja bạch Thé Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

VIII. Katthahàra (S.i,180)

1) Một thời Thé Tôn sống ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

2) Lúc bấy giờ, nhiều thanh niên lượm củi, đệ tử của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvàja, đi đến khu rừng ấy.

3) Sau khi đến, họ thấy Thé Tôn ngồi kiết-già trong khu rừng ấy, lưng thẳng và đế niệm trước mặt. Thấy vậy, họ liền đi đến Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvàja.

4) Sau khi đến, họ nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvàja:

-- Tôn giả có biết không, tại một khu rừng kia, có vị Sa-môn ngồi kiết-già, lưng thẳng và đế niệm trước mặt?.

5) Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvàja cùng với các thanh niên ấy đi đến khu rừng và thấy Thé Tôn tại khu rừng ấy, đang ngồi kiết-già, lưng thẳng và đế niệm trước mặt. Thấy vậy họ liên đi đến Thé Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thé Tôn:

*Trong khu rừng thăm u,
Nhiều đẽ sơ khủng khiếp,
Rừng trống không, hoang vắng,
Ngài vào sâu một mình,
Thân bất động, kiên trì,
Đẹp đẽ và uy nghi.
Này Tỷ-kheo, Ngài thiền
Với tâm tư định tĩnh.
Ở đây không ca hát,
Ở đây không nói năng,
Cô độc trong rừng sâu,
Bậc Thánh nhơn an trú,
Như vậy đối với con,
Thật kỳ diệu hy hữu.
Khi Ngài sống một mình,*

*Hoan hỷ trong rừng vắng,
Con nghĩ, Ngài ước nguyện,
Đồng sanh làm thân hữu,
Với bậc Thế giới chủ,
Tại vô thượng Tam thiên.
Vậy sao bậc Tôn giả,
Không bỏ rừng hoang vắng,
Tu khổ hạnh ở đây,
Để đạt Phạm thiền quả?*

6) (Thế Tôn):

*Phàm có ước vọng gì,
Hay những ái lạc gì,
Những gì kẻ phàm phu,
Thường chấp trước các giới,
Các tham ái khởi lên,
Từ gốc rễ vô minh,
Tất cả Ta đoạn tận,
Trừ cả gốc lẩn rẽ.
Nay Ta không ước nguyện,
Không tham ái, chấp trước,
Đối với tất cả pháp,
Ta thấy đều thanh tịnh.
Đạt được Chánh Đẳng Giác,
Và mục đích tối thượng,
Ta tu tập Thiền định,
Vắng lặng, không sơ hãi.*

7) Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvàja bạch Thế Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!.. từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy nguõng!

IX. Mátaposaka: Nuôi dưỡng mẹ (S.i,181)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Bà-la-môn Mátaposaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Mátaposaka nói với Thế Tôn:

-- Thưa Tôn giả Gotama, tôi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp. Sau khi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp, tôi nuôi dưỡng mẹ cha. Thưa Tôn giả Gotama, tôi làm như vậy; tôi có làm đúng trách nhiệm không?

4) -- Này Bà-la-môn, Ông làm như vậy là làm đúng trách nhiệm. Này Bà-la-môn, ai tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp; sau khi tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp, lại nuôi dưỡng mẹ cha thì người ấy được nhiều công đức.

*Người nào theo thường pháp,
Nuôi dưỡng mẹ và cha,
Chính do công hạnh này,
Đối với cha, với mẹ,
Nhờ vậy, bậc Hiền Thánh,
Trong đời này tán thán,
Sau khi chết, được sanh,
Hướng an lạc, chư Thiên.*

5) Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Mātāposaka bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy nguõng!

X. Bhikkhaka (S.i,182)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Bà-la-môn Bhikkhaka đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói lên với Thέ Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi một bên.

3) Ngồi một bên Bà-la-môn Bhikkhaka bạch Thέ Tôn:

-- Thưa Tôn giả Gotama, con là người khát thực và Tôn giả cũng là người khát thực. Vậy có sự sai khác gì giữa chúng ta?

4) (Thέ Tôn):

*Không phải ai xin ăn,
Cũng gọi là khát sĩ.
Nếu chấp trì độc pháp,
Không còn gọi Tỷ-kheo.
Ai sống ở đời này,
Từ bỏ các phước báo,
Đoạn trừ mọi ác pháp,
Hành trì theo Phạm hạnh,
Sống đời sống chánh trí,
Vì ấy xứng "Tỷ-kheo".*

5) Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Bhikkhaka bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy nguõng!

XI. Sangàrava (S.i,182)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sangàrava trú ở Sàvatthi, là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều theo hạnh xuõng nước (để tắm cho thanh tịnh).

3) Rồi Tôn giả Ananda vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Khát thực xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về Tôn giả đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Sangàrava trú ở Sàvatthi, là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiểu theo hạnh xuống nước (để tắm cho thanh tịnh). Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn đi đến trú xứ của Bà-la-môn Sangàrava.

5) Thế Tôn im lặng nhận lời.

6) Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của Bà-la-môn Sangàrava; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

7) Rồi Bà-la-môn Sangàrava đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

8) Thế Tôn nói với Bà-la-môn Sangàrava đang ngồi một bên:

-- Có đúng sự thật chăng, này Bà-la-môn, Ông là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiểu sống theo hạnh xuống nước (để tắm cho thanh tịnh)?

9) -- Thưa đúng vậy, Tôn giả Gotama.

10) -- Này Bà-la-môn, nhằm mục đích lợi ích gì, Ông là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiểu sống theo hạnh xuống nước (để tắm cho thanh tịnh)?

11) -- Ở đây, Tôn giả Gotama, ban ngày tôi làm ác nghiệp gì, buổi chiều tôi tắm để gội sạch ác nghiệp ấy; buổi tối tôi làm ác nghiệp gì, buổi sáng hôm sau tôi tắm để gội sạch ác nghiệp ấy. Tôn giả Gotama, do nhằm mục đích như vậy, tôi là nhà Tịnh thủy hành tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiểu tôi sống theo hạnh xuống nước (để tắm cho thanh tịnh).

12) (Thế Tôn):

*Chánh pháp là ao hồ,
Giới là bến nước tắm,
Không cầu ué, trong sạch,
Được thiện nhơn tán thán,
Là chỗ bắc có trí,
Thường tắm, trừ ué tạp,
Khi tay chân trong sạch,
Họ qua bờ bên kia.*

13) Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Sangàrava bạch Thế Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

XII. Khomadusa (S.i,154)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại thị trấn của dân chúng Sakka tên là Khomadussa.

2) Rồi Thέ Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào thị trấn Khomadussa để khát thực.

3) Lúc bấy giờ các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa đang tụ họp tại hội trường để giải quyết một vài vấn đề và trời đang mưa nhỏ hột.

4) Rồi Thέ Tôn đi đến hội trường ấy.

5) Các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa thấy Thέ Tôn từ xa đi đến.

6) Thấy vậy, họ bèn nói:

-- Những Sa-môn đâu trọc áy là ai? Và họ có thể biết gì về quy tắc của hội trường?

7) Rồi Thέ Tôn nói lên bài kệ với các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa:

*Không thể có hội trường,
Nếu không có thiện nhân.
Không thể có thiện nhân,
Nếu không nói đúng pháp.
Những ai đã đoạn trừ,
Cả tham, sân và ái,
Nói lên lời đúng pháp,
Họ mới thật thiện nhân.*

8) Khi được nghe nói vậy, các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem ánh sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Chúng con xin quy y Thέ Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

CHƯƠNG VIII
8. TƯƠNG ƯNG TRƯỞNG LÃO VANGÌSA

I. Xuất Ly (S.i,185)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Vangìsa trú ở Alavi, tại ngôi đền ở Aggàlava, cùng với Tôn giả Nigrodha Kappa, là vị giáo thọ sư.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Vangìsa là tân Tỳ-kheo, xuất gia chưa bao lâu, được ở lại để coi ngôi tịnh xá.

3) Rồi một số đông phụ nữ, sau khi trang điểm, đi đến khu vườn để xem tịnh xá.

4) Tôn giả Vangìsa thấy các phụ nữ ấy, tâm sanh bất mãn, bị lòng dục quấy phá.

5) Rồi Tôn giả Vangìsa suy nghĩ: "Thật bất lợi cho ta! Thực không lợi cho ta! Thực bất hạnh cho ta! Thực không may cho ta! Vì rằng tâm sanh bất mãn nơi ta, và ta bị lòng dục quấy phá. Làm thế nào ngay hiện tại có người khác có thể đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm khởi lên thỏa mãn cho ta? Hay là ta tự mình đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm cho thỏa mãn khởi lên cho ta?"

6) Rồi Tôn giả Vangìsa sau khi tự mình đoạn trừ bất mãn và làm cho thỏa mãn khởi lên, liền ngay trong lúc ấy, nói lên những bài kệ này:

*Với ta đã xuất gia,
 Bỏ nhà, sống không nhà,
 Tâm từ nay chạy loạn,
 Khởi lên từ đèn tối.
 Con nhà bậc thượng lưu,
 Thiện xảo trong cung pháp,
 Ngàn người bắn tú phia,
 Vẫn không bỏ chạy loạn.
 Nếu phụ nữ có đến,
 Dầu nhiều hơn, đông hơn,
 Sẽ không náo loạn ta,
 Vì ta trú Chánh pháp,
 Chính ta từng được nghe,
 Phật, dòng họ mặt trời,
 Thuyết giảng Niết-bàn đạo,
 Ở đây ta ưa thích.
 Nếu ta trú như vậy,
 Ác ma, Ông có đến,
 Sở hành ta là vậy,
 Ông đâu thấy đường ta,*

II. Bát lạc: Arati (S.i,186)

1) Một thời...,...

2) Tôn giả Vangìsa trú ở Alavi, tại ngôi đền ở Aggàvi cùng với giáo thọ sư Tôn giả Nigrodha Kappa.

3) Lúc bấy giờ, Tôn giả Nigrodha Kappa sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, đi vào tịnh xá và không ra khỏi tịnh xá cho đến chiều hay ngày mai.

4) Lúc bấy giờ Tôn giả Vangisa tâm sanh bất mãn, bị lòng dục quấy phá.

5) Rồi Tôn giả Vangisa suy nghĩ: "Thật bất lợi cho ta! Thật bất lợi cho ta! Thật không lợi cho ta! Thật bất hạnh cho ta! Thật không may cho ta! Vì rằng tâm sanh bất mãn nơi ta, và ta bị lòng dục quấy phá. Làm thế nào ngay hiện tại có người khác có thể đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm khởi lên thỏa mãn cho ta? Hay là ta tự mình đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm cho thỏa mãn khởi lên cho ta?"

6) Rồi Tôn giả Vangisa sau khi tự mình đoạn trừ bất mãn và làm thỏa mãn khởi lên, liền ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ này:

*Ta bỏ lạc, bất lạc,
Mọi tâm tư gia sự,
Không tạo một chỗ nào,
Thành cơ sở tham dục.
Ai thoát khỏi rùng tham,
Thoát ly mọi tham dục,
Ly tham không đắm trước,
Xứng danh chon Tỷ-kheo.
Phàm địa giới, không giới,
Cả sắc giới trong đời,
Mọi vật đều biến hoại,
Mọi sự đều vô thường.
Ai hiểu biết như vậy,
Sở hành sẽ chân chính.
Chúng sanh thường chấp trước,
Đối với các sanh y,
Đối vật họ thấy, nghe
Họ ngửi, ném, xúc chạm.
Ở đây, ai đoạn dục,
Tâm tư không nhiễm ô,
Không mắc dính chỗ này,
Vị ấy danh Mâu-ni.
Đối với sáu mươi pháp,
Thuộc vọng tưởng phi pháp,
Phàm phu thường chấp trước,
Chấp thủ và tham đắm.
Tỷ-kheo không phiền não,
Không nói lời ác ngữ,
Sáng suốt, tâm thường định,
Không đổi trá, thận trọng,
Thoát ly mọi tham ái.
Vị Mâu-ni chúng đạt,
Cảnh Niết-bàn tịch tịnh,
Chờ đón thời mệnh chung,
Với tâm tư vắng lặng,
Thanh thoát nhập Niết-bàn.*

III. Khinh Miệt Kẻ Ôn Hòa: Pessala Atimannanà (S.i,187)

1) Một thời Tôn giả Vangīsa trú ở Alavi, tại đền Aggālavi, cùng với giáo thọ sư là Tôn giả Nigrodha Kappa.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Vangīsa thường hay khinh miệt các vị Tỷ-kheo ôn hòa khác vì khả năng biệt tài của mình.

3) Rồi Tôn giả Vangīsa suy nghĩ: "Thật bất lợi cho ta! Thực không lợi cho ta! Thực bất hạnh cho ta! Thực không may cho ta! Vì rằng ta khinh miệt các vị Tỷ-kheo ôn hòa khác vì khả năng biện tài của ta".

4) Rồi Tôn giả Vangīsa, tự hối trách mình, liền ngay khi ấy, nói lên những bài kệ này:

*Dệ tử Gotama,
Hãy từ bỏ kiêu mạn,
Và cũng từ bỏ luôn,
Con đường đến kiêu mạn.
Nếu hoàn toàn đắm say,
Trong con đường kiêu mạn,
Sẽ tự mình hối trách,
Trong thời gian lâu dài.
Những ai khinh khi người,
Với khinh khi kiêu mạn,
Di con đường kiêu mạn,
Sẽ đọa lạc địa ngục.
Những người ấy sâu khổ,
Trong thời gian lâu dài,
Do kiêu mạn dắt dẫn,
Phải sanh vào địa ngục.
Tỷ-kheo không bao giờ
Phải sâu muộn buồn thảm,
Thắng lợi trên chánh đạo,
Sở hành được chân chánh,
Vị ấy được thọ hưởng,
Danh dự và an lạc,
Chọn thực được danh xưng,
Là bậc hưởng Pháp lạc.
Do vậy ở đời này,
Không thô lâu, tinh tân
Đoạn trừ mọi triền cái,
Sóng thanh tịnh trong sạch,
Và đoạn tận kiêu mạn,
Hoàn toàn, không dư thừa,
Chấm dứt (mọi phiền não),
Với trí tuệ quang minh,
Ngài được xem là bậc
Sóng tịch tịnh an lạc.*

IV. Ananda (S.i.188)

1) Một thời Tôn giả Ananda trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anàthapinkika (Cấp Cô Độc).

2) Rồi Tôn giả Ananda vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực với Tôn giả Vangisa là Sa-môn thị giả.

3) Lúc bấy giờ Tôn giả Vangisa tâm sanh bất mãn, bị lòng dục quấy phá.

4) Rồi Tôn giả Vangisa nói lên bài kệ với Tôn giả Ananda:

*Dục ái đốt cháy tôi,
Tâm tôi bị thiêu cháy.
Thật là điều tốt lành,
Đệ tử Gotama,
Vì lòng từ thương tướng,
Nói pháp tiêu lửa hùng.*

5) (Ananda):

*Chính vì diên đảo tướng,
Tâm Ông bị thiêu đốt,
Hãy từ bỏ tịnh tướng,
Hệ lụy đến tham dục,
Nhìn các hành vô thường,
Khổ đau, không phải ngã,
Dập tắt đại tham dục,
Chớ để bị cháy dài;
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Tu tập thân niệm trú,
Hành nhiều hạnh yểm ly;
Hãy tập hạnh vô tướng,
Đoạn diệt mạn tùy miên,
Nhờ quán sâu kiêu mạn,
Hạnh Ông được an tịnh.*

V. Khéo Nói (S.i,188)

1) Tại Sàvatthi, Jetavana.

2) Tại đây, Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo.

3) -- Thura vâng, Thέ Tôn.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thέ Tôn.

4) Thέ Tôn nói như sau:

-- Đầy đủ bốn đức tính, này các Tỷ-kheo, lời nói được xem là thiện thuyết, không phải ác thuyết, vô tội và không bị người có trí chỉ trích. Thέ nào là bốn?

5) Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nói lời thiện thuyết, không nói lời ác thuyết, nói lời đúng pháp, không nói lời phi pháp, nói lời ái ngữ, không nói lời ác ngữ, nói lời chon ngữ, không nói lời phi chon. Đầy đủ bốn đức tính này, này các Tỳ-kheo, lời nói được xem là thiện thuyết, không phải ác thuyết, vô tội và không bị người có trí chỉ trích.

6) Thέ Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, bậc Thiện Thệ, Đạo Sư lại nói thêm:

*Bậc Thiện Nhơn dạy rằng:
Thứ nhất là thiện thuyết,
Thứ hai nói đúng pháp,
Chớ nói lời phi pháp,
Thứ ba nói ái ngữ,
Chớ nói lời ác ngữ,
Thứ tư, nói chon thực,
Chớ nói lời phi chon.*

7) Rồi Tôn giả Vangisa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng về Thέ Tôn và bạch Thέ Tôn:

-- Thέ Tôn, hãy soi sáng cho con! Thiện Thệ, hãy soi sáng cho con!

8) Thέ Tôn nói:

-- Nay Vangisa, mong rằng Ông được soi sáng!

9) Rồi Tôn giả Vangisa trước mặt Thέ Tôn, nói lên những bài kệ tán thán thích đáng:

*Ai nói lên lời gì,
Lời ấy không khổ mình,
Lại không làm hại người,
Lời ấy là thiện thuyết.
Ai nói lời ái ngữ,
Lời nói khién hoan hỷ,
Lời nói không ác độc,
Lời ấy là ái ngữ.
Các lời nói chon thật,
Là lời nói bất tử,
Như vậy là thường pháp,
Từ thuở thật ngàn xưa.
Bậc Thiện Nhân được xem,
An trú trên chon thực,
Trên nghĩa và trên pháp,
Lời đòn là như vậy.
Lời đức Phật nói lên,
Đạt an ổn Niết-bàn,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Thật lời nói tối thượng.*

VI. Sàriputta (Xá-lợi-phất) (S.i,189)

- 1) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.
- 2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàriputta với bài pháp thoại đang tuyên thuyết, khích lệ, làm cho phán khởi, làm cho hoan hỷ các Tỳ-kheo, với lời nói lịch sự, thông suốt, không có phèu phào, với ý nghĩa rõ ràng minh bạch. Và các vị Tỳ-kheo ấy chú ý, chú tâm, tập trung tâm lực, lắng tai nghe pháp.
- 3) Rồi Tôn giả Vangisa suy nghĩ: "Tôn giả Sàriputta với bài pháp thoại đang tuyên thuyết, khích lệ, làm cho phán khởi, làm cho hoan hỷ các Tỳ-kheo, với lời nói lịch sự, thông suốt, không có phèu phào, với ý nghĩa rõ ràng minh bạch. Và các vị Tỳ-kheo ấy chú ý, chú tâm, tập trung tâm lực, lắng tai nghe pháp. Vậy trước mặt Tôn giả Sàriputta, ta hãy nói lên những bài kệ tán thán thích đáng".
- 4) Rồi Tôn giả Vangisa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng về Tôn giả Sàriputta và nói với Tôn giả Sàriputta:

 - Hiền giả Sàriputta, một vấn đề đến với tôi. Hiền giả Sàriputta, một vấn đề đến với tôi.
 - 5) -- Mong rằng Hiền giả Vangisa nói lên vấn đề áy!
 - 6) Rồi Tôn giả Vangisa, trước mặt Tôn giả Sàriputta, nói lên những lời kệ tán thán thích đáng:

*Trí tuệ thâm, trí giải,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Ngài Sàriputta,
Là bậc Đại trí tuệ.
Chính Ngài đang thuyết pháp,
Cho các vị Tỳ-kheo.
Ngài giảng cách tóm tắt,
Ngài cũng thuyết rộng rãi.
Như âm thanh vi diệu,
Của loại chim Sàli,
Lời Ngài giảng tuôn trào,
Tiếng Ngài nghe ngọt lịm.
Với giọng điệu ái luyến,
Êm tai, và mỹ diệu,
Chúng lắng tai nghe pháp,
Tâm phán khởi hoan hỷ,
Này các vị Tỳ-kheo.*

VII. Tự Tú (S.i,190)

- 1) Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi, Pubbàràma (Đông Viên), Migara - màtu pàsàda (Lộc Mẫu giảng đường), cùng với đại chúng Tỳ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều chứng quả A-la-hán.
- 2) Lúc bấy giờ, Thέ Tôn, nhân ngày trăng tròn Bồ-tát Tự tú, Ngài ngồi giữa trời, xung quanh chúng Tỳ-kheo đoanh vây.
- 3) Rồi Thέ Tôn, sau khi nhìn quanh chúng Tỳ-kheo im lặng, liền bảo các Tỳ-kheo:
- 4) -- Này các Tỳ-kheo, nay Ta mời các Ông nói lên, các Ông có điều gì chỉ trích Ta hay không, về thân hay về lời nói?

5) Được nghe như vậy, Tôn giả Sàriputta từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái chào Thέ Tôn và bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, chúng con không có chỉ trích gì Thέ Tôn về thân hay về lời nói. Bạch Thέ Tôn, con đường chưa sanh khởi, Thέ Tôn làm cho sanh khởi; con đường chưa được rõ biết, Thέ Tôn làm cho rõ biết; con đường chưa được thuyết giảng, Thέ Tôn thuyết giảng. Thέ Tôn biết đạo, hiểu đạo, thiện xảo về đạo; và bạch Thέ Tôn, các đệ tử nay là những vị sống hành đạo, và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau. Và bạch Thέ Tôn, con xin mời Thέ Tôn nói lên, Thέ Tôn có điều gì chỉ trích con hay không, về thân hay về lời nói?

6) -- Nay Sàriputta, Ta không có gì chỉ trích Ông về thân, hay về lời nói. Nay Sàriputta, Ông là bậc Đại trí. Nay Sàriputta, Ông là bậc Quang trí. Nay Sàriputta, Ông là bậc Túc trí. Nay Sàriputta, Ông là bậc Tiệp trí. Nay Sàriputta, Ông là bậc Nhuệ trí. Nay Sàriputta, Ông là bậc Thể nhập trí. Nay Sàriputta, ví như trưởng tử, con vua Chuyển luân vương, chon chánh vận chuyển bánh xe đã được vua cha vận chuyển. Cũng vậy, này Sàriputta, Ông chon chánh chuyển vận pháp luân vô thượng đã được Ta chuyển vận.

7) -- Bạch Thέ Tôn, nếu Thέ Tôn không có gì chỉ trích con về thân hay về lời nói, vậy bạch Thέ Tôn, đối với khoảng năm trăm Tỷ-kheo này, Thέ Tôn có gì chỉ trích hay không, về thân hay về lời nói?

8) -- Nay Sàriputta, đối với khoảng năm trăm Tỷ-kheo này, Ta không có gì chỉ trích về thân hay về lời nói. Nay Sàriputta, trong khoảng năm trăm Tỷ-kheo này, sáu mươi Tỷ-kheo là bậc Tam minh, sáu mươi Tỷ-kheo là bậc chứng được sáu Thắng trí, sáu mươi Tỷ-kheo là bậc Câu giải thoát, và các vị còn lại là bậc Tuệ giải thoát.

9) Rồi Tôn giả Vangisa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái chào Thέ Tôn và bạch Thέ Tôn:

10) -- Bạch Thέ Tôn, một vấn đề đến với con. Bạch Thiện Thệ, một vấn đề đến với con.

11) Thέ Tôn nói:

-- Nay Vangisa, hãy nói lên vấn đề áy!

12) Rồi Tôn giả Vangisa trước mặt Thέ Tôn nói lên những bài kệ tán thán thích ứng:

*Nay ngày rằm thanh tịnh,
Năm trăm Tỷ-kheo họp,
Bậc Thánh cắt kiết phược,
Vô phiền, đoạn tái sanh.
Như vua Chuyển luân vương,
Đại thần hầu xung quanh,
Du hành khắp bốn phương,
Đất này đến hải biển.
Như vậy, các đệ tử,
Đã chứng được Tam minh,
Sát hại được tử thần,
Những vị này hầu hạ,
Bậc thắng trận chiến trường,
Chủ lữ hành vô thượng.*

*Tất cả con Thέ Tôn,
Không ai là vô dụng,
Xin chí thành đánh lẽ,
Bậc nhổ tên khát ái,
Xin tâm thành cung kính,
Bậc dòng họ mặt trời.*

VIII. Một Ngàn và Nhiều Hơn (S.i,192)

1) Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika (Cáp Cô Độc) cùng đại chúng Tỷ-kheo 1.250 vị.

2) Lúc bấy giờ Thέ Tôn với bài pháp thoại liên hệ đến Niết-bàn, thuyết giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và những Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung tất cả tâm tư, lắng tai nghe pháp.

3) Rồi Tôn giả Vangisa suy nghĩ: "Nay Thέ Tôn với bài pháp thoại liên hệ đến Niết-bàn, đang thuyết giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và những Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung tất cả tâm tư, lắng tai nghe pháp. Vậy trước mặt Thέ Tôn, ta hãy nói lên những bài kệ tán thán thích ứng."

4) Rồi Tôn giả Vangisa, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng về Thέ Tôn và bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, một vấn đề đến với con. Bạch Thiện Thệ, một vấn đề đến với con.

5) Thέ Tôn đáp:

-- Nay Vangisa, hãy nói lên vấn đề áy!

6) Rồi Tôn giả Vangisa, trước mặt Thέ Tôn, nói lên những bài kệ tán thán thích ứng:

*Hơn một ngàn Tỷ-kheo,
Hầu hạ bậc Thiện Thệ,
Ngài thuyết pháp vô cầu,
Niết-bàn, không sợ hãi.
Họ nghe pháp vô cầu,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng.
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bạch Chánh Giác chói sáng.
Bạch Thέ Tôn, Thiện Thệ,
Ngài thật bậc Long Tượng,
Bậc Ân Sĩ thứ bảy,
Trong các vị Ân Sĩ.
Ngài trở thành mây lớn,
Mưa móc ban đệ tử.
Con từ nghỉ trưa đến,
Muốn yết kiến Đạo Sư.
Ôi bậc Đại Anh hùng!
Con là đệ tử Ngài,*

*Con tên Vangisa,
Đánh lẽ dưới chân Ngài.*

- 7) -- Này Vangisa, những bài kệ này của Ông, có phải Ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?
- 8) -- Bạch Thé Tôn, những bài kệ này của con không phải suy nghĩ từ trước, chính được khởi lên tại chỗ.
- 9) -- Vậy này Vangisa, hãy cho nhiều bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước, được khởi lên tại chỗ.
- 10) -- Thưa vâng bạch Thé Tôn.

Tôn già Vangisa vâng đáp Thé Tôn và nói lên những bài kệ tán thán Thé Tôn; những bài kệ chưa được suy nghĩ từ trước:

*Thắng ác ma, tà đạo,
Ngài sống chướng ngại đoạn.
Hãy thấy bậc Giải Thoát,
Thoát ly mọi hệ phược,
Phân tích thành từng phần,
Hắc, bạch pháp phân minh.
Ngài nói lên con đường,
Nhiều pháp môn khác biệt,
Mục đích giúp mọi người,
Vượt qua dòng bộc lưu,
Chính trên pháp bát tử,
Được Ngài (thường) tuyên thuyết.
Chúng con bậc pháp kiến,
Vững trú không thối chuyển,
Bậc tạo dựng quang minh,
Ngài thâm nhập (các pháp),
Thấy được chỗ vượt qua,
Tất cả mọi kiến xứ.
Sau khi biết và chứng,
Ngài thuyết tối thượng xír,
Pháp như vậy khéo giảng.
Ai có thể phóng dật,
Khi được biết pháp áy,
Pháp khéo giảng như vậy?
Do vậy trong giáo pháp,
Đức Thé Tôn, Thiện Thệ.
Luôn luôn không phóng dật,
Hãy đánh lẽ, tu học.*

IX. Kondanna: Kiều-trần-như (S.i,193)

- 1) Một thời Thé Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Veluvanna (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.
- 2) Rồi Tôn già Annasi Kondanna, sau một thời gian khá dài, đi đến Thé Tôn; sau khi đến, cúi đầu đánh

lễ chân Thέ Tôn, miệng hôn, tay xoa bóp chân Thέ Tôn và nói lên tên của mình:

-- Bạch Thέ Tôn, con là Kondanna. Bạch Thiện Thệ, con là Kondanna.

3) Rồi Tôn giả Vangisa suy nghĩ: "Tôn giả Annàsi Kondanna này, sau một thời gian khá dài, đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thέ Tôn, miệng hôn, tay xoa bóp chân Thέ Tôn và nói lên tên của mình: 'Bạch Thέ Tôn, con là Kondanna. Bạch Thiện Thệ, con là Kondanna'. Vậy ta hãy ở trước mặt Thέ Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Annàsi Kondanna".

4) Rồi Tôn giả Vangisa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y về một bên vai, chắp tay hướng về Thέ Tôn và bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, một vấn đề đến với con. Bạch Thiện Thệ, một vấn đề đến với con.

5) Thέ Tôn đáp:

-- Nay Vangisa, hãy nói lên vấn đề ấy!

6) Rồi Tôn giả Vangisa, trước mặt Thέ Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Kondanna:

*Sau đức Phật hiện tại,
Trưởng lão được chánh giác,
Chính là Kondanna,
Nhiệt tâm và tinh cần,
Chứng được an lạc trú,
Sóng viên ly liên tục,
Thực hành lời Sư dạy.
Đệ tử chứng được gì,
Tất cả Ngài chứng được,
Nhờ tu học tinh tấn,
Đại uy lực Ba minh,
Thiện xảo tâm tư người.
Phật tử Kondanna,
Đánh lễ chân Đạo Sư.*

X. Moggallàna: Mục-kiền-liên (S.i,194)

1) Một thời Thέ Tôn trú ở Rajagaha, trên sườn núi Isigili, tại núi Hắc Sơn, cùng với đại chúng Tỷ-kheo Tăng khoảng năm trăm vị, tất cả là bậc A-la-hán. Tôn giả Mahà Moggallàna với tâm của mình biết được tâm các vị ấy đã được giải thoát, không có sanh y.

2) Rồi Tôn giả Vangisa suy nghĩ: "Thέ Tôn nay trú ở Rajagaha, trên sườn núi Isigili, tại Hắc Sơn cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả là bậc A-la-hán. Tôn giả Mahà Moggallàna với tâm của mình được biết tâm các vị ấy đã được giải thoát, không có sanh y. Vậy ta hãy trước mặt Thέ Tôn nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Mahà Moggallàna".

3) Rồi Tôn giả Vangisa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng về Thέ Tôn và bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, một vấn đề đến với con. Bạch Thiện Thệ, một vấn đề đến với con.

4) Thέ Tôn đáp:

-- Nay Vangisa, hãy nói lên vấn đề áy!

5) Rồi Tôn giả Vangisa trước mặt Thέ Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Mahà Moggallàana:

*Cao trên sườn đồi núi,
Những vị chúng Ba minh,
Những vị đoạn tử thân,
Các đệ tử hầu hạ,
Bậc Thánh giả, Mâu-ni,
Đã vượt qua đau khổ.
Đại thân lực Mục-liên,
Quán tâm các vị áy,
Biết họ được giải thoát,
Không còn có sanh y.
Như vậy họ hầu hạ,
Mâu-ni Gotama,
Ngài vượt qua đau khổ,
Mọi sở hành đầy đủ,
Mọi đức tánh vẹn toàn.*

XI. Gaggarà (S.i,195)

1) Một thời Thέ Tôn ở Campà, trên bờ hồ Gaggarà với đại chúng Tỳ-kheo khoảng năm trăm vị, với bảy trăm nam cư sĩ, với bảy trăm nữ cư sĩ và vài ngàn chư Thiên. Giữa đại chúng áy, Thέ Tôn chói sáng vượt bậc về quang sắc và danh xưng.

2) Rồi Tôn giả Vangisa suy nghĩ: "Nay Thέ Tôn trú ở Campà, trên bờ hồ Gaggarà với đại chúng Tỳ-kheo khoảng năm trăm vị, với bảy trăm nam cư sĩ, với bảy trăm nữ cư sĩ và vài ngàn chư Thiên. Giữa đại chúng áy, Thέ Tôn chói sáng vượt bậc về quang sắc và danh xưng. Vậy trước mặt Thέ Tôn, ta hãy nói lên những bài kệ tán thán thích ứng".

3) Rồi Tôn giả Vangisa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng về Thέ Tôn và bạch:

-- Bạch Thέ Tôn, một vấn đề đến với con. Bạch Thiện Thệ, một vấn đề đến với con.

4) Thέ Tôn đáp:

-- Nay Vangisa, hãy nói lên vấn đề áy!

5) Rồi Tôn giả Vangisa trước mặt Thέ Tôn nói lên những bài kệ thích ứng tán thán:

*Như mặt trăng giữa trời,
Mây mù được quét sạch,
Chói sáng như mặt trời,
Thanh tịnh, không cầu ué.
Cũng vậy Ngài thật là*

*Đại Mâu-ni Hiền Thánh,
Danh xưng Ngài sáng chóe,
Vượt qua mọi thế giới.*

XII. Vangìsa (S.i,196)

- 1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).
- 2) Lúc bấy giờ Tôn giả Vangìsa, chứng quả A-la-hán không bao lâu, thọ hưởng giải thoát lạc, ngay trong lúc ấy, nói lên những bài kệ này:

*Thuở trước ta mê thơ,
Bộ hành khắp mọi nơi,
Từ làng này, thành này,
Qua làng khác, thành khác,
Ta thấy bậc Chánh Giác,
Tín thành ta sanh khởi.
Ngài thuyết pháp cho ta,
Về uẩn, xú và giới,
Sau khi nghe Chánh pháp,
Ta bỏ nhà xuất gia.
Vì hạnh phúc số đông,
Vì thấy đạo hành đạo,
Cho Tỷ-kheo Tăng-Ni,
Bậc Mâu-ni giác ngộ,
Ngài đã chấp nhận con,
Được thành đạo với Ngài,
Con chứng đạt Ba minh,
Hành trì theo Phật dạy.
Con biết được đời trước,
Chứng thiên nhân thanh tịnh,
Ba minh, thần thông lực,
Chứng đạt tha tâm thông.*

CHƯƠNG IX
9. TUƯƠNG ƯNG RỪNG

I. Viễn Ly (S.i,197)

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời, một Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

2) Lúc bấy giờ Tỷ-kheo ấy, trong lúc đi nghỉ ban ngày, khởi lên những tư tưởng ác, bất thiện, liên hệ đến gia đình.

3) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tỷ-kheo ấy, muôn hạnh phúc, muôn cảnh giác, liền đi đến Tỷ-kheo ấy.

4) Sau khi đến, vị Thiện ấy nói lên những bài kệ với vị Tỷ-kheo này:

*Ông ước muôn viễn ly,
 Dã sống trong rừng núi,
 Nay tâm Ông vọng động,
 Dong đuổi theo ngoại giới.
 Ông đối mặt với Ông,
 Hãy ché ngự lòng dục,
 Nhờ vậy, Ông hạnh phúc,
 Thoát ly được tham ái.
 Hãy từ bỏ bất mãn,
 Sóng an trú chánh niệm,
 Ông thành người hiền thiện,
 Được chúng tôi tán thán.
 Trừ bụi trần địa ngục,
 Thật rất khó vượt qua,
 Ông chờ vận chuyên theo,
 Các bụi trần dục vọng,
 Như chim, thân dính bụi,
 Rung thân khiến bụi rơi.
 Cũng vậy vị Tỷ-kheo,
 Tình cảm, trú chánh niệm,
 Vùng vẫy khiến rơi rót,
 Những bụi đời dính thân.*

5) Tỷ-kheo ấy được vị Thiên cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

II. Săn Sóc, Hầu Hẹ (S.i,197)

1) Một thời, một Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

2) Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy đang ngủ ngày.

3) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tỷ-kheo ấy, muôn hạnh phúc, muôn cảnh giác, liền đi đến Tỷ-kheo ấy.

4) Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ cho Tỷ-kheo ấy:

*Tỷ-kheo, hãy thức dậy,
Sao Ông hãy còn nằm?
Ông được lợi ích gì,
Trong giấc ngủ của ông?
Kẻ bệnh, kẻ trúng tên,
Bị đánh sao ngủ được?
Vì lòng tin, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tin ấy cần phát triển,
Chớ để ngủ chinh phục.*

5) (Vị Tỷ-kheo):

*Các dục là vô thường,
Chỉ kẻ ngu say đắm,
Đã giải thoát triền phược,
Không còn bị ái trước.
Hạnh xuất gia như vậy,
Sao để dục nhiệt não?
Đã nhiếp phục dục ái,
Vượt thoát (lưới) vô minh,
Với chánh trí thanh tịnh,
Hạnh xuất gia như vậy,
Sao để dục nhiệt não?
Với minh phá vô minh,
Đoạn diệt các lậu hoặc,
Không sầu, không ưu não,
Hạnh xuất gia như vậy,
Sao để dục nhiệt não?
Tinh tấn và nhiệt tâm,
Thường dỗng mãnh cầu tiến,
Hướng vong đến Niết-bàn,
Hạnh xuất gia như vậy,
Sao để dục nhiệt não?*

III. Kassapagotta: Thợ Săn: (S.i,198)

- 1) Một thời, Tôn giả Kassapagotta trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
- 2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Kassapagotta, trong khi nghỉ ban ngày, khuyên dạy một người thợ săn.
- 3) Một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến Tỷ-kheo ấy.
- 4) Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ với Tôn giả Kassapagotta:

*Trên suòn núi cheo leo,
Người thợ săn đang trèo,*

*Là hạng người thiểu trí,
Không sáng suốt, ngu si,
Tỷ-kheo có khuyên dạy,
Thật uống phí thời gian.
Ta nghĩ làm như vậy,
Tự tỏ thiểu trí tuệ.
Có nghe cũng không hiểu,
Có nhìn cũng không thấy,
Dẫu cho có thuyết pháp,
Kẻ ngu không thấy đích.
Tôn giả Kassapa,
Nếu Ông có cảm tay
Cho đến mười bó đuốc,
Người ấy không thấy được,
Các sắc pháp đối diện,
Vì người ấy không mắt.*

5) Tôn giả Kassapagotta được vị Thiên áy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

IV. Đa Số hay Du Hành (S.i,199)

- 1) Một thời, nhiều Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala tại một khu rừng.
- 2) Các Tỷ-kheo áy an cư mùa mưa xong, sau ba tháng, bắt đầu đi du hành.
- 3) Một vị Thiên trú ở khu rừng áy, không thấy các Tỷ-kheo áy, liền than van, ưu buồn, ngay lúc áy nói lên bài kệ này:

*Hôm nay tâm của ta,
Cảm thấy không vui vẻ,
Khi thấy nhiều chỗ ngồi,
Trống không, không có người.
Những bậc Đa văn áy,
Thuyết pháp thật mỹ diệu.
Đệ tử Gotama,
Hiện nay đang ở đâu?*

- 4) Khi nghe nói vậy, một vị Thiên khác nói lên những bài kệ cho vị Thiên áy:

*Họ đi Magadha,
Họ đi Kosala,
Và một số vị áy,
Đi đến đất Vajja.
Như nai thoát bầy sập,
Chạy nhảy khắp bốn phương.
Tỷ-kheo không nhà cửa,
Sóng giải thoát như vậy.*

V. Ananda (S.i,199)

- 1) Một thời, Tôn giả Ananda trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
- 2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda sống quá bận rộn bởi nhiều liên hệ với cư sĩ.
- 3) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy thương xót Tôn giả Ananda, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến Tôn giả Ananda. Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ với Tôn giả Ananda:

*Ông đã quyết lựa chọn,
Đời sống dưới gốc cây,
Tâm Ông quyết nhập một
Với mục đích Niết-bàn.
Cù-dam, hãy Thiên tư,
Và sống, chờ phóng dật,
Đối với Ông, ích gì,
Tụt thoại, vô vị ấy?*

- 4) Tôn giả Ananda, được vị Thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

VI. Anuruddha. (S.i,200)

- 1) Một thời Tôn giả Anuruddha trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
- 2) Rồi một Thiên nữ ở chúng Tàvatimsa, tên là Jàlinii, đời trước là vợ của Tôn giả Anuruddha, đi đến Tôn giả Anuruddha.
- 3) Sau khi đến, vị ấy nói lên bài kệ với Tôn giả Anuruddha:

*Hãy hướng tâm tu Ông,
Vào đời trước của Ông,
Giữa Tam thập tam thiên,
Mọi ái dục thành tựu,
Và Ông được chói sáng,
Giữa Thiên nữ doanh vây.*

- 4) (Anuruddha):

*Bất hạnh thay Thiên nữ,
Họ kiên trú thân kién,
Cũng bất hạnh, họ sanh,
Bị Thiên nữ chinh phục.*

- 5) (Jàlinii):

*Họ chưa biết hạnh phúc,
Chưa thấy Dandana,
Trú xú các Thiên nhơn,
Danh xưng giới Tam thập.*

- 6) (Anuruddha):
Kẻ ngu, Bà không biết,

*Lời nói bậc La-hán,
Mọi hành là vô thường,
Phải chịu luật sanh diệt,
Chúng sanh rồi chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.
Hiện nay đối với ta,
Không còn chỗ trú xứ,
Trên cảnh giới chư Thiên,
Ôi này Jàlini!
Đường sanh tử đứt đoạn,
Nay tái sanh không còn.*

VII. Nàgadatta (S.i,200)

- 1) Một thời Tôn giả Nàgadatta trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
- 2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Nàgadatta đi vào làng quá sớm và trở về quá chiều.
- 3) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tôn giả Nàgadatta, muốn lợi ích, muốn cảnh giác, liền đi đến Tôn giả Nàgadatta.
- 4) Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ với Tôn giả Nàgadatta:

*Này Nàgadatta,
Hãy vào (làng) đúng thời,
Và khi từ làng về,
Hãy về cho thật sớm.
Ông sống quá liên hệ,
Với các hàng cư sĩ,
Bị ván vương quá nhiều,
Những cảm thọ khổ lạc.
Ta sợ kẻ bạt mạng,
Nàgadatta này,
Lại bị trói, bị buộc,
Trong gia đình thế sự.
Chớ để mình rơi vào,
Cường lực của tử thân,
Làm sao tránh né được,
Khỏi Ác ma chi phối!*

- 5) Tôn giả Nàgadatta được vị Thiên áy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

VIII. Gia Phụ hay Say Đắm (S.i,201)

- 1) Một thời, một Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
- 2) Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy sống thân mật quá đáng đối với một gia đình.
- 3) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, vì thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác vị ấy, biến hình thành gia phụ của gia đình ấy và đi đến Tỷ-kheo ấy.

4) Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ với Tỷ-kheo ấy:

*Trên bờ sông, cửa chợ,
Tại trạm nghỉ, lô trình,
Dân chúng thường tập họp,
Tranh luận liền khởi lên.
Giữa ta và giữa Ông,
Có gì là sai khác?*

5) (Vị Tỷ-kheo):

*Nhiều tiếng qua tiếng lại,
Bậc khổ hạnh kham nhẫn,
Chớ cảm thấy bức phiền,
Chớ phát sinh niềm trước.
Ai bị tiếng rối loạn,
Như nai trong rừng rú,
Được gọi là khinh tâm,
Khó tu hành thành tựu.*

IX. Vajjiputta: Bạt-kỳ Tử hay Tỳ-xá-ly (S.i,201)

1) Một thời, một Tỷ-kheo Vajjiputtaka trú ở Vesàli tại một khu rừng.

2) Lúc bấy giờ một cuộc lễ được tổ chức suốt đêm ở Vesàli.

3) Tỷ-kheo ấy được nghe tiếng nhạc khí, tiếng cồng v.v... đánh lên, tiếng ồn ào khởi lên, liền than thở, nói lên ngay lúc ấy những bài kệ này:

*Chúng ta sống một mình,
Trong khu rừng cô độc,
Như khúc gỗ lột vỏ,
Lăn lóc trong rừng sâu,
Trong đêm tối hân hoan,
Như hiện tại đêm nay,
Ai sống đời bất hạnh,
Như chúng ta hiện sống?*

4) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, có lòng thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác liền đi đến Tỷ-kheo ấy.

Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ:

5)

*Ông sống chỉ một mình,
Trong khu rừng cô độc,
Như khúc gỗ lột vỏ,
Lăn lóc trong rừng sâu.
Rất nhiều người thèm muốn,*

*Đời sống như ông vậy,
Như kẻ đọa địa ngục,
Thèm muốn sanh thiên giới.*

- 6) Rồi Tỷ-kheo ấy được vị Thiên áy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

X. Tụng Học Kinh Điển hay Pháp (S.i,202)

- 1) Một thời, một Tỷ-kheo sống giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
- 2) Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy trước kia siêng năng tụng kinh rất nhiều, sau một thời gian, trở thành thụ động, im lặng, an phận.
- 3) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy không được nghe pháp từ Tỷ-kheo ấy, liền đi đến vị ấy.
- 4) Sau khi đến, vị Thiên áy nói lên những bài kệ cho Tỷ-kheo ấy:

*Này Tỷ-kheo, sao Ông
Sống chung các Tỷ-kheo,
Lại không chịu tụng đọc,
Các kinh điển pháp cú?
Ai nghe thuyết Chánh pháp,
Tâm sanh được tịnh tín.
Và ngay đời hiện tại,
Được mọi người tán thán.*

- 5) (Vị Tỷ-kheo):

*Trước kia đối pháp cú,
Ta tha thiết tìm hiểu,
Cho đến khi chúng được,
Quả vị bậc ly dục;
Từ khi chúng ly dục,
Mọi thấy, nghe, xúc cảm,
Nhờ trí tuệ hiểu biết,
Đều được bỏ một bên.
Chính các bậc Hiền thiện,
Giảng dạy là như vậy.*

XI. Bất Chánh Tư Duy: (S.i,203)

- 1) Một thời, một Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala tại một khu rừng.
- 2) Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy, khi đang nghỉ ban ngày, khởi lên những tư duy ác, bất thiện, như dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy.
- 3) Rồi vị Thiên trú ở khu rừng ấy, vì lòng thương xót Tỷ-kheo, muốn lợi ích, muốn cảnh giác, liền đi đến Tỷ-kheo ấy.
- 4) Sau khi đến, vị Thiên áy nói lên những bài kệ cho Tỷ-kheo:

*Ông tác ý bất chánh,
Nên say đắm tư duy.
Hãy từ bỏ bất chánh,
Hãy tư duy chọn chánh,
Nương tựa Phật, Pháp, Tăng,
Giữ giới, không thối chuyển,
Ông chắc chắn chứng đạt,
Hân hoan và hỷ lạc.
Với hân hoan sung mãn,
Ông chấm dứt khổ đau.*

- 5) Rồi Tỷ-kheo ấy, được vị Thiên áy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

XII. Giurā Trura hay Tiếng Động (S.i,203)

- 1) Một thời, một Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
- 2) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy đi đến Tỷ-kheo.
- 3) Sau khi đến, nói lên những bài kệ này trước mặt Tỷ-kheo:

*Nay chính giờ giữa trưa,
Chim chóc đậu im lặng,
Rừng lớn vang tiếng động,
Khiên ta run, hoảng sợ.*

- 4) (Vị Tỷ-kheo):

*Nay chính giờ giữa trưa,
Chim chóc đậu im lặng,
Rừng lớn vang tiếng động,
Hoan hỷ đến với ta.*

XIII. Không Chế Ngự Căn hay Nhiều Tỷ Kheo (S.i,203)

- 1) Một thời, rất nhiều Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng nọ, cồng cao, ngạo mạn, ôn ào, lăm miệng, lăm lời, thất niệm, không tinh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn không chế ngự.
- 2) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, vì lòng thương xót các Tỷ-kheo, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến các Tỷ-kheo.
- 3) Sau khi đến, vị Thiên áy nói lên những bài kệ với các Tỷ-kheo:

*Xưa sống thật an lạc,
Chúng đệ tử Cù-dàm,
Không tham tìm món ăn,
Không tham tìm chỗ trú,
Biết đời là vô thường,
Họ chấm dứt khổ đau.*

*Nay tự làm ác hạnh,
Như thôn trưởng trong làng,
Họ ăn, ăn ngã gục,
Thèm khát vật nhà người.
Con vái chào chúng Tăng,
Đánh lě một vài vị,
Vát vưởng, không hướng dẫn.
Họ sống như ngã quỉ.
Những ai sống phóng dật,
Vì họ, con nói lên,
Những ai không phóng dật,
Chân thành con đánh lě.*

- 4) Các Tỷ-kheo ấy, được vị Thiên áy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

XIV. Sen Hồng hay Sen Trắng (S.i,204)

- 1) Một thời, một Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
- 2) Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy ăn xong, trên con đường đi khát thực trở về, đi xuống hồ nước và ngửi bông sen hồng.
- 3) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng áy, thương xót Tỷ-kheo, muôn hạnh phúc, muôn cảnh giác liền đi đến Tỷ-kheo.
- 4) Sau khi đến, vị Thiên áy liền nói lên những bài kệ với Tỷ-kheo:

*Hoa này từ nước sanh,
Không cho, Ông ngửi trộm.
Như vậy một loại trộm,
Ta gọi Ông trộm hương,
Này thân hữu của ta.*

- 5) (Vị Tỷ-kheo):

*Không lấy đi, không bẻ,
Đứng xa, ta ngửi hoa,
Vậy do hình tướng gì,
Được gọi là "trộm hương"?
Ai đào rẽ củ sen,
Ăn dùng các loại sen.
Do các hành động áy,
Sao không gọi trộm hương?*

- 6) (Vị Thiên):

*Người ty tiện độc ác,
Như vái nhóp vú em,
Với hạng người như vậy,
Lời ta không liên hệ.*

*Nhưng chính thật cho Ông,
 Chính lời ta tương ưng
 Với người không cầu ué,
 Thường hướng cầu thanh tịnh.
 Với kẻ ác nhìn thấy,
 Nhỏ như đầu sợi lông,
 Vị ấy xem thật lớn,
 Như đầu mây trên trời.*

7) (Vị Tỷ-kheo):

*Thật sự này Da-xoa,
 Ông biết ta, thương ta,
 Hãy nói lại với ta,
 Khi thấy ta như vậy.*

8) (Vị Thiên):

*Ta không tùy thuộc Ông,
 Ông cũng không làm bậy,
 Nay Tỷ-kheo nên biết,
 Ông có thể sanh Thiên.*

9) Vị Tỷ-kheo ấy được vị Thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

-ooOoo-

CHƯƠNG X
10. TƯƠNG ƯNG DẠ XOA

I. Indaka (S.i,206)

1) Một thời Thέ Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), núi Indakuuta, tại trú xứ của Dạ-xoa Indaka.

2) Rồi Dạ-xoa Indaka đi đến Thέ Tôn, sau khi đến nói lên những bài kệ với Thέ Tôn:

*Chư Phật, Ngài dạy rằng,
 Sắc không phải sinh mạng,
 Vậy sao sinh mạng này,
 Lại có trong thân này?
 Từ đâu xương thịt đến,
 Trong thân thể hiện tại?
 Làm sao sinh mạng này,
 Gá dính trong thai tạng?*

3) (Thέ Tôn):

*Trước tiên, Kalala,
 Rồi từ Kalala,
 Abbuda có mặt.
 Rồi từ Abbuda,
 Pesì (thịt mềm) được sanh ra.
 Pesì sinh Ghana (thịt cứng),
 Rồi đến Pasàkha (chi tiết),
 Tóc, lông và các móng,
 Tiếp tục được sanh ra.
 Những gì người mẹ ăn,
 Đồ ăn, đồ uống nào,
 Con người trong bụng mẹ,
 Ở đây, lấy nuôi dưỡng.*

II. Sakka (S.i,206)

1) Một thời, Thέ Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá) trên núi Gijjhakuuta (Linh Thíru).

2) Rồi Dạ-xoa tên Sakka đi đến Thέ Tôn, sau khi đến nói lên những bài kệ với Thέ Tôn:

*Thật không tốt lành gì,
 Một Sa-môn như Ngài,
 Đã đoạn mọi triền phược,
 Đã sống chon giải thoát,
 Lại tiếp tục giảng dạy,
 Những kẻ khác (tu học).*

3) (Thέ Tôn):

Này Dạ-xoa Sakka,

*Dầu vì lý do gì,
Loài Người sống chung nhau,
Không một lý do nào,
Xứng đáng bắc trí tuệ,
Với lòng từ lân mẫn,
Nếu với tâm tín thành,
Giảng dạy những người khác,
Do vậy không hỉ lụy,
Vì lòng từ lân mẫn.*

III. Suciloma (S.i,207)

- 1) Một thời Thέ Tôn ở Gayà, trên hòn đá Tankita tại trú xứ của Dạ-xoa Suciloma.
- 2) Lúc bấy giờ, Dạ-xoa Khara và Dạ-xoa Suciloma đi ngang qua, không xa Thέ Tôn bao nhiêu.
- 3) Rồi Dạ-xoa Khara nói với Dạ-xoa Suciloma:
-- Đây là một Sa-môn.
- 4) -- Đây không phải Sa-môn. Đây là Sa-môn giả. Hay ít nhất cho đến khi ta biết được Sa-môn hay Sa-môn giả.
- 5) Rồi Dạ-xoa Suciloma đi đến Thέ Tôn, sau khi đến liền nghiêng thân về phía Thέ Tôn.
- 6) Thέ Tôn liền tránh né thân của mình.
- 7) Dạ-xoa Suciloma nói với Thέ Tôn: -- Có phải Sa-môn sợ ta?
- 8) -- Này Hiền giả, Ta không sợ Ông. Nhưng xúc chạm với Ông là điều đáng ghét (pàpaka).
- 9) -- Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ông một câu. Nếu Ông không trả lời ta được, ta sẽ làm tâm Ông điên loạn, hay ta làm Ông bể tim, hay nắm lấy chân, ta sẽ quăng Ông qua bờ bên kia sông Hằng.
- 10) -- Này Hiền giả, ở thế giới chư Thiên, Ma giới hay Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, Ta không thấy một ai có thể làm tâm Ta điên loạn, hay làm bể tim Ta, hay nắm lấy chân Ta, quăng Ta qua bờ bên kia. Tuy vậy, này Hiền giả, hãy hỏi đi như Ông muốn.
- 11) (Dạ-xoa):

*Tham dục và sân hận,
Do nhân gì sanh khởi?
Bát mẫn và thỏa mẫn,
Sợ hãi từ đâu sanh?
Từ đâu được khởi lên,
Các tư tưởng, tư duy,
Như qua được bảy trẻ,
Thả bay rồi kéo lại?*

- 12) (Thέ Tôn):

*Tham dục và sân hận,
Do nhân này sanh khởi,
Bất mãn và thỏa mãn,
Sợ hãi từ đây sanh.
Từ đây được khởi lên,
Các tư tưởng, tư duy,
Như qua được bầy trẻ,
Thả bay rồi kéo lại.
Chính do tham ái sanh,
Chính do tự ngã sanh.
Như cây nigroda (cây bàng),
Do từ thân cây sanh.
Phàm phu bám ác dục,
Như cây leo khắp rìeng.
Những ai hiểu biết được,
Do nhân áy sanh khởi,
Họ diệt trừ nhân áy.
Hãy nghe, này Dạ-xoa,
Họ vượt bộc lưu này,
Bộc lưu thật khó vượt,
Từ trước chưa vượt qua,
Không còn phải tái sanh.*

IV. Manibhadda (S.i,208)

1) Một thời Thé Tôn trú giữa dân chúng Magadha, tại điện thờ Manimàlaka, tại một trú xứ của Dạ-xoa Manibhadda.

2) Rồi Dạ-xoa Manibhadda đi đến Thé Tôn, sau khi đến, nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Lành thay, thường chánh niệm,
Nhờ niệm, lạc tăng trưởng.
Có niệm, mai đẹp hơn,
Hận thù được giải thoát.*

3) (Thé Tôn):

*Lành thay, thường chánh niệm,
Nhờ niệm, lạc tăng trưởng,
Có niệm, mai đẹp hơn,
Hận thù chưa giải thoát.
Với ai trọn ngày đêm,
Tâm ý lạc, bất hại,
Từ tâm mọi hữu tình,
Vị ấy không thù hận.*

V. Sanu (S.i,209)

1) Một thời Thé Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, Sànu, con một nữ cư sĩ bị Dạ-xoa ám ảnh.

3) Nữ cư sĩ ấy than khóc, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

*Con ta là La-hán,
Đối với ta là vậy,
Và chính ta được nghe,
Vị La-hán nói vậy.
Nay ta thấy Sànu,
Bị Dạ-xoa ám ảnh.
Ngày mười bốn, mươi lăm,
Và ngày tám nửa tháng,
Cả ngày lễ đặc biệt,
Khéo tu tám trai giới,
Tuân trì lễ Bồ-tát.
Và chính ta được nghe,
Vị La-hán nói vậy,
Nay ta thấy Sànu,
Bị Dạ-xoa ám ảnh.
Ngày mười bốn, mươi lăm,
Và ngày tám nửa tháng,
Cả ngày lễ đặc biệt,
Khéo tu tám trai giới,
Tuân trì lễ Bồ-tát.
Những ai sống Phạm hạnh,
Dạ-xoa không ám ảnh,
Và chính ta được nghe,
Vị La-hán nói vậy.
Người nói với Sànu,
Có trí và sáng suốt,
Đây là lời Dạ-xoa,
Chớ có làm điều ác,
Công khai hay bí mật.
Nếu người làm điều ác,
Sẽ làm hay đang làm,
Ông không thoát khổ đau,
Đầu có đứng lên chạy,
Chạy một mạch, chạy dài.*

4) (Sànu được khỏi ám ảnh):

*Này mẹ, người ta khóc,
Là khóc cho người chết,
Hay khóc cho người sống,
Nhưng không được thấy mặt?
Này mẹ, chúng thấy con,
Hiện có mặt đang sống.
Vậy sao mẹ khóc con,
Này người mẹ (thân yêu)?*

5) (Bà mẹ):

*Người ta khóc cho con,
Là khóc cho con chết,
Hay khóc cho con sống,
Nhưng không được thấy mặt.
Ai đã bỏ dục vọng,
Lại trở lui đời này,
Này con, người ta khóc,
Là khóc cho người ấy,
Vì người ấy được xem,
Còn sống cũng như chết.
Nay con được kéo ra,
Khỏi than hùng đở rực,
Con còn muốn roi vào,
Đóng than hòng ấy chăng?
Nay con được thoát ra,
Khỏi địa ngục (đau khổ),
Con còn muốn roi vào,
Cõi địa ngục ấy chăng?
Hãy dong ruồi đòi con,
Ta chúc con hạnh phúc,
Hãy sống như thế nào,
Không làm ai bức phiền.
Đò vật thoát lửa cháy,
Con muốn đốt lại chăng?*

VI. Piyankara (S.i,209)

- 1) Một thời Tôn giả Anuruddha trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.
- 2) Lúc bấy giờ Tôn giả Anuruddha thức dậy khi đêm vừa mới sáng, đang tụng đọc pháp cú.
- 3) Một nữ Dạ-xoa, mẹ của Piyankara dỗ cho con nín như sau:

*Này Piyankara,
Chớ có sanh tiếng động,
Vị Tỷ-kheo đang tụng,
Những lời về pháp cú.
Nếu chúng ta biết được,
Học được pháp cú này,
Rồi như pháp hành trì,
Chúng ta được lợi ích.
Không sát hại sanh vật,
Không cố ý nói láo,
Tự học tập giới luật,
Chúng ta thoát ngã quy.*

VII. Punabbasu (S.i,209)

- 1) Một thời Thé Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, Thé Tôn đang thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo về vấn đề liên hệ đến Niết-bàn, tuyên thuyết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung mọi tâm tư, lóng tai nghe pháp.

3) Rồi một nữ Dạ-xoa, mẹ Punabbasu dỗ con nín như sau:

*Hãy gìn giữ im lặng,
Này Uttarika!
Hãy gìn giữ im lặng,
Này Punabbasu!
Để mẹ được nghe pháp.
Đạo Sư, tôi thương Phật,
Thé Tôn giảng Niết-bàn,
Thoát ly mọi triền phược,
Mẹ đối với pháp ấy,
Thật cực kỳ ái lạc.
Đời ái lạc con mình,
Đời ái lạc chồng mình,
Nhưng đối với đạo pháp,
Mẹ ái lạc nhiều hơn.
Con hay chồng đều thân,
Không cứu ta thoát khổ,
Không như nghe diệu pháp,
Chúng sanh được thoát khổ.
Trong đau khổ đời sau,
Dính liền già và chét,
Chánh pháp Ngài giác ngộ,
Giải thoát khỏi già chét.
Mẹ muốn nghe pháp ấy
Hãy nín đi con ơi!
Này Punabbasu.*

4) (Punabbasu):

*Thura mẹ, con không nói,
Uttarà nín lặng.
Mẹ hãy lắng nghe pháp,
Nghe pháp được an lạc.
Vì không biết diệu pháp,
Chúng ta trôi sanh tử.
Giữa Nhân, Thiên mù quáng,
Ngài đem cho ánh sáng,
Giác ngộ, thân tối hậu,
Bậc Pháp nhân thuyết pháp.*

5) (Bà mẹ):

*Hữu trí thay, con ta!
Con ta sanh ấm ngực.
Nay con ta ái lạc,
Tịnh pháp Vô thượng Phật.*

*Này Punabbasu!
Hãy sống chơn an lạc,
Nay ta được sống lại,
Thầy được chơn Thánh đế,
Này con Uttara!
Hãy nghe theo lời ta.*

VIII. Sudatta. (S.i,210)

- 1) Một thời Thé Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), tại rừng Sita.
- 2) Lúc bấy giờ cư sĩ Anàthapindika (Cáp Cô Độc) đã đến Ràjagaha để làm một vài công việc.
- 3) Cư sĩ Anàthapindika được nghe đức Phật đã ra đời và muốn đến yết kiến Thé Tôn.
- 4) Rồi cư sĩ Anàthapindika suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thé Tôn. Ngày mai mới phải thời ta đến yết kiến Thé Tôn". Như vậy với ý nghĩ đi yết kiến đức Phật, ông Anàthapindika nằm ngủ. Trong đêm, ông ấy thức dậy ba lần, tưởng rằng trời đã sáng.
- 5) Rồi cư sĩ Anàthapindika đi đến cửa Sìvatthika (nghĩa địa), và có những phi nhân mở cửa.
- 6) Và khi ông ra khỏi thành phố, ánh sáng biến mất và bóng tối hiện ra. Ông sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược và muốn đi trở về.
- 7) Rồi Dạ-xoa Sìvaka ân hình, lên tiếng như sau:

*Trăm voi và trăm ngựa,
Trăm xe do ngựa kéo,
Cả trăm ngàn thiếu nữ,
Được trang sức bồng tai,
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi tới này.
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Tiến tới, tốt đẹp hơn,
Chớ có lui, thôi bước!*

- 8) Rồi với Anàthapindika, tối tăm biến mất, ánh sáng hiện ra. Và sợ hãi, hốt hoảng, lông tóc dựng ngược đã khởi lên được dịu hẳn xuống.
- 9) Lần thứ hai... (như trên)...
- 10) Lần thứ ba, với Anàthapindika, ánh sáng biến mất, bóng tối hiện ra. Và sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược khởi lên. Và Anàthapindika muốn trở lui. Lần thứ ba, Dạ-xoa Sìvaka ân hình lên tiếng như sau :

*Trăm voi và trăm ngựa,
Trăm xe do ngựa kéo,
Cả trăm ngàn thiếu nữ,
Được trang sức bồng tai,*

*Không bằng phàn mười sáu,
Một bước đi tới này.
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Tiến tới, tốt đẹp hơn,
Chớ có lui, thôi bước!*

11) Rồi với Anàthapindika, bóng tối biến mất, ánh sáng hiện ra và sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược đã khôi lên được dịu bớt.

12) Rồi Anàthapindika đi đến rừng Sìta, đi đến Thế Tôn.

13) Lúc bấy giờ Thế Tôn thức dậy vào lúc đêm vừa mãn và đang đi kinh hành ngoài trời.

14) Thế Tôn thấy Anàthapindika từ xa đi đến, khi thấy vậy, từ chõ kinh hành đi xuống, và ngồi trên chõ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với cư sĩ Anàthapindika:

-- Hãy đến đây, Sudatta!

15) Rồi cư sĩ Anàthapindika nghĩ: "Thế Tôn kêu tên ta", rồi cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ngủ có an lạc chăng?

(Thế Tôn):

*Bà-la-môn tịch tĩnh,
Luôn luôn sống an lạc,
Không đèo bòng dục vọng,
Thanh lương, không sanh y,
Mọi ái trước đoạn diệt,
Tâm khổ não điều phục,
Tịch tĩnh, sống an lạc,
Tâm tư đạt hòa bình.*

IX. Sukkà (S.i,212)

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm), chõ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo-ni Sukkà, có đại chúng doanh vây, đang thuyết pháp.

3) Rồi một Dạ-xoa có lòng tịnh tín đổi với Tỷ-kheo-ni Sukkà, đi từ đường xe này đến đường xe khác, đi từ ngã tư này đến ngã tư khác ở Ràjagaha, và ngay lúc ấy, nói lên những bài kệ này:

*Này người Vương Xá thành,
Các Người đã làm gì,
Mà nay lại năm dài,
Như say vì rượu ngọt.
Không hâu hạ Sukkà,
Đang thuyết pháp bất tử?*

*Pháp áy không trở lui,
Cam lồ không lung voi.
Ta nghĩ người trí tuệ
Uống nước (cam lồ) áy,
Chẳng khác một đám mưa,
Đối với kẻ lữ hành.*

X. Sukkà (S.i,212)

- 1) Một thời Thé Tôn ở Ràjagaha, tại Veluvana, chổ nuôi dưỡng các con sóc.
- 2) Lúc bấy giờ, một người cư sĩ đang cúng dường đồ ăn cho Tỷ-kheo-ni Sukkà.
- 3) Rồi một Dạ-xoa, khởi lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Sukkà, liền đi từ đường xe này đến đường xe khác, đi từ ngã ba này ba khác ở Ràjagaha, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

*Cư sĩ có trí này,
Chắc hướng nhiều công đức,
Đã cúng dường món ăn,
Dâng cúng lên Sukkà,
Một vị đã giải thoát,
Tất cả mọi triền phược.*

XI. Cirà hay Virà (S.i,215)

- 1) Như vậy tôi nghe.
- Một thời Thé Tôn trú ở Ràagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm), chổ nuôi dưỡng các con sóc.
- 2) Lúc bấy giờ, một cư sĩ dâng y cúng dường Tỷ-kheo-ni Cirà.
- 3) Rồi một Dạ-xoa, khởi lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Cirà, liền đi từ đường xe này đến đường xe khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác tại thành Vương Xá, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

*Cư sĩ có trí này,
Chắc hướng nhiều công đức,
Đã cúng dường tâm y,
Dâng cúng lên Cirà,
Một vị đã giải thoát,
Tất cả mọi khổ ách.*

XII. Alava (S.i,218)

- 1) Như vậy tôi nghe.
 - Một thời Thé Tôn trú ở Elavi, tại trú xứ của Dạ-xoa Alavakka.
 - 2) Rồi Dạ-xoa Alavaka nói với Thé Tôn:
- Này Sa-môn, hãy đi ra!

-- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi ra.

-- Nay Sa-môn, hãy đi vào.

-- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi vào.

3) Lần thứ hai, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

-- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

-- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi ra.

-- Nay Sa-môn, hãy đi vào.

-- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi vào.

4) Lần thứ ba, Dạ-xoa Alavika nói với Thế Tôn:

-- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

-- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi ra.

-- Nay Sa-môn, hãy đi vào.

-- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi vào.

5) Lần thứ tư, Dạ-xoa Alavika nói với Thế Tôn:

-- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

6) -- Nay Hiền giả, Ta không đi ra. Hãy làm gì Ông nghĩ là phải làm.

7) -- Nay Sa-môn, ta sẽ hỏi Ông một câu hỏi. Nếu Ông không trả lời ta được, ta sẽ làm tâm Ông điên loạn, hay ta làm Ông bể tim, hay ném lấy chân, ta sẽ quăng Ông qua bờ bên kia sông Hằng.

8) -- Nay Hiền giả, Ta không thấy một ai, ở thế giới chư Thiên, Ma giới hay Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người có thể làm tâm Ta điên loạn, hay làm bể tim Ta hay

nắm lấy chân, quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, hãy hỏi đi như Ông muốn.

9) (Đạ-xoa):

*Cái gì đói người đói,
Là tài sản tối thương?
Cái gì khéo hành trì,
Đem lại chọn an lạc?
Cái gì giữa các vị,
Là vị ngọt tối thương?
Phải sống như thế nào,
Được gọi sống tối thương?*

10) (Thê Tôn):

*Lòng tin đói người đói,
Là tài sản tối thương.
Chánh pháp khéo hành trì,
Đem lại chọn an lạc.
Chân lý giữa các vị,
Là vị ngọt tối thương.
Phải sống với trí tuệ,
Được gọi sống tối thương.*

11) (Đạ-xoa):

*Làm sao vượt bộc lulu?
Làm sao vượt biển lớn?
Làm sao siêu khổ não?
Làm sao được thanh tịnh?*

12) (Thê Tôn):

*Với tín, vượt bộc lulu.
Không phóng dật, vượt biển.
Tinh tân, siêu khổ não.
Với Trí, được thanh tịnh.*

13) (Đạ-xoa):

*Làm sao được trí tuệ?
Làm sao được tài sản?
Làm sao đạt danh xưng?
Làm sao kết bạn hữu?
Đời này qua đời khác,
Làm sao không sâu khổ?*

14) (Thê Tôn):

Ai tin tưởng Chánh pháp

*Của bậc A-la-hán,
Pháp ấy khiến đạt được,
Niết-bàn (chọn an lạc),
Khéo học, không phóng dật,
Minh nhẫn khéo phân biệt,
Nhờ hành trì như vậy,
Vị ấy được trí tuệ.
Làm gì khéo thích hợp,
Gánh vác các trách nhiệm,
Phản chấn, thích hoạt động,
Như vậy được tài sản,
Chọn thật đạt danh xưng,
Bồ thí kết bạn hữu,
Đời này qua đời khác,
Như vậy không sầu khổ.
Tín nam gia chủ nào,
Tim cầu bốn pháp này,
Chọn thực và ché ngự,
Kiên trì và xả thí,
Vị ấy sau khi chết,
Không còn phải sầu khổ.
Đời này qua đời khác,
Sau chết, không sầu khổ.
Ta muốn Ông đến hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Có những pháp nào khác,
Tốt hơn bốn pháp này:
Chọn thực và ché ngự,
Xả thí và kham nhẫn.*

15) (Dạ-xoa):

*Làm sao nay ta hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Khi nay ta được biệt,
Nguyên nhân của đời sau.
Phật đến Alavi,
Thật lợi ích cho ta.
Nay ta được biệt rõ,
Cho gì được quả lớn.
Nên ta sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đánh lê Phật Chánh Giác,
Cùng đánh lê Chánh pháp,
Các vị chứng Pháp tánh.*

CHƯƠNG XI
11. TUƯƠNG ƯNG SAKKA

Phẩm Thứ Nhất

I. Suvīra (S.i,216)

1) **N**hư vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo:

"-- Này các Tỷ-kheo." -- Bạch Thέ Tôn. Các vị Tỷ-kheo áy vâng đáp Thέ Tôn.

3) Thέ Tôn nói như sau:

4) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các Asùra (A-tu-la) tấn công Thiên chủ. Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi Thiên tử Suvīra:

" -- Này Suvīra thân yêu, các Asùra áy tấn công chư Thiên. Này Suvīra thân yêu, hãy đi nghênh đánh các Asùra".

" -- Thura vâng, Tôn giả".

Này các Tỷ-kheo, Thiên tử Suvīra vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

5) Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi Thiên tử Suvīra:

" -- Này Suvīra thân yêu, các Asùra áy tấn công chư Thiên. Này Suvīra thân yêu, hãy đi nghênh đánh các Asùra".

" -- Thura vâng, Tôn giả"

Này các Tỷ-kheo, Thiên tử Suvīra vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

6) Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi Thiên tử Suvīra:

" -- Này Suvīra thân yêu, các Asùra áy tấn công chư Thiên. Này Suvīra thân yêu, hãy đi nghênh đánh các Asùra."

" -- Thura vâng, Tôn giả."

Này các Tỷ-kheo, Thiên tử Suvīra vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật không chịu làm gì.

7) Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với Thiên tử Suvīra:

*Không nỗ lực, tinh cần,
Vẫn đạt được an lạc,*

*Suvīra hãy đi,
Giúp ta đạt pháp áy.*

8) (Suvīra):

*Kẻ nhác, không nỗ lực,
Và không làm việc gì,
Mọi ước vọng thành đạt,
Hướng tối thượng là gì?
(Này Sakka).*

9) (Sakka):

*Kẻ nhác, không nỗ lực,
Chúng được tối hậu lạc.
Suvīra hãy đi,
Giúp ta đạt pháp áy.*

10) (Suvīra):

*Này Thiên chủ Sakka,
Không làm, chúng lạc áy,
Không sầu, không nhiệt não,
Hướng tối thượng là gì?
(Này Sakka).*

11) (Sakka):

*Nếu không có làm gì,
Thời không có tái sanh,
Đường áy hướng Niết-bàn.
Suvīra, hãy đi,
Giúp ta đạt pháp áy.*

12) Nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka áy, sống nhờ quả công đức của mình, trị vì và cai trị chư Thiên ở Tam thập tam thiên, sẽ là người tán thán nỗ lực và tinh tấn. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, các Ông làm cho sáng chói, vị áy khi các Ông xuất gia trong pháp luật khéo thuyết như vậy, nỗ lực, tinh cần hay tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ.

II. Susīma (S.i,217)

1) Trú ở Sàvatthi, tại Jetavana.

2) Rồi Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo: "-- Nay các Tỷ-kheo." "-- Bạch Thέ Tôn". Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thέ Tôn.

3) Thέ Tôn nói như sau:

4) -- Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa các A-tu-la tấn công chư Thiên. Rồi nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi Thiên tử Susīma:

" -- Này Susìma thân yêu, các A-tu-la áy tấn công chư Thiên. Này Susìma thân yêu, hãy đi nghênh đánh các A-tu-la."

-- Thưa vâng, Tôn giả."

Này các Tỷ-kheo, Thiên tử Susìma vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

5) Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi Thiên tử Susìma... nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

6) Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi Thiên tử Susìma... nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

7) Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với Thiên tử Susìma:

*Không nỗ lực tinh cần,
Vẫn đạt được an lạc,
Susìma hãy đi,
Giúp ta đạt pháp áy.*

8) (Susìma):

*Kẻ nhác không nỗ lực,
Và không làm được gì,
Mọi dục (Kàma) đều thành đạt,
Hướng tối thượng là gì?
(Này Sakka)*

9) (Sakka):

*Kẻ nhác không nỗ lực,
Chúng được tối hậu lạc,
Susìma hãy đi,
Giúp ta đạt pháp áy.*

10) (Susìma):

*Này Thiên chủ Sakka,
Không làm, chúng lạc áy,
Không sầu, không nhiệt não,
Hướng tối thượng là gì?
(Này Sakka).*

11) (Sakka):

*Nếu không có làm gì,
Thời không có tái sanh,
Đường áy hướng Niết-bàn,
Susìma, hãy đi,
Giúp ta đạt quả áy.*

12) Nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka áy, sống nhờ quả công đức của mình, trị vì và cai trị chư Thiên ở Tam thập tam thiên, sẽ là người tán thán, nỗ lực và tinh tấn. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, các Ông làm cho sáng chói vị áy khi các Ông xuất gia trong pháp luật khéo thuyết như vậy, nỗ lực, tinh cần, tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng những gì chưa chứng, để ngộ những gì chưa ngộ.

III. Dhajaggam: Đầu Lá Cờ (S.i,218)

- 1) (Thέ Tôn) trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.
- 2) Rồi Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo: "-- Nay các Tỷ-kheo." "-- Thưa vâng, bạch Thέ Tôn." Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thέ Tôn.
- 3) Thέ Tôn nói như sau:
- 4) -- Thuở xưa, nay các Tỷ-kheo, một cuộc chiến dữ dội khởi lên giữa chư Thiên và các Asùra.
- 5) Rồi nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi chư Thiên ở Tam thập tam thiên:
 " -- Nay thân hữu, khi các Ông lâm chiến, nếu sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên; lúc áy, các Ông hãy nhìn lên đầu ngọn cờ của ta. Khi các Ông nhìn lên đầu ngọn cờ của ta, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược sẽ tiêu diệt.
- 6) Nếu các Ông không ngó lên đầu ngọn cờ của ta, thời hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajàpati. Khi các Ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajàpati, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, cũng sẽ tiêu diệt.
- 7) Nếu các Ông không ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajàpati, hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuna. Khi các Ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên cũng sẽ tiêu diệt.
- 8) Nếu các Ông không ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuna, hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Isàna. Khi các Ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Isàna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, cũng sẽ tiêu diệt."
- 9) Nay các Tỷ-kheo, khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên chủ Sakka, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajàpati, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuna, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Isàna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược được khởi lên, có thể sẽ biến diệt và sẽ không biến diệt.
- 10) Vì cớ sao? Nay các Tỷ-kheo, vì Thiên chủ Sakka chưa đoạn diệt tham, chưa đoạn diệt sân, chưa đoạn diệt si, còn nhát gan, hoảng hốt, hoảng sợ, hoảng chạy.
- 11) Và nay các Tỷ-kheo, Ta nói như sau: Nay các Tỷ-kheo, khi các Ông đi vào rừng, đi đến gốc cây hay đi đến nhà trống, nếu run sợ, hoảng hốt, hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, trong khi ấy hãy niệm nhớ đến Ta: "Ngài là Thέ Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thέ Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thέ Tôn".
- 12) Nay các Tỷ-kheo, khi các Ông niệm nhớ đến Ta, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, sẽ được tiêu diệt.

13) Nếu các Ông không niệm nhớ đến Ta, hãy niệm nhớ đến Pháp: "Đây là Pháp do Thέ Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả túc thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu."

14) Nay các Tỷ-kheo, khi các Ông niệm nhớ đến Pháp, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ tiêu diệt.

15) Nếu các Ông không niệm nhớ đến Pháp, hãy niệm nhớ đến chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thέ Tôn là bậc Thiện hạnh; chúng Tăng đệ tử Thέ Tôn là bậc Trực hạnh; chúng Tăng đệ tử Thέ Tôn là bậc Chánh hạnh; chúng Tăng đệ tử Thέ Tôn là bậc Như pháp hạnh, túc là bốn đôi, tám chúng. Chúng Tăng đệ tử này của Thέ Tôn đáng được cúng dường, đáng được hiến dâng, đáng được bố thí, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở trên đời."

16) Nay các Tỷ-kheo, khi các Ông niệm nhớ đến chúng Tăng, thời sợ hãi, hoảng hốt, hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ tiêu diệt.

17) Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, Nhu Lai, bậc Úng Cúng, Chánh Biến Tri đã ly tham, ly sân, ly si, không nhát gan, không hoảng hốt, không hoảng sợ, không hoảng chạy.

18) Thέ Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói vậy xong, bậc Đạo Sư nói tiếp:

*Này các vị Tỷ-kheo,
Trong rừng hay gốc cây,
Hay tại căn nhà trống,
Hãy niệm bậc Chánh Giác.
Các Ông có sợ hãi,
Sợ hãi sẽ tiêu diệt.
Nếu không tư niệm Phật,
Tôi thương chủ ở đời,
Và cũng là Nguru vương,
Trong thế giới loài Người,
Vậy hãy tư niệm Pháp,
Hướng thượng, khéo tuyên thuyết.
Nếu không tư niệm Pháp,
Hướng thượng, khéo tuyên thuyết,
Vậy hãy tư niệm Tăng,
Là phước điền vô thượng.
Vậy này các Tỷ-kheo,
Như vậy tư niệm Phật,
Tư niệm Pháp và Tăng,
Sợ hãi hay hoảng hốt,
Hay lông tóc dựng ngược,
Không bao giờ khởi lên.*

IV. Vepacitti hay Kham Nhã (S.i,220)

1) Tại Sàvatthi, Jetavana... (như trên)...

2) Thέ Tôn thuyết như sau:

3) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, cuộc chiến xảy ra giữa chư Thiên và các Asura, rất là khốc liệt.

4) Nay các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các A-tu-la gọi các A-tu-la:

-- Nay Thiên hữu, trong cuộc chiến đang khởi lên giữa chư Thiên và loài A-tu-la, rất là khốc liệt, nếu các A-tu-la thắng và chư Thiên bại, hãy trói Thiên chủ Sakka (hai tay, hai chân) và thứ năm là cổ và dắt vị ấy đến trước mặt ta, trong thành của các A-tu-la."

5) Còn Thiên chủ Sakka gọi chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

-- Nay Thiên hữu, trong trận chiến giữa chư Thiên và các loài A-tu-la, trận chiến rất khốc liệt, nếu chư Thiên thắng và các loài A-tu-la bại, hãy trói Vepacitti, vua các A-tu-la (hai tay, hai chân) thứ năm là cổ, và dắt vị ấy lên trước mặt ta, trong giảng đường Sudhamma (Thiện Pháp)".

6) Nhưng này các Tỷ-kheo trong trận chiến áy chư Thiên thắng và các loài A-tu-la bại.

7) Rồi này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở Tam thập tam thiên trói A-tu-la vương Vepacitti, trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, rồi dẫn đến trước mặt Thiên chủ Sakka, trong giảng đường Sudhamma.

8) Tại đây, này các Tỷ-kheo, vua các A-tu-la, Vepacitti bị trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, khi Thiên chủ Sakka đi vào và đi ra khỏi giảng đường Sudhamma, nheiếc mắng, mạ lị Thiên chủ Sakka với những lời thô ác, độc ngữ.

9) Rồi này các Tỷ - kheo, người đánh xe Matali nói lên những bài kệ với Thiên chủ Sakka:

*Này Thiên chủ Sakka,
Có phải là Ông sợ,
Hay vì Ông yếu hèn,
Nên mới phải kham nhẫn,
Khi Ông nghe ác ngữ,
Tù Vepacitti?*

10) (Sakka):

*Không phải vì sợ hãi,
Không phải vì yếu hèn,
Mà ta phải kham nhẫn,
Với Vepacitti.
Sao kẻ trí như ta,
Lại liên hệ người ngu?*

11) (Matali):

*Kẻ ngu càng nổi khùng,
Nếu không người đối trí,
Vậy với hình phạt nặng,
Kẻ trí trí người ngu.*

12) (Sakka):

*Như vậy theo ta nghĩ,
Chỉ đổi trí người ngu,
Biết kẻ khác phẫn nộ,
Giữ niệm tâm an tịnh.*

13) (Màtali):

*Hỡi này Vásana,
Sự kham nhẫn như vậy,
Ta thấy là lỗi làm,
Khi kẻ ngu nghĩ rằng:
"Vì sợ ta, nó nhẫn"
Kẻ ngu càng hăng tiết,
Như bò thấy người chạy,
Càng hung hăng đuổi dài.*

14) (Sakka):

*Hãy để nó suy nghĩ,
Như ý nó mong muốn,
Nghĩ rằng, ta kham nhẫn,
Vì ta sợ hãi nó.
Trong tư lợi tối thượng,
Không gì hơn kham nhẫn.
Người đầy đủ sức mạnh,
Chịu nhẫn người yếu kém,
Nhẫn ấy gọi tối thượng,
Thường nhẫn kẻ yếu hèn.
Sức mạnh của kẻ ngu,
Được xem là sức mạnh,
Thời sức mạnh kẻ mạnh,
Lại được gọi yếu hèn.
Người mạnh hộ trì pháp,
Không nói lời phản ứng,
Bị mắng nhiếc, mắng lại,
Ác hại nặng nề hơn.
Bị mắng, không mắng lại,
Được chiến thắng hai lần.
Sống lợi ích cả hai,
Lợi mình và lợi người,
Biết kẻ khác tức giận,
Giữ niệm, tâm an tịnh,
Là y sĩ cả hai,
Chữa mình và chữa người,
Quần chúng nghĩ là ngu,
Vì không giỏi Chánh pháp.*

15) Nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka ấy đã tự nuôi sống với quả công đức của mình, đã ngự trị và cai trị chư Thiên Tam thập tam thiên, sẽ nói lời tán thán nhẫn nhục và nhu hòa.

16) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, các Ông hãy làm chói sáng pháp luật này bằng cách trong khi xuất gia

trong pháp và luật khéo giảng này, hãy thật hành kham nhẫn và nhu hòa.

V. Thắng Lợi Nhờ Thiện Ngữ (S.i,222)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, một trận chiến kịch liệt xảy ra giữa chư Thiên và các Asura.

3) Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các A-tu-la, nói với Thiên chủ Sakka:

" -- Nay Thiên chủ, hãy chấp nhận, ai khéo nói, người ấy thắng."

" -- Nay Vepacitti, ta chấp nhận, ai khéo nói, người ấy thắng."

4) Rồi này các Tỷ-kheo, chư Thiên và các Asura sắp các hội chúng và nói:

" -- Hội chúng này sẽ phán đoán ai khéo nói, ai không khéo nói."

5) Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các A-tu-la, nói với Thiên chủ Sakka:

-- Nay Thiên chủ, hãy nói lên bài kệ".

6) Được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với Vepacitti, vua các A-tu-la:

-- Nay Vepacitti, ở đây, Ông là vị Thiên lớn tuổi hơn. Nay Vepacitti, hãy nói lên bài kệ".

7) Khi được nói vậy, này các Tỷ-kheo, vua các A-tu-la, Vepacitti nói lên bài kệ này:

*Kẻ ngu càng nổi khùng
Nếu không người đối trị,
Vậy với hình phạt nặng,
Kẻ trí tri người ngu.*

8) Nay các Tỷ-kheo, các A-tu-la tán thán bài kệ của Vepacitti, vua các A-tu-la. Còn chư Thiên thời im lặng.

9) Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các A-tu-la, nói với Thiên chủ Sakka:

-- Nay Thiên chủ, hãy nói lên bài kệ".

10) Khi được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ này:

*Như vậy theo ta nghĩ,
Chỉ chế ngự người ngu,
Biết kẻ khác phản nộ,
Giữ niệm, tâm an tĩnh.*

11) Nay các Tỷ-kheo, chư Thiên tán thán bài kệ của Thiên chủ Sakka, còn các A-tu-la thời im lặng.

12) Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với Vepacitti, vua các A-tu-la:

"-- Này Vepacitti, hãy nói lên bài kệ"

(Vepacitti):

*Hỡi này Vāsava,
Sự kham nhẫn như vậy,
Ta thấy là lầm lỗi,
Khi kẻ ngu nghĩ rằng:
"Vì sợ ta, nó nhẫn".
Kẻ ngu càng hăng tiết,
Như bò thấy người chạy,
Càng hung hăng đuổi dài.*

13) Này các Tỷ-kheo, các A-tu-la tán thán bài kệ của Vepacitti, vua các A-tu-la, còn chư Thiên thời im lặng.

14) Rồi Vepacitti, vua các A-tu-la, nói với Thiên chủ Sakka:

"-- Này Thiên chủ, hãy nói lên bài kệ".

15) Khi được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ này:

*Hãy để nó suy nghĩ,
Như ý nó mong muốn,
Nghĩ rằng ta kham nhẫn,
Vì ta sợ hãi nó.
Trong tư lợi tối thượng,
Không gì hơn kham nhẫn.
Người đầy đủ sức mạnh,
Chịu nhẫn người yếu kém,
Nhẫn áy gọi tối thượng.
Thường nhẫn kẻ yếu hèn,
Sức mạnh của kẻ ngu,
Được xem là sức mạnh,
Thời sức mạnh kẻ mạnh,
Lại được gọi yếu hèn.
Người mạnh hộ trì pháp,
Không nói lời phản ứng.
Bị mắng, nhiếc mắng lại,
Sẽ hại nặng nề hơn.
Bị mắng, không mắng lại,
Được chiến thắng hai lần.
Sóng lợi ích cả hai,
Lợi mình và lợi người,
Biết kẻ khác tức giận,
Giữ niệm, tâm an tĩnh,
Là y sĩ cả hai,
Chữa mình và chữa người,*

*Quần chúng nghĩ là ngu,
Vì không giỏi Chánh pháp.*

- 16) Nay các Tỷ-kheo, chư Thiên tán thán bài kệ của Thiên chủ Sakka, còn các A-tu-la thời im lặng.
- 17) Rồi này các Tỷ-kheo, hội chúng chư Thiên và A-tu-la nói như sau:
- 18) "Những bài kệ của Vepacitti, vua các A-tu-la, nói lên là những lời bạo lực, những lời đao kiém, đưa đến đấu tranh, bất hòa, gây hấn.
- 19) "Còn những bài kệ, Thiên chủ Sakka nói lên là những lời không thuộc bạo lực, những lời không thuộc đao kiém, không đưa đến đấu tranh, không đưa đến bất hòa, không đưa đến gây hấn, thắng lợi đã về Thiên chủ Sakka, nhờ khéo nói".
- 20) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, thắng lợi về Thiên chủ Sakka nhờ khéo nói.

VI. Tỗ Chim (S.i,224)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) -- Thuở xưa, nay các Tỷ-kheo, giữa chư Thiên và các A-tu-la, xảy ra cuộc chiến rất ác liệt.
- 3) Nay các Tỷ-kheo, trong cuộc chiến ấy, các A-tu-la thắng trận, chư Thiên bại trận.
- 4) Nay các Tỷ-kheo, chư Thiên bại trận thời lui về phương Bắc, còn các A-tu-la đuổi theo họ.
- 5) Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với người đánh xe Matali:

*Hỡi này Matali,
Hãy giữ cho gọng xe,
Tránh khỏi các tổ chim,
Giữa các cây bông gòn.
Thà trao mạng sống ta,
Cho các A-tu-la,
Còn hơn khién các chim,
Trở thành không tổ ám.*

- 6) "-- Thưa vâng, Tôn giả".

Nay các Tỷ-kheo, người đánh xe Matali vâng đáp Thiên chủ Sakka, liền đánh xe trở lui, cỗ xe có ngàn con tuấn mã kéo.

- 7) Rồi này các Tỷ-kheo, các A-tu-la suy nghĩ: "Nay cỗ xe có ngàn con tuấn mã kéo của Thiên chủ Sakka đã trở lui. Lần thứ hai, chư Thiên sẽ tiến đánh các A-tu-la". Nghĩ vậy, họ sợ hãi lui vào trong thành phố A-tu-la.

- 8) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka lại thắng trận, nhờ theo Chánh pháp.

VII. Không Gian Trá (S.i,225)

- 1) Ở Sàvatthi.
- 2) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka trong khi Thiền tịnh độc cư, khởi lên ý nghĩ sau đây: "Dầu ai là kẻ thù của ta. Đối với họ, ta không có gian trá".
- 3) Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các A-tu-la, với tâm của mình biết tâm của Thiên chủ Sakka, liền đi đến Thiên chủ Sakka.
- 4) Nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka thấy Vepacitti, vua các A-tu-la, từ xa đi đến, thấy vậy liền nói với vua A-tu-la:

"--Hãy đứng lại, này Vepacitti, Ông đã bị bắt".

- 5) "-- Nay Thân hữu, tâm của Ông trước như thế nào, chó có bỏ tâm ấy".
- 6) "-- Nay Vepacitti, Ông có thể thề: 'Ta không bao giờ gian trá'".

7) (Vepacitti):

*Ác báo do vọng ngôn,
Ác báo do báng Thánh,
Ác báo do phản bạn,
Ác báo do vong ân.
Này Sujampati,
Ai gian trá với Ông,
Người ấy sẽ thọ lãnh,
Các quả báo như vậy.*

VIII. Vua A-Tu-La Verocana hay Mục Đích (S.i,225)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang nghỉ trưa và ngồi Thiền tịnh.
- 3) Rồi Thiên chủ Sakka và A-tu-la vương Verocana vua các A-tu-la, đi đến Thế Tôn; sau khi đến liền đứng, mỗi người dựa vào một cột cửa.
- 4) Rồi A-tu-la Verocana, vua các A-tu-la, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Mọi người phải tinh tấn,
Cho đến đích thành tựu.
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiêu diệu chói sáng,
Chính Verocana,
Đã nói lời như vậy.*

5) (Sakka):

*Mọi người phải tinh tấn,
Cho đến đích thành tựu.*

*Khi mục đích thành tựu,
Thời chiêu diệu chói sáng,
Không gì tốt đẹp hơn,
So sánh với kham nhẫn.*

6) (Verocana):

*Tất cả loại chúng sanh,
Tự có mục đích mình,
Tại chỗ này, chỗ kia,
Tùy theo sự thích ứng.
Món ăn khéo chế biến,
Làm thỏa mãn mọi loài,
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiêu diệu chói sáng,
Chính Verocana
Đã nói lời như vậy.*

7) (Sakka):

*Tất cả loại chúng sanh,
Tự có mục đích mình,
Tại chỗ này, chỗ kia,
Tùy theo sự thích ứng.
Món ăn khéo chế biến,
Làm thỏa mãn mọi loài,
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiêu diệu chói sáng,
Không gì tốt đẹp hơn,
So sánh với kham nhẫn.*

IX. Các Ân Sĩ Ở Rừng hay Hương (S.i.226)

1) Ở Sàvatthi.

2) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có nhiều ân sĩ trì giới, tánh hiền thiện, sống cùng nhau trong những chòi lá trong rừng.

3) Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka và Vepacitti, vua các A-tu-la, đi đến các vị ân sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy.

4) Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các A-tu-la, sau khi mang giày ống (hia), cầm đao kiếm, có lọng che, đi vào am thất bằng cửa chính, miệt thị và phạm thượng các vị ân sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy.

5) Nay các Tỷ-kheo, còn Thiên chủ Sakka thời cởi giày ống, giao kiếm cho người khác, xếp lọng, đi vào am thất bằng cửa phụ, đứng phía sau các ân sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, chấp tay vái chào.

6) Nay các Tỷ-kheo, các vị ân sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy nói lên bài kệ với Thiên chủ Sakka:

Mùi hương các ân sĩ,

*Đã lâu ngày tu hành,
Xuất phát từ thân họ,
Được gió thổi mang đi,
Từ đó thổi đến người.
Ôi vị có ngàn mắt,
Mùi hương các ẩn sĩ,
Không được cho thanh tịnh,
Này vị vua chư Thiên.*

7) (Sakka):

*Mùi hương các ẩn sĩ,
Đã lâu ngày tu hành,
Xuất phát từ thân họ,
Hãy được gió mang đi,
Như vòng hoa nhiều loại,
Được trang sức trên đầu.
Chư Tôn giả, chúng tôi,
Ước mong được hương ấy,
Không gì ở nơi đây,
Làm chư Thiên ghê tởm.*

X. Ẩn Sĩ Ở Bờ Biển hay Sambara (S.i,227)

1) Ở Sàvatthi.

2) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có nhiều vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện, sống cùng nhau ở trong những chòi lá, trên bờ biển.

3) Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, một trận chiến xảy ra giữa chư Thiên và các A-tu-la rất ác liệt.

4) Nay các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy suy nghĩ như sau: "Chư Thiên sống như pháp, các A-tu-la sống phi pháp. Chúng ta có thể nguy hiểm từ phía A-tu-la. Vậy chúng ta hãy đi đến A-tu-la vương Sambara và xin được bảo đảm vô úy".

5) Nay các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, như nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất trong các chòi lá trên bờ biển và hiện ra trước mặt A-tu-la vương Sambara.

6) Nay các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy nói lên bài kệ với A-tu-la vương Sambara:

7)

*Các ẩn sĩ chúng tôi,
Đến với Sambara,
Để xin Ngài bảo đảm,
Thí cho sự vô úy.
Hãy làm như Ngài muốn,
Hãy thí cho chúng tôi,
Những người đang sơ hãi,*

Được khôi phái sơ hãi.

8) (Sambara):

*Ân sỹ như các Ông,
Không thể có vô úy,
Đã phục vụ Sakka,
Vị trí không tốt lành,
Các Ông xin vô úy,
Ta cho sự sơ hãi.*

9) (Các ân sỹ):

*Chúng tôi xin vô úy,
Ông lại cho sơ hãi,
Ta nhận vậy từ Ông,
Trọn đời, Ông sơ hãi!
Tùy hột giống đã gieo,
Ông gặt quả như vậy.
Làm thiện được quả thiện,
Làm ác bị quả ác,
Giống đã gieo và trồng,
Ông sẽ hưởng kết quả.*

10) Nay các Tỷ-kheo, các vị ân sỹ trì giới, tánh hiền thiện áy, sau khi thót lời chú nguyện chống A-tu-la vương Sambara, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, liền biến mất trước mặt A-tu-la vương Sambara và hiện ra trong các chòi lá trên bờ biển.

11) Nay các Tỷ-kheo, A-tu-la vương Sambara, bị các ân sỹ trì giới, tánh hiền thiện áy chú nguyện như vậy, trong đêm áy thức dậy hoảng hốt ba lần.

II. Phẩm Thứ Hai

I. Chư Thiên Hay Cấm Giới (S.i,228)

1) Tại Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn làm người, vị này chấp trì và thật hành bảy cấm giới túc. Nhờ chấp trì bảy cấm giới túc này, Sakka được địa vị Sakka.

3) Bảy cấm giới túc là gì?

4) "Cho đến trọn đời, tôi hiếu dưỡng cha mẹ. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng gia trưởng. Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, tôi không nói lời hai lưỡi. Cho đến trọn đời, với tâm ly cầu uế và xan tham, tôi sống trong gia đình với tâm bồ thí, với tay sạch sẽ, hoan hỷ thí xả, nhiệt tình đáp ứng các yêu cầu, sung sướng phân phối vật bồ thí. Cho đến trọn đời, tôi nói lời chân thực. Cho đến trọn đời, tôi không phẫn nộ, nếu tôi có phẫn nộ, tôi sẽ mau chóng dẹp trừ phẫn nộ áy".

5) Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn làm người, vị này chấp trì và thật hành bảy cấm giới túc. Nhờ chấp trì bảy cấm giới túc này, Sakka được địa vị Sakka.

6)

*Ai hiếu dưỡng cha mẹ,
Kính trọng bậc gia trưởng,
Nói những lời nhu hòa,
Từ bỏ lời hai lưỡi,
Ché ngự lòng xan tham,
Là con người chân thực,
Nhiếp phục được phẫn nộ,
Với con người như vậy,
Chư Thiên tam thập tam,
Gọi là bậc Chơn nhơn.*

II. Chư Thiên (S.i,229)

- 1) Ở Sàvatthi, Jetavana.
- 2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:
- 3) -- Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy là một thanh niên Bà-la-môn tên là Magha, do vậy được gọi là Maghavà.
- 4) Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí từ thành này qua thành khác, do vậy được tên là Purindado.
- 5) Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí một cách trọn vẹn (Sakkaccam), do vậy được tên là Sakka.
- 6) Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí trú xứ, do vậy được tên là Vàsavo.
- 7) Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy có thể trong một thời gian rất ngắn suy nghĩ đến ngàn sự việc, do vậy được tên là Sahassa akkha (ngàn con mắt).
- 8) Nay các Tỷ-kheo, Sakka trở thành người chồng của một thiếu nữ A-tu-la tên là Sujà, do vậy được tên là Sujampati.
- 9) Nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka thống lãnh và trị vì Tam thập tam thiên, do vậy được gọi là Thiên chủ.
- 10) Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn làm người, vị này chấp trì và thật hành bảy cấm giới túc. Nhờ chấp trì bảy cấm giới túc này, Sakka được địa vị Sakka.
- 11) Thế nào là bảy cấm giới túc?

"Cho đến trọn đời, tôi hiếu dưỡng cha mẹ. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng bậc gia trưởng. Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, tôi không nói lời hai lưỡi. Cho đến trọn đời, với tâm ly cầu uế và xan tham, tôi sống trong gia đình với tâm bố thí, với tay sạch sẽ, hoan hỷ thí xả, nhiệt tình đáp ứng các yêu cầu, sung sướng phân phối vật bố thí. Cho đến trọn đời, tôi nói lời chân thật. Cho đến trọn đời, tôi không phẫn nộ, nếu tôi có phẫn nộ, tôi sẽ mau chóng dẹp trừ phẫn nộ ấy".

12) Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thật hành bảy cẩm giới túc. Nhờ chấp trì bảy cẩm giới túc này, Sakka được địa vị Sakka.

*Ai hiếu dưỡng cha mẹ,
Kính trọng bậc gia trưởng,
Nói những lời nhu hòa,
Từ bỏ lời hai lưỡi,
Ché ngụ lòng xan tham,
Là con người chân thực,
Nhiếp phục được phẫn nộ,
Với con người như vậy,
Chư Thiên tam thập tam,
Gọi là bậc Chon nhon.*

III. Chư Thiên (S.i,230)

- 1) Như vậy tôi nghe.
- 2) Một thời Thé Tôn ở Vesàli, Đại Lâm tại Trùng Các giảng đường.
- 3) Rồi Mahàli, người Licchavi, đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.
- 4) Ngồi xuống một bên, Mahàli, người Licchavi bạch Thé Tôn:
 - Bạch Thé Tôn, Thé Tôn có thấy Thiên chủ Sakka không?
- 5) -- Nay Mahàli, Ta có thấy Thiên chủ Sakka.
- 6) -- Bạch Thé Tôn, có thể vị ấy tương tự giống Sakka. Bạch Thé Tôn, thật khó thấy Thiên chủ Sakka.
- 7) -- Nay Mahàli, Ta biết Sakka và các pháp tác thành Sakka. Chính do chấp trì các pháp ấy, Sakka được địa vị Sakka. Và Ta biết các pháp ấy.
- 8) Nay Mahàli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy là một thanh niên Bà la môn tên là Magha, do vậy được gọi là Maghavà.
- 9) Nay Mahàli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí từ thành này qua thành khác, do vậy được gọi là Purtindado.
- 10) Nay Mahàli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí một cách trọn vẹn, do vậy được gọi là Sakka.
- 11) Nay Mahàli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí trú xứ, do vậy được gọi là Vàsavo.
- 12) Nay Mahàli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy có thể trong một thời gian rất ngắn, suy nghĩ đến ngàn sự việc, do vậy được gọi là Sahassa akkha (một ngàn con mắt).
- 13) Nay Mahàli, Sakka trở thành người chồng của một thiếu nữ A-tu-la là Sujà, do vậy được gọi là Sujampati.

- 14) Nay Mahàli, Thiên chủ Sakka thống lãnh và trị vì Tam thập tam thiên, do vậy được gọi là Thiên chủ.
- 15) Nay Mahàli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thật hành bảy cấm giới túc. Nhờ chấp trì bảy cấm giới túc, Sakka được địa vị Sakka.

16) Thế nào là bảy cấm giới túc?

"Cho đến trọn đời, tôi hiếu dưỡng cha mẹ. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng bậc gia trưởng. Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, tôi không nói lời hai lưỡi. Cho đến trọn đời, với tâm ly cầu uế và xan tham, tôi sống trong gia đình với tâm bồ thí, với tay sạch sẽ, hoan hỷ thí xả, nhiệt tình đáp ứng các yêu cầu, sung sướng phân phối vật bồ thí. Cho đến trọn đời, tôi nói lời chân thật. Cho đến trọn đời, tôi không phẫn nộ; nếu tôi có phẫn nộ, tôi sẽ mau chóng dẹp trừ phẫn nộ".

- 17) Nay Mahali, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thật hành bảy cấm giới túc. Nhờ chấp trì bảy cấm giới túc này, Sakka được địa vị Sakka.

*Ai hiếu dưỡng cha mẹ,
Kính trọng bậc gia trưởng,
Nói những lời nhu hòa,
Từ bỏ lời hai lưỡi,
Ché ngự lòng xan tham,
Là con người chân thực,
Nhiếp phục được phẫn nộ,
Với con người như vậy,
Chư Thiên tam thập tam,
Gọi là bậc Chơn nhơn.*

IV. Người Nghèo (S.i,231)

- 1) Một thời Thệ Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chổ nuôi dưỡng các con sóc.
- 2) Rồi Thệ Tôn gọi các Tỷ kheo: "-- Nay các Tỷ-kheo."
- 3) "-- Thưa vâng, bạch Thệ Tôn." Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thệ Tôn.
- 4) Thệ Tôn nói như sau:
- 5) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, một người ở tại thành Vương Xá này; người ấy nghèo khổ, bần cùng, khốn khổ.
- 6) Người ấy chấp trì lòng tin trong pháp luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp thi, chấp trì tuệ.
- 7) Người ấy do chấp trì lòng tin trong pháp luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp thi, chấp trì tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh thiện thú, thiên giới, đời này và cộng trú với chư Thiên Tam thập tam thiên. Vì ấy chói sáng hơn chư Thiên khác về dung sắc và danh tiếng.
- 8) Ở đây, này các vị Tỷ-kheo, chư Thiên ở Tam thập tam thiên bực túc, chán ghét, phẫn uất: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Thiên tử này thuở xưa làm người nghèo khổ, bần cùng, khốn khổ. Người

Ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, đời này và cọng trú với chư Thiên Tam thập tam thiên. Vị ấy chói sáng hơn chư Thiên khác về dung sắc và danh tiếng."

9) Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi chư Thiên ở Tam thập tam thiên: "Này chư Thân hữu, chớ có bực tức với vị Thiên tử này. Này chư Thân hữu, vị Thiên tử này trước kia làm người, chấp trì lòng tin trong pháp luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp trì thí, chấp trì tuệ; người ấy do chấp trì lòng tin trong pháp luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp trì thí, chấp trì tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh thiện thú, thiên giới, đời này và cọng trú với chư Thiên Tam thập tam thiên. Vị ấy chói sáng hơn chư Thiên khác về dung sắc và danh xưng".

10) Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka để làm hòa dịu chư Thiên ở Tam thập tam thiên, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

*Ai tín thành Như Lai,
Bất động, khéo an trú,
Ai giữ giới thuần thiện,
Được bậc Thánh tán thán.
Ai tín thành chúng Tăng,
Chon trực và chánh kiến,
Được gọi: "Không phải nghèo",
Đời sống không hư vọng.
Do vậy người có trí,
Phải kiên trì Phật giáo,
Tín thành và trì giới,
Trí kiến đúng Chánh pháp.*

V. Khả Ái, Khả Lạc (S.i,232)

1) Tại Sàvatthi, Jetavana.

2) Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên.

3) Đứng một bên, Thiên chủ Sakka bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, địa cảnh nào khả ái, khả lạc?

(Thế Tôn):

*Các cảnh vườn mỹ diệu,
Các khu rừng mỹ diệu,
Các ao sen khéo xây,
Được loài Người khả ái.
Thật sự chỉ đáng giá,
Thật là ít, nhỏ nhoi.
Tại làng hay tại rừng,
Chỗ đất thấp hay cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Địa cảnh ấy khả ái.*

VI. Tỏ Chức Lê Tê Đàm (S.i,232)

- 1) Một thời Thé Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại núi Gijjhakùta (Linh Thú).
- 2) Rồi Thiên tử Sakka đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi đứng một bên.
- 3) Đứng một bên, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với Thé Tôn:

*Loài Người lề té đàn,
Chúng sanh mong công đức.
Ai làm các công đức,
Đưa đến sự tái sanh,
Chỗ nào sự bồ thí,
Được quả báo thật lớn?*

- 4) (Thé Tôn):

*Ai thành tựu bốn đạo,
Ai chứng đắc bốn quả,
Tăng chúng ấy chọn trực,
Giới, định, tuệ đầy đủ.
Loài Người lề té đàn,
Chúng sanh mong công đức.
Ai làm các công đức,
Đưa đến sự tái sanh,
Bồ thí cho chúng Tăng,
Được quả báo thật lớn.*

VII. Kính Lễ (S.i,233)

- 1) Tại Sàvatthi, Jetavana.
- 2) Lúc bấy giờ, Thé Tôn đang nghỉ trưa Thiền tĩnh.
- 3) Rồi Thiên chủ Sakka và Phạm thiên Sahampati đi đến Thé Tôn; sau khi đến, mỗi người đứng dựa vào một cột cửa.
- 4) Rồi Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ này trước mặt Thé Tôn:

*Đứng lên bậc Anh hùng,
Bậc chiến thắng chiến trường,
Đã đặt gánh nặng xuống,
Không mắc nợ một ai,
Bộ hành khắp thế giới,
Tâm Ngài khéo giải thoát,
Chẳng khác gì mặt trăng,
Trong đêm râm (chói sáng).*

- 5) Phạm thiên Sahampati:

-- Nay Thiên chủ, kính lẽ Như Lai không phải như vậy. Và nay Thiên chủ, kính lẽ Như Lai phải như thế này:

*Đứng lên, bậc Anh hùng,
Bậc chiến thắng chiến trường,
Lãnh đạo đoàn lữ hành,
Không mắc nợ một ai,
Bộ hành khắp thế giới,
Thế Tôn hãy thuyết pháp,
Có những người sẽ hiểu.*

VIII. Sakka Kính Lê (S.i,234)

- 1) Tại Sàvatthi, Jetavana.
 - 2) Ở đây... Thê Tôn nói:
 - 3) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe như sau:
" -- Nay Matali thân, hãy thắng ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe. Chúng ta hãy đi đến vườn cảnh để ngắm cảnh".
 - 4) " -- Thưa vâng, Tôn giả".
- Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Matali vâng đáp Thiên chủ Sakka; sau khi thắng một ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe, liền báo với Thiên chủ Sakka:
- " -- Thưa Ngài, ngàn con ngựa khéo huấn luyện đã thắng vào cỗ xe. Nay Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời!"
- 5) Nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka từ cung điện Vejayanta đi xuống, chắp tay và đánh lễ các phương hướng.
 - 6) Rồi này các Tỷ-kheo, người đánh xe Matali nói lên những bài kệ với Thiên chủ Sakka:

*Bậc Tam minh lẽ Ngài,
Tất cả Sát-dé-ly
Ở trên cõi đất này,
Cũng đều đánh lẽ Ngài,
Kẻ cả bốn Thiên vương,
Bậc danh xưng Tam thập.
Đa-xoa ấy tên gì,
Vì mà Ngài đánh lẽ,
Này Sakka?*

- 7) (Sakka):

*Bậc Tam minh lẽ ta.
Tất cả Sát-dé-ly
Ở trên cõi đất này,
Cũng đều đánh lẽ ta,
Kẻ cả bốn Thiên vương,
Bậc danh xưng Tam thập.*

(8)

*Nhưng ta chỉ đánh lẽ,
Bậc thành tựu giới, luật,
Lâu ngày tu Thiền định,
Chọn chánh hành xuất gia,
Thành đạt và chúng được
Cứu cánh chọn Phạm hạnh.
Ngoài ra các gia chủ,
Làm công đức, giữ giới,
Nuôi dưỡng vợ đúng pháp,
Các cư sĩ như vậy,
Ta cũng sẽ đánh lẽ,
Hỡi này Matali.*

9) (Matali):

*Phải, tôi cũng được nghe,
Ở đời bậc tối thượng,
Sakka, Ngài đánh lẽ
Những vị Ngài đánh lẽ,
Tôi cũng đều đánh lẽ,
Ôi này Vásava!*

10) (Thé Tôn):

*Maghava nói vậy,
Vua Sujampati,
Đánh lẽ các phuơng xong,
Lên xe dẫn đi đầu.*

IX. Sakka Đánh Lẽ (S.i,235)

1) Tại Sàvatthi, Jetavana...

2) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe Matali:

" -- Này Matali thân, hãy thắng ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe. Chúng ta hãy đi đến vườn cảnh để ngắm cảnh".

3) " -- Thưa vâng, Tôn giả".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Matali vâng đáp Thiên chủ Sakka, sau khi thắng một ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe, liền báo với Sakka:

"Thưa Ngài, ngàn con ngựa khéo huấn luyện đã được thắng vào cỗ xe. Nay Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời".

4) Ngày các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, từ cung điện Vejayanta đi xuống, chấp tay kính lẽ Thé Tôn.

5) Rồi Mātali, người đánh xe nói lên những bài kệ với Thiên chủ Sakka:

6)

*Thiên, Nhân kính lẽ Ngài,
Hỡi này Vāsava.
Đa-xoa ấy tên gì
Vị mà Ngài đánh lẽ,
Này Sakka?*

7) (Sakka):

*Bậc Chánh Đắng Chánh Giác,
Đời này với chư Thiên,
Bậc Đạo Sư tối thượng,
Vị ấy ta đánh lẽ,
Này Mātali!
Những vị đã đoạn trù,
Tham, sân và vô minh,
Bậc lậu tận, La-hán,
Vị ấy ta đánh lẽ.
Bậc điều phục tham sân,
Vượt khỏi (màn) vô minh,
Hoan hỷ đoạn tái sanh,
Các bậc thuộc hữu học,
Không phóng dật, tu học,
Vị ấy ta đánh lẽ,
Này Mātali.*

8) (Mātali):

*Phải tôi cũng được nghe,
Ở đời bậc tối thượng,
Sakka Ngài đánh lẽ,
Những vị Ngài đánh lẽ,
Tôi cũng đều đánh lẽ,
Ôi này Vāsava.*

9)

*Maghava nói vậy,
Vua Sujampati,
Đánh lẽ Thé Tôn xong,
Lên xe, dần đi đầu.*

X. Sakka Đánh Lẽ (S.i,235)

1) Tại Sàvatthi, ở Jetavana.

2) Ở đây... Thé Tôn nói như sau:

3) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe Mātali:

" -- Này Mātali thân, hãy thắng ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe. Chúng ta hãy đi đến vườn cảnh để ngắm cảnh".

4) " -- Thưa vâng, Tôn giả".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mātali vâng đáp Thiên chủ Sakka, sau khi thắng một ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe, liền báo với Thiên chủ Sakka:

" -- Thưa Ngài, ngàn con ngựa khéo huấn luyện đã được thắng vào cỗ xe. Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời".

5) Nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka từ cung điện Vejayanta đi xuống, chấp tay đảnh lễ Tỷ-kheo Tăng.

6) Nay các Tỷ-kheo, rồi người đánh xe Mātali nói lên bài kệ với Thiên chủ Sakka:

7)

*Chắc họ đánh lê Ngài,
Những người thân bất tịnh,
Chim sâu trong thi thể,
Bị đói khát dày vò,
Có gì họ ưa thích,
Đối những vị xuất gia,
Hãy nói cho được biết,
Sở hành các ẩn sĩ,
Nhờ vậy chúng tôi nghe
Được tiếng nói của Ngài,
Hỡi này Vāsava!*

8) (Sakka):

*Đối với xuất gia ấy,
Điều khiển ta ưa thích,
Khi họ từ làng về,
Họ đi không tham vọng,
Vừa lúa, không cát chira,
Không ghè, không nòi niêu,
Những gì họ tìm kiếm,
Có người khác sẵn sàng.
Do vậy, họ nuôi sống,
Theo cung cách tốt đẹp.
Họ là bậc Hiền trí,
Khuyên nhủ lời tốt đẹp.
Hay họ giữ im lặng,
Trong tư thế trầm tĩnh.
Chư thiên chiến Tu-la,
Loài Người cũng gây chiến.
Hỡi này Mātali!*

*Không chiến giữa gây chiến,
Trầm tĩnh giữa đao gậy,
Không chấp giữa chấp trước.
Vậy ta kính lê họ,
Hỡi này Matali!*

9) (Matali):

*9) Phải, tôi cũng được nghe,
Ở đời bậc tối thượng,
Sakka Ngài đánh lễ.
Những vị Ngài đánh lễ,
Tôi cũng đều đánh lễ.
Ôi, này Vásava!*

10)

*Maghavà nói vậy,
Vua Sujampati,
Đánh lễ Tăng chúng xong,
Lên xe dẫn đi đầu.*

III. Phẩm Thứ Ba (hay Sakka Năm Kinh).

I. Sát Hại Gi? (S.i,237)

1) Tại Sàvatthi, Jetavana.

2) Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Thé Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi đứng một bên.

3) Đứng một bên, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với Thé Tôn:

*Sát vật gì, được lạc?
Sát vật gì, không sâu?
Có một loại pháp gì,
Ngài tán đồng sát hại,
Tôn giả Gotama?*

4) (Thé Tôn):

*Sát phẫn nộ được lạc,
Sát phẫn nộ không sâu.
Phẫn nộ với độc cǎn,
Với vị ngọt tối thượng,
Pháp áy, bậc Hiền thánh
Tán đồng sự sát hại.
Sát pháp áy, không sâu,
Hỡi này Vásava!*

II. Xáu Xí (S.i,237)

1) Tại Sàvatthi, Jetavana.

2) Tại đây... Thέ Tôn nói như sau:

3) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có một Dạ-xoa xáu xí, thấp lùn, bụng to (Okotimako), đén ngồi trên chồ ngồi của Thiên chủ Sakka.

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở Tam thập tam thiên bực túc, chán ghét, phẫn uất: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Tên Dạ-xoa xáu xí, thấp lùn, bụng to lại đén ngồi trên chồ ngồi của Thiên chủ Sakka!".

5) Nay các Tỷ-kheo, chư Thiên ở Tam thập tam thiên càng bực túc, chán ghét, phẫn uất bao nhiêu, thời Dạ-xoa ấy càng đẹp hơn, càng dễ nhìn, càng dễ thương bấy nhiêu.

6) Rồi này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở Tam thập tam thiên đi đến Thiên chủ Sakka; sau khi đến, nói với Thiên chủ Sakka:

7) "-- Ở đây, này Tôn giả, có một Dạ-xoa xáu xí, thấp lùn, bụng to đén ngồi trên chồ ngồi của Ngài. Ở đây, này Tôn giả, chư Thiên ở Tam thập tam thiên, bực túc, chán ghét, phẫn uất: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Dạ-xoa này xáu xí, thấp lùn, bụng to lại đén ngồi trên chồ ngồi của Thiên chủ Sakka!". Nhưng này Tôn giả, chư Thiên ở Tam thập tam thiên càng bực túc, chán ghét, phẫn uất bao nhiêu, thời Dạ-xoa xáu xí, thấp lùn, bụng to ấy càng tốt đẹp, càng dễ nhìn và càng dễ thương bấy nhiêu. Thưa Tôn giả, có phải Dạ-xoa ấy sẽ trở thành Dạ-xoa nuôi dưỡng với phẫn nộ?"

8) Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka đi đến Dạ-xoa nuôi dưỡng bằng phẫn nộ ấy; sau khi đến đắp thượng y vào một bên vai, đầu gối phải quỳ trên đất, chấp tay vái Dạ-xoa nuôi dưỡng với phẫn nộ và nói lên tên của mình ba lần: "Thưa Tôn giả, tôi là Thiên chủ Sakka! Thưa Tôn giả, tôi là Thiên chủ Sakka!".

9) Nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka càng nói lên tên của mình bao nhiêu thời Dạ-xoa ấy càng trở thành xáu xí, thấp lùn, bụng to bấy nhiêu; và sau khi trở thành càng xáu xí, càng thấp lùn, bụng to hơn, vị ấy biến mất tại chồ ấy.

10) Nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, sau khi ngồi xuống trên chồ ngồi của mình, làm cho hòa dịu chư Thiên ở Tam thập tam thiên, ngay lúc ấy, nói lên những bài kệ này:

*Tâm ta không dễ dàng,
Để cho bị thất trận,
Không dễ bị lôi kéo,
Trong xoáy nước dục tình.
Người biết đã từ lâu,
Ta không còn phẫn nộ,
Phẫn nộ không chân đứng
Một chồ nào trong ta.
Ta không nói ác ngữ,
Vì phẫn nộ giận hờn,
Và không có khen tặng,
Những đức tính của ta.
Thấy được lợi ích mình,
Ta tự thân chế ngự.*

III. Huyễn Thuật (S.i,238)

- 1) Tại Sàvatthi...
- 2) Thέ Tôn nói như sau:
- 3) -- Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa A-tu-la Vepacitti, vua các A-tu-la bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.
- 4) Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka đi đến A-tu-la để hỏi thăm tình trạng bệnh hoạn.
- 5) Nay các Tỷ-kheo, Vepacitti từ đàng xa trông thấy Thiên chủ Sakka đi đến, thấy vậy liền nói với Thiên chủ Sakka:
"-- Nay Thiên chủ, hãy chữa bệnh cho tôi".
- 6) "-- Nay Vepacitti, hãy nói tôi biết ảo thuật của Sambhara".
- 7) "-- Nay Tôn giả, hãy chờ tôi hỏi ý kiến các A-tu-la."
- 8) Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các A-tu-la hỏi ý kiến các A-tu-la:
" -- Chư Tôn giả, tôi có nên nói cho Thiên chủ Sakka, ảo thuật của Sambhara không?"
- 9) " -- Thưa Tôn giả, Ngài không nên nói cho Thiên chủ Sakka ảo thuật của Sambhara".
- 10) Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các A-tu-la nói lên bài kệ này với Thiên chủ Sakka:

*Ông thuộc dòng Magha,
Là Sakka, Thiên chủ,
Là chồng của Sujà,
Áo thuật dắt dẫn đến,
Vực sâu của địa ngục,
Tại đây Sambhara,
Đã sống một trăm năm.*

IV. Tội Lỗi (hay Không Phản Nộ) (S.i,239)

- 1) Tại Sàvatthi... tại vườn ông Cấp Cô Độc.
- 2) Lúc bấy giờ hai Tỷ-kheo cãi lộn nhau. Ở đây, một Tỷ-kheo phạm tội, Tỷ-kheo ấy phát lộ tội phạm là tội phạm trước mặt Tỷ-kheo kia. Tỷ-kheo ấy không chấp nhận.
- 3) Rồi Tỷ-kheo đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lẽ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:
- 4) -- Ở đây, bạch Thέ Tôn, có hai Tỷ-kheo cãi lộn nhau. Một Tỷ-kheo phạm tội. Bạch Thέ Tôn, Tỷ-kheo ấy phát lộ tội phạm là tội phạm trước mặt Tỷ-kheo kia. Tỷ-kheo ấy không chấp nhận.
- 5) -- Nay các Tỷ-kheo, hai Tỷ-kheo này là ngu si: một vị không thấy phạm tội là phạm tội, một vị không chấp nhận phát lộ tội phạm đúng pháp. Nay các Tỷ-kheo, hai vị Tỷ-kheo này là ngu si.

6) Nay các Tỷ-kheo, hai Tỷ-kheo này là sáng suốt, một vị thấy phạm tội, một vị chấp nhận phát lộ tội phạm đúng pháp. Nay các Tỷ-kheo, hai Tỷ-kheo này là sáng suốt.

7) Thuở xưa, nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, để làm hòa dịu chư Thiên ở Tam thập tam thiên tại hội trường Sudhamma, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ này:

*Hãy nghiệp phục phần nộ,
Giữ tình bạn không phai,
Không đáng mắng, chớ mắng,
Không nên nói hai lưỡi,
Phần nộ quăng người ác,
Như đá roi vực thẳm.*

V. Không Phẫn Nộ (Không Hại) (S.i,240)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Ở đây, Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo... Thé Tôn nói như sau:

3) -- Thuở xưa, nay các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, để làm hòa dịu chư Thiên ở Tam thập tam thiên tại hội trường Sudhamma, ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ này:

*Chớ để lòng phần nộ,
Nhiệp phục, chi phối người!
Chớ để lòng sân hận,
Đối trị với sân hận!
Không phần nộ, vô hại,
Bậc Thánh thường an trú.
Phần nộ quăng người ác,
Như đá roi vực thẳm.*

[HẾT TẬP I - TƯƠNG ƯNG BỘ]

-ooOoo-

TẬP II: THIỀN NHÂN DUYÊN
CHƯƠNG I
12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN

I. Phẩm Phật Đà.

I. Thuyết Pháp -- (Tạp 12.16, Đại 2,85a) (S.ii,1)

1) **N**hư vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Thắng Lâm), trong vườn ông Anàthapindika (Cáp Cô Độc).

2) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

-- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về lý Duyên khởi. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, thế nào là lý Duyên khởi? Nay các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên sanh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nay các Tỷ-kheo, như vậy gọi là tập khởi.

4) Nhưng do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Nay các Tỷ-kheo, như vậy gọi là đoạn diệt.

5) Thế Tôn nói như vậy. Các Tỷ-kheo áy hoan hỷ tin thọ lời Thế Tôn dạy.

II. Phân Biệt -- (Tạp 12.16, Đại 2,85a) (S.ii,2)

1) Trú ở Sàvatthi (Xá-vệ).

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết và phân tích cho các Ông về lý Duyên khởi. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thέ Tôn.

3) Thέ Tôn nói như sau:

-- Này các Tỷ-kheo, thế nào là lý Duyên khởi? Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên sanh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là già chết? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị già, yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lui, các căn chín muồi. Đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, sự từ bỏ, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn hư hoại, thân thể vứt bỏ. Đây gọi là chết. Như vậy đây là già, đây là chết. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là già chết.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị sanh, xuất sanh, giáng sanh, đản sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự thành tựu các xứ. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là sanh.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu? Nay các Tỷ-kheo, có ba hữu này: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu.

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủ? Nay các Tỷ-kheo, có bốn thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là thủ.

8) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ái? Nay các Tỷ-kheo, có sáu ái thân này: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là ái.

9) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ? Nay các Tỷ-kheo, có sáu thọ thân này: thọ do nhän xúc sanh; thọ do nhĩ xúc sanh; thọ do tỳ xúc sanh; thọ do thiệt xúc sanh; thọ do thân xúc sanh; thọ do ý xúc sanh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ.

10) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xúc? Nay các Tỷ-kheo, có sáu xúc thân này: nhän xúc, nhĩ xúc, tỳ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là xúc.

11) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu xứ? Nhän xứ, nhĩ xứ, tỳ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là sáu xứ.

12) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc. Như vậy đây là danh, đây là sắc. Đây gọi là danh sắc.

13) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức? Nay các Tỷ-kheo, có sáu thức thân này: nhän thức, nhĩ thức, tỳ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là thức.

14) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Nay các Tỷ-kheo, có ba hành này: thân hành, khẩu hành, ý hành. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hành.

15) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là vô minh? Nay các Tỷ-kheo, không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con đường đưa đến Khổ diệt. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là vô

minh.

16) Như vậy này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nhưng do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

III. Con Đường... (S.ii,4)

1). .. Trú ở Sàvatthi... (như trên).

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các Ông về tà đạo và chánh đạo. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thê Tôn.

Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn.

Thê Tôn nói như sau:

3) -- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà đạo? Nay các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức... (như trên)... như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tà đạo.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh đạo? Do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh đạo.

IV. Vipassì (Tỳ-bà-thi) (Tập 15.2-3, Đại 2,101a) (S.ii,5)

1) Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Thê Tôn Vipassì bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, trước khi Ngài giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, đã khởi lên tư tưởng sau đây: "Thật sự thế giới này đang lâm nguy, bị sanh, bị già, bị chết, đoạn diệt và tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly, thoát khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào biết đến xuất ly, thoát khỏi già và chết".

3) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, già, chết có mặt? Do duyên gì, già, chết (sanh khói)?". Sau khi như lý tư duy, này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh có mặt, già chết có mặt. Do duyên sanh, già chết (sanh khói)".

4) Rồi Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, sanh có mặt? Do duyên gì, sanh sanh khói?". Sau khi như lý tư duy, này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do hữu có mặt nêu sanh có mặt. Do duyên hữu, sanh (sanh khói)".

5) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, hữu có mặt? Do duyên gì, hữu (sanh khói)?". Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh

minh kiến như sau: "Do thủ có mặt, nên hữu có mặt. Do duyên thủ, hữu sanh khởi".

6) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, thủ có mặt? Do duyên gì, thủ sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do ái có mặt nên thủ có mặt. Do duyên ái, thủ sanh khởi".

7) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, ái có mặt? Do duyên gì, ái sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thọ có mặt nên ái có mặt. Do duyên thọ, nên ái sanh khởi".

8) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, thọ có mặt? Do duyên gì, thọ sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do xúc có mặt nên thọ có mặt. Do duyên xúc, thọ sanh khởi".

9) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, xúc có mặt? Do duyên gì, xúc sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sáu xứ có mặt nên xúc có mặt. Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi".

10) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, sáu xứ có mặt? Do duyên gì, sáu xứ sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do danh sắc có mặt nên sáu xứ có mặt. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi".

11) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, danh sắc có mặt? Do duyên gì, danh sắc sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thức có mặt nên danh sắc có mặt. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi".

12) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, thức có mặt? Do duyên gì, thức sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do hành có mặt nên thức có mặt. Do duyên hành, thức sanh khởi".

13) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, hành có mặt? Do duyên gì, hành sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do vô minh có mặt nên hành có mặt. Do duyên vô minh, hành sanh khởi".

14) Như vậy, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

15) "Tập khởi, tập khởi", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, với Bồ-tát Vipassì, nhẫn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

16) Và này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên già, chết không có mặt? Do cái gì diệt, già, chết diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "Do sanh không có mặt nên già chết không có mặt. Do sanh diệt nên già chết diệt".

17) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên sanh không có mặt? Do cái gì diệt nên sanh diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "Do hữu không có mặt nên sanh không có mặt. Do hữu diệt nên sanh

diệt".

18) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nêu hữu không có mặt? Do cái gì diệt nêu hữu diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi nhu lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhở trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "Do thủ không có mặt nêu hữu không có mặt. Do thủ diệt nêu hữu diệt".

19) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nêu thủ không có mặt? Do cái gì diệt nêu thủ diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi nhu lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhở trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "Do ái không có mặt nêu thủ không có mặt. Do ái diệt nêu thủ diệt".

20) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nêu ái không có mặt? Do cái gì diệt nêu ái diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi nhu lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhở trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "Do thọ không có mặt nêu ái không có mặt. Do thọ diệt nêu ái diệt".

21) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nêu thọ không có mặt? Do cái gì diệt nêu thọ diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi nhu lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhở trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "Do xúc không có mặt nêu thọ không có mặt. Do xúc diệt nêu thọ diệt".

22) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nêu xúc không có mặt? Do cái gì diệt nêu xúc diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi nhu lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhở trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "Do sáu xứ không có mặt nêu xúc không có mặt. Do sáu xứ diệt, nêu xúc diệt".

23) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nêu sáu xứ không có mặt? Do cái gì diệt nêu sáu xứ diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi nhu lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhở trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "Do danh sắc không có mặt nêu sáu xứ không có mặt. Do danh sắc diệt nêu sáu xứ diệt".

24) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt nêu danh sắc không có mặt? Do cái gì diệt nêu danh sắc diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi nhu lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhở trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "Do thức không có mặt nêu danh sắc không có mặt. Do thức diệt nêu danh sắc diệt".

25) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt nêu thức không có mặt? Do cái gì diệt nêu thức diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi nhu lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhở trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "Do hành không có mặt nêu thức không có mặt. Do hành diệt nêu thức diệt".

26) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt nêu hành không có mặt? Do cái gì diệt nêu hành diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi nhu lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhở trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "Do vô minh không có mặt nêu hành không có mặt. Do vô minh diệt nêu hành diệt".

27) Như vậy, do vô minh diệt nêu hành diệt. Do hành diệt nêu thức diệt. Do thức diệt nêu danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nêu sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nêu xúc diệt. Do xúc diệt nêu thọ diệt. Do thọ diệt nêu ái diệt. Do ái diệt nêu thủ diệt. Do thủ diệt nêu hữu diệt. Do hữu diệt nêu sanh diệt. Do sanh diệt nêu già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

28) "Đoạn diệt, đoạn diệt", này các Tỷ-kheo, trong các pháp từ trước chưa từng được nghe, đói với Bồ-

tát Vipassi, nhẫn khởi nén, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

V. Sikhì (Thi-khí) (S.ii,9)

-- Này các Tỷ-kheo, với Thέ Tôn Sikhì, bậc A-la-hán, Chánh Đǎng Giác... (như trên)...

VI. Vessabhu (Tỳ-xá-phù) (S.ii,9)

-- Rồi này các Tỷ-kheo, với Thέ Tôn Vessabhu, bậc A-la-hán, Chánh Đǎng Giác... (như trên)...

VII. Kakusandha (Câu-lưu-tôn) (S.ii,9)

-- Rồi này các Tỷ-kheo, với Thέ Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đǎng Giác... (như trên)...

VIII. Konàgamana (Câu-na-hàm). (S.ii,9)

-- Rồi này các Tỷ-kheo, với Thέ Tôn Konàgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đǎng Giác... (như trên)...

IX. Kassapa (Ca-diép) (S.ii,9)

-- Rồi này các Tỷ-kheo, với Thέ Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đǎng Giác... (như trên)...

X. Mahà Sakya Muni Gotama: Đại Thích-ca-mâu-ni Cù-dàm. (S.ii,10)

1) Tại Sàvatthi.

2) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đǎng Giác, còn là Bồ-tát, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết sự xuất ly, thoát khỏi già chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến sự xuất ly già chết".

3) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Cái gì có mặt, già, chết có mặt? Do duyên gì, già chết sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, Ta phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh có mặt nên già chết có mặt. Do duyên sanh nên già chết sanh khởi".

4 - 13) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Cái gì có mặt, sanh mới có mặt...hữu... thủ...ái...thọ...xúc...sáu xứ...danh sắc...thức... hành... do duyên gì hành sanh khởi?"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy về vấn đề này, nhờ trí tuệ, Ta phát sanh minh kiến như sau: "Do vô minh có mặt nên hành có mặt. Do duyên vô minh nên hành sanh khởi".

14) Như vậy vô minh duyên hành, hành duyên thức...(như trên)...hữu duyên sanh, sanh duyên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

15) "Tập khởi, tập khởi", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính nơi Ta, nhẫn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

16) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt, già chết không có mặt? Do cái gì diệt, nên già chết diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy về vấn đề này, nhờ trí tuệ, Ta phát sanh minh kiến như sau: "Do sanh không có mặt nên già chết không có mặt. Do sanh diệt nên già

chết diệt".

17) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt, sanh không có mặt..hữu..thủ..ái..thọ..xúc..sáu xứ..danh sắc..thức..hành... Do cái gì diệt, hành diệt?"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi nhu lý tư duy về vấn đề này, nhờ trí tuệ, Ta phát sanh minh kiến như sau: "Do vô minh không có mặt nên hành không có mặt. Do duyên vô minh diệt nên hành diệt".

27) Như vậy, vô minh diệt hành diệt; hành diệt, thức diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

28) "Đoan diệt, đoạn diệt", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính nơi Ta nhẫn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

II. Phẩm Đồ Ăn

XI. Các Loại Đồ Ăn (Tập 15,9 Thực Đại 2, 101c) (S.ii,11)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ) tại Jetavana (Thắng Lâm) trong vườn ông Anàthapindika (Cáp Cô Độc)

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn này khiến cho các loại sanh vật hay các loại chúng sanh được tồn tại hay khiến cho các loại sáp sanh thành được thọ sanh. Thế nào là bốn? Một là đoàn thực hoặc thô hoặc tế, hai là xúc thực, ba là tư niệm thực, bốn là thức thực. Nay các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này khiến cho các loại sanh vật hay khiến cho các loại chúng sanh được tồn tại hay khiến cho các loại sáp sanh thành được thọ sanh.

3) Và nay các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Bốn loại đồ ăn này do ái làm nhân, do ái tập khởi, do ái tác sanh, do ái làm hiện hữu.

4) Ái này, nay các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Ái do thọ làm nhân, do thọ tập khởi, do thọ tác sanh, do thọ làm cho hiện hữu.

5) Thọ này, nay các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Thọ do xúc làm nhân, do xúc tập khởi, do xúc tác sanh, do xúc làm cho hiện hữu.

6) Xúc này, nay các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Xúc do sáu xứ làm nhân, do sáu xứ tập khởi, do sáu xứ tác sanh, do sáu xứ làm cho hiện hữu.

7) Sáu xứ này, nay các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Sáu xứ do danh sắc làm nhân, do danh sắc tập khởi, do danh sắc tác sanh, do danh sắc làm cho hiện hữu.

8) Danh sắc này, nay các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Danh sắc do thức làm nhân, do thức tập khởi, do thức tác sanh, do thức làm cho hiện hữu.

9) Thúc này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Thúc do hành làm nhân, do hành tập khởi, do hành tác sanh, do hành làm cho hiện hữu.

10) Những hành này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Các hành này do vô minh làm nhân, do vô minh tập khởi, do vô minh tác sanh, do vô minh làm cho hiện hữu.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành, hành duyên thức...(như trên)...như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

12) Nhưng do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các hành diệt. Do các hành diệt nên thúc diệt...(như trên)...như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

XII. Moliya Phagguna (Tập 15,10. Đại 2,102) (S.ii,12).

1)...Trú Tại Sàvatthi.

2) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn này khiến cho các loại sanh vật hay các loại chúng sanh được tồn tại hay khiến cho các loại sáp sanh thành được thọ sanh. Thế nào là bốn? Một là đoàn thực hoặc thô hoặc tế, hai là xúc thực, ba là tư niệm thực, bốn là thức thực. Này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này khiến cho các loại sanh vật hay khiến cho các loại chúng sanh được tồn tại hay khiến cho các loại sáp sanh thành được thọ sanh.

3) Khi được nói vậy, Tôn giả Moliya-Phagguna bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, ai ăn thúc thực?

Thέ Tôn đáp:

-- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có ai ăn". Nếu Ta nói: "Có kẻ ăn", thời câu hỏi: "Có ai ăn" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Vì vì Ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi Ta: "Bạch Thέ Tôn, thúc thực là cho ai?", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "Thức thực là duyên cho sự sanh thành, cho sự tái sanh trong tương lai. Khi cái ấy hiện hữu, có mặt thời sáu xứ có mặt. Do duyên sáu xứ, xúc có mặt".

4) -- Bạch Thέ Tôn, ai cảm xúc?

Thέ Tôn đáp:

-- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có kẻ cảm xúc". Nếu Ta nói: "Có kẻ cảm xúc", thời câu hỏi: "Ai cảm xúc" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Vì vì Ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi Ta: "Bạch Thέ Tôn, do duyên gì, xúc sanh khởi?", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây câu trả lời thích hợp là như sau: "Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi. Do duyên xúc, thọ sanh khởi".

5) -- Bạch Thέ Tôn, ai cảm thọ?

Thέ Tôn đáp:

-- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có người cảm thọ". Nếu ta có nói: "Có người cảm thọ", thời câu hỏi: "Ai cảm thọ?" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Vì vì Ta không nói như

vậy, nếu có ai hỏi Ta: "Bạch Thé Tôn, do duyên gì, thọ sanh khởi?", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây câu trả lời thích hợp là như sau: "Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên thọ, ái sanh khởi".

6) -- Bạch Thé Tôn, ai khát ái?

Thé Tôn đáp:

-- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có kẻ khát ái". Nếu Ta nói: "Có kẻ khát ái", thời câu hỏi: "Ai khát ái" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Vì vì Ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi Ta: "Bạch Thé Tôn, do duyên gì, ái sanh khởi", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "Do duyên thọ, ái sanh khởi. Do duyên ái, thủ sanh khởi".

7) -- Bạch Thé Tôn, ai chấp thủ?

Thé Tôn đáp:

-- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có kẻ chấp thủ". Nếu Ta nói: "Có kẻ chấp thủ", thời câu hỏi: "Ai chấp thủ" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Vì vì Ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi Ta: "Bạch Thé Tôn, do duyên gì, thủ sanh khởi", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "Do duyên ái, thủ sanh khởi. Do duyên thủ, hữu sanh khởi". Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

8) Nhưng này Phagguna, do ly tham, đoạn diệt một cách hoàn toàn sáu xứ nên xúc diệt. Do xúc diệt, nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

XIII. Sa Môn, Bà La Môn (Tập 14.10-11. Đại 2,99a) (S.ii,14)

1) Trú ở Sàvatthi...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết rõ già, chết, không biết rõ già, chết tập khởi, không biết rõ già, chết đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến già, chết đoạn diệt; không biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... không biết rõ các hành, không biết rõ các hành tập khởi, không biết rõ các hành đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn, hay là Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại cũng không có thể với thăng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

3) Và nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay là Bà-la-môn nào biết rõ già chết, biết rõ già chết tập khởi, biết rõ già chết đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt... biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... biết rõ các hành, biết rõ các hành tập khởi, biết rõ các hành đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt; các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn, hay là Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại có thể với thăng trí tự mình giác ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn và mục đích Bà-la-môn hạnh.

XIV. Sa Môn, Bà La Môn (S.ii,15)

1). .. Trú ở Sàvatthi...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay là Bà-la-môn nào không biết rõ những pháp này, không biết rõ những pháp này tập khởi, không biết rõ những pháp này đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến những pháp này đoạn diệt.

3) Những pháp gì họ không được biết rõ? Những pháp gì họ không được biết rõ tập khởi? Những pháp gì họ không được biết rõ đoạn diệt? Những pháp gì họ không được biết rõ con đường đưa đến đoạn diệt?

4) Họ không biết rõ già chết. Họ không biết rõ già chết tập khởi. Họ không biết rõ già chết đoạn diệt. Họ không biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt. Họ không biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... Họ không biết rõ các hành. Họ không biết rõ các hành tập khởi. Họ không biết rõ các hành đoạn diệt. Họ không biết rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt. Họ không biết rõ những pháp này. Họ không biết rõ những pháp này tập khởi. Họ không biết rõ pháp này đoạn diệt. Họ không biết rõ con đường đưa đến những pháp này đoạn diệt.

5) Nay các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, cũng không có thể với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

6) Và nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết rõ được những pháp này, biết rõ được những pháp này tập khởi, biết rõ được những pháp này đoạn diệt, biết rõ được con đường đưa đến những pháp này đoạn diệt.

7) Họ biết rõ pháp gì? Họ biết rõ những pháp gì tập khởi? Họ biết rõ những pháp gì đoạn diệt? Họ biết rõ con đường đưa đến những pháp gì đoạn diệt?

8) Họ biết rõ già chết. Họ biết rõ già chết tập khởi. Họ biết rõ già chết đoạn diệt. Họ biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt... sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... Họ biết rõ các hành. Họ biết rõ các hành tập khởi. Họ biết rõ các hành đoạn diệt. Họ biết rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt. Họ biết rõ những pháp này. Họ biết rõ những pháp này tập khởi. Họ biết rõ những pháp này đoạn diệt. Họ biết rõ con đường đưa đến của những pháp này đoạn diệt.

9) Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, với thắng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

XV. Kaccàyanagotta: (Ca-chiên-diên Thị) (Tập 12.19 Đại 2,85c) (S.ii,16)

1) Trú ở Sàvatthi (Xá-vệ)...

2) Rồi Tôn giả Kaccàyanagotta đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kaccàyanagotta bạch Thέ Tôn:

-- "Chánh kiến, chánh kiến", bạch Thέ Tôn được nói đến như vậy. Bạch Thέ Tôn, cho đến như thế nào là chánh kiến?

4) -- Nay Kaccàyanana, thế giới này phần lớn y chỉ vào hai cực đoan này: có và không có.

5) Nay Kaccayana, ai với chánh trí tuệ thấy như chọn thế giới tập khởi, vị ấy không chấp nhận thế giới là không có. Nay Kaccayana, ai với chánh trí tuệ thấy như chọn thế giới đoạn diệt, vị ấy không chấp nhận thế giới là có.

6) Nay Kaccayana, chấp thủ phuơng tiện và bị thiêng kiến trói buộc, phần lớn thế giới này là vậy. Và ai với tâm không trú trước, chấp thủ phuơng tiện ấy, không chấp thủ thiêng chấp tùy miên ấy, không có chấp trước, không trú trước, vị ấy không có nghĩ: "Đây là tự ngã của tôi". Khi khổ sanh thời xem là sanh, khi khổ diệt thời xem là diệt; vị ấy không có nghĩ ngờ, không có phân vân, không duyên vào ai khác, trí ở đây là của vị ấy. Cho đến như vậy, này Kaccayana là chánh tri kiến.

7) "Tất cả là có", này Kaccayana, là một cực đoan. "Tất cả là không có" là cực đoan thứ hai.

Xa lìa hai cực đoan ấy, này Kaccayana, Như Lai thuyết pháp theo trung đạo.

8) Vô minh duyên hành. Hành duyên thúc... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nhưng do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thúc diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

XVI. Vị Thuyết Pháp (Tập 14.23-4. Thuyết Pháp, Đại 2,100c) (S.ii,18)

1) Tại Sàvatthi.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "Thuyết pháp, thuyết pháp", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến.

4) -- Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về yém ly, ly tham, đoạn diệt già và chết, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp.

5) Nếu Tỷ-kheo thực hành về yém ly, ly tham, đoạn diệt già chết, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành các pháp và tùy pháp.

6) Nếu Tỷ-kheo giải thoát, không còn chấp thủ mọi yém ly, ly tham, đoạn diệt già chết, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong đời sống hiện tại.

7) Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự yém ly, ly tham, đoạn diệt sanh... hưu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thúc... hành... (như trên)... Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về yém ly, ly tham, đoạn diệt vô minh, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp.

8) Nếu Tỷ-kheo thực hành về yém ly, ly tham, đoạn diệt vô minh, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành các pháp và tùy pháp.

9) Nếu Tỷ-kheo giải thoát, không còn chấp thủ mọi yém ly, ly tham, đoạn diệt vô minh, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong đời sống hiện tại.

XVII. Loā Thέ (Tập 12.20, Đại 2,86a Đại 14,768) (S.ii,18)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Thέ Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Ràjagaha để khát thực.

3) Lõa thê Kassapa thấy Thέ Tôn từ xa đi đến. Sau khi thấy, lõa thê Kassapa đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên.

4) Đứng một bên, lõa thê Kassapa bạch Thέ Tôn:

-- Chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama về một vấn đề. Nếu Tôn giả Gotama cho phép, chúng tôi sẽ hỏi câu hỏi.

-- Nay Kassapa, nay không phải thời để hỏi. Chúng ta đã vào trong làng.

5) Lần thứ hai, lõa thê Kassapa bạch Thέ Tôn:

-- Chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama về một vấn đề. Nếu Tôn giả Gotama cho phép, chúng tôi sẽ hỏi câu hỏi.

-- Nay Kassapa, nay không phải thời để hỏi. Chúng ta đã vào trong làng.

6) Lần thứ ba, lõa thê Kassapa... (như trên)... Chúng ta đã vào trong làng.

Khi được nói vậy, lõa thê Kassapa bạch Thέ Tôn:

-- Nhưng không phải chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama nhiều chuyện.

-- Vậy hãy hỏi đi, nay Kassapa, như Ông muốn.

7) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ do tự mình làm ra?

Thέ Tôn đáp:

-- Không phải vậy, nay Kassapa.

8) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ do người khác làm ra?

Thέ Tôn đáp:

-- Không phải vậy, nay Kassapa.

9) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ do mình làm ra và do người khác làm ra?

Thέ Tôn đáp:

-- Không phải vậy, nay Kassapa.

10) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, khổ do

tự nhiên sanh?

Thé Tôn đáp:

-- Không phải vậy, này Kassapa.

11) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải khô không có?

-- Nay Kassapa, không phải khô không có. Khô có, này Kassapa.

12) -- Như vậy, Tôn giả Gotama không biết, không thấy khô.

-- Nay Kassapa, không phải Ta không biết, không thấy khô. Nay Kassapa, Ta biết khô, này Kassapa, Ta thấy khô.

13) -- Được hỏi: "Tôn giả Gotama, khô có phải tự mình làm ra", Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Kassapa". Được hỏi: "Tôn giả Gotama, khô có phải do người khác làm ra?", Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Kassapa". Được hỏi: "Tôn giả Gotama, khô có phải do tự mình làm ra và do người khác làm ra?", Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Kassapa". Được hỏi: "Tôn giả Gotama, có phải khô không do tự mình làm ra và không do người khác làm ra, khô do tự nhiên sanh?", Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Kassapa". Được hỏi: "Tôn giả Gotama, có phải khô không có?", Ngài trả lời: "Không phải khô không có. Khô có, này Kassapa". Được hỏi: "Như vậy Tôn giả Gotama, không biết, không thấy khô?", Ngài trả lời: "Nay Kassapa, không phải Ta không biết, không thấy khô. Nay Kassapa, Ta biết khô, này Kassapa, Ta thấy khô". Bạch Thé Tôn, Thé Tôn hãy nói lên cho con về khô, bạch Thé Tôn, Thé Tôn hãy thuyết cho con về khô.

14) -- Một người làm và chính người làm ấy cảm thọ (kết quả). Nay Kassapa, như Ông gọi ban đầu "khô do tự mình làm ra", như vậy có nghĩa là thường kiến.

Một người khác làm và một người khác cảm thọ. Nay Kassapa, như vậy đối với người bị cảm thọ, được xảy ra như: "Khô do người khác làm ra", như vậy có nghĩa là đoạn kiến.

15) Nay Kassapa, từ bỏ hai cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo con đường trung đạo. Vô minh duyên hành, hành duyên thức... Như vậy là toàn bộ khô uẩn này tập khởi. Nhưng do ly tham và đoạn diệt hoàn toàn vô minh, các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khô uẩn này đoạn diệt.

16) Khi được nghe nói vậy, lõa thể Kassapa bạch Thé Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thé Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thé Tôn! Bạch Thé Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thé Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy y Thé Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Bạch Thé Tôn, con xin xuất gia với Thé Tôn, con xin thọ đại giới.

17) -- Nay Kassapa, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong Pháp và Luật này, phải sống bốn tháng biệt trú; sau khi sống bốn tháng biệt trú, nếu chúng Tăng đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

18) -- Bạch Thé Tôn, nếu những người xưa kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong

Pháp và Luật này, phải sống bốn tháng biệt trú; sau khi sống bốn tháng biệt trú, chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm nếu chúng Tăng đồng ý, mong chúng Tăng cho con xuất gia, cho con thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo.

19) Và lõa thê Kassapa được xuất gia với Thê Tôn và được thọ đại giới.

20) Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Kassapa ở một mình, an tĩnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, tinh cần. Và không bao lâu vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến; đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ngay trong đời sống hiện tại, tự mình với thẳng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị này chứng tri: "Sanh đã tận. Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa".

21) Và Tôn giả Kassapa trở thành một vị A-la-hán nữa.

XVIII. Timbaruka (Tập 12.21 Đại 2, 86b) (S.ii,22)

1) Trú ở Sàvatthi...

2) Rồi du sĩ Timbaruka đi đến Thê Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, du sĩ Timbaruka bạch Thê Tôn:

-- Thưa Tôn giả Gotama, có phải lạc khổ tự mình làm ra?

Thê Tôn đáp:

-- Không phải vậy, này Timbaruka.

4) -- Thưa Tôn giả Gotama, vậy có phải lạc khổ do người khác làm ra?

Thê Tôn đáp:

-- Không phải vậy, này Timbaruka.

5) -- Thưa Tôn giả Gotama, vậy có phải lạc khổ do tự mình làm ra và do người khác làm ra?

Thê Tôn đáp:

-- Không phải vậy, này Timbaruka.

6) -- Thưa Tôn giả Gotama, lạc khổ không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra; vậy có phải lạc khổ do tự nhiên sanh?

Thê Tôn đáp:

-- Không phải vậy, này Timbaruka.

7) -- Thưa Tôn giả Gotama, vậy có phải không có lạc khổ?

8) -- Này Timbaruka, không phải không có lạc khổ. Này Timbaruka, có lạc khổ.

-- Nếu vậy, Tôn giả Gotama không biết, không thấy lạc khổ.

9) -- Này Timbaruka, không phải Ta không biết, không thấy lạc khổ. Này Timbaruka, Ta biết lạc khổ. Này Timbaruka, Ta thấy lạc khổ.

10) -- Được hỏi: "Thưa Tôn giả Gotama, có phải lạc khổ do tự mình làm ra?", Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Timbaruka". Được hỏi: "Thưa Tôn giả Gotama, có phải lạc khổ do người khác làm ra?", Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Timbaruka". Được hỏi: "Thưa Tôn giả Gotama, có phải lạc khổ do tự mình làm ra và do người khác làm ra?", Ngài đáp: "Không phải vậy, này Timbaruka". Được hỏi: "Thưa Tôn giả Gotama, không phải do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, có phải lạc khổ do tự nhiên sanh?", Ngài đáp: "Không phải vậy, này Timbaruka". Được hỏi: "Thưa Tôn giả Gotama, có phải lạc khổ không có?", Ngài đáp: "Này Timbaruka, không phải không có lạc khổ, này Timbaruka, có lạc khổ". Được hỏi: "Như vậy Tôn giả Gotama không biết, không thấy lạc khổ?", Ngài đáp: "Này Timbaruka, không phải Ta không biết, không thấy lạc khổ. Này Timbaruka, Ta biết lạc khổ. Này Timbaruka, Ta thấy lạc khổ". Vậy Tôn giả Gotama hãy nói lên cho con về lạc khổ. Vậy Tôn giả Gotama hãy thuyết cho con về lạc khổ.

11) -- Sự cảm thọ và người cảm thọ là cùng một người. Này Timbaruka, như Ông nói ban đầu: "Lạc khổ do tự mình làm ra", Ta nói không phải vậy.

12) Cảm thọ và người cảm thọ là khác nhau, này Timbaruka, như vậy đối với người bị cảm thọ, "lạc khổ do người khác làm ra", Ta nói không phải vậy.

13) Này Timbaruka, từ bỏ hai cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo con đường trung đạo.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Do ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh, nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt... (như trên)... như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

14) Khi được nói vậy, du sĩ Timbaruka bạch Thê Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thê Tôn... (như trên)... Và nay con xin quy y Thê Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Xin Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọng lời quy ngưỡng.

XIX. Bậc Hiền So Sánh Với Kẻ Ngu (Tập 12.12, Đại 2, 83c) (S.ii,23)

1). .. Trú Tại Sàvatthi.

2) -- Đối với kẻ ngu, này các Tỷ-kheo, bị vô minh che đậy, bị tham ái hệ phược, thân này được khởi lên như sau: Chỉ có thân này và danh sắc ở ngoài. Như vậy là bộ hai này. Duyên bộ hai này có xúc, có sáu xứ. Do cảm xúc bởi chúng, hoặc một trong hai, người ngu cảm thọ lạc khổ.

3) Đối với bậc Hiền, này các Tỷ-kheo, bị vô minh che đậy, bị phạm ái hệ phược, thân này được khởi lên như sau: Chỉ có thân này và danh sắc ở ngoài. Như vậy là bộ hai này. Duyên bộ hai này có xúc, có sáu xứ. Do cảm xúc bởi chúng, hoặc một trong hai, người Hiền cảm thọ lạc khổ.

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có gì phân biệt, có gì sai khác, có gì dị biệt giữa bậc Hiền và kẻ ngu?

5) -- Bạch Thé Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thé Tôn làm căn bản, lấy Thé Tôn làm lãnh đạo, lấy Thé Tôn làm chỗ y chỉ. Bạch Thé Tôn, lành thay, nếu Thé Tôn nói lên cho chúng con ý nghĩa lời nói này. Sau khi nghe Thé Tôn giảng, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

6) -- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói.

-- Thưa vâng, bạch Thé Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thé Tôn.

7) Thé Tôn nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, bị vô minh che đậy và bị tham ái hệ phược, thân này của người ngu được sanh khởi. Vô minh ấy, người ngu không đoạn tận. Tham ái ấy, người ngu không tận trừ. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, người ngu sống Phạm hạnh không phải vì chơn chánh đoạn trừ khổ đau. Do vậy người ngu, khi thân hoại mạng chung, đi đến một thân khác. Do đi đến một thân khác, người ấy không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng: "Người ấy không thoát khỏi đau khổ".

8) Và này các Tỷ-kheo, bị vô minh che đậy, bị tham ái hệ phược, thân người Hiền trí được sanh khởi. Vô minh ấy, người Hiền trí đoạn tận. Tham ái ấy, người Hiền trí tận trừ. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, người Hiền trí sống Phạm hạnh, vì chơn chánh đoạn trừ khổ đau. Do vậy, người Hiền trí, khi thân hoại mạng chung, không đi đến một thân khác. Do không đi đến một thân khác, vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng: "Vị ấy thoát khỏi đau khổ".

9) Nay các Tỷ-kheo, đây là sự phân biệt, đây là sự sai khác, đây là sự dị biệt giữa bậc Hiền trí và người ngu.

XX. Duyên (Tập 12.14, Đại 2, 84b) (S.ii,25)

1) Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông lý duyên khởi và các pháp duyên sanh. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thé Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thé Tôn.

Thé Tôn nói như sau:

3) -- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lý duyên khởi? Do duyên sanh, này các Tỷ-kheo, già, chết khởi lên. Dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, an trú là giới tánh ấy, pháp trú tánh ấy, pháp quyết định tánh ấy, y duyên tánh ấy. Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt định lý ấy. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt, Như Lai tuyên bố, tuyên thuyết, tường thuyết, khai hiển, khai thị, phân biệt, minh hiển, minh thị.

4) Do duyên sanh, này các Tỷ-kheo, nên có già, chết. Do duyên hữu, này các Tỷ-kheo, nên có sanh. Do duyên thủ, này các Tỷ-kheo, nên có hữu. Do duyên ái, này các Tỷ-kheo, nên có thủ. Do duyên thọ, này các Tỷ-kheo, nên có ái. Do duyên xúc, này các Tỷ-kheo, nên có thọ. Do duyên sáu xứ, này các Tỷ-kheo, nên có xúc. Do duyên danh sắc, này các Tỷ-kheo, nên có sáu xứ. Do duyên thức, này các Tỷ-kheo, nên

có danh sắc. Do duyên các hành, này các Tỷ-kheo, nên có thức. Do duyên vô minh, này các Tỷ-kheo, nên có hành. Dầu cho Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, an trú là giới tánh ấy, pháp trú tánh ấy, pháp quyết định tánh ấy, y duyên tánh ấy. Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt tánh ấy. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt, Như Lai tuyên bố, tuyên thuyết, tường thuyết, khai hiển khai thị, phân biệt, minh hiển, minh thị.

5) Do duyên vô minh, này các Tỷ-kheo, có các hành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là như tánh, bất hủ vọng tánh, bất dị như tánh, y duyên tánh ấy. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là lý duyên khởi.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là duyên sanh pháp? Già, chết, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh.

7) Sanh, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh.

8) Hữu, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh.

9) -- 16) Thủ, này các Tỷ-kheo... ái, này các Tỷ-kheo... Thọ, này các Tỷ-kheo... Xúc, này các Tỷ-kheo... Sáu xứ, này các Tỷ-kheo... Danh sắc, này các Tỷ-kheo... Thức, này các Tỷ-kheo... Các hành, này các Tỷ-kheo...

17) Vô minh, này các Tỷ-kheo, là vô thường hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là duyên sanh pháp.

18) Do vì, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ lý duyên khởi này và các pháp duyên sanh này, nên chắc chắn vị ấy không chạy theo quá khứ (với những câu hỏi): "Ta có mặt trong quá khứ? Ta không có mặt không quá khứ? Ta là gì trong quá khứ? Ta có mặt như thế nào trong quá khứ? Hay trước ta đã là gì, và nay trong quá khứ ta là gì?"

19) Hay không chạy theo tương lai (với những câu hỏi): "Ta có mặt trong tương lai? Ta không có mặt trong tương lai? Ta sẽ làm gì trong tương lai? Ta có mặt như thế nào trong tương lai? Hay trước ta là gì, và nay trong tương lai ta sẽ là gì?"

20) Hay nay các vị ấy sẽ khởi lên những nghi ngờ về tự mình trong hiện tại như sau: "Ta hiện có mặt? Ta hiện không có mặt? Ta hiện là gì? Ta hiện có mặt như thế nào?" Sự kiện như vậy không xảy ra.

21) Vì sao? Vì rằng vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đã khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ, định lý duyên khởi này với các pháp duyên sanh này.

III. Phẩm Mười Lực

I. Mười Lực (Tăng 46,3, Đại 2,776a) (S.ii,27)

1). .. Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Như Lai đây đủ mười lực, đây đủ bốn vô sở úy, tự nhận vị trí Ngưu vương, rồng tiếng rồng con sư tử giữa hội chúng, chuyên Pháp luân và nói rằng: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt. Đây là tướng, đây là tướng tập khởi, đây là tướng đoạn diệt. Đây là hành, đây là hành tập khởi, đây là hành đoạn diệt. Đây là thức, đây

là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt".

Như vậy do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt.

3) Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

4) Do ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

II. Mười Lực (Tập 14.6 Thập Lực, Đại 2,98a) (S.ii,28)

1). .. Trú Tại Sàvatthi.

2) -- Này các Tỷ-kheo, Như Lai đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

3-4). ..

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, khai thị, hiển lộ, các buộc ràng được cắt đoạn.

6) Như vậy, này các Tỷ-kheo, với Pháp được Ta khéo thuyết, hiển thi, khai thi, hiển lộ, các buộc ràng được cắt đoạn, thật là đủ cho Thiện nam tử do lòng tin xuất gia có thể bắt đầu tinh tấn (hành trì và nguyện). Như vậy, này các Tỷ-kheo, với Pháp được Ta khéo thuyết, hiển thi, hiển lộ các buộc ràng được cắt đoạn. Chắc chắn dầu chỉ còn lại da, gân và xương trên thân, dầu thịt, máu trở thành khô cạn, mong rằng tinh tấn lực, sẽ được kiên trì để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ trượng phu lực, nhờ trượng phu tinh tấn, nhờ trượng phu cần dỗng.

7) Khô thay, này các Tỷ-kheo, là người sống biêng nhác, dính đầy các pháp ác, bất thiện và mục đích lớn bị suy giảm! An lạc thay, này các Tỷ-kheo, là người sống tinh cần, tinh tấn, viễn ly các ác, bất thiện pháp, và mục đích lớn được viên mãn!

8) Này các Tỷ-kheo, không phải với cái hạ liệt có thể đạt được cái cao thượng. Này các Tỷ-kheo, phải với cái cao thượng mới đạt được cái cao thượng. Đáng được tán thán, này các Tỷ-kheo, là Phạm hạnh này với sự có mặt của bậc Đạo Sư. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy tinh tấn lên để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

9) Có vậy, sự xuất gia này của chúng ta sẽ không phải trông không, có kết quả, có thành tích (Sadraya). Và những vật dụng chúng ta thợ dụng như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc trị bệnh, dầu cho những thứ này là khiêm tốn (vokarà), đối với chúng ta sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn.

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập. Này các Tỷ-kheo, thấy được tự lợi là vừa đủ để tinh tấn không phóng dật. Hay này các Tỷ-kheo, khi thấy lợi tha là vừa đủ để tinh tấn, không phóng dật. Hay này các Tỷ-kheo, thấy lợi cả hai, là vừa đủ để tinh tấn, không phóng dật.

III. Duyên(S.ii,29)

1)... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, đối với người biết, này các Tỷ-kheo, đối với người thấy, Ta nói các lậu hoặc được đoạn diệt, không phải đối với người không biết, không phải đối với người không thấy.

3) Và này các Tỷ-kheo, như thế nào đối với người biết, đối với người thấy, các lậu hoặc được đoạn diệt? Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với người biết, như vậy đối với người thấy, các lậu hoặc được đoạn diệt.

4) Nay các Tỷ-kheo, trong đoạn diệt ấy, trí về đoạn diệt, Ta nói rằng trí ấy có duyên, không phải không có duyên.

5) Và này các Tỷ-kheo, duyên của trí về đoạn diệt là gì? Giải thoát là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng giải thoát có duyên, không phải không có duyên.

6) Và này các Tỷ-kheo, duyên của giải thoát là gì? Ly tham là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng ly tham có duyên, không phải không có duyên.

7) Và này các Tỷ-kheo, duyên của ly tham là gì? Yêm ly là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng yêm ly có duyên, không phải không có duyên.

8) Và này các Tỷ-kheo, duyên của yêm ly là gì? Tri kiến như chân là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng tri kiến như chân có duyên, không phải không có duyên.

9) Và này các Tỷ-kheo, duyên của tri kiến như chân là gì? Định là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng định có duyên, không phải không có duyên.

10) Và này các Tỷ-kheo, duyên của định là gì? Lạc là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lạc có duyên, không phải không có duyên.

11) Nay các Tỷ-kheo, duyên của lạc là gì? Khinh an là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng khinh an có duyên, không phải không có duyên.

12) Và này các Tỷ-kheo, duyên của khinh an là gì? Hỷ là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hỷ có duyên, không phải không có duyên.

13) Và này các Tỷ-kheo, duyên của hỷ là gì? Hân hoan là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hân hoan có duyên, không phải không có duyên.

14) Và này các Tỷ-kheo, duyên của hân hoan là gì? Lòng tin là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lòng tin có duyên, không phải không có duyên.

15) Và này các Tỷ-kheo, duyên của lòng tin là gì? Khô là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng khô có duyên, không phải không có duyên.

16) Và này các Tỷ-kheo, duyên của khô là gì? Sanh là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng sanh có duyên, không phải không có duyên.

17) Và này các Tỷ-kheo, duyên của sanh là gì? Hữu là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hữu có duyên, không phải không có duyên.

18) Và này các Tỷ-kheo, duyên của hữu là gì? Thủ là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng thủ có duyên, không phải không có duyên.

19) Và này các Tỷ-kheo, duyên của thủ là gì? Ái là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng ái có duyên, không phải không có duyên.

20-25) Và này các Tỷ-kheo, duyên của ái là gì? Thọ là câu trả lời... (như trên)...

Xúc là câu trả lời...

Sáu xứ là câu trả lời...

Danh sắc là câu trả lời...

Thức là câu trả lời...

Hành là câu trả lời. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hành có duyên, không phải không có duyên.

26) Và này các Tỷ-kheo, duyên của hành là gì? Vô minh là câu trả lời.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên khổ; khổ duyên tín; tín duyên hân hoan; hân hoan duyên hỷ; hỷ duyên khinh an; khinh an duyên lạc; lạc duyên định; định duyên tri kiến như chân; tri kiến như chân duyên yém ly; yém ly duyên ly tham; ly tham duyên giải thoát; giải thoát duyên trí về đoạn diệt.

27) Ví như, này các Tỷ-kheo, trên đỉnh núi trời mưa nặng hột và nước chảy theo triền tháp, tràn đầy hang núi, khe núi, thung lũng. Khi các hang núi, khe núi, thung lũng được tràn đầy, thời ao nhỏ được tràn đầy; ao nhỏ được tràn đầy thời ao lớn được tràn đầy; ao lớn tràn đầy thời sông nhỏ được tràn đầy; sông nhỏ được tràn đầy thời sông lớn được tràn đầy; sông lớn được tràn đầy thời biển lớn, đại dương được tràn đầy.

28) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên khổ; khổ duyên tín; tín duyên hân hoan; hân hoan duyên hỷ; hỷ duyên khinh an; khinh an duyên lạc; lạc duyên định; định duyên tri kiến như chân; tri kiến như chân duyên yém ly; yém ly duyên ly tham; ly tham duyên giải thoát; giải thoát duyên trí về đoạn diệt.

IV. Ngoại Đạo (S.ii,32)

1)... Trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm).

2) Tôn giả Sàriputta vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Vương Xá để khát thực.

3) Rồi Tôn giả Sàriputta suy nghĩ: "Thật là quá sớm để vào Vương Xá khát thực. Ta hãy đi đến vườn của các du sĩ ngoại đạo".

4) Rồi Tôn giả Sàriputta đi đến vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, Tôn giả liền ngồi xuống một bên.

Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Tôn giả Sàriputta đang ngồi xuống một bên:

5) -- Này Hiền giả Sàriputta, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm. Này Hiền giả Sàriputta, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm. Này Hiền giả Sàriputta, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm. Này Hiền giả Sàriputta, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh.

6) Ở đây, này Hiền giả Sàriputta, Sa-môn Gotama thuyết như thế nào, tuyên bố như thế nào? Và chúng tôi trả lời như thế nào để đáp đúng lời Sa-môn Gotama tuyên bố; chúng tôi không xuyên tạc Sa-môn Gotama không đúng sự thực. Pháp chúng tôi trả lời là thuận pháp; và một vị đồng pháp nào có muôn cát vân cũng không tìm được lý do để chỉ trích.

7) Chư Hiền giả, Thế Tôn đã nói khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Thế Tôn tuyên bố, không xuyên tạc Thế Tôn không đúng sự thật, pháp được trả lời là thuận pháp, và một vị đồng pháp nào có muôn cát vân cũng không tìm được lý do để chỉ trích.

8) Ở đây, này chư Hiền, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm; khổ ấy chính do duyên xúc... Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc.

9) Ở đây, này chư Hiền, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm. Họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm. Họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Và những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm. Họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Và những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh. Họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra.

10) Tôn giả Ananda nghe câu chuyện giữa Tôn giả Sàriputta với các du sĩ ngoại đạo ấy.

11) Rồi Tôn giả Ananda, đi khất thực ở Vương Xá xong, sau buổi ăn, trên con đường khất thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda đem tất cả câu chuyện xảy ra giữa Tôn giả Sàriputta và các du sĩ ngoại đạo trình bày lên Thế Tôn.

12) -- Lành thay, lành thay, này Ananda! Sàriputta trả lời như vậy là trả lời một cách chơn chánh. Này Ananda, Ta nói rằng khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Ta tuyên bố, không xuyên tạc Ta không đúng sự thật, và một vị đồng pháp nào có muôn cát vân, cũng không tìm được lý do để chỉ trích.

13) Ở đây, này Ananda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm, khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên)... Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, và không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc.

14) Ở đây, này Ananda, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc, sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-

la-môn nào... (như trên)... Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra.

- 15) Nay Ananda, một thời Ta trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.
 - 16) Rồi này Ananda, vào buổi sáng Ta đắp y, cầm y bát đi vào Vương Xá để khất thực.
 - 17) Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm đi vào Vương Xá để khất thực. Vậy Ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo".
 - 18) Rồi này Ananda, Ta đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến Ta nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, Ta ngồi xuống một bên.
- Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Ta đang ngồi một bên:
- 19) "-- Nay Hiền giả Gotama, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm. Nay Hiền giả Gotama, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm. Nay Hiền giả Gotama, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm. Nay Hiền giả Gotama, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh.
 - 20) Ở đây, Tôn giả Gotama thuyết như thế nào? Chúng tôi trả lời như thế nào để đáp đúng lời Tôn giả Gotama tuyên bố; chúng tôi không xuyên tạc Tôn giả Gotama không đúng sự thật; pháp chúng tôi trả lời là thuận pháp và một vị đồng pháp nào muốn cật vấn cũng không tìm được lý do để chỉ trích?"
 - 21) Khi được nói vậy, này Ananda, Ta nói với các du sĩ ngoại đạo ấy:

"-- Nay chư Hiền, Ta đã nói khổ do duyên mà sanh. Do duyên gi? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Ta tuyên bố, không xuyên tạc Ta không đúng sự thật; pháp được trả lời là thuận pháp; và một vị đồng pháp nào có muôn cật vấn cũng không tìm được lý do để chỉ trích".

 - 22) Ở đây, chư Hiền giả, có những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Có những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên)... Có những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc.
 - 23) Ở đây, chư Hiền giả, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp tuyên bố khổ do tự mình làm; họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc, sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn... (như trên)... Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm ra, khổ do tự nhiên sanh. Họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra.
 - 24) -- Thật vi diệu thay, bạch Thé Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thé Tôn! Làm sao tất cả nghĩa được nói chỉ trong một câu. Bạch Thé Tôn, nếu nghĩa này được nói rộng ra, nghĩa này sẽ sâu thẳm và có vẻ được xem là sâu thẳm.
 - 25) -- Vậy này Ananda, Ông hãy trình bày nghĩa ấy ở đây.

26) -- Bạch Thé Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ananda, già, chét lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, Bạch Thé Tôn, con sẽ trả lời như sau: "Già, chét, thưa các Tôn giả, lấy sanh làm nhân, lấy sanh tập khởi, lấy sanh tác sanh, lấy sanh làm hiện hữu". Được hỏi vậy, Bạch Thé Tôn, con trả lời như vậy.

27) Bạch Thé Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ananda, sanh lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?". Được hỏi vậy, Bạch Thé Tôn, con sẽ trả lời: "Sanh, thưa các Tôn giả, lấy hữu làm nhân, lấy hữu tập khởi, lấy hữu tác sanh, lấy hữu làm hiện hữu". Được hỏi vậy, Bạch Thé Tôn, con trả lời như vậy.

28) Bạch Thé Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ananda, hữu lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?". Được hỏi vậy, Bạch Thé Tôn, con sẽ trả lời như sau: "Hữu, thưa các Tôn giả, lấy thủ làm nhân, lấy thủ tập khởi, lấy thủ tác sanh, lấy thủ làm hiện hữu". Được hỏi vậy, Bạch Thé Tôn, con trả lời như vậy.

29-31) Bạch Thé Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ananda, thủ lấy gì làm nhân... ái lấy gì làm nhân... thọ lấy gì làm nhân... (như trên)..". Bạch Thé Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ananda, xúc lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?". Được hỏi vậy, Bạch Thé Tôn, con sẽ trả lời như sau: "Xúc, thưa các Hiền giả, lấy sáu xứ làm nhân, lấy sáu xứ tập khởi, lấy sáu xứ tác sanh, lấy sáu xứ làm hiện hữu. Thưa các Hiền giả, do sự ly tham, đoạn diệt hoàn toàn các xúc xứ, xúc được đoạn diệt. Do xúc diệt, thọ diệt; do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt; do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này". Được hỏi vậy, Bạch Thé Tôn, con trả lời như vậy.

V- Bhùmija (Tập 14.1 Phù di, Đại 2.95b) (S.ii,37)

1)...Trú ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Bhùmija, vào buổi chiều, từ chỗ độc cư Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Bhùmija thưa Tôn giả Sàriputta:

3) -- Hiền giả Sàriputta, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do tự mình làm. Hiền giả Sàriputta, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do người khác làm. Hiền giả Sàriputta, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do tự mình làm và do người khác làm. Hiền giả Sàriputta, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ lạc do tự nhiên sanh.

4) Ở đây, này Hiền giả Sàriputta, Thé Tôn thuyết như thế nào, tuyên bố như thế nào? Và chúng tôi trả lời như thế nào để đáp đúng lời Thé Tôn tuyên bố; chúng tôi không xuyên tạc Thé Tôn không đúng sự thật; pháp chúng tôi trả lời là thuận pháp; và một vị đồng pháp nào có muôn cát vấn không tìm được lý do để chỉ trích?

5) -- Nay Hiền giả, Thé Tôn đã nói lạc khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Thé Tôn tuyên bố, không xuyên tạc Thé Tôn không đúng sự thật; pháp được trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào có muôn cát vấn cũng tìm được lý do để chỉ trích.

6) Ở đây, này Hiền giả, các vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc khổ do tự

mình làm; lạc khổ áy chính do duyên xúc. Các vị Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên)... Các Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố là lạc khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, lạc khổ do tự nhiên sanh; lạc khổ áy chính do duyên xúc.

7) Ở đây, này Hiền giả, các Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc khổ do tự mình làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Các Sa-môn, Bà-la-môn nào...(như trên)... Các Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, lạc khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra.

8) Tôn giả Ananda được nghe chuyện này giữa Tôn giả Sàriputta với Tôn giả Bhùmija.

9) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda đem tất cả câu chuyện xảy ra như thế nào giữa Tôn giả Sàriputta với Tôn giả Bhùmija bạch lên Thé Tôn.

10) -- Lành thay, lành thay! Này Ananda, Sàriputta trả lời như vậy là trả lời một cách chơn chánh. Này Ananda, Ta nói rằng khổ là do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Ta tuyên bố, không xuyên tạc Ta không đúng sự thật; pháp được trả lời là thuận pháp và một vị đồng pháp nào cật vấn Ta không có thể tìm được lý do để chỉ trích.

11) Ở đây, này Ananda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc khổ do tự mình làm, lạc khổ áy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên)... Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ lạc do tự nhiên sanh; khổ lạc áy chính do duyên xúc.

12) Ở đây, này Ananda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc khổ do tự mình làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện áy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên)... Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, lạc khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện áy không xảy ra.

13) Này Ananda, chỗ nào có thân, do nhân thân tư niệm, thời nội thân khởi lên lạc khổ. Chỗ nào có lời nói, này Ananda, do nhân khẩu tư niệm, thời nội thân khởi lên lạc khổ. Chỗ nào có ý, này Ananda, do nhân ý tư niệm, thời nội thân khởi lên lạc khổ.

14) Do duyên vô minh, hoặc tự chúng ta, này Ananda, làm các thân hành; do duyên áy, nội thân khởi lên lạc khổ. Hoặc những người khác, này Ananda, làm các thân hành; do duyên áy, nội thân khởi lên lạc khổ. Hoặc với ý thức rõ ràng, này Ananda, làm các thân hành; do duyên áy, nội thân khởi lên lạc khổ. Hoặc không với ý thức rõ ràng, này Ananda, làm các thân hành; do duyên áy, nội thân khởi lên lạc khổ.

15) Hoặc tự chúng ta, này Ananda, làm các khẩu hành; do duyên áy, nội thân khởi lên lạc khổ. Hoặc những người khác này Ananda làm các khẩu hành; do duyên áy, nội thân khởi lên lạc khổ.

16) Hoặc với ý thức rõ ràng, này Ananda... (như trên)... Hoặc không với ý thức rõ ràng, này Ananda, làm các khẩu hành; do duyên áy, nội thân khởi lên lạc khổ.

17) Hoặc tự mình, này Ananda, làm các ý hành; do duyên áy, nội thân khởi lên lạc khổ. Hoặc những người khác, này Ananda, làm các ý hành; do duyên áy, nội thân khởi lên lạc khổ.

18) Hoặc với ý thức rõ ràng, này Ananda... (như trên)... Hoặc không với ý thức rõ ràng, này Ananda làm các ý hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc khổ.

19) Nay Ananda, trong sáu pháp này, đều bị vô minh chi phối. Nay Ananda, với ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh, thân ấy không có; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc khổ. Khẩu ấy không có; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc khổ. Ý ấy không có; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc khổ. Chúng không phải là đồng ruộng, chúng không phải là căn cứ, chúng không phải là xứ, chúng không phải là luận sự; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc khổ.

VI. Upavàna (Ưu-ba-ma-na) (S.ii,41)

1). .. Trú ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Upavàna đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upavàna bạch Thé Tôn:

3) -- Bạch Thé Tôn, có những Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố khổ do tự mình làm. Bạch Thé Tôn lại có những Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố khổ do người khác làm. Bạch Thé Tôn, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm. Bạch Thé Tôn, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh.

4) Ở đây, bạch Thé Tôn, Thé Tôn thuyết như thế nào, tuyên bố như thế nào? Và chúng con trả lời như thế nào để đáp đúng lời Thé Tôn tuyên bố; chúng con không xuyên tạc Thé Tôn không đúng sự thực; pháp chúng con trả lời là thuận pháp và một vị đồng pháp nào có muôn cát vần cũng không tìm được lý do để chỉ trích?

5) -- Nay Upavàna, Ta đã nói khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Ta tuyên bố, không xuyên tạc Ta không đúng sự thực; pháp được trả lời là thuận pháp và một vị đồng pháp nào có muôn cát vần cũng không tìm được lý do để chỉ trích.

6) Ở đây, này Upavàna, những Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố khổ do tự mình làm ra; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên)... Những Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố khổ không do mình làm ra, không do người khác làm ra, khổ do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc.

7) Ở đây, này Upavàna, những Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố khổ do tự mình làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn... (như trên)... Những Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh. Họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra.

VII. Duyên (S.ii,42)

1)... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên)... Như vậy là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

3) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là già, chết? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị già yếu, suy nhược, hủ bại, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ đời bại, các căn chín muồi; đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị một diệt, hủy hoại, tiêu mòn, tử

vong, các uẩn tàn lụn, thân thể hoại diệt, vứt bỏ; đây gọi là chết. Như vậy, đây là già, đây là chết. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là già chết.

4) Do sanh khởi, già chết khởi. Do sanh diệt, già chết diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến già chết đoạn diệt tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh?...

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hưu?...

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủ?...

8) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ái?...

9) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ?...

10) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xúc?...

11) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu xứ?...

12) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là danh sắc?...

13) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức?... (xem như trên, chương Một, phẩm Một, II. 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13)

14) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Nay các Tỷ-kheo, có ba hành này: thân hành, khẩu hành, ý hành. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hành.

Do vô minh khởi, hành khởi. Do vô minh diệt, hành diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến sự đoạn diệt các hành. Tức là chánh tri kiến... chánh định.

15) Nay các Tỷ-kheo, do vị Thánh đệ tử biết duyên như vậy, duyên tập khởi như vậy, duyên đoạn diệt như vậy; biết rõ con đường đưa đến đoạn diệt như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là đạt tri kiến, đạt kiến, đã đạt đến diệu pháp này, thấy được diệu pháp này, đã đầy đủ hữu học trí, đã đầy đủ hữu học minh, đã nhập được pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ, đã đứng gõ vào cửa bất tử.

VIII. Vị Tỷ Kheo (Tập 14.14, Lão Tử, Đại 2,99c) (S.ii.43)

1)... Trú ở Sàvatthi.

2) Tại đây...

3) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hiểu rõ già chết, hiểu rõ già chết tập khởi, hiểu rõ già chết đoạn diệt, hiểu rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt...(như trên)...

4)... Hiểu rõ sanh...

5)... Hiểu rõ hưu...

- 6)... Hiểu rõ thủ...
- 7)... Hiểu rõ ái...
- 8)... Hiểu rõ thọ...
- 9)... Hiểu rõ xúc...
- 10)... Hiểu rõ sáu xứ...
- 11)... Hiểu rõ danh sắc...
- 12)... Hiểu rõ thức...
- 13)... Hiểu rõ hành, hiểu rõ hành tập khởi, hiểu rõ hành đoạn diệt.

14) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là già chét? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị già yếu, suy nhược, rỗng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ đồi bại, các căn chín muồi; đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị một diệt, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn tàn lụn, thân thể hoại diệt, vứt bỏ; đây gọi là chét. Như vậy đây là già, đây là chét. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là già chét.

15) Do sanh khởi, già chét khởi. Do sanh diệt, già chét diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến già chét đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

16-24) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh... (như trên)... Nay các Tỷ-kheo, thế nào là hưu... Nay các Tỷ-kheo, thế nào là thủ... Nay các Tỷ-kheo, thế nào là ái... là thọ... là xúc... là sáu xứ... là danh sắc... là thức?...

25) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Có ba hành này, này các Tỷ-kheo: thân hành, khẩu hành, ý hành. Ba hành này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hành.

Do vô minh khởi nên hành khởi. Do vô minh diệt nên hành diệt. Đây chính là Thánh đạo tám ngành đưa đến hành đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến...(như trên)...chánh định.

26) Nay các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo biết rõ già chét như vậy, biết rõ già chét tập khởi như vậy, biết rõ già chét đoạn diệt như vậy, biết rõ con đường đưa đến già chét đoạn diệt như vậy.

27-36) Do biết rõ sanh như vậy... hưu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... Do biết rõ hành như vậy, biết rõ hành tập khởi như vậy, biết rõ hành đoạn diệt như vậy, do biết rõ con đường đưa đến hành đoạn diệt như vậy.

37) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy được gọi là đạt tri kiến, đạt kiến, đã đi đến diệu pháp này, thấy được diệu pháp này, đã đầy đủ hữu học trí, đã đầy đủ hữu học minh, đã nhập được pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ, đã đứng gõ vào cửa bất tử.

IX. Sa Môn, Bà La Môn (Tập 14,12-3, Sa-môn, Bà-la-môn, Đại 2,99b) (S.ii,42)

- 1)... Trú ở Sàvatthi.

2-12) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không hiểu rõ già chét, không hiểu rõ già chét tập khởi, không hiểu rõ già chét đoạn diệt, không hiểu rõ con đường đưa đến già chét đoạn diệt, không hiểu rõ sanh... (như trên)... Hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... không hiểu rõ hành, không hiểu rõ hành tập khởi, không hiểu rõ hành đoạn diệt, không hiểu rõ con đường đưa đến hành đoạn diệt;

13) Những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Và những Tôn giả ấy cũng không có thể ngay trong đời sống hiện tại, tự mình chứng ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

14-24) Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào hiểu rõ già chét, hiểu rõ già chét tập khởi, hiểu rõ già chét đoạn diệt, hiểu rõ con đường đưa đến già chét đoạn diệt, hiểu rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... hiểu rõ hành, hiểu rõ hành tập khởi, hiểu rõ hành đoạn diệt, hiểu rõ con đường đưa đến hành đoạn diệt;

25) Những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Và những Tôn giả ấy ngay trong đời sống hiện tại, tự mình chứng ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

X. Sa Môn , Bà La Môn (như trên) (S.ii,46)

1)... Trú ở Sàvatthi.

2) Ở đây...

3) -- Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết già chét, không biết già chét tập khởi, không biết già chét đoạn diệt, không biết con đường đưa đến già chét đoạn diệt; họ chắc chắn vượt qua già chét và an trú; sự kiện như vậy không xảy ra.

4-12) Không biết sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức...

13) Không biết hành, không biết hành tập khởi, không biết hành đoạn diệt, không biết con đường đưa đến hành đoạn diệt, họ chắc chắn vượt qua các hành và an trú; sự kiện như vậy không xảy ra.

14) Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết già chét, biết già chét tập khởi, biết già chét đoạn diệt, biết con đường đưa đến già chét đoạn diệt; họ chắc chắn vượt qua già chét và an trú, sự kiện như vậy có xảy ra.

15-23) Biết sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... biết hành, biết hành tập khởi, biết hành đoạn diệt; biết con đường đưa đến hành đoạn diệt; họ chắc chắn vượt qua các hành và an trú; sự kiện như vậy có xảy ra.

IV. Phẩm Kalara - Vị Sát Đế Lị

I. Sanh (Tập 14.3 Tập sanh, Đại 2,95b) (S.ii.47)

1) Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi.

I

2) Rồi Thέ Tôn gọi Tôn giả Sàriputta:

-- Nay Sàriputta, trong kinh Paràvana, đoạn các câu hỏi của Ajita, có bài:

*Thuần thực pháp hữu vi,
Ở đây nhiều hữu học,
Trí tuệ những vị ấy,
Trong uy nghi của họ,
Hãy đáp lời ta hỏi,
Nói lên, này Thân hữu!*

Nay Sàriputta, lời nói tóm tắt này, ý nghĩa cần phải được nhận hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

Được nói vậy, Tôn giả Sàriputta giữ im lặng.

3) Lần thứ hai, Thέ Tôn gọi Tôn giả Sàriputta... (như trên)... Lần thứ hai, Tôn giả Sàriputta giữ im lặng.

4) Lần thứ ba, Thέ Tôn gọi Tôn giả Sàriputta:

-- Nay Sàriputta, trong kinh Karàvana, đoạn các câu hỏi của Ajita, có bài:

*Thuần thực pháp hữu vi,
Ở đây nhiều hữu học,
Trí tuệ những vị ấy,
Trong uy nghi của họ,
Hãy đáp lời ta hỏi,
Nói lên, này Thân hữu!*

Nay Sàriputta, lời nói tóm tắt này, ý nghĩa cần phải được nhận hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

Lần thứ ba, Tôn giả Sàriputta giữ im lặng.

II

5) -- Nay Sàriputta, Ông có thấy cái này được sinh thành? Nay Sàriputta, Ông có thấy cái này được sinh thành?

6) -- Cái này được sinh thành. Bạch Thέ Tôn, vị ấy với chánh trí tuệ thấy như chọn cái này được sinh thành. Sau khi thấy như chọn với chánh trí tuệ, lại thực hành sự yém ly, ly tham, đoạn diệt đối với cái được sinh thành, vị ấy thấy với chánh trí tuệ, sự tục sanh do một loại đồ ăn. Sau khi thấy như chọn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn, vị ấy lại thực hành sự yém ly, ly tham, đoạn diệt sự tục sanh do một loại đồ ăn.

Do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị sự đoạn diệt, vị ấy thấy như chọn với chánh trí tuệ. Do sự đoạn diệt một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt. Sau khi thấy như chọn với chánh trí tuệ, vị ấy thực hành sự yém ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự vật phải bị đoạn diệt. Như vậy, bạch Thέ Tôn là bậc hữu học.

7) Và bạch Thέ Tôn, như thế nào là thuần thực pháp hữu vi? Bạch Thέ Tôn, vị ấy thấy như chọn với chánh trí tuệ cái này được sinh thành. "Cái này được sinh thành"; sau khi thấy như chọn với chánh trí

tuệ, do sự yém ly, ly tham, đoạn diệt đối với cái được sinh thành, vị ấy được giải thoát không có chấp thủ. Vị ấy thấy như chọn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn. Sau khi thấy như chọn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn, do sự yém ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự tục sanh do một loại đồ ăn, vị ấy được giải thoát, không chấp thủ.

Do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt, vị ấy thấy như chọn với chánh trí tuệ. Do sự đoạn diệt một loại đồ ăn, cái được sinh thành phải bị đoạn diệt; sau khi thấy như chọn với chánh trí tuệ, do sự yém ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự vật phải bị đoạn diệt, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ. Như vậy, bạch Thế Tôn, là thuần thực pháp hữu vi.

8) Như vậy, bạch Thế Tôn, như đã được nói trong kinh Paràvana, đoạn các câu hỏi của Ajita, có bài:

*Thuần thực pháp hữu vi,
Ở đây nhiều hữu học,
Trí tuệ những vị ấy,
Trong uy nghi của họ,
Hãy đáp lời ta hỏi,
Nói lên, này Thân hữu!*

Bạch Thế Tôn, lời nói tóm tắt này, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

III

9) -- Lành thay, lành thay! Cái này được sinh thành, này Sàriputta, vị ấy thấy như chọn với chánh trí tuệ. Cái này được sinh thành; sau khi thấy như chọn với chánh trí tuệ, lại thực hành sự yém ly, ly tham, đoạn diệt, đối với cái được sinh thành. Vị ấy thấy như chọn với chánh trí tuệ, sự tục sanh do một loại đồ ăn. Sau khi thấy như chọn với chánh trí tuệ, sự tục sanh do một loại đồ ăn, lại thực hành sự yém ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự tục sanh do một loại đồ ăn.

Do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt, vị ấy thấy như chọn với chánh trí tuệ. Do sự đoạn diệt với một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt; sau khi thấy như chọn với chánh trí tuệ, vị ấy thực hành sự yém ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự vật phải bị đoạn diệt.

Như vậy, này Sàriputta, là bậc hữu học.

10) Và này Sàriputta, như thế nào là thuần thực pháp hữu vi? Này Sàriputta, cái này được sinh thành, vị ấy thấy như chọn với chánh trí tuệ. Cái này được sinh thành; sau khi thấy như chọn với chánh trí tuệ, do sự yém ly, ly tham, đoạn diệt đối với cái được sinh thành, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ.

Vị ấy thấy như chọn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn. Sau khi thấy như chọn với chánh trí tuệ, sự tục sanh do một loại đồ ăn, đối với sự tục sanh do một loại đồ ăn, do sự yém ly, ly tham, đoạn diệt, vị ấy được giải thoát, không chấp thủ.

Do sự đoạn diệt một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt, vị ấy thấy như chọn với chánh trí tuệ. Do sự đoạn diệt một loại đồ ăn, cái được sinh thành phải bị đoạn diệt; sau khi thấy như chọn với chánh trí tuệ, do sự yém ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự vật phải bị đoạn diệt, vị ấy được giải thoát không có chấp thủ.

Như vậy, này Sàriputta, là thuần thực pháp hữu vi.

11) Như vậy, này Sàriputta, như đã được nói trong kinh Paràvana, đoạn các câu hỏi của Ajita, có bài:

*Thuần thực pháp hữu vi,
Ở đây nhiều hữu học,
Trí tuệ những vị áy,
Trong uy nghi của họ,
Hãy đáp lời ta hỏi,
Nói lên, này Thân hữu!*

Này Sàriputta, lời nói tóm tắt này cần hiểu ý nghĩa một cách, rộng rãi như vậy.

II. Kalàra (S.ii,50)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

I

2) Rồi Tỷ-kheo Kalàra Khattiya (dòng Sát-đé-ly) đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kalàra Khattiya nói với Tôn giả Sàriputta:

-- Này Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo Moliyaphagguna đã từ bỏ học tập và hoàn tục.

-- Vậy vị Tôn giả áy, không tìm được sự an ủi trong Pháp và Luật này?

4) -- Vậy Tôn giả Sàriputta đã đạt được sự an ủi trong Pháp và Luật này?

-- Này Hiền giả, tôi không có nghi ngờ gì!

5) -- Này Hiền giả, còn đối với tương lai?

-- Tôi không có băn khoăn, này Hiền giả.

6) Rồi Tỷ-kheo Kalàra Khattiya từ chối ngồi đứng dậy, đi đến Thê Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thê Tôn rồi ngồi xuống một bên.

7) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kalàra Khattiya bạch Thê Tôn:

-- Con được biết, bạch Thê Tôn, Tôn giả Sàriputta tuyên bố được chánh trí như sau: "Sanh đã tận; Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm; không còn trở lại trạng thái này nữa".

8) Rồi Thê Tôn gọi một Tỷ-kheo:

-- Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhận danh Ta, gọi Sàriputta: "Hiền giả Sàriputta, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

9) -- Thưa vâng, bạch Thê Tôn.

Tỷ-kheo áy vâng đáp Thê Tôn, đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sàriputta: "Bậc

Đạo Sư cho gọi Hiền giả".

10) -- Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Sàriputta vâng đáp Tỷ-kheo áy, đi đến Thê Tôn; sau khi đến, đánh lẽ Thê Tôn rồi ngồi xuống một bên.

II

11) Thê Tôn nói với Tôn giả Sàriputta đang ngồi một bên:

-- Nay Sàriputta, có đúng sự thật chăng là Ông có tuyên bố đã chứng được chánh trí: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"?

-- Bạch Thê Tôn, không phải với những câu áy, với những chữ áy, ý nghĩa áy được con nói đến như vậy.

12) -- Vậy với pháp môn nào, này Sàriputta, Thiện nam tử nói đến sự chứng đắc trí, lời tuyên bố cần phải được xem đúng như lời tuyên bố.

13) -- Bạch Thê Tôn, chính con đã nói như sau: "Bạch Thê Tôn, không phải với những câu áy, với những chữ áy, ý nghĩa áy được con nói đến như vậy".

14) -- Nếu họ có hỏi Ông, này Sàriputta: "Ông biết như thế nào, này Sàriputta, Ông thấy như thế nào mà Ông tuyên bố trí đã được chứng đắc: 'Ta biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui lại trạng thái này nữa'?" Được hỏi vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

15) -- Nếu họ có hỏi con, bạch Thê Tôn: "Hiền giả biết như thế nào, này Hiền giả Sàriputta, Hiền giả thấy như thế nào mà tuyên bố trí đã được chứng đắc: 'Ta đã biết, sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa'?" Được hỏi vậy, bạch Thê Tôn, con trả lời như sau:

16) "Vì rằng này Hiền giả, trong (danh từ) tận diệt, ta hiểu được là sự tận diệt của nhân, chính do nhân ấy sanh sanh khởi. Sau khi hiểu được nghĩa tận diệt trong (danh từ) tận diệt, ta mới biết: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.' "

Được hỏi như vậy, bạch Thê Tôn, con trả lời như vậy.

17) -- Nay Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, sanh lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi như vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

18) -- Bạch Thê Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, sanh lấy gì làm nhân... (như trên)... lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, Bạch Thê Tôn, con trả lời như sau: "Sanh lấy hữu làm nhân, lấy hữu tập khởi, lấy hữu tác sanh, lấy hữu làm hiện hữu". Được hỏi vậy, bạch Thê Tôn, con trả lời như vậy.

19) -- Nay Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, hữu lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

20) -- Bạch Thê Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, hữu lấy gì làm nhân... lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, Bạch Thê Tôn, con trả lời như sau: "Hữu lấy thủ làm nhân, lấy thủ tập khởi, lấy thủ tác sanh, lấy thủ làm hiện hữu". Được hỏi vậy, Bạch Thê Tôn, con trả lời như vậy.

21) -- Nay Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, thủ lấy gì làm nhân... (như trên)..".

22-23) -- Và nay Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, ái lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hưu?" Được hỏi vậy, nay Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

24) -- Bạch Thé Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, ái lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì hiện hưu?". Được hỏi vậy, Bạch Thé Tôn, con sẽ trả lời như sau: "Này Hiền giả, ái lấy thọ làm nhân, lấy thọ tập khởi, lấy thọ tác sanh, lấy thọ làm hiện hưu". Được hỏi vậy, Bạch Thé Tôn, con trả lời như vậy.

25) -- Nay Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Làm sao, nay Hiền giả Sàriputta, Hiền giả biết như thế nào, Hiền giả thấy như thế nào, cảm thọ diệu lạc ấy không tồn tại?" Được hỏi vậy, nay Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

26) -- Bạch Thé Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, Hiền giả biết như thế nào, Hiền giả thấy như thế nào, cảm thọ diệu lạc không tồn tại?" Được hỏi vậy, Bạch Thé Tôn con trả lời như sau:

27) "Này Hiền giả, có ba cảm thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Nay Hiền giả, ba cảm thọ này vô thường, khi biết được cái gì vô thường là khổ, thời cảm thọ diệu lạc ấy không tồn tại".

Được hỏi vậy, bạch Thé Tôn con trả lời như vậy.

28) -- Lành thay, lành thay nay Sàriputta! Pháp môn (phương tiện) này, nay Sàriputta, có thể trả lời tóm tắt như sau: Cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong đau khổ.

29) -- Nay Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Hiền giả được giải thoát như thế nào, nay Hiền giả Sàriputta, mà Hiền giả tuyên bố trí đã được chứng đắc: 'Ta biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa?'" Được hỏi vậy, nay Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

30) -- Bạch Thé Tôn, nếu con được hỏi: "Hiền giả được giải thoát như thế nào, nay Hiền giả Sàriputta, mà Hiền giả tuyên bố trí đã được chứng đắc: 'Ta biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa?'" Được hỏi vậy, bạch Thé Tôn, con trả lời như sau:

31) "Do tự giải thoát, chư Hiền giả, do đoạn diệt tất cả chấp thủ, ta sống an trú chánh niệm như vậy. Nhờ sống an trú chánh niệm như vậy, các lậu hoặc không còn tiếp tục rỉ chảy, và ta không chấp nhận tự ngã".

Được hỏi vậy, bạch Thé Tôn, con trả lời như vậy.

32) -- Lành thay, lành thay nay Sàriputta! Pháp môn (phương tiện) này, nay Sàriputta, có thể trả lời tóm tắt như sau: Những cái gì được vị Sa-môn gọi là lậu hoặc, ta không còn nghi ngờ gì nữa, chúng đã được ta diệt tận. Ta không còn phân vân gì nữa.

33) Nói vậy xong, Thé Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh xá.

III

34) Rồi Tôn giả Sàriputta, sau khi Thé Tôn đi chặng lao lâu, liền bảo các Tỷ-kheo:

35) -- Này chư Hiền giả, Thέ Tôn hỏi ta câu hỏi thứ nhất mà ta chưa được biết trước, lúc ấy trí ta còn chậm chạp. Nhưng này chư Hiền giả, khi Thέ Tôn tùy hý (trả lời câu) hỏi thứ nhất của ta, ta suy nghĩ như sau:

36) "Nếu Thέ Tôn hỏi ta ý nghĩa trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác, thời ta có thể trả lời Thέ Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác.

37) Nếu Thέ Tôn hỏi ta ý nghĩa trọn đêm với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác, thời ta có thể trả lời Thέ Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác.

38) Nếu Thέ Tôn hỏi ta ý nghĩa trọn đêm và trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác, thời ta có thể trả lời Thέ Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn đêm và trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác.

39) Nếu Thέ Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn hai đêm hai ngày, ta có thể trả lời Thέ Tôn về ý nghĩa ấy trọn hai đêm hai ngày.

40) Nếu Thέ Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn ba đêm ba ngày, ta có thể trả lời Thέ Tôn về ý nghĩa ấy trọn ba đêm ba ngày.

41) Nếu Thέ Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn bốn đêm bốn ngày, ta có thể trả lời Thέ Tôn về ý nghĩa ấy trọn bốn đêm bốn ngày.

42) Nếu Thέ Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn năm đêm năm ngày, ta có thể trả lời Thέ Tôn về ý nghĩa này trọn năm đêm năm ngày.

43) Nếu Thέ Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn sáu đêm sáu ngày, ta có thể trả lời Thέ Tôn về ý nghĩa này trọn sáu đêm sáu ngày.

44) Nếu Thέ Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn bảy đêm bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác, ta có thể trả lời Thέ Tôn về ý nghĩa này trọn bảy đêm bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác".

IV

45) Rồi Tỷ-kheo Kalàra Khattiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thέ Tôn, sau khi đến đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

46) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kalàra Khattiya bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, Tôn giả Sàriputta đã rống lên tiếng rống con sư tử như sau: Này chư Hiền giả, Thέ Tôn hỏi ta câu hỏi thứ nhất, mà ta chưa được biết trước, lúc ấy trí ta còn chậm chạp. Nhưng này chư Hiền giả, khi Thέ Tôn tùy hý (trả lời câu) hỏi thứ nhất của ta, ta suy nghĩ như sau: "Nếu Thέ Tôn hỏi ta về ý nghĩa này trọn ngày với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, ta có thể trả lời Thέ Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác. Nếu Thέ Tôn hỏi ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm... cho đến trọn đêm và trọn ngày... cho đến trọn ba... trọn bốn..., cho đến trọn năm... trọn sáu... trọn bảy đêm ngày với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác".

47) -- Nay các Tỷ-kheo, pháp giới áy (Dhammadhàtu) được Sàriputta khéo thành đạt. Do khéo thành đạt pháp giới áy, nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này trọn ngày với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, thời Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn ngày, với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác. Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, thời Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, với những phương tiện sai khác. Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm và trọn ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm và trọn ngày. Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn cả hai đêm và hai ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn cả hai đêm hai ngày. Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn cả ba đêm ba ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến cả ba đêm ba ngày. Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn bốn đêm bốn ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến bốn đêm bốn ngày. Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn năm đêm năm ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn năm đêm năm ngày. Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn sáu đêm sáu ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn sáu đêm sáu ngày. Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này trọn bảy đêm bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác, Sàriputta có thể trả lời cho Ta về ý nghĩa áy cho đến trọn bảy đêm bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác.

III. Những Căn Bản Của Trí (Tập 14.15 Chủng Trí, Đại 2, 99c) (S.ii,56)

1)... Ở Sàvatthi.

2). .. Nay các Tỷ-kheo. Ta sẽ thuyết về bốn mươi bốn căn bản của trí cho các Ông. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói.

-- Thưa vâng, Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

-- Và này các Tỷ-kheo, thê nào là bốn mươi bốn căn bản của trí?

4) Già chêt trí, già chêt tập trí, già chêt diệt trí, trí về con đường đưa đến già chêt diệt.

5) Sanh trí, sanh tập trí, sanh diệt trí, trí về con đường đưa đến sanh diệt.

6) Hữu trí, hữu tập trí, hữu diệt trí, trí về con đường đưa đến hữu diệt.

7) Thủ trí, thủ tập trí, thủ diệt trí, trí về con đường đưa đến thủ diệt.

8) Ái trí, ái tập trí, ái diệt trí, trí về con đường đưa đến ái diệt.

9) Thọ trí, thọ tập trí, thọ diệt trí, trí về con đường đưa đến thọ diệt.

10) Xúc trí...

11) Sáu xú trí...

12) Danh sắc trí...

13) Thức trí...

14) Hành trí, hành tập trí, hành diệt trí, trí về con đường đưa đến hành diệt.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bốn mươi bốn căn bản của trí.

15) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là già chết? Cái gì thuộc về chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay bộ loại chúng sanh khác, bị già yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ đồi bại, các căn chín muồi; đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị một diệt, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn tàn lụn, thân thể hoại diệt, vất bỏ; đây gọi là chết. Như vậy là già, đây là chết. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là già chết.

16) Do sanh tập khởi nên già chết tập khởi. Do sanh diệt nên già chết diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến già chết diệt; tức là chánh tri kiến... chánh định.

17) Nay các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử biết già chết như vậy, biết già chết tập khởi như vậy, biết già chết diệt như vậy, biết con đường đưa đến già chết diệt như vậy.

18) Đây là pháp trí của vị ấy. Vị ấy với pháp này được thấy, được biết, được quả túc thời, được đạt đến, được thể nhập (pariyogathena) hướng dẫn thái độ (nayam) của mình đối với quá khứ và tương lai.

19) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã hiểu rõ già chết, đã hiểu rõ già chết tập khởi, đã hiểu rõ già chết diệt, đã hiểu rõ con đường đưa đến già chết diệt, tất cả những vị ấy đều hiểu biết như vậy, như vậy; như hiện nay Ta vậy.

20) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai sẽ hiểu rõ (abhijanissanti) già chết, sẽ hiểu rõ già chết tập khởi, sẽ hiểu rõ già chết diệt, sẽ hiểu rõ con đường đưa đến già chết diệt, tất cả những vị ấy sẽ hiểu biết như vậy, như vậy; như hiện nay Ta vậy. Đây túc là tùy trí (avayave nānam) của vị ấy.

21) Nay các Tỷ-kheo, vì rằng vị Thánh đệ tử được thanh tịnh và thuần tịnh hai loại trí, pháp trí và tùy trí; này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là Thánh đệ tử đạt tri kiến, (dithisampanno) đạt kiến, đã đi đến diệu pháp này, đã thấy diệu pháp này, đã đầy đủ hữu học trí, đã đầy đủ hữu học minh, đã nhập được pháp laru, là bậc Thánh minh đạt tuệ (nibbedhi kappano), đã đứng gõ vào cửa bất tử.

22) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh?...

23) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu?...

24) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủ?...

25) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ái?...

26) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ?...

27) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xúc?...

28) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu xứ?...

29) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là danh sắc?...

30) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức?...

31) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Có ba hành này, này các Tỷ-kheo, thân hành, khẩu hành, ý hành. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hành.

32) Do vô minh tập khởi, hành tập khởi. Do vô minh tập khởi diệt, hành diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành, con đường đưa đến hành diệt; tức là chánh tri kiến... chánh định.

33) Vì rằng này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử biết hành như vậy, biết hành tập khởi như vậy, biết hành diệt như vậy, biết con đường đưa đến hành diệt như vậy. Đây là pháp trí của vị ấy, vị ấy với pháp này được thấy, được biết, được quả túc thời, được đạt đến, được thê nhập, hướng dẫn thái độ (nayam) của mình đối với quá khứ, tương lai.

34) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã hiểu rõ các hành, đã hiểu rõ hành tập khởi, đã hiểu rõ hành diệt, đã hiểu rõ con đường đưa đến hành diệt; tất cả những vị ấy đều hiểu biết như vậy, như vậy; như hiện nay Ta vậy.

35) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai sẽ hiểu rõ các hành, sẽ hiểu rõ hành tập khởi, sẽ hiểu rõ hành diệt, sẽ hiểu rõ con đường đưa đến hành diệt, tất cả những vị ấy sẽ hiểu biết như vậy; như vậy, như hiện nay Ta vậy. Đây tức là tùy trí của vị ấy.

36) Nay các Tỷ-kheo, vì rằng vị Thánh đệ tử được thanh tịnh, thuần tịnh hai loại trí, pháp trí và tùy trí; này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là vị Thánh đệ tử đạt tri kiến, đạt kiến, đã đi đến diệu pháp này, thấy diệu pháp này, đầy đủ hữu học trí, đã đầy đủ hữu học minh, đã nhập được pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ, đã đứng gõ vào cửa bất tử.

IV. Những Căn Bản Của Trí (Tập 14.16 Chủng Trí, Đại 2, 99c) (S.ii.59)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông bảy mươi bảy căn bản của trí. Hãy nghe và khéo tu niệm... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy mươi bảy căn bản của trí?

3) Trí biết rằng già chết do duyên sanh. Trí biết rằng không có sanh thời không có già. Trí biết rằng trong quá khứ già chết cũng do duyên sanh. Trí biết rằng không có sanh thời không có già chết. Trí biết rằng trong tương lai già chết cũng do duyên sanh. Trí biết rằng không có sanh thời sẽ không có già chết. Phàm khi nào có trí về trú pháp, chỗ ấy cũng có trí tận pháp, hoại pháp, ly tham pháp, diệt pháp.

4) Trí biết rằng sanh do duyên hữu...

5) Trí biết rằng hữu do duyên thủ...

6) Trí biết rằng thủ do duyên ái...

7) Trí biết rằng ái do duyên thọ...

8) Trí biết rằng thọ do duyên xúc...

9) Trí biết rằng xúc do duyên sáu xứ...

10) Trí biết rằng sáu xứ do duyên danh sắc...

11) Trí biết rằng danh sắc do duyên thức...

12) Trí biết rằng thức do duyên hành...

13) Trí biết rằng hành do duyên vô minh. Trí biết rằng không có vô minh thời không có hành. Trí biết rằng trong quá khứ hành cũng do duyên vô minh. Trí biết rằng không có vô minh thời không có hành. Trí biết rằng trong tương lai hành cũng sẽ do duyên vô minh. Trí biết rằng không có vô minh thời sẽ không có hành. Phàm khi nào có trí về trú pháp, thời cũng có trí về tận pháp, hoại pháp, ly tham pháp, diệt pháp.

14) Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là bảy mươi bảy căn bản của trí.

V. Do Duyên Vô Minh (Tập 14.17-8 Vô Minh Tăng, Đại 2, 100a) (S.ii,60)

1) ... Trú ở Sàvatthi...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, do duyên vô minh có hành; do duyên hành có thức... như vậy là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

3) -- Bạch Thέ Tôn, thế nào là già ché? Và già ché này là của ai?

Thέ Tôn đáp:

-- Câu hỏi không thích hợp. Nay Tỷ-kheo, Ông có thể nói: "Thế nào là già ché, và già ché này là của ai?", hay này Tỷ-kheo, Ông có thể nói: "Già ché là khác và người già và ché là khác", hai câu hỏi này nghĩa là một, chỉ có văn sai khác. Nay Tỷ-kheo, chỗ nào có (tà) kiến: "Sinh mạng và thân thể là một", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Nay Tỷ-kheo, chỗ nào có (tà) kiến: "Sinh mạng và thân thể là khác", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Nay Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thuyết pháp theo trung đạo (và nói): "Do duyên sanh nên có già ché".

4) -- Bạch Thέ Tôn, thế nào là sanh và sanh này là của ai?

Thέ Tôn đáp:

-- Câu hỏi không thích hợp. Nay Tỷ-kheo, Ông có thể nói: "Thế nào là sanh, và sanh này là của ai?", hay này Tỷ-kheo, Ông có thể nói: "Sanh là khác và người sanh là khác", hai câu hỏi này có nghĩa là một, chỉ có văn sai khác. Nay Tỷ-kheo, chỗ nào có (tà) kiến: "Sinh mạng và thân thể là một", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Nay Tỷ-kheo, chỗ nào có (tà) kiến: "Sinh mạng và thân thể là khác", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Nay Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thuyết pháp theo trung đạo (và nói): "Do duyên hữu nên có sanh".

5) -- Bạch Thέ Tôn, thế nào là hữu và hữu này là của ai?

Thέ Tôn nói:

-- Câu hỏi không thích hợp. Nay Tỷ-kheo, Ông có thể hỏi: "Thế nào là hữu và hữu này của ai?", hay Ông có thể nói: "Hữu khác và người có hữu này khác", hai câu hỏi này là một, chỉ có văn sai khác. Nay Tỷ-kheo, chỗ nào có (tà) kiến: "Sinh mạng và thân thể là một", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Nay Tỷ-

kheo, chỗ nào có (tà) kiến: "Sinh mạng và thân thể là khác", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thuyết pháp theo trung đạo (và nói): "Do duyên thủ nên có hữu".

6) -- Bạch Thέ Tôn, thế nào là thủ và thủ này của ai?... (như trên)... Do duyên ái nên có thủ.

7)... Do duyên thọ nên có ái...

8)... Do duyên xúc nên có thọ...

9)... Do duyên sáu xứ nên có xúc...

10)... Do duyên danh sắc nên có sáu xứ...

11)... Do duyên thức nên có danh sắc...

12)... Do duyên hành nên có thức...

13) -- Bạch Thέ Tôn, thế nào là các hành, và các hành này là của ai?

Thέ Tôn đáp:

-- Câu hỏi không thích hợp. Này Tỷ-kheo, Ông có thể nói: "Thế nào là các hành và các hành này là của ai?", hay này Tỷ-kheo, Ông có thể nói: "Các hành là khác và người có các hành này là khác", hai câu hỏi này là một, chỉ có văn sai khác. Này Tỷ-kheo, chỗ nào có (tà) kiến: "Sinh mạng và thân thể là một", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, chỗ nào có (tà) kiến: "Sinh mạng và thân thể là khác", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thuyết pháp theo trung đạo và nói: "Do duyên vô minh nên có các hành". Này Tỷ-kheo, do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các tạp luận (hý luận), dị thuyết, xuyên tạc liên hệ ấy hay bất cứ loại nào (sẽ được đoạn tận...).

14) Như câu hỏi: "Thế nào là già chét và già chét này là của ai?". Hay "Già chét là khác và người có già chét là khác?" hay "Sinh mạng và thân thể này là một", hay "Sinh mạng và thân thể là khác", tất cả đều được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể hiện hữu, khiến cho tương lai không thể sanh khởi. Này Tỷ-kheo, do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các tạp luận, dị thuyết, xuyên tạc liên hệ ấy hay bất cứ loại nào (sẽ được đoạn tận...).

15) Như câu hỏi: "Thế nào là sanh và sanh này là của ai?". Hay "Sanh là khác và người có sanh là khác", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng và thân thể là khác", tất cả đều được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể hiện hữu, khiến trong tương lai không thể sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các tạp luận, dị thuyết, xuyên tạc liên hệ ấy hay bất cứ loại nào (sẽ được đoạn tận...).

16) Thế nào là hữu...

17) Thế nào là thủ...

18) Thế nào là ái...

19) Thế nào là thọ...

- 20) Thể nào là xúc...
- 21) Thể nào là sáu xứ...
- 22) Thể nào là danh sắc...
- 23) Thể nào là thức... Này các Tỷ-kheo, do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các tạp luận, dị thuyết, xuyên tạc liên hệ ấy hay bất cứ loại nào (sẽ được đoạn tận...).
- 24) Như câu hỏi: "Thể nào là các hành và các hành này là của ai?". Hay "Các hành là khác và người có các hành này là khác", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng và thân thể là khác"; tất cả đều được đoạn tận cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể hiện hữu, khiến cho trong tương lai không thể sanh khởi.

VI. Do Duyên Vô Minh (S.ii,63)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) ... Này các Tỷ-kheo, do duyên vô minh nên có các hành. Do duyên hành nên có thức... như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.
- 3) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể nói: "Thể nào là già chết và già chết này của ai?" Hay này các Tỷ-kheo, các Ông có thể nói: "Già chết là khác và người có già chết là khác" hai câu này đồng một nghĩa, chỉ có văn sai khác. Này các Tỷ-kheo, chỗ nào có (tà) kiến: "Sinh mạng và thân thể là một", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này các Tỷ-kheo, chỗ nào có (tà) kiến: "Sinh mạng là khác, thân thể là khác", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này các Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan ấy Như Lai thuyết pháp theo trung đạo, nói rằng: "Do duyên sanh có già chết..." ..
- 4) Thể nào là sanh?...
- 5) Thể nào là hữu?...
- 6) Thể nào là thủ?...
- 7) Thể nào là ái?...
- 8) Thể nào là thọ?...
- 9) Thể nào là xúc?...
- 10) Thể nào là sáu xứ?...
- 11) Thể nào là danh sắc?...
- 12) Thể nào là thức?...
- 13) -- Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể nói: "Thể nào là các hành và các hành này là của ai?" Hay này các Tỷ-kheo, các Ông có thể nói: "Các hành và người có các hành này khác", hai câu hỏi ấy đồng nghĩa, chỉ có văn sai khác. Này các Tỷ-kheo, chỗ nào có (tà) kiến: "Sinh mạng và thân thể là một", chỗ ấy, này các Tỷ-kheo, không có Phạm hạnh trú. Này các Tỷ-kheo, chỗ nào có (tà) kiến: "Sinh mạng và thân thể là

khác", chỗ ấy, này các Tỷ-kheo, không có Phạm hạnh trú. Nay các Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo trung đạo nói rằng: "Do duyên vô minh, có các hành".

14) Do sự đoạn diệt, ly tham vô minh một cách hoàn toàn, các tạp luận, dị thuyết, xuyên tạc liên hệ ấy hay bất cứ loại nào...

15) Thế nào là sanh?...

16) Thế nào là hưu?...

17) Thế nào là thủ?...

18) Thế nào là ái?...

19) Thế nào là thọ?...

20) Thế nào là xúc?...

21) Thế nào là sáu xứ?...

22) Thế nào là danh sắc?...

23) Thế nào là thức?...

24) "Thế nào là hành và những hành này là của ai?" Hay "Các hành là khác và có ai có những hành này là khác", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng và thân thể là khác"; tất cả những loại liên hệ này được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể hiện hưu, khiến cho trong tương lai không thể sanh khởi.

VII. Không Phải Của Ông (Tập 12.13, Phi Nhữ Sở Hữu, Đại 2, 84a) (S.ii,64)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, thân thể này không phải của các Ông, không phải của người khác.

3) Thân này, này các Tỷ-kheo, phải được xem là do hành động, do sắp đặt, do sự cố ý, do sự cảm thọ trong quá khứ.

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đa văn khéo léo chân chánh suy nghiệm định lý duyên khởi như sau:

5) "Cái này có mặt cái kia có mặt. Do cái này sanh khởi, cái kia sanh khởi. Cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt. "Tức là do duyên vô minh có các hành. Do duyên hành có thức... như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt... như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này."

VIII. Cetanà: Tư Tâm Sở (Tập 14.19, Tư Lường. Đại 2,100a) (S.ii,65)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) ... Nay các Tỷ-kheo, cái chúng ta tư niệm, tư lường, có thầm ý, cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú. Khi nào sở duyên có mặt thời thức có an trú. Do thức ấy an trú, tăng trưởng, nên trong tương lai, tái hữu sanh khởi. Do sanh khởi tái hữu có mặt trong tương lai, nên già chét, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

3) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có tư niệm, không có tư lường nhưng nếu có thầm ý, (canuseti), cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú. Khi nào sở duyên có mặt thời thức có an trú. Do thức ấy an trú, tăng trưởng, nên trong tương lai, tái hữu sanh khởi. Do sanh khởi tái hữu có mặt trong tương lai, nên già chét, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

4) Nay các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường, không có thầm ý, thời không có sở duyên cho thức an trú. Khi nào sở duyên không có mặt thời thức không an trú. Do thức ấy không an trú và không tăng trưởng, nên trong tương lai tái hữu không sanh khởi. Do sanh khởi tái hữu không có mặt trong tương lai, nên sanh, già chét, sầu, bi, ưu, não được đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

IX. Tư Tâm Sở (Tạp 14.20 Tư Lường, Đại 2, 100b) (S.ii,66)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, cái gì chúng ta tư niệm, chúng ta tư lường, chúng ta có thầm ý, cái ấy trở thành (sở duyên) cho thức an trú. Do sở duyên có mặt nên thức có an trú. Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có sự hạ sanh danh sắc.

3) Do duyên danh sắc nên có sáu xứ. Do duyên sáu xứ nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ... ái... thủ... hữu... sanh, già chét, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

4) Nay các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không tư niệm, không tư lường nhưng có thầm ý, thời cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên có mặt nên thức có an trú. Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có sự hạ sanh danh sắc.

5) Do duyên danh sắc nên có sáu xứ... như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

6) Nay các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không tư niệm, không tư lường, không có thầm ý, thời không có sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên không có mặt nên thức không an trú. Do thức ấy không an trú và không tăng trưởng nên danh sắc không hạ sanh. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt... như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

X. Tư Tâm Sở (Tạp 14.21 Tư Lường, Đại 2, 100b) (S.ii,66)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) ... Nay các Tỷ-kheo, cái gì chúng ta tư niệm, cái gì chúng ta tư lường, cái gì chúng ta có thầm ý, cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên có mặt nên thức an trú.

3) Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có thiên về, hướng về (hệ trước: nati). Do có thiên về, hướng về nên có sự đi đến tái sanh. Do có sự đi đến tái sanh nên có từ bỏ và sanh khởi. Do có từ bỏ và sanh khởi nên trong tương lai sanh, già chét, sầu, bi, khổ, ưu, não, sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

4) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có tư niệm, không có tư lường, nhưng chỉ có thàm ý, thời cái áy là sở duyên cho thức an trú. Do sự có mặt của sở duyên nên thức an trú.

5) Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có thiên về, hướng về. Do có thiên về, hướng về nên có sự đi đến tái sanh. Do có sự đi đến tái sanh nên có từ bỏ và sanh khởi. Do có từ bỏ và sanh khởi, nên trong tương lai sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

6) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có tư niệm, tư lường, không có thàm ý, thời không có sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên không có mặt nên thức không có an trú.

7) Do thức ấy không an trú, không tăng trưởng nên không có thiên về, hướng về. Do không có thiên về, hướng về nên không có đi đến tái sanh. Do không có sự đi đến tái sanh nên không có từ bỏ và sanh khởi. Do không có từ bỏ và sanh khởi nên trong tương lai sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

V. Phẩm Gia Chủ - Thứ Năm

I. Năm Hận Thủ Sợ Hải (S.ii,68)

1) Trú ở Sàvatthi...

2) Rồi Gia chủ Anàthapindika (Cáp Cô Độc) đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Thé Tôn nói với Gia chủ Anàthapindika đang ngồi xuống một bên :

3) -- Khi nào, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử nghiệp phục được năm sợ hãi, hận thù, khi nào được đầy đủ bốn dự lưu chi, khi nào Thánh lý (naya) nhở trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập, khi ấy, vị ấy nếu muốn có thể tự mình tuyên bố cho mình: "Ta là người đoạn diệt được địa ngục, đoạn diệt được bàng sanh, đoạn diệt được ngạ quỷ, đoạn diệt được cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dụ lưu, ta không còn bị đọa lạc, ta đã được quyết định, Chánh Đẳng Giác là mục tiêu tối hậu (của ta)".

4) Thé nào là năm sợ hãi, hận thù được nghiệp phục?

5) Nay Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người sát sinh, vì duyên sát sinh đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người áy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt sát sanh, như vậy sợ hãi, hận thù được nghiệp phục.

6) Nay Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người lấy của không cho, vì duyên lấy của không cho đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người áy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt lấy của không cho, như vậy sợ hãi, hận thù được nghiệp phục.

7) Nay Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người sống tà hạnh trong các dục, vì duyên sống tà hạnh trong các dục đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người áy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt sống tà hạnh trong các dục vọng, như vậy sợ hãi, hận thù được nghiệp phục.

8) Nay Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người nói láo, và duyên nói láo đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người áy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt nói láo, như vậy sợ hãi, hận thù được nghiệp phục.

9) Nay Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người đắm say rượu men, rượu nấu, và duyên đắm say rượu men, rượu nấu đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt đắm say rượu men rượu nấu, như vậy sợ hãi hận thù được nghiệp phục.

Năm sự sợ hãi oán thù này được nghiệp phục.

II

10) -- Thế nào là bốn Dự lưu chi được đầy đủ?

11) Ở đây, nay Gia chủ, vị Thánh đệ tử đầy đủ lòng tin bất động, đối với đức Phật: "Đây là vị Úng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Tuệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Tượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

12) Vì áy đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp: "Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời, đên đê mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu".

13) Vì áy đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Trực hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Chánh hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Như pháp hạnh; tức là bốn đôi, tám chúng. Chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn đáng được cúng dường, đáng được hiến dâng, đáng được bồ thí, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời".

14) Vì áy đầy đủ các giới đức, được bậc Thánh quý mến, không bị bể vụn, không bị hủy hoại, không có tỳ vết, không có vết nhơ, đưa đến tự do, được người trí tán thán, không bị nhiễm trước, đưa đến Thiền định, bốn Dự lưu chi này được đầy đủ.

15) Thế nào là Thánh lý nhò trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập?

16) Ở đây, nay Gia chủ, vị Thánh đệ tử khéo chánh tư duy định lý Duyên khởi như sau: "Do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này diệt, cái kia diệt".

17) Tức là do duyên vô minh có hành. Do duyên hành có thức... (như trên)... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt... (như trên)... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Đây là Thánh lý nhò trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập.

18) Nay Gia chủ, khi nào vị Thánh đệ tử nghiệp phục được năm sợ hãi hận thù này, khi nào đầy đủ bốn Dự lưu chi này, khi nào Thánh lý này nhò trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập, khi áy vị áy nêu muôn, có thể tự mình tuyên bố cho mình: "Ta là người đoạn diệt được địa ngục, đoạn diệt được bàng sanh, đoạn diệt được ngã quỷ, đoạn diệt được cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, ta không còn bị đọa lạc, ta đã được quyết định; Chánh Đẳng Giác là mục tiêu tối hậu của ta".

II. Năm Sợ Hãi Hận Thù (S.ii,70)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... (như trên)... Thế Tôn nói như sau:

3) -- Này các Tỷ-kheo, khi nào vị Thánh đệ tử nghiệp phục được năm sơ hận thù, đầy đủ bốn Dự lưu chi, và khi nào Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập, khi ấy vị ấy nếu muốn, có thể tự mình tuyên bố cho mình: "Ta là người đoạn diệt được địa ngục... (như trên)... Chánh Đẳng Giác là mục tiêu tối hậu của ta".

Thế nào là năm sơ hận thù được nghiệp phục?

Này các Tỷ-kheo, sơ hận thù do người sát sanh... này các Tỷ-kheo, sự sơ hận, hận thù do người lấy của không cho...

Này các Tỷ-kheo, sự sơ hận, hận thù do người sống tà hạnh trong các dục...

Này các Tỷ-kheo, sự sơ hận, hận thù do người nói láo...

Này các Tỷ-kheo, sự sơ hận, hận thù do người đắm say rượu men, rượu n้ำ.

Năm sự sơ hận thù này được nghiệp phục.

4) Thế nào là bốn Dự lưu chi được đầy đủ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đối với Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Đầy đủ các giới đức được bậc Thánh quý mến...

Bốn Dự lưu chi này được đầy đủ.

5) Thế nào là Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử khéo chánh tư duy định lý Duyên khởi như sau:... Đây là Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập.

6) Ngày các Tỷ-kheo, khi nào vị Thánh đệ tử nghiệp phục được năm sơ hận thù, được đầy đủ bốn Duy lưu chi, Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập, vị ấy nếu muốn có thể tự mình tuyên bố cho mình: "Ta là người đoạn diệt được địa ngục, đoạn diệt được bàng sanh, đoạn diệt được ngã quỷ, đoạn diệt được cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, ta không còn bị đọa lạc, ta đã được quyết định, Chánh Đẳng Giác là mục tiêu tối hậu của ta".

III. Khô. (S.ii,71)

1) ... Trú Tại Sàvatthi.

2) -- Ngày các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng sự tập khởi và sự đoạn diệt của khô. Hãy nghe...

I

3) -- Và ngày các Tỷ-kheo, thế nào là khô tập khởi?

4) Do duyên con mắt và các sắc, nhãn thức khởi lên. Do ba cái tụ hội nên xúc khởi. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Ngày các Tỷ-kheo, đây là khô tập khởi.

5) Do duyên tai và các tiếng...

- 6) Do duyên mũi và các hương...
- 7) Do duyên lưỡi và các vị...
- 8) Do duyên thân và các xúc...
- 9) Do duyên ý và các pháp, ý thức khởi lên. Do ba cái tụ hội, nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ tập khởi.

II

- 10) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt?
- 11) Do duyên con mắt và các sắc, nhãn thức khởi lên. Do ba cái tụ hội, nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ đoạn diệt.
- 12) Do duyên lỗ tai và các tiếng, nên nhĩ thức sanh khởi...
- 13) Do duyên mũi và các hương, nên tỷ thức sanh khởi...
- 14) Do duyên lưỡi và các vị nên thiệt thức sanh khởi...
- 15) Do duyên thân và các xúc nên thân xúc sanh khởi...
- 16) Do duyên ý và các pháp nên ý thức sanh khởi. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.
- 17) Nay các Tỷ-kheo, đây là khổ đoạn diệt.

IV. Thế Giới (S.ii,73)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) ... Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về sự tập khởi và sự đoạn diệt của thế giới. Hãy nghe...

I

- 3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới tập khởi?
- 4) Do duyên con mắt và các sắc, nhãn thức khởi lên. Do ba cái tụ họp, nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do duyên ái nên có thủ. Do duyên thủ nên có hữu. Do duyên hữu nên có sanh. Do duyên sanh, nên có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Đây là thế giới tập khởi.
- 5) Do duyên lỗ tai và các tiếng...
- 6) Do duyên lỗ mũi và các hương...

7) Do duyên lưỡi và các vị...

8) Do duyên thân và các xúc...

9) Do duyên ý với các pháp, ý thức khởi lên. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ... Do duyên sanh nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, sanh khởi. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự tập khởi của thế giới.

10) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới đoạn diệt?

11) Do duyên con mắt và các sắc, nhãn thức khởi lên. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hưu diệt... Đây là sự đoạn diệt toàn bộ khổ uẩn này. Đây là thế giới đoạn diệt.

12) Do duyên lỗ tai và các tiếng...

13) Do duyên lỗ mũi và các hương...

14) Do duyên lưỡi và các vị...

15) Do duyên thân và các xúc...

16) Do duyên ý và các pháp, ý thức sanh khởi. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hưu diệt... Đây là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

17) Nay các Tỷ-kheo, đây là thế giới đoạn diệt.

V. Nàtiка (S.ii,84)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Nàtiка, trong căn nhà gạch.

2) Rồi Thé Tôn trong khi độc cư Thiền tọa tuyên thuyết pháp môn này:

3) -- Do duyên con mắt và các sắc nên nhãn thức sanh khởi. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do duyên ái nên có thủ... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

4) Do duyên lỗ tai và các tiếng...

5) Do duyên lỗ mũi và các hương...

6) Do duyên lưỡi và các vị...

7) Do duyên thân và các xúc...

8) Do duyên ý và các pháp nên ý thức khởi lên. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do duyên ái nên có thủ... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

9) Do duyên con mắt và các sắc nén nhẫn thức sanh khởi. Do ba cái tụ hợp nén có xúc. Do duyên xúc nén có thọ. Do duyên thọ nén có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nén thủ diệt. Do thủ diệt nén hữu diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

10) Do duyên lỗ tai và các tiếng...

11) Do duyên lỗ mũi và các hương...

12) Do duyên lưỡi và các vị...

13) Do duyên thân và các xúc...

14) Do duyên ý và các pháp nén ý thức sanh khởi. Do ba cái tụ hợp nén có xúc. Do duyên xúc nén có thọ. Do duyên thọ nén có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nén thủ diệt. Do thủ diệt nén hữu diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

II

15) Lúc bấy giờ một vị Tỷ-kheo đang đứng nghe trộm Thέ Tôn.

16) Thέ Tôn thấy vị Tỷ-kheo đang đứng nghe trộm.

17) Sau khi thấy, Thέ Tôn nói với vị Tỷ-kheo áy:

-- Này Tỷ-kheo, Ông có nghe pháp môn này không?

-- Thưa có, bạch Thέ Tôn.

18) -- Này Tỷ-kheo, Ông hãy học pháp môn này. Này Tỷ-kheo, Ông hãy học thuộc lòng pháp môn này. Này Tỷ-kheo, pháp môn (này) liên hệ đến mục đích và căn bản Phạm hạnh.

VI. Một Vị (Bà-La-Môn) (Tập 12.18 Tha, Đại 2,85c) (S.ii,75)

1) ... Trú Tại Sàvatthi.

2) Rồi một vị Bà-la-môn đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói lên với Thέ Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu bèn ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, vị Bà-la-môn áy bạch Thέ Tôn:

-- Thưa Tôn giả Gotama, có phải người hành động là người cảm thọ?

-- Này Bà-la-môn, người hành động là người cảm thọ, áy là một cực đoan.

4) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải người hành động khác, người cảm thọ khác?

-- Người hành động khác, và người cảm thọ khác, áy là cực đoan thứ hai. Này Bà-la-môn, từ bỏ hai cực đoan áy, Thέ Tôn thuyết pháp theo trung đạo.

5) Do duyên vô minh nên có hành. Do duyên hành nên có thức. Do duyên thức nên có danh sắc... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

6) Khi được nói vậy, vị Bà-la-môn ấy bạch Thέ Tôn:

-- Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama! Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

VII. Jànuṣṣoni (S.ii,76)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) Rồi Bà-la-môn Jànuṣṣoni đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói lên với Thέ Tôn những lời chào đón hỏi thăm...

Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jànuṣṣoni bạch Thέ Tôn:

3) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều có?

-- Này Bà-la-môn, tất cả đều có, ấy là một cực đoan.

4) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều không có?

-- Này Bà-la-môn tất cả đều không có, ấy là cực đoan thứ hai. Này Bà-la-môn, từ bỏ hai cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo trung đạo.

5) Do duyên vô minh nên có hành. Do duyên hành nên có thức... (như trên)... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh ấy một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

6) Khi được nói vậy, Bà-la-môn Jànuṣṣoni bạch Thέ Tôn:

-- Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama! Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama!...

VIII. Thuận Thέ Phái (S.ii,77)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) Rồi một Bà-la-môn thuộc phái Thuận Thέ đi đến Thέ Tôn...

Ngồi xuống một bên, vị Bà-la-môn thuộc phái Thuận Thέ bạch Thέ Tôn:

3) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều có?

-- Nay Bà-la-môn, tất cả đều có, là chấp kiến thứ nhất của thế gian.

4) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều không có?

-- Tất cả đều không có, này Bà-la-môn, là chấp kiến thứ hai của thế gian.

5) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều là một?

-- Tất cả đều là một, này Bà-la-môn, là chấp kiến thứ ba của thế gian.

6) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều là nhiều?

-- Tất cả đều là nhiều, này Bà-la-môn, là chấp kiến thứ tư của thế gian.

Nay Bà-la-môn, từ bỏ hai cực đoan ấy, Nhu Lai thuyết pháp theo con đường trung đạo.

7) Do duyên vô minh nên có hành. Do duyên hành nên có thức... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

8) Khi nghe nói vậy, vị Bà-la-môn thuộc phái Thuận Thê bạch Thê Tôn:

-- Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama!... con xin trọn đời quy ngưỡng.

IX. Thánh Đệ Tử (Tập 14,8 Thánh đệ tử. Đại 2,98b) (S.ii,77)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không có suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, cái gì hiện hữu? Do cái gì sanh khởi, cái gì sanh khởi? Do cái gì có mặt, các hành hiện hữu? Do cái gì có mặt, danh sắc hiện hữu? Do cái gì có mặt, sáu xứ hiện hữu? Do cái gì có mặt, xúc hiện hữu? Do cái gì có mặt, thọ hiện hữu? Do cái gì có mặt, ái hiện hữu? Do cái gì có mặt, thủ hiện hữu? Do cái gì có mặt, hưu hiện hữu? Do cái gì có mặt, sanh hiện hữu? Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu?"

3) Nay các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không duyên người khác, ở đây có trí như sau: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh khởi, cái kia sanh khởi. Do duyên vô minh nên có hành. Do duyên hành nên có thức. Do duyên thức nên có danh sắc... Do duyên sanh nên có già chết. Vị ấy hiểu biết như vậy. Như vậy là sự sanh khởi của thế giới này".

4) Nay các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không có suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt, cái gì không hiện hữu? Do cái gì diệt, cái gì diệt? Do cái gì không có mặt, hành không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, thức không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, danh sắc không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, sáu xứ không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, xúc không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, thọ không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, ái không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, thủ không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, hưu không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, sanh không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu?".

5) Nay các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không duyên theo người khác, ở đây có trí như sau: "Do cái

này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt. Do vô minh không có mặt, các hành không hiện hữu. Do các hành không có mặt, thức không hiện hữu. Do thức không có mặt, danh sắc không hiện hữu. Do danh sắc không có mặt, sáu xứ không hiện hữu. Do sáu xứ không có mặt, xúc không hiện hữu. Do xúc không có mặt, thọ không hiện hữu. Do thọ không có mặt, ái không hiện hữu. Do ái không có mặt, thủ không hiện hữu. Do thủ không có mặt, hữu không hiện hữu. Do hữu không có mặt, sanh không hiện hữu. Do sanh không có mặt, già chết không hiện hữu". Vị ấy hiểu biết như vậy. Như vậy là sự đoạn diệt của thế giới này.

6) Và này các Tỷ-kheo, vì rằng vị Thánh đệ tử như thật biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của thế gian như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử này được gọi là kiến đạt... (như trên)... đã đứng gõ cửa bất tử.

X. Thánh Đệ Tử (S.ii,79)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Ngày các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không có suy nghĩ như sau: "Có phải do cái gì có mặt, cái gì hiện hữu? Do cái gì sanh khởi, cái gì sanh khởi? Do cái gì có mặt, các hành hiện hữu? Do cái gì có mặt, thức hiện hữu? Do cái gì có mặt, danh sắc hiện hữu? Do cái gì có mặt, sáu xứ hiện hữu? Do cái gì có mặt, xúc hiện hữu? Do cái gì có mặt, thọ hiện hữu? Do cái gì có mặt, ái hiện hữu? Do cái gì có mặt, thủ hiện hữu? Do cái gì có mặt, hữu hiện hữu? Do cái gì có mặt, sanh hiện hữu? Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu?".

3) Rồi ngày các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không duyên một ai khác, ở đây có trí như sau: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh khởi, cái kia sanh khởi. Do vô minh có mặt, hành hiện hữu. Do hành có mặt, thức hiện hữu. Do thức có mặt, danh sắc hiện hữu. Do danh sắc có mặt, sáu xứ hiện hữu. Do sáu xứ có mặt, xúc hiện hữu. Do xúc có mặt, thọ hiện hữu. Do thọ có mặt, ái hiện hữu. Do ái có mặt, thủ hiện hữu. Do thủ có mặt, hữu hiện hữu. Do hữu có mặt, sanh hiện hữu. Do sanh có mặt, già chết hiện hữu". Vị ấy hiểu biết như vậy. Như vậy là sự sanh khởi của thế giới này.

4) Ngày các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không suy nghĩ như sau: "Có phải, do cái gì không có mặt, cái gì không hiện hữu? Do cái gì diệt, cái gì diệt? Do cái gì không có mặt, các hành không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, thức không hiện hữu... (như trên)... Do cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu?"

5) Ngày các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không duyên một ai khác, ở đây có trí như sau: "Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu? Do cái này diệt, cái kia diệt. Do vô minh không có mặt, các hành không hiện hữu. Do các hành không có mặt, thức không hiện hữu. Do thức không có mặt, danh sắc không hiện hữu. Do danh sắc không có mặt, sáu xứ không hiện hữu. Do sáu xứ không có mặt, xúc không hiện hữu... (như trên)... Do sanh không có mặt, già chết không hiện hữu". Vị ấy hiểu biết như vậy. Như vậy là sự đoạn diệt của thế giới này.

6) Vì rằng ngày các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử như thật biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của thế giới này như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là kiến đạt, vị ấy thấy diệu pháp này, vị ấy đầy đủ trí của bậc hưu học, vị ấy đầy đủ minh của bậc hưu học, đã nhập được Pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ, là vị đã đứng gõ cửa bất tử.

VI. Phẩm Cây

I. Tư Lường (Tập 12.10, Đại 2,82c) (S.ii,80)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cáp Cô Độc).

2) Ở đây Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". "Thura vāng, bạch Thέ Thέ Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vāng đáp Thέ Tôn.

3) Thέ Tôn nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo tu lường, phải tu lường như thế nào để chọn chánh diệt khổ một cách trọn vẹn?

-- Bạch Thέ Tôn, các pháp lấy Thέ Tôn làm căn bản, lấy Thέ Tôn làm lãnh đạo, lấy Thέ Tôn làm điểm tựa. Lành thay, bạch Thέ Tôn, nếu Thέ Tôn nói lên ý nghĩa của lời nói này. Sau khi nghe Thέ Tôn thuyết giảng, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

4) -- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói.

-- Thura vāng, bạch Thέ Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vāng đáp Thέ Tôn. Thέ Tôn nói như sau:

5) -- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đang tu lường, tu lường như sau: "Sự đau khổ nhiều loại và đa dạng này khởi lên trên đời như già và chết; sự đau khổ này lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu? Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu? Do cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu?"

6) Tư lường như vậy, vị ấy biết như sau: "Sự đau khổ nhiều loại và đa dạng này khởi lên trên đời như già và chết, sự đau khổ này lấy sanh làm nhân, lấy sanh làm tập khởi, lấy sanh làm tác sanh, lấy sanh làm hiện hữu. Do sanh có mặt, già chết hiện hữu. Do sanh không có mặt, già chết không hiện hữu".

7) Và vị ấy biết già chết, biết già chết tập khởi, biết già chết đoạn diệt, và vị ấy biết con đường thích ứng đưa đến già chết đoạn diệt. Do thực hành như vậy, vị ấy trở thành vị Tùy pháp hành.

8) Nay các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là vị Tỷ-kheo đã thực hành một cách trọn vẹn để chọn chánh đoạn tận khổ đau và đoạn diệt già chết.

9) Tư lường thêm nữa, vị ấy tư lường như sau: "Còn hữu này, do cái gì làm nhân? Còn thủ này, do cái gì làm nhân? Còn ái này, do cái gì làm nhân? Còn thọ này, do cái gì làm nhân? Còn xúc này... Còn sáu xứ này... Còn danh sắc này... Còn thức này... Còn các hành này, do cái gì làm nhân, cái gì tập khởi, cái gì tác sanh, cái gì làm hiện hữu? Do cái gì có mặt, các hành hiện hữu? Do cái gì không có mặt các hành không hiện hữu?"

10) Tư lường như vậy, vị ấy biết như sau: "Các hành lấy vô minh làm nhân, lấy vô minh làm tập khởi, lấy vô minh làm tác sanh, lấy vô minh làm hiện hữu. Do vô minh có mặt, các hành hiện hữu. Do vô minh không có mặt, các hành không hiện hữu".

11) Và vị ấy biết các hành, biết các hành tập khởi, biết các hành đoạn diệt, và vị ấy biết con đường thích ứng đưa đến các hành đoạn diệt. Do thực hành như vậy, vị ấy trở thành vị Tùy pháp hành. Nay các Tỷ-

kheo, vị ấy được gọi là vị Tỷ-kheo đã thực hành một cách trọn vẹn để chơn chánh đoạn tận khổ đau và đoạn diệt các hành.

12) Nay các Tỷ-kheo, nếu người nào bị vô minh chi phối, dự tính làm phước hành, thức (của người ấy) đi đến phước. Nếu người ấy dự tính làm phi phước hành, thức (của người ấy) đi đến phi phước. Nếu người ấy dự tính làm bất động hành, thức (của người ấy) đi đến bất động.

13) Nay các Tỷ-kheo, khi nào vị Tỷ-kheo đoạn tận vô minh, minh được sanh khởi. Vị ấy do vô minh đoạn tận, minh sanh khởi, không dự tính làm phước hành, không dự tính làm phi phước hành, không dự tính làm bất động hành.

14) Không có dự tính, không có dụng ý, vị ấy không chấp thủ một sự gì ở đời. Không chấp thủ, vị ấy không sợ hãi. Không sợ hãi, vị ấy hoàn toàn tịch tịnh. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

15) Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy biết lạc thọ ấy vô thường, vị ấy biết không nên tham đắm, vị ấy biết không nên hoan hỷ. Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy biết khổ thọ vô thường, vị ấy biết không nên tham đắm, vị ấy biết không nên hoan hỷ. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy biết thọ ấy vô thường, vị ấy biết không nên tham đắm, vị ấy biết không nên hoan hỷ.

16) Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, thọ ấy được cảm giác với niệm thoát ly. Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, thọ ấy được cảm giác với niệm thoát ly. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, thọ ấy được cảm giác với niệm thoát ly (visannutto).

17) Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng". Vị ấy biết: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả những cảm thọ không làm cho có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lặng, cái thân được bỏ qua một bên".

18) Nay các Tỷ-kheo, ví như một người từ trong lò nung của người thợ gốm lấy ra một cái ghè nóng và đặt trên một khoảng đất bằng phẳng để súc nóng ở đáy được nguội dần, và các miếng sành vụn được gạt bỏ một bên. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng". Vị ấy biết: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả những cảm thọ không làm cho có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lặng, cái thân được bỏ qua một bên".

19) Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc có dự tính làm các phước hành, hay có dự tính làm các phi phước hành, hay có dự tính làm các bất động hành?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

20) -- Hay nếu các hành không có mặt một cách trọn vẹn, do các hành đoạn diệt, thời thức có hiện hành không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

21) -- Hay nếu thức không có mặt một cách trọn vẹn, do thức đoạn diệt, thời danh sắc có hiện hành không?

-- Thura không, bạch Thέ Tôn.

22) -- Hay nếu danh sắc không có mặt một cách trọn vẹn, do danh sắc đoạn diệt, thời sáu xứ có hiện hành không?

-- Thura không, bạch Thέ Tôn.

23) -- Hay nếu sáu xứ không có mặt một cách trọn vẹn, do sáu xứ đoạn diệt, thời xúc có hiện hành không?

-- Thura không, bạch Thέ Tôn.

24) -- Hay nếu xúc không có mặt một cách trọn vẹn, do xúc đoạn diệt, thời thọ có hiện hành không?

-- Thura không, bạch Thέ Tôn.

25) -- Hay nếu thọ không có mặt một cách trọn vẹn, do thọ đoạn diệt, thời ái có hiện hành không?

-- Thura không, bạch Thέ Tôn.

26) -- Hay nếu ái không có mặt một cách trọn vẹn, do ái đoạn diệt, thời thủ có hiện hành không?

-- Thura không, bạch Thέ Tôn.

27) -- Hay nếu thủ không có mặt một cách trọn vẹn, do thủ đoạn diệt, thời hữu có hiện hành không?

-- Thura không, bạch Thέ Tôn.

28) -- Hay nếu hữu không có mặt một cách trọn vẹn, do hữu đoạn diệt, thời sanh có hiện hành không?

-- Thura không, bạch Thέ Tôn.

29) -- Hay nếu sanh không có mặt một cách trọn vẹn, do sanh đoạn diệt, thời già chết có hiện hành không?

-- Thura không, bạch Thέ Tôn.

30) -- Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Phải là như vậy, này các Tỷ-kheo! Không thể khác vậy. Hãy tin ở Ta, này các Tỷ-kheo! Hãy quyết định, chớ có nghi ngờ, chớ có phân vân! Đây là khổ được đoạn tận.

II. Thủ (Tập 12.4 Thủ, Đại 2,80b) (S.ii,84)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, ai sống, thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ (upàdàniyadhammà), ái được tăng trưởng. Do duyên ái nên thủ có mặt. Do duyên thủ nên hữu có mặt. Do duyên hữu nên sanh có mặt. Do duyên sanh nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

3) Nay các Tỷ-kheo, ví như một đống lửa lớn làm bằng mười xe củi, hay hai mươi xe củi, hay ba mươi xe củi, hay bốn mươi xe củi đang cháy đỏ. Tại đây có người thỉnh thoảng ném cỏ khô vào, và ném cát khô vào. Nay các Tỷ-kheo, như vậy đống lửa lớn ấy được nuôi dưỡng, được tiếp tế, có thể cháy đỏ trong một thời gian dài.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng. Do duyên ái nên thủ sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

5) Nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

6) Nay các Tỷ-kheo, ví như một đống lửa lớn làm bằng mười xe củi, hay hai mươi xe củi, hay ba mươi xe củi, hay bốn mươi xe củi đang cháy đỏ. Tại đây không có người thỉnh thoảng ném cỏ khô vào, hay phân khô, hay cát khô vào. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đống lửa lớn ấy do (nhiên liệu) được tiếp tế trước tiêu diệt, do (nhiên liệu) khác không được đem lại, không được nuôi dưỡng, bị tắt.

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

III. Kiết Sứ (Tập 12.3, Phật Phuớc, Đại 2,79c) (S.ii,86)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) ... Nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sứ, ái được tăng trưởng. Do duyên ái nên thủ có mặt. Do duyên thủ nên hữu có mặt. Do duyên hữu nên sanh có mặt. Do duyên sanh nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, do duyên dầu và duyên tim, ngọn đèn dầu được cháy đỏ. Tại đây có người thỉnh thoảng rót dầu thêm và khơi tim lên. Nay các Tỷ-kheo, ngọn đèn dầu ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể cháy đỏ trong một thời gian dài.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sứ, ái được tăng trưởng. Do duyên ái nên thủ sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

5) Nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sứ, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

6) Ví như, này các Tỷ-kheo, do duyên dầu và do duyên tim, ngọn đèn dầu được cháy đỏ. Tại đây không có người thỉnh thoảng rót thêm dầu vào và không khơi tim lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ngọn đèn ấy do (nhiên liệu) được tiếp tế trước tiêu diệt và do (nhiên liệu) khác không được đem thêm, không được nuôi dưỡng, sẽ bị tắt.

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sứ, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

IV. Kiết Sứ (S.ii,87)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, ví như duyên dầu và duyên tim, ngọn đèn dầu được cháy đó. Tại đây có người thỉnh thoảng rót thêm dầu và khơi tim lên. Nay các Tỷ-kheo, ngọn đèn dầu ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể cháy đó trong một thời gian dài. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, ái được tăng trưởng. Do duyên ái, thủ sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

3) Nay các Tỷ-kheo, ví như duyên dầu và duyên tim, ngọn đèn dầu được cháy đó. Tại đây không có người thỉnh thoảng rót thêm dầu và khơi tim lên. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, ngọn đèn dầu ấy do chính (nhiên liệu) được tiếp tế trước tiêu diệt, do (nhiên liệu) khác không được đem thêm, không được nuôi dưỡng, sẽ bị tắt. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sử, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

V. Cây Lớn (Tập 12,2 Đại Thọ, Đại 2,79b) (S.ii,87)

1) ... Trú tại Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng. Do duyên ái, thủ sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

3) Ví như, nay các Tỷ-kheo, một cây lớn, các rễ của cây ấy đâm sâu xuống dưới và đâm ngang, tất cả rễ ấy đều đem lên nhựa sống cho cây ấy. Nay các Tỷ-kheo, cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể đứng vững trong một thời gian dài. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng. Do duyên ái, thủ sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

4) Nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

5) Nay các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, có một người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ấy chặt đứt rễ của cây ấy. Sau khi đào cái mương, người ấy nhô các rễ lớn cho đến các rễ con, các rễ phụ. Rồi người ấy chặt cây ấy thành từng khúc. Sau khi chặt cây thành từng khúc, người ấy bửa, sau khi bửa, người ấy chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng. Sau khi người ấy phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi vun thành đống tro, người ấy sàng tro ấy giữa gió lớn hay đổ tro ấy vào dòng nước mạnh cho nước cuốn đi. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, cây lớn ấy, rễ bị cắt đứt, làm thành như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, trong tương lai không thể sống lại được.

6) Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy được sự nguy hiểm trong các pháp chấp thủ, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

VI. Cây Lớn (S.ii,88)

1) ... Trú tại Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, ví như có một cây lớn, các rễ của cây ấy đâm sâu xuống dưới và đâm ngang, tất cả rễ ấy đều đem lên nhựa sống cho cây ấy. Nay các Tỷ-kheo, cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể đứng vững trong một thời gian dài.

3) Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng. Do duyên ái nên thủ sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

4) Nay các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, có người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ấy chặt đứt rễ của cây ấy. Sau khi chặt đứt rễ, người ấy đào một cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ các rễ lớn... (như trên)... hay đổ tro vào dòng nước mạnh cho nước cuốn đi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cây lớn ấy, rễ bị cắt đứt, làm thành như thân cây ta-la, làm cho cây ấy không thể tái sanh, trong tương lai không thể sống lại được.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

VII. Cây Non (Tập 12,1 Chủng Thọ, Đại 2, 79a) (S.ii.89)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, ái được tăng trưởng. Do duyên ái, thủ được sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

3) Nay các Tỷ-kheo, ví như một cây non, có người thỉnh thoảng vun xới các rễ, thỉnh thoảng bỏ thêm phân, thỉnh thoảng tưới thêm nước. Nay các Tỷ-kheo, cây non ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, ái được tăng trưởng. Do duyên ái, thủ sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

5) Nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sử, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

6) Nay các Tỷ-kheo, ví như một cây non, có người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ấy chặt đứt rễ của cây ấy, sau khi chặt đứt, người ấy đào cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ lên các rễ lớn cho đến các rễ con và rễ phụ. Rồi người ấy chặt cây ấy thành từng khúc. Sau khi chặt từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng. Sau khi phơi giữa nắng và gió, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi vun thành đống tro, người ấy sàng tro ấy giữa gió lớn hay đổ tro ấy vào dòng nước mạnh cho nước cuốn đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, cây non ấy, rễ bị cắt đứt, làm thành như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, trong tương lai không thể sống lại được.

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sử, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

VIII. Danh Sắc (S.ii, 90)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) ... Nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, danh sắc được sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

3) Nay các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, các rễ của cây ấy đâm thẳng xuống dưới và đâm ngang ra, tất cả rễ ấy đem lên nhựa sống. Như vậy, này các Tỷ-kheo, cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể được đứng vững trong một thời gian dài.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, danh sắc được sanh khởi...

(như trên)...

5) Nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự tai hại trong các pháp kiết sử, danh sắc không có sanh khởi. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

6) Nay các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, có một người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ... (như trên)... Trong tương lai không thể sống lại được.

7) Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự tai hại trong các pháp kiết sử, danh sắc không có sanh khởi. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

IX. Thức (S.ii, 91)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, thức được sanh khởi. Do duyên thức, nên danh sắc sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

3) Nay các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, rễ của các cây ấy... (như trên)...

4) Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, thức được sanh khởi. Do duyên thức nên danh sắc sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

5) Nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự tai hại trong các pháp kiết sử, thức không sanh. Do thức diệt nên danh sắc diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

6) Nay các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, có người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ... (như trên)... trong tương lai không thể sống lại được.

7) Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự tai hại trong các pháp kiết sử, thức không có sanh khởi. Do thức diệt nên danh sắc diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

X. Nhân (S.ii, 92)

1) Một thời Thέ Tôn trú giữa dân chúng Kuru, tại một thị trấn của dân chúng Kuru tên là Kammàsadamma.

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thέ Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thέ Tôn! Bạch Thέ Tôn, sâu xa thay là định lý Duyên khởi này, và sâu xa thật là định nghĩa này. Nhưng đối với con định lý ấy có vẻ rõ ràng, minh bạch!

4) -- Chớ có nói vậy, nay Ananda! Chớ có nói vậy, nay Ananda! Sâu xa thay, nay Ananda là định lý Duyên khởi này, và sâu xa thật là định nghĩa này. Nay Ananda, chính vì không hiểu rõ pháp này, không giác ngộ, không chứng nhập (pháp này) mà chúng sanh nay bị rối ren như cuộn chỉ, bị phủ đầy bởi bệnh càn cỗi, như cỏ munjà, như cây lau, không thoát khỏi sự luân hồi trong cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

5) Nay Ananda, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng. Do duyên ái, hữu có mặt. Do duyên hữu, sanh có mặt. Do duyên sanh, già chét, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

6) Nay Ananda, ví như một cây lớn, các rễ của cây ấy đâm xuống và đâm ngang, tất cả rễ ấy đều hút lên nhựa sống cho cây ấy. Nay Ananda, cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể đứng vững trong một thời gian dài.

7) Cũng vậy, nay Ananda, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng. Do duyên ái, thủ có mặt. Do duyên thủ, hữu có mặt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

8) Nay Ananda, ai sống thấy sự tai hại trong các pháp chấp thủ, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

9) Nay Ananda, ví như một cây lớn, rồi có người đi đến, cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ấy chặt đứt rễ cây ấy. Sau khi chặt đứt rễ, người ấy đào một cái mương. Sau khi đào mương, người ấy nhổ lên các rễ lớn cho đến các rễ con, rễ phụ. Người ấy chặt cây ấy ra từng khúc. Sau khi chặt ra từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ ra từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ ra từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng. Sau khi phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun lại thành đống tro. Sau khi vun lại thành đống tro, hoặc người ấy sàng trong gió lớn hay đổ vào dòng nước chảy mạnh để nước cuốn đi. Như vậy, nay Ananda, cây lớn ấy sẽ bị chặt đứt, làm thành như cây ta-la, không thể nào tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

10) Như vậy, nay Ananda, ai sống thấy tai hại trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt, nên già chét, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

VII. Đại Phẩm Thứ Bảy

I. Hạng Người Ít Nghe (Tập 12.7 Vô Văn, Đại 2, 81c)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu có thể nhảm chán, viễn ly, giải thoát thân do bốn đại tạo thành này.

3) Vì có sao? Nay các Tỷ-kheo, vì họ thấy được cái thân do bốn đại tạo thành này được tăng, được giảm, được thủ, được xả.

Do vậy, ở đây kẻ vô văn phàm phu có thể nhảm chán, viễn ly, giải thoát.

4) Và nay các Tỷ-kheo, cái gọi là tâm, là ý, là thức, ở đây, kẻ vô văn phàm phu không đủ để có thể nhảm chán, không đủ để có thể viễn ly, không đủ để có thể giải thoát.

5) Vì sao? Đã lâu ngày, nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu đãm trước, xem là của tôi, chấp thủ: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

Do vậy, ở đây, kẻ vô văn phàm phu không đủ để có thể nhảm chán, không đủ để có thể viễn ly, không

đủ để có thể giải thoát.

6) Nay các Tỷ-kheo, thật tốt hơn cho kẻ vô văn phàm phu đi đến với thân do bốn đại tạo thành này xem như là tự ngã, hơn là đối với tâm.

7) Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, thân do bốn đại tạo thành này được thấy đứng vững một năm, đứng vững hai năm, đứng vững ba năm, đứng vững bốn năm, đứng vững năm năm, đứng vững mười năm, đứng vững hai mươi năm, đứng vững ba mươi năm, đứng vững bốn mươi năm, đứng vững năm mươi năm, đứng vững một trăm năm, đứng vững nhiều hơn nữa. Còn cái gọi là tâm này, là ý này, là thức này, này các Tỷ-kheo, cả đêm và ngày, khởi lên là khác, diệt đi là khác.

8) Nay các Tỷ-kheo, ví như một con khỉ trong khi đi lại trong rừng núi, nắm lấy một nhành cây, bỏ nhành cây ấy xuống, nó nắm giữ một nhành khác. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gọi là tâm, là ý, là thức này cả đêm và ngày, khởi lên là khác, diệt đi là khác.

9) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử khéo chọn chánh tư duy định lý duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt". Ví như do duyên vô minh, các hành sanh khởi. Do duyên hành, thức sanh khởi... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

10) Do đoạn diệt, ly tham vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

11) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử, nhảm chán đối với sắc, nhảm chán đối với thô, nhảm chán đối với tưởng, nhảm chán đối với các hành, nhảm chán đối với thức. Do nhảm chán nên viễn ly; do viễn ly nên giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết được: "Ta giải thoát", vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nêu làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Hạng Người Ít Nghe (Tập 12,8 Vô Văn, Đại 2, 82a) (S.ii,95)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu có thể nhảm chán, có thể viễn ly, có thể giải thoát đối với cái thân do bốn đại tạo thành này.

3) Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì họ thấy thân do bốn đại tạo thành này được tăng, được giảm, được thủ, được xả. Do vậy, ở đây, kẻ vô văn phàm phu có thể nhảm chán, viễn ly, giải thoát.

4) Và này các Tỷ-kheo, cái gọi là tâm, là ý, là thức, ở đây, kẻ vô văn phàm phu không đủ để có thể nhảm chán, không đủ để có thể viễn ly, không đủ để có thể giải thoát.

5) Vì sao? Đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu đãm trước, xem là của tôi, chấp thủ: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Do vậy, ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không đủ để có thể nhảm chán, không đủ để có thể viễn ly, không đủ để có thể giải thoát.

6) Nay các Tỷ-kheo, thật tốt hơn cho kẻ vô văn phàm phu đi đến với thân do bốn đại tạo thành này, xem như là tự ngã, hơn là đối với tâm.

7) Vì sao? này các Tỷ-kheo, thân do bốn đại tạo thành này được thấy đứng vững một năm, đứng vững hai năm, đứng vững ba năm, đứng vững bốn năm, đứng vững năm năm, đứng vững mười năm, đứng

vững hai mươi năm, đứng vững ba mươi năm, đứng vững bốn mươi năm, đứng vững năm mươi năm, đứng vững một trăm năm, đứng vững nhiều hơn nữa. Còn cái gọi là tâm này, là ý này, là thức này, này các Tỷ-kheo, cả đêm và ngày, khởi lên là khác, diệt đi là khác.

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử khéo chọn chánh tư duy lý duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt".

9) Nay các Tỷ-kheo, do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ, nên lạc thọ sanh khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, nên lạc thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, lạc thọ ấy được chấm dứt.

10) Nay các Tỷ-kheo do duyên xúc đưa đến cảm giác khổ thọ, nên khổ thọ sanh khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác khổ thọ ấy diệt, nên khổ thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến khổ thọ ấy diệt, khổ thọ ấy chấm dứt.

11) Nay các Tỷ-kheo, do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ, nên bất khổ bất lạc thọ sanh khởi. Do xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ ấy diệt, nên bất khổ bất lạc thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ ấy diệt, bất khổ bất lạc thọ ấy chấm dứt.

12) Ví như, này các Tỷ-kheo, do hai khúc cây cọ xát hòa hợp nên sức nóng được sanh, lửa được khởi lên. Do hai khúc cây ấy xa lìa tách biệt, nên sức nóng ấy đoạn diệt, sức nóng ấy chấm dứt.

13) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ nên lạc thọ sanh khởi. Do xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, nên lạc thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, lạc thọ ấy chấm dứt.

14) Do duyên xúc đưa đến cảm giác khổ thọ...

15) Do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ, nên bất khổ bất lạc thọ sanh khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ ấy diệt, nên bất khổ bất lạc thọ ấy được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ ấy diệt, bất khổ bất lạc thọ ấy chấm dứt.

16) Thầy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với xúc, nhảm chán đối với thọ, nhảm chán đối với tưởng, nhảm chán đối với thức. Do nhảm chán nên viễn ly; do viễn ly nên giải thoát. Trong sự giải thoát trí khởi lên, biết rằng: "Ta đã giải thoát", vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nêu làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa".

III. Thịt Đứa Con (Tập 15.11 Tử Nhục, Đại 2, 102b) (S.ii,97)

1) ...Ở Sàvatthi.

2) ...Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay chúng sanh.

3) Thế nào là bốn? Đoàn thực hoặc thô, hoặc tế; thứ hai là xúc; thứ ba là tư niệm; thứ tư là thức.

Nay các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay các loài chúng sanh.

- 4) Và này các Tỷ-kheo, đoàn thực cần phải nhận xét như thế nào?
- 5) Ví như, này các Tỷ-kheo, hai vợ chồng đem theo một ít lương thực đi qua một quãng đường hoang dã, với một đứa con khả ái, thương mến.
- 6) Rồi này các Tỷ-kheo, trong khi hai vợ chồng ấy đang đi trên con đường hoang vu, số lương thực ít ỏi ấy đi đến hao mòn, khánh tận. Và một vùng hoang vu còn lại chưa được họ vượt qua.
- 7) Rồi này các Tỷ-kheo, hai vợ chồng người ấy suy nghĩ: "Đồ lương thực ít ỏi của chúng ta đã bị hao mòn, khánh tận; còn lại vùng hoang vu này chưa được vượt qua; vậy chúng ta hãy giết đứa con một, khả ái, dễ thương này, làm thành thịt khô và thịt ướp, ăn thịt đứa con và vượt qua vùng hoang vu còn lại này, chớ để tất cả chúng đều bị chết hại".
- 8) Rồi hai vợ chồng ấy giết đứa con một, khả ái, dễ thương ấy, làm thịt khô và thịt ướp, ăn thịt người con và vượt qua vùng hoang vu còn lại ấy. Họ vừa ăn thịt con, vừa đập ngực (than khóc): "Đứa con một ở đâu? Đứa con một ở đâu?"
- 9) Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Họ ăn món ăn có phải để vui chơi? Hay họ ăn món ăn để tham đắm? Hay họ ăn món ăn để trang sức? Hay họ ăn món ăn để béo tốt?
- Thưa không phải vậy, bạch Thế Tôn.
- 10) -- Có phải họ ăn các món ăn chỉ với mục đích vượt qua vùng hoang vu?
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.
- 11) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói đoàn thực cần phải nhận xét như vậy. Nay các Tỷ-kheo, khi đoàn thực được hiểu biết, thời lòng tham đối với năm dục trưởng dưỡng được hiểu biết. Khi lòng tham đối với năm dục trưởng dưỡng được hiểu biết, thời không còn kiết sử, do kiết sử này, một vị Thánh đệ tử bị trói buộc để phải sanh lại đời này.
- 12) Và này các Tỷ-kheo, xúc thực cần phải nhận xét như thế nào?
- 13) Nay các Tỷ-kheo, ví như một con bò cái bị lở da, nếu nó đứng dựa vào tường, thời các sanh vật sống ở tường cắn nó. Nếu nó đứng dựa vào cây, thời các sanh vật sống ở cây cắn nó. Nếu nó đứng ở trong nước, thời các sanh vật sống ở trong nước cắn nó. Nếu nó đứng giữa hư không, thời các sanh vật giữa hư không cắn nó. Nay các Tỷ-kheo, con bò cái ấy đứng dựa vào chỗ nào, thời các sanh vật trong các chỗ ấy cắn nó. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói xúc thực cần phải được nhận xét.
- 14) Nay các Tỷ-kheo, khi xúc thực được hiểu biết, thời ba cảm tho được hiểu biết. Khi ba cảm tho được hiểu biết, thời Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không có gì cần phải làm thêm nữa.
- 15) Và này các Tỷ-kheo, tư niệm thực cần phải nhận xét như thế nào?
- 16) Nay các Tỷ-kheo, ví như một hồ than hùng, sâu hơn một thân người, chứa đầy than cháy đỏ rực, hùng cháy không có khói. Rồi một người đi đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, chán ghét khổ. Rồi hai người lực sĩ đi đến, nắm chặt hai cánh tay người ấy, kéo người ấy đến hồ than hùng ấy. Nay các Tỷ-kheo, người ấy quyết chí muốn lánh xa, tinh cần muốn lánh xa, phát nguyện muốn lánh xa (hồ than hùng ấy).

17) Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, người áy chỉ nghĩ như sau: "Nếu ta rơi vào hố than hùng này, do nhân duyên áy, ta đi đến chết, hay đi đến khổ gần như chết". Như vậy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng tư niệm thực cần phải nhận xét.

18) Nay các Tỷ-kheo, khi tư niệm thực được hiểu biết, thời ba ái được hiểu biết. Khi ba ái được hiểu biết, Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không có gì cần phải làm thêm nữa.

19) Và nay các Tỷ-kheo, thức thực cần phải nhận xét như thế nào?

20) Ví như, nay các Tỷ-kheo, người ta bắt một người ăn trộm, một người phạm tội, dẫn đến vua và thưa: "Thưa Đại vương, người này là người ăn trộm, một người phạm tội. Hãy trừng phạt người áy nếu như Ngài muốn". Vị vua nói như sau về người áy: "Các Ông hãy đi và đánh người này với một trăm hèo vào buổi sáng". Và họ đánh người áy với một trăm hèo vào buổi sáng.

21) Rồi vị vua vào buổi trưa nói: "Nay các Ông, người áy như thế nào?" -- "Thưa Đại vương, người áy vẫn còn sống". Rồi vua nói về người áy: "Nay các Ông, các Ông hãy đi và đánh người này một trăm hèo vào buổi trưa". Và họ đánh người áy một trăm hèo vào buổi trưa.

22) Rồi vị vua vào buổi chiều nói: "Nay các Ông, người áy như thế nào?" -- "Thưa Đại vương, người áy vẫn còn sống". Rồi vua nói về người áy: "Nay các Ông, các Ông hãy đi và đánh người này một trăm hèo vào buổi chiều".

23) Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người áy trong ngày bị đánh đến ba trăm hèo, do nhân duyên áy có cảm thụ khổ ưu không?

-- Bạch Thé Tôn, chỉ bị đánh một hèo, do nhân duyên áy có cảm thụ khổ ưu, còn nói gì bị đánh đến ba trăm hèo!

24) -- Như vậy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói thức thực cần phải nhận xét.

25) Nay các Tỷ-kheo, khi thức thực được hiểu rõ, thời danh sắc được hiểu rõ. Khi danh sắc được hiểu rõ, thời Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không làm gì thêm nữa.

IV. Có Tham (Tập 15.12-4. Đại 2,102c) (S.ii,101)

1) ...Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn đưa đến sự tồn tại hay sự chấp thủ tái sanh của các loài hữu tình hay các loài chúng sanh.

3) Thế nào là bốn? Đoàn thực thô hoặc tế, xúc thực là thứ hai, tư niệm là thứ ba, thức thực là thứ tư.

Nay các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay các loài chúng sanh.

4) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức được an trú, tăng trưởng. Chỗ nào thức được an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy hữu được tái sanh trong tương lai. Chỗ nào hữu được tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có nỗi.

5) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực... (như trên)...

6) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với tư niệm thực...

7) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với thức thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức được an trú, tăng trưởng. Chỗ nào có thức được an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy hữu được tái sanh trong tương lai. Chỗ nào hữu được tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sâu, có khô, có não.

8) Ví như, nay các Tỷ-kheo, một người thợ nhuộm hay một người thợ vẽ. Nếu có thuốc nhuộm hay sơn màu nghệ, màu xanh, hay màu đỏ, có một tấm bảng khéo đánh bóng, một bức tường hay tấm vải, có thể phác họa hình người đàn bà hay người đàn ông có đầy đủ chân tay.

9) Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào có thức an trú, tăng trưởng chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sâu, có khô, có não.

10) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực...

11) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với niệm thực...

12) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với thức thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già, chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sâu, có khô, có não.

13) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực không có tham, không có hỷ, không có ái, thời không có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không có danh sắc sanh. Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng. Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già, chết trong tương lai. Chỗ nào không có sanh, già, chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sâu, không có khô, không có não.

14) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực...

15) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với tư niệm thực ...

16) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với thức thực, không có tham, không có hỷ, không có ái, thời không có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không có danh sắc sanh. Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng. Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào không có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sâu, không có khô, không có não.

17) Ví như, nay các Tỷ-kheo, một ngôi nhà có mái hay một dãy hành lang có mái, có cửa sổ phía Bắc, phía Nam, hay phía Đông. Khi mặt trời mọc lên, ánh sáng ngang qua cửa sổ chiếu vào, thời chiếu vào

chỗ nào?

-- Bạch Thê Tôn, chiêu vào tường phía Tây.

18) -- Nay các Tỷ-kheo, nếu không có tường phía Tây, thời chiêu vào chỗ nào?

-- Bạch Thê Tôn, chiêu trên đất.

19) -- Nay các Tỷ-kheo, nếu không có đất, thời chiêu vào chỗ nào?

-- Bạch Thê Tôn, chiêu trên nước.

20) -- Nay các Tỷ-kheo, nếu không có nước, thời chiêu vào chỗ nào?

-- Bạch Thê Tôn, không có chiêu ở đâu cả.

21) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực không có tham, không có hỷ, không có ái...

22) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực...

23) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với tư niệm thực...

24) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với thức thực, không có tham, không có hỷ, không có ái, thời không có thức an trú. Chỗ nào không có thức an trú, chỗ ấy không có danh sắc sanh. Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng. Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào không có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sâu, không có khổ, không có nã.

V. Thành Áp (Tập 12.5, Đại 2,80b) (Tăng 384, Đại 2) (S.ii,104)

1) ...Tại Sàvatthi.

2) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Thật sự thế giới này bị hãi trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến xuất ly khỏi già và chết".

3) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: " Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu? Do cái gì, già chết sanh khởi?"

4) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh có mặt nên già chết hiện hữu. Do duyên sanh, nên già chết sanh khởi".

5) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, hữu hiện hữu? Thủ hiện hữu ? Ái hiện hữu ? thọ Hiện hữu? Xúc hiện hữu? Sáu xứ hiện hữu? Danh sắc hiện hữu? Do duyên cái gì, danh sắc sanh khởi?"

6) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thức có mặt nên danh sắc hiện hữu. Do duyên thức nên danh sắc sanh khởi".

7) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, thức hiện hữu. Do duyên cái gì, thức sanh khởi?"

8) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau : "Do danh sắc có mặt nên thức hiện hữu. Do duyên danh sắc nên thức sanh khởi".

9) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Thức này trở lui, không đi xa hơn danh sắc. Xa đến như vậy, chúng ta bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, bị tái sanh, nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh khởi. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi. Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi...". Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

10) "Tập khởi, tập khởi". Này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

11) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt già chết không hiện hữu? Do cái gì diệt, già chết diệt?"

12) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh không có mặt, nên già chết không hiện hữu. Do sanh diệt, nên già chết diệt".

13) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: " Do cái gì không có mặt, sanh không hiện hữu? HỮU không hiện hữu? Thủ không hiện hữu? Ái không hiện hữu? Thọ không hiện hữu? Xúc không hiện hữu? Sáu xứ không hiện hữu? Danh sắc không hiện hữu? Do cái gì diệt, danh sắc diệt?"

14) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thức không có mặt, danh sắc không hiện hữu. Do thức diệt nên danh sắc diệt".

15) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt, thức không hiện hữu? Do cái gì diệt, nên thức diệt ?"

16) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do danh sắc không có mặt, thức không hiện hữu. Do danh sắc diệt nên thức diệt".

17) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Ta đã chứng đắc con đường này đưa đến giác ngộ, tức là do danh sắc diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. ..(như trên)...Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt".

18) "Đoạn diệt, đoạn diệt". Này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

19) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người khi đi qua một khu rừng, một chặng núi, thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua. Người ấy đi theo con đường ấy, trong khi đi theo con đường ấy, người ấy thấy được một cổ thành, một cổ đô do người xưa ở, với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao với thành lũy đẹp đẽ.

20) Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy báo cáo với vua hay vị đại thần: "Chư tôn hãy biết, trong khi đi ngang một khu rừng, một chặng núi, tôi thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua. Tôi đã đi theo con đường ấy và thấy được một cổ thành, một cổ đô do người xưa ở, với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao, với thành lũy đẹp đẽ. Thưa các Tôn giả, hãy xây dựng lại ngôi thành ấy".

21) Rồi này các Tỷ-kheo, vị vua hay vị đại thần cho xây dựng lại ngôi thành áy. Và ngôi thành áy, sau một thời gian lớn lên và trở thành một thành phố phồn vinh, thịnh vượng, đông đúc, tràn đầy người ở.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy một con đường cũ, một đạo lộ cũ do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua.

22) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường cũ, đạo lộ cũ ấy do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua? Đây chính là con đường Thánh đạo tám nganh, tức là chánh tri kiến... chánh định. Con đường áy, này các Tỷ-kheo, là con đường cũ, đạo lộ cũ do các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. Ta đã đi theo con đường áy. Đi theo con đường áy, Ta thấy rõ già chết; Ta thấy rõ già, chết tập khởi; Ta thấy rõ già chết đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt.

23-31) Ta đã đi theo con đường áy. Đi theo con đường áy; Ta thấy rõ sanh... Ta thấy rõ hữu... Ta thấy rõ thủ... Ta thấy rõ ái... Ta thấy rõ thọ... Ta thấy rõ xúc... Ta thấy rõ sáu xứ... Ta thấy rõ danh sắc... Ta thấy rõ thực...

32) Ta đi theo con đường áy. Đi theo con đường áy, Ta thấy rõ các hành; Ta thấy rõ các hành tập khởi; Ta thấy rõ các hành đoạn diệt, Ta thấy rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt.

33) Cái được Ta biết rõ, Ta đã tuyên bố cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ được biết. Nay các Tỷ-kheo, tức là Phạm hạnh này, phồn vinh, thịnh vượng, quảng đại, chúng đa, người nhiều và được chư Thiên, loài Người khéo léo trình bày.

VI. Xúc Chạm, Biết Rõ (Tập 12.9, Xúc Pháp. Đại 2.82a) (S.ii,107)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở giữa dân chúng Kuru, tại thị trấn dân chúng Kuru tên là Kammàsadhamma.

2) Ở đây, Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo: -- "Này các Tỷ-kheo". -- "Bạch Thé Tôn". Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thé Tôn.

3) Thé Tôn nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, các Ông có nắm giữ với nội xúc hay không?

4) Được nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, con có nắm giữ, với nội xúc.

5) -- Nay các Tỷ-kheo, nhưng Ông nắm giữ nội xúc như thế nào?

6) Tỷ-kheo áy trả lời. Với câu trả lời, Tỷ-kheo áy không làm tâm Thé Tôn thỏa mãn.

7) Khi được nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, nay đã đến thời. Bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời Thé Tôn nói về nội xúc. Sau khi nghe, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

8) -- Vậy này Ananda, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói.

-- Thura vâng, bạch Thέ Tôn.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thέ Tôn.

9) Thέ Tôn nói như sau:

-- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi nắm giữ nội xúc, nắm giữ nội xúc như sau: "Sự đau khổ đa loại, đa dạng này khởi lên ở đời với già chét; sự đau khổ này lấy cái gì làm nhân, hay lấy cái gì làm tập khởi, lấy cái gì làm tác sanh, lấy cái gì làm hiện hữu? Cái gì có mặt, già chét hiện hữu? Cái gì không có mặt, già chét không hiện hữu?". Vị ấy nắm giữ nội xúc, biết như sau: "Sự đau khổ đa loại, đa dạng này khởi lên ở đời với già chét. Sự đau khổ này lấy sanh y làm nhân, lấy sanh y làm tập khởi, lấy sanh y làm tác sanh, lấy sanh y làm hiện hữu. Do sanh y có mặt, già chét hiện hữu. Do sanh y không có mặt, già chét không hiện hữu". Vị ấy biết già chét. Vị ấy biết già chét tập khởi. Vị ấy biết già chét đoạn diệt. Vị ấy biết con đường thích ứng đưa đến già chét đoạn diệt. Và nhờ thực hành như vậy, vị ấy trở thành một vị tùy pháp hành.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đã thực hành để diệt tận khổ đau, để đoạn diệt già chét một cách hoàn toàn.

10) Vị ấy lại nắm giữ thêm nội xúc và nắm giữ như sau: "Sanh y này lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm tác sanh, lấy gì làm hiện hữu? Cái gì có mặt, sanh y hiện hữu? Cái gì không có mặt, sanh y không hiện hữu?". Vị ấy nắm giữ nội xúc, biết được như sau: "Sanh y lấy ái làm nhân, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm tác sanh, lấy ái làm hiện hữu. Do ái có mặt, sanh y hiện hữu. Do ái không có mặt, sanh y không hiện hữu". Vị ấy biết sanh y, biết sanh y tập khởi, biết sanh y đoạn diệt, và biết con đường thích ứng đưa đến sanh y đoạn diệt. Do thực hành như vậy, vị ấy được gọi là tùy pháp hành.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đã chọn chánh thực hành để tận diệt đau khổ và đoạn diệt sanh y một cách hoàn toàn.

11) Vị ấy lại nắm giữ thêm nội xúc và nắm giữ như sau: "Nhưng ái này, khởi lên tại chỗ nào được khởi lên, an trú tại chỗ nào được an trú?". Vị ấy nắm giữ nội xúc, biết được như sau: "Tất cả những gì ở đời khà ái, hấp dẫn, khởi lên; tại chỗ áy, ái được sanh khởi; tại chỗ áy, ái được an trú. Và cái gì ở đời khà ái, hấp dẫn? Con mắt ở đời là khà ái, hấp dẫn khởi lên; tại chỗ áy, ái được sanh khởi; tại chỗ áy ái được an trú".

12) ... Lỗ tai ở đời là khà ái, hấp dẫn...

13) ... Lỗ mũi ở đời là khà ái, hấp dẫn...

14) ... Luõi ở đời là khà ái, hấp dẫn...

15) ... Thân ở đời là khà ái, hấp dẫn...

16) ... Ý ở đời là khà ái, hấp dẫn khởi lên; tại chỗ áy, ái được sanh khởi; tại chỗ áy, ái được an trú.

17) Nay các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ, là Sa-môn hay Bà-la-môn, thấy những gì ở đời khà ái, hấp dẫn là thường còn, thấy là lạc, thấy là vô bệnh, thấy là an ổn, thấy là tự ngã, những người áy làm ái tăng trưởng.

18) Những ai làm ái tăng trưởng, những người áy làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng

trưởng, những người ấy làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng họ không thể giải thoát khỏi đau khổ.

19) Nay các Tỷ-kheo, những ai trong tương lai là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn, thấy là lạc, thấy là tự ngã, thấy là vô bệnh, thấy là an ủn, những người ấy sẽ làm ái tăng trưởng.

20) Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy sẽ làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy sẽ làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói họ không có thể giải thoát khỏi đau khổ.

21) Nay các Tỷ-kheo, những ai trong hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn, thấy là lạc, thấy là tự ngã, thấy là vô bệnh, thấy là an ủn, những người ấy làm ái tăng trưởng.

22) Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng họ không thể giải thoát khỏi đau khổ.

23) Nay các Tỷ-kheo, ví như một bình bằng đồng, đựng nước uống có sắc, có hương, có vị và nước uống ấy có pha thuốc độc. Rồi một người đi đến, bị nóng bức bách, bị nóng áp đảo, mệt mỏi, run rẩy, khát nước và có những người nói với người ấy như sau: "Này Bạn, bình đồng đựng nước uống này, có sắc, có hương, có vị, và bình nước uống ấy có pha thuốc độc. Nếu Bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, Bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, do nhân duyên ấy, Bạn có thể đi đến chết, hay đau khổ gần như chết". Người kia có thể uống bình nước bằng đồng ấy một cách hấp tấp không suy nghĩ, không từ bỏ. Người kia do nhân duyên ấy, có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết.

24) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ, là Sa-môn hay Bà-la-môn, phàm vật gì khả ái hấp dẫn ở đời...

25) ... Những ai trong tương lai...

26) Nay các Tỷ-kheo, những ai trong hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn, thấy những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn, thấy là lạc, thấy là tự ngã, thấy là vô bệnh, thấy là an ủn, những người ấy làm ái tăng trưởng.

27) Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát khỏi sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói họ không thể giải thoát khỏi đau khổ.

28) Và này các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì khả ái, hấp dẫn ở đời là vô thường, thấy là khổ, thấy là vô ngã, thấy là bệnh, thấy là đáng sợ hãi, những người ấy từ bỏ ái.

Những ai từ bỏ ái, những người ấy từ bỏ sanh y. Những ai từ bỏ sanh y, những người ấy từ bỏ đau khổ. Những ai từ bỏ đau khổ, những người ấy đã được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta

nói rằng họ đã giải thoát khỏi đau khổ.

29) Và này các Tỷ-kheo, những ai trong tương lai là Sa-môn hay Bà-la-môn, thấy những gì khả ái, hấp dẫn ở đời là vô thường, thấy là khô, thấy là vô ngã, thấy là bệnh, thấy là đáng sợ hãi, những người ấy sẽ từ bỏ ái.

30) Những ai từ bỏ ái, những người ấy từ bỏ sanh y... Ta nói họ có thể giải thoát khỏi đau khổ.

31) Còn những ai, này các Tỷ-kheo, trong hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn, thấy những gì khả ái, hấp dẫn ở đời là vô thường, thấy là khô, thấy là vô ngã, thấy là bệnh, thấy là đáng sợ hãi, họ từ bỏ ái.

32) Những ai từ bỏ ái, những người ấy từ bỏ sanh y. Những ai từ bỏ sanh y, những người ấy từ bỏ đau khổ. Những ai từ bỏ đau khổ, những người ấy sẽ giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khô, ưu, nã. Ta nói họ sẽ giải thoát khỏi đau khổ.

33) Ví như, này các Tỷ-kheo, một bình nước bằng đồng có sắc, có hương, có vị, nhưng bị pha thuốc độc. Rồi có người đi đến, bị nóng bức bách, bị nóng áp đảo, mệt mỏi, run rẩy, khát nước. Có những người nói với người ấy : "Này Bạn, bình nước bằng đồng này có sắc, có hương, có vị, nhưng bình nước uống ấy bị pha thuốc độc. Nếu Bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, Bạn sẽ thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, do nhân duyên ấy Bạn có thể đi đến chết, hay đau khổ gần như chết".

34) Và này các Tỷ-kheo, người ấy có thể suy nghĩ như sau: "Ở đây, ta có thể nghiệp phục khát nước này với uống rượu, hay nghiệp phục với ăn sữa đồng (sanh tô), hay nghiệp phục với ngâm muối, hay nghiệp phục với cháo chua. Nhưng ta không có thể uống thứ này, nó khiến ta phải bất hạnh, đau khổ lâu dài". Người ấy sau khi suy nghĩ, không uống và từ bỏ thứ nước uống ấy. Do nhân duyên này, người ấy không đi đến chết, hay sự đau khổ gần như chết.

35) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những ai trong thời quá khứ là Sa-môn hay Bà-la-môn, thấy những gì khả ái hấp dẫn ở đời là vô thường, thấy là đau khổ, thấy là vô ngã, thấy là bệnh, thấy là đáng sợ hãi, họ đoạn trừ ái.

36) Những ai đoạn trừ ái, những người ấy đoạn trừ sanh y. Những ai đoạn trừ sanh y, những người ấy đoạn trừ đau khổ. Những ai đoạn trừ đau khổ, những người ấy được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khô, ưu, nã. Ta nói họ được giải thoát khỏi đau khổ.

37-38) Này các Tỷ-kheo, những ai trong tương lai...

39) Những ai trong thời hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn, thấy những gì khả ái, hấp dẫn ở đời là vô thường, thấy là khô, thấy là vô ngã, thấy là bệnh, thấy là đáng sợ hãi, họ từ bỏ ái.

40) Những ai từ bỏ ái, những người ấy từ bỏ sanh y. Những ai từ bỏ sanh y, những người ấy từ bỏ đau khổ. Những ai từ bỏ đau khổ, những người ấy được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khô, ưu, nã. Ta nói rằng họ được giải thoát khỏi đau khổ.

VII.Bó Lau (Tập 12.6 Lô, Đại 2,81a) (S.ii,112)

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahàkotthita trú ở Bàrànasi (Ba-la-nại), tại Isipatana (chù Tiên đọa xứ) ở Migàdàya (rừng nai).

2) Rồi Tôn giả Mahàkotthita, vào buổi chiều từ chõ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả

Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàkotthita nói với Tôn giả Sàriputta:

-- Nay Hiền giả Sàriputta, già chết do tự mình tạo ra, già chết do người khác tạo ra, già chết do tự mình và do người khác tạo ra, hay già chết không do tự mình tạo ra, không do người khác tạo ra, do tự nhiên sanh?

4) -- Nay Hiền giả Kotthita, già chết không do tự mình tạo ra, già chết không do người khác tạo ra, già chết không do tự mình tạo ra và người khác tạo ra, già chết cũng không phải không do tự mình tạo ra, không do người khác tạo ra, không do tự nhiên sanh. Già chết do duyên sanh.

5) -- Nay Hiền giả Sàriputta, có phải sanh do tự mình làm ra, sanh do người khác làm ra, sanh do tự mình làm ra và do người khác làm ra, hay sanh không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh?

6) -- Nay Hiền giả Kotthita, sanh không do tự mình làm ra, sanh không do người khác làm ra, sanh không do tự mình làm ra và người khác làm ra, sanh cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, không do tự nhiên sanh. Sanh do duyên hữu.

7-18) -- Nay Hiền giả Sàriputta, hữu có phải do tự mình làm ra... thủ có phải do tự mình làm ra... ái có phải do tự mình làm ra... thọ có phải do tự mình làm ra... xúc có phải do tự mình làm ra... sáu xứ có phải do tự mình làm ra...

19) ... Danh sắc có phải do tự mình làm ra, danh sắc có phải do người khác làm ra, danh sắc có phải do tự mình làm ra và do người khác làm ra, hay danh sắc có phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh?

20) -- Nay Hiền giả Kotthita, danh sắc không phải do tự mình làm ra, danh sắc không phải do người khác làm ra, danh sắc không phải do tự mình làm ra và do người khác làm ra, hay danh sắc cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, không do tự nhiên sanh. Danh sắc do duyên thức.

21) -- Nay Hiền giả Sàriputta, có phải thức do tự mình làm ra, thức do người khác làm ra, thức do tự mình làm ra và do người khác làm ra, hay có phải thức không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh?

22) -- Nay Hiền giả Kotthita, thức không do tự mình làm ra, thức không do người khác làm ra, thức không do tự mình làm ra và không do người khác làm ra, hay thức cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, không do tự nhiên sanh. Thức do duyên danh sắc.

23) -- Nay chúng tôi hiểu lời nói của Hiền giả Sàriputta như sau: "Nay Hiền giả Kotthita, danh sắc không do tự mình làm ra, danh sắc không do người khác làm ra, danh sắc không do tự mình làm ra và không do người khác làm ra, danh sắc cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, không do tự nhiên sanh. Danh sắc do duyên thức".

24) Và nay chúng tôi hiểu lời nói của Hiền giả Sàriputta như sau: "Nay Hiền giả Kotthita, thức không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, không do tự mình làm ra và người khác làm ra, cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, không do tự nhiên sanh. Thức do duyên

danh sắc".

25) Nay Hiền giả Sàriputta, cần phải hiểu như thế nào ý nghĩa lời nói này?

-- Vậy này Hiền giả, tôi sẽ nêu một ví dụ. Nhờ có ví dụ, người có trí hiểu được ý nghĩa lời nói.

26) Ví như hai bó lau dưa vào nhau mà đứng. Cũng vậy, này Hiền giả, do duyên danh sắc, thức sanh khởi. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi. Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nay Hiền giả, nếu một bó lau được kéo qua (một bên), bó lau kia liền rơi xuống. Nếu bó lau kia được kéo qua (một bên), bó lau này được rơi xuống. Cũng vậy, này Hiền giả, do danh sắc diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt... (như trên)... như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

27) -- Thật vi diệu thay, Hiền giả Sàriputta! Thật hy hữu thay, Hiền giả Sàriputta! Lời nói khéo nói này của Hiền giả Sàriputta và lời nói với ba mươi sáu sự này của Hiền giả Sàriputta, chúng tôi xin tùy hỷ.

28) -- Nay Hiền giả, nếu một Tỳ-kheo thuyết pháp để nhảm chán, ly tham, đoạn diệt già chết, thời đủ để được gọi là vị Tỳ-kheo thuyết pháp. Nay Hiền giả, nếu một Tỳ-kheo thực hành để nhảm chán, ly tham, đoạn diệt, già chết, thời đủ để được gọi là pháp tùy pháp hành. Nay Hiền giả, nếu một Tỳ-kheo do nhảm chán, ly tham, đoạn diệt, vô minh được giải thoát, không có chấp thủ, thời đủ để được gọi vị Tỳ-kheo đã đạt được hiện tại Niết-bàn.

VIII. Kosambi (Tập 14.9, Miệt-sư-la. Đại 2,98c) (S.ii,115)

1) Một thời Tôn giả Musila, Tôn giả Sàvittha, Tôn giả Nàrada, Tôn giả Ananda trú ở Kosambi, vườn Ghositā.

I

2) Rồi Tôn giả Sàvittha nói với Tôn giả Musila:

-- Nay Hiền giả Musila, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thâm lụy hành tướng (àkàraparivitakkà), ngoài thâm định và chấp nhận quan điểm (ditthinijjhànakanti), Tôn giả Musila tự mình có trí biết được: "Do duyên sanh, già chết sanh khởi".

3) -- Nay Hiền giả Sàvittha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thâm lụy hành tướng, ngoài thâm định và chấp nhận quan điểm, tôi có biết được, tôi có thấy được: "Do duyên sanh, già chết sanh khởi".

4) -- Nay Hiền giả Musila, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thâm lụy các điều kiện, ngoài thâm định và chấp nhận quan điểm, Tôn giả Musila tự mình có trí biết được: "Do duyên hữu, nêu sanh sinh khởi... (như trên)...".

5) ... "Do duyên thủ nêu hữu sanh khởi".

6) ... "Do duyên ái nêu thủ sanh khởi".

7) ... "Do duyên thọ nêu ái sanh khởi".

- 8) ... "Do duyên xúc nêu thọ sanh khởi".
- 9) ... "Do duyên sáu xứ nêu xúc sanh khởi".
- 10) ... "Do duyên danh sắc nêu sáu xứ sanh khởi".
- 11) ... "Do duyên thức nêu danh sắc sanh khởi".
- 12) ... "Do duyên hành nêu thức sanh khởi".
- 13) ... "Do duyên vô minh nêu hành sanh khởi".
- 14) -- Này Hiền giả Sàvittha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự các điều kiện, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, tôi biết được, tôi thấy được: "Do duyên vô minh, các hành sanh khởi".
- 15) -- Này Hiền giả Musàa, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự các điều kiện, ngoài sự thẩm định và chấp nhận quan điểm, Tôn giả Musila tự mình có trí biết như sau: "Do sanh diệt, nêu già chết diệt".
- 16) -- Này Hiền giả Sàvittha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự các điều kiện, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, tôi biết như sau, tôi thấy như sau: "Do sanh diệt, nêu già chết diệt".
- 17) -- Này Hiền giả Musàa, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự các điều kiện, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, Tôn giả Musila tự mình có trí biết như sau: "Do hữu diệt, nêu sanh diệt".
- 18-24)... "Do thủ diệt, nêu hữu diệt... Do ái diệt, nêu thủ diệt... Do thọ diệt, nêu ái diệt... Do xúc diệt nêu thọ diệt... Do sáu xứ diệt, nêu xúc diệt... Do danh sắc diệt, nêu sáu xứ diệt... Do thức diệt, nêu danh sắc diệt... Do hành diệt, nêu thức diệt... Do vô minh diệt, nêu hành diệt".
- 25) -- Này Hiền giả Sàvittha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự các điều kiện, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, tôi biết như sau, tôi thấy như sau: "Do vô minh diệt, nêu hành diệt"
- 26) -- Này Hiền giả Musila, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự các điều kiện, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, Tôn giả Musila tự mình có trí biết như sau: " Do hữu diệt là Niết-bàn".
- 27) -- Này Hiền giả Sàvittha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự, các điều kiện, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, tôi biết như sau, tôi thấy như sau: "Do hữu diệt là Niết-bàn".
- 28) -- Như vậy, Tôn giả Musila là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc?
- 29) Khi nghe nói vậy, Tôn giả Musila giữ im lặng.

30) Rồi Tôn giả Nàradha nói với Tôn giả Sàvittha:

-- Nay Hiền giả Sàvittha, lành thay nếu tôi được hỏi câu này. Hãy hỏi tôi câu hỏi này, và tôi sẽ trả lời cho Hiền giả câu hỏi này.

31) -- Tôn giả Nàradha hãy lấy câu hỏi này. Tôi sẽ hỏi Tôn giả Nàradha câu hỏi này. Và Tôn giả Nàradha hãy trả lời cho tôi câu hỏi này.

32-57)... -- Nay Hiền giả Sàvittha, ngoài lòng tin... tôi biết như sau, tôi thấy như sau: "Do hữu diệt là Niết-bàn".

58) -- Như vậy, Tôn giả Nàradha là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc?

59) -- Nay Hiền giả, "Do hữu diệt là Niết-bàn", tôi khéo thấy như chơn nhờ chánh trí tuệ. Nhưng tôi không phải là vị A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc.

60) Ví như trên một con đường hoang vắng có một giếng nước. Tại đây không có dây, không có gầu nước. Rồi có người đi đến, bị nóng bức bách, bị nóng áp đảo, mệt mỏi, run rẩy, khát nước. Người ấy ngó xuống giếng và biết được: "Giếng này có nước", nhưng đứng chịu, thân thể không chạm nước.

61) Cũng vậy, này Hiền giả, "Hữu diệt là Niết-bàn", tôi khéo thấy như chơn nhờ chánh trí tuệ, nhưng tôi không phải là vị A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc.

III

62) Khi được nói vậy, Tôn giả Ananda nói với Tôn giả Sàvittha:

-- Nay Hiền giả Sàvittha, nói như vậy thời Hiền giả nói gì về Tôn giả Nàradha?

63) -- Nay Hiền giả Ananda, nói như vậy, tôi không nói gì về Tôn giả Nàradha, ngoài sự tốt lành, ngoài sự tốt đẹp.

IX. Nước Thủy Triều Dâng (S.ii,118)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong vườn ông Anàthapindika.

2) Tại đây...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, khi nào biển lớn dâng lên thời các sông lớn dâng lên; khi nào các sông lớn dâng lên thời các sông nhỏ dâng lên; khi nào các sông nhỏ dâng lên thời các hồ lớn dâng lên; khi nào các hồ lớn dâng lên thời các hồ nhỏ dâng lên.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào vô minh dâng lên thời các hành dâng lên; khi nào các hành dâng lên thời thức dâng lên; khi nào thức dâng lên thời danh sắc dâng lên; khi nào danh sắc dâng lên thời sáu xứ dâng lên; khi nào sáu xứ dâng lên thời xúc dâng lên; khi nào xúc dâng lên thời thọ dâng lên; khi nào thọ dâng lên thời ái dâng lên; khi nào ái dâng lên thời thủ dâng lên; khi nào thủ dâng lên thời hữu dâng lên; khi nào hữu dâng lên thời sanh dâng lên; khi nào sanh dâng lên thời già chết dâng lên.

5) Nay các Tỷ-kheo, biển lớn không dâng lên thời sông lớn không dâng lên; sông lớn không dâng lên thời sông nhỏ không dâng lên; sông nhỏ không dâng lên thời hồ lớn không dâng lên; hồ lớn không dâng lên thời hồ nhỏ không dâng lên.

6) Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, vô minh không dâng lên thời các hành không dâng lên; các hành không dâng lên thời thức không dâng lên; thức không dâng lên thời danh sắc không dâng lên; danh sắc không dâng lên thời sáu xứ không dâng lên; sáu xứ không dâng lên thời xúc không dâng lên; xúc không dâng lên thời thọ không dâng lên; thọ không dâng lên thời ái không dâng lên; ái không dâng lên thời thủ không dâng lên; thủ không dâng lên thời hữu không dâng lên; hữu không dâng lên thời sanh không dâng lên; sanh không dâng lên thời già chết không dâng lên.

X. Susīma (Tập 14.5 Đại 2,96b) (S.ii,119)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng con sóc.

I

2) Lúc bấy giờ Thέ Tôn được cung kính, được tôn trọng, được kính lẽ, được cúng dường, được tôn sùng và Ngài nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và được phàm trị bệnh.

3) Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, được tôn trọng, được kính lẽ, được cúng dường, được tôn sùng và cũng nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và được phàm trị bệnh.

4) Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính, không được tôn trọng, không được kính lẽ, không được cúng dường, không được tôn sùng và cũng không nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và được phàm trị bệnh.

II

5) Lúc bấy giờ du sĩ Susīma trú ở Ràjagaha cùng với đại chúng du sĩ.

6) Rồi hội chúng du sĩ của Susīma nói với du sĩ Susīma:

-- Thura Hiền giả Susīma, ngài hãy đi đến và sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Sa-môn Gotama. Sau khi ngài học Chánh pháp xong hãy nói lại cho chúng tôi. Sau khi chúng tôi học pháp ấy chúng tôi sẽ nói lại với các gia chủ. Như vậy chúng tôi sẽ được cung kính, được tôn trọng, được kính lẽ, được cúng dường, được tôn sùng và chúng tôi sẽ nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và được phàm trị bệnh.

7) -- Thura vâng, các Hiền giả.

Du sĩ Susīma nghe theo hội chúng của mình, liền đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Ananda; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

III

8) Ngồi xuống một bên, du sĩ Susīma nói với Tôn giả Ananda:

-- Nay Hiền giả Ananda, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này.

9) Rồi Tôn giả Ananda đưa du sĩ Susima đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.

10) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, du sĩ Susima này nói như sau: "Nay Hiền giả Ananda, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này".

11) -- Vậy Ananda, hãy cho Susima xuất gia.

12) Và du sĩ Susima được xuất gia dưới sự chỉ đạo của Thé Tôn và được thọ đại giới.

13) Lúc bấy giờ nhiều vị Tỷ-kheo ở trước mặt Thé Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng tôi biết rằng: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.' "

IV

14) Tôn giả Susima được nghe: Nhiều Tỷ-kheo trước mặt Thé Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng tôi biết rõ rằng: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.' "

15) Rồi Tôn giả Susima đi đến các Tỷ-kheo; sau khi đến nói lên với những Tỷ-kheo áy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

16) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Susima nói với các Tỷ-kheo áy:

-- Có đúng sự thật chăng, chư Tôn giả ở trước mặt Thé Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng con biết rõ rằng: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa'"?

-- Thưa có vậy, nay Hiền giả.

17) -- Nhưng, chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy chắc chúng được nhiều loại thần thông khác nhau: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trời lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và rờ vào mặt trăng và mặt trời, những vật có oai lực, đại oai thần như vậy. Có thể sử dụng thân một cách tự tại cho đến cõi Phạm thiên?

-- Thưa không phải vậy, nay Hiền giả.

18) -- Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, chúng được thiên nhĩ thông thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng: chư Thiên và loài Người, xa và gần?

-- Thưa không phải vậy, nay Hiền giả.

19) -- Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, với tâm của mình biết được tâm của các

chúng sanh khác, các loài Người khác: Tâm có tham biết là tâm có tham; tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân; tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si; tâm không si biết là tâm không si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú; tâm tán loạn biết là tâm tán loạn. Đại hành tâm biết là đại hành tâm; không phải đại hành tâm biết không phải là đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng; tâm vô thượng biết là tâm vô thượng. Tâm Thiền định biết là tâm Thiền định; tâm không Thiền định biết là tâm không Thiền định. Tâm giải thoát biết là tâm giải thoát; tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát?

-- Thura không phải vậy, này Hiền giả.

20) -- Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, nhớ được nhiều đời quá khứ. Như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, họ khổ lạc như thế này, tuổi họ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, tuổi họ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy, chư Tôn giả nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết?

-- Thura không phải vậy, này Hiền giả.

21) -- Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Chư Tôn giả biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kê cao sang, người đẹp đẽ kể thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, làm những ác hạnh về lời nói, những ác hạnh về ý, phi báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, làm những thiện hạnh về lời nói, làm những thiện hạnh về ý, không phi báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, các vị thấy sự sống chết của chúng sanh. Các vị biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kê cao sang, người đẹp đẽ kể thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ?

-- Thura không phải vậy, này Hiền giả.

22) -- Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, sau khi vượt khỏi Sắc giới, thân cảm xúc Vô sắc giới, an trú vào tịch tịnh giải thoát?

-- Thura không phải vậy, này Hiền giả.

23) -- Hay ở đây, có phải chư Tôn giả vừa trả lời như vậy, vừa không chứng được các pháp này?

24) --Này Hiền giả, không có chứng được gì.

25) -- Như thế nào?

-- Thura Hiền giả Susima, chúng tôi chứng được tuệ giải thoát.

26) -- Tôi không biết được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói văn tắt này của chư Tôn giả. Lành thay nếu được chư Tôn giả nói lên cho tôi, để tôi có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói văn tắt này của chư

Tôn giả!

27) -- Này Hiền giả Susima, dù cho Ông có biết hay Ông không biết, chúng tôi chứng được tuệ giải thoát.

V

28) Rồi Tôn giả Susima từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn và ngồi xuống một bên.

29) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Susima trình bày lên Thé Tôn tất cả câu chuyện với các Tỷ-kheo áy.

30) -- Này Susima, trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn.

31) -- Bạch Thé Tôn, con không hiểu được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói văn tắt này của Thé Tôn. Bạch Thé Tôn, lành thay nếu Thé Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi, lời nói văn tắt này của Thé Tôn!

32) -- Này Susima, dù cho Ông có biết hay Ông không có biết, trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn. Này Susima, Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn?

33) -- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi chúng ta quán vật áy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

34) -- Thọ là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thé Tôn.

35) -- Tưởng là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thé Tôn.

36) -- Các hành là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thé Tôn.

37) -- Thức là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu chúng ta quán vật ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

38) -- Do vậy, này Susima, cái gì thuộc sắc pháp quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thăng, xa hay gần, tất cả sắc pháp cần phải được quán như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

39) Cái gì thuộc thọ quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

40) Cái gì thuộc tưởng quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

41) Cái gì thuộc hành quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

42) Cái gì thuộc thức quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thăng, xa hay gần, tất cả thức cần phải quán như chơn với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

43) Nay Susima, thấy như vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với sắc, nhảm chán đối với thọ, nhảm chán đối với tưởng, nhảm chán đối với các hành, nhảm chán đối với thức. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Nay Susima, Ông có thấy chăng: "Do duyên sanh, già chết sanh khởi"?

-- Thưa vâng, bạch Thé Tôn.

44) ...

45) -- "Do duyên thủ, hữu sanh khởi?" Nay Susima, Ông có thấy chăng?

-- Thưa có, bạch Thé Tôn.

46) -- Nay Susima, Ông có thấy chăng: "Do duyên ái, thủ sanh khởi"?

-- Thưa có, bạch Thé Tôn.

47) -- "Do duyên thọ, ái sanh khởi. Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên sáu xứ, thọ sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên hành thức sanh khởi. Do duyên vô minh, hành sanh khởi". Nay Susima, Ông có thấy chăng?

-- Thưa có, bạch Thé Tôn.

48) -- "Do sanh diệt, già chết diệt", này Susima, Ông có thấy chăng?

-- Thưa có, bạch Thé Tôn.

49) -- "Do hữu diệt, nêu sanh diệt", này Susima, Ông có thấy chăng?

-- Thưa có, bạch Thέ Tôn.

50) -- "Do thủ diệt, nên hữu diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do danh sắc diệt, nên sáu xứ diệt. Do thức diệt, nên danh sắc diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do vô minh diệt, nên hành diệt!". Này Susima, Ông có thấy chăng?

-- Thưa có, bạch Thέ Tôn.

51) -- Nhưng này, biết như vậy, thấy như vậy, Ông có chứng được các thân thông nhiều loại sai khác: Một thân hiện ra nhiều thân; nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy. Có thể sử dụng thân một cách tự tại cho đến cõi Phạm thiên?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

52) -- Này Susima, có phải biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, Ông có thể nghe hai loại tiếng, tiếng chư Thiên và tiếng loài Người, tiếng xa và tiếng gần?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

53) -- Này Susima, có phải biết như vậy, thấy như vậy, với tâm của mình biết được tâm của chúng sanh sai khác, của loài Người sai khác. Với tâm có tham, Ông biết được tâm có tham... với tâm không giải thoát, Ông biết được là tâm không giải thoát; với tâm giải thoát, Ông biết được là tâm giải thoát?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

54) -- Này Susima, có phải biết như vậy, thấy như vậy, Ông có thể nhớ được nhiều đời quá khứ sai khác. Như một đời... (như trên)... Ông có thể nhớ được nhiều đời quá khứ sai khác cùng với các nét đại cương và các chi tiết?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

55) -- Này Susima, nhưng biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhã thanh tịnh siêu nhân, Ông có thể thấy các chúng sanh chết đi sanh lại... Ông có thể biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

56) -- Này Susima, nhưng biết như vậy, thấy như vậy, có phải sau khi vượt khỏi các sắc pháp, với thân cảm thọ vô sắc pháp Ông an trú với tịch tịnh giải thoát?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

57) -- Nay ở đây, này Susima, với câu trả lời như vậy, với những pháp này không chứng được, này Susima, có phải Ông không làm được điều này?

VI

58) Rồi Tôn giả Susima cúi đầu đảnh lễ chân Thέ Tôn và bạch Thέ Tôn:

-- Một tội lỗi con đã vi phạm, bạch Thέ Tôn, vì ngu đần, vì si mê, vì bất thiện. Con đã xuất gia như một người ăn trộm pháp trong Pháp và Luật khéo giảng này. Bạch Thέ Tôn, mong Thέ Tôn chấp nhận con tội lỗi này là một tội lỗi để con ngăn ngừa trong tương lai!

59) -- Này Susīma, thật sự Ông đã phạm tội, vì ngu đần, vì si mê, vì bất thiện, Ông đã xuất gia như người ăn trộm pháp trong Pháp và Luật khéo giảng này.

60) Ví như, này Susīma, người ta bắt được một người ăn trộm, một người phạm tội, dắt đến cho vua và thưa: "Thưa Đại vương, đây là người ăn trộm, người phạm tội. Đại vương hãy gia phạt người ấy theo hình phạt nào như Đại vương muôn". Vua ấy nói như sau: "Các Ông hãy đem người này, lấy dây thật chắc trói cánh tay người này thật chặt về phía sau, cạo đầu người ấy đi, dắt người ấy đi xung quanh trên một xe nhỏ với một cái trống, đi từ đường này tới đường khác, từ ngả ba này đến ngả ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa thành phía Nam, và hãy chặt đầu người ấy tại thành phía Nam".

Những người kia vâng theo lời vua dạy, lấy dây thật chắc trói cánh tay người ấy thật chặt về phía sau, cạo trọc đầu, dắt người ấy đi xung quanh trên một xe nhỏ với một cái trống, đi từ đường này tới đường khác, từ ngả ba này tới ngả ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa thành phía Nam, và chặt đầu người ấy tại thành phía Nam.

61) Này Susīma, Ông nghĩ thế nào? Người ấy do nhân duyên như vậy có cảm thọ khổ ưu hay không?

-- Thưa có, bạch Thέ Tôn.

62) -- Này Susīma, dù cho người ấy do nhân duyên như vậy cảm thọ khổ ưu, hay không cảm thọ khổ ưu, thời sự xuất gia với tư cách ăn trộm pháp trong Pháp và Luật khéo thuyết này, do nhân duyên ấy phải rơi vào và chịu đựng khổ báo còn kịch liệt hơn và quả báo còn đau đớn hơn.

63) Này Susīma, Ông thấy phạm tội là phạm tội và như pháp phát lộ, nên chúng ta chấp nhận tội ấy cho Ông. Này Susīma, như vậy Luật của bậc Thánh được tăng trưởng, khi thấy được phạm tội là phạm tội và như pháp phát lộ để ngăn giữ trong tương lai.

VIII. Sa Môn, Bà La Môn: Phẩm Thủ Tám

71. I. Sa Môn, Bà La Môn (Tập 14.12-3, Sa-môn, Bà-la-môn, Đại 2,99b) (S.ii,129)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, ở vườn ông Anàthapindika.

2) Ở đây Thέ Tôn...

3) -- Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết già chét, không biết già chết tập khởi, không biết già chết đoạn diệt, không biết con đường đưa đến già chết đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa các Sa-môn không được chấp nhận là Sa-môn, hay giữa các Bà-la-môn không được chấp nhận là Bà-la-môn; và những Tôn giả ấy không tự mình với thắng trí đạt được, chúng được và an trú trong hiện tại mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

4) Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết già chét... (như trên)... biết con đường

đưa đến già chết đoạn diệt. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa các Sa-môn được chấp nhận là Sa-môn, hay giữa các Bà-la-môn được chấp nhận là Bà-la-môn; và những Tôn giả ấy tự mình với thắng trí đạt được, chứng được và an trú ngay trong hiện tại mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

72-80. (II-X).

... Trú ở Sàvatthi.

Họ không biết sanh...

Họ không biết hữu...

Họ không biết thủ...

Họ không biết ái...

Họ không biết tho...

Họ không biết xúc...

Họ không biết sáu xứ...

Họ không biết danh sắc...

Họ không biết thức...

XI. (S.ii,130)

Họ không biết hành... Họ không biết hành tập khởi, họ không biết hành đoạn diệt, họ không biết con đường đưa đến hành đoạn diệt.... tự mình với thắng trí đạt được, chứng được và an trú ngay trong hiện tại mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

IX. Trung Lược Phẩm

...Trú ở Sàvatthi.

I. Đạo Sư... (S.ii,130)

1) -- Nay các Tỷ-kheo, đối với ai không như thật biết và thấy già chết, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo Sư để có như thật trí đối với già chết. Đối với ai không như thật biết và thấy già chết tập khởi, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo Sư để có như thật trí đối với già chết tập khởi. Đối với ai không như thật biết và thấy già chết đoạn diệt, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo Sư để có như thật trí đối với già chết đoạn diệt. Đối với ai không như thật biết và thấy con đường đưa đến già chết đoạn diệt, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo Sư để có như thật trí đối với con đường đưa đến già chết đoạn diệt.

2) Nay các Tỷ-kheo, đối với ai không như thật biết và thấy sanh...

- 3) Nay các Tỷ-kheo,.. không như thật biết và thấy hưu...
- 4) Nay các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy thủ...
- 5) Nay các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy ái...
- 6) Nay các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy thọ...
- 7) Nay các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy xúc...
- 8) Nay các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy sáu xứ...
- 9) Nay các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy danh sắc...
- 10) Nay các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy thức...

11) Nay các Tỷ-kheo, đối với ai không như thật biết và thấy hành, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo Sư để có như thật trí đối với các hành. Đối với ai không như thật biết và thấy các hành tập khởi, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo Sư để có như thật trí đối với các hành tập khởi. Đối với ai không như thật biết và thấy các hành đoạn diệt, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo Sư để có như thật trí đối với các hành đoạn diệt. Đối với ai không như thật biết và thấy con đường đưa đến hành đoạn diệt, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo Sư để có như thật trí đối với con đường đưa đến các hành đoạn diệt.

II. Học Tập (Tập 15.4 Tu Tập, Đại 2,101b) (S.ii,131)

... Nay các Tỷ-kheo, đối với ai không như thật biết và thấy già chết, người ấy cần phải học tập để có như thật trí đối với già chết...(I.11)

III. Tu Tập (Yoga) (Tập 15.5, Tam-ma-đè, Đại 2,101b) (S.ii,131)

... Nay các Tỷ-kheo, đối với ai không như thật biết và thấy già chết, người ấy cần phải tu tập để có như thật trí đối với già chết...(I.11)

IV. Dục (S.ii,132)

... Dục cần phải thực hành...(I.11)

V. Nỗ Lực (S.ii,132)

... Nỗ lực cần phải thực hành...(I.11)

VI. Bất Thối Chuyển (S.ii,132)

... Bất thối chuyển cần phải thực hành...(I.11)

VII. Nhiệt Tâm (S.ii,132)

... Nhiệt tâm cần phải thực hành...(I.11)

VIII. Tinh Tấn (S.ii,132)

... Tinh tấn cần phải thực hành...(I.11)

IX. Kiên Trì (S.ii,132)

... Kiên trì cần phải thực hành...(I.11)

X. Chánh Niệm (S.ii,132)

... Chánh niệm cần phải thực hành...(I.11)

XI. Chánh Tri (S.ii,132)

... Chánh tri cần phải thực hành...(I.11)

XII. Không Phóng Dật (S.ii,132)

... Không phóng dật cần phải thực hành... (I.11)

CHƯƠNG II
13. TƯƠNG ƯNG MINH KIẾN

I. Đầu Ngón Tay (S.ii,133)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Thέ Tôn lấy lên một ít bụi trên đầu móng tay rồi gọi các Tỷ-kheo:

-- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì nhiều hơn, một ít bụi này Ta lấy lên trên đầu ngón tay, hay là quả đất lớn này?

3) -- Chính cái này, bạch Thέ Tôn, là nhiều hơn, tức là quả đất lớn này. Ít hơn là ít bụi được Thέ Tôn lấy lên trên đầu ngón tay; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh quả đất lớn với ít bụi được Thέ Tôn lấy lên trên đầu ngón tay.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị Thánh đệ tử đã chứng được kiến cụ túc, đối với người đã chứng được minh kiến, cái này là nhiều hơn, tức là khô đã được đoạn tận, đã được diệt tận; ít hơn là khô còn lại, không phải một trăm ngàn lần, có thể sánh bằng khi so sánh với khô uẩn trước đã được đoạn tận, đã được diệt tận, tức là bảy lần nhiều hơn.

5) Như vậy lợi ích lớn thay, này các Tỷ-kheo, là pháp minh kiến (Dhammà -sbhisamayo: pháp hiện quán); như vậy lợi ích lớn thay là chứng đắc pháp nhẫn.

II. Hồ Sen (Tập 5.7, Đại 2,34a) (S.ii,134)

1) Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, ví như một hồ sen 50 do tuần bè dài, 50 do tuần bè rộng và 50 do tuần bè sâu, nước đầy tràn khiến con quạ có thể uống được. Từ nơi hồ sen ấy một người lấy nước lên với đầu ngọn cỏ. Các Ông nghĩ thế nào? Nay các Tỷ-kheo, cái nào nhiều hơn, nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ, hay nước của hồ sen?

3) -- Chính cái này, bạch Thέ Tôn, là nhiều hơn, tức là nước của hồ sen; ít hơn là nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần, có thể sánh bằng, khi so sánh nước của hồ sen với nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với bậc Thánh đệ tử đã chứng được kiến cụ túc, đối với người đã chứng được minh kiến, cái này là nhiều hơn, tức là khô đã được đoạn tận, đã được diệt tận; ít hơn là khô còn lại. Không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng khi so sánh với khô uẩn trước đã được đoạn tận, đã được diệt tận, tức là bảy lần nhiều hơn.

5) Như vậy lợi ích lớn thay, này các Tỷ-kheo, là pháp minh kiến; như vậy lợi ích lớn thay là chứng đắc pháp nhẫn!

III. Nước Sông Hợp Dòng (Sii,134)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Này các Tỷ-kheo, ví như các con sông lớn này, cùng nhau đồng chảy, cùng nhau hợp dòng, như sông Gangà (sông Hằng), sông Yamunà, sông Aciravatii, sông Sarabhuu, sông Mahii. Từ chỗ các hợp dòng ấy, một người lấy lên hai hay ba giọt nước. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lấy lên, hay là nước ở chỗ hợp dòng?

3) -- Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là nước hợp dòng; ít hơn là hai ba giọt nước được lấy lên; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần, có thể sánh bằng khi so sánh nước ở hợp dòng với hai hay ba giọt nước được lấy lên.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên)...

IV. Nước Sông Hợp Dòng (S.ii,135)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Này các Tỷ-kheo, ví như các con sông lớn này, cùng nhau đồng chảy, cùng nhau hợp dòng, như sông Gangà, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Sarabhuu, sông Mahi; nước các sông ấy đi đến đoạn tận, diệt tận, chỉ trừ hai hay ba giọt nước, các Ông nghĩ thế nào? Này các Tỷ-kheo, cái gì nhiều hơn, nước sông hợp dòng đi đến đoạn tận, diệt tận, hay là hai hay ba giọt nước còn lại?

3) -- Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là nước hợp dòng đi đến đoạn tận, diệt tận. Ít hơn là hai hay ba giọt nước còn lại. Không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh nước sông hợp dòng đi đến đoạn tận, diệt tận với hai hay ba giọt nước còn lại.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo...

V. Quả Đất (S.ii,135)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) ... Ví như, này các Tỷ-kheo, có người đặt bảy cục đất tròn lớn bằng hột táo trên quả đất lớn. Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Cái nào là nhiều hơn, bảy cục đất tròn to bằng hột táo được đặt (trên quả đất), hay là quả đất lớn?

3) -- Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là quả đất lớn. Ít hơn là bảy cục đất tròn to bằng hột táo được đặt (trên quả đất). Không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh quả đất lớn với bảy cục đất tròn được đặt (trên quả đất).

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo...

VI. Quả Đất (S.ii,136)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, quả đất lớn đi đến đoạn tận, diệt tận, trừ bảy cục đất tròn lớn bằng hột táo. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Cái nào là nhiều hơn, quả đất lớn đi đến đoạn tận, diệt tận, hay là bảy cục đất tròn lớn bằng hột táo còn lại?

3) -- Chính cái này, bạch Thέ Tôn, là nhiều hơn, tức là quả đất lớn đi đến đoạn tận, diệt tận. Ít hơn là bảy cục đất tròn lớn bằng hột táo còn lại. Không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh quả đất lớn đi đến đoạn tận, diệt tận với bảy cục đất tròn lớn bằng hột táo còn lại.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo...

VII. Biển (S.ii,136)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một người từ biển lớn lấy lên hai hay ba giọt nước. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Cái nào là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lấy lên, hay là nước biển lớn?

3) -- Chính cái này, bạch Thέ Tôn, là nhiều hơn, tức là nước biển lớn. Ít hơn là hai hay ba giọt nước được lấy lên. Không phải một trăm lần không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh nước biển lớn với hai hay ba giọt nước được lấy lên.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo...

VIII. Biển (S.ii,137)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn đi đến đoạn tận, diệt tận, trừ hai hay ba giọt nước. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Cái gì là nhiều hơn, nước biển lớn đi đến đoạn tận, diệt tận, hay là hai hay ba giọt nước còn lại?

3) -- Chính cái này, bạch Thέ Tôn, là nhiều hơn, tức là nước của biển lớn đi đến đoạn tận, diệt tận. Ít hơn là hai hay ba giọt nước còn lại. Không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh nước của biển lớn đi đến đoạn tận với hai hay ba giọt nước còn lại.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo...

IX. Ví Dụ Với Núi (S.ii,137)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, có người đặt bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải trên vua núi Tuyết Sơn. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Cái nào là nhiều hơn? Bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải này được đặt (trên núi) hay là vua núi Tuyết Sơn.

3) -- Chính cái này bạch Thέ Tôn, là nhiều hơn, tức là vua núi Tuyết Sơn. Ít hơn là bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải được đặt (trên núi). Không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh vua núi Tuyết Sơn với bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải được đặt (trên núi).

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo...

X. Ví Dụ Núi (S.ii,138)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, núi Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, diệt tận, chỉ còn lại bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Cái nào là nhiều hơn? Núi Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, diệt tận hay là bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải được còn lại?

3) -- Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là núi Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, diệt tận này. Ít hơn là bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải còn lại này. Không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh núi Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, diệt tận với bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải còn lại.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị Thánh đệ tử đã chứng được kiến cụ túc, đối với người đã chứng được minh kiến, cái này nhiều hơn, tức là khổ đã được đoạn tận, diệt tận. Ít hơn là khổ còn lại. Không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh với khổ uẩn trước đã được đoạn tận, tức là bảy lần nhiều hơn.

5) Như vậy lợi ích lớn thay, này các Tỷ-kheo, là pháp minh kiến; như vậy lợi ích lớn thay là chứng đắc pháp nhẫn!

XI. Ví Dụ Núi (S.ii,138)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, các Ông đặt bảy hòn sỏi lớn bằng hột đậu trên vua núi Sineru (núi Tu-di). Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Cái nào là nhiều hơn? Bảy hòn sỏi lớn bằng hạt đậu được đặt (trên núi) hay là vua núi Sineru?

3) -- Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là vua núi Sineru. Ít hơn là bảy hòn sỏi lớn bằng hột đậu được đặt (trên núi). Không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh vua núi Sineru với bảy hòn sỏi lớn bằng hột đậu được đặt (trên núi).

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, so sánh sự chứng đắc của vị Thánh đệ tử đã chứng kiến cụ túc, của người đã chứng (minh kiến), thời sự chứng đắc của các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, du sĩ ngoại đạo không bằng một trăm lần, không bằng một ngàn lần, không bằng một trăm ngàn lần.

5) Cũng vậy, chứng đắc lớn, này các Tỷ-kheo, là kiến cụ túc, là người đã chứng được đại trí như vậy.

CHƯƠNG III
14. TƯƠNG ƯNG GIỚI

I. Phẩm Sai Biệt

Phần Một: Nội Giới Năm Kinh

I. Giới (Tập 16.51 Giới, Đại 2, 115c) (S.ii,140)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông giới sai biệt. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.
-- Thưa vâng, bạch Thê Tôn.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thê Tôn.

3) Thê Tôn nói như sau:

-- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?

4) Nhãm giới, sắc giới, nhãm thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tý giới, hương giới, tý thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

II. Xúc (Tập 16.52-53 Xúc, Đại 2, 116a) (S.ii,140)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.
- 3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?
- 4) Nhãm giới, nhĩ giới, tý giới, thiệt giới, thân giới, ý giới; này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.
- 5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi?
- 6) Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãm giới, nhãm xúc sanh khởi. Do duyên nhĩ giới... do duyên tý giới... do duyên thiệt giới... do duyên thân giới... do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi.
- 7) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.

III. Và Không Phải Như Vậy (S.ii,141)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt,

giới sai biệt sanh khởi.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?

4) Nhẫn giới... ý giới; này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

5) Và này các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?

6) Nay các Tỷ-kheo, do duyên nhẫn giới, nhẫn xúc sanh khởi; không phải do duyên nhẫn xúc, nhẫn giới sanh khởi... Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi.

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

IV. Thọ (S.ii,141)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?

4) Nhẫn giới... ý giới... này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

5) Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi?

6) Nay các Tỷ-kheo, do duyên nhẫn giới, nhẫn xúc sanh khởi. Do duyên nhẫn xúc, thọ do nhẫn xúc sanh khởi... Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi. Do duyên ý xúc, thọ do ý xúc sanh sanh khởi.

7) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi.

V. Thọ (S.ii,142)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Nhẫn giới... ý giới... này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi? Do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

5-9) Nay các Tỷ-kheo, do duyên nhẫn giới, nhẫn xúc sanh khởi. Do duyên nhẫn xúc, thọ do nhẫn xúc sanh sanh khởi. Không phải do duyên thọ do nhẫn xúc sanh, nhẫn xúc sanh khởi. Không phải do duyên nhẫn xúc, nhẫn giới sanh khởi... (như trên) ...

10) Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi. Do duyên ý xúc, thọ do ý xúc sanh sanh khởi. Không phải do duyên thọ do ý xúc sanh, ý xúc sanh khởi. Không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi.

11) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Phần Hai: Ngoại Giới Năm Kinh

VI. Giới (S.ii,143)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về giới sai biệt. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới.

4) Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

VII. Tưởng (Tập 16.54 Tưởng, Đại 2, 116b) 16.52 Giới, 52 Xúc, 53 Thọ (S.ii,143)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới... pháp giới; này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi?

5-9) Nay các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc dục sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi...

10) Nay các Tỷ-kheo, do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp dục sanh khởi. Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt

tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tâm cầu sai biệt sanh khởi.

VIII. Và Không Phải Như Vậy (S.ii,144)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, do duyên giới phân biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt... tâm cầu sai biệt sanh khởi.
- 3) Không phải do duyên tâm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.
- 4-9) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới... pháp giới; nay các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.
- 10) Và nay các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt... tâm cầu sai biệt sanh khởi? Không phải do duyên tâm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.
- 11) Nay các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc dục sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tâm cầu sanh khởi. Không phải do duyên sắc tâm cầu, sắc nhiệt tình sanh khởi. Không phải do duyên sắc nhiệt tình, sắc dục sanh khởi. Không phải do duyên sắc dục, sắc tư duy sanh khởi. Không phải do duyên sắc tư duy, sắc tưởng sanh khởi. Không phải do duyên sắc tưởng, sắc giới sanh khởi.
- 12) Do duyên thanh giới...
- 13) Do duyên hương giới...
- 14) Do duyên vị giới...
- 15) Do duyên xúc giới...
- 16) Do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp dục sanh khởi... pháp tâm cầu sanh khởi. Không phải do duyên pháp tâm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi. Không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi. Không phải do duyên pháp dục, pháp tư duy sanh khởi. Không phải do duyên pháp tư duy, pháp tưởng sanh khởi. Không phải do duyên pháp tưởng, pháp giới sanh khởi.
- 17) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt... tâm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tâm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

IX. Xúc (S.ii,146)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Do duyên thọ sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới... pháp giới; này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) Như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt... sở đắc sai biệt sanh khởi?

5) Nay các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc xúc sanh khởi. Do duyên sắc xúc, thọ do sắc xúc sanh sanh khởi. Do duyên thọ do sắc xúc sanh, sắc dục sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi. Do duyên sắc tầm cầu, sắc sở đắc sanh khởi.

6) Do duyên thanh giới...

7) Do duyên hương giới...

8) Do duyên vị giới...

9) Do duyên xúc giới...

10) Do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp xúc sanh khởi. Do duyên pháp xúc, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi. Do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp dục sanh khởi. Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi. Do duyên pháp tâm cầu, pháp sở đắc sanh khởi.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi.

X. Xúc (S.ii,147)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt... dục... thọ... xúc... tư duy... tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới... pháp giới; này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tâm cầu... sở đắc... Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tâm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tâm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi... dục... thọ... xúc... Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

5) Nay các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi... (như trên) ...

6) Do duyên thanh giới...

7) Do duyên hương giới...

8) Do duyên vị giới...

9) Do duyên xúc giới...

10) Do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng... pháp tâm cầu sanh khởi. Do duyên pháp tâm cầu, pháp sở đắc sanh khởi. Không phải do duyên pháp sở đắc, pháp tâm cầu sanh khởi. Không phải do duyên pháp tâm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi. Không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi. Không phải do duyên pháp dục, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi. Không phải do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp xúc sanh khởi. Không phải do duyên pháp xúc, pháp tư duy sanh khởi. Không phải do duyên pháp tư duy, pháp tưởng sanh khởi. Không phải do duyên pháp tưởng, pháp giới sanh khởi.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt... tư duy... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tâm cầu... sở đắc... Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tâm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tâm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do dục sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên xúc sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

II. Phẩm Thứ Hai

I. Bảy (Pháp) Nay (Tập 17.1, Đại 2, 116c) (S.ii,149)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bảy giới này.

Thế nào là bảy? Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thúc vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới, Diệt thọ tưởng giới.

Này các Tỷ-kheo, có bảy giới này.

3) Khi được nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, Quang giới này với Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thúc vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới, và Diệt thọ tưởng giới. Bạch Thé Tôn, những giới này do duyên cái gì được hiển lộ?

- 4) -- Nay các Tỷ-kheo, Quang giới này do duyên u ám, giới này được hiển lộ.
- 5) Nay các Tỷ-kheo, Tịnh giới này do duyên bát tịnh, giới này được hiển lộ.
- 6) Nay các Tỷ-kheo, Không vô biên xứ giới này, do duyên sắc, giới này được hiển lộ.
- 7) Nay các Tỷ-kheo, Thức vô biên xứ giới này do duyên Không vô biên xứ giới này được hiển lộ.
- 8) Nay các Tỷ-kheo, Vô sở hữu xứ giới này do duyên Thức vô biên xứ giới này được hiển lộ.
- 9) Nay các Tỷ-kheo, Phi tưởng phi tưởng xứ này do duyên Vô sở hữu xứ giới này được hiển lộ.
- 10) Nay các Tỷ-kheo, Diệt thọ tưởng giới này do duyên diệt này được hiển lộ.
- 11) -- Bạch Thế Tôn, Quang giới này với Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi tưởng xứ giới, với Diệt thọ tưởng giới; bạch Thế Tôn, bảy giới này Thiên chứng (Samàpatti) như thế nào?
- 12) -- Nay các Tỷ-kheo, Quang giới này với Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, những giới này lấy tướng Thiên chứng (Sannàsamàpatti) được chứng đắc.
- 13) Nay các Tỷ-kheo, Phi tưởng phi tưởng xứ giới này lấy hành hữu dư Thiên chứng được chứng đắc.
- 14) Nay các Tỷ-kheo, Diệt thọ tưởng giới này lấy diệt đẳng nhập được chứng đắc.

II. Có Nhân (Đại 2, 115c, Đan Tạp 2, Đại 2,497c, Đại 2, 504) (S.ii,151)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, có nhân, dục tầm sanh khởi, không phải không nhân. Có nhân, sân tầm sanh khởi, không phải không nhân. Có nhân, hại tầm sanh khởi, không phải không nhân.
- 3) Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, có nhân, dục tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, sân tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, hại tầm sanh khởi, không phải không nhân?
- 4) Nay các Tỷ-kheo, do duyên dục giới, dục tưởng sanh khởi. Do duyên dục tưởng, dục tư duy sanh khởi. Do duyên dục tư duy, dục dục sanh khởi. Do duyên dục dục, dục nhiệt tình sanh khởi. Do duyên dục nhiệt tình, dục tầm cầu sanh khởi. Nay các Tỷ-kheo, do tầm cầu dục tầm cầu, kẻ vô văn phàm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: thân, ngữ, ý.
- 5) Nay các Tỷ-kheo, do duyên sân giới, sân tưởng sanh khởi. Do duyên sân tưởng, sân tư duy sanh khởi... sân dục... sân nhiệt tình... sân tầm cầu sanh khởi. Nay các Tỷ-kheo, do tầm cầu sân tầm cầu, kẻ vô văn phàm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: thân, ngữ, ý.
- 6) Nay các Tỷ-kheo, do duyên hại giới, hại tưởng sanh khởi... hại tư duy... hại dục... hại nhiệt tình... hại tầm cầu sanh khởi. Nay các Tỷ-kheo, do tầm cầu hại tầm cầu, kẻ vô văn phàm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: thân, ngữ, ý.
- 7) Ví như, này các Tỷ-kheo, có người ném bó đuốc bằng cỏ cháy đỏ vào một rừng cỏ khô. Nếu người ấy

không dập tắt gấp với tay và chân; như vậy, này các Tỷ-kheo, các sanh loại sống nương vào cỏ và cùi sẽ gặp bất hạnh và tai họa.

8) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với tướng bất chánh khởi lên, không gấp từ bỏ, nghiệp phục, chấm dứt, tiêu diệt; vị ấy ngay trong hiện tại trú trong đau khổ, với phiền lao, với sâu nỗi, với nhiệt nỗi; và sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào ác thú.

9) Nay các Tỷ-kheo, có nhân, xuất ly tầm sanh khởi, không phải không nhân. Có nhân, vô sân tầm sanh khởi, không phải không nhân. Có nhân, bất hại tầm sanh khởi, không phải không nhân.

10) Và này các Tỷ-kheo, như thế nào có nhân, xuất ly tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, vô sân tầm sanh khởi, khoáng phái không nhân; có nhân, bất hại tầm sanh khởi, không phải không nhân?

11) Nay các Tỷ-kheo, do duyên xuất ly giới, xuất ly tướng sanh khởi. Do duyên xuất ly tướng, xuất ly tư duy sanh khởi. Do duyên xuất ly tư duy, xuất ly dục (chanda) sanh khởi. Do duyên xuất ly dục, xuất ly nhiệt tình sanh khởi. Do duyên xuất ly nhiệt tình, xuất ly tầm cầu sanh khởi. Nay các Tỷ-kheo, do tầm cầu xuất ly tầm cầu, vị Đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: thân, ngữ, ý.

12) Nay các Tỷ-kheo, do duyên vô sân giới, vô sân tướng sanh khởi. Do duyên vô sân tướng, vô sân tư duy sanh khởi... vô sân dục... vô sân nhiệt tình... vô sân tầm cầu sanh khởi. Nay các Tỷ-kheo, do tầm cầu vô sân tầm cầu, vị Đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: thân, ngữ, ý.

13) Nay các Tỷ-kheo, do duyên bất hại giới, bất hại tướng sanh khởi. Do duyên bất hại tướng, bất hại tư duy sanh khởi. Do duyên bất hại tư duy, bất hại dục sanh khởi. Do duyên bất hại dục, bất hại nhiệt tình sanh khởi. Do duyên bất hại nhiệt tình, bất hại tầm cầu sanh khởi. Nay các Tỷ-kheo, do duyên tầm cầu bất hại tầm cầu, vị Đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: thân, ngữ, ý.

14) Ví như, này các Tỷ-kheo, có người ném một bó đuốc bằng cỏ cháy đỏ vào một rừng cỏ khô. Người ấy với tay và chân gấp dập tắt bó đuốc ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các sanh loại sống nương vào cỏ và cùi sẽ không gặp bất hạnh và tai họa.

15) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với tướng bất chánh khởi lên, gấp từ bỏ, nghiệp phục, chấm dứt, tiêu diệt; vị ấy ngay trong hiện tại trú trong an lạc, không có phiền lao, không có sâu nỗi, không có nhiệt nỗi; sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú.

III. Căn Nhà Bằng Gạch (Tập, Đại 2, 117a) (S.ii,153)

1) Một thời Thé Tôn trú ở Natika, tại căn nhà bằng gạch.

2) Tại đây, Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo"-- "Thưa vâng bạch Thé Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thé Tôn.

3) Thé Tôn nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, do duyên giới, tướng sanh khởi, kiến sanh khởi, tầm sanh khởi.

4) Khi nghe nói vậy, Tôn giả Saddha Kaccayana bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, kiến này giữa những vị không Chánh Đẳng Chánh Giác, có vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Bạch Thé Tôn, kiến này do duyên gì được hiển lộ?

5) -- Lớn thay, này Kaccàyana, là giới này, tức là vô minh giới.

6) Nay Kaccàyana, do duyên liệt (hìna) giới, liệt tưởng, liệt kiến, liệt tầm, liệt tư (cetanà), liệt hy vọng (patthanà), liệt ước nguyện, liệt nhân (puggalà), liệt ngũ sanh khởi. Liệt là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết, vị ấy trình bày, vị ấy đê xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng liệt là sự thọ sanh (uppatti) của vị ấy.

7) Nay Kaccàyana, do duyên trung giới, trung tưởng, trung kiến, trung tầm, trung tư, trung hy vọng, trung ước nguyện, trung nhân, trung ngũ sanh khởi. Trung là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết, vị ấy trình bày, vị ấy đê xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng trung là sự thọ sanh của vị ấy.

8) Nay Kaccàyana, do duyên thắng giới, thắng tưởng, thắng kiến, thắng tầm, thắng tư, thắng hy vọng, thắng ước nguyện, thắng nhân, thắng ngũ sanh khởi. Thắng là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết, vị ấy trình bày, vị ấy đê xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng thắng là sự thọ sanh của vị ấy.

IV. Liệt Ý Chí (Tập, Đại 2, 115a) (S.ii,154)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

3) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

4) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

5) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

V. Nghiệp (Tập, Đại 2, 115a) (S.ii,155)

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại núi Gijjakùta (Linh Thú) .

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

3) Tôn giả Mahàmoggallàna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

4) Tôn giả Mahà Kassapa cùng với... không xa Thế Tôn bao nhiêu.

5) Tôn giả Anuruddha cùng với... không xa Thế Tôn bao nhiêu.

- 6) Tôn giả Punna Mantāniputta cùng với... bao nhiêu.
- 7) Tôn giả Upāli cùng với... bao nhiêu.
- 8) Tôn giả Ananda cùng với... bao nhiêu.
- 9) Tôn giả Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thέ Tôn bao nhiêu.
- 10) Rồi Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo:
 - Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Sàriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?
 - Thưa có, bạch Thέ Tôn.
 - Nay các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đại trí tuệ.
- 11) Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Moggallāna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?
 - Thưa có, bạch Thέ Tôn
 - Nay các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đại thần thông.
- 12) Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Kassapa cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?
 - Thưa có, bạch Thέ Tôn.
 - Nay các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy chủ trương hạnh đầu đà.
- 13) Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Anuruddha cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?
 - Thưa có, bạch Thέ Tôn.
 - Nay các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc có thiên nhãn.
- 14) Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Punna Mantāniputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?
 - Thưa có, bạch Thέ Tôn.
 - Nay các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc thuyết pháp.
- 15) Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Upāli cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?
 - Thưa có, bạch Thέ Tôn.
 - Nay các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc trì luật.
- 16) Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Ananda cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thέ Tôn.

-- Nay các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đa văn.

17) Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thέ Tôn.

-- Nay các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là ác dục.

18) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

19) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

20) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

21) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

VI. Kinh VỚI CÁC BÀI KỆ (Tập, Đại 2,115a) (S.ii,157)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

I

2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

3) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

4) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

5) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

6) Ví như, nay các Tỷ-kheo, phần cùng hòa hợp, cùng đi với phần; nước tiểu cùng hòa hợp, cùng đi với nước tiểu; nước miếng cùng hòa hợp, cùng đi với nước miếng; mủ cùng hòa hợp, cùng đi với mủ; máu cùng hòa hợp, cùng đi với máu. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp với nhau, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

7) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

8) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

9) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp với nhau, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liêt ý chí cung hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liêt ý chí.

II

10) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

11) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

12) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

13) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

14) Ví như, nay các Tỷ-kheo, sữa cùng hòa hợp, cùng đi với sữa; dầu cùng hòa hợp, cùng đi với dầu; thực tô cùng hòa hợp, cùng đi với thực tô; mật ong cùng hòa hợp, cùng đi với mật ong; mật mía cùng hòa hợp, cùng đi với mật mía. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

15) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

16) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

17) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

18) Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Liên lạc, dục tình sanh,
Liên lạc, không được đoạn,
Như leo tám ván nhỏ,
Bị chìm giữa sóng lớn.
Cũng vậy, đến kẻ nhác,
Kẻ sống thiện cũng chìm.*

*Do vậy, hãy tránh xa
Kẻ nhác, không tinh tấn,
Hãy cõng trú bậc Hiền,
Bậc Thánh sống viễn ly,
Thường siêng năng tinh tấn,
Tinh cần tu Thiền tịnh.*

VII. Bất Tín (S.ii,159)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

I

2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thiện cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thiện. Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ. Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niêm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ thất niêm. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

4) Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín. Kẻ biết thiện cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thiện. Kẻ biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ. Kẻ nghe nhiều cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nghe nhiều. Kẻ tinh cần cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tinh cần. Kẻ trì niêm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì niêm. Kẻ trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trí tuệ.

5) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau.

6) Kẻ bất tín đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thiện đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với kẻ biết thiện. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niêm... với kẻ thất niêm. Kẻ ác tuệ đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với kẻ ác tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Kẻ bất tín sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thiện... với kẻ không biết thiện. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niêm... với kẻ thất niêm. Kẻ ác tuệ sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với kẻ ác tuệ.

7) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thiện... với kẻ không biết thiện. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niêm... với kẻ thất niêm. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

II

8) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín. Kẻ biết thiện cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thiện. Kẻ biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ. Kẻ nghe nhiều cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nghe nhiều. Kẻ tinh cần cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tinh cần. Kẻ trì niêm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì niêm. Kẻ có trí tuệ, cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

9) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

10) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

11) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín... Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

VIII. Năm Kinh Về Căn Bản Bất Tín (S.ii,160)

1) ... Trú tại Sàvatthi.

I

2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thiện... với kẻ không biết thiện. Kẻ ác tuệ.. với kẻ ác tuệ. Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín. Kẻ biết thiện... với kẻ biết thiện. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

3) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

4) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

5) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

Kẻ bất tín... với kẻ bất tín. Kẻ không biết thiện... với kẻ không biết thiện. Kẻ ác tuệ.. với kẻ ác tuệ...Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ biết thiện... với kẻ biết thiện. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

II

6) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Như vậy, cần phải hiểu rộng.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết sơ... với kẻ không biết sơ. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ biết sơ... với kẻ biết sơ. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

7) ... thời quá khứ...

8) ... thời vị lai...

9) ... thời hiện tại...

III

10) Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

11) ... thời quá khứ...

12) ... thời vị lai...

13) ... thời hiện tại...

IV

14) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới...

Kẻ bát tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bát tín. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ tinh cần.. với kẻ tinh cần. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

15) ... thời quá khứ...

16) ... thời vị lai...

17) ... thời hiện tại...

V

18) Kẻ bát tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bát tín. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

19) ... thời quá khứ...

20) ... thời vị lai...

21) ... thời hiện tại...

IX. Bốn Kinh Về Căn Bản Không Biết Thẹn (S.ii,162)

1) ... Trú ở Sàtthi.

I

2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy theo giới...

Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn, Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

II

3) Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn.. với kẻ biết thẹn. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

III

4) Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

IV

5) Kẻ không biết thiện cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thiện. Kẻ thát niệm... với kẻ thát niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thiện.. với kẻ biết thiện. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

6-8) ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

X. Ba Kinh Về Căn Bản Không Biết Sợ (S.ii,163)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng với kẻ có trí tuệ.

3-5) ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

6) Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

7-9) ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

10) Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ. Kẻ thát niệm... với kẻ thát niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

11-13) ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

XI. Hai Kinh Về Ít Nghe (Tập 16.50 Thiếu văn đăng. Đại 2,115c) (S.ii,164)

1) Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

3-5) ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

6) Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ thát niệm... với kẻ thát niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm.... Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

7-9) ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

XII. Biếng Nhác (S.ii,165)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niêm... với kẻ thất niêm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ trì niêm... với kẻ trì niêm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

3-5) ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

III. Phẩm Nghiệp Đạo Thú Ba

I. Không Tịch Tịnh (S.ii,166)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thiện... với kẻ không biết thiện. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ không tịch tĩnh... với kẻ không tịch tĩnh. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

4) Kẻ có tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín. Kẻ biết thiện... với kẻ biết thiện. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ tịch tĩnh... với kẻ tịch tĩnh. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

II. Ác Giới (S.ii,166)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thiện... với kẻ không biết thiện. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ác giới... với kẻ ác giới. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

4) Kẻ có tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín. Kẻ biết thiện... với kẻ biết thiện. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ trì giới... với kẻ trì giới. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

III. Năm Học Pháp (S.ii,167)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho... với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục... với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo... với kẻ nói láo. Kẻ đắm say rượu men, rượu náu cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ đắm say rượu men, rượu náu.

4) Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho... với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ không tà hạnh trong các dục... với kẻ không tà hạnh trong các dục. Kẻ không

nói láo... với kẻ không nói láo. Kẻ không đắm say rượu men, rượu n้ำ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không đắm say rượu men, rượu n้ำ.

IV. Bảy Nghiệp Đạo (S.ii,167)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.
- 3) Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho... với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục... với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo... với kẻ nói láo. Kẻ nói hai lưỡi... với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ ác ngữ... với kẻ ác ngữ. Kẻ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói lời phù phiếm.
- 4) Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho... với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục... với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục. Kẻ từ bỏ nói láo... với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi... với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ... với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm.

V. Mười Nghiệp Đạo (S.ii,167)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.
- 3) Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho... với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục... với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo... với kẻ nói láo. Kẻ nói hai lưỡi... với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ ác ngữ... với kẻ ác ngữ. Kẻ nói lời phù phiếm... cùng đi với kẻ nói lời phù phiếm. Kẻ có tham tâm... với kẻ có tham tâm. Kẻ có sân tâm... với kẻ có sân tâm. Kẻ có tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tà kiến.
- 4) Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho... với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục... với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục. Kẻ từ bỏ nói láo... với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi... với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ... với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm... với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm. Kẻ từ bỏ tham tâm... với kẻ từ bỏ tham tâm. Kẻ từ bỏ sân tâm... với kẻ từ bỏ sân tâm. Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến.

VI. Tám Chi (S.ii,,168)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.
- 3) Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà định.
- 4) Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh định.

VII. Mười Chi (S.ii,168)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.
- 3) Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định... Kẻ tà trí... Kẻ tà giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà giải thoát.
- 4) Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định... Kẻ chánh trí... Kẻ chánh giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có chánh giải thoát.

IV. Phẩm Thứ Tư

I. Bốn (S.ii,169)

- 1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn giới này.

Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới. Nay các Tỷ-kheo, đây là bốn giới này.

II. Trước (S.ii,169)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa thành Chánh Đẳng Giác, khi Ta còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau:
- 3) "Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của địa giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thủy giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của hỏa giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của phong giới?"
- 4) Nay các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:
- 5) "Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên địa giới, đó là vị ngọt của địa giới. Cái gì vô thường, khô, biến hoại của địa giới, đó là nguy hiểm của địa giới. Sự nghiệp phục dục và tham (chandaràga), sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của địa giới".
- 6) "Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên thủy giới...".
- 7) "Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên hỏa giới...".
- 8) "Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên phong giới, đó là vị ngọt của phong giới. Cái gì vô thường, khô, biến hoại của phong giới, đó là nguy hiểm của phong giới. Sự nghiệp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của phong giới".
- 9) Nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với bốn giới này Ta chưa như thực thắng tri (abbhannàsim)

như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta chưa được chứng ngộ, chưa chứng tri vô thượng Chánh Đẳng Giác, đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.

10) Nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với bốn giới này, Ta như thật thăng tri như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta đã chứng ngộ, đã chứng tri vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.

11) Tri và kiến đã khởi lên ở nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời sống này là tối hậu, nay không còn tái sanh nữa".

III. Ta Đã Đì (S.ii,171)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của địa giới. Ta đã tìm được vị ngọt của địa giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy vị ngọt ấy.

3) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm nguy hiểm của địa giới. Ta đã tìm được nguy hiểm của địa giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy nguy hiểm ấy.

4) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm sự xuất ly của địa giới. Ta đã tìm được sự xuất ly của địa giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy sự xuất ly ấy.

5-7) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của thủy giới...

8-10) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của hỏa giới...

11) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của phong giới. Ta đã tìm được vị ngọt của phong giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy vị ngọt ấy.

12) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm nguy hiểm của phong giới. Ta đã tìm sự được nguy hiểm của phong giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy nguy hiểm ấy.

13) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm sự xuất ly của phong giới. Ta đã tìm được sự xuất ly của phong giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy sự xuất ly ấy.

14) Nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với bốn giới này, Ta chưa như thật thăng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta chưa được chứng ngộ, chưa được chứng tri vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người.

15) Và nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với bốn giới này, Ta đã như thật thăng tri như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta đã chứng ngộ, đã chứng tri vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người.

16) Tri và kiến đã khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời sống này là tối hậu, nay

không còn tái sanh nữa".

IV. Nếu Không Có Cái Nay (S.ii,177)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của địa giới, thời chúng sanh có thể không tham đắm địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt của địa giới, do vậy chúng sanh tham đắm địa giới.
- 3) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có nguy hiểm của địa giới, thời chúng sanh có thể không nhảm chán địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có nguy hiểm của địa giới, do vậy chúng sanh nhảm chán địa giới.
- 4) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly địa giới thời, chúng sanh có thể không xuất ly địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly của địa giới, do vậy chúng sanh xuất ly địa giới.
- 5-7) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của thủy giới...
- 8-10) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của hỏa giới...
- 11) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của phong giới, thời chúng sanh có thể không tham đắm phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt của phong giới, do vậy chúng sanh tham đắm phong giới.
- 12) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có nguy hiểm của phong giới, thời chúng sanh có thể không nhảm chán phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có nguy hiểm của phong giới, do vậy chúng sanh nhảm chán phong giới.
- 13) Và này các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly của phong giới, thời chúng sanh có thể không xuất ly phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly phong giới, do vậy chúng sanh xuất ly phong giới.
- 14) Nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào các chúng sanh đối với bốn giới này chưa như thật thăng tri như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, các chúng sanh này không sống với tâm viễn ly, không tương quan, không liên hệ, với những chướng ngại được từ bỏ đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.
- 15) Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào các chúng sanh đối với bốn giới này đã như thật thăng tri như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, các chúng sanh này sống với tâm viễn ly, không tương quan, không liên hệ với những chướng ngại được từ bỏ đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.

V. Khô (S.ii,173)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, nếu địa giới thuần khô, đầy những khô, chìm đắm trong khô, không chìm đắm trong lạc; thời các chúng sanh có thể không tham đắm địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, địa giới là lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khô, do vậy chúng sanh tham đắm địa

giới.

3) Nay các Tỷ-kheo, nếu thủy giới...

4) Nay các Tỷ-kheo, nếu hỏa giới...

5) Nay các Tỷ-kheo, nếu phong giới thuần khô, đầy những khô, chìm đắm trong khô, không chìm đắm trong lạc, thời chúng sanh có thể không có tham đắm phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, phong giới là lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khô; do vậy các chúng sanh tham đắm phong giới.

6) Nay các Tỷ-kheo, nếu địa giới thuần lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khô; thời các chúng sanh có thể không nhảm chán địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, địa giới là khô, đầy những khô, chìm đắm trong khô, không chìm đắm trong lạc; do vậy các chúng sanh nhảm chán địa giới.

7) Nay các Tỷ-kheo, nếu thủy giới...

8) Nay các Tỷ-kheo, nếu hỏa giới...

9) Nay các Tỷ-kheo, nếu phong giới thuần lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khô; thời các chúng sanh không nhảm chán phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, phong giới là khô, đầy những khô, chìm đắm trong khô, không chìm đắm trong lạc; do vậy các chúng sanh nhảm chán phong giới.

VI. Hoan Hỷ (S.ii,174)

I

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ địa giới, người ấy hoan hỷ khô. Ai hoan hỷ khô, Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khô.

3) Nay các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ thủy giới...

4) Nay các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ hỏa giới...

5) Nay các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ phong giới, người ấy hoan hỷ khô. Ai hoan hỷ khô, Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khô.

II

6) Nay các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ địa giới, người ấy không hoan hỷ khô. Ai không hoan hỷ khô, Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khô.

7) Nay các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ thủy giới...

8) Nay các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ hỏa giới...

9) Nay các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ phong giới, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy không giải thoát khổ.

VII. Sanh Khởi (S.ii,175)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) Nay các Tỷ-kheo, sự sanh khởi, sự an trú, sự tái sanh, sự tái hiện hữu của địa giới là sự sanh khởi của khổ, sự an trú của tham, sự tái hiện hữu của già chết.
- 3) Nay các Tỷ-kheo... của thủy giới...
- 4) Nay các Tỷ-kheo... của hỏa giới...
- 5) Nay các Tỷ-kheo, sự sanh khởi, sự an trú, sự tái sanh, sự tái hiện hữu của phong giới là sự sanh khởi của khổ, sự an trú của tham, sự tái hiện hữu của già chết.
- 6) Nay các Tỷ-kheo, sự đoạn diệt, tịnh chỉ, tiêu diệt của địa giới là sự đoạn diệt của khổ, sự tịnh chỉ của tham, sự tiêu diệt của già chết.
- 7) Nay các Tỷ-kheo... của thủy giới...
- 8) Nay các Tỷ-kheo. .. của hỏa giới...
- 9) Nay các Tỷ-kheo, sự đoạn diệt, tịnh chỉ, tiêu diệt của phong giới là sự đoạn diệt của khổ, sự tịnh chỉ của tham, sự tiêu diệt của già chết.

VIII. Sa Môn, Bà La Môn (S.ii,175)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.
- 3) Nay các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này không như thật quán tri (pajānati) vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn, hay giữa những Bà-la-môn không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại cũng không với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.
- 4) Nay các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này như thật quán tri vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn, hay giữa những Bà-la-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

IX. Sa Môn, Bà La Môn (S.ii,176)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

3) Nay các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với bốn giới này, không như thật quán tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy... mục đích của Ba-la-môn hạnh.

4) Nay các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với bốn giới này, như thật quán tri... mục đích của Ba-la-môn hạnh.

X. Sa Môn, Bà La Môn (S.ii,176)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán tri địa giới tập khởi, không quán tri địa giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn diệt...

3) Nay các Tỷ-kheo... không quán tri thủy giới...

4) Nay các Tỷ-kheo... không quán tri hỏa giới...

5) Nay các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán tri phong giới, không quán tri phong giới tập khởi, không quán tri phong giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những vị Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn, giữa những vị Bà-la-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại không thể tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

6) Nay các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tri địa giới, quán tri địa giới tập khởi, quán tri địa giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn diệt...

7) ... quán tri thủy giới...

8) ... quán tri hỏa giới...

9) Nay các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tri phong giới, quán tri phong giới tập khởi, quán tri phong giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa các vị Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn, giữa các vị Bà-la-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong hiện tại tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

CHƯƠNG IV
15. TUƯƠNG ƯNG VÔ THỈ
(Anamatagga)

I. Phẩm Thứ Nhất**I. Cỏ Và Củi** (Tạp, Đại 2, 24b) (Biệt Tạp, Đại 2, 486c) (S.ii,178)

1) **N**hư vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Tại đây, Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". -- "Thura vâng, bạch Thé Tôn". Các Tỷ-kheo vâng đáp Thé Tôn.

3) Thé Tôn nói như sau:

-- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

4) Ví như, này các Tỷ-kheo, có người chặt các cành cỏ, khúc cây, nhành cây, nhành lá, trong cõi Diêm-phù-đè này, chát chúng thành một đống, làm chúng thành những que đặt theo hình các ô vuông, cầm từng que đặt xuống và nói: "Đây là mẹ tôi, đây là mẹ của mẹ tôi". Và không thể cùng tận, này các Tỷ-kheo, là các bà mẹ, mẹ của người ấy. Nhưng nhành cỏ, khúc cây, nhành cây, nhành lá trong cõi Diêm-phù-đè này có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt.

5) Vì sao? Vô thi là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

6) Cũng vậy, đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thông khổ, chịu đựng tai họa, và các mồ phàn ngày một lớn lên.

7) Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhảm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành.

II. Quả Đất (Tạp, Đại 2, 241b) (S.ii,179) (Biệt Tạp 16.5, Đại 2, 486c)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, có người từ quả đất lớn này làm thành những cục đất tròn, lớn bằng hạt táo, cầm từng cục đất đặt xuống và nói: "Đây là cha tôi, đây là cha của cha tôi". Và không thể cùng tận, này các Tỷ-kheo, là các người cha, cha của người ấy. Nhưng quả đất lớn này đi đến đoạn tận, đoạn diệt.

4) Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

5) Cũng vậy, đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các mồ phần ngày càng lớn lên.

6) Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhảm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành.

III. Nước Mắt (Tạp, Đại 2, 240c) (S.ii,179) (Biệt Tạp 16.2 Đại 2, 486a) (Tăng 51,I, Đại 2, 814a)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn? Dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này hay là nước trong bồn biển lớn?

4) -- Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng, cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do chúng con than van, khóc lóc phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chớ không phải nước trong bồn biển lớn.

5) -- Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các Ông đã hiểu như vậy Pháp do Ta dạy!

6) Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chớ không phải nước trong bồn biển lớn.

7) Trong một thời gian dài, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng mẹ chết.

8) ... các Ông chịu đựng con chết...

9) ... các Ông chịu đựng con gái chết...

10) ... các Ông chịu đựng tai họa về bà con...

11) ... các Ông chịu đựng tai họa về tiền của...

12) Trong một thời gian dài, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng tai họa của bệnh tật. Cái này là nhiều hơn, là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì mình không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải chịu đựng tai họa của bệnh tật chớ không phải nước trong bồn biển.

13) Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... bị tham ái trói buộc.

14) Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhảm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành.

IV. Sūra (Tạp, Đại 2, 241a) (Biệt Tạp 16.3, Đại 2, 486b) (S.ii,180)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.
- 3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, sữa mẹ mà các Ông đã uống trong khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài, hay là nước trong bồn biển?
- 4) -- Bạch Thé Tôn, theo như lời Thé Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng cái này là nhiều hơn, tức là sữa mẹ mà chúng con đã uống trong khi chúng con lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài chứ không phải nước trong bồn biển!
- 5) -- Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các Ông đã hiểu như vậy Pháp do Ta dạy!
- 6) Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là sữa mẹ mà các Ông đã uống trong khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài chứ không phải nước trong bồn biển.
- 7) Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành.

V. Núi (Tập, Đại 2, 242c) (Biệt Tập, Đại 2, 487c) (S.ii,181)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thé Tôn; sau khi đến đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.
- 3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thé Tôn:
 - Một kiếp, bạch Thé Tôn, dài như thế nào?
- 4) -- Thật dài, này Tỷ-kheo, là một kiếp. Thật không dễ gì có thể đếm là một vài năm, một vài trăm năm, một vài ngàn năm hay một vài trăm ngàn năm.
- 5) -- Bạch Thé Tôn, Thé Tôn có thể cho một ví dụ được không?
- 6) -- Có thể được, này Tỷ-kheo. Thé Tôn nói như vậy. Ví như, này Tỷ-kheo, có một hòn núi đá lớn, một do tuần bè dài, một do tuần bè rộng, một do tuần bè cao, không có khe hở, không có lỗ hổng, một tảng đá thuần đặc. Rồi một người đến, cứ sau một trăm năm lại lau hòn đá ấy một lần với tấm vải kàsi. Nay Tỷ-kheo, hòn núi đá lớn ấy được làm như vậy có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp.
- 7) Như vậy dài, này các Tỷ-kheo, là một kiếp. Với những kiếp dài như vậy, này Tỷ-kheo, hơn một kiếp đã qua, hơn một trăm kiếp đã qua, hơn một ngàn kiếp đã qua, hơn một trăm ngàn kiếp đã qua.
- 8) Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này... vừa đủ để giải thoát.

VI. Hột Cải (Tập, Đại 2, 242b) (S.ii,182) (Tăng 52.3, Đại 2, 825b) (Biệt Tập 16.12, Đại 2, 487c)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thé Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thé Tôn:

-- Một kiếp, bạch Thé Tôn, dài như thế nào?

4) -- Thật dài, này Tỷ-kheo, là một kiếp. Thật không dễ gì để có thể đếm là một vài năm, một vài trăm năm, một vài ngàn năm, hay một vài trăm ngàn năm.

5) -- Bạch Thé Tôn, Thé Tôn có thể cho một ví dụ được không?

6) -- Có thể được, này Tỷ-kheo. Ví như, này Tỷ-kheo, có một thành bằng sắt, dài một do tuần, rộng một do tuần, cao một do tuần, chứa đầy hột cải cao như chóp khăn đầu. Một người từ nơi chỗ ấy, sau mỗi trăm năm lấy ra một hột cải. Này Tỷ-kheo, đồng hột cải ấy được làm như vậy, có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp.

7) Như vậy dài, này Tỷ-kheo, là một kiếp. Với những kiếp dài như vậy, hơn một kiếp đã qua, hơn một trăm kiếp đã qua, hơn một ngàn kiếp đã qua, hơn một trăm ngàn kiếp đã qua.

8) Vì sao? Vô thi là luân hồi, này Tỷ-kheo... vừa đủ để giải thoát.

VII. Các Đệ Tử (Tập, Đại 2, 242c) (Biệt Tập 16.14, Đại 2, 488a) (S.ii,182)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thé Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo áy bạch Thé Tôn:

-- Có bao nhiêu kiếp, bạch Thé Tôn, đã đi qua, đã vượt qua?

4) -- Rất nhiều, này các Tỷ-kheo, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, một vài trăm ngàn kiếp.

5) -- Bạch Thé Tôn, Thé Tôn có thể cho một ví dụ được không?

6) -- Có thể được, này các Tỷ-kheo. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có bốn vị đệ tử, tuổi thọ một trăm tuổi, sống đến một trăm năm. Cứ mỗi ngày họ nhớ đến trăm ngàn kiếp, này các Tỷ-kheo, các kiếp được họ nhớ đến là vậy. Bốn đệ tử ấy tuổi thọ một trăm tuổi, sống đến một trăm năm, sau một trăm năm đi đến mệnh chung.

7) Nhiều như vậy, này các Tỷ-kheo, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, một vài trăm ngàn kiếp.

8) Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để được giải thoát.

VIII. Sông Hằng (Tập, Đại 2, 242) (Biệt Tập 16.10, Đại 2, 487b) (S.ii,183)

1) ... Trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm).

2) Rồi một Bà-la-môn đi đến Thé Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn áy bạch Thé Tôn:

-- Có bao nhiêu kiếp, bạch Thé Tôn đã đi qua, đã vượt qua?

4) -- Rất nhiều, này Bà-la-môn, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được, là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, một vài trăm ngàn kiếp.

5) -- Tôn giả Gotama có thể cho một ví dụ được không?

6) -- Có thể được, này Bà-la-môn. Ví như, này Bà-la-môn, sông Hằng này từ chỗ nguồn bắt đầu đến chỗ nó chảy nhập vào biển. Số cát nằm ở giữa chặng ấy, thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một số hột cát, là số trăm hột cát, là số ngàn hột cát, là số trăm ngàn hột cát.

7) Nhiều hơn vậy, này Bà-la-môn, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì có thể đếm chúng được, là một số kiếp, một trăm kiếp, là một ngàn kiếp, là một số trăm ngàn kiếp.

8) Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này Bà-la-môn, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

9) Cũng vậy, đã lâu ngày, này Bà-la-môn, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các bộ phận ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này Bà-la-môn, là vừa đủ để nhảm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

10) Được nghe nói vậy, Bà-la-môn áy bạch Thé Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

IX. Cây Gậy (Tập, Đại 2,242a. Tập, Đại 2,112b, Biệt Tập, Đại 2,488b) (S.ii,184)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây gậy được ném lên hư không, khi thì rơi trên đầu gốc, khi thì rơi chặng giữa, khi thì rơi đầu ngọn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc, lưu chuyển luân hồi, khi thì từ thế giới này đi thế giới khác, khi thì từ thế giới khác đến thế giới này.

4) Vì sao? Vô thi là luân hồi, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để được giải thoát.

X. Người (Tập, Đại 2,242a. Biệt Tập. Đại 2,487b. Đơn tập 11, Đại 2,496b) (S.ii,185)

1) ... Thé Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại núi Gijjhakuuta (Linh Thủ).

2) Tại đây Thé Tôn...

3) -- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo...

4) Các xương của một người, này các Tỷ-kheo, lưu chuyển luân hồi có thể lớn như một đồi xương, một chồng xương, một đồng xương, như núi Vepulla này, nếu có người thâu lượm xương lại, gìn giữ chúng, không làm chúng hủy hoại.

5) Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để giải thoát khỏi với tất cả các hành.

6) Thế Tôn nói vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Chồng chất như xương người,
Chi sống có một kiếp,
Chất đồng bằng hòn núi,
Bậc Đạo Sư nói vậy.*

*Đồng xương ấy được nói,
Lớn như Vepulla,
Phía Bắc núi Linh Thứu,
Núi thành Magadha.*

*Người thấy bốn sự thật,
Với chân chánh trí tuệ,
Khổ và khổ tập khởi,
Sẽ vượt qua đau khổ,
Con đường Thánh tám nganh,
Dẫn đến khổ tịnh chỉ.*

*Người ấy phải luân chuyển,
Tôi đa là bảy lần.
Là vị đoạn tận khổ,
Đoạn diệt mọi kiết súc.*

II. Phẩm Thứ Hai

I. Khốn Cùng (Tập, Đại 2, 241c. Biệt Tập 16.7, 487a) (S.ii,186)

1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi...

2) Tại đây...

3) -- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo. Khoi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậm, bị tham ái trói buộc.

4) Nay các Tỷ-kheo, khi các Ông thấy sự khốn cùng, bất hạnh, các Ông phải đi đến kết luận: "Chúng ta chịu đựng như vậy trong thời gian dài này".

5) Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để giải thoát khỏi với tất cả các hành.

II. An Lạc (Tập, Đại 2, 241c) (Biệt Tập 16.6, Đại 2, 486c) (S.ii, 186).

- 1) ... Trú ở Sàvatthi...
 - 2) -- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo...
 - 3) Nay các Tỷ-kheo, khi các Ông thấy an lạc, may mắn, các Ông phải đi đến kết luận: "Chúng ta chịu đựng như vậy trong thời gian dài này".
 - 4) Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để giải thoát khỏi với tất cả các hành.
- III. Khoảng Ba Mươi** (Tập, Đại 2, 240b) (S.ii,187)
- 1) ... Trú ở Vương Xá, Trúc Lâm.
 - 2) Ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pàvà, tất cả sống ở rừng, tất cả đi khất thực, tất cả mang y phẩn tảo, tất cả mang ba y, tất cả đang còn kiết sử, cùng đi đến Thê Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thê Tôn rồi ngồi xuống một bên.
 - 3) Rồi Thê Tôn suy nghĩ: "Ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pàvà này, tất cả sống ở rừng, tất cả đi khất thực, tất cả mang y phẩn tảo, tất cả mang ba y, tất cả đang còn kiết sử. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho họ như thế nào để ngay tại chỗ ngồi này, tâm của họ được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".
 - 4) Rồi Thê Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" -- "Thưa vâng, bạch Thê Tôn". Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn.
 - 5) Thê Tôn nói như sau:
 - Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ, đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.
 - 6) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, dòng máu tuôn chảy do đâu bị thương tích khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, hay là nước trong bồn biển lớn?
 - 7) -- Bạch Thê Tôn, theo như lời Thê Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng cái này là nhiều hơn, bạch Thê Tôn, tức là dòng máu tuôn chảy do đâu bị thương tích, khi chúng con lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, không phải là nước trong bồn biển lớn.
 - 8) Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các Ông đã hiểu Pháp Ta dạy như vậy!
 - 9) Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là dòng máu tuôn chảy do đâu bị thương tích khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, không phải là nước trong bồn biển lớn.
 - 10) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đâu các Ông bị thương tích khi các Ông là bò, sanh ra làm bò trong thời gian dài, hay là nước trong bồn biển lớn?
 - 11) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đâu bị thương tích khi các Ông là trâu, sanh ra làm trâu trong thời gian dài...
 - 12) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đâu bị thương tích khi các Ông là cừu, sanh ra làm cừu trong thời gian dài...

- 13) ... khi các Ông là dê, sanh ra làm dê...
- 14) ... khi các Ông là nai, sanh ra làm nai...
- 15) ... khi các Ông là gia cầm, sanh ra làm gia cầm...
- 16) ... khi các Ông là heo, sanh ra làm heo...
- 17) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông làm đạo tặc, làm kẻ trộm làng bị bắt trong thời gian dài...
- 18) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông làm đạo tặc, ăn cướp đường bị bắt trong thời gian dài...
- 19) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông làm đạo tặc, tư thông vợ người trong thời gian dài chớ không phải là nước trong bồn biển lớn.
- 20) Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để được giải thoát khỏi với tất cả các hành...
- 21) Thế Tôn nói như vậy, các vị Tỷ-kheo áy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.
- 22) Và trong khi lời dạy này được tuyên bố, đối với ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pàvà, tâm các vị áy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

IV. Mẹ (Tạp, Đại 2,241c) (Biệt Tạp 16.9, Đại 2,487a) (S.ii,189)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo...
- 3) Nay các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm mẹ...
- 4) Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để được giải thoát khỏi với tất cả các hành.

V. Cha (S.ii,189)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo...
- 3) Nay các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm cha...

VI. Anh (S.ii,189)

- 1) ... Trú tại Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm anh...

VII. Chị (S.ii,189)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm chị...

VIII. Con Trai (S.ii,190)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm con trai...

IX. Con Gái (Tạp, Đại 2,241c) (Biệt Tạp 16.9, Đại 2,487a) (S.ii,190)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Vô thi là luân hồi, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ, đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Nay các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm con gái.

4) Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ, này các Tỷ-kheo, đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

5) Như vậy, trong thời gian này, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, mỗi phần càng ngày càng lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhảm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

X. Núi Vepulla (Tạp, Đại 2,243b) (Biệt Tạp 16.21, Đại 2,488c) (S.ii,190)

1) Một thời Thé Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại núi Gijjhakùta (Linh Thủ).

2) Tại đây Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo...

3) Thé Tôn nói như sau:

-- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

4) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Pàcìnavamsa. Lúc bấy giờ, dân chúng được biết với tên là Tivàrà. Nay các Tỷ-kheo, dân chúng Tivàrà có tuổi thọ đến 40.000 năm. Nay các Tỷ-kheo, dân chúng Tivàrà phải bốn ngày để leo lên núi Pàcìnavamsa, phải bốn ngày để leo xuống.

5) Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, Thé Tôn Kakusandha, bậc ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở

đời. Này các Tỷ-kheo, Thέ Tôn Kakusandha, bậc ứng Cúng, Chánh Đǎng Giác, có hai vị đệ tử, hai vị thượng thủ, hiền thiện tên là Vidhura và Sajìva.

6) Hãy nhìn xem, này các Tỷ-kheo, tên của hòn núi ấy đã biến mất, dân chúng ấy đã mệnh chung, và bậc Thέ Tôn ấy đã nhập diệt.

7) Vô thường như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Không kiên cố như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Bất an như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo là vừa đủ để nhảm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

8) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Vànka. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, dân chúng được biết với tên là Rohita. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Rohita có tuổi thọ đến 30.000 năm. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Rohita phải ba ngày để leo lên núi Vànka, phải ba ngày để leo xuống.

9) Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, Thέ Tôn Konàgamana, bậc ứng Cúng, Chánh Đǎng Giác xuất hiện ở đời. Này các Tỷ-kheo, Thέ Tôn Konàgamana, bậc ứng Cúng, Chánh Đǎng Giác, có hai vị đệ tử, hai vị thượng thủ, hiền thiện tên là Bhìyya và Suttara.

10) Hãy nhìn xem, này các Tỷ-kheo, tên của hòn núi ấy đã biến mất, dân chúng ấy đã mệnh chung, và bậc Thέ Tôn ấy đã nhập diệt. Vô thường như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

11) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Supassa. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, dân chúng được biết với tên là Suppiya. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Suppiya có tuổi thọ đến 20.000 năm. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Suppiya phải hai ngày để leo núi Supassa, phải hai ngày để leo xuống.

12) Lúc bấy giờ, Thέ Tôn Kassapa, bậc ứng Cúng, Chánh Đǎng Giác xuất hiện ở đời. Này các Tỷ-kheo, Thέ Tôn Kassapa, bậc ứng Cúng, Chánh Đǎng Giác, có hai đệ tử, hai vị thượng thủ, hiền thiện tên là Tissa và Bhàradvàja.

13) Hãy nhìn xem, này các Tỷ-kheo, tên của hòn núi ấy đã biến mất, dân chúng ấy đã mệnh chung, và bậc Thέ Tôn ấy đã nhập diệt.

14) Vô thường như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Không kiên cố như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành... là vừa đủ để được giải thoát đối với tất cả các hành.

15) Hiện tại, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Vepulla. Hiện tại, này các Tỷ-kheo, dân chúng ấy được biết với tên là Magadhaka. Tuổi thọ dân chúng Magadhaka ấy, này các Tỷ-kheo, là ít, nhẹ, không bao nhiêu, họ sống lâu cho đến 100 tuổi hay hơn một chút. Dân chúng Magadhaka, này các Tỷ-kheo, leo lên núi Vepulla này trong một thời gian ngắn, leo xuống trong một thời gian ngắn.

16) Hiện tại, này các Tỷ-kheo, Ta, bậc ứng Cúng, Chánh Đǎng Giác xuất hiện ở đời. Này các Tỷ-kheo, Ta có hai vị đệ tử, hai vị thượng thủ, hiền thiện tên là Sàriputta và Moggallàna.

17) Một thời sẽ đến, này các Tỷ-kheo, tên của ngọn núi này sẽ biến mất, dân chúng sẽ mệnh chung, và Ta sẽ nhập diệt.

18) Vô thường như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Không kiên cố, này các Tỷ-kheo, là các hành. Bất

an như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để được nhảm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

19) Thế Tôn nói như vậy, bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Pacinavamsa,
Với dân Tivàra.
Tên núi Vankaka
Với dân Rohita.
Tên núi Supassa
Với dân Suppiyà.
Tên núi Vepulla
Với dân Magadha,*

*Chư hành là vô thường,
Phải sanh rồi phải diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Chúng tịnh là an lạc.*

-ooOoo-

CHƯƠNG V
16. TƯƠNG ƯNG KASSAPA
(Ca-Diếp)

I. Tri Túc (S.ii,194)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ loại y nào, và tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại y nào; không vì y làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được y, vị này không có dao động. Và nếu được y, vị này dùng y không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.
- 3) Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ đồ ăn khất thực nào, tán thán hạnh tri túc với bất cứ đồ ăn khất thực nào; không vì đồ ăn khất thực, làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được đồ ăn khất thực, vị này không có dao động. Và nếu được đồ ăn khất thực, vị này dùng đồ ăn khất thực ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.
- 4) Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ loại sàng tọa nào, và tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại sàng tọa nào; và không vì sàng tọa, làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được sàng tọa, vị này không có dao động. Và nếu được sàng tọa, vị này dùng sàng tọa ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.
- 5) Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ thuốc men trị bệnh nào. Và vị này tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại thuốc men trị bệnh nào; và không vì duyên với thuốc men trị bệnh, làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được thuốc men trị bệnh, vị này không có dao động. Và nếu được thuốc men trị bệnh, vị này dùng thuốc men trị bệnh ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.
- 6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau: "Chúng tôi sẽ tri túc với bất cứ loại y nào, và chúng tôi sẽ là người tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại y nào. Và không vì y, chúng tôi sẽ làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được y, chúng tôi sẽ không dao động. Và nếu được y, chúng tôi sẽ dùng y ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy sự nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ. Chúng tôi sẽ tri túc với bất cứ loại đồ ăn khất thực nào... với bất cứ loại sàng tọa nào... với bất cứ loại thuốc men trị bệnh nào, và chúng tôi sẽ là người tán thán sự tri túc với bất cứ loại thuốc men trị bệnh nào. Và không vì thuốc men trị bệnh, chúng tôi sẽ làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được thuốc men trị bệnh, chúng tôi sẽ không dao động. Và nếu được thuốc men trị bệnh, chúng tôi sẽ dùng thuốc men trị bệnh ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập".
- 7) Vói Kassapa, này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giáo giới các Ông; hay với người như Kassapa. Và được giáo giới, các Ông cần phải thực hành như vậy.

II. Không Biết Sợ (S.ii,195)

- 1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Mahà Kassapa (Đại Ca-diếp), và Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phất) trú ở Barànavati (Ba-la-nai), chỗ Isipatana (chỗ Tiên đọa xứ), tại Migadàya (Lộc Uyển).

2) Rồi Tôn giả Sàriputta vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahà Kassapa; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahà Kassapa những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Mahà Kassapa:

4) -- Nay Hiền giả Kassapa, được nói rằng không có nhiệt tâm, không có biết sờ, không thể có giác ngộ, không thể có Niết-bàn, không thể có chứng đạt vô thượng an ủn khỏi các khổ ách; và có nhiệt tâm, có biết sờ, có thể có giác ngộ, có thể có Niết-bàn, có thể có chứng đạt vô thượng an ủn khỏi các khổ ách.

5) Như thế nào, này Hiền giả, là không có nhiệt tâm, không có biết sờ, không thể có giác ngộ, không thể có Niết-bàn, không thể có chứng đạt vô thượng an ủn khỏi các khổ ách? Và như thế nào là có nhiệt tâm, có biết sờ, có thể có giác ngộ, có thể có Niết-bàn, có thể có chứng đạt vô thượng an ủn khỏi các khổ ách?

I

6) -- Ở đây, này Hiền giả, vị Tỳ-kheo suy nghĩ: "Các ác bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, chúng có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm. "Các ác bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, chúng có đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm. "Các thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm. "Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm.

Như vậy, này Hiền giả, là không nhiệt tâm.

II

7) Và này Hiền giả, như thế nào là không biết sờ?

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỳ-kheo suy nghĩ: "Các ác bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, chúng có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không có biết sờ. "Các ác bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không biết sờ. "Các thiện pháp không khởi lên ta. Nếu chúng không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không biết sờ. "Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không biết sờ.

Như vậy, này Hiền giả, là không biết sờ.

8) Như vậy, này Hiền giả, không có nhiệt tâm, không có biết sờ, không thể có giác ngộ, không thể có Niết-bàn, không thể có chứng đạt vô thượng an ủn khỏi các khổ ách.

III

9) Và này Hiền giả, thế nào là nhiệt tâm?

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỳ-kheo suy nghĩ: "Các ác bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm. "Các ác bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm. "Các thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm. "Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm. "Các thiện pháp khởi lên nơi ta.

Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi lên nhiệt tâm.

Như vậy, này Hiền giả, là có nhiệt tâm.

IV

10) Và này Hiền giả, như thế nào là có biết sợ?

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo suy nghĩ: "Các ác bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ. "Các ác bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ. "Các thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ. "Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ.

Như vậy, này Hiền giả, là có biết sợ.

11) Như vậy, này Hiền giả, là có nhiệt tâm, có biết sợ có thể có giác ngộ, có thể có Niết-bàn, có thể đưa đến chứng đạt vô thượng an ủn khỏi các khổ ách.

III. Ví Dụ Với Trăng (Tạp 41.18. Nguyệt Dụ, Đại 2, 199a. Nguyệt Dụ Kinh, Đại 2, 544b, Biệt Tập 6.5, Đại 2, 444a) (S.v,197)

1) ... Trú ở Sàvatthi...

2) -- Hãy giống như mặt trăng, này các Tỷ-kheo, khi đi đến các gia đình, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, chó có đường đột xông xáo (appagabbha).

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người nhìn một cái giếng cũ, hay sườn núi dốc, hay thác nước, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, hãy giống như mặt trăng khi đi đến các gia đình, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, không có đường đột xông xáo.

Kassapa, này các Tỷ-kheo, giống như mặt trăng, khi đi đến các gia đình, thân dè dặt và tâm dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, không có đường đột xông xáo.

4) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Như thế nào một Tỷ-kheo xứng đáng đi đến các gia đình?

5) -- Bạch Thệ Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thệ Tôn làm căn bản, lấy Thệ Tôn làm lãnh đạo, lấy Thệ Tôn làm chỗ sở y. Lành thay, bạch Thệ Tôn, Thệ Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này. Sau khi nghe Thệ Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

6) Rồi Thệ Tôn vẫy bàn tay giữa hư không:

-- Ví như, này các Tỷ-kheo, bàn tay này giữa hư không, không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo đi đến các gia đình, tâm không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc, nghĩ rằng: "Những ai muốn được lợi, hãy được lợi! Những ai muốn công đức, hãy làm các công đức!".

7) Như mình hoan hỷ, thỏa mãn khi mình được lợi; hãy hoan hỷ, thỏa mãn khi người khác được lợi! Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đến các gia đình. Này các Tỷ-kheo, Kassapa khi đi đến

các gia đình, đối với các gia đình, tâm không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc, nghĩ rằng: "Những ai muốn được lợi hãy được lợi! Những ai muốn công đức hãy làm các công đức!".

8) Như mình hoan hỷ, thỏa mãn khi mình được lợi; hãy hoan hỷ, thỏa mãn, khi người khác được lợi!

9) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đến các gia đình.

10) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo như thế nào, thuyết pháp không thanh tịnh? Tỷ-kheo như thế nào, thuyết pháp được thanh tịnh?

11) -- Bạch Thέ Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thέ Tôn làm căn bản, lấy Thέ Tôn làm lanh đạo, lấy Thέ Tôn làm chỗ y chỉ. Lành thay, bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này. Sau khi nghe Thέ Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

12) -- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

-- Thưa vâng, bạch Thέ Tôn.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thέ Tôn. Thέ Tôn nói như sau:

13) -- Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: "Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng. Và sau khi nghe pháp, mong họ được hoan hỷ. Được hoan hỷ, mong họ làm cho ta hoan hỷ", này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy thuyết pháp không thanh tịnh.

14) -- Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: "Pháp được Thέ Tôn khéo giảng, pháp áy liên hệ đến hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng. Và sau khi nghe pháp, mong họ được hiểu rõ pháp. Và sau khi hiểu rõ pháp, mong họ như vậy thực hành; duyên pháp thiện pháp tánh (dhammasudhammadata) thuyết pháp cho các người khác. Duyên lòng từ bi, duyên lòng từ mẫn, khởi lòng lân mẫn thuyết pháp cho các người khác", này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là Tỷ-kheo thanh tịnh thuyết pháp.

15) Nay các Tỷ-kheo, Kassapa với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác : "Pháp được Thέ Tôn khéo giảng, pháp áy liên hệ đến hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng. Và sau khi nghe pháp, mong họ được hiểu rõ pháp. Và sau khi được hiểu rõ pháp, mong họ như vậy thực hành; duyên pháp thiện pháp tánh, duyên từ bi, duyên lòng từ mẫn, khởi lòng lân mẫn thuyết pháp cho các người khác".

16) Với Kassapa, này các Tỷ-kheo, Ta đã giáo giới các Ông, hay với ai giống như Kassapa! Được giáo giới, các Ông phải như thật thực hành.

IV. ĐI ĐẾN CÁC GIA ĐÌNH (Tập 41.19 Thí Dụ. Đại 2, 300a) (Biệt Tập 6.6, Đại 2, 414c). (S.ii,200)

1) ... Trú tại Sàvatthi.

2) -- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thế nào xứng đáng là người đi đến các gia đình? Tỷ-kheo như thế nào không xứng đáng là người đi đến các gia đình?

3) -- Bạch Thέ Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thέ Tôn làm căn bản, lấy Thέ Tôn làm lanh đạo...

Thé Tôn nói như sau:

4) -- Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với tâm như thế này đi đến các gia đình: "Mong họ hãy cho ta, chớ có không cho. Mong họ cho ta nhiều, chớ có cho ít. Mong họ cho ta đồ tốt, chớ có cho đồ xấu. Mong họ cho ta mau, chớ có cho chậm. Mong họ kính trọng cho ta, chớ có không kính trọng".

5) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như vậy đi đến các gia đình, nếu không được cho, Tỷ-kheo ấy bức phiền. Do nhân duyên ấy, Tỷ-kheo ấy cảm thọ khổ ưu... cho ít, không cho nhiều... cho đồ xấu không cho đồ tốt... cho chậm, không cho mau. Do vậy Tỷ-kheo ấy bức phiền. Do nhân duyên ấy, Tỷ-kheo ấy cảm thọ khổ ưu... cho bất kính, không có kính trọng. Do vậy, Tỷ-kheo ấy bức phiền. Do nhân duyên ấy, Tỷ-kheo ấy cảm thọ khổ ưu. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy không xứng đáng là người đi đến các gia đình.

6) Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như thế này đi đến các gia đình (nghĩ rằng): "Đối với các gia đình người khác, làm sao có thể mong: 'Mong họ hãy cho ta, chớ có không cho. Mong họ cho ta nhiều, chớ có cho ít. Mong họ cho ta đồ tốt, chớ có cho đồ xấu. Mong họ cho ta mau, chớ có cho chậm. Mong họ kính trọng ta, chớ có không kính trọng'?".

7) Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo với tâm như vậy, khi đi đến các gia đình không được cho, Tỷ-kheo không vì vậy mà bị bức phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho ít, không cho nhiều... họ cho đồ xấu, không cho đồ tốt, cho chậm, không cho mau... cho bất kính, không phải kính trọng, Tỷ-kheo không vì vậy mà bị bức phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đến các gia đình.

8) Này các Tỷ-kheo, Kassapa với tâm như vậy đi đến các gia đình (nghĩ rằng): "Đối với các gia đình người khác, làm sao có thể mong: "Mong họ hãy cho ta, chớ có không cho. Mong họ cho ta nhiều, chớ có cho ít. Mong họ cho ta đồ tốt, chớ có cho đồ xấu. Mong họ cho ta mau, chớ có cho chậm. Mong họ kính trọng cho ta, chớ có bất kính"?"

9) Này các Tỷ-kheo, Kassapa với tâm như vậy đi đến các gia đình, nếu không được cho, Kassapa không vì vậy mà bị bức phiền, không vì nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho ít, không cho nhiều, Kassapa không vì vậy mà bị bức phiền, không vì nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho đồ xấu, không cho đồ tốt, Kassapa không vì vậy mà bị bức phiền, không vì nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho chậm, không cho mau, Kassapa không vì vậy mà bị bức phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho bất kính, không cho có kính trọng, Kassapa không vì vậy mà bị bức phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu.

10) Với Kassapa, này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giáo giới các Ông hay với ai giống như Kassapa. Và được giáo giới, các Ông hãy như vậy thọ trì.

V. Trở Về Già (Tập 41.23, Lực Lão, Đại 2, 301c Tăng 41.5, Đại 2, 746a Biệt Tập 6.10, Đại 2, 416b) (S.ii,202)

1) Như vậy tôi nghe.

Tại Rājagaha, Veluvana...

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Thέ Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

-- Này Kassapa, Ông đã già rồi. Đã cũ nát là những vải gai thô phán tảo này của Ông đáng được quăng bỏ. Vậy này Kassapa, hãy mang những y áo do các gia chủ cúng, thọ dụng các món ăn được mời và ở gần bên Ta.

4) -- Bạch Thέ Tôn, con là người đã lâu ngày sống ở rừng, và tán thán hạnh ở rừng; con là người đi khát thực và tán thán hạnh khát thực; con là người mang y phán tảo và tán thán hạnh mang y phán tảo; con là người mang ba y và tán thán hạnh mang ba y; con là người thiêu dục và tán thán hạnh thiêu dục; con là người tri túc và tán thán hạnh tri túc; con là người sống viễn ly và tán thán hạnh viễn ly; con là người sống không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp; con là người tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

5) -- Này Kassapa, Ông thấy có lợi ích gì mà ông đã lâu ngày sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng... đi khát thực.. mang y phán tảo.. mang ba y... thiêu dục... tri túc... sống viễn ly... sống không giao thiệp... tinh cần và tán thán hạnh tinh cần?

6) -- Bach Thέ Tôn, con thấy có hai lợi ích nên đã lâu ngày con sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng... con đi khát thực... con mang y phán tảo... con mang ba y... con thiêu dục... con tri túc... con sống viễn ly... con sống không giao thiệp... con sống tinh cần và tán thán hạnh sống tinh cần.

7) Con thấy tự mình được hiện tại an lạc trú và vì lòng từ mẫn đối với chúng sanh sắp đến, mong rằng các chúng sanh sắp đến sẽ bắt chước (ditthanugatim): "Đối với các đệ tử Phật và tùy Phật (Buddhanubuddhasàvakà), mong họ trong một thời gian dài trở thành những vị sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng... những vị đi khát thực... những vị mang y phán tảo... những vị mang ba y... những vị thiêu dục... những vị tri túc... những vị viễn ly... những vị không giao thiệp... những vị tinh cần và tán thán hạnh tinh cần... họ sẽ thực hành như vậy, và như vậy trong một thời gian dài họ sống hạnh phúc an lạc".

8) Bạch Thέ Tôn, thấy được hai lợi ích này, con sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng... con đi khát thực và tán thán hạnh khát thực... mang y phán tảo... mang ba y... thiêu dục... tri túc... viễn ly... không giao thiệp... sống tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

9) -- Lành thay, lành thay, Kassapa! Thật vì hạnh phúc cho quần sanh, này Kassapa, Ông đã thực hành (như vậy), vì an lạc cho quần sanh, vì lòng từ mẫn với đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

10) Do vậy, này Kassapa, hãy mang vải gai thô, phán tảo đáng được quăng bỏ. Hãy sống khát thực và trú ở trong rừng!

VI. Giáo Giới (Tạp 41.30, Phụ Thắng, Đại 2, 300b. Tăng 31.11 Vô Trách Tụng, Đại 2, 673b Biệt Tạp 6.7, Đại 2, 415a). (S.ii,203).

1) ... Tại Ràjagaha, Veluvana...

2) Tôn giả Kassapa đi đến Thέ Tôn...

3) Thέ Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

-- Này Kassapa, hãy giáo giới Tỷ-kheo! Này Kassapa, hãy nói pháp thoại cho các Tỷ-kheo! Này Kassapa, Ta hoặc Ông phải giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hoặc Ta phải nói pháp thoại cho các Tỷ-kheo!

4) -- Bạch Thé Tôn, khó nói là chúng Tỷ-kheo hiện tại. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn. Họ không kính trọng lời giáo giới. Bạch Thé Tôn, ở đây, con thấy Tỷ-kheo Bhanda, đệ tử của Ananda, và Tỷ-kheo Abhinjika, đệ tử của Anuruddha, hai vị ấy nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ nói nhiều hơn? Ai sẽ nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ nói dài hơn?".

5) Rồi Thé Tôn gọi một Tỷ-kheo:

-- Hãy đến, này Tỷ-kheo! Hãy nhân danh Ta nói với Tỷ-kheo Bhanda, đệ tử của Ananda, và Tỷ-kheo Abhinjika, đệ tử của Anuruddha: "Bậc Đạo Sư gọi chư Tôn giả".

6) -- Thura vâng, bạch Thé Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thé Tôn, đi đến các Tỷ-kheo kia; sau khi đến, nói với họ:

-- Bậc Đạo Sư gọi chư Tôn giả.

7) -- Thura vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo kia vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thé Tôn; sau khi đến đánh lẽ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.

8) Thé Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

-- Có thật chăng, này các Tỷ-kheo, các Ông nói với nhau như sau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai là người sẽ nói nhiều hơn? Ai là người sẽ nói tốt đẹp hơn? Ai là người sẽ nói dài hơn?"

-- Thura vâng, Bạch Thé Tôn.

9) -- Nay các Tỷ-kheo, các Ông có biết là Ta đã thuyết pháp như vậy: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy cùng nhau nói như sau: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai là người sẽ nói nhiều hơn?. Ai là người sẽ nói tốt đẹp hơn? Ai là người sẽ nói dài hơn?' chăng?"

-- Thura không, bạch Thé Tôn.

10) -- Nay các Tỷ-kheo, nếu các Ông được biết là Ta không có giảng như vậy, thời vì sao, này các Người ngu kia, do biết cái gì, thấy cái gì, các Ông đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng này, các Ông lại nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn? Ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ là người nói dài hơn?" như vậy ?

11) Rồi các Tỷ-kheo ấy cúi đầu đánh lẽ chân Thé Tôn và bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, chúng con đã phạm tội, ngu đần như vậy, si mê như vậy, bất thiện như vậy; vì rằng chúng con đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo nói như vậy, chúng con lại nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn? Ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ là người nói dài hơn?". Bạch Thé Tôn, mong Thé Tôn chấp nhận tội lỗi ấy của chúng con là tội lỗi, để chúng con ngăn ngừa trong tương lai.

12) -- Thật sự, này các Tỷ-kheo, các Ông đã phạm tội, ngu đần như vậy, si mê như vậy, bất thiện như vậy! Vì rằng các Ông đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo nói này, các Ông đã nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn? Ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ là người nói dài hơn?".

Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, các Ông đã thấy tội lỗi là tội lỗi, như pháp sám hối, chúng ta chấp nhận tội lỗi ấy cho các Ông!

13) Nay các Tỷ-kheo, như vậy luật của bậc Thánh được tăng trưởng, khi nào có người sau khi thấy tội lỗi là tội lỗi, như pháp sám hối để ngăn ngừa trong tương lai!

VII. Giáo Giới (Tập 41.21 Vô Tín, Đại 2, 300c. Biệt Tập 6.8, Đại 2, 415b) (S.ii,205)

1) ... Trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm).

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thé Tôn...

3) Thé Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

-- Nay Kassapa hãy giáo giới các Tỷ-kheo! Hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo! Ta hay Ông hãy giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hay Ta hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo!

4) -- Bạch Thé Tôn, khó nói là chúng Tỷ-kheo hiện tại. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn, họ không kính trọng lời giáo giới!

5) Bạch Thé Tôn, với ai không có lòng tin đối với thiện pháp, không có biết thiện đối với thiện pháp, không có biết sợ đối với thiện pháp, không có tinh tấn đối với thiện pháp, không có trí tuệ đối với thiện pháp; đối với người ấy, dù là đêm hay là ngày, chờ đợi là sự tốn giãm đối với các thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng!

6) Ví như mặt trăng, bạch Thé Tôn, trong thời kỳ tối trời, dù là đêm hay là ngày, hình sắc tốn giãm dần, hình tròn tốn giãm dần, ánh sáng tốn giãm dần, đường quỹ đạo nó đi tốn giãm dần. Cũng vậy, bạch Thé Tôn, đối với ai không có lòng tin đối với thiện pháp, không có biết thiện đối với thiện pháp, không biết sợ đối với thiện pháp, không có tinh tấn đối với thiện pháp, không có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dù là đêm hay là ngày, chờ đợi là sự tốn giãm đối với các thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng!

7) Người không có lòng tin, bạch Thé Tôn, tức có nghĩa là tốn giãm. Người không biết thiện, bạch Thé Tôn, tức có nghĩa là tốn giãm. Người không biết sợ, bạch Thé Tôn, tức có nghĩa là tốn giãm. Người lười biếng, bạch Thé Tôn, tức có nghĩa là tốn giãm. Người ác trí tuệ, bạch Thé Tôn, tức có nghĩa là tốn giãm. Người phẫn nộ... Người sân hận, bạch Thé Tôn, tức có nghĩa là tốn giãm. Nếu vị Tỷ-kheo không có giáo giới, bạch Thé Tôn, tức có nghĩa là tốn giãm.

8) Với ai, bạch Thé Tôn, có lòng tin đối với thiện pháp, có biết thiện đối với thiện pháp, có biết sợ đối với thiện pháp, có tinh tấn đối với thiện pháp, có trí tuệ đối với thiện pháp; với vị ấy, dù là đêm hay là ngày, chờ đợi sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải sự tốn giãm.

9) Ví như mặt trăng, bạch Thé Tôn, trong thời kỳ sáng trời, dù là đêm hay là ngày, hình sắc tăng trưởng dần, hình tròn tăng trưởng dần, ánh sáng tăng trưởng dần, quỹ đạo nó đi tăng trưởng dần. Cũng vậy, bạch Thé Tôn, với ai có lòng tin đối với thiện pháp, có biết thiện... có biết sợ... có tinh tấn... có trí tuệ đối với thiện pháp; với vị ấy, dù là đêm hay là ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là tốn giãm.

10) Người có lòng tin, bạch Thé Tôn, tức có nghĩa là không tốn giãm. Người có biết thiện, bạch Thé Tôn, tức có nghĩa là không tốn giãm. Người có biết sợ, bạch Thé Tôn, tức có nghĩa là không tốn giãm. Người

tinh cần, bạch Thé Tôn, tức có nghĩa là không tốn giảm. Người không phẫn nộ, bạch Thé Tôn, tức có nghĩa là không tốn giảm. Người không sân hận, bạch Thé Tôn, tức có nghĩa là không tốn giảm. Có những Tỷ-kheo giáo giới, bạch Thé Tôn, tức có nghĩa là không tốn giảm.

11) -- Lành thay, lành thay, này Kassapa! Vói ai, này Kassapa, không có lòng tin đối với thiện pháp... không có biết thiện... không có biết sợ... không có tinh tấn... không có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dẫu là đêm hay là ngày, chờ đợi là sự tốn giảm trong thiện pháp, không phải là tăng trưởng.

12) Ví như mặt trăng, này Kassapa, trong thời kỳ tối trời, dẫu là đêm hay là ngày, hình sắc tốn giảm dần, hình tròn tốn giảm dần, ánh sáng tốn giảm dần, quỹ đạo nó đi tốn giảm dần. Cũng vậy, này Kassapa, với ai không có lòng tin đối với thiện pháp, không có biết thiện... không có biết sợ... không có tinh tấn... không có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dẫu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tốn giảm đối với thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng.

13) Người không có lòng tin, này Kassapa, tức có nghĩa là tốn giảm. Người không biết thiện... Người không biết sợ... Người biếng nhác... Người ác trí tuệ... Người phẫn nộ... Người sân hận, này Kassapa, tức có nghĩa là tốn giảm. Không có Tỷ-kheo giáo giới, này Kassapa, tức có nghĩa là tốn giảm.

14) Vói ai, này Kassapa, có lòng tin đối với thiện pháp... có biết thiện... có biết sợ... có tinh tấn.. có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dẫu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là tốn giảm.

15) Ví như mặt trăng, này Kassapa, trong thời kỳ sáng trời, dẫu là đêm hay ngày, hình sắc tăng trưởng dần, hình tròn tăng trưởng dần, ánh sáng tăng trưởng dần, quỹ đạo nó đi tăng trưởng dần. Cũng vậy, này Kassapa, ai có lòng tin đối với thiện pháp, có biết thiện... có biết sợ... có tinh tấn... có trí tuệ là sự tăng trưởng đối với thiện pháp; với người ấy, dẫu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là sự tốn giảm.

16) Người có lòng tin, này Kassapa, tức có nghĩa là không tốn giảm. Người biết thiện... Người biết sợ... Người tinh tấn... Người có trí tuệ... Người không phẫn nộ... Người không sân hận, này Kassapa, tức có nghĩa là không tốn giảm. Có Tỷ-kheo giáo giới này Kassapa, tức có nghĩa là không tốn giảm.

VIII. Giáo Giới (Tập 41.22, Phật Vi Căn Bồn, Đại 2, 301a. Biệt Tập 6.9, Đại 2, 415c). (S.ii,208)

1) ... Trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thé Tôn...

3) Thé Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

-- Hãy giáo giới Tỷ-kheo, này Kassapa! Hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo, này Kassapa! Ta hay Ông, này Kassapa, phải giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hay Ta, này Kassapa, hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo!

4) -- Bạch Thé Tôn, khó nói là chúng Tỷ-kheo hiện tại. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn, họ không kính trọng lời giáo giới.

5) -- Này Kassapa, thuở xưa các Trưởng lão Tỷ-kheo là những vị ở rừng như vậy và tán thán ở rừng, là những vị đi khất thực và tán thán hạnh khất thực, là những vị mang y phẩn tảo và tán thán hạnh mang y phẩn tảo, là những vị mang ba y và tán thán hạnh mang ba y, là những vị thiểu dục và tán thán hạnh

thiểu dục, là những vị tri túc và tán thán hạnh tri túc, là những vị viễn ly và tán thán hạnh viễn ly, là những vị không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp là những vị tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

6) Ở đây, vị Tỷ-kheo nào sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng, đi khất thực và tán thán hạnh khất thực, mang y phẩn tảo và tán thán hạnh mang y phẩn tảo, mang ba y và tán thán hạnh mang ba y, sống thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục, sống tri túc và tán thán hạnh tri túc, sống viễn ly và tán thán hạnh sống viễn ly, sống không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp, sống tinh cần và tán thán hạnh tinh cần; vị Tỷ-kheo ấy được các vị Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, vị Tỷ-kheo này! Thật là muôn học, vị Tỷ-kheo này! Hãy đến Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này!"

7) Ở đây, này Kassapa, các tân Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo nào sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng, đi khất thực... mang y phẩn tảo... mang ba y... thiểu dục... tri túc... sống viễn ly... sống không giao thiệp... tinh cần và tán thán hạnh tinh cần; Tỷ-kheo ấy được các Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, Tỷ-kheo này! Thật là muôn học, Tỷ-kheo này! Hãy đến Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này". Các vị ấy thực hành đúng như vậy và như vậy các vị ấy được hạnh phúc, được an lạc trong một thời gian dài.

8) Nhưng này, này Kassapa, các Trưởng lão Tỷ-kheo không sống ở rừng và không tán thán hạnh sống ở rừng, không đi khất thực và không tán thán hạnh khất thực, không mang y phẩn tảo và không tán thán hạnh mang y phẩn tảo, không mang ba y và không tán thán hạnh mang ba y, không thiểu dục và không tán thán hạnh thiểu dục, không tri túc và không tán thán hạnh tri túc, không sống viễn ly và không tán thán hạnh viễn ly, không sống không giao thiệp và không tán thán hạnh không giao thiệp, không tinh cần và không tán thán hạnh tinh cần.

9) Ở đây, Tỷ-kheo nào được nhiều người biết, có danh tiếng, nhận được các loại y áo, ẩm thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, Tỷ-kheo ấy được các vị Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: "Hãy đến Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, Tỷ-kheo này! Thật là muôn sống Phạm hạnh, Tỷ-kheo này! Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này!"

10) Ở đây, này Kassapa, các tân Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo nào được nhiều người biết, có danh tiếng, nhận được các loại y áo, ẩm thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh; Tỷ-kheo ấy được các Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: 'Hãy đến Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, Tỷ-kheo này! Thật là muôn sống Phạm hạnh Tỷ-kheo này! Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này!'. Các vị ấy thực hành đúng như vậy và như vậy các vị ấy không được hạnh phúc, bị khổ đau trong thời gian dài.

Này Kassapa, ai nói một cách chơn chánh như sau: "Người sống Phạm hạnh phải chịu đựng những hiểm nạn của Phạm hạnh. Người sống Phạm hạnh phải bị bức náo bởi những áp bức của Phạm hạnh" Nói như vậy, này Kassapa, là nói một cách chơn chánh. Người sống Phạm hạnh phải chịu đựng những hiểm nạn của Phạm hạnh. Người sống Phạm hạnh phải bị bức náo bởi những áp bức của Phạm hạnh.

IX. Thiền Và Thắng Trí (Tập 41.21, Lực Lão, Đại 2, 302a) (Biệt Tập 6.11, Đại 2, 416c) (S.ii,210)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tú...

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tú.

3) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta diệt tầm và tú, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tú, nội tĩnh nhất tâm.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng diệt tầm và tú, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tú, nội tĩnh nhất tâm.

4) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta ly hỷ, trú xả, chánh niệm tinh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng ly hỷ, trú xả, chánh niệm tinh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

5) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

6) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng. Ta nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng... chứng đạt và an trú Không vô biên xứ.

7) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi Không vô biên xứ... chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ.

8) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi Thức vô biên xứ... chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.

9) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng... chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

10) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định.

Tùy theo mong muốn... Kassapa cũng... chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định.

11) Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo, Ta chứng đạt các loại thần thông. Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổi, trồi lên, đi ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng chứng đạt được các loại thần thông... bay đến cõi Phạm thiên.

12) Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo, Ta với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng: chư Thiên và loài Ngươi, xa và gần.

Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với thiên nhĩ thanh tịnh... xa và gần.

13) Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài Người với tâm của mình, Ta có thể biết như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham, tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân, tâm có si biết là tâm có si, tâm không si biết là tâm không si, tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm không chuyên chú biết là tâm không chuyên chú, đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm, tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng, tâm Thiền định biết là tâm Thiền định, tâm không Thiền định biết là tâm không Thiền định, tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát".

Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài Người; với tâm của mình, Kassapa cũng được biết như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham... tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát".

14) Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo, Ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời... và các chi tiết.

15) Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo, Ta với thiên nhã thanh tịnh siêu nhân, thấy các chúng sanh. Ta biết rõ ràng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh ấy làm những ác hạnh về thân, lời, ý, phi báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phi báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy, với thiên nhã thuần tịnh, siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta biết rõ chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với thiên nhã thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống

chết các chúng sanh... đều do hạnh nghiệp của họ.

16) Và Ta, này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, Ta chứng ngộ vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chứng đạt và an trú.

Này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chứng đạt và an trú.

X. Trú Xứ (Tạp 41.25, Thứ Thời, Đại 2. 302b. Biệt Tập 6.12, Đại 2, 417a) (S.ii,214)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Kassapa trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

I

2) Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến Tôn giả Mahà Kassapa.

3) Tôn giả Ananda thưa với Tôn giả Mahà Kassapa:

-- Thưa Tôn giả, chúng ta hãy đi đến trú xứ của các Tỷ-kheo-ni.

-- Hãy đi, này Hiền giả Ananda. Hiền giả là người có nhiều công việc, có nhiều trách nhiệm phải làm.

4) Lần thứ hai, Tôn giả Ananda thưa với Tôn giả Mahà Kassapa:

-- Hãy đi, thưa Tôn giả, chúng ta đi đến trú xứ của các Tỷ-kheo-ni.

-- Hãy đi, này Hiền giả Ananda. Hiền giả là người có nhiều công việc, có nhiều trách nhiệm phải làm.

5) Lần thứ ba, Tôn giả Ananda thưa với Tôn giả Mahà Kassapa:

-- Hãy đi, thưa Tôn giả, chúng ta hãy đi đến trú xứ của các Tỷ-kheo-ni.

6) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát cùng với Tôn giả Ananda, là Sa-môn tùy tùng, đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni, sau khi đi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

II

7) Rồi nhiều Tỷ-kheo-ni đi đến Tôn giả Mahà Kassapa; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Mahà Kassapa, rồi ngồi xuống một bên.

8) Tôn giả Mahà Kassapa với pháp thoại giảng cho các vị Tỷ-kheo-ni đang ngồi một bên ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

9) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa, sau khi với pháp thoại giảng cho các Tỷ-kheo-ni ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

10) Rồi Tỷ-kheo-ni Thullatissà không hoan hỷ, nói lên những lời không hoan hỷ: "Làm sao Tôn giả Mahà Kassapa trước mặt Vedehamuni Ananda, lại nghĩ đến thuyết pháp; ví như một người bán kim lại nghĩ, có thể bán kim cho người làm kim? Cũng vậy, Tôn giả Mahà Kassapa, trước mặt Vedehamuni Ananda lại nghĩ đến thuyết pháp".

11) Tôn giả Mahà Kassapa nghe được lời nói này của Tỷ-kheo-ni Thullatissà.

III

12) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa nói với Tôn giả Ananda:

-- Thế nào, Hiền giả Ananda, ta là người bán kim, Hiền giả là người làm kim, hay ta là người làm kim, Hiền giả là người bán kim?

-- Hãy kham nhẫn, thưa Tôn giả Kassapa, ngu si là đàn bà!

13) -- Hãy đến, Hiền giả Ananda, chớ để cho chúng Tăng truy cứu thêm về Hiền giả. Hiền giả Ananda, Hiền giả nghĩ thế nào?

14) Có phải trước mặt Thế Tôn, và giữa chúng Tăng, Hiền giả được Thế Tôn đề cập như sau: "Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tú. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ananda cũng ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tú"?

-- Thưa Tôn giả, không phải vậy.

15) -- Này Hiền giả, có phải trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo Tăng, ta được Thế Tôn đề cập như sau: "Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tú. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tú"?

16-29) (Chín thứ đệ định và năm trí giống như trên.)

30) Hiền giả nghĩ thế nào? Này Hiền giả, có phải, này Ananda, trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo Tăng, Hiền giả được Thế Tôn đề cập như sau: "Và Ta, này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, Ananda cũng vậy, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát"?

-- Thưa Tôn giả, không phải vậy.

31) -- Chính ta, này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo, được Thế Tôn đề cập như sau: "Này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí, Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vậy, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát".

32) Này Hiền giả, ai nghĩ rằng có thể che đậy sáu thắng trí của ta được, thời không khác gì họ nghĩ rằng

có thể lấy một lá cây ta-la mà che đậy một con voi lớn đến bảy hay tám khuỷu tay ruồi bè cao.

IV

33) Nhưng Tỷ-kheo-ni Thullatissà đã từ bỏ đời sông Phạm hạnh.

XI. Y Áo (Tập 41.26, Chúng Giảm Thiếu, Đại 2, 302c Biệt Tập 6,13, Đại 2, 417c) (S.ii,217)

1) Một thời Tôn giả Mahà Kassapa trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm) tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

I

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda đang đi du hành ở Dakhinàgiri (Nam Sơn), cùng với đại chúng Tỷ-kheo.

3) Lúc bấy giờ có khoảng ba mươi Tỷ-kheo đệ tử của Tôn giả Ananda, phần lớn còn trẻ tuổi, từ bỏ sự tu học và hoàn tục.

II

4) Rồi Tôn giả Ananda, sau khi du hành ở Nam Sơn, tùy theo ý muốn, rồi đi đến Vương Xá, Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc, đi đến Tôn giả Mahà Kassapa, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Mahà Kassapa rồi ngồi xuống một bên.

5) Tôn giả Mahà Kassapa nói với Tôn giả Ananda đang ngồi xuống một bên:

-- Duyên bao nhiêu lợi ích, này Hiền giả Ananda, Thế Tôn chế định điều luật "Chỉ ba người ăn" đối với các gia chủ?

6) -- Duyên ba lợi ích, thưa Tôn giả Kassapa, nên Thế Tôn chế định điều luật "Chỉ ba người ăn" đối với các gia chủ, để ngăn chặn các người ác giới, vì sự lạc trú của các Tỷ-kheo chánh hạnh, chớ để cho ai dựa vào những ác đảng phá hoại chúng Tăng, và vì lòng từ mẫn đối với các gia đình. Thưa Tôn giả Kassapa, do duyên ba lợi ích này nên Thế Tôn chế định điều luật "Chỉ ba người ăn" đối với các gia chủ.

7) -- Vậy thời vì sao, này Hiền giả Ananda, Hiền giả lại cùng du hành với những tân Tỷ-kheo này, những người không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm tĩnh giác? Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ dâm đạp ngũ cốc! Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ phá hoại lương gia! Hội chúng của Hiền giả, này Hiền giả Ananda, đang sụp đổ. Đò chúng niêm thiêu của Hiền giả, này Hiền giả, đang tan rã! Dứa trẻ này không biết lượng sức mình!

8) -- Thưa Tôn giả Kassapa, trên đầu tôi, tóc bạc đã sanh, tuy vậy, hôm nay Tôn giả Mahà Kassapa gọi tôi là đứa trẻ, tôi không có phật lòng.

9) -- Thật vậy, này Hiền giả Ananda, Hiền giả du hành với những tân Tỷ-kheo này, những người không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm tĩnh giác. Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ dâm đạp ngũ cốc! Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ phá hoại lương gia! Hội chúng của Hiền giả, này Hiền giả Ananda, đang sụp đổ. Đò chúng niêm thiêu của Hiền giả, này Hiền giả, đang tiêu diệt. Dứa trẻ này không biết lượng sức mình.

III

10) Tỷ-kheo-ni Thullatissà được nghe Tôn giả Ananda, bậc Thánh Vedeha lại bị Tôn giả Mahà Kassapa không hài lòng và gọi là "đứa trẻ".

11) Rồi Tỷ-kheo-ni Thullatissà không hoan hỷ và thốt ra những lời không hoan hỷ: "Sao Tôn giả Mahà Kassapa, trước kia là người theo ngoại đạo, lại nghĩ có thể không hài lòng và gọi Tôn giả Ananda, bậc Thánh Vedeha là đứa trẻ?"

12) Tôn giả Mahà Kassapa được nghe những lời của Tỷ-kheo-ni Thullatissà nói như vậy.

13) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa nói với Tôn giả Ananda:

-- Nay Hiền giả Ananda, lời nói của Tỷ-kheo-ni Thullatissà thật là đường đột, không đắn đo suy nghĩ! Nay Hiền giả, vì rằng ta là người cạo bồ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, ta không chấp nhận một Đạo Sư nào khác ngoài Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác.

14) Nay Hiền giả, trong khi ta còn là gia chủ, ý nghĩ sau đây được khởi lên: "Chật hẹp thay đời sống tại gia, đây những bụi đời! Còn xuất gia như đời sống ngoài trời. Thật không dễ dàng ở trong gia đình có thể sống Phạm hạnh, hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bồ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

15) Rồi này Hiền giả, sau một thời gian ta lấy vải cắt làm áo Tăng-già-lê, và theo thông lệ các vị Ứng Cúng ở đời, cạo bồ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

16) Xuất gia như vậy, ta đang đi trên đường, thấy Thế Tôn ngồi tại ngôi đền Bahaputta giữa Ràjagaha và Nàlandà. Thấy vậy, ta suy nghĩ như sau: "Ôi thật thế chăng, ta có thể thấy bậc Đạo Sư, tức là có thể thấy bậc Thế Tôn! Ôi thật thế chăng, ta có thể thấy bậc Thiện Thệ, tức là có thể thấy bậc Thế Tôn! Ôi thật thế chăng, ta có thể thấy bậc Chánh Đẳng Giác, tức là có thể thấy bậc Thế Tôn?"

17) Và này Hiền giả, ngay tại chỗ ấy, ta cúi đầu đánh lẽ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

"-- Bạch Thế Tôn, Đạo Sư của con là Thế Tôn. Con là đệ tử".

18) Khi nghe nói vậy, này Hiền giả, Thế Tôn nói với ta:

-- Nay Kassapa, những ai với tâm trọn vẹn đầy đủ, không biết một đệ tử mà nói rằng tôi biết, không thấy mà nói rằng tôi thấy, đâu người ấy sẽ vỡ tan. Còn Ta, này Kassapa, Ta biết thời Ta nói Ta biết, Ta thấy thời Ta nói Ta thấy.

19) Do vậy, này Kassapa, Ông phải học tập như sau: 'Một tâm quý thật sắc sảo sẽ phải được thiết lập giữa các vị Trưởng lão, niên thiếu và trung niên'. Nay Kassapa, Ông phải học tập như vậy.

20) Do vậy, này Kassapa, Ông phải học tập như sau: 'Phàm pháp gì tôi nghe, liên hệ đến thiện, sau khi đặc biệt chú ý, tác ý, tập trung tất cả tâm (lực), tất cả pháp ấy tôi đều lóng tai nghe'. Nay Kassapa, Ông phải học tập như vậy.

21) Do vậy, này Kassapa, Ông phải học tập như sau: 'Phàm niêm gì thuộc về thân hành, câu hữu với hỷ, ta sẽ không bỏ niêm ấy'. Nay Kassapa, Ông phải học tập như vậy".

22) Rồi này Hiền giả, Thέ Tôn sau khi giáo giới ta với lời giáo giới áy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

23) Trong bảy ngày, này Hiền giả, đang còn phiền não, ta ăn món ăn của quốc độ, đến ngày thứ tám, chánh trí khởi lên.

24) Rồi này Hiền giả, Thέ Tôn từ trên đường bước xuống và đi đến một gốc cây.

25) Rồi này Hiền giả, ta xấp tu tâm y Tăng-già-lê làm bằng vải cắt, rồi bạch Thέ Tôn:

"-- Bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy ngồi xuống ở đây, để con được hạnh phúc an lạc lâu dài".

26) Nay Hiền giả, Thέ Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

27) Sau khi ngồi xuống, này Hiền giả, Thέ Tôn nói với ta:

"-- Thật là mềm dịu, này Kassapa, là tấm y Tăng-già-lê này làm bằng vải cắt của Ông".

"-- Bạch Thέ Tôn, mong rằng Thέ Tôn nhận lấy tấm y làm bằng vải cắt này từ noi con, vì lòng từ mẫn đối với con".

28) "-- Nay Kassapa, Ông có dùng tấm y phán tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ của Ta không?".

" -- Con sẽ dùng, bạch Thέ Tôn, tấm y phán tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ của Thέ Tôn".

29) Như vậy, này Hiền giả, ta cúng cho Thέ Tôn tấm y Tăng-già-lê làm bằng vải cắt; còn ta thời dùng tấm y phán tảo của Thέ Tôn, làm bằng vải gai thô đáng được quăng bỏ.

30) Và này Hiền giả, nếu ai có nói về ta một cách chơ chánh, thời ta là con ruột Thέ Tôn, sanh ra từ miệng, do pháp sanh, do pháp hóa sanh, thừa tự Chánh pháp và đã nhận được tấm y phán tảo, làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ.

31) Nay Hiền giả, tùy theo mong muốn, ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có túr.

32-46) Và này Hiền giả, tùy theo mong muốn, ta... (chín thứ đệ định và năm thăng trí)...

47) Và này Hiền giả, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại ta tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt, và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

48) Nay Hiền giả, ai nghĩ rằng có thể che đậy sáu thăng trí của ta được, thời không khác gì nghĩ rằng có thể lấy một lá cây ta-la mà che đậy một con voi lớn đến bảy hay tám khuỷu tay rưỡi bè cao.

49) Nhưng Tỷ-kheo-ni Thullatissà đã từ bỏ đời sống Phạm hạnh.

XII. Sau Khi Chết (Tập 32.1, Ngoại Đạo, Đại 2, 226a) (Biệt Tập 6.14, Đại 2, 419a) (S.ii.222).

1) Một thời Tôn giả Mahà Kassapa và Tôn giả Sàriputta trú ở Bàrànasi (Ba-la-nại), tại Isipatana (chu

Tiên đọa xứ), ở Migadaya (Lộc Uyển).

2) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi chiều từ chỗ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahà Kassapa; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngoài xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Mahà Kassapa:

-- Nay Hiền giả Kassapa, có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết không?

-- Nay Hiền giả, Thέ Tôn không có tuyên bố: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

4) -- Như vậy, này Hiền giả, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết?

-- Cũng vậy, này Hiền giả, Thέ Tôn không có tuyên bố: "Như Lai không tồn tại sau khi chết".

5) -- Như vậy, này Hiền giả, có phải Như Lai có tồn tại, và không tồn tại sau khi chết?

-- Nay Hiền giả, Thέ Tôn không có tuyên bố: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết".

6) -- Vậy này Hiền giả, có phải Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

-- Cũng vậy, này Hiền giả, Thέ Tôn không có tuyên bố: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

7) Nay Hiền giả, vì sao Thέ Tôn không có tuyên bố như vậy? Vì đây, này Hiền giả, không đưa đến lợi ích, không đưa đến cứu cánh Phạm hạnh, không đưa đến yêm ly, ly tham, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Thέ Tôn không có tuyên bố như vậy.

8) Vậy này Hiền giả, Thέ Tôn tuyên bố cái gì?

"Đây là khổ", này Hiền giả, Thέ Tôn đã tuyên bố. "Đây là khổ tập", Thέ Tôn đã tuyên bố. "Đây là khổ diệt", Thέ Tôn đã tuyên bố. "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", Thέ Tôn đã tuyên bố.

9) Vì sao, này Hiền giả, Thέ Tôn đã tuyên bố như vậy?

Vì đây, này Hiền giả, đưa đến lợi ích, đưa đến cứu cánh Phạm hạnh, đưa đến yêm ly, ly tham, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Thέ Tôn đã tuyên bố như vậy.

XIII. Tượng Pháp (Tập 32.2 Pháp Giảm Diệt, Đại 2, 226b (Biệt Tập 6.15, Đại 2, 419b) (S.ii,223)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngoài xuống một bên, Tôn giả Mahà Kassapa bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thé Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?

4) -- Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời diệu pháp biến mất, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí.

5) Nay Kassapa, diệu pháp không biến mất cho đến khi nào tượng pháp không hiện ra ở đời. Và Kassapa khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.

6) Ví như, này Kassapa, vàng (thật) không biến mất khi nào vàng giả chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào vàng giả hiện ra ở đời, thời vàng (thật) biến mất.

7) Cũng vậy, này Kassapa, diệu pháp không biến mất, khi nào tượng pháp chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.

8-11) Nay Kassapa, địa giới không làm diệu pháp biến mất, thủy giới... hỏa giới... phong giới không làm diệu pháp biến mất.

12) Ở đây, khi nào các người ngu có mặt, chính họ làm diệu pháp biến mất.

13) Ví như, này Kassapa, chiếc thuyền bị chìm vì chở quá nặng. Không phải vì vậy, này Kassapa, diệu pháp bị biến mất.

14) Nay Kassapa, có năm thối pháp khiến cho diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

15) Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư, sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp, sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng, sống không tôn kính, không tùy thuận học giới, sống không tôn kính, không tùy thuận đối với Thiền định.

Này Kassapa, chính những thối pháp này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của diệu pháp.

16) Và có năm pháp, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp. Thế nào là năm?

17) Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống kính trọng, tùy thuận bậc Đạo Sư, sống kính trọng, tùy thuận Chánh pháp, sống kính trọng, tùy thuận chúng Tăng, sống kính trọng, tùy thuận học giới, sống kính trọng tùy thuận Thiền định.

18) Chính năm pháp này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp.

CHƯƠNG VI
17. TƯƠNG ƯNG LỢI ĐẮC CUNG KÍNH

I. Phẩm Thứ Nhất**I. Khô Lụy (S.ii,225)**

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi... tại vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo... Thέ Tôn nói như sau:

3) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là các lợi đắc, cung kính, danh vọng; thật là đắng cay, ác độc, là chướng ngại pháp để chứng đạt vô thượng an ủn, khỏi các khô ách.

4) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, chúng ta sẽ từ bỏ chúng. Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng chưa đến, chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm và an trú".

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

II. Lưỡi Câu (S.ii,226)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là các lợi đắc, cung kính, danh vọng; thật là đắng cay, ác độc, là chướng ngại pháp để chứng đạt vô thượng an ủn, khỏi các khô ách.

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người câu cá quăng một lưỡi câu ngắn có mồi thịt vào trong một hò nước sâu, và một con cá có mắt thấy mồi thịt nuốt lưỡi câu ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con cá đã nuốt lưỡi câu ấy bị rơi vào bất hạnh, bị rơi vào tai họa, bị người câu cá muốn làm gì thì làm.

4) Người câu cá, này các Tỷ-kheo, chỉ cho ma, lưỡi câu, này các Tỷ-kheo, chỉ cho lợi đắc, cung kính, danh vọng.

5) Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, thọ hưởng, ái luyến lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là Tỷ-kheo đã nuốt lưỡi câu của (ác) ma, bị rơi vào bất hạnh, bị rơi vào tai họa, bị ác ma muốn làm gì thì làm.

6) Như vậy, khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng; thật là đắng cay, ác độc, là chướng ngại pháp để chứng đắc vô thượng an ủn khỏi các khô ách.

7) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông phải học tập như sau: "Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, chúng ta hãy từ bỏ chúng. Và đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng chưa đến, chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm và an trú".

8) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

III. Con Rùa (S.ii,226)

- 1) ... Tại Sàvatthi.
- 2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng; thật là đắng cay, ác độc, là chướng ngại pháp để chứng đắc vô thượng an ủn, khỏi các khổ ách.
- 3) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, trong một hòn nước có một gia đình con rùa sống tại đây đã lâu ngày.
- 4) Rồi này các Tỷ-kheo, một con rùa nói với một con rùa khác:
" -- Nay Rùa thân mến, chớ có đi đến chỗ ấy".
- 5) Con rùa này, này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ ấy và một thợ săn phóng trúng nó với cây lao có dây.
- 6) Rồi con rùa ấy đi đến con rùa kia.
7) Nay các Tỷ-kheo, con rùa kia, thấy con rùa này từ xa đi đến, thấy vậy liền nói với con rùa này:
" -- Nay Rùa thân mến, có phải Bạn đi đến chỗ kia?"
" -- Nay Rùa thân mến, tôi đi đến chỗ kia".
- 8) " -- Nay Rùa thân mến, bạn có bị thương, bị bắn trúng không?"
" -- Nay Rùa thân mến, tôi không bị thương, không bị bắn trúng. Nhưng có sợi dây này dính theo trên lưng tôi".
- 9) " -- Nay Rùa thân mến, Bạn thật bị thương rồi, Bạn thật bị bắn trúng rồi. Nay Rùa thân mến, chính do vật dụng của người thợ săn này, mà cha Bạn và Ông Bạn rơi vào bất hạnh, rơi vào tai họa. Nay Bạn hãy đi, Rùa thân mến. Nay Bạn không còn thuộc chúng ta nữa!"
- 10) Người thợ săn, này các Tỷ-kheo, chỉ cho ác ma. Cái lao, này các Tỷ-kheo, chỉ cho lợi đắc, cung kính, danh vọng. Sợi dây, này các Tỷ-kheo, chỉ cho hỷ tham.
- 11) Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng, hưởng thọ và ái luyến; vị ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là Tỷ-kheo bị lao đâm phải, đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, bị ác ma muốn làm gì thì làm.
- 12) Như vậy, khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 13) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu học.

IV. Lông Dài (S.ii,228)

- 1) ... Tại Sàvatthi.
- 2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, một con dê cái lông dài, đi vào một khóm cây gai gộc; chỗ này, chỗ kia, nó bị mắc dính vào; chỗ này, chỗ kia, nó bị mắc vướng vào; chỗ này, chỗ kia, nó bị trói buộc vào; chỗ này, chỗ kia, nó bị rơi vào bất hạnh, tai họa.

4) Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phôi, tâm bị xâm chiếm, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khát thực. Chỗ này, chỗ kia, vị ấy bị mắc dính vào; chỗ này, chỗ kia, vị ấy bị mắc vướng vào; chỗ này, chỗ kia, vị ấy bị trói cột vào; chỗ này, chỗ kia, vị ấy bị rơi vào bất hạnh, tai họa.

5) Như vậy khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

6) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

V. Trùng Phản (Tạp, Đại 2, 346a) (S.ii,228)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, một con trùng phản, ăn phân, đầy những phân, tràn ngập những phân, và trước mặt có một đống phân lớn.

4) Nó khinh miệt các con trùng phản khác và nói: "Ta ăn phân, đầy những phân, tràn ngập những phân, và trước mặt ta, có đống phân lớn này".

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phôi, tâm bị xâm chiếm, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào làng hay thị trấn để khát thực. Vị ấy tại đây đã ăn uống no đủ, lại được mời vào ngày mai, và bình bát của vị ấy được tràn đầy.

6) Vị ấy đi đến ngôi vườn (tịnh xá) và giữa chúng Tỷ-kheo khoe khoang như sau: "Ta ăn uống no đủ, lại được mời vào ngày mai, và bình bát này của ta tràn đầy. Ta nhận được các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng các Tỷ-kheo khác công đức ít, ánh hưởng ít, không nhận được các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh".

7) Vị ấy bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phôi, tâm bị xâm chiếm, khinh miệt các Tỷ-kheo chánh hạnh khác. Nay các Tỷ-kheo, như vậy sẽ đem lại bất hạnh, đau khổ lâu dài cho kẻ ngu si ấy.

8) Như vậy khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

VI. Sét Đánh (S.ii,229)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

3) Như thế nào, này các Tỷ-kheo, sét đánh (được ví như) một người hữu học với tâm nhiệt thành, khi bị các lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến.

- 4) Nay các Tỷ-kheo, sét đánh chỉ cho lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến.
- 5) Như vậy khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 6) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

VII. Trúng Độc (S.ii,229)

- 1) ... Tại Sàvatthi.
- 2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 3) Như thế nào, này các Tỷ-kheo, bị mũi tên độc bắn trúng (được ví như) một người hữu học với tâm trí nhiệt thành, khi bị các lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến.
- 4) Mũi tên, này các Tỷ-kheo, chỉ cho các lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 5) Như vậy khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 6) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

VIII. Con Giả Can (Tạp, Đại 2, 346a) (S.ii,230)

- 1) ... Tại Sàvatthi.
- 2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 3) Các Ông có nghe chǎng, này các Tỷ-kheo, trong ban đêm, khi trời gần sáng, có con giả can đang tru lớn tiếng?
-- Thưa có, bạch Thέ Tôn.
- 4) -- Đó là con giả can già, này các Tỷ-kheo, bị mắc bệnh ghê lở, không thoái mái trong những chỗ hoang vắng, không thoái mái dưới những gốc cây, không thoái mái tại những chỗ lộ thiên; chỗ nào nó đi, chỗ nào nó đứng, chỗ nào nó ngồi, chỗ nào nó nằm, tại các chỗ ấy, nó cảm thấy bất hạnh, tai họa.
- 5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phổi, tâm bị xâm chiếm, không thoái mái trong những chỗ hoang vắng, không thoái mái dưới những gốc cây, không thoái mái tại những chỗ lộ thiên; chỗ nào vị ấy đi, chỗ nào vị ấy đứng, chỗ nào vị ấy ngồi, chỗ nào vị ấy nằm, tại các chỗ ấy, vị ấy cảm thấy bất hạnh, tai họa.
- 6) Như vậy khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 7) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

IX. Cuồng Phong (Tăng, Đại 2, 634b) (S.ii,231)

- 1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

3) Trên thượng tầng hư không, này các Tỷ-kheo, có gió thổi mạnh gọi là cuồng phong. Con chim đi đến chỗ ấy, bị cuồng phong thổi bay đi; bị cuồng phong thổi bay đi, các chân đi một ngả, các cánh đi một ngả, đầu đi một ngả, thân đi một ngả.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối, tâm bị xâm chiếm, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khát thực, thân không chế ngự, lời nói không chế ngự, tâm không chế ngự, niệm không an trú, các căn không chế ngự.

5) Vị ấy thấy các phụ nữ, mặc y phục không đứng đắn, không khéo che đậy. Vị ấy thấy các phụ nữ mặc y phục không đứng đắn, không khéo che đậy, bị tham dục công phá tâm vị ấy. Do tham dục công phá tâm, vị ấy từ bỏ học tập, trở lại hoàn tục. Rồi có người lấy y phục, có người lấy bình bát, có người lấy tọa cụ, có người lấy ống kim của vị ấy, chẳng khác gì con chim bị cuồng phong thổi bay.

6) Như vậy khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

7) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

X. Kinh Với Bài Kệ (S.ii,231)

1) ... Tại Sàvatti.

2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta thấy có người bị sự cung kính chi phối, tâm bị xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào khô xú, ác thú, đọa xú, địa ngục.

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta thấy có người bị sự không cung kính chi phối, tâm bị xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào khô xú, ác thú, đọa xú, địa ngục.

5) Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta thấy có người bị cả hai cung kính và không cung kính chi phối, tâm bị xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào khô xú, ác thú, đọa xú, địa ngục.

6) Như vậy khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

7) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

*Ai khi được cung kính,
Khi không được cung kính,
Trong cả hai trường hợp,
Tâm định, không lay chuyển;
Sóng hạnh không phóng dật,
Tâm thường nhập Thiền tư,
Với tâm tưởng tê nhí,
Chánh quán các sở kiến,
Không còn lạc chấp thủ,
Được gọi bậc Chơn nhơn.*

II. Phẩm Thứ Hai

I. Bình Bát (Tăng, Đại 2, 566-567) (S.ii,233)

- 1) ... Tại Sàvatthi.
- 2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta biết có người có tâm như sau: "Dầu cho vì một bình bát vàng đựng đầy phần bạch ngần, vị này cũng không có ý nói láo".
- 4) Trong một thời gian khác, Ta lại thấy người ấy bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phổi, tâm bị xâm chiếm, đã cố ý nói láo.
- 5) Như vậy khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 6) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

II. Bình Bát (S.ii,233)

- 1) ... Tại Sàvatthi.
- 2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 3) Ở đây, này các Tỷ-kheo với tâm của Ta, Ta biết có người có tâm như sau: "Dầu cho vì một bình bát bạc đựng đầy phần vàng, vị này cũng không có ý nói láo".
- 4) Trong một thời gian khác, Ta lại thấy người ấy bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phổi, tâm bị xâm chiếm, đã cố ý nói láo.
- 5) Như vậy khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 6) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

III. Từ Một Đồng Tiền Vàng Cho Đến Người Mỹ Nhân Địa Phương (S.ii,233)

- 1) ... Tại Sàvatthi.
- 2) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta biết có người có tâm như sau:
"Dầu cho vì một đồng tiền vàng Nikkha..."
"Dầu cho vì một trăm đồng tiền vàng Nikkha..."
"Dầu cho vì một đồng tiền vàng ròng Nikkha..."
"Dầu cho vì một trăm đồng tiền vàng ròng Nikkha..."
"Dầu cho vì quả đất đầy những vàng..."

"Dầu cho vì mọi lợi ích vật chất..."

"Dầu cho vì mạng sống..."

"Dầu cho vì người mĩ nhân địa phương, vị ấy cũng không có ý nói láo."

3) Trong một thời gian khác, Ta lại thấy người ấy bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phổi, tâm bị chinh phục, đã có ý nói láo.

4) Như vậy khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

III. Phẩm Thứ Ba

I. Phụ Nữ (S.ii,234)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

3) Với ai, này các Tỷ-kheo, tâm bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chinh phục và ngự trị, thời không một nữ nhân nào, với tâm của mình chinh phục và ngự trị tâm của người ấy.

4) Như vậy khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

II. Mĩ Nhân (S.ii,235)

... không một mỹ nhân nào...

III. Con Trai

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

3) Một tín nữ, này các Tỷ-kheo, chơn chánh khuyên dạy đứa con độc nhất, đáng yêu, đáng mến, sẽ khuyên dạy như sau: "Này Con thân yêu, hãy giống như gia chủ Citta, hãy giống như Hattaka ở Alava!"

4) Các vị ấy, này các Tỷ-kheo, là cân lường, là mẫu mực cho các đệ tử cư sĩ của Ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka ở Alava.

5) "Này Con thân yêu, nếu con xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, này Con thân yêu, hãy giống như Sàriputta và Moggalàna!"

6) Các vị áy, này các Tỷ-kheo, là cân lường, là mẫu mực cho các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, tức là Sàriputta và Moggalàna.

7) "Này Con thân yêu, chớ để cho lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến người, kẻ hữu học với tâm đầy nhiệt tình". Ngày các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo hữu học với tâm đầy nhiệt tình, bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến, như vậy là chướng ngại cho vị áy.

8) Như vậy khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

IV. Con Gái Một (Tăng, Đại 2, 562) (S.ii,236)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

3) Một tín nữ, này các Tỷ-kheo, chơn chánh khuyên dạy đứa con gái độc nhất, đáng yêu, đáng mến, sẽ khuyên dạy như sau: "Này Con thân yêu, hãy giống như nữ cư sĩ Khujjutarà và Velu-kandakiyà, mẹ của Nanda!"

4) Các vị áy, này các Tỷ-kheo, là cân lường, là mẫu mực cho các đệ tử nữ cư sĩ của Ta, tức là nữ cư sĩ Khujjutarà và Velukandakiyà.

5) "Này Con thân yêu, nếu Con xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; này Con thân yêu, hãy giống như Tỷ-kheo-ni Khema và Uppàlavanna!"

6) Các vị áy, này các Tỷ-kheo, là cân lường, là mẫu mực cho các đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, tức là Tỷ-kheo-ni Khemà và Uppàlavanna.

7) "Này Con thân yêu, chớ để cho lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến người, kẻ hữu học với tâm đầy nhiệt tình!"

8) Ngày các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo-ni hữu học, với tâm đầy nhiệt tình, bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến, như vậy là chướng ngại cho vị áy.

9) Như vậy khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

V. Sa Môn , Bà La Môn (S.ii,236)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Ngày các Tỷ-kheo, như Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật biết vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn, hay là Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả áy, ngay trong đời sống hiện tại, không có thể tự mình chứng ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

3) Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật biết vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, được chấp nhận là vị Sa-môn giữa các Sa-môn, hay là Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, có thể tự mình chứng ngộ với thượng trí, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

VI. Sa Môn, Bà La Môn (S.ii,237)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết sự tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt, nguy hiểm và xuất ly của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với với Ta, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại cũng không tự mình với thăng trì chứng ngộ, chứng đạt và an túc mục đích của Sa-môn hạnh và mục đích của Bà-la-môn hạnh.

3) Và những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật biết sự tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt... của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với ta được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong đời sống hiện tại, có thể tự mình giác ngộ với thượng trí, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn và mục đích Bà-la-môn hạnh.

VII. Sa Môn, Bà La Môn (S.ii, 237)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không biết sự tập khởi của lợi đắc, cung kính, danh vọng, không biết sự đoạn diệt của lợi đắc, cung kính, danh vọng, không biết con đường đưa đến sự đoạn diệt của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta không được chấp nhận... và mục đích của Bà-la-môn hạnh.

3) Và những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết được sự tập khởi của lợi đắc, cung kính, danh vọng... và mục đích của Bà-la-môn hạnh.

VIII. Da (Tăng, Đại 2, 570c) (S.ii,237)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

3) Lợi đắc, cung kính, danh vọng, này các Tỷ-kheo, cắt đứt da ngoài. Sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong. Sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt. Sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân. Sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương. Sau khi cắt đứt xương, chúng chạm tới tủy và đứng lại.

4) Như vậy khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

IX. Dây (S.ii, 238)

- 1) ... Tại Sàvatthi.
 - 2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
 - 3) Lợi đắc, cung kính, danh vọng, này các Tỷ-kheo, cắt đứt da ngoài. Sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong. Sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt. Sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân. Sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương. Sau khi cắt đứt xương, chúng chạm tới tủy và đứng lại.
 - 4) Ví như, này các Tỷ-kheo, một lực sĩ lấy dây ngựa cứng chắc, ván xung quanh cổ chân và siết chặt lại. Dây ấy cắt đứt da ngoài, cắt đứt da trong. Sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt. Sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân. Sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương. Sau khi cắt đứt xương, chúng chạm tới tủy và đứng lại.
 - 5) Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, lợi đắc, cung kính, danh vọng cắt đứt da ngoài. Sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong. Sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt. Sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt giây gân. Sau khi cắt đứt giây gân, chúng cắt đứt xương. Sau khi cắt đứt xương, chúng chạm tới tủy và đứng lại.
 - 6) Như vậy, khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
 - 7) Như vậy này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.
- X. Tỷ Kheo (S.ii,238)**
- 1) ... Tại Sàvatthi.
 - 2) -- Vị Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, là bậc Ứng Cúng, đã đoạn tận các lậu hoặc; Ta nói, lợi đắc, cung kính, danh vọng vẫn là pháp chướng ngại cho vị Tỷ-kheo ấy.
 - 3) Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thέ Tôn:
 -- Bạch Thέ Tôn, với vị Tỷ-kheo, lậu hoặc nào được đoạn tận thì các lợi đắc, cung kính, danh vọng là chướng ngại pháp?
 - 4) -- Đối với vị đã chứng bát động tâm giải thoát, Ta không nói rằng, các lợi đắc, cung kính, danh vọng trở thành một chướng ngại pháp cho vị ấy.
 - 5) Và này Ananda, đối với những ai sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần; những người chúng được hiện tại lạc trú; đối với những người ấy, Ta nói rằng, lợi đắc, cung kính, danh vọng là chướng ngại pháp.
 - 6) Như vậy khô lụy, này Ananda, là lợi đắc, cung kính, danh vọng, đắng cay, ác độc, là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ủn khôi các khổ ách.
 - 7) Do vậy, này Ananda, cần phải học tập như vậy: "Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, chúng ta hãy từ bỏ chúng. Và đối với các lợi đắc, cung kính, danh vọng chưa đến, chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm và an trú".
 - 8) Như vậy, này Ananda, các Ông cần phải học tập.

IV. Phẩm Thứ Tư

I. Cắt (S.ii,239)

- 1) ... Tại Sàvatthi.
- 2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 3) Bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phổi, tâm bị xâm chiếm, Devadatta, phá hoại Tăng chúng.
- 4) Như vậy khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

II. Gốc (S.ii,240)

- 1) ... Tại Sàvatthi.
- 2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 3) Bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phổi, tâm bị xâm chiếm, này các Tỷ-kheo, thiện căn của Devadatta bị cắt đứt.
- 4) Như vậy khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

III. Pháp.

- 1) ... Tại Sàvatthi.
- 2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 3) Bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phổi, tâm bị xâm chiếm, này các Tỷ-kheo, thiện pháp của Devadatta bị cắt đứt.
- 4) Như vậy khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

IV. Trắng (S.ii,240)

- 1) ... Tại Sàvatthi.
- 2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 3) Bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phổi và tâm bị xâm chiếm, này các Tỷ-kheo, bạch pháp của Devadatta bị cắt đứt.

- 4) Như vậy khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

V. Bỏ Đì (S.ii,241)

- 1) Một thời Thé Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại núi Gujjhakuuta (Linh Thủ), sau khi Devadatta (Đè-bà-đạt-đa) bỏ đi không bao lâu.
- 2) Rồi Thé Tôn nhận vì Devadatta, bảo các Tỷ-kheo:
- 3) -- Này các Tỷ-kheo, lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến tự hại cho Devadatta. Lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến diệt vong cho Devadatta.
- 4) Ví như cây chuối, này các Tỷ-kheo, sanh quả đưa đến tự hại, sanh quả đưa đến diệt vong. Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến tự hại cho Devadatta. Lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến diệt vong cho Devadatta.
- 5) Ví như cây tre, này các Tỷ-kheo, sanh quả đưa đến tự hại, sanh quả đưa đến diệt vong. Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến tự hại cho Devadatta. Lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến diệt vong cho Devadatta.
- 6) Ví như cây lau, này các Tỷ-kheo, sanh quả đưa đến tự hại, sanh quả đưa đến diệt vong. Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến tự hại cho Devadatta. Lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến diệt vong cho Devadatta.
- 7) Ví như con lừa có thai đưa đến tự hại, có thai đưa đến diệt vong. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến tự hại cho Devadatta. Lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến diệt vong cho Devadatta.
- 8) Như vậy khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
- 9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.
- 10) Thé Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói vậy xong, bậc Đạo Sư nói như sau:

*Như cây chuối sanh quả,
Sanh quả đem tự hại,
Cũng vậy, quả cây tre,
Cũng vậy, quả cây lau,
Cũng vậy với kẻ ngu,
Cung kính đem tự hại,
Như con lừa mang thai,
Mang thai đem tự hại.*

VI. Xe (Tập, Đại 2, 276b, Biệt Tập, Đại 2, 347b, Tăng, Đại 2, 570b; 614a) (S.ii,242)

- 1) Một thời Thé Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc.
- 2) Lúc bấy giờ, hoàng tử Ajatasattu (A-xà-thé) sáng chiều đi đến hầu Devadatta với năm trăm cỗ xe và

đem đến cúng dường các món ăn trong năm trăm mâm bàn.

3) Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thέ Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo áy bạch với Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, hoàng tử Ajàtasattu sáng chiều đi đến hầu Devadatta với năm trăm cỗ xe và đem đến cúng dường các món ăn trong năm trăm mâm bàn.

5) -- Nay các Tỷ-kheo, chớ có thèm lợi đắc, cung kính, danh vọng của Devadatta. Chừng nào, nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Ajàtasattu sáng chiều còn đi đến hầu Devadatta với năm trăm cỗ xe và đem đến cúng dường các món ăn trong năm trăm mâm bàn; thời này các Tỷ-kheo, đối với Devadatta, chỉ có chờ đợi sự tốn giảm trong thiện pháp, không có sự tăng trưởng.

6) Ví như, nay các Tỷ-kheo, đem bóp nát lá gan trước lỗ mũi một con chó dữ. Như vậy, con chó ấy lại càng dữ tợn bội phần. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, chừng nào hoàng tử Ajàtasattu sáng chiều còn đi đến hầu Devadatta với năm trăm cỗ xe, và còn cúng dường các món đồ ăn trong năm trăm chiếc mâm bàn; thời này các Tỷ-kheo, đối với Devadatta, chỉ có chờ đợi sự tốn giảm trong thiện pháp, không có sự tăng trưởng.

7) Như vậy, khổ lụy, nay các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

8) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

VII. Mẹ (S.ii,242)

1) ... Tại Sàvatti.

2) -- Khổ lụy, nay các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng; thật là đáng cay, ác độc, là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ủn khỏi các khổ ách.

3) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta biết được tâm của một người như sau: "Dầu cho vì bà mẹ đáng kính cũng không cố ý nói láo". Nhưng trong một thời gian khác, Ta thấy người ấy bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối, tâm bị xâm chiếm, đã cố ý nói láo.

4) Như vậy khổ lụy, nay các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng; thật là đáng cay, ác độc, là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ủn khỏi các khổ ách.

5) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Đối với các lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, chúng ta hãy từ bỏ chúng. Đối với các lợi đắc,cung kính, danh vọng chưa đến, chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm".

6) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

38-43 VIII. Cha,

IX. Anh,

X. Chị,

XI. Con Trai,

XII. Con Gái,

XIII. Vợ, (S.ii,243)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng; thật tà đắng cay, ác độc, là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ủn khỏi các khổ ách.

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta biết được tâm của một người như sau:

"Dầu cho vì người cha đáng kính...".

"Dầu cho vì người anh...".

"Dầu cho vì người chị...".

"Dầu cho vì con trai...".

"Dầu cho vì con gái...".

"Dầu cho vì người vợ, cũng không có ý nói láo". Nhưng trong một thời gian khác, Ta thấy người ấy bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phôi, tâm bị xâm chiếm đã có ý nói láo.

4) Như vậy khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng; thật là đắng cay, ác độc, là chướng ngại pháp do sự chứng đắc vô thượng an ủn khỏi các khổ ách.

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Đối với các lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, chúng ta hãy từ bỏ chúng. Đối với các lợi đắc, cung kính, danh vọng chưa đến, chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm".

6) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

CHƯƠNG VII
18. TƯƠNG ƯNG RÀHULA

I. Phẩm Thứ Nhất**I. Mắt (S.ii,244)**

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Thắng Lâm), vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Rồi Tôn giả Ràhula đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thέ Tôn:

-- Lành thay, bạch Thέ Tôn! Thέ Tôn hãy thuyết pháp cho con để sau khi nghe, con có thể sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần!

4)-- Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Mắt là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu xem cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

5) -- Tai là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn...

6) -- Mũi là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn...

7) -- Lưỡi là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn...

8) Thân là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn...

9) Ý là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thέ Tôn...
 - Cái gì vô thường là khô hay lạc?
 - Là khô, bạch Thέ Tôn.
 - Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng, khi xem cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?
 - Thưa không, bạch Thέ Tôn.
- 10) -- Thấy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhảm chán mắt, nhảm chán tai, nhảm chán mũi, nhảm chán lưỡi, nhảm chán thân, nhảm chán ý.
- 11) Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành; những gì nên làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Sắc (S.ii,245)

- 1) ... Tại Sàvatthi.
- 2) -- Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.
- 3-6) Thanh.... Hương... Vị... Xúc...
- 7) -- Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Pháp là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thέ Tôn. ..., ...
- 8) -- Thấy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhảm chán sắc... nhảm chán pháp.
- 9) Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát... "...không còn trở lui trạng thái này nữa".

III. Thức (S.ii,246)

- 1) ... Tại Sàvatthi.
- 2) -- Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Nhẫn thức là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thέ Tôn...
- 3-6) -- Nhĩ thức... Tỷ thức... Thiệt thức... Thân thức...
- 7) -- Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Ý thức là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thέ Tôn...

8) -- Thấy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán nhãnh thức, nhàm chán nhĩ thức, nhàm chán tỳ thức, nhàm chán thiệt thức, nhàm chán thân thức, nhàm chán ý thức.

9) Do nhàm chán, vị áy ly tham... "...không còn trở lui trạng thái này nữa".

IV. Xúc (S.ii,246)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Nhãnh xúc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn. ..., ...

3-7) -- Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Nhĩ xúc... Tỷ xúc... Thiệt xúc... Thân xúc... Ý xúc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn. ..., ...

8) -- Thấy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều nhàm chán nhãnh xúc, nhàm chán nhĩ xúc, nhàm chán tỳ xúc, nhàm chán thiệt xúc, nhàm chán thân xúc, nhàm chán ý xúc...

9) Do nhàm chán, vị áy ly tham... "...không còn trở lui trạng thái này nữa".

V. Thọ (S.ii,247)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Thọ do nhãnh xúc sanh là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

3-6) -- Thọ do nhĩ xúc sanh... Thọ do tỷ xúc sanh... Thọ do thiệt xúc sanh... Thọ do thân xúc sanh... Thọ do ý xúc sanh là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn. ..., ...

7-8) -- Thấy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán thọ do nhãnh xúc sanh, nhàm chán thọ do nhĩ xúc sanh, nhàm chán thọ do tỷ xúc sanh, nhàm chán thọ do thiệt xúc sanh, nhàm chán thọ do thân xúc sanh, nhàm chán thọ do ý xúc sanh...

Do nhàm chán, vị áy ly tham... "...không còn trở lui trạng thái này nữa".

VI. Tưởng (S.ii,247)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Sắc tưởng là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

3-7) -- Thanh tưởng... Hương tưởng... Vị tưởng... Xúc tưởng... Pháp tưởng là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn. ..., ...

8-9) -- Thầy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều nhàm chán sắc tưởng, nhàm chán thanh tưởng, nhàm chán hương tưởng, nhàm chán vị tưởng, nhàm chán xúc tưởng, nhàm chán pháp tưởng...

Do nhàm chán, vị ấy ly tham... "...không còn trở lui trạng thái này nữa".

VII. Tư (S.ii,247)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Sắc tư là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

3-7) -- Thanh tư... Hương tư... Vị tư... Xúc tư... Pháp tư là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn. ..., ...

8-9) -- Thầy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán sắc tư, nhàm chán thanh tư, nhàm chán hương tư, nhàm chán vị tư, nhàm chán xúc tư, nhàm chán pháp tư.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham... "...không còn trở lui trạng thái này nữa".

VIII. Ái (S.ii,248)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Sắc ái là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

3-7) -- Thanh ái... Hương ái... Vị ái... Xúc ái... Pháp ái là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn. ..., ...

8-9) -- Thầy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều nhàm chán sắc ái, nhàm chán thanh ái, nhàm chán hương ái, nhàm chán vị ái, nhàm chán xúc ái, nhàm chán pháp ái.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham... "...không còn trở lui trạng thái này nữa".

IX. Giới (S.ii,248)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Địa giới là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn...

3-7) -- Thủy giới... Hóa giới... Phong giới... Thức giới là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn. ..., ...

8-9) -- Thấy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều nhảm chán địa giới, nhảm chán thủy giới, nhảm chán hỏa giới, nhảm chán phong giới, nhảm chán không giới, nhảm chán thức giới.

Do nhảm chán, vị ấy ly tham... "...không còn trở lui trạng thái này nữa".

X. Uẩn (S.ii,249)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) -- Nay Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

3-6) -- Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn. ..., ...

7) -- Thấy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều nhảm chán sắc, nhảm chán thọ, nhảm chán tưởng, nhảm chán hành, nhảm chán thức.

8) Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành; những điều gì nêu làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Phẩm Thứ Hai

I. Mắt (S.ii,249)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Rồi Tôn giả Ràhula, đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

Thέ Tôn nói với Tôn giả Ràhula đang ngồi xuống một bên:

3) -- Nay Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Con mắt là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

4) -- Cái gì vô thường, là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

5) -- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi nhìn cái ấy như sau: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

6-17) -- Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

18) -- Ý là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

19) -- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

20) -- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi nhìn cái ấy như sau: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

21) -- Thấy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử có trí nhảm chán mắt, nhảm chán tai, nhảm chán mũi, nhảm chán lưỡi, nhảm chán thân, nhảm chán ý.

22) Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành; những điều gì nên làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Sắc (S.ii,250)

1) Tại Sàvatthi.

2) -- Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào?

(2) Sắc:

-- Sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

(6-20) -- Thanh... Hương... Vị... Xúc... Pháp...

III. Thức (S.ii,251)

(3-20) -- Nhẫn thức... Nhĩ thức... Tỷ thức... Thiệt thức... Thân thức... Ý thức...

IV. Xúc (S.ii,251)

(3-20) -- Nhẫn xúc... Nhĩ xúc... Tỷ xúc... Thiệt xúc... Thân xúc... Ý xúc...

V. Thọ (S.ii,251)

(3-20) -- Thọ do nhẫn xúc sanh... Thọ do nhĩ xúc sanh... Thọ do tỷ xúc sanh... Thọ do thiệt xúc sanh...
Thọ do thân xúc sanh... Thọ do ý xúc sanh...

VI. Tưởng (S.ii,251)

(3-20) -- Sắc tưởng... Thanh tưởng... Hương tưởng... Vị tưởng... Xúc tưởng... Pháp tưởng...

VII. Tư (S.ii,251)

(3-20) -- Sắc tư... Thanh tư... Hương tư... Vị tư... Xúc tư... Pháp tư...

VIII. Ái (S.ii,251)

(3-20) -- Sắc ái... Thanh ái... Hương ái... Vị ái... Xúc ái... Pháp ái...

IX. Giới (S.ii,251)

(3-20) -- Địa giới... Thủy giới... Hỏa giới... Phong giới... Không giới... Thức giới...

X. Ưần (S.ii,252)

(3-17) -- Sắc... Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thê Tôn...

(21-22) -- Thấy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều... "...không còn trở lui trạng thái này nữa".

XI. Tùy Miên (Tạp, Đại 2, 50c, Tạp, Đại 2, 118c, S.22,91 Ràhula. Tạp, Đại 2,55a) (S.ii,252)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Ràhula đi đến Thê Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thê Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thê Tôn:

3) -- Bạch Thê Tôn, do biết thế nào, do thấy thế nào, trong thân có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên?

4) -- Này Ràhula, phàm sắc nào quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tinh, hoặc liệt hay thẳng, hoặc xa hay gần, vị ấy thấy như thật tất cả các sắc với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Phàm thọ nào... Phàm tưởng nào... Phàm hành nào... Phàm thức nào quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tinh, hoặc liệt hay thẳng, hoặc xa hay gần, vị ấy thấy như thật tất cả các thức với chánh trí tuệ là : "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi,cái này không phải tự ngã của tôi".

5) Nay Rāhula, do biết như vậy, do thấy như vậy, trong thân có thức này với tất cả tướng ở ngoài, không có ngã kiến, không có ngã sở kiến, không có mạn tùy miên.

XII. Viễn Ly (Tạp, Đại 2, 50c. S.23,92 Rāhula) (Tạp, Đại 2,b) (Tạp, Đại 2, 119a). (S.ii,253)

1) ... Tại Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Rāhula đi đến Thέ Tôn; sau khi đi đến, đánh lě Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rāhula bạch Thέ Tôn:

3) -- Bạch Thέ Tôn, do biết như thế nào, thấy như thế nào, trong thân thế có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài, tâm đã viễn ly được ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, siêu việt mọi ngã mạn, tịch tịnh, giải thoát?

4) -- Nay Rāhula, phàm sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thăng, hoặc xa hay gần; vị ấy thấy như thật tất cả các sắc với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ.

5) Nay Rāhula, phàm thọ gì... phàm tưởng gì... phàm hành gì... phàm thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thăng, hoặc xa hay gần; vị ấy thấy như thật tất cả các thức với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ.

6) Nay Rāhula, do biết như vậy, thấy như vậy, trong thân thế có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài, tâm đã viễn ly ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt khỏi các ngã mạn, được tịch tịnh, giải thoát.

CHƯƠNG VIII
19. TƯƠNG ƯNG LAKKHANA

I. Phẩm Thứ Nhất

I. Đống Xương (Tập, Đại 2, 135a) (S.ii,254)

1) **N**hư vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm) chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Lakkhana và Tôn giả Mahà Moggallàna trú ở núi Gijjhakùta (Linh Thủu).

3) Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna đắp y, vào buổi sáng, cầm y bát, đi đến Tôn giả Lakkhana.

4) Sau khi đến, nói với Tôn giả Lakkhana:

-- Chúng ta hãy cùng đi, này Hiền giả Lakkhana. Chúng ta hãy đi vào Ràjagaha để khát thực.

-- Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Lakkhana vâng đáp Tôn giả Mahà Moggallàna.

5) Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna khi đi từ núi Gijjhakùta bước xuống, đi qua một chỗ, liền mỉm cười.

6) Rồi Tôn giả Lakkhana nói với Tôn giả Mahà Moggallàna:

-- Này Hiền giả Moggallàna, do nhân gì, do duyên gì, Hiền giả lại mỉm cười?

-- Này Hiền giả Lakkhana, không phải thời là câu hỏi ấy. Trước mặt Thé Tôn, hãy hỏi tôi câu hỏi ấy.

7) Rồi Tôn giả Lakkhana và Tôn giả Mahà Moggallàna sau khi đi khát thực ở Ràjagaha xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

8) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Lakkhana nói với Tôn giả Mahà Moggallàna:

-- Ở đây, Tôn giả Mahà Moggallàna khi từ núi Gijjhakùta bước xuống, đi ngang qua một chỗ, liền mỉm cười. Này Hiền giả Moggallàna, do nhân gì, do duyên gì, Hiền giả lại mỉm cười?

9) -- Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một bộ xương đang đi trên trời. Các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuối theo nó, cắn mổ xương sườn nó, cắn xé nó, và nó kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

10) -- Này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật vi diệu thay! Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một chúng sanh như vậy. Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một Dạ-xoa như vậy! Một kẻ có tên như vậy lại trở thành được một tự ngã như vậy!"

11) Rồi Thé Tôn gọi các Tỳ-kheo:

-- Sóng với nhau như thực nhã, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử! Thật sóng với nhau như thực trí, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử. Vì rằng một đệ tử sẽ biết, hay sẽ thấy, hay sẽ chứng thực như vậy.

12) Xưa kia, này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy chúng sanh ấy nhưng Ta không có nói. Nếu Ta có nói, các người khác cũng không tin Ta. Và những ai không tin Ta, những người ấy sẽ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài.

13) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một đồ tể giết trâu bò (goghatako) ở Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó cảm thọ một tự ngã như vậy.

II. Đồ Tể Giết Trâu Bò (Gavaghatako) (Tập, Đại 2, 135b) (S.ii,256)

1) ...

2) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một đống thịt đang đi giữa hư không. Các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuôi theo nó, cắn mổ nó, cắn xé nó, và nó kêu lên tiếng kêu đau đớn.

3) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một đồ tể giết trâu bò.

III. Một Miếng Thịt và Kẻ Bắt Chim (Tập, Đại 2, 136a) (S.ii,256)

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một miếng thịt đang đi giữa hư không... đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một kẻ săn chim ở Ràjagaha.

IV. Người Giết Dê Bị Lột Da (Tập, Đại 2, 135c) (S.ii,256)

1) Ở đây, này Hiền giả... tôi thấy một bị da... cắn mổ nó, cắt xé nó, và nó kêu lên những tiếng kêu đau đớn...

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người đồ tể giết dê ở tại Ràjagaha này...

V. Người Giết Heo VỚI ĐAO KIẾM (Tập 19-14, Đại 2, 136c) (S.ii,257)

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người với lông băng đao kiếm đang đi giữa hư không. Các đao kiếm ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuống trên thân người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người giết heo ở tại Ràjagaha này...

VI. Người Săn Thú VỚI CÂY LAO (Tập, Đại 2, 136b) (S.ii,257)

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người với lông băng các cây lao đang đi trên hư không. Những cây lao ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuống trên thân người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người săn thú ở tại Ràjagaha này.

VII. Người Tra Tân Với Mũi Tên. (S.ii, 257)

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gujjhakùta bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng các mũi tên, đang đi giữa hư không. Những mũi tên ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuống trên thân người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người tra tấn ở tại Ràjagaha này.

VIII. Người Đánh Xe Với Các Cây Kim (Tập, Đại 2, 136b) (S.ii,257)

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng mũi kim đang đi giữa hư không...

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người điều phục các loài thú (xin đọc Sùto thê cho Sùcako của nguyên bản).

IX. Người Do Thám

1) Ở đây, thưa Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng mũi tên đang đi giữa hư không.

2) Các mũi tên ấy đâm vào đầu và ra khỏi miệng người ấy. Chúng đâm vào miệng và ra khỏi ngực người ấy, chúng đâm vào ngực và ra khỏi bụng người ấy, chúng đâm vào bụng và ra khỏi bắp về của người ấy, chúng đâm vào bắp về và ra khỏi cổ chân của người ấy, chúng đâm vào cổ chân và ra khỏi bàn chân của người ấy và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

3) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một gián điệp ở tại Ràjagaha này.

X. Người Phán Quan Tham Nhũng VỚI Hòn Dái Lớn (S.ii,258)

1) Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người với hòn dái đang đi giữa hư không.

2) Khi đang đi, người ấy mang hòn dái trên vai mà đi. Khi ngồi, người ấy ngồi trên những hòn dái ấy.

3) Và các con chim kên kên, chim quạ, chim ưng đuối theo người ấy để cắn mổ, cắn xé, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

4) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một phán quan ở Ràjagaha này.

II. Phẩm Thứ Hai

I. Kẻ Thông Dâm Bị Chùm Trong Hố (Tập, Đại 2, 137b) (S.ii,259)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thé Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm).

2) -- Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người với đầu chùm trong hố phân.

3) Chúng sanh áy, này các Tỷ-kheo, là một người thông dâm ở tại Ràjagaha này.

II. Tà Ác Là Bà La Môn Ăn Phân (Tạp, Đại 2, 137c) (S.ii,259)

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người chìm trong hố phân, ăn phân bằng hai tay.

2) Chúng sanh áy, này các Tỷ-kheo, là một Bà-la-môn tại Ràjgaha này. Khi bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang giảng dạy, người áy mồi chúng Tỷ-kheo dùng cơm. Rồi người áy lấy một cái gáo đựng đầy phân và nói: "Ôi mong các Tôn giả ăn cho tận kỳ thỏa thích và mang về!"

III. Gian Phụ bị Lột Da (Tạp, Đại, 2, 137b) (S.ii,259)

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một phụ nữ bị lột da đang đi giữa hư không. Những con chim kên, những con quạ, những con chim ưng đuổi theo để cắn mổ, rút xé người áy và người áy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Người phụ nữ áy, này các Tỷ-kheo, là một người gian phụ ở Ràjagaha này.

IV. Người Phụ Nữ Xấu Xí Bói Toán (Tạp, Đại 1, 137b) (S.ii,260)

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người phụ nữ hôi hám, xấu xí đang đi trên hư không. Các con chim kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo để cắn mổ, rút xé người áy và người áy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Người phụ nữ áy, này các Tỷ-kheo, là một người bói toán ở chính Ràjagaha này.

V. Người Đàm Bà Khô Héo Đã Rải Than Đỏ trên Một Người Đàm Bà (Tạp 19-25. Sân Nhuế Đính Du Sái, Đại 2, 137c) (S.ii, 260).

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một người đàm bà cằn cỗi, khô héo, đính đầy than mồ hóng, đang đi trên hư không... Người áy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Người đàm bà áy, này các Tỷ-kheo, là đệ nhất phu nhân của vua xứ Kalinga. Bà ta vì ghen túc nên đã đỗ lò than hồng lên trên một vương nữ khác.

VI. Ké Trộm Cướp Đứt Đầu (Tạp 19-15 Đoạn Nhơn Đầu. Đại 2, 136c) (S.ii,260)

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gujjhakùta bước xuống, tôi thấy một cái thân không đầu đi giữa hư không. Con mắt và miệng thời ở trên ngực.

2) Các con chim kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo để cắn mổ, rút xé người áy và người áy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

3) Chúng sanh áy, này các Tỷ-kheo, là một người ăn cướp tên là Hàrika ở tại Ràjagaha.

VII. Tỷ Kheo (Tạp, Đại 2, 138b) (S.ii, 260)

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một Tỷ-kheo đi giữa hư không.

2) Y tăng-già-lê (thượng y) của vị ấy bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái bát cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nịt cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Và vị ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.

3) Tỷ-kheo áy, này các Tỷ-kheo, là một ác Tỷ-kheo trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang thuyết pháp.

VIII. Tỷ Kheo Ni (Tạp Đẳng, Đại 2, 138b) (S.ii,261)

1) ... tôi thấy một Tỷ-kheo-ni đi giữa hư không.

2) Y tăng-già-lê của vị ấy bị cháy đỏ.

3) ... là một ác Tỷ-kheo-ni...

IX. Học Nữ (S.ii,261)

1) ... tôi thấy một học nữ đi giữa hư không.

2) Y tăng-già-lê của vị ấy bị cháy...

3) ... là một ác học nữ...

X. Sa Di (S.ii,261)

1) ... tôi thấy một Sa-di đi giữa hư không...

2-3) Y Tăng-già-lê của vị ấy bị cháy... là một ác Sa-di.

XI. Sa Di Ni (S.ii,261)

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một Sa-di-ni đi giữa hư không.

2) Y tăng-già-lê (sanghāti) của vị này bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Bình bát cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nịt cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Vị ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.

3) Nay Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay, thật hy hữu thay! Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một chúng sanh như vậy. Một kẻ có tên như vậy trở thành một Dạ-xoa như vậy. Một kẻ có tên như vậy lại trở thành được một tự ngã như vậy".

4) Rồi Thê Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Sống với như thực nhẫn, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử. Sống với như thực trí, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử. Vì rằng, một đệ tử sẽ biết, hay sẽ thấy, hay sẽ chứng thực như vậy.

5) Xưa kia, này các Tỷ-kheo, Ta cũng thấy Sa-di-ni áy, nhưng Ta không có nói. Nếu Ta có nói, các người khác cũng không tin Ta. Và những ai không tin Ta, những người áy sẽ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài.

6) Vị Sa-di-ni ấy, này các Tỷ-kheo, là một ác Sa-di-ni trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa thuyết pháp. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, và với quả thuần thực còn lại, người đó cảm thọ một tự ngã như vậy.

-ooOoo-

CHƯƠNG IX
20. TUƯƠNG ƯNG THÍ DỤ

I. Chóp Máí (S.ii,262)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cáp Cô Độc).

2) Ở đây, Thé Tôn nói như sau:

3) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngôi nhà có nóc nhọn cao, phàm có những cây kèo xa nào, tất cả chúng đều đi đến gốc nhọn, đều quy tựa vào gốc nhọn, đều chầu đầu vào gốc nhọn, tất cả chúng đều đâm đầu vào một gốc.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những bất thiện pháp nào, tất cả chúng đều lấy vô minh làm cội rễ, đều lấy vô minh làm điểm tựa, đều chầu đầu vào vô minh, tất cả chúng đều đâm đầu vào một gốc.

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta hãy sống không phóng dật".

II. Đầu Ngón Tay (Tạp, Đại 2, 345a) (Đơn tạp 22. Trảo Thổ, Đại 2, 498a) (S.ii,263)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) Rồi Thé Tôn lấy một ít đất trên đầu móng tay và nói với các Tỷ-kheo:

3) -- Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Cái gì nhiều hơn, chút đất này Ta lấy trên đầu móng tay, hay quả đất lớn này?

4) -- Cái này, bạch Thé Tôn, là nhiều hơn, tức là quả đất lớn này và ít hơn là chút đất mà Thé Tôn lấy trên đầu móng tay. Không thể đi đến ước tính, không thể đi đến so sánh, không thể đi đến một vi phần, khi so sánh quả đất lớn với chút đất mà Thé Tôn lấy trên đầu móng tay.

5) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, rất ít là chúng sanh được tái sanh làm người! Còn rất nhiều là những chúng sanh phải tái sanh ra ngoài loài Người!

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ sống không phóng dật".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

III. Gia Định (Tạp, 47.14, Nhơn Gia, Đại 2, 344c) (S.ii,263)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, những gia đình nào có nhiều phụ nữ và ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm ghè não hại.

3) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không tu tập từ tâm giải thoát, không làm cho sung mãn,

thời vị ấy dễ bị phi nhân nãm hại.

4) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, những gia đình nào có ít phụ nữ và nhiều đàn ông, thời gia đình ấy khó bị các đạo tặc, trộm ghè nãm hại.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thời vị ấy rất khó bị phi nhân nãm hại.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, an trú, tích lũy và khéo thực hiện".

Như vậy, này các Tỷ-kheo các Ông cần phải học tập.

IV. Cái Nòi (Tập, Đại 2, 344b) (S.ii,264)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, ai vào buổi sáng bố thí một trăm cái nòi, ai buổi trưa bố thí một trăm cái nòi, hay ai buổi chiều bố thí một trăm cái nòi, và ai buổi sáng chỉ trong thời gian bóp vú sữa con bò một lần (trong nháy mắt), tu tập từ tâm giải thoát, hay ai buổi trưa chỉ trong thời gian bóp vú sữa con bò một lần (trong nháy mắt), tu tập từ tâm giải thoát, hay ai buổi chiều chỉ trong thời gian bóp vú sữa con bò một lần (trong nháy mắt), tu tập từ tâm giải thoát, sự việc này đối với sự việc trước, quả có lớn hơn.

3) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, an trú, tích lũy và khéo thực hiện".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

V. Cây Lao (Satti) (Tập, Đại 2, 344c) Sakti, S.(Hoernh, 1.44-45) (S.ii,265)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây lao có lưỡi sắc bén. Rồi một người đến và nói: "Với tay hay với nắm tay, tôi sẽ bẻ gập đôi lưỡi sắc bén của cây lao này, tôi sẽ đánh phía cạnh cho nó quặp dài lại, tôi sẽ uốn cong nó lại".

3) Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể với tay hay nắm tay bẻ gập đôi lưỡi sắc bén của cây lao này, đánh phía cạnh cho nó quặp dài lại, uốn cong nó lại không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

4) Vì sao?

Bạch Thế Tôn, không dễ gì, với tay hay nắm tay bẻ gập đôi lưỡi sắc bén của cây lao này, đánh phía cạnh cho nó quặp dài lại, uốn cong nó lại, mà không khiên cho người ấy mệt nhọc và bị nãm hại.

5) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi một ai (vị Tỷ-kheo) tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, an trú, tích lũy và khéo thực hiện, thời một phi nhân nào nghĩ rằng, có thể đánh ngã một tâm như vậy, kẻ phi nhân ấy ở đây sẽ mệt nhọc và bị nãm hại.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, an trú, tích lũy và khéo thực hiện".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

VI. Người Bắn Cung (Tập 24.9, Cung, Đại 2, 171c) (S.ii,265)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, bốn người bắn cung dũng mãnh, lão luyện, thuần tay, thiện xảo về cung thuật, đứng tại bốn phương.

3) Rồi một người đến và nói rằng: "Ta sẽ nắm bắt và đem lại những mũi tên được bắn đi bốn phương, trước khi chúng rơi xuống đất, do bốn người bắn cung này bắn đi, những người dũng mãnh, lão luyện, thuần tay, thiện xảo về cung thuật".

4) -- Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Như vậy có vừa đủ chăng để gọi người nhanh nhẹn ấy đầy đủ với sự nhanh nhẹn tối thượng?

5) -- Bạch Thé Tôn, nếu chỉ từ một người bắn cung dũng mãnh, lão luyện, thuần tay, thiện xảo về cung thuật, có thể nắm bắt và đem lại một mũi tên được bắn đi, như vậy là vừa đủ để gọi người nhanh nhẹn ấy, đầy đủ với sự nhanh nhẹn tối thượng. Còn nói gì từ bốn người bắn tên, dũng mãnh, lão luyện, thuần tay, thiện xảo về cung thuật!

6) -- Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự nhanh nhẹn của người ấy. Và như vậy là sự nhanh nhẹn của mặt trăng, mặt trời, còn nhanh hơn sự nhanh nhẹn trước. Và như vậy, này các Tỷ-kheo là sự nhanh nhẹn của người ấy, và như vậy là sự nhanh nhẹn của mặt trăng, mặt trời, và như vậy là sự nhanh nhẹn của các chư Thiên chạy trước mặt trăng, mặt trời. Còn nhanh nhẹn hơn là sự biến diệt của thọ hành (thọ mạng của các sự vật).

7) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ sống không phóng dật".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

VII. Cái Chốt Trống (Tập 47.18, Cố, Đại 2, 315b) (S.ii,166)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2)-- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, dân chúng Dasàrahà có một cái trống tên là Anaka.

3) Khi cái trống Anaka bắt đầu nứt ra, dân chúng Dasàrahà đóng vào một cái chốt khác. Cho đến một thời gian, này các Tỷ-kheo, cả cái thùng ván của trống Anaka biến mất và chỉ còn lại những cái chốt tụ tập lại.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo sẽ thành trong tương lai.

5) Những bài kinh nào do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến không, họ sẽ không nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ không lóng tai; họ sẽ không an trú chánh tri tâm, và họ sẽ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải thấu đáo.

6) Còn những bài kinh nào do các thi sĩ làm, những bài thơ với những danh từ hoa mĩ, với những câu văn hoa mĩ, thuộc ngoại điển, do các đệ tử thuyết giảng, họ sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ lóng tai; họ sẽ an trú chánh tri tâm và họ sẽ nghĩ rằng, các pháp áy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các kinh do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến không sẽ đi đến tiêu diệt.

7) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Những bài kinh nào do Như Lai thuyết giảng, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến không, chúng tôi sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; chúng tôi sẽ lóng tai; chúng tôi sẽ an trú chánh tri tâm. Và chúng tôi sẽ nghĩ rằng, các pháp áy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

VIII. Cỏ Rơm (Tạp, Đại 2, 344b) (S.ii,267)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Vesàli (Tỳ-xá-ly), Mahàvana (Đại Lâm), Kuutàgàrasàlà (Trùng Các giảng đường).

2) Ở đây, Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". -- "Thưa vâng bạch Thé Tôn".

Các vị Tỷ-kheo áy vâng đáp Thé Tôn. Thé Tôn nói như sau:

3) -- Sông trên các gói rơm, này các Tỷ-kheo, là lối sông hiện nay của dân chúng Licchavi, không phóng dật, nhiệt tâm trong nhiệm vụ. Ajàtasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha không có được cơ hội, không có được đối tượng (để xâm lăng).

4) Trong tương lai, này các Tỷ-kheo, dân chúng Licchavi trở thành nhu nhược, tay chân mềm mỏng. Họ nằm trên những đầm mềm mại. Họ ngủ cho đến mặt trời mọc trên những gói bông. Ajàtasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, sẽ nắm được cơ hội, sẽ nắm được đối tượng (để xâm lăng).

5) Sóng trên các gói rơm, này các Tỷ-kheo, là nếp sông hiện nay của các Tỷ-kheo, không phóng dật, nhiệt tâm trong các nỗ lực. Ác ma không có cơ hội, không có đối tượng (để xâm lăng).

6) Trong tương lai, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sẽ trở thành nhu nhược, tay chân mềm mỏng. Họ nằm trên những đầm mềm mại. Họ ngủ cho đến mặt trời mọc trên những gói bông. Ác ma sẽ nắm được cơ hội, sẽ nắm được đối tượng (để xâm lăng).

7) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ sống trên những gói rơm, không phóng dật, nhiệt tâm trong nỗ lực".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

IX. Voi (Tạp, Đại 2, 284a) (Biệt Tạp 122. Đại 2, 380c) (S.ii,268)

1) Tại ngôi vườn ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ, một vị tân Tỷ-kheo đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ. Các Tỷ-kheo nói với Tỷ-kheo áy:

-- Tôn giả chó có đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ.

3) Được nói vậy, vị Tỷ-kheo ấy nói:

-- Những Tỷ-kheo Trưởng lão này nghĩ rằng, họ có thể đi đến các gia đình. Sao không phải ta?

4) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... rồi ngồi xuống một bên.

5) Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, có người tân Tỷ-kheo đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ. Các Tỷ-kheo nói với Tỷ-kheo ấy: "Tôn giả chó có đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ". Được các Tỷ-kheo nói vậy, Tỷ-kheo ấy nói: "Những Trưởng lão Tỷ-kheo này nghĩ rằng họ có thể đi đến các gia đình. Sao không phải ta?"

6) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, gần một hồ nước lớn, tại một khu rừng, các con voi sống ở đấy. Chúng lặn xuống hồ, lấy vòi nhỏ lên các củ và rễ sen, rửa chúng thật sạch, làm cho chúng sạch bùn rồi ăn chúng. Nhờ vậy, các con voi ấy được dung sắc và sức mạnh, và không vì nhân duyên ấy những con voi đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

7) Được huấn luyện theo các con voi lớn ấy, này các Tỷ-kheo, các con voi trẻ và nhỏ lặn xuống hồ, lấy vòi nhỏ lên các củ, rễ sen, không rửa chúng thật sạch, không làm cho chúng sạch bùn rồi ăn chúng. Do vậy, các con voi ấy không được dung sắc và sức mạnh, và vì nhân duyên ấy những con voi đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

8) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây các Trưởng lão Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khất thực. Tại đây họ thuyết pháp. Các gia chủ hoan hỷ làm bồn phận của mình với các vị ấy. Các Tỷ-kheo ấy thọ dụng các lợi đắc, không tham trước, không say đắm, không phạm tội, thấy những nguy hiểm, hiểu sự xuất ly với trí tuệ. Nhờ vậy, các Tỷ-kheo ấy được dung sắc và sức mạnh, và không vì nhân duyên ấy họ đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

9) Nhưng này các Tỷ-kheo, được huấn luyện theo các Trưởng lão Tỷ-kheo, các tân Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn để khất thực.

10) Tại đây, các vị thuyết pháp. Các gia chủ hoan hỷ làm bồn phận của mình. Các Tỷ-kheo ấy thọ dụng các lợi đắc, tham trước, say đắm, phạm tội, không thấy sự nguy hiểm, không hiểu sự xuất ly với trí tuệ. Do vậy, các vị Tỷ-kheo ấy không được dung sắc và sức mạnh, và vì nhân duyên ấy họ đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

11) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ thọ dụng các lợi đắc, không tham đắm, không say mê, không phạm tội, thấy những nguy hiểm, hiểu rõ sự xuất ly với trí tuệ".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

X. Con Mèo (Tập, Đại 2, 345c) (S.ii,270)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ có Tỷ-kheo thường dùng quá nhiều thì giờ giữa các gia đình. Các Tỷ-kheo nói với vị ấy: "Tôn giả chó có dùng quá nhiều thì giờ giữa các gia đình".

3) Tỷ-kheo ấy được các Tỷ-kheo nói vậy, tâm không hoan hỷ.

4) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thê Tôn... và bạch Thê Tôn:

5) -- Ở đây, bạch Thê Tôn, có Tỷ-kheo thường dùng quá nhiều thì giờ giữa các gia đình. Các Tỷ-kheo nói với vị ấy: "Tôn giả chớ có dùng quá nhiều thì giờ giữa các gia đình". Tỷ-kheo ấy được các Tỷ-kheo nói vậy, tâm không hoan hỷ.

6) -- Thuở xưa, nay các Tỷ-kheo, có con mèo đứng rình con chuột bên cạnh một đống rác tại một ống công và nghĩ rằng: "Nếu có một con chuột nhất nào đi kiếm ăn chạy ra, ta sẽ bắt lấy và ăn thịt".

7) Rồi nay các Tỷ-kheo, có con chuột nhất vì kiếm ăn chạy ra. Và con mèo ấy bắt lấy nó, mau chóng hành động (sankharirva) và nuốt nó. Và con chuột nhất ấy cắn ruột, cắn phủ tạng con mèo. Do nhân duyên ấy, con mèo đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

8) Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, ở đây, một số Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khát thực, thân không phòng hộ, lời nói không phòng hộ, tâm không phòng hộ, niệm không an trú, các căn không chế ngự.

9) Ở đây, các vị ấy thấy các phụ nữ mặc không đứng đắn, hay mặc không kín đáo. Sau khi các vị ấy thấy các phụ nữ mặc không đứng đắn, hay mặc không kín đáo, tham dục não hại tâm. Các vị ấy bị tham dục não hại tâm, đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

10) Đây là sự chết, nay các Tỷ-kheo, trong giới luật của bậc Thánh, tức là sự từ bỏ học giới và hoàn tục. Đây là đau khổ gần như chết, nay các Tỷ-kheo, tức là sự vi phạm một uế tội, một tội phạm còn có thể tuyên bố xuất gỡ được.

11) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Phòng hộ thân, phòng hộ lời nói, phòng hộ tâm, an trú chánh niệm, chế ngự các căn, chúng tôi sẽ đi vào làng hay thị trấn để khát thực".

Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

XI. Con Chó Rừng (Giả-can) (Tập 47.22. Đại 2, 346a) (S.ii,271)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Các Ông có nghe chăng, nay các Tỷ-kheo, trong ban đêm khi trời gần sáng, con giả-can đang tru lớn tiếng?

-- Thưa có, bạch Thê Tôn.

3) -- Đó là con-giả can, nay các Tỷ-kheo, bị mắc bệnh ghẻ lở. Chỗ nào nó muốn đi, chỗ nào nó muốn đứng, chỗ nào nó muốn ngồi, chỗ nào nó muốn nằm, gió lạnh buốt thổi lên trên nó.

4) Lành thay, nay các Tỷ-kheo, nếu ở đây có người nào, tự cho là Thích tử, lại có thể cảm thọ được một trạng huống tự ngã như vậy.

5) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ không phóng dật".

6) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

XII. Con Giả Can (S.ii,272)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) -- Các Ông có nghe chǎng, này các Tỷ-kheo, trong ban đêm lúc gǎn sáng, có con giả-can tru lớn tiếng?
-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.
- 3) -- Rất có thể, này các Tỷ-kheo, trong con giả-can già áy, có nhiều biết ơn, có nhiều cảm tạ, hơn là ở đây trong một người tự xung là Thích tử về biết ơn và về cảm tạ!
- 4) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ biết ơn, cảm tạ. Dầu cho có chút ít gì làm giữa chúng tôi, chúng tôi cũng không để cho mất đi".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

-ooOoo-

CHƯƠNG X
21. TƯƠNG ƯNG TỶ KHEO

I. Kolita (Tập, Đại 2, 132a) (S.ii,273)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Tại đây, Tôn giả Mahà Moggallàna (Đại Mục-kiền-liên) gọi các Tỷ-kheo:

-- Này các Hiền giả Tỷ-kheo.

-- Thura vāng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo áy vāng đáp Tôn giả Mahà Moggallàna.

3) Tôn giả Mahà Moggallàna nói:

-- Ở đây, này Hiền giả, trong khi tôi độc trú tĩnh cư, tâm tưởng tư duy như sau được khởi lên: "Thánh im lặng được gọi là Thánh im lặng. Thế nào là Thánh im lặng?"

4) Rồi này các Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo diệt tầm và tú, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tú, nội tĩnh nhất tâm". Như vậy gọi là Thánh im lặng.

5) Rồi này các Hiền giả, tôi diệt tầm và tú, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tú, nội tĩnh nhất tâm. Nay các Hiền giả, khi tôi an trú với sự an trú như vậy, các tưởng câu hữu với tầm, các tác ý hiện khởi và hiện hành.

6) Rồi này các Hiền giả, Thέ Tôn bằng thàn thông đến với tôi và nói: "Moggallàna, Moggallàna, chớ có phóng dật. Nay Bà-la-môn, đối với Thánh im lặng, hãy an trú tâm vào Thánh im lặng, hãy chú nhất tâm vào Thánh im lặng, hãy chú định tâm vào Thánh im lặng".

7) Rồi này các Hiền giả, sau một thời gian, tôi diệt tầm và tú, chứng và trú vào Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tú, nội tĩnh nhứt tâm. Nay các Hiền giả, nếu ai nói một cách chơn chánh, sẽ nói như sau: "Được bậc Đạo Sư hỗ trợ, vị đệ tử chứng đạt đại thắng trí". Người áy nói một cách chơn chánh, sẽ nói về tôi: "Được bậc Đạo Sư hỗ trợ, vị đệ tử chứng đạt đại thắng trí".

II. Upatissa... (S.ii,274)

1) Nhơn duyên ở Sàvatthi.

2) Tại đây, Tôn giả Sàriputta gọi các Tỷ-kheo:

-- Này các Hiền giả Tỷ-kheo.

-- Thura vāng, Hiền giả.

Các vị Tỷ-kheo áy vâng đáp Tôn giả Sàriputta.

3) Tôn giả Sàriputta nói:

-- Ở đây, này các Hiền giả, trong khi tôi độc trú tĩnh cư, tâm tưởng tư duy như sau được khởi lên: "Có cái gì trong đời, khi bị biến hoại, trạng huống đổi khác, có thể khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não?".

Rồi này các Hiền giả, tôi suy nghĩ: "Không có cái gì trong đời, khi bị biến hoại, trạng huống đổi khác, có thể khởi lên nơi ta sầu bi khổ ưu não".

4) Khi được nói vậy, Tôn giả Ananda nói với Tôn giả Sàriputta:

-- Bậc Đạo Sư, này Hiền giả Sàriputta, khi bị biến hoại, trạng huống đổi khác, có thể khởi lên nơi Hiền giả sầu, bi, khổ, ưu, não.

5) -- Bậc Đạo Sư, này Hiền giả Ananda, khi bị biến hoại, trạng thái đổi khác, không có thể khởi lên nơi ta sầu bi khổ ưu não. Nhưng ta có thể suy nghĩ: "Mong rằng bậc Đại Thê Lực, bậc Đạo Sư có đại thần thông, có đại uy lực chớ có biến diệt! Nếu bậc Thê Tôn ấy an trú lâu dài, thời như vậy thật là hạnh phúc cho quần sanh, thật là an lạc cho quần sanh, vì lòng từ mẫn cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người".

6) -- Như vậy đối với Tôn giả Sàriputta, ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên được khéo đoạn trừ đã lâu ngày.

7) Do vậy, đối với Tôn giả Sàriputta, dù cho bậc Đạo Sư có biến hoại, trạng huống có đổi khác, cũng không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

III. Cái Ghè (Tập 18-14 Tịch Diệt, Đại 2, 132c) (S.ii,275)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thê Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cáp Cô Độc).

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Sariputta và Tôn giả Mahà Moggallàna cùng ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm) tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc, chung một tịnh xá.

3) Rồi Tôn giả Sàriputta, từ chỗ độc cư Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahà Moggallàna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahà Moggallàna những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu bèn ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Mahà Moggallàna:

-- Này Hiền giả Moggallàna, các căn của Hiền giả thật là tịch tịnh; sắc mặt thật là thanh tịnh, trong sáng. Có phải hôm nay Tôn giả Mahà Moggallàna an trú với sự an trú tịnh lạc?

-- Thưa Hiền giả, hôm nay tôi an trú với sự an trú thô thiển. Tôi có được một cuộc pháp thoại.

5) -- Với ai, Tôn giả Mahà Moggallàna có được một cuộc đàm luận về Chánh pháp?

-- Thưa Hiền giả, tôi có một cuộc pháp thoại với Thέ Tôn.

6) -- Ở xa, thưa Hiền giả, là Thέ Tôn. Hiện nay Thέ Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika. Có phải Tôn giả Mahà Moggallàna đi đến Thέ Tôn bằng thần thông hay Thέ Tôn đi đến Tôn giả Mahà Moggallàna bằng thần thông?

7) -- Thưa Hiền giả, tôi không đi đến Thέ Tôn bằng thần thông. Và Thέ Tôn cũng không đi đến tôi bằng thần thông. Tôi như thế nào thời Thέ Tôn được thiên nhãn thanh tịnh, cả thiên nhĩ nữa như vậy! Thέ Tôn như thế nào thời tôi được thiên nhãn thanh tịnh, cả thiên nhĩ nữa như vậy.

8) -- Như thế nào là cuộc pháp thoại giữa Tôn giả Mahà Moggallàna với Thέ Tôn?

9) -- Ở đây, thưa Hiền giả, tôi bạch với Thέ Tôn:

"-- Bạch Thέ Tôn ở đây tinh cần, tinh tấn, được gọi là tinh cần, tinh tấn. Như thế nào bạch Thέ Tôn là tinh cần, tinh tấn?".

10) Khi được nói vậy, thưa Hiền giả, Thέ Tôn nói với tôi:

"-- Ở đây, này Moggallàna, Tỳ-kheo sống tinh cần, tinh tấn: 'Dầu cho da, dây gân và xương có khô héo, dầu thịt và máu có héo tàn trên thân tôi, cái gì có thể lấy sức lực của người, tinh tấn của người, nỗ lực của người có thể đạt được; nếu chưa đạt được, thời tinh tấn sẽ không bao giờ dừng nghỉ'. Như vậy, này Moggallàna, là sự tinh cần, tinh tấn".

11) Như vậy, này Hiền giả, là cuộc pháp thoại giữa Thέ Tôn và tôi.

12) Ví như, này Hiền giả, một đồng hòn sạn nhỏ đem đặt dài theo Hy-mã-lạp sơn, vua các loài núi. Cũng vậy, là chúng tôi được đem đặt dài theo Tôn giả Mahà Moggallàna. Mong rằng Tôn giả Mahà Moggallàna, bậc đại thần thông, đại uy lực, nếu muôn hấy sống cho đến một kiếp.

13) Ví như, này Hiền giả, một nắm muối nhỏ được đem đặt dài theo một ghè muối lớn. Cũng vậy, là chúng tôi được đem đặt dài theo Tôn giả Sàriputta.

14) Tôn giả Sàriputta được Thέ Tôn dùng nhiều phương tiện xung tán, tán thán, tán dương:

*Như vị Xá-lợi-phát,
Về trí tuệ, giới luật,
Và cả về tịch tịnh,
Ông là bậc đệ nhất.
Tỳ-kheo đạt bi ngạn,
Cũng là bậc tối thượng.*

15) Như vậy, hai bậc Long Tượng áy (Nàgà) cùng nhau hoan hỷ, tán thán trong câu chuyện khéo nói, khéo thuyết.

IV. Tân Tỷ Kheo (Đại 2, 277c, 376a) (S.ii,277)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ, một tân Tỷ-kheo sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, đi vào tịnh xá, rảnh rỗi,

yên lặng, phân vân (không biết làm gì), không phụ việc với các Tỷ-kheo trong thời gian may y.

3) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo áy bạch Thé Tôn:

-- Ở đây, bạch Thé Tôn, có một tân Tỷ-kheo sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, đi vào tịnh xá, rảnh rỗi, im lặng, phân vân (không biết làm gì) không phụ việc với các Tỷ-kheo trong thời gian may y.

5) Rồi Thé Tôn gọi một Tỷ-kheo:

-- Hãy đến, này Tỷ-kheo, nhân danh Ta, hãy gọi Tỷ-kheo áy và nói: "Này Hiền giả, bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả".

6) -- Thưa vâng, bạch Thé Tôn.

Tỷ-kheo áy vâng đáp Thé Tôn, đi đến Tỷ-kheo kia; sau khi đến nói với Tỷ-kheo áy:

-- Thưa Hiền giả, bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả.

7) -- Thưa vâng, này Hiền giả.

Tỷ-kheo áy vâng đáp Tỷ-kheo kia, đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.

8) Thé Tôn nói với Tỷ-kheo đang ngồi xuống một bên:

-- Có thật chăng, này Tỷ-kheo, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về, sau khi vào tịnh xá, Ông rảnh rỗi, im lặng, phân vân (không biết làm gì), không phụ việc với các Tỷ-kheo trong thời gian may y?

-- Bạch Thé Tôn, con làm việc của con.

9) Rồi Thé Tôn, với tâm của mình biết tâm Tỷ-kheo áy, liền gọi các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, các Ông chó có bức phiền với Tỷ-kheo này. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này chứng được không có khó khăn, chứng được không có mệt nhọc, chứng được không phiền phúc bốn Thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú. Vì áy còn tự mình ngay trong hiện tại, chứng tri, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này, con các lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

10) Thé Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ sau khi nói xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Kẻ sống buông thả này,
Kẻ ít nghị lực này,
Không thể đạt Niết-bàn,
Giải thoát mọi khổ đau.
Vị Tỷ-kheo trẻ này,
Là một người tối thượng,
Chiến thắng ma quân xong,
Thọ trì thân tôi hậu.*

V. Thiện Sanh (Tạp, Đại 2, 276a, 374a) (S.ii,278)

- 1) Trú ở Sàvatthi.
- 2) Rồi Tôn giả Sujàta đi đến Thệ Tôn.
- 3) Thệ Tôn thấy Tôn giả Sujàta từ đằng xa đi đến; thấy vậy, liền gọi các Tỷ-kheo:
- 4) -- Cả hai phương diện, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử này thật sự chói sáng. Vị ấy đẹp trai, ura nhìn, khả ái, đầy đủ với nhan sắc tối thượng. Vị ấy còn ngay trong hiện tại tự mình chứng tri, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, mà vì mục đích này, con các lương gia chơn chánh xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.
- 5) Thệ Tôn nói như vậy xong... Bậc Đạo Sư, lại nói thêm:

*Tỷ-kheo này sáng chói,
Với tâm tư chánh trực,
Ly kiết sử, ly ách,
Không chấp, không sanh lai,
Chiến thắng ma quân xong,
Thọ trì thân tối hậu.*

VI. Bhaddi (Tạp 38.2, Ó Sắc, Đại 2, 276a, 374a) (S.ii,279)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) Rồi Tôn giả Lakuntaka Bhaddiya đi đến Thệ Tôn.
- 3) Thệ Tôn thấy Tôn giả Lakuntaka Bhaddiya từ xa đi đến; sau khi thấy, liền gọi các Tỷ-kheo:
- 4) -- Các Ông có thấy không, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kia đang đi đến, xấu xí, khó nhìn, còm lưng, bị các Tỷ-kheo khinh miệt?
- Thưa có, bạch Thệ Tôn.
- 5) -- Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, có đại thần thông, có đại uy lực. Thật không dễ gì đạt được chứng đắc mà trước kia vị Tỷ-kheo ấy chưa đắc. Và cả đến mục đích mà con một lương gia xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình. Tức vị ấy còn tự mình, ngay trong hiện tại, chứng tri, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này, con các lương gia xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.
- 6) Thệ Tôn thuyết như vậy, Bậc Thiện Thệ nói xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Thiên nga, cò, chim, công,
Voi và nai có chấm,
Tất cả sơ sوز tử,
Dầu thân không đồng đều.
Cũng vậy, giữa loài Người,
Nếu kẻ có trí tuệ,
Ở đây vị ấy lớn,*

Không như thân kẻ nghe.

VII. Visàkha (Tập, 38.8, Ban Xà Văn, Đại 2, 277b,377c) (S.ii,280)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Vesàli (Tỳ-xá-ly), tại Mahàvana (Đại Lâm) chỗ Trùng Các giảng đường.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Visàkha, thuộc dòng họ Pancàla, trong giảng đường đang thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, với những lời lẽ độ, thân hữu, không phun nước miếng, giải thích nghĩa lý, thích hợp, không chấp trước.

3) Rồi Thé Tôn vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến giảng đường; sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

4) Sau khi ngồi, Thé Tôn bảo các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, trong hội trường, ai đã thuyết giảng pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, với những lời lẽ độ, thân hữu, không phun nước miếng, giải thích nghĩa lý, thích hợp, không chấp trước?

5) -- Bạch Thé Tôn, Tôn giả Visàkha thuộc dòng họ Pancàla, trong hội trường thuyết giảng pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, với những lời lẽ độ, thân hữu, không phun nước miếng, giải thích nghĩa lý, thích hợp, không chấp trước.

6) Rồi Thé Tôn cho gọi Tôn giả Visàkha, thuộc dòng họ Pancàla và nói:

-- Lành thay, lành thay, Visàkha! Lành thay, này Visàkha! Ông thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ... không chấp trước.

7) Thé Tôn thuyết như vậy, bậc Thiện Thệ thuyết như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Họ biết bậc Hiền triết,
Khi vị này lẩn lộn,
Với các kẻ ngu si,
Đầu vị này không nói.
Và họ biết vị ấy,
Khi vị này nói lên,
Nói lên lời thuyết giảng,
Liên hệ đến bất tử;
Hãy để vị ấy nói,
Làm sáng chói Chánh pháp;
Hãy để vị nêu cao
Lá cờ các bậc Thánh.
Lá cờ bậc Hiền Thánh,
Là những lời khéo nói,
Lá cờ bậc Hiền Thánh,
Chính là lời Chánh pháp.*

VIII. Nanda (Đại, 2, 277a, 375a) (S.ii,281)

- 1) Trú ở Sàvatthi.
- 2) Rồi Tôn giả Nanda, con di mẫu của Phật, đắp những y khéo ủi, khéo là, bôi vẽ mắt, cầm bát sáng chói, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Thế Tôn nói với Tôn giả Nanda đang ngồi xuống một bên:

3) -- Như vậy không xứng đáng cho Ông, này Nanda, là con một lương gia, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại mang những y khéo ủi, khéo là, bôi vẽ con mắt và mang bát sáng chói. Như vậy là xứng đáng cho Ông, này Nanda, là con một lương gia, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là sống trong rừng, sống đi khất thực, sống mặc áo phán tảo, và sống không mong đợi các dục vọng.

- 4) Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Ta mong được nhìn thấy,
Nanda sống trong rừng,
Mặc áo phán tảo y,
Sống với những đồ ăn,
Biết là đã vứt bỏ,
Không mong chờ dục vọng.*

- 5) Rồi Tôn giả Nanda, sau một thời gian, trở thành một vị sống trong rừng, ăn đồ ăn khất thực, mang y phán tảo, không mong đợi các dục vọng.

IX. Tissa (Tập 38.7, Oa? Sư, Đại 2,277b, 375b. (S.ii,281)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
- 2) Rồi Tôn giả Tissa, cháu của phụ vương Thế Tôn đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên, khổ đau, sầu muộn, nước mắt tuôn chảy.
- 3) Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Tissa:
- Nay Tissa, vì sao Ông ngồi khổ đau, sầu muộn, nước mắt tuôn chảy?
- Vì rằng, bạch Thế Tôn, các vị Tỷ-kheo nhất loạt mắng nhiếc và nhạo báng con.
- Vì rằng, này Tissa, Ông nói tất cả và không kham nhẫn người khác nói.
- 6) Như vậy không xứng đáng cho Ông, này Tissa, là con một lương gia, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại nói tất cả và không kham nhẫn người khác nói. Như vậy là xứng đáng cho Ông, này Tissa, là con một lương gia, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là đã nói lời kham nhẫn người khác nói.

- 7) Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Sao Ông lại phẫn nộ?
Chớ có nên phẫn nộ,
Không phẫn nộ, Tissa,*

*Thật tốt đẹp cho Ông.
Hãy nghiệp phục phần nô,
Kiêu mạn và xan tham,
Hỡi Tissa, hãy sống,
Sóng đời sống Phạm hạnh.*

X. Tên Trưởng Lão (Tập 38.19, Trưởng Lão, Đại 2, 278a, 376b) (S.ii,282)

1) Một thời, Thέ Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ một Tỷ-kheo tên là Theranàmaka sống độc trú và tán thán hạnh sống độc trú. Vì ấy đi vào làng khát thực một mình, đi về một mình, ngồi vắng lặng một mình, đi kinh hành một mình.

3) Rồi các Tỷ-kheo đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo áy bạch Thέ Tôn:

-- Ở đây, bạch Thέ Tôn, có Tỷ-kheo tên là Theranàmaka sống độc trú và tán thán hạnh sống độc trú... đi kinh hành một mình.

5) Rồi Thέ Tôn bảo một Tỷ-kheo:

-- Này Tỷ-kheo, hãy đến, hãy nhân danh Ta gọi Tỷ-kheo Thera: "Này Hiền giả Thera, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

-- Thura vâng, bạch Thέ Tôn.

Tỷ-kheo áy vâng đáp Thέ Tôn rồi đi đến Tỷ-kheo Thera.

6) Sau khi đến, Tỷ-kheo áy nói với Tỷ-kheo Thera:

-- Này Hiền giả Thera, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả.

-- Thura vâng, Hiền giả.

Tôn giả Thera vâng đáp Tỷ-kheo áy và đi đến Thέ Tôn.

7) Sau khi đến, vị ấy đánh lễ Thέ Tôn và ngồi xuống một bên.

8) Thέ Tôn nói với Tôn giả Thera đang ngồi một bên:

-- Có thật chăng, này Thera, Ông sống độc trú và tán thán hạnh sống độc trú?

-- Thura có, bạch Thέ Tôn.

9) -- Như thế nào, này Thera, Ông sống độc trú và tán thán hạnh sống độc trú?

10) -- Ở đây, bạch Thέ Tôn, con đi vào làng khát thực một mình, con đi về một mình, con ngồi vắng lặng một mình, con đi kinh hành một mình. Như vậy, bạch Thέ Tôn, con sống độc trú và tán thán hạnh

sóng độc trú.

11) -- Đấy là sóng độc trú, này Thera, Ta không nói đây không phải vậy. Này Thera, có một cách làm viên mãn độc trú với các chi tiết. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

-- Thura vâng, bạch Thệ Tôn.

12) -- Này Thera, thế nào là độc trú được làm viên mãn với các chi tiết? Ở đây, này Thera, cái gì đã qua được đoạn tận; cái gì sắp đến được từ bỏ; đối với những tự ngã, lợi đắc hiện tại, dục tham được khéo nghiệp phục. Như vậy, này Thera, là độc trú được làm viên mãn với các chi tiết.

13) Thệ Tôn thuyết giảng như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Ai chiến thắng tất cả,
Ai hiểu biết tất cả,
Ai là bậc Thiện trí,
Mọi pháp không ô nhiễm.
Ai từ bỏ tất cả,
Ái tận được giải thoát,
Ta nói chính người ấy,
Thật là vị độc trú.*

XI. Kappina (S.ii,284)

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kappina đi đến Thệ Tôn.

3) Thệ Tôn thấy Tôn giả Mahà Kappina từ đường xa đi đến.

4) Sau khi thấy, Thệ Tôn liền gọi các Tỷ-kheo:

-- Các Ông có thấy không, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo kia đi đến, da bạc trắng, ôm yếu, với cái mũi cao?

-- Thura có, bạch Thệ Tôn.

5) -- Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, có đại thân thông, có đại uy lực. Thật không dễ gì đạt được sự chứng đắc mà trước kia vị Tỷ-kheo ấy chưa chứng đắc. Vị ấy còn ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, mà vì mục đích này, con các lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

6) Thệ Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Sát-ly là tối thượng,
Giữa mọi loài chúng sanh,
Với những ai nương tựa,
Vào vấn đề giao coppia.
Bậc Minh Hạnh cù túc,
Tối thượng giữa Trời, Người,*

*Ngày, mặt trời chói sáng,
Đêm, mặt trăng chói sáng,
Trong tấm áo chiến bào,
Sát-ly được chói sáng.
Trong Thiên định, Thiên tri,
Bà-là-môn chói sáng,
Nhưng suốt cả đêm ngày,
Phật chói sáng hào quang.*

XII. Thân Hữu (S.ii,285)

- 1) ... Trú ở Sàvatthi.
 - 2) Rồi hai Tỷ-kheo thân hữu, đệ tử của Tôn giả Mahà Kappina, đi đến Thê Tôn.
 - 3) Thê Tôn thấy hai Tỷ-kheo ấy từ đàng xa đi đến.
 - 4) Thấy vậy, Thê Tôn liền gọi các Tỷ-kheo:
 - Các Ông có thấy không, này các Tỷ-kheo, hai Tỷ-kheo thân hữu ấy đang đi tới, cả hai là đệ tử của Tôn giả Mahà Kappina?
 - Thưa có, bạch Thê Tôn.
 - 5) -- Hai Tỷ-kheo ấy có đại thần thông, có đại uy lực. Thật không dễ gì đạt được sự chứng đắc mà trước kia những Tỷ-kheo ấy chưa chứng đắc. Các vị ấy còn ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đắc và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, mà vì mục đích này, con các lương gia chon chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.
 - 6) Thê Tôn thuyết giảng như vậy, Thiện Thê nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:
- Tỷ-kheo thân hữu này,
Lâu ngày cùng chung sống,
Chung sống trong diệu pháp,
Diệu pháp, Phật thuyết giảng.

Tôn giả Kappina
Khéo léo huân luyện họ,
Trong Chánh pháp vi diệu,
Do bậc Thánh thuyết giảng.
Chiến thắng ma quân xong,
Thọ trì thân tối hậu.*

[HÉT TẬP II - TƯƠNG ƯNG BỘ]

**TẬP III: THIỀN UÂN
CHƯƠNG I
22. TƯƠNG ƯNG UÂN**

A. Năm Mươi Kinh Căn Bản**I. Phẩm Nakulapitā****I. Nakulapitā (Tập, 5.5 Trưởng Giả, Đại 2,33a) (Tăng 13.4, Đại 2,573a) (S.iii,1)**

1) **N**hư vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn sống giữa dân chúng Bhayga, tại núi Cá Sáu, rừng Bhesaka, vùn Nai.

2) Rồi gia chủ Nakulapitā đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Nakulapitā bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, con đã già, tuổi lớn, trưởng lão, cao niên, đã đạt đến tuổi thọ, thân bình hoạn, luôn luôn ốm đau. Bạch Thé Tôn, con không được thường thấy Thé Tôn và các vị Tỷ-kheo đáng kính. Bạch Thé Tôn, mong Thé Tôn hãy giáo giới cho con! Bạch Thé Tôn, mong Thé Tôn hãy giảng dạy cho con! Nhờ vậy, con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

4) -- Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thân của Gia chủ, này Gia chủ, là bình hoạn, ốm đau, bị nhiễm ô che đậy. Ai mang cái thân này, này Gia chủ, lại tự cho là không bình, dầu chỉ trong một giây phút; người ấy phải là người ngu! Do vậy, này Gia chủ, Gia chủ cần phải học tập như sau: "Dầu cho thân tôi có bình, tâm sẽ không bị bình". Như vậy, này Gia chủ, Gia chủ cần phải học tập.

5) Rồi gia chủ Nakulapitā sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thé Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thé Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Sàriputta rồi ngồi xuống một bên.

6) Tôn giả Sàriputta nói với gia chủ Nakulapitā đang ngồi một bên:

-- Này Gia chủ, tịch tịnh là các căn của Gia chủ; thanh tịnh và trong sáng là sắc diện của Gia chủ. Có phải hôm nay Gia chủ đối diện với Thé Tôn, được nghe pháp thoại?

-- Làm sao không thể như vậy được, thưa Tôn giả? Hôm nay, thưa Tôn giả, con được rưới với nước bất tử, nhờ Thé Tôn giảng cho pháp thoại!

-- Như thế nào, này Gia chủ, Gia chủ được rưới với nước bất tử, nhờ Thé Tôn giảng cho pháp thoại?

7) -- Ở đây, thưa Tôn giả, con đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thưa Tôn giả, con bạch Thé Tôn:

"-- Bạch Thé Tôn, con đã già, tuổi lớn, trưởng lão, cao niên, đã đạt đến tuổi thọ, thân bình hoạn, luôn luôn ốm đau. Bạch Thé Tôn, con không được thường thấy Thé Tôn và các Tỷ-kheo đáng kính. Bạch Thé Tôn, mong Thé Tôn giáo giới cho con! Bạch Thé Tôn, mong Thé Tôn giảng dạy cho con! Nhờ vậy con được hạnh phúc, an lạc lâu dài!"

Được nghe nói vậy, thưa Tôn giả, Thέ Tôn nói với con:

"-- Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thân của Gia chủ, này Gia chủ, là bịnh hoạn, ốm yếu, bị nhiễm ô che đậy. Ai mang cái thân này, này Gia chủ, lại tự cho là không bịnh, dẫu chỉ trong một giây phút; người ấy phải là người ngu! Do vậy, này Gia chủ, Gia chủ cần phải học tập như sau: 'Đầu thân tôi có bịnh, tâm sẽ không bị bịnh'!"

Như vậy, thưa Tôn giả, con được rưới với nước bất tử, nhờ Thέ Tôn giảng cho pháp thoại.

8) -- Nhưng này Gia chủ, Gia chủ có hỏi thêm Thέ Tôn như sau: "Cho đến như thế nào, bạch Thέ Tôn, là thân bị bịnh và tâm cũng bị bịnh? Cho đến như thế nào là thân bị bịnh, nhưng tâm không bị bịnh không?"

9) -- Thưa Tôn giả, con có thể đi đến thật xa để nghe tận mặt Tôn giả Sàriputta ý nghĩa của lời nói này. Lành thay, nếu được Tôn giả Sàriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này!

10) -- Vậy này Gia chủ, hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, ta sẽ nói.

-- Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Nakulapitá vâng đáp Tôn giả Sàriputta.

11) Tôn giả Sàriputta nói như sau:

-- Thέ nào, này Gia chủ, là thân bịnh và tâm bịnh?

12) Ở đây, này Gia chủ, có kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vị ấy bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta". Do bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta!" khi sắc biến hoại, đổi khác; do sắc biến hoại, đổi khác, nên vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu não!

13) Vị ấy quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Vị ấy bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta". Do bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta" khi thọ biến hoại, đổi khác; nên do thọ biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

14) Vị ấy quán tưởng như là tự ngã, hay tự ngã như là có tưởng, hay tưởng ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong tưởng. Vị ấy bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta". Do bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta" khi tưởng biến hoại, đổi khác; nên do tưởng biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

15) Vị ấy quán các hành như là tự ngã hay tự ngã như là có các hành, hay các hành ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong các hành. Vị ấy bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta". Do bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta" khi các hành biến hoại, đổi khác; do các hành biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

16) Vị ấy quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta" khi thức biến hoại, đổi khác; nên do thức biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

17) Như vậy, này Gia chủ, là thân có bệnh và tâm có bệnh.

18) Thế nào, này Gia chủ, là thân có bệnh nhưng tâm không có bệnh?

19) Ở đây, này Gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử hiểu rõ các bậc Thánh, tuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, hiểu rõ các bậc Chân nhân, tuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vị ấy không bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta" khi sắc biến hoại, đổi khác; nên không do sắc biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

20) Không quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Vị ấy không bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta" khi thọ biến hoại, đổi khác; nên không do thọ biến hoại, đổi khác, mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

21) Không quán tưởng như là tự ngã, hay tự ngã như là có tưởng, hay tưởng ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong tưởng. Vị ấy không bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta" khi tưởng biến hoại, đổi khác; nên không do tưởng biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

22) Không quán các hành như là tự ngã, hay tự ngã như là có hành, hay các hành ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong các hành. Vị ấy không bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta" khi các hành biến hoại, đổi khác; nên không do các hành biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

23) Không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy không bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta" khi thức biến hoại, đổi khác; nên không do thức biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

24) Như vậy, này Gia chủ, là thân có bệnh, nhưng tâm không có bệnh.

25) Tôn giả Sàriputta thuyết như vậy, gia chủ Nakulapită hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sàriputta thuyết.

II. Devadaha (Tập 5.6, Tây, Đại 2,33b) (Tăng 41.4, Đại 2,745b) (S.iii,5)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại một thị trấn của dân chúng Sakka tên là Devadaha.

2) Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo du hành ở phía Tây, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Chúng con muốn xin Thế Tôn cho phép chúng con đi đến quốc độ phương Tây. Chúng con muốn trú ở quốc độ phương Tây.

-- Nay các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo đã xin phép Sàriputta chưa?

-- Bạch Thé Tôn, chúng con chưa xin phép Tôn giả Sàriputta.

-- Này các Tỷ-kheo, vậy hãy xin phép Sàriputta. Sàriputta, này các Tỷ-kheo, là bậc Hiền trí, là người đỗ đầu các vị Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh.

-- Thura vâng, bạch Thé Tôn.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thé Tôn.

4) Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàriputta đang ngồi dưới cây ba đậu (elagalà: cassia), không xa Thé Tôn bao nhiêu.

5) Rồi các Tỷ-kheo áy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thé Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thé Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, các vị áy nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

6) Ngoài xuống một bên, các Tỷ-kheo áy nói với Tôn giả Sàriputta:

-- Chúng tôi muốn, thura Hiền giả Sàriputta, đi đến quốc độ phương Tây. Chúng tôi muốn trú ở quốc độ phương Tây. Bậc Đạo Sư đã cho phép chúng tôi.

7) -- Này các Hiền giả, có những người đặt câu hỏi với vị Tỷ-kheo thường đi các quốc độ khác nhau: Các Sát-đế-lị hiền trí, các Bà-la-môn hiền trí, các Gia chủ hiền trí, các Sa-môn hiền trí. Này chư Hiền giả, các bậc hiền trí với óc ưa quán sát (sẽ hỏi): "Bậc Đạo Sư của Tôn giả nói gì, tuyên bố gì? Pháp có được chư Tôn giả khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thâm nhập với trí tuệ không?" Để khi trả lời, các Tôn giả có thể lập lại các ý kiến của Thé Tôn, không có xuyên tạc Thé Tôn với điều không thật, có thể trả lời tùy pháp, đúng với Chánh pháp, và không để một vị đồng pháp nào, nói lời đúng pháp, có thể có lý do để quở trách.

8) -- Chúng tôi có thể đi đến thật xa, thura Tôn giả, để nghe tận mặt Tôn giả Sàriputta nói về ý nghĩa của lời nói này! Lành thay, nếu được Tôn giả Sàriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này!

9) -- Vậy này các Hiền giả, hãy lắng nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

-- Thura vâng, Tôn giả.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Tôn giả Sàriputta. Tôn giả Sàriputta nói như sau:

10) -- Này các Hiền giả, có những người đặt câu hỏi với vị Tỷ-kheo thường đi các quốc độ khác nhau: Các Sát-đế-lị hiền trí... các Sa-môn hiền trí. Này các Hiền giả, các bậc hiền trí với óc ưa quán sát (có thể hỏi): "Bậc Đạo Sư của Tôn giả nói gì, tuyên bố gì?" Được hỏi vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời: "Này các Hiền giả, bậc Đạo Sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham".

11) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm câu hỏi như sau: Có những vị Sát-đế-lị hiền trí... có những Sa-môn hiền trí. Này chư Hiền giả, các bậc hiền trí với óc ưa quán sát (có thể hỏi): "Đối với cái gì, bậc Đạo Sư của các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham?" Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời như sau: "Đối với sắc, này các Hiền giả, bậc Đạo Sư chúng tôi nói về sự điều phục dục và tham... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức, bậc Đạo Sư chúng tôi nói về sự điều phục dục và tham".

12) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm như sau: Các Sát-đé-lị hiền trí... các Sa-môn hiền trí. Các vị hiền trí có óc quán sát, này các Hiền giả, (có thể hỏi): "Nhưng thấy sự nguy hiểm gì, bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điệu phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành, bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điệu phục dục và tham đối với thức?" Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các Ông cần phải trả lời như sau: "Này các Hiền giả, đối với sắc, ai chưa viễn ly tham, chưa viễn ly dục, chưa viễn ly ái, chưa viễn ly khát, chưa viễn ly nhiệt tình, chưa viễn ly khát ái, khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức, ai chưa viễn ly tham, chưa viễn ly dục, chưa viễn ly ái, chưa viễn ly khát, chưa viễn ly nhiệt tình, chưa viễn ly khát ái, khi thóc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Này chư Hiền giả, do thấy sự nguy hiểm này đối với sắc mà bậc Đạo Sư của chúng tôi nói lên sự điệu phục dục và tham".

13) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm như sau: Các Sát-đé-lị hiền trí... các Sa-môn hiền trí. Các vị hiền trí có óc quán sát, này các Hiền giả, (có thể hỏi): "Nhưng thấy sự lợi ích gì, bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điệu phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành; bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điệu phục dục và tham đối với thức?" Được hỏi vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời như sau: "Đối với sắc, này các Hiền giả, ai đã viễn ly tham, đã viễn ly dục, đã viễn ly ái, đã viễn ly khát, đã viễn ly nhiệt tình, đã viễn ly khát ái, khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức, này các Hiền giả, ai đã viễn ly tham, đã viễn ly dục, đã viễn ly ái, đã viễn ly khát, đã viễn ly nhiệt tình, đã viễn ly khát ái, khi thóc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Do thấy sự lợi ích này, này các Hiền giả, bậc Đạo Sư của chúng tôi nói đến sự điệu phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành; bậc Đạo Sư của chúng tôi nói đến sự điệu phục dục và tham đối với thức".

14) Và này các Hiền giả, đạt được và an trú trong các bất thiện pháp và ngay trong đời sống hiện tại, sống được an lạc, không bị chướng ngại, không bị ưu não, không bị nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh thiện thú, đây không phải là sự đoạn tận các bất thiện pháp được Thệ Tôn tán thán.

15) Nhưng này các Hiền giả, vì rằng đạt được và an trú trong các bất thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện tại, sống bị đau khổ, bị chướng ngại, bị ưu não, bị nhiệt não và sau khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh ác thú. Do vậy, đây là sự đoạn tận các bất thiện pháp được Thệ Tôn tán thán.

16) Và này các Hiền giả, đạt được và an trú trong các thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện tại, sống đau khổ, bị chướng ngại, bị ưu não, bị nhiệt não, và sau khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh ác thú. Đây không phải là sự thành tựu các thiện pháp được Thệ Tôn tán thán.

17) Nhưng này các Hiền giả, vì rằng đạt được và an trú trong các thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện tại, sống được an lạc, không bị chướng ngại, không bị ưu não, không bị nhiệt não, và sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh thiện thú. Do vậy, đây là sự thành tựu các thiện pháp, được Thệ Tôn tán thán.

18) Tôn giả Sàriputta thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo áy hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sàriputta nói.

III. Hāliddikāni (Tập, 20.15, Kha-lê, Đại 2,144a) (S.iii,9)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Mahà Kaccàna (Ma-ha Ca-chiên-diên) sống giữa các dân chúng Avanti, tại Kulaghara bên bờ một vực núi.

2) Rồi gia chủ Hāliddikāni đi đến Tôn giả Mahà Kaccàna; sau khi đi đến, đánh lẽ Tôn giả Mahà Kaccàna rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Hāliddikāni nói với Tôn Giả Mahà Kaccàna :

- Thưa Tôn Giả , Thέ Tôn đã nói trong phẩm thứ tám, trong tập: "Các câu hỏi của Màgandiya" như sau:

*"Bậc Thánh bỏ gia đình,
Du hành không trú xứ,
Đối với dân trong làng,
Không tác thành hē lụy.
Tuyệt không các dục vọng,
Không ước vọng hão huyền,
Chấm dứt mọi tranh luận,
Bất cứ với một ai".*

Với lời nói vắn tắt này của Thέ Tôn, thưa Tôn giả, ý nghĩa cần phải hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

4) -- Sắc giới, này Gia chủ, là nhà của thức. Thức bị lòng tham sắc giới trói buộc, này Gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. Thọ giới, này Gia chủ, là nhà của thức. Thức bị lòng tham thọ giới trói buộc, này Gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. Tưởng giới, này Gia chủ, là nhà của thức. Thức bị lòng tham tưởng giới trói buộc, này Gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. Hành giới, này Gia chủ, là nhà của thức. Thức bị lòng tham hành giới trói buộc, này Gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. Thức giới, này Gia chủ, là nhà của thức. Thức bị lòng tham thức giới trói buộc, này Gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. Như vậy, này Gia chủ, là du hành có gia đình.

8) Và này Gia chủ, thế nào là du hành không gia đình?

9) Đói với sắc giới, này Gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ, là khát ái, những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiền chấp tùy miên; Như Lai đoạn tận chúng, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không gia đình.

10) Đói với thọ giới, này Gia chủ...

11) Đói với tưởng giới, này Gia chủ...

12) Đói với hành giới, này Gia chủ...

13) Đói với thức giới, này Gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ, là khát ái, những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiền chấp tùy miên; Như Lai đoạn tận chúng, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không gia đình.

14) Như vậy, này Gia chủ, là du hành không gia đình.

15) Như thế nào, này Gia chủ, là du hành có trú xứ? Bị trói buộc bởi an trú chấp trước (niketa-visàra) vào sắc tướng, này Gia chủ, gọi là du hành có trú xứ... vào thanh tướng... vào hương tướng... vào vị tướng... vào xúc tướng. Bị trói buộc bởi an trú chấp trước vào pháp tướng, này Gia chủ, gọi là du hành có trú xứ. Như vậy, này Gia chủ, là du hành có trú xứ.

16) Như thế nào là du hành không trú xứ? Sự trói buộc bởi an trú chấp trước vào sắc tướng, này Gia chủ, đối với Như Lai đã được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không trú xứ. Sự trói buộc bởi an trú chấp trước vào thanh tướng... vào hương tướng... vào vị tướng... vào xúc tướng... vào pháp tướng, này Gia chủ, đối với Như Lai đã được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không trú xứ.

17) Như vậy, này Gia chủ, là du hành không trú xứ.

18) Như thế nào, này Gia chủ, là tác thành hỷ lụy trong làng? Ở đây, này Gia chủ, có người sống thân mật với gia chủ, cùng vui, cùng buồn. Giữa những người sung sướng, vị ấy sung sướng. Giữa những người buồn khổ, vị ấy buồn khổ. Khi có công việc phải làm khởi lên, tự liên hệ mình vào các công việc ấy. Như vậy, này Gia chủ, là tác thành hỷ lụy trong làng.

19) Và như thế nào, này Gia chủ, là không tác thành hỷ lụy trong làng? Ở đây, này Gia chủ, vị Tỷ-kheo không sống quá thân mật với gia chủ, không cùng vui, không cùng buồn, không vui sướng giữa những người sung sướng, không buồn khổ giữa những người buồn khổ. Khi có công việc phải làm khởi lên, không tự mình liên hệ vào các công việc ấy. Như vậy, này Gia chủ, là không tác thành hỷ lụy trong làng.

20) Như thế nào, này Gia chủ, là không tuyệt không các dục vọng? Ở đây, này Gia chủ, có người không ly tham đối với các dục vọng, không ly dục, không ly ái, không ly khát, không ly nhiệt não, không ly khát ái. Như vậy, này Gia chủ, là không tuyệt không đối với các dục.

21) Như thế nào, này Gia chủ, là tuyệt không các dục vọng? Ở đây, này Gia chủ, có người ly tham đối với các dục, ly dục, ly ái, ly khát, ly nhiệt não, ly khát ái. Như vậy, này Gia chủ, là tuyệt không các dục.

22) Như thế nào, này Gia chủ, là hy vọng hão huyền? Ở đây, này Gia chủ, có người suy nghĩ như sau: "Mong rằng có sắc như vậy trong tương lai! Mong rằng có thọ như vậy trong tương lai! Mong rằng có tướng như vậy trong tương lai! Mong rằng có các hành như vậy trong tương lai! Mong rằng có thức như vậy trong tương lai!" Như vậy, này Gia chủ, là hy vọng hão huyền.

23) Như thế nào, này Gia chủ, là không hy vọng hão huyền? Ở đây, này Gia chủ, có người không có suy nghĩ như sau: "Mong rằng có sắc như vậy trong tương lai! Mong rằng có thọ như vậy trong tương lai! Mong rằng có tướng như vậy trong tương lai! Mong rằng có các hành như vậy trong tương lai! Mong rằng có thức như vậy trong tương lai!" Như vậy, này Gia chủ, là không hy vọng hão huyền.

24) Như thế nào, này Gia chủ, là tranh luận với người? Ở đây, này Gia chủ, có người nói như sau: "Ông không biết Pháp và Luật này. Ta biết Pháp và Luật này. Sao Ông có thể biết Pháp và Luật này? Ông đã phạm vào tà kiến. Ta mới thật đúng chánh kiến. Những điều đáng nói trước, Ông lại nói sau. Những điều đáng nói sau, Ông lại nói trước. Lời nói của ta mới tương ứng. Lời nói của Ông không tương ứng. Chủ kiến của Ông đã bị bài bác. Câu nói của Ông đã bị thách đố. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy. Ông đã bị thuyết bại. Nếu có thể được, hãy gắng thoát ra khỏi lối bí". Như vậy, này Gia chủ, là tranh luận với người.

25) Như thế nào, này Gia chủ, là không tranh luận với người? Ở đây, này Gia chủ, vị Tỷ-kheo không nói lời nói như sau: "Ông không biết Pháp và Luật này..... Hãy thoát ra khỏi lối bí". Như vậy, này Gia chủ, là không tranh luận với người.

26) Như vậy, này Gia chủ, Thê Tôn đã nói trong phẩm thứ tám, trong tập: "Các câu hỏi của Mågandiya"

như sau:

*"Bậc Thánh bỏ gia đình,
Du hành không trú xứ,
Đối với dân trong làng,
Không tác thành hê lụy.
Tuyệt không các dục vọng,
Không ước vọng hão huyền,
Chấm dứt mọi tranh luận,
Bất cứ với một ai".*

Với lời nói vắn tắt này của Thé Tôn, này Gia chủ, ý nghĩa cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy.

IV. Hàliddikàni (Tập 20.16 Kha-lê, Đại 2,144c) (S.iii,12)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Mahà Kaccàna sống giữa dân chúng Avanti, tại Kulaghara, bên bờ một vực núi.

2) Rồi gia chủ Hàliddikàni đi đến Tôn giả Mahà Kaccàna... rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Hàliddikàni nói với Tôn giả Mahà Kaccàna:

4) -- Thé Tôn đã nói trong tập Các Câu hỏi Của Sakka như vậy: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào được giải thoát với sự đoạn tận khát ái, những vị ấy đã hoàn toàn đạt được toàn thiện, đã hoàn toàn đạt được an ủn khỏi các khổ ách, đã hoàn toàn hành Phạm hạnh, đã hoàn toàn đạt được mục đích, là bậc tối thượng giữa loài Trời, loài Người". Với lời nói vắn tắt này của Thé Tôn, thưa Tôn giả, ý nghĩa cần phải hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

5) -- Đối với sắc giới, này Gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ, là khát ái, những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiên chấp, tùy miên; sự đoạn tận chúng, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ, từ khuốc chúng một cách hoàn toàn; như vậy gọi là tâm khéo giải thoát.

6) Đối với thọ giới, này Gia chủ...

7) Đối với tưởng giới, này Gia chủ...

8) Đối với hành giới, này Gia chủ...

9) Đối với thức giới, này Gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ, là khát ái, những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiên chấp, tùy miên; sự đoạn tận chúng, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ, từ khuốc chúng một cách hoàn toàn; như vậy gọi là tâm khéo giải thoát.

10) Như vậy, này Gia chủ, là ý nghĩa đã được Thé Tôn nói đến trong tập Các Câu hỏi Của Sakka: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào được giải thoát với sự đoạn tận khát ái, những vị ấy đã hoàn toàn đạt được toàn thiện, đã hoàn toàn đạt được an ủn khỏi các khổ ách, đã hoàn toàn hành Phạm hạnh, đã hoàn toàn đạt được mục đích, là bậc tối thượng giữa loài Trời và loài Người".

V. Thiền Định (Tập 3.7-8 Thọ, Đại 2,17a) (Tập 3.1. Sanh Diệt, Đại 2,15b) (Tập 3.2 Bất Thùra, Đại 2,15b) (S.iii,13)

- 1) Một thời Thέ Tôn trú tại Sàvatthi...
- 2) Tại đây, Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". -- "Thura vâng, bạch Thέ Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thέ Tôn. Thέ Tôn nói như sau:
 - Nay các Tỷ-kheo, hãy tu tập Thiền định. Vì Tỷ-kheo có Thiền định, này các Tỷ-kheo, hiểu biết một cách như thật.
- 3) Hiểu biết gì một cách như thật? Sắc tập khởi và đoạn diệt; thọ tập khởi và đoạn diệt; tưởng tập khởi và đoạn diệt; các hành tập khởi và đoạn diệt; thức tập khởi và đoạn diệt.
- 4) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là sắc tập khởi? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là tưởng tập khởi? Thế nào là các hành tập khởi? Thế nào là thức tập khởi?
- 5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú. Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước và an trú gì?
- 6) Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú sắc. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú sắc, hỷ đối với sắc khởi lên. Do hỷ đối với sắc, thủ đối với sắc khởi lên. Do duyên thủ đối với sắc, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.
- 7-10) Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú thọ... rồi an trú tưởng... rồi an trú các hành... rồi an trú thức. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú thức, hỷ khởi lên. Do hỷ đối với thức, thủ đối với thức khởi lên. Do duyên thủ đối với thức, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.
- 11) Nay các Tỷ-kheo, đây là sắc tập khởi, đây là thọ tập khởi, đây là tưởng tập khởi, đây là hành tập khởi, đây là thức tập khởi.
- 12) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc đoạn diệt, thế nào là thọ đoạn diệt, thế nào là tưởng đoạn diệt, thế nào là các hành đoạn diệt, thế nào là thức đoạn diệt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú.
- 13) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú gì? Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc, hỷ đối với sắc đoạn diệt. Do hỷ đối với sắc đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.
- 14) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ, hỷ đối với thọ đoạn diệt. Do hỷ đối với thọ đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.
- 15-16) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú tưởng... không đắm trước và an trú các hành. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú các hành, hỷ đối với các hành đoạn diệt. Do hỷ đối với các hành đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.
- 17) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thức. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thức, hỷ đối với thức đoạn diệt. Do hỷ đối với thức đoạn

diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

18) Nay các Tỷ-kheo, đây là sắc đoạn diệt, đây là thọ đoạn diệt, đây là tưởng đoạn diệt, đây là các hành đoạn diệt, đây là thức đoạn diệt.

VI. Tỉnh Mặc (Tập 3.7-8, Thọ, Đại 2,17a) (S.iii,15)

1) Nhân duyên tại Sàvatthi...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, hãy trú tâm, dán tâm vào tỉnh mặc. Nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có tỉnh mặc hiểu biết một cách như thật.

3) Hiểu biết gì một cách như thật? Sắc tập khởi và đoạn diệt; thọ tập khởi và đoạn diệt; tưởng tập khởi và đoạn diệt; các hành tập khởi và đoạn diệt; thức tập khởi và đoạn diệt (Như kinh trước, từ số 4 đến số 18).

VII. Chấp Thủ Và Ưu Não (Tập 2.11 Thủ Trước, Đại 2,10c) (S.iii,15)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về sự chấp thủ và ưu não, sự không chấp thủ và không ưu não. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

-- Thura vâng, bạch Thê Tôn.

Các vị Tỷ-kheo áy vâng đáp Thê Tôn.

3) Thê Tôn nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, thế nào là chấp thủ và ưu não?

4) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, người áy quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Đối với vị áy, sắc áy biến hoại và đổi khác. Đối với vị áy, khi sắc áy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của sắc. Các pháp ưu não sanh khởi do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của sắc sau khi xâm nhập tâm và an trú. Do tâm bị xâm chiếm nên khủng bố, chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.

5) Vị áy quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ trong tự ngã, hay tự ngã trong thọ. Đối với vị áy, thọ áy biến hoại và đổi khác. Đối với vị áy, khi thọ áy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ. Các pháp ưu não sanh khởi do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ sau khi xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm bị xâm nhập nên khủng bố (uttasavà), chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.

6-7) Vị áy quán tưởng như là tự ngã... vị áy quán các hành như là tự ngã, hay tự ngã như là có các hành, hay các hành trong tự ngã, hay tự ngã trong các hành. Đối với vị áy, các hành áy biến hoại và đổi khác. Đối với vị áy, khi các hành áy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của các hành. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của các hành sanh khởi sau khi xâm chiếm tâm

và an trú. Do tâm bị xâm chiếm nên khủng bố, chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.

8) Vị ấy quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức trong tự ngã, hay tự ngã trong thức. Đối với vị ấy, thức ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thức ấy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thức. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thức sanh khởi sau khi xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm bị xâm chiếm nên khủng bố, chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chấp thủ và ưu não.

10) Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là không chấp thủ và không ưu não?

11) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh, thuận thực pháp các bậc Thánh, khéo tu tập pháp các bậc Thánh, thấy rõ các bậc Chân nhân, thuận thực pháp các bậc Chân nhân, khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Đối với vị ấy, sắc ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi sắc ấy biến hoại và đổi khác, thức không tùy chuyển theo sự biến hoại của sắc. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của sắc không sanh khởi, không xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm không bị xâm chiếm nên không có khủng bố, không có chướng ngại, không có khát vọng khởi lên và ưu não.

12) Không quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Đối với vị ấy, thọ ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thọ ấy biến hoại và đổi khác, thức không tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ không sanh khởi, không xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm không bị xâm chiếm nên không có khủng bố, không có chướng ngại, không có khát vọng khởi lên và ưu não.

13) Không quán tưởng như là tự ngã...

14) Không quán các hành như là tự ngã...

15) Không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Đối với vị ấy, thức ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thức ấy biến hoại và đổi khác, thức không tùy chuyển theo sự biến hoại của thức. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thức không sanh khởi, không xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm không bị xâm chiếm nên không có khủng bố, không có chướng ngại, không có khát vọng khởi lên và ưu não.

16) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự không chấp thủ, không ưu não.

VIII. Chấp Thủ Và Ưu Não (Tập 2.12, Hị Trước, Đại 2,11a) (S.iii,18)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về sự chấp thủ và ưu não, sự không chấp thủ và không ưu não...

Thế Tôn nói như sau:

3) -- Này các Tỷ-kheo, thế nào là chấp thủ và ưu não?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu quán sắc: "Đây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của

tôi". Sắc áy của vị này biến hoại, đổi khác. Vị này khi sắc áy biến hoại, đổi khác, khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, nǎo.

- 5) ... quán thọ...
 - 6) ... quán tưởng....
 - 7) ... quán các hành...
 - 8) ... quán thíc: "Đây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi". Thíc áy của vị này biến hoại, đổi khác. Vị này khi thíc áy biến hoại, đổi khác, khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, nǎo.
 - 9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chấp thủ và ưu nǎo.
 - 10) Nay các Tỷ-kheo, như thế nào là không chấp thủ và không ưu nǎo?
 - 11) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử quán sắc: "Đây không phải của tôi, đây không phải là tôi, đây không phải là tự ngã của tôi". Sắc áy của vị này biến hoại, đổi khác. Vị này, khi sắc biến hoại, đổi khác, không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, nǎo.
 - 12) ... quán thọ: "Đây không phải của tôi.." .
 - 13) ... quán tưởng: "Đây không phải của tôi.." .
 - 14) ... quán các hành: "Đây không phải của tôi.." ..
 - 15) ... quán thíc: "Đây không phải của tôi, đây không phải là tôi, đây không phải tự ngã của tôi". Thíc áy của vị này biến hoại, đổi khác. Vị này, khi thíc áy biến hoại, đổi khác, không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, nǎo.
 - 16) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không chấp thủ, không ưu nǎo.
- IX. Ba Thời Là Vô Thường** (Tập 1.8 Quá Khứ, Đại 2,1c. Tập 3.29-30 Lược Thuyết, Đại 2,20a) (S.iii,19)
- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi...
 - 2) -- Nay các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc quá khứ không tiếc nuối (anapekkha), đối với sắc vị lai không hoan hỷ, đối với sắc hiện tại hướng đến yém ly, ly tham, đoạn diệt.
 - 3) Nay các Tỷ-kheo, thọ là vô thường...
 - 4) Nay các Tỷ-kheo, tưởng là vô thường...
 - 5) Nay các Tỷ-kheo, các hành là vô thường, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử đối với các hành quá khứ không tiếc nuối, đối với các hành vị lai không hoan hỷ, đối với các hành hiện tại hướng đến yém ly, ly tham, đoạn diệt.
 - 6) Nay các Tỷ-kheo, thíc là vô thường trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này

các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không tiếc nuối, đối với thức vị lai không hoan hỷ, đối với thức hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

X. Ba Thời Là Khô

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là khô, quá khứ, vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử, đối với sắc quá khứ không tiếc nuối, đối với sắc vị lai không hoan hỷ, đối với sắc hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham đoạn diệt.

3) Thọ, này các Tỷ-kheo, là khô...

4) Tưởng, này các Tỷ-kheo, là khô...

5) Các hành, này các Tỷ-kheo, là khô...

6) Thức, này các Tỷ-kheo, là khô, quá khứ, vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không tiếc nuối, đối với thức vị lai không hoan hỷ, đối với thức hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

XI. Ba Thời Là Vô Ngã (S.iii,20)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, quá khứ, vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Vị Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc quá khứ không tiếc nuối, đối với sắc vị lai không hoan hỷ, đối với sắc hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

3) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

4) Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

5) Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

6) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, quá khứ, vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Vị Đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không tiếc nuối, đối với thức vị lai không hoan hỷ, đối với thức hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

II. Phẩm Vô Thường

I. Vô Thường (Tập 1.1 Vô thường, Đại 2,1a) (S.iii,21)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvathi...

2) Tại đây...

3-6) -- Nay các Tỷ-kheo, sắc là vô thường..., thọ là vô thường..., tưởng là vô thường... các hành là vô

thường..., thức là vô thường.

7) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yém ly đối với sắc, yém ly đối với thọ, yém ly đối với tưởng, yém ly đối với các hành, yém ly đối với thức... Do yém ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Khô (S.iii,21)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-7) -- Nay các Tỷ-kheo, sắc là khô..., thọ là khô..., tưởng là khô..., các hành là khô..., thức là khô...

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

III. Vô Ngã (S.iii,21)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-7) -- Nay các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã..., thọ là vô ngã..., tưởng là vô ngã..., các hành là vô ngã..., thức là vô ngã...

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yém ly đối với sắc, yém ly đối với thọ, yém ly đối với tưởng, yém ly đối với các hành, yém ly đối với thức. Do yém ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

IV. Cái Gì Vô Thường (Tập 1.9, Vô Thường, Đại 2,2a) (S.iii,22)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3)-- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường; cái gì vô thường là khô; cái gì khô là vô ngã; cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

4) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường; cái gì vô thường là khô; cái gì khô là vô ngã; cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

5) Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

6) Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường; cái gì vô thường là khô; cái gì khô là vô ngã; cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yém ly đối với sắc... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

V. Cái Gì Khô (Tập 1.10 Vô Thường. Đại 2,2a) (S.iii,22)

1-2) Nhân duyên tại Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là khô. Cái gì khô là vô ngã; cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

4) Thọ, này các Tỷ-kheo, là khô...

5) Tưởng, này các Tỷ-kheo, là khô...

6) Các hành, này các Tỷ-kheo, là khô...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là khô. Cái gì khô là vô ngã; cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yêm ly đối với sắc... "...không còn trở lui trạng thái này nữa".

VI. Cái Gì Vô Ngã (S.iii,22)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì vô ngã; cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

4-6) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô ngã... Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô ngã... Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yêm ly đối với sắc... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

VII. Có Nhân Là Vô Thường (Tập 1.11 Nhân. Đại 2,2a) (S.iii,23)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi; cái ấy cũng vô thường. Sắc đã được cái vô thường làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể thường được?

4) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thọ sanh khởi; cái ấy cũng vô thường. Thọ đã được cái vô thường làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể thường được?

5) Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

6) Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi; cái ấy cũng

vô thường. Thức đã được cái vô thường làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể thường được?

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc... "... không còn trở lui với trạng thái này nữa".

VIII. Có Nhân Là Khô (Tập 1.12 Nhân. Đại 2,2b) (S.iii,23)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là khô. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi; cái ấy cũng khô. Sắc đã được cái khô làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể lạc được?

4) Thọ, này các Tỷ-kheo, là khô...

5) Tưởng, này các Tỷ-kheo, là khô...

6) Các hành, này các Tỷ-kheo, là khô...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là khô. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi; cái ấy cũng khô. Thức đã được cái khô làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể lạc được?

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc... "... không còn trở lui với trạng thái này nữa".

IX. Có Nhân Là Vô Ngã (S.iii,23)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi; cái ấy cũng vô ngã. Sắc đã được cái vô ngã làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu là ngã được?

4-6) Thọ... Tưởng... Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi; cái ấy cũng vô ngã. Thức đã được cái vô ngã làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu là ngã được?

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc... "... không còn trở lui với trạng thái này nữa".

X. Ananda (S.iii,24)

1) Ở tại Sàvatthi... trong vườn...

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Ananda đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thέ Tôn:

-- "Đoạn diệt, đoạn diệt", bạch Thέ Tôn, chúng con được nghe nói đến. Do đoạn diệt những pháp nào, bạch Thέ Tôn, được gọi là đoạn diệt?

4) -- Sắc, này Ananda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của sắc được gọi là đoạn diệt.

5) Thọ, này Ananda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của thọ được gọi là đoạn diệt.

6-7) Tưởng, này Ananda, là vô thường... Các hành, này Ananda, là vô thường...

8) Thức, này Ananda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của thức được gọi là đoạn diệt.

9) Sự đoạn diệt của những pháp này, này Ananda, được gọi là đoạn diệt.

III. Phẩm Gánh Nặng

I. Gánh Nặng (Tập, 2.3, Trọng Đởm. Đại 2,19a) (Tăng 25.4, Đại 2,631c) (S.iii,25)

1-2) Ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về gánh nặng, mang gánh nặng lên, đặt gánh nặng xuống. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

4) Này các Tỷ-kheo, thế nào là gánh nặng? Năm thủ uẩn là câu trả lời. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thô thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là gánh nặng.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kẻ mang gánh nặng? Người là câu trả lời. Vị Tôn giả này có tên như thế này, dòng họ như thế này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ mang gánh nặng!

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là mang gánh nặng lên? Chính là tham ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, đi tìm hỷ lạc chỗ này, chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là mang gánh nặng lên.

7) Này các Tỷ-kheo, thế nào là đặt gánh nặng xuống? Đây là sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn, sự từ bỏ, sự xả ly, sự giải thoát, sự không chấp thủ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đặt gánh nặng xuống.

8) Thế Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Năm uẩn là gánh nặng,
Kẻ gánh nặng là người;
Mang lấy gánh nặng lên,
Chính là khổ ở đời.
Còn đặt gánh nặng xuống,
Tức là lạc (không khổ),
Đặt gánh nặng xuống xong,
Không mang thêm gánh khác.
Nếu nhớ khát ái lên,
Tận cùng đến gốc rễ,
Không còn đói và khát,
Được giải thoát tịnh lạc!

II. Liễu Tri (Parinna) (Tập 3.22 Trì Pháp. Đại 2,19a)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết những pháp cần phải liễu tri, phải được liễu tri. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói...

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải liễu tri? Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp cần phải liễu tri, thọ là pháp cần phải liễu tri, tưởng là pháp cần phải liễu tri, các hành là pháp cần phải liễu tri, thức là pháp cần phải liễu tri. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là những pháp cần phải liễu tri.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là liễu tri? Nay các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si, này các Tỷ-kheo, được gọi là liễu tri.

III. Thắng Tri (Tập 1.3, Vô Tri. Đại 2,1a) (S.iii,27)

1-2) Nhân duyên tại Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, do không thắng tri sắc, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ, nên không có thể đoạn tận khổ.

4) Nay các Tỷ-kheo, do không thắng tri thọ...

5-6) Nay các Tỷ-kheo, do không thắng tri tưởng... không thắng tri các hành...

7) Nay các Tỷ-kheo, do không thắng tri thức, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ, nên không có thể đoạn tận khổ.

8) Nay các Tỷ-kheo, do thắng tri sắc, liễu tri, ly tham, từ bỏ, nên có thể đoạn tận khổ.

9-11) Nay các Tỷ-kheo, do thắng tri thọ... thắng tri tưởng... thắng tri các hành...

12) Nay các Tỷ-kheo, do thắng tri thức, liễu tri, ly tham, từ bỏ, nên có thể đoạn tận khổ.

IV. Dục Tham (Tập 3.27 Tham, Đại 2,19c) (S.iii,27)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Dục và tham (chandaràga) đối với sắc, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy, sắc ấy sẽ được đoạn trừ, nhổ tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

4) Dục và tham đối với thọ, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy, thọ ấy sẽ được đoạn trừ, nhổ tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

5) Dục và tham đối với tưởng...

6) Dục và tham đối với các hành...

7) Dục và tham đối với thức, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy, thức ấy sẽ được đoạn trừ, nhổ tận

gốc rẽ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

V. Vị Ngọt (Tập 1.14, Vị, Đại 2,2c) (S.iii,27)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỳ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau:

4) "Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của sắc? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thọ? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của tưởng? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của các hành? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thức?"

5) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:

6) "Do duyên sắc, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của sắc. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của sắc; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của sắc. Sự nghiệp phục dục và tham đói với sắc, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là xuất ly của sắc".

7) "Do duyên thọ, lạc hỷ sanh.." ..

8) "Do duyên tưởng, lạc hỷ sanh.." .

9) "Do duyên các hành, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của các hành. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của các hành; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của các hành. Sự nghiệp phục dục và tham đói với hành, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuất ly của các hành".

10) "Do duyên thức, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của thức. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của thức; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của thức. Sự nghiệp phục dục và tham đói với thức, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuất ly của thức".

11) Nay các Tỳ-kheo, cho đến khi nào đói với năm thủ uẩn này, Ta chưa như thật thăng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các Tỳ-kheo, Ta không tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác đói với thế giới gồm có Thiên, Ma, Phạm thiên, đói với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

12) Nhưng này các Tỳ-kheo, khi nào đói với năm thủ uẩn này, Ta như thật thăng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác đói với thế giới gồm có Thiên, Ma, Phạm thiên, đói với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

13) Và tri kiến như sau khởi lên nơi Ta:

"Tâm Ta giải thoát, bất động. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

VI. Vị Ngọt (S.iii,29)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của sắc. Vị ngọt của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Vị ngọt của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

4) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự nguy hiểm của sắc. Sự nguy hiểm của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Sự nguy hiểm của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

5) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự xuất ly của sắc. Sự xuất ly của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Sự xuất ly của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

6-8) Nay các Tỷ-kheo, Ta đi tìm cầu vị ngọt của thọ...

9-11) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của tưởng...

12-14) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của các hành...

15) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của thức. Vị ngọt của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Vị ngọt của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

16) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự nguy hiểm của thức. Nguy hiểm của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Nguy hiểm của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

17) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự xuất ly của thức. Xuất ly của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Xuất ly của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

18-19) Nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta chưa như thật biết vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là sự nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố rằng... Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

20) Và tri kiến như sau khởi lên nơi Ta: "Tâm Ta giải thoát, bất động. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

VII. Vị Ngọt (Tập 1.13 Vị, Đại 2,2bb) (S.iii,29)

1-2) Nhân duyên tại Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của sắc, thời các loài hữu tình không có tham đắm đối với sắc. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt của sắc cho nên các loài hữu tình có tham đắm đối với sắc.

4) -- Nay Tỷ-kheo, nếu không có sự nguy hiểm của sắc, thời các loài hữu tình không có yém ly đối với sắc. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự nguy hiểm của sắc cho nên các loài hữu tình có yém ly đối với sắc.

5) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly đối với sắc, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với sắc. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly của sắc cho nên các loài hữu tình có sự xuất ly đối với sắc.

6-8) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của thọ...

9-11) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của tưởng...

12-14) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của các hành...

15) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của thức, thời các loài hữu tình không có tham đắm đối với thức. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt của thức cho nên các loài hữu tình có tham đắm đối với thức.

16) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có sự nguy hiểm của thức, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với thức. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự nguy hiểm đối với thức cho nên các loài hữu tình có yém ly đối với thức.

17) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly đối với thức, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với thức. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly đối với thức cho nên các loài hữu tình có xuất ly đối với thức.

18) Nay các Tỷ-kheo, khi nào các loài hữu tình đối với năm thủ uẩn này không như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, không thể sống xuất ly, thoát sự liên hệ, giải thoát, với tâm tự tại.

19) Và này các Tỷ-kheo, khi nào các loài hữu tình đối với năm thủ uẩn này, như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sống xuất ly, thoát sự liên hệ, giải thoát, với tâm tự tại.

VIII. Hoan Hỷ (Tập 1.7, U Sắc Hỷ Lạc, Đại 2,1c)(Tập 1.5, Đại 2,1b) (S.iii,31)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ sắc, người ấy hoan hỷ khô. Ai hoan hỷ khô, Ta nói, người ấy không giải thoát khỏi khô.

4) Nay các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ thọ...

5) Nay các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ tưởng...

6) Nay các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ các hành...

7) Nay các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ thức, người ấy hoan hỷ khô. Ai hoan hỷ khô, Ta nói, người ấy không giải thoát khỏi khô.

8) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ sắc, người ấy không hoan hỷ khô. Ai không hoan hỷ khô, Ta nói, người ấy giải thoát khỏi khô.

9) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ thọ...

10) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ tưởng...

11) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ các hành...

12) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ thức, người ấy không hoan hỷ khô. Ai không hoan hỷ khô,

Ta nói, người ấy giải thoát khỏi khổ.

IX. Sanh Khởi (Tập 3.28 Sanh, Đại 2,20a) (S.iii,31)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, cái gọi là sắc sanh, trú, khởi, hiện hữu; cái ấy là khổ sanh, bệnh tật trú, già chết hiện hữu.

4-6) Nay các Tỷ-kheo, cái gọi là thọ sanh, trú, khởi, hiện hữu... tưởng sanh, trú, khởi, hiện hữu... các hành sanh, trú, khởi, hiện, hữu...

7) Nay các Tỷ-kheo, cái gọi là thức sanh, trú, khởi, hiện hữu; cái ấy gọi là khổ sanh, bệnh tật trú, già chết hiện hữu.

8) Nay các Tỷ-kheo, cái gọi là sắc đoạn diệt, an chỉ, biến mất; cái ấy gọi là khổ đoạn diệt, bệnh tật an chỉ, già chết biến mất.

9-11) Nay các Tỷ-kheo, cái gọi là thọ đoạn diệt... tưởng đoạn diệt... các hành đoạn diệt...

12) Nay các Tỷ-kheo, cái gọi là thức đoạn diệt, an chỉ, biến mất; cái ấy là khổ đoạn diệt, bệnh tật an chỉ, già chết biến mất.

X. Cội Gốc Của Đau Khổ (S.iii,32)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về đau khổ và cội gốc của đau khổ. Hãy lắng nghe...

4) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là đau khổ? Sắc, nay các Tỷ-kheo, là đau khổ; thọ là đau khổ; tưởng là đau khổ; các hành là đau khổ; thức là đau khổ. Đây, nay các Tỷ-kheo, gọi là đau khổ.

5) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là cội gốc của đau khổ? Chính là khát ái này hướng tới tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm câu hỷ lạc chỗ này, chỗ kia; tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

XI. Hoại Pháp (Tập 2,19, Hoại Pháp, Đại 2,12b) (S.iii,32)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Và nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về hoại pháp và bất hoại pháp. Hãy lắng nghe...

4) Và nay các Tỷ-kheo, cái gì là hoại pháp? Cái gì là bất hoại pháp?

5) Sắc, nay các Tỷ-kheo, là hoại pháp. Sự đoạn diệt của sắc ấy, sự an chỉ, biến mất là bất hoại pháp.

6) Thọ, nay các Tỷ-kheo, là hoại pháp...

7) Tưởng, nay các Tỷ-kheo, là hoại pháp...

8) Hành, này các Tỷ-kheo, là hoại pháp...

9) Thức, này các Tỷ-kheo, là hoại pháp. Sự đoạn diệt của thức áy, sự an chỉ, biến mất là bất hoại pháp.

IV. Phẩm Không Phải Của Các Ông

I. Không Phải Của Các Ông (Tập 10.14 Kỳ Lâm, Đại 2,10b) (S.iii,33)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

4) Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

5) Sắc, này các Tỷ-kheo, không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

6) Thọ, này các Tỷ-kheo, không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

7) Tưởng, này các Tỷ-kheo...

8) Các hành, này các Tỷ-kheo...

9) Thức, này các Tỷ-kheo, không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

10) Ví như, này các Tỷ-kheo, có người mang lại cỏ, củi, cành cây, lá của Jetavana này, và đốt chúng hay tùy theo duyên sử dụng chúng. Các Ông có nghĩ rằng: "Người (ấy) mang chúng tôi, hay đốt, hay tùy theo duyên sử dụng chúng tôi"?

-- Thura không, bạch Thế Tôn. Vì sao như vậy? Vì cái áy không phải chúng con. Bạch Thế Tôn, cái áy không phải thuộc tự ngã của chúng con.

11) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Thọ không phải của các Ông... Tưởng không phải của các Ông. Các hành không phải của các Ông... Thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

II. Không Phải Của Các Ông (S.iii,34)

1-2) Nhân duyên ở Sàavatthi...

3) -- Cái gì không phải của các Ông, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

4) Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

5) Sắc, này các Tỷ-kheo, không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc

cho các Ông.

6-8) Thọ, này các Tỷ-kheo, không phải của các Ông... Tưởng, này các Tỷ-kheo... Các hành, này các Tỷ-kheo...

9) Thúc, này các Tỷ-kheo, không phải của Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

III. Tỷ Kheo (S.iii,35)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

[I]

2) Rồi một vị Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

3) -- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp văn tắt cho con! Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Này Tỷ-kheo, cái gì người ta thiên chấp tùy miên, người ta sẽ được xưng danh tùy theo thiên chấp tùy miên ấy. Cái gì người ta không thiên chấp tùy miên, người ta sẽ không được xưng danh tùy theo thiên chấp tùy miên ấy.

-- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -- Như thế nào, này Tỷ-kheo, Ông hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi điều Ta nói một cách văn tắt?

6) -- Bạch Thế Tôn, nếu thiên chấp sắc, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp tưởng, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp các hành, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp thức, do thiên chấp ấy được xưng danh.

7) Bạch Thế Tôn, nếu không thiên chấp sắc, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp hành... Nếu không thiên chấp thức, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Bạch Thế Tôn, với lời nói văn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8) -- Lành thay, lành thay, Tỷ-kheo! Lành thay, với lời nói văn tắt này của Ta, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Nếu thiên chấp sắc, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tưởng... Nếu thiên chấp các hành... Nếu thiên chấp thức, do thiên chấp ấy được xưng danh. Này Tỷ-kheo, nếu không thiên chấp sắc, không do thiên chấp ấy được xưng danh... Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp các hành... Nếu không thiên chấp thức, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Với lời nói văn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy.

9) Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn thuyết, từ chỗ ngồi đứng dậy, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

[II]

10) Rồi Tỷ-kheo áy sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà con nhà lương gia chân chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến: Đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh. Vị áy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị áy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

11) Và vị Tỷ-kheo áy trở thành một vị A-la-hán nữa.

IV. Vị Tỷ Kheo (S.iii,37)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thé Tôn... ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thé Tôn:

3) -- Bạch Thé Tôn, lành thay, nếu Thé Tôn thuyết pháp một cách vấn tắt cho con. Sau khi nghe Thé Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Nay Tỷ-kheo, cái gì người ta thiên chấp (anuseti), cái áy người ta được đo lường (anopuyti). Cái gì người ta được đo lường, cái áy người ta được xưng danh (sankham gacchat). Cái gì người ta không thiên chấp, cái áy người ta không được đo lường. Cái gì người ta không được đo lường, cái áy người ta không được xưng danh.

-- Con đã hiểu, bạch Thé Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thê.

5) -- Lời nói vấn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

6) -- Nếu thiên chấp sắc, bạch Thé Tôn, với sắc, người ta được đo lường. Với cái gì người ta được đo lường, với cái áy, người ta được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tưởng... Nếu thiên chấp các hành... Nếu thiên chấp thức, với thức, người ta được đo lường. Với cái gì người ta được đo lường, với cái áy, người ta được xưng danh.

7) Nếu không thiên chấp sắc, bạch Thé Tôn, với sắc, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái áy, người ta không được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp các hành... Nếu không thiên chấp thức, với thức, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta được đo lường, với cái áy, người ta được xưng danh. Nếu không thiên chấp sắc, này Tỷ-kheo, với sắc, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái áy, người ta không được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp các hành... Nếu không thiên chấp thức, với thức, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái áy, người ta không được xưng danh. Với lời nói vấn tắt này của Thé Tôn, bạch Thé Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời nói vấn tắt này của Ta, Ông đã hiểu một cách rộng rãi như vậy. Nếu thiên chấp sắc, này Tỷ-kheo, với sắc, người ta được đo lường. Với cái gì được đo lường, với cái áy, người ta được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tưởng... Nếu thiên chấp các hành... Nếu thiên chấp thức, với thức, người ta được đo lường. Với cái gì người ta được đo lường, với cái áy, người ta được xưng danh. Nếu không thiên chấp sắc, này Tỷ-kheo, với sắc, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái áy, người ta không được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp các hành... Nếu không thiên chấp thức, với thức, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái áy, người ta không được xưng danh. Với lời nói vấn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

9) Rồi vị Tỷ-kheo áy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thé Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thé Tôn,

thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

10) Rồi vị Tỳ-kheo ấy sống một mình, tĩnh cư...

11) Vị Tỳ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán.

V. Ananda (S.iii,37)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Thέ Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

-- Nay Ananda, nếu có người hỏi Ông: "Này Hiền giả Ananda, những pháp nào sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt灭 được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Nếu được hỏi vậy, này Ananda, Ông trả lời như thế nào?

4) -- Bạch Thέ Tôn, nếu có người hỏi con: "Này Hiền giả Ananda, những pháp nào sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt灭 được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Được hỏi vậy, bạch Thέ Tôn, con sẽ trả lời như sau :

5) "Trong sắc, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt灭 được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong thọ... Trong tưởng... Trong các hành... Trong thức, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt灭 được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ". Được hỏi vậy, bạch Thέ Tôn, con sẽ trả lời như vậy.

6) -- Lành thay, lành thay, này Ananda! Nay Ananda, trong sắc sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt灭 được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong thọ... Trong tưởng... Trong các hành... Trong thức, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt灭 được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Nay Ananda, trong những pháp này, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt灭 được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Được hỏi vậy, Nay Ananda, Ông phải trả lời như vậy.

VI. Ananda (S.iii,38)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay Ananda, nếu Ông được hỏi như sau: "Trong những pháp nào, này Hiền giả Ananda, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt灭 đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ? Trong những pháp nào sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt灭 sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt灭 được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ?" Được hỏi như vậy, này Ananda, Ông trả lời như thế nào?

4) -- Bạch Thέ Tôn, nếu con được hỏi như sau: "Trong những pháp nào, này Hiền giả Ananda, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt灭 đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt灭 sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt灭 được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ?" Được hỏi vậy, bạch Thέ Tôn, con trả lời như sau:

5) "Đối với sắc quá khứ, này Hiền giả, đã đoạn diệt, đã biến hoại, đối với sắc áy, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt灭 đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với thọ quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại, sự sanh khởi của thọ áy được thấy rõ, sự diệt灭 đã được thấy rõ, trong khi

tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại, sự sanh khởi của thức ấy đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Trong những pháp này, Này Hiền giả, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ.

6) Đối với sắc chưa sanh, này Hiền giả, chưa hiện hữu, trong sắc ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với thọ chưa sanh, chưa hiện hữu, trong thọ ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức chưa sanh, chưa hiện hữu, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Trong những pháp này, này Hiền giả, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ.

7) Đối với sắc đã sanh, này Hiền giả, đã hiện hữu, trong sắc ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Đối với thọ đã sanh, đã hiện hữu... Đối với tưởng đã sanh, đã hiện hữu... Đối với các hành đã sanh, đã hiện hữu... Đối với thức đã sanh, đã hiện hữu, trong thức ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ. Trong những pháp này, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ".

Nếu con được hỏi như vậy, bạch Thê Tôn, con sẽ trả lời như vậy.

8) -- Lành thay, lành thay, này Ananda! Này Ananda, đối với sắc thuộc quá khứ đã đoạn diệt, đã biến hoại; đối với sắc ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức, thuộc quá khứ đã đoạn diệt, đã biến hoại, trong thức ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự biến mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Trong các pháp này, này Ananda, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự biến mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ.

9) Đối với sắc chưa sanh, này Ananda, chưa hiện hữu, trong sắc ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức chưa sanh khởi, chưa hiện hữu, trong thức ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với những pháp này, này Ananda, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ.

10) Đối với sắc đã sanh, này Ananda, đã hiện hữu, đối với sắc ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức đã sanh, đã hiện hữu, đối với thức ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong những pháp này, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Được hỏi như vậy, này Ananda, Ông cần phải trả lời như vậy.

VII. Tùy Pháp (S.iii,41)

1-2) Nhân duyên ở Sàavatthi...

3) -- Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Đối với sắc, vị ấy sống nhiều yếm ly; đối với thọ, vị ấy sống nhiều yếm ly; đối với tưởng, vị ấy sống nhiều yếm ly; đối với các hành, vị ấy sống nhiều yếm ly; đối với thức, vị ấy sống nhiều yếm ly.

4) Ai sống nhiều yém ly đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... ai sống nhiều yém ly đối với thức, vị ấy liễu tri sắc... liễu tri thọ... liễu tri tưởng... liễu tri các hành... liễu tri thức. Do liễu tri sắc... thọ... tưởng... các hành... do liễu tri thức, vị ấy được giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, giải thoát khỏi tưởng, giải thoát khỏi các hành, giải thoát khỏi thức, giải thoát khỏi sanh, già chết, sầu, bi, khô, ưu, não. Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

VIII. Tùy Pháp (S.iii,41)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-5) -- Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Vị ấy sống tùy quán vô thường trong sắc... Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

IX. Tùy Pháp (S.iii,41)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-5) -- Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Vị ấy sống tùy quán khổ trong sắc... Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

X. Tùy Pháp (S.iii,41)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Vị ấy sống tùy quán vô ngã trong sắc... trong thọ... trong tưởng... trong các hành. Vị ấy sống tùy quán vô ngã trong thức...

4) Ai sống tùy quán vô ngã trong sắc, trong thọ, trong tưởng, trong các hành, trong thức; vị ấy liễu tri sắc, liễu tri thọ, liễu tri tưởng, liễu tri các hành, liễu tri thức. Do vị ấy liễu tri sắc, liễu tri thọ, liễu tri tưởng, liễu tri các hành, liễu tri thức; vị ấy giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, giải thoát khỏi tưởng, giải thoát khỏi các hành, giải thoát khỏi thức, giải thoát khỏi sanh, già chết, sầu, bi, khô, ưu, não. Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

V. Phẩm Tự Mình Làm Hòn Đảo.

I. Tự Mình Làm Hòn Đảo (Đại 2,8a) (S.iii,42)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Hãy sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình, này các Tỷ-kheo, hãy nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Hãy lấy pháp làm hòn đảo, hãy lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác.

4) Với những ai sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình, này các Tỷ-kheo, nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác, hãy như lý quán sát: "Sầu, bi, khô, ưu, não do nguồn gốc gì sanh? Do cái gì làm cho hiện hữu?"

5) Và này các Tỷ-kheo, sầu, bi, khô, ưu, não do nguồn gốc gì sanh? Do cái gì làm cho hiện hữu?

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán (samamupassati) sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Sắc của vị ấy biến hoại và đổi khác. Khi sắc của vị ấy biến hoại và đổi khác thì sầu, bi, khổ, ưu, nǎo sẽ khởi lên.

7) Vị ấy quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ...

8) Vị ấy quán tưởng như là tự ngã...

9) Vị ấy quán các hành như là tự ngã...

10) Vị ấy quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Thức này của vị ấy biến hoại và đổi khác. Khi thức của vị ấy biến hoại và đổi khác thì sầu, bi, khổ, ưu, nǎo sẽ khởi lên.

11) Nay các Tỷ-kheo, biết sắc là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt; vị ấy thấy tất cả sắc xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, sầu, bi, khổ, ưu, nǎo được đoạn tận. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, nǎo. Do không bị ưu, nǎo, vị ấy sống an lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là (Tadanganibbuto) vị đã lảng dìu mọi tướng phàm, nhứt hướng Niết-bàn.

12) Nay các Tỷ-kheo, biết thọ là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt, vị ấy thấy tất cả thọ xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, các sầu, bi, khổ, ưu, nǎo được đoạn tận. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, nǎo. Do không bị ưu, nǎo, vị ấy sống an lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là vị đã lảng dìu mọi tướng phàm, nhứt hướng Niết-bàn..

13) Nay các Tỷ-kheo, biết tưởng là vô thường...

14) Nay các Tỷ-kheo, biết các hành là vô thường...

15) Nay các Tỷ-kheo, biết thức là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt; vị ấy thấy tất cả thức xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, các sầu, bi, khổ, ưu, nǎo được đoạn tận. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, nǎo. Do không bị ưu, nǎo, vị ấy sống an lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là vị đã lảng dìu mọi tướng phàm, nhứt hướng Niết-bàn..

II. Con Đường (Đại 2,8a) (S.iii,44)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông con đường đưa đến thân kiến tập khởi và con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt. Hãy lắng nghe.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến thân kiến tập khởi?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như

là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc.

6-8) ... quán thọ... quán tưởng... quán các hành...

9) ... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

10) Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến thân kiến tập khởi. Con đường đưa đến thân kiến tập khởi có nghĩa là: Sự quán sát đưa đến khổ tập khởi.

11) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt?

12) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, thấy rõ các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có sắc, hay không quán sắc ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong sắc.

13-15) ... không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành...

16) ... không quán thức như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có thức, hay không quán thức ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong thức.

17) Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt. Con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt có nghĩa là: Sự quán sát đưa đến sự khổ đoạn diệt.

III. Vô Thường (Tập 3,35, Thanh Tịnh, Đại 2,21c) (S.iii,44)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi". Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, tâm ly tham, được giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc.

4-6) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Tưởng, này các Tỷ-kheo... Các hành, này các Tỷ-kheo...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì là vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi". Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, tâm ly tham, được giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc.

8) Nay các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đối với sắc giới có tâm ly tham, giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc, đối với thọ giới... đối với tưởng giới... đối với hành giới... đối với thức giới, có tâm ly tham, giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc. Do giải thoát, vị ấy an trú. Do an trú, vị ấy tri túc. Do tri túc, vị ấy không ưu não. Do không ưu não, vị ấy tự mình tịch tịnh. Vị ấy biết: " Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

IV. Vô Thường (Tập 3,36, Chánh Quán Sát, Đại 2,21c) (S.iii,45)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

4-6) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

7) Thúc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

8) Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy không có các tùy kiến về quá khứ. Do không có các tùy kiến về quá khứ nên không có các tùy kiến về tương lai. Do không có các tùy kiến về tương lai, kiên trì chấp thủ không có. Do không có kiên trì chấp thủ, đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức, tâm ly tham, giải thoát, không chấp thủ các lậu hoặc. Do giải thoát, vị ấy an trú. Do an trú, vị ấy tri túc. Do tri túc, vị ấy không ưu não. Do không ưu não, vị ấy tự mình được tịch tịnh một cách viên mãn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

V. Quán Kiến (Tập 2,13, Giác, Đại 2,11b) (S.iii,46)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tự ngã dưới nhiều hình thức sai khác, quán cả năm thủ uẩn hay quán một trong năm thủ uẩn.

4) Thế nào là năm? Nay các Tỷ-kheo, ở đây kẻ vô văn phàm phu không được thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc, quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Nếu quán như vậy, thời đi đến chấp kiến: "Tôi là".

5) Nay các Tỷ-kheo, khi đi đến chấp kiến: "Tôi là", thời năm căn nhập vào avakkanti (hiện hữu), tức là nhẫn căn, nhĩ căn, tý căn, thiệt căn, thân căn.

6) Nay các Tỷ-kheo, có ý, có các pháp, có vô minh giới. Cảm xúc bởi cảm thọ, (cảm thọ này) sanh do xúc chạm với vô minh; kẻ vô văn phàm phu đi đến chấp kiến: "Tôi là", đi đến chấp kiến: "Cái này là tôi", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ là", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ không là" đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với sắc", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với vô sắc", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với tưởng", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với không tưởng", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với phi tưởng phi phi tưởng".

7) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do năm căn an trú ở đây, nhưng đối với vị Đa văn Thánh đệ tử, vô minh được đoạn trừ và minh khởi lên. Do vô minh được viễn ly, do minh sanh khởi, không đi đến chấp kiến: "Tôi là", không đi đến chấp kiến: "Cái này là tôi", không đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu"... "Tôi sẽ không hiện hữu"... "Tôi sẽ hiện hữu với sắc"... "Tôi sẽ hiện hữu với vô sắc"... "Tôi sẽ hiện hữu với tưởng"... "Tôi sẽ hiện hữu với không tưởng", không đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với phi tưởng phi phi tưởng".

VI. Các Uẩn (Tập 2,23 Âm, Đại 2,13b) (S.iii,47)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng năm uẩn và năm thủ uẩn, hãy lắng nghe...

4) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là năm uẩn?

5) Nay các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thăng, xa hay gần; đây gọi là sắc uẩn.

6-8) Nay các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì... phàm có tưởng gì... phàm có các hành gì...

9) Nay các Tỷ-kheo, phàm có thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thăng, xa hay gần; đây gọi là thức uẩn.

10) Những cái này, này các Tỷ-kheo, được gọi là năm uẩn.

11) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là năm thủ uẩn?

12) Nay các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì quá khứ vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại... hoặc xa hay gần, có lậu hoặc, được chấp thủ; đây gọi là sắc thủ uẩn.

13-15) Nay các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì... phàm có tưởng gì... phàm có các hành gì...

16) Nay các Tỷ-kheo, phàm có thức gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thăng, xa hay gần, có lậu hoặc, được chấp thủ; đây gọi là thức thủ uẩn.

17) Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là năm thủ uẩn.

VII. Sona (Tập 1,20, Thu-lữ-na, Đại 2,6a) (S.iii,48)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chổ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Sona, con một gia chủ, đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Thé Tôn nói với Sona, con một gia chủ, đang ngồi một bên:

4) -- Nay Sona, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán sắc vô thường, khổ, biến hoại là: "Ta tốt đẹp hơn", hay quán: "Ta bằng nhau", hay quán: "Ta hạ liệt hơn"; những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những người không thấy như thật!

5) ... quán thọ vô thường, khổ, biến hoại...

6) ... quán tưởng vô thường, khổ, biến hoại...

7) ... quán các hành vô thường, khổ, biến hoại...

8) ... quán thức vô thường, khô, biến hoại là : "Ta tốt đẹp hơn", hay quán: "Ta bằng nhau", hay quán: "Ta hạ liệt hon"; những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những người không thấy như thật!

9) Nay Sona, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán sắc vô thường, khô, biến hoại là: "Ta tốt đẹp hon", hay không quán: "Ta bằng nhau", hay không quán: "Ta hạ liệt hon"; những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những vị thấy như thật!

10-12) Nay Sona, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành...

13) Nay Sona, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán thức vô thường, khô, biến hoại là: "Ta tốt đẹp hon", hay không quán: "Ta bằng nhau", hay không quán: "Ta hạ liệt hon"; những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những vị thấy như thật!

14) Ông nghĩ thế nào, này Sona, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

15) -- Thọ là thường hay vô thường?...

16) Tưởng là thường hay vô thường?...

17) Các hành là thường hay vô thường?...

18) Thức là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý hay chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

19) -- Do vậy, này Sona, phàm sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thăng, xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

20-22) Phàm thọ gì... phàm tưởng gì... phàm các hành gì...

23) Phàm thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tέ, liệt hay thǎng, xa hay gần; tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

24) Nếu thấy vậy, này Sona, vị Đa văn Thánh đệ tử yém ly đối với sắc, yém ly đối với thọ, yém ly đối với tưởng, yém ly đối với các hành, yém ly đối với thức. Do yém ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên chánh trí: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

VIII. Sona (Tập 1,31, Thu-lữ-na, Đại 2,6c) (S.iii,50)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Ràjagala (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Sona, con vị gia chủ, đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lǚ Ngài rồi ngồi xuống một bên.

3) Thέ Tôn nói với Sona, con vị gia chủ, đang ngồi một bên:

4) -- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Sona, không biết rõ sắc, không biết rõ (nappajananti) sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; không biết rõ thọ... không biết rõ tưởng... không biết rõ các hành... không biết rõ thức, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt; những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này Sona, không những không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; những vị ấy trong đời sống hiện tại, cũng không tự mình chứng tri với thǎng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

5) Còn những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Sona, biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; biết rõ thọ... biết rõ tưởng... biết rõ các hành... biết rõ thức, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt; những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này Sona, không những không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; những vị Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, còn tự mình chứng tri với thǎng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

IX. Hỷ Được Đoạn Tận (S.iii,51)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo thấy sắc vô thường là vô thường; đây là chánh tri kiến của vị ấy. Thấy chơn chánh như vậy, vị ấy yém ly. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát, vị ấy được gọi là vị đã khéo giải thoát.

4-6) Này các Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo thấy thọ vô thường là vô thường... tưởng vô thường... các hành vô thường...

7) Này các Tỷ-kheo, khi vị Tỷ-kheo thấy thức vô thường là vô thường; đây là chánh tri kiến của vị ấy.

Thấy chơn chánh như vậy, vị ấy yém ly. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, nên hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát, vị ấy được gọi là vị đã được khéo giải thoát.

X. Hỷ Được Đoạn Tận (S.iii,52)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Hãy như lý tác ý sắc, này các Tỷ-kheo, hãy như thật quán (samanupassati) sắc là vô thường. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý sắc, như thật quán sắc là vô thường, vị ấy yém ly đối với sắc. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát, vị ấy được gọi là vị đã được khéo giải thoát.

4) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý thọ... tác ý tưởng... tác ý các hành...

5) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý thức, như thật quán thức là vô thường, vị ấy yém ly đối với thức. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát, vị ấy được gọi là đã được khéo giải thoát.

B. Năm Mươi Kinh Ở Giữa

I. Phẩm Tham Luyện

I. Tham Luyện (Tập 2, Đại 2,9a) (S.iii,53)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, tham luyện là không giải thoát. Do tham luyện sắc, này các Tỷ-kheo, thức có chân đứng được an trú. Với sắc là sở duyên, với sắc là trú xứ, (thức) hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

4) Hay do tham luyện thọ ... tham luyện tưởng ... tham luyện hành, này các Tỷ-kheo, thức có chân đứng được an trú. Với hành là sở duyên, với hành là trú xứ, (thức) hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

5) Nay các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Ngoài sắc, ngoài thọ, ngoài tưởng, ngoài các hành, tôi sẽ chỉ rõ sự đến hay đi, sự diệt hay sanh, sự tăng trưởng, sự tăng thịnh hay sự lớn mạnh của thức", sự việc như vậy không xảy ra.

6-10) Nay các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với sắc giới; do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chổ y chỉ của thức không có hiện hữu. Nay các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thọ giới... đối với tưởng giới... đối với hành giới... Nay các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thức giới, do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chổ y chỉ của thức không có hiện hữu.

11) Không có chổ y chỉ ấy, thức không tăng thịnh, không có hành động, được giải thoát. Do giải thoát nên được kiên trú; do kiên trú nên được tri túc; do tri túc nên không có ưu não; do không có ưu não nên tự mình cảm thấy tịch tịnh hoàn toàn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Chủng Tử (Tập 2, Đại 2,8c) (S.iii,54)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, có năm loại chủng tử. Thê nào là năm? Chủng tử từ rễ, chủng tử từ thân, chủng tử từ đọt, chủng tử từ quả, và chủng tử từ chủng tử là thứ năm.

4) Và này các Tỷ-kheo, nếu năm loại chủng tử này không bị hư hoại, không bị hư thối, không bị gió và nhiệt phá hoại, có lõi cứng, khéo gieo, nhưng không có đất, và không có nước, thời này các Tỷ-kheo, năm loại chủng tử này có thể tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh được không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

5) -- Và này các Tỷ-kheo, nếu năm loại chủng tử này không bị hư hoại, không bị hư thối, không bị gió và nhiệt phá hoại, có lõi cứng, khéo gieo, có đất và có nước, thời này các Tỷ-kheo, năm loại chủng tử này có thể tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh được không?

-- Thưa được, bạch Thế Tôn.

6) -- Này các Tỷ-kheo, ví như đất, bốn thức trú cần phải được xem như vậy. Ví như nước, này các Tỷ-kheo, hỷ tham cần phải được xem như vậy. Ví như năm loại chủng tử, này các Tỷ-kheo, thức cùng các món ăn cần phải được xem như vậy.

7) Do tham luyện sắc, này các Tỷ-kheo, thức có chân đứng được an trú. Với sắc là sở duyên, với sắc là trú xứ, (thức) hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

8-10) Do tham luyện thọ... Do tham luyện tưởng... Do tham luyện các hành, này các Tỷ-kheo, thức có chân đứng được tồn tại. Với hành là sở duyên, với hành là trú xứ, (thức) hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

11) Này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Ngoài sắc, ngoài thọ, ngoài tưởng, ngoài các hành, tôi sẽ chỉ rõ sự đến hay đi, sự diệt hay sanh, sự tăng trưởng, tăng thịnh hay sự lớn mạnh của thức", sự việc như vậy không xảy ra.

12) Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đói với sắc giới; do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không có hiện hữu.

13-16) Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đói với thọ giới... đói với tưởng giới... đói với hành giới... đói với thức giới; do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không có hiện hữu.

17) Không có chỗ y chỉ như vậy, thức không tăng thịnh, không có hành động, được giải thoát; do giải thoát nên được kiên trú; do kiên trú nên được tri túc; do tri túc nên không có ưu não; do không có ưu não nên tự mình cảm thấy tịch tĩnh hoàn toàn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

III. Lời Cảm Hứng (Tập 2, Đại 2,16c) (S.iii,55)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) Ở đây, Thế Tôn nói lên lời cảm hứng như sau:

*Nếu trước, Ta không có,
Thời nay không có Ta,
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ không Ta.
Tỷ-kheo quyết tâm vậy,
Hã phần kiết sử đoạn.*

3) Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thέ Tôn:

-- Như thế nào bạch Thέ Tôn:

*Nếu trước, Ta không có,
Thời nay không có Ta,
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ không Ta.
Tỷ-kheo quyết tâm vậy,
Hã phần kiết sử đoạn?*

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc, quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

5) Vị áy không như thật biết rõ (pajānāti) sắc vô thường là sắc vô thường, không như thật biết rõ thọ vô thường là thọ vô thường, không như thật biết rõ tưởng vô thường là tưởng vô thường, không như thật biết rõ hành vô thường là hành vô thường, không như thật biết rõ thức vô thường là thức vô thường.

6) Không như thật biết rõ sắc khô là sắc khô, không như thật biết rõ thọ khô... tưởng khô... hành khô... không như thật biết rõ thức khô là thức khô.

7) Không như thật biết rõ sắc vô ngã là sắc vô ngã, không như thật biết rõ thọ vô ngã... tưởng vô ngã... hành vô ngã... không như thật biết rõ thức vô ngã là thức vô ngã.

8) Không như thật biết rõ sắc hữu vi là sắc hữu vi, không như thật biết rõ thọ hữu vi... tưởng hữu vi... hành hữu vi... không như thật biết rõ thức hữu vi là thức hữu vi.

9) Không như thật biết rõ sắc sẽ biến diệt... thọ sẽ biến diệt... tưởng sẽ biến diệt... các hành sẽ biến diệt... không như thật biết rõ thức sẽ biến diệt.

10) Còn bậc Đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo thấy rõ các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, thấy rõ các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc, không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

11) Vị áy như thật thấy rõ sắc vô thường là vô thường, thọ vô thường... tưởng vô thường... hành vô thường... thức vô thường là thức vô thường.

12) Vị áy như thật thấy rõ sắc khô là sắc khô, thọ khô... tưởng khô... hành khô... như thật thấy rõ thức

khô là thức khô.

13) Vị ấy như thật thấy rõ sắc vô ngã là sắc vô ngã, thọ vô ngã... tưởng vô ngã... các hành vô ngã... thức vô ngã là thức vô ngã.

14) Vị ấy như thật thấy rõ sắc hữu vi là sắc hữu vi, thọ hữu vi... tưởng hữu vi... các hành hữu vi... thức hữu vi là thức hữu vi.

15) Vị ấy như thật thấy rõ sắc sê biến diệt là sắc sê biến diệt, thọ sê biến diệt... tưởng sê biến diệt... các hành sê biến diệt... thức sê biến diệt là thức sê biến diệt.

16) Do sắc biến diệt, thọ biến diệt, tưởng biến diệt, hành biến diệt, thức biến diệt, vị Tỷ-kheo nói lên lời cảm hứng:

*Nếu trước, ta không có,
Thời nay không có ta,
Không tạo nhân sê có,
Tương lai sê không ta.
Tỷ-kheo quyết tâm vậy,
Hạ phần kiết sử đoạn.*

17) -- Dầu cho quyết tâm như vậy, bạch Thé Tôn, vị Tỷ-kheo có thể cắt đứt hạ phần kiết sử. Nhưng bạch Thé Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?

18) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu hoảng sợ tại chỗ không có gì đáng hoảng sợ; kẻ vô văn phàm phu hoảng sợ như sau:

*Nếu trước, ta không có,
Thời nay không có ta,
Không tạo nhân sê có,
Tương lai sê không ta.*

19) Và vị Đa văn Thánh đệ tử, này Tỷ-kheo, không hoảng sợ tại chỗ không có gì đáng hoảng sợ; vị Đa văn Thánh đệ tử không có hoảng sợ như sau:

*Nếu trước, ta không có,
Thời nay không có ta,
Không tạo nhân sê có,
Tương lai sê không ta.*

20) Nay Tỷ-kheo, do tham luyện sắc, thức có chân đúng được an trú. Với sắc là sở duyên, với sắc là trú xứ, (thức) hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

21-33) Do tham luyện thọ... do tham luyện tưởng... do tham luyện hành... do tham luyện thức, này Tỷ-kheo, thức có chân đúng được an trú. Với hành là sở duyên, với hành là trú xứ, (thức) hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

24) Nay Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Ngoài sắc, ngoài thọ, ngoài tưởng, ngoài các hành, tôi sẽ chỉ rõ sự đến hay đi, sự diệt hay sanh, sự tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh của thức", sự việc như vậy không xảy ra.

25) Nay Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đói với sắc giới; do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không hiện hữu.

26) Nay Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đoạn tận tham đói với thọ giới...

27) Nay Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đói với tưởng giới...

28) Nay Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đoạn tận tham đói với hành giới...

29) Nay Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đoạn tận tham đói với thức giới, do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không hiện hữu.

30) Không có chỗ y chỉ như vậy thức không tăng trưởng, không có hành động, được giải thoát; do giải thoát nên được kiên trú; do kiên trú nên được tri túc; do tri túc nên không có ưu não; do không có ưu não nên tự mình cảm thấy tịch tịnh hoàn toàn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

IV. Thủ Chuyển (Tập 2, Đại 2,9b) (S.iii,58)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

4) Nay các Tỷ-kheo, khi nào Ta chưa như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, thì cho đến khi ấy, nay các Tỷ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

5) Nhưng nay các Tỷ-kheo, khi nào Ta đã như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, cho đến khi ấy, nay các Tỷ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

6) Và thế nào là bốn chuyển? Ta đã thắng tri sắc, Ta đã thắng tri sắc tập khởi, Ta đã thắng tri sắc đoạn diệt, Ta đã thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Ta đã thắng tri thọ... tưởng... hành... Ta đã thắng tri thức, Ta đã thắng tri thức tập khởi, Ta đã thắng tri thức đoạn diệt, Ta đã thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt.

7) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là sắc? Bốn đại chúng và sắc do bốn đại chúng tạo thành. Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là sắc. Do các thức ăn tập khởi nên sắc tập khởi. Do các thức ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt. Và con đường đưa đến sắc đoạn diệt là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

8) Nay các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào do thắng tri sắc như vậy; do thắng tri sắc tập khởi như vậy, do thắng tri sắc đoạn diệt như vậy, do thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt như vậy, họ hướng về thực hiện yêm ly, ly tham, đoạn diệt sắc. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

9) Và nay các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy... thắng tri con

đường đưa đến sắc đoạn diệt là như vậy; do yém ly, ly tham, đoạn diệt sắc, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

10) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ? Này các Tỷ-kheo, có sáu thọ thân này: thọ do nhẫn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định.

11) Ngày này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri thọ tập khởi là như vậy, thắng tri thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yém ly, ly tham, đoạn diệt thọ. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

12) Ngày này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy... thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ!

13-15) Ngày này các Tỷ-kheo, thế nào là tưởng? Ngày này các Tỷ-kheo, có sáu tưởng thân này: sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Ngày các Tỷ-kheo, đây gọi là tưởng. Do xúc tập khởi nên tưởng tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên tưởng đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến tưởng đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

16) Ngày này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Ngày các Tỷ-kheo, đây gọi là hành. Do xúc tập khởi nên các hành tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên các hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

17) Ngày này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yém ly, ly tham, đoạn diệt các hành. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

18) Ngày này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy; do yém ly, ly tham, đoạn diệt các hành, họ giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

19) Ngày này các Tỷ-kheo, thế nào là thức? Có sáu thức thân này, này các Tỷ -kheo, (tức là) nhẫn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Ngày các Tỷ-kheo, đây gọi là thức. Do danh sắc tập khởi nên thức tập khởi. Do danh sắc đoạn diệt nên thức đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thức đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định.

20) Ngày này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yém ly, ly tham, đoạn diệt thức. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

21) Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy; do yém ly, ly tham, đoạn diệt thức, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

V. Bảy Xứ (Sattatthàna) (Tập 2, Đại 2,10a; 498c; 875b) (Tăng 35, Đại 2,754b) (S.iii,61)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ, này các Tỷ-kheo, quán sát theo ba cách, được gọi là một vị toàn vẹn trong Pháp và Luật này, đã thành tựu viên mãn, một bậc tối thượng nhân.

4) Nay các Tỷ-kheo, thê nào là vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo biết rõ (pajānatī) sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt, biết rõ vị ngọt của sắc, biết rõ sự nguy hiểm của sắc, biết rõ sự xuất ly của sắc.

6-8) ... biết rõ thọ... biết rõ tưởng... biết rõ các hành...

9) ... biết rõ thức, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt, biết rõ vị ngọt của thức, biết rõ sự nguy hiểm của thức, biết rõ sự xuất ly của thức.

10) Nay các Tỷ-kheo, thê nào là sắc? Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo thành. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là sắc. Do các món ăn tập khởi nên sắc tập khởi. Do các món ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến sắc đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định...

11) Duyên sắc khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của sắc. Sự vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của sắc, đây là sự nguy hại của sắc. Sự nghiệp phục dục tham đổi với sắc, sự đoạn tận dục tham đổi với sắc, đây là xuất ly của sắc.

12) Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy, thắng tri sắc tập khởi là như vậy, thắng tri sắc đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của sắc là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của sắc là như vậy, thắng tri sự xuất ly của sắc là như vậy; họ hướng về thực hiện yém ly, ly tham, đoạn diệt đối với sắc. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

13) Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy, thắng tri sắc tập khởi là như vậy, thắng tri sắc đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của sắc là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của sắc là như vậy, thắng tri sự xuất ly của sắc là như vậy; do yém ly, ly tham, đoạn diệt sắc, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

14) Và này các Tỷ-kheo, thê nào là thọ? Nay các Tỷ-kheo, có sáu thọ thân này: Thọ do nhãn xúc sanh... thọ do ý xúc sanh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

15) Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ gì, đây gọi là vị ngọt của thọ. Cảm thọ vô thường, khổ, vô ngã, đây gọi

là nguy hiểm của thọ. Sự nghiệp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với thọ, đây gọi là xuất ly của thọ.

16) Nay các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri thọ tập khởi là như vậy, thắng tri thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của thọ là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của thọ là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thọ là như vậy; họ hướng về thực hiện yêm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thọ. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

17) Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

18-20) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tưởng? Nay các Tỷ-kheo, có sáu tưởng thân này: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tưởng. Do xúc tập khởi nêu tưởng tập khởi. Do xúc đoạn diệt nêu tưởng đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tâm ngành đưa đến tưởng đoạn diệt... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

21) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các hành? Nay các Tỷ-kheo, có sáu tư thân: Sắc tư... pháp tư. Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là các hành. Do xúc tập khởi nêu các hành tập khởi. Do xúc đoạn diệt nêu các hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

22) Do duyên hành khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của hành. Các hành vô thường, khổ, vô ngã, đây là nguy hiểm của hành. Sự nghiệp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với các hành, đây là xuất ly của các hành.

23-24) Nay các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy; họ hướng về thực hiện yêm ly, ly tham, đoạn diệt đối với các hành. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này... Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

25) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức? Nay các Tỷ-kheo, có sáu thức thân này: Nhĩ thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là thức. Do danh sắc tập khởi nêu thức tập khởi. Do danh sắc đoạn diệt nêu thức đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tâm ngành đưa đến thức đoạn diệt đối với thức, tức là chánh tri kiến... chánh định.

26) Do duyên thức khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của thức. Thức vô thường, khổ, vô ngã, đây là nguy hiểm của thức. Sự nghiệp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với thức, đây là xuất ly của thức.

27) Nay các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của thức là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của thức là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thức là như vậy; họ hướng về thực hiện yêm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thức. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

28) Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của thức là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của thức là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thức là như vậy; do yểm ly, ly tham, đoạn diệt thức, họ giải thoát, không chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể

nêu rõ sự luân chuyển của họ.

29) Nay các Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ.

30) Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là vị Tỷ-kheo quán sát theo ba cách? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát theo giới, quán sát theo xứ, quán sát theo duyên khởi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát theo ba cách.

31) Nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ, quán sát theo ba cách, được gọi là một vị toàn vẹn trong Pháp và Luật này, đã thành tựu viên mãn, một vị tối thượng nhân.

VI. Chánh Đẳng Giác. (S.iii,54)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, do yém ly, ly tham, đoạn diệt sắc, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, Chánh Đẳng Giác. Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yém ly, ly tham, đoạn diệt sắc, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, giải thoát nhờ trí tuệ.

4) Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, do yém ly, ly tham, đoạn diệt tho, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, Chánh Đẳng Giác. Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yém ly, ly tham, đoạn diệt tho, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, giải thoát nhờ trí tuệ.

5-7) Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, do yém ly, ly tham, đoạn diệt tưởng... đoạn diệt các hành... đoạn diệt thức, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, Chánh Đẳng Giác. Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yém ly, ly tham, đoạn diệt tho, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, giải thoát nhờ trí tuệ.

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, thế nào là sự sai biệt, thế nào là sự đặc thù, thế nào là sự sai khác giữa bậc Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, và bậc Tỷ-kheo được giải thoát nhờ trí tuệ?

9) -- Bạch Thé Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thé Tôn làm căn bản, lấy Thé Tôn làm chỉ đạo, lấy Thé Tôn làm chỗ y chỉ. Lành thay, bạch Thé Tôn, nếu được Thé Tôn nói lên ý nghĩa của lời này. Sau khi nghe Thé Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ tri!

-- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói:

-- Thura vâng, bạch Thé Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thé Tôn.

10) Thé Tôn nói như sau:

-- Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, làm cho khởi lên con đường (trước kia) chưa khởi, là bậc đem lại con đường (trước kia) chưa được đem lại, là bậc tuyên thuyết con đường (trước kia) chưa được tuyên thuyết, bậc tri đạo, bậc ngộ đạo, bậc thuần thực về đạo. Còn nay, này các Tỷ-kheo, các vị đệ tử là những vị sống theo đạo, tiếp tục thành tựu (đạo).

11) Nay các Tỷ-kheo, đây là sự sai biệt, sự đặc thù, sự sai khác giữa Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và bậc Tỷ-kheo được giải thoát nhờ trí tuệ.

VII. Năm Vị (Vô ngã tướng) (Đại 2,7c) (Luật tạng, Đại phẩm q.1, từ trang 3) (S.iii,66)

1) Một thời Thέ Tôn ở Bàrānasi (Ba-la-nại), tại Isipatana (Chư Tiên đọa xứ), vườn Lộc Uyển.

2) Ở đây Thέ Tôn nói với đoàn năm vị Tỷ-kheo: "Nay các Tỷ-kheo". -- "Thưa vâng bạch Thέ Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thέ Tôn. Thέ Tôn nói như sau:

3) -- Sắc, nay các Tỷ-kheo, là vô ngã. Nay các Tỷ-kheo, nếu sắc là ngã, thời sắc không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các sắc như sau: "Mong rằng sắc của tôi là như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!"

4) Và nay các Tỷ-kheo, vì sắc là vô ngã. Do vậy sắc đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các sắc: "Mong rằng sắc của tôi như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!"

5) Tho, nay các Tỷ-kheo, là vô ngã. Nay các Tỷ-kheo, nếu tho là ngã, thời tho không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể được tho như sau: "Mong rằng tho của tôi như thế này! Mong rằng tho của tôi chẳng phải như thế này!"

6) Và nay các Tỷ-kheo, vì tho là vô ngã. Do vậy, tho đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các tho: "Mong rằng tho của tôi như thế này! Mong rằng tho của tôi chẳng phải như thế này!"

7) Tướng là vô ngã...

8) Các hành là vô ngã, nay các Tỷ-kheo, nếu các hành là ngã, thời các hành không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các hành như sau: "Mong rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi chẳng phải như thế này!"

9) Và nay các Tỷ-kheo, vì các hành là vô ngã. Do vậy, các hành đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các hành: "Mong rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi không phải như thế này!"

10) Thức là vô ngã, nay các Tỷ-kheo, nếu thức là ngã, thời thức không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể có được thức như sau: "Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"

11) Và nay các Tỷ-kheo, vì thức là vô ngã. Do vậy, thức đi đến bệnh hoạn, và không có thể có được thức: "Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"

12) Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn!

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái

này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

13-15) -- Thọ... Tưởng... Các hành...

16) Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

17) -- Do vậy, này các Tỷ-kheo, phàm sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thăng, xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

18) Phàm thọ gì...

19) Phàm tưởng gì...

20) Phàm các hành gì...

21) Phàm thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thăng, xa hay gần; tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

22) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử yém ly đối với sắc, yém ly đối với thọ, yém ly đối với tưởng, yém ly đối với các hành, yém ly đối với thức. Do yém ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

23) Thέ Tôn thuyết như vậy. Nhóm năm vị Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy. Trong khi lời dạy này được nói lên, tâm của nhóm năm vị Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

VIII. Mahàli (Tập 3,32, Phú-Lâu-Na, Đại 2,20b)(Siii,68)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Vesàli, trong rừng Đại Lâm, tại Trùng Các đại giảng đường.

2) Rồi Mahàli, người Licchavi, đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahàli, người Licchavi, bạch Thέ Tôn:

3) -- Puràna Kassapa (Phú-lan-na Ca-diép), bạch Thé Tôn, thuyết như sau: "Không nhân, không duyên là sự nhiễm ô của chúng sanh. Không nhân, không duyên, chúng sanh bị nhiễm ô. Không nhân, không duyên là sự thanh tịnh của chúng sanh. Không nhân, không duyên, chúng sanh được thanh tịnh". Ở đây, bạch Thé Tôn, Thé Tôn thuyết như thế nào?

4) -- Này Mahàli, có nhân, có duyên là sự nhiễm ô của chúng sanh. Này Mahàli, có nhân, có duyên, chúng sanh bị nhiễm ô. Này Mahàli, có nhân có duyên là sự thanh tịnh của chúng sanh. Có nhân, có duyên, chúng sanh được thanh tịnh.

5) -- Nhưng bạch Thé Tôn, do nhân gì, do duyên gì là sự nhiễm ô của chúng sanh? Do có nhân gì, do có duyên gì chúng sanh bị nhiễm ô?

6) -- Này Mahàli, nếu sắc nhứt hướng khổ, rời trên đau khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đối với sắc. Vì vì rằng, này Mahàli, sắc là lạc, rời trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, cho nên chúng sanh tham đắm đối với sắc. Do tham đắm nên bị triền phược, do bị triỀn phược nên bị nhiễm ô. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

7) Và này Mahàli, nếu thọ nhứt hướng khổ, rời trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời các chúng sanh không tham đắm đối với thọ. Vì vì rằng, này Mahàli, thọ là lạc, rời trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, cho nên chúng sanh tham đắm đối với thọ. Do tham đắm nên bị triỀn phược, do bị triỀn phược nên bị nhiễm ô. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

8-9) Và này Mahàli, nếu tưởng nhứt hướng khổ... nếu các hành nhứt hướng khổ...

10) Và này Mahàli, nếu thức nhứt hướng khổ, rời trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đối với thức. Vì vì rằng, này Mahàli, thức là lạc, rời trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, do vậy chúng sanh tham đắm đối với thức. Do tham đắm nên bị triỀn phược, do bị triỀn phược nên bị nhiễm ô. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

11) -- Bạch Thé Tôn, thế nào là nhân, thế nào là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh? Do có nhân như thế nào, có duyên như thế nào, chúng sanh được thanh tịnh?

12) -- Này Mahàli, nếu sắc là nhứt hướng lạc, rời trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, thời chúng sanh không nhảm chán đối với sắc. Vì vì rằng, này Mahàli, sắc là khổ, rời trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, do vậy chúng sanh mới yếm ly đối với sắc. Do yếm ly nên ly tham; do ly tham nên giải thoát. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh được thanh tịnh.

13) Này Mahàli, nếu thọ là nhứt hướng lạc...

14) Này Mahàli, nếu tưởng là nhứt hướng lạc...

15) Này Mahàli, nếu các hành là nhứt hướng lạc...

16) Này Mahàli, nếu thức là nhứt hướng lạc, rời trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, thời chúng sanh không nhảm chán đối với thức. Vì vì rằng, này Mahàli, thức là khổ, rời trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, do vậy chúng sanh mới yếm ly đối với thức. Do yếm ly nên ly

tham, do ly tham nên giải thoát. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh được thanh tịnh.

IX. Lửa Cháy (S.iii,58)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỳ-kheo, đang bốc cháy; thọ đang bốc cháy; tưởng đang bốc cháy; hành đang bốc cháy; thức đang bốc cháy!

4) Thấy vậy, này các Tỳ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhảm chán đối với thức. Do nhảm chán nên ly tham; do ly tham nên giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát".

5) Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

X. Ngôn Lộ (S.iii,59)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỳ-kheo, có ba loại này, ngôn lộ, danh ngôn lộ, thi thiết lộ, không có lẩn lộn, trước không lẩn lộn, nay không lẩn lộn, tương lai không lẩn lộn, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách. Thế nào là ba?

4) Nay các Tỳ-kheo, phàm sắc gì đã qua, đã đoạn diệt, đã biến hoại; sắc ấy được xác nhận là "đã có", được xung danh là "đã có", được thi thiết là "đã có". Sắc ấy không được xác nhận là "hiện có", không được xác nhận là "sẽ có".

5) Phàm thọ gì đã qua, đã đoạn diệt, đã biến hoại; thọ ấy được xác nhận là "đã có", được xung danh là "đã có", được thi thiết là "đã có". Thọ ấy không được xác nhận là "hiện có", không được xác nhận là "sẽ có".

6) Phàm tưởng gì đã qua...

7) Phàm các hành gì đã qua...

8) Phàm thức gì đã qua, đã đoạn diệt, đã biến hoại; thức ấy được xác nhận là "đã có", được xung danh là "đã có", được thi thiết là "đã có". Thức ấy không được xác nhận là "hiện có", không được xác nhận là "sẽ có".

9) Phàm sắc gì chưa sanh, chưa hiện hữu; sắc ấy được xác nhận là "sẽ có", được xung danh là "sẽ có", được thi thiết là "sẽ có". Sắc ấy không được xác nhận là "hiện có", không được xác nhận là "đã có".

10) Phàm thọ gì chưa sanh, chưa hiện hữu; thọ ấy được xác nhận là "sẽ có", được xung danh là "sẽ có", được thi thiết là "sẽ có". Thọ ấy không được xác nhận là "hiện có", thọ ấy không được xác nhận là "đã có".

11) Phàm tưởng gì...

12) Phàm các hành gì...

13) Phàm thức gì chưa sanh, chưa hiện hữu; thức ấy được xác nhận là "sẽ có", được xưng danh là "sẽ có", được thi thiết là "sẽ có". Thức ấy không được xác nhận là "hiện có", thức ấy không được xác nhận là "đã có".

14) Nay các Tỷ-kheo, phàm sắc gì đã sanh, đã hiện hữu; sắc ấy được xác nhận là "hiện có", được xưng danh là "hiện có", được thi thiết là "hiện có". Sắc ấy không được xác nhận là "đã có", không được xác nhận là "sẽ có".

15) Phàm thọ gì đã sanh, đã hiện hữu; thọ ấy được xác nhận là "hiện có", được xưng danh là "hiện có", được thi thiết là "hiện có". Thọ ấy không được xác nhận là "đã có", không được xác nhận là "sẽ có".

16) Phàm tưởng gì...

17) Phàm các hành gì...

18) Phàm thức gì đã sanh, đã hiện hữu ; thức ấy được xác nhận là "hiện có", được xưng danh là "hiện có", được thi thiết là "hiện có". Thức ấy không được xác nhận là "đã có", thức ấy không được xác nhận là "sẽ có".

19) Nay các Tỷ-kheo, có ba loại này, ngôn lô, danh ngôn lô, thi thiết lô, không có lỗ lộn, trước không lỗ lộn, nay không lỗ lộn, tương lai không lỗ lộn, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

20) Tuy vậy, dân chúng ở Ukkali, những vị thuyết pháp trong thời an cư mùa mưa, các vị vô nhân luận giả, các vị vô tác luận giả, các vị vô hữu luận giả, những vị ấy cũng không có nghĩ rằng ngôn lô, danh ngôn lô, thi thiết lô này không đáng quở trách, không đáng khinh miệt. Vì sao? Vì rằng, họ sợ quở trách, công kích, phản nộ, chỉ trích.

II. Phẩm A-La-Hán

I. Cháp Trước (Tập 1. Đại 2,4b) (S.iii,73)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anàthapindika (Cáp Cô Độc).

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Ai chấp trước, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.

-- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu, bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -- Như thế nào, này Tỷ-kheo, Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt?

-- Ai chấp trước sắc, bạch Thέ Tôn, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai chấp trước thọ, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai chấp trước tưởng... Ai chấp trước các hành... Ai chấp trước thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thέ Tôn, lời nói vắn tắt này của Thέ Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

6) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời nói vắn tắt này của Ta. Ai chấp trước sắc, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai chấp trước thọ... Ai chấp trước tưởng... Ai chấp trước các hành... Ai chấp trước thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo, lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) Rồi Tỷ-kheo áy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lê Thέ Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và ra đi.

8) Rồi Tỷ-kheo áy sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, vì mục đích gì mà các thiện nam tử chon chánh xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình mong cầu chính là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh; vị áy, ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị áy chứng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Tỷ-kheo áy trở thành một vị A-la-hán nữa.

II. Suy Tưởng (S.iii,74)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Rồi một Tỷ-kheo... bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, lành thay, Thέ Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con... nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Ai suy tưởng, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.

-- Bạch Thέ Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -- Như thế nào, này Tỷ-kheo, Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt:

6) -- Ai suy tưởng sắc, bạch Thέ Tôn, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai suy tưởng thọ... tưởng... hành... thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thέ Tôn, lời nói vắn tắt này của Thέ Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời nói vắn tắt này của Ta. Này Tỷ-kheo, ai suy tưởng sắc, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai suy tưởng thọ... tưởng... các hành... Ai suy tưởng thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo, lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy... Vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

III. Hoan Hỷ (S.iii,75)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) .. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- Lành thay, bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Ai hoan hỷ, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.

-- Bạch Thέ Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -- Như thế nào, này Tỷ-kheo, Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt?

6) -- Ai hoan hỷ sắc, bạch Thέ Tôn, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai hoan hỷ thọ... tưởng... các hành... Ai hoan hỷ thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thέ Tôn, lời nói vắn tắt này của Thέ Tôn con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy Ông đã hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt. Ai hoan hỷ sắc, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai hoan hỷ thọ... tưởng... các hành... Ai hoan hỷ thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo, lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy... Vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

IV. Vô Thường (Tập 1, Đại 2,3b) (S.iii,76)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... bạch Thέ Tôn:

-- Lành thay, bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần...

4) -- Cái gì vô thường, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông phải đoạn trừ lòng dục.

-- Bạch Thέ Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -- Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

6) -- Sắc là vô thường, bạch Thέ Tôn, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô thường, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Thέ Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy lời Ta nói một cách vắn tắt, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là vô thường, này Tỷ-kheo, ở đây Ông cần phải đoạn trừ

lòng dục. Thọ là vô thường... Tưởng là vô thường... Các hành là vô thường... Thức là vô thường, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói văn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo áy hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy... Tỷ-kheo áy trở thành một vị A-la-hán nữa.

V. Khô (S.iii,77)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... bạch Thέ Tôn:

-- Lành thay, bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy thuyết pháp văn tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Cái gì khô, này các Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

-- Bạch Thέ Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -- Lời Ta nói một cách văn tắt, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

6) -- Sắc là khô, bạch Thέ Tôn. Ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là khô, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thέ Tôn, lời nói văn tắt này của Thέ Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời Ta nói một cách văn tắt, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là khô, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là khô, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói văn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo áy hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy... Tỷ-kheo áy trở thành một vị A-la-hán nữa.

VI. Vô Ngã (Tập 1, Đại 2,3b) (S.iii,77)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... bạch Thέ Tôn:

-- Lành thay, bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy thuyết pháp văn tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Cái gì vô ngã, này Tỷ-kheo, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

-- Bạch Thέ Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -- Lời Ta nói một cách văn tắt, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

6) -- Sắc là vô ngã, bạch Thέ Tôn, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô ngã, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thέ Tôn, lời nói văn tắt này của Thέ Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời Ta nói một cách văn tắt, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là vô ngã, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô ngã, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói

văn tắt này của Ta, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

VII. Không Đáng Thuộc Tự Ngã (Tập 1, Đại 2,3c) (S.iii,79)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi... Ngòi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- Lành thay, bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy thuyết pháp văn tắt cho con....

4) -- Cái gì không đáng thuộc tự ngã, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

-- Con đã hiểu, bạch Thέ Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ.

5) -- Lời Ta nói một cách văn tắt, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

6) -- Sắc không đáng thuộc tự ngã, bạch Thέ Tôn, ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức không đáng thuộc tự ngã, ở đây, con cần phải từ bỏ lòng dục. Bạch Thέ Tôn, lời dạy văn tắt này của Thέ Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời nói văn tắt này của Ta, Ông đã hiểu một cách rộng rãi. Sắc không đáng thuộc tự ngã, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ.. Tưởng... Các hành...Thức không đáng thuộc tự ngã, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói văn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

VIII. Chỉ Trú Cho Ô Nhiễm (Tập 1, Đại 2,4a) (S.iii,79)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngòi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- Lành thay, bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy thuyết pháp văn tắt cho con....

4) -- Cái gì làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

-- Con đã hiểu, bạch Thέ Tôn! Con đã hiểu bạch Thiện Thệ.

5) -- Lời Ta nói một cách văn tắt, này Tỷ-kheo, Ông hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

6) -- Sắc làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, bạch Thέ Tôn, ở đây con cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thέ Tôn, lời nói văn tắt này của Thέ Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo. Lời Ta nói một cách văn tắt, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng.. Các hành... Thức là chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói văn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa!

IX. Ràdha (Tập 6, Đại 2,37c) (S.iii,79)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2-3) Rồi Tôn giả Ràdha đi đến Thέ Tôn sau khi đến... bạch Thέ Tôn:

-- Biết như thế nào, bạch Thέ Tôn, thấy như thế nào đối với thân thể có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên"?

4) -- Nay Ràdha, phàm có sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần được thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

5) Phàm có thọ...

6) Phàm có tưởng...

7) Phàm có các hành...

8) Phàm có thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thức cần được thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Nay Ràdha, do biết vậy, do thấy vậy, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên".

10). .. Tôn giả Ràdha trở thành một vị A-la-hán nữa.

X. Suràdha (S.iii,80)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2-3). .. Rồi Tôn giả Suràdha bạch Thέ Tôn:

-- Biết như thế nào, bạch Thέ Tôn, thấy như thế nào đối với thân thể có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn", vượt ngoài mọi phân biệt, thuần tịnh, khéo giải thoát?

4) -- Nay Suràdha, phàm sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại... xa hay gần; sau khi thấy với chánh trí tuệ như thật tất cả các sắc là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", (vị ấy) được giải thoát, không có chấp thủ.

5-7) Phàm có thọ gì... có tưởng gì... có hành gì...

8) Phàm có thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; sau khi như thật thấy với chánh trí tuệ tất cả các thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", (vị ấy) được giải thoát, không có chấp thủ.

9) Nay Suràdha, do biết vậy, do thấy vậy, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn", vượt ngoài mọi phân biệt, thuần tịnh, khéo giải thoát.

10) Rồi Tôn giả Suràdha... trở thành một vị A-la-hán nữa.

III. Phẩm Nhữnг Gì Được Ăn

I. Vị Ngọt (S.iii,81)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

4-6) ... của thọ... của tướng... của các hành.

7) Không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

8-12) Và nay các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc... của thọ... của tướng... của các hành... của thức.

II. Tập Khởi (S.iii,82)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

4-6) ... của thọ... của tướng... của các hành...

7) Không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

8) Nay các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

9-11) ... của thọ... của tướng... của các hành...

12) ... như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

III. Tập Khởi (S.iii,82)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

4-6) ... của thọ... của tướng... của các hành...

7) ... như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

IV. Các Vị A-La-Hán (S.iii,83)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, sắc là vô thường. Cái gì vô thường là khô. Cái gì khô là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4-6) ... thọ... tưởng... các hành là vô thường...

7) Nay các Tỷ-kheo, thức là vô thường. Cái gì vô thường là khô. Cái gì khô là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

8) Nay các Tỷ-kheo, do thấy vậy, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức.

9) Do nhảm chán nên ly tham. Do ly tham, nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

10) Nay các Tỷ-kheo, cho đến hữu tình cư (Sattavasa), cho đến tột đảnh của hữu (Bhavaggam), những bậc ấy là tối thượng, những bậc ấy là tối thắng ở trong đời, tức là các bậc A-la-hán.

11) Thέ Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*1) An lạc, bậc La-hán,
Họ không có khát ái,
Ngã mạn khéo chặt đứt;
Lưới si bị phá rách.*

*2) Họ đạt được bất động,
Tâm viễn ly ô trược,
Không nhiễm trước thế gian,
Bậc Phạm thiên vô lậu.*

*3) Họ biến tri năm uẩn.
Do hành bảy Chánh pháp.
Bậc Chân nhân tán thán,
Con địch tôn chư Phật.*

*4) Đầu đủ bảy món báu,
Ba học đều thành tựu,
Bậc đại hùng du hành,
Đoạn tận mọi sơ hãi.*

*5) Đầu đủ mười uy lực,
Bậc Long tượng Thiên định.*

*Họ tối thắng ở đồi,
Khát ái được đoạn tận.*

6) *Thành tựu vô học trí,
Thân này thân tối hậu,
Cứu cánh của Phạm hạnh,
Đạt được không nhở ai.*

7) *Đối các tưởng, không động,
Giải thoát khỏi tái sanh,
Đạt được điều phục địa,
Họ chiến thắng ở đồi.*

8) *Thượng, hạ cùng tả, hữu.
Họ không có hỷ lạc,
Họ róng sư tử róng,
Phật vô thượng ở đồi!*

V. Các Vị A-La-Hán (S.iii,84)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khô. Cái gì khô là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4-7) Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô thường...

8) Nay các Tỷ-kheo, do thấy vậy, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức.

9) Do nhảm chán nên ly tham. Do ly tham nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

10) Nay các Tỷ-kheo, cho đến hữu tình cư, cho đến tột cảnh của hữu, những bậc ấy là tối thượng, những bậc ấy là tối thắng ở trong đồi, tức là các bậc A-la-hán.

VI. Sư Tử (S.iii,85)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, vào buổi chiều, đi ra khỏi hang. Sau khi ra khỏi hang, nó đuổi thân mình và chân. Sau khi đuổi thân mình và chân, nó nhìn xung quanh bốn phương. Sau khi nhìn xung quanh bốn phương, nó rồng lên tiếng rồng sư tử ba lần. Sau khi rồng tiếng rồng sư tử ba lần, nó đi tìm mồi. Nay các Tỷ-kheo, các loài thú thuộc loại bàng sanh, nghe tiếng rồng của con sư tử, vua các loài thú, phần lớn chúng trở thành sợ hãi, run sợ, khiếp đảm. Các loài ở hang tìm vào hang. Các loài ở nước tìm xuống nước. Các loài ở rừng tìm vào rừng. Các loài chim bay lên hư không.

5) Nay các Tỷ-kheo, các loài voi chúa ở tại làng, thị trấn hay thành phố, bị trói bởi các cây đa cứng chắc,

bứt đứt, giật đứt những sợi dây áy, khiếp đám cuồng chạy, tung cả phân và nước tiểu.

6) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đại thần thông lực của con sư tử, vua các loài thú; đối với loài bàng sanh, như vậy là đại thế lực, như vậy là đại uy lực.

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi Nhu Lai xuất hiện ở đời, bậc ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Tuệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy thuyết pháp: Đây là sắc. Đây là sắc tập khởi. Đây là sắc đoạn diệt. Đây là con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tướng... Đây là các hành... Đây là thức. Đây là thức tập khởi. Đây là thức đoạn diệt. Đây là con đường đưa đến thức đoạn diệt.

8) Nay các Tỷ-kheo, có những chư Thiên nào, tuổi thọ dài, có mỹ sắc, hưởng lạc nhiều, đã sống lâu trong các lâu đài to lớn. Các chư Thiên này, sau khi nghe Nhu Lai thuyết pháp, phần lớn họ trở thành sợ hãi, run sợ, khiếp đám. Họ nghĩ: "Chúng ta là vô thường, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường còn. Chúng ta là không thường hằng, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường hằng. Chúng ta không thường trú, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường trú. Nay chư Tôn giả, chúng ta là vô thường, không thường hằng, không thường trú, bị thâu nhiếp trong một thân này".

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đại thần thông lực của Nhu Lai đối với chư Thiên và thế giới chư Thiên, như vậy là đại thế lực, như vậy là đại uy lực.

10) Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Thuyết giảng như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*1) Khi Phật với thương trí,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Cho Thiên giới, Nhân giới,
Bậc Đạo Sư vô tỳ.*

*2) Sự đoạn diệt tự thân,
Sự hiện hữu tự thân,
Và đường Thánh Tâm ngành
Đưa đến khổ diệt tận,*

*3) Chư Thiên được trưởng thọ,
Có mỹ sắc danh xưng,
Sanh khiếp đám, sợ hãi,
Nhu thú thấy sư tử.*

*4) Vì chưa thoát tự thân,
"Chúng ta là vô thường",
Nghe lời bậc ứng Cúng,
Đã giải thoát như vậy.*

VII. Đáng Được Ăn (Tập 2, Đại 2,11) (S.iii,86)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có nhớ đến các đời sống ở các kiếp trước, tất cả họ đều nhớ đến năm thủ uân hay nhớ đến một trong những uân này.

4) Thế nào là năm? Này các Tỷ-kheo, có người nhớ rằng: "Trong quá khứ, thân ta như thế này". Nhớ như vậy, vị ấy nhớ đến sắc. Hay có người nhớ rằng: "Trong quá khứ, ta có cảm thọ như thế này". Nhớ như vậy, vị ấy nhớ đến thọ. Hay có người nhớ rằng: "Trong quá khứ ta có tưởng... có các hành... có thức như thế này". Nhớ như vậy, vị ấy nhớ đến thức.

5) Nay các Tỷ-kheo, thế nào gọi là sắc? Bị thay đổi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là sắc. Bị thay đổi bởi cái gì? Bị thay đổi bởi lạnh, bị thay đổi bởi nóng, bị thay đổi bởi đói, bị thay đổi bởi khát, bị thay đổi bởi sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng và rắn. Bị thay đổi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là sắc.

6) Nay các Tỷ-kheo, thế nào gọi là thọ? Được cảm thọ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là thọ. Cảm thọ gì? Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ phi khổ phi lạc. Được cảm thọ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là thọ.

7) Nay các Tỷ-kheo, thế nào gọi là tưởng? Nhận rõ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là tưởng. Nhận rõ gì? Nhận rõ màu xanh, nhận rõ màu vàng, nhận rõ màu đỏ, nhận rõ màu trắng. Nhận rõ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là tưởng.

8) Nay các Tỷ-kheo, thế nào gọi là hành? Làm cho hiện hành (pháp) hữu vi nên gọi là hành. Làm cho hiện hành (pháp) hữu vi gi? Làm cho hiện hành sắc với sắc tánh, làm cho hiện hành thọ với thọ tánh, làm cho hiện hành tưởng với tưởng tánh, làm cho hiện hành các hành với hành tánh, làm cho hiện hành thức với thức tánh. Làm cho hiện hành (pháp) hữu vi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là các hành.

9) Và này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là thức? Rõ biết, này các Tỷ-kheo, nên gọi là thức. Rõ biết gì? Rõ biết chua, rõ biết đắng, rõ biết cay, rõ biết ngọt, rõ biết chất kiềm... rõ biết không phải chất kiềm, rõ biết mặn, rõ biết không mặn. Rõ biết, này các Tỷ-kheo, nên gọi là thức.

10) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Nay ta bị sắc chinh phục. Trong thời quá khứ, ta cũng bị sắc chinh phục, như ta bị sắc hiện tại chinh phục. Nếu ta hoan hỷ đối với sắc vị lai, thời trong vị lai, ta sẽ bị sắc chinh phục, như nay ta bị sắc hiện tại chinh phục". Do suy nghĩ như vậy, vị ấy không có luyến tiếc đối với sắc quá khứ, không có hoan hỷ đối với sắc vị lai, và thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sắc hiện tại.

12) "Ta nay bị thọ chinh phục. Trong thời quá khứ, ta cũng bị thọ chinh phục như vậy, như nay ta bị thọ hiện tại chinh phục. Nếu ta hoan hỷ đối với thọ vị lai, thời trong thời vị lai, ta sẽ bị thọ chinh phục, như nay ta bị thọ hiện tại chinh phục". Do suy nghĩ như vậy, vị ấy không luyến tiếc đối với thọ quá khứ, không có hoan hỷ đối với thọ vị lai, và thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thọ hiện tại.

13) "Ta nay bị tưởng chinh phục..." .

14) "Ta nay bị các hành chinh phục..." .

15) "Ta nay bị thức chinh phục. Trong thời quá khứ, ta cũng bị thức chinh phục như vậy, như nay ta bị thức hiện tại chinh phục. Nếu ta hoan hỷ đối với thức vị lai, thời trong thời vị lai, ta sẽ bị thức chinh phục, như nay ta bị thức hiện tại chinh phục". Do suy nghĩ như vậy, vị ấy không có luyến tiếc đối với thức quá khứ, không có hoan hỷ đối với thức tương lai, và thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thức hiện tại.

16) Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thura không, bạch Thé Tôn.

17-19) -- Thọ... Tưởng... Các hành...

20) Thức là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thura không, bạch Thé Tôn.

21) -- Do vậy, này các Tỷ-kheo, đối với sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thăng... xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

22) Đối với thọ...

23) Đối với tưởng...

24) Đối với các hành..

25) Đối với thức quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thăng, xa hay gần; tất cả thức đều phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

26) Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Thánh đệ tử giảm thiểu, không tăng trưởng, từ bỏ, không chấp thủ, xa lánh, không thân cận, phân tán, không huân tập.

27) Giảm thiểu, không tăng trưởng cái gì? Giảm thiểu, không tăng trưởng sắc..., giảm thiểu, không tăng trưởng thọ...tưởng...các hành...giảm thiểu, không tăng trưởng thức.

28) Từ bỏ, không chấp thủ cái gì? Từ bỏ, không chấp thủ sắc...thọ... tưởng... các hành... từ bỏ, không chấp thủ thức.

29) Xa lánh, không thân cận cái gì? Xa lánh, không thân cận sắc... thọ... tưởng... các hành... xa lánh, không thân cận thức.

30) Phân tán, không huân tập cái g? Phân tán, không huân tập sắc... thọ... tưởng... các hành... phân tán, không huân tập thức.

31) Thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhảm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhảm chán đối với thức. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

32) Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Tỷ-kheo không tăng trưởng, không giảm thiểu. Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ; sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận; sau khi xa lánh, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập.

33) Sau khi phân tán, vị ấy trú, không tăng trưởng, không giảm thiểu cái gì? Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không tăng trưởng, không giảm thiểu sắc. Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không tăng trưởng, không giảm thiểu thọ... tưởng... các hành... không tăng trưởng, không giảm thiểu thức.

34) Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ cái gì? Sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ sắc; sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ thọ... tưởng... các hành... không từ bỏ, không chấp thủ thức.

35) Sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận cái gì? Sau khi xa lánh, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận sắc; sau khi xa lánh, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận thọ... tưởng... các hành... không phân tán, không huân tập thức.

36) Sau khi xa lánh, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập cái gì? Sau khi phân tán, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập sắc; sau khi phân tán, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập thọ... tưởng... các hành... không phân tán, không huân tập thức.

37) Sau khi phân tán, vị ấy trú, với tâm giải thoát như vậy. Nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy được chư Thiên với Thiên chủ, Phạm thiên chúng với Phạm thiên đảnh lễ, dâu cho ở xa:

38)

*Ôi, ta đảnh lễ Ông,
Bậc người như lương mā!
Ôi, ta đảnh lễ Ông,
Là bậc tối thắng nhân!
Ta không có chấp trước,
Đối tượng Ông Thiên tư!*

VIII. Người Khất Thực (Tập 10, Đại 2,71c) (Trung 34, Đại 1,647a) (S.iii,91)

1) Một thời Thê Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở vườn Cây Bàng (Nigrodhàrāma)

2) Rồi Thê Tôn nhân một lối lầm, sau khi quở trách chúng Tỷ-kheo Tăng, đắp y vào buổi sáng, cầm y bát, đi vào thành Kapilavatthu để khất thực.

3) Đi khất thực ở Kapilavatthu xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khất thực trở về, Thê Tôn đi đến Mahàvana (Đại Lâm) để nghỉ buổi trưa. Sau khi đi sâu vào rừng Mahàvana, Ngài ngồi nghỉ trưa dưới

một gốc cây veluvalatthikà.

4) Trong khi Thέ Tôn độc cư Thiền tịnh, tư tưởng như sau được khởi lên:

5) "Chúng Tỷ-kheo đã được Ta làm cho vững mạnh. Nhưng ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như con bê, nếu không thấy bò mẹ, có thể thay đổi, đổi khác."

6) Cũng vậy, ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Ví như những hột giống non, nếu không có nước có thể đổi khác, biến đổi.

7) Cũng vậy, ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không được bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như trước đây chúng Tỷ-kheo đã được Ta giúp đỡ, cũng vậy, nay Ta hãy giúp đỡ cho chúng Tỷ-kheo!"

8) Rồi Phạm thiên Sahampati, với tâm của mình biết được tư niệm của Thέ Tôn, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại hay co lại cánh tay duỗi ra, cũng vậy, biến mất từ Phạm thiên giới, hiện ra trước mặt Thέ Tôn.

9) Rồi Phạm thiên Sahampati, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thέ Tôn, và bạch Thέ Tôn:

-- Như vậy là phải, bạch Thέ Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thέ Tôn, chúng Tỷ-kheo đã được Thέ Tôn làm cho vững mạnh.

10) Nhưng ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Thέ Tôn, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như con bê, nếu không thấy bò mẹ có thể đổi khác, biến đổi.

11) Cũng vậy, ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Thέ Tôn, họ có thể đổi khác, biến đổi. Ví như những hạt giống non, nếu không có nước, có thể đổi khác, biến đổi.

12) Cũng vậy, ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Thέ Tôn, họ có thể đổi khác, biến đổi.

13) Bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy làm cho chúng Tỷ-kheo hoan hỷ. Bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy thuyết giảng cho chúng Tỷ-kheo như trước đây chúng Tỷ-kheo đã được Thέ Tôn giúp đỡ, cũng vậy, nay Thέ Tôn hãy giúp đỡ cho chúng Tỷ-kheo!

14) Thέ Tôn im lặng nhận lời.

15) Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi biết Thέ Tôn đã nhận lời, đánh lễ Thέ Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

16) Rồi Thέ Tôn, vào buổi chiều từ chỗ tĩnh cư đứng dậy, đi đến vườn Cây Bàng, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thέ Tôn nghĩ rằng: "Ta hãy thị hiện thần thông một cách khiến cho các vị Tỷ-kheo ấy đến Ta từng nhóm một hay hai người, với tâm có tội lỗi".

17) Và các Tỷ-kheo áy đến Thέ Tôn, từng nhóm một hay hai người, với tâm có tội lỗi; sau khi đến, dảnh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

18) Thέ Tôn nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

-- Nay các Tỷ-kheo, đây là nghề sinh sống hèn hạ nhất, tức là nghề khát thực. Đây là một lời nguyèn rủa trong đời, này các Tỷ-kheo, khi nói: "Ông, kẻ khát thực với bát trên bàn tay, Ông đi chố này, chố kia và đây là nghề sinh sống". Nay các Tỷ-kheo, điều mà các thiện gia nam tử chấp nhận là những vị sống vì lý tưởng mục đích, duyên với lý tưởng mục đích; không phải vì ma cuồng ép, không phải vì trộm cướp cuồng ép, không phải vì thiếu nợ, không phải vì sợ hãi, không phải vì không có nguồn sinh sống, mà với ý nghĩ: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; bị chìm đắm trong đau khổ, bị doanh vây bởi đau khổ. Rất có thể, sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này được tìm ra".

19) Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là thiện gia nam tử xuất gia. Vì áy có tham dục đối với các dục vọng, tham ái cuồng nhiệt, tâm tư sân hận, tư niệm ô nhiễm, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn không chế ngự. Ví như, này các Tỷ-kheo, một que củi từ chố hỏa táng, cả hai đầu đều cháy, ở giữa lại dính phân, không được dùng làm củi trong làng, không được dùng làm củi trong rừng. Dùng ví dụ áy, Ta tả cho các Ông con người áy, đã mất cả nhà và tài sản, lại không làm viên mãn mục đích của Sa-môn hạnh.

20) Nay các Tỷ-kheo, có ba bất thiện tầm này: dục tầm, sân tầm, hại tầm. Và này các Tỷ-kheo, ba bất thiện tầm này được đoạn diệt không có dư tàn, đối với vị nào tâm đã khéo an trú vào bốn Niệm xứ hay tu tập vô tướng Thiên định.

21) Nay các Tỷ-kheo, hãy khéo tu tập vô tướng Thiên định. Nay các Tỷ-kheo, vô tướng Thiên định được tu tập, làm cho tăng thịnh, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn.

22) Nay các Tỷ-kheo, có hai kiến này: hữu kiến, phi hữu kiến. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Có cái gì ở trong đời, ta chấp trước mà không có phạm tội?"

23) Và vị áy biết: "Không có cái gì ở trong đời ta chấp trước mà không có phạm tội". Nếu ta chấp thủ sự chấp thủ sắc... thọ... tướng... các hành... Nếu ta chấp thủ sự chấp thủ thức, do duyên chấp thủ, hữu trở thành của ta. Do duyên hữu, có sanh. Do sanh, có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

24) Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu quán cái áy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

25-28) -- Thọ... Tướng... Hành... Thức.... Do vậy, này các Tỷ-kheo, thấy vậy... Vì áy biết: "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

IX. Pàrileyya (Tập 2, Đại 2,13c) (S.iii,94)

- 1) Một thời Thé Tôn ở Kosambi, tại vườn Ghosita.
- 2) Rồi Thé Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kosambi để khát thực. Khát thực xong, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, Ngài dọn dẹp chỗ nằm của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.
- 3) Rồi một Tỷ-kheo, khi Thé Tôn đi chưa bao lâu, liền đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói với Tôn giả Ananda:
 - Nay Hiền giả Ananda, Thé Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.
- 4) -- Nay Hiền giả, trong khi Thé Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành; trong khi ấy, Thé Tôn ưa sống một mình; trong khi ấy, Thé Tôn không muôn ai đi theo Ngài.
- 5) Rồi Thé Tôn tuân tự du hành, đi đến Pàlileyyaka. Tại đây, Thé Tôn trú ở Pàlileyyaka, dưới gốc cây bhaddasàla.
- 6) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.
- 7) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ananda:
 - Đã lâu lắm, nay Hiền giả Ananda, chúng tôi chưa được tận mặt nghe Thé Tôn thuyết pháp. Chúng tôi muốn, nay Hiền giả Ananda, được tận mặt nghe Thé Tôn thuyết pháp.
- 8) Rồi Tôn giả Ananda cùng với các Tỷ-kheo ấy đi đến Pàlileyyaka, gốc cây bhaddasàla, chỗ Thé Tôn ở; sau khi đến, đánh lẽ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.
- 9) Rồi Thé Tôn thuyết pháp cho các Tỷ-kheo ấy, giảng giải, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.
- 10) Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo sanh khởi suy nghĩ như sau: "Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"
- 11) Thé Tôn với tâm của mình biết được suy nghĩ của Tỷ-kheo ấy, liền nói với các Tỷ-kheo:
 - Nay các Tỷ-kheo, pháp đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn niệm xứ đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn chánh càn đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn như ý túc đã được giải thích, thuyết giảng. Năm căn đã được giải thích, thuyết giảng. Năm lực đã được giải thích, thuyết giảng. Bảy bồ-đề phần đã được giải thích, thuyết giảng. Thánh đạo Tám ngành đã được giải thích, thuyết giảng. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, pháp được Ta giải thích, thuyết giảng.
- 12) Dầu cho, nay các Tỷ-kheo, các pháp được Ta giải thích, thuyết giảng như vậy, nhưng ở đây có Tỷ-kheo khởi lên suy nghĩ sau đây: "Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"

13-16) Nay các Tỷ-kheo, biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức? Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, sự quán như vậy là hành. Hành áy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Từ khát ái áy, hành áy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Thọ áy... xúc áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Vô minh áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, do thấy vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

17) Vị áy có thể không quán sắc như là tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã như là có sắc. Sự quán áy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành áy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái áy, hành áy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái áy... thọ áy... xúc áy... vô minh áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

18) Vị áy có thể không quán sắc như là tự ngã, không quán tự ngã như là có sắc, nhưng có thể quán sắc ở trong tự ngã. Quán áy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành áy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái áy, hành áy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái áy... thọ áy... xúc áy... vô minh áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

19) Vị áy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã ở trong sắc. Sự quán áy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành áy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái áy, hành áy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái áy... thọ áy... xúc áy... vô minh áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

20-21) Vị áy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, có thể không quán tự ngã ở trong sắc. Nhưng có thể quán thọ như là tự ngã, và có thể quán tự ngã như là có thọ, có thể quán thọ ở trong tự ngã, và có thể quán tự ngã ở trong thọ.

22-23)... có thể quán tướng... có thể quán các hành...

24)... có thể quán thức như là tự ngã, có thể quán tự ngã như là có thức; có thể quán thức ở trong tự ngã; và có thể quán tự ngã ở trong thức. Sự quán áy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành áy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái áy, hành áy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái áy... thọ áy... xúc áy... vô minh áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

25) Vị áy có thể không quán sắc như là tự ngã; có thể không quán thọ như là tự ngã; có thể không quán tướng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã. Nhưng có thể có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại". Nhưng thường kiến áy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành áy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi... Do biết như vậy, thấy như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

26) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức là tự ngã; có thể không có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường cùn, thường hăng, thường trú, không chịu sự biến hoại". Nhưng vị ấy có thể có (tà) kiến như sau: "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta".

27) Đoạn kiến áy, này các Tỷ-kheo, là hành. Nhưng hành áy, lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh khởi, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái áy, hành áy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái áy... thọ áy... vô minh áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

28) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã... không quán tự ngã ở trong thức; không có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết tôi sẽ thường cùn, thường hăng, thường trú, không chịu sự biến hoại"; có thể không có (tà) kiến như sau: "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta". Nhưng vị ấy có thể nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này.

29) Nhưng này các Tỷ-kheo, sự nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này là hành. Hành áy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái áy, hành áy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Thọ áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Xúc áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Vô minh áy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh.

30) Nay các Tỷ-kheo, do biết như vậy, thấy như vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

X. Trăng Rằm (Tập 2, Đại 2,14b) (S.iii,100) (Trung Bộ Kinh, trang 109, 110 Tham chiêu)

1) Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Đông Viên, Lộc Mẫu giảng đường, cùng với đại chúng Tỷ-kheo.

2) Lúc bấy giờ, Thέ Tôn nhân ngày lễ Bô-tát, ngày rằm, đêm trăng tròn, giữa trời, có chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

3) Rồi có Tỷ-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thέ Tôn và bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, con muốn hỏi Thέ Tôn một vấn đề, nếu Thέ Tôn cho phép, và trả lời câu hỏi của con.

-- Nay Tỷ-kheo, hãy ngồi tại chỗ và hỏi theo ý Ông muốn.

4) -- Thura vāng, bạch Thέ Tôn.

Tỷ-kheo áy vâng đáp Thέ Tôn, ngồi tại chỗ ngồi của mình và bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, có phải có năm thủ uẩn này: tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn?

-- Nay Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

5) -- Lành thay, bạch Thέ Tôn.

Tỷ-kheo áy hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy, rồi hỏi thêm Thέ Tôn một câu khác:

-- Bạch Thέ Tôn, năm thủ uẩn này lấy gì làm căn bản?

-- Nay Tỷ-kheo, năm thủ uẩn này lấy dục làm căn bản.

6) -- Lành thay, bạch Thέ Tôn...

-- Bạch Thέ Tôn, chấp thủ áy là năm thủ uẩn áy hay chấp thủ ngoài năm thủ uẩn?

-- Nay Tỷ-kheo, chấp thủ áy không tức là năm thủ uẩn áy và chấp thủ cũng không phải ngoài năm thủ uẩn. Nhưng chỗ nào có tham và dục, chỗ áy có chấp thủ.

7) -- Lành thay, bạch Thέ Tôn.

Tỷ-kheo áy... hỏi Thέ Tôn một câu hỏi khác:

-- Có thể chăng, bạch Thέ Tôn, trong năm thủ uẩn, có sự sai khác về dục và tham?

Thέ Tôn đáp :

-- Có thể có, nay Tỷ-kheo.

Ở đây, nay Tỷ-kheo, có người nghĩ như sau: "Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có sắc như vậy! Mong rằng trong tương lai ta sẽ có thọ như vậy! Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có tưởng như vậy! Mong rằng trong tương lai ta sẽ có các hành như vậy! Mong rằng trong tương lai ta sẽ có thức như vậy!" Như vậy, nay Tỷ-kheo, có thể có sự sai khác về dục và tham trong năm thủ uẩn.

8) -- Lành thay, bạch Thέ Tôn.

Tỷ-kheo áy... hỏi thêm câu hỏi nữa:

-- Dưới hình thức nào, bạch Thέ Tôn, có định nghĩa về uẩn của các uẩn?

-- Phàm sắc gì, nay Tỷ-kheo, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thẳng, hoặc xa hay gần; đây gọi là sắc uẩn. Phàm thọ gì... Phàm tưởng gì... Phàm các hành gì... Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thẳng, hoặc xa hay gần; đây gọi là thức uẩn. Dưới hình thức như vậy, nay Tỷ-kheo, có định nghĩa về uẩn của các uẩn.

9) -- Lành thay, bạch Thέ Tôn.

Tỷ-kheo áy... hỏi thêm câu hỏi nữa:

-- Bạch Thέ Tôn, do nhân gì, do duyên gì, được gọi là sắc uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là thọ uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là tưởng uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là hành uẩn?

Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là thức uẩn?

-- Do nhân bốn đại, này Tỷ-kheo, do duyên bốn đại, được gọi là sắc uẩn. Do nhân xúc, do duyên xúc, được gọi là thọ uẩn. Do nhân xúc, do duyên xúc, được gọi là tưởng uẩn. Do nhân xúc, do duyên xúc, được gọi là hành uẩn. Do nhân danh sắc, do duyên danh sắc, được gọi là thức uẩn.

10) -- Lành thay, bạch Thέ Tôn.

Tỷ-kheo áy... hỏi thêm câu khác:

-- Như thế nào, bạch Thέ Tôn, là có thân kiến?

-- Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay quán tự ngã như là có sắc, hay quán sắc ở trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong sắc... thọ... tưởng.. hành... quán thức như là tự ngã, hay quán tự ngã như là có thức, hay quán thức ở trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là có thân kiến.

11) -- Lành thay, bạch Thέ Tôn.

Tỷ-kheo áy... hỏi thêm câu nữa:

-- Như thế nào, bạch Thέ Tôn, là không có thân kiến?

-- Ở đây, này Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh, khéo thuần thực pháp các bậc Thánh, khéo tu tập pháp các bậc Thánh; thấy rõ các bậc Chân nhân, khéo thuần thực pháp các bậc Chân nhân, khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có sắc, hay không quán sắc ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong sắc, không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có thức, hay không quán thức ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là không có thân kiến.

12) -- Lành thay, bạch Thέ Tôn.

Tỷ-kheo áy... hỏi thêm một câu nữa:

-- Bạch Thέ Tôn, cái gì là vị ngọt, là sự nguy hiểm, là sự xuất ly của sắc?... của thọ... của tưởng... của các hành? Cái gì là vị ngọt, là sự nguy hiểm, là sự xuất ly của thức?

-- Nay Tỷ-kheo, do duyên sắc, khởi lên lạc hỷ gì, đó là vị ngọt của sắc. Sự vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của sắc, đó là sự nguy hiểm của sắc. Sự nghiệp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham đối với sắc, đó là sự xuất ly của sắc. Do duyên thọ... Do duyên tưởng... Do duyên các hành... Do duyên thức khởi lên lạc hỷ gì, đó là vị ngọt của thức. Sự vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của thức, đó là sự nguy hiểm của thức. Sự nghiệp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham đối với thức, đó là sự xuất ly của thức.

13) -- Lành thay, bạch Thέ Tôn.

Tỷ-kheo áy hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy, lại hỏi Thέ Tôn thêm câu nữa:

-- Bạch Thé Tôn, do biết như thế nào, do thấy như thế nào, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (quan điểm): ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên?

-- Nay Tỷ-kheo, phàm sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thẳng, hoặc xa hay gần; tất cả sắc, Tỷ-kheo như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Đây không phải của tôi, đây không phải là tôi, đây không phải tự ngã của tôi". Phàm thọ gì... Phàm tưởng gì... Phàm các hành gì... Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thẳng, hoặc xa hay gần; tất cả thức, Tỷ-kheo như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Đây không phải của tôi, đây không phải là tôi, đây không phải tự ngã của tôi!" Nay Tỷ-kheo, do biết như vậy, thấy như vậy, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (quan điểm): ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên.

14) Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo khác khởi lên suy nghĩ sau đây: "Nếu Ngài nói sắc là vô ngã, thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã, thời các nghiệp do vô ngã tạo ra, thời ngã nào lãnh thọ?"

15) Rồi Thé Tôn với tâm tư của mình biết rõ suy nghĩ của Tỷ-kheo ấy, liền nói với các Tỷ-kheo:

-- Sự kiện này xảy ra, này các Tỷ-kheo, là có kẻ ngu si, vô trí, chìm đắm trong vô minh, tâm bị khát ái chi phối, nghĩ rằng có thể vượt qua lời dạy bậc Đạo Sư, nghĩ rằng: "Nếu Ngài dạy rằng sắc là vô ngã, thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã, thời các nghiệp do vô ngã làm, các nghiệp ấy do ngã nào lãnh thọ?" Nay các Tỷ-kheo, các câu vấn nạn đã được Ta khéo dạy cho các Ông, chỗ này, chỗ kia trong các pháp ấy.

16) Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

17-19) -- Thọ... tưởng... các hành...

20) Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng, nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

-- Do vậy... thấy vậy... vị ấy biết: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

IV. Phẩm Trưởng Lão

I. Ananda (Tập 10, Đại 2,66a) (S.iii,105)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Ananda ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Ở đây, Tôn giả Ananda gọi các Tỷ-kheo:

-- Này các Tỷ-kheo.

-- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda nói như sau:

3) -- Chư Hiền giả, Tôn giả Punna Mantaniputta, lúc chúng ta mới tu học, đã giúp đỡ chúng ta nhiều. Vì ấy giáo giới chúng ta với lời giáo giới này: Này Hiền giả Ananda, do chấp thủ, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ.

4) Do chấp thủ gì, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ. Do chấp thủ sắc, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ. Do chấp thủ thọ... tưởng... các hành... Do chấp thủ thức, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ.

5) Này Hiền giả Ananda, ví như một người đàn bà hay người đàn ông, hay người trẻ tuổi, ưa thích trang điểm, ngắm bồng mặt của mình trong một tấm gương sạch sẽ, trong sáng, hay trong một bát nước trong, thấy được do duyên chấp thủ, không phải không chấp thủ. Cũng vậy, này Hiền giả Ananda, do chấp thủ sắc, nên có (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ. Do chấp thủ thọ... tưởng... các hành... do chấp thủ thức, nên có (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ.

6) Hiền giả Ananda, Hiền giả nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, Hiền giả.

7-10) -- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, Hiền giả.

11-12) -- Do thấy vậy... vị ấy biết "...không còn trở lui trạng thái này nữa".

13) Chư Hiền giả, Tôn giả Punna Mantaniputta, khi chúng tôi mới tu học, đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều. Tôn giả ấy giảng cho chúng tôi lời giáo giới này. Sau khi nghe Tôn giả Punna Mantaniputta thuyết pháp, chúng tôi hoàn toàn chứng tri (Chánh) pháp.

II. Tissa (Tập 10, Đại 2,71a) (S.iii,106)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Tissa, cháu trai Thế Tôn, nói với một số đồng Tỷ-kheo:

-- Này chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt (nặng nè và bại hoại). Ta không thấy rõ các phương hướng. Ta không phân biệt được các pháp. Thụy miên, hôn trầm xâm chiếm tâm ta và tồn tại. Ta sống Phạm hạnh không còn thoải mái, và ta nghi ngờ đối với các pháp.

3) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo áy bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, Tôn già Tissa, cháu trai Thé Tôn, có nói với một số đông Tỷ-kheo: "Này chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt (nặng nề và bại hoại). Ta không thấy rõ các phương hướng. Ta không phân biệt được các pháp. Thụy miên, hôn trầm xâm chiếm tâm ta và tồn tại. Ta sống Phạm hạnh không còn thoả mái, và ta nghi ngờ đối với các pháp".

5) Rồi Thé Tôn gọi một Tỷ-kheo:

-- Đến đây, này Tỷ-kheo! Hãy nhân danh Ta, gọi Tỷ-kheo Tissa: "Hiền già Tissa, bậc Đạo Sư gọi Hiền già!"

6) -- Thưa vâng, bạch Thé Tôn.

Tỷ-kheo áy vâng đáp Thé Tôn, đi đến Tôn già Tissa; sau khi đến, nói với Tôn già Tissa:

-- Hiền già Tissa! Bậc Đạo Sư gọi Hiền già.

7) -- Thưa vâng, Hiền già.

Tôn già Tissa vâng đáp Tỷ-kheo áy, đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.

8) Thé Tôn nói với Tôn già Tissa đang ngồi một bên:

-- Có thật chăng, này Tissa, Ông đã nói như sau cho một số đông Tỷ-kheo: "Này chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt... và ta nghi ngờ đối với các pháp"?

-- Thưa vâng, bạch Thé Tôn.

9) -- Ông nghĩ thế nào, này Tissa? Đối với người chưa ly tham, chưa ly dục, chưa ly ái, chưa ly khát, chưa ly nhiệt tình, chưa ly khát ái đối với sắc, thời khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

-- Thưa có, bạch Thé Tôn.

10-13) -- Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa! Như người chưa ly tham đổi với sắc... đổi với thọ... đổi với tưởng... Như người chưa ly tham đổi với các hành, thời khi các hành ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

-- Thưa có, bạch Thé Tôn.

14) -- Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa! Như người chưa ly tham đổi với thức, người chưa ly tham, chưa ly dục, chưa ly ái, chưa ly khát, chưa ly nhiệt tình, chưa ly khát ái đổi với thức, thời khi thức ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

-- Thưa có, bạch Thé Tôn.

15) -- Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đổi với người chưa ly tham đổi với thức.

16) Nay Tissa, Ông nghĩ thế nào, đối với người đã ly tham, đã ly dục, đã ly ái, đã ly khát, đã ly khát ái, đã ly nhiệt tình, đã ly khát ái đối với sắc, thời khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sầu, bi, khổ, ưu, não có khởi lên không?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

17)-- Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đối với người đã ly tham đối với sắc. Đối với người đã ly tham, đã ly dục, đã ly ái, đã ly khát, đã ly khát ái, đã ly nhiệt tình, đã ly khát ái đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... Như người đã ly tham đối với các hành, người đã ly tham, đã ly dục, đã ly ái, đã ly khát, đã ly khát ái đối với thức, thời khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sầu, bi, khổ, ưu, não có khởi lên không?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

18) -- Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đối với người đã ly tham đối với thức.

19) Nay Tissa, Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

20-23) -- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

24-25) -- Do vậy... thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vì ấy biết rõ như vậy.

26) Ví như, này Tissa, có hai người. Một người không giỏi về đường sá, một người giỏi về đường sá. Trong hai người ấy, người không giỏi về đường sá này hỏi người giỏi về đường sá kia về con đường. Người ấy trả lời: "Hãy đi, này Bạn, đây là con đường. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy một thời gian, Bạn sẽ thấy con đường ấy chia làm hai. Ở đây, hãy bỏ con đường phía trái, và lấy con đường phía mặt. Rồi đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một khu rừng rậm. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một đầm nước lớn. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một vực nước sâu. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một khoảnh đất bằng khả ái!"

27) Đây là ví dụ của Ta dùng, này Tissa, để nêu rõ ý nghĩa. Và ý nghĩa như sau:

28) Người không giỏi về đường sá, này Tissa, là ví cho kẻ phàm phu. Người giỏi về đường sá, này Tissa, là ví cho Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

29) Con đường chia làm hai, này Tissa, là ví cho trạng thái nghi hoặc. Con đường tay trái, này Tissa, là ví cho con đường tà đạo tám ngạnh, tức là tà tri kiến... tà định. Con đường tay mặt, này Tissa, là ví cho con đường Thánh đạo Tám ngạnh, tức là chánh tri kiến... chánh định.

30) Khu rừng rậm, này Tissa, là ví cho vô minh. Các đầm nước thấp, này Tissa, là ví cho các dục. Vực nước sâu, này Tissa, là ví cho phần nộ, ưu não. Khoảnh đất bằng phẳng khả ái, này Tissa, là ví cho Niết-bàn.

31) Hãy hoan hỷ, này Tissa! Hãy hoan hỷ, này Tissa! Ta giáo giới (cho Ông), Ta giúp đỡ (cho Ông), Ta giảng dạy (cho Ông).

32) Thέ Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Tissa hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy.

III. Yamaka (Tập 5, Đại 2,30c) (S.iii,109)

1) Một thời Tôn giả Sàriputta trú tại Sàvatthi, Jetavena, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, Tỷ kheo Yamaka khởi lên ác tà kiến sau đây: "Như ta hiểu lời Thέ Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

3) Nhiều Tỷ-kheo nghe Tỷ-kheo Yamaka khởi lên ác tà kiến sau đây: "Như ta hiểu lời Thέ Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

4) Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Yamaka; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Yamaka những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

5) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Yamaka:

-- Có thật chăng, này Hiền giả Yamaka, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Như ta hiểu lời Thέ Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

6) -- Này chư Hiền, tôi đã hiểu lời Thέ Tôn thuyết pháp như vậy: "Như ta hiểu lời Thέ Tôn... sau khi chết".

7) -- Chớ có nói vậy, Hiền giả Yamaka! Chớ có xuyên tạc Thέ Tôn! Xuyên tạc Thέ Tôn là không tốt lành. Thέ Tôn không có nói như sau: "Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

8) Dầu được các Tỷ-kheo ấy nói như vậy, Tôn giả Yamaka vẫn kiên trì, kiên cố chấp nhận ác tà kiến ấy, nói rằng: "Như ta hiểu lời Thέ Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

9) Vì rằng các Tỷ-kheo không thể làm cho Tôn giả Yamaka rời bỏ ác tà kiến ấy, các Tỷ-kheo ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- Tỷ-kheo Yamaka, thưa Hiền giả Sàriputta, có khởi lên ác tà kiến như sau: "Như ta hiểu lời Thέ Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết". Lành thay, nếu Tôn giả Sàriputta vì lòng lân mẫn đi đến Tỷ-kheo Yamaka.

10) Tôn giả Sàriputta im lặng nhận lời.

11) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi chiều, từ chỗ tĩnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Yamaka; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Yamaka những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

12) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Yamaka:

-- Có thật chăng, Hiền giả Yamaka, Hiền giả có khởi lên ác tà kiến như sau: "Như ta đã hiểu lời Thέ Tôn thuyết pháp... không còn gì nữa sau khi chết".

13) -- Thưa Hiền giả, tôi hiểu như vậy lời Thέ Tôn thuyết pháp: "Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

14) -- Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, này Hiền giả.

15-18) -- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, này Hiền giả.

19-20) -- Do vậy... thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

21) Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán Như Lai là sắc không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

22-26) -- Hiền giả có quán Như Lai là thọ... tưởng... hành... thức không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

27) -- Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán Như Lai ở trong sắc không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

-- Hiền giả có quán Như Lai ở ngoài sắc không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

28) -- Hiền giả, có quán Như Lai ở trong thọ không?...

29) Hiền giả có quán Như Lai ở trong tưởng không?...

30) Hiền giả có quán Như Lai ở trong các hành không?...

31) Hiền giả có quán Như Lai ở trong thức không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

-- Hiền giả có quán Như Lai là ngoài thức không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

32) -- Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán Như Lai là sắc, thọ, tưởng, hành, thức

không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

33) -- Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán cái không sắc, không thọ, không tưởng, không hành, không thức là Như Lai không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

34) -- Và ở đây, Hiền giả Yamaka, ngay trong đời sống hiện tại, cũng không thể tìm được một Như Lai thường chơn, thường trú, thời hợp lý chăng khi Hiền giả trả lời: "Như ta đã hiểu lời Thé Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ tận diệt, không còn gì nữa sau khi chết".

35) -- Trước đây tôi vô trí nên có ác tà kiến ấy. Nay sau khi nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ác tà kiến ấy được đoạn trừ, và pháp được tôi hoàn toàn chứng tri.

36) -- Hiền giả Yamaka, nếu có người hỏi Hiền giả: "Hiền giả Yamaka, vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ trở thành gì?"; được hỏi như vậy, Hiền giả Yamaka, Hiền giả trả lời như thế nào?

37) -- Thưa Hiền giả, nếu có người hỏi tôi: "Này Hiền giả Yamaka, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ trở thành gì?"; được hỏi như vậy, này Hiền giả, tôi sẽ trả lời: "Sắc là vô thường, này Hiền giả, cái gì vô thường là khô. Cái gì khô là đoạn diệt, là tiêu diệt. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô thường, này Hiền giả, cái gì vô thường là khô. Cái gì khô là đoạn diệt, là tiêu diệt". Được hỏi vậy, này Hiền giả, tôi sẽ trả lời như vậy.

38-39) Lành thay, lành thay, Hiền giả Yamaka! Hiền giả Yamaka, ta sẽ cho Hiền giả một ví dụ để ý nghĩa này được hiểu rõ thêm nữa. Ví như, này Hiền giả Yamaka, một người gia chủ hay con của người gia chủ, là nhà hào phú, tiền nhiều, của nhiều, lại được bảo vệ. Rồi có người đến, muốn điều bất lợi, muốn điều bất hạnh, muốn điều bất an, muốn đoạt mạng sống người kia. Người ấy suy nghĩ: "Người gia chủ hay con của người gia chủ này là nhà hào phú, tiền nhiều, của nhiều, lại được bảo vệ. Thật không dễ gì đoạt mạng sống nó bằng sức mạnh. Vậy ta hãy tìm cách xâm nhập rồi sẽ đoạt mạng sống". Người ấy đi đến người gia chủ hay con của người gia chủ kia, và nói như sau: "Thưa Tôn giả, tôi xin được hầu hạ Tôn giả". Người gia chủ hay con của người gia chủ kia chấp nhận cho người ấy hầu hạ. Người ấy hầu hạ, dậy trước ngủ sau, sự việc nhanh nhẹn, cử chỉ đẹp lòng, lời nói khả ái. Người gia chủ hay con của người gia chủ kia tin tưởng người ấy, xem người ấy như thân hữu, tin tưởng người ấy, xem như tâm hữu, và đặt lòng tin cẩn vào người ấy. Ngày Hiền giả, khi người ấy đã tin tưởng rằng: "Người gia chủ hay con của người gia chủ này đã tin cẩn ta", khi bắt gặp người con của gia chủ ở một chỗ thanh vắng, liền lấy con dao sắc bén, đoạt mạng sống người con của gia chủ.

40) Hiền giả Yamaka, Hiền giả nghĩ thế nào? Khi người ấy đến với người gia chủ hay con của người gia chủ kia và nói: "Thưa Tôn giả, tôi muốn hầu hạ Tôn giả"; khi ấy người ấy có phải là kẻ giết người không? Và dầu cho người ấy là kẻ giết người, người gia chủ hay con của người gia chủ cũng không nghĩ rằng: "Ta có một kẻ giết người".

41) Khi người ấy hầu hạ, dậy trước ngủ sau, sự việc nhanh nhẹn, cử chỉ đẹp lòng, lời nói khả ái, khi ấy dầu cho người ấy là kẻ giết người, người gia chủ hay con của người gia chủ cũng không nghĩ rằng: "Ta có một kẻ giết người".

-- Thưa vâng, này Hiền giả.

42-43)-- Cũng vậy, này Hiền giả, kẻ vô văn phàm phu, không được thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

44) "Sắc là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là vô thường"; "Thọ là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Thọ là vô thường"; tưởng là vô thường, người ấy không như thật biết rõ: "Tưởng là vô thường"; "Các hành là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Các hành là vô thường"; "Thức là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là vô thường".

45) "Sắc là khổ", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là khổ"; "Thọ là khổ"... "Tưởng là khổ"... "Các hành là khổ"... "Thức là khổ", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là khổ".

46) "Sắc là vô ngã", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là vô ngã"; "Thọ là vô ngã"... "Tưởng là vô ngã"... "Các hành là vô ngã"... "Thức là vô ngã", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là vô ngã".

47) "Sắc là hữu vi", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là hữu vi"; "Thọ là hữu vi"... "Tưởng là hữu vi"... "Các hành là hữu vi"; "Thức là hữu vi", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là hữu vi".

48) "Sắc là kẻ giết người", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là kẻ giết người"; "Thọ là kẻ giết người"... "Tưởng là kẻ giết người"... "Các hành là kẻ giết người"... "Thức là kẻ giết người", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là kẻ giết người".

49) Người ấy đến với sắc, chấp thủ, nghiệp tri: "Sắc là tự ngã của ta". Người ấy đến với thọ... với tưởng... với các hành... người ấy đến với thức, chấp thủ và nghiệp tri: "Thức là tự ngã của ta". Năm thủ uẩn này được người ấy đi đến chấp thủ, sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu dài cho người ấy.

50) Nay Hiền giả, bậc Đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh... tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

51) "Sắc là vô thường", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là vô thường"; "Thọ là vô thường"... "Tưởng là vô thường"... "Các hành là vô thường"... "Thức là vô thường", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là vô thường".

52) "Sắc là khổ", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là khổ"... "Thọ là khổ"... "Tưởng là khổ"... "Các hành là khổ"... "Thức là khổ", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là khổ".

53) "Sắc là vô ngã", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là vô ngã"... "Thọ là vô ngã"... "Tưởng là vô ngã"... "Các hành là vô ngã"... "Thức là vô ngã", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là vô ngã".

54) "Sắc là hữu vi", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là hữu vi"... "Thọ là hữu vi"... "Tưởng là hữu vi"... "Các hành là hữu vi"... "Thức là hữu vi", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là hữu vi".

55) "Sắc là kẻ giết người", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là kẻ giết người"... "Thọ là kẻ giết người"... "Tưởng là kẻ giết người"... "Các hành là kẻ giết người"... "Thức là kẻ giết người", vị ấy như thật biết rõ:

"Thức là kẻ giết người".

56) Vị ấy không đến với sắc, không chấp thủ, không nghiệp trì: "Sắc là tự ngã của ta". Không đến với thọ... với tưởng... với các hành... Không đến với thức, không chấp thủ, không nghiệp trì : "Thức là tự ngã của ta". Đối với năm thủ uẩn này, vị ấy không đi đến, không chấp thủ, sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc cho vị ấy trong một thời gian dài.

57) -- Như vậy, này Hiền giả Sàriputta, các Tôn giả áy có được người như Hiền giả làm đồng Phạm hạnh, có lòng lân mẫn như vậy, muôn họ được hạnh phúc như vậy, bậc giáo giới như vậy, bậc giảng dạy như vậy.

58) Và nay, sau khi được nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ.

IV. Anuràdha (Tạp 5, Đại 2,32c) (S.iii,116)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thê Tôn ở Vesàli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Anuràdha ở một cái chòi trong rừng, không xa Thê Tôn bao nhiêu.

3) Rồi nhiều ngoại đạo du sĩ đi đến Tôn giả Anuràdha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuràdha những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, các ngoại đạo du sĩ áy nói với Tôn giả Anuràdha:

-- Này Hiền giả Anuràdha, bậc Như Lai áy là Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được Tối thắng quả, bậc Như Lai áy, được xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: "Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

5) Được nói vậy, Tôn giả Anuràdha nói với các ngoại đạo du sĩ áy:

-- Này Chư Hiền, bậc Như Lai, Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, bậc đã đạt được Tối thắng quả, bậc Như Lai áy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau: "Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

6) Được nghe nói vậy, các ngoại đạo du sĩ nói với Tôn giả Anuràdha như sau:

-- Hoặc là vị Tỷ-kheo này mới tu học, xuất gia không bao lâu. Hay vị này là vị Trưởng lão, nhưng ngu dốt không có học tập.

7) Rồi các ngoại đạo du sĩ áy sau khi chỉ trích Tôn giả Anuràdha là mới tu học, là ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

8) Rồi Tôn giả Anuràdha, sau khi các ngoại đạo du sĩ áy ra đi không bao lâu, liền suy nghĩ như sau: "Nếu ngoại đạo du sĩ áy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các ngoại đạo du sĩ áy, ta nói lên quan điểm của Thê Tôn, ta không xuyên tạc Thê Tôn với điều không thật, ta có

thể trả lời tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp, nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quở trách".

9) Rồi Tôn giả Anuràdha đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

10) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuràdha bạch Thέ Tôn:

-- Ở đây, bạch Thέ Tôn, con ở trong một cái chòi trong rừng không xa Thέ Tôn bao nhiêu. Rồi bạch Thέ Tôn, nhiều ngoại đạo du sĩ đi đến con; sau khi đến... nói với con như sau: "Này Hiền giả Anuràdha, bậc Như Lai ấy là Tôi thượng nhân, Tôi thăng nhân, đã đạt được Tôi thăng quả, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: 'Như Lai tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'".

11) Được nói vậy, bạch Thέ Tôn, con nói với các ngoại đạo du sĩ ấy như sau: "Này chư Hiền.. không tồn tại sau khi chết".

12) Được nghe nói vậy, các ngoại đạo du sĩ nói với con: "Hoặc là Tỷ-kheo này mới học... nhưng ngu dốt, không có học tập".

13) Rồi các ngoại đạo du sĩ ấy sau khi chỉ trích con là mới tu học... liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

14) Rồi bạch Thέ Tôn, sau khi các ngoại đạo du sĩ ấy ra đi không bao lâu, con liền suy nghĩ như sau: "Nếu các ngoại đạo du sĩ ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các ngoại đạo du sĩ ấy, ta nói lên quan điểm của Thέ Tôn. Ta không xuyên tạc Thέ Tôn với điều không thật, ta có thể trả lời với tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp, nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quở trách".

15) Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

-- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

16-17) -- Do vậy... thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

18) Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "Sắc là Như Lai không?"

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

"-- Thọ... tưởng... các hành... thức là Như Lai không?"

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

19) Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "Như Lai ở trong sắc không?"

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

-- Ông có quán: "Như Lai ở ngoài sắc không"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

-- Ông có quán: "Như Lai ở trong thọ... ở ngoài thọ... ở trong tưởng... ở ngoài tưởng... ở trong các hành... ở ngoài các hành... ở trong thức không"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

-- Ông có quán: "Như Lai ở ngoài thức không"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

-- Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Như Lai không"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

20) -- Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "Cái phi sắc, phi thọ, phi tưởng, phi hành, phi thức là Như Lai không"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

21) -- Và ở đây, này Anuràdha, ngay trong hiện tại không tìm được một Như Lai thường còn, thường trú, thời có hợp lý chăng khi Ông trả lời: "Này chư Hiền, vị Như Lai nào là bậc Tôi thượng nhân, Tôi thắng nhân, đã đạt được quả Tôi thắng, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau: 'Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết' "?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

22) -- Lành thay, lành thay, này Anuràdha! Trước kia và nay, này Anuràdha, Ta chỉ tuyên bố khô và đoạn diệt khô.

V. Vakkali (Tập 47, Đại 2,346b) (Tăng 19, Đại 2,642b) (S.iii,119)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Vakkali trú tại nhà một thợ gốm, đang bị bệnh, đau đớn, trầm trọng.

3) Rồi Tôn giả Vakkali gọi những người thị giả:

-- Đến đây, các Hiền giả! Hãy đi đến Thé Tôn; sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thé Tôn và thưa: "Bạch Thé Tôn, Tỷ-kheo Vakkali bị bệnh, đau đớn, trầm trọng; (Vakkali) cúi đầu đánh lễ chân Thé Tôn và thưa: 'Lành thay, bạch Thé Tôn, Thé Tôn vì lòng từ悯 hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali.'"

4) -- Thura vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Tôn giả Vakkali, đi đến Thé Tôn; sau khi đến đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo áy bạch Thé Tôn:

-- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thé Tôn, bị bệnh, đau đớn trầm trọng. Vì áy cúi đầu đánh lễ chân Thé Tôn và có thưa như sau: "Lành thay, bạch Thé Tôn! Thé Tôn vì lòng từ悯 hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali".

5) Thé Tôn im lặng nhận lời.

6) Rồi Thé Tôn đắp y, cầm y bát, đi đến Tỷ-kheo Vakkali.

7) Tôn giả Vakkali thấy Thé Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền cố gắng từ giường ngồi dậy.

8) Thé Tôn nói với Tôn giả Vakkali:

-- Thôi Vakkali, Ông chờ có cố gắng từ giường ngồi dậy. Có chỗ ngồi đã soạn sẵn, Ta sẽ ngồi trên chỗ ngồi áy.

Rồi Thé Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn.

9) Sau khi ngồi, Thé Tôn nói với Tôn giả Vakkali:

-- Ông có kham nhẫn được không? Ông có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ tốn giảm, không tăng trưởng? Có phải có những dấu hiệu tốn giảm, không phải tăng trưởng?

-- Bạch Thé Tôn, con không có thể kham nhẫn! Con không có thể chịu đựng! Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có tốn giảm. Có những dấu hiệu tăng trưởng, không có tốn giảm.

10) -- Này Vakkali, Ông có gì phân vân, hối hận không?

-- Bạch Thé Tôn, thật sự con có nhiều phân vân, có nhiều hối hận!

11) -- Này Vakkali, Ông có gì tự trách mình về giới luật không?

-- Bạch Thé Tôn, con không có gì tự trách mình về giới luật.

12) -- Này Vakkali, nếu Ông không có gì tự trách mình về giới luật, vậy Ông có gì phân vân, có gì hối hận?

-- Đã từ lâu, bạch Thé Tôn, con muốn đến để được thấy Thé Tôn. Nhưng thân con không đủ sức mạnh để được đến thấy Thé Tôn.

13) -- Thôi vừa rồi, này Vakkali, có gì đáng thấy đối với cái thân hôi hám này. Này Vakkali, ai thấy Pháp, người ấy thấy Ta. Ai thấy Ta, người ấy thấy Pháp. Này Vakkali, đang thấy Pháp, là thấy Ta. Đang thấy Ta, là thấy Pháp.

14) -- Này Vakkali, Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, là khô hay là lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

-- Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

15-16) -- Do vậy, ở đây... thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vì ấy biết rõ như vậy.

17) Rồi Thé Tôn, sau khi giáo giới cho Tôn giả Vakkali với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến núi Gijjhakuuta (Linh Thủ).

18) Rồi Tôn giả Vakkali, sau khi Thé Tôn đi không bao lâu, liền gọi các thị giả:

-- Hãy đến ta, này chư Hiền, hãy nhắc cái giường ta và đi đến tảng đá đen (kàlasilà), tại sườn núi Isigili (hang của Tiên nhân). Làm sao người như ta, lại nghĩ đến mệnh chung trong một căn nhà?

19) -- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Tôn giả Vakkali, nhắc chiếc giường với Tôn giả Vakkali đi đến tảng đá đen, tại suối núi Isigili.

20) Thέ Tôn, đêm ấy và ngày còn lại, trú tại núi Gijjhakuuta.

21) Rồi hai vị Thiên, trong khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng núi Gijjhakuuta, đi đến Thέ Tôn... liền đứng một bên.

22) Đứng một bên, một vị Thiên bạch Thέ Tôn:

-- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thέ Tôn, đang có ý nghĩ muốn giải thoát.

23) Vị Thiên khác bạch Thέ Tôn:

-- Vị áy muôn giải thoát, chắc chắn được khéo giải thoát.

24) Chư Thiên áy nói như vậy xong; sau khi nói vậy, liền đánh lễ Thέ Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

25) Rồi Thέ Tôn, sau khi đêm áy đã qua, liền gọi các Tỷ-kheo:

-- Hãy đến, này các Tỷ-kheo. Hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Vakkali như sau: "Này Hiền giả Vakkali, hãy nghe lời nói của hai vị Thiên nói với Thέ Tôn. Nay Hiền giả, đêm nay, hai vị Thiên, sau khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Gijjhakuuta, đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, này Hiền giả, một vị Thiên bạch Thέ Tôn: 'Bạch Thέ Tôn, Tỷ-kheo Vakkali đang có ý nghĩ muốn giải thoát'. Vị Thiên khác bạch Thέ Tôn: 'Vị áy muôn giải thoát, chắc chắn được khéo giải thoát'. Và Hiền giả Vakkali, Thέ Tôn nói với Hiền giả như sau: "Này Vakkali, chó có sợ! Ngày Vakkali, chó có sợ! Cái chết của Ông sẽ không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải ác hạnh!"

26) -- Thura vâng, bạch Thέ Tôn.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thέ Tôn, đi đến Tôn giả Vakkali; sau khi đến, thưa với Tôn giả Vakkali:

-- Ngày Hiền giả Vakkali, hãy nghe lời nói của Thέ Tôn và hai vị Thiên.

27) Rồi Tôn giả Vakkali gọi các vị thi giả:

-- Hãy đến, này chư Hiền! Hãy nhắc tôi ra khỏi giường. Làm sao một người như tôi, có thể nghĩ ngồi trên chỗ ngồi cao để nghe Thέ Tôn giảng dạy.

28) -- Thura vâng, ngày Hiền giả.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Tôn giả Vakkali, nhắc Tôn giả Vakkali ra khỏi giường.

29) -- Ngày Hiền giả, đêm nay, hai vị Thiên, sau khi đêm đã gần tàn... đứng một bên. Đứng một bên, ngày Hiền giả, một vị Thiên bạch Thέ Tôn: "Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thέ Tôn, đang nghĩ đến tự giải thoát". Vị Thiên kia bạch Thέ Tôn: "Vị áy, bạch Thέ Tôn, muốn giải thoát sẽ được khéo giải thoát". Và Thέ Tôn, ngày Hiền giả Vakkali, nói với Hiền giả như sau: "Chó có sợ, ngày Vakkali! Chó có sợ, ngày Vakkali! Cái chết của Ông không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải là ác hạnh!"

30) -- Vậy này chư Hiền, hãy nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Thέ Tôn và thưa: "Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thέ Tôn, bị bệnh, đau đớn, bệnh trầm trọng! Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thέ Tôn, và nói như sau: 'Sắc là vô thường, bạch Thέ Tôn. Con không có ngò gì vấn đề này, bạch Thέ Tôn! Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Thọ là vô thường, bạch Thέ Tôn, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Tưởng là vô thường... Các hành là vô thường... Thức là vô thường, bạch Thέ Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này.'"

31) -- Thura vâng, này Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali rồi ra đi.

32) Tôn giả Vakkali, khi các Tỷ-kheo ấy đi không bao lâu liền đem lại con dao.

33) Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thέ Tôn, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thέ Tôn, và nói như sau: "Sắc là vô thường, bạch Thέ Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô thường, bạch Thέ Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này".

34) Rồi Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến Isigili, chỗ tảng đá đen. Ở đây, Thiện gia nam tử đem lại con dao.

-- Thura vâng, bạch Thέ Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thέ Tôn.

35) Thέ Tôn cùng với số đông Tỷ-kheo đi đến Isigili, chỗ tảng đá đen.

36) Và ở đàng xa, Thέ Tôn thấy Tôn giả Vakkali nằm trên giường, với vai co quắp lại.

37) Lúc bấy giờ, một đám khói đen, một luồng ám khí đi về phía Đông, đi về phía Tây, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía trên, đi về phía dưới, đi về phía bốn góc.

38) Rồi Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy đám khói đen ấy, luồng ám khí ấy đi về phía Đông... đi về phía bốn góc không?

-- Thura có, bạch Thέ Tôn.

39) -- Đó là Ác ma, này các Tỷ-kheo, đang đi tìm thức của Thiện nam tử Vakkali và nói: "thức của Thiện nam tử Vakkali an trú tại chỗ nào?"

40) Nhưng này các Tỷ-kheo, với thức không an trú tại một chỗ nào, Thiện nam tử Vakkali đã nhập Niết-bàn một cách hoàn toàn!

VI. Assaji (Tập 27, Đại 2,267b) (S.iii,124)

1) Một thời Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Assaji trú ở vườn Kassapa, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng.

3) Rồi Tôn giả Assaji gọi các người thị giả:

-- Hãy đến, này chư Hiền! Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn: "Tỷ-kheo Assaji, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, và thưa như sau : 'Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Assaji!'"

4) -- Thura vâng, Hiền giả!

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Tôn giả Assaji, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

5) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo áy bạch Thế Tôn:

-- Tỷ-kheo Assaji, bạch Thế Tôn, bị bệnh đau đớn, trầm trọng... Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Assaji! Thế Tôn im lặng nhận lời.

6) Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Assaji.

7) Tôn giả Assaji thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền cố gắng từ nơi giường ngồi dậy. Thế Tôn nói với Tôn giả Assaji:

-- Thôi Assaji! Ông chớ có cố gắng từ giường ngồi dậy! Có chỗ ngồi đã soạn sẵn. Tại chỗ áy, Ta sẽ ngồi.

9) Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Assaji:

10) -- Ông có kham nhẫn được không, này Assaji? Ông có chịu đựng được không?... Có phải có những dấu hiệu thuyên giảm, không có tăng trưởng?

-- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn!... Có những dấu hiệu tăng trưởng, không có thuyên giảm!

11) -- Này Assaji, Ông có phân vân gì, có hối hận gì không?

-- Chắc chắn, bạch Thế Tôn, con có nhiều phân vân, có nhiều hối hận!

12) -- Này Assaji, Ông có điều gì tự trách mình về giới luật hay không?

-- Bạch Thé Tôn, con không có điều gì tự trách mình về giới luật.

13) -- Này Assaji, nếu Ông không có điều gì tự trách mình về giới luật, Ông có phân vân gì, có hối hận gì không?

-- Trước đây, bạch Thé Tôn, sau khi cố gắng làm cho lắng xuống cơn bịnh, con sống với thân hành, do vậy con không chứng được Thiền định. Dẫu cho không chứng được Thiền định, con tự nghĩ: "Ta sẽ không thối thất".

14) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào kiên trì trong Thiền định, tập trung trong Thiền định, nếu họ không chứng đắc Thiền định, họ sẽ nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ không thối thất!"

15-21) -- Này Assaji, Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thé Tôn!... Thức là thường hay vô thường?... do vậy... thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

22) Khi cảm giác lạc tho, vị ấy biết rõ: "Là vô thường"; vị ấy biết rõ: "Là không nên đắm trước"; vị ấy biết rõ: "Là không nên hoan hỷ". Khi cảm giác khổ tho, vị ấy biết rõ: "Là vô thường"; vị ấy biết rõ: "Là không nên đắm trước"; vị ấy biết rõ: "Là không nên hoan hỷ". Khi cảm giác bất khổ bất lạc tho, vị ấy biết rõ: "Là vô thường"; vị ấy biết rõ: "Là không nên đắm trước"; vị ấy biết rõ: "Là không nên hoan hỷ".

23) Nếu vị ấy cảm giác lạc tho, vị ấy cảm tho không có hệ lụy. Nếu vị ấy cảm giác khổ tho, vị ấy cảm tho không có hệ lụy. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc tho, vị ấy cảm tho không có hệ lụy.

24) Nếu vị ấy cảm tho một cảm tho cùng tận về thân, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm tho cùng tận về thân". Nếu vị ấy cảm giác một cảm tho cùng tận về sinh mạng, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm tho cùng tận về sinh mạng". Vị ấy biết rõ rằng: "Khi thân hoại mạng chung trên cho đến khi sinh mạng đi đến chỗ cùng tận, ở đây tất cả những gì vị ấy cảm tho, tất cả những gì vị ấy hoan hỷ, sẽ trở thành thanh lương!"

25) Ví như, này Assaji, do duyên dầu, do duyên tim bắc, một cây đèn dầu được cháy đỏ. Khi dầu và tim bắc của (ngọn đèn) ấy đoạn tận, không có mang lại nhiên liệu, ngọn đèn ấy sẽ tắt. Cũng vậy, này Assaji, Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm tho cùng tận về thân, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm tho cùng tận về thân". Khi cảm giác một cảm tho cùng tận về sinh mạng, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm tho cùng tận về sinh mạng". Sau khi thân hoại mạng chung trên cho đến khi sinh mạng đi đến chỗ cùng tận, ở đây tất cả những gì vị ấy cảm tho, tất cả những gì vị ấy hoan hỷ, sẽ trở thành thanh lương!

VII. Khemaka (Tập 5, Đại 2,29c) (S.iii,126)

1) Một thời, nhiều Tỷ-kheo Trưởng lão sống ở Kosambi, tại vườn Ghosita.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Khemaka trú tại vườn Badarica, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi các Tỷ-kheo Trưởng lão, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy và gọi Tôn giả Dàsaka:

-- Hãy đến đây, này Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: "Này Hiền giả Khemaka, các Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: 'Này Hiền giả, Hiền giả có khâm nhẫn được không? Hiền giả có chịu đựng được không? Có phải khổ tho tồn giảm không tăng trưởng? Có phải có những dấu hiệu tồn giảm, không phải tăng trưởng?'"

4) -- Thưa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo áy, đi đến Tôn giả Khemaka, sau khi đến, nói với Tôn giả Khemaka:

-- Các Trưởng lão, này Hiền giả Khemaka, nói với Hiền giả như sau: "Hiền giả có kham nhẫn được không? Này Hiền giả Khemaka... không phải tăng trưởng?"

5) -- Tôi không có thể kham nhẫn, thưa Hiền giả... tôi không có thể chịu đựng... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyền giàm!

6) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, thưa với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

-- Thưa chư Hiền, Tỷ-kheo Khemaka nói như sau: "Tôi không có thể kham nhẫn, này Hiền giả... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyền giàm!"

7) -- Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: "Này Hiền giả Khemaka, các bậc Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: 'Này Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, Tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?'"

8) -- Thưa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka, sau khi đến...

-- Các bậc Trưởng lão, này Hiền giả, nói với Hiền giả như sau: "Này Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, Tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?"

9) -- Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả.

10) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

-- Tỷ-kheo Khemaka, thưa chư Hiền, đã nói như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả!"

11) -- Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: "Các vị Trưởng lão, này Hiền giả Khemaka, nói với Hiền giả như sau: 'Hiền giả Khemaka, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, nếu Tôn giả Khemaka không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả, thời Tôn giả Khemaka là vị A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận'."

12) -- Thưa vâng, chư Hiền giả.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka...

-- Này Hiền giả Khemaka, các bậc Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Nếu Tôn giả Khemaka, trong năm

thủ uẩn này, không quán cái nào là tự ngã hay ngã sở, thời Tôn giả Khemaka là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc".

13). .. -- Thura Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thúc thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả. Nhưng tôi không phải là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thura Hiền giả, trong năm thủ uẩn này, dầu cho tôi có chứng được: "Tôi là", tuy vậy tôi cũng không quán: "Cái này là tôi".

14) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến Tỷ-kheo Trưởng lão... nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

-- Tỷ-kheo Khemaka, thura chư Hiền, đã nói như sau: "Thura Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thúc thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, thura Hiền giả, tôi không quán cái gì là ngã hay là ngã sở. Tuy vậy, tôi không phải là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thura Hiền giả, trong năm thủ uẩn, dầu cho tôi chứng được: "Tôi là", tuy vậy tôi cũng không quán: "Cái này là tôi".

15) -- Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: Thura Hiền giả Khemaka, các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: "Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", các Hiền giả nói "Tôi là, là cái gì?" Hiền giả nói: "Tôi là sắc?" Hiền giả nói: "Tôi là khác sắc"? ..; Hiền giả nói: "Tôi là thức?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác thức?". Ngày Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", các Hiền giả nói: "Tôi là, là cái gì?""

16) -- Thura vâng.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka...

17) -- Thôi vừa rồi, Hiền giả Dàsaka chạy qua, chạy lại như thế này để làm gì? Hãy đem gậy lại đây! Ta sẽ đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão!

18) Rồi Tôn giả Khemaka chóng gậy đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, nói lên với các Tỷ-kheo Trưởng lão những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

19) Các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Tôn giả Khemaka đang ngồi một bên:

-- Ngày Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", là cái gì? Hiền giả nói: "Tôi là sắc?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác sắc"... "là thọ... là tưởng... là các hành"..., Hiền giả nói: "Tôi là thức?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác thức?"; Ngày Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", cái mà Hiền giả nói "Tôi là", là cái gì?

20) -- Thura chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sắc". Tôi không nói: "Tôi là khác sắc"..." là thọ... là tưởng... là các hành"..." Tôi không nói: "Tôi là thức". Tôi cũng không nói: "Tôi là khác thức". Dầu rằng, ngày các Hiền giả, Tôi có chứng được (tư tưởng): "Tôi là", nhưng tôi không có quán: "Cái này là tôi".

21) Ví như, ngày chư Hiền, hương thơm của hoa sen xanh, hay hoa sen hồng, hay hoa trắng, nếu có người nói: "Hương thuộc về lá hay thuộc về sắc, hay thuộc về nhụy hoa", nói như vậy có nói đúng không?

-- Thura không, ngày Hiền giả.

-- Vậy chư Hiền, trả lời như thế nào là trả lời một cách đúng đắn?

Chư Hiền, hương là của hoa. Trả lời như vậy là trả lời một cách đúng đắn.

22) Cũng vậy, này chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sắc"; tôi không nói: "Tôi là khác sắc"... "Tôi là thọ"... "Tôi là tưởng"... "Tôi là các hành"... Tôi không nói: "Tôi là thức". Tôi không nói: "Tôi là khác thức". Nhưng này chư Hiền, dẫu rằng đối với năm thủ uẩn của tôi được có này, tôi không có quán: "Cái này là tôi".

23) Dầu cho đối với vị Thánh đệ tử, này chư Hiền, năm hạ phần kiết sù đã được đoạn tận, nhưng vị ấy còn nghĩ: "Đối với năm thủ uẩn, vẫn còn dư tàn tê nhị". Dư tàn kiêu mạn 'Tôi là', dư tàn dục 'Tôi là', dư tàn tùy miên 'Tôi là' chưa được vị ấy đoạn trừ. Vị ấy sau một thời gian, sống quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là các hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt"

24) Vì rằng vị ấy sống, quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn này, các dư tàn ngã mạn (?) "Tôi là", các dư tàn ngã dục "Tôi là", các dư tàn ngã tùy miên (?) "Tôi là", mà vị ấy chưa được đoạn trừ, nay đi đến đoạn tận.

25) Nay chư Hiền, ví như một tấm vải nhôp nhúa dính bụi, những người chủ giao nó cho một người thợ giặt. Người thợ giặt sau khi nhồi nó, đập nó trong nước muối, hay trong nước tô đã, trong nước phân bò rồi giặt sạch nó trong nước trong. Dầu cho tấm vải ấy nay được sạch sẽ, trong trắng, nhưng nó vẫn còn dư tàn mùi muối hay mùi tô đã, hay mùi phân bò. Người thợ giặt giao lại tấm vải cho những người chủ. Những người chủ đem bỏ nó vào trong một cái hòm có ướp hương thơm. Như vậy cái dư tàn mùi muối hay mùi tô đã bay mùi phân bò chưa được đoạn tận, nay được đoạn trừ.

26-27) Cũng vậy, này chư Hiền, dầu cho vị Thánh đệ tử đã đoạn tận năm hạ phần kiết sù, nhưng với vị ấy, cái dư tàn trong năm thủ uẩn, dư tàn ngã mạn "Tôi là", dư tàn ngã dục "Tôi là", dư tàn ngã tùy miên: "Tôi là" chưa được đoạn trừ. Vị ấy sau một thời gian, sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... đây là tưởng... đây là các hành... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt". Vì rằng vị ấy sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn này nên các dư tàn trong năm thủ uẩn này, ngã mạn "Tôi là", ngã dục "tôi là", ngã tùy miên "Tôi là" chưa được đoạn tận nay đi đến đoạn trừ.

28) Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Tôn giả Khemaka:

-- Không phải chúng tôi vì muốn phiền nhiễu Tôn giả Khemaka mà chúng tôi hỏi. Nhưng vì chúng tôi nghĩ rằng: "Tôn giả Khemaka có thể giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi giáo lý của Thế Tôn".

29) Và rồi Tôn giả Khemaka đã giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi giáo lý của Thế Tôn.

30) Tôn giả Khemaka thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo Trưởng lão hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Khemaka giảng.

31) Trong khi lời dạy này được nói lên, khoảng sáu mươi Tỷ-kheo được tâm giải thoát khỏi các lậu hoặc, kể cả Tôn giả Khemaka.

VIII. Channa (Tập 10, Đại 2,66b) (S.iii,132)

1) Một thời, nhiều Tỷ-kheo Trưởng lão trú ở Bàrānasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển.

2) Rồi Tôn giả Channa, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, cầm chìa khóa, đi từ tịnh xá này đến tịnh xá khác và nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

-- Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy giáo giới cho tôi! Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy giảng dạy cho tôi! Chư Tôn giả, hãy thuyết pháp cho tôi để tôi có thể thấy được pháp.

3) Được nói vậy, các vị Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Tôn giả Channa:

-- Sắc, này Hiền giả Channa, là vô thường; thọ là vô thường; tưởng là vô thường; các hành là vô thường; thức là vô thường. Sắc là vô ngã; thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường; tất cả các pháp là vô ngã.

4) Rồi Tôn giả Channa suy nghĩ như sau: "Ta cũng suy nghĩ như vậy: 'Sắc là vô thường; thọ... tưởng... các hành... thức là vô thường. Sắc là vô ngã; thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường; tất cả pháp là vô ngã.'

5) Nhưng tâm của ta không hướng tiến đến sự chỉ tịnh tất cả các hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn, không có thoái mái, không có an trú, không có hướng về. Do sự tham luyến (paritassanà), chấp thủ khởi lên. Tâm ý trở lui lại tư tưởng: 'Có phải tự ngã của ta sinh hoạt?' Như vậy thời ta không thể thấy pháp. Ai có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp?"

6) Rồi Tôn giả Channa suy nghĩ: "Đây là Tôn giả Ananda, hiện trú ở Kosambi, tại vườn Ghosita, được bậc Đạo Sư tán thán và các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Ananda có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp. Và cho đến như vậy, ta có lòng tin tưởng đối với Tôn giả Ananda. Vậy ta hãy đi đến Tôn giả Ananda!"

7) Rồi Tôn giả Channa, sau khi dọn dẹp chỗ nằm của mình, cầm y bát đi đến Kosambi, vườn Ghosita, chỗ Tôn giả Ananda ở, sau khi đến, nói với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

8) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Channa nói với Tôn giả Ananda:

-- Một thời, này Hiền giả Ananda, tôi ở Baranasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển. Rồi vào buổi chiều, này Hiền giả, tôi từ chỗ tịnh cư đứng dậy, cầm chiếc chìa khóa, đi từ tịnh xá này đến tịnh xá khác, sau khi đến nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão: "Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy giáo giới cho tôi! Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy giảng dạy cho tôi! Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy thuyết pháp cho tôi để tôi có thể thấy pháp".

9) Được nghe nói vậy, này Hiền giả, các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với tôi: "Sắc, này Hiền giả Channa, là vô thường; thọ... tưởng... các hành... thức là vô thường. Sắc là vô ngã; thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường; tất cả các pháp là vô ngã".

10) Về vấn đề ấy, này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Ta cũng suy nghĩ như vậy: 'Sắc là vô thường... thức là vô thường. Sắc là vô ngã, thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường; tất cả các pháp là vô ngã'.

11) Nhưng tâm của ta không hướng tiến đến sự chỉ tịnh tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn, không có thoái mái, không có an trú, không có hướng về. Do sự tham luyến, chấp thủ khởi lên. Tâm ý trở lui lại tư tưởng: 'Có phải tự ngã của ta sinh hoạt?' Như vậy thời ta không thể thấy pháp. Ai có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp?"

12) Rồi về vấn đề này, này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Đây là Tôn giả Ananda, hiện trú ở Kosambi, tại vườn Ghosita, được bậc Đạo Sư tán thán và các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Ananda có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp! Và cho đến như vậy, ta có lòng tin tưởng đối với Tôn giả Ananda! Vậy ta hãy đi đến Tôn giả Ananda".

13) Tôn giả Ananda hãy giáo giới cho tôi! Tôn giả Ananda hãy giảng dạy cho tôi! Tôn giả Ananda hãy thuyết pháp cho tôi để tôi có thể thấy pháp.

14) -- Cho đến như vậy, thật sự tôi rất hoan hỷ đối với Tôn giả Channa. Tôn giả Channa đã làm cho sự việc rõ ràng. Tôn giả Channa đã phá vỡ chướng ngại. Hãy lóng tai, này Hiền giả Channa! Hiền giả có thể hiểu được Chánh pháp.

15) Ngay lúc ấy, Tôn giả Channa khởi lên hoan hỷ, hân hoan thù thắng khi nghe đến: "Ta có thể hiểu được pháp".

16) -- Nay Hiền giả Channa, tôi tận mặt nghe Thέ Tôn, tận mặt nhận lãnh từ Thέ Tôn lời giáo giới này cho Kaccànaghotta: "Thέ giới này dựa trên hai (quan điểm), này Kaccàna, hiện hữu và không hiện hữu. Ai thấy như thật với chánh trí tuệ sự tập khởi của thế giới, thì không chấp nhận là thế giới không hiện hữu! Nhưng này Kaccàna, ai thấy như thật với chánh trí tuệ sự đoạn diệt của thế giới, thì cũng không chấp nhận là thế giới có hiện hữu. Thế giới này phần lớn, này Kaccàna, là chấp thủ các phương tiện và bị trói buộc bởi thành kiến. Với ai không đi đến, không chấp thủ, không an trú vào chấp thủ các phương tiện, tâm không an trú và thiên kiến tùy miên, vị ấy không nói: 'Đây là tự ngã của tôi'. Với ai nghĩ rằng: 'Cái gì khởi lên là đau khổ, cái gì diệt là đau khổ', vị ấy không có phân vân, nghi hoặc. Trí ở đây không mượn nhờ người khác. Cho đến như vậy, này Kaccàna, là chánh trí".

17) "'Tất cả đều có', này Kaccàna, là một cực đoan. 'Tất cả đều không có' là một cực đoan. Không chấp nhận hai cực đoan ấy, này Kaccàna, Như Lai thuyết pháp một cách trung đạo. Do duyên vô minh, nên hành khởi. Do duyên hành, nên thức khởi... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh không có dư tàn nên các hành diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này".

18) -- Như vậy, này Hiền giả Ananda, là điều sẽ đến với các bậc Tôn giả nào có được những đồng Phạm hạnh như vậy, những vị có lòng từ mẫn, những vị muốn sự lợi ích, những vị giáo giới, những vị giảng dạy, nghe được lời thuyết pháp này từ Tôn giả Ananda, tôi được an trú vững chắc trong Chánh pháp.

IX. Ràhula (Tập 1, Đại 2,5a) (S.iii, 136)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Ràhula đi đến Thέ Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thέ Tôn:

-- Biết như thế nào, bạch Thέ Tôn, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên?

4) -- Phàm sắc gì, này Ràhula, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tinh, hoặc liệt hay thăng, hoặc xa hay gần; tất cả pháp cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

5-8) Phàm thọ gì... tưởng gì... các hành gì... Phàm thức gì, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thăng, hoặc xa hay gần; tất cả pháp cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Biết như vậy, này Ràhula, thấy như vậy đối với thân có thức này và đối với tất cả các tướng ở ngoài, không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên.

X. Ràhula

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thέ Tôn:

-- Biết như thế nào, bạch Thέ Tôn, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên, vượt ngoài kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát?

4) -- Phàm sắc gì, này Ràhula, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại... hoặc xa hay gần; tất cả pháp, sau khi thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", thì sẽ được giải thoát, không có chấp thủ.

5-7) Phàm thọ gì... phàm tưởng gì... phàm các hành gì...

8) Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thăng, hoặc xa hay gần; tất cả pháp, sau khi thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", thì sẽ được giải thoát, không có chấp thủ.

9) Do biết như vậy, này Ràhula, do thấy như vậy, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên, vượt ngoài kiêu mạn, được giải thoát, không có chấp thủ.

10) Do biết như vậy, này Ràhula, do thấy như vậy đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên, vượt ngoài kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát.

V. Phẩm Hoa

I. Dòng Sông (Tập 10, Đại 2,70a) (S.iii,137)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Ví như, này các Tỳ-kheo, một con sông từ núi cao chảy xuống, từ xa chảy đến, dòng nước chảy xiết. Trên hai bờ con sông ấy, nếu cỏ lau kàsa mọc lên, chúng từ bờ rẽ xuống; nếu các loại cỏ kàsa mọc lên, chúng từ bờ rẽ xuống; nếu các loại lau babbakjà mọc lên, chúng từ bờ rẽ xuống; nếu các loại cỏ bìranà mọc lên, chúng từ bờ rẽ xuống; nếu các loại cây mọc lên, chúng từ bờ rẽ xuống.

4) Và một người bị dòng nước của con sông ấy cuốn trôi, nếu người ấy nắm lấy cỏ lau kàsa, cỏ này có thể bứt đứt. Do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy loại cỏ kàsa, cỏ này có thể bứt đứt. Do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy loại

lau babbakjà, cỏ này có thể bứt đứt. Do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy các loại cây, loại cây này có thể bứt đứt. Do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Khi sắc ấy của người ấy bị bứt đứt, do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn.

6-8) ... quán thọ... quán tưởng... quán các hành...

9) ...quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Thức ấy của người ấy bị bứt đứt, do nhân duyên ấy, người ấy rơi vào tai ách khổ nạn.

10) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thê Tôn.

11-14) -- Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thê Tôn.

15-16) Do vậy... Thầy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vì ấy biết rõ như vậy.

II. Bông Hoa (hay Tăng trưởng) (Tập 2, Đại 2,8b) (Siii,113)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta không tranh luận với đời, chỉ có đời tranh luận với Ta. Này các Tỷ-kheo, người nói Pháp không tranh luận bất cứ với một ai ở đời.

4) Này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không". Này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "có", Ta cũng nói là "có".

5) Và này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không"?

6) Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời không chấp nhận sắc là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "không".

7-9) Thọ... tưởng... các hành...

10) Người có trí ở đời không chấp nhận thức là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "không".

11) Này các Tỷ-kheo, đây là cái gì ở đời người có trí chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không".

12) Và này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "có", Ta cũng nói là "có"?

13) Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận sắc là vô thường, không thường hằng, không thường

trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" (vậy).

14-16) ... thọ... tưởng... các hành...

17) Nay các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận thúc là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" (vậy).

18) Nay các Tỷ-kheo, đây là cái gì người có trí ở đời chấp nhận là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" (vậy).

19) Ở trong đời, này các Tỷ-kheo, có thể pháp. Thể pháp ấy Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng tri. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng tri, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

20) Nay các Tỷ-kheo, thể pháp ở trong đời là gì, thể pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri; sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ?

21) Sắc, này các Tỷ-kheo, là thể pháp ở trong đời. Thể pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri, sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

Và ai, khi Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ như vậy, (vẫn) không biết, không thấy, thì đối với người ấy, Ta xem là vô tích sự, là kẻ ngu si, phàm phu, mù lòa, không có mắt, không có biết, không có thấy.

22-24) Thọ... Tưởng... Các hành...

25) Thức, này các Tỷ-kheo, là thể pháp ở trong đời. Thể pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri. Sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ. Và ai, khi Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ như vậy, (vẫn) không biết, không thấy, thì đối với người ấy, Ta xem là vô tích sự, là kẻ ngu si, phàm phu, mù lòa, không có mắt, không có biết, không có thấy.

26) Ví như, này các Tỷ-kheo, bông sen xanh, hay bông sen hồng, hay bông sen trắng sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước, và đứng thẳng không bị nước nhiễm ướt.

27) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai sanh ra ở trong đời, lớn lên trong đời, vươn lên khỏi đời, và sống không bị đời ô nhiễm.

III. Bọt Nước (Tập 10, Đại 2,86b) (S.iii,114)

1) Một thời Thệ Tôn ở Ayujjaya, trên bờ sông Hằng.

2) Ở đây Thệ Tôn gọi các Tỷ-kheo...

3) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng này chảy mang theo đồng bọt nước lớn. Có người có mắt nhìn đồng bọt nước ấy, chuyên chú, như lý quán sát. Do nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, đồng bọt nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong đồng bọt nước được?

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc

thô hay tế, hoặc liệt hay thăng, hoặc xa hay gần; vị Tỷ-kheo thấy sắc, chuyên chú, như lý quán sát sắc. Do vị Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát sắc, sắc ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong sắc được?

5) Ví như, này các Tỷ-kheo, trong mùa thu, khi trời mưa những giọt mưa lớn, trên mặt nước, các bong bóng nước hiện ra rồi tan biến. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, bong bóng nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong bong bóng nước được?

6) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thăng, hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát thọ ấy. Do Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, thọ ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong thọ được?

7) Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tháng cuối mùa hạ, vào đúng giữa trưa đứng bóng, một ráng mặt trời rung động hiện lên. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, nên ráng mặt trời ấy hiện rõ ra là trống không, rỗng không, không có lõi cứng... Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong ráng mặt trời được?

8) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có tướng gì...

9) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cần có lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi tìm lõi cây, cầm cái búa sắc bén đi vào ngôi rừng. Ở đây, người ấy thấy một cụm cây chuối lớn, mọc thẳng, mới lớn, cao vút. Người ấy chặt rẽ cây ấy. Sau khi chặt rẽ, người ấy chặt ngọn. Sau khi chặt ngọn, người ấy lột vỏ chuối ngoài. Khi lột vỏ chuối ngoài, giác cây còn tìm không được, tìm đâu cho có được lõi cây?

10) Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát cụm chuối ấy. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát cụm chuối ấy, cụm chuối ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong cụm chuối được?

11) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm các hành gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thăng, hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát hành ấy. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, hành ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong các hành được?

12) Ví như, này các Tỷ-kheo, một ảo thuật sư hay đệ tử một ảo thuật sư, tại ngã tư đường bày trò ảo thuật. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát trò ảo thuật ấy. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, ảo thuật ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong ảo thuật được?

13) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại... hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát, thức ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong thức được?

14) Thầy vây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tướng... đối với các hành... nhảm chán đối với thức. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

15) Thê Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ sau khi nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

1) *Sắc ví với đồng bọt,
Thợ ví bong bóng nước,
Tưởng ví ráng mặt trời,
Hành ví với cây chuối,
Thúc ví với ảo thuật,
Đắng bà con mặt trời,
Đã thuyết giảng như vậy.*

2) *Nếu như vậy chuyên chú,
Như lý chọn quán sát,
Như lý nhìn (các pháp),
Hiện rõ tánh trống không.*

3) *Bắt đầu với thân này,
Bậc Đại Tuệ thuyết giảng,
Đoạn tận cả ba pháp,
Thấy sắc bị quăng bỏ.*

4) *Thân bị quăng, vô tri,
Không thọ, sức nóng, thức,
Bị quăng đi, nó nambi,
Làm đồ ăn kẻ khác.*

5) *Cái thân liên tục này,
áo su, kẻ ngu nói,
Được gọi kẻ sát nhân,
Không tìm thấy lỗi cây.*

6) *Hãy quán uẩn như vậy,
Vị Tỷ-kheo tinh cần,
Suốt cả đêm lẩn ng閃,
Tỉnh giác, chánh tư niệm.*

7) *Hãy bỏ mọi kiết sử,
Làm chỗ mình nương tựa,
Sóng như lửa cháy dầu,
Cầu chิง cảnh bất động.*

IV. Phân Bò (Tập 10, Đại 2,67c) (Trang 11, Đại 1,496a) (Trang 34, Đại 1,645a) (S.iii,143)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-4) Sau khi ngồi, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thê Tôn:

-- Bạch Thê Tôn, có thể có sắc nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?

5-8) Bạch Thê Tôn, có thể có thọ nào... có thể có tưởng nào... có thể có các hành nào... có thể có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?

9) -- Nay Tỷ-kheo, không có sắc nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

10-13) Nay Tỷ-kheo, không có thọ nào... không có tưởng nào... không có các hành nào... không có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

14) Rồi Thέ Tôn lấy tay cầm lên một miéng phân bò và nói với Tỷ-kheo áy:

15) -- Nay Tỷ-kheo, cho đén được một ngã thể nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

16) Nếu được một ngã thể nhỏ như thế này, nay Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, thời đời sống Phạm hạnh để chọn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày. Vì nay Tỷ-kheo, cho đén được một ngã thể nhỏ bé như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú; do vậy đời sống Phạm hạnh để chọn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày.

17) Thuở xưa, nay Tỷ-kheo, Ta là vị vua Sát-đé-lị đã làm lễ quán đảnh. Khi Ta là vị vua Sát-đé-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 đô thị, và đô thị Kusàvatì là bậc nhất.

18) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đé-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 cung điện, và cung điện Dhamma là bậc nhất.

19) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đé-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 trùng các, và là trùng các Mahàvyuuha là bậc nhất.

20) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đé-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 sàng tọa làm băng ngà, làm băng lõi cây, làm băng vàng, làm băng bạc, trải băng nệm len có lông dài, trải băng chăn len trắng, trải băng chăn len thêu bông, trải nệm băng da con sơn dương gọi là kadali, có lâu che phía trên và có gối chân màu đỏ cả hai đầu.

21) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đé-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 con voi với những trang sức băng vàng, với những cờ xí băng vàng, bao bọc với những lưỡi băng vàng, và voi chúa Uposatha là bậc nhất.

22) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đé-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 con ngựa với những trang sức băng vàng, với những cờ xí băng vàng, bao bọc với những lưỡi băng vàng, và ngựa chúa Valàhaka là bậc nhất.

23) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đé-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 cỗ xe, với những trang sức băng vàng, với những cờ xí băng vàng, bao bọc với những lưỡi băng vàng, và cỗ xe Vejayanta là bậc nhất.

24) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đé-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 châu báu, và Ma-ni châu là bậc nhất.

25) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 phụ nữ, và hoàng hậu Subhaddà là bậc nhất.

26) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 chư hầu Sát-đé-lị, và Bình chủ báu là bậc nhất.

27) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 con bò cái, với những dây thừng bằng vải đay mịn màng, và chậu sữa bằng bạc.

28) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 áo bằng vải gai tinh tế, bằng vải lụa tinh tế, bằng vải len tinh tế, bằng vải bông tinh tế.

29) Nay các Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 dĩa bàn, và trên ấy các cơm sáng và cơm chiều được dọn lên.

30) Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, trong 84.000 đô thị ấy, đô thị Ta trú thời ấy là kinh đô Kusàvatì.

31) Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, trong 84.000 cung điện ấy, cung điện Ta trú thời ấy là cung điện Dhamma.

32) Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, trong 84.000 trùng các ấy, trùng các Ta trú là trùng các Mahàvuuha.

33) Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, trong 84.000 sàng tọa ấy, sàng tọa Ta thọ dùng thời ấy là sàng tọa bằng ngà, hay bằng lõi cây, hay bằng vàng, hay bằng bạc.

34) Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, trong 84.000 con voi ấy, con voi Ta cưỡi thời ấy là voi chúa Uposatha.

35) Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, trong 84.000 con ngựa ấy, con ngựa Ta cưỡi thời ấy là ngựa chúa Valàhaka.

36) Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, trong 84.000 cỗ xe ấy, cỗ xe Ta cưỡi thời ấy là cỗ xe Vejayanta.

37) Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, trong 84.000 phụ nữ ấy, phụ nữ hầu hạ Ta thời ấy là Khattiyàni hay Velàmikà.

38) Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, trong 84.000 áo mặc ấy, đôi áo Ta mặc thời ấy, hoặc bằng vải gai tinh tế, hay bằng lụa tinh tế, hay bằng len tinh tế, hay bằng vải bông tinh tế.

39) Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, trong 84.000 dĩa bàn ấy, một dĩa bàn Ta dùng để ăn một phần (nàlika) cơm, còn dĩa bàn thứ hai, Ta dùng để ăn đồ ăn tương đương.

40) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, tất cả các hành ấy là thuộc quá khứ, đoạn diệt, biến hoại.

41) Như vậy vô thường, nay các Tỷ-kheo, là các hành. Như vậy không thường hằng, nay các Tỷ-kheo, là các hành. Như vậy không thường trú, nay các Tỷ-kheo, là các hành.

42) Cho đến như vậy, nay các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhảm chán đối với tất cả hành, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát.

V. Đầu Ngón Tay (Tăng 14, Đại 2,617b) (S.iii,147)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Sau khi ngồi, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thề Tôn:

4) -- Bạch Thề Tôn, có thể có sắc nào là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại,

vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?

5) Bạch Thé Tôn, có thể có thọ nào...

6) Bạch Thé Tôn, có thể có tướng nào...

7) Bạch Thé Tôn, có thể có các hành nào...

8) Bạch Thé Tôn, có thể có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?

9) -- Này Tỷ-kheo, không có sắc nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

10-13) Này Tỷ-kheo, không có thọ nào... không có tướng nào... không có các hành nào... không có thức nào, thức ấy lại thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

14) Rồi Thé Tôn lấy lên một ít đất trong đầu ngón tay và nói với Tỷ-kheo ấy:

15) -- Này Tỷ-kheo, cho đến một sắc nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

Nếu một sắc nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, thời đời sống Phạm hạnh để chọn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày. Nhưng vì rằng, này Tỷ-kheo, cho đến một sắc nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, do vậy, đời sống Phạm hạnh để chọn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày.

16) Cho đến một thọ nhỏ như thế này, này các Tỷ-kheo, cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn, thường hằng, vĩnh trú. Nếu thọ nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú... có thể trình bày.

17) Cho đến một tướng...

18) Cho đến một hành...

19) Cho đến một thức nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú. Nếu một thức nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, thời đời sống Phạm hạnh để chọn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày. Nhưng vì rằng, này Tỷ-kheo, cho đến một thức nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, do vậy đời sống Phạm hạnh để chọn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày.

20) Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Thọ... tướng... các hành... thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

21-22) Do vậy, thấy vậy... "... không có trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

VI. Thanh Tịnh (hay Biển) (Tập 18, Đại 2,69c) (S.iii,149)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thέ Tôn:

4) -- Có một sắc nào, bạch Thέ Tôn, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú không?

5-8) Có một thọ... tưởng... hành... thức nào, bạch Thέ Tôn, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú không?

9) -- Không có một sắc nào, này Tỷ-kheo, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

10-13) Không có một thọ... một tưởng... các hành... một thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

VII. Dây Thẳng (Hay Dây Buộc) (Tập 10, Đại 2,69b) (S.iii,149)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Vô thi, này các Tỷ-kheo, là sự luân hồi này. Điểm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

4) Có thể có một thời, này các Tỷ-kheo, biển lớn đi đến khô cạn, hoàn toàn đi đến khô kiệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

5) Có thể có một thời, này các Tỷ-kheo, Sineru(Tu-di), Vua các núi, đi đến băng hoại, hoại diệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi!

6) Có thể có một thời, này các Tỷ-kheo, đại địa đi đến băng hoại, hoại diệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển luân hồi!

7) Ví như, này các Tỷ-kheo, có con chó bị dây thằng trói chặt vào một cây cột hay cột trụ vững trắc, chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh cây cột ấy hay cột trụ ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu... không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã... quán thọ như là tự ngã... quán tưởng như là tự ngã... quán các hành như là tự ngã... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... các hành... Người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức. Vì rằng người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... các hành... người ấy chạy theo vòng theo, chạy tròn xung quanh thức; người ấy không giải thoát khỏi sắc, không giải thoát khỏi thọ, không giải thoát khỏi tưởng, không giải thoát khỏi các hành, không giải thoát khỏi thức, không giải thoát khỏi sanh,

già chét, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta tuyên bố rằng: "Vị ấy không giải thoát khỏi khổ đau".

8) Nhưng bậc Đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, được thấy các bậc Thánh... khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức. Vị ấy không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... các hành... không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức. Vị ấy không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... các hành... thức; do không chạy vòng theo, chạy vòng tròn xung quanh thức, vị ấy được giải thoát khỏi sắc, được giải thoát khỏi thọ, được giải thoát khỏi tưởng, được giải thoát khỏi các hành, được giải thoát khỏi thức, được giải thoát khỏi sanh, già chét, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói: "Vị ấy được giải thoát khỏi đau khổ".

VIII. Dây Thằng (Hay Dây Buộc) (Tập 10, Đại 2,69c) (S.iii,151)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Vô thi, này các Tỷ-kheo, là sự luân hồi này. Điểm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đây, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

4) Ví như, này các Tỷ-kheo, có con chó bị dây thằng trói chặt vào một cây cột trụ vững chắc. Nếu nó có đi, nó chỉ đi tới cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó đứng, nó chỉ đứng gần cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó ngồi, nó chỉ ngồi gần cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó nằm, nó chỉ nằm gần cây cột hay cột trụ ấy.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu quán sắc: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Nếu người ấy có đi, người ấy chỉ đi tới năm thủ uẩn này. Nếu người ấy đứng, người ấy chỉ đứng gần năm thủ uẩn này. Nếu người ấy ngồi, người ấy chỉ ngồi gần năm thủ uẩn này. Nếu người ấy nằm, người ấy chỉ nằm gần năm thủ uẩn này.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

7) Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy một bức họa gọi là danh họa không?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Nay các Tỷ-kheo, bức danh họa ấy do tâm tư họa mà thành. Do vậy, này các Tỷ-kheo, tâm còn đa dạng hơn cả danh họa ấy.

8) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

9) Nay các Tỷ-kheo, Ta không quán thấy một bộ loại nào khác lại đa dạng như tâm. Như các hữu tình thuộc loại bàng sanh; các hữu tình thuộc loại bàng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, do tâm tư duy (mà thành). Do vậy, này các Tỷ-kheo, tâm ấy lại đa dạng hơn các hữu tình thuộc loại bàng sanh ấy.

10) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do

tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

11) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nhuộm hay một họa sĩ, nếu người ấy có thuốc nhuộm, hay lạc, hay nghệ, hay màu xanh, hay màu đỏ tía, hay một tấm gỗ khéo bào, hay một bức tường, hay một tấm vải. Người ấy có thể vẽ hình người đàn bà hay hình người đàn ông với đầy đủ tất cả chi tiết. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu, liên tục làm cho hiện hữu sắc... thọ... tưởng... các hành... liên tục làm cho hiện hữu thức.

12) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thέ Tôn.

13-14) -- Do vậy, này các Tỷ-kheo... Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vì ấy biết rõ như vậy.

IX. Cán Búa (Hay Chiếc Thuyền) (Tập 10, Đại 2,67a) (S.iii,152)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Do biết, do thấy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố sự đoạn tận các lậu hoặc, không phải do không biết, do không thấy.

4) Do biết cái gì, thấy cái gì, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận? Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là các hành... Đây là thức. Đây là thức tập khởi. Đây là thức đoạn diệt. Do biết như vậy, do thấy như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận.

5) Nay các Tỷ-kheo, như có Tỷ-kheo sống không chí tâm trong sự tu tập, khởi lên ước muồn như sau: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu, hoặc không có chấp thủ!" Tuy vậy, tâm của vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

6) Vì sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ. Không có tu tập Bốn chánh cần. Không có tu tập Bốn như ý túc. Không có tu tập Năm căn. Không có tu tập Năm lực. Không có tu tập Bảy bồ, đê phàn. Không có tu tập Thánh đạo Tám ngành.

7) Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, không được con gà mái áp nầm đúng cách, không được áp nóng đúng cách, không được áp dưỡng đúng cách.

8) Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muồn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn"; tuy vậy các con gà con ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn.

9) Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà ấy không được con gà mái áp nầm một cách đúng đắn, áp nóng một cách đúng đắn, áp dưỡng một cách đúng đắn.

10) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

11) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ... Không có tu tập con đường Thánh đạo Tâm ngành.

12) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muồn: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

13) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ, có tu tập Bốn chánh cẩn. Có tu tập Bốn như ý túc. Có tu tập Năm căn. Có tu tập Năm lực. Có tu tập bảy giác chi. Có tu tập con đường Thánh đạo Tâm ngành.

14) Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mươi hai trứng gà. Các trứng ấy được con gà mái áp nầm một cách đúng đắn, áp nóng một cách đúng đắn, áp dưỡng một cách đúng đắn. Dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ước muồn: "Mong rằng các con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn"; tuy vậy, các con gà con ấy có thể với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn.

15) Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mươi hai trứng gà được con gà mái ấy áp nầm một cách đúng đắn, áp nóng một cách đúng đắn, áp dưỡng một cách đúng đắn.

16) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo áy sống chí tâm tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muồn: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm của vị ấy vẫn được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

17) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ... có tu tập con đường Thánh đạo Tâm ngành.

18) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ đá hay đệ tử người thợ đá, khi nhìn vào cán búa thấy dấu các ngón tay và dấu các ngón tay cái. Vị ấy không có thể biết được như sau: "Hôm nay, từng ấy cán búa của ta bị hao mòn; hôm nay từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.

19) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo chí tâm trong sự tu tập không có biết như sau: "Hôm nay, từng ấy lậu hoặc của ta được hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được (các lậu hoặc) được hao mòn trên sự hao mòn (các lậu hoặc).

20) Ví như, này các Tỷ-kheo, một chiếc thuyền đi biển có đầy đủ cột buồm và dây buồm, bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa khô; các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng, rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng trở thành yếu và hư nát (?).

21) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và hư nát.

X. Vô Thường Tánh (Hay Tưởng) (Tập 10, Đại 2,70c) (S.iii,155)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được tận trừ.

4) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm ruộng, vào mùa thu, dùng một cái cày lớn cắt đứt tất cả rễ mọc trong khi cày. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được tận trừ.

5) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cắt cỏ cắt đứt cây cỏ, nắm lấy đầu ngọn đập lên, đập xuống, đập tả, đập hữu, rồi quăng một bên. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng, tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ.

6) Ví như, này các Tỷ-kheo, khi một chùm xoài bị cắt đứt từ cành, thời các trái xoài cùng dính vào cành đều bị đứt theo. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng, tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ.

7) Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngôi nhà có nóc nhọn, phàm có rui kèo nào, tất cả đều đi đến nóc nhọn, hướng đến nóc nhọn, quy tụ về nóc nhọn, và nóc nhọn là tối thượng hơn chúng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng... tất cả ngã mạn được tận trừ.

8) Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những rễ hương gì, hương anusari đen là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

9) Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những lõi hương gì, hương chiên-đàn đỏ là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

10) Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những hoa hương gì, hương vassika là tối thượng hơn những hương ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo.. tất cả ngã mạn được tận trừ.

11) Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những tiêu vương nào, tất cả những vua ấy đều tùy thuộc vua Chuyển luân vương. Vua Chuyển luân vương được gọi là vua tối thượng đối với họ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

12) Ví như, này các Tỷ-kheo, ánh sáng các loại sao gì, tất cả ánh sáng ấy không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng. Ánh sáng mặt trăng được xem là tối thượng trong các ánh sáng ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

13) Ví như, này các Tỷ-kheo, trong mùa thu, khi trời mở rộng và gột sạch mây, mặt trời mọc lên trên bầu trời, đuổi sạch tất cả u ám khỏi hư không, bừng sáng, chói sáng và rực sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được tận trừ.

14) Tu tập vô thường tướng như thế nào, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như thế nào mà tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ?

15) Đây là sắc; đây là sắc tập khởi; đây là sắc đoạn diệt; đây là thọ... đây là tướng... đây là các hành... đây là thức; đây là thức tập khởi; đây là thức đoạn diệt.

16) Vô thường tướng được tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, được làm cho sung mãn như vậy, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận; tất cả hữu tham được đoạn tận; tất cả vô minh được đoạn tận; tất cả ngã mạn được tận trừ.

C. Năm Mươi Kinh Sau

I. Phẩm Biên

I. Biên Kinh (Tập 3, Đại 2,18b) (S.iii,157)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Có bốn biên này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Hữu thân biên, hữu thân tập khởi biên, hữu thân đoạn diệt biên, hữu thân đoạn diệt đạo biên.

4) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là thân biên? Phải trả lời là năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Tức là sáu thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn thức thủ uẩn. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là năm thủ uẩn.

5) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân tập khởi biên? Chính là khát ái này, đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này, chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân tập khởi biên.

6) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt biên? Chính là sự ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự xả ly, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự thoát ly chấp trước. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt biên.

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt đạo biên? Chính là Thánh đạo Tám nganh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt đạo biên.

II. Khô (S.iii,158)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về Khô, Khô tập khởi, Khô đoạn diệt, Con đường đưa đến khô đoạn diệt. Hãy lắng nghe.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khô? Phải trả lời là năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Tức là sáu thủ uẩn... thức thủ uẩn. Đây gọi là Khô, này các Tỷ-kheo.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khô tập khởi? Chính là khát ái này, đưa đến tái sanh... phi hữu ái. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Khô tập khởi.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khô đoạn diệt? Chính là sự ly tham, đoạn diệt không dư tàn khát ái ấy, sự xả ly, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự thoát ly chấp trước. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Khô đoạn diệt.

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Con đường đưa đến khô đoạn diệt? Chính là con đường Thánh đạo Tám nganh, tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Con đường đưa đến khô đoạn diệt.

III. Hữu Thân (Tập 3, Đại 2,18b) (S.iii,159)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về hữu thân, hữu thân tập khởi, hữu thân đoạn diệt, con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt. Hãy lắng nghe.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân? Phải trả lời rằng chính là năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Ngày các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân tập khởi? Chính là khát ái này... Ngày các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân tập khởi.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt? Chính là sự ly tham, đoạn diệt không có dư tàn khát ái ấy... sự thoát ly chấp trước. Ngày các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt.

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt? Chính là con đường Thánh đạo Tâm nganh, tức là chánh tri kiến... chánh định. Ngày các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt.

IV. Sở Biến Tri (Tập 3, Đại 2,19a) (S.iii,159)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Ngày các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông các pháp cần phải biến tri, sự biến tri và con người đã biến tri. Hãy lắng nghe.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp cần phải biến tri? Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp cần phải biến tri. Thọ... tưởng... các hành... thức là pháp cần phải biến tri. Ngày các Tỷ-kheo, đây gọi là các pháp cần phải biến tri.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự biến tri? Sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si. Ngày các Tỷ-kheo, đây gọi là sự biến tri.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con người đã biến tri? Cần phải trả lời là bậc A-la-hán. Bậc Tôn giả này, với tên như vậy, với dòng họ như vậy. Ngày các Tỷ-kheo, đây gọi là con người đã biến tri.

V. Các Sa Môn (S.iii,160)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Có năm thủ uẩn, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

4) Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này... như thật biết rõ...; tự mình chứng ngộ với thượng trí, chứng đạt và an trú.

VI. Các Sa Môn (S.iii,160)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

4-5) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm thủ uẩn này... biết rõ...; tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú.

VII. Dự Lưu (S.iii,160)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

4) Và khi nào vị Đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, vị Đa văn Thánh đệ tử ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Dự lưu, không còn bị thối thát, đã được quyết định, hướng đến Chánh Đẳng Giác.

VIII. A-La-Hán (S.iii,161)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

4) Và khi nào vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm thủ uẩn này, được giải thoát không có chấp thủ. Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị A-la-hán, các lậu hoặc được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, được giải thoát nhờ chánh trí.

IX. Dục Được Đoạn Trừ (S.iii,161)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với sắc, hãy đoạn trừ nó. Như vậy sắc ấy sẽ được đoạn trừ, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

4-6) Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành...

7) Này các Tỷ-kheo, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với thức, hãy đoạn trừ nó. Như vậy, thức sẽ được đoạn trừ, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

X. Dục Được Đoạn Trừ (S.iii,161)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào, phàm có những chấp thủ

phương tiện, tâm thủ trước, thiên chấp tùy miên nào đối với sắc... hãy đoạn trừ chúng. Như vậy, sắc ấy sẽ được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ...

4-6)... Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành...

7) Nay các Tỷ-kheo, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào, phàm có những chấp thủ phương tiện, tâm thủ trước, thiên chấp tùy miên nào đối với thức, hãy đoạn trừ chúng. Như vậy, thức ấy sẽ được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

II. Phẩm Thuyết Pháp

I. Vô Minh (Hay Vị Tỷ-kheo) (S.iii,162)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thέ Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- "Vô minh, vô minh", bạch Thέ Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thέ Tôn, thế nào là vô minh? Cho đến như thế nào, một người là vô minh?

4-8) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không biết rõ sắc, không biết rõ sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt, không biết rõ thọ... không biết rõ tưởng... không biết rõ các hành... không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

9) Nay Tỷ-kheo, đây gọi là vô minh. Và cho đến như vậy, một người là vô minh.

II. Minh (Hay Vị Tỷ-kheo) (S.iii,163)

1-4) Nhân duyên ở Sàvatthi... Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- "Minh, minh", bạch Thέ Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thέ Tôn, như thế nào là minh? Cho đến như thế nào, một người là minh?

5) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt.

6-8)... biết rõ thọ... biết rõ tưởng... biết rõ các hành... biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

9) Nay Tỷ-kheo, đây gọi là minh. Và cho đến như vậy, một người là minh.

III. Vị Thuyết Pháp (Tập 3, Đại 2,5c) (S.iii,163)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Sau khi ngồi xuống, Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- "Vị thuyết pháp, vị thuyết pháp", bạch Thέ Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, được

(gọi) là vị thuyết pháp?

4) -- Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

5-7) Nếu Tỷ-kheo đối với thọ... Nếu Tỷ-kheo đối với tưởng... Nếu Tỷ-kheo đối với các hành...

8) Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức, được giải thoát không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

IV. Vị Thuyết Pháp (S.iii,164)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ây bạch Thê Tôn:

-- "Vị thuyết pháp, vị thuyết pháp", bạch Thê Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thê Tôn, được gọi là vị thuyết pháp? Cho đến như thế nào, được gọi là vị thực hành pháp tùy pháp? Cho đến như thế nào, được gọi là vị đã đạt đến Niết-bàn ngay trong hiện tại?

3-4) -- Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

5-7) Nếu Tỷ-kheo đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành...

8) Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức, được giải thoát không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

V. Trói Buộc (Tập 2, Đại 2,19b) (S.iii,164)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh... không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là kẻ vô văn phàm phu, bị trói buộc bởi các trói buộc của sắc, bị trói buộc bởi các trói buộc nội ngoại, kẻ không thấy bờ bên này, kẻ không thấy bờ bên kia, khi sanh bị trói buộc, khi chết bị trói buộc, khi đi từ đời này qua đời khác bị trói buộc.

4-6) ... quán thọ... quán tưởng... quán các hành...

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh... không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán thức như là tự ngã, tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là kẻ vô văn phàm phu, bị trói buộc bởi các trói buộc của thức, bị trói buộc bởi các trói buộc của nội ngoại, kẻ không thấy bờ bên này, kẻ không thấy bờ bên kia, khi sanh bị trói buộc, khi chết bị trói buộc, khi đi từ đời này qua đời khác bị trói buộc.

8) Còn vị Đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, thấy rõ các bậc Thánh... tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Đa văn Thánh đệ tử, không bị trói buộc bởi các trói buộc của sắc, không bị trói buộc bởi các trói buộc nội ngoại, vị đã thấy bờ bên này, vị đã thấy bờ bên kia. Ta nói, vị ấy được giải thoát hoàn toàn khỏi đau khổ.

9-11) ... Đối với thọ... với tưởng... với các hành...

12) ... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Đa văn Thánh đệ tử, không bị trói buộc bởi sự trói buộc của thức, không bị trói buộc bởi sự trói buộc nội ngoại; vị đã thấy bờ bên này, đã thấy bờ bên kia. Ta nói, vị ấy đã giải thoát hoàn toàn khỏi đau khổ.

VI. Giải Thoát (Tập 2, Đại 2,19c) (S.iii,165)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Các Ông có quán sắc: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

3-5) ... thọ... tưởng... các hành...

6) ... các Ông có quán thức: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các Ông phải như thật quán thức với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

7) Do thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy biết rõ: "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

VII. Giải Thoát (Tập 2, Đại 2,19c) (S.iii,166)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các Ông có quán sắc: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"?

-- Thưa có, bạch Thέ Tôn.

-- Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải như thật quán sắc với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

3-5) ... thọ... tưởng... các hành...

6) ... các Ông có quán thức: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"?

-- Thưa có, bạch Thέ Tôn.

-- Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải như thật quán thức với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

7) Do thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy biết rõ: "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

VIII. Kiết Sứ (S.iii,166)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về các pháp bị trói buộc và sự trói buộc. Hãy lắng nghe.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị trói buộc? Thế nào là sự trói buộc? Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp bị trói buộc. Dục và tham đói với sắc là sự trói buộc của sắc.

5-7) ... Thọ... Tưởng... Các hành...

8) Thúc, này các Tỷ-kheo, là pháp bị trói buộc. Dục và tham đói với thức là sự trói buộc của thức.

9) Này các Tỷ-kheo, các pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là các pháp bị trói buộc. Đây là sự trói buộc.

IX. Chấp Thủ (S.iii,167)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các Ông về các pháp bị chấp thủ và sự chấp thủ. Hãy lắng nghe.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị chấp thủ? Thế nào là sự chấp thủ? Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp bị chấp thủ. Dục và tham đói với sắc là sự chấp thủ đói với sắc.

5-7) ... Thọ... Tưởng... Các hành...

8) Thúc, này các Tỷ-kheo, là pháp bị chấp thủ. Dục và tham đói với thức là sự chấp thủ đói với thức.

9) Này các Tỷ-kheo, các pháp này, được gọi là các pháp bị chấp thủ. Đây là sự chấp thủ.

X. Vị Giữ Giới (Tập 10, Đại 2,65b) (S.iii,167)

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phát) và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàrànasi (Ba-la-nại), tại Isipatana (Chư Tiên đọa xứ), vườn Lộc Uyển.

2-3) Rồi Tôn giả Mahà Kotthika, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Sàriputta... thưa như sau:

-- Thưa Hiền giả Sàriputta, những pháp gì Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý?

4) -- Này Hiền giả Kotthika, Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

5) Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, tho thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này Hiền giả Kotthika, vì Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

6) Này Hiền giả, sự kiện này xảy ra: Tỷ-kheo giữ giới do như tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả Dự lưu.

7) -- Với Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu, này Hiền giả Sàriputta, những pháp gì cần phải như lý tác ý?

8-9) -- Với Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã. Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Dự lưu, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả Nhứt lai.

10) -- Nhưng Tỷ-kheo Nhứt lai, này Hiền giả Sàriputta, phải như lý tác ý các pháp gì?

11) -- Tỷ-kheo Nhứt lai, này Hiền giả Kotthika, phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã. Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Nhứt lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả Bất lai.

12) -- Nhưng Tỷ-kheo Bất lai, này Hiền giả Sàriputta, cần phải như lý tác ý những pháp gì?

13-15) -- Tỷ-kheo Bất lai, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã. Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Bất lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả A-la-hán.

16) -- Nhưng vị A-la-hán, này Hiền giả Sàriputta, cần phải như lý tác ý các pháp gì?

17) -- Vị A-la-hán, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

18) Với vị A-la-hán, này Hiền giả, không có gì phải làm nữa, hay không có phải thêm gì nữa trong công việc làm. Nhưng sự tu tập, làm cho sung mãn những pháp này sẽ đưa đến hiện tại lạc trú và chánh niệm tinh giác.

XI. Vị Có Nghe (S.iii,169)

(Hoàn toàn như kinh trước, chỉ thay thế vị có nghe cho vị giữ giới).

XII. Kappa (Tập 1, ĐẠI 2,4c) (S.iii,169)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Rồi Tôn giả Kappa đi đến Thế Tôn...
- 3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kappa bạch Thế Tôn:

-- Do biết như thế nào, do thấy như thế nào, bạch Thế Tôn, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, lại không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn?

4) -- Phàm có sắc gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc thắng hay liệt, hoặc xa hay gần; tất cả sắc ấy cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

5-7) Phàm có thọ gì... tưởng gì... các hành gì...

8) Phàm có thức gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả thức cần phải như quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Do biết như vậy, do thấy như vậy, này Kappa, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn.

XIII. Kappa (S.iii,170)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kappa bạch Thế Tôn:

-- Do biết như thế nào, thấy như thế nào, bạch Thế Tôn, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, tâm ý không còn các tư tưởng ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt qua kiêu mạn, tịch tĩnh, khéo giải thoát?

3) -- Phàm có sắc gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại... tất cả sắc, sau khi như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", được giải thoát, không có chấp thủ.

4-6) Phàm có thọ gì... tưởng... các hành...

7) Phàm có thức gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả thức, sau khi như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", được giải thoát, không có chấp thủ.

8) Do biết như vậy, thấy như vậy, này Kappa, đối với thân có thức này, và trong tất cả tướng ở ngoài, tâm ý không có (các tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt ngoài kiêu mạn, khéo giải thoát.

III. Phẩm Vô Minh

I. Tập Pháp (Tập 10, Đại 2,64b) (S.iii,171)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
 2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thέ Tôn; sau khi đến...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- "Vô minh, vô minh", bạch Thέ Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thέ Tôn, thế nào là vô minh? Và cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu, không như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi" là sắc chịu sự tập khởi, không như thật biết rõ: "Sắc chịu sự đoạn diệt" là sắc chịu sự đoạn diệt, không như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

5-7) ... "Thọ... Tưởng... Các hành..".

8) ... không như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi" là thức chịu sự tập khởi, không như thật biết rõ: "Thức chịu sự đoạn diệt" là thức chịu sự đoạn diệt, không như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

9) Như vậy, này Tỷ-kheo, gọi là vô minh. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

10) Khi được nói vậy, Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- "Minh, minh", bạch Thέ Tôn, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, bạch Thέ Tôn? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

11) -- Ở đây, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi" là sắc chịu sự tập khởi, như thật biết rõ: "Sắc chịu sự đoạn diệt" là sắc chịu sự đoạn diệt, như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

12-14) ... "Thọ... Tưởng... Các hành..".

15) ... Như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi" là thức chịu sự tập khởi, như thật biết rõ: "Thức chịu sự đoạn diệt" là thức chịu sự đoạn diệt, như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

16) Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là minh, cho đến như vậy được gọi là minh.

II. Tập Pháp (S.iii,172)

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàrànasi, tại Isipatana, vườn Lộc Uyển.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kotthika, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kotthika thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả Sàriputta? Cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

(... như kinh trên).

III. Tập Pháp (S.iii,173)

1-2) Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàrànasi (Ba-la-nại), Isipatana (Chư Tiên đọa xứ), tại vườn Lộc Uyển.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kotthika thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- "Minh, minh", thưa Tôn giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả Sàriputta? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

(... như kinh trên).

IV. Vị Ngọt

1-2) Tại Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kotthika thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Và cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

4) -- Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

9) Đây là vô minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

V. Vị Ngọt (S.iii,174)

1-2) Tại Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) -- "Minh, minh", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Như thế nào được gọi là minh?

4-8) Ở đây, này Hiền giả, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc... của thọ... của tưởng... của các hành... như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

9) Đây gọi là vô minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

VI. Tập Khởi (S.iii,174)

1-2) Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) -- "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Sàriputta, được nói đến là như vậy. Và thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

4) -- Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

9) Như vậy, này Hiền giả, được gọi là vô minh. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

VII. Tập Khởi (S.iii,174)

1-2) Bàrānasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kotthika thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- "Minh, minh" thưa Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

4) -- Ở đây, thưa Hiền giả, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

9) Như vậy được gọi là minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là minh.

VIII. Kotthika (S.iii,175)

1) Bàrānasi, Isipatana, Migadàya.

2) Tôn giả Sàriputta vào buổi chiều...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Kotthika:

-- "Vô minh, vô minh", này Hiền giả Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào, được gọi là vô minh?

4) -- Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

9) Như vậy gọi là vô minh, thưa Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

10) Khi được nói vậy, Tôn giả Sàriputta và nói với Tôn giả Kotthika:

-- "Minh, minh", thura Hiền già Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thura Hiền già? Cho đến như thế nào, được gọi là minh?

11) -- Ở đây, thura Hiền già, vị Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm, và sự xuất ly của sắc.

12-14) ... thọ... tưởng... các hành...

15) ... như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

16) Như vậy, này Hiền già, được gọi là minh. Cho đến như vậy được gọi là minh.

IX. Kotthika (S.iii,175)

1) ... Bàrànasi, Isipatana, Migadàya.

2-3) -- "Vô minh, vô minh", thura Hiền già Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thura Hiền già? Cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

4) -- Ở đây, này Hiền già, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

9) Như vậy, này Hiền già, được gọi là vô minh. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

10) Được nói vậy, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Kotthika:

-- "Minh, minh", thura Hiền già Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thura Hiền già? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

11) -- Ở đây, này Hiền già, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

12-14) ... thọ... tưởng... các hành...

15) ... như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

16) Như vậy, này Hiền già, được gọi là minh. Cho đến như vậy, được gọi là minh.

X. Kotthika (S.iii,176)

1-2) Nhân duyên như trên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Kotthika:

-- "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Kotthika, được nói đến như vậy. Và thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào, được gọi là vô minh?

4) -- Ở đây, thưa Hiền giả, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sắc, không biết rõ sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... không biết rõ thức, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

9) Như vậy, này Hiền giả, được gọi là vô minh. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

10) Khi được nói vậy, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Kotthika:

-- "Minh, minh", thưa Hiền giả Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào, được gọi là minh?

11)-- Ở đây, này Hiền giả, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt.

12-14) ... thọ... tưởng... các hành...

15) ... biết rõ thức, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

16) Như vậy, này Hiền giả, được gọi là minh. Cho đến như vậy được gọi là minh.

IV. Phẩm Than Đō

I. Than Đō Hực (S.iii,177)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc là than đō, này các Tỷ-kheo! Thọ là than đō! Tưởng là than đō! Các hành là than đō! Thức là than đō!

4) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với sắc, nhảm chán đối với thọ, nhảm chán đối với tưởng, nhảm chán đối với các hành, nhảm chán đối với thức.

5) Do nhảm chán nêly tham, do ly tham nêly giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nêly làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Vô Thường (S.iii,177)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Này các Tỷ-kheo, cái gì là vô thường?

3) Nay các Tỷ-kheo, sắc là vô thường.

4-6) ... Thọ... Tưởng... Các hành...

7) Thức là vô thường, ở đây, các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

8) Cái gì vô thường, nay các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

III. Vô Thường

(Như kinh trên, chỉ khác là tham (rāga) thay thế cho dục (chanda)).

IV. Vô Thường

(Như kinh trên, chỉ khác là cả dục và tham).

V-VI-VII. Khô (1,2,3)

(Như kinh trên, chỉ khác là khô thay thế cho vô thường).

VIII-IX-X. Vô Ngã (1,2,3)

(Như kinh trên, chỉ khác là vô ngã thay thế cho khô).

XI. Thiện Nam Tử Khô (Tạp 2, Đại 2,12a) (S.iii,179)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Đối với vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, nay các Tỷ-kheo, đây là thuận pháp (anudhammam): Hãy sống nhảm chán nhiều đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành, hãy sống nhảm chán nhiều đối với thức.

4) Ai sống nhảm chán nhiều đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành, ai sống nhảm chán nhiều đối với thức thời sẽ biến tri sắc... thọ... tưởng... các hành, biến tri thức.

5) Vị nào biến tri sắc, biến tri thọ, biến tri tưởng, biến tri các hành, biến tri thức, thời được giải thoát khỏi sắc, được giải thoát khỏi thọ, được giải thoát khỏi tưởng, được giải thoát khỏi các hành, được giải thoát khỏi thức, được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói vị ấy được giải thoát khỏi đau khổ.

XII. Thiện Nam Tử Khô

(Như kinh trên, chỉ khác là "thấy vô thường" thay thế "sống nhảm chán").

XIII. Thiện Nam Tử Khô

(Như kinh trên, ở đây chỉ khác là "thấy vô ngã").

V. Phẩm Kiến

I. Nội (Tập 7, Đại 2,43b) (S.iii,180)

1-2) Ở Sàvatthi...

3) -- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, nội lạc, khổ khởi lên?

4) -- Bạch Thέ Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thέ Tôn làm căn bản....,

5) -- Nay các Tỷ-kheo, do có sắc, do chấp thủ sắc, nội lạc, khổ khởi lên.

6-8)... thọ... tưởng... các hành...

9) Do có thức, do chấp thủ thức, nội lạc, khổ khởi lên.

10) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, nội lạc, khổ có thể khởi lên không?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

11-13) ... Thọ... Tưởng... Các hành...

14) -- Thức là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời nội lạc, khổ có thể sanh khởi không?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

15) Do thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Cái Nay Là Của Tôi (Tập 7, Đại 2,43a) (S.iii,181)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì mà quán: "Cái này là của tôi,

cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

4) -- Bạch Thé Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thé Tôn làm căn bản...

5-9) -- Nay các Tỷ-kheo, do có sắc, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc... do có thức, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức nêu quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

10) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thé Tôn...

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thura không, bạch Thé Tôn.

11-13) ... Thọ... Tưởng... Các hành...

14) -- Thức là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thura không, bạch Thé Tôn.

15) Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

III. Ngã (Tập 7, Đại 2,43c) (S.iii,182)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Nay các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, tà kiến này khởi lên: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

4) -- Đối với chúng con, các pháp lấy Thé Tôn làm căn bản...

5) -- Nay các Tỷ-kheo, do có sắc, chấp thủ sắc, thiên chấp sắc nêu khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại".

6-9) ... thọ... tưởng... các hành...

10) Do có thức, chấp thủ thức, thiên chấp thức nêu khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại".

-- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

11-14) ... Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn?

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

15) Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

IV. Và Nếu Không Phải Của Tôi (S.iii,183)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì tà kiến như sau sanh khởi: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thέ Tôn, các pháp lấy Thέ Tôn làm căn bản...

4) -- Nay các Tỷ-kheo, do có sắc, chấp thủ sắc, thiên chấp sắc nên tà kiến này khởi lên: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta".

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) Do có thức, chấp thủ thức, thiên chấp thức nên tà kiến này khởi lên: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta".

9) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến như sau: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

10-13) ... Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi tà kiến như sau: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

V. Tà Kiến (S.iii,184)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Nay các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ gì, do thiên chấp gì, tà kiến khởi lên?

4) -- Đối với chúng con, bạch Thé Tôn, các pháp lấy Thé Tôn làm căn bản...

5) -- Nay các Tỷ-kheo, do có sắc, có chấp thủ, do thiên chấp sắc, khởi lên tà kiến.

6-9)... thọ... tưởng... các hành...

Do có thức, có chấp thủ thức, do thiên chấp thức nên khởi lên tà kiến.

10) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến không?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

11-14) ... Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có nén chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến không?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

VI. Hữu Thân

(Giống như kinh trước, chỉ thể "hữu thân" cho "tà kiến").

VII. Ngã Kiến

(Giống như kinh trước, chỉ thể "ngã kiến" (attānuditthi) cho "hữu thân").

VIII. Thiên Kiến

(Giống như kinh trước, chỉ thể bị trói buộc, thiên chấp kiết sử cho ngã kiến).

IX. Thiên Kiến

(Giống như kinh trước, chỉ thêm: Sự tham trước về sự trói buộc, thiên chấp các kiết sử).

X. Ananda (S.iii,187)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thέ Tôn; sau khi đến... bạch Thέ Tôn:

3) -- Lành thay, bạch Thέ Tôn! Thέ Tôn hãy thuyết pháp vẫn tắt cho con, để sau khi nghe pháp, con sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Ông nghĩ thế nào, này Ananda, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

5-8) -- Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

9) Do thấy vậy... vị áy biết rõ... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

-ooOoo-

CHƯƠNG II
23. TƯƠNG ƯNG RÀDHA

I. Phẩm Thứ Nhất

I. Māra (Tập 6, Đại 2,39b) (S.iii,188)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatti.
- 2) Rồi Tôn giả Ràdha đi đến Thệ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thệ Tôn rồi ngồi xuống một bên.
- 3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thệ Tôn:
 -- "Māra, Māra", bạch Thệ Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thệ Tôn, được gọi là Māra?
 4) -- Nếu có sắc, này Ràdha, thời có chết (Māra) hay có sát giã (Māretà), hay có sự chết (Miyyati). Do vậy, này Ràdha, Ông hãy thấy sắc là sự chết, hãy thấy là sát giã, hãy thấy là bị chết, hãy thấy là bệnh, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh, hãy thấy tự tánh là bất hạnh. Những ai thấy sắc như vậy là thấy chơn chánh.
 5-7) ... Thọ... tưởng... các hành...
 8) Nếu có thức, này Ràdha, thời có chết, hay có sát giã, hay có bị chết. Do vậy, này Ràdha, Ông hãy thấy thức là sự chết, hãy thấy là sát giã, hãy thấy là bị chết, hãy thấy là bệnh hoạn, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh, hãy thấy tự tánh là bất hạnh. Những ai thấy thức như vậy là thấy chơn chánh.
 9) -- Bạch Thệ Tôn, chánh quán với mục đích gì?
 -- Chánh quán, này Ràdha, với mục đích nhảm chán.
 10) -- Bạch Thệ Tôn, nhảm chán với mục đích gì?
 -- Nhảm chán, này Ràdha, với mục đích ly tham.
 11) -- Bạch Thệ Tôn, ly tham với mục đích gì?
 -- Ly tham, này Ràdha, với mục đích được giải thoát.
 12) -- Bạch Thệ Tôn, giải thoát với mục đích gì?
 -- Giải thoát, này Ràdha, với mục đích Niết-bàn.
 13) -- Bạch Thệ Tôn, Niết-bàn với mục đích gì?
 -- Này Ràdha, Ông đi quá xa với câu hỏi này, không thể nắm được giới hạn của câu hỏi. Nhập vào Niết-bàn, này Ràdha, là sự thực hành Phạm hạnh; Niết-bàn là mục tiêu cuối cùng; Niết-bàn là cứu cánh.

II. Chúng Sanh (Tập 6, Đại 2,40a) (S.iii,189)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thέ Tôn:

-- "Chúng sanh, chúng sanh", bạch Thέ Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thέ Tôn, được gọi là chúng sanh?

4) -- Này Ràdha, dục nào (chanda), tham nào, hý nào, khát ái nào đói với sắc, triền phuợc ở đây, triền miên ở đây, do vậy gọi là chúng sanh.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) Dục nào, tham nào, hý nào, khát ái nào đói với thức, triền phuợc ở đây, triền miên ở đây, do vậy gọi là chúng sanh.

9) Ví như, này Ràdha, các đúra con trai hay các đúra con gái chơi với cái nhà bằng đất. Cho đến khi đói với những nhà bằng đất ấy, lòng tham chưa thoát ly, lòng dục chưa thoát ly, lòng ái chưa thoát ly, lòng khát chưa thoát ly, lòng nhiệt tình chưa thoát ly, lòng khát ái chưa thoát ly, thời chúng còn tham dính vào, thích chơi, chất chúa, và đắm trước những nhà bằng đất ấy.

10) Nhưng khi nào các đúra con trai hay các đúra con gái ấy đói với những nhà bằng đất kia, lòng tham đã thoát ly, lòng dục đã thoát ly, lòng ái đã thoát ly, lòng khát đã thoát ly, lòng nhiệt tình đã thoát ly, lòng khát ái đã thoát ly, thời với tay và với chân, chúng phá tan, phá vỡ, phá sập, không chơi với những căn nhà bằng đất ấy.

11) Cũng vậy, này Ràdha, Ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập, không chơi với sắc, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đói với thức.

12-14) ... thọ... tưởng... các hành...

15) ... Ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập và không chơi với thức, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đói với thức.

16) Đoạn diệt khát ái, này Ràdha, là Niết-bàn.

III. Sợi Dây Tái Sanh (Tập 6, Đại 2,37c) (S.iii,190)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thέ Tôn:

-- "Đoạn diệt sợi dây tái sinh. Đoạn diệt sợi dây tái sinh", bạch Thέ Tôn, được nói đến như vậy. Thế nào là sợi dây tái sinh, bạch Thέ Tôn? Thế nào là sự đoạn diệt sợi dây tái sinh?

4) -- Này Ràdha, phàm dục gì, tham gì, hý gì, khát ái gì, phàm những chấp thủ phuơng tiện, tâm kiêu trú, thiêng chấp tùy miên gì đói với sắc, như vậy gọi là sợi dây tái sinh. Sự đoạn diệt chúng là sự đoạn diệt sợi dây tái sinh.

5-7)... đối với thọ... với tưởng... với các hành...

8) Phàm dục gì, tham gì, hý gì, khát ái gì, phàm những chấp thủ phuơng tiện, tâm kiêu trú, thiên chấp tùy miên gì đối với thức, đó gọi là sợi dây tái sanh. Sự đoạn diệt chúng là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh.

IV. Sở Biến Tri (Tập 6, Đại 2,37c) (Parinneyya) (S.iii,191)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Thê Tôn nói với Tôn giả Ràdha đang ngồi một bên:

-- Này Ràdha, Ta sẽ thuyết về các pháp cần phải biến tri, sự biến tri. Và Ông đã được biến tri. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

4) -- Thura vâng, bạch Thê Tôn.

Tôn giả Ràdha vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau:

-- Này Ràdha, thế nào là pháp cần phải biến tri? Sắc, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri. Thọ, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri. Tưởng, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri. Các hành, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri. Thức, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri. Những pháp này, này Ràdha, là những pháp cần phải biến tri.

5) Và này Ràdha, thế nào là sự biến tri?

Này Ràdha, sự đoạn diệt tham, sự đoạn diệt sân, sự đoạn diệt si. Như vậy, này Ràdha, gọi là chánh biến tri.

6) Và này Ràdha, thế nào là người đã chánh biến tri? Bậc A-la-hán, cần phải trả lời như vậy. Bậc Tôn giả với tên như thế này, với dòng họ như thế này. Như vậy, này Ràdha, là người đã được chánh biến tri.

V. Sa Môn (S.iii,191)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-4) Thê Tôn nói với Tôn giả Ràdha đang ngồi một bên:

-- Này Ràdha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

5) Này Ràdha, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được chấp nhận là Sa-môn giữa các vị Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các vị Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy không thể ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

6) Nhưng này Ràdha, những Sa-môn, hay Bà-la-môn nào như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn giữa các vị Sa-môn, và được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các vị Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh và mục đích

của Bà-la-môn hạnh.

VI. Sa Môn (S.iii,192)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

4) -- Nay Ràdha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thô thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn... (*nhus kinh trên, chỉ thêm sự tập khởi và sự đoạn diệt vào vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn*).

VII. Bậc Dự Lưu (S.iii,192)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

4) -- Nay Ràdha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

5) Nay Ràdha, khi nào bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này. Vì này, nay Ràdha, được gọi là vị Thánh đệ tử đã chứng Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến cùu cánh bồ-đề.

VIII. Bậc A-La-Hán (S.iii,192)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

4) -- Nay Rdha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

5) -- Nay Ràdha, khi nào Tỷ-kheo sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy, gọi vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, đã đoạn tận hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí.

IX. Dục Tham (S.iii,193)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-4) Thế Tôn nói với Tôn giả Ràdha đang ngồi một bên:

-- Nay Ràdha, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với sắc, hãy từ bỏ chúng. Như vậy, sắc sẽ được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

5-7) ... đối với thô... đối với tưởng... đối với các hành...

8) Nay Ràdha, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào, đối với thô, đối với tưởng, hãy từ bỏ chúng. Như vậy, thô sẽ được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

X. Dục Tham (S.iii, 193)

(*Nhus kinh trên, chỉ thêm vào: "Phàm có những chấp thủ phuơng tiện, tâm kiêng trú, thiêng*

chấp tùy miên").

II. Phẩm Thứ Hai

I. Māra

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rādha bạch Thέ Tôn:

-- "Māra, Māra", bạch Thέ Tôn, như vậy được gọi đến. Thέ nào là Māra, bạch Thέ Tôn?

4) -- Sắc, này Rādha, là Māra. Thọ là Māra. Tưởng là Māra. Hành là Māra. Thức là Māra.

5) Do thấy vậy, này Rādha, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với sắc, nhảm chán đối với thọ, nhảm chán đối với tưởng, nhảm chán đối với các hành, nhảm chán đối thức. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Tánh Chất Của Māra.

(Như kinh trước, chỉ thay Māra bằng tánh chất của Māra (Māradhamma)).

III. Vô Thường

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rādha bạch Thέ Tôn:

-- "Vô thường, vô thường", bạch Thέ Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thέ Tôn, thế nào là vô thường?

4) -- Sắc, này Rādha, là vô thường. Thọ là vô thường. Tưởng là vô thường. Hành là vô thường. Thức là vô thường.

5) Do thấy vậy... Vị ấy biết rõ... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

IV. Vô Thường Tánh

(Kinh như trên, chỉ thay "vô thường" bằng "vô thường tánh").

V. Khô

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rādha bạch Thέ Tôn:

-- "Khô, khô", bạch Thέ Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thέ Tôn, thế nào là khô?

4) -- Sắc, này Rādha, là khô. Thọ là khô. Tưởng là khô. Các hành là khô. Thức là khô.

5) Do thấy vậy... Vị ấy biết rõ... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

VI. Khô Tánh

(Như kinh trên, chỉ thay "khô" bằng "khô tánh").

VII. Vô Ngã

(Như kinh trên, chỉ thay "khô" bằng "vô ngã").

VIII. Vô Ngã Tánh

(Như kinh trên, chỉ thay "khô" bằng "vô ngã tánh").

IX. Tân Pháp

(Như kinh trên, chỉ thay "khô" bằng "tân pháp" (khayadhamma: chịu sự đoạn tận)).

X. Diệt Pháp

(Như kinh trên, chỉ thay "khô" bằng "diệt pháp" (vayadhamma: chịu sự đoạn diệt)).

XI. Tập Khởi Pháp (Samudayadhamma)

(Như kinh trên, chỉ thay "khô" bằng "tập khởi pháp").

XII. Đoạn Diệt Pháp (Nirodhadhamma)

(Như kinh trên, chỉ thay "khô" bằng "đoạn diệt pháp").

III. Phẩm Sơ Văn

I. Về Māra (Tập quyển 6, Đại 2,40c) (S.iii,198)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rādha bạch Thέ Tôn:

-- Lành thay, bạch Thέ Tôn! Thέ Tôn hãy thuyết pháp vẫn tắt cho con, để con sau khi nghe pháp, có thể sống một mình, an tịch, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4-23) -- Cái gì là Māra, này Rādha, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, đoạn trừ lòng tham, đoạn trừ lòng dục và tham. Và cái gì là Māra, này Rādha? Sắc, này Rādha, là Māra; ở đây Ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Thọ là Māra, ở đây Ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Tưởng... Các hành... Thức là Māra, ở đây Ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham.

24) Cái gì thuộc về Ma tánh (Māradhamma), này Rādha, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham...

- 25) Cái gì là vô thường...
- 26) Cái gì là vô thường tánh...
- 27) Cái gì là khô...
- 28) Cái gì là khô tánh...
- 29) Cái gì là vô ngã...
- 30) Cái gì là vô ngã tánh...
- 31) Cái gì là đoạn tận...
- 32) Cái gì là đoạn diệt...
- 33) Cái gì là tập khởi tánh, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham.

II. Đoạn Diệt Tánh (S.iii,199)

- 1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...
- 3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thέ Tôn:

-- Lành thay, bạch Thέ Tôn! Thέ Tôn hãy thuyết pháp vấn tắt cho con, để con sau khi nghe pháp, có thể sống một mình, an tĩnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Cái gì là đoạn diệt pháp, này Ràdha, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, đoạn trừ lòng tham, đoạn trừ lòng dục và tham. Và cái gì là đoạn diệt pháp, này Ràdha? Sắc, này Ràdha, là đoạn diệt pháp; ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là đoạn diệt pháp; ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham.

IV. Phẩm Thân Cận

I. Māra (Phẩm III - Sơ vấn)

II. Māra Tánh (Phẩm III - Sơ vấn)

III. Vô Thường (Phẩm III - Sơ vấn)

IV. Vô Thường Tánh (Phẩm III - Sơ vấn)

V. Khô (Phẩm III - Sơ vấn)

VI. Khô Tánh (Phẩm III - Sơ vấn)

VII. Vô Ngã (Phẩm III - Sơ vấn)

VIII. Vô Ngã Tánh (Phẩm III - Sơ vấn)

IX. Tân Diệt (Phẩm III - Sơ vấn)

X. Đoạn Diệt (Phẩm III - Sơ vấn)

XI. Tập Khởi (Phẩm III - Sơ vấn)

XII. Đoạn Diệt Tánh (Phẩm III - Sơ vấn)

-ooOoo-

CHƯƠNG III
24. TƯƠNG ƯNG KIẾN

I. Phẩm Dự Lưu

I. Gió (Tập 7, Đại 2,45a) (S.iii,202)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà mang thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy nói cho chúng con ý nghĩa của lời dạy ấy. Sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

-- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

4) -- Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà có thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

5-7) Do có thọ... có tưởng... có các hành...

8) Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

9) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-12) -- Thọ... Tưởng... Các hành...

13) ... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

14) -- Cái gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết, được đạt đến, được tìm cầu, được ý tu duy; cái ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn?

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khô, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khô tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khô đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khô đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử đã chứng được Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

II. Cái Nay Là Của Tôi. (S.iii,203)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thέ Tôn, các pháp lấy Thέ Tôn làm căn bản...

4) -- Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

5-7) Do có thọ... tưởng... các hành...

8) Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

9) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

10-12) --.. Thọ... Tưởng... Các hành...

13) Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

14) -- Cái gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết, được tìm cầu, được ý tư duy, cái ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khô, nghi hoặc được đoạn trừ;... đối với con đường đưa đến khô đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là bậc Thánh đệ tử đã chứng được Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

III. Cái Nay Là Tự Ngã (S.iii,204)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thέ Tôn, các pháp lấy Thέ Tôn làm căn bản...

4) -- Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại".

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) Do có thức, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này khởi lên: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại".

9) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, nếu không có chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

10-13) ... Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

14) -- Cái gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết, được đạt tới, được tìm cầu, được ý tư duy, cái ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không có chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ;... đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Thánh đệ tử chứng được Dự lưu, không còn thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

IV. Có Thể Không Phải Của Tôi (S.iii,205)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?

(*Như kinh trên, chỉ có sự sai khác về "tà kiến"*).

V. Không Có (Tập 7, Đại 2,43c) (S.iii,206)

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có các loài hóa sanh. Ở đời, không có những vị Sa-môn chánh hạnh, chánh hướng, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này và đời khác, và truyền dạy lại. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại trở về trả lại cho địa giới; thủy đại trả về trả lại cho thủy giới; hỏa đại trả về trả lại cho hỏa giới; phong đại trả về trả lại cho phong giới; các căn nhập vào hư không. Bốn người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm, gánh người chết mang đi (đến chỗ hỏa táng), thốt ra những lời tán tụng, các xương trắng như màu bồ câu và những vật cúng dường trở thành tro bụi. Chỉ có người ngu mới tán dương bồ thí. Lời nói của họ trống không, giả dối, khi họ thuyết có sự sống. Kẻ ngu cũng như người hiền, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn diệt, tiêu thất, không còn tồn tại sau khi chết"?

3)-- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4) (*Như kinh trên, chỉ khác ở "tà kiến"*).

VI. Đối Với Người Hành Động (Tập 7, Đại 2,44b) (S.iii,208)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt náu hay khiến người đốt náu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào cướp bóc, đánh cướp một nhà

lẻ loi, chận đường cướp giựt, tự thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu láy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bồ thí, khiến người bồ thí, tê lễ, khiến người tê lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo. Bồ thí, điều phục, cấm giới, tự chế, tôn trọng sự thật, không có phước đức, không đưa đến phước đức"?

4) -- Đối với chúng con, bạch Thé Tôn, các pháp lấy Thé Tôn làm căn bản...

(Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến").

VII. Nhân (Tập 7, Đại 2,44a) (S.iii,210)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiền chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả chúng sanh, tất cả hữu tình, tất cả sinh vật, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Họ bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của họ, bởi cá tính của họ. Họ hưởng thọ khổ, lạc, y theo sáu loại thác sanh của họ"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thé Tôn, các pháp lấy Thé Tôn làm căn bản...

(Như các kinh trên, chỉ khác phần "tà kiến").

VIII. Đạt Tà Kiến (Tập 7, Đại 2,44b, 44c) (S.iii,211)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiền chấp cái gì, khởi lên (tà) kiến như sau: "Có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm lăng nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc"?

3) Bảy thân ấy là gì? - Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khô, lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm lăng nhau, chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc.

4) Khi một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi.

5) Có tất cả là 1.400.000 chủng loại thác sanh, lại có thêm 6.000 và có thêm 600 nữa. Có 500 loại nghiệp và năm nghiệp (theo 5 căn), lại có ba nghiệp (về thân, khẩu, ý), lại có toàn nghiệp (thân và khẩu), và bán nghiệp (ý), có 62 đạo, 62 trung kiếp, sáu giai cấp, tám nhân địa, 4.900 sanh nghiệp, 4.900 kẻ du hành, 4.900 chỗ ở của loài Naga, 2.000 căn, 3.000 cảnh địa ngục, 36 trần giới, 7 tưởng thai, 7 vô tưởng thai, 7 tiết thai, 7 loài Thiên, 7 loài Người, 7 loài quý, 7 hồ nước, 7 pavutas (rừng hay hồ nhỏ), 7 papata

(vực thắm), 700 papata (vực thắm), 7 mộng, 700 mộng, có 8 trăm 40 vạn đại kiếp, trong thời gian ấy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyền luân hồi sẽ trừ tận khổ đau.

6) Không có lời nguyền: "Với giới hạnh này, với kỷ luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muối những nghiệp chưa được thuần thực, hoặc trừ diệt những nghiệp đã thuần thực bởi những nhẫn thọ liên tục, không thể đo lường khổ và lạc với những vật đo lường, trong khi luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn.

7) Ví như một cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến một mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyền luân hồi sẽ đoạn tận khổ đau".

8) -- Đối với chúng con, bạch Thé Tôn, các pháp lấy Thé Tôn làm căn bản...

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến").

XIX. Thế Gian Là Thường (S.iii,213)

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến". Ở đây "tà kiến" được thay bằng "thé gian là thường").

X. Thế Gian Là Vô Thường (S.iii,214)

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến").

XI. Hữu Biên

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

XII. Vô Biên

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

XIII. Mạng Vói Thân Là Một

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

XIV. Mạng Vói Thân Là Khác

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

XV. Như Lai Có Tòn Tại

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

XVI. Như Lai Không Có Tòn Tại

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

XVII. Như Lai Có Tòn Tại Và Không Có Tòn Tại

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

XVIII. Như Lai Không Tồn Tại Và Không Không Tồn Tại (S.iii,216)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Này các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thê Tôn, các pháp lấy Thê Tôn làm căn bản...

4-8) -- Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".... thọ... tưởng... các hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, khởi lên (tà) kiến này: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

9) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thê Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thê Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái áy, thời có thể khởi lên (tà) kiến như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

-- Thưa không, bạch Thê Tôn.

10-13) ... Thọ... Tưởng... Các hành... Thức...

14) -- Cái được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết đến, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư; cái áy là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thê Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thê Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái áy, thời có thể khởi lên (tà) kiến như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

-- Thưa không, bạch Thê Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với các xứ này, nghi hoặc được đoạn trù, đối với khô, nghi hoặc được đoạn trù, đối với khô tập khởi, nghi hoặc được đoạn trù, đối với khô đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trù, vị Thánh đệ tử như vậy được gọi là đã chứng được bậc Dụ lưu, không bị thối đọa, chắc quyết hướng đến giác ngộ.

II. Phẩm Trùng Thuyết (1)

I. Gió

(Những kinh I, II trong phẩm này là giống như những kinh trong Chương Ba, Kiến Tương Ưng từ số I cho đến số XVIII).

II. Phi Hữu Phi Vô (S.iii,218)

III. Phẩm Trùng Thuyết (2)

I. Tự Ngã Có Sắc

(Những kinh này giống như các kinh trước chỉ khác là "tà kiến" được thay bằng "Tự ngã có sắc, sau khi chết, không bệnh").

II. Tự Ngã Không Có Sắc.

(như trên, được thay bằng "Tự ngã không có sắc, sau khi chết, không bệnh").

III. Tự Ngã Có Sắc Và Không Sắc.

IV. Tự Ngã Không Có Sắc Và Không Không Sắc

V. Thuần Lạc

(... "Tự ngã là thuần lạc, sau khi chết, không bệnh").

VI. Thuần Khô

VII. Thuần Lạc Và Thuần Khô

VIII. Chẳng Phải Khô , Chẳng Phải Lạc (S.iii,220)

IV. Phẩm Trùng Thuyết (3)

I. (Như kinh Chương Một I, Kinh Nakulapitā).

II- XXV. (Như kinh từ số I, Phẩm Trùng Thuyết 1, đến VII Phẩm Trùng Thuyết 2)

XXVI. Phi Lạc Phi Khô (Như kinh VIII, Phẩm Trùng Thuyết 2).

V. Phẩm Trùng Thuyết (4)

I - XXVII. Như kinh (I-II) Phẩm Trùng Thuyết 3) (S.iii,222)

CHƯƠNG IV
25. TƯƠNG ƯNG NHẬP

I. Con Mắt (S.iii,225)

1-2) Nhân duyên tại Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, mắt là vô thường, biến hoại, đổi khác. Tai là vô thường, biến hoại, đổi khác. Mũi là vô thường, biến hoại, đổi khác. Lưỡi là vô thường, biến hoại, đổi khác. Ý là vô thường, biến hoại, đổi khác.

4) -- Nay các Tỷ-kheo, ai có lòng tin, có tín giải đối với những pháp này; vị ấy được gọi là Tùy tín hành, đã nhập Chánh tánh, đã nhập Chân nhân địa, đã vượt phàm phu địa. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngã quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả Dự lưu.

5) VỚI AI, nay các Tỷ-kheo, kham nhẫn một ít Thiền quán, như vậy với trí tuệ về những pháp này; vị ấy được gọi là Tùy pháp hành, đã nhập Chánh tánh, đã nhập Chân nhân địa, đã vượt phàm phu địa. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy, phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngã quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả Dự lưu.

6) VỚI AI, nay các Tỷ-kheo, đối với những pháp này, biết rõ như vậy, thấy như vậy, vị ấy được gọi là đã chứng Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

II. Sắc

(Như kinh trên, chỉ thé "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp" bằng "nhẫn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý").

III. Thức

(Như kinh trên, chỉ thé vào nhẫn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức).

IV. Xúc

(Như kinh trên, chỉ thé vào "nhẫn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc").

V. Thọ

(Như kinh trên, chỉ thé vào "thọ do nhẫn xúc sanh, nhĩ xúc sanh, tỷ xúc sanh, thiệt xúc sanh, thân xúc sanh, ý xúc sanh").

VI. Tưởng

(Như kinh trên, chỉ thé vào "sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng").

VII. Tư

(Như kinh trên, chỉ thê vào "sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư").

VIII. Ái

(Như kinh trên, chỉ thê vào "sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái").

IX. Giới

(Như kinh trên, chỉ thê vào "địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới").

X. Uẩn (S.iii,227)

(Như kinh trên, chỉ thê vào "sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn").

-ooOoo-

CHƯƠNG V
26. TƯƠNG ƯNG SANH

I. Mắt (Tập 13, Đại 2,90c) (S.iii,228)

1-2) **N**hân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, sự sanh, sự trú, sự thành, sự xuất hiện của mắt là sự sanh của khô, sự trú của bệnh hoạn, sự xuất hiện của già chét.

4-8) Sự sanh, sự trú, sự thành, sự xuất hiện của tai... của mũi... của lưỡi... của thân... của ý là sự sanh của khô, sự trú của bệnh hoạn, sự xuất hiện của già chét.

9) Sự diệt, sự lắng dịu, sự chấm dứt của sắc là sự diệt của khô, sự lắng dịu của bệnh hoạn, sự chấm dứt của già chét.

10-14) Sự diệt, sự lắng dịu, sự chấm dứt của tai... của mũi... của lưỡi... của thân... của ý là sự diệt của khô, sự lắng dịu của bệnh hoạn, sự chấm dứt của già chét.

II. Sắc

(Như kinh trên, chỉ thê vào *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*).

III. Thúc

(Như kinh trên, chỉ thê vào *nhân thíc, nhĩ thíc, tỷ thíc, thiệt thíc, thân thíc, ý thíc*).

IV. Xúc

(Như kinh trên, chỉ thê vào *nhân xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc*).

V. Thọ

(Như kinh trên, chỉ thê vào *thọ do nhân xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh*).

VI. Tưởng

(Như kinh trên, chỉ thê vào *sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng*).

VII. Tư

(Như kinh trên, chỉ thê vào *sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư*).

VIII. Ái

(Như kinh trên, chỉ thê vào *sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái*).

IX. Giới

(Như kinh trên, chỉ thê vào *địa, thủy, hỏa, phong, khôn, thức giới*).

X. Uẩn (S.iii,231)

(Như kinh trên, chỉ thê vào *sắc, thọ, tưởng, hành, thức uẩn*).

-ooOoo-

CHƯƠNG VI
27. TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO

I. Con Mắt (S.iii,232)

1-2) Nhân duyên ở Sàvathi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, dục tham đối với mắt là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với tai là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với mũi là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với lưỡi là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với thân là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với ý là tùy phiền não của tâm.

4) Nay các Tỷ-kheo, khi nào vị Tỷ-kheo đối với sáu xứ này, đoạn tận được tùy phiền não, thời tâm vị ấy hướng về ly dục. Do biến mãn với ly dục, tâm vị ấy được xem là kham nhẫn, chứng tri đối với các pháp cần phải giác ngộ.

II. Sắc

(Như kinh trên, chỉ thê vào *sắc*, *thanh*, *hương*, *vị*, *xúc*, *pháp*).

III. Thức

(Như kinh trên, chỉ thê vào *nhẫn thức*, *nhĩ thức*, *tỷ thức*, *thiệt thức*, *thân thức*, *ý thức*).

IV. Xúc

(Như kinh trên, chỉ thê vào *nhẫn xúc*, *nhĩ xúc*, *tỷ xúc*, *thiệt xúc*, *thân xúc*, *ý xúc*).

V. Thọ

(Như kinh trên, chỉ thê vào *thọ do nhẫn xúc sanh*, *thọ do nhĩ xúc sanh*, *thọ do thiệt xúc sanh*, *thọ do thân xúc sanh*, *thọ do ý xúc sanh*).

VI. Tưởng

(Như kinh trên, chỉ thê vào *sắc tưởng*, *thanh tưởng*, *hương tưởng*, *vị tưởng*, *xúc tưởng*, *pháp tưởng*).

VII. Tư

(Như kinh trên, chỉ thê vào *sắc tư*, *thanh tư*, *hương tư*, *vị tư*, *xúc tư*, *pháp tư*).

VIII. Ái

(Như kinh trên, chỉ thê vào *sắc ái*, *thanh ái*, *hương ái*, *vị ái*, *xúc ái*, *pháp ái*).

IX. Giới

(Như kinh trên, chỉ thê vào *địa giới*, *thủy giới*, *hỏa giới*, *phong giới*, *không giới*, *thức giới*).

X. Uẩn (S.iii,234)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, dục tham đối với sắc uẩn là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với thọ uẩn là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với tưởng uẩn là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với hành uẩn là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với thức uẩn là tùy phiền não của tâm.

4) Này các Tỷ-kheo, khi nào vị Tỷ-kheo đối với năm xứ này, đoạn tận được tùy phiền não, thời tâm vị ấy hướng về ly dục. Do biến mãn với ly dục, tâm vị ấy được xem là kham nhẫn, chứng tri đối với các pháp cần phải giác ngộ.

-ooOoo-

CHƯƠNG VII
28. TƯƠNG ƯNG SÀRIPUTTA

I. Lý (S.iii,235)

- 1) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).
- 2) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khất thực.
- 3-4) Đi khất thực xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khất thực về, Tôn giả đi đến Andhavana để nghỉ trưa. Sau khi đi vào rừng Andha, Tôn giả đến ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây.
- 5) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Jetavana, vườn ông Anàthapindika.
- 6) Tôn giả Ananda thấy Tôn giả Sàriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sàriputta:

-- Hiền giả Sàriputta, các căn của Hiền giả lắng dịu, sắc mặt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay, Hiền giả an trú với sự an trú nào?

- 7) -- Ở đây, này Hiền giả, ly dục, ly pháp bất thiện, tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tú. Này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ nhất", hay "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ nhất", hay "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ nhất".
- 8) -- Như vậy chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài, đã khéo nhổ tận gốc các tùy miên ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sàriputta không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ nhất", hay "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ nhất", hay "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ nhất".

II. Không Tầm

- 1-5) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi...
- 6) Tôn giả Ananda thấy Tôn giả Sàriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sàriputta:
- Hiền giả Sàriputta, các căn của Hiền giả lắng dịu, sắc mặt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay Hiền giả an trú với sự an trú nào?
- 7) -- Ở đây, này Hiền giả, làm cho lắng dịu tầm và tú, tôi đã chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tú, nội tĩnh nhứt tâm. Tôi không có khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ hai", hay "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ hai", hay "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ hai".
- 8) -- Như vậy, chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài, đã khéo nhổ tận gốc các tùy miên ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sàriputta không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ hai", hay "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ hai", hay "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ hai".

III. Hỷ

1-5) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Savatthi...

6) Tôn giả Ananda thấy Tôn giả Sàriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sàriputta:

-- Hiền giả Sàriputta, các căn của Hiền giả lắng dịu, sắc mặt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay Hiền giả an trú với sự an trú nào?

7-8) -- Ở đây, này Hiền giả, ly hỷ và trú xả, chánh niệm tinh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là: "Xả niêm lạc trú", tôi chứng đạt và an trú Thiên thứ ba. Ngày Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiên thứ ba", hay "Tôi đã chứng nhập Thiên thứ ba", hay "Tôi đã ra khỏi Thiên thứ ba".

-- Như vậy, chắc chắn Hiền giả trong một thời gian... hay "Tôi đã ra khỏi Thiên thứ ba".

IV. Xả

1-5) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi...

6) Tôn giả Ananda thấy Tôn giả Sàriputta từ xa đi đến... với sự an trú nào?

7) -- Ở đây, này Hiền giả, xả lạc và xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, tôi chứng đạt và an trú Thiên thứ tư, không khổ, không lạc, xả niêm thanh tịnh. Ngày Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiên thứ tư", hay "Tôi đã chứng nhập Thiên thứ tư", hay "Tôi đã ra khỏi Thiên thứ tư".

8) -- Như vậy, chắc chắn Hiền giả... hay "Tôi đã ra khỏi Thiên thứ tư".

V. Không Vô Biên Xứ

1-6) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi...

... Tôn giả Ananda thấy... với sự an trú nào?

7-8) -- Ở đây, này Hiền giả, vượt lên hoàn toàn sắc tướng, đoạn diệt hữu đối tướng, không tác ý các dì tướng, với ý nghĩ: "Hư không là vô biên", tôi chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Ngày Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ... hay "Tôi đã ra khỏi Không vô biên xứ".

-- Như vậy, chắc chắn Hiền giả... "Tôi đã ra khỏi Không vô biên xứ".

VI. Thức Vô Biên Xứ

1-6) Một thời, Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi...

... Tôn giả Ananda thấy... với sự an trú nào?

7-8) -- Ở đây, này Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Không vô biên xứ, với ý nghĩ: "Thức là vô biên", tôi chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ... hay "... đã ra khỏi Thức vô biên xứ".

VII. Vô Sở Hữu Xứ

1-6) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi.

... Tôn giả Ananda thấy... với sự an trú nào?

7-8) -- Ở đây, này Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Thức vô biên xứ, với ý nghĩ: "Không có vật gì", tôi chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ... hay "... đã ra khỏi Vô sở hữu xứ".

VIII. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ

1-6) Một thời, Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi.

... Tôn giả Ananda thấy... với sự an trú nào?

7-8) -- Ở đây, này Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Vô sở hữu xứ, tôi chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ... hay "... đã ra khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ".

IX. Diệt Tận Định (Tập 18, Đại 2, 131) (S.iii,238)

1-6) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi...

... Tôn giả Ananda thấy... với sự an trú nào?

7-8) -- Ở đây, này Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tôi chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định. Nhưng này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Diệt thọ tưởng định", hay "Tôi đã chứng nhập Diệt thọ tưởng định", hay "Tôi đã ra khỏi Diệt thọ tưởng định".

-- Như vậy, chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài đã khéo nhở tận gốc các tùy miên ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy Tôn giả Sàriputta không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Diệt thọ tưởng định", hay "Tôi đã chứng nhập Diệt thọ tưởng định", hay "Tôi đã ra khỏi Diệt thọ tưởng định".

X. Sùcimukhi (Tịnh Điện) (S.iii,238)

1) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Ràjagaha để khát thực. Sau khi đi khát thực từng nhà một ở Ràjagaha (Vương Xá), Tôn giả ngồi dựa vào một bức tường, dùng đồ ăn khát thực.

3) Rồi một nữ du sĩ ngoại đạo Sùcimukhi đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sàriputta:

4) -- Này Sa-môn, có phải Ông ăn, cúi mặt xuống?

-- Này Chị, tôi ăn, không cúi mặt xuống.

5) -- Vậy Sa-môn, Ông ăn, ngưỡng mặt lên?

-- Này Chị, tôi ăn, không ngưỡng mặt lên.

6) -- Vậy Sa-môn, Ông ăn, hướng mặt về bốn phương chính?

-- Này Chị, tôi ăn, không có hướng mặt về bốn phương chính.

7) -- Vậy Sa-môn, Ông ăn, hướng mặt về bốn phương phụ?

-- Ngày Chị, tôi ăn, không có hướng mặt về bốn phương phụ.

8) -- Được hỏi: "Ngày Sa-môn, có phải Ông ăn, cúi mặt xuống?" Ông trả lời: "Ngày Chị, tôi ăn, không cúi mặt xuống". Được hỏi: "Vậy ngày Sa-môn, Ông ăn, ngưỡng mặt lên?" Ông đáp: "Ngày Chị, tôi ăn, không ngưỡng mặt lên". Được hỏi: "Vậy ngày Sa-môn, Ông ăn, hướng mặt về bốn phương chính?" Ông đáp: "Ngày Chị, tôi ăn, không hướng mặt về bốn phương chính". Được hỏi: "Vậy Sa-môn, Ông ăn, hướng mặt về bốn phương phụ?" Ông đáp: "Ngày Chị, tôi ăn, không hướng mặt về bốn phương phụ". Vậy ngày Sa-môn, Ông ăn, hành động như thế nào?

9) -- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, ngày Chị, nuôi sống bằng những tà mạng như địa lý (nakkhattavijjà) và súc sanh minh (nghè hèn hạ); ngày Chị, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn cúi mặt xuống.

10) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, ngày Chị, nuôi sống bằng những tà mạng như thiên văn (nakkhattavijjà) và súc sanh minh (nghè hèn hạ); ngày Chị, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn ngưỡng mặt lên.

11) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, ngày Chị, nuôi sống bằng những tà mạng như đưa tin tức, làm trung gian môi giới; ngày Chị, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn hướng mặt về bốn phương chính.

12) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, ngày Chị, nuôi sống bằng những tà mạng như bói toán, và các nghè hèn hạ; ngày Chị, các vị ấy được gọi là những Sa-môn, Bà-la-môn ăn hướng mặt về bốn phương phụ.

13) Còn ta, ngày Chị, ta không nuôi sống bằng những tà mạng như địa lý và các nghè hèn hạ; ta không nuôi sống bằng những tà mạng như thiên văn và các nghè hèn hạ; ta không nuôi sống bằng những tà mạng như đưa tin tức, làm trung gian môi giới; ta cũng không nuôi sống bằng những tà mạng như bói toán và các nghè hèn hạ. Ta tìm câu món ăn một cách hợp pháp. Sau khi tìm món ăn một cách hợp pháp, ta dùng các món ăn ấy.

14) Rồi nữ tu sĩ ngoại đạo Sùcimukhi đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư này qua ngã tư khác ở thành Vương Xá, và tuyên bố: "Sa-môn Thích tử dùng các món ăn một cách hợp pháp. Sa-môn Thích tử dùng các món ăn một cách không có lỗi lầm. Hãy cúng đường các món ăn cho Sa-môn Thích tử".

CHƯƠNG VIII
29. TƯƠNG ƯNG LOÀI RỒNG

I. Chủng Loại (Tập 19, Đại 2, 646a) (S.iii,240)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo có bốn loại Nàga (rồng, rắn) về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại Nàga từ trứng sanh, loại Nàga từ thai sanh, loại Nàga từ ẩm ướt sanh, loại Nàga hóa sanh. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Nàga theo sanh chủng.

II. Diệu Thắng (S.iii,240)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

4) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn loại Nàga về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại Nàga từ trứng sanh, loại Nàga từ thai sanh, loại Nàga từ ẩm ướt sanh, loại Nàga hóa sanh.

5) Tại đây, này các Tỷ-kheo, loại Nàga từ thai sanh, loại từ ẩm ướt sanh, và loại hóa sanh thù thắng hơn loại Nàga từ trứng sanh.

6) Tại đây, này các Tỷ-kheo, loại Nàga từ ẩm ướt sanh và loại hóa sanh thù thắng hơn loại Nàga từ trứng sanh và từ thai sanh.

7) Tại đây, này các Tỷ-kheo, loại Nàga hóa sanh thù thắng hơn loại Nàga từ trứng sanh, loại từ thai sanh và loại từ ẩm ướt sanh.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Nàga theo sanh chủng.

III. Uposatha (Bồ-tát) (S.iii,241)

1) Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số Nàga từ trứng sanh, sống giữ hạnh Uposatha và từ bỏ thân của chúng?

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, một số Nàga từ trứng sanh suy nghĩ như sau: "Trước đây chúng ta đã làm hai hạnh về thân, hai hạnh về lời nói, hai hạnh về ý. Do chúng ta làm hai hạnh về thân, hai hạnh về lời nói, hai hạnh về ý ấy, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta sanh cộng trú với các Nàga do trứng sanh.

5) Nếu nay chúng ta làm thiện hạnh về thân, thiện hạnh về lời nói, thiện hạnh về ý, như vậy khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể sanh thiện thú, thiên giới, thế giới này.

6) Vậy nay chúng ta hãy làm thiện hạnh về thân, thiện hạnh về lời nói, thiện hạnh về ý".

7) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây một số Nàga do trứng sanh, sống giữ hạnh Uposatha và từ bỏ thân của chúng.

IV. Uposatha (S.iii,242)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Rồi một Tỷ-kheo...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thê Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thê Tôn, ở đây, một số Nàga từ thai sanh sống giữ hạnh Uposatha và từ bỏ thân của chúng?

4-6) (Như kinh trước)

7) -- Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một số Nàga từ thai sanh sống giữ hạnh Uposatha và từ bỏ thân của chúng.

V. Uposatha

(Như kinh trước chỉ thê vào: *Loại Nàga từ ẩm ướt sanh*).

VI. Uposatha

(Như kinh trước, chỉ thê vào: *Loại Nàga hóa sanh*).

VII. Nghe (S.iii,243)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thê Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thê Tôn, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Nàga từ trứng sanh?

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, một loại (chúng sanh) làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Loại Nàga từ trứng sanh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc".

5) Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể sanh cộng trú với loại Nàga từ trứng sanh!"

6) Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với loại Nàga từ trứng sanh.

7) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Nàga từ trứng sanh.

VIII. Nghe

(Như kinh trước, chỉ thê vào: *Loại Nàga từ thai sanh*).

IX. Nghe

(Như kinh trước, chỉ thê vào: *Loại Nàga từ ảm ướt sanh*).

X. Nghe

(Như kinh trước, chỉ thê vào: *Loại Nàga từ hóa sanh*).

XI. Ủng Hộ Bồ Thí (S.iii,244)

1-3)... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thê Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thê Tôn, ở đây, một số (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Nàaga từ trứng sanh?

4) -- Ở đây, nay Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Các Nàaga từ trứng sanh, thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều lạc".

5) Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các Nàaga từ trứng sanh!"

6) Chúng bô thí đồ ăn. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Nàaga từ trứng sanh. Do nhân này, do duyên này, nay Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Nàaga từ trứng sanh. Chúng bô thí đồ uống... Chúng bô thí vải mặc... Chúng bô thí xe cộ... Chúng bô thí vòng hoa... Chúng bô thí hương... Chúng bô thí hương liệu xoa bóp... Chúng bô thí ngọt cụ... Chúng bô thí nhà cửa... Chúng bô thí đèn dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Nàaga từ trứng sanh.

7) Do nhân này, do duyên này, nay Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Nàaga từ trứng sanh.

XII-XIV. Ủng Hộ Bồ Thí (S.iii,245)

(Như kinh trên, câu hỏi được đặt ra với ba loại Nàaga còn lại và câu trả lời nói lên theo mỗi trường hợp).

CHƯƠNG IX
30. TUƯƠNG ƯNG KIM XÍ ĐIỀU

I. Chủng Loại (S.iii,246)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại Kim xí điếu về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại Kim xí điếu từ trứng sanh, loại Kim xí điếu từ thai sanh, loại Kim xí điếu từ ẩm ướt sanh, loại Kim xí điếu từ hóa sanh. Nay các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điếu.

II. Mang Đì (Tăng 19, Đại 2, 646a) (S.iii,247)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại Kim xí điếu về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại Kim xí điếu từ trứng sanh... loại Kim xí điếu hóa sanh. Nay các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điếu.

4) Tại đây, nay các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điếu từ trứng sanh chỉ mang đi các loại Nàga từ trứng sanh, không mang đi các loại Nàga từ thai sanh, từ ẩm ướt sanh và hóa sanh.

5) Tại đây, nay các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điếu từ thai sanh, mang đi các loại Nàga từ trứng sanh và các loại Nàga từ thai sanh, không mang đi các loại Nàga từ ẩm ướt sanh và các loại hóa sanh.

6) Tại đây, nay các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điếu từ ẩm ướt sanh, mang đi các loại Nàga từ trứng sanh, các loại từ thai sanh và các loại từ ẩm ướt sanh, không mang đi các loại Nàga hóa sanh.

7) Tại đây, nay các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điếu hóa sanh, mang đi các loại Nàga từ trứng sanh, từ thai sanh, từ ẩm ướt sanh và các loại hóa sanh.

8) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điếu về sanh chủng.

III. Làm Hai Hạnh (S.iii,247)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Một Tỷ-kheo đi đến Thê Tôn; sau khi đến, đánh lẽ Thê Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thê Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thê Tôn, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điếu từ trứng sanh?

4) -- Ở đây, nay Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng được nghe như sau: "Loại Kim xí điếu từ trứng sanh, có thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc".

5) Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể được sanh cộng trú với các Kim xí điếu từ trứng sanh!" Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú

với các Kim xí điểu từ trứng sanh.

6) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điểu từ trứng sanh.

IV. Làm Hại Hạnh (S.iii,248)

(Như kinh trước, chỉ thế vào các loại Kim xí điểu từ thai sanh, từ ảm ướt sanh và các loại hóa sanh).

V. Ưng Hộ Bồ Thí (S.iii,248)

1-3) Nhân duyên ở Sàvathi...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thé Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thé Tôn, ở đây một số (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điểu từ trứng sanh?

4) -- Tại đây, này Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Các Kim xí điểu từ trứng sanh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều lạc".

5) Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các Kim xí điểu từ trứng sanh!"

6) Chúng bố thí đồ ăn. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các kim xí điểu từ trứng sanh. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các kim xí điểu từ trứng sanh. Chúng bố thí đồ uống... Chúng bố thí vải mặc... Chúng bố thí hương liệu xoa bóp... Chúng bố thí ngựa cự... Chúng bố thí nhà cửa... Chúng bố thí đèn dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim xí điểu từ trứng sanh.

7) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các loài Kim xí điểu từ trứng sanh.

VI. Ưng Hộ Bồ Thí (S.iii,248)

(Như kinh trên, câu hỏi được đặt ra với ba loại Kim xí điểu còn lại và câu trả lời được nói lên theo mỗi trường hợp).

CHƯƠNG X
31. TUƯƠNG ƯNG CÀN THÁT BÀ

I. Chủng Loại (S.iii,249)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về chư Thiên thuộc loại Gandhabba (Càn-thát-bà). Hãy lắng nghe.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thê nào là chư Thiên thuộc loại Gandhabba? Có chư Thiên, nay các Tỷ-kheo, trú hương rễ cây. Có chư Thiên, nay các Tỷ-kheo, trú hương lõi cây. Có chư Thiên, nay các Tỷ-kheo, trú hương giác cây. Có chư Thiên, nay các Tỷ-kheo, trú hương vỏ cây trong. Có chư Thiên, nay các Tỷ-kheo, trú hương vỏ cây ngoài. Có chư Thiên, nay các Tỷ-kheo, trú hương lá cây. Có chư Thiên, nay các Tỷ-kheo, trú hương bông. Có chư Thiên, nay các Tỷ-kheo, trú hương trái cây. Có chư Thiên, nay các Tỷ-kheo, trú hương vị. Có chư Thiên, nay các Tỷ-kheo, trú hương hương.

5) Những loại này, nay các Tỷ-kheo được gọi là chư Thiên thuộc loại Càn-thát-bà.

II. Thiện Hành (S.iii,250)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

4) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thê Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thê Tôn, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại Gandhabba?

5) -- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ nghe nói như sau: "Chư Thiên thuộc loại Gandhabba được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc".

6) Họ suy nghĩ như sau: "Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại Gandhabba!" Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại Gandhabba.

7) Do nhân này, do duyên này, nay các Tỷ-kheo, ở đây, có loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại Gandhabba.

III. Kẻ Bố Thí (1) (S.iii,251)

1-4) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thê Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thê Tôn, ở đây có loại chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên trú hương rễ cây?

5) -- Ở đây, nay Tỷ-kheo, có loại chúng sanh làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm

thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư Thiên thuộc loại Gandhabba trú hương rẽ cây. Họ được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc".

6) Họ suy nghĩ như sau: "Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư Thiên trú hương rẽ cây!"

Họ bồ thí hương rẽ cây. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư Thiên trú hương rẽ cây.

7) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh) được sanh cộng trú với chư Thiên trú hương rẽ cây.

IV-XII. Kẻ Bố Thí (2-10) (S.iii,251)

(Như kinh trên, chỉ thế vào "kẻ bồ thí hương lõi cây" ... cho đến "kẻ bồ thí hương hương").

XIII. Ưng Hộ Bố Thí (1)

(Như kinh trên, chỉ thế vào "họ bồ thí đồ ăn, đồ uống, vải mặc, cỗ xe, vòng hoa, hương, hương liệu xoa bóp, ngọt cụ, nhà cửa, đèn dầu, để sanh cộng trú với chư Thiên sống trên hương từ gốc rẽ").

XIV - XXIII. Ưng Hộ Bằng Bố Thí (2-10)

(Như kinh trên, chỉ thế vào "chư Thiên trú trên các loại hương khác"... cho đến "chư Thiên sống trên hương từ hương").

-ooOoo-

CHƯƠNG XI
32. TƯƠNG ƯNG THẦN MÂY

I. Chủng Loại (S.iii,254)

1-2) Trú ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về chư Thiên thuộc loại thần mây. Hãy lắng nghe.

4) -- Nay các Tỷ-kheo, thê nào là chư Thiên thuộc loại thần mây? Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây lạnh. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây nóng. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây sấm. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây gió. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây mưa.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, họ được gọi là chư Thiên thuộc loại thần mây.

II. Thiện Hành (S.iii,254)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thέ Tôn, ở đây, có loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại thần mây?

4) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư Thiên thuộc loại thần mây được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc".

5) Họ suy nghĩ như sau: "Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại thần mây!" Sau khi thân hoại mạng chung, loại (chúng sanh) ấy được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại thần mây.

6) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, có loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại thần mây.

III. Ưng Hộ Bồ Thí (S.iii,254)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thέ Tôn, ở đây, có loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại thần mây lạnh?

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư Thiên thuộc loại thần mây lạnh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc".

5) Họ suy nghĩ như sau: "Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cọng trú với chư Thiên thuộc loại thần mây lạnh!"

Họ bồ thí đồ ăn... Họ bồ thí đèn dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cọng trú với chư Thiên thuộc loại thần mây lạnh.

6) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cọng trú chư Thiên thuộc loại thần mây lạnh.

IV-VII. Ưng Hộ Bồ Thí (2-5) (S.iii,256)

(Như kinh trên, chỉ khác là "chư Thiên thuộc loại thần mây khác như thần mây nóng" ... "thần mây mưa").

VIII. Lạnh

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thê Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thê Tôn, có khi trời lạnh?

4) -- Này Tỷ-kheo, có chư Thiên được gọi là thần mây lạnh. Khi chư Thiên ấy suy nghĩ: "Chúng ta hãy sống, hoan hỉ với tự thân". Tùy theo tâm nguyện của họ, trời lạnh.

5) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, có khi trời lạnh.

IX. Trời Nóng (S.iii,256)

(Như kinh trên, chỉ khác "ở đây là trời nóng và thuộc chư Thiên thuộc loại mây nóng").

X. Trời Sấm

(Như kinh trên, chỉ khác ... "ở đây là trời sấm và thuộc chư Thiên loại mây sấm").

XI. Trời Gió

(Như kinh trên, chỉ khác ... "ở đây trời gió và thuộc chư Thiên loại mây gió").

XII. Trời Mưa

(Như kinh trên, chỉ khác ... "ở đây trời mưa và thuộc chư Thiên loại mây mưa").

CHƯƠNG XII
33. TƯƠNG ƯNG VACCHAGOTA

I. Vô Tri (1) (S.iii,257)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagota đi đến Thé Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngoài xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagota bạch Thé Tôn:

-- Do nhân gì? do duyên gì, này Tôn giả Gotama, một số (tà) kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là không thường còn"; hay "Thế giới hữu biên" hay "Thế giới vô biên"; hay "Sinh mạng và thân thể là một" hay "Sinh mạng và thân thể là khác"; hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai không tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

4) -- Do vô tri đối với sắc, này Vaccha, do vô tri đối với sắc tập khởi, do vô tri đối với sắc đoạn diệt, do vô tri đối với con đường đưa đến sắc đoạn diệt, cho nên có những (tà) kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn"... hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Do nhân này, do duyên này, này Vaccha, có một số (tà) kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn..". hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Vô Tri (2)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với thọ").

Vô Tri (3)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với tưởng").

Vô Tri (4)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với các hành").

Vô Tri (5)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với thức").

II. Vô Kiến (1-5)

(Như trên, ở đây là "vô kiến đối với sắc" ... "thọ, ...tưởng, ...các hành, ...thức").

III. Không Hiện Quán (anabhisamaya) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không hiện quán năm uẩn").

IV. Không Liễu Tri (anubodha) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không liễu tri năm uẩn")

V. Không Thông Đạt (appativebha) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không thông đạt năm uẩn")

VI. Không Đắng Quán (asallakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không đắng quán năm uẩn")

VII. Không Tùy Quán (anupalakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không tùy quán năm uẩn")

VIII. Không Cận Quán (appaccupalakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không cận quán năm uẩn")

IX. Không Đắng Sát (asamapekkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không đắng sát năm uẩn").

X. Không Cận Sát (appaccupekkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không cận sát năm uẩn")

XI. Không Hiện Kiến (appaccakkhakamma) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không hiện kiến năm uẩn")

CHƯƠNG XIII
34. TUƯƠNG ƯNG THIỀN

I. Thiền Định Thiền Chứng (Tập 31, Đại 2,222c) (S.iii,263)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

- 3) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn hạng người tu Thiền này. Thế nào là bốn?
 - 4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định.
 - 5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về Thiền định trong Thiền định.
 - 6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, không thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, cũng không thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định.
 - 7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, cũng thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định.
 - 8) Tại đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, và cũng thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.
 - 9) Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái, được sữa; từ sữa được lạc; từ lạc được sanh tô; từ sanh tô được thực tô; từ thực tô được đê hò. Đê hò này được gọi là tối tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu Thiền thiện xảo về Thiền định trong Thiền định và cũng thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

II. Chỉ Trú (S.iii,264)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có bốn vị tu Thiền này. Thế nào là bốn?
 - 4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định.
 - 5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về Thiền định trong Thiền định.
 - 6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, không thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, cũng không thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định.
 - 7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, và cũng thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định.
 - 8) Tại đây, này các Tỷ-kheo, vị tu Thiền, thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, cũng thiện xảo về

chỉ trú trong Thiên định. Trong bốn vị tu Thiên áy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

9) Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái nên có sữa; từ sữa có lạc; từ lạc có sanh tô; từ sanh tô có thực tô; từ thực tô có đê hò. Đê hò được gọi là tối tôn.

10) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu Thiên thiện xảo về Thiên định trong Thiên định, cũng thiện xảo về chỉ trú trong Thiên định. Trong bốn vị tu Thiên áy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

III. Xuất Khởi (Vutthàna)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về xuất khởi" cho "thiện xảo về chỉ trú").

IV. Thuần Thực (Kallavà)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về thuần thực" cho "thiện xảo về xuất khởi").

V. Sở Duyên (Arammana)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về sở duyên").

VI. Hành Cảnh (Gocara)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về hành cảnh").

VII. Sở Nguyện (Abhinnara)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về sở nguyện").

VIII. Thận Trọng (Sakkaccakàrii)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về thận trọng").

IX. Kiên Trì (Sàtacca)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về kiên trì").

X. Thích Úng (Sappàyam)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về thích ứng").

XI. Chỉ Trú Trong Thiên Chứng (S.iii,269)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Có bốn hạng tu Thiên này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiên, thiện xảo về Thiên chứng trong Thiên định, nhưng không

thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định.

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định.

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, không thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định, cũng không thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định.

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định, và cũng thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định.

8) Tại đây, này các Tỷ-kheo, người tu Thiền thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định và cũng thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, vị tu Thiền này là tối tôn, tối thăng, là bậc thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

XII. Xuất Khởi Từ Thiền Chứng

(Như kinh trên, chỉ thế "thiện xảo về xuất khởi" thay cho "thiện xảo về chỉ trú").

XIII. Thuần Thực Trong Thiền Chứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thiện xảo về thuần thực").

XIV. Sở Duyên Trong Thiền Chứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thiện xảo về sở duyên").

XV. Hành Cảnh Trong Thiền Chứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thiện xảo về hành cảnh").

XVI. Sở Nguyện Trong Thiền Chứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thiện xảo về sở nguyện").

XVII. Thận Trọng Trong Thiền Chứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thiện xảo về thận trọng").

XVIII. Kiên Trì Trong Thiền Chứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thiện xảo về kiên trì").

XIX. Thích Ứng Trong Thiền Chứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thiện xảo về thích ứng").

XX. Chỉ Trú - Xuất Khởi (S.iii,272)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Có bốn hạng tu Thiền này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định.

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định.

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, không thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định, cũng không thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định.

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định, và cũng thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định.

8-9) Tại đây, này các Tỷ-kheo, vị tu Thiền thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định và cũng thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, vị tu Thiền này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, bậc tối thượng, tối diệu.

XXI - XXVII. Thuần Thực Cho Đến Thích Ứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thuần thực, sở duyên, hành cảnh, sở nguyện, thận trọng, kiên trì, thích ứng trong chỉ trú").

XXVIII. Xuất Khởi - Thuần Thực (S.iii,272)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Có bốn hạng người tu Thiền này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về thuần thực trong Thiền định.

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về thuần thực trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định.

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, không thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định, cũng không thiện xảo về thuần thực trong Thiền định.

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định, và cũng thiện xảo về thuần thực trong Thiền định.

8-9) Tại đây, vị tu Thiền thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định và cũng thiện xảo về thuần thực trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, vị này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, tối thượng và tối diệu.

XXIX - XXXIV. Sở Duyên - Thích Ứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "sở duyên" ... cho đến "thích ứng").

XXXV. Thuần Thực - Sở Duyên

1-4) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Có bốn hạng người tu Thiền này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về thuần thực trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về sở duyên trong Thiền định.

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về sở duyên trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về thuần thực trong Thiền định.

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, không thiện xảo về thuần thực trong Thiền định, cũng không thiện xảo về sở duyên trong Thiền định.

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về thuần thực trong Thiền định, và cũng thiện xảo về sở duyên trong Thiền định.

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị tu Thiền thiện xảo về thuần thực trong Thiền định và cũng thiện xảo về sở duyên trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, vị tu Thiền này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, là vị tối thượng, tối diệu.

XXXVI - XL. Thuần Thực (S.iii,275)

(Vì áy thiện xảo về thuần thực trong Thiền định, nhưng (a) không thiện xảo về hành cảnh... (b) không thiện xảo về sở nguyện, (c) không thiện xảo về thận trọng, (d) không thiện xảo về kiên trì, (e) không thiện xảo về thích ứng).

XLI. Sở Duyên - Hành Cảnh

1-7) Nhân duyên ở Sàvatthi...

... thiện xảo về sở duyên trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định.

... thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về sở duyên trong Thiền định.

... không thiện xảo về sở duyên trong Thiền định, cũng không thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định.

... thiện xảo về sở duyên trong Thiền định, cũng thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định.

XL.II-XL.V. Sở Duyên

... vị áy thiện xảo về sở duyên trong Thiền định, nhưng (a) không thiện xảo về sở nguyện, (b) không thiện xảo về thận trọng, (c) không thiện xảo về kiên trì, (d) không thiện xảo về thích ứng.

XL.VI. Hành Cảnh - Sở Nguyệt

... thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về sở nguyện trong Thiền định... ... thiện xảo về sở nguyện trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định... ... không thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định, và cũng không thiện xảo về sở nguyện trong Thiền

định.

... thiện xảo về hành cảnh trong Thiên định và cũng thiện xảo về sở nguyện trong Thiên định.

XLVII-XLIX. Hành Cảnh

... thiện xảo về hành cảnh trong Thiên định, nhưng (a) không thiện xảo về thận trọng trong Thiên định, (b) không thiện xảo về kiên trì trong Thiên định, (c) không thiện xảo về thích ứng trong Thiên định.

L. Sở Nguyện - Thận Trọng

1-7) Nhân duyên ở Sàvatthi...

... thiện xảo về sở nguyện trong Thiên định, nhưng không thiện xảo về thận trọng trong Thiên định.

... thiện xảo về thận trọng trong Thiên định, nhưng không thiện xảo về sở nguyện trong Thiên định.

... không thiện xảo về sở nguyện trong Thiên định, và cũng không thiện xảo về thận trọng trong Thiên định.

... thiện xảo về sở nguyện trong Thiên định và cũng thiện xảo về thận trọng trong Thiên định.

LI-LII. Sở Nguyện Và Kiên Trì

... thiện xảo về sở nguyện trong Thiên định, nhưng (a) không thiện xảo về kiên trì, và (b) không thiện xảo về thích ứng.

LIII. Thận Trọng Và Kiên Trì

... thiện xảo về thận trọng trong Thiên định, nhưng không thiện xảo về kiên trì trong Thiên định... ... thiện xảo về kiên trì trong Thiên định, nhưng không thiện xảo về thận trọng trong Thiên định.

... không thiện xảo về thận trọng trong Thiên định, và cũng thiện xảo về kiên trì trong Thiên định.

... thiện xảo về thận trọng trong Thiên định và cũng thiện xảo về kiên trì trong Thiên định.

LIV. Kiên Trì Và Thích Ứng (S.iii,277)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Nay các Tỷ-kheo, có bốn hạng người tu Thiên này. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người tu Thiên, thiện xảo về kiên trì trong Thiên định, nhưng không thiện xảo về thích ứng trong Thiên định.

5) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người tu Thiên, thiện xảo về thích ứng trong Thiên định, nhưng không thiện xảo về kiên trì trong Thiên định.

6) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người tu Thiên, không thiện xảo về kiên trì trong Thiên định và cũng

không thiện xảo về thích ứng trong Thiền định.

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về kiên trì trong Thiền định, và cũng thiện xảo về thích ứng trong Thiền định.

8) Tại đây, này các Tỷ-kheo, người tu Thiền thiện xảo về kiên trì trong Thiền định và cũng thiện xảo về thích ứng trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, người tu Thiền này là tối tôn, tối thăng, là bậc thượng thủ, là tối thượng và tối diệu.

9) Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái, có được sūra; từ sūra có lạc; từ lạc có sanh tō; từ sanh tō có thực tō; từ thực tō có đê hồ. Và đê hồ được xem là tối tôn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu Thiền này đối với bốn vị tu Thiền ấy, vị này là tối tôn, tối thăng, là bậc thượng thủ, là tối thượng, và tối diệu.

10) Thệ Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thệ Tôn dạy.

(Như vậy có 55 câu trả lời vẫn tắt cần phải giải thích cho rõ)

|HÉT TẬP III - TUƯƠNG ƯNG BỘ|

**TẬP IV: THIỀN SÁU XÚ
CHƯƠNG I
35. TUƯƠNG ƯNG SÁU XÚ**

Phần Một - Năm Mươi Kinh Thứ Nhất

I. Phẩm Vô Thường

1.I. Vô Thường (1) Nội (S. iv.1)

1) **N**hư vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Ở đây, Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo: "-- Nay các Tỷ-kheo" -- "Thưa vâng, bạch Thέ Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thέ Tôn.

3) Thέ Tôn nói như sau:

-- Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khô. Cái gì khô là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4) Tai là vô thường...

5) Mũi là vô thường...

6) Luõi là vô thường...

7) Thân là vô thường...

8) Ý là vô thường. Cái gì vô thường là khô. Cái gì khô là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt, nhảm chán đối với tai, nhảm chán đối với mũi, nhảm chán đối với lưỡi, nhảm chán đối với thân, nhảm chán đối với ý. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí biết rằng: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

2.II. Khô (1) Nội (S.iv,1)

1-2) ...

3) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là khô. Cái gì khô là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4-7) Tai là khô... Mũi là khô... Luõi là khô... Thân là khô....

8) Ý là khô. Cái gì khô là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo... "... không còn trở lại trạng thái này nữa".

3.III. Vô Ngã (1) Nội (S.iv,2)

1-2) ...

3) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4-7) Tai là vô ngã... Mũi là vô ngã... Lưỡi là vô ngã... Thân là vô ngã...

8) Ý là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

4.IV. Vô Thường (2) Ngoại (S.iv,2)

1-2) ...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khô. Cái khô là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4-7) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

8) Các pháp là vô thường. Cái gì vô thường là khô. Cái gì khô là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với các sắc, nhảm chán đối với các tiếng, nhảm chán đối với các hương, nhảm chán đối với các vị, nhảm chán đối với các xúc, nhảm chán đối với các pháp. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí biết rằng: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

5.V. Khô (2) Ngoại (S.iv.3)

1-2) ...

3) -- Các sắc, này các Tỷ-kheo, là khô. Cái gì khô là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4-7) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

8) Các pháp là khô. Cái gì khô là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái

này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

6.VI. Vô Ngã (2) Ngoại (S.iv.3)

1-2) ...

3) -- Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4-7) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc....

8) Các pháp là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

7.VII. Vô Thường (3) Nội (S.iv.4)

1-2) ...

3) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì (mắt) hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với mắt quá khứ, không còn hoan hỷ đối với mắt tương lai; đối với mắt hiện tại, đã thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt.

4-7) Tai là vô thường... Mũi là vô thường... Lưỡi là vô thường... Thân là vô thường....

8) Ý là vô thường, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (ý) hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử, không tiếc nuối đối với ý quá khứ, không có hoan hỷ đối với ý tương lai ; đối với ý hiện tại đã thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt.

8.VIII. Khô (3) Nội (S.iv,4)

1-2) ...

3-7) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là khô, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (mắt) hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử, không tiếc nuối đối với mắt quá khứ, không hoan hỷ đối với mắt tương lai ; đối với mắt hiện tại, đã thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt...

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

8) Ý là khô, kể cả ý quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (ý) hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với ý quá khứ, không có hoan hỷ đối với ý tương lai ; đối với ý hiện tại, đã thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt.

9.IX. Vô Ngã (3) Nội (S.iv,4)

1-2) ...

3) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, kề cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (mắt) hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không có tiếc nuối đối với mắt quá khứ, không có hoan hỷ đối với mắt vị lai; đối với mắt hiện tại, đã thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt.

4-7) Tai... Mũi... Lưỡi... Thân....

8) Ý là vô ngã, kề cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (ý) hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với ý quá khứ, không hoan hỷ đối với ý vị lai ; đối với ý hiện tại, đã thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt.

10.X. Vô Thường (4) Ngoại (S.iv,5)

1-2) ...

3) -- Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường, kề cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (sắc) hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các sắc quá khứ, không hoan hỷ đối với sắc vị lai ; đối với các sắc hiện tại, đã thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt.

4-7) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc....

8) Các pháp, này các Tỷ-kheo, là vô thường, kề cả (các pháp) quá khứ và vị lai, còn nói gì (các pháp) hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các pháp quá khứ, không hoan hỷ đối với các pháp vị lai ; đối với các pháp hiện tại, đã thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt.

11.XI. Khô (4) Ngoại (S.iv,5)

1-2) ...

3) -- Các sắc, này các Tỷ-kheo, là khô, kề cả (các sắc) quá khứ và vị lai, còn nói gì (các sắc) hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các sắc quá khứ, không hoan hỷ đối với các sắc tương lai ; đối với các sắc hiện tại, đã thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt.

4-7) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc....

8) Các pháp, này các Tỷ-kheo, là khô, kề cả (các pháp) quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (các pháp) hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các pháp quá khứ, không hoan hỷ đối với các pháp vị lai; đối với các pháp hiện tại, đã thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt.

12.XII. Vô Ngã (4) Ngoại (S.iv,6)

1-2) ...

3) -- Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, kề cả (các sắc) quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (các sắc) hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các sắc quá khứ, không hoan hỷ đối với sắc vị lai ; đối với các sắc hiện tại, đã thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt.

4-7) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc....

8) Các pháp, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, kể cả (các pháp) quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (các pháp) hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các pháp quá khứ, không hoan hỷ đối với các pháp vị lai ; đối với các pháp hiện tại, đã thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt.

II. Phẩm Song Đôi

13.I. Chánh Giác (1) (S.iv,6)

1) Sàvatthi...

2) -- Thuở trước, này các Tỷ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của mắt? Cái gì là vị ngọt... của tai? Cái gì là vị ngọt... của mũi? Cái gì là vị ngọt... của lưỡi? Cái gì là vị ngọt... của thân? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của ý?"

3-7) Nay các Tỷ-kheo, về vấn đề này Ta suy nghĩ như sau: "Do duyên với mắt, khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của mắt. Mắt vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đây là nguy hiểm của mắt. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với mắt là xuất ly của mắt... của tai... của mũi... của lưỡi... của thân..."

8) Do duyên với ý, khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của ý. Ý vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đây là nguy hiểm của ý. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với ý là xuất ly của ý".

9) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

10) Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta đã như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm và xuất ly là xuất ly, thời khi ấy, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn chư Thiên và loài Người, Ta xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

11) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

14.II. Chánh Giác (2) (S.iv,8)

1) ...

2) -- Thuở trước, này các Tỷ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của các sắc?... của các tiếng... của các hương... của các vị... của các xúc? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của các pháp?"

3) Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Do duyên các sắc, khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của các sắc. Các sắc vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đây là nguy hiểm của các sắc. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với các sắc, đây là xuất ly của các sắc.

4-7) ... các tiếng... các hương... các vị... các xúc...

8) Do duyên các pháp, khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của các pháp. Các pháp vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đây là nguy hiểm của các pháp. Nhiếp phục dục tham, đoạn tận dục tham đối với các pháp, đây là xuất ly của các pháp".

9-10) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu ngoại xứ này, Ta không như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác... Ta xác chứng Ta đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

11) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

15.III. Vị NGỌT (1) (S.iv,8)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của mắt. Có vị ngọt nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của mắt. Có nguy hiểm nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Nguy hiểm của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của mắt. Có xuất ly nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

3-6) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của tai... của mũi... của lưỡi... của thân...

7) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của ý. Có vị ngọt nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của ý. Có nguy hiểm nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Nguy hiểm của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của ý. Có xuất ly nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

8-9) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là sự xuất ly...

10) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

16.IV. Vị NGỌT (2) (S.iv,9)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các sắc. Có vị ngọt nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các sắc. Có nguy hiểm nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

3-6) ...các tiếng... các hương... các vị... các xúc...

7) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các pháp. Có vị ngọt nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của các pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm

cầu nguy hiểm của các pháp. Có nguy hiểm nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của pháp như thế nào, Ta đã khéo thay với trí tuệ.

8-9) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu ngoại xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly...

10) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

17.V. Nếu Không Có (1) (S.iv,10)

1) ...

2) -- Nếu mắt không có vị ngọt, này các Tỷ-kheo, chúng sanh có thể không tham luyến mắt. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, mắt có vị ngọt nên chúng sanh tham luyến mắt.

3) Nếu mắt không có nguy hiểm, này các Tỷ-kheo, thời chúng sanh có thể không nhảm chán đối với mắt. Và vì rằng mắt có nguy hiểm nên chúng sanh nhảm chán đối với mắt.

4) Nếu mắt không có xuất ly, này các Tỷ-kheo, thời chúng sanh không có thể xuất ly khỏi mắt. Và vì rằng mắt có xuất ly nên chúng sanh có xuất ly khỏi mắt.

5-7) Nếu tai không có vị ngọt...

8-10) Nếu mũi không có vị ngọt...

11-13) Nếu lưỡi không có vị ngọt...

14-16) Nếu thân không có vị ngọt...

17) Nếu ý không có vị ngọt, này các Tỷ-kheo, thời chúng sanh có thể không tham luyến đối với ý. Và vì rằng ý có vị ngọt, này các Tỷ-kheo, nên chúng sanh có tham luyến đối với ý.

18) Nếu ý không có nguy hiểm, này các Tỷ-kheo, thời chúng sanh có thể không nhảm chán đối với ý. Và vì rằng ý có nguy hiểm, này các Tỷ-kheo, nên chúng sanh có nhảm chán đối với ý.

19) Nếu ý không có xuất ly, này các Tỷ-kheo, thời chúng sanh không xuất ly ra khỏi ý. Và vì rằng ý có sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, nên chúng sanh xuất ly ra khỏi ý.

20) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, chúng sanh đối với sáu nội xứ này không như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh ấy cùng với các thế giới (như) Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, đã không sống với tâm được ly chấp trước, ly hệ phược, được giải thoát, không bị giới hạn.

21) Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, chúng sanh đối với sáu nội xứ này đã như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly; cho nên, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh cùng với các thế giới (như) Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, đã sống với tâm được ly chấp trước, ly hệ phược, được giải thoát, không bị giới hạn.

18.VI. Nếu Không Có (2) (S.iv,12)

(Như Kinh trước, chỉ thê vào sáu ngoại xứ: *sắc, tiếng, hương, vị, xúc, pháp*, thay cho sáu nội xứ của Kinh trước)

19.VII. Với Ưa Thích (1) (S.iv,13)

1) ...

2) -- Ai ưa thích mắt, này các Tỷ-kheo, người ấy ưa thích khô. Ai ưa thích khô, Ta nói người ấy không thoát khỏi khô.

Ai ưa thích tai... mũi... lưỡi... thân... Ai ưa thích ý, người ấy ưa thích khô. Ai ưa thích khô, Ta nói người ấy không thoát khỏi khô.

3) Và ai không ưa thích mắt, này các Tỷ-kheo, người ấy không ưa thích khô. Ai không ưa thích khô, Ta nói người ấy thoát khỏi khô.

Ai không ưa thích tai... mũi... lưỡi... thân... Ai không ưa thích ý, người ấy không ưa thích khô. Ai không ưa thích khô, Ta nói người ấy thoát khỏi khô.

20.VIII. Ưa Thích (2) (S.iv,13)

1) ...

2)-- Ai ưa thích các sắc, này các Tỷ-kheo, người ấy ưa thích khô. Ai ưa thích khô, Ta nói người ấy không thoát khỏi khô.

Ai ưa thích các tiếng... các hương... các vị... các xúc... Ai ưa thích các pháp, người ấy ưa thích khô. Ai ưa thích khô, Ta nói người ấy không thoát khỏi khô.

3) Ai không ưa thích các sắc, này các Tỷ-kheo, người ấy không ưa thích khô. Ai không ưa thích khô, Ta nói người ấy thoát khỏi khô.

Ai không ưa thích các tiếng... các hương... các vị... các xúc... Ai không ưa thích các pháp, người ấy không ưa thích khô. Ai không ưa thích khô, Ta nói người ấy thoát khỏi khô.

21.IX. Sanh Khô (1) (S.iv,14)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, mắt sanh khởi, chỉ trú, xuất sanh, xuất hiện là khô sanh khởi, tật bệnh chỉ trú, già chết xuất hiện.

3-6) Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

7) Ý sanh khởi, chỉ trú, xuất sanh, xuất hiện là khô sanh khởi, tật bệnh chỉ trú, già chết xuất hiện.

8) Và nay các Tỷ-kheo, mắt đoạn diệt, chỉ túc, diệt tận là khô đoạn diệt, bệnh tật chỉ túc, già chết diệt tận.

9-13)... Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý đoạn diệt, chỉ túc, diệt tận là khổ đoạn diệt, bệnh tật chỉ túc, già chết diệt tận.

22.X. Sự SanhKhởi (2) (S.iv,14)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, các sắc sanh khởi, chỉ trú, xuất sanh, xuất hiện là khổ sanh khởi, bệnh tật chỉ trú, già chết xuất hiện.

3-4) Các tiếng... Các hương...

5-6) Các vị... Các xúc...

7) Các pháp sanh khởi, chỉ trú, xuất sanh, xuất hiện là khổ sanh khởi, bệnh tật chỉ trú, già chết xuất hiện.

8) Và nay các Tỷ-kheo, các sắc đoạn diệt, chỉ túc, diệt tận là khổ đoạn diệt, bệnh tật chỉ túc, già chết tận diệt.

9-12) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

13) Các pháp đoạn diệt, chỉ túc, diệt tận là khổ đoạn diệt, bệnh tật chỉ túc, già chết diệt tận.

III. Phẩm Tất Cả

23.I. Tất Cả (S.iv,15)

1) Sàvatthi...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về tất cả. Hãy lắng nghe.

3) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là tất cả? Mắt và các sắc; tai và các tiếng ; mũi và các hương; lưỡi và các vị ; thân và các xúc; ý và các pháp. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, gọi là tất cả.

4) Nay các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Sau khi từ bỏ tất cả này, ta sẽ tuyên bố (một) tất cả khác ", thời lời nói người ấy chỉ là khoa ngôn. Và bị hỏi, người ấy không thể chứng minh gì. Và hơn nữa, người ấy có thể rơi vào ách nạn. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, như vậy ra ngoài giới vúc (avisaaya) của người ấy!

24.II. Đoạn Tận (1) (S.iv,15)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về pháp đưa đến đoạn tận tất cả. Hãy lắng nghe.

3) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là pháp đưa đến đoạn tận tất cả?

4-6) Mắt, nay các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận. Các sắc cần phải đoạn tận. Nhẫn thức cần phải đoạn tận. Nhẫn xúc cần phải đoạn tận. Do duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy cần phải đoạn tận. Tai... Mũi...

7-8) Lưỡi cần phải đoạn tận. Các vị cần phải đoạn tận. Thiệt thức cần phải đoạn tận, thiệt xúc cần phải đoạn tận. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy cần phải đoạn tận.

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến đoạn tận tất cả.

25.III. Đoạn Tận (2) (S.iv,16)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về pháp đưa đến đoạn tận tất cả nhờ thắng tri, liễu tri (abhinnàparinnà). Hãy lắng nghe.

3) Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến đoạn tận tất cả nhờ thắng tri, liễu tri?

4-6) Mắt, này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Các sắc cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Nhãn thức cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Nhẫn xúc cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Do duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Tai... Mũi...

7-8) Lưỡi cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Các vị cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Thiệt thức cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Thiệt xúc cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri.

9) Ý cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Các pháp cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Ý thức cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Ý xúc cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri.

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến đoạn tận tất cả nhờ thắng tri, liễu tri.

26.IV. Liễu Tri (1) (Parjànàna) (S.iv,17)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả, thời không có thể đoạn tận khổ đau.

3) Và này các Tỷ-kheo, không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả cái gì thời không có thể đoạn tận khổ đau?

4-6) Nay các Tỷ-kheo, không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ mắt, thời không có thể đoạn tận khổ đau. Không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ các sắc, thời không có thể đoạn tận khổ đau... nhẫn thức... nhẫn xúc... Do duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ cảm thọ ấy, thời không có thể đoạn tận khổ đau... tai... mũi...

7-8) ... lưỡi... thân...

9) Không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ ý, thời không có thể đoạn tận khổ đau.

Không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ các pháp... ý thức... ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ cảm thọ áy, thời không có thể đoạn tận khổ đau.

10) Nay các Tỷ-kheo, không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả cái áy, thời không có thể đoạn tận khổ đau.

11) Nay các Tỷ-kheo, thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả, thời có thể đoạn tận khổ đau.

12) Nay các Tỷ-kheo, thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái gì thời có thể đoạn tận khổ đau?

13-15) Nay các Tỷ-kheo, thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ mắt, thời có thể đoạn tận khổ đau ; thắng tri, liễu tri... các sắc... nhẫn thức... nhẫn xúc... có thể đoạn tận khổ đau. Do duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ cảm thọ áy, thời có thể đoạn tận khổ đau... tai... các tiếng... ý thức... tỷ xúc... Cảm thọ do duyên tỷ xúc...

16-17)... lưỡi... các vị... thiệt thức... thiệt xúc... cảm thọ do duyên thiệt xúc... thân... các xúc... thân thức... thân xúc... cảm thọ do duyên thân xúc...

18) Thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ ý, thời có thể đoạn tận khổ đau... các pháp... ý thức... ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ cảm thọ áy, thời có thể đoạn tận khổ đau.

19) Nay các Tỷ-kheo, thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái áy, thời có thể đoạn tận khổ đau.

27.V.Liễu Tri (2) (S.iv,18)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả, thời không có thể đoạn tận khổ đau.

3) Và này các Tỷ-kheo, không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả cái gì thời không có thể đoạn tận khổ đau?

4-6) Chính là mắt, là các sắc, là nhẫn thức, là các pháp do nhẫn thức nhận biết... tai... mũi...

7-8) Chính là lưỡi, là các vị, là thiệt thức, là các pháp do thiệt thức nhận biết...

9) Chính là thân, là các xúc, là thân thức, là các pháp do thân nhận biết...

10) Và chính là ý, là các pháp, là ý thức, là các pháp do ý thức nhận biết...

11) Nay các Tỷ-kheo, do không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả cái áy, nên không có thể đoạn tận khổ đau.

12) Và này các Tỷ-kheo, do thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái áy, thời có thể đoạn tận khổ đau.

Này các Tỷ-kheo, thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái gì thời có thể đoạn tận khổ đau?

13-15) Chính là mắt, chính là các sắc, chính là nhãn thức, chính là các pháp do nhãn thức nhận biết... chính là tai... chính là mũi...

16-17) Chính là lưỡi, chính là các vị, chính là thiệt thức, chính là các pháp do thiệt thức nhận biết...

18) Chính là ý, chính là các pháp, chính là ý thức, chính là các pháp do ý thức nhận biết.

19) Nay các Tỷ-kheo, do thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái áy, thời có thể đoạn tận khổ đau.

28.VI. Bị Bốc Cháy (S.iv,19)

1) Một thời Thé Tôn trú ở Gàya, tại Gàyasiisa cùng với một ngàn Tỷ-kheo.

2) Tại đây, Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Tất cả, nay các Tỷ-kheo, đều bị bốc cháy. Và nay các Tỷ-kheo, tất cả cái gì đều bị bốc cháy?

3-5) Mắt, nay các Tỷ-kheo, bị bốc cháy. Các sắc bị bốc cháy. Nhãn thức bị bốc cháy. Nhãn xúc bị bốc cháy. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưa, nã... Tai... Mũi...

6-7) Lưỡi bị bốc cháy. Các vị bị bốc cháy. Thiệt thức bị bốc cháy. Thiệt xúc bị bốc cháy. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưa, nã... Thân...

8) Ý bị bốc cháy. Các pháp bị bốc cháy. Ý thức bị bốc cháy. Ý xúc bị bốc cháy. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưa, nã.

9) Thấy vậy, nay các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt, nhảm chán đối với các sắc, nhảm chán đối với nhãn thức, nhảm chán đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhảm chán đối với cảm thọ ấy... đối với tai... đối với mũi... đối với lưỡi... đối với thân... nhảm chán đối với ý, nhảm chán đối với các pháp, nhảm chán đối với ý thức, nhảm chán đối với ý xúc. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhảm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhảm chán nên vị ấy ly tham. Do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí hiểu biết rằng: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui với trạng thái này nữa".

10) Thé Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thé Tôn dạy.

11) Và trong khi lời giải đáp này được nói lên, tâm của một ngàn Tỷ-kheo ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

29.VII. Mù Lòa (S.iv,20)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Tại đây, Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Tất cả, này các Tỷ-kheo, là mù lòa. Và này các Tỷ-kheo, cái gì mù lòa?

3-5) Mắt, này các Tỷ-kheo, là mù lòa. Các sắc là mù lòa. Nhãm thức là mù lòa. Nhãm xúc là mù lòa. Do duyên nhãm xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là mù lòa. Mù lòa bởi cái gì? Ta nói rằng mù lòa bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não... Tai... Mũi...

6) Lưỡi là mù lòa. Các vị là mù lòa. Thiệt thức là mù lòa. Thiệt xúc là mù lòa. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là mù lòa. Mù lòa bởi cái gì? Ta nói rằng mù lòa bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não.

7) Thân là mù lòa...

8) Ý là mù lòa. Các pháp là mù lòa. Ý thức là mù lòa. Ý xúc là mù lòa. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là mù lòa. Mù lòa bởi cái gì? Ta nói rằng mù lòa bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

9) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt, nhảm chán đối với các sắc, nhảm chán đối với nhãm thức, nhảm chán đối với nhãm xúc. Do duyên nhãm xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhảm chán cảm thọ ấy. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

30.VIII Thích Hợp (1) (Sàruppa) (S.iv,21)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông con đường thích hợp đưa đến nhỏ lên tất cả tư lường (sabbamannitā). Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích hợp đưa đến nhỏ lên tất cả tư lường?

4-6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tư lường con mắt, không tư lường trên con mắt, không tư lường từ con mắt, không tư lường: "Con mắt là của ta". Vị ấy không tư lường các sắc, không tư lường trên các sắc, không tư lường từ các sắc, không tư lường: "Các sắc là của ta". Vị ấy không tư lường nhãm thức, không tư lường trên nhãm thức, không tư lường từ nhãm thức, không tư lường: "Nhãm thức là của ta". Vị ấy không tư lường nhãm xúc, không tư lường trên nhãm xúc, không tư lường từ nhãm xúc, không tư lường: "Nhãm xúc là của ta". Do duyên nhãm xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy của ta".... Tai... Mũi...

7-8) ... Vị ấy không tư lường lưỡi, không tư lường trên lưỡi, không tư lường từ lưỡi, không tư lường: "Lưỡi là của ta". Vị ấy không tư lường các vị, không tư lường trên các vị, không tư lường từ các vị, không tư lường: "Các vị là của ta". Vị ấy không tư lường thiệt thức, không tư lường trên thiệt thức, không tư lường từ thiệt thức, không tư lường: "Thiệt thức là của ta". Vị ấy không tư lường thiệt xúc, không tư lường trên thiệt xúc, không tư lường từ thiệt xúc, không tư lường: "Thiệt xúc là của ta". Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta".

9) ... Vị ấy không tư lường ý, không tư lường trên ý, không tư lường từ ý, không tư lường: "Ý là của ta". Vị ấy không tư lường các pháp, không tư lường trên các pháp, không tư lường từ các pháp, không tư lường: "Các pháp là của ta". Vị ấy không tư lường ý thức, không tư lường trên ý thức, không tư lường từ ý thức, không tư lường: "Ý thức là của ta". Vị ấy không tư lường ý xúc, không tư lường trên ý xúc, không tư lường từ ý xúc, không tư lường: "Ý xúc là của ta". Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta". Này các Tỷ-kheo, tư lường cái gì, tư lường trên cái gì, tư lường từ cái gì là của ta, từ đấy cái ấy bị đổi khác. Ý tựa trên đổi khác, bám víu vào tái sanh, thế giới ưa thích tái sanh.

10) Cho đến các uẩn, giới, xứ, này các Tỷ-kheo, vị ấy không tư lường pháp ấy, không tư lường trên pháp ấy, không tư lường từ pháp ấy, không tư lường: "Pháp ấy là của ta". Vị ấy không tư lường như vậy nên không chấp thủ một vật gì ở đời. Do không chấp thủ nên không ái luyến. Do không ái luyến nên tự mình được hoàn toàn tịch tĩnh. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con đường thích hợp đưa đến nhỏ lên tất cả tư lường.

31.IX. Thích Hợp (2) (S.iv,23)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết con đường thích hợp đưa đến nhỏ lên tất cả tư lường.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích hợp đưa đến nhỏ lên tất cả tư lường?

4-6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tư lường con mắt, không tư lường trên con mắt, không tư lường từ con mắt, không tư lường: "Con mắt là của ta". Vị ấy không tư lường các sắc... không tư lường nhẫn thức... không tư lường nhẫn xúc... Do duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta". Này các Tỷ-kheo, phàm tư lường cái gì, tư lường trên cái gì, tư lường từ cái gì, tư lường cái gì là của ta, do vậy cái ấy đổi khác. Thế giới thích thú hiện hữu (bhavasatto), vì thế giới dựa trên hiện hữu, vì rằng thế giới tham đắm hiện hữu...

7-8) ... Vị ấy không tư lường lưỡi, không tư lường trên lưỡi, không tư lường từ lưỡi, không tư lường: "Lưỡi là của ta". Vị ấy không tư lường các vị, không tư lường thiệt thức, không tư lường thiệt xúc. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất lạc bất khổ; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy lau của ta". Nay các Tỷ-kheo, phàm tư lường cái gì, tư lường trên cái gì, tư lường từ cái gì, tư lường cái gì là của ta, do vậy cái ấy đổi khác. Thế giới thích thú hiện hữu, vì thế giới dựa trên hiện hữu, vì rằng thế giới tham đắm hiện hữu.

9) ... Vị ấy không tư lường ý, không tư lường trên ý, không tư lường từ ý, không tư lường: "Ý là của ta". Vị ấy không tư lường các pháp, không tư lường ý thức, không tư lường ý xúc. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất lạc bất khổ; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta". Này các Tỷ-kheo, phàm tư lường cái gì, tư lường trên cái gì, tư lường từ cái gì, tư lường cái gì là của ta, do vậy cái ấy đổi khác. Thế giới thích thú hiện hữu, vì thế giới dựa trên hiện hữu, vì rằng thế giới tham đắm hiện hữu.

10) Nay các Tỷ-kheo, xa cho đến uẩn, giới, xứ, vị ấy không có tư lường pháp ấy, không tư lường trên

pháp áy, không tư lường từ pháp áy, không tư lường: "Pháp áy là của ta". Vị áy không có tư lường như vậy nên không có chấp thủ một sự vật gì trong đời. Do không chấp thủ, nên không dao động (paritassati), do không dao động, vị áy tự mình được tịch tịnh (parinibbàyati). Vị áy tuệ tri (pajānati): "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

11) Nay các Tỷ-kheo, đây là đạo lộ thích hợp đưa đến nhỏ lên tất cả tư lường.

32.X. Thích Hợp (3) (S,iv,24)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết con đường thích hợp đưa đến nhỏ lên tất cả tư lường.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích hợp đưa đến nhỏ lên tất cả tư lường?

4-6) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thura không, bạch Thé Tôn.

-- Các sắc... Nhẫn thức... Nhẫn xúc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Do duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khô, hay bất khô bất lạc; cảm thọ áy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái áy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thura không, bạch Thé Tôn.

--... Tai... Các tiếng... Nhĩ thức... Nhĩ xúc...

... Mũi... Các hương... Tỷ thức... Tỷ xúc...

7-8) ... Thiệt... Các vị... Thiệt thức... Thiệt xúc...

... Thân... Các xúc... Thân thức... Thân xúc...

9) Ý là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

10) -- Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt, nhảm chán đối với sắc, nhảm chán đối với nhãn thức, nhảm chán đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khô hay bất khô bất lạc; vị ấy nhảm chán đối với cảm thọ ấy... đối với tai... đối với mũi... đối với lưỡi... đối với thân... nhảm chán đối với ý, nhảm chán đối với các pháp, nhảm chán đối với ý thức, nhảm chán đối với ý xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khô hay bất khô bất lạc; vị ấy nhảm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhảm chán nên vị ấy ly tham. Do ly tham nên vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, nay không còn trở lui trạng thái này nữa".

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con đường thích hợp đưa đến nhỏ lên tất cả tư lường.

IV. Phẩm Sanh Pháp

33.I. Sanh (S.iv,26)

1) Sàvatthi. Tại đây...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, tất cả phải bị sanh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tất cả phải bị sanh?

3-5) Mắt, này các Tỷ-kheo, phải bị sanh. Các sắc phải bị sanh. Nhãn thức phải bị sanh. Nhãn xúc phải bị sanh. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khô hay bất khô bất lạc; cảm thọ ấy phải bị sanh... Tai... Mũi...

6-7) ... Lưỡi... Thân...

8) Ý phải bị sanh. Các pháp phải bị sanh. Ý thức phải bị sanh. Ý xúc phải bị sanh. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khô hay bất khô bất lạc; cảm thọ ấy phải bị sanh.

9) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

34.II. Bị Già (S.iv,27)

-- Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị già...

35.III. Bị Bệnh (S.iv,27)

-- Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị bệnh...

36.IV. Bị Chết (S.iv,27)

-- Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị chết...

37.V. Bị Sâu (S.iv,27)

-- Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị sâu...

38.VI. Bị Phiền Não (S.iv,27)

-- Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị phiền não...

39.VII. Bị Đoạn Tận(khaya) (S.iv,28)

-- Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị đoạn tận...

40.VIII. Bị Tiêu Diệt (Vaya) (S.iv,28)

-- Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị tiêu diệt...

41.IX. Tập Khởi (S.iv,28)

-- Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị tập khởi...

42.X. Đoạn Diệt (S.iv,28)

-- Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị đoạn diệt...

V. Phẩm Vô Thường

43.I. Vô Thường (S.iv,28)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Tất cả, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

44.II. Khổ... (S.iv,28)

45.III. Vô Ngã... (S.iv,28)

46.IV. Cần Phải Thắng Tri... (abhinneyyam) (S.iv,29)

47.V. Cần Phải Liệu Tri... (parinneyyam) (S.iv,29)

48.VI. Cần Phải Đoạn Tận... (S.iv,29)

49. VII. Cần Phải Chứng Ngộ... (sacchikàtabbam)(S.iv,29)

50.VIII. Cần Phải Thắng Tri, Liễu Tri... (abhinnà parinneyyam) (S.iv,29)

51.IX. Bị Phiền Lụy... (upadduta) (S.iv,29)

52.X. Bị Áp Đảo... (upassattha) (S.iv,29)

1) ...

2) -- Tất cả, này các Tỷ-kheo, bị áp đảo. Và này các Tỷ-kheo, cái gì bị áp đảo?

3-5) Mắt, này các Tỷ-kheo, bị áp đảo. Các sắc bị áp đảo. Nhẫn thức bị áp đảo. Nhẫn xúc bị áp đảo. Do duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị áp đảo... Tai... Mũi...

5-6) Luõi... Thân...

7) Ý bị áp đảo. Các pháp bị áp đảo. Ý thức bị áp đảo. Ý xúc bị áp đảo. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị áp đảo.

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

Phần Hai - Năm Mươi Kinh Thứ Hai

I. Phẩm Vô Minh

Nhân duyên ở Sàtthi.

53.I. Vô Minh (S.iv,30)

1) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngoài xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thé Tôn:

-- Do biết như thế nào, bạch Thé Tôn, do thấy như thế nào, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi?

4) -- Này Tỷ-kheo, do biết, do thấy mắt là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi. Do biết, do thấy các sắc là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi... nhẫn thức... nhẫn xúc... Do duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc ; do biết, do thấy cảm thọ ấy là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

5-8) Tai... Mũi... Luõi... Thân...

9) Do biết, do thấy ý là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi... Các pháp... Ý thức... Ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc ; do biết, do thấy cảm thọ ấy là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

10) Do biết như vậy, này các Tỷ-kheo, do thấy như vậy, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

54.II Kiết Sứ(1) (S.iv,31)

1) ...

3)-- Do biết như thế nào, bạch Thé Tôn, do thấy như thế nào, các kiết sứ được đoạn tận?

4-9) -- Nay các Tỷ-kheo, do biết, do thấy mắt là vô thường, các kiết sứ được đoạn tận... Các sắc... Nhẫn thức... Nhẫn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì ; do biết, do thấy cảm thọ ấy là vô thường, các kiết sứ được đoạn tận.

10) Do biết như vậy, này các Tỷ-kheo, do thấy như vậy, các kiết sứ được đoạn tận.

55.III. Kiết Sứ (2) (S.iv,31)

1-2) ...

3) -- Do biết như thế nào, bạch Thé Tôn, do thấy như thế nào, các kiết sứ được nhổ sạch?

4-6) -- Nay các Tỷ-kheo, do biết, do thấy mắt là vô ngã, các kiết sứ được nhổ sạch... Các sắc... Nhẫn thức... Nhẫn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc ; do biết, do thấy cảm thọ ấy là vô ngã, các kiết sứ được nhổ sạch.

10) Do biết như vậy, này các Tỷ-kheo, do thấy như vậy, các kiết sứ được nhổ sạch.

56-57.IV-V. Các Lậu Hoặc (1-2) (S.iv,32)

(Như hai kinh trên, chỉ thê vào các lậu hoặc).

58-59.VI-VII. Các Tùy Miên (1-2) (S.iv,32)

(Như hai kinh trên, chỉ thê vào các tùy miên).

60.VIII. Liễu Tri (Parijnnà) (S.iv,32)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ. Hãy lắng nghe.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ?

4) Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhẫn thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do duyên xúc có thọ. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt, nhảm chán đối với các sắc, nhảm chán đối với nhẫn thức, nhảm chán đối với nhẫn xúc, nhảm chán đối với thọ. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "Ta đã liễu tri chấp thủ".

5-8) Do duyên tai và các tiếng khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và các hương... Do duyên lưỡi và các vị... Do duyên thân và các xúc...

9) Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do duyên xúc có thọ. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với ý, nhảm chán đối với các pháp, nhảm chán đối với ý thức, nhảm chán đối với ý xúc, nhảm chán đối với thọ. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "Ta đã liễu tri chấp thủ".

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ.

61.IX. Được Chấm Dứt (1) (Pariyàdinnam) (S.iv,33)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ. Hãy lắng nghe.

3) Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ?

4) Do duyên con mắt và các sắc khởi lên nhãm thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do duyên xúc có thọ. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt, nhảm chán đối với các sắc, nhảm chán đối với nhãm thức, nhảm chán đối với nhãm xúc, nhảm chán đối với thọ. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "Ta đã chấm dứt chấp thủ".

5-8) ... tai... mũi... lưỡi... thân...

9) Và do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do duyên xúc có thọ. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với ý, nhảm chán đối với các pháp, nhảm chán đối với ý thức, nhảm chán đối với ý xúc, nhảm chán đối với thọ. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "Ta đã chấm dứt chấp thủ".

62.X. Được Chấm Dứt (2) (S.iv,34)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ?

4) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

-- Sắc... Nhãm thức... Nhãm xúc... Do duyên nhãm xúc khởi lên cảm thọ gì...

5-8) Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

9) Ý... Các pháp... Ý thức... Ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là thường hay vô thường...

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn....

10) -- Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhãm chán đối với mắt, nhãm chán đối với các sắc, nhãm chán đối với nhãm thức, nhãm chán đối với nhãm xúc. Do duyên nhãm xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhãm chán đối với cảm thọ ấy...

Đối với tai... Đối với mũi... Đối với lưỡi... Đối với thân...

Vị ấy nhãm chán đối với ý, nhãm chán đối với các pháp, nhãm chán đối với ý thức, nhãm chán đối với ý xúc. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhãm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhãm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

11) Đây, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ.

II. Phẩm Migajàla

63.I. Bởi Migajàla (S.iv,35)

1) Nhãm duyên ở Sàvatthi...

2) Tôn giả Migajàla đi đến Thé Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Migajàla bạch Thé Tôn:

-- "Sông một mình! Sông một mình!", bạch Thé Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thé Tôn, cho đến như thế nào là sống một mình? Và cho đến như thế nào là sống có người thứ hai?

4) -- Này Migajàla, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương và trú với lòng tham luyến sắc ấy ; do vị ấy hoan hỷ, tán dương và trú với lòng tham luyến sắc ấy nên hỷ (nandi) khởi lên. Do hỷ có mặt nên dục tham (sàràgo) có mặt. Do dục tham có mặt nên triền phược có mặt. Bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajàla, nên Tỷ-kheo được gọi là người sống có người thứ hai.

5-8) ... có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức...

9) Này Migajàla, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương và trú với lòng tham luyến pháp ấy ; do vị ấy hoan hỷ, tán dương và trú với lòng tham luyến pháp ấy nên hỷ khởi lên. Do hỷ có mặt nên dục tham có mặt. Do dục tham có mặt nên triền phược có mặt. Bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajàla, nên Tỷ-kheo được gọi là người sống có người thứ hai.

10) Tỷ-kheo sống như vậy, này Migajàla, dàu cho đến ở các trú xứ xa vắng, các khóm rừng, các khu rừng, ít tiếng động, ít ồn ào, khởi hơi thở quần chúng (vijanavàtāni), vắng người, thích hợp với tịnh; dàu vậy, vẫn được gọi là sống với người thứ hai.

11) Vì sao? Vì rằng ái, người thứ hai, chưa được đoạn tận cho nên được gọi là sống có người thứ hai.

12-14) Và này Migajala, có các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương và trú với lòng không tham luyến pháp áy; thời do vị ấy không hoan hỷ, không tán dương trú với lòng không tham luyến pháp áy, nên hỷ đoạn diệt; thời do hỷ không có mặt nên dục tham không có mặt. Do dục tham không có mặt nên triền phược không có mặt. Do không bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajala, nên Tỷ-kheo được gọi là người trú một mình.

15-16) ...Này Migajala, có những vị do lười nhận thức...

17) Nay Migajala, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương và trú với tâm không tham luyến pháp áy; thời do vị ấy không hoan hỷ, không tán dương, trú với tâm không tham luyến pháp áy nên hỷ đoạn diệt. Do hỷ không có mặt nên dục tham không có mặt. Do dục tham không có mặt nên triền phược không có mặt. Do không bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajala, nên Tỷ-kheo được gọi là người trú một mình.

18) Tỷ-kheo sống như vậy, này Migajala, dàu có ở giữa làng tràn đầy những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, vua chúa, đại thần của vua, các ngoại đạo và các đệ tử các ngoại đạo, vị ấy vẫn được gọi là vị sống một mình.

19) Vì sao? Vì rằng ái, người thứ hai, được đoạn tận, do vậy được gọi là sống một mình.

64.II. Migajala (S.iv,37)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Migajala đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Migajala bạch Thế Tôn:

-- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vẫn tắt cho con. Sau khi nghe pháp áy con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4-6) -- Nay Migajala, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương, sống với tâm tham luyến sắc áy ; do vị ấy hoan hỷ, tán dương, sống với tâm tham luyến sắc áy nên hỷ sanh. Nay Migajala, Ta nói rằng do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi... Các tiếng... Các hương...

7-8)... Các vị... Các xúc...

9) Nay Migajala, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương, sống với tâm tham luyến pháp áy ; do vị ấy hoan hỷ, tán dương sống với tâm tham luyến pháp áy nên hỷ sanh. Nay Migajala, Ta nói rằng do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi.

10-12) Nay Migajala, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp

dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyến sắc áy ; do vị áy không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyến, không an trú tham luyến sắc áy nên hỷ diệt. Này Migajàla, Ta nói rằng do hoan hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt... Các tiếng... Các hương...

13-14)... Các vị... Các xúc...

15) Ngày Migajàla, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyến pháp áy; do vị áy không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyến pháp áy nên hỷ diệt. Ngày Migajala, Ta nói rằng do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt.

16) Rồi Tôn giả Migajàla, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thέ Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

17) Rồi Tôn giả Migajàla sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là mục đích cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vì ấy biết rõ rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

18) Và Tôn giả Migajàla trở thành một vị A-la-hán nữa.

65.III. Samiddhi (I) (S.iv,38)

1) Một thời Thέ Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2-3) Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Thέ Tôn... và bạch Thέ Tôn:

-- "Màra, Màra", như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thέ Tôn, là Màra, hay là danh nghĩa Màra (Màrapannatti)?

4) -- Ngày Samiddhi, chỗ nào có mắt, có các sắc, có nhãn thức, có các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy có Màra, hay có danh nghĩa Màra.

5-6)... có tai... có mũi...

7-8)... có lưỡi... có thân...

9) Chỗ nào có ý, có các pháp, có ý thức, có các pháp do ý nhận thức, chỗ ấy có Màra, hay có danh nghĩa Màra.

10-12) Và ngày Samiddhi, chỗ nào không có mắt, không có các sắc, không có nhãn thức, không có các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy không có Màra, hay không có danh nghĩa Màra... tai... mũi...

13-14) Chỗ nào không có lưỡi... không có thân...

15) Chỗ nào không có ý, không có các pháp, không có ý thức, không có các pháp do ý nhận thức, tại chỗ ấy không có Màra, hay không có danh nghĩa Màra.

66.IV. Samiddhi (2) (S.iv,39)

1-2) ...

3-15)-- "Hữu tình, hữu tình (Satta)", bạch Thέ Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thέ Tôn, là hữu tình, hay danh nghĩa hữu tình?... (như trên)...

67.V. Samiddhi (3) (S.iv,39)

1-2) ...

3-15) -- "Khô, khô", bạch Thέ Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thέ Tôn, là khô, hay là danh nghĩa của khô?... (như trên)...

68.VI. Samiddhi (4) (S.iv,39)

1-2) ...

3)... "Thế giới, thế giới", bạch Thέ Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thέ Tôn, là thế giới, hay là danh nghĩa thế giới?

4-9) -- Chỗ nào, này Samiddhi, có mắt, có các sắc, có nhãn thức, có các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy có thế giới, hay danh nghĩa thế giới... (như trên)... Chỗ nào có ý, có các pháp, có ý thức, có các pháp do ý nhận thức, tại chỗ ấy có thế giới hay có danh nghĩa thế giới.

10-15) Và tại chỗ nào, này Samiddhi, không có mắt, không có các sắc, không có nhãn thức, không có các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy không có thế giới, hay không có danh nghĩa thế giới... không có ý... tại chỗ ấy, không có thế giới hay không có danh nghĩa thế giới.

69.VII. Upasena (S.iv,40)

1) Một thời Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Upasena trú ở Ràjagaha (Vương Xá), rừng Sitavana (Hàn Lâm), tại hang Đầu Con Rắn (Sappapon-dikapabbàra).

2) Lúc bấy giờ, một con rắn độc rơi trên thân Tôn giả Upasena.

3) Rồi Tôn giả Upasena gọi các Tỷ-kheo:

-- Chư Hiền, hãy đến và nhắc cái giường cùng với cái thân này của tôi đưa ra ngoài, trước khi thân này ở đây phân tán như một nắm rơm.

4) Được nói vậy, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Upasena:

-- Nhưng chúng tôi không thấy thân Tôn giả Upasena đổi khác hay các căn bị biến hoại.

5) Nhưng Tôn giả Upasena nói như sau:

-- Nay chư Hiền, hãy đến và nhắc cái giường cùng với cái thân này của tôi đưa ra ngoài, trước khi thân này ở đây bị phân tán như một nắm rơm...

6) Nay Hiền giả Sàriputta, đổi với ai nghĩ rằng: "Tôi là con mắt", hay: "Con mắt là của tôi"..."Tôi là cái lưỡi", hay: "Cái lưỡi là của tôi"..."Tôi là ý", hay: "Ý là của tôi", thời đổi với các người ấy, này Hiền giả

Sàriputta, thân có thể bị đổi khác, hay các căn bị biến hoại. Và này Hiền giả Sàriputta, tôi không nghĩ như sau: "Tôi là con mắt", hay: "Con mắt là của tôi"… "Tôi là cái lưỡi", hay: "Cái lưỡi là của tôi"… hay: "Tôi là ý", hay: "Ý là của tôi", thời này Hiền giả Sàriputta, làm sao thân áy của tôi lại có thể đổi khác, hay các căn có thể biến hoại.

7) Vì rằng trong một thời gian dài, Tôn giả Upasena đã khéo nhổ tận gốc ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên, cho nên Tôn giả Upasena không có những tư tưởng như: "Tôi là con mắt", hay: "Con mắt là của tôi"… hay: "Tôi là cái lưỡi", hay: "Lưỡi là của tôi"… hay: "Tôi là ý", hay: "Ý là của tôi".

8) Rồi các Tỷ-kheo áy nhắc cái giường cùng với Tôn giả Upasena ra ngoài.

9) Rồi thân của Tôn giả Upasena, ngay tại chỗ áy phân tán như một nấm rơm.

70.VIII. Upavàna (1) (S.iv,41)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Upavàna đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upavàna bạch Thế Tôn:

-- "Thiết thực hiện tại, thiết thực hiện tại (Sanditthika)", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người có trí tự mình giác hiếu?

4) -- Ở đây, này Upavàna, sau khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo cảm thọ sắc và cảm thọ tham sắc có nội tham đổi với các sắc; vị ấy biết rõ: "Tôi có nội tham đổi với các sắc". Cho đến chừng nào sau khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo cảm thọ sắc và cảm thọ tham sắc, và có nội tham đổi với các sắc; vị ấy biết rõ: "Tôi có nội tham đổi với các sắc". Như vậy, này Upavàna, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người trí tự mình giác hiếu.

5-6) Lại nữa, này Upavàna, Tỷ-kheo sau khi tai nghe tiếng... sau khi mũi ngửi hương...

7-8) Lại nữa, này Upavàna, Tỷ-kheo sau khi lưỡi nếm vị... thân cảm xúc...

9) Lại nữa, này Upavàna, sau khi ý nhận biết pháp, Tỷ-kheo cảm thọ pháp và cảm thọ tham pháp, và có nội tham đổi với các pháp; vị ấy biết rõ: "Tôi có nội tham đổi với các pháp". Cho đến chừng nào sau khi ý nhận biết pháp, Tỷ-kheo cảm thọ pháp và cảm thọ tham pháp, và có nội tham đổi với các pháp; vò ấy biết rõ: "Tôi có nội tham đổi với các pháp". Như vậy, này Upavàna, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người trí tự mình giác hiếu.

10) Ở đây, này Upavàna, sau khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo cảm thọ sắc, nhưng không cảm thọ tham sắc, và không có nội tham đổi với sắc; vị ấy biết rõ: "Tôi không có nội tham đổi với sắc". Cho đến chừng nào, này Upavàna, sau khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo cảm thọ sắc, nhưng không cảm thọ tham sắc, và không có nội tham đổi với các sắc; vị ấy biết rõ: "Tôi không có nội tham đổi với các sắc". Như vậy, này Upavàna, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người trí tự mình giác hiếu.

11-14) Lại nữa, này Upavàna, Tỷ-kheo sau khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc...

15) Lại nữa, này Upavàna, sau khi ý nhận thức pháp, Tỷ-kheo cảm thọ pháp nhưng không cảm thọ tham pháp, và không có nội tham đối với pháp; vị ấy biết rõ: "Tôi không có nội tham đối với pháp". Cho đến chừng nào, này Upavàna, Tỷ-kheo sau khi ý nhận thức pháp, cảm thọ pháp nhưng không cảm thọ tham pháp, và không có nội tham đối với pháp; vị ấy biết rõ: "Tôi không có nội tham đối với pháp". Như vậy, này Upavàna, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến đẻ mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ những người có trí tự minh giác hiếu.

71.IX. Sáu Xúc Xứ (1) (S.iv,43)

1) ...

2) -- Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của sáu xúc xứ; vị ấy không thành tựu Phạm hạnh, còn đứng xa Pháp và Luật này.

3) Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thέ Tôn:

-- Ở đây, bạch Thέ Tôn, con đã thất vọng (anassàsim). Bạch Thέ Tôn, con không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ.

4-6) -- Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo? Ông có quán con mắt: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

-- Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, do Ông như thật thấy con mắt với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"; như vậy là khéo thấy. Đây là khổ được đoạn tận... tai... mũi...

7-8) ... lưỡi... thân...

9) Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo? Ông có quán ý: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

-- Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, do Ông như thật thấy ý với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"; như vậy là khéo thấy. Đây là khổ đoạn tận.

72.X. Sáu Xúc Xứ (2) (S.iv,44)

1) ...

2) -- Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ; vị ấy không thành tựu Phạm hạnh, còn đứng xa Pháp và Luật này.

3) Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thέ Tôn:

-- Ở đây, bạch Thέ Tôn, con thất vọng. Bạch Thέ Tôn, con không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ.

4-6) -- Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo? Ông có quán con mắt: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa có vậy, bạch Thέ Tôn.

-- Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, do Ông như thật thấy con mắt với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Như vậy là khéo thấy; như vậy xúc xứ thứ nhứt này sẽ được Ông đoạn tận, không còn tái sanh nữa trong tương lai... tai... mũi...

7-8)... lưỡi... thân...

9) Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo? Ông có quán ý: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi"?

-- Thưa có vậy, bạch Thέ Tôn.

-- Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, do Ông như thật thấy ý với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"; như vậy là khéo thấy. Như vậy xúc xứ thứ sáu này sẽ được Ông đoạn tận, không còn tái sanh nữa trong tương lai.

73.XI. Sáu Xúc Xứ (3) (S.iv,44)

1) ...

2) -- Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, và sự xuất ly của sáu xúc xứ; vị ấy không thành tựu Phạm hạnh, còn đứng xa Pháp và Luật này.

3) Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thέ Tôn:

-- Ở đây, bạch Thέ Tôn, con thật vọng. Bạch Thέ Tôn, con không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ.

4-6) -- Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

5-8) -- Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

9) Ý là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.
- Cái gì vô thường là khô hay lạc?
- Là khô, bạch Thέ Tôn.
- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?
- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

10) -- Thầy vậy, này Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt, nhảm chán đối với tai, nhảm chán đối với mũi, nhảm chán đối với lưỡi, nhảm chán đối với thân, nhảm chán đối với ý. Do nhảm chán nên vị ấy ly tham. Do ly tham vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

III. Phẩm Bệnh

74.I. Bệnh (1) (S.iv,46)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi...
 - 2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thέ Tôn...
 - 3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:
- Trong tịnh xá của chúng con, bạch Thέ Tôn, có một tân Tỷ-kheo ít người biết đến, bị bệnh hoạn, đau đớn, bị trọng bệnh. Lành thay, bạch Thέ Tôn, nếu Thέ Tôn đi đến Tỷ-kheo ấy vì lòng từ mẫn.
 - 4) Rồi Thέ Tôn sau khi nghe tiếng "Mới", nghe tiếng "Bệnh", khi biết được: "Tỷ-kheo ấy ít được người biết đến" liền đi đến Tỷ-kheo ấy.

5) Tỷ-kheo ấy thấy đức Phật từ xa đi đến, sau khi thấy, liền gượng dậy trên giường.

6) Thέ Tôn liền nói với Tỷ-kheo ấy:

- Thôi! Này Tỷ-kheo, Ông chó có gượng dậy trên giường. Có những chỗ ngồi đã soạn sẵn, tại đây Ta sẽ ngồi.

Rồi Thέ Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn.

7) Sau khi ngồi, Thέ Tôn nói với Tỷ-kheo ấy:

- Này Tỷ-kheo, Ông có kham nhẫn được không? Ông có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không tăng trưởng? Có phải có triệu chứng giảm thiểu, không phải tăng trưởng?
- Bạch Thέ Tôn, con không thể kham nhẫn, không thể chịu đựng. Mạnh liệt là khổ thọ con cảm giác! Chúng tăng trưởng, không có giảm thiểu. Có triệu chứng tăng trưởng, không phải giảm thiểu.

8) -- Này Tỷ-kheo, mong rằng Ông không có gì nghi ngờ, không có gì hối hận.

-- Bạch Thέ Tôn, chắc chắn con không có gì nghi ngờ, không có gì hối hận.

9) -- Nhưng đối với giới của mình, Ông có gì tự khiển trách không?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

10) -- Này Tỷ-kheo, nếu đối với giới của mình Ông không có gì để khiển trách, thời này Tỷ-kheo, Ông thế nào cũng có nghi ngờ đối với vấn đề gì, cũng có hối hận gì.

-- Bạch Thέ Tôn, con không hiểu pháp Thέ Tôn dạy về mục đích thanh tịnh trì giới.

11) -- Này Tỷ-kheo, nếu Ông không hiểu pháp Ta dạy về mục đích thanh tịnh trì giới, thời này Tỷ-kheo, Ông hiểu pháp Ta dạy như thế nào?

-- Bạch Thέ Tôn, con hiểu pháp do Thέ Tôn dạy là tham và đoạn tham.

12) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Ông hiểu pháp Ta dạy là tham và đoạn tham. Với mục đích tham và đoạn tham, này Tỷ-kheo, là pháp Ta dạy.

13) Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn...

-- Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

14) -- Thấy vậy, này Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

15) Thέ Tôn thuyết như vậy, Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy. Và trong khi lời dạy này được nói lên, Tỷ-kheo ấy khởi lên pháp nhãn ly trần vô cầu: "Phàm cái gì sanh khởi, tất cả đều chịu sự đoạn diệt".

75.II. Bệnh (2) (S.iv,47)

1-10) (Hoàn toàn giống như kinh trước).

11) -- Ngày Tỷ-kheo, nếu Ông không hiểu pháp Ta dạy về mục đích thanh tịnh trì giới, thời này Tỷ-kheo, Ông hiểu pháp Ta dạy như thế nào?

-- Bạch Thé Tôn, con hiểu pháp Thé Tôn dạy là với mục đích tịch tịnh hoàn toàn, không chấp thủ.

12) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Ông hiểu pháp Ta dạy là với mục đích tịch tịnh hoàn toàn, không có chấp thủ.

13-14) (Như kinh trước)

15) Thé Tôn thuyết như vậy. Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tán thán lời Thé Tôn dạy. Và trong khi lời dạy này được nói lên, tâm Tỷ-kheo ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

76.III. Ràdha (1) (S.iv,48)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Ràdha...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thé Tôn:

-- Lành thay, bạch Thé Tôn, nếu Thé Tôn vẫn tắt thuyết pháp cho con. Sau khi nghe pháp của Thé Tôn con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Cái gì vô thường, này Ràdha, ở đây Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

5-7) Và này Ràdha, cái gì là vô thường? Mắt, này Ràdha, là vô thường, ở đây Ông cần phải đoạn tận lòng dục. Các sắc là vô thường... Nhẫn thức là vô thường... Nhẫn xúc... Do duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường. Ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục... Tai... Mũi...

8-9) ... Lưỡi... Thân...

10) Ý là vô thường, ở đây Ông cần phải đoạn tận lòng dục. Các pháp... Ý thức... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường. Ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

11) Phàm cái gì là vô thường, này Ràdha, ở đây Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

77.IV. Ràdha (2) (S.iv,49)

1-2-3) ...

4) -- Phàm cái gì là khổ, này Ràdha, ở đây Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

5-10) Và này Ràdha, cái gì là khổ? Mắt, này Ràdha, là khổ; ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục. Các pháp... Nhẫn thức... Nhẫn xúc... Do duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là khổ. Ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

11) Phàm cái gì là khổ, này Ràdha, ở đây Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

78.V. Ràdha (2) (S.iv,49)

1-2-3) ...

4) -- Phàm cái gì là vô ngã, này Ràdha, Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

5-9) Và này Ràdha, cái gì là vô ngã? Mắt, này Ràdha, là vô ngã; ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục. Các sắc... Nhãn thức... Nhãn xúc... Do duyên ý xúc...

10) Ý là vô ngã... Các pháp... Ý thức... Ý xúc... Do duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô ngã. Ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

11) Phàm cái gì là vô ngã, này Ràdha, ở đây, Ông cần phải đoạn tận lòng dục.

79.VI. Vô Minh (I) (S.iv,49)

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thế Tôn:

-- Có một pháp gì, bạch Thế Tôn, (nếu) Tỷ-kheo đoạn tận pháp ấy, thời vô minh được đoạn tận và minh sanh khởi?

-- Có một pháp, này Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đoạn tận pháp ấy, vô minh được đoạn tận, minh sanh khởi.

4) -- Một pháp áy là gì, bạch Thế Tôn, nếu Tỷ-kheo đoạn tận pháp áy, vô minh được đoạn tận và minh sanh khởi?

-- Vô minh, này Tỷ-kheo, là một pháp, nếu Tỷ-kheo đoạn tận pháp áy, vô minh được đoạn tận, minh sanh khởi.

5) -- Tỷ-kheo biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi?

6) -- Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết mắt, thấy mắt là vô thường nên vô minh đoạn tận, minh sanh khởi... tai... mũi...

7-11) ... lưỡi... thân... ý...

12) Này Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy nên vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

80.VII. Vô Minh (2) (S.iv,50)

1-5) (Như kinh trước)

6) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có nghe: "Các pháp không nên thiền chấp". Này Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo áy nghe như sau: "Tất cả các pháp không nên thiền chấp", vị áy thắng tri tất cả các pháp. Do

liễu tri tất cả pháp nên thấy tất cả tướng có thể thay đổi... Vị ấy thấy con mắt có thể thay đổi... các sắc... nhẫn thức... nhẫn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy thấy cảm thọ ấy có thể thay đổi.

7) Nay Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo biết vậy, thấy vậy nên vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

81.VIII. Tỷ Kheo (S.iv,50)

1) ...

2) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thé Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo áy bạch Thé Tôn:

-- Ở đây, bạch Thé Tôn, có những du sĩ ngoại đạo hỏi chúng con: "Do mục đích gì, này các Hiền giả, các người sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, bạch Thé Tôn, chúng con trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy: "Vì mục đích liễu tri đau khổ, này chư Hiền, chúng tôi sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama". Được hỏi vậy và được trả lời vậy, bạch Thé Tôn, có phải chúng con đã nói lên quan điểm của Thé Tôn? Và có phải chúng con không xuyên tạc Thé Tôn với điều không thực? Có phải chúng con trả lời thuận pháp và đúng pháp? Và ai là người đồng pháp nói đúng pháp không tìm được lý do để chỉ trích?

4) -- Thật vậy, này các Tỷ-kheo, được hỏi vậy và được trả lời vậy, các Ông đã nói lên quan điểm của Ta. Và các Ông không xuyên tạc Ta với điều không thực. Các Ông trả lời thuận pháp và đúng pháp. Vì không có người đồng pháp nói đúng pháp nào tìm được lý do để chỉ trích. Với mục đích liễu tri đau khổ, này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống dưới Ta.

5) Nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo có thể hỏi các Ông như sau: "Này Hiền giả, thế nào là vì mục đích liễu tri đau khổ ấy, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông có thể trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau:

6-11) "Mắt, này chư Hiền, là khổ. Vì liễu tri như vậy, Phạm hạnh được sống dưới Thé Tôn. Các sắc... Do duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vì liễu tri cảm thọ ấy là khổ, nên Phạm hạnh được sống dưới Thé Tôn... Ý là khổ, vì liễu tri như vậy, Phạm hạnh được sống dưới Thé Tôn... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vì liễu tri cảm thọ ấy là khổ, nên Phạm hạnh được sống dưới Thé Tôn. Đây, này chư Hiền, là khổ ấy. Vì liễu tri khổ ấy, Phạm hạnh được sống dưới Thé Tôn".

12) Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông có thể trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy.

82.IX. Thế Giới (S.iv,52)

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thé Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Phagguna bạch Thé Tôn:

4-6) -- Có con mắt nào, bạch Thé Tôn, do con mắt ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các hành tung khát ái, đã chấm dứt luân hồi, đã vượt

qua mọi khổ đau?... tai... mũi...

7-8) ... lưỡi... thân...

9) Có ý nào, bạch Thέ Tôn, do ý áy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các hành tung (khát ái), đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau?

10-12) -- Không có con mắt nào, này Phagguna, do con mắt áy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các hành tung (khát ái), đã chấm dứt luân hồi, đã vượt mọi khổ đau... tai... mũi...

13-14) ... Không có lưỡi... Không có thân...

15) Không có ý nào, này Phagguna, do ý áy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các hành tung (khát ái), đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau.

IV. Phẩm Channa

84. I. Biến Hoại (Paloka) (S.iv,53)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thέ Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thέ Tôn:

-- "Thế giới, thế giới", bạch Thέ Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thέ Tôn, được gọi là thế giới?

4) -- Cái gì chịu sự biến hoại (palokadhamma), này Ananda, đây gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh. Và này Ananda, cái gì chịu sự biến hoại?

5-7) Mắt, này Ananda, chịu sự biến hoại. Các sắc chịu sự biến hoại. Nhẫn thức chịu sự biến hoại. Nhẫn xúc chịu sự biến hoại. Do duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy chịu sự biến hoại... Tai... Mũi...

8-9)... Lưỡi... Thân...

10) Ý chịu sự biến hoại. Các pháp chịu sự biến hoại. Ý thức chịu sự biến hoại. Ý xúc chịu sự biến hoại. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy chịu sự biến hoại.

11) Cái gì chịu sự biến hoại, này Ananda, cái ấy gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh.

85. II. Trống Không (S.iv,54)

1) ...

2-3) Rồi Tôn giả Ananda... bạch Thέ Tôn:

-- "Trống không là thế giới, trống không là thế giới", bạch Thé Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thé Tôn, được gọi trống không là thế giới?

4) -- Vì rằng, này Ananda, thế giới là không tự ngã, và không thuộc tự ngã, nên thế giới được gọi là trống không. Và cái gì, này Ananda, là không tự ngã và không thuộc tự ngã?

5-6) Mắt, này Ananda, là không tự ngã và không thuộc tự ngã. Các sắc là không tự ngã, hay không thuộc tự ngã. Nhẫn thức là không tự ngã, hay không thuộc tự ngã. Nhẫn xúc là không tự ngã, hay không thuộc tự ngã... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy không có tự ngã hay không thuộc tự ngã.

11) Và vì rằng, này Ananda, không có tự ngã, hay không thuộc tự ngã nên được gọi trống không là thế giới này.

86. III. Văn Tắt (S.iv,54)

1-2) ...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda... bạch Thé Tôn:

-- Lành thay, bạch Thé Tôn, nếu Thé Tôn văn tắt thuyết pháp cho con. Sau khi nghe pháp của Thé Tôn, con sẽ sống một mình, an tĩnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4-6) -- Ông nghĩ thế nào, này Ananda, mắt là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

-- Các sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- ... Nhẫn thức... Nhẫn xúc... Do duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái

này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn... Tai... Mũi...

7-9) ... Lưỡi... Thân... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

10) -- Thấy vậy, này Ananda, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt... nhảm chán đối với nhẫn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhảm chán cảm thọ ấy. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

87. IV. Channa (S.iv,55)

1) Một thời Thέ Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàiputta, Tôn giả Mahà Cunda và Tôn giả Channa trú ở núi Gijjhakù.

3) Lúc bấy giờ, Tôn giả Channa bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

4) Rồi Tôn giả Sàiputta, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahà Cunda; sau khi đến nói với Tôn giả Mahà Cunda:

-- Nay Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi đến Tôn giả Channa để hỏi thăm về bệnh hoạn.

-- Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Mahà Cunda vâng đáp Tôn giả Sàiputta.

5) Rồi Tôn giả Sàiputta và Tôn giả Mahà Cunda đi đến Tôn giả Channa, sau khi đến ngồi trên chỗ soạn sẵn.

6-7) Sau khi ngồi, Tôn giả Sàiputta nói với Tôn giả Channa:

-- Nay Hiền giả Channa, Hiền giả có kham nhẫn được chăng? Có chịu đựng được chăng? Có phải khổ thọ giảm thiểu không có tăng trưởng? Có phải có triệu chứng giảm thiểu, không phải tăng trưởng?

-- Thưa Hiền giả Sàiputta tôi không có thể kham nhẫn, không có thể chịu đựng. Mạnh liệt là các khổ

thọ tôi cảm giác! Chúng tăng trưởng, không có giảm thiểu. Có triệu chứng tăng trưởng, không phải giảm thiểu.

8) Ngày Hiền giả, ví như một người lực sĩ chém đầu (một người khác) với một thanh kiếm sắc. Cũng vậy, ngày Hiền giả, những ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu tôi. Thưa Hiền giả, tôi không có thể kham nhẫn, không có thể chịu đựng... không phải giảm thiểu.

9) Ngày Hiền giả, ví như một người lực sĩ lấy một dây nịt băng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi xiết mạnh. Cũng vậy, ngày Hiền giả, tôi cảm thấy đau đầu một cách kinh khủng. Ngày Hiền giả, tôi không thể kham nhẫn, không có thể chịu đựng... không phải giảm thiểu.

10) Ngày Hiền giả, ví như một người đồ tể thiện xảo hay một đệ tử người đồ tể mổ bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén. Cũng vậy, ngày Hiền giả, những ngọn gió kinh khủng cắt mổ bụng của tôi. Thưa Hiền giả, tôi không có thể kham nhẫn, không có thể chịu đựng... không phải giảm thiểu.

11) Ngày Hiền giả, ví như hai người lực sĩ sau khi nặm một người yếu hơn với những cánh tay của mình, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hừng. Cũng vậy, ngày Hiền giả, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân tôi. Ngày Hiền giả, tôi không có thể kham nhẫn, không có thể chịu đựng. Mạnh liệt là các khỗ họ tôi cảm giác! Chúng tăng trưởng, không có giảm thiểu. Có triệu chứng tăng trưởng, không phải giảm thiểu.

12) Thưa Hiền giả Sàriputta, tôi sẽ đem lại con dao. Tôi không muốn sống nữa.

13) -- Tôn giả Channa, chó có đem lại con dao! Tôn giả Channa, hãy chịu đựng! Chúng tôi muốn Tôn giả Channa chịu đựng. Nếu Tôn giả Channa không có các món ăn, không có các dược phẩm thích hợp, thời tôi sẽ tìm các dược phẩm thích hợp cho Tôn giả Channa. Nếu Tôn giả Channa không có người hầu hạ thích ứng, thời tôi sẽ hầu hạ Tôn giả Channa. Tôn giả Channa chó có đem lại con dao. Tôn giả Channa hãy chịu đựng. Chúng tôi muốn Tôn giả Channa chịu đựng.

14) -- Thưa Hiền giả Sàriputta, không phải tôi không có các món ăn thích hợp, tôi có các món ăn thích hợp. Không phải tôi không có các dược phẩm thích hợp, tôi có các dược phẩm thích hợp. Không phải tôi không có những người hầu hạ thích ứng, tôi có những người hầu hạ thích ứng. Đã lâu ngày tôi hầu hạ bậc Đạo Sư với tâm thích thú, không phải không thích thú. Đây, thưa Hiền giả, là xứng đáng với người đệ tử. Vì rằng đã hầu hạ bậc Đạo Sư với tâm thích thú, không phải không thích thú. Không có phạm tội, nếu Tỳ-kheo Channa đem lại con dao. Ngày Hiền giả Sàriputta, Hiền giả hãy thọ trì như vậy.

15) -- Chúng tôi sẽ hỏi Tôn giả Channa một câu, nếu Tôn giả Channa kham nhẫn được hỏi và trả lời.

-- Hãy hỏi đi, Hiền giả Sàriputta, sau khi nghe, chúng ta sẽ biết.

16) -- Ngày Hiền giả Channa, mắt, nhẫn thức, những pháp do nhẫn thức nhận biết, Hiền giả có quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?... Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ngày Hiền giả Channa, ý, ý thức, các pháp do ý thức nhận biết, Hiền giả có quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

17) -- Ngày Hiền giả Sàriputta, mắt, nhẫn thức, các pháp do nhẫn thức nhận biết, tôi quán: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

18) -- Ngày Hiền giả Channa, trong mắt, trong nhẫn thức, trong các pháp do nhẫn thức nhận biết, do thấy gì, do thắc tri gì mà Hiền giả quán: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này

không phải tự ngã của tôi"?

19) -- Thưa Hiền giả Sàriputta, trong mắt, trong nhãn thức, trong các pháp do nhãn thức nhận biết, sau khi thấy đoạn diệt, sau khi thắng tri đoạn diệt, tôi quán: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Trong tai... Trong mũi... Trong lưỡi... Trong thân.. Thura Hiền giả... Trong ý, trong ý thức, trong các pháp do ý thức nhận biết, sau khi thấy đoạn diệt, sau khi thắng tri đoạn diệt, tôi quán: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

20) Được nghe nói vậy, Tôn giả Mahà Cunda nói với Tôn giả Channa:

-- Hiền giả Channa, Hiền giả cần phải luôn luôn chú ý đến lời dạy này của Thé Tôn: "Ai còn tham luyến, thời có dao động; ai không tham luyến, thời không dao động. Ai không dao động, thời được khinh an. Ai được khinh an, thời không thiên chấp. Ai không thiên chấp (nati), thời không có đến và đi. Ai không có đến và đi, thời không có diệt và sanh. Ai không có diệt và sanh, thời không có đời này, đời sau, không có giữa hai đời. Đây là sự đoạn tận đau khổ".

21) Rồi Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Cunda, sau khi giáo giới Tôn giả Channa với lời giáo giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy, và ra đi.

22) Tôn giả Channa, sau khi hai vị Tôn giả ấy đi không bao lâu, liền đem lại con dao.

23) Rồi Tôn giả Sàriputta đi đến Thé Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.

24) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, Tôn giả Channa đã đem lại con dao. Sanh thú của vị ấy là gì? Đời sau vị ấy sẽ như thế nào?

-- Có phải trước mặt Ông, này Sàriputta, Tỷ-kheo Channa đã tuyên bố là không phạm tội?

25) -- Thưa có, bạch Thé Tôn. Có một làng của dân tộc Vaggi tên là Pubbavijhamam; tại đây, có những gia đình thân hữu, có những gia đình thân thích với Tôn giả Channa, chính những gia đình ấy mới có lỗi.

26) -- Nay Sàriputta, những gia đình thân hữu và những gia đình thân thích ấy của Tôn giả Channa là những gia đình có lỗi. Tuy vậy, này Sàriputta, với sự việc như vậy, Ta không nói Channa là có lỗi. Nay Sàriputta, ai bỏ thân này và chấp thủ thân khác; người ấy, Ta nói là có lỗi. Nhưng Tỷ-kheo Channa thời không vậy. Tỷ-kheo Channa không có tội lỗi khi đem lại con dao. Nay Sàriputra, Ông cần phải thọ trì như vậy.

88. V. Punna (S.iv,60)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Punna đi đến Thé Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Punna bạch Thé Tôn:

-- Lành thay, bạch Thé Tôn, nếu Thé Tôn vắn tắt thuyết pháp cho con. Sau khi nghe pháp của Thé Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Nay Punna, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc áy, tán dương, an trú luyến trước; do vị áy hoan hỷ sắc áy, tán dương, an trú luyến trước, hỷ (nandi) sanh. Nay Punna, Ta nói rằng: "Do hỷ tập khởi nên khô tập khởi". Nay Punna, có những tiếng do tai nhận thức... Có những hương do mũi nhận thức... Có những vị do lưỡi nhận thức.. Có những xúc do thân nhận thức... Nay Punna, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp áy, tán dương, an trú luyến trước; do vị áy hoan hỷ pháp áy, tán dương, an trú luyến trước nên hỷ sanh. Nay Punna, Ta nói rằng: "Do hỷ tập khởi nên khô tập khởi".

5) Nay Punna, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc áy, không tán dương, không an trú luyến trước; do vị áy không hoan hỷ sắc áy, không tán dương, không an trú luyến trước nên hỷ đoạn diệt. Nay Punna, Ta nói rằng: "Do hỷ đoạn diệt nên khô đoạn diệt"... Nay Punna, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp áy, không tán dương, không an trú luyến trước; do vị áy không hoan hỷ pháp áy, không tán dương, không an trú luyến trước nên hỷ đoạn diệt. Nay Punna, Ta nói rằng: "Do hỷ đoạn diệt nên khô đoạn diệt".

6) Nay Punna, sau khi được nghe giáo giới với lời giáo giới vắn tắt này của Ta, Ông sẽ trú tại quốc độ nào?

-- Bạch Thé Tôn, có một quốc độ tên là Sunàparanta, tại đây con sẽ ở.

7) -- Thô bạo, nay Punna, là người xứ Sunàparanta. Độc ác, nay Punna, là người xứ Sunàparanta. Nếu người xứ Sunàparanta, nay Punna, chửi bói, nhiếc mắng Ông, thời nay Punna, ở đây, Ông nghĩ thế nào?

-- Nếu người xứ Sunàparanta, bạch Thé Tôn, chửi bói, nhiếc mắng con, ở đây, con sẽ nghĩ: "Thật là hiền thiện, người xứ Sunàparanta này! Thực là khéo hiền thiện, người xứ Sunàparanta này! Vì những người này không lấy tay đánh đập ta". Như vậy, ở đây, bạch Thé Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Như vậy, ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

8) -- Nếu người xứ Sunàparanta, nay Punna, sẽ đánh đập Ông bằng tay, thời ở đây, nay Punna, Ông sẽ nghĩ thế nào?

-- Nếu người xứ Sunàparanta, bạch Thé Tôn, đánh đập con bằng tay, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Thực là khéo hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Vì những người này không đánh đập ta bằng cục đất". Ở đây, bạch Thé Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

9) -- Nhưng nếu người xứ Sunàparanta, nay Punna, đánh đập Ông bằng cục đất, thời ở đây, nay Punna, Ông nghĩ thế nào?

-- Nếu những người xứ Sunàparanta, bạch Thé Tôn, đánh đập con bằng cục đất, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Thực là khéo hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Vì những người này không đánh đập ta bằng gậy". Ở đây, bạch Thé Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

10) -- Nhưng nếu những người xứ Sunàparanta, nay Punna, sẽ đánh đập Ông với gậy, thời ở đây, nay Punna, Ông nghĩ thế nào?

-- Nếu những người xứ Sunàparanta này, bạch Thé Tôn, sẽ đánh đập con với gậy, thời ở đây, con sẽ suy

nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Vì những người này không đánh đập ta bằng kiếm". Ở đây, bạch Thé Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

11) --Nhưng nếu những người xứ Sunàparanta, này Punna, lại đánh đập Ông bằng kiếm, thời ở đây, này Punna, Ông sẽ nghĩ thế nào?

-- Nếu những người xứ Sunàparanta, bạch Thé Tôn, đánh đập con với cây kiếm, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Vì những người này không đoạn mạng ta với cây kiếm sắc bén". Ở đây, bạch Thé Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

12) --Nhưng nếu những người xứ Sunàparanta, này Punna, sẽ đoạn mạng Ông với lưỡi kiếm sắc bén, thời ở đây, này Punna, Ông sẽ nghĩ như thế nào?

-- Nếu những người xứ Sunàparanta, bạch Thé Tôn, sẽ đoạn mạng con với lưỡi kiếm sắc bén, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Có những đệ tử của Thé Tôn, khi phiền não, tủi hổ và ghê tởm bởi thân và sinh mạng đã sử dụng đến con dao. Nay đâu không tìm đến ta vẫn được sử dụng con dao". Ở đây, bạch Thé Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

13) --Lành thay, lành thay, này Punna! Đây đủ với sự an tịnh tự điều này, Ông có thể sống tại quốc độ Sunàparanta. Nay Punna, nay Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

14) Rồi Tôn giả Punna hoan hỷ, tín thọ lời Thé Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, hành lễ Thé Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tạ, cầm y bát, rồi bộ hành đi đến xứ Sunàparanta. Ngài tuần tự bộ hành và đến xứ Sunàparanta. Tại đây, Tôn giả Punna trú tại xứ Sunàparanta.

15) Và trong mùa mưa áy, Tôn giả Punna độ cho khoảng 500 cư sĩ. Cũng trong mùa mưa áy, Tôn giả chứng được ba minh. Và cũng trong mùa mưa áy Tôn giả Punna viên tịch.

16) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thé Tôn...

17) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, thiện gia nam tử Punna, sau khi được Thé Tôn giáo giới một cách văn tắt, đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Đời sau của vị ấy thế nào?

-- Bậc Hiền trí, này các Tỷ-kheo, là thiện nam tử Punna. Sở hành là đúng pháp và thuận pháp. Vị ấy không làm phiền não Ta với những kiện tụng về pháp. Hoàn toàn tịch diệt, này các Tỷ-kheo, là thiện nam tử Punna.

89. VI. Bàhiya (S.iv, 63)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Bàhiya đi đến Thé Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Bàhiya bạch Thé Tôn:

-- Lành thay, bạch Thé Tôn, nếu Thé Tôn văn tắt thuyết pháp cho con. Sau khi nghe pháp của Thé Tôn,

con sẽ sống một mình, an tĩnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4-8) -- Ông nghĩ thế nào, này Bâhiya, mắt là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thê Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thê Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thê Tôn.

-- Các sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thê Tôn.

-- Nhãm thức... Nhãm xúc....

9)... Do duyên ý xúc này khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thê Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thê Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thê Tôn.

10) -- Thấy vậy, này Bâhiya, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt, nhảm chán đối với sắc, nhảm chán đối với nhãm thức, nhảm chán đối với nhãm xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhảm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

11) Và Tôn giả Bâhiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

90. VII. Ái Nhiễm (Ejà) (S.iv,64)

1) ...

2) -- Ái nhiễm, này các Tỷ-kheo, là bệnh tật; ái nhiễm là mực nhọt; ái nhiễm là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai sống không ái nhiễm, không bị mũi tên làm bị thương.

3) Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước vọng gì, hãy ước sống không ái nhiễm, không bị mũi tên làm bị thương.

4) Chớ có nghĩ đến mắt, chớ có nghĩ đến trong mắt, chớ có nghĩ đến từ mắt, chớ có nghĩ đến: "Mắt là của tôi". Chớ có nghĩ đến các sắc, chớ có nghĩ đến trong các sắc, chớ có nghĩ đến từ các sắc, chớ có nghĩ đến: "Các sắc là của tôi". Chớ có nghĩ đến nhãn thức, chớ có nghĩ đến trong nhãn thức, chớ có nghĩ đến từ nhãn thức, chớ có nghĩ đến: "Nhãn thức là của tôi". Chớ có nghĩ đến nhãn xúc, chớ có nghĩ đến trong nhãn xúc, chớ có nghĩ đến từ nhãn xúc, chớ có nghĩ đến: "Nhãn xúc là của tôi". Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ ấy là tôi".

5-6) Chớ có nghĩ đến tai... Chớ có nghĩ đến mũi...

7-8) Chớ có nghĩ đến lưỡi... Chớ có nghĩ đến thân...

9) Chớ có nghĩ đến ý, chớ có nghĩ đến trong ý, chớ có nghĩ đến từ ý, chớ có nghĩ đến: "Ý là của tôi". Chớ có nghĩ đến các pháp, chớ có nghĩ đến trong các pháp, chớ có nghĩ đến từ các pháp, chớ có nghĩ đến: "Các pháp là của tôi". Chớ có nghĩ đến ý thức, chớ có nghĩ đến trong ý thức, chớ có nghĩ đến từ ý thức, chớ có nghĩ đến: "Ý thức là của tôi". Chớ có nghĩ đến ý xúc, chớ có nghĩ đến trong ý xúc, chớ có nghĩ đến từ ý xúc, chớ có nghĩ đến: "Ý xúc là của tôi". Do duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ ấy là của tôi".

10) Chớ có nghĩ đến tất cả, chớ có nghĩ đến trong tất cả, chớ có nghĩ đến từ tất cả, chớ có nghĩ đến: "Tất cả là của tôi".

11) Vị ấy do không nghĩ đến nên không chấp thủ một vật gì ở đời. Do không chấp thủ, vị ấy không có dao động (paritassati). Do không dao động, vị ấy tự mình tịch tịnh một cách hoàn toàn. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

91. VIII. Ái Nhiễm (S.iv,66)

1) ...

2) -- Ái nhiễm, này các Tỷ-kheo, là bệnh tật, ái nhiễm là mụn nhọt, ái nhiễm là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai sống không ái nhiễm, không bị mũi tên bắn.

3) Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có mong ước, hãy mong ước không ái nhiễm, không bị mũi tên bắn.

4-6) Chớ có nghĩ đến mắt, chớ có nghĩ đến trong mắt, chớ có nghĩ đến từ mắt, chớ có nghĩ đến: "Mắt là của ta". Chớ có nghĩ đến các sắc, chớ có nghĩ đến trong các sắc, chớ có nghĩ đến từ các sắc, chớ có nghĩ đến: "Các sắc là của ta". Chớ có nghĩ đến nhãn thức... Chớ có nghĩ đến nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ ấy là của ta". Này các Tỷ-kheo, nghĩ đến cái gì, nghĩ đến trong cái gì, nghĩ đến từ cái gì, nghĩ đến: "Cái gì là của ta", từ đây cái ấy đổi khác. Vì rằng bị đổi khác, vì chấp trước tái sanh (Bhavasatto), nên thế giới hoan hỷ tái sanh... tai... mũi...

7-8) ... lưỡi... thân...

9) Chớ có nghĩ đến ý, chớ có nghĩ đến trong ý, chớ có nghĩ đến từ ý, chớ có nghĩ đến: "Ý là của ta". Chớ

có nghĩ đến các pháp, chớ có nghĩ đến trong các pháp, chớ có nghĩ đến từ các pháp, chớ có nghĩ đến: "Các pháp là của ta". Chớ có nghĩ đến ý thức, chớ có nghĩ đến trong ý thức, chớ có nghĩ đến từ ý thức, chớ có nghĩ đến: "Ý thức là của ta". Chớ có nghĩ đến ý xúc, chớ có nghĩ đến trong ý xúc, chớ có nghĩ đến từ ý xúc, chớ có nghĩ đến: "Ý xúc là của ta". Do duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bát lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ áy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ áy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ áy, chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ áy là của ta". Này các Tỷ-kheo, nghĩ đến cái gì, nghĩ đến trong cái gì, nghĩ đến từ cái gì, nghĩ đến: "Cái gì là của ta", từ đấy cái áy đổi khác. Vì rằng bị đổi khác, vì chấp trước tái sanh, nên thế giới hoan hỷ tái sanh.

Này các Tỷ-kheo, cho đến uẩn, giới, xứ... chớ có nghĩ đến cái áy, chớ có nghĩ đến trong cái áy, chớ có nghĩ đến từ cái áy, chớ có nghĩ đến: "Cái áy là của ta". Vì áy không nghĩ đến như vậy nên không chấp thủ một cái gì trong đời. Do không chấp thủ nên không có dao động. Do không có dao động, vị áy tự mình tịch tịnh một cách hoàn toàn. Vị áy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

92. IX. Cả Hai (S.iv,67)

1) ...

2) -- Ngày các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về cả hai. Hãy lắng nghe. Ngày các Tỷ-kheo, thế nào là cả hai?

3) Mắt và các sắc, tai và các tiếng, mũi và các hương, lưỡi và các vị, thân và các xúc, ý và các pháp. Ngày các Tỷ-kheo, đây gọi là cả hai.

4) Ngày các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Sau khi đoạn tận hai cái này, tôi sẽ trình bày hai cái khác"; thời người ấy chỉ nói suông, nếu hỏi, người ấy không có thể chứng minh, còn có thể rơi vào ách nạn.

5) Vì sao? Vì rằng vẫn đề áy vượt ngoài phạm vi của người ấy.

93. X. Cả Hai (S.iv,67)

1) ...

2) -- Do duyên cả hai, ngày các Tỷ-kheo, thức hiện hữu. Ngày các Tỷ-kheo, thế nào là do duyên cả hai, thức hiện hữu?

3) Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức. Mắt là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Các sắc là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Như vậy, cả hai này là biến động, tiêu tan, vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Nhãn thức là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Do nhân nào, do duyên nào, nhãn thức khởi lên; nhân áy, duyên áy là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Ngày các Tỷ-kheo, nhãn thức này khởi lên từ một duyên vô thường, từ đâu sẽ thành thường còn được? Ngày các Tỷ-kheo, sự hợp hội, tụ tập, hòa hợp của ba pháp này, ngày các Tỷ-kheo, đây gọi là nhãn xúc. Nhãn xúc cũng vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Do nhân nào, do duyên nào, nhãn xúc khởi lên; nhân áy, duyên áy là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Ngày các Tỷ-kheo, nhãn xúc này khởi lên từ một duyên vô thường, từ đâu sẽ trở thành thường còn được? Do cảm xúc nên có cảm thọ (?), do cảm xúc nên có tư lường, do cảm xúc nên có hay biết (?). Ở đây, các pháp này là biến động, tiêu tan, vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác.

4) Và do duyên tai và các tiếng khởi lên nhĩ thức...

- 5) Và do duyên mũi và các hương khởi lên tỳ thức...
- 6) Và do duyên lưỡi và các vị khởi lên thiệt thức...
- 7) Và do duyên thân và các xúc khởi lên thân thức...
- 8) Và do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Ý là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Các pháp là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Ở đây, cả hai cái này là biến động, tiêu tan, vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Ý thức là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho ý thức khởi lên; nhân áy, duyên áy là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Này các Tỷ-kheo, ý thức khởi lên do duyên vô thường, thời từ đâu sẽ thường còn được? Này các Tỷ-kheo, sự hợp hội, tụ tập, hòa hợp của ba pháp này, này các Tỷ-kheo, đây gọi là ý xúc. Ý xúc cũng vô thường, biến hoại, tự tánh là đổi khác. Do nhân gì, duyên gì khiến ý xúc sanh khởi; nhân áy, duyên áy là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Này các Tỷ-kheo, ý xúc khởi lên do duyên vô thường, từ đâu sẽ là thường còn được? Này các Tỷ-kheo, do cảm xúc nên có cảm thọ, do cảm xúc, nên có tư lường, do cảm xúc, nên có hay biết. Ở đây, các pháp này là biến động, tiêu tan, vô thường biến hoại, tự tánh đổi khác.

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên cả hai, thức hiện hữu.

V. Phẩm Tù Bỏ

94. I. Thâu Nhiếp (S.iv,70)

1) ...

2) -- Có sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, không nghiệp phục, không phòng hộ, không bảo vệ, không thâu nghiệp, đem lại đau khổ. Thế nào là sáu?

3-5) Mắt xúc xứ, này các Tỷ-kheo, không nghiệp phục, không phòng hộ, không bảo vệ, không thâu nghiệp, đem lại đau khổ... Tai... Mũi...

6-7) ... Lưỡi... Thân...

8) Ý xúc xứ, này các Tỷ-kheo, không nghiệp phục, không phòng hộ, không bảo vệ, không thâu nghiệp, đem lại đau khổ.

9) Sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, không nghiệp phục, không phòng hộ, không bảo vệ, không thâu nghiệp, đem lại đau khổ.

10) Có sáu xúc này, này các Tỷ-kheo, khéo nghiệp phục, khéo phòng hộ, khéo bảo vệ, khéo thâu nghiệp, đem lại an lạc. Thế nào là sáu?

11-13) Mắt xúc xứ, này các Tỷ-kheo, khéo nghiệp phục, khéo phòng hộ, khéo bảo vệ, khéo thâu nghiệp, đem lại an lạc... Tai... Mũi...

14-15) ... Lưỡi... Thân...

16) Ý xúc xứ, này các Tỷ-kheo, khéo nghiệp phục, khéo phòng hộ, khéo bảo vệ, khéo thâu nghiệp, đem lại an lạc.

17) Sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, khéo nhiếp phục, khéo phòng hộ, khéo bảo vệ, khéo thâu nhiếp, đem lại an lạc.

18) Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*I) Hồi các vị Tỷ-kheo,
Chính sáu xúc xứ này,
Chỗ nào không thâu nhiếp,
Chỗ ấy có đau khổ.
Những ai học biết được,
Chế ngự, phòng hộ chúng,
Với lòng tin làm bạn,
Sống thoát ly dục vọng.*

*2) Thấy sắc pháp khả ái,
Thấy sắc không khả ái,
Hãy nhiếp phục đường tham,
Đối các sắc khả ái,
Chớ khiến ý nhiễm ô:
"Đối sắc, ta không thích".*

*3) Sau khi nghe các tiếng,
Khả ái, không khả ái,
Chớ để tâm say mê,
Với các tiếng khả ái.
Hãy nhiếp phục lòng sân,
Với tiếng không khả ái,
Chớ khiến ý nhiễm ô:
"Đối tiếng, ta không thích".*

*4) Sau khi ngửi các hương,
Thơm dịu, thật khả ái,
Sau khi ngửi các hương,
Bất tịnh, thật đáng ghét;
Hãy nhiếp phục lòng sân,
Đối các hương đáng ghét,
Còn đối hương khả ái,
Chớ để dục chi phổi.*

*5) Ném xong vị ngọt,
Và ném vị không ngọt,
Chớ có sanh tham luyến,
Khi hưởng ném vị ngọt,
Chớ nói lời chóng đổi,
Khi ném vị không ngọt.*

*6) Khi cảm thọ lạc xúc,
Chớ đắm say tham luyến,
Khi cảm thọ khổ xúc,
Chớ bị xúc động mạnh.*

*Đối với cả hai xúc,
Lạc, khổ đều niệm xa,
Không thích, không chống đối,
Bất cứ loại xúc nào.*

*7) Đối với các người khác,
Mê theo hý luận tưởng,
Họ mê theo hý luận,
Họ hành theo hư tưởng;
Hãy đoạn trừ tất cả,
Gia sự do ý tao,
Hãy nghiệp các hành động,
Hướng đến hạnh viễn ly.*

*8) Như vậy đối sáu xúc,
Khi ý khéo tu tập,
Nếu có cảm xúc gì,
Tâm không bị dao động.
Tỷ-kheo hãy nghiệp phục,
Cả hai tham sân áy,
Hãy đến bờ bên kia,
Vượt buộc ràng sanh tử.*

92. II. Thâu Nhiếp (S.iv,72)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Màlukyaputta đi đến Thệ Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Màlukyaputta bạch Thệ Tôn:

-- Lành thay, bạch Thệ Tôn, nếu Thệ Tôn thuyết pháp văn tắt cho con. Sau khi nghe pháp của Thệ Tôn, con sẽ sống một mình, an tĩnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Ở đây, này Màlukyaputta, nay Ta nói gì với các Tỷ-kheo trẻ tuổi, khi Ông là một Tỷ-kheo già yếu, niên cao, đại lão, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến cuối cuộc đời, lại yêu cầu Ta giáo giới một cách văn tắt?

5) -- Bạch Thệ Tôn, dẫu cho con già yếu, niên cao, đại lão, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến cuối cuộc đời, mong Thệ Tôn hãy thuyết pháp văn tắt cho con! Mong Thiện Thệ hãy thuyết pháp văn tắt cho con! Chắc chắn con sẽ hiểu ý nghĩa lời Thệ Tôn giảng. Chắc chắn con sẽ trở thành người thừa tự pháp của Thệ Tôn.

6) -- Ông nghĩ thế nào, này Màlukyaputta? Các sắc do mắt nhận thức, Ông không thấy, trước đây Ông không thấy, nay Ông không thấy, và Ông không muốn thấy; ở đây đối với chúng, Ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

-- Thưa không, bạch Thệ Tôn.

7) -- Các tiếng do tai nhận thức, Ông không nghe, trước đây Ông không nghe, nay Ông không nghe, và

Ông không muốn nghe; ở đây đối với chúng, Ông có lòng dục, tham hay khát ái hay không?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

8) -- Các hương do mũi nhận thức, Ông không ngửi, trước đây Ông không ngửi, nay Ông không ngửi, và Ông không muốn ngửi; ở đây đối với chúng, Ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

9) -- Các vị do lưỡi nhận thức, Ông không ném, trước đây Ông không ném, nay Ông không ném, và Ông không muốn ném; ở đây đối với chúng, Ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

10) -- Các xúc do thân nhận thức, Ông không cảm thọ, trước đây Ông không cảm thọ, nay Ông không cảm thọ, và Ông không muốn cảm thọ; ở đây đối với chúng, Ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

11) -- Các pháp do ý thức nhận thức, Ông không nhận thức, trước đây Ông không nhận thức, và Ông không muốn nhận thức; ở đây đối với chúng, Ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

12) -- Và ở đây, này Málukyaputta, đối với các pháp được thấy, được nghe, được cảm nhận, được biết đến, Ông sẽ chỉ thấy được với những vật thấy được, sẽ chỉ nghe được với những vật nghe được, sẽ chỉ cảm nhận được đối với những vật cảm nhận được, sẽ chỉ nhận biết được đối với những vật có thể nhận biết được.

13) Vì rằng, này Málukyaputta, đối với các pháp được thấy, được nghe, được cảm nhận, được biết đến, Ông sẽ chỉ thấy được với những vật thấy được, chỉ nghe được với những vật nghe được, chỉ cảm nhận được đối với những vật cảm nhận được, chỉ nhận biết được đối với những vật nhận biết được. Cho nên, này Málukyaputta, Ông không có vì cái ấy. Do vì, này Málukyaputta, Ông không có vì cái ấy, nên Ông không có: "Ở nơi đây". Do vì, này Málukyaputta, Ông không có: "Ở nơi đây", do vậy, này Málukyaputta, Ông sẽ không có đời này, đời sau, và giữa hai đời ấy. Đây là sự chấm dứt khổ đau.

14) -- Bạch Thέ Tôn, lời giảng vẫn tắt này của Thέ Tôn, con hiểu một cách rộng rãi như sau:

*I) Thấy sắc, niệm mê say,
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tham luyến sắc an trú.
Vị ấy, tho tăng trưởng,
Nhiều loại, từ sắc sinh,
Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ấy,
Như vậy, khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết - bàn.*

2) Nghe tiếng, niệm mê say,

Tác ý đến ái tưống,
 Tâm tham đắm cảm thọ,
 Tham luyến tiếng an trú.
 Vị ấy, thọ tăng trưởng,
 Nhiều loại, từ tiếng sanh,
 Tham dục và hại tâm,
 Não hại tâm vị ấy,
 Như vậy, khổ tích lũy,
 Được gọi xa Niết-bàn.

3) Ngửi hương, niệm mê say,
 Tác ý đến ái tưống,
 Tâm tham đắm cảm thọ,
 Tham luyến tiếng an trú.
 Vị ấy, thọ tăng trưởng,
 Nhiều loại, từ tiếng sanh,
 Tham dục và hại tâm,
 Não hại tâm vị ấy,
 Như vậy, khổ tích lũy,
 Được gọi xa Niết-bàn.

4) Ném vị, niệm mê say,
 Tác ý đến ái tưống,
 Tâm tham đắm cảm thọ,
 Tham luyến vị an trú.
 Vị ấy, thọ tăng trưởng,
 Nhiều loại, từ vị sanh,
 Tham dục và hại tâm,
 Não hại tâm vị ấy,
 Như vậy, khổ tích lũy,
 Được gọi xa Niết-bàn.

5) Cảm xúc, niệm mê say,
 Tác ý đến ái tưống,
 Tâm tham đắm cảm thọ,
 Tham luyến xúc an trú.
 Vị ấy, thọ tăng trưởng,
 Nhiều loại, từ xúc sanh,
 Tham dục và hại tâm,
 Não hại tâm vị ấy,
 Như vậy, khổ tích lũy,
 Được gọi xa Niết-bàn.

6) Biết pháp, niệm mê say,
 Tác ý đến ái tưống
 Tâm tham đắm cảm thọ,
 Tham luyến pháp an trú.
 Vị ấy, thọ tăng trưởng,
 Nhiều loại, từ pháp sanh,
 Tham dục và hại tâm,
 Não hại tâm vị ấy,

*Như vậy, khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn*

7) *Vị áy không tham sắc,
Thấy sắc, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến sắc an trú.
Theo sắc, vị áy thấy,
Tùy sắc, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy, chánh niệm hành,
Như vậy, khổ không chúa.
Được gọi gần Niết-bàn*

8) *Vị áy không tham tiếng,
Nghe tiếng, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến tiếng an trú.
Theo tiếng, vị áy nghe,
Tùy tiếng, thọ cảm giác.
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy, chánh niệm hành,
Như vậy, khổ không chúa,
Được gọi gần Niết-bàn.*

9) *Vị áy không tham hương,
Ngửi hương, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến hương an trú.
Theo hương, vị áy ngửi,
Tùy hương, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy, chánh niệm hành,
Như vậy, khổ không chúa.
Được gọi gần Niết-bàn.*

10) *Vị áy không tham vị,
Nếm vị, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến vị an trú.
Theo vị, vị áy nếm.
Tùy vị, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy, chánh niệm hành,
Như vậy, khổ không chúa.
Được gọi gần Niết-bàn.*

11) *Vị áy không tham xúc,
Cảm xúc, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến xúc an trú,*

*Theo xúc, vị áy cảm,
Tùy xúc, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy, chánh niệm hành,
Như vậy, khổ không chúa,
Được gọi gần Niết-bàn.*

*12) Vị áy không tham pháp,
Biết pháp, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến pháp an trú.
Theo pháp, vị áy cảm,
Tùy pháp, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy, chánh niệm hành,
Như vậy, khổ không chúa,
Được gọi gần Niết-bàn.*

Bạch Thέ Tôn, lời Thέ Tôn nói vắn tắt này, con hiểu một cách rộng rãi như vậy.

15) -- Lành thay, lành thay, này Màlukyaputta! Lành thay, này Màlukyaputta, lời nói vắn tắt của Ta, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi:

*1) Thấy sắc, niệm mê say,
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tham luyến sắc an trú.
Vị áy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại, từ sắc sanh.
Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị áy,
Như vậy, khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.*

2) - 11) ...

*12) Vị áy không tham pháp,
Biết pháp, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến pháp an trú.
Theo pháp, vị áy cảm,
Tùy pháp, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy, chánh niệm hành,
Như vậy, khổ không chúa,
Được gọi gần Niết-bàn.*

Lời nói vắn tắt này của Ta, này Màlukyaputta, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

16) Rồi Tôn giả Màlukyaputta, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lě

Thé Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi ra đi.

17) Rồi Tôn giả Mālukyaputta sống một mình, an tĩnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, chúng được mục đích mà các thiện gia nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

18) Và Tôn giả Mālukyaputta trở thành một vị A-la-hán nữa.

96. III. Thối Đọa (Parihànam) (S.iv,76)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về pháp thối đọa, pháp bất thối đọa và sáu thắng xứ.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp thối đọa?

4-6) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi mắt thấy sắc, các ác, bất thiện pháp; các úc niêm tư duy liên hệ đến kiết sử được khởi lên. Nếu Tỷ-kheo đón nhận chúng (adhivàseti), không từ bỏ, không đoạn trừ, không tiêu diệt, không khiến chúng không thể sanh khởi, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta làm thối thất các thiện pháp". Đây Thé Tôn gọi là pháp thối đọa,... tai nghe tiếng... mũi ngửi hương...

7-8) ... lưỡi ném vị... thân cảm xúc...

9) Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, sau khi ý nhận thức pháp, các ác, bất thiện pháp; các úc niêm tư duy liên hệ đến kiết sử được khởi lên. Nếu Tỷ-kheo đón nhận chúng, không từ bỏ, không đoạn trừ, không tiêu diệt, không khiến chúng không thể sanh khởi, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta làm thối thất các thiện pháp". Đây Thé Tôn gọi là pháp thối đọa.

10) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, là pháp thối đọa.

11) Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là pháp bất thối đọa.

12-24) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi mắt thấy sắc, các ác, bất thiện pháp; các úc niêm tư duy liên hệ đến kiết sử được khởi lên. Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không có đón nhận chúng, từ bỏ, đoạn trừ, tiêu diệt, khiến chúng không thể sanh khởi, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta không làm thối thất các thiện pháp". Đây Thé Tôn gọi là pháp bất thối đọa.... tai nghe tiếng... mũi ngửi hương...

15-16) ... lưỡi ném vị... thân cảm xúc...

17) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, sau khi ý nhận thức pháp, các ác, bất thiện pháp; các úc niêm tư duy liên hệ đến kiết sử được khởi lên. Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không có đón nhận chúng, từ bỏ, đoạn trừ, tiêu diệt, khiến chúng không thể sanh khởi, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta không làm thối thất các thiện pháp". Đây Thé Tôn gọi là pháp bất thối đọa.

18) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, là pháp bất thối đọa.

19) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu thăng xứ?

20-24) Ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo sau khi mắt thấy sắc, các ác, bất thiện pháp; các ức niêm tư duy liên hệ đến kiết sử không khởi lên. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Xứ này đã được nghiệp phục". Và Thế Tôn gọi đây là thăng xứ... tai... mũi... lưỡi... thân...

25) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo sau khi ý nhận thức pháp, các ác bất thiện pháp; các ức niêm tư duy liên hệ đến kiết sử không khởi lên. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Xứ này đã được nghiệp phục". Và Thế Tôn gọi đây là thăng xứ.

96. IV. Sóng Phóng Dật (Pamàdavihàri) (S.iv,78)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về trú phóng dật và trú không phóng dật. Hãy lắng nghe.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là trú phóng dật?

4-6) Ai sống không nghiệp hộ nhẫn cẩn, này các Tỷ-kheo, thời tâm người ấy bị nhiễm ô (vyàsincati) đối với các sắc do mắt nhận biết. Với người tâm bị nhiễm ô thời không có hân hoan. Do không có hân hoan nên không có hỷ. Do không có hỷ nên không có khinh an. Do không khinh an nên không có định tĩnh. Do tâm không định tĩnh, các pháp không hiển lộ. Do các pháp không hiển lộ, người ấy được gọi là người an trú phóng dật... nhĩ cẩn... tỳ cẩn...

7-8) ... thiêt cẩn... thân cẩn...

9) Ai sống không nghiệp hộ ý cẩn, tâm bị nhiễm ô đối với các pháp do ý nhận biết. Với người tâm bị nhiễm ô thời không có hân hoan. Do không hân hoan nên không có hỷ. Do không có hỷ nên không có khinh an. Do không khinh an nên không có định tĩnh. Do tâm không định tĩnh, các pháp không hiển lộ. Do các pháp không hiển lộ, người ấy được gọi là người an trú phóng dật.

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là an trú phóng dật.

11) Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là an trú không phóng dật?

12-14) Ai sống nghiệp hộ nhẫn cẩn, tâm không bị nhiễm ô đối với các sắc do mắt nhận biết. Với người tâm không bị nhiễm ô thời hân hoan sanh. Do có hân hoan nên hỷ sanh. Do có hỷ sanh nên thân được khinh an. Do thân khinh an nên cảm lạc thọ. Với người an lạc, tâm được định tĩnh. Do tâm định tĩnh, các pháp được hiển lộ. Do các pháp được hiển lộ, người ấy được gọi là người trú không phóng dật... nhĩ cẩn... tỳ cẩn...

15-16) ... thiêt cẩn... thân cẩn...

17) Ai sống nghiệp hộ ý cẩn, tâm không bị nhiễm ô đối với các pháp do ý nhận biết. Với người tâm không bị nhiễm ô thời hân hoan sanh. Do có hân hoan nên hỷ sanh. Do có hỷ tâm nên thân được khinh an. Do thân khinh an nên cảm lạc thọ. Với người an lạc, tâm được định tĩnh. Do tâm định tĩnh, các pháp được hiển lộ. Do các pháp được hiển lộ, người ấy được gọi là người trú không phóng dật.

18) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là trú không phóng dật.

98. V. Nhiếp Hộ (Samvara) (S.iv,79)

1) ...

2) -- Ngày các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về nghiệp hộ và không nghiệp hộ. Hãy lắng nghe.

3) Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là không nghiệp hộ?

4-6) Và ngày các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương và an trú với tâm tham luyến; thời ngày các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta đã làm thối thất các thiện pháp". Thế Tôn gọi đây là pháp thối đọa... Có những tiếng do tai nhận thức... Có những hương do mũi nhận thức...

7-8) Có những vị do lưỡi nhận thức... Có những xúc do thân cảm giác...

9) Có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương và an trú với tâm tham luyến; thời ngày các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta đã làm thối thất các thiện pháp". Và Thế Tôn gọi đây là thối thất.

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không nghiệp hộ.

11) Và ngày các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp hộ?

12-14) Ngày các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương và an trú với tâm không tham luyến; thời ngày các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta không làm thối thất các thiện pháp". Và Thế Tôn gọi đây là không thối thất... Có những tiếng do tai nhận thức... Có những hương do mũi nhận thức...

15-16) Có những vị do lưỡi nhận thức... Có những xúc do thân cảm giác...

17) Và ngày các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái liên hệ Đến dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương và an trú với tâm không tham luyến; ngày các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta không làm thối thất các thiện pháp". Và Thế Tôn gọi đây là không thối thất.

18) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là có nghiệp hộ.

99. VI. Thiền Định (S.iv,80)

1) ...

2) -- Ngày các Tỷ-kheo, hãy tu tập Thiền định. Ngày các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo được Thiền định, hiểu rõ như thật.

3) Và hiểu rõ như thật cái gì?

4-8)-- Như thật hiểu rõ mắt là vô thường, như thật hiểu rõ các sắc là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn thức là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì,

lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; như thật hiếu rõ cảm thọ ấy là vô thường... tai... mũi... lưỡi... thân...

9) Như thật hiếu rõ ý là vô thường, như thật hiếu rõ các pháp là vô thường, như thật hiếu rõ nhãn thức là vô thường, như thật hiếu rõ nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; như thật hiếu rõ cảm thọ ấy là vô thường.

10) Nay các Tỷ-kheo, hãy tu tập Thiên định. Nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo được Thiên định, hiếu rõ như thật.

100. VII. Thiên Tịnh (Patisallàna) (S.iv,80)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, hãy hành trì hạnh Thiên tịnh. Nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Thiên tịnh, hiếu rõ như thật.

3) Và hiếu rõ gì như thật?

4-9) Như thật hiếu rõ mắt là vô thường, như thật hiếu rõ các sắc là vô thường, như thật hiếu rõ nhãn thức là vô thường, như thật hiếu rõ nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; như thật hiếu rõ cảm thọ ấy là vô thường... tai... mũi... lưỡi... thân... ý...

10) Nay các Tỷ-kheo, hãy hành trì hạnh Thiên tịnh. Nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Thiên tịnh, hiếu rõ như thật.

101. VIII. Không Phải Của Các Ông (S.iv,81)

1) ...

2) -- Cái gì không phải của các Ông, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc an lạc cho các Ông.

3) Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

4-6) Mắt, này các Tỷ-kheo, không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Các sắc không phải của các Ông. Hãy từ bỏ chúng. Từ bỏ chúng, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Nhãn thức không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Nhãn xúc không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông... Tai... Mũi...

7-8) ... Lưỡi... Thân...

9) Ý không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Các pháp không phải của các Ông. Hãy từ bỏ chúng. Từ bỏ chúng, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Ý thức không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Ý xúc không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

10) Ví như, này các Tỷ-kheo, trong rừng Thắng Lâm này có người mang đi, hay mang dốt, hay làm theo những gì người ấy muốn, tất cả cỏ, cùi, nhánh cây hay lá, thời các Ông có nghĩ như sau: "Người ấy mang chúng tôi đi, hay dốt chúng tôi, hay làm gì chúng tôi theo ý người ấy muốn"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Vì sao? Vì chúng không phải tự ngã hay không thuộc về tự ngã.

11-16) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, mắt không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Các sắc không phải của các Ông... Nhẫn thức không phải của các Ông... Nhẫn xúc không phải của các Ông... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

102. IX. Không Phải Của Các Ông (S.iv,82)

(Như kinh trên từ 2 đến 9, không có ví dụ).

103. X. Uddaka (S.iv,83)

1) ...

2) -- Uddaka Ràmaputta, này các Tỷ-kheo, có nói như sau:

*"Ta là bậc minh trí,
Ta chiến thắng tất cả,
Ta đào lên khổ căn,
Trước kia chưa từng đào".*

Này các Tỷ-kheo, Uddaka Ràmaputta không phải bậc minh trí, lại tự nói: "Ta là bậc minh trí"; không chiến thắng tất cả, lại nói: "Ta chiến thắng tất cả" không đào lên khổ căn, lại nói: "Đã đào lên khổ căn".

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo nói một cách chân chánh, có thể nói như sau:

*Ta là bậc minh trí,
Ta chiến thắng tất cả,
Ta đào lên khổ căn,
Trước kia, chưa từng đào.*

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo minh trí (vedagù)? Ngày các Tỷ-kheo, khi nào một Tỷ-kheo đối với sáu xúc xứ như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly; như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo minh trí.

5) Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo chiến thắng tất cả? Ngày các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đối với sáu xúc xứ, sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly, được giải thoát không có chấp thủ; như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chiến thắng tất cả.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã đào lên khổ căn trước kia chưa được đào? Mụt nhọt, này các Tỷ-kheo, là một danh từ chỉ cho cái thân do bốn đại tạo thành này, sanh ra từ cha mẹ, do cơm cháo nuôi dưỡng, tự tánh là vô thường, biến hoại, mai một, hủy hoại, hủy diệt. Gốc rễ của mụt nhọt, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với khát ái. Ngày các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đoạn tận khát ái, chặt đứt đến

gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không có thể sanh khởi trong tương lai; như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đã đào lên khỗ căn từ trước chưa được đào lên.

7) Nay các Tỷ-kheo, chính là Uddaka Ràmaputta đã nói lên lời nói như sau:

*Ta là bậc minh trí,
Ta chiến thắng tất cả,
Ta đào lên khỗ căn,
Trước kia chưa từng đào.*

Này các Tỷ-kheo, Uddaka không phải là bậc minh trí, lại tự nói: "Ta là bậc minh trí"; không chiến thắng tất cả, lại nói: "Ta chiến thắng tất cả"; không đào lên khỗ căn, lại nói: "Đã đào lên khỗ căn".

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo nói một cách chân chánh, có thể nói như sau:

*Ta là bậc minh trí,
Ta chiến thắng tất cả,
Ta đào lên khỗ căn,
Trước kia chưa từng đào.*

Phần Ba - Năm Mươi Kinh Thứ Ba

I. Phẩm An Ôn, Khỏi Các Khô Ách

104. I. Người Được An Ôn, Khỏi Các Khô Ách (S.iv,85)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông pháp môn đưa đến an ổn, khỏi các khô ách, pháp môn đúng pháp. Hãy lắng nghe.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn đưa đến an ổn, khỏi các khô ách?

4-8) Nay các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận biết khả lạc, khả hý, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Những sắc ấy đã được Như Lai đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Đê đoạn tận chúng, Như Lai tuyên bố cái ách. Do vậy, Như Lai được gọi là vị đã được an ổn, khỏi các khô ách... có những tiếng... có những hương... có những vị... có những xúc...

9) Nay các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận biết khả lạc, khả hý, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Những pháp ấy đã được Như Lai đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Đê đoạn tận chúng, Như Lai tuyên bố cái ách. Do vậy, Như Lai được gọi là vị đã được an ổn khỏi các khô ách.

10) Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp môn đưa đến an ổn khỏi các khô ách, là pháp môn đúng pháp.

105. II. Chấp Thủ (S.iv,85)

1) ...

- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, do có mặt cái gì, do chấp thủ cái gì khởi lên nội lạc, nội khổ?
- 3) -- Bạch Thé Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thé Tôn làm căn bản...
- 4) -- Nay các Tỷ-kheo, do mắt có mặt, do chấp thủ mắt nén khởi lên nội lạc, nội khổ... tai... mũi... lưỡi... thân... Do ý có mặt, do chấp thủ ý nén khởi lên nội lạc, nội khổ.
- 5) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thé Tôn.
- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
- Là khổ, bạch Thé Tôn.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy thời có thể khởi lên nội khổ, nội lạc không?
- Thưa không, bạch Thé Tôn.

6) -- Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt... nhảm chán đối với ý. Do nhảm chán nên vị ấy ly tham. Do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

106. III. Khổ (S.iv,86)

- 1) ...
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về khổ tập khởi và khổ đoạn diệt. Hãy lắng nghe.
- 3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ tập khởi?
- 4-9) Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhãm thức. Do ba pháp này hợp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Đây là khổ tập khởi. Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân... Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này hợp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Đây là khổ tập khởi, này các Tỷ-kheo.
- 10) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt?
- 11) Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhãm thức. Do ba pháp này hợp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hưu diệt. Do hưu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Đây là khổ chấm dứt.
- 12-13) Do duyên tai... Do duyên mũi...
- 14-15) Do duyên lưỡi... Do duyên thân...
- 16) Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này hợp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có

thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, ưu, não diệt. Đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Đây là khổ chấm dứt.

107. IV. Thế Giới (S.iv,87)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về thế giới tập khởi và thế giới đoạn diệt. Hãy lắng nghe.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới tập khởi?

4) Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhãn thức. Do ba pháp này họp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do duyên ái nên có thủ. Do duyên thủ nên có hữu. Do duyên hữu nên có sanh. Do duyên sanh nên có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Đây là thế giới tập khởi.

5-7) Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân...

8) Và do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này họp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do duyên ái nên có thủ. Do duyên thủ nên có hữu. Do duyên hữu nên có sanh. Do duyên sanh nên có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Nay các Tỷ-kheo, đây là thế giới tập khởi.

9) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới đoạn diệt?

10-15) Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhãn thức. Do ba pháp này họp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não đoạn diệt. Như vậy, đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

16) Nay các Tỷ-kheo, đây là thế giới đoạn diệt.

108. V. Thắng (S. iv,88)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiền chấp cái gì nên có: "Thắng hơn là tôi", "Ngang bằng là tôi" hay "Thấp kém là tôi"?

3) -- Bạch Thê Tôn, đối với chúng con các pháp lấy Thê Tôn làm căn bản...

4-9) -- Nay các Tỷ-kheo, do có mắt, do chấp thủ mắt, do thiền chấp mắt nên có: "Thắng hơn là tôi", "Ngang bằng là tôi" hay "Thấp kém là tôi"... Do có ý, do chấp thủ ý, do thiền chấp ý nên có: "Thắng hơn là tôi", "Ngang bằng là tôi" hay "Thấp kém là tôi".

10) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thê Tôn.

-- Cái vì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khô, bạch Thέ Tôn.
 - Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời (có thể) có ý nghĩ: "Thắng hơn là tôi", "Ngang bằng là tôi", hay "Thấp kém là tôi" không?
 - Thura không, bạch Thέ Tôn.
- 11) -- Tai là thường hay vô thường...
- 12) Mũi là thường hay vô thường...
- 13) Lưỡi là thường hay vô thường...
- 14) Thân là thường hay vô thường...
- 15) Ý là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.
 - Cái gì vô thường là khô hay lạc?
 - Là khô, bạch Thέ Tôn.
 - Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời (có thể) có ý nghĩ: "Thắng hơn là tôi", "Ngang bằng là tôi" hay "Thấp kém là tôi" không?
 - Thura không, bạch Thέ Tôn.

16) -- Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt... nhảm chán đối với ý. Do nhảm chán nên vị ấy ly tham. Do ly tham nên vị ấy được giải thoát... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

109. VI. Kiết Sứ (S.iv,89)

- 1) ...
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về các pháp bị kiết sứ và kiết sứ. Hãy lắng nghe. Thế nào là kiết sứ?
- 3) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị kiết sứ và... kiết sứ?
- 4-9) Nay các Tỷ-kheo, mắt là pháp bị kiết sứ. Ở đây, chỗ nào có dục và tham, ở đấy là kiết sứ... Ý là pháp bị kiết sứ. Ở đây, chỗ nào có dục và tham, ở đấy là kiết sứ.
- 10) Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là những pháp bị kiết sứ và kiết sứ.

110. VII. Cháp Thủ (S.iv,89)

- 1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về các pháp bị chấp thủ và chấp thủ. Hãy lắng nghe.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị chấp thủ, và thế nào là chấp thủ?

4-9) Mắt, này các Tỷ-kheo, là pháp bị chấp thủ. Ở đây, chỗ nào có dục và tham, ở đây là chấp thủ... Ý là pháp bị chấp thủ. Ở đây, chỗ nào có dục và tham, ở đây là chấp thủ.

10) Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là những pháp bị chấp thủ, và chấp thủ.

111. VIII. Tuệ Tri (Pajānāti) (S.iv,89)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, do vì không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ mắt nén không thể đoạn tận khổ đau... tai... mũi... lưỡi... thân... Do vì không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ ý nén không thể đoạn tận khổ đau.

8-13) Và này các Tỷ-kheo, do thắng tri, liễu tri, ly tham và từ bỏ mắt nén có thể đoạn tận khổ đau... tai... mũi... lưỡi... thân... Do thắng tri, liễu tri, ly tham và từ bỏ ý nén có thể đoạn tận khổ đau.

112. IX. Tuệ Tri (S.iv,90)

1) ...

2-7) -- Nay các Tỷ-kheo, do không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ các sắc nén không thể đoạn tận khổ đau... các tiếng... các hương... các vị... các xúc... Do không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ các pháp nén không thể đoạn tận khổ đau.

8-13) Và này các Tỷ-kheo, do thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ mắt nén có thể đoạn tận khổ đau... tai... mũi... lưỡi... thân... Do thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ các pháp nén có thể đoạn tận khổ đau.

113. X. Nghe Trộm (upassuti) (S.iv,90)

1) Một thời Thế Tôn trú tại Nātika, trong ngôi nhà bằng gạch.

2) Rồi Thế Tôn trong khi độc cư Thiền tịnh, nói lên lời pháp giáo này (dhammapariyāyam):

3) -- Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhẫn thức. Do ba pháp này họp lại nén có xúc. Do duyên xúc nén có thọ. Do duyên thọ nén có ái. Do duyên ái nén có thủ... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

4-7) Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân...

8) Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này họp lại nén có xúc. Do duyên xúc nén có thọ. Do duyên thọ nén có ái. Do duyên ái nén có thủ... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này được tập khởi.

9) Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhẫn thức. Do ba pháp này họp lại nén có xúc. Do duyên xúc nén có thọ. Do duyên thọ nén có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nén thủ diệt... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này được đoạn diệt.

10-13) Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân...

14) Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này họp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này được đoạn diệt.

15) Lúc bấy giờ một Tỷ-kheo đứng nghe trộm Thέ Tôn.

16) Thέ Tôn thấy Tỷ-kheo ấy đứng nghe trộm.

17) Thấy vậy, Thέ Tôn liền nói với Tỷ-kheo ấy:

-- Nay Tỷ-kheo, Ông có nghe pháp giáo này không?

-- Thưa có nghe, bạch Thέ Tôn.

-- Nay Tỷ-kheo, hãy học pháp giáo này. Nay Tỷ-kheo, hãy học thuộc lòng pháp giáo này. Nay Tỷ-kheo, hãy thọ trì pháp giáo này. Nay Tỷ-kheo, pháp giáo này liên hệ đến mục đích, là cứu cánh Phạm hạnh.

II. Phẩm Thέ Giới Dục Công Đức

114. I. Màra (Ma) Lưới Bẫy (S.iv,91)

1) ...

2-7) -- Nay các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hý, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đã đi đến trú xứ của Ma, đã bị Ma chinh phục. Lưới bẫy của Ma đoanh vây vị ấy. Bị Ma trói buộc, vị ấy bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm... Nay các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hý, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đã đi đến trú xứ của Ma, đã bị Ma chinh phục. Lưới bẫy của Ma không đoanh vây vị ấy. Được giải thoát khỏi Ma trói buộc, vị ấy không bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm... Nay các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hý, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo không đi đến trú xứ của Ma, không bị Ma chinh phục. Lưới bẫy của Ma không đoanh vây vị ấy. Được giải thoát khỏi Ma trói buộc, vị ấy không bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm.

8-13) Nay các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hý, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo không đi đến trú xứ của Ma, không bị Ma chinh phục. Lưới bẫy của Ma không đoanh vây vị ấy. Được giải thoát khỏi Ma trói buộc, vị ấy không bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm... Nay các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hý, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo không đi đến trú xứ của Ma, không bị Ma chinh phục. Lưới bẫy của Ma không đoanh vây vị ấy. Được giải thoát khỏi Ma trói buộc, vị ấy không bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm...

115. II. Màra (Ma) Lưới Bẫy (S.iv,92)

1) ...

2-7) -- Nay các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hý, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo bị trói buộc trong các sắc do mắt nhận thức, đã đi đến trú xứ của Ma, đã bị Ma chinh phục, bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm... Nay các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức... tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo bị trói buộc trong các pháp do ý nhận thức, đã đi đến trú

xứ của Ma, đã bị Ma chinh phục, bị Ác ma muốn làm gì vị áy thì làm.

8-13) Nay các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc... hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc áy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các sắc do mắt nhận thức, không đi vào trú xứ của Ma, không bị Ma chinh phục, không bị Ác ma muốn làm gì thì làm... Nay các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp áy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các pháp do ý nhận thức, không đi vào trú xứ của Ma, không bị Ma chinh phục, không bị Ác ma muốn làm gì thì làm.

116. III. Thế Giới Dục Công Đức (S.iv,93)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách đạt đến sự tận cùng thế giới.

Nói vậy xong, Thê Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh xá.

3) Rồi các Tỷ-kheo áy, sau khi Thê Tôn ra đi không bao lâu, khởi lên tư tưởng sau đây: "Này chư Hiền, Thê Tôn sau khi nói lên lời nói vắn tắt này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tịnh xá: 'Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách đạt đến sự tận cùng thế giới'. Lời Thê Tôn tuyên bố vắn tắt này không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi?"

4) Rồi các Tỷ-kheo áy lại suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ananda được Thê Tôn tán thán, được các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Ananda có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi lời Thê Tôn tuyên bố vắn tắt này. Chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, hãy hỏi Tôn giả Ananda về ý nghĩa này".

5) Rồi các Tỷ-kheo áy đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

6) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo áy nói với Tôn giả Ananda:

-- Thura Hiền giả Ananda, sau khi thuyết giảng lời vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thê Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tịnh xá: "Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách không đạt đến sự tận cùng thế giới". Thura Hiền giả, sau khi Thê Tôn đi không bao lâu, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, sau khi nói lên lời tuyên bố vắn tắt này cho chúng ta, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thê Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tịnh xá: 'Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách đạt đến sự tận cùng thế giới'. Lời tuyên bố vắn tắt này của Thê Tôn, ai có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi?". Rồi thura Hiền giả, chúng tôi lại suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ananda được Thê Tôn tán thán, được các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Ananda có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi

lời tuyên bố văn tắt này của Thé Tôn. Chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, hãy hỏi Tôn giả Ananda về ý nghĩa này". Mong Tôn giả Ananda hãy phân tích cho.

7) -- Này chư Hiền, ví như một người cần thiết lõi cây, tìm cầu lõi cây, đang đi tìm cầu lõi cây, đứng trước một cây lớn có lõi cây. Người ấy bỏ rẽ, bỏ thân cây, nghĩ rằng lõi cây cần phải tìm trong các nhánh cây, lá cây. Cũng vậy, là việc chư Tôn giả làm... Chư Tôn giả đứng trước mặt Thé Tôn, chư Tôn giả lại vượt qua Thé Tôn và nghĩ rằng cần phải hỏi tôi về ý nghĩa này. Nhưng này chư Hiền, Thé Tôn biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, bậc có mắt, bậc có trí, bậc Pháp giả, bậc Phạm thiên, bậc Thuyết giả, bậc tuyên thuyết, bậc dẫn đến mục đích, bậc đem cho bất tử, bậc Pháp chủ, bậc Nhu Lai. Nay đã đến thời, chư Hiền hãy đến hỏi Thé Tôn về ý nghĩa này. Thé Tôn giải thích cho chư Hiền như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

8) -- Thưa Hiền giả Ananda, chắc chắn Thé Tôn biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, bậc có mắt, bậc có trí, bậc Pháp giả, bậc Phạm thiên, bậc Thuyết giả, bậc tuyên thuyết, bậc dẫn đến mục đích, bậc đem cho bất tử, bậc Pháp chủ, bậc Nhu Lai. Nay đã đến thời chúng tôi đến hỏi Thé Tôn về ý nghĩa naøy. Thé Tôn giải thích cho chúng tôi như thế nào, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Tôn giả Ananda được Thé Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Ananda có thể giải thích một cách rộng rãi lời tuyên bố văn tắt này của Thé Tôn chưa được phân tích rộng rãi. Mong Tôn giả Ananda phân tích cho, nếu Tôn giả không cảm thấy phiền phức (agarum katvà).

9) -- Vậy chư Hiền hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, tôi sẽ nói.

-- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Tôn giả Ananda.

10) Tôn giả Ananda nói như sau:

-- Này chư Hiền, sau khi nói lên lời thuyết giảng một cách văn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thé Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tịnh xá: "Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách không đạt được sự tận cùng thế giới". Này chư Hiền, lời tuyên bố văn tắt này của Thé Tôn không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, tôi hiểu một cách rộng rãi như sau:

11) Này chư Hiền, do cái gì trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới, đây gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh. Và này chư Hiền, do cái gì trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới? Do con mắt, này chư Hiền, trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới. Do tai, này chư Hiền... Do mũi, này chư Hiền... Do lưỡi, này chư Hiền... Do thân, này chư Hiền... Do ý, này chư Hiền, trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới. Đây gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh.

12) Này chư Hiền, sau khi nói lên lời thuyết giảng này một cách văn tắt cho chư Hiền, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thé Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đã đi vào tịnh xá: "Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách không đạt đến sự tận cùng thế giới". Này chư Hiền, lời tuyên bố văn tắt này của Thé Tôn không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Nhưng nếu muốn, chư Tôn giả hãy đi đến Thé Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thé Tôn giải thích như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

-- Thura vâng, Hiền giả.

Các Tôn giả áy vâng đáp Tôn giả Ananda, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lẽ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

13) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo áy bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn sau khi nói lên lời thuyết giảng này một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tịnh xá: "Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng... sự tận cùng thế giới". Bạch Thέ Tôn, sau khi Thέ Tôn ra đi không được bao lâu, chúng con khởi lên ý nghĩ sau này: "Này chư Hiền, sau khi nói lên lời thuyết giảng này một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thέ Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tịnh xá: 'Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng... sự tận cùng thế giới'. Lời Thέ Tôn tuyên bố vắn tắt này không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi?"

14) Rồi bạch Thέ Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ananda được Thέ Tôn tán thán, được các bạn đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Ananda có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi lời Thέ Tôn tuyên bố vắn tắt này. Chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, hãy hỏi Tôn giả Ananda về ý nghĩa này". Và, bạch Thέ Tôn, chúng con đã đi đến Tôn giả Ananda và hỏi Tôn giả Ananda về ý nghĩa này.

15) Bạch Thέ Tôn, với những lý do này, với những câu này, với những chữ này, ý nghĩa được Tôn giả Ananda giải thích cho chúng con...

-- Hiền trí, này các Tỷ-kheo, là Ananda. Đại tuệ, này các Tỷ-kheo, là Ananda! Nay các Tỷ-kheo, nếu các Ông có hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như vậy, như Ananda đã trả lời. Đây là ý nghĩa của lời nói ấy. Hãy thọ trì như vậy.

117. IV. Thế Giới Dục Công Đức (S.iv,97)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, trước khi Ta chưa giác ngộ, chưa thành Chánh đẳng Chánh giác, còn là Bồ-tát, Ta khởi lên ý nghĩ như sau: "Năm dục công đức mà tâm Ta trước kia cảm xúc, đã thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại; ở đây, tâm Ta đi đến cuồng nhiệt khi chúng có mặt hiện tại, và trở thành giảm thiểu khi chúng chưa đến, còn ở vị lai". Rồi, này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Năm dục công đức mà tâm Ta trước kia cảm xúc, đã thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại. Ở đây, vì lợi ích cho chính Ta, hãy sống không phóng dật, gìn giữ tâm chánh niệm".

3) Do vậy, này các Tỷ-kheo, đối với năm dục công đức mà tâm các Ông trước đây cảm xúc, đã thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại; ở đây, tâm các Ông đi đến cuồng nhiệt khi chúng có mặt hiện tại, và trở thành giảm thiểu khi chúng chưa đến, còn ở vị lai. Do vậy, này các Tỷ-kheo, đối với năm dục công đức mà tâm các Ông trước đây cảm xúc, đã thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại. Ở đây, vì lợi ích cho chính các Ông, hãy sống không phóng dật, gìn giữ tâm chánh niệm.

4) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các xứ cần phải được hiểu: "Chỗ nào mắt đoạn diệt, sắc tướng được ly tham; các xứ cần phải được hiểu... Chỗ nào ý được đoạn diệt, pháp tướng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu". Các xứ cần phải được hiểu như vậy.

5) Nói vậy xong, Thέ Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh xá.

6) Rồi các Tỷ-kheo, sau khi Thέ Tôn ra đi chẳng bao lâu, khởi lên ý nghĩ sau đây: "Này chư Hiền, Thέ Tôn sau khi nói lên lời thuyết giảng này một cách văn tắt... Ai có thể phân tích ý nghĩa lời tuyên bố một cách rộng rãi?"

7) Rồi các Tỷ-kheo áy lại suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ananda được Thέ Tôn tán thán..." ..

8-11) (Như kinh trên, từ số 5 đến số 9, chỉ khác về lời tuyên bố của Thέ Tôn)

12) -- Vậy chư Hiền, hãy lắng và suy nghiêm kỹ. Tôi sẽ nói.

-- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Tôn giả Ananda.

13) Tôn giả Ananda nói như sau:

-- Nay chư Hiền, sau khi nói lên lời thuyết giảng văn tắt này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thέ Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tịnh xá: "Do vậy, này các Tỷ-kheo, các xứ cần phải được hiểu: 'Chỗ nào mắt đoạn diệt, sắc tưởng được ly tham; các xứ cần phải được hiểu... Chỗ nào ý được đoạn diệt, pháp tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu...'. Nay chư Hiền, lời Thέ Tôn nói lên văn tắt này, không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau: Lời Thέ Tôn nói, này chư Hiền, là thuộc về đoạn diệt sáu xứ. Do vậy, này chư Hiền, các xứ cần phải hiểu: 'Chỗ nào mắt đoạn diệt, sắc tưởng được ly tham, các xứ cần phải hiểu... Chỗ nào ý đoạn diệt, các pháp tưởng được ly tham, các xứ cần phải hiểu biết'. Các xứ cần phải được hiểu như vậy.

14) Nay chư Hiền, lời Thέ Tôn nói lên một cách văn tắt này, ý nghĩa không được phân tích một cách rõ ràng, ý nghĩa áy tôi hiểu một cách rõ ràng như vậy. Nếu muốn, chư Hiền hãy đi đến Thέ Tôn và hỏi về ý nghĩa này. Thέ Tôn giải thích như thế nào, chư Hiền hãy như vậy thọ trì.

-- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Tôn giả Ananda, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lě Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

15) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo áy bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, lời Thέ Tôn nói lên văn tắt cho chúng con, không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, Thέ Tôn đi vào tịnh xá: "Do vậy, này các Tỷ-kheo, các xứ cần phải được hiểu. 'Chỗ nào mắt đoạn diệt, chỗ áy sắc tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu... Chỗ nào ý đoạn diệt, chỗ áy pháp tưởng được ly tham, các xứ phải được hiểu'. Các xứ cần phải hiểu như vậy". Bạch Thέ Tôn, sau khi Thέ Tôn ra đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, sau khi nói lên lời thuyết giảng này cho chúng ta, nhưng không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thέ Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tịnh xá: 'Do vậy, này các Tỷ-kheo, các xứ cần phải được hiểu: 'Chỗ nào mắt đoạn diệt, chỗ áy sắc tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu... Chỗ nào ý đoạn diệt, chỗ áy các pháp tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu'. Các xứ cần phải hiểu như vậy', nhưng ý nghĩa không được phân tích một cách rộng rãi, ai có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi?".

16) Bạch Thέ Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ananda được bậc Đạo Sư tán thán và được các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Với lời Thέ Tôn nói lên một cách văn tắt này, nhưng không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Tôn giả Ananda có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi.

Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, hãy hỏi Tôn giả Ananda về ý nghĩa này".

17) Rồi bạch Thέ Tôn, chúng con đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, chúng con hỏi Tôn giả Ananda về ý nghĩa này. Bạch Thέ Tôn, Tôn giả Ananda với những lý do này, với những câu này, với những chữ này, đã phân tích ý nghĩa.

-- Hiền trí, này các Tỷ-kheo, là Ananda! Đại tuệ, này các Tỷ-kheo, là Ananda! Nay các Tỷ-kheo, nếu các Ông hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng sẽ trả lời như vậy, như Ananda đã trả lời. Đây là ý nghĩa của lời nói ấy, hãy như vậy thọ trì.

118. V. Sakka (S.iv,101)

1) Một thời Thέ Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Gijjhakùta (Linh Thứu).

2) Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi đứng một bên.

3) Đứng một bên, Thiên chủ Sakka bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây một số loài hữu tình ngay trong hiện tại không nhập Niết-bàn? Bạch Thέ Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây một số loài hữu tình ngay trong hiện tại nhập được Niết-bàn?

4) -- Nay Thiên chủ, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyến an trú, y cứ vào đây, thức khởi lên chấp thủ cái ấy. Vì có chấp thủ, này Thiên chủ, Tỷ-kheo ấy không nhập Niết-bàn.

5-8) Nay Thiên chủ, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân cảm giác...

9) Nay Thiên chủ, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú. Do Tỷ-kheo ấy hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú, y cứ vào đây, thức khởi lên chấp thủ cái ấy. Do có chấp thủ, này Thiên chủ, Tỷ-kheo ấy không nhập Niết-bàn.

10) Nay Thiên chủ, đây là nhân, đây là duyên, ở đây một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại không nhập Niết-bàn.

11-16) Và này Thiên chủ, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời do vị ấy không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không tham luyến an trú, không y cứ cái ấy, thức khởi lên không chấp thủ cái ấy. Do không chấp thủ, này Thiên chủ, Tỷ-kheo nhập Niết-bàn. Có những tiếng do tai nhận thức... Có những hương do mũi nhận thức... Có những vị do lưỡi nhận thức... Có những xúc do thân cảm giác...

17) Nay Thiên chủ, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời do Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyến an trú, không y cứ vào cái ấy, thức khởi lên không chấp thủ cái ấy. Không chấp thủ, này Thiên chủ, Tỷ-kheo ấy nhập Niết-bàn.

18) Nay Thiên chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy ở đây một số loài hữu tình ngay trong hiện tại

nhập Niết-bàn.

119. IV. Pancasikha (S.iv,103)

- 1) Một thời Thέ Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), tại núi Gijjhakùta (Linh Thú).
- 2) Rồi Pancasikha, con vị vua Gandhabba, đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn, rồi đứng một bên.
- 3) Đứng một bên, Pancasikha, con Gandhabba, bạch Thέ Tôn: "...(giống như kinh trước, câu hỏi và câu đáp giống như kinh trước)".

120. VII. Sàriputta (S.iv,103)

- 1) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi, tại Jetanvana, vườn ông Anàthapindika (Cáp Cô Độc).
- 2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.
- 3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Sàriputta:
 - Tỷ-kheo đồng trú, thura Tôn giả Sàriputta, đã từ bỏ học pháp và hoàn tục.
- 4) -- Này Hiền giả, như vậy xảy đến cho vị nào không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm tinh giác. Cho đến trọn đời, vị ấy có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, sự việc như vậy không xảy ra.
- 5) Này Hiền giả, một Tỷ-kheo hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, chú tâm tinh giác. Cho đến trọn đời, vị ấy có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, sự việc như vậy có xảy ra.
- 6) Và này Hiền giả, thế nào là hộ trì các căn? Này Hiền giả, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nám giữ tướng chung, không nám giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì đó nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không nám giữ tướng chung, không nám giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì đó ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này Hiền giả, là sự hộ trì các căn.
- 7) Này Hiền giả, thế nào là tiết độ trong ăn uống? Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo như lý giác sát, thọ dụng các món ăn. Không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự mình làm đẹp mình mà chỉ để thân này được duy trì và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn". Như vậy, này Hiền giả, là tiết độ trong ăn uống.
- 8) Và này Hiền giả, như thế nào là chú tâm tinh giác? Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ban ngày trong khi đi kinh hành và ngồi, tâm gột sạch các pháp triền cái. Ban đêm trong canh một, trong khi vị ấy đi kinh hành và ngồi, tâm gột sạch các pháp triền cái. Ban đêm trong canh giữa, vị ấy nằm phía hông bên hữu, trong tư thế con sư tử, chân này đặt trên chân kia, chánh niệm tinh giác, tác ý tưởng đến lúc ngồi dậy.

Ban đêm trong canh cuối, khi vị ấy đi kinh hành và trong khi ngồi, tâm gột sạch khỏi các pháp triền cái. Như vậy, này Hiền giả, là chủ tâm tinh giác.

9) Do vậy, này Hiền giả, cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, chủ tâm tinh giác".

Như vậy, này Hiền giả, ông cần phải học tập.

121. VIII. Ràhula (S.iv, 105)

1) Một thời Thέ Tôn ở trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Thέ Tôn trong khi độc cư Thiền tịnh, các tư niệm sau đây được khởi lên: "Đã thuần thực là các pháp đưa đến giải thoát được chín muồi cho Ràhula. Vậy Ta hãy giảng dạy cho Ràhula những lời dạy cuối cùng đưa đến đoạn tận các lậu hoặc".

3) Rồi Thέ Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực, khát thực xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, gọi Tôn giả Ràhula:

-- Nay Ràhula, hãy cầm tọa cụ đi đến rừng Andha để nghỉ trưa.

-- Thưa vâng, bạch Thέ Tôn.

Tôn giả Ràhula vâng đáp Thέ Tôn, cầm lấy tọa cụ, và đi sau lưng Thέ Tôn.

4) Lúc bấy giờ, rất nhiều ngàn Thiên nhân đi theo Thέ Tôn và nghĩ rằng: "Hôm nay, Thέ Tôn sẽ giảng dạy cho Ràhula những lời dạy cuối cùng đưa đến đoạn tận các lậu hoặc".

5) Rồi Thέ Tôn đi sâu vào rừng Andha và ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn dưới gốc cây. Rồi Tôn giả Ràhula, sau khi đánh lễ Thέ Tôn liền ngồi xuống một bên. Thέ Tôn nói với Tôn giả Ràhula đang ngồi xuống một bên:

6) -- Ông nghĩ thế nào, này Ràhula, mắt là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu chánh quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

-- Sắc là thường hay vô thường?...

Nhãm thức là thường hay vô thường?...

Nhãm xúc là thường hay vô thường?...

Do duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; có hợp lý chăng nếu quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thura không, bạch Thé Tôn.

7-8) -- Tai... Mũi...

9-10) Lưỡi... Thân...

11) Ý là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thura không, bạch Thé Tôn.

-- Các pháp là thường hay vô thường?...

Ý thức là thường hay vô thường?...

Ý xúc là thường hay vô thường?...

Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; có hợp lý chăng nếu quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

12) -- Thấy vậy, này Ràhula, vị Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt, nhảm chán đối với các sắc, nhảm chán đối với nhãn thức, nhảm chán đối với nhãn xúc. Phàm duyên nhãn xúc này khởi lên cảm thọ gì, tưởng gì, hành gì, thức gì; nhảm chán đối với pháp áy... nhảm chán đối với tai... nhảm chán đối với mũi... nhảm chán đối với lưỡi... nhảm chán đối với thân... nhảm chán đối với ý, nhảm chán đối với pháp, nhảm chán đối với ý thức, nhảm chán đối với ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên cảm thọ gì, tưởng gì, hành gì, thức gì, nhảm chán đối với pháp áy. Do nhảm chán, vị áy ly tham. Do ly tham, vị áy được giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí hiểu biết: "Ta đã được giải thoát". Vị áy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nêu làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

13) Thέ Tôn thuyết như vậy. Tôn giả Ràhula hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy. Trong khi lời thuyết giảng này được nói lên, tâm Tôn giả Ràhula được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Và hàng nghìn ngàn chư Thiên khởi lên pháp nhãn ly trần vô cầu: "Phàm các pháp gì được sanh khởi, tất cả đều bị đoạn diệt".

122. IX. Kiết Sứ (S.iv,107)

1) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về các pháp bị kiết sứ và kiết sử, Hãy lắng nghe.

2) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị kiết sứ, thế nào là kiết sử?

3) Nay các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là các pháp bị kiết sứ. Ở đây, chỗ nào có dục và tham, chỗ ấy là kiết sử.

4-7) Nay các Tỷ-kheo, có các tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân cảm giác...

8) Nay các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là các pháp bị kiết sứ. Chỗ nào có dục và tham, chỗ ấy là kiết sử.

123. X. Chấp Thủ (S.iv,108)

1) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng về các pháp bị chấp thủ và chấp thủ. Hãy lắng nghe.

2) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị chấp thủ, thế nào là chấp thủ?

3-8) Nay các Tỷ-kheo... (Giống như từ số 3 đến số 8 của kinh trên).

III. Phẩm Gia Chủ

124. I. Vesàli (S.iv,109)

1) Một thời Thέ Tôn ở tại Vesàli, rừng Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

2) Rồi gia chủ Ugga, người Vesàli, đi đến Thέ Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Ugga, người Vesàli, bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại không được

hoàn toàn tịch tịnh (parinibbàyanti). Bạch Thé Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?

4-9) -- Ngày Gia chủ, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... (giống như kinh 118) ... Ngày Gia chủ, Tỷ-kheo có chấp thủ, không được hoàn toàn tịch tịnh...

10) Ngày Gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy, ở đây, một số các loài hữu tình ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh.

11-16) Ngày Gia chủ, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... (giống như kinh 118) ... Ngày Gia chủ, Tỷ-kheo không có chấp thủ, được hoàn toàn tịch tịnh...

17) Ngày Gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh.

125. II. Vajji (S.iv,109)

1) Một thời Thé Tôn trú giữa dân chúng Vajji tại làng Hatthi.

2) Rồi gia chủ Ugga, người làng Hatthi, đi đến Thé Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Ugga, người làng Hatthi, bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, có một số loài hữu tình ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh? Bạch Thé Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?

4-16) (Giống như kinh trước) ...

17) -- Ngày Gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy, ở đây, có một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh.

126. III. Nàlanda (S.iv,110)

1) Một thời Thé Tôn ở tại Nàlanda, tại rừng Pàvàrikamba.

2) Rồi gia chủ Upàli đi đến Thé Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Upàli bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh? Bạch Thé Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?...

4-16) ... (Như kinh trước)

17) -- Ngày Gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh.

127. IV. Bhàradvàja (S.iv,110)

- 1) Một thời Tôn giả Pindolabhàradvàja trú ở Kosambi, tại vườn Ghositâ.
- 2) Rồi vua Udena đi đến Tôn giả Pindolabhàradvàja; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Pindolabhàradvàja những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.
- 3) Ngoài xuống một bên, vua Udena thưa với Tôn giả Pindolabhàradvàja:
 - Thưa Bhàradvàja, do nhân gì, do duyên gì, những Tỷ-kheo trẻ tuổi này, còn non trẻ, tóc đen nhánh, đầy đủ với tuổi trẻ hiền thiện, trong lúc tuổi còn thanh xuân lại không tham nhiễm dục vọng, thực hành Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh cho đến trọn đời, và sống toàn thời gian một cách hoàn mĩ (addhànam apàdenti)?
 - 4) -- Thưa Đại vương, Thế Tôn, bậc Tri giả, Kiến giả, bậc A-la-hán. Chánh Đẳng Giác đã nói như sau: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, đối với những người chỉ là mẹ, hãy an trú tâm người mẹ. Đối với những người chỉ là chị, hãy an trú tâm người chị. Đối với người chỉ là con gái, hãy an trú tâm người con gái. Thưa Đại Vương, đây là nhân, đây là duyên, do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuổi này, còn non trẻ, tóc đen nhánh, đầy đủ với tuổi trẻ hiền thiện, trong lúc tuổi còn thanh xuân lại không tham nhiễm dục vọng, thực hành Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh cho đến trọn đời, và sống toàn thời gian một cách hoàn mĩ.
 - 5) -- Tham vọng (loba), này Bhàradvàja, là tâm. Đối khi đối với những người chỉ là mẹ, tham pháp khởi lên. Đối với những người chỉ là chị, tham pháp khởi lên. Đối với những người chỉ là con gái, tham pháp khởi lên. Này Bhàradvàja, có một nhân khác, có một duyên khác, do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuổi này... một cách hoàn mĩ?
 - 6) -- Thưa Đại vương, Thế Tôn, bậc Tri giả, Kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nói như sau: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên, trên từ đỉnh tóc trở xuống, bao bọc bởi da và chúa đầy bất tịnh sai biệt. Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, bao tử, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mồ, nước mắt, mồ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu. Thưa Đại vương, đây là nhân, đây là duyên, do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuổi này... sống toàn thời gian một cách hoàn mĩ.
 - 7) -- Này Bhàradvàja, đối với những Tỷ-kheo nào, thân có tu tập, giới có tu tập, tâm có tu tập, tuệ có tu tập, thời như vậy thật là dễ dàng. Và này Bhàradvàja, đối với những Tỷ-kheo nào, thân không có tu tập, giới không có tu tập, tâm không có tu tập, tuệ không có tu tập thời như vậy thật là khó khăn. Đối khi, này Bhàradvàja, có người nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ tác ý bất tịnh", nhưng lại đi đến tịnh (tưởng). Này Bhàradvàja, có nhân nào khác, duyên nào khác, do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuổi này... sống toàn thời gian một cách hoàn mĩ?
 - 8) -- Thưa Đại vương, Thế Tôn, bậc Tri giả, Kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nói như sau: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy sống hộ trì các căn. Sau khi mắt thấy sắc, chó có nắm giữ tướng chung, chó có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì đó nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên; hãy thực hành chế ngự nguyên nhân ấy, hãy hộ trì nhãn căn, thực hành hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý nhận thức các pháp, chó có nắm giữ tướng chung, chó có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì đó ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên; hãy thực hành chế ngự nguyên nhân ấy, hãy hộ trì ý căn, thực hành hộ trì ý căn. Thưa Đại vương, đây là nhân, đây là duyên, do vậy những Tỷ-kheo trẻ tuổi này... sống toàn thời gian một cách hoàn mĩ.
 - 9) -- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Bhàradvàja! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Bhàradvàja, là lời khéo

nói này của Thέ Tôn, bậc Tri giả, Kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh Đǎng Giác. Chính nhân này, thưa Tôn giả Bhàradvāja, chính duyên này, do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuổi này, còn non trẻ, tóc đen nhánh, đầy đủ với tuổi trẻ hiền thiện, trong lúc tuổi còn thanh xuân, lại không tham nhiễm dục vọng, thực hành Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh cho đến trọn đời, sống toàn thời gian một cách hoàn mĩ.

10) Tôi cũng vậy, thưa Tôn giả Bhàradvāja, khi nào tôi vào trong nội cung với thân không phòng hộ, với lời nói không phòng hộ, với tâm không phòng hộ, với niêm không an trú, với các căn không chế ngự; thời trong khi ấy, tham pháp chinh phục tôi. Nhưng thưa Tôn giả Bhàradvāja, trong khi tôi vào nội cung, với thân được phòng hộ, với lời nói được phòng hộ, với tâm được phòng hộ, với niêm được an trú, với các căn được chế ngự; thời trong khi ấy, tham pháp không chinh phục tôi.

11) Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Bhàradvāja! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Bhàradvāja! Thưa Tôn giả Bhàradvāja, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để cho những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Bhàradvāja dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay, thưa Tôn giả Bhàradvāja, con xin quy y Thέ Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Bhàradvāja hãy nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

128. V. Sona (S.iv,113)

- 1) Một thời Thέ Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.
- 2) Rồi Sona, con người gia chủ Sona, đi đến Thέ Tôn...
- 3) Ngồi xuống một bên, Sona, con người gia chủ, bạch Thέ Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thέ Tôn, ở đây, một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại, không được hoàn toàn tịch tịnh? Do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh? (... Giống như kinh trước...)

-- Nay Sona, đây là nhân, đây là duyên... do vậy, ở đây, một số loài hữu tình... ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh.

129. VI. Ghosita (S.iv,113)

- 1) Một thời Tôn giả Ananda trú ở Kosambi, tại vườn Ghosita.

- 2) Rồi gia chủ Ghosita đi đến Tôn giả Ananda...

- 3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Ghosita thưa với Tôn giả Ananda:

-- "Sai biệt về giới, sai biệt về giới", thưa Tôn giả Ananda, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả, Thέ Tôn nói đến sai biệt về giới?

4) -- Nay Gia chủ, khi nào nhãm giới, sắc khả ý, và nhãm thức cùng khởi lên; do duyên lạc xúc khởi lên lạc thọ. Nay Gia chủ, khi nào nhãm giới, sắc không khả ý, và nhãm thức cùng khởi lên; do duyên khổ xúc khởi lên khổ thọ. Nay Gia chủ, khi nào nhãm giới sắc trú xả và nhãm thức cùng khởi lên; do duyên bất khổ bất lạc xúc khởi lên bất khổ bất lạc thọ.

- 5) Nay Gia chủ, khi nào nhãm giới...

- 6) Nay Gia chủ, khi nào tỳ giới...
- 7) Nay Gia chủ, khi nào thiệt giới...
- 8) Nay Gia chủ, khi nào thân giới...

9) Nay Gia chủ, khi nào ý giới, pháp khả ý, và ý thức cùng khởi lên; do duyên lạc xúc khởi lên lạc thọ. Nay Gia chủ, khi nào ý giới... pháp không khả ý và ý thức cùng khởi lên; do duyên khổ xúc khởi lên khổ thọ. Nay Gia chủ, khi nào ý giới, pháp giới trú xả và ý thức cùng khởi lên; do duyên bất khổ bất lạc xúc khởi lên bất khổ bất lạc thọ.

10) Cho đến như vậy, nay Gia chủ, Thê Tôn đã nói đến về sai biệt các giới.

130. VII. Haliddhaka (S.iv,115)

- 1) Một thời Tôn giả Mahà Kaccàna trú giữa dân chúng Avanti, tại Kuraraghara, trong một hang núi.
- 2) Rồi gia chủ Häliddikàni đi đến Tôn giả Mahà Kaccàna...
- 3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Häliddikàni thưa với Tôn giả Mahà Kaccàna:

-- Thưa Tôn giả, Thê Tôn nói như sau: "Do duyên sai biệt về giới khởi lên sai biệt về xúc. Do duyên sai biệt về xúc khởi lên sai biệt về thọ". Như thế nào, thưa Tôn giả, do duyên sai biệt về giới khởi lên sai biệt về xúc; do duyên sai biệt về xúc khởi lên sai biệt về thọ?

4) -- Ở đây, nay Gia chủ, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc khả ý, nghĩ rằng: "Đây là vậy, đây là vậy", được biết rõ nhãn thức có lạc xúc. Do duyên lạc xúc khởi lên lạc thọ. Khi mắt thấy sắc bất khả ý, nghĩ rằng: "Đây là vậy, đây là vậy", được biết rõ nhãn thức có khổ xúc. Do duyên khổ xúc khởi lên khổ thọ. Khi mắt thấy sắc trú xả, nghĩ rằng: "Đây là vậy, đây là vậy", được biết rõ nhãn thức có bất khổ bất lạc xúc. Do duyên bất khổ bất lạc xúc khởi lên bất khổ bất lạc thọ.

5-9) Lại nữa, nay Gia chủ, khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết pháp khả ý, nghĩ rằng: "Đây là vậy, đây là vậy", được biết rõ ý thức có lạc xúc. Do duyên lạc xúc khởi lên lạc thọ. Khi ý biết pháp bất khả ý, nghĩ rằng: "Đây là vậy, đây là vậy", được biết rõ ý thức có khổ xúc. Do duyên khổ xúc khởi lên khổ thọ. Khi ý biết pháp trú xả, nghĩ rằng: "Đây là vậy, đây là vậy", được biết rõ ý thức có bất khổ bất lạc xúc. Do duyên bất khổ bất lạc xúc khởi lên bất khổ bất lạc thọ.

10) Như vậy, nay Gia chủ, do duyên sai biệt về giới khởi lên sai biệt về xúc. Do duyên sai biệt về xúc khởi lên sai biệt về thọ.

131. VIII. Nakulapità (S.iv,116)

- 1) Một thời Thê Tôn trú giữa dân chúng Bhagga, tại núi Sumsumàra, rừng Bhesakalà, vườn Lộc Uyển.
- 2) Rồi gia chủ Nakulapità...
- 3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Nakulapità bạch Thê Tôn:

-- Bạch Thê Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, có một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại không

được hoàn toàn tịch tịnh? Bạch Thé Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, có một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?

4-9) -- Này Gia chủ, có những sắc do mắt nhận thức... (như kinh 118)

10) Này Gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy, ở đây, một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại, không được hoàn toàn tịch tịnh.

11-16) Này Gia chủ, có những sắc do mắt nhận thức...

17) Này Gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy, ở đây, có một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại, được hoàn toàn tịch tịnh.

132. IX. Lohicca (S.iv,116)

1) Một thời Tôn giả Mahà Kaccàna trú ở giữa dân chúng Avanti, tại Makkarakata, tại một chòi lá trong rừng.

2) Rồi một số đông đệ tử của Bà-la-môn Lohicca, là những thanh niên lượm cỏ, đi đến chòi lá trong rừng của Tôn giả Mahà Kaccàna; sau khi đến, đi qua đi lại, đi vòng quanh chòi lá, cao tiếng, lớn tiếng, và làm đủ loại trò chơi nghịch ngợm: "Những kẻ trọc đầu, Sa-môn giả hiệu, đê tiện, đen đui, sanh từ nơi chân này, lại được các kẻ nô tì khuân vác cung kính, tôn trọng, cúng dường, lễ bái".

3) Rồi Tôn giả Mahà Kaccàna từ trong nhà bước ra và nói với các thanh niên ấy:

-- Này các Thanh niên, chớ có làm ồn. Ta sẽ thuyết pháp cho các Ông.

Khi nghe nói vậy, các thanh niên đều im lặng.

4) Rồi Tôn giả Mahà Kaccàna nói lên những bài kệ với các thanh niên ấy:

1) *Những bậc cổ nhân xưa,
Tối thắng trong giới hạnh,
Các bậc Bà-la-môn,
Ghi nhớ các cổ luật.
Các căn được hộ trì,
Được khéo léo chế ngự,
Họ nghiệp phục đoạn tận
Mọi tức giận phẫn nộ.*

2) *Họ hân hoan trong pháp,
Họ hân hoan trong Thiền,
Họ là Bà-la-môn,
Ghi nhớ các cổ luật.
Còn kẻ trốn luật này,
Chỉ lắp bắp tụng đọc,
Say mê trong giải cáp,
Họ bước đi khập khênh.*

3) *Bị phẫn nộ nghiệp phục,*

Dùng nhiều loại gậy gộc,
Họ roi vào nguy hại,
Giữa kẻ tham, bậc Thánh,
Rỗng không là giới cấm,
Khi cẩn không ché ngụ,
Như người được tài sản,
Trong con mộng nằm mơ.

4) Không ăn, quyết nhịn đói,
Nằm ngủ trên đất trán,
Sáng dậy, tắm sạch tội,
Tụng đọc ba Vệ-đà,
Mặc da thú thô cứng,
Bện tóc, da dính bùn,
Tụng đọc các thần chú,
Giới cấm thủ, khổ hạnh.

5) Giả dối và lừa đảo,
Sử dụng các gậy gộc,
Dùng nước để tắm rửa,
Dùng nước để súc miệng,
Đó là những sắc tướng,
Các hàng Bà-la-môn,
Họ làm và thực hiện,
Mong hưởng những lợi nhỏ.

6) Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Trong sáng, không cầu uế,
Nhu thuận mọi chúng sanh,
Con đường đạt tối thượng.

5) Rồi các thanh niên ấy, tức giận và không vui, đi đến Bà-la-môn Lohicca; sau khi đến, thưa với Bà-la-môn Lohicca:

-- Mong Tôn giả biết rằng, Sa-môn Mahà Kaccàna đang một mạch chỉ trích và mạ lị thần chú của các Bà-la-môn.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Lohicca tức giận và không vui.

6) Rồi Bà-la-môn Lohicca suy nghĩ: "Thật không thích đáng cho ta khi ta nghe một mình các thanh niên Bà-la-môn, rồi phỉ báng và công kích Sa-môn Mahà Kaccàna. Vậy, ta hãy đi đến và hỏi vị ấy".

7) Rồi Bà-la-môn Lohicca cùng với các thanh niên Bà-la-môn ấy đi đến Tôn giả Mahà Kaccàna; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

8) Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Lohicca nói với Tôn giả Mahà Kaccàna:

-- Tôn giả Kaccàna, có phải có một số đông đệ tử của chúng tôi, những thanh niên Bà-la-môn lượm củi đã đến đây?

- Nay Bà-la-môn, một số đông đệ tử của Ông, những thanh niên Bà-la-môn lượm cùi có đến tại đây.
- Thưa Tôn giả Kaccàna, Tôn già có nói chuyện với những thanh niên Bà-la-môn ấy không?
- Nay Bà-la-môn, tôi có nói chuyện với những thanh niên Bà-la-môn ấy.
- Như thế nào là câu chuyện giữa Tôn giả Kaccàna với những thanh niên Bà-la-môn ấy?
- Nay Bà-la-môn, như thế này là câu chuyện giữa tôi và các thanh niên Bà-la-môn ấy:

*1) Những bậc cổ nhân xưa
Tối thắng trong giới hạnh,
Các bậc Bà-la-môn
Ghi nhớ các cổ luật.*

2-5) ...

*6) Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Trong sáng, không cầu uế,
Nhu thuận mọi chúng sanh,
Con đường đạt tối thượng.*

Như vậy, nay Bà-la-môn, là cuộc nói chuyện giữa tôi và các thanh niên Bà-la-môn ấy.

9) -- Tôn giả Kaccàna có nói đến hộ trì các căn. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Kaccàna, là hộ trì các căn?

10) -- Ở đây, nay Bà-la-môn, có người sau khi mắt thấy sắc, có tâm hướng đến các sắc khả ái, có tâm ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Người ấy không như thật biết rõ tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Do vậy, các ác bất thiện pháp đã khởi lên, không có đoạn diệt không có dư tàn.

11-14) ... sau khi tai nghe tiếng... sau khi mũi ngửi hương... sau khi lưỡi nếm vị... sau khi thân cảm xúc...

15) ... sau khi ý biết các pháp, tâm hướng đến các pháp khả ái, tâm ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Người ấy không như thật biết rõ tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Do vậy, các ác bất thiện pháp đã khởi lên, không có đoạn diệt, không có dư tàn.

16) Như vậy, nay Bà-la-môn, là các căn không có hộ trì.

17) -- Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Kaccàna, thật là hy hữu, thưa Tôn giả Kaccàna, cách thức Tôn giả Kaccàna đã định nghĩa các căn không hộ trì. Các căn có hộ trì, các căn có hộ trì, Tôn giả Kaccàna đã nói như vậy; cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Kaccàna, là các căn có hộ trì?

18) -- Ở đây, nay Bà-la-môn, Tỷ-kheo sau khi mắt thấy sắc, tâm không hướng đến các sắc khả ái, tâm không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với niệm an trú, với tâm vô lượng. Vì ấy như thật biết rõ tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Do vậy, các ác bất thiện pháp đã khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.

19-22) ... sau khi tai nghe tiếng... sau khi mũi ngửi hương... sau khi lưỡi nếm vị... sau khi thân cảm xúc...

23) ... sau khi ý nhận biết các pháp, tâm không hướng đến các pháp khả ái, tâm không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với niêm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật biết rõ tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Do vậy, các ác bất thiện pháp đã khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.

24) Như vậy, này Bà-la-môn, là các căn được hộ trì.

25) -- Thật là vi diệu, thura Tôn giả Kaccàna, thật là hy hữu, thura Tôn giả Kaccàna, cách thức Tôn giả Kaccàna đã định nghĩa các căn được hộ trì. Thật vi diệu thay, Tôn giả Kaccàna! Thật vi diệu thay, Tôn giả Kaccàna! Thura Tôn giả Kaccàna, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để cho những ai có mắt được thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Kaccàna dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay, thura Tôn giả Kaccàna, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Kaccàna hãy nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mang chung, con xin trọn đời quy ngưỡng. Và như Tôn giả Kaccàna đi đến viếng các gia đình cư sĩ, cũng vậy, cũng vậy, mong Tôn giả Kaccàna hãy đến viếng các gia đình Lohicca. Tại đây, các thanh niên và thanh nữ sẽ đánh lễ Tôn giả Kaccàna, sẽ soạn chỗ ngồi, hay cúng dường nước cho Tôn giả Kaccàna, và như vậy, họ sẽ được hạnh phúc, an lạc trong một thời gian dài.

133. X. Verahaccàni (S.iv,121)

1) Một thời Tôn giả Udàyi trú ở Kàmandàya, tại vườn xoài của Bà-la-môn Todeyya.

2) Rồi một đệ tử thanh niên của nữ Bà-la-môn, thuộc dòng họ Verahaccàni, đi đến Tôn giả Udàyi; sau khi đến, nói với Tôn giả Udàyi những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

3) Rồi Tôn giả Udàyi với bài pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phần khởi, làm cho hoan hỷ thanh niên Bà-la-môn ấy đang ngồi xuống một bên.

4) Rồi thanh niên ấy, sau khi được Tôn giả Udàyi với bài pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phần khởi, làm cho hoan hỷ, liền đi đến nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni; sau khi đến, nói với nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni:

-- Mong nữ Tôn giả biết cho, Sa-môn Udàyi thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa, với văn, và trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh.

5) -- Vậy này Thanh niên, hãy nhân danh ta, mời Sa-môn Udàyi ngày mai đến dùng cơm.

-- Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Bà-la-môn ấy vâng đáp nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni, đi đến Tôn giả Udàyi; sau khi đến thura với Tôn giả Udàyi:

-- Tôn giả Udàyi, hãy nhận đạo sư phí của chúng tôi (là) buổi cơm ngày mai từ nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni.

Tôn giả Udàyi im lặng nhận lời.

6) Rồi Tôn giả Udàyi, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến nhà của nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni; sau khi đi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

7) Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni tự tay dâng cúng, hầu hạ Tôn giả Udàyi với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm.

8) Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni sau khi (thấy) Tôn giả Udàyi đã dùng cơm xong, tay đã rút lui khỏi bát, liền mang dép, ngồi trên chỗ ngồi cao, trùm đầu, và thưa với Tôn giả Udàyi:

-- Nay Sa-môn, hãy thuyết pháp.

-- Nay Chị, thời gian ấy sẽ đến.

Nói xong, Tôn giả Udàyi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

9) Lần thứ hai, thanh niên Bà-la-môn ấy đi đến Tôn giả Udàyi; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Udàyi những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Udàyi với lời pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phần khởi, làm cho hoan hỷ thanh niên Bà-la-môn đang ngồi xuống một bên.

10) Lần thứ hai, thanh niên Bà-la-môn ấy sau khi được Tôn giả Udàyi với pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phần khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni; sau khi đến nói với nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni:

-- Nữ Tôn giả hãy biết, Sa-môn Udàyi thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa, với văn và trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh.

11) -- Như vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nói lời tán thán Sa-môn Udàyi. Nhưng Sa-môn Udàyi khi được nói: "Nay Sa-môn, hãy thuyết pháp", sau khi trả lời: "Nay Chị, thời ấy sẽ đến", từ chỗ ngồi đứng dậy, và đi về tịnh xá.

12) -- Thưa nữ Tôn giả, vì rằng nữ Tôn giả đã đi dép, ngồi trên chỗ cao, trùm đầu và nói: "Nay Sa-môn, hãy thuyết pháp", các bậc Tôn giả ấy cung kính pháp, tôn trọng pháp.

13) -- Vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, hãy nhân danh ta, ngày mai mời Sa-môn Udàyi đến dùng cơm.

-- Thưa vâng, nữ Tôn giả.

Thanh niên Bà-la-môn ấy vâng đáp nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni, đi đến Tôn giả Udàyi; sau khi đến, nói với Tôn giả Udàyi:

-- Tôn giả Udàyi, hãy chấp nhận đạo sự phí của chúng tôi, (là) buổi cơm ngày mai từ nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni.

Tôn giả Udàyi im lặng nhận lời.

14) Rồi Tôn giả Udàyi, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến nhà của nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni; sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

15) Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni, tự tay dâng cúng, hầu hạ Tôn giả Udàyi với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm.

16) Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni, sau khi thấy Tôn giả ăn xong, tay đã rút lui khỏi bát,

liền cởi dép, ngồi trên chỗ ngồi tháp, cởi khăn trùm đầu, rồi thưa Tôn giả Udàyi:

-- Thưa Tôn giả, do cái gì hiện hữu, các bậc A-la-hán trình bày về lạc khổ? Do cái gì không hiện hữu, các bậc A-la-hán không trình bày lạc khổ?

17) -- Nay Chị, do mắt hiện hữu, các bậc A-la-hán trình bày lạc khổ. Do mắt không hiện hữu, các bậc A-la-hán không trình bày lạc khổ... Do ý hiện hữu, các bậc A-la-hán trình bày lạc khổ. Do ý không hiện hữu, các bậc A-la-hán không trình bày lạc khổ.

18) Khi được nói vậy, nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni thưa với Tôn giả Udàyi:

-- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thưa Tôn giả, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Udàyi dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay, thưa Tôn giả Udàyi, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Tôn giả Udàyi nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

IV. Phạm Devadaha

134. I. Sát Na Ở Devadaha (S.iv,124)

1) Một thời Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại một thị trấn của dân chúng Sakka, tên là Devadaha.

2) Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố rằng đối với tất cả Tỷ-kheo cần phải có gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta cũng không tuyên bố rằng đối với tất cả Tỷ-kheo không cần phải cố gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ.

3) Nay các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, đã được giải thoát nhờ chánh trí; thời này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo ấy, Ta tuyên bố rằng không cần phải cố gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ. Vì sao?

4) Vì các vị ấy đã hành trì không phóng dật, đến nỗi họ không thể trở thành phóng dật.

5) Nay các Tỷ-kheo, còn những Tỷ-kheo nào còn là hữu học, sở nguyện chưa thành đạt, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách; thời này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo ấy, Ta tuyên bố rằng họ cần phải cố gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ. Vì sao?

6) Nay các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức khả ái và không khả ái. Dầu chúng xúc chạm tâm nhiều lần, chúng không chi phối được tâm và tồn tại. Do tâm không bị chi phối, tinh cần, tinh tấn khởi lên, không có biếng nhác; niệm được an trú, không có thất thoát; thân được khinh an, không có cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh, nhứt tâm. Nay các Tỷ-kheo, thấy được quả không phóng dật này, đối với những Tỷ-kheo ấy. Ta tuyên bố rằng, cần phải cố gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ.

7-10) Nay các Tỷ-kheo, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức...

11) Nay các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức khả ái và không khả ái. Dầu chúng xúc chạm tâm nhiều lần, chúng không chi phôi được tâm và tồn tại. Do tâm không bị chi phôi, tinh cần, tinh tấn khởi lên, không có biếng nhác; niêm được an trú, không có thát thoát; thân được khinh an, không cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh, nhút tâm. Nay các Tỷ-kheo, thấy được quả không phóng dật này, đối với những Tỷ-kheo ấy, Ta tuyên bố rằng, cần phải cõ gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ.

135. II. Thâu Nhiếp (S.iv, 126)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, các Ông được lợi đắc. Nay các Tỷ-kheo, các Ông được khéo lợi đắc. Các Ông đã nắm được cơ hội (khana) để sống Phạm hạnh.

3) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các địa ngục gọi là sáu xúc xứ địa ngục. Ở đây, phàm mắt thấy sắc gì, thấy sắc không khả lạc, không phải sắc khả lạc; thấy sắc không khả hỷ, không phải sắc khả hỷ; thấy sắc không khả ý, không phải sắc khả ý. Phàm tai nghe tiếng gì... Phàm mũi ngửi hương gì... Phàm lưỡi nếm vị gì... Phàm thân cảm xúc gì... Phàm ý nhận thức pháp gì, nhận thức pháp không khả lạc, không phải pháp khả lạc; nhận thức không phải khả hỷ, không phải pháp khả hỷ; nhận thức pháp không khả ý, không phải pháp khả ý.

Nay các Tỷ-kheo, các Ông được lợi đắc. Nay các Tỷ-kheo, các Ông được khéo lợi đắc. Các Ông đã nắm được cơ hội để sống Phạm hạnh.

4) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các Thiên giới gọi là sáu xúc xứ Thiên giới. Tại đây, phàm mắt thấy sắc gì, thấy sắc khả lạc, không phải sắc không lạc; thấy sắc khả hỷ, không phải sắc không khả hỷ; thấy sắc khả ý, không phải sắc không khả ý. Phàm tai nghe tiếng gì... Phàm mũi ngửi hương gì... Phàm lưỡi nếm vị gì... Phàm thân cảm xúc gì... Phàm ý nhận thức pháp gì, nhận thức pháp khả lạc, không phải không khả lạc; nhận thức pháp khả hỷ, không phải không khả hỷ; nhận thức pháp khả ý, không phải pháp không khả ý.

Nay các Tỷ-kheo, các Ông được lợi đắc. Nay các Tỷ-kheo, các Ông được khéo lợi đắc. Các Ông đã nắm được cơ hội để sống Phạm hạnh.

136. III. Không Thâu Nhiếp (2) (S.iv 126)

1) ...

2) Nay các Tỷ-kheo, chư Thiên và Người đời thích thú sắc, bị sắc kích thích. Khi sắc biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, chư Thiên và Người đời sống đau khổ... thích thú tiếng... thích thú hương... thích thú vị... thích thú xúc... Nay các Tỷ-kheo, chư Thiên và Người đời thích thú pháp, bị pháp kích thích. Khi pháp biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, chư Thiên và Người đời sống đau khổ.

3) Nay các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và xuất ly của sắc, không có thích thú sắc, không có ưa thích sắc, không bị sắc kích thích. Khi sắc biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, Như Lai sống an lạc... không thích thú tiếng... không thích thú hương... không thích thú vị... không thích thú xúc...

Sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của pháp, Như Lai không thích thú pháp, không ưa thích pháp, không bị pháp kích thích. Khi pháp biến hoại, ly tham, đoạn diệt, Như Lai sống an lạc.

4) Thέ Tôn nói như vậy, Thiện Thê nói vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

1) *Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Và toàn thể các pháp,
Khả lạc, hỷ, khả ý,
Như vậy, chúng được gọi.*

2) *Chư Thiên và Người đời,
Xem chúng là khả lạc,
Chỗ nào chúng đoạn diệt,
Thiên, Nhân thấy đau khổ.*

3) *Bậc Thánh thấy an lạc,
Khi thân kiến đoạn diệt,
Bậc Thánh xem trái ngược,
Mọi quan điểm của đời.*

4) *Điều người gọi là lạc,
Bậc Thánh gọi là khổ.
Điều người gọi là khổ,
Thánh nhân biết là lạc.*

5) *Thấy pháp khó nhận biết,
Kẻ vô trí mê loạn,
Tôi tăm tối vô minh,
Mù lòa đói không thấy.*

6) *Thiện nhân mắt rộng mở,
Thấy rõ ràng ánh sáng,
Sống gần, biết rõ ràng,
Thuần thực trong pháp lớn.*

7) *Bị tham sanh chinh phục,
Bị dòng hữu cuốn trôi,
Bị Ác ma chi phổi,
Không giác ngộ pháp này.*

8) *Ngoài Thánh không có ai,
Giác ngộ con đường này,
Con đường đạt Niết-bàn,
Chánh trí thoát lậu hoặc.*

5) Nay các Tỷ-kheo, chư Thiên và Người đời thích thú sắc, bị sắc kích thích. Khi sắc biến hoại, ly tham, đoạn diệt, nay các Tỷ-kheo, chư Thiên và Người đời sống đau khổ... thích thú tiếng... thích thú hương... thích thú vị... thích thú xúc... Nay các Tỷ-kheo, chư Thiên và Người đời thích thú pháp, bị pháp kích thích. Khi pháp biến hoại, ly tham, đoạn diệt, nay các Tỷ-kheo, chư Thiên và Người đời sống đau khổ.

6) Nay các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đắng Giác, sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc, không thích thú sắc, không ưa thích sắc, không bị sắc kích thích. Khi sắc biến hoại, ly tham, đoạn diệt, nay các Tỷ-kheo, Như Lai sống an lạc... không

thích thú tiếng... không thích thú hương... không thích thú vị... không thích thú xúc... Sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các pháp, Như Lai không thích thú pháp, không ưa thích pháp, không bị các pháp kích thích. Khi các pháp biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, Như Lai sống an lạc.

137. V. Các Lậu (1) (S.iv,128)

1) ...

2) Nay các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, hãy từ bỏ chúng. Từ bỏ chúng sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Và nay các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

3-8) Mắt, nay các Tỷ-kheo, không phải của các Ông, hãy từ bỏ mắt. Từ bỏ mắt sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông... Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý, nay các Tỷ-kheo, không phải của các Ông, hãy từ bỏ ý. Từ bỏ ý sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

9) Ví như, nay các Tỷ-kheo, trong rừng Jeta này, có người mang đi, hoặc đem đốt, hoặc tùy duyên làm một việc gì đối với cổ, cùi, cành và lá, thời các Ông có vì vậy mà nghĩ rằng người ấy mang các Ông đi, đốt các Ông, hay tùy duyên làm một việc gì với các Ông?

-- Thura không, bạch Thê Tôn.

-- Vì sao?

-- Bạch Thê Tôn, vì cái ấy không phải tự ngã, không thuộc tự ngã.

10) Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo. Mắt không phải của các Ông, hãy từ bỏ mắt. Từ bỏ mắt sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý, nay các Tỷ-kheo, không phải của các Ông, hãy từ bỏ ý. Từ bỏ ý, sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

138. V. Các Lậu (2) (S.iv,129)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, hãy từ bỏ chúng... (Như kinh trước, chỉ khác là thêm vào các sắc, các tiếng, các hương, các vị, các xúc, và các pháp).

139. VI. Nội Căn Do Nhân (1) (S.iv,129)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, mắt là vô thường. Do nhân gì, do duyên gì khiến mắt khởi lên, cái ấy cũng vô thường. Nay các Tỷ-kheo, mắt do nhân vô thường khởi lên, từ đâu sẽ thường còn được?

4-7) ... tai... mũi... lưỡi... thân...

8) Nay các Tỷ-kheo, ý là vô thường. Do nhân gì, do duyên gì khiến ý khởi lên, cái ấy cũng vô thường. Nay các Tỷ-kheo, ý do nhân vô thường khởi lên, từ đâu có thể thường được?

9) Thấy vậy, nay các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt... đối với ý. Do nhảm

chán, vị áy ly tham... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

140. VII. Nội Căn Do Nhân (2) (S.iv,130)

(Như kinh trên, chỉ khác khô thê cho vô thường) ...

141. VIII. Nội Căn Do Nhân (3) (S.iv,130)

(Như kinh trên, chỉ khác vô ngã thê cho vô thường) ...

142 - 144. IX - X. Ngoại Căn Do Nhân (1) (2)(3)(S.iv,131)

(Như các kinh trước, chỉ thê vào sắc, các tiếng, các hương, các vị, các xúc, các pháp)...

V. Mới Và Cũ

145. I. Nghiệp (S.iv,132)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta thuyết về các nghiệp mới và cũ, sự đoạn diệt các nghiệp, con đường đưa đến sự đoạn diệt các nghiệp. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.

3) Nay các Tỷ-kheo, thê nào là nghiệp cũ?

Mắt, naye các Tỷ-kheo, cần phải quán là nghiệp cũ, được tác thành, được tư niêm, được cảm thọ. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý cần phải quán là nghiệp cũ, được tác thành, được tư niêm, được cảm thọ.

Các Tỷ-kheo, đây được gọi là nghiệp cũ.

4) Và naye các Tỷ-kheo, thê nào là nghiệp mới? Nay các Tỷ-kheo, hiện tại phàm làm việc gì với thân, với lời nói, hay với ý. Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là nghiệp mới.

5) Và naye các Tỷ-kheo, thê nào là nghiệp đoạn diệt? Sự đoạn diệt thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp, nhờ vậy cảm thấy giải thoát. Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là nghiệp đoạn diệt.

6) Và naye các Tỷ-kheo, thê nào là con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt? Đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niêm, chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt.

7) Như vậy, naye các Tỷ-kheo, Ta đã giảng cho các Ông nghiệp cũ, đã giảng nghiệp mới, đã giảng nghiệp đoạn diệt, đã giảng con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt.

8) Nay các Tỷ-kheo, phàm những gì bậc Đạo Sư cần phải làm vì hạnh phúc, vì lòng thương đệ tử, những việc ấy Ta đã làm cho các Ông, vì lòng thương tướng các Ông.

9) Nay các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống. Hãy Thiền tư, chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

146. II. Thích ứng (1) (S.iv,133)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông con đường thích ứng với Niết-bàn. Hãy lắng nghe... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích ứng với Niết-bàn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấy mắt là vô thường, thấy các sắc là vô thường, thấy nhãn thức là vô thường, thấy nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường.

4-5) ... tai... mũi...

6-7) ... lưỡi... thân...

8) .. thấy ý là vô thường, thấy các pháp là vô thường, thấy ý thức là vô thường, thấy ý xúc là vô thường. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường.

9) Và này các Tỷ-kheo, đây là con đường thích ứng với Niết-bàn.

147-148. III-IV. Thích ứng (2) (3) (S.iv,134)

(Như kinh trên, chỉ khác là thế vào khổ và vô ngã)

149. V. Thích ứng (4) (S.iv,135)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về con đường thích ứng với Niết-bàn. Hãy lắng nghe... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích ứng với Niết-bàn?

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thé Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn...

(Như kinh 32)

150. VI. Đệ Tử Nội Trú (S.iv,136)

1-2) ...

3) -- Này các Tỷ-kheo, không có các đệ tử nội trú, không có Đạo Sư. Phạm hạnh này được sống.

4) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống có đệ tử nội trú, có Đạo sư là sống đau khổ, không có thoái mái. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư là sống an lạc, thoái mái.

5) Và thế nào, này các Tỷ-kheo, sống có đệ tử nội trú, có Đạo sư là sống đau khổ, không có thoái mái?

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, các ác bất thiện pháp, các úc niệm, ước vọng bị khởi lên trói buộc, chúng trú ở trong vị ấy; các ác bất thiện pháp nội trú trong vị ấy. Do vậy, được gọi là có đệ tử nội trú. Chúng theo sát (Samudàcaranti) vị ấy; các ác bất thiện pháp theo sát vị ấy. Do vậy, được gọi là Đạo sư.

7-10) ... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc...

11) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi ý biết pháp, các ác bất thiện pháp, các úc niệm, ước vọng bị trói buộc khởi lên, chúng trú ở trong vị ấy; các ác bất thiện pháp nội trú ở trong vị ấy. Do vậy, được gọi là có đệ tử nội trú. Chúng theo sát vị ấy; các ác bất thiện pháp theo sát vị ấy. Do vậy, được gọi là có Đạo sư.

12) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo sống có đệ tử nội trú, có Đạo sư, là sống đau khổ, không có thoái mái.

13) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư, là sống an lạc thoái mái?

14) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, các ác bất thiện pháp, các úc niệm, ước vọng bị trói buộc không khởi lên, chúng không trú ở trong vị ấy; các ác bất thiện pháp không nội trú trong vị ấy. Cho nên, vị ấy được gọi là sống không có đệ tử nội trú. Chúng không theo sát vị ấy; các ác bất thiện pháp không theo sát vị ấy. Do vậy, vị ấy được gọi là không có Đạo sư.

15-18) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc...

19) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi ý biết pháp, các ác bất thiện pháp, các úc niệm, ước vọng không khởi lên, chúng không trú ở trong vị ấy; các ác bất thiện pháp không nội trú ở trong vị ấy. Do vậy, được gọi là sống không có đệ tử nội trú. Chúng không theo sát vị ấy; các ác bất thiện pháp không theo sát vị ấy. Do vậy, vị ấy được gọi là không có Đạo sư.

20) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo sống không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư.

Đây, này các Tỷ-kheo, được gọi là Phạm hạnh không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư.

21) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống có đệ tử nội trú, có Đạo sư là sống đau khổ, không có thoái mái. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư, là sống an lạc, thoái mái.

151. VII. VỚI MỤC ĐÍCH GI? (S.iv,138)

1-2) ...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: "Có cái gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?"; được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo áy như sau:

4) "Này chư Hiền, vì liễu tri đau khổ nêu Phạm hạnh được sống dưới Thé Tôn".

5) Ngày các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: "Thé nào, ngày chư Hiền, là vì liễu tri đau khổ nêu Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?"; được hỏi vậy, ngày các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau:

6-11) "Mắt, ngày chư Hiền, là khổ. Vì liễu tri nó nêu Phạm hạnh được sống dưới Thé Tôn. Nhẫn xúc là khổ. Vì liễu tri nó nêu Phạm hạnh được sống dưới Thé Tôn. Phàm duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là khổ. Vì liễu tri cảm thọ ấy nêu Phạm hạnh được sống dưới Thé Tôn... Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là khổ. Vì liễu tri cảm thọ ấy nêu Phạm hạnh được sống dưới Thé Tôn.

12) Đây là khổ, ngày chư Hiền, vì liễu tri khổ nêu Phạm hạnh được sống dưới Thé Tôn".

13) Được hỏi vậy, ngày các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời như vậy cho những du sĩ ngoại đạo ấy.

152. VIII. Có Pháp Môn Nào? (S.iv,138)

1-2) ...

3) -- Có pháp môn nào, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp (akkara-paritakkà), ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận (ditthini shànakhanti), có thể xác chứng chánh trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"?

4) -- Bạch Thé Tôn, đối với chúng con, Pháp lấy Thé Tôn làm căn bản...

5) -- Có một pháp môn, ngày các Tỷ-kheo, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoại kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng chánh trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận... trạng thái này nữa".

6) Pháp môn ấy là gì, do pháp môn ấy... "...không còn trở lui trạng thái này nữa"?

7) Ở đây, ngày các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, hoặc nội tâm có tham, sân, si, biết rõ: "Nội tâm ta có tham, sân, si"; hoặc nội tâm không có tham, sân, si, biết rõ: "Nội tâm ta không có tham, sân, si". Ngày các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, hoặc nội tâm có tham, sân, si biết rõ: "Nội tâm ta có tham, sân, si"; hoặc nội tâm không có tham, sân, si biết rõ: "Nội tâm ta không có tham, sân, si". Ngày các Tỷ-kheo, biết rõ chúng có mặt hay không có mặt trong tâm vị ấy, có phải chúng là những pháp do lòng tin được hiểu biết, hay do ưa thích được hiểu biết, hay do lắng nghe được hiểu biết, hay do suy tư về phương pháp được hiểu biết, hay do kham nhẫn, thích thú về biện luận được hiểu biết?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

-- Có phải các pháp này, do thấy chúng với trí tuệ nên được hiểu biết?

-- Thưa phải, bạch Thé Tôn.

-- Đây là pháp môn, ngày các Tỷ-kheo, do pháp môn này, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp, ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng với chánh trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

8-11) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc...

12) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi ý biết pháp, hoặc nội tâm có tham, sân, si, biết rõ: "Nội tâm ta có tham, sân, si"; hoặc nội tâm không có tham, sân, si, biết rõ: "Nội tâm ta không có tham, sân, si". Nay các Tỷ-kheo, khi ý biết pháp, hoặc biết rõ nội tâm có tham, sân, si: "Nội tâm ta có tham, sân, si", hoặc biết rõ nội tâm không có tham, sân, si: "Nội tâm ta không có tham, sân, si". Nay các Tỷ-kheo, sự biết rõ chúng có mặt hay không có mặt trong tâm vị ấy, có phải chúng là những pháp do lòng tin được hiểu biết, hay do ưa thích được hiểu biết, hay do lắng nghe được hiểu biết, hay do suy tư về phương pháp được hiểu biết, hay do kham nhẫn, thích thú về biện luận được hiểu biết?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

-- Có phải các pháp này, do thấy chúng với trí tuệ nên được hiểu biết?

-- Thưa phải, bạch Thέ Tôn.

13) -- Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về pháp môn, hay ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng với chánh trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

153. IX. Căn (S.iv,140)

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thέ Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- "Các căn được thành tựu", như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thέ Tôn, các căn được thành tựu?

4) -- Nếu Tỷ-kheo quán sanh diệt trong nhẫn căn, vị ấy nhảm chán đối với nhẫn căn... trong nhĩ căn... trong tỷ căn... trong thiệt căn... trong thân căn... Nếu Tỷ-kheo quán sanh diệt trong ý căn, vị ấy nhảm chán đối với ý căn. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

5) Cho đến như vậy, Tỷ-kheo thành tựu các căn.

154. X. Vị Thuyết Pháp (S.iv,141)

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thέ Tôn...

3) Ngồi xuống một bên. Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- "Vị thuyết pháp, vị thuyết pháp", bạch Thέ Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch

Thé Tôn, là vị thuyết pháp?

4) -- Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp đưa đến nhảm chán, ly tham, đoạn diệt mắt, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với mắt, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thành tựu pháp và thuận pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với mắt, được giải thoát không có chấp thủ, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo chứng được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

5-8) ... tai... mũi... lưỡi... thân...

9) Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp đưa đến nhảm chán, ly tham, đoạn diệt ý, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo thực hành sự nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với ý, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp và thuận pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhảm chán, ly tham, đoạn diệt đối với ý, được giải thoát không có chấp thủ, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Phần Bốn - Năm Mươi Kinh Thứ Tư

I. Phẩm Duyệt Hỷ Tiêu Tận

155. I. Duyệt Hỷ Tiêu Tận (S.iv,142)

1) ...

3) -- Này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo thấy mắt vô thường là vô thường, thấy vậy là chánh tri kiến. Do thấy chơn chánh, vị ấy nhảm chán. Do duyệt hỷ tiêu tận (nandi) nên tham tiêu tận. Do tham tiêu tận nên duyệt hỷ tiêu tận. Do duyệt hỷ, tham tiêu tận nên tâm được gọi là khéo giải thoát.

4-7) Này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo thấy tai vô thường là vô thường... thấy mũi vô thường là vô thường... thấy lưỡi vô thường là vô thường... thấy thân vô thường là vô thường...

8) Này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo thấy ý vô thường là vô thường, thấy vậy là chánh tri kiến. Do thấy chơn chánh, vị ấy nhảm chán. Do duyệt hỷ tiêu tận nên tham tiêu tận. Do tham tiêu tận nên duyệt hỷ tiêu tận. Do duyệt hỷ, tham tiêu tận nên tâm được gọi là khéo giải thoát.

156. II. Duyệt Hỷ Tiêu Tận (2)(S.iv,142)

(Như kinh trên, chỉ khác là thêm vào các sắc, các tiếng, các hương, các vị, các xúc, các pháp).

157. III. Duyệt Hỷ Tiêu Tận (3)(S.iv,142)

1-2) ...

3) -- Này các Tỷ-kheo, hãy như lý tác ý mắt, và hãy như thật chánh quán con mắt là vô thường. Này các Tỷ-kheo, do như lý tác ý con mắt và như thật chánh quán con mắt là vô thường, Tỷ-kheo nhảm chán đối với con mắt. Do duyệt hỷ tiêu tận nên tham tiêu tận. Do tham tiêu tận nên duyệt hỷ tiêu tận. Do duyệt hỷ, tham tiêu tận nên tâm được gọi là khéo giải thoát.

4-7) Này các Tỷ-kheo, hãy như lý tác ý tai... mũi... lưỡi... thân...

8) Nay các Tỷ-kheo, hãy như lý tác ý và như thật chánh quán ý là vô thường. Nay các Tỷ-kheo, do như lý tác ý và như thật chánh quán ý là vô thường, Tỷ-kheo nhảm chán đối với ý. Do duyết hỷ tiêu tận nên tham tiêu tận. Do tham tiêu tận nên duyết hỷ tiêu tận. Do duyết hỷ, tham tiêu tận nên tâm được gọi là khéo giải thoát.

158. IV. Duyết Hỷ Tiêu Tận (4)(S.iv,143)

(Như kinh trên chỉ thê vào *các sắc, tiếng, hương, vị, xúc và các pháp*)

159. V. Trong Vườn Xoài Jiivaka (1) (S.iv,143)

1) Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha, tại vườn xoài Jiivaka.

2) Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

3) -- Nay các Tỷ-kheo, hãy tu tập Thiền định. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có tâm định tĩnh, sự vật như thật hiển hiện. Và sự vật gì như thật hiển hiện?

4) Mắt vô thường như thật hiển hiện. Các sắc vô thường như thật hiển hiện. Nhẫn thức vô thường như thật hiển hiện. Nhẫn xúc vô thường như thật hiển hiện. Phàm duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy vô thường như thật hiển hiện.

5-8) Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

9) Ý vô thường như thật hiển hiện. Các pháp vô thường như thật hiển hiện. Ý thức vô thường như thật hiển hiện. Ý xúc vô thường như thật hiển hiện. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy vô thường như thật hiển hiện.

10) Nay các Tỷ-kheo, hãy tu tập Thiền định. Tỷ-kheo có tâm định tĩnh, sự vật như thật hiển hiện.

160. VI. Trong Vườn Xoài Jiivaka (2) (S.iv,144)

161. VII. Kotthika (1) (S.iv,145)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Mahà Kotthika đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kotthika bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn thuyết pháp văn tắt cho con. Sau khi nghe pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

-- Cái gì vô thường, này Kotthika, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Nay Kotthika, cái gì là vô thường?

4) Mắt là vô thường, này Kotthika, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Các sắc là vô thường, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Nhẫn thức là vô thường, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Nhẫn xúc là vô thường, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Phàm duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

5-8) Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

9) Ý là vô thường, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Các pháp là vô thường, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Ý thức là vô thường, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Ý xúc là vô thường, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

10) Cái gì vô thường, này Kotthika, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

162-163. VIII-IX. Kotthika (2) (3)(S.iv,146)

(Hai kinh này giống kinh trên chỉ khác là một kinh nói đến *khổ*, một kinh nói đến *vô ngã*)

164. X. Tà Kiến (S.iv,147)

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thệ Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thệ Tôn:

-- Bạch Thệ Tôn, do biết như thế nào, thấy như thế nào, tà kiến được đoạn trừ?

4-9) -- Tỷ-kheo do biết và thấy mắt là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ. Do biết và thấy nhãn thức là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; do biết và thấy cảm thọ ấy là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ... Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; do biết và thấy cảm thọ ấy là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ.

10) Nay các Tỷ-kheo, do biết như vậy, do thấy như vậy nên tà kiến được đoạn trừ.

165. XI. Thân Kiến (S.iv,147)

(Như kinh trên, chỉ thế *thân kiến* cho *tà kiến*...).

166. XII. Ngã Kiến (S.iv,148)

(Như kinh trên, chỉ thế vào *ngã kiến*).

II. Phẩm Sáu Mươi Lược Thuyết

167. I. Do Dục Niệm (18 kinh) (1) (S.iv,148)

1-2) ...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, cái gì vô thường, ở đây, các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Và nay các Tỷ-kheo, cái gì là vô thường? (Như kinh 161, chỉ khác, *Thệ Tôn nói với các Tỷ-kheo*).

II. Do Dục Niệm (2)

(Như kinh trên, chỉ thế *tham* (rāga) cho *dục niệm*).

III. Do Dục Niệm (3)

(Như kinh trên, chỉ thế *dục và tham* cho *dục niệm*)...

168. IV-VI. Do Dục Niệm (4), (5), (6). (S.iv,149)

1-2) ...

3) -- Cái gì khô, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham... Và này các Tỷ-kheo, cái gì là khô?

4) Mắt là khô, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham...

5-8) Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

9) Ý là khô, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham...

10) Cái gì là khô, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

169. VII-IX. Do Lòng Dục (7), (8), (9), (S.iv,150)

1-2) ...

3) -- Cái gì vô ngã, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham... Và này các Tỷ-kheo, cái gì là vô ngã?

4) Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham...

5-8) Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

9) Ý là vô ngã, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

10) Cái gì là vô ngã, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

170. X-XII. Do Lòng Dục (10), (11), (12) (S.iv,150)

1-2) ...

3) -- Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là vô thường?

4) Các sắc là vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đây các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham...

5-8) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

9) Các pháp là vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham...

10) Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

171. XIII-XV. Do Lòng Dục (13), (14), (15) (S.iv,150)

1-2) ...

3) -- Cái gì khô, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham... Và này các Tỷ-kheo, cái gì là khô?

4) Các sắc, này các Tỷ-kheo, là khô, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham...

5-8) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

9) Các pháp là khô, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham...

10) Cái gì khô, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham...

172. XVI-XVIII. Do Lòng Dục (16), (17), (18) (S.iv,151)

1-2) ...

3) -- Cái gì vô ngã, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham... Và này các Tỷ-kheo, cái gì là vô ngã?

4) Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham...

5-8) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

9) Các pháp, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham...

10) Cái gì là vô ngã, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham...

173. XIX. Thuộc Quá Khứ (1)(9 kinh) (S.iv,151)

1-2) ...

3-9) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc quá khứ. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô thường, thuộc quá khứ.

10) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt, nhảm chán đối với tai, nhảm chán đối với mũi, nhảm chán đối với lưỡi, nhảm chán đối với thân, nhảm chán đối với ý. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khói lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

XX. Thuộc Quá Khứ (2)

1-2) ...

3-8) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc vị lai... Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô thường, thuộc vị lai.

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

XXI. Thuộc Quá Khứ (3)

1-2) ...

3-8) Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc hiện tại. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô thường, thuộc hiện tại...

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

174. XXII-XXIV. Thuộc Quá Khứ , (4), (5), (6), (S.iv,152)

1-2) ...

3-8) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là khô, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại... Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là khô, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại...

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

175. XXV-XXVII. Thuộc Quá Khứ (7), (8), (9), (S.iv,152)

1-2) ...

3-8) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại... Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại...

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

176. XXVIII-XXX. Thuộc Quá Khứ (9 kinh) (10), (11), (12) (S.iv,152)

1-2) ...

3-8) -- Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại... Các tiếng... Các hương.... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô thường, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại...

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

177. XXXI-XXXIII. Thuộc Quá Khứ (13), (14), (15) (S.iv,152)

1-2) ...

3-8) -- Các sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại... Các tiếng... Các hương.... Các vị... Các xúc... Các pháp là khổ, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại...

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

178. XXXIV-XXXVI. Thuộc Quá Khứ (16), (17), (18) (S.iv,152)

1-2) ...

3-8) -- Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại... Các tiếng... Các hương.... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại...

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

179. XXXVII. Cái Gi Vô Thường (18 kinh) (1)(S.iv,152)

1-2) ...

3) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc quá khứ. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

4-7) Tai là vô thường... Mũi là vô thường... Lưỡi là vô thường... Thân là vô thường...

8) Ý là vô thường, thuộc quá khứ. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

XXXVIII. Cái Gi Vô Thường (2)

1-2) ...

3) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc vị lai. Cái gì vô thường là khổ... (như kinh trên, chỉ khác đây thuộc vị lai).

XXXIX. Cái Gi Vô Thường (3)

(Như kinh trên, chỉ khác đây thuộc hiện tại)

180. XL-XLII. Cái Gi Vô Thường (4), (5), (6), (S.iv,154)

1-2) ...

3) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là khô, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại... Cái gì khô, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

4-7) Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

8) Ý là khô, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại... Cái gì khô, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

181. XLIII-XLV. Cái Gi Vô Thường (7), (8), (9) (S.iv,154)

1-2) ...

3) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại... Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi... (như trên)...

182. XLVI - XLVIII. Cái Gi Vô Thường (10), (11), (12) (S.iv,154)

1-2) ...

3) -- Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại... Cái gì vô thường, cái ấy là khô. Cái gì khô, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

4-7) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

8) Các pháp là vô thường, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại... Cái gì vô thường, cái ấy là khô. Cái gì khô, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

183. XLIX-LI. Cái Gi Vô Thường (13), (14), (15). (S.iv,155)

1-2) ...

3) -- Các sắc, này các Tỷ-kheo, là khô, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại... Cái gì khô, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

4-7) Các pháp là khô, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại... Cái gì khô, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

184. LII-LIV. Cái Gì Vô Thường (16), (17), (18) (S.iv,155)

1-2) ...

3) -- Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại... Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi.

4-7) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

8) Các pháp là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại... Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

185. LV. Nội (3 kinh) (1) (S.iv,155)

1-2) ...

3-8) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô thường.

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

LVI. Nội (2)

1-2) ...

3-8) -- Mắt, này các Tỷ-kheo, là khô. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là khô...

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

LVII. Nội (3)

1-2) ...

3-8) Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã... Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô ngã.

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

186. LVIII. Ngoại (3 kinh) (1) (S.iv,156)

1-2) ...

3-8) -- Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô thường...

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

LIX. Ngoại (2)

1-2) ...

3-8) -- Các sắc, này các Tỷ-kheo, là khô. Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là khô...

LX. Ngoại (3)

1-2) ...

3-8) -- Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô ngã...

9) Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

III. Phẩm Biển**187. I. Biển (1) (S.iv,157)**

2) -- "Biển, biển", này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu nói như vậy. Cái ấy, này các Tỷ-kheo, không phải là biển trong giới luật các bậc Thánh. Cái ấy (của kẻ phàm phu), này các Tỷ-kheo, là một khối nước lớn, là một dòng nước lớn.

3-7) Con mắt là biển của người, tốc độ của nó làm bằng các sắc. Ai điều phục được tốc độ làm bằng các sắc ấy, này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là Bà-la-môn đã vượt khỏi biển mắt, với những làn sóng (sàùmim), nước xoáy (sàvattasu), các loại cá mập (sagàham), các loại La-sát (Rakkhasam), đèn bờ bên kia và đứng trên đất liền. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

8) Ý, này các Tỷ-kheo, là biển của người, tốc độ của nó làm bằng các pháp. Ai điều phục được tốc độ làm bằng các pháp ấy, này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là Bà-la-môn đã vượt khỏi biển ý, với những làn sóng, nước xoáy, các loại cá mập, các loại La-sát, đèn bờ bên kia, và đứng trên đất liền.

9) Bậc Đạo Sư nói như sau:

*Ai vượt qua biển này,
Với cá mập, La-sát.
Với sóng biển hãi hùng,
Biển rất khó vượt qua,
Bậc tối thắng trí tuệ,
Đã thành tựu Phạm hạnh,
Được gọi: "Đến bờ kia",
Đã đạt thế giới biển.*

188. II. Biển (2)(S.iv,157)

1) ...

2) -- "Biển, biển", này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu nói như vậy. Cái ấy, này các Tỷ-kheo, không phải là biển trong giới luật của bậc Thánh. Cái ấy (của kẻ phàm phu) là một khối nước lớn, một dòng nước lớn.

3-5) Nay các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là biển trong giới luật của bậc Thánh. Ở đây, thế giới này với Thiên giới, với Ma giới, với Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, phần lớn chìm đắm trong ấy, bị rối ren như cuộn chỉ, bị bao trùm như cuộn dây, thành như sợi dây bện băng cỏ, không thể vượt qua cõi dữ, ác thú, đọa xứ, luân hồi!

6-7) Nay các Tỷ-kheo, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức...

8) Nay các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ái, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là biển trong giới luật của bậc Thánh. Ở đây, thế giới với Thiên giới, với Ma giới, với Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, phần lớn chìm đắm trong ấy, bị rối ren như cuộn chỉ, bị bao trùm như cuộn dây, thành như sợi dây bện băng cỏ, không thể vượt qua cõi dữ, ác thú, đọa xứ, luân hồi!

189. III. Người Câu Cá (S.iv,158)

1) ...

2) -- Ai đoạn trừ được tham, sân và vô minh, người ấy vượt qua biển khó vượt này, với các loài cá mập, các loài La-sát, với các làn sóng hãi hùng khó vượt này.

*Vượt trói buộc, thoát chết,
Không còn có sanh y,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Không còn phải tái sanh.
Sanh tử được đoạn diệt,
Bậc không thể so sánh,
Ta nói, vị như vậy,
Đã hóa mù Thần chết.*

3) Ví như, nay các Tỷ-kheo, một người câu cá trong hồ nước sâu, quăng xuống một lưỡi câu có mồi. Một con cá, với mắt nhìn vào mồi, nuốt lưỡi câu ấy. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, con cá ấy vì nuốt lưỡi câu, đi đến bất hạnh, đi đến ách nạn, bị người câu cá muốn làm gì thì làm. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, có sáu lưỡi câu này ở trong đời, đưa đến bất hạnh cho các loài hữu tình, đưa đến tai hại cho các loài chúng sanh. Thế nào là sáu?

4-8) Nay các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyến an trú, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là đã nuốt lưỡi câu của Ác ma, đã đi đến bất hạnh, đã đi đến ách nạn, đã bị Ác ma muốn làm gì thì làm. Có những tiếng do tai nhận thức... Có những hương do mũi nhận thức... Có những vị do lưỡi nhận thức... Có những xúc do thân nhận thức...

9) Nay các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là đã nuốt lưỡi câu của Ác ma, đã đi đến bất hạnh, đã đi đến ách nạn, đã bị Ác ma muốn làm gì thì làm.

10-14) Nay các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ các sắc ấy, không tán dương, không tham luyến an trú, thời này các

Tỷ-kheo, Tỷ-kheo áy được gọi là không nuốt lưỡi câu của Ác ma, đã bẻ gãy lưỡi câu, đã bẻ nát lưỡi câu, không đi đến bất hạnh, không đi đến ách nạn, không bị Ác ma muốn làm gì thì làm. Này các Tỷ-kheo, có những tiếng do tai nhận thức... Có những hương do mũi nhận thức... Có những vị do lưỡi nhận thức... Có những xúc do thân nhận thức...

15) Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp áy, không tán dương, không tham luyến an trú, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo áy được gọi là vị không nuốt lưỡi câu của Ác ma, đã bẻ gãy lưỡi câu, đã bẻ nát lưỡi câu, không đi đến bất hạnh, không đi đến ách nạn, không bị Ác ma muốn làm gì thì làm.

190. IV. Cây Có Nhựa (S.iv,159)

1) ...

2-6) -- Này các Tỷ-kheo, đối với các sắc do mắt nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào còn có tham, còn có sân, còn có si, tham áy chưa đoạn tận, sân áy chưa đoạn tận, si áy chưa đoạn tận; dù chỉ có phần nhỏ, khi các sắc do mắt nhận thức đi vào trong tâm mắt nhận thức, chúng chinh phục tâm của vị áy, còn nói gì cả phần lớn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì còn có tham, còn có sân, còn có si, và tham áy chưa đoạn tận, sân áy chưa đoạn tận, si áy chưa đoạn tận... Đối với các tiếng do tai nhận thức... Đối với các hương do mũi nhận thức... Đối với các vị do lưỡi nhận thức... Đối với các xúc do thân nhận thức...

7) Này các Tỷ-kheo, đối với các pháp do ý nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào còn có tham, còn có sân, còn có si, tham áy chưa đoạn tận, sân áy chưa đoạn tận, si áy chưa đoạn tận; dù chỉ có phần nhỏ, khi các pháp do ý nhận thức đi vào trong tâm ý nhận thức, chúng chinh phục tâm của vị áy, còn nói gì cả phần lớn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì còn có tham, còn có sân, còn có si, và tham áy chưa đoạn tận, sân áy chưa đoạn tận, si áy chưa đoạn tận.

8) Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây có nhựa, hoặc cây Bồ-đề (assattha), hoặc cây bàng (nigrodha), hoặc cây sanh (pilakkha), hoặc cây udumbara, hoặc một loại cây còn tui. Rồi một người với cái búa sắc bén chặt vào cây áy. Nước nhựa cây áy có chảy ra không?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Vì sao?

-- Vì rằng, bạch Thế Tôn, cây áy có nhựa.

9) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các sắc do mắt nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào còn có tham, còn có sân, còn có si, tham áy chưa đoạn tận, sân áy chưa đoạn tận, si áy chưa đoạn tận; dù chỉ có phần nhỏ, khi các sắc do mắt nhận thức đi vào trong tâm mắt nhận thức, chúng chinh phục tâm của vị áy, còn nói gì cả phần lớn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì còn có tham, còn có sân, còn có si, và tham áy chưa đoạn tận, sân áy chưa đoạn tận, si áy chưa đoạn tận... Đối với các tiếng do tai nhận thức... Đối với các hương do mũi nhận thức... Đối với các vị do lưỡi nhận thức... Đối với các xúc do thân nhận thức...

Này các Tỷ-kheo, đối với các pháp do ý nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào còn có tham, còn có sân, còn có si, tham áy chưa đoạn tận, sân áy chưa đoạn tận, si áy chưa đoạn tận; dù chỉ có phần nhỏ, khi các pháp do ý nhận thức đi vào trong tâm ý nhận thức, chúng chinh phục tâm của vị áy, còn nói gì cả phần lớn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì còn có tham, còn có sân, còn có si, và tham áy chưa đoạn tận, sân áy chưa đoạn tận, si áy chưa đoạn tận.

10-14) Nay các Tỷ-kheo, đối với các sắc do mắt nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào không có tham, không có sân, không có si, tham ấy đã đoạn tận, sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận; dù cho cả phần lớn, khi các sắc do mắt nhận thức đi vào trong tầm mắt nhận thức, chúng không chinh phục tâm của vị ấy, còn nói gì chỉ phần nhỏ. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì không có tham, không có sân, không có si, và tham ấy đã đoạn tận, sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận... Đối với các tiếng do tai nhận thức... Đối với các hương do mũi nhận thức... Đối với các vị do lưỡi nhận thức... Đối với các xúc do thân nhận thức...

15) Nay các Tỷ-kheo, đối với các pháp do ý nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo ni nào không có tham, không có sân, không có si, tham ấy đã đoạn tận, sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận; dù cho cả phần lớn, khi các pháp do ý nhận thức đi vào trong tầm ý nhận thức, chúng không chinh phục tâm của vị ấy, còn nói gì chỉ có phần nhỏ. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì không có tham, không có sân, không có si ấy, và tham ấy đã đoạn tận, sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận.

16) Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây có nhựa, cây Bồ-đề hay cây bàng, hay cây sanh, hay cây udumbara đã khô héo, không có nhựa, đã quá mùa. Rồi một người với cây búa sắc bén chặt vào cây ấy. Nước nhựa cây ấy có chảy ra không?

-- Thưa không, bạch Thê Tôn.

-- Vì sao?

-- Vì rằng, bạch Thê Tôn, cây ấy không có nhựa.

-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các sắc do mắt nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào không có tham, không có sân, không có si... si ấy đã đoạn tận... Đối với các pháp do ý nhận thức, tham ấy đã đoạn tận, sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận; dù cho cả phần lớn, khi các pháp do ý nhận thức đi vào trong tầm ý nhận thức, chúng không chinh phục tâm vị ấy, còn nói gì chỉ có phần nhỏ. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì không có tham ấy, không có sân ấy, không có si ấy, và tham ấy đã đoạn tận, sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận.

191. V. Kotthika (S.iv,162)

1) Một thời Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàrànasii, tại Isipatana, vườn Lộc Uyển.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kotthika, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kotthika nói với Tôn giả Sàriputta:

-- Thưa Hiền giả, có phải con mắt là kiết sử của các sắc, hay các sắc là kiết sử của con mắt?... Có phải ý là kiết sử của các pháp hay các pháp là kiết sử của ý?

4) -- Nay Hiền giả Kotthika, con mắt không phải là kiết sử của các sắc, các sắc không phải là kiết sử của con mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử... Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử.

5) Ví như, này Hiền giả, một con bò đen và một con bò trắng bị cột lại bởi sợi dây hay cái ách. Nếu có người nói con bò đen là kiết sử của con bò trắng, hay con bò trắng là kiết sử của con bò đen, thời nói vậy

có phải nói một cách chơn chánh không?

-- Thưa không.

-- Nay Hiền giả, con bò đen không phải là kiết sử của con bò trắng. Và con bò trắng cũng không phải là kiết sử của con bò đen. Do sợi dây hay cái ách cột lại, cái ấy ở đây là kiết sử.

Nay Hiền giả, cũng vậy, con mắt cũng không phải là kiết sử của các sắc, các sắc không phải là kiết sử của con mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử... Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử.

6) Nay Hiền giả, nếu con mắt là kiết sử của các sắc, hay các sắc là kiết sử của con mắt, thời Phạm hạnh này đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể tuyên bố. Vì rằng, nay Hiền giả, con mắt không phải là kiết sử của các sắc, các sắc cũng không phải là kiết sử của con mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. Do vậy, Phạm hạnh đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể tuyên bố... Nay Hiền giả, nếu ý là kiết sử của các pháp, hay các pháp là kiết sử của ý, thời Phạm hạnh này đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể tuyên bố. Vì rằng, ý không phải là kiết sử của các pháp, hay các pháp không phải là kiết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. Do vậy, Phạm hạnh đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể tuyên bố.

7) Nay Hiền giả, với pháp môn này cần phải hiểu biết như vậy. Mắt không phải là kiết sử của sắc. Sắc không phải là kiết sử của mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử... Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử.

8) Nay Hiền giả, Thế Tôn có mắt. Với con mắt, Thế Tôn thấy sắc. Tham dục không có nơi Thế Tôn. Khéo giải thoát là tâm Thế Tôn... Nay Hiền giả, Thế Tôn có ý. Với ý, Thế Tôn biết pháp. Tham dục không có nơi Thế Tôn. Khéo giải thoát là tâm Thế Tôn.

9) Nay Hiền giả, với pháp môn này cần phải hiểu biết như vậy. Mắt không phải là kiết sử của các sắc, các sắc không phải là kiết sử của mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử... Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử.

192. VI. Kàmabhù (S.iv,165)

(Tôn giả Kàmabhù đi đến Tôn giả Ananda và hỏi cùng một câu và được trả lời tương tự như kinh trước).

193. VII. Udàyi (S.iv,166)

1) Một thời Tôn giả Ananda và Tôn giả Udàyi trú ở Kosambi, tại vườn Ghosita.

2) Rồi Tôn giả Udàyi, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm... rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Udàyi thưa với Tôn giả Ananda:

-- Thưa Hiền giả Ananda, như Thế Tôn dùng nhiều phương tiện đã nói lên, đã khai mở, đã nêu rõ thân này là vô ngã. Có thể chẳng, cũng như vậy tuyên bố, tuyên thuyết, tường thuyết, khai hiền, khai thị,

phân biệt, minh hiền, minh thị rằng thức này cũng vô ngã?

-- Nay Hiền giả Udāyi, như Thέ Tôn dùng nhiều pháp môn đã nói lên, đã khai mở, đã nêu rõ thân này là vô ngã. Cũng như vậy, có thể tuyên bố, tuyên thuyết, tường thuyết, khai hiền, khai thị, phân biệt, minh hiền, minh thị rằng thức này cũng vô ngã.

4-6) Nay Hiền giả, có phải do duyên mắt và các sắc khởi lên nhãn thức?

-- Thưa phải, Hiền giả.

-- Nay Hiền giả, do nhân nào, do duyên nào khởi lên nhãn thức, nếu nhân ấy, nếu duyên ấy một cách toàn diện, dưới mọi hình thức, được đoạn diệt hoàn toàn, không có dư tàn, thời nhãn thức có thể nêu rõ được không?

-- Thưa không, Hiền giả.

-- Với pháp môn này, Thέ Tôn đã tuyên thuyết, đã khai mở, đã nêu rõ thức này là vô ngã... Có phải do duyên tai và các tiếng khởi lên nhĩ thức?... Có phải do duyên mũi và các hương khởi lên tỳ thức?... Có phải do duyên lưỡi và các vị khởi lên thiệt thức?... Có phải do duyên thân và các xúc khởi lên thân thức?...

9) Nay Hiền giả, có phải do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức?

-- Thưa phải, Hiền giả.

-- Nay Hiền giả, do nhân nào, do duyên nào khởi lên ý thức, nếu nhân ấy, nếu duyên ấy một cách toàn diện, dưới mọi hình thức, được đoạn diệt hoàn toàn, không có dư tàn, thời ý thức có thể nêu rõ được không?

-- Thưa không, Hiền giả.

-- Với pháp môn này, thưa Hiền giả, Thέ Tôn đã tuyên thuyết, đã khai mở, đã nêu rõ thức này là vô ngã.

10) Ví như, nay Hiền giả, một người cần dùng lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi tìm lõi cây, cầm cây búa sắc bén đi vào trong rừng. Ở đây, người này thấy một thân cây chuối lớn, thẳng, mới lớn và cao. Người ấy chặt đứt rẽ cây, chặt đứt xong, người ấy chặt ngọn. Sau khi chặt ngọn, người ấy lột vỏ ngoài ra. Người ấy ở đây không tìm được giác cây, còn nói gì lõi cây.

11) Cũng vậy, nay Hiền giả, Tỷ-kheo trong sáu xúc xứ, không quán thấy có tự ngã và thuộc ngã. Do thấy như vậy, vì ấy không chấp thủ một cái gì ở trong đời. Do không chấp thủ, vì ấy không tham luyến. Do không tham luyến, vì ấy tự mình hoàn toàn tịch tịnh. Vì ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

194. VIII. Vói Lửa Cháy (S.iv,168)

1) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về pháp môn lửa cháy, pháp môn Chánh pháp. Hãy lắng nghe. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn lửa cháy, pháp môn Chánh pháp?

2) Thật tốt hơn, nay các Tỷ-kheo, nếu nhân căn bị hủy hoại với một cây kim băng sắt nung đỏ, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Như vậy, không có chấp thủ tướng riêng, không chấp thủ tướng chung

đối với các sắc do mắt nhận thức, này các Tỷ-kheo, thức có thể vững trú, kiên trú, bị trói buộc bởi vị ngọt tướng chung hay bị trói buộc bởi vị ngọt tướng riêng. Trong thời gian ấy, nếu mệnh chung, thời sự kiện này xảy ra: Đi thác sanh vào một trong hai sanh thú này: địa ngục hay bàng sanh.

3) Nay các Tỷ-kheo, do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vậy: Thật tốt hơn, này các Tỷ-kheo, nếu nhĩ căn bị hủy hoại với một cái dùi bàng sắt nung đỏ, hùng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Như vậy, không chấp thủ tướng riêng, không chấp thủ tướng chung đối với các tiếng do tai nhận thức, này các Tỷ-kheo, thức có thể vững trú, kiên trú, bị trói buộc bởi vị ngọt tướng chung, hay bị trói buộc bởi vị ngọt tướng riêng. Trong thời gian ấy, nếu mệnh chung, thời sự kiện này có thể xảy ra: Đi thác sanh vào một trong hai sanh thú này: địa ngục hay bàng sanh.

4-6) Nay các Tỷ-kheo, do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vậy: Thật tốt hơn, này các Tỷ-kheo, nếu tý căn bị phá hủy với một cái kềm sắc bén, bị hùng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn... nếu thiết căn bị hủy hoại với một con dao sắc bén hùng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn... nếu thân căn bị hủy hoại với một cái kiếm sắc bén, hùng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn...

7) Nay các Tỷ-kheo, do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vậy: Thật tốt hơn là nằm ngủ. Nằm ngủ, Ta nói rằng là trống không đối với các loài có sinh mạng. Ta nói rằng là vô quả đối với các loài có sanh mạng. Ta nói rằng là mù mờ đối với các loài có sanh mạng. Vì rằng (nếu ngủ), thời không có suy nghĩ những vấn đề để có thể bị những vấn đề tư duy chinh phục, để có thể phá hòa hợp Tăng. Nay các Tỷ-kheo, thấy sự trống không (của nằm ngủ) và sự nguy hiểm (của tỉnh thức), Ta nói như vậy.

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Hãy dừng lại, chờ để nhẫn căn bị hủy hoại với một cây kim bàng sắt nung đỏ, hùng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, mắt là vô thường. Các sắc là vô thường. Nhẫn thức là vô thường. Nhẫn xúc là vô thường. Phàm duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường'.

9) Hãy dừng lại, chờ để nhẫn căn bị hủy hoại với một cái dùi bàng sắt nung đỏ, hùng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, tai là vô thường. Các tiếng là vô thường. Nhẫn thức là vô thường. Nhẫn xúc là vô thường. Phàm duyên nhẫn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường'.

10) Hãy dừng lại, chờ để tý căn bị hủy hoại với một cái kềm bàng sắc bén bị hùng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, mũi là vô thường. Các hương là vô thường. Tý thức là vô thường. Tỷ xúc là vô thường. Phàm duyên tỷ xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường'.

11) Hãy dừng lại, chờ để thiết căn bị hủy hoại bởi một con dao sắc bén, hùng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, lưỡi là vô thường. Các vị là vô thường. Thiết thức là vô thường, thiết xúc là vô thường. Phàm duyên thiết xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường'.

12) Hãy dừng lại, chờ để thân căn bị hủy hoại bởi một lưỡi kiếm sắc bén, hùng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, thân căn là vô thường. Các xúc là vô thường. Thân thức là vô thường, thân xúc là vô thường. Phàm duyên thân xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường'.

13) Hãy dừng lại, chờ nằm ngủ (?). Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, ý căn là vô thường. Các pháp là vô thường. Ý thức là vô thường, ý xúc là vô thường. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường"'.

14) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với mắt, nhảm chán đối với các sắc, nhảm chán đối với nhãn thức, nhảm chán đối với nhãn xúc. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy nhảm chán đối với cảm thọ ấy... nhảm chán đối với ý, nhảm chán đối với các pháp, nhảm chán đối với ý thức, nhảm chán đối với ý xúc. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy nhảm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhảm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

15) Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp môn lửa cháy. Đây là pháp môn Chánh pháp.

195. IX. Ví Dụ Tay Và Chân (1) (S.iv,171)

1) -- Nếu có các tay, này các Tỷ-kheo, thời có thấy lượm lên và đặt xuống. Nếu có chân, thời có thấy đi tới và đi lui. Nếu có tay chân, thời có thấy co lại và duỗi ra. Nếu có bụng, thời có thấy đói và khát.

2) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có mắt và do duyên nhãn xúc, thời khởi lên nội lạc, nội khổ... Nếu có ý, do duyên ý xúc thời khởi lên nội lạc, nội khổ.

3) Nếu không có các tay, này các Tỷ-kheo, thời không có thấy lượm lên và đặt xuống. Nếu không có chân, thời không có thấy đi tới và đi lui. Nếu không có tay chân, thời không có thấy co lại và duỗi ra. Nếu không có bụng, thời không có thấy đói và khát.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu không có mắt, không có duyên nhãn xúc, thời không khởi lên nội lạc, nội khổ... Nếu không có lưỡi, không có duyên thiệt xúc, thời không khởi lên nội lạc, nội khổ... Nếu không có ý, không có duyên ý xúc, thời không khởi lên nội lạc, nội khổ.

196. X. Ví Dụ Tay Và Chân (2) (S.iv,172)

1-4) -- Nếu có các tay, này các Tỷ-kheo, thời có lượm lên và đặt xuống. Nếu có chân, thời có đi tới và đi lui... Nếu không có ý và không có duyên ý xúc, thời không khởi lên nội lạc và nội khổ...

IV. Phẩm Rắn Độc

197. I. Rắn Độc (S.iv,172)

1-2) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Sàvatthi... gọi các Tỷ-kheo... Thé Tôn nói như sau:

3) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, có bốn con rắn độc, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt. Rồi có người đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, có bốn con rắn độc này, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt. Thỉnh thoảng hãy thúc chúng dậy, thỉnh thoảng hãy tắm cho chúng, thỉnh thoảng hãy cho chúng ăn, thỉnh thoảng hãy cho chúng vào huyệt (để ngủ). Này Bạn, nếu một trong bốn con rắn độc này, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, tức giận, thời này Bạn, Bạn sẽ đi đến chết, hay đau khổ gần như chết. Vậy này Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ cần phải làm".

4) Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, chạy trốn chỗ này, chỗ kia. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, có năm kẻ sát nhân thù địch này,

đang đi theo sau lưng Bạn. Chúng nói: 'Khi nào chúng ta thấy nó, chúng ta sẽ giết nó'. Nay Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm".

5) Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc ấy, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên sát nhân thù địch ấy, chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, có một tên thứ sáu cướp nhà, giết người, với ngọn kiếm dơ lên, đang đi theo sau lưng Bạn. Nó nói: 'Khi nào ta thấy nó, ta sẽ chém đầu nó'. Nay Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm".

6) Rồi, này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên sát nhân thù địch, quá sợ hãi tên thứ sáu cướp nhà, giết người với ngọn kiếm dơ lên, chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Rồi người ấy thấy một ngôi làng trống không. Nhà nào người ấy đi vào, người ấy vào chỗ trống không, vào chỗ rỗng không, vào chỗ tuyệt không. Người ấy sờ đến đồ dùng nào, người ấy sờ chỗ trống không, người ấy sờ chỗ rỗng không, người ấy sờ chỗ tuyệt không. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, bọn cướp phá hoại làng, sẽ đánh cướp ngôi làng trống không này. Nay Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm".

7) Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên giết người thù địch, quá sợ hãi tên thứ sáu cướp nhà, giết người với ngọn kiếm dơ lên, quá sợ hãi các tên cướp làng, liền chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Rồi người ấy thấy một đầm nước lớn, bờ bên này đầy những sọ hãi nguy hiểm, bờ bên kia được an ổn, không có sợ hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua, không có cầu để đi qua đi lại.

8) Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy suy nghĩ như sau: "Đây là vùng nước đọng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn, không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua, cũng không có cầu bắc qua từ bờ bên này đến bờ bên kia. Nay ta hãy thâu góp cổ cây, nhành lá, cột lại thành chiếc bè, nhờ chiếc bè này, tinh thần dùng tay chân ta có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn".

9) Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy thâu góp cổ cây, nhành lá, cột lại thành chiếc bè, nhờ chiếc bè này, tinh thần dùng tay chân, người ấy vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Vì Bà-la-môn vượt qua bờ bên kia, đứng trên đất liền.

10) Ví dụ này, này các Tỷ-kheo, Ta làm để giải thích ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa:

11) Bốn con rắn độc với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với bốn đại chúng: địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại.

12) Năm tên giết người thù địch, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm thủ uẩn: sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

13) Tên thứ sáu cướp nhà, giết người với cây kiếm giơ lên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với dục tham.

14) Ngôi làng trống không, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ. Nay các Tỷ-kheo, nếu một người hiền, kinh nghiệm, có trí, tìm hiểu nó với con mắt; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không... Nếu tìm hiểu nó với ý; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không.

15) Bọn cướp phá làng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ. Nay các Tỷ-kheo, mắt bị tàn hại trong các sắc khả ái và không khả ái. Nay các Tỷ-kheo, tai bị tàn hại trong các tiếng khả ái và không khả ái. Nay các Tỷ-kheo, mũi bị tàn hại trong các hương khả ái và không khả ái. Nay các Tỷ-kheo, lưỡi bị tàn hại trong các vị khả ái và không khả ái. Nay các Tỷ-kheo, thân bị tàn hại trong các xúc khả ái và

không khả ái. Này các Tỷ-kheo, ý bị tàn hại trong các pháp khả ái và không khả ái.

16) Vùng nước lớn, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với bốn bộc lưu: dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu và vô minh bộc lưu.

17) Bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với thân kiến này.

18) Bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Niết-bàn.

19) Cái bè, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Thánh đạo Tám ngành.

20) Tinh tấn dùng tay và dùng chân, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với tinh tấn, tinh cần.

21) Vị Bà-la-môn vượt qua bờ bên kia và đứng trên đất liền, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với bậc A-la-hán.

198. II. Hỷ Lạc (S.iv,175)

1-2) ...

3) -- Này các Tỷ-kheo, đây đủ được ba pháp áy, một Tỷ-kheo ngay trong hiện tại, sống nhiều an lạc, hoan hỷ, và tạo nguyên nhân bắt đầu đoạn tận các lậu hoặc. Thế nào là ba? Hộ trì các cẩn, tiết độ trong ăn uống và chú tâm tĩnh giác.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các cẩn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhân cẩn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì nhân cẩn, thực hành hộ trì nhân cẩn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc.... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý cẩn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì ý cẩn, thực hành hộ trì ý cẩn.

5) Ví như, này các Tỷ-kheo, trên đất bằng, tại chỗ ngã tư, có chiếc xe đang đậu, thăng với ngựa hay, có roi ngựa đặc biệt đang sẵn sàng. Có người mã thuật sư thiện xảo, người đánh xe điều ngự các con ngựa đáng được điều ngự, leo lên xe ấy, tay trái nắm lấy dây cương, tay mặt cầm lấy roi ngựa, có thể đánh xe ngựa đi tới đi lui, như thế nào và tại chỗ nào theo ý mình muốn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học hộ trì, học chế ngự, học điều ngự, học tịnh chỉ sáu cẩn này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo hộ trì các cẩn.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chân chánh giác sát thọ dụng món ăn không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được an trú, được bảo dưỡng, khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh; vị ấy nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ, không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an lạc".

7) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người bôi thuốc vào một vết thương để chữa lành vết thương ấy. Ví như một người bôi dầu vào trực xe với mục đích để có thể chở đồ nặng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chân chánh giác sát thọ dụng món ăn không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được an trú, được bảo dưỡng, khỏi bị

thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh; vị ấy nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ, không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an lạc".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống.

8) Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chú tâm tinh giác?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ban ngày trong khi đi kinh hành hay ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp. Ban đêm canh một, khi đi kinh hành hay ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp. Ban đêm canh giữa, vị ấy nằm phía hông bên phải, trong dáng nằm con sư tử, hai chân đê trên nhau, chánh niệm tinh giác, tác ý đến lúc thức dậy. Ban đêm trong canh cuối cùng, vị ấy thức dậy và trong khi đi kinh hành và ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chú tâm tinh giác.

9) Nay các Tỷ-kheo, đầy đủ ba pháp ấy, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại, sống nhiều an lạc, hoan hỷ, và tạo nguyên nhân bắt đầu đoạn tận các lậu hoặc.

199. III. Con Rùa (S.iv,177)

1-2) ...

3) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có một con rùa, vào buổi chiều, đang đi kiếm mồi dọc theo bờ sông. Một con giả can, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, cũng đi tìm mồi dọc theo bờ sông.

4) Nay các Tỷ-kheo, con rùa từ đàng xa trông thấy con giả can đang đi tìm mồi, thấy vậy liền rụt bốn chân và thứ năm là cổ vào trong mai rùa của mình và nằm bất động, im lặng.

5) Nay các Tỷ-kheo, con giả can từ đàng xa trông thấy con rùa, đi đến con rùa sau khi đến, đứng một bên và nghĩ rằng: "Khi nào con rùa này thò ra thân phần nào và cổ là thứ năm, ngay tại chỗ ấy, ta sẽ nắm lấy, bẻ gãy và ăn".

6) Nhưng, này các Tỷ-kheo, vì rằng con rùa không thò ra một thân phần nào và cổ là thứ năm, nên con giả can nhảm chán con rùa và bỏ đi, không nắm được cơ hội.

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ác ma thường xuyên không gián đoạn, đứng trong tư thế rình mò các Ông với ý nghĩ: "Rất có thể ta nắm được cơ hội để bắt gặp từ con mắt... từ cái lưỡi... hay từ ý".

8) Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy sống hộ trì các căn. Khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, hãy tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi mùi... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, hãy tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành hộ trì ý căn. Nay các Tỷ-kheo, khi nào các Ông sống hộ trì các căn, thời Ác ma nhảm chán các Ông và sẽ bỏ đi, không nắm giữ được cơ hội, như con giả can đối với con rùa.

*Như rùa dấu thân phần,
Trong mai rùa của nó.
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,*

*Thâu nhóm mọi tâm tư,
Không nương tựa một ai,
Không hại một người nào,
Hoàn toàn đạt tịch tịnh,
Không nói xấu một ai.*

200. IV. Khúc Gỗ (1) (S.iv,179)

- 1) Một thời Thέ Tôn trú ở Kosambi, trên bờ sông Gangà.
- 2) Thέ Tôn thấy một khúc gỗ lớn trôi theo dòng nước sông Hằng, thấy vậy liền gọi các Tỷ-kheo:
 - Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy khúc gỗ to lớn này đang trôi theo dòng nước sông Hằng không?
 - Thura có, bạch Thέ Tôn.
- 3) -- Nay các Tỷ-kheo, nếu khúc gỗ không đâm vào bờ bên này, không đâm vào bờ bên kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên miếng đất nổi, không bị loài Người nhặt lấy, không bị phi nhân nhặt lấy, không bị mắc vào xoáy nước, không bị mục bên trong; như vậy, này các Tỷ-kheo, khúc gỗ ấy sẽ hướng về biển, sẽ xuôi theo biển, sẽ nghiêng nhập vào biển. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, dòng sông Hằng hướng về biển, xuôi theo biển, nghiêng trôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu các Ông không đâm vào bờ bên này, không đâm vào bờ bên kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên miếng đất nổi, không bị loài Người nhặt lấy, không bị phi nhân nhặt lấy, không bị mắc vào xoáy nước, không bị mục bên trong; như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông sẽ hướng về Niết-bàn, sẽ xuôi theo Niết-bàn, sẽ nghiêng nhập vào Niết-bàn. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, chánh kiến hướng về Niết-bàn, xuôi theo Niết-bàn, nghiêng nhập vào Niết-bàn.
- 4) Khi được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thέ Tôn:
 - Bạch Thέ Tôn, bờ bên này là gì? Bờ bên kia là gì? Thέ nào là chìm giữa dòng? Thέ nào là mắc cạn trên miếng đất nổi? Thέ nào là bị loài Người nhặt lấy? Thέ nào là bị phi nhân nhặt lấy? Thέ nào là bị mắc vào xoáy nước? Thέ nào là bị mục nát bên trong?
 - 5) -- Bờ bên này, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ này.
 - 6) Bờ bên kia, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ.
 - 7) Bị chìm giữa dòng, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với hỷ tham.
 - 8) Bị mắc cạn trên miếng đất nổi, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ngã mạn.
 - 9) Và này Tỷ-kheo, thế nào là bị người nhặt lấy? Ở đây, Tỷ-kheo sống quá liên hệ với cư sĩ, chung vui, chung buồn, an lạc khi họ an lạc, đau khổ khi họ bị đau khổ, tự trói buộc mình trong các công việc phải làm được khởi lên của họ. Đây gọi là Tỷ-kheo bị loài Người nhặt lấy.
 - 10) Và thế nào, này Tỷ-kheo, là bị phi nhân nhặt lấy? Ở đây, Tỷ-kheo sống Phạm hạnh với ước nguyện được sanh cộng trú với một hạng chư Thiên: "Mong rằng với giới luật này, với cấm giới này, với khổ hạnh này, với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên nhân hay một loài chư Thiên!" Đây, này Tỷ-kheo, được gọi là bị phi nhân nhặt lấy.

11) Bị mắc vào xoáy nước, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm dục công đức.

12) Và này Tỷ-kheo, thế nào là bị mục nát bên trong? Ở đây, này Tỷ-kheo, có người thọ tà giới, theo ác pháp, bất tịnh, có những hành vi đáng nghi ngờ, có những hành động che đậy, không phải Sa-môn nhưng hiện tướng Sa-môn, không phải Phạm hạnh nhưng hiện tướng Phạm hạnh, nội tâm bị hủ bại, đầy dục vọng, là một đồng rác bẩn. Đây, này Tỷ-kheo, được gọi là bị mục nát bên trong.

11) Lúc bấy giờ Nanda, người chăn bò, đứng không xa Thέ Tôn bao nhiêu.

12) Rồi người chăn bò Nanda bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, con không đâm vào bờ bên này, con không đâm vào bờ bên kia, con không bị chìm giữa dòng, con không bị mắc cạn trên miếng đất nổi, con không bị loài Người nhặt lấy, con không bị phi nhân nhặt lấy, con không bị mắc vào xoáy nước, con không bị mục nát bên trong. Bạch Thέ Tôn, mong Thέ Tôn cho con được xuất gia với Thέ Tôn, được thọ đại giới.

13) -- Nay Nanda, hãy đem trả các con bò cho người chủ.

-- Bạch Thέ Tôn, chúng sẽ đi trở về. Các bò mẹ đang trông mong gấp lại các con bê của chúng.

-- Tuy vậy, này Nanda, Ông hãy trả lui các con bò cho những người chủ.

14) Rồi Nanda, người chăn bò, sau khi trả lui các con bò cho những người chủ, đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, các con bò đã được trả lui cho những người chủ. Bạch Thέ Tôn, xin hãy cho con được xuất gia với Thέ Tôn. Hãy cho con thọ đại giới.

15) Nanda, người chăn bò được xuất gia với Thέ Tôn, được thọ đại giới. Sau khi thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Nanda sống một mình, an tịnh...

16) Tôn giả Nanda trở thành một vị A-la-hán nữa.

201. V. Khúc Gô (2) (S.iv,181)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở tại Kimbilà, trên bờ sông Hằng.

2) Thέ Tôn thấy một khúc gỗ trôi theo dòng nước sông Hằng, thấy vậy, liền gọi các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy khúc gỗ lớn này bị trôi theo dòng nước sông Hằng?

-- Thưa có, bạch Thέ Tôn.

3) (Như kinh trước cho đến: *Nghiêng nhập vào Niết-bàn*).

4) Được nghe nói vậy, Tôn giả Kimbilà bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, bờ bên này là gì?... (như trên) ...

12) -- Và này Kimbilà, thê nào là bị mục nát bên trong? Ở đây, này Kimbilà, Tỷ-kheo phạm một giới tội (àpatti), một giới tội không thể giải trừ. Nay Kimbilà, đây gọi là mục nát bên trong.

202. VI. Dục Lậu (S.iv,182)

- 1) Một thời Thé Tôn sống giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong vườn Nigrodha.
- 2) Lúc bấy giờ có một hội đường mới của những người Sakka ở Kapilavatthu được làm không bao lâu, chưa được một Sa-môn, hay Bà-la-môn, hay một người nào đến ở.
- 3) Rồi một số người Sakka ở Kapilavatthu đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.
- 4) Ngồi xuống một bên, các người Sakka ở Kapilavatthu bạch Thé Tôn:

-- Ở đây, bạch Thé Tôn, có hội đường mới của những người Sakka ở Kapilavatthu được làm không bao lâu, chưa được một Sa-môn, hay Bà-la-môn, hay một người nào đến ở. Bạch Thé Tôn, mong Thé Tôn hãy sử dụng ngôi nhà ấy đầu tiên, rồi sau các người Sakka ở Kapilavatthu sẽ sử dụng. Như vậy, sẽ đưa đến hạnh phúc và an lạc lâu dài cho những người Sakka ở Kapilavatthu.

Thé Tôn im lặng nhận lời.

5) Những người Sakka ở Kapilavatthu sau khi biết Thé Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thé Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi đi đến hội đường mới ấy. Sau khi đến, họ cho trải toàn bộ hội đường với những tấm đệm (?), cho bày biện các chỗ ngồi, cho sắp đặt ghè nước, cho treo đèn dầu, rồi đi đến Thé Tôn; sau khi đến, bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, toàn bộ hội đường đã được trải đệm. Các chỗ ngồi đã được bày biện. Một ghè nước đã được đặt sẵn. Ngọn đèn dầu đã được treo lên. Nay Thé Tôn hãy làm gì Ngài nghĩ là phải thời.

6) Rồi Thé Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến hội đường mới; sau khi đến, rửa chân, đi vào hội đường và ngồi dựa vào cây cột ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo, sau khi rửa chân, bước vào hội đường, và ngồi dựa vào bức tường phía Tây, mặt hướng về phía Đông, với Thé Tôn trước mặt. Các người Sakka ở Kapilavatthu, sau khi rửa chân, bước vào hội đường, ngồi dựa vào bức tường phía Đông, hướng mặt về phía Tây, với Thé Tôn phía trước mặt.

7) Rồi Thé Tôn, phần lớn của đêm, với pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phần khởi, làm cho hoan hỷ các người Sakka ở Kapilavatthu. Rồi Thé Tôn giải tán họ với câu:

- Nay các Sakka, đêm đã quá khuya, nay các Ông hãy làm những gì các Ông nghĩ là hợp thời.
- Thưa vâng, bạch Thé Tôn.

Các người Sakka ở Kapilavatthu vâng đáp Thé Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thé Tôn, thân hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

8) Rồi Thé Tôn, sau khi các người Sakka ở Kapilavatthu ra đi không bao lâu, liền gọi Tôn giả Mahà Moggalàna:

-- Nay Moggalàna, chúng Tỷ-kheo đã đoạn trừ được buồn ngủ. Nay Moggalàna, hãy thuyết pháp thoại

cho chúng Tỷ-kheo. Ta nay bị đau lưng, Ta muốn nằm xuống.

-- Thura vâng, bạch Thέ Tôn.

Tôn giả Mahà Moggalàna vâng đáp Thέ Tôn.

9) Rồi Thέ Tôn cho xếp y Sanghàti (Tăng-già-lê) gấp bốn lần, và nằm xuống phía hông bên phải, trong dáng nằm con sư tử, hai chân gác trên nhau, chánh niệm tinh giác, tác ý đến lúc thức dậy.

10) Ở đây, Tôn giả Mahà Moggalàna gọi các Tỷ-kheo:

-- Nay chư Hiền.

-- Thura Hiền giả.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giả Mahà Moggalàna. Tôn giả Mahà Moggalàna nói như sau:

-- Nay chư Hiền, tôi sẽ giảng cho chư Hiền về pháp môn nhiễm dục lậu, và pháp môn không nhiễm lậu. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ. Tôi sẽ giảng.

-- Thura vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Tôn giả Mahà Moggalàna. Tôn giả Mahà Moggalàna nói như sau:

11) -- Và này chư Hiền, thê nào là nhiễm dục lậu? Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, thiền chấp sắc khả ái, ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị áy không như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát áy. Chính ở đây, các ác bất thiện pháp áy khởi lên không được trừ diệt không có dư tàn... Khi lưỡi nếm vị... Khi ý biết các pháp, thiền chấp pháp khả ái, ghét bỏ pháp không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị áy không như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát áy. Chính ở đây, các ác bất thiện pháp áy khởi lên không được trừ diệt không có dư tàn.

12) Nay chư Hiền, đây gọi là Tỷ-kheo bị nhiễm dục lậu đối với các sắc do mắt nhận thức... đối với các vị do lưỡi nhận thức... đối với các pháp do ý nhận thức. Tỷ-kheo sống như vậy, này chư Hiền, nếu Màra có đến vị áy, ngang qua mắt, Màra nắm được cơ hội, Màra nắm được đối tượng... Nếu Màra có đến vị áy, ngang qua lưỡi, Màra nắm được cơ hội, Màra nắm được đối tượng.... Nếu Màra có đến vị áy, ngang qua ý, Màra nắm được cơ hội, Màra nắm được đối tượng.

13) Cũng vậy, này chư Hiền, như một cái nhà lợp bằng cây lau hay cỏ, héo khô, không có nhựa, xưa đến ba bốn năm. Nếu từ phương Đông có người đến, với bó đuốc cháy đỏ, ngọn lửa sẽ nấm được cơ hội, sẽ nấm được đối tượng. Nếu một người từ phương Tây đến... Nếu một người từ phương Bắc đến... Nếu một người từ phương Nam đến... Nếu một người từ phương dưới đến... Nếu một người từ phương trên đến, hay một người bắt cứ từ ở đâu đến, với bó đuốc cháy đỏ, ngọn lửa nấm được cơ hội, ngọn lửa nấm được đối tượng. Cũng vậy, này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống như vậy. Nếu Màra có đến vị áy, ngang qua mắt, Màra nắm được cơ hội, Màra nắm được đối tượng... Nếu Màra có đến vị áy, ngang qua lưỡi... Nếu Màra có đến vị áy, ngang qua ý, Màra nắm được cơ hội, Màra nắm được đối tượng.

14) Nay chư Hiền, sống như vậy, các sắc chinh phục vị Tỷ-kheo, không phải vị Tỷ-kheo chinh phục các sắc. Các tiếng chinh phục vị Tỷ-kheo, không phải vị Tỷ-kheo chinh phục các tiếng. Các hương chinh phục vị Tỷ-kheo, không phải vị Tỷ-kheo chinh phục các hương. Các vị chinh phục vị Tỷ-kheo, không

phải vị Tỷ-kheo chinh phục các vị. Các xúc chinh phục vị Tỷ-kheo, không phải vị Tỷ-kheo chinh phục các xúc. Các pháp chinh phục vị Tỷ-kheo, không phải vị Tỷ-kheo chinh phục các pháp. Nay chư Hiền, đây được gọi là Tỷ-kheo bị sắc chinh phục, bị tiếng chinh phục, bị hương chinh phục, bị vị chinh phục, bị xúc chinh phục, bị pháp chinh phục, không phải không bị chinh phục. Chinh phục vị ấy là các ác bất thiện pháp bị nhiễm ô, đưa đến tái sanh, đầy sợ hãi (sadarà), đưa đến quả khổ dị thực, tương lai là già chết. Như vậy, này chư Hiền, là nhiễm dục lâu.

15) Và này chư Hiền, thế nào là không nhiễm dục lâu? Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp sắc khả ái, không ghét bỏ sắc không khả ái, sống an trú thân niêm, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn... Khi lưỡi nếm vị... Khi ý biết các pháp, vị ấy không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống an trú thân niêm, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật biết rõ tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Nay chư Hiền, đây gọi là vị Tỷ-kheo không bị nhiễm dục lâu đối với các sắc do mắt nhận thức... đối với các vị do lưỡi nhận thức... đối với các pháp do ý nhận thức... Tỷ-kheo sống như vậy, này chư Hiền, nếu Māra có đến vị ấy, ngang qua mắt, Māra không nắm được cơ hội, Māra không nắm được đối tượng... Nếu Māra có đến vị ấy, ngang qua lưỡi, Māra không nắm được cơ hội, Māra không nắm được đối tượng... Nếu Māra có đến vị ấy, ngang qua ý, Māra không nắm được cơ hội, Māra không nắm được đối tượng.

16) Ví như, này chư Hiền, một cái nhà có nóc nhọn hay một giảng đường có nóc nhọn xây bằng đất dày, vừa mới xoa trét, nếu có người từ phương Đông lại với ngọn đuốc cháy đỏ, ngọn lửa không nắm được cơ hội, không nắm được đối tượng... từ phương Tây đến... từ phương Bắc đến... từ phương Nam đến... từ phương dưới đến... từ phương trên đến hay từ bất cứ phương nào đến, với ngọn đuốc cháy đỏ, ngọn lửa không nắm được cơ hội, không nắm được đối tượng.

17) Sống như vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo chinh phục các sắc, không phải các sắc chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các tiếng, không phải các tiếng chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các hương, không phải các hương chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các vị, không phải các vị chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các xúc, không phải các xúc chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các pháp, không phải các pháp chinh phục Tỷ-kheo. Nay chư Hiền, đây gọi là Tỷ-kheo chinh phục các sắc, chinh phục các tiếng, chinh phục các hương, chinh phục các vị, chinh phục các xúc, chinh phục các pháp, không phải bị chinh phục. Chính vị ấy chinh phục các ác bất thiện pháp bị nhiễm ô, đưa đến tái sanh, đầy sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thực tương lai là già chết. Như vậy, này chư Hiền, là không nhiễm dục lâu.

18) Rồi Thé Tôn ngồi dậy và gọi Tôn giả Maha Moggalāna:

-- Lành thay, lành thay, này Moggalāna! Lành thay này Moggalāna! Ông đã thuyết cho các Tỷ-kheo về pháp môn nhiễm dục lâu và pháp môn không nhiễm dục lâu.

19) Tôn giả Mahā Moggalāna thuyết như vậy. Bậc Đạo Sư chấp nhận. Các Tỷ-kheo áy hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Mahā Moggalāna thuyết.

203. VII. Khổ Pháp (S.iv,188)

1-2) ...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, khi nào một Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt của tất cả khổ pháp, khi ấy, các dục được thấy. Khi vị ấy thấy dục (kāmā), thời dục (kāmachanda), dục ái, dục mê, dục

nhiệt não đối với các dục không có tùy miên nơi vị áy. Như vậy, sở hành và sở trú của vị áy được giác tri. Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi, và sự chấm dứt tất cả khổ pháp? Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt. Đây là tưởng... Đây là các hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của tất cả khổ pháp.

5) Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo thấy được các dục? Khi các dục được thấy, thời dục, dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên. Ví như, này các Tỷ-kheo, có một hố than sâu hơn thân người, đầy vun than hùng, không có ngọn, không có khói. Rồi có người đi đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét bỏ khổ. Rồi hai người lực sĩ đến, kẹp người áy vào trong các cánh tay, và kéo người áy đến hố than hùng. Người áy vật vã thân bên này, bên kia. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, người áy được biết rằng: "Ta sẽ rơi vào trong hố than hùng này. Do nhân này, ta sẽ đi đến chết hay đau khổ gần như chết". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấy các dục như hố than hùng và ai thấy được các dục, thời dục, dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên.

6) Thế nào, này các Tỷ-kheo, là sở hành và sở trú của Tỷ-kheo được giác tri? Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đi vào một khu rừng đầy những gai góc, trước mặt người áy là gai, phía Tây... phía Bắc... phía Nam... người áy là gai, phía dưới người áy là gai, phía trên người áy là gai. Chỗ nào người áy đi tới hay chỗ nào người áy đi lui, người áy nghĩ: "Mong sao tôi chó có bị vướng gai". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với sự vật gì khả ái, khả lạc, sự vật áy được gọi là gai trong giới luật của bậc Thánh.

7) Sau khi biết vậy, này các Tỷ-kheo, hộ trì và không hộ trì cần phải được hiểu.

8) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không hộ trì? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp các sắc khả ái, ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niêm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị áy không như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp áy khởi lên không được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hộ trì.

9) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là được hộ trì? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp các sắc khả ái, không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niêm an trú, với tâm vô lượng. Vị áy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp áy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn... khi lưỡi nếm vị... khi ý biết pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với thân niêm an trú, với tâm vô lượng. Vị áy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở đây, các ác bất thiện pháp áy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là có hộ trì.

10) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niêm bị thất thoát, khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niêm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là niêm được khởi lên. Mau lẹ, vị áy từ bỏ (trạng thái áy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm rơi hai hay ba giọt nước trên một nồi sắt được hơ nóng cả ngày. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là sự rơi xuống của các giọt nước. Mau chóng, chúng đi đến đoạn diệt, hoại diệt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo áy sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niêm bị thất thoát, khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niêm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là niêm được khởi lên. Mau lẹ, vị áy từ bỏ (trạng thái áy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, sở hành như vậy, sở trú như vậy của Tỷ-kheo được giác tri. Do sở hành,

sở trú như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: "Hãy đến đây, này Bạn! Sao lại để những y vàng ấy hành hạ Bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức". Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra.

12) Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông. Rồi một đám dân chúng đông người đến với xuồng, cuốc, giò và nói: "Chúng ta hãy làm cho sông Hằng này hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây". Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, đám dân chúng đông người ấy có thể làm cho sông Hằng hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây và nghiêng nhập vào phía Tây không?

-- Thưa không, bạch Thê Tôn.

-- Vì sao?

-- Vì sông Hằng này, bạch Thê Tôn, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông; không có dễ gì làm cho hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây được. Chỉ có đám dân chúng đông người ấy chuốc lấy mệt mỏi và thất vọng thôi.

13) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu, hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: "Hãy đến đây, này Bạn. Sao lại để những y vàng ấy hành hạ Bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức". Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì tâm của vị ấy đã lâu ngày hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, nghiêng nhập vào viễn ly; do vậy sự hoàn tục không xảy ra.

204. VIII. Phải Gọi Là Gi (Kimsukà) (S.iv,191)

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến một Tỷ-kheo khác, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo ấy:

-- Cho đến như thế nào, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?

-- Nay Hiền giả, Tỷ-kheo khi nào như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của sáu xúc xứ; cho đến như vậy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.

3) Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia, liền đi đến một Tỷ-kheo khác và nói:

-- Nay Hiền giả, cho đến như thế nào, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?

-- Nay Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của năm thủ uẩn; khi ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.

4) Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời của Tỷ-kheo kia, liền đi đến một Tỷ-kheo khác nữa và nói:

-- Nay Hiền giả, cho đến như thế nào, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?

-- Nay Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của bốn đại chúng; khi ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.

5) Rồi Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn...

-- Nay Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật rõ biết rằng, phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều phải đoạn diệt; khi ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.

6) Rồi Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi đến một Tỷ-kheo và nói với Tỷ-kheo ấy: "Cho đến như thế nào, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?" Khi được nói vậy, Tỷ-kheo ấy nói với con: "Khi nào như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của sáu xúc xú; khi ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh". Bạch Thế Tôn, con không thỏa mãn câu trả lời của Tỷ-kheo kia nên đi đến một Tỷ-kheo khác; sau khi đến, con nói với Tỷ-kheo ấy: "Cho đến như thế nào, này Hiền giả, sự thấy của một Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?" Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy nói với con: "Khi nào, này Hiền giả, Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của năm thủ uẩn... như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của bốn đại chúng... như thật tuệ tri rằng, phàm có pháp gì được tập khởi, tất cả pháp ấy bị đoạn diệt, cho đến như vậy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh". Bạch Thế Tôn, con không thỏa mãn câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia nên con đi đến Thế Tôn (và bạch Thế Tôn): "Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?"

7) -- Ví như, này Tỷ-kheo, một người chưa từng thấy cây kimsuka, người ấy đi đến một người khác đã thấy cây kimsuka và nói: "Này Bạn, cây kimsuka là thế nào?". Người ấy đáp như sau: "Này Bạn, cây kimsumma màu đen, như một khúc cây bị cháy". Như vậy, này Tỷ-kheo, trong thời gian ấy, cây kimsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy. Rồi, này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, liền đi đến một người khác đã thấy cây kimsuka, sau khi đến, hỏi người ấy: "Này Bạn, cây kimsuka là thế nào?" Người kia trả lời: "Này Bạn, cây kimsuka màu đỏ, giống như một đống thịt". Và này Tỷ-kheo, như vậy trong thời gian ấy, cây kimsuka đối với người ấy là giống người kia đã thấy. Rồi, này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, đi đến một người khác đã thấy cây kimsuka, sau khi đến nói với người ấy: "Này Bạn, cây kimsuka là thế nào?" Người kia trả lời: "Này Bạn, cây kimsuka bị lột vỏ, vỏ bị nứt nẻ ra như cây keo (siriso)". Nay Tỷ-kheo, trong thời gian ấy, cây kimsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy. Rồi, này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, liền đi đến một người khác đã thấy cây kimsuka, sau khi đến, nói với người ấy: "Này Bạn, cây kimsuka là thế nào?" Người kia nói như sau: "Này Bạn, cây kimsuka có lá rậm rạp, bóng của nó dày và rậm, như cây bàng". Như vậy, này Tỷ-kheo, trong thời gian ấy, cây kimsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy. Cũng vậy, này Tỷ-kheo, tùy theo sự thấy của Chân nhân ấy khéo thanh tịnh, tùy thuộc theo đây, họ đã trả lời.

8) Ví như, này Tỷ-kheo, có ngôi thành của vua ở biên giới được xây dựng với pháo đài kiên cố, với tường và tháp canh kiên cố và có đến sáu cửa thành. Tại đây có người giữ cửa thành, là bậc thông minh, có kinh nghiệm và có trí, ngăn chặn những người không quen biết, cho vào những người quen biết. Từ phương Đông, hai người sứ giả cấp tốc đi đến, và nói với người giữ cửa thành: "Này Bạn, vị chủ thành trì này ở đâu?" Người giữ cửa thành ấy nói: "Thưa các Tôn giả, vị ấy đang ngồi giữa ngã tư đường". Hai người sứ giả ấy cấp tốc bối lùi như thật ngữ cho vị chủ ngôi thành, rồi tiếp tục đi theo con đường họ đến. Từ phương Tây, lại hai người sứ giả cấp tốc đi đến... từ phương Bắc, lại hai người sứ giả cấp tốc đi đến, và nói với người giữ cửa thành: "Này Bạn, vị chủ thành trì này ở đâu?" Người giữ cửa

thành áy nói: "Thưa các Tôn giả, vị áy đang ngồi giữa ngã tư đường". Rồi hai người sứ giả áy cắp tóc tuyên bố lời như thật ngữ cho vị chủ ngôi thành, rồi tiếp tục theo con đường họ đến.

9) Nay Tỷ-kheo, Ta nói ví dụ để giải thích ý nghĩa, và đây là ý nghĩa: Ngôi thành, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với thân do bốn đại chủng tạo thành này, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, tiêu mòn, tiêu hao, hủy hoại, hủy diệt. Sáu cửa, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Người giữ cửa, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với niêm. Hai vị sứ giả cắp tóc, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với chỉ và quán. Người chủ ngôi thành là đồng nghĩa với thức. Ở giữa tại ngã tư đường là đồng nghĩa với bốn đại chủng: địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới. Lời như thật ngữ, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Niết-bàn. Theo con đường họ đến là đồng nghĩa với con đường Thánh đạo Tâm nganh. Như chánh tri kiến... chánh định.

205. IX. Đòn Tỳ Bà (S.iv,195)

1-2) ...

3) --Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào đối với các sắc do mắt nhận thức có khởi lên dục (chanda), tham, sân, si hay hận tâm; hãy ngăn chặn tâm đừng cho khởi lên như vậy. Con đường này là con đường đầy sợ hãi, đầy kinh khủng, đầy gai góc, đầy rùng rợn, con đường ác, con đường tà, con đường đầy trộm cướp. Con đường này là con đường do phi thiện nhân dùng, không phải con đường do thiện nhân dùng. Như vậy, với ý nghĩ: "Đây không phải con đường xứng đáng cho ta". Hãy ngăn chặn tâm đừng cho khởi lên như vậy đối với các sắc do mắt nhận thức... Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào đối với các vị do lưỡi nhận thức... đối với các pháp do ý nhận thức, có khởi lên dục, tham, sân, si hay hận tâm; hãy ngăn chặn tâm đừng cho khởi lên như vậy. Con đường này là con đường đầy sợ hãi, đầy kinh khủng, đầy gai góc, đầy rùng rợn, con đường ác, con đường tà, con đường đầy trộm cướp. Con đường này là con đường do phi thiện nhân dùng, không phải con đường do thiện nhân dùng. Như vậy với ý nghĩ: "Đây không phải con đường xứng đáng cho ta", hãy ngăn chặn tâm đừng cho khởi lên như vậy đối với các pháp do ý nhận thức.

4) Ví như, nay các Tỷ-kheo, lúa mì đã chín và một người giữ lúa mì phóng dật (lơ đãng). Có con bò ăn lúa mì, xâm phạm lúa mì, xâm phạm lúa mì ấy và mê say ăn một cách thỏa thích. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không hộ trì đối với sáu xúc xứ, mê say thọ dụng một cách thỏa thích đối với năm dục công đức.

5) Ví như, nay các Tỷ-kheo, lúa mì đã chín và một người đã giữ lúa mì, không phóng dật. Có con bò ăn lúa mì, xâm phạm lúa mì ấy. Người giữ lúa mì nắm chắc cái lỗ mũi của con bò; sau khi nắm chắc cái lỗ mũi, người ấy rị chặt trên cái trán. Sau khi rị chặt trên cái trán, với cái gậy, người ấy đánh con bò một trận nện thân. Sau khi lấy gậy đánh cho một trận nện thân, người ấy thả con bò đi.

Lần thứ hai, nay các Tỷ-kheo...

Lần thứ ba, nay các Tỷ-kheo, có con bò ăn lúa mì, xâm phạm lúa mì ấy. Người giữ lúa mì nắm chặt cái mũi con bò; sau khi nắm chặt cái mũi, người ấy rị chặt trên cái trán. Sau khi rị chặt trên cái trán, với cái gậy, người ấy đánh con bò một trận nện thân. Sau khi lấy gậy đánh con bò một trận nện thân, người ấy thả con bò đi. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, con bò ăn lúa mì ấy đi vào làng, hay đi vào rừng, hay khi đứng, hay ngồi, nó không xâm phạm lúa mì ấy, vì nó nhớ đến cảm xúc cái gậy lần trước. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có tâm chọn trực, chánh trực đối với sáu xúc xứ, thời nội tâm được an trú, tịnh chỉ, nhứt tâm, Thiền định.

6) Ví như, nay các Tỷ-kheo, một vị vua hay đại thần của vua từ trước chưa từng được nghe tiếng đàn tỳ

bà, nay được nghe tiếng đàn tỳ bà, vị ấy nói: "Này Bạn, tiếng áy là tiếng gì, khả ái như vậy, khả lạc như vậy, mê ly như vậy, say đắm như vậy, hấp dẫn như vậy?" Họ nói với vị ấy: "Thưa Tôn giả, đây là đàn tỳ bà, với tiếng khả ái như vậy, mê ly như vậy, khả lạc như vậy, say đắm như vậy, hấp dẫn như vậy". Vị ấy nói như sau: "Hãy đi và đem đàn tỳ bà ấy về cho ta". Họ đem đàn tỳ bà về cho vị ấy, và nói như sau: "Thưa Tôn giả, đàn tỳ bà này với tiếng khả ái như vậy, khả lạc như vậy, mê ly như vậy, say đắm như vậy, hấp dẫn như vậy". Vị ấy bèn nói: "Thôi vừa rồi đổi với ta về đàn tỳ bà này. Hãy đem tiếng lại cho ta". Họ thưa với vị ấy: "Thưa Tôn giả, cái này được gọi là đàn tỳ bà, gồm có nhiều thành phần, gồm có số lớn thành phần. Nhờ nhiều thành phần này nên đàn phát âm. Như duyên cái bầu, duyên cái da, duyên cái cán, duyên cái đầu, duyên cái dây, duyên cái cung, duyên nỗ lực thích nghi của người. Như vậy, thưa Tôn giả, cái này gọi là đàn tỳ bà, gồm có nhiều thành phần, gồm có số lớn thành phần. Nhờ gồm nhiều thành phần này nên đàn phát âm". Rồi vua ấy đập đàn tỳ bà ấy ra thành 10 mảnh, 100 mảnh; sau khi đập bể đàn tỳ bà ấy ra thành 10 mảnh, 100 mảnh, vị ấy chẻ thành từng miếng nhỏ; sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, vị ấy lấy lửa đốt; sau khi lấy lửa đốt, vị ấy vun lại thành đống tro; sau khi vun lại thành đống tro, vị ấy đem quạt đống tro lớn ấy trước làn gió mạnh, hay để chúng trôi theo dòng nước sông chảy mạnh. Rồi vị ấy nói: "Thật là hạ liệt, cái gọi đàn tỳ bà này, đâu cho tỳ bà là cái gì. Ở đây, đại chúng thường phong dật, bị hướng dẫn sai lạc".

7) Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát sắc cho đến sở thú của sắc, quán sát thọ... quán sát tưởng... quán sát các hành... quán sát thíc cho đến sở thú của thíc. Trong tất cả quán sát này, không có cái gì là "Tôi", là "Của tôi", là "Tôi là" cả.

206. X. Sáu Sanh Vật (S.iv,198)

1-2) ...

3) -- Ví như, nay các Tỷ-kheo, có người thân bị thương tích, thân bị lở loét, đi vào một khu rừng đầy gai góc. Có và gai đậm thủng chân người ấy, và cào rách thân lở loét của người ấy. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, người ấy do nhân duyên ấy còn cảm thọ khổ ưu nhiều hơn nữa. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, ở đây có Tỷ-kheo đi vào làng hay đi vào rừng gặp người chỉ trích Tỷ-kheo ấy, và người chỉ trích nói rằng: "Tôn giả làm như vậy, sở hành như vậy là gai bất tịnh trong làng". Biết rằng vị ấy là gai, sau khi biết như vậy, cả hai (người Tỷ-kheo và người chỉ trích) cần phải hiểu là không hộ trì và có hộ trì.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là không hộ trì? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp sắc khả ái, ghét bỏ sắc không khả ái, sống với thân niêm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát; chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt không có dư tàn... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý nhận biết pháp, thiên chấp pháp khả ái, ghét bỏ pháp không khả ái, sống với thân niêm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát; chính ở nơi ấy, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt không có dư tàn...

5) Ví như, nay các Tỷ-kheo, có người bắt được sáu sinh vật, giới loại khác nhau, chỗ tìm món ăn khác nhau, và cột chúng với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con rắn, người ấy cột với sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con cá sấu, người ấy cột một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con chim, người ấy cột với sợi dây vững chắc... Sau khi bắt được con chó, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con gián, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con khỉ, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi cột chúng với những sợi dây vững chắc, người ấy cột một cái gút ở chính giữa và thả chúng đi. Nay các Tỷ-kheo, sáu con sinh vật ấy, với giới loại sai khác, với chỗ tìm món ăn sai khác, mỗi con sẽ lôi kéo tùy theo chỗ tìm món ăn và giới loại sai biệt của mình. Con rắn lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào gò mối". Con cá sấu lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào trong nước". Con chim lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ bay lên trời". Con chó lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào làng". Con gián lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào nghĩa địa". Con khỉ lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào rừng". Nay các

Tỷ-kheo, khi nào sáu con sinh vật ấy trở thành mệt mỏi, khi ấy, con sinh vật nào mạnh hơn các sinh vật còn lại, được chúng đi theo, chúng tuân theo, chúng phục tùng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo thân niêm không tu tập, không làm cho sung mãn, con mắt sẽ lôi cuốn nó đối với các sắc khả ái và ghét bỏ đối với các sắc không khả ái... Ý sẽ lôi cuốn nó đối với các pháp khả ái và ghét bỏ đối với các pháp không khả ái.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hộ trì.

6) Và này các Tỷ-kheo, thê nào là hộ trì?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp các sắc khả ái, không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niêm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát; chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết các pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, an trú thân niêm, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát; chính ở nơi đây các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.

7) Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bắt được sáu con sinh vật, giới loại khác nhau, chỗ tìm món ăn khác nhau, và cột chúng với một sợi dây vũng chắc. Sau khi bắt được con rắn, người ấy cột với một sợi dây vũng chắc. Sau khi bắt được con cá sấu... Sau khi bắt được con chim... Sau khi bắt được con chó... Sau khi bắt được con giả can... Sau khi bắt được con khỉ, người ấy cột với sợi dây vũng chắc. Sau khi cột chúng với sợi dây vũng chắc, người ấy cột vào một cái cột hay cái trụ vũng chắc. Rồi, này các Tỷ-kheo, sáu con sinh vật ấy, với giới loại sai khác, với chỗ tìm món ăn sai khác, mỗi con sẽ lôi kéo, tùy theo chỗ tìm món ăn và giới loại sai biệt của mình. Con rắn lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào gò mối". Con cá sấu lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào trong nước". Con chim lôi kéo nghĩ rằng: "Ta sẽ bay lên trời". Con chó lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào làng". Con giả can lôi kéo nghĩ rằng: "Ta sẽ đi đến nghĩa địa". Con khỉ lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào rừng". Này các Tỷ-kheo, khi nào sáu con sinh vật ấy trở thành mệt mỏi, chúng sẽ đứng gần bên, ngồi gần bên, nằm gần bên cái cột ấy hay cái trụ ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo thân niêm được tu tập, được làm sung mãn, con mắt không lôi kéo vị ấy theo các sắc khả ái, đối với các sắc không khả ái, không ghét bỏ... lưỡi không lôi kéo vị ấy theo các vị khả ái, đối với vị không khả ái, không có ghét bỏ... ý không lôi kéo vị ấy theo các pháp khả ái, đối với pháp không khả ái, không có ghét bỏ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hộ trì.

8) Cái cột hay cái trụ vũng chắc, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với thân niêm. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau: "Chúng ta sẽ tu tập thân niêm, làm cho sung mãn, làm cho như thành cỗ xe, làm cho như thành cơ sở, an trú, tích tập, khéo nỗ lực". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

207. XI. Bó Lúa (S.iv,201)

1-2) ...

3) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một bó lúa quăng tại ngã tư đường, rồi sáu người đến, tay cầm cái đập và họ đập bó lúa ấy với sáu cái đập (vyàkkgi)

Như vậy, này các Tỷ-kheo, bó lúa ấy được khéo đập với sáu cái đập ấy. Rồi một người thứ bảy đến, tay cầm cái đập, và người ấy đập bó lúa ấy với cái đập thứ bảy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, bó lúa ấy lại

càng được khéo đập với cái đập thứ bảy.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu bị đập trong con mắt bởi những sắc khả ái và không khả ái... bị đập trong lưỡi bởi những vị khả ái và không khả ái... bị đập trong ý bởi những pháp khả ái và không khả ái. Nay các Tỷ-kheo, nếu kẻ vô văn phàm phu ấy lại nghĩ đến tái sanh trong tương lai, như vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si ấy lại càng bị khéo đập hơn nữa. Ví như, này các Tỷ-kheo, bó lúa ấy lại được đập với cái đập thứ bảy nữa.

5) Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, cuộc chiến xảy ra giữa chư Thiên và các A-tu-la rất là khốc liệt.

Này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua A-tu-la gọi các A-tu-la: "Này Thân hữu, trong cuộc chiến đang khởi lên giữa chư Thiên và loài A-tu-la rất là khốc liệt, nếu các A-tu-la thắng và chư Thiên bại, hãy trói Thiên chủ Sakka hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và dắt vua ấy đến trước mặt ta, trong thành của các A-tu-la". Còn Thiên chủ Sakka gọi chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba: "Này Thân hữu, trong trận chiến giữa chư Thiên và các loài A-tu-la, trận chiến rất là khốc liệt, nếu chư Thiên thắng và các loài A-tu-la bại, hãy trói vua A-tu-la Vepacitti, hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và dắt vua ấy đến trước mặt ta, trong giảng đường Sudhamma (Thiện Pháp)".

6) Nhưng trận chiến áy, chư Thiên thắng và các loài A-tu-la bại. Rồi, này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba trói vua A-tu-la Vepacitti, trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, rồi dẫn đến trước mặt Thiên chủ Sakka trong giảng đường Sudhamma.

7) Tại đây, này các Tỷ-kheo, vua A-tu-la Vepacitti bị trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ. Nay các Tỷ-kheo, khi áy vua A-tu-la Vepacitti suy nghĩ như sau: "Chư Thiên theo Chánh pháp, còn A-tu-la theo phi pháp. Nay ta đi đến thành của chư Thiên", thời khi áy vua A-tu-la tự thấy mình được cởi trói hai chân, hai tay và thứ năm là cổ, và được hưởng thọ, được thưởng thức đầy đủ năm dục công đức cõi trời. Và này các Tỷ-kheo, khi vua A-tu-la suy nghĩ như sau: "Các A-tu-la theo Chánh pháp, chư Thiên theo phi pháp. Ở đây, ta sẽ đi đến thành của các A-tu-la", thời khi áy vua A-tu-la tự thấy mình bị trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và bị tước bỏ năm dục công đức cõi trời.

8) Như vậy, này các Tỷ-kheo, thật tế nhị là sự trói buộc của Vepacitti, và còn tế nhị hơn là sự trói buộc của Māra. Ai có tư tưởng (Mannamāna), người áy bị Māra trói buộc. Ai không có tư tưởng, người áy được giải thoát khỏi Ác ma. "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một tư tưởng. "Cái này là tôi", này các Tỷ-kheo, là một tư tưởng. "Tôi sẽ là", này các Tỷ-kheo, là một tư tưởng. "Tôi sẽ không là", là một tư tưởng. "Tôi sẽ có sắc", là một tư tưởng. "Tôi sẽ không có sắc", là một tư tưởng. "Tôi sẽ có tưởng", là một tư tưởng. "Tôi sẽ không có tưởng", là một tư tưởng. "Tôi sẽ không có tưởng và không không có tưởng", là một tư tưởng. Có tư tưởng, này các Tỷ-kheo, là tham. Có tư tưởng là mут nhợt. Có tư tưởng là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có tư tưởng".

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu: "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một động chuyên (injitat). "Cái này là tôi", là một động chuyên. "Tôi sẽ là", là một động chuyên. "Tôi sẽ không là", là một động chuyên. "Tôi sẽ có sắc", là một động chuyên. "Tôi sẽ có tưởng", là một động chuyên. "Tôi sẽ không có tưởng", là một động chuyên. "Tôi sẽ không có tưởng và không không có tưởng", là một động chuyên. Động chuyên, này các Tỷ-kheo, là tham. Động chuyên là mут nhợt. Động chuyên là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có động chuyên".

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu: "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một chán động (phanditam). "Cái này là tôi", là một chán động. "Tôi sẽ là", là một chán động. "Tôi sẽ không là", là một chán động. "Tôi sẽ có sắc", là một chán động. "Tôi sẽ không có sắc", là một chán động. "Tôi sẽ có tưởng", là một chán động. "Tôi sẽ không có tưởng", là một chán động. "Tôi sẽ không có tưởng và không

"không có tướng", là một chán động. Chán động, này các Tỷ-kheo, là tham. Chán động là mут nhợt. Chán động là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không chán động".

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu: "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một hý luận (papancitam). "Cái này là tôi", là một hý luận. "Tôi sẽ là", là một hý luận. "Tôi sẽ không là", là một hý luận. "Tôi sẽ có sắc", là một hý luận. "Tôi sẽ không có sắc", là một hý luận. "Tôi sẽ có tướng", là một hý luận. "Tôi sẽ không có tướng", là một hý luận. "Tôi sẽ không có tướng và không không có tướng", là một hý luận. Hý luận, này các Tỷ-kheo, là tham. Hý luận là mут nhợt. Hý luận là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có hý luận".

12) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu: "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một ngã mạn. "Cái này là tôi", là một ngã mạn. "Tôi sẽ là", là một ngã mạn. "Tôi sẽ không là", là một ngã mạn. "Tôi sẽ có sắc", là một ngã mạn. "Tôi sẽ không có sắc", là một ngã mạn. "Tôi sẽ có tướng", là một ngã mạn. "Tôi sẽ không có tướng", là một ngã mạn. "Tôi sẽ không có tướng và không không có tướng", là một ngã mạn. Ngã mạn, này các Tỷ-kheo, là tham. Ngã mạn là mут nhợt. Ngã mạn là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm trừ bỏ ngã mạn". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

CHƯƠNG II
36. TƯƠNG ƯNG THỢ

Phần Một - Phẩm Có Kệ

1. I. Thiền Định (S.iv,204)

1-2) ...

3) -- Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Đây, này các Tỷ-kheo, là ba thọ.

1) *Vị đệ tử đức Phật,
Định, tinh giác, chánh niệm,
Hiểu rõ ràng các thọ,
Và xuất ly các thọ.*

2) *Chỗ này, chúng đoạn diệt,
Con đường đến đoạn diệt,
Tỷ-kheo đoạn các thọ,
Không khát ái, tịch tĩnh.*

2. II. An Lạc (S.iv,204)

1-2) ...

3) -- Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Đây, này các Tỷ-kheo, là ba thọ.

1) *Lạc thọ hay khổ thọ,
Cùng bất khổ bất lạc,
Nội thọ và ngoại thọ,
Phàm có cảm thọ gì.*

2) *Biết được: "Đây là khổ",
Hư nguy và biến hoại,
Thấy xúc, xúc biến diệt,
Ở đây, sống ly tham.*

3. III. Đoạn Tận (S.iv,205)

1-2) ...

3) -- Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

4) Này các Tỷ-kheo, tham tùy miên đối với lạc thọ cần phải đoạn tận. Sân tùy miên đối với khổ thọ cần phải đoạn tận. Vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ cần phải đoạn tận.

5) Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, đoạn tận sân tùy miên đối

với khổ thọ, đoạn tận vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ; thời này các Tỷ-kheo, sự từ bỏ tham tùy miên của Tỷ-kheo được gọi là chánh kiến, ái được đoạn tận, kiết sử được hủy hoại. Với minh kiến chơn chánh đối với ngã mạn (sammà mānabhisamayà), vị ấy đoạn tận khổ đau.

1) *Nếu cảm giác lạc thọ,*

Không tuệ tri cảm thọ,

Đây gọi tham tùy miên,

Không thấy rõ xuất ly.

2) *Nếu cảm giác khổ thọ,*

Không tuệ tri cảm thọ,

Đây gọi sân tùy miên,

Không thấy rõ xuất ly.

3) *Với bất khổ bất lạc,*

Bậc Đại trí thuyết giảng,

Nếu hoan hỷ thọ ấy,

Không thoát được khổ đau.

4) *Vị Tỷ-kheo nhiệt tình,*

Tinh giác, không cuồng trí,

Đối với tất cả thọ,

Bậc Hiền trí liễu tri.

5) *Vị áy liễu tri thọ,*

Hiện tại không lậu hoặc,

Thân hoại, bậc Pháp trú

Đại trí vượt ước lường.

4. IV. Vực Thảm (Pàtala) (S.iv,206)

1-2) ...

3) -- Kẻ vô văn phàm phu nói như sau: "Ở giữa biển lớn, có vực thảm". Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu đối với việc không có, không xảy ra, lại nói: "Ở giữa biển lớn, có vực thảm".

4) Nay các Tỷ-kheo, đồng nghĩa với các khổ thọ về thân là vực thảm này.

5) Kẻ vô văn phàm phu, khi cảm giác khổ thọ về thân, thời sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đầm ngực, đi đến bất tỉnh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ vô văn phàm phu không đứng lên trên vực thảm, không đạt tới chỗ chân đứng.

6) Còn bậc Đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, khi cảm giác khổ thọ về thân, không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đầm ngực, không đi đến bất tỉnh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là bậc Đa văn Thánh đệ tử đã đứng lên trên vực thảm, đã đạt tới chỗ chân đứng.

1) *Ai không chịu đựng nổi,*

Các khổ thọ khởi lên,

Thân đau, hại mạng sống,

Cảm xúc khiến run rẩy.

*Ai than vân, khóc lóc,
Suy nhược, thiếu kiên cường,
Không đứng trên vực sâu,
Không đạt chỗ chân đứng.*

*2) Ai có thể chịu đựng,
Các khổ thọ khởi lên,
Thân đau, hại mạng sống,
Cảm xúc không run rẩy,
Vị ấy vượt vực sâu,
Đạt tới chỗ chân đứng.*

5. V. Cần Phải Quán Kiến (S.iv,207)

1-2) ...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Lạc thọ, này các Tỷ-kheo, cần phải thấy là khổ. Khổ thọ cần phải thấy là mũi tên. Bất khổ bất lạc thọ cần phải thấy là vô thường.

4) Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấy được lạc thọ là khổ, thấy được khổ thọ là mũi tên, thấy được bất khổ bất lạc thọ là vô thường; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo có chánh kiến, ái được đoạn tận, kiết sử được hủy hoại. Với minh kiến chọn chánh đối với ngã mạn, vị ấy đoạn tận khổ đau.

*1) Ai thấy lạc là khổ,
Thấy khổ là mũi tên,
Với bất khổ bất lạc,
Thấy thọ là vô thường,
Tỷ-kheo ấy chánh kiến,
Liễu tri các cảm thọ.*

*2) Vị ấy liễu tri thọ,
Hiện tại không lậu hoặc,
Mạng chung, bậc Pháp trú,
Đại trí vượt ước lường.*

6. VI. VỚI MŨI TÊN (S.iv,207)

1-2) ...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu, cảm thọ cảm giác lạc thọ, cảm thọ cảm giác khổ thọ, cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ.

4) Nay các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử cũng cảm thọ cảm giác lạc thọ, cảm thọ cảm giác khổ thọ, cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ.

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, thế nào là đặc thù, thế nào là thù thắng, thế nào là sai biệt giữa bậc Đa văn Thánh đệ tử và kẻ vô văn phàm phu?

6) -- Bạch Thé Tôn, các pháp lấy Thé Tôn làm căn bản...

7) -- Nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu khi cảm xúc khổ thọ, sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Vị ấy cảm giác hai cảm thọ, cảm thọ về thân và cảm thọ về tâm.

8) Ví như, nay các Tỷ-kheo, có người bị người ta bắn với mũi tên, rồi họ bắn người ấy với mũi tên thứ hai. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, người ấy cảm giác cảm thọ cả hai mũi tên. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu khi cảm xúc khổ thọ; thời sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Người ấy cảm giác hai cảm thọ, cảm thọ về thân và cảm thọ về tâm. Cảm xúc bởi khổ thọ ấy, người ấy cảm thấy sân hận (patigha). Do cảm thấy sân hận đối với khổ thọ ấy, sân tuy miên đối với khổ thọ được tồn chỉ tùy miên (anuseti). Cảm xúc bởi khổ thọ, người ấy hoan hỷ dục lạc. Vì sao? Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không tìm thấy một sự xuất ly khổ thọ nào khác, ngoài dục lạc. Do hoan hỷ dục lạc ấy, tham tuy miên đối với lạc thọ tồn tại. Người ấy không như thật rõ biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ ấy. Do người ấy không như thật rõ biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ ấy, nên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ tồn tại. Nếu người ấy cảm thọ cảm giác lạc thọ, người ấy cảm thọ cảm giác như người bị trói buộc (sannutto). Nếu người ấy cảm thọ cảm giác khổ thọ, người ấy cảm thọ cảm giác như người bị trói buộc. Nếu người ấy cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ, người ấy cảm thọ cảm giác như người bị trói buộc. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ vô văn phàm phu bị trói buộc bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng người ấy bị trói buộc bởi đau khổ.

9) Và nay các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử khi cảm xúc khổ thọ thời không có sầu muộn, không có than vãn, không có khóc lóc, không có đấm ngực, không có đi đến bất tỉnh. Vị ấy chỉ cảm thọ cảm giác một cảm thọ, tức là cảm thọ về thân, không phải cảm thọ về tâm.

10) Ví như, nay các Tỷ-kheo, có người bị người ta bắn một mũi tên. Họ không bắn tiếp người ấy với mũi tên thứ hai. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, người ấy cảm giác cảm thọ của một mũi tên. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử khi cảm xúc khổ thọ; vị ấy không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đấm ngực, không đi đến bất tỉnh. Vị ấy cảm giác chỉ một cảm thọ, cảm thọ về thân, không phải cảm thọ về tâm. Vị ấy không cảm thấy sân hận đối với khổ thọ ấy. Do không cảm thấy sân hận đối với khổ thọ ấy, sân tuy miên đối với khổ thọ không có tồn tại. Cảm xúc bởi khổ thọ, vị ấy không hoan hỷ dục lạc. Vì sao? Vì bậc Đa văn Thánh đệ tử có tuệ tri một sự xuất ly khác đối với khổ thọ, ngoài dục lạc. Vì vị ấy không hoan hỷ dục lạc, tham tuy miên đối với dục lạc không có tồn tại. Vì ấy như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của những cảm thọ ấy. Vì rằng, vị ấy như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ ấy. Vì rằng, vị ấy như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ ấy, đối với bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên không có tồn tại. Nếu vị ấy cảm thọ lạc thọ, vị ấy cảm thọ lạc thọ như người không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác khổ thọ, vị ấy cảm thọ cảm giác như người không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy cảm thọ cảm giác như người không bị trói buộc. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo không bị trói buộc bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, ão. Ta nói rằng vị ấy không bị trói buộc bởi đau khổ.

11) Nay các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là thù thắng, đây là sự sai biệt giữa bậc Đa văn Thánh đệ tử và kẻ vô văn phàm phu.

*1) Bậc Trí tuệ Đa văn,
Lạc khổ không chi phối,
Giữa kẻ trí, phàm phu,
Thiện sai biệt rất lớn.*

*2) Bậc Đa văn, Tâm pháp,
Thấy đời này, đời sau,
Ái pháp không phá tâm,*

Không ái, không sân hận.

3) *Tùy thuận hay đối nghịch,
Tiêu tán, diệt, không còn,
Vị ấy biết con đường,
Đường không cầu, không sâu,
Chánh trí, đoạn tái sanh,
Đến được bờ giác ngộ.*

7. VII. Tật Bệnh (S.iv,210)

- 1) Một thời Thé Tôn trú ở Vesali, Đại Lâm, tại giảng đường của Ngôi nhà có Nóc nhọn.
- 2) Rồi Thé Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến gian phòng chữa bệnh; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo:
 - Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải chánh niệm, tinh giác khi thời đã đến (khi mệnh chung). Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.
- 3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm. Sống quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm.
- 4) Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tinh giác?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tinh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tinh giác; khi co tay, khi duỗi tay, đều tinh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tinh giác; khi ăn, uống, nhai, ném đều tinh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tinh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, im lặng đều tinh giác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tinh giác.
- 5) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải chánh niệm tinh giác khi thời đã đến. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.
- 6) Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống chánh niệm, tinh giác, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, lạc thọ khởi lên. Vị ấy tuệ tri như sau: "Lạc thọ này khởi lên nơi ta. Lạc thọ ấy có duyên, không phải không duyên. Do duyên gì? Do duyên chính thân này, nhưng thân này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do duyên thân khởi lên, và duyên này là vô thường, hữu vi, thời lạc thọ được khởi lên, làm sao thường trú được". Vị ấy trú, quán vô thường đối với thân và lạc thọ. Vị ấy trú, quán tiêu vong (vaya). Vị ấy trú, quán ly tham. Vị ấy trú, quán đoạn diệt. Vị ấy trú, quán từ bỏ. Do vị ấy trú, quán vô thường; do vị ấy trú, quán tiêu vong; do vị ấy trú, quán ly tham; do vị ấy trú, quán đoạn diệt; do vị ấy trú, quán từ bỏ đối với thân và lạc thọ của vị ấy, nên tham tùy miên đối với thân và lạc thọ được đoạn diệt.
- 7) Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống chánh niệm, tinh giác, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khổ thọ khởi lên. Vị ấy tuệ tri như sau: "Khổ thọ này khởi lên nơi ta. Khổ thọ ấy có duyên, không phải không duyên. Do duyên gì? Do duyên chính thân này. Nhưng thân này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do duyên thân khởi lên, và duyên này là vô thường, hữu vi, thời khổ thọ được khởi lên, làm

sao thường trú được". Vị ấy trú, quán vô thường đối với thân và khổ thọ. Vị ấy trú, quán tiêu vong. Vị ấy trú, quán ly tham. Vị ấy trú, quán đoạn diệt. Vị ấy trú, quán từ bỏ. Do vị ấy trú, quán vô thường; do vị ấy trú, quán tiêu vong; do vị ấy trú, quán ly tham; do vị ấy trú, quán đoạn diệt; do vị ấy trú, quán từ bỏ đối với thân và khổ thọ của vị ấy, nên sân tùng miên đối với thân và khổ thọ được đoạn diệt.

8) Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống chánh niệm, tinh giác, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vị ấy tuệ tri như sau: "Bất khổ bất lạc thọ này khởi lên nơi ta. Bất khổ bất lạc thọ ấy có duyên, không phải không duyên. Do duyên gì? Do duyên chính thân này. Nhưng thân này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do duyên thân khởi lên, và duyên này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, thời bất khổ bất lạc thọ được khởi lên làm sao sê thường trú được?" Vị ấy trú, quán vô thường đối với thân và bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy trú, quán tiêu vong. Vị ấy trú, quán ly tham. Vị ấy trú, quán đoạn diệt. Vị ấy trú, quán từ bỏ. Do vị ấy trú, quán vô thường; do vị ấy trú, quán tiêu vong; do vị ấy trú, quán ly tham; do vị ấy trú, quán đoạn diệt; do vị ấy trú, quán từ bỏ đối với thân và bất khổ bất lạc thọ của vị ấy, nên vô minh tùng miên đối với thân và bất khổ bất lạc thọ được đoạn diệt.

9) Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường". Vị ấy tuệ tri: "Ta không chấp trước thọ ấy". Vị ấy tuệ tri: "Ta không hoan hỷ thọ ấy". Nếu vị ấy cảm thọ khổ thọ... Nếu vị ấy cảm thọ bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường". Vị ấy tuệ tri: "Ta không chấp trước thọ ấy". Vị ấy tuệ tri: "Ta không hoan hỷ thọ ấy".

10) Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác lạc thọ, vị ấy cảm giác thọ ấy như người không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác khổ thọ, vị ấy cảm thọ cảm giác thọ ấy như người không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy cảm thọ cảm giác thọ ấy như người không bị trói buộc.

11) Khi vị ấy cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của thân, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của thân". Khi vị ấy cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của sinh mạng, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của sinh mạng". Vị ấy tuệ tri rằng: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây, một cảm thọ cảm giác không có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lăng dịu".

12) Ví như, nay các Tỷ-kheo, do duyên dầu và do duyên tim bắc, một ngọn đèn dầu được cháy đỏ. Khi dầu và tim bắc khô cạn, cháy hết, không được tiếp nhiên liệu thêm, ngọn đèn ấy bị tắt. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của thân, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của thân". Khi vị ấy đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của sinh mạng, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của sinh mạng". Vị ấy tuệ tri rằng: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây, mọi cảm thọ không có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lăng dịu".

8. VIII. Tật Bệnh (2) (S.iv,213)

1) Một thời Thé Tôn trú ở Vesali, tại rừng Đại Lâm, tại giảng đường của Ngôi nhà có Nóc nhọn.

2) Rồi Thé Tôn vào buổi chiều...

3-5) -- Và nay các Tỷ-kheo, thê nào là Tỷ-kheo chánh niệm?... (như kinh trước cho đến hết số 5) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải chánh niệm, tinh giác khi thời đã đến. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông...

6) Nay các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo sống chánh niệm, tinh giác, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, lạc thọ khởi lên. Vị ấy rõ biết như sau: "Lạc thọ này khởi lên nơi ta. Lạc thọ ấy khởi lên có

duyên, không phải không duyên. Do duyên gì? Do duyên xúc này. Nhưng xúc này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do duyên xúc khởi lên, và duyên này là vô thường, hữu vi, thời lạc thọ được khởi lên, làm sao có thể thường trú được?". Vị ấy trú, quán vô thường đối với xúc và lạc thọ. Vị ấy trú, quán tiêu vong. Vị ấy trú, quán ly tham. Vị ấy trú, quán đoạn diệt. Vị ấy trú, quán từ bỏ. Do vị ấy trú, quán vô thường; do vị ấy trú, quán tiêu vong; do vị ấy trú, quán ly tham; do vị ấy trú, quán đoạn diệt; do vị ấy trú, quán từ bỏ đối với xúc và lạc thọ của vị ấy, nên tham tùy miên đối với xúc và lạc thọ bị đoạn diệt.

7-11) (Giống như kinh trước, từ số 7 đến số 11, chỉ khác ở đây là duyên xúc, chứ không phải thân này như kinh trước) "... Ở đây, mọi cảm thọ không có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lăng dịu".

12) Ví như, này các Tỷ-kheo, do duyên đầu... sẽ đi đến lăng dịu. (như kinh trước).

9. IX. Vô Thường (S.iv,214)

1-2) ...

3) -- Có ba thọ này, này các Tỷ-kheo, vô thường, hữu vi, do duyên sanh, chịu sự đoạn tận, chịu sự tiêu vong, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt.

4) Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

5) Ba thọ này, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, chịu sự đoạn tận, chịu sự tiêu vong, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt.

10. X. Căn Bản Của Xúc (S.iv,215)

1-2) ...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba thọ này do xúc sanh, lấy xúc làm căn bản, lấy xúc làm nhân duyên, lấy xúc làm trợ duyên.

4) Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

5) Do xúc được cảm thọ là lạc, này các Tỷ-kheo, lạc thọ sanh. Do sự đoạn diệt của xúc ấy được cảm thọ là lạc, lạc thọ ấy khởi lên do duyên xúc tương ứng được cảm thọ là lạc, lạc thọ ấy đoạn diệt, được tịnh chỉ.

6) Do xúc được cảm thọ là khổ, này các Tỷ-kheo, khổ thọ sanh. Do sự đoạn diệt của xúc ấy được cảm thọ là khổ, khổ thọ ấy khởi lên do duyên xúc tương ứng được cảm thọ là khổ, khổ thọ ấy đoạn diệt, được tịnh chỉ.

7) Do xúc được cảm thọ là bất khổ bất lạc, này các Tỷ-kheo, bất khổ bất lạc thọ sanh. Do sự đoạn diệt của xúc ấy được cảm thọ là bất khổ bất lạc, bất khổ bất lạc ấy khởi lên do duyên xúc tương ứng được cảm thọ là bất khổ bất lạc, bất khổ bất lạc thọ ấy đoạn diệt, được tịnh chỉ.

8) Ví như, này các Tỷ-kheo, hai khúc gỗ cọ xát nhau, đem đến gần nhau, nên sức nóng sanh ra, lửa được hiện hữu. Khi hai khúc gỗ ấy bị phân ly tuyệt duyên, thời sức nóng khởi lên do duyên ấy được đoạn diệt, được tịnh chỉ.

9) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ba thọ này do xúc sanh, lấy xúc làm căn bản, lấy xúc làm nhân duyên,

lấy xúc làm trợ duyên, do duyên xúc tương ứng, các thọ tương ứng, tương ứng khởi lên. Do sự đoạn diệt của xúc tương ứng, tương ứng các thọ tương ứng, tương ứng được đoạn diệt.

Phần Hai - Phẩm Sóng Một Mình

11. I. Sóng Một Mình (S.iv,216)

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thê Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thê Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thê Tôn:

-- Ở đây, bạch Thê Tôn, khi con sông một mình, Thiền tịnh, tâm tư như sau được khởi lên: "Thê Tôn dạy có ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ". Ba thọ này được Thê Tôn thuyết dạy. Nhưng Thê Tôn lại nói: "Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy (nằm) trong đau khổ". Do liên hệ đến cái gì, lời nói này được Thê Tôn nói lên: "Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy (nằm) trong đau khổ"?

4) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Này Tỷ-kheo, Ta nói rằng có ba thọ này: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Ba thọ này được Ta nói đến. Nhưng này Tỷ-kheo, Ta lại nói: "Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy (nằm) trong đau khổ". Chính vì liên hệ đến tánh vô thường của các hành mà lời ấy được Ta nói lên: "Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong đau khổ". Chính vì liên hệ đến tánh đoạn tận, tánh tiêu vong, tánh ly tham, tánh đoạn diệt, tánh biến hoại của các hành mà lời ấy được Ta nói lên: "Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy (nằm) trong đau khổ".

5) Nhưng này Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự đoạn diệt các hành là tuân tự: khi chúng được Thiền thứ nhứt, lời nói được đoạn diệt; khi chúng Thiền thứ hai, tầm tú được đoạn diệt; khi chúng Thiền thứ ba, hỷ được đoạn diệt; khi chúng Thiền thứ tư, hơi thở vô, hơi thở ra được đoạn diệt; khi chúng Không vô biên xú, sắc tướng được đoạn diệt; khi chúng Thức vô biên xú, không vô biên xú tướng được đoạn diệt; khi chúng Vô sở hữu xú, thức vô biên xú tướng được đoạn diệt; khi chúng Phi tướng phi tướng xú, vô sở hữu xú tướng được đoạn diệt; khi chúng Diệt thọ tướng định, tướng và thọ được đoạn diệt. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được đoạn diệt, sân được đoạn diệt, si được đoạn diệt.

6) Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tịnh chỉ các hành là tuân tự; khi chúng Thiền thứ nhứt, lời nói được tịnh chỉ; khi chúng Thiền thứ hai, tầm tú được tịnh chỉ... khi chúng Diệt thọ tướng định, tướng và thọ được tịnh chỉ. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được tịnh chỉ, sân được tịnh chỉ, si được tịnh chỉ.

7) Này các Tỷ-kheo, có sáu khinh an này, khi chúng Thiền thứ nhứt, lời nói được khinh an; khi chúng Thiền thứ hai, tầm tú được khinh an; khi chúng Thiền thứ ba, hỷ được khinh an; khi chúng Thiền thứ tư, hơi thở vô, hơi thở ra được khinh an; khi chúng Không vô biên xú, sắc tướng được khinh an; khi chúng Vô sở hữu xú, thức vô biên xú tướng được khinh an; khi chúng Phi tướng phi tướng xú, vô sở hữu xú tướng được khinh an; khi chúng Diệt thọ tướng định, tướng và thọ được khinh an. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an.

12. II. Hư Không (1)(S.iv,218)

1-2) ...

3) -- Ví như ở trên hư không có nhiều loại gió thổi. Có gió từ phương Đông thổi. Có gió từ phương Tây

thổi. Có gió từ phương Bắc thổi. Có gió từ phương Nam thổi. Có gió có bụi thổi. Có gió không bụi thổi. Có gió lạnh thổi. Có gió nóng thổi. Có gió lượng nhỏ thổi, có gió lượng lớn thổi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong cái thân này, có nhiều loại thọ sai biệt khởi lên. Lạc thọ khởi lên. Khô thọ khởi lên. Bất khô bất lạc thọ khởi lên.

*1) Gió giống như giữa hư không,
Gió nhiều loại thổi lên,
Từ phương Đông, phương Tây,
Từ phương Bắc, phương Nam.*

*2) Gió có bụi, không bụi,
Có gió lạnh, gió nóng,
Có gió lớn, gió nhỏ,
Gió nhiều loại, thổi lên.*

*3) Cũng vậy, trong thân này,
Khởi lên nhiều cảm thọ,
Lạc thọ và khô thọ,
Bất khô bất lạc thọ.*

*4) Khi Tỷ-kheo nhiệt tâm,
Tỉnh giác, không sanh y,
Do vậy, bậc Hiền giả,
Liễu tri tất cả thọ.*

*5) Vị ấy liễu tri thọ,
Ngay hiện tại, vô lâu,
Thân hoại, bậc Pháp trú,
Đại trí, vượt ước lường.*

13. III. Hư Không (2) (S.iv,219)

(Như kinh trên chỉ khác là không có bài kê)

14. IV. Khách Xá (S.iv,219)

1-2) ...

3) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một nhà khách, ở đây, từ phương Đông có một người đến ở. Từ phương Tây, có người đến ở. Từ phương Bắc, có người đến ở. Từ phương Nam, có người đến ở. Những người Sát-đế-l?đến ở, những người Bà-la-môn đến ở, những người Phệ-xá (Vessa) đến ở, những người Phệ-xá (Vessa) đến ở, những người Thủ-đà (Suddà) đến ở. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong cái thân này có nhiều loại thọ sai biệt khởi lên. Lạc thọ khởi lên, khô thọ khởi lên, bất khô bất lạc thọ khởi lên.

4) Có những lạc thọ liên hệ đến vật chất khởi lên. Có những khô thọ liên hệ đến vật chất khởi lên. Có những bất khô bất lạc thọ liên hệ đến vật chất khởi lên. Có những lạc thọ không liên hệ đến vật chất khởi lên. Có những khô thọ không liên hệ đến vật chất khởi lên. Có những bất khô bất lạc thọ không liên hệ đến vật chất khởi lên.

15. V. Thuộc Sở Hữu (1) (S.iv,219)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thέ Tôn; sau khi đến...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, thê nào là các thọ? Thé nào là thọ tập khởi? Thé nào là thọ đoạn diệt? Thé nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thé nào là vị ngọt của thọ? Thé nào là sự nguy hiểm của thọ? Thé nào là sự xuất ly của thọ?

4) -- Có ba thọ này, này Ananda, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Nay Ananda, đây gọi là các thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Con đường Thánh đạo Tám ngành là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ nào, đấy là vị ngọt của thọ. Sự vô thường, khổ, biến hoại của thọ là sự nguy hiểm của thọ. Sự nghiệp phục dục và tham (chandaràga) đối với thọ, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của thọ.

5) Nay Ananda, Ta tuyên bố rằng đoạn diệt (nirodho) các hành là tuần tự. Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được đoạn diệt. Khi chứng Thiền thứ hai, tầm tú được đoạn diệt... Khi chứng Diệt thọ tướng định, tướng và thọ được đoạn diệt. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được đoạn diệt, sân được đoạn diệt, si được đoạn diệt.

6) Nay Ananda, Ta tuyên bố rằng tịnh chỉ (vùpasamo) các hành là tuần tự. Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được tịnh chỉ. Khi chứng Thiền thứ hai, tầm tú được tịnh chỉ... Khi chứng Diệt thọ tướng định, tướng và thọ được tịnh chỉ. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được tịnh chỉ, sân được tịnh chỉ, si được tịnh chỉ.

7) Nay Ananda, Ta tuyên bố rằng khinh an (passadhi) các hành là tuần tự. Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được khinh an. Khi chứng Thiền thứ hai, tầm tú được khinh an... Khi chứng Diệt thọ tướng định, tướng và thọ được khinh an. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an.

16. VI. Thuộc Sở Hữu (2) (Santakam) (S.iv,221)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thέ Tôn...

3) Thέ Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

-- Nay Ananda, thê nào là các thọ? Thé nào là thọ tập khởi? Thé nào là thọ đoạn diệt? Thé nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thé nào là vị ngọt của thọ? Thé nào là sự nguy hiểm của thọ? Thé nào là sự xuất ly của thọ?

4) -- Bạch Thέ Tôn, các pháp lấy Thέ Tôn làm căn bản, lấy Thέ Tôn làm chỉ đạo, lấy Thέ Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thέ Tôn, nếu Thέ Tôn nói cho ý nghĩa của lời nói này! Sau khi nghe Thέ Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

-- Vậy này Ananda, hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thέ Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thέ Tôn.

5-8) Thέ Tôn nói như sau:

-- Này Ananda, có ba thọ này: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này Ananda, đây gọi là các thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt... (như kinh trên từ số 4 đến số 7). Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an.

17. VII. Tám Lần (1) (Atthaka) (S.iv,221)

1) ...

2) Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo áy bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, thế nào là các thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?

4) -- Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Con đường Thánh đạo Tám ngành này là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của thọ. Tánh vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của thọ là sự nguy hiểm của thọ. Sự nghiệp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với thọ là sự xuất ly của thọ.

5) Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự đoạn diệt của thọ là tuân tự. Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được đoạn diệt... Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được đoạn tận, sân được đoạn tận, si được đoạn tận.

6) Rồi, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng tịnh chỉ các hành là tuân tự. Khi chứng Thiền thứ nhất, các lời nói được tịnh chỉ... Đối với Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tham được tịnh chỉ, sân được tịnh chỉ, si được tịnh chỉ.

7) Này các Tỷ-kheo, có sáu khinh an. Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được khinh an. Khi chứng Thiền thứ hai, tầm và tú được khinh an. Khi chứng Thiền thứ ba, hỷ được khinh an. Khi chứng Thiền thứ tư, hơi thở vô, hơi thở ra được khinh an. Khi chứng Diệt thọ tướng định, tướng và thọ được khinh an. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an.

18. VIII. Tám Lần (2) (S.iv,222)

1) ...

2) Rồi một số đông các Tỷ-kheo đi đến Thέ Tôn...

3) Thέ Tôn nói với các Tỷ-kheo áy đang ngồi một bên:

-- Này các Tỷ-kheo, thế nào là các thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?

4) -- Bạch Thé Tôn, các pháp lấy Thé Tôn làm căn bản...

5-8) ... (giống như số 4-7 của kinh số 15) ...

19. IX. Năm Vật Dụng (S.iv,223)

1) ...

2) Rồi người thợ mộc Pancakanga đi đến Tôn giả Udàyi; sau khi đến, đánh lẽ Tôn giả Udàyi rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, thợ mộc Pancakanga thưa với Tôn giả Udàyi:

-- Thưa Tôn giả Udàyi, Thé Tôn dạy có bao nhiêu thợ?

-- Có ba thợ, này Pancakanga, được Thé Tôn nói đến: lạc thợ, khổ thợ, bất khổ bất lạc thợ. Ba thợ này, này Pancakanga, được Thé Tôn nói đến.

4) Được nghe nói vậy, thợ mộc Pancakanga thưa với Tôn giả Udàyi:

-- Thưa Tôn giả Udàyi, Thé Tôn không dạy ba thợ. Thé Tôn dạy chỉ có hai thợ: lạc thợ và khổ thợ. Còn về bất khổ bất lạc thợ này, Thé Tôn dạy thuộc vào tề nhị lạc thợ.

5) Lần thứ hai, Tôn giả Udàyi nói với thợ mộc Pancakanga:

-- Nay Pancakanga, Thé Tôn không dạy hai thợ. Thé Tôn dạy có ba thợ: lạc thợ, khổ thợ, bất khổ bất lạc thợ. Ba thợ này được Thé Tôn nói đến.

Lần thứ hai, thợ mộc Pancakanga thưa với Tôn giả Udàyi:

-- Thưa Tôn giả Udàyi, Thé Tôn không dạy có ba thợ. Thé Tôn dạy có hai thợ: lạc thợ và khổ thợ. Còn bất khổ bất lạc thợ này, Thé Tôn dạy thuộc vào tề nhị lạc thợ.

6) Lần thứ ba, Tôn giả Udàyi nói với thợ mộc Pancakanga:

-- Nay Pancakanga, Thé Tôn không dạy hai thợ. Thé Tôn dạy có ba thợ: lạc thợ, khổ thợ, bất khổ bất lạc thợ. Ba thợ này được Thé Tôn nói đến.

Lần thứ ba, thợ mộc Pancakanga thưa với Tôn giả Udàyi:

-- Thưa Tôn giả Udàyi, Thé Tôn không dạy có ba thợ. Thé Tôn dạy có hai thợ: lạc thợ, khổ thợ. Còn bất khổ bất lạc thợ này, Thé Tôn dạy thuộc vào tề nhị lạc thợ.

Như vậy, Tôn giả Udàyi không có thể thuyết phục được thợ mộc Pancakanga, và thợ mộc Pancakanga không thể thuyết phục được Tôn giả Udàyi.

7) Tôn giả Ananda nghe được câu chuyện này giữa Tôn giả Udàyi và thợ mộc Pancakanga.

8) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thé Tôn; sau khi đến, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda thuật lại với Thé Tôn tất cả câu chuyện xảy ra giữa Tôn giả Udàyi và thợ mộc Pancakanga.

9) -- Dầu thật có pháp môn (pariyàyam), này Ananda, nhưng thọ mộc Pancakanga không tín thọ Tỷ-kheo Udàyi. Và dầu thật có pháp môn, này Ananda, nhưng Tỷ-kheo Udàyi không tín thọ thợ mộc Pancakanga. Có hai thọ, này Ananda, theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có ba thọ theo pháp giải thích của Ta. Cũng có năm thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có sáu thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có 16 thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có 108 thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Như vậy, này Ananda, là pháp được Ta tuyên bố tùy theo pháp môn.

10) Nay Ananda, dầu cho như vậy là pháp được Ta tuyên bố tùy theo pháp môn, này Ananda, những ai không chịu chấp nhận, không chịu tán đồng, không chịu tùy hỷ lời khéo nói, khéo thuyết với nhau; đối với những người áy sẽ xảy đến như sau: Họ sẽ sống đấu tranh nhau, hủy báng nhau, tranh luận nhau với những khí giới miệng lưỡi. Như vậy là pháp được Ta tuyên bố tùy theo pháp môn. Nay Ananda, dầu cho như vậy là pháp được Ta tuyên bố tùy theo pháp môn, những ai chịu chấp nhận, chịu tán đồng, chịu tùy hỷ lời khéo nói, khéo thuyết với nhau; đối với những người áy, sẽ xảy đến như sau: Họ sẽ sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có tranh luận nhau, như nước với sůa, sống nhìn nhau với cặp mắt từ ái.

11) Và nay Ananda, có năm dục công đức này. Thế nào là năm? Có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay Ananda, có năm dục công đức này. Do duyên năm năm dục công đức này, này Ananda, khởi lên lạc hỷ gì, đây gọi là dục lạc.

12) Nay Ananda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được". Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Có lạc khác với lạc áy, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tề nhị hơn. Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và trú Thiền thứ nhất. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tốt đẹp hơn.

13) Nay Ananda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được". Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc áy, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tề nhị hơn. Và nay Ananda, thế nào là lạc khác với lạc áy còn vi diệu hơn, còn tề nhị hơn? Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo tịnh chỉ các tầm và tú, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tú, nội tỉnh nhứt tâm. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tề nhị hơn.

14) Nay Ananda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được". Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc áy, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tề nhị hơn. Và nay Ananda, thế nào là lạc khác với lạc áy còn vi diệu hơn, còn tề nhị hơn? Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo ly hỷ, trú xả, chánh niệm tĩnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niêm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tề nhị hơn.

15) Nay Ananda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được". Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc áy, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tề nhị hơn. Và nay Ananda, thế nào là lạc khác với lạc áy còn vi diệu hơn, còn tề nhị hơn? Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niêm thanh tịnh. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tề nhị hơn.

16) Nay Ananda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được". Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc áy, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tề nhị hơn. Và nay Ananda, thế nào là lạc khác với lạc áy còn vi diệu hơn, còn tề nhị hơn? Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt các

đối ngại tưởng, không tác ý sai biệt tưởng, biết rằng: "Hư không là vô biên", chúng và trú Không vô biên xứ. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tinh tế hơn.

17) Nay Ananda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thụ được". Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tinh tế hơn... Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chúng và trú Thức vô biên xứ. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tinh tế hơn.

18) Nay Ananda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thụ được". Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tinh tế hơn... Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có sở hữu gì", chúng và trú Vô sở hữu xứ. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tinh tế hơn.

19) Nay Ananda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thụ được". Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tinh tế hơn... Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tinh tế hơn.

20) Nay Ananda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thụ được". Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tinh tế hơn... Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tinh tế hơn.

21) Sự kiện này xảy ra, này Ananda. Có các du sĩ ngoại đạo có thể hỏi như sau: "Sa-môn Gotama nói đến Diệt thọ tưởng định, và tuyên bố là Diệt thọ tưởng định ấy thuộc về lạc. Ý nghĩa này là gì và như thế nào?". Được nói vậy, này Ananda, các du sĩ ngoại đạo cần được trả lời như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn không tuyên bố thuộc về lạc, dựa vào lạc thọ. Nhưng chỗ nào, này chư Hiền, lạc được cảm thọ, chỗ ấy, Thế Tôn tuyên bố cảm thọ thuộc vào lạc thọ".

20. X. Bởi Vị Tỷ Kheo (S.iv,228)

1-2) ...

3) -- Có hai thọ, này các Tỷ-kheo, theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có ba thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có năm thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có sáu thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có 16 thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có 36 thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có 108 thọ theo pháp môn giải thích của Ta.

4-15) ... (giống như đoạn sau của kinh trước, từ số 10 cho đến số 21, chỉ khác trong kinh trước, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda, trong kinh này Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo).

Phần Ba - Phẩm Một Trăm Lẻ Tám Pháp Môn

21. I. Sivaka (S.iv,230)

1) Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá) tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi du sĩ Moliya Sivaka đi đến Thé Tôn; sau khi đến, nói lên với Thé Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

3) Ngoài một bên, du sĩ Moliya Sivaka thưa với Thé Tôn:

-- Thưa Tôn giả Gotama, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, thấy như sau: "Con người cảm thọ cảm giác gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; tất cả thọ ấy đều do nhân đã làm trong quá khứ". Ở đây, Tôn giả Gotama nói như thế nào?

4) -- Nay Sivaka, ở đây, một số cảm thọ khởi lên, phát sanh từ mật (semhà). Nay Siivaka, hoặc là Ông phải tự mình (sàma) biết rằng: "Ở đây, một số cảm thọ khởi lên, phát sanh từ mật". Hay là, nay Siivaka, thế giới chấp nhận là đúng sự thật rằng: "Ở đây, một số cảm thọ khởi lên phát sanh từ mật". Ở đây, nay Siivaka, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào thuyết như sau, thấy như sau: "Con người cảm thọ cảm giác gì, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; tất cả thọ đều do nhân đã làm trong quá khứ"; nếu do họ tự mình biết, họ thật sự đi quá xa; nếu được thế giới chấp nhận là đúng sự thật, họ cũng đi quá xa. Do vậy, Ta tuyên bố rằng các Sa-môn, Bà-la-môn ấy thuộc về tà.

5) Nay Siivaka, ở đây, một số cảm thọ khởi lên, phát sanh từ đàm (niêm dịch) ...

6) Nay Siivaka... khởi lên, phát sanh từ gió...

7) Nay Siivaka... khởi lên, phát sanh từ sự gấp gỡ các... nước trong thân thể (sannipitikàni).

8) Nay Siivaka... khởi lên, phát sanh từ sự gấp gỡ các thời tiết...

9) Nay Siivaka... khởi lên, phát sanh từ sự gấp gỡ các nghịch vận...

10) Nay Siivaka... khởi lên, phát sanh từ các công kích thình lình từ bên ngoài vào...

11) Do quả dị thực của nghiệp, nay Siivaka, ở đây, một số cảm thọ được khởi lên. Nay Siivaka, hoặc là Ông phải tự mình biết rằng: "Ở đây, một số cảm thọ khởi lên vì kết quả dị thực của nghiệp". Hay là, nay Siivaka, thế giới chấp nhận là đúng sự thật rằng: "Ở đây, một số cảm thọ khởi lên vì kết quả dị thực của nghiệp". Ở đây, nay Siivaka, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào thuyết như sau, thấy như sau: "Con người cảm thọ cảm giác gì, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; tất cả thọ đều do nhân đã làm trong quá khứ"; nếu do họ tự mình biết, họ thật sự đi quá xa; nếu được thế giới chấp nhận là đúng sự thật, họ cũng đi quá xa. Do vậy, Ta tuyên bố rằng các Sa-môn, Bà-la-môn ấy thuộc về tà.

12) Khi được nói vậy, du sĩ Moliya Siivaka bạch Thé Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thé Tôn... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

*Mật, niêm dịch và gió,
Sự gấp gỡ các loại nước,
Sự thay đổi thời tiết,
Sự gấp gỡ các nghịch vận,
Sự công kích thình lình,
Nghiệp quả là thứ tám.*

22. II. Một Trăm Lẻ Tám (S.iv,231)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông pháp môn về pháp theo 108 pháp môn. Hãy lắng nghe.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn về pháp theo 108 pháp môn? Có hai thọ, theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có ba thọ, theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có năm thọ, theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có sáu thọ, theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có 18 thọ, theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có 36 thọ, theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có 108 thọ, theo pháp môn thuyết giảng của Ta.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hai thọ? Thọ về thân và thọ về tâm. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hai thọ.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba thọ? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là ba thọ.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là năm thọ? Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là năm thọ.

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu thọ? Thọ do nhẫn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là sáu thọ.

8) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là 18 thọ? Có sáu tư duy thân cận (upavicàrà) với hỷ; có sáu tư duy thân cận với ưu; có sáu tư duy thân cận với xả. Nay các Tỷ-kheo, đây là 18 thọ.

9) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là 36 thọ? Sáu hỷ liên hệ đến gia đình, sáu hỷ liên hệ đến ly dục; sáu ưu liên hệ đến gia đình, sáu ưu liên hệ đến ly dục; sáu xả liên hệ đến gia đình, sáu xả liên hệ đến ly dục. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là 36 thọ.

10) Thế nào là 108 thọ? 36 thọ về quá khứ, 36 thọ về tương lai, 36 thọ về hiện tại. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là 108 thọ. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp môn về pháp theo 108 pháp môn.

23. III. Vị Tỷ Kheo (S.iv,232)

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, thế nào là thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là con đường đưa đến thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?

4) -- Nay Tỷ-kheo, có ba thọ này: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Nay Tỷ-kheo, đây gọi là ba thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Khát ái là con đường đưa đến thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Con đường Thánh đạo Tám ngành này là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ nào, đó là vị ngọt của thọ. Tánh vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của thọ là sự nguy hiểm của thọ. Sự nghiệp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của thọ.

24. IV. Trí Về Quá Khứ (S.iv,233)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh đẳng Chánh giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Thế nào là thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là con đường đưa đến thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?"

3) Và này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Có ba thọ này: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Ái là con đường đưa đến thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Con đường Thánh đạo Tâm ngạnh này là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. Sự nghiệp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của thọ".

4) Nay các Tỷ-kheo, đây là các thọ, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhẫn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

5) Nay các Tỷ-kheo, đây là các thọ tập khởi, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhẫn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

6) Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến thọ tập khởi, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhẫn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

7) Nay các Tỷ-kheo, đây là thọ đoạn diệt, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhẫn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

8) Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe...

9) Nay các Tỷ-kheo, đây là vị ngọt của thọ, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe...

10) Nay các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hiểm của thọ...

11) Nay các Tỷ-kheo, đây là sự xuất ly của thọ, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhẫn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

25. V. Bởi Vì Tỷ Kheo (S.iv,234)

1) Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thé Tôn...

... (Kinh này giống như kinh số 23) ...

26. VI. Sa Môn, Bà La Môn (1) (S.iv,234)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

3) Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của ba thọ này...

4) ... như thật tuệ tri... với thăng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú.

27. VII. Sa Môn, Bà La Môn (2) (S.iv,235)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba thọ. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

... (giống như kinh số 26) ...

28. VIII. Sa Môn, Bà La Môn (3) (S.iv,235)

1-2) ...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không tuệ tri thọ, không tuệ tri thọ tập khởi, không tuệ tri con đường đưa đến thọ tập khởi, không tuệ tri thọ đoạn diệt, không tuệ tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt...

4) ... như thật tuệ tri... tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú...

29. IX. Thanh Tịnh, Không Liên Hệ Đến Vật Chất (S.iv,235)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Nay các Tỷ-kheo, đây là ba thọ.

3) Nay các Tỷ-kheo, có hỷ liên hệ đến vật chất, có hỷ không liên hệ đến vật chất, có hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia; có lạc liên hệ đến vật chất, có lạc không liên hệ đến vật chất, có lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia; có xả liên hệ đến vật chất, có xả không liên hệ đến vật chất, có xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia; có giải thoát liên hệ đến vật chất, có giải thoát không liên hệ đến vật chất, có giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại giải thoát không liên hệ đến vật chất kia.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hỷ liên hệ đến vật chất? Nay các Tỷ-kheo, có năm dục công đức này. Thế nào là năm? Có các sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay các Tỷ-kheo, đây là năm dục công đức này. Nay các Tỷ-kheo, do duyên năm dục công đức này, hỷ khởi lên. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hỷ liên hệ đến vật chất.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hỷ không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tú. Làm tịnh chỉ tâm và tú, chứng đạt và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tú, nội tĩnh, nhất tâm. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hỷ không liên hệ đến vật chất.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia? Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khi quán sát tâm giải thoát khỏi tham, khi quán sát tâm giải thoát khỏi sân, khi quán sát tâm giải thoát khỏi si, hỷ được khởi lên. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia.

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc liên hệ đến vật chất? Nay các Tỷ-kheo, có năm dục công đức. Thế nào là năm? Có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay các Tỷ-kheo, đây là năm dục công đức. Nay các Tỷ-kheo, do duyên năm dục công đức này, khởi lên lạc hỷ gì, này các Tỷ-kheo, đây gọi là lạc liên hệ đến vật chất.

8) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tú. Tịnh chỉ các tâm và tú, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tú, nội tĩnh, nhút tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tĩnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng đạt và trú Thiền thứ ba. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là lạc không liên hệ đến vật chất.

9) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia? Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quan sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, lạc và hỷ khởi lên. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia.

10) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả liên hệ đến vật chất? Nay các Tỷ-kheo, có năm dục công đức này. Thế nào là năm? Có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay các Tỷ-kheo, do duyên năm dục công đức này, xả khởi lên. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là xả liên hệ đến vật chất.

11) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn lạc, đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là xả không liên hệ đến vật chất.

12) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia? Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quan sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, xả khởi lên. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia.

13-14) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giải thoát liên hệ đến vật chất? Sự giải thoát liên hệ đến sắc là liên hệ đến vật chất... Sự giải thoát liên hệ đến vô sắc là không liên hệ đến vật chất.

16) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả sự giải thoát không liên hệ đến vật chất kia? Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, giải thoát khởi lên. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả sự giải thoát không liên hệ đến vật chất kia.

CHƯƠNG III
37. TƯƠNG ƯNG NỮ NHÂN

Phần Một - Phẩm Trung Lược**1. I. Khả Ý Và Không Khả Ý (1) (S.iv,238)**

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh, người nữ nhân hoàn toàn không khả ý đối với người đàn ông. Thế nào là năm? Không có nhan sắc, không có tài sản, không có giới hạnh, lười biếng, không sinh con. Nay các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một nữ nhân hoàn toàn không khả ý đối với người đàn ông.

3) Và này các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một nữ nhân hoàn toàn khả ý đối với người đàn ông. Thế nào là năm? Có nhan sắc, có tài sản, có giới hạnh, lành lợi, không biếng nhác, có sanh con. Đầy đủ năm đức tánh này, này các Tỷ-kheo, một nữ nhân hoàn toàn khả ý đối với người đàn ông.

2. II. Khả Ý, Không Khả Ý (2)(S.iv,238)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một người đàn ông hoàn toàn không khả ý đối với nữ nhân. Thế nào là năm? Không có nhan sắc, không có tài sản, không có giới hạnh, lười biếng, không có khả năng sanh con. Nay các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một người đàn ông hoàn toàn không khả ý đối với nữ nhân.

3) Nay các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một người đàn ông hoàn toàn khả ý đối với nữ nhân. Thế nào là năm? Có nhan sắc, có tài sản, có giới hạnh, lành lợi, không biếng nhác, có khả năng sanh con. Nay các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một người đàn ông hoàn toàn khả ý đối với nữ nhân.

3. III. Đặc Thủ (Avenika) (S.iv,239)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm đau khổ riêng biệt mà người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông. Thế nào là năm?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, người đàn bà lúc trẻ tuổi đi đến nhà chồng, không có bà con. Đây là đau khổ riêng biệt thứ nhất, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu điều đó khác biệt với đàn ông.

4) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà có kinh nguyệt. Đây là đau khổ riêng biệt thứ hai, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

5) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải mang thai. Đây là sự đau khổ riêng biệt thứ ba, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

6) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người đàn bà phải sanh con. Đây là đau khổ riêng biệt thứ tư, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

7) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà hầu hạ đàn ông. Đây là đau khổ riêng biệt thứ năm, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

8) Nay các Tỷ-kheo, đây là năm đau khổ riêng biệt, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

4. IV. Ba Sự Việc (S.iv,240)

1) ...

2) -- Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phần lớn sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là ba?

3) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, người đàn bà, vào buổi sáng, ở nhà với tâm bị xan tham ám ảnh, vào buổi trưa, ở nhà với tâm bị tật đố ám ảnh, vào buổi chiều, ở nhà với tâm bị dục tham (kàmaràgam) ám ảnh.

4) Nay các Tỷ-kheo, đây đủ ba pháp này, người đàn bà phần lớn sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

(Anuruddha I. Phản đen)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, con thấy người đàn bà, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Bạch Thế Tôn, nữ nhân, do đây đủ những pháp gì, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?

5. V. Phẫn Nộ (S.iv,240)

1-2-3) ...

4) -- Đây đủ năm pháp, này Anuruddha, người đàn bà, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là năm?

5) Đó là bất tín, là vô tàm, là vô quý, là phẫn nộ, là ác tuệ.

6) Đây đủ năm pháp này, này Anuruddha, người đàn bà, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

6. VI. Có Hận (Upanàhi) (S.iv,241)

...(như kinh trên, chỉ thế có hận vào pháp thứ tư) ...

7. VII. Tật Đố (Issukii) (S.iv,241)

...(như kinh trên, chỉ thế có tật đố vào pháp thứ tư) ...

8. VIII. Do Xan Tham (Macharena) (S.iv,241)

...(như kinh trên, chỉ thê xan tham vào pháp thứ tư) ...

9. IX. Phạm Dâm (Aticari) (S.iv,242)

...(như kinh trên, chỉ thê phạm dâm vào pháp thứ tư) ...

10. X. Ác Giới (S.iv,242)

...(như kinh trên, chỉ thê ác giới vào pháp thứ tư) ...

11. XI. Ít Nghe (S.iv,242)

...(như kinh trên, chỉ thê ít nghe vào pháp thứ tư) ...

12. XII. Biéng Nhác (Kusita) (S.iv,242)

...(như kinh trên, chỉ thê biéng nhác vào pháp thứ tư) ...

13. XIII. Thất Niệm (Mutthassati) (S.iv,242)

...(như kinh trên, chỉ thê thất niệm vào pháp thứ tư) ...

14. XIV. Năm Cấm (Pancaveram) (S.iv,243)

1-2-3) ...

4) -- Đầy đủ năm pháp, này Anuruddha, người đàn bà, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là năm?

5) Đó là sát sanh, là lấy của không cho, là tà hạnh trong các dục, là nói láo, là say đắm rượu men, rượu nấu.

6) Đầy đủ năm pháp này, này Anuruddha, người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Phân Hai - Phẩm Trung Lược

(Anuruddha II. Phân trắng)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Thê Tôn...

3) Ngồi một bên, Tôn giả Anuruddha bạch Thê Tôn:

-- Ở đây, bạch Thê Tôn, với thiền nhã thanh tịnh siêu nhân, con thấy người đàn bà, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, thiền giới, thế giới này. Đầy đủ bao nhiêu pháp, bạch Thê Tôn,

người đàn bà, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiên giới, thế giới này?

15. I. Không Phẫn Nộ (S.iv,243)

1-2-3) ...

4) -- Đầy đủ năm pháp, này Anuruddha, người đàn bà, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiên giới, thế giới này. Thế nào là năm?

5) Có lòng tin, có lòng tám, có lòng quý, không phẫn nộ, có trí tuệ.

6) Đầy đủ năm pháp này, này Anuruddha, một người đàn bà, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiên giới, cõi đời này.

16-24. II-X. (S.iv,245)

(Các đoạn này trái với đoạn 6-14 trước, như không có hận, không tật đố, không xan tham, không phạm dâm, không ác giới, không ít nghe, không biếng nhác, không thất niệm, không có nǎm cám)

Phần Ba - Phẩm Các Sức Mạnh

25. I. Không Sợ Hãi (Visàradà) (S.iv,246)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, người đàn bà có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Sức mạnh sắc đẹp, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, sức mạnh giới hạnh. Này các Tỷ-kheo, người đàn bà có đầy đủ năm sức mạnh này.

3) Đầy đủ năm sức mạnh này, này các Tỷ-kheo, người đàn bà sống ở nhà không có sợ hãi.

26. II. Úc Chê (Pasaykà) (S.iv,246)

... (Giống như kinh trước, chỉ khác đoạn kết luận: " Đầy đủ năm sức mạnh này, này các Tỷ-kheo, người đàn bà sống ở nhà, úc chê người chồng ") ...

27. III. Chinh Phục (Abhibhùyya) (S.iv,246)

... (Giống như Kinh trước, chỉ khác đoạn kết luận: " Đầy đủ năm sức mạnh này, này các Tỷ-kheo, người đàn bà sống ở nhà tiếp tục (vattati) chinh phục người chồng ") ...

28. IV. Một (S.iv,246)

1) ...

2) -- Do đầy đủ một sức mạnh, này các Tỷ-kheo, người đàn ông tiếp tục chinh phục người đàn bà. Thế nào là một sức mạnh? Sức mạnh của người làm chủ (isariyabala).

3) Người đàn bà đã bị chinh phục bởi sức mạnh của người làm chủ, này các Tỷ-kheo, thời sức mạnh nhan sắc không che chở được, sức mạnh tài sản không che chở được, sức mạnh bà con không che chở

được, sức mạnh con trai không che chở được, sức mạnh giới hạnh không che chở được.

29. V. Bộ Phận (S.iv,247)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, người đàn bà có năm sức mạnh này: sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, sức mạnh giới hạnh.

3) Người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, này các Tỷ-kheo, nhưng không có sức mạnh tài sản, như vậy người đàn bà ấy không đầy đủ bộ phận ấy. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc và sức mạnh tài sản, như vậy đàn bà đầy đủ bộ phận ấy.

4) Nay các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc và sức mạnh tài sản, nhưng không có sức mạnh bà con, như vậy người đàn bà ấy không đầy đủ bộ phận ấy. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản và sức mạnh bà con, như vậy người đàn bà ấy đầy đủ bộ phận ấy.

5) Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, nhưng không có sức mạnh con trai, như vậy người đàn bà ấy không đầy đủ bộ phận ấy. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con và sức mạnh con trai, như vậy người đàn bà ấy đầy đủ bộ phận ấy.

6) Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, nhưng không có sức mạnh giới hạnh, như vậy người đàn bà ấy không đầy đủ bộ phận ấy. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh con trai, sức mạnh bà con và sức mạnh giới hạnh, như vậy người đàn bà ấy đầy đủ bộ phận ấy.

7) Nay các Tỷ-kheo, đây là năm sức mạnh của người đàn bà.

30. VI. Họ Đuối Đi (S.iv,247)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, người đàn bà có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, sức mạnh giới hạnh.

3) Nay các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, nhưng không có sức mạnh giới hạnh, thời họ đuổi người đàn bà ấy, không cho ở trong gia đình. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc và sức mạnh tài sản, nhưng không có sức mạnh giới hạnh, thời họ đuổi người đàn bà ấy, không cho ở trong gia đình. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, nhưng không có sức mạnh giới hạnh, thời họ đuổi người đàn bà ấy, không cho ở trong gia đình. Và này các Tỷ-kheo, nếu người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, nhưng không có sức mạnh giới hạnh, thời họ đuổi người đàn bà ấy, không cho ở trong gia đình.

4) Nay các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh giới hạnh, nhưng không có sức mạnh nhan sắc, thời họ để người đàn bà ấy ở trong gia đình, không có đuổi đi. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà có sức mạnh giới hạnh, nhưng không có sức mạnh tài sản, thời họ để người đàn bà ấy ở trong gia đình, không có đuổi đi. Nay các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh giới hạnh, nhưng không có sức mạnh bà

con, họ đẻ người đàn bà áy ở trong gia đình, không có đuối đi. Này các Tỷ-kheo, người đàn bà đày đủ sức mạnh giới hạnh, nhưng không có sức mạnh con trai, thời họ đẻ người đàn bà áy ở trong gia đình, không có đuối đi.

5) Này các Tỷ-kheo, đây là năm sức mạnh của người đàn bà.

31. VII. Nhân (S.iv,248)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của người đàn bà. Thế nào là năm? Sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, sức mạnh giới hạnh.

3) Này các Tỷ-kheo, người đàn bà không do nhân nhan sắc, không do nhân tài sản, không do nhân bà con hay không do nhân con trai, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

4) Này các Tỷ-kheo, người đàn bà do nhân giới hạnh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

5) Này các Tỷ-kheo, đây là năm sức mạnh của người đàn bà.

32. VIII. Sự Kiện (Thànam) (S.iv,249)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm sự kiện này thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được. Thế nào là năm?

3) "Mong rằng tôi được sanh trong một gia đình thích đáng!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ nhất thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được. "Mong rằng sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, tôi được đi đến (làm vợ) một gia đình thích đáng!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ hai thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, sau khi được đi đến (làm vợ) một gia đình thích đáng, mong rằng tôi được sống trong một gia đình không có người vợ địch thủ!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ ba thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, sau khi được đi đến (làm vợ) một gia đình thích đáng, sau khi được sống trong một gia đình không có người vợ địch thủ, mong rằng tôi sẽ sanh được người con trai!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ tư thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, sau khi được đi đến (làm vợ) một gia đình thích đáng, sau khi được ở trong một gia đình không có người vợ địch thủ, sau khi sanh được người con trai, mong rằng tôi chinh phục được chồng tôi!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ năm thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được.

Này các Tỷ-kheo, năm sự kiện này thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được.

4) Có năm sự kiện này, này các Tỷ-kheo, thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. Thế nào là năm?

"Mong rằng tôi được sanh vào một gia đình thích đáng!" Nay các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ nhất thật dễ cho người đàn bà làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, mong rằng tôi được đi đến (làm vợ) một gia đình thích đáng!" Nay các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ hai thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được vào một gia đình thích đáng, sau khi được đi đến (làm vợ) một gia đình thích đáng, mong rằng tôi được sống trong một gia đình không có người vợ địch thủ!" Nay các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ ba thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, sau khi được đi đến (làm vợ) một gia đình thích đáng, sau khi được sống trong một gia đình không có người vợ địch thủ, mong rằng tôi được sanh con trai!" Nay các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ tư thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, sau khi được đi đến (làm vợ) một gia đình thích đáng, sau khi được ở trong một gia đình không có người vợ địch thủ, sau khi được sanh con trai, mong rằng tôi chinh phục được người chồng!" Nay các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ năm thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được.

5) Năm sự kiện này, này các Tỷ-kheo, thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được.

33. IX. Không Sợ Hải (S.iv,250)

1) ...

2) -- Đầy đủ năm pháp, này các Tỷ-kheo, người đàn bà sống ở trong nhà không sợ hãi. Thế nào là năm?

3) Gìn giữ không đoạt sanh mạng, gìn giữ không lấy của không cho, gìn giữ không có tà hạnh trong các dục, gìn giữ không có nói láo, gìn giữ không có say đắm rượu men, rượu nâu.

4) Đầy đủ năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người đàn bà sống ở trong nhà không có sợ hãi.

34. X. Tăng Trưởng (S.iv,250)

1) ...

2) -- Được tăng trưởng với năm sự tăng trưởng, này các Tỷ-kheo, một nữ Thánh đệ tử, được tăng trưởng trong Thánh tăng trưởng, năm giữ được những lõi cây (căn bản, tinh vi), năm giữ được những tốt đẹp nhất về thân. Thế nào là năm?

3) Tăng trưởng về lòng tin, tăng trưởng về giới hạnh, tăng trưởng về nghe nhiều (sutena), tăng trưởng về thí xả, tăng trưởng về trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, được tăng trưởng với năm sự tăng trưởng này, này các Tỷ-kheo, một nữ Thánh đệ tử được tăng trưởng trong Thánh tăng trưởng, năm giữ được những lõi cây (căn bản, tinh vi), năm giữ được những điểm tốt đẹp nhất về thân.

*Đời này, ai tăng trưởng,
Lòng tin và giới hạnh,
Với trí tuệ, thí xả,
Với nghe nhiều, cả hai;
Vì nữ cư sĩ áy,
Với giới hạnh như vậy,
Năm giữ được lõi cây,
Cho tự mình ở đời.*

-ooOoo-

CHƯƠNG IV
38. TUƯƠNG ƯNG JAMBUKHÀDAKA

I. Nibbàna (Niết-bàn) (S.iv,251)

- 1) Một thời, Tôn giả Sàriputta trú ở giữa dân chúng Magadha (Ma-kiệt-đà), làng Nàlaka.
- 2) Rồi du sĩ Jambukhàdaka đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.
- 3) Ngoài một bên, du sĩ Jambukhàdaka nói với Tôn giả Sàriputta:
 - "Niết-bàn, Niết-bàn", này Hiền giả Sàriputta, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thế nào là Niết-bàn?
 - Này Hiền giả, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây gọi là Niết-bàn.
- 4) -- Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến chứng đắc Niết-bàn?
- 5) -- Này Hiền giả, có con đường có đạo lộ đưa đến chứng đắc Niết-bàn áy.
- 6) -- Này Hiền giả, con đường áy là gì, đạo lộ áy là gì đưa đến chứng đắc Niết-bàn?
- 7) -- Này Hiền giả, đây là con đường Thánh đạo Tám nganh đưa đến chứng đắc Niết-bàn áy, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này Hiền giả, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến chứng đắc Niết-bàn áy.

II. A-La-Hán (S.iv,251)

- 1-2) ...
- 3) -- "A-la-hán, A-la-hán", này Hiền giả Sàriputta, được gọi là như vậy. Này Hiền giả, thế nào là A-la-hán?
- 4) -- Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến chứng đắc A-la-hán áy?
- 5) -- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến chứng đắc A-la-hán áy.
- 6) -- Này Hiền giả, con đường áy là gì, đạo lộ áy là gì đưa đến chứng đắc A-la-hán áy?
- 7) -- Này Hiền giả, đây là con đường Thánh đạo Tám nganh, tức là chánh tri kiến... chánh định... Này Hiền giả, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến chứng đắc A-la-hán áy.

vừa đủ, này Hiền giả, để không phóng dật.

III. Vị Thuyết Pháp (S.iv,252)

1-2) ...

3) -- Thưa Hiền giả, những ai là những vị thuyết thuận pháp ở đời? Những ai là những vị khéo thực hành ở đời? Những ai là những vị khéo đến ở đời?

4) -- Nay Hiền giả, những ai thuyết pháp để đoạn tận tham, những ai thuyết pháp để đoạn tận sân, những ai thuyết pháp để đoạn tận si; những vị ấy là những vị thuyết thuận pháp ở đời.

5) Nay Hiền giả, những ai thực hành đoạn tận tham, thực hành đoạn tận sân, thực hành đoạn tận si; những vị ấy là những vị khéo thực hành ở đời.

6) Những ai đoạn tận tham, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai đoạn tận sân, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai đoạn tận si, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những vị ấy là những vị khéo đến ở đời.

7) -- Nay Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy?

-- Nay Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy.

8) -- Nay Hiền giả, con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy?

-- Nay Hiền giả, đây là Thánh đạo Tám ngành đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy; tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay Hiền giả, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy.

9) -- Nay Hiền giả, hiền thiện là con đường, hiền thiện là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy. Thật là vừa đủ, này Hiền giả Sàriputta, để không phóng dật.

IV. Có Cái Gì? (S.iv,253)

1) ...

2) -- Với mục đích gì, này Hiền giả Sàriputta, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?

-- Nay Hiền giả, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn với mục đích liễu tri khổ.

3) -- Có con đường nào, có đạo lộ nào, này Hiền giả, đưa đến liễu tri khổ ấy?

-- Có con đường, có đạo lộ, này Hiền giả, đưa đến liễu tri khổ ấy.

4) -- Con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì, này Hiền giả, đưa đến liễu tri khổ ấy?

-- Đây là Thánh đạo Tám ngành, này Hiền giả, tức là chánh tri kiến... chánh định. Đây là con đường, đây là đạo lộ, này Hiền giả, đưa đến liễu tri khổ ấy.

5) -- Này Hiền giả, hiền thiện là con đường, hiền thiện là đạo lộ đưa đến liễu tri khổ áy. Thật là vừa đủ, này Hiền giả, đê khôn phóng dật.

V. Điều Hòa Hơi Thở (Assàsa) (S.iv,254)

1-2) ...

3) -- "Đạt đến điều hòa hơi thở, đạt đến điều hòa hơi thở", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, là đạt đến điều hòa hơi thở?

-- Này Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ, cho đến như vậy là đạt được điều hòa hơi thở.

4) -- Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến sự chứng đắc điều hòa hơi thở áy?

-- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến sự chứng đắc điều hòa hơi thở áy.

5) -- Này Hiền giả, con đường áy là gì, đạo lộ áy là gì đưa đến chứng đắc điều hòa hơi thở áy?

-- Này Hiền giả, đây là con đường Thánh đạo Tâm ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này Hiền giả, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến chứng đắc điều hòa hơi thở áy.

6) -- Này Hiền giả, hiền thiện là con đường...

VI. Điều Hòa Hơi Thở Tối Thượng (S.iv,254)

1-2) ...

3) -- "Đạt đến điều hòa hơi thở tối thượng, đạt đến điều hòa hơi thở tối thượng", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, là đạt đến điều hòa hơi thở tối thượng?

-- Này Hiền giả, Tỷ-kheo sau khi như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ, được giải thoát không có chấp thủ; cho đến như vậy, này Hiền giả, là sự chứng đạt điều hòa hơi thở tối thượng.

4) -- Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến chứng đắc điều hòa hơi thở tối thượng áy?

-- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến chứng đắc điều hòa hơi thở tối thượng áy.

5) -- Này Hiền giả, con đường áy là gì... (như kinh trên, số 5 và 6).

VII. Thọ (S.iv,255)

1-2) ...

3) -- "Thọ, thọ", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là thọ?

-- Có ba thọ, này Hiền giả, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này Hiền giả, đây là những thọ này.

4) -- Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến liễu tri những thọ áy?

-- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến liễu tri những thọ áy.

5) -- Này Hiền giả, con đường áy là gì, đạo lộ áy là gì đưa đến liễu tri những thọ áy? .. (như kinh trên, số 5 và số 6, với những thay đổi cần thiết).

VIII. Lậu Hoặc (S.iv,256)

1-2) ...

3) -- "Lậu hoặc, lậu hoặc", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là lậu hoặc?

-- Có ba lậu hoặc này, này Hiền giả, dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Này Hiền giả, đây là ba lậu hoặc này.

4) -- Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận các lậu hoặc áy?

-- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận các lậu hoặc áy.

5) (Như kinh trên, số 5 và 6, với những thay đổi cần thiết).

IX. Vô Minh. (S.iv,256)

1-2) ...

3) -- "Vô minh, vô minh", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là vô minh?

-- Này Hiền giả, không biết rõ đối với khổ, không biết rõ đối với khổ tập khởi, không biết rõ đối với khổ đoạn diệt, không biết rõ đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, này Hiền giả, đây gọi là vô minh.

4) -- Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận vô minh áy?

-- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận vô minh áy?

5-6) (Như kinh trên, số 5 và số 6, với những thay đổi cần thiết).

X. Khát Ái (S.iv,257)

1-2) ...

3) "Khát ái, khát ái", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là khát ái?

-- Có ba ái này, này Hiền giả, dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Này Hiền giả, đây là ba khát ái này.

4) -- Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận các khát ái áy?

-- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận các khát ái áy.

5-6) (Như kinh trước, số 5 và 6, với những thay đổi cần thiết).

XI. BỘC LƯU (Ogha) (S.iv,257)

1-2) ...

3) "Bộc lưu, bộc lưu", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là bộc lưu?

-- Có bốn bộc lưu này, này dục bộc lưu, Hiền giả, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu. Này Hiền giả, có bốn bộc lưu này.

4) -- Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận các bộc lưu ấy?

-- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận các bộc lưu ấy.

5-6) (Như kinh trước, số 5 và số 6, với những thay đổi cần thiết)

XII. CHẤP THỦ (Upàdànam) (S.iv,258)

1-2) ...

3) -- "Thủ, thủ", này Hiền giả Sàriputta, được gọi là như vậy. Này Hiền giả, thế nào là thủ?

-- Có bốn thủ này, này Hiền giả, dục thủ, kiến thủ, giới cầm thủ, ngã luận thủ. Này Hiền giả, đây là bốn thủ này.

4) -- Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận bốn thủ ấy?

-- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận bốn thủ ấy.

5-6) (Như kinh trên, số 5 và số 6, với những thay đổi cần thiết).

XIII. HỮU (S.iv,258)

1-2) ...

3) -- "Hữu, hữu", này Hiền giả Sàriputta, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thế nào là hữu?

-- Có ba hữu này, này Hiền giả, dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Này Hiền giả, đây là các hữu này.

4) -- Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận các hữu ấy?

-- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận các hữu ấy.

5-6) (Như kinh trước, số 5 và số 6, với những thay đổi cần thiết).

XIV. KHỔ (S.iv,259)

1-2) ...

3) -- "Khô, khô", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là khô?

-- Có ba khô tánh này, này Hiền giả, khô khô tánh, hành khô tánh, hoại khô tánh. Này Hiền giả, đây là ba khô tánh này.

4) -- Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến liễu tri các khô tánh ấy?

-- Này Hiền giả, có con đường có đạo lộ đưa đến đoạn tận các khô tánh ấy.

5-6) (như kinh trước, số 5 và số 6, với những thay đổi cần thiết).

XV. Có Thân (Sakkaya) (S.iv,259)

1-2) ...

3) -- "Có thân, có thân", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là có thân?

-- Năm uẩn này, này Hiền giả, được Thé Tôn gọi là có thân: sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Này Hiền giả, những thủ uẩn này được Thé Tôn gọi là có thân.

4) -- Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến liễu tri có thân ấy?

-- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến liễu tri có thân ấy.

5-6) (như kinh trước, số 5 và số 6, với những thay đổi cần thiết).

XVI. Khó Làm (S.iv,260)

1-2) ...

3) -- Này Hiền giả Sàriputta, trong Pháp luật này, cái gì là khó làm?

-- Xuất gia, này Hiền giả, là điều khó làm trong Pháp luật này.

4) -- Đối với người đã xuất gia, này Hiền giả, cái gì là khó làm?

-- Đối với người đã xuất gia, này Hiền giả, hoan hỷ (abhirati) là điều khó làm.

5) -- Này Hiền giả, đối với người đã hoan hỷ, cái gì là khó làm?

-- Này Hiền giả, đối với người đã hoan hỷ, điều khó làm là sự thực hành đúng pháp và tùy pháp.

6) -- Có lâu không, này Hiền giả, một người đã thực hành đúng pháp và tùy pháp có thể thành vị A-la-hán?

-- Không lâu, này Hiền giả.

CHƯƠNG V
39. TƯƠNG ƯNG SÀMANDAKA

I. Niết Bàn (S.iv,261)

- 1) Một thời Tôn giả Sàriputta ở giữa dân chúng Vajji, trên bờ sông Hằng, tại Ukkavela.
- 2) Rồi du sĩ Sàmandaka đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.
- 3) Ngoài một bên, du sĩ Sàmandaka thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- "Niết-bàn, Niết-bàn", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là Niết-bàn? (Giống như kinh trước, Chương Bốn I, từ số 3 đến số 6.)

II-XV.(S.iv,262)

(Giống như trong Chương Bốn, số 2-15, với những thay đổi cần thiết).

XVI. Khó Lành (S.iv,262)

(Giống như Chương Bốn, số 16)

CHƯƠNG VI
40. TUƯƠNG ƯNG MOGGALĀNA

I. VỚI TẦM (S.iv,262)

1) Một thời Tôn giả Mahà Moggalàna trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Ở đây, Tôn giả Mahà Moggalàna gọi các Tỷ-kheo:

-- Này chư Hiền Tỷ-kheo.

-- Thura Hiền giả.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Tôn giả Mahà Moggalàna.

3) Tôn giả Mahà Moggalàna nói như sau:

-- Ở đây, này chư Hiền, trong khi tôi độc cư Thiền tịnh, tâm tưởng tư duy như sau được khởi lên nơi tôi: "Thiền thứ nhất, Thiền thứ nhất", được gọi là như vậy. Thế nào là Thiền thứ nhất?

4) -- Này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tú. Đây gọi là Thiền thứ nhất.

5) Rồi này chư Hiền, tôi ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tú. Này chư Hiền, do tôi trú với an trú này, các tướng câu hữu với dục (kàma) được tác ý và hiện hành (samudàcaranti).

6) Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói: "Này Moggalàna, này Moggalàna, chớ có phóng dật Thiền thứ nhất. Này Moggalàna, hãy đặt tâm vào Thiền thứ nhất! Hãy nhứt tâm vào Thiền thứ nhất".

7) Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, tôi chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tú.

8) Ngày nay chư Hiền, nếu ai nói một cách chơn chánh: "Vị đệ tử được bậc Đạo Sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí", người ấy sẽ nói về tôi như sau: "Mahà Moggahàna là người đệ tử được bậc Đạo Sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí".

II. KHÔNG TẦM (S.iv,263)

1-2). ..

3) -- "Thiền thứ hai, Thiền thứ hai", được nói đến như vậy. Thế nào là Thiền thứ hai?

4) Và ngày nay chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ các tầm và tú, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tú, nội tĩnh, nhứt tâm". Đây gọi là Thiền thứ hai.

5) Rồi ngày nay chư Hiền, tôi làm cho tịnh chỉ các tầm và tú, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc

do định sanh, không tầm, không tú, nội tĩnh, nhứt tâm. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tướng câu hữu với tâm được tác ý và hiện hành.

6) Rồi này chư Hiền, Thέ Tôn với thần thông đi đến tôi và nói: "Này Moggalàna, này Moggalàna, chớ có phóng dật Thiền thứ hai. Này Bà-la-môn, hãy đặt tâm vào Thiền thứ hai! Hãy nhứt tâm vào Thiền thứ hai! Hãy định tâm vào Thiền thứ hai!"

7) Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, tôi chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tú, nội tĩnh, nhứt tâm.

8) (Như đoạn 8 của kinh trên).

III. VỚI LẠC (S.iv,264)

1-2). ..

3) -- "Thiền thứ ba, Thiền thứ ba", như vậy được nói đến. Như thế nào là Thiền thứ ba?

4) Rồi này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tinh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba". Đây gọi là Thiền thứ ba.

5) Rồi này chư Hiền, tôi ly hỷ trú xả, chánh niệm, tinh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Này chư Hiền, do tôi trú với an trú này, các tướng câu hữu với hỷ được tác ý và hiện hành.

6) Rồi này chư Hiền, Thέ Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggalàna, này Moggalàna, chớ có phóng dật Thiền thứ ba! Này Moggalàna, hãy đặt tâm vào Thiền thứ ba! Hãy nhứt tâm vào Thiền thứ ba! Hãy định tâm vào Thiền thứ ba!"

7) Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, tôi ly hỷ trú xả, chánh niệm tinh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.

8) (Như đoạn 8 của kinh trước)

IV. XẢ (S.iv,265)

1-2). ..

3) -- "Thiền thứ tư, Thiền thứ tư", như vậy được nói đến. Như thế nào là Thiền thứ tư?

4) Ngày nay chư Hiền, rồi tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo xả khổ, xả lạc, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh". Đây gọi là Thiền thứ tư.

5) Rồi ngày nay chư Hiền, tôi xả khổ, xả lạc, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Ngày nay chư Hiền, do tôi trú với an trú này, các tướng câu hữu với lạc được tác ý và hiện hành.

6) Rồi ngày nay chư Hiền, Thέ Tôn với thần thông đi đến tôi và nói: "Này Moggalàna, này Moggalàna, chớ có phóng dật Thiền thứ tư. Ngày Moggalàna, hãy đặt tâm vào Thiền thứ tư! Hãy nhứt tâm vào Thiền thứ

tu! Hãy định tâm vào Thiền thứ tư!"

7) Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, tôi xả lạc, xả khô, diệt hý ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khô, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

8) (Như đoạn 8 của kinh trên).

V. **Hư Không** (S.iv,266)

1-2). ..

3) -- "Không vô biên xứ, Không vô biên xú", như vậy được nói đến. Thế nào là Không vô biên xứ?

4) Nay chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo vượt qua sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt đối ngại tướng, không tác ý sai biệt tướng, tôi biết rằng: 'Hư không là vô biên', chứng và trú Không vô biên xú". Đây gọi là Không vô biên xú.

5) Rồi này chư Hiền, đoạn tận sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt đối ngại tướng, không tác ý sai biệt tướng, tôi biết rằng Hư không là vô biên, chứng và trú Không vô biên xú. Nay chư Hiền, do tôi trú với an trú này, các tướng câu hữu với sắc được tác ý và hiện hành.

6) Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggalāna, này Moggalāna, chớ có phóng dật Không vô biên xú! Nay Moggalāna, hãy đặt tâm vào Không vô biên xú! Hãy nhứt tâm vào Không vô biên xú! Hãy định tâm vào Không vô biên xú!"

7) Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, vượt qua sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt đối ngại tướng, không tác ý sai biệt tướng, tôi biết rằng Hư không là vô biên, chứng và trú Không vô biên xú.

8) (Như đoạn 8 của kinh trên).

VI. **Thức** (S.iv,266)

1-2). ..

3) -- "Thức vô biên xú, Thức vô biên xú", như vậy được nói đến. Thế nào là Thức vô biên xú?

4) Nay chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo vượt qua Không vô biên xú một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Thức là vô biên', chứng và trú Thức vô biên xú". Đây gọi là Thức vô biên xú.

5) Rồi này chư Hiền, vượt qua Không vô biên xú, tôi biết rằng Thức là vô biên, chứng và trú Thức vô biên xú... Nay chư Hiền, do tôi trú với an trú này, các tướng câu hữu với Không vô biên xú được tác ý và hiện hành.

6) Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggalāna, này Moggalāna, chớ có phóng dật Thức vô biên xú! Nay Moggalāna, hãy đặt tâm vào Thức vô biên xú! Hãy nhứt tâm vào Thức vô biên xú! Hãy định tâm vào Thức vô biên xú!"

7) Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, tôi vượt qua Không vô biên xú, biết rằng Thức là vô biên, chứng và trú Thức vô biên xú.

8) (Như đoạn 8 của kinh trên).

VII. Vô Sở Hữu Xứ (S.iv,267)

1-2). ..

3) -- "Vô sở hữu xứ, Vô sở hữu xứ", như vậy được nói đến. Thế nào là Vô sở hữu xứ?

4) Nay chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Không có sự vật gì', chúng và trú Vô sở hữu xứ". Nay chư Hiền, đây gọi là Vô sở hữu xứ.

5) Rồi này chư Hiền, sau khi vượt qua Thức vô biên xứ, tôi biết rằng không có sự vật gì, chúng và trú Vô sở hữu xứ. Nay chư Hiền, do tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với Thức vô biên xứ được tác ý và hiện hành.

6) Rồi này chư Hiền, Thê Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggalàna, này Moggalàna, chó có phóng dật Vô sở hữu xứ. Nay Moggalàna, hãy đặt tâm vào Vô sở hữu xứ! Hãy nhứt tâm vào Vô sở hữu xứ! Hãy định tâm vào Vô sở hữu xứ!"

7) Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, vượt qua Thức vô biên xứ, tôi biết rằng không có sự vật gì, chúng và trú Vô sở hữu xứ.

8) (Như đoạn 8 của kinh trên).

VIII. Phi Tưởng (S.iv,268)

1-2). ..

3) -- "Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ", như vậy được nói đến. Thế nào là Phi tưởng phi phi tưởng xứ?

4) Rồi này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chúng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ". Đây gọi là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

5) Rồi này chư Hiền, tôi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chúng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nay chư Hiền, do tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với Vô sở hữu xứ được tác ý và hiện hành.

6) Rồi này chư Hiền, Thê Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggalàna, này Moggalàna, chó có phóng dật Phi tưởng phi phi tưởng xứ! Nay Moggalàna, hãy đặt tâm vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ! Hãy nhứt tâm vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ! Hãy định tâm vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ!"

7) Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, tôi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chúng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

8) (Như số 8 của kinh trước).

IX. Vô Tưởng (S.iv,268)

1-2). ..

3) -- "Vô tướng tâm định, Vô tướng tâm định" (animitto cete samàdhi), như vậy được nói đến. Thế nào là Vô tướng tâm định?

4) Và này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng và trú Vô tướng tâm định". Đây gọi là Vô tướng tâm định.

5) Rồi này chư Hiền, tôi không tác ý tất cả tướng, chứng và an trú Vô tướng tâm định. Nay chư Hiền, do tôi trú với an trú này, (tôi đạt được) thức tùy thuận tướng (nimittànusarivinnànam).

6) Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thân thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggalàna, này Moggalàna, chớ có phóng dật Vô tướng tâm định! Nay Moggalàna, hãy đặt tâm vào Vô tướng tâm định! Hãy nhứt tâm vào Vô tướng tâm định! Hãy định tâm vào Vô tướng tâm định!"

7) Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, tôi không tác ý tất cả tướng, chứng và trú Vô tướng tâm định.

8) Nay chư Hiền, nếu ai có nói một cách chơn chánh: "Vị đệ tử được bậc Đạo Sư hỗ trợ, chứng và đạt thắng trí". Người ấy sẽ nói về tôi như sau: "Moggalàna là người đệ tử được bậc Đạo Sư hỗ trợ, chứng và đạt thắng trí".

X. Sakka (Đê-thích) (S.iv,269)

1) Một thời Tôn giả Mahà Moggalàna trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Tôn giả Mahà Moggalàna như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, như vậy biến mất ở Jetavana và hiện ra trước mặt chư Thiên ở Tàvatimsa (Tam thập Tam thiên).

I

3) Rồi Thiên chủ Sakka cùng với 500 chư Thiên đi đến Tôn giả Mahà Moggalàna; sau khi đến, đánh lǚ Tôn giả Mahà Moggalàna rồi đứng một bên.

4) Tôn giả Mahà Moggalàna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên:

-- Lành thay, này Thiên chủ, là quy y Phật. Do nhân quy y Phật, này Thiên chủ, ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Lành thay, này Thiên chủ, là quy y pháp. Do nhân quy y Pháp, này Thiên chủ, ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Lành thay, này Thiên chủ, là quy y chúng Tăng. Do nhân quy y chúng Tăng, này Thiên chủ, ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

5) -- Lành thay, này Hiền giả Moggalàna, là quy y Phật. Do nhân quy y Phật, này Hiền giả Moggalàna, ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Lành thay, này Hiền giả Moggalàna, là quy y Pháp, này Hiền giả Moggalàna... là quy y chúng Tăng. Do nhân quy y chúng Tăng, thưa Hiền giả Moggalàna, ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

6-7-8) Thiên chủ Sakka với 600 chư Thiên...

9-10-11) Thiên chủ Sakka với 700 chư Thiên...

12-13-14) Thiên chủ Sakka với 800 chư Thiên...

15-16-17) Thiên chủ Sakka với 8000 chư Thiên... (giống như số 3,4,5 như trên, với những thay đổi cần thiết)...

II

18) Rồi Thiên chủ Sakka với 500 chư Thiên đi đến Tôn giả Mahà Moggalàna; sau khi đến, đánh lẽ Tôn giả Moggalàna rồi đứng một bên.

19) Tôn giả Mahà Moggalàna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên:

-- Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ lòng tin bất động (avecca pasàdena) đối với đức Phật: Đây là Thê Tôn, bậc Úng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thê Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thê Tôn. Do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật, này Thiên chủ, như vậy, ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Lành thay, này Thiên chủ, là lòng tin bất động đối với Pháp: Pháp do Thê Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Do nhân đầy đủ lòng tin bất động như vậy đối với Pháp, này Thiên chủ, ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng: Tế hạnh là chúng đệ tử của Thê Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thê Tôn. Chánh hạnh là chúng đệ tử của Thê Tôn. Thanh tịnh hạnh là chúng đệ tử của Thê Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thê Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước diền vô thượng ở đời. Do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng, này Thiên chủ, ở đây, một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ hoàn toàn các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hủy, không bị phá hoại, không bị lầm tấm, không bị ô nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị ô nhiễm (bởi tham và si), đưa đến Thiên định. Do nhân đầy đủ các giới được các bậc Thánh ái kính, này Thiên chủ, như vậy ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

20) -- Lành thay, thưa Hiền giả Moggalàna, là đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật: Đây là Thê Tôn, bậc Úng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thê Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thê Tôn. Do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật, thưa Hiền giả Moggalàna, ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Lành thay, này Hiền giả Moggalàna, là đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp: Đây là pháp được Thê Tôn khéo giảng... được người có trí tự mình giác hiểu. Do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp, thưa Hiền giả Moggalàna, ở đây một số chúng sinh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Lành thay, thưa Hiền giả Moggalàna, là đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng: Tế hạnh là chúng đệ tử của Thê Tôn... là vô thượng phước diền ở đời. Do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng đệ tử của Thê Tôn, thưa Hiền giả Moggalàna, như vậy, ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Lành thay, thưa Hiền giả Moggalàna, là đầy đủ các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hủy... đưa đến Thiên định. Do nhân đầy đủ các giới được các bậc Thánh ái kính, thưa Hiền giả Moggalàna, như vậy, ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

21-23) Rồi Thiên chủ Sakka với 600 chư Thiên...

24-26) Rồi Thiên chủ Sakka với 700 chư Thiên...

27-29) Rồi Thiên chủ Sakka với 800 chư Thiên...

30) Rồi Thiên chủ Sakka với 8000 chư Thiên đi đến Tôn giả Mahà Moggalàna; sau khi đến, đánh lẽ Tôn giả Mahà Moggalàna rồi đứng một bên.

31) Tôn giả Mahà Moggalàna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên:

-- Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật: Đây là Thê Tôn, bậc Úng Cúng, Chánh Biến Tri... được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

32) -- Lành thay, thưa Hiền giả Moggalàna, là đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật... được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

III

33) Rồi Thiên chủ Sakka cùng với 500 chư Thiên đi đến Tôn giả Mahà Moggalàna...

34) Tôn giả Mahà Moggalàna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên:

-- Lành thay, này Thiên chủ, là quy y Phật. Do nhân quy y Phật, này Thiên chủ, như vậy ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Họ có được 10 pháp hơn chư Thiên khác: thiên thọ mạng, thiên sắc, thiên an lạc, thiên danh dự, thiên thù thắng, thiên sắc, thiên thanh, thiên hương, thiên vị, thiên xúc. Lành thay, này Thiên chủ, là sự quy y Pháp. Do nhân quy y Pháp, này Thiên chủ, như vậy ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Họ có được 10 pháp lợi hơn các chư Thiên khác: thiên thọ mạng... thiên xúc. Lành thay, này Thiên chủ, là quy y Tăng. Do nhân quy y Tăng, này Thiên chủ, như vậy, ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Họ có được 10 pháp lợi hơn các chư Thiên khác: thiên thọ mạng... thiên xúc.

35) -- Lành thay, thưa Hiền giả Moggalàna, là quy y Phật... thiên xúc (như trên).

36-38) Rồi Thiên chủ Sakka với 600 Thiên nhơn...

39-41) Rồi Thiên chủ Sakka với 700 Thiên nhơn...

42-44) Rồi Thiên chủ Sakka với 800 Thiên nhơn...

45-47) Rồi Thiên chủ Sakka với 8000 Thiên nhơn...

IV

48) Rồi Thiên chủ Sakka với 500 Thiên nhơn đi đến Tôn giả Mahà Moggalàna; sau khi đến, đánh lẽ Tôn giả Mahà Moggalàna rồi đứng một bên.

49) Rồi Tôn giả Mahà Moggalàna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên:

-- Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật: Đây là Thê Tôn, bậc Úng Cúng, Chánh Biến Tri... Thê Tôn. Do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật, ở đây một số

chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Họ có được 10 pháp lợi hơn các chư Thiên khác: thiền thọ mạng... thiền xúc. Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp... lòng tin bất động đối với chúng Tăng... là đầy đủ các giới được bậc Thánh ái kính... thiền xúc.

50) -- Lành thay, thưa Hiền giả Moggalāna, là đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật... thiền xúc.

51-53) Rồi Thiên chủ Sakka với 600 chư Thiên...

54-56) Rồi Thiên chủ Sakka với 700 chư Thiên...

57-60) Rồi Thiên chủ Sakka với 800 chư Thiên...

61-63) Rồi Thiên chủ Sakka với 8000 chư Thiên... thiền xúc.

XI. Candana (S.iv,280)

1-63) Rồi Thiên tử Candana...

1-63) Rồi Thiên tử Suyāma...

1-63) Rồi Thiên tử Santusita...

1-63) Rồi Thiên chủ Sunimmita...

1-63) Rồi Thiên tử Vasavatti...

CHƯƠNG VII
41. TƯƠNG ƯNG TÂM

I. Kiết Sứ (S.iv,281)

- 1) Một thời, một số đông Tỷ-kheo trưởng lão trú ở Macchikasanda, tại rừng Ambataka.
- 2) Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo trưởng lão, sau buổi ăn đi khất thực trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà tròn, và giữa những vị này, câu chuyện sau đây được khởi lên:
 - Nay chư Hiền, kiết sứ hay các pháp bị kiết sứ; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ?
- 3) Ở đây, một số Tỷ-kheo trưởng lão trả lời:
 - Nay chư Hiền, kiết sứ hay các pháp bị kiết sứ; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ.
- Một số Tỷ-kheo trưởng lão trả lời:
 - Nay chư Hiền, kiết sứ hay các pháp bị kiết sứ; những pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ.
- 4) Lúc bấy giờ, cư sĩ Citta đi đến Migapathaka để làm một số công việc phải làm.
- 5) Cư sĩ Citta được nghe có một số đông Tỷ-kheo trưởng lão, sau buổi ăn đi khất thực trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà tròn, và giữa những vị này, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Nay chư Hiền, kiết sứ hay các pháp bị kiết sứ; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ?" Một số Tỷ-kheo trưởng lão trả lời: "Nay chư Hiền, kiết sứ hay các pháp bị kiết sứ; những pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ". Một số Tỷ-kheo trưởng lão trả lời: "Nay chư Hiền, kiết sứ hay các pháp bị kiết sứ; những pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ".
- 6) Rồi cư sĩ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão ấy; sau khi đến, đánh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên.
- 7) Ngồi một bên, cư sĩ Citta thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:
 - Bạch chư Thượng tọa, (chúng con) được nghe có một số đông Tỷ-kheo trưởng lão, sau buổi ăn đi khất thực trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà tròn, và giữa các vị này, khởi lên câu chuyện sau đây: "Nay chư Hiền, kiết sứ hay các pháp bị kiết sứ; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ". Một số Tỷ-kheo trưởng lão trả lời: "Nay chư Hiền, kiết sứ hay các pháp bị kiết sứ; những pháp này đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ".
 - Có vậy, này Cư sĩ.
- 8) -- Bạch chư Thượng tọa, kiết sứ hay các pháp bị kiết sứ; các pháp này là khác nghĩa và cũng khác ngôn từ. Bạch chư Thượng tọa, con sẽ nói lên một ví dụ cho quý vị. Ở đây, một số người có trí, nhờ ví dụ hiểu được ý nghĩa lời nói.
- 9) Bạch chư Thượng tọa, ví như một con bò đực đen và con bò đực trắng được dính lại với nhau bởi một sợi dây hay một cái ách. Nếu có người nói: "Con bò đực đen là kiết sứ cho con bò đực trắng, và con bò

đực trắng là kiết sử cho con bò đực đen". Nói như vậy có phải là nói một cách chơ chánh không?

-- Thưa không, này Cư sĩ. Này Cư sĩ, con bò đực đen không phải là kiết sử của con bò đực trắng. Và con bò đực trắng cũng không phải là kiết sử của con bò đực đen. Do vì chúng bị dính bởi một sợi dây hay bởi một cái ách, ở đây chính cái ấy là kiết sử.

10) -- Cũng vậy, bạch chư Thượng tọa, con mắt không phải là trói buộc của các sắc; các sắc không phải là trói buộc của con mắt. Và ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham gì, dục tham áy ở đây chính là trói buộc. Cái tai không phải là trói buộc của các tiếng... Mũi không phải là trói buộc của các hương... Lưỡi không phải là trói buộc của các vị... Thân không phải là trói buộc của các xúc... Ý không phải là trói buộc của các pháp. Các pháp cũng không phải là trói buộc của ý. Và ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham gì, dục tham áy ở đây chính là trói buộc.

11) -- Lợi ích thay cho Ông, này Gia chủ! Khéo lợi ích thay cho Ông, này Cư sĩ! Vì rằng tuệ nhẫn của Ông tiếp tục (kamati) lời dạy thâm sâu của đức Phật.

II. Isidattà (1) (S.iv,283)

1) Một thời, nhiều Tỷ-kheo trưởng lão trú ở Macchikàsanda, tại rừng Ambàtaka.

2) Rồi cư sĩ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đánh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, cư sĩ Citta thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

-- Bạch chư Thượng tọa, mong rằng chư vị trưởng lão ngày mai nhận lời mời dùng bữa ăn của con.

Các Tỷ-kheo trưởng lão im lặng nhận lời.

4) Rồi cư sĩ Citta, sau khi biết các Tỷ-kheo trưởng lão đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão, thân phía hữu hướng về các vị rồi ra đi.

5) Các vị Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của cư sĩ Citta; sau khi đến, ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn.

6) Cư sĩ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đánh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên.

7) Ngồi một bên, cư sĩ Citta thưa với Tôn giả Thera:

-- Thưa Tôn giả Thera, "Giới sai biệt, giới sai biệt" (dhàtunànattam) được nói đến như vậy. Bạch Thượng tọa, cho đến như thế nào, Thế Tôn nói đến giới sai biệt?

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Thera giữ im lặng.

8) Lần thứ hai, cư sĩ Citta thưa với Tôn giả Thera:

-- Thưa Tôn giả Thera, "Giới sai biệt, giới sai biệt" được nói đến như vậy. Bạch Thượng tọa, cho đến như thế nào, Thế Tôn nói đến giới sai biệt?

Lần thứ hai, Tôn giả Thera giữ im lặng.

9) Lần thứ ba, gia chủ Citta thưa với Tôn giả Thera:

-- Thưa Tôn giả Thera, "Giới sai biệt, giới sai biệt" được nói đến như vậy. Bạch Thượng tọa, cho đến như thế nào, Thέ Tôn nói đến giới sai biệt?

Lần thứ ba, Tôn giả Thera giữ im lặng.

10) Lúc bấy giờ, Tôn giả Isidattà là Tỷ-kheo mới tu nhất trong chúng Tỷ-kheo ấy.

11) Rồi Tôn giả Isidattà thưa với Tôn giả Thera:

-- Bạch Thượng tọa, con xin trả lời câu hỏi ấy của cư sĩ Citta.

-- Nay Isidattà, hãy trả lời câu hỏi ấy của gia chủ Citta.

12) -- Nay Gia chủ, có phải Ông hỏi: "'Giới sai biệt, giới sai biệt', bạch Thượng tọa Thera, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thượng tọa, Thέ Tôn nói đến về giới sai biệt" chăng?

-- Thưa vâng, bạch Thượng tọa.

-- Nay Gia chủ, Thέ Tôn nói về giới sai biệt tánh như sau: "Nhân giới, sắc giới, nhân thức giới... Ý giới, pháp giới, ý thức giới". Cho đến như vậy, nay Cư sĩ, Thέ Tôn nói về giới sai biệt tánh.

13) Gia chủ Citta, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Isidattà nói, tự tay làm cho thỏa mãn, tự tay cúng dường các Tỷ-kheo trưởng lão với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

14) Các Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi ăn xong, rời tay khỏi bát, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

15) Rồi Tôn giả Thera nói với Tôn giả Isidattà:

-- Lành thay, nay Hiền giả Isidattà, câu hỏi này đã được Ông trả lời. Câu hỏi này không được ta trả lời. Nay Hiền giả Isidattà, trong dịp khác, nếu câu hỏi tương tự khởi lên, Hiền giả hãy trả lời như vậy.

III. Isidattà (2) (S.iv,285)

1) Một thời, một số đông Tỷ-kheo trưởng lão trú ở Macchikàsanda, tại rừng Ambàtaka.

2) Rồi gia chủ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đánh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, gia chủ Citta thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

-- Bạch chư Thượng tọa, mong rằng chư vị Trưởng lão ngày mai nhận lời mời dùng bữa ăn của con.

Các Tỷ-kheo trưởng lão im lặng nhận lời.

4) Rồi gia chủ Citta, sau khi biết các Tỷ-kheo trưởng lão đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ các

Tỷ-kheo trưởng lão, thân phía hữu hướng về các vị ấy rồi ra đi.

5) Các Tỷ-kheo trưởng lão ấy, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của gia chủ Citta; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

6) Rồi gia chủ Citta đi đến Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đánh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên.

7) Ngồi một bên, gia chủ Citta bạch Tôn giả Thera:

-- Bạch Thượng tọa Thera, có một số (tà) kiến này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn, hay thế giới là không thường còn? Thế giới là hữu biên, hay thế giới là vô biên? Sinh mạng và thân thể là một, hay sinh mạng và thân thể là khác? Như Lai có tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không tồn tại sau khi chết? Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?". Lại có thêm 62 tà kiến này được nói lên trong kinh Phạm Võng. Bạch Thượng tọa, các tà kiến này do cái gì có mặt, chúng có mặt? Do cái gì không có mặt, chúng không có mặt?

Khi được nói vậy, Tôn giả Thera im lặng.

8) Lần thứ hai, gia chủ Citta...

9) Lần thứ ba, gia chủ Citta bạch Tôn giả Thera:

-- Bạch Thượng tọa Thera, có một số (tà) kiến này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn, hay thế giới là vô thường? Thế giới là hữu biên, hay thế giới là vô biên? Sinh mạng và thân thể là một, hay sinh mạng và thân thể là khác? Như Lai có tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không tồn tại sau khi chết? Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?". Lại có thêm 62 tà kiến này được nói lên trong kinh Phạm Võng. Bạch Thượng tọa, các tà kiến này do cái gì có mặt, chúng có mặt? Do cái gì không có mặt, chúng không có mặt?

Lần thứ ba, Tôn giả Thera giữ im lặng.

10) Lúc bấy giờ, Tôn giả Isidattà là Tỷ-kheo mới tu nhất trong chúng Tỷ-kheo ấy.

11) Rồi Tôn giả Isidattà thưa với Tôn giả Thera:

-- Bạch Thượng tọa, con xin trả lời câu hỏi ấy của gia chủ Citta.

-- Nay Isidattà, hãy trả lời câu hỏi ấy của gia chủ Citta.

12) -- Nay Gia chủ, có phải Ông hỏi như sau: "Bạch Thượng tọa Thera, có một số (tà) kiến này khởi lên ở đời: 'Thế giới là thường còn...' Bạch Thượng tọa, các tà kiến này do cái gì có mặt, chúng có mặt? Do cái gì không có mặt, chúng không có mặt" chăng?

-- Thưa vâng, bạch Thượng tọa.

-- Nay Gia chủ, một số (tà) kiến này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn, hay thế giới là vô thường? Thế giới là hữu biên, hay thế giới là vô biên? Sinh mạng và thân thể là một, hay sinh mạng và thân thể là khác? Như Lai có tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không tồn tại sau khi chết? Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?". Lại có thêm

62 tà kiến này được nói lên trong kinh Phạm Võng. Này Gia chủ, do thân kiến có mặt, nên các tà kiến này có mặt. Do thân kiến không có mặt, nên chúng không có mặt?

13) -- Bạch Thượng tọa, như thế nào là thân kiến có mặt?

-- Ở đây, này Gia chủ, kẻ vô văn phàm phu không được thấy các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân. Họ quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc... quán thọ như là tự ngã... tưởng... các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Như vậy, này Gia chủ, là thân kiến có mặt.

14) -- Và như thế nào, bạch Thượng tọa, là thân kiến không có mặt?

-- Ở đây, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử được thấy các bậc Thánh, thuần phục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, được thấy các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân. Vị ấy không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc, không quán thọ... tưởng... hành... không quán thức như tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Như vậy, này Gia chủ, là thân kiến không có mặt.

15) -- Bạch Thượng tọa, Tôn đức (Ayyo) Isidattà từ đâu đến?

-- Này Gia chủ, tôi từ Avanti đến.

-- Bạch Thượng tọa, tại Avanti, có một thiện nam tử tên Isidattà, một người bạn xa cách của chúng tôi, đã xuất gia tu hành?

-- Thưa phải, này Gia chủ.

-- Bạch Thượng tọa, hiện nay Tôn giả ấy ở đâu?

Khi được nói vậy, Tôn giả Isidattà im lặng.

-- Bạch Thượng tọa, có phải Tôn đức ấy là Isidattà chăng?

-- Thưa phải, này Gia chủ.

-- Vậy bạch Thượng tọa, Tôn đức Isidattà hãy thỏa thích ở tại Macchikàsanda. Khả ái là rừng Ambataka! Con sẽ hết sức cố gắng để cung dường Tôn đức Isidattà với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

-- Thật là lời nói chí thiện, này Gia chủ.

16) Rồi Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ lời nói của Tôn giả Isidattà, tự tay làm thỏa mãn, tự tay cúng dường các Tỷ-kheo trưởng lão với các món ăn thượng hạng loại cứng và loại mềm.

17) Rồi các Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi ăn xong, rời tay khôi bát, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

18) Rồi Tôn giả Thera nói với Tôn giả Isidattà:

-- Lành thay, này Hiền giả Isidattà, câu hỏi này đã được Hiền giả trả lời. Câu hỏi này không được ta trả lời. Nay Hiền giả Isidattà, trong dịp khác, nếu câu hỏi tương tự khởi lên, Hiền giả hãy trả lời như vậy.

IV. Mahaka (S.iv,288)

- 1) Một thời, một số đông các Tỷ-kheo trưởng lão trú tại Macchikàsanda, tại rừng Ambàtaka.
- 2) Rồi gia chủ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đánh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, gia chủ Citta thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

-- Bạch chư Thượng tọa, mong rằng chư vị trưởng lão ngày mai nhận lời mời dùng bữa ăn của con.

Các Tỷ-kheo trưởng lão im lặng nhận lời.

4-5) (Như đoạn 4,5 của kinh trước).

6) Rồi gia chủ Citta tự tay làm cho thỏa mãn, tự tay cúng dường các Tỷ-kheo trưởng lão với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

7) Các Tỷ-kheo trưởng lão sau khi ăn xong, rời tay khỏi bát, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi gia chủ Citta, sau khi nói: "Hãy thâu lượm lại các đồ ăn dư tàn", liền đi theo sau lưng các Tỷ-kheo trưởng lão.

8) Lúc bấy giờ, trời nóng rất là gay gắt (kutthitam). Và các Tỷ-kheo trưởng lão ấy đi với thân như bị chảy thành nước, vì các vị ấy đã ăn bữa ăn đầy đủ.

9) Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahaka là vị mới tu nhất giữa chúng Tỷ-kheo ấy. Rồi Tôn giả Mahaka thưa với Tôn giả Thera:

-- Lành thay, bạch Thượng tọa Thera, nếu có luồng gió mát thổi, có cơn giông nổi lên, có mưa tùng hột xuồng.

-- Lành thay, này Hiền giả Mahaka, nếu có luồng gió mát thổi, có cơn giông nổi lên, có mưa tùng hột xuồng.

10) Rồi Tôn giả Mahaka thực hành thần thông khiến cho gió mát thổi, cơn giông nổi lên, có mưa tùng hột xuồng.

11) Rồi cư sĩ Citta suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo mới tu nhất trong chúng Tỷ-kheo này lại có được thần thông lực như vậy".

12) Rồi Tôn giả Mahaka sau khi đến ngôi vườn (tịnh xá) liền nói với Tôn giả Thera:

-- Bạch Thượng tọa Thera, như vậy là vừa rồi.

-- Như vậy là vừa rồi, này Hiền giả Mahaka. Làm như vậy là vừa rồi, này Hiền giả Mahaka. Cúng dường như vậy là vừa rồi, này Hiền giả Mahaka.

13) Rồi các Tỷ-kheo trưởng lão đi đến ngôi tịnh xá, còn Tôn giả Mahaka đi đến tịnh xá của mình.

14) Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Mahaka; sau khi đến, đánh lẽ Tôn giả Mahaka rồi ngồi xuống một bên.

15) Ngồi một bên, gia chủ Citta nói Tôn giả Mahaka:

-- Lành thay, bạch Thượng tọa, nếu Tôn đức Mahaka thị hiện cho con thấy thượng nhân pháp thân thông.

-- Vậy này Gia chủ, hãy trải thượng y trong hành lang và rải một bó cỏ.

-- Thưa vâng, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta vâng đáp Tôn giả Mahaka, cho trải thượng y trong hành lang, và rải một bó cỏ.

16) Rồi Tôn giả Mahaka vào trong tịnh xá, gài then cửa lại, thực hành thần thông lực khiến cho ngọn lửa phun ra từ lỗ ống khóa và giữa các khe cửa, đốt cháy cỏ nhưng không đốt cháy thượng y.

17) Gia chủ Citta đập thượng y, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, đứng một bên.

18) Rồi Tôn giả Mahaka, từ tịnh xá đi ra và nói với gia chủ Citta:

-- Thôi, như vậy là vừa rồi, này Gia chủ.

-- Thôi, như vậy là vừa rồi, thưa Thượng tọa Mahaka. Làm như vậy là vừa rồi, thưa Thượng tọa Mahaka. Cúng dường như vậy là vừa rồi, thưa Thượng tọa Mahaka. Bạch Thượng tọa, mong Tôn đức Mahaka hãy sống thoải mái ở tại Macchikàsanda. Khả ái là rừng Ambàtaka! Con sẽ cố gắng cúng dường cho Tôn giả Mahaka các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

-- Thật là lời nói chí thiện, này Gia chủ!

19) Rồi Tôn giả Mahaka dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, đi ra khỏi Macchikàsanda, và như vậy từ biệt Macchikàsanda không còn trở lui lại nữa.

V. Kàmabhù (1)(S.iv,291)

1) Một thời Tôn giả Kàmabhù trú ở Macchikàsanda, tại rừng Ambàtaka.

2) Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Kàmabhù; sau khi đến, đánh lẽ Tôn giả Kàmabhù rồi ngồi xuống một bên.

3) Tôn giả Kàmabhù nói với gia chủ Citta đang ngồi một bên:

-- Nay Gia chủ, lời này được nói đến:

*Bộ phận được tinh thuần,
Mái trần che màu trắng,
Chỉ có một bánh xe,
Cỗ xe liên tục chạy.
Hãy xem vị đang đến,
Không vi phạm lỗi làm,*

*Chặt đứt được dòng nước,
Không còn bị trói buộc.*

Này Gia chủ, lời nói vắn tắt này, ý nghĩa phải được hiểu như thế nào một cách rộng rãi?

- Bạch Thượng tọa, có phải lời nói này được Thé Tôn nói đến?
- Đúng vậy, này Gia chủ.
- Vậy hãy chờ một lát, bạch Thượng tọa, con sẽ nghĩ đến ý nghĩa.

4) Rồi cư sĩ Citta, sau khi im lặng một lát, thưa với Tôn giả Kàmabhù:

-- "Bộ phận được tinh thuần", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với các giới luật. "Mái trần che màu trắng", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với giải thoát. "Một bánh xe", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với niêm. "Liên tục chạy", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với đi tới đi lui. "Cỗ xe", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với cái thân do bốn đại tạo thành này, do cha mẹ sanh ra, do cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, bị biến hoại, bị tiêu mòn, bị tiêu hủy, bị hủy diệt. Tham, bạch Thượng tọa, là một lỗi lầm. Sân là một lỗi lầm. Si là một lỗi lầm. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng được đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, không có thể tái sanh, không có thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc được gọi là không vi phạm lỗi lầm. "Vị đang đến", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với vị A-la-hán. "Dòng nước", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với khát ái. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khát ái ấy được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, không có thể tái sanh, không có thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc được gọi là chặt đứt được dòng nước.

Tham, bạch Thượng tọa, là trói buộc. Sân là trói buộc. Si là trói buộc. Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, chúng được đoạn tận, chặt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc được gọi là không bị trói buộc.

5) Như vậy, bạch Thượng tọa, lời nói này được Thé Tôn nói đến:

*Bộ phận được tinh thuần,
Mái trần che màu trắng,
Chỉ có một bánh xe,
Cỗ xe liên tục chạy.
Hãy xem vị đang đến,
Không vi phạm lỗi lầm,
Chặt đứt được dòng nước,
Không còn bị trói buộc.*

Bạch Thượng tọa, lời nói vắn tắt này, ý nghĩa cần phải được hiểu rộng là như vậy.

6) --Lợi đắc thay cho Ông, này Gia chủ! Khéo lợi đắc thay cho Ông, này Gia chủ!

Vì rằng tuệ nhẫn của Ông tiếp tục lời dạy thâm sâu của đức Phật.

VI. Kàmabhù (2) (S.iv,193)

1) Một thời Tôn giả Kàmabhù trú tại Macchikàsanda, tại rừng Ambàtaka.

2) Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Kàmabhà; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Kàmabhù, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, gia chủ Citta thưa Tôn giả Kàmabhù:

-- Bạch Thượng tọa, có bao nhiêu hành tất cả?

-- Nay Gia chủ có ba hành: thân hành, khẩu hành và ý hành.

-- Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Kàmabhù nói, rồi hỏi thêm Tôn giả Kàmabhù một câu nữa:

-- Bạch Thượng tọa, thế nào là thân hành? Thế nào là khẩu hành? Thế nào là ý hành?

-- Hơi thở vô, hơi thở ra, này Gia chủ, là thân hành. Tâm và tú là khẩu hành. Tưởng và thọ là ý hành.

-- Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Kàmabhù nói... hỏi thêm câu hỏi nữa:

5) -- Vì sao, bạch Thượng tọa, thở vô thở ra là thân hành? Vì sao tâm và tú là khẩu hành? Vì sao tưởng và thọ là ý hành?

-- Thở vô thở ra, này Gia chủ, thuộc về thân. Các pháp này liên hệ đến thân; do vậy, thở vô thở ra là thân hành. Trước phải tóm cầu, tư sát, này Gia chủ, sau mới phát lời nói; do vậy, tâm và tú là khẩu hành. Tưởng và thọ thuộc về ý. Những pháp này liên hệ đến tâm; do vậy, tưởng và thọ là ý hành.

-- Lành thay, bạch Thượng tọa.

... hỏi thêm câu hỏi nữa:

6) -- Như thế nào, bạch Thượng tọa, là chứng Diệt thọ tưởng định?

-- Nay Gia chủ, Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định không có nghĩ rằng: "Tôi sẽ chứng đạt Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đang chứng đạt Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã chứng đạt Diệt thọ tưởng định". Do tâm vị ấy trước đã được tu tập như vậy, nên đưa đến thành tựu như thật như vậy.

-- Lành thay...

... hỏi thêm câu nữa:

7) -- Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa, những pháp nào được đoạn diệt trước, thân hành, hay khẩu hành, hay ý hành?

-- Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, này Gia chủ, khẩu hành được diệt trước, thứ đến thân hành, rồi đến ý hành.

-- Lành thay...

... hỏi thêm câu hỏi nữa:

8) -- Bạch Thượng tọa, người đã chết, đã mệnh chung, và Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tướng định, giữa những người này có những sai khác gì?

-- Đối với người đã chết, đã mệnh chung, này Gia chủ, thân hành người ấy được đoạn diệt, được khinh an; khẩu hành được đoạn diệt, được khinh an; ý hành được đoạn diệt, được khinh an, thọ mạng được đoạn tận; sức nóng được tịnh chỉ; các căn bị hủy hoại. Còn Tỷ-kheo đã chứng đạt Diệt thọ tướng định, này Gia chủ, thân hành được đoạn diệt, khinh an; khẩu hành được đoạn diệt, khinh an; ý hành được đoạn diệt, khinh an; thọ mạng không bị đoạn tận; sức nóng không bị tịnh chỉ; các căn được trong sáng. Nay Gia chủ, người đã chết, đã mệnh chung và Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tướng định, giữa những người này có những sai khác như vậy.

-- Lành thay...

... hỏi thêm câu hỏi nữa.

9) -- Như thế nào, bạch Thượng tọa, là ra khỏi Diệt thọ tướng định?

-- Nay Gia chủ, Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tướng định không có suy nghĩ: "Tôi sẽ ra khỏi Diệt thọ tướng định", hay: "Tôi đang ra khỏi Diệt thọ tướng định", hay: "Tôi đã ra khỏi Diệt thọ tướng định". Do tâm vị ấy trước đã được tu tập như vậy, nên đưa đến thành tựu như thật như vậy.

-- Lành thay, bạch Thượng tọa...

... hỏi thêm câu hỏi nữa:

10) -- Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tướng định, bạch Thượng tọa, pháp nào khởi lên trước, thân hành, khẩu hành, hay ý hành?

-- Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tướng định, này Gia chủ, ý hành khởi lên trước, rồi đến thân hành, rồi đến khẩu hành.

-- Lành thay, bạch Thượng tọa...

...hỏi thêm câu hỏi nữa:

11) -- Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tướng định, bạch Thượng tọa, cảm giác được bao nhiêu xúc?

-- Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tướng định cảm thọ được ba xúc: không xúc, vô tướng xúc, vô nguyên xúc.

-- Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ... và hỏi thêm câu hỏi nữa:

12) -- Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tướng định, bạch Thượng tọa, tâm thiền về đâu, hướng về đâu, nghiêng về đâu?

-- Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tướng định, này Gia chủ, tâm vị ấy thiền về viễn ly, hướng về viễn ly, nghiêng về viễn ly.

-- Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Kàmabhù nói rồi hỏi thêm câu hỏi nữa:

13) -- Bạch Thượng tọa, có bao nhiêu pháp giúp đỡ nhiều cho sự chứng đắc Diệt thọ tướng định?

-- Thật sự, này Gia chủ, điều Gia chủ cần phải hỏi trước, Gia chủ lại hỏi sau. Tuy vậy, ta sẽ trả lời cho Gia chủ. Nay Gia chủ, có hai pháp giúp đỡ rất nhiều cho Diệt thọ tướng định được chứng đắc. Đó là Chỉ và Quán.

VII. Godatta (S.iv,295)

1) Một thời Tôn giả Godatta trú ở Macchikàsanda, tại Ambàtavana.

2) Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Godatta; sau khi đến, đánh lẽ Tôn giả Godatta rồi ngồi xuống một bên.

3) Tôn giả Godatta nói với gia chủ Citta đang ngồi một bên:

-- Nay Gia chủ, vô lượng tâm giải thoát, vô sở hữu tâm giải thoát, không tâm giải thoát, vô tướng tâm giải thoát, những pháp này là khác ngôn từ, hay đồng nghĩa chỉ khác ngôn từ?

-- Bạch Thượng tọa, có pháp môn, theo pháp môn ấy, các pháp này khác nghĩa, khác ngôn từ. Bạch Thượng tọa, cũng có pháp môn, theo pháp môn ấy, các pháp này đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ.

4) -- Nhưng, này Gia chủ, pháp môn nào, theo pháp môn ấy, các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ?

5) -- Ở đây, bạch Thượng tọa, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bè ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hậu, không sân. Với tâm câu hữu với bi... với tâm câu với hỷ... an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bè ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hậu, không sân. Bạch Thượng tọa, đây gọi là vô lượng tâm giải thoát.

6) Và bạch Thượng tọa, như thế nào là vô sở hữu tâm giải thoát? Ở đây, Tỷ-kheo vượt lên Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Bạch Thượng tọa, đây gọi là vô sở hữu tâm giải thoát.

7) Và bạch Thượng tọa, thế nào là không tâm giải thoát? Ở đây, bạch Thượng tọa, Tỷ-kheo đi đến rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống và suy tư: "Cái này là trống không tự ngã hay ngã sở hữu". Bạch Thượng tọa, đây gọi là không tâm giải thoát.

8) Và bạch Thượng tọa, thế nào là vô tướng tâm giải thoát? Ở đây, bạch Thượng tọa, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng và trú Vô tướng tâm định. Bạch Thượng tọa, đây gọi là vô tướng tâm giải thoát.

9) Đây là pháp môn, bạch Thượng tọa, theo pháp môn ấy, các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ.

10) Và bạch Thượng tọa, pháp môn nào, theo pháp môn ấy, các pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn

tù?

11) Tham dục (rāga) làm sự đeo lường, sân làm sự đeo lường, si làm sự đeo lường. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận, bị cắt tận gốc rễ, bị làm như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa, đối với các vô lượng tâm giải thoát, bất động tâm giải thoát được xem là tối thượng. Nhưng bất động tâm giải thoát này trống không, không có tham; trống không, không có sân; trống không, không có si.

12) Tham dục, bạch Thượng tọa, là một chướng ngại, sân là một chướng ngại, si là một chướng ngại. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận, bị cắt tận gốc rễ, bị làm như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa, đối với các vô sở hữu tâm giải thoát, bất động tâm giải thoát được xem là tối thượng. Nhưng bất động tâm giải thoát này được trống không, không có tham; trống không, không có sân; trống không, không có si.

13) Tham dục, bạch Thượng tọa, tác thành tướng, sân tác thành tướng, si tác thành tướng. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận, bị cắt đứt tận gốc rễ, bị làm như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa, đối với các vô tướng tâm giải thoát, bất động tâm giải thoát được xem là tối thượng. Nhưng bất động tâm giải thoát này trống không, không có tham; trống không, không có sân; trống không, không có si.

14) Đây là pháp môn, bạch Thượng tọa, do pháp môn ấy, các pháp này là đồng nghĩa chỉ khác ngôn từ.

VIII. Nigantha (Ni-kiền-tử) (S.iv,297)

1-2) Lúc bấy giờ, Nigantha Nàtaputta đã đi đến Macchikàsanda với một đại chúng Nigantha.

3) Gia chủ Citta được nghe Nigantha Nàtaputta đã đi đến Macchikàsanda với một đại chúng Nigantha.

4) Rồi gia chủ Citta cùng với một số đông gia chủ khác đi đến Nigantha Nàtaputta; sau khi đến, nói lên những lời hỏi thăm xã giao, sau khi nói lên những lời hỏi thăm xã giao thân hữu liền ngồi xuống một bên.

5) Nigantha Nàtaputta nói với gia chủ Citta đang ngồi một bên:

-- Có phải, này Gia chủ, Ông tin tưởng vào lời dạy này của Sa-môn Gotama: "Có một định không tầm, không tú, có sự đoạn diệt các tầm và tú"?

-- Thưa Tôn giả, ở đây tôi không có đặt lòng tin vào Thệ Tôn trong vấn đề: "Có một Thiền định không tầm, không tú, có sự đoạn diệt các tầm và tú".

6) Được nghe nói vậy, Nigantha Nàtaputta nhìn quanh hội chúng của mình và nói:

-- Chư Tôn giả có thấy chăng? Thật chất trực là gia chủ Citta này! Thật không hư ngụy là gia chủ Citta này! Thật không hư vọng là gia chủ Citta này! Ai nghĩ rằng tầm và tú có thể đoạn diệt được tức là nghĩ rằng có thể trói được gió trong cái lưới. Ai nghĩ rằng tầm và tú có thể đoạn diệt được tức là nghĩ rằng có thể dùng nắm tay của mình để chặn đứng dòng nước sông Hằng.

7) -- Tôn giả nghĩ thế nào, thưa Tôn giả, cái gì thù thắng hơn, trí hay là lòng tin?

-- Nay Gia chủ, trí thù thắng hơn lòng tin.

8) -- Nếu tôi muốn, thura Tôn giả, ly dục, ly bất thiện pháp, tôi chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tú. Nếu tôi muốn, thura Tôn giả, tôi làm tịnh chỉ các tâm và tú... chứng và trú Thiền thứ hai. Nếu tôi muốn, thura Tôn giả, tôi đoạn tận hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba. Nếu tôi muốn, thura Tôn giả, tôi có thể đoạn tận lạc... chứng và trú Thiền thứ tư. Biết như vậy, thura Tôn giả, thấy như vậy, tôi sẽ đi đến lòng tin đối với bát cứ vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn nào rằng: "Có Thiền định không tâm, không tú, có sự đoạn diệt các tâm và tú".

9) Khi nghe nói vậy, Nigantha Nàtaputta nhìn quanh hội chúng của mình và nói:

-- Chư Tôn giả có thấy chăng? Thật không chất trực là gia chủ Citta này! Thật hư ngụy là gia chủ Citta này! Thật hư vọng là gia chủ Citta này!

-- Thura Tôn giả, tôi hiểu lời nói của Tôn giả rằng: "Chư Tôn giả có thấy chăng? Thật chất trực là gia chủ Citta này! Thật không hư ngụy là gia chủ Citta này! Thật không hư vọng là gia chủ Citta này!". Và này, thura Tôn giả, tôi hiểu lời nói của Tôn giả rằng: "Chư Tôn giả có thấy chăng? Thật không chất trực là gia chủ Citta này! Thật hư ngụy là gia chủ Citta này! Thật hư vọng là gia chủ Citta này!"

10) Thura Tôn giả, nếu lời nói đầu tiên của Tôn giả là chơn chánh, thời lời nói sau của Tôn giả là hư ngụy. Thura Tôn giả, nếu lời nói sau của Tôn giả là chơn chánh, thời lời nói đầu của Tôn giả là hư ngụy. Thura Tôn giả, có mười câu hỏi hợp lý này, nếu Tôn giả hiểu ý nghĩa của chúng, thời Tôn giả đắm trả (patihareyyasi) tôi một đắm cùng với chúng Nigantha. Một câu hỏi, một câu giải thích, một câu trả lời. Hai câu hỏi, hai câu giải thích, hai câu trả lời. Ba câu hỏi, ba câu giải thích, ba câu trả lời. Bốn câu hỏi, bốn câu giải thích, bốn câu trả lời. Năm câu hỏi, năm câu giải thích, năm câu trả lời. Sáu câu hỏi, sáu câu giải thích, sáu câu trả lời. Bảy câu hỏi, bảy câu giải thích, bảy câu trả lời. Tám câu hỏi, tám câu giải thích, tám câu trả lời. Chín câu hỏi, chín câu giải thích, chín câu trả lời. Mười câu hỏi, mười câu giải thích, mười câu trả lời.

11) Rồi gia chủ Citta không hỏi Nigantha Nàtaputta mười câu hỏi hợp lý này, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

IX. Acela (Lõa thê) (S.iv,300)

1)... .

2) Lúc bấy giờ lõa thê Kassapa đã đi đến Macchikàsanda, một bạn cũ của gia chủ Citta khi còn là gia chủ.

3) Gia chủ Citta nghe lõa thê Kassapa, một bạn cũ của mình khi còn là gia chủ, đã đến Macchikàsanda.

Rồi gia chủ Citta đi đến lõa thê Kassapa; sau khi đến, nói lên với lõa thê Kassapa những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

4) Ngồi một bên, gia chủ Citta nói với lõa thê Kassapa:

-- Tôn giả Kassapa, Tôn giả xuất gia đã bao lâu?

-- Nay Gia chủ, ta đã xuất gia khoảng ba mươi năm.

5) -- Thura Tôn giả, trong ba mươi năm ấy, Tôn giả có chứng được pháp thương nhơn nào, tri kiến thù thắng nào xứng đáng bậc Thánh và được lạc trú?

-- Nay Gia chủ, trong suốt ba mươi năm ấy, ta không chứng được và không được lạc trú một pháp thượng nhân nào, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, ngoại trừ sự lõa thể, sự trọc đầu, sự phuôi bụi và đất cát (pàvàlanipphotana).

6) Khi nghe nói vậy, gia chủ Citta nói với lõa thể Kassapa:

-- Thật là bất tư nghì, thật là hy hữu, chánh pháp được thuyết trong suốt ba mươi năm ấy, không chứng được, không được lạc trú một pháp thượng nhân nào, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!

7) -- Nay Gia chủ, đã bao lâu Ông làm người cư sĩ?

-- Thura Tôn giả, tôi thành người cư sĩ đã được ba mươi năm.

8) -- Trong suốt ba mươi năm ấy, này Gia chủ, Ông có chứng được và được lạc trú pháp thượng nhân nào, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?

-- Sao lại không vậy được, thura Tôn giả! Nếu tôi muôn, thura Tôn giả, tôi ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tú. Nếu tôi muôn, thura Tôn giả, tôi chỉ tịnh tâm và tú... chứng và trú Thiên thứ hai. Nếu tôi muôn, thura Tôn giả, ly hỷ... tôi chứng và trú Thiên thứ ba. Nếu tôi muôn, thura Tôn giả, đoạn tận lạc... tôi chứng và trú Thiên thứ tư. Nếu tôi mệnh chung sớm hơn Thế Tôn, thura Tôn giả, không có gì lạ, nếu Thế Tôn sẽ nói về tôi như sau: "Không có một kiết sử nào, do bị trói buộc bởi kiết sử ấy, Citta trở lui tại thế giới này nữa".

9) Khi nghe nói vậy, lõa thể Kassapa nói với gia chủ Citta:

-- Thật là vi diệu, thura Tôn giả! Thật là hy hữu, thura Tôn giả, Chánh pháp được khéo thuyết. Một gia chủ mặc áo trắng lại có thể chứng đạt được, lại có thể lạc trú pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh! Thura Gia chủ, hãy cho tôi được xuất gia trong Pháp và Luật này. Hãy cho tôi thọ đại giới.

10) Rồi gia chủ Citta đưa lõa thể Kassapa đến một số Tỳ-kheo trưởng lão; sau khi đến, thura với các Tỳ-kheo trưởng lão:

-- Bạch chư Thượng tọa, lõa thể Kassapa này là một người bạn của chúng con khi chúng con còn là gia chủ. Chư Thượng tọa hãy cho người này xuất gia, cho thọ đại giới. Con sẽ cố gắng cúng dường các vật liệu như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

11) Lõa thể Kassapa được xuất gia trong Pháp và Luật này, được thọ đại giới. Được thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Kassapa sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu vị ấy đạt được mục đích mà các thiện nam tử chọn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến: đó là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, tự mình chứng tri với thượng trí, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

12) Và Tôn giả Kassapa trở thành một vị A-la-hán nữa.

X. Thăm Người Bệnh (S.iv,302)

1-2) Lúc bấy giờ, gia chủ Citta bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh.

3) Rồi số đông chư Thiên ở hoa viên, chư Thiên ở rừng, chư Thiên ở cây, chư Thiên ở rừng các dược thảo, các cây trong rừng tụ hội lại và nói với gia chủ Citta:

-- Nay Gia chủ hãy nguyện: "Trong tương lai, ta sẽ thành vua Chuyển luân Thánh vương!"

Khi được nghe nói vậy, gia chủ Citta nói với chư Thiên ở hoa viên, chư Thiên ở rừng, chư Thiên ở cây, chư Thiên ở rừng các dược thảo, các cây trong rừng:

-- Cái ấy là vô thường, cái ấy là không thường hằng, cái ấy cần phải bỏ đi và vượt qua.

4) Khi được nghe nói vậy, các bạn bè thân hữu, các bà con huyết thống nói với gia chủ Ciita:

-- Nay Thiện gia nam tử, hãy an trú chánh niệm, chớ có nói lung tung.

-- Tôi nói với các vị những gì khiến các vị nói với tôi: "Nay Thiện gia nam tử, hãy an trú chánh niệm, chớ có nói lung tung"?

-- Nay Thiện nam tử, vì Ông nói như sau: "Cái ấy là vô thường, cái ấy là không thường hằng, cái ấy cần phải bỏ đi và vượt qua".

-- Vì rằng, chư Thiên các hoa viên, chư Thiên ở rừng, chư Thiên ở cây, chư Thiên trú ở rừng các dược thảo, các cây trong rừng đã nói với tôi như sau: "Nay Gia chủ, hãy nguyện: 'Trong tương lai, ta sẽ thành vua Chuyển luân Thánh vương'". Cho nên tôi mới trả lời với họ: 'Cái ấy là vô thường, cái ấy là không thường hằng, cái ấy cần phải bỏ đi và vượt qua"'.

5) -- Nay Thiện gia nam tử, các chư Thiên ở hoa viên... các cây trong rừng đã quán thấy ý nghĩa gì mà nói với Ông: "Nay Gia chủ hãy nguyện: 'Trong tương lai, ta sẽ thành vua Chuyển luân Thánh vương'"?

-- Các chư Thiên ở hoa viên, chư Thiên ở rừng, chư Thiên ở cây, chư Thiên trú ở rừng các dược thảo, các cây trong rừng ấy đã suy nghĩ như sau: "Gia chủ Citta này giữ giới, tánh thiện, nêu phát nguyện: 'Trong tương lai, ta sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương!' Tâm nguyện thanh tịnh, đúng pháp, sẽ làm cho thành công người trì giới, sẽ đem đến quả đúng pháp". Chư Thiên ở hoa viên, chư Thiên ở rừng, chư Thiên ở cây, chư Thiên ở rừng các dược thảo, các cây trong rừng ấy, do quán thấy ý nghĩa như vậy nên đã nói như sau: "Nay Gia chủ, hãy phát nguyện: 'Trong tương lai ta làm vị Chuyển luân Thánh vương'''". Do vậy, tôi nói với họ: "Cái ấy là vô thường, cái ấy là không thường hằng, cái ấy cần phải bỏ đi và vượt qua".

-- Nay Thiện gia nam tử, hãy giáo giới cho chúng tôi.

-- Vậy các Ông cần phải học như sau: "Chúng tôi sẽ đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật: 'Vị ấy là Thế Tôn, bậc ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trương Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn'. Chúng tôi sẽ có đủ lòng tin bất động đối với Pháp: 'Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đên để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu'. Chúng tôi sẽ có đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng: 'Thiện hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Như lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Thanh tịnh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng được tôn kính, đáng được cung kính, đáng được kính lể, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời'. Tất cả những gì có thể đem cho trong gia tộc, tất cả phải đem cúng dường, phân phát cho những vị trí giới và có thiện tánh".

Như vậy, các Ông cần phải học tập.

7) Khi gia chủ Citta khiến cho các bạn bè thân hữu, các bà con huyết thống có tịnh tín đối với đức Phật, đối với chúng Tăng và khuyên họ bố thí, vị ấy liền mệnh chung.

-ooOoo-

CHƯƠNG VIII
42. TƯƠNG ƯNG THÔN TRƯỞNG

I. Canda (Tàn bạo) (S.iv,305)

1) Một thời Thέ Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Rồi thôn trưởng Canda bạch Thέ Tôn:

-- Do nhân gì, bạch Thέ Tôn, do duyên gì ở đây, có người được gọi tên là tàn bạo? Do nhân gì, do duyên gì ở đây, có người được gọi là hiền lành (sùrato)?

4) -- Ở đây, này Thôn trưởng, có người tham dục (rāyo) chưa được đoạn tận. Do tham dục (rāga) chưa được đoạn tận, người ấy bị người khác làm cho phẫn nộ. Do bị người khác làm phẫn nộ nên phẫn nộ hiện hành. Người ấy do vậy được gọi là tàn bạo. Sân chưa được đoạn tận. Do sân chưa được đoạn tận, người ấy bị người khác làm cho phẫn nộ. Do bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ hiện hành. Người ấy do vậy được gọi là tàn bạo. Si chưa được đoạn tận. Do si chưa được đoạn tận, người ấy bị người khác làm cho phẫn nộ. Do bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ hiện hành. Người ấy do vậy được gọi là tàn bạo.

Này Thôn trưởng, đây là nhân, đây là duyên, ở đây, có người được gọi tên là tàn bạo.

5) Nhưng ở đây, này Thôn trưởng, có người tham dục được đoạn tận. Do tham dục được đoạn tận nên người ấy không bị người khác làm cho phẫn nộ. Do không bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ không hiện hành. Người ấy do vậy được gọi là hiền lành. Sân được đoạn tận. Do sân đã được đoạn tận nên người ấy không bị người khác làm cho phẫn nộ. Do không bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ không hiện hành. Người ấy do vậy được gọi là hiền lành. Si đã được đoạn tận. Do si đã đoạn tận nên người ấy không bị người khác làm cho phẫn nộ. Do không bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ không hiện hành. Người ấy do vậy được gọi là hiền lành.

Này Thôn trưởng, đây là nhân, đây là duyên, ở đây, có người được gọi tên là hiền lành.

6) Được nghe nói vậy, thôn trưởng Canda bạch Thέ Tôn:

-- Thật là vi diệu, bạch Thέ Tôn! Thật là vi diệu, bạch Thέ Tôn! Bạch Thέ Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phoi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thέ Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thέ Tôn, con nay xin quy y Phật, Pháp và chúng Tăng. Mong Thέ Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

II. Puta (S.iv,306)

1) Một thời Thέ Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Talaputa, nhà vú kịch sư (natagàmani), đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, vú kịch sư Talaputa bạch Thέ Tôn:

-- Con được nghe, bạch Thé Tôn, các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các nhà vũ kịch, nói rằng: "Ai là nhà vũ kịch, trên sân khấu giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cộng trú với chư Thiên hay cười (pahàsadeve)". Ở đây, Thé Tôn nói như thế nào?

-- Thôi vừa rồi, này Thôn trưởng. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này.

4) Lần thứ hai, vũ kịch sư Talaputa bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, con có nghe các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các nhà vũ kịch, nói rằng: "Ai là nhà vũ kịch, trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cộng trú với chư Thiên hay cười". Ở đây, Thé Tôn nói như thế nào?

-- Thôi vừa rồi, này Thôn trưởng. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này.

5) Lần thứ ba, vũ kịch sư Talaputa bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, con có nghe các vị Đạo sư, các vị Tổ sư thuở xưa nói về các nhà vũ kịch, nói rằng: "Ai là nhà vũ kịch, trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cộng trú với chư Thiên hay cười". Ở đây, Thé Tôn nói như thế nào?

-- Thật sự, Ta đã không chấp nhận và nói rằng: "Thôi vừa rồi, này Thôn trưởng. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này". Tuy vậy, Ta sẽ trả lời cho Ông.

6) Nay Thôn trưởng, đối với những loài hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng tham, còn bị lòng tham trói buộc, nếu nhà vũ kịch trên sân khấu hay trong kịch trường, tập trung những pháp hấp dẫn, thời khiến lòng tham của họ càng tăng thịnh. Nay Thôn trưởng, đối với những loại hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng sân, còn bị lòng sân trói buộc, nếu nhà vũ kịch trên sân khấu hay trong kịch trường tập trung những pháp liên hệ đến sân, thời khiến cho lòng sân của họ càng tăng thịnh. Nay Thôn trưởng, đối với loài hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng si, còn bị lòng si trói buộc, nếu nhà vũ kịch trên sân khấu hay trong kịch trường tập trung những pháp liên hệ đến si, thời khiến cho lòng si của họ càng tăng thịnh.

7) Người ấy tự mình đắm say, phóng dật, làm người khác đắm say và phóng dật, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh trong địa ngục Hý tiêu (Pahàso). Nếu người ấy có (tà) kiến như sau: "Người vũ kịch nào, trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cộng trú với chư Thiên hay cười". Như vậy là tà kiến. Ai rơi vào tà kiến, này Thôn trưởng, Ta nói rằng người ấy chỉ có một trong hai sanh tú: một là địa ngục, hai là súc sanh.

8) Khi được nói vậy, vũ kịch sư Talaputa phát khóc và rơi nước mắt.

-- Chính vì vậy, này Thôn trưởng, Ta đã không chấp nhận và nói: "Thôi vừa rồi, này Thôn trưởng. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này".

-- Bạch Thé Tôn, con khóc không phải vì Thé Tôn đã nói như vậy. Nhưng, bạch Thé Tôn, vì con đã bị các Đạo sư, các Tổ sư vũ kịch thời trước đã lâu ngày lừa dối con, dối trả con, dắt dẫn lầm lạc con rằng: "Người vũ kịch nào trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui

cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên hay cười".

9) Thật là vi diệu, bạch Thέ Tôn! Thật là vi diệu, bạch Thέ Tôn! Bạch Thέ Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thέ Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thέ Tôn, con nay xin quy y Phật, Pháp và chúng Tăng. Mong Thέ Tôn cho con được xuất gia với Thέ Tôn, được thọ đại giới!

10) Vũ kỵ sư Talaputa được xuất gia với Thέ Tôn, được thọ đại giới.

11) Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Talaputa... trở thành một vị A-la-hán nữa.

III. Yodhàjivo (Kẻ chiến đấu) (S.vi,308)

1) ...

2) Rồi chiến đấu sư Yodhàjivo đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, chiến đấu sư bạch Thέ Tôn:

-- Con được nghe, bạch Thέ Tôn, các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các chiến đấu viên, nói rằng: "Vị chiến đấu viên nào trong chiến trường, hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại; vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên tên là Saràjità". Ở đây, Thέ Tôn nói như thế nào?

-- Thôi vừa rồi, này Chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này.

4) Lần thứ hai...

5) Lần thứ ba, chiến đấu sư bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, con được nghe các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các chiến đấu viên, nói rằng: "Vị chiến đấu viên nào trong chiến trường hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên tên là Saràjità". Ở đây, Thέ Tôn nói như thế nào?

-- Thật sự, Ta đã không chấp nhận và (nói rằng): "Thôi vừa rồi, này Chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này". Tuy vậy, Ta sẽ trả lời.

6) Nay Thôn trưởng, đối với chiến đấu viên nào trong chiến trường hăng say, tinh tấn, tâm của vị ấy trước đó phải có những ý nghĩ thấp kém, ác ý, ác nguyện như sau: "Mong rằng các loài hữu tình ấy bị giết, bị bắt, bị tàn sát, bị tàn hại!", hay: "Mong họ chớ có tồn tại!" Do vị ấy hăng hái, tinh tấn như vậy, nếu vị ấy bị người khác tàn sát, đánh bại, thời người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào địa ngục tên là Saràjità. Nếu người ấy có (tà) kiến như sau: "Vị chiến đấu viên nào giữa chiến trường hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên tên là Saràjità". Như vậy là tà kiến. Ai rơi vào tà kiến này, này Chiến đấu sư, Ta nói rằng, người ấy chỉ có một trong hai sanh tú: Một là địa ngục, hai là súc sanh.

7) Khi được nói vậy, vị chiến đấu sư phát khóc, rơi nước mắt.

-- Chính vì vậy, này Thôn trưởng, Ta không chấp nhận và nói: "Thôi vừa rồi, này Chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này".

-- Bạch Thé Tôn, con khóc không phải vì Thé Tôn đã nói như vậy. Nhưng, bạch Thé Tôn, vì con đã bị các Đạo sư, các Tổ sư, các chiến đấu viên thuở trước đã lâu ngày lừa dối con, dối trá con, dắt dẫn con làm lạc, nói rằng: "Ai là người chiến đấu viên giữa các chiến trường hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cọng trú với chư Thiên tên là Saràjità".

8) Thật vi diệu thay, bạch Thé Tôn!... Từ nay cho đến mệnh chung con trọn đời quy ngưỡng!

IV. Voi (S.iv,310)

1) ...

2-8) (Giống như kinh trước, chỉ khác đây là vị tượng sư hay người nài voi).

V. Ngựa (S.iv,310)

1-8) (Giống như kinh trước, chỉ khác đây là vị mã sư hay người huấn luyện ngựa).

VI. Người Đất Phương Tây hay Người Đã Chết (S.iv,311)

1) Một thời Thé Tôn trú ở Nàlandà, tại rừng Pàvàrikamba.

2) Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, các vị Bà-la-môn trú đất phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ (sevàla), nhờ nước được thanh tịnh. Những người thờ lửa, khi một người đã chết, đã mệnh chung, họ nhắc bổng và mang vị ấy ra ngoài (uyyàpenti), kêu tên vị ấy lên, và dẫn vị ấy vào Thiên giới. Còn Thé Tôn, bạch Thé Tôn, là bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, Thé Tôn có thể làm như thế nào cho toàn thể thế giới, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này?

4) -- Vậy, này Thôn trưởng, ở đây, Ta sẽ hỏi Ông. Nếu Ông kham nhẫn hãy trả lời.

5) Nay Thôn trưởng, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, một người sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Thiên thú, thiên giới, cõi đời này!" Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, người ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

6) -- Ví như, này Thôn trưởng, có người lấy một tảng đá lớn ném xuống một hồ nước sâu. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Hãy đứng

lên, tảng đá lớn! Hãy nỗi lên, tảng đá lớn! Hãy trôi vào bờ, này tảng đá lớn!" Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, tảng đá lớn ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, có thể trồi lên, hay nỗi lên, hay trôi dạt vào bờ không?

-- Thưa không, bạch Thê Tôn.

-- Cũng vậy, này Thôn trưởng, người nào sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Thiện thú, thiên giới, cõi đời này!" Nhưng người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

7) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Ở đây, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân hận, có chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, người ấy do nhân cầu khẩn của quần chúng đông đảo ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không?

-- Thưa không, bạch Thê Tôn.

8) -- Ví như, này Thôn trưởng, có người nhận chìm một ghè sữa đông (sappi) hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu rồi đập bể ghè ấy. Ở đây, ghè ấy trở thành từng miếng vụn, hay từng mảnh vụn và chìm xuống nước. Còn sữa đông hay dầu thời nôi lên trên. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: "Hãy chìm xuống, này sữa đông và dầu! Hãy chìm sâu xuống, này sữa đông và dầu. Hãy chìm xuống tận đáy, này sữa đông và dầu!". Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, sữa đông ấy, dầu ấy, có do nhân cầu khẩn của đám quần chúng đông đảo ấy, do nhân tán dương, do nhân chấp tay đi cùng khắp của quần chúng đông đảo ấy nên bị chìm xuống, hay chìm sâu xuống, hay đi xuống tận đáy không?

-- Thưa không, bạch Thê Tôn.

-- Cũng vậy, này Thôn trưởng, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân, theo chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: "Mong rằng người này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Nhưng người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

9) Khi nghe nói vậy, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thê Tôn:

-- Thật là vi diệu, bạch Thê Tôn! Thật là vi diệu, bạch Thê Tôn! Bạch Thê Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thê Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thê Tôn, con nay xin quy y Phật, Pháp và chúng Tăng. Mong Thê Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

VII. Thuyết Pháp (S.iv,314)

- 1) Một thời Thέ Tôn trú ở Nàlandà, tại rừng Pàvàrikamba.
- 2) Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.
- 3) Ngồi xuống một bên, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thέ Tôn:
 - Bạch Thέ Tôn, có phải Thέ Tôn sống vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đối với tất cả chúng sanh và loài hữu tình?
 - Đúng vậy, này Thôn trưởng, Như Lai sống vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đối với tất cả chúng sanh và loài hữu tình.
- 4) -- Nhưng vì sao, bạch Thέ Tôn, đối với một số người, Thέ Tôn thuyết pháp một cách hoàn toàn trọn vẹn; đối với một số người, Thέ Tôn thuyết pháp không hoàn toàn trọn vẹn như vậy?
 - Vậy, này Thôn trưởng, ở đây, Ta sẽ hỏi Ông, Ông kham nhẫn như thế nào, hãy trả lời như vậy.
- 5) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, ở đây, một người cày ruộng có ba thửa ruộng, một loại tốt, một loại bậc trung, một loại xấu, đất cứng, có chất muối, đất độc. Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Người cày ruộng ấy muốn gieo hạt giống, thời gieo ở thửa ruộng nào trước, ruộng tốt, hay ruộng bậc trung, hay ruộng loại xấu, đất cứng, có chất muối, đất độc?
 - Bạch Thέ Tôn, người gia chủ cày ruộng muốn gieo hạt giống, gieo vào thửa ruộng tốt; sau khi gieo ở đấy xong, lại gieo vào thửa ruộng loại trung; sau khi gieo ở đấy xong, vị ấy có thể gieo hay không gieo hạt giống vào thửa ruộng loại xấu, đất cứng, có chất muối, đất độc. Vì sao? Tôi thiểu cũng có thể làm món ăn cho các trâu bò.
- 6) -- Ví như thửa ruộng tốt, này Thôn trưởng, là các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni của Ta. Đối với họ, Ta thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Ta nói lên cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh. Vì sao? Nay Thôn trưởng, vì họ sống lấy Ta làm ngọn đèn, lấy Ta làm hang ẩn, lấy Ta làm chỗ che chở, lấy Ta làm chỗ nương tựa.
- 7) Ví như thửa ruộng loại trung, này Thôn trưởng, là các vị nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Ta. Ta thuyết pháp cho họ, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Ta nói lên cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh. Vì sao? Nay Thôn trưởng, vì họ sống lấy Ta làm ngọn đèn, lấy Ta làm hang ẩn, lấy Ta làm chỗ che chở, lấy Ta làm chỗ nương tựa.
- 8) Ví như thửa ruộng xấu, đất cứng, có chất muối, đất độc, này Thôn trưởng, là các ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn, du sĩ. Ta thuyết pháp cho họ sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa có văn, trình bày cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh. Vì sao? Vì rằng, nếu họ hiểu được chỉ một câu, như vậy là họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.
- 9) Ví như, này Thôn trưởng, một người có ba bình nước, một bình nước không nứt rạn, không chảy nước, không thấm nước; một bình nước không nứt rạn, nhưng chảy nước và thấm nước; một bình nước nứt rạn, chảy nước, thấm nước. Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Nếu có người muốn chứa nước, người ấy sẽ chứa nước ở đâu trước, người ấy chứa bình nước không nứt rạn, không chảy nước, không thấm nước, hay bình nước không nứt rạn, nhưng chảy nước và thấm nước, hay bình nước nứt rạn, chảy nước và thấm nước?

-- Bạch Thé Tôn, người ấy muốn chứa nước, người ấy sẽ chứa vào bình nước không có nút rạn, không có chảy nước, không có thâm nước. Sau khi chứa nước vào đáy rồi, người ấy mới chứa nước vào bình nước không nút rạn, nhưng chảy nước và thâm nước. Sau khi chứa nước vào đáy rồi, người ấy mới chứa nước hay không chứa nước vào bình nước bị nứt rạn, bị chảy nước, bị thâm nước. Vì sao? Vì ít nhứt cũng có thể dùng để rửa vật dụng.

10) -- Ví dụ với bình nước không nút rạn, không chảy nước, không thâm nước, này Thôn trưởng, là các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni của Ta. Ta thuyết pháp cho họ, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, trình bày đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh. Vì sao? Này Thôn trưởng, vì họ sống lấy Ta làm ngọn đèn, lấy Ta làm hang ẩn, lấy Ta làm chỗ che chở, lấy Ta làm chỗ nương tựa.

11) Ví dụ với cái bình nước không nút rạn, nhưng chảy nước và thâm nước, này Thôn trưởng, là các nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Ta. Ta thuyết pháp cho họ, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa có văn, trình bày đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh. Vì sao? Này Thôn trưởng, vì họ lấy Ta làm ngọn đèn, lấy Ta làm hang ẩn, lấy Ta làm chỗ che chở, lấy Ta làm chỗ nương tựa.

12) Ví dụ với cái bình nước bị nứt rạn, bị chảy nước, bị thâm nước, này Thôn trưởng, là các ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn, du sĩ. Ta thuyết pháp cho họ, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa có văn, trình bày cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh. Vì sao? Vì rằng, nếu họ chỉ hiểu được một câu, như vậy là họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

13) Khi được nghe nói vậy, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thé Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thé Tôn!... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VIII. Võ Óc (S.iv,317)

1) Một thời Thé Tôn trú ở Nàlandà, tại rừng Pàvàrikamba.

2) Rồi Thôn trưởng Asibandhakaputta, đệ tử của phái Ni-kiền-tử đi đến Thé Tôn...

3) Thé Tôn nói với thôn trưởng Asibandhakaputta đang ngồi một bên:

-- Nay Thôn trưởng, Nigantha Nàtaputta thuyết pháp như thế nào cho chúng đệ tử?

4) -- Bạch Thé Tôn, Nigantha Nàtaputta thuyết pháp cho chúng đệ tử như sau: "Ai sát hại sanh mạng, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai lấy của không cho, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai sống tà hạnh trong các dục, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai nói láo, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, chiêu hướng ấy sanh thú của họ sẽ như vậy". Như vậy, bạch Thé Tôn, Nigantha Nàtaputta thuyết pháp cho các đệ tử.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiêu hướng ấy sanh thú của họ sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời sẽ không có ai phải sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

5) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Có người sát hại sanh mạng, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy sát hại sanh mạng, hay thời vị ấy không sát hại sanh mạng?

-- Bạch Thé Tôn, có người sát hại sanh mạng, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời này là ít hơn, là thời vị ấy sát hại sanh mạng. Và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không sát hại sanh mạng.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiều hướng áy sanh thú của vị áy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời sẽ không có ai phải sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

6) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Có người lấy của không cho, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời nào là nhiều hơn, thời vị áy lấy của không cho hay thời vị áy không lấy của không cho?

-- Bạch Thê Tôn, có người lấy của không cho, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời này là ít hơn, thời vị áy lấy của không cho. Và thời kia là nhiều hơn, thời vị áy không lấy của không cho.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiều hướng áy sanh thú của vị áy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời sẽ không có ai sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

7) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Có người sống theo tà hạnh trong các dục, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời nào là nhiều hơn, thời vị áy sống theo tà hạnh trong các dục, hay thời vị áy không sống theo tà hạnh trong các dục?

-- Bạch Thê Tôn, có người sống theo tà hạnh trong các dục, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời này là ít hơn, thời vị áy sống theo tà hạnh trong các dục. Và thời kia là nhiều hơn, thời vị áy không sống theo tà hạnh trong các dục.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiều hướng áy sanh thú của vị áy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời không có ai sẽ sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

8) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Có người sống nói láo, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng nói. Thời nào là nhiều hơn, thời vị áy nói láo, hay thời vị áy không nói láo?

-- Bạch Thê Tôn, có người nói láo, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng nói. Thời này là ít hơn, thời vị áy nói láo. Và thời kia là nhiều hơn, thời vị áy không nói láo.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiều hướng áy sanh thú của vị áy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời không ai sẽ sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

9) Ở đây, này Thôn trưởng, có vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: "Ai sát hại sanh mạng, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai lấy của không cho, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai sống theo tà hạnh trong các dục, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai nói láo, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục". Nay Thôn trưởng, người đệ tử đặt lòng tin tưởng vào vị Đạo sư ấy.

10) Vị áy suy nghĩ: "Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai sát hại sanh mạng tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục'. Nay ta có sát hại một sanh mạng. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục". Vị áy chấp trước tà kiến áy. Nay Thôn trưởng, không đoạn tận lời áy, không đoạn tận tâm áy, không từ bỏ kiến áy, vị áy chắc chắn sẽ rơi vào địa ngục như vậy. "Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai lấy của không cho, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục'. Nay ta có lấy của không cho. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục" Vị áy chấp trước tà kiến áy. Nay Thôn trưởng, không đoạn tận lời áy, không đoạn tận tâm áy, không từ bỏ kiến áy, vị áy chắc chắn rơi vào địa ngục vậy. "Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai sống theo tà hạnh trong các dục, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục'. Nay ta sống theo tà hạnh trong các dục. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục". Vị áy chấp trước tà kiến áy. Nay Thôn trưởng, không đoạn tận lời áy, không đoạn tận tâm áy, không từ bỏ kiến áy, vị áy chắc chắn rơi vào địa ngục như vậy. "Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai nói láo, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục'. Nay ta nói láo. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục". Vị áy chấp trước tà kiến áy. Nay Thôn trưởng,

không đoạn tận lời áy, không đoạn tận tâm áy, không từ bỏ kiến áy, vị áy chắc chắn rơi vào địa ngục như vậy.

11) Ở đây, này thôn trưởng, Như Lai sanh ra ở đời, bậc ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; Như Lai dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích sát sanh và nói: "Chớ có sát sanh"; chỉ trích, công kích lấy của không cho và nói: "Chớ có lấy của không cho"; chỉ trích, công kích sống theo tà hạnh trong các dục và nói: "Chớ có sống theo tà hạnh trong các dục"; chỉ trích, công kích nói láo và nói: "Chớ có nói láo". Này Thôn trưởng, người đệ tử đặt lòng tin tưởng vào vị Đạo Sư ấy. Vì áy suy tư như sau:

12) "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích sát sanh và nói: 'Chớ có sát sanh'. Nay ta có sát hại như thế này, hay như thế kia. Như vậy là không nên (sutthu), như vậy là không tốt. Và do duyên áy ta có thể hối hận: 'Ác nghiệp ta làm, nay sẽ không làm nữa''. Người áy do suy tư như vậy, liền từ bỏ sát sanh. Và trong tương lai, người áy định chỉ sát sanh. Như vậy, ác nghiệp áy được vượt qua.

13) "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích lấy của không cho và nói: 'Chớ có lấy của không cho'. Nay ta có lấy của không cho như thế này, hay như thế kia. Như vậy là không nên, như vậy là không tốt. Và do duyên áy, ta có thể hối hận: 'Ác nghiệp ta làm, nay sẽ không làm nữa'. Người áy do suy tư như vậy, liền từ bỏ lấy của không cho. Và trong tương lai, người áy định chỉ lấy của không cho. Như vậy, ác nghiệp áy được vượt qua.

14) "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích sống theo tà hạnh trong các dục..".

15) "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích nói láo..".

16) Do đoạn tận sát sanh, người áy trở thành người không sát sanh. Do đoạn tận lấy của không cho, người áy trở thành người không lấy của không cho. Do đoạn tận sống theo tà hạnh trong các dục, người áy trở thành người không sống theo tà hạnh trong các dục. Do đoạn tận nói láo, người áy trở thành người từ bỏ nói láo. Do đoạn tận nói hai lưỡi, người áy trở thành người từ bỏ nói hai lưỡi. Do đoạn tận nói lời độc ác, người áy trở thành người từ bỏ nói lời độc ác. Do đoạn tận lời nói phù phiếm, người áy trở thành người từ bỏ nói lời phù phiếm. Đoạn tận tham, không có tham lam, đoạn tận sân, không có sân tâm, đoạn tận tà kiến, người áy trở thành người theo chánh kiến. Này Thôn trưởng, vị Thánh đệ tử áy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, chánh niệm, tinh giác, với tâm câu hữu với từ, sống biển mãn một phương. Như vậy, phương thứ hai. Như vậy, phương thứ ba. Như vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới, bê ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị áy an trú biển mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

17) Ví như, này Thôn trưởng, một người lực sĩ thối tù và (băng con ốc), với ít mệt nhọc làm cho bốn phương được biết. Cũng vậy, này Thôn trưởng, tu tập từ tâm giải thoát như vậy, làm cho tăng trưởng như vậy, phàm nghiệp làm có hạn lượng, ở đây, sẽ không còn dư tàn; ở đây, sẽ không còn tồn tại. Này Thôn trưởng, vị Thánh đệ tử áy, như vậy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, chánh niệm, tinh giác, với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, sống biển mãn một phương. Như vậy, phương thứ hai. Như vậy, phương thứ ba. Như vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới trên dưới bê ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới vị áy an trú biển mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

18) Ví như, này Thôn trưởng, một người lực sĩ thối tù và, với ít mệt nhọc làm cho bốn phương được biết. Cũng vậy, này Thôn trưởng, tu tập xả tâm giải thoát như vậy, làm cho tăng trưởng như vậy, phàm nghiệp làm có hạn lượng, ở đây, sẽ không còn dư tàn; ở đây, sẽ không còn tồn tại.

19) Khi được nghe nói vậy, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thέ Tôn!... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

IX. Gia Tộc (S.iv,322)

1) Một thời Thέ Tôn du hành ở giữa dân tộc Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đi đến Nàlandà. Tại đây, Thέ Tôn trú ở Nàlandà, tại rừng Pàvarikamba.

2) Lúc bấy giờ, Nàlandà đang bị đói kém, khó để lo miệng sống (dviihitikà), xương trắng đầy tràn, lúa chỉ còn cọng rạ (sàlakkàvuttà).

3) Lúc bấy giờ Nigantha Nàtaputta sống ở Nàlandà với đại chúng Nigantha.

4) Rồi Thôn trưởng Asibandhakaputta, đệ tử của Nigantha Nàtaputta, đi đến Nigantha Nàtaputta; sau khi đến đánh lě Nigantha Nàtaputta rồi ngồi xuống một bên.

5) Nigantha Nàtaputta nói với thôn trưởng Asibandhakaputta đang ngồi một bên:

-- Hãy đến, này Thôn trưởng, hãy đến cật vấn Sa-môn Gotama. Như vậy, tiếng đòn tốt đẹp sẽ được lan khắp về Ông: "Sa-môn Gotama, một vị có thần lực như vậy, có uy lực như vậy, đã bị thôn trưởng Asibandhakaputta cật vấn!"

-- Thưa Tôn giả, làm thế nào con có thể cật vấn Sa-môn Gotama, một vị có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy?

6) -- Hãy đến, này Thôn trưởng, hãy đến Sa-môn Gotama; sau khi đến nói với Sa-môn Gotama như sau:

"-- Bạch Thέ Tôn, có phải Thέ Tôn dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán bảo vệ các gia đình, tán thán từ mẫn với các gia đình"?

Này Thôn trưởng, được hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama, trả lời như sau:

"-- Đúng như vậy, này Thôn trưởng, Như Lai dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán sự bảo vệ, tán thán lòng từ mẫn".

Thời ông hỏi Sa-môn Gotama:

"-- Vậy vì sao, bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn cùng đại chúng Tỷ-kheo lại du hành tại Nàlandà đói kém, khó để lo miệng sống, xương trắng đầy tràn, lúa chỉ còn cọng rạ? Như vậy, Thέ Tôn thực hành tàn phá các gia đình, thực hành sự bất hạnh cho các gia đình, thực hành sự tổn hại cho các gia đình".

Như vậy, này Thôn trưởng, bị ông hỏi với câu hỏi có hai đầu nhọn, Sa-môn Gotama không có thể nhô ra, cũng như không có thể nuốt xuống.

7) -- Thưa vâng, Tôn giả.

Thôn trưởng Asibandhakaputta vâng đáp Nigantha Nàtaputta, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lě Nigantha Nàtaputta, thân phía hữu hướng về người rồi đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, thôn trưởng đánh lě Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

8) Ngồi xuống một bên, thôn trưởng Asiband-hakaputta bạch Thέ Tôn:

-- Có phải, bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán sự bảo vệ, tán thán lòng từ mẫn?

-- Đúng vậy, này Thôn trưởng, Như Lai dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán sự bảo vệ, tán thán lòng từ mẫn.

-- Vậy vì sao, bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn cùng đại chúng Tỷ-kheo lại du hành tại Nàlandà đói kém, khó đế lo miệng sống, xương trắng đầy tràn, lúa chỉ còn cọng rạ? Như vậy, Thέ Tôn thực hành tàn phá các gia đình, thực hành bất hạnh cho các gia đình, thực hành tồn hại cho các gia đình.

9) -- Nay Thôn trưởng, Ta nhớ từ chín mươi mốt kiếp về trước, Ta không hề biết đã có làm hại một gia đình cho đến một bữa cơm nấu cúng đường. Các gia đình ấy đều rất giàu, tiền của nhiều, tài sản nhiều, vàng bạc nhiều, vật dụng nhiều, ngũ cốc nhiều. Tất cả tài sản ấy được thâu hoạch do bố thí, được thâu hoạch một cách chân thật, được thâu hoạch một cách tự chế.

10) Nay Thôn trưởng, có tám nhân, có tám duyên làm tồn hại các gia đình. Do quốc vương, các gia đình đi đến tồn hại. Hay do trộm cướp, các gia đình đi đến tồn hại. Hay do lửa, các gia đình đi đến tồn hại. Hay do nước, các gia đình đi đến tồn hại. Hay họ tìm không được tiền của dấu cất. Hay do biếng nhác, họ bỏ bê công việc. Hay trong gia đình khởi lên kẻ phá hoại gia đình, người ấy phân tán, phá hoại, làm tồn hại (vikirati vidhamati viddhamseti). Và vô thường là thứ tám. Nay Thôn trưởng, chính tám nhân, tám duyên này làm tồn hại các gia đình.

11) Nay Thôn trưởng, vì rằng tám nhân này, tám duyên này có mặt, có hiện hữu, nếu ai nói về Ta như sau: "Thέ Tôn thực hành tàn phá các gia đình, thực hành bất hạnh cho các gia đình, thực hành tồn hại cho các gia đình; thời này Thôn trưởng, nếu người ấy không bỏ lời nói ấy, không bỏ tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy, chắc chắn (yathāhatam) người ấy sẽ bị ném vào địa ngục như vậy."

12) Khi được nói vậy, thôn trưởng Asiband-hakaputta bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thέ Tôn!... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

X. Manicùlam (Châu báu trên đỉnh đầu) (S.iv,325)

1) Một thời Thέ Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ trong cung vua, quần thần nhà vua đang ngồi tụ họp, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Các Sa-môn thuộc dòng Thích tử được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được nhận lấy vàng bạc".

3) Lúc bấy giờ, thôn trưởng Manicùlaka đang ngồi trong hội chúng ấy.

4) Rồi thôn trưởng Manicùlaka thưa với hội chúng ấy: "Các Tôn giả chớ có nói như vậy. Các Sa-môn Thích tử không được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được nhận lấy vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử từ bỏ châu báu và. Họ đã ly khai vàng và bạc". Nhưng thôn trưởng Manicùlaka không có thể làm cho hội chúng ấy chấp nhận.

5) Rồi thôn trưởng Manicùlaka đi đến Thέ Tôn; sau khi đến đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

6) Ngồi một bên, thôn trưởng Manicūlaka bạch Thέ Tôn:

-- Ở đây, bạch Thέ Tôn, trong cung vua, một số quàn thần nhà vua đang ngồi tụ họp, và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Các Sa-môn Thích tử được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được nhận lấy vaung bạc". Khi được nói vậy, bạch Thέ Tôn, con nói với hội chúng ấy: "Các Tôn giả chớ có nói như vậy. Các Sa-môn Thích tử không được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được nhận lấy vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử từ bỏ châu báu và vàng. Họ đã ly khai vàng và bạc". Nhưng bạch Thέ Tôn, con không có thể làm cho hội chúng ấy chấp nhận.

7) Trả lời như vậy, bạch Thέ Tôn, không biết con có nói đúng lời Thέ Tôn? Con không xuyên tạc Thέ Tôn với điều không thật? Con đã trả lời thuận pháp, đúng pháp và không một ai nói lời tương ứng đúng pháp có lý do để chỉ trích?

-- Trả lời như vậy, này Thôn trưởng, Ông nói đúng lời của Ta. Ông không xuyên tạc Ta với điều không thật. Ông đã trả lời thuận pháp, đúng pháp và không một ai nói lời tương ứng đúng pháp có lý do để chỉ trích.

8) Nay Thôn trưởng, các Sa-môn Thích tử không được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được nhận lấy vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ châu báu và vàng bạc. Họ đã ly khai vàng và bạc. Đối với ai được dùng vàng bạc, người ấy cũng được phép dùng năm dục công đức. Đối với ai được phép dùng năm dục công đức, người ấy hoàn toàn thoả trì phi Sa-môn pháp, phi Thích tử pháp. Nay Thôn trưởng, Ta nói như sau: Cỏ được đi tìm cầu bởi ai cần đến cỏ. Củi được đi tìm cầu bởi ai cần đến củi. Cỗ xe được đi tìm cầu bởi ai cần đến cỗ xe. Người được đi tìm cầu bởi ai cần đến người. Nhưng này Thôn trưởng, không bắt cứ một lý do gì Ta nói rằng vàng, bạc được chấp nhận, được tìm cầu.

XI. Bhadra (Hiền) hay Bhagandha-Hat- Thaha (S.iv,327)

1) Một thời Thέ Tôn trú ở giữa dân chúng Malla tại Uruvelakappa, một thị trấn của dân chúng Malla.

2) Rồi thôn trưởng Bhadraka đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, thôn trưởng Bhadraka bạch Thέ Tôn:

-- Lành thay Thέ Tôn, nếu Thέ Tôn thuyết cho con về sự tập khởi và sự chấm dứt của khổ!

-- Nay Thôn trưởng, nếu y cứ vào thời quá khứ, Ta thuyết cho Ông về sự tập khởi và sự chấm dứt của khổ, nói rằng: "Như vậy đã xảy ra trong thời quá khứ"; ở đây, Ông sẽ phân vân, sẽ có nghi ngờ. Nay Thôn trưởng, nếu y cứ vào thời vị lai, Ta thuyết cho Ông về sự tập khởi và sự chấm dứt của khổ, nói rằng: "Như vậy sẽ xảy ra trong thời tương lai"; ở đây, Ông sẽ có phân vân, sẽ có nghi ngờ. Nhưng nay Ta ngồi chính ở đây, này Thôn trưởng, với Ông cũng ngồi ở đây, Ta sẽ thuyết cho Ông về sự tập khởi và sự chấm dứt của khổ. Hãy lắng nghe và suy nghiêm kỹ, Ta sẽ nói.

-- Thưa vâng, bạch Thέ Tôn.

Thôn trưởng Bhadraka vâng đáp Thέ Tôn.

4) Thέ Tôn nói như sau:

-- Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, ở tại Uruvelakappa có những người, nếu họ bị giết, hay bị tù, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, Ông có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

-- Thưa có, bạch Thê Tôn. Ở tại Uruvelakappa có những người, nếu họ bị giết hay bị tù, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, thì con có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

5) -- Nay Thôn trưởng, ở tại Uruvelakappa này có những người, nếu họ bị giết, hay bị tù, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, nhưng Ông không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não?

-- Thưa có, bạch Thê Tôn, ở tại Uruvelakappa có những người, nếu họ bị giết, hay bị tù, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, nhưng con không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

-- Do nhân gì, do duyên gì, này Thôn trưởng, đối với một số người ở tại Uruvelakappa, nếu họ bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, thì Ông có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não? Do nhân gì, do duyên gì, này Thôn trưởng, đối với một số người ở Uruvelakappa, nếu họ bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích nhưng Ông không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não?

-- Đối với một số người ở tại Uruvelakappa, bạch Thê Tôn, nếu họ bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, con có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não, là vì con có dục và tham đối với họ. Nhưng đối với một số người ở tại Uruvelakappa, bạch Thê Tôn, nếu họ bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, nhưng con không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não, là vì con không có dục và tham đối với họ.

-- Ông nói: "Con có lòng dục tham đối với họ. Con không có lòng dục tham đối với họ". Nay Thôn trưởng, có phải được thấy, được biết, được đạt tới lúc thời, được thể nhập nhè pháp này, Ông uốn nắn phương pháp (naya) theo phương pháp ấy đối với quá khứ, vị lai? Nếu có khổ nào khởi lên trong quá khứ, tất cả khổ ấy khởi lên lấy dục làm căn bản, lấy dục làm sở nhân. Dục là căn bản của khổ. Phàm có khổ nào khởi lên trong tương lai, tất cả khổ ấy khởi lên lấy dục làm căn bản, lấy dục làm sở nhân. Dục là căn bản của khổ.

-- Thật vi diệu thay, bạch Thê Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thê Tôn! Thật là khéo nói, lời nói này của Thê Tôn: "Phàm có khổ gì khởi lên, tất cả khổ ấy khởi lên đều lấy dục làm căn bản, lấy dục làm sở nhân. Dục là căn bản của khổ!"

7) Bạch Thê Tôn, con có người con trai tên là Ciravàsii, sống xa ở đây. Khi giờ nó dậy, bạch Thê Tôn, con cử người đi và nói: "Này Ông, hãy đi và hỏi thăm đứa trẻ Ciravàsii". Cho đến khi người ấy trở về, bạch Thê Tôn, con ở trong tình trạng bồn chồn hồi hộp: "Không biết đứa trẻ Ciravàsii có bệnh tật gì không?"

8) -- Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, nếu đứa trẻ Ciravàsii của Ông bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, Ông có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

-- Bạch Thê Tôn, nếu đứa con trai Ciravàsii của con bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, hay sinh mạng bị đổi khác, thời làm sao con không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não được?

-- Với pháp môn này, này Thôn trưởng, cần phải hiểu như sau: Phàm có khổ nào khởi lên, tất cả khổ ấy đều lấy dục làm căn bản, lấy dục làm sở nhân. Dục là căn bản của khổ.

9) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, nếu Ông không thấy, không nghe mẹ của Ciravàsi, Ông có lòng dục, lòng tham hay lòng ái đối với mẹ của Ciravàsii không?

- Thưa không, bạch Thέ Tôn.
 - Nhưng này Thôn trưởng, khi Ông thấy được, này Thôn trưởng, khi Ông nghe được, thời Ông có lòng dục, hay lòng tham, hay lòng ái đối với mẹ của Ciravàsi không?
 - Thưa có, bạch Thέ Tôn.
- 10) -- Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, nếu mẹ của Ciravàsii bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, thời Ông có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, nǎo không?
- Bạch Thέ Tôn, nếu mẹ của Ciravàsii bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, hay mạng sống bị đổi khác, thời làm sao con không khởi sầu, bi, khổ, ưu, nǎo được?
 - Với pháp môn này, này Thôn trưởng, cần phải hiểu biết như sau: Phàm có khổ gì khởi lên, tất cả khổ ấy đều lấy dục làm căn bản, lấy dục làm sở nhân. Dục là căn bản của đau khổ.

XII. Ràsiya (S.iv,330)

- 1) ...
 - 2) Một thời thôn trưởng Ràsiya đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.
 - 3) Ngồi một bên, thôn trưởng Ràsiya bạch Thέ Tôn:
- Con có nghe rằng Sa-môn Gotama chỉ trích tất cả khổ hạnh, bài bác, chống báng hoàn toàn mọi người sống khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ. Những người nói như vậy, bạch Thέ Tôn, không biết có nói đúng với lời Thέ Tôn, không xuyên tạc Thέ Tôn với điều không thực, trả lời thuận pháp, đúng pháp, và không một ai nói lời tương ứng đúng pháp có lý do để chỉ trích?
 - Nay Thôn trưởng, những ai đã nói như sau: "Sa-môn Gotama chỉ trích tất cả khổ hạnh, bài bác, chống báng hoàn toàn mọi lối sống khắc khổ"; họ nói không đúng lời Ta nói, họ xuyên tạc Ta với điều không thật, với điều không chính chánh.

I

4) Có hai cực đoan mà người xuất gia không nên thực hành: Một là say đắm dục lạc đối với các dục vọng hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích. Hai là hành hạ tự thân, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Từ bỏ hai cực đoan này là con đường trung đạo, đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

5) Thế nào là con đường trung đạo áy, này Thôn trưởng, đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Đây là con đường Thánh đạo Tám nganh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niêm, chánh định. Đây là con đường trung đạo, này Thôn trưởng, được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

II

6) Nay Thôn trưởng, có ba hạng người hướng thọ vật dục có mặt ở trong đời. Thế nào là ba?

II.(i)

7) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

II.(ii)

8) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

II.(iii)

9) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức.

II.(iv)

10) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

II.(v)

11) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

II.(vi)

12) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ, làm các công đức.

II.(vii)

13) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp, không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

II.(viii)

14) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản một cách hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

II.(ix)

15) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ, và làm các công đức. Nhưng người ấy hưởng thọ với tâm tham trước, đắm say, phạm tội, không thấy sự nguy hiểm, không với trí tuệ xuất ly.

II.(x)

16) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Nhưng người ấy hưởng thọ với tâm không tham trước, không say đắm, không phạm tội, thấy sự nguy hiểm và với trí huệ xuất ly.

III

III.(i)

17) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về ba phương diện bị chỉ trích. Về ba phương diện nào chỉ bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không vui sướng, không hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy bị chỉ trích.

Này Thôn trưởng, người hưởng thọ vật dục này về ba phương diện bị chỉ trích.

III.(ii)

18) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, nhưng không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện được tán thán. Về hai phương diện gì bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích. Về một phương diện gì người ấy được tán thán? Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện này, người ấy được tán thán.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện được tán thán.

III.(iii)

19) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui vẻ, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về một phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện được tán thán. Về một phương diện gì người ấy bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích. Về phương diện gì người ấy được tán thán? Người ấy tự mình vui vẻ, hoan hỷ, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy san sẻ và làm các công đức, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về một phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện được tán thán.

III.(iv)

20) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về một phương diện được tán thán, về ba phương diện bị chỉ trích. Một phương diện gì được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản một cách hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện này, người ấy được tán thán. Về ba phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản một cách phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về một phương diện được tán thán, về ba phương diện bị chỉ trích.

III.(v)

21) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản một cách hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, tự mình vui sướng, hoan hỷ, nhưng không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về hai phương diện được tán thán, về hai phương diện bị chỉ trích. Về hai phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán. Về hai phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về hai phương diện được tán thán, về hai phương diện bị chỉ trích.

III.(vi)

22) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về ba phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích. Về ba phương diện nào được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán. Người ấy san sẻ và làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy được tán thán. Thế nào là một phương diện người ấy bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về một phương diện này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về ba phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích.

III.(vii)

23) Ở đây, có người hưởng thọ vật dục, này Thôn trưởng, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ và không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về một phương diện được tán thán, về hai phương diện bị chỉ trích. Về một phương diện nào được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện này, người ấy được tán thán. Về hai phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy không tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về một phương diện được tán thán, về hai phương diện bị chỉ trích.

III.(viii)

24) Ở đây, có người hưởng thọ vật dục, này Thôn trưởng, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về hai phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích. Về hai phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán. Về một phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về hai phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích.

III.(xi)

25) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Người hưởng thọ các tài sản một cách tham trước, say đắm, phạm tội, không thấy sự nguy hiểm, với trí tuệ không xuất ly. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về ba phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích. Về ba phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán. Người ấy san sẻ và làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy được tán thán. Về một phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người hưởng thọ các tài sản ấy với tâm tham trước, say đắm, phạm tội, không thấy sự nguy hiểm, với trí tuệ không xuất ly, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về ba phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích.

III.(x)

26) Ở đây, này Thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Người ấy hưởng thọ các tài sản ấy, không có tham trước, không có say đắm, không có phạm tội, thấy sự nguy hiểm và với trí tuệ xuất ly. Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về bốn phương diện được tán thán. Về bốn phương diện nào được tán thán? Người ấy tìm cầu tài

sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán. Người ấy san sẻ và làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy được tán thán. Người ấy hưởng thọ tài sản ấy không có tham trước, không có say đắm, không có phạm tội, về phương diện thứ tư này, người ấy được tán thán.

Người hưởng thọ vật dục này, này Thôn trưởng, về bốn phương diện được tán thán.

IV

IV.(i)

27) Nay Thôn trưởng, có ba hạng người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, có mặt hiện sống ở đời.

28) Nay Thôn trưởng, có hạng người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, do lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy nghĩ rằng: "Mong rằng ta chứng được thiện pháp; mong rằng ta chứng ngộ các Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!". Vị ấy tự mình hành xác, hành khổ, nhưng không chứng được thiện pháp nào, không chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh nào.

IV.(ii)

29) Ở đây, nay Thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nghĩ rằng: "Mong rằng ta chứng được thiện pháp ; mong rằng ta chứng ngộ các Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!". Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, chứng được thiện pháp, nhưng không chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh.

IV.(iii)

30) Ở đây, nay Thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nghĩ rằng: "Mong rằng ta chứng được thiện pháp ; mong rằng ta chứng ngộ các Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!" Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, chứng được thiện pháp, chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh.

V

V.(i)

31) Ở đây, nay Thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, tự mình hành xác, hành khổ, không chứng được thiện pháp, không chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này Thôn trưởng, về ba phương diện bị chỉ trích. Thế nào là về ba phương diện bị chỉ trích? Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không chứng đắc thiện pháp, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, về phương diện thứ ba này, người ấy bị chỉ trích.

Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này Thôn trưởng, về ba phương diện này bị chỉ trích.

V.(ii)

32) Ở đây, này Thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, tự mình hành xác, hành khổ, chứng được thiện pháp, nhưng không chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này Thôn trưởng, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện được tán thán. Thế nào là về hai phương diện người ấy bị chỉ trích? Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích. Thế nào là về một phương diện người ấy được tán thán? Người ấy chứng được thiện pháp, về phương diện này, người ấy được tán thán.

Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này Thôn trưởng, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện được tán thán.

V.(iii)

33) Ở đây, này Thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, tự mình hành xác, hành khổ, chứng được thiện pháp, và chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này về một phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện được tán thán. Về một phương diện nào bị chỉ trích? Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích. Về hai phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy chứng được thiện pháp, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy chứng ngộ Thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán.

Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này Thôn trưởng, về một phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện được tán thán.

VI

34) Nay Thôn trưởng, có ba pháp thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Thế nào là ba?

VI.(i)

35) Phàm người tham dục (rāga), do nhân tham dục, nghĩ đến tự hại, nghĩ đến hại người khác, nghĩ đến hại cả hai. Khi tham dục được đoạn tận, người ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người khác, không nghĩ đến hại cả hai. Như vậy, những (quả này) thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu.

VI.(ii)

36) Phàm người sân hận, do nhân sân hận, nghĩ đến tự hại, nghĩ đến hại người khác, nghĩ đến hại cả hai. Khi sân hận được đoạn tận, người ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người khác, không nghĩ đến hại cả hai. Như vậy, những (quả này) thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu.

VI.(iii)

37) Phàm người si mê, do nhân si mê, nghĩ đến tự hại, nghĩ đến hại người khác, nghĩ đến hại cả hai. Khi si mê được đoạn tận, vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người khác, không nghĩ đến hại cả hai. Như vậy, những (quả này) thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu.

Ba pháp này, này Thôn trưởng, thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiếu.

38) Khi được nghe nói vậy, thôn trưởng Ràsiya bạch Thέ Tôn:

-- Thật là vi diệu, bạch Thέ Tôn!... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

XIII. Pàtali (Khả ý) (S.iv,340)

1) Một thời Thέ Tôn trú ở giữa dân chúng Koliya, tại thị trấn của dân chúng Koliya tên là Uttara.

2) Rồi thôn trưởng Pàtaliya đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi một bên, thôn trưởng Pàtaliya bạch Thέ Tôn:

-- Con được nghe rằng, bạch Thέ Tôn, Sa-môn Gotama biết huyền thuật. Bạch Thέ Tôn, những ai nói rằng Sa-môn Gotama biết huyền thuật; những người ấy, bạch Thέ Tôn, có nói đúng với lời Thέ Tôn hay không? Họ không xuyên tạc Thέ Tôn với điều không thật, họ trả lời đúng pháp, tùy pháp? Và những ai nói lời tương ứng đúng pháp không có lý do gì để chỉ trích. Bạch Thέ Tôn, chúng con không muốn chống báng Thέ Tôn (abbhakkhati).

3) -- Những ai nói rằng, này Thôn trưởng, Sa-môn Gotama biết huyền thuật, những người ấy nói đúng lời nói của Ta. Họ không xuyên tạc Ta với điều không thật. Họ nói lời đúng pháp, tùy pháp. Và những ai nói lời tương ứng đúng pháp không có lý do để chỉ trích.

4) -- Như vậy là đúng sự thật, bạch Thέ Tôn tuy rằng con không tin các vị Sa-môn, Bà-La-Môn ấy, nói rằng Sa-môn Gotama biết huyền thuật. Như vậy, bạch Thέ Tôn, cuối cùng Sa-môn Gotama là người sống theo huyền thuật.

-- Ai nói rằng: "Như Lai biết huyền thuật", người ấy có nói rằng Như Lai là người sống theo huyền thuật, nói rằng như vậy là Thέ Tôn, như vậy là Thiện Thệ? Vậy này Thôn trưởng, về vấn đề này Ta sẽ hỏi Ông. Nếu có thể kham nhẫn, Ông có thể trả lời.

I

I.(i)

5)-- Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Ông có biết, này Thôn trưởng, các người làm thuê của dân chúng Kosala có búi tóc thòng xuồng?

-- Con có biết, bạch Thέ Tôn, các người làm thuê của dân chúng Kosala có búi tóc thòng xuồng.

6) -- Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Dùng vào mục đích gì mà những người làm thuê của dân chúng Kosala có búi tóc thòng xuồng?

-- Những người làm thuê có búi tóc thòng xuồng của dân chúng Kosala được dùng để chế ngự các người ăn trộm và để mang đi các tin tức cho dân chúng Kosala. Được dùng vào mục đích ấy, bạch Thέ Tôn, là những người làm thuê có búi tóc thòng xuồng của dân chúng Kosala.

7) -- Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Ông có biết những người làm thuê có búi tóc thòng xuồng của

dân chúng Kosala là những người trì giới hay là những người ác giới?

-- Con được biết, bạch Thέ Tôn, những người làm thuê có búi tóc thòng xuόng của dân chúng Kosala là những người ác giới, theo ác pháp. Nếu có những người theo ác giới, theo ác pháp ở đời, chính là những người làm thuê có búi tóc thòng xuόng của dân chúng Kosala, không có ai khác.

8) -- Nay Thôn trưởng, nếu có ai nói rằng: "Thôn trưởng Pàlaliya biết được các người làm thuê có búi tóc thòng xuόng của dân chúng Kosala là người ác giới, theo ác pháp, thời thôn trưởng Pàtaliya cũng là người theo ác giới, theo ác pháp", người nói như vậy có nói một cách chân chánh không?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn. Những người làm thuê có búi tóc thòng xuόng của các dân chúng Kosala là khác. Còn con là khác. Tự tánh của những người làm thuê có búi tóc thòng xuόng của dân chúng Kosala là khác. Tự tánh của con là khác.

9) -- Nay Thôn trưởng, Ông sẽ được tiếng như sau: "Thôn trưởng Pataliya biết rằng, các người làm thuê có búi tóc thòng xuόng của dân chúng Kosala là những người ác giới, theo ác pháp. Nhưng thôn trưởng Pataliya không phải là người có ác giới, theo ác pháp". Như vậy, tại sao Như Lai lại không được tiếng rằng Như Lai là người biết huyền thuật, nhưng Như Lai không phải là người sống theo huyền thuật? Nay Thôn trưởng, Ta rõ biết huyền thuật và quả dì thực của huyền thuật. Và thực hành như thế nào mà một người làm huyền thuật, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ta rõ biết như vậy.

II.(ii)

10) Nay Thôn trưởng, Ta rõ biết sát sanh và quả dì thực của sát sanh. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người sát sanh, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

11) Nay Thôn trưởng, Ta rõ biết lấy của không cho và quả dì thực của lấy của không cho. Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người lấy của không cho, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

12) Nay Thôn trưởng, Ta rõ biết sự sống tà hạnh trong các dục và quả dì thực của sự sống theo tà hạnh trong các dục. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người sống tà hạnh trong các dục, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

13) Nay Thôn trưởng, Ta rõ biết nói láo và quả dì thực của nói láo. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói láo, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

14) Nay Thôn trưởng, Ta rõ biết nói hai lưỡi và quả dì thực của nói hai lưỡi. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói hai lưỡi sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

15) Nay Thôn trưởng, Ta rõ biết nói lời độc ác và quả dì thực của nói lời độc ác. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói lời độc ác, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

16) Nay Thôn trưởng, Ta rõ biết nói lời phù phiếm và quả dì thực của nói lời phù phiếm. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói lời phù phiếm, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh

vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

17) Nay Thôn trưởng, Ta rõ biết lòng tham dục và quả dị thục của lòng tham dục. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người có lòng tham dục, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

18) Nay Thôn trưởng, Ta rõ biết lòng sân hận và quả dị thục của lòng sân hận. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người có lòng sân hận, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

19) Nay Thôn trưởng, Ta rõ biết tà kiến và quả dị thục của tà kiến. Và Ta cũng rõ biết một người có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

20) Nay Thôn trưởng, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói như sau, thấy như sau: "Ai sát hại sanh mạng; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu. Ai lấy của không cho; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu. Ai sống tà hạnh trong các dục; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu. Ai nói láo; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu".

II.(i)

21) Nhưng nay Thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người đeo vòng hoa, đeo bông tai, khéo tăm, khéo thoa dầu sáp, tóc râu chải chuốt, được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua. Về người này, họ hỏi:

-- "Này Bạn, người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai, được khéo tăm, tóc râu chải chuốt, được nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

-- "Này Bạn, người này đã đập tan kẻ thù nghịch của vua và đoạt mạng sống của kẻ đó. Nhà vua hoan hỷ đối với người ấy, nên đã thưởng cho người ấy. Do vậy, người này được đeo vòng hoa, được đeo bông tai, được khéo tăm, râu tóc chải chuốt, được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua".

II.(ii)

22) Nhưng nay Thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt ra đằng sau bởi một sợi dây thật chắc, đầu cạo trọc, với tiếng trống chát tai, được dẫn đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác, rồi được dắt ra khỏi cửa thành phía Nam, và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. Về người này, họ hỏi:

-- "Này Bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau bởi một sợi dây thật chắc, đầu cạo trọc, với tiếng trống chát tai, được dẫn đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác, rồi được dắt ra khỏi cửa thành phía Nam, và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

-- "Này Bạn, người này là kẻ thù của vua. Người này đã đoạt mạng một người đàn bà hay một người đàn ông. Do vậy, người của vua bắt người này và đối xử như vậy với người này".

23) Ông nghĩ thế nào, nay Thôn trưởng? Ông có bao giờ thấy hay nghe một người như vậy chăng?

- Bạch Thé Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai.
- 24) -- Ở đây, này Thôn trưởng, những người Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Ai sát hại sanh mạng; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu". Họ nói đúng sự thật hay nói láo?
- Bạch Thé Tôn, họ nói láo.
 - Và những người nói lời hư ngụy, nói láo, họ là người trì giới hay ác giới.
 - Là người ác giới, bạch Thé Tôn.
 - Những người ác giới, theo ác pháp là tà hạnh hay chánh hạnh?
 - Là tà hạnh, bạch Thé Tôn.
 - Những người tà hạnh là những người có tà kiến hay có chánh kiến?
 - Là những người có tà kiến, bạch Thé Tôn.
 - Và những người có tà kiến, có hợp lý chẳng khi đặt tin tưởng vào họ?
 - Thưa không, bạch Thé Tôn.

II.(iii)

25) -- Nhưng này Thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua. Về người này, họ hỏi:

"-- Người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

"--Này Bạn, người này đã đập tan kẻ thù nghịch của vua và đem về châu báu. Nhà vua hoan hỷ với người ấy nên đã thưởng người ấy. Do vậy, người này được đeo vòng hoa, được đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua".

II.(iv)

26) Nhưng này Thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt ra đằng sau... và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. Về người này, họ hỏi:

"-- Này Bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau... tại cửa thành phía Nam?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

"-- Này Bạn, người này đã từ làng hay từ ngôi rừng lấy những vật không cho, được gọi là ăn trộm. Do vậy, những người của nhà vua bắt người này và đối xử như vậy với người này".

27) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Ông có bao giờ thấy hay nghe một người như vậy chăng?

-- Bạch Thé Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai.

28)-- Ở đây, này Thôn trưởng, những người Sa-môn, hay Bà-la-môn nào nói như vậy, thấy như sau: "Ai lấy của không cho; tất cả, ngay trong hiện tại, cầm thợ khổ ưu". Họ nói đúng sự thật hay họ nói láo?... (như trên số 24)... Và những người có tà kiến, có hợp lý chăng khi đặt tin tưởng vào họ?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

II.(v)

29) -- Nhưng này Thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chǎng khác vị vua. Về người này, họ nói:

-- "Người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chǎng khác vị vua?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

--"Này Bạn, người này có tà hạnh với những người vợ của kẻ thù nghịch của vua. Nhà vua hoan hỷ với người ấy nên đã thưởng người ấy. Do vậy, người ấy được đeo vòng hoa, được đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chǎng khác vị vua".

II.(vi)

30)-- Nhưng này Thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt... và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. Về người này, họ nói:

--"Này Bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau... tại cửa thành phía Nam?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

--"Này Bạn, người ấy đã phạm tà hạnh với các phụ nữ và các con gái các gia đình. Do vậy, các người của nhà vua bắt người ấy và đối xử như vậy với người ấy".

31) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Ông có bao giờ thấy hay nghe một người như vậy chăng?

-- Bạch Thé Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai.

32) -- Ở đây, này Thôn trưởng, những người Sa-môn, Bà-la-môn nào nói như sau, thấy như sau: "Ai có tà hạnh trong các dục; tất cả, ngay trong hiện tại, cầm thợ khổ ưu" Họ nói đúng sự thật hay họ nói láo?... (như trên số 24)... Và những người có tà kiến, có hợp lý chăng khi đặt tin tưởng vào họ?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

33) -- Nhưng ở đây, này Thôn trưởng, chúng ta thấy có người đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chǎng khác vị vua. Về người ấy, họ nói:

--"Người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chǎng

khác vị vua?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

--"Này Ban, người này làm cho vua cười với lời nói láo. Nhà vua hoan hỷ với người ấy nên đã thưởng người ấy. Do vậy, người ấy được đeo vòng hoa, được đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chǎng khác vị vua".

II.(viii)

34) -- Nhưng này Thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt... và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. Về người này, họ hỏi:

--"Này Bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau... tại cửa thành phía Nam?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

--"Này Bạn, người ấy do nói láo, đã phá hại tài sản của người gia chủ hay con của người gia chủ. Do vậy, các người của nhà vua bắt người ấy và đối xử như vậy với người ấy".

35) Nay Thôn trưởng, Ông nghĩ thế nào? Ông có bao giờ thấy hay nghe một người như vậy chǎng?

-- Bạch Thé Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai.

36) Ở đây, này Thôn trưởng, những Sa-môn, Bà-la-môn nào nói như sau, thấy như sau: "Ai nói láo; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu". Họ nói đúng sự thật hay nói láo... (như trên số 24)... Và những người có tà kiến, có hợp lý chǎng khi đặt tin tưởng vào họ?

-- Thưa không, bạch Thé Tôn.

III

37) Thật là vi diệu, bạch Thé Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thé Tôn! Con có một ngôi nhà nghỉ mát, tại đây có những giường, có những chỗ ngồi, có những đèn dầu. Có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến trú ngụ tại đây, tùy theo khả năng, tùy theo sức lực, con chia sẻ với các vị ấy. Thuở trước, bạch Thé Tôn, có bốn vị Đạo sư có quan điểm khác nhau, có (kham nhẫn) khác nhau, có sở thích khác nhau đến trú ngụ tại ngôi nhà nghỉ mát ấy.

III.(i)

38) Một vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có cha, không có mẹ, không có loại hóa sanh ; ở đời, không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này đời khác, và truyền dạy lại".

III.(ii)

39) Một vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thực các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có cha, có mẹ, có loại hóa sanh ; ở đời, có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này đời khác, và truyền dạy lại".

III.(iii)

40) Một vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: "Tự làm, hay khiến người làm, chém giết, hay tự mình chém giết, đốt nấu, hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn, hay khiến người gây phiền muộn, gây ảo não, hay khiến người gây ảo não, tự mình gây sợ hãi, hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lây của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo. Do duyên như vậy, không có tội ác, không có đi đến tội ác. Nếu lấy một bánh xe sắc bén, giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chồng thịt; do duyên ấy, cũng không có tội ác, không đi đến tội ác. Nếu có người đi trên bờ phia Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu; do duyên ấy cũng không có tội ác, không đi đến tội ác. Nếu có người đi trên bờ phia Bắc sông Hằng bồ thí, khiến người bồ thí, té lẽ, khiến người té lẽ; do duyên ấy, không có công đức, không đi đến công đức".

III.(iv)

41) Một vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: "Tự mình làm hay khiến người làm, chém giết, hay tự mình chém giết, đốt nấu, hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn, hay khiến người gây phiền muộn, gây ảo não, hay khiến người gây ảo não, tự mình gây sợ hãi, hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lây của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo. Hành động như vậy có tội ác, có đi đến tội ác. Nếu lấy một bánh xe sắc bén, giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chồng thịt; vì vậy có tội ác, có đi đến tội ác. Nếu có người đi đến bờ phia Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, có tội ác; do duyên như vậy, có đi đến tội ác. Nếu có người đi trên bờ phia Bắc sông Hằng bồ thí, khiến người bồ thí, té lẽ, khiến người té lẽ; do duyên như vậy, có công đức, có đi đến công đức".

III.(v)

42) -- Về vấn đề này, bạch Thέ Tôn, con có phân vân, con có nghi ngờ. Giữa những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này ; ai là người nói sự thật, ai là người nói láo?

-- Thôi vừa rồi, này Thôn trưởng, là sự phân vân của Ông. Thôi vừa rồi, là sự nghi ngờ của Ông. Chính do ở điểm phân vân mà nghi ngờ khởi lên.

-- Bạch Thέ Tôn, nhưng con có lòng tin thành như vậy đối với Thέ Tôn. Thέ Tôn có thể thuyết pháp cho con để sự phân vân này có thể đoạn diệt.

IV

43)-- Này Thôn trưởng, có pháp Thiền định (Dhammasamàdhi). Ở đây, nếu Ông chứng được tâm định (cittasamàdhi), thời Ông có thể đoạn diệt sự phân vân này của Ông. Và này Thôn trưởng, thế nào là pháp Thiền định?

IV.(i)

44) Ở đây, này Thôn trưởng, vị Thánh đệ tử sau khi đoạn tận sát sanh, sống từ bỏ sát sanh. Sau khi đoạn tận lây của không cho, vị ấy sống từ bỏ lây của không cho. Sau khi đoạn tận tà hạnh trong các dục, vị ấy sống từ bỏ tà hạnh trong các dục. Sau khi đoạn tận nói láo, vị ấy sống từ bỏ nói láo. Sau khi đoạn tận nói hai lưỡi, vị ấy sống từ bỏ nói hai lưỡi. Sau khi đoạn tận nói lời độc ác, vị ấy sống từ bỏ nói lời độc ác. Sau khi đoạn tận nói lời phù phiếm, vị ấy sống từ bỏ nói lời phù phiếm. Sau khi đoạn tận tham dục, vị ấy

sóng từ bỏ lòng tham. Sau khi đoạn tận lòng sân, vị ấy sống từ bỏ lòng sân. Sau khi từ bỏ tà kiến, vị ấy sống theo chánh kiến.

Vị Thánh đệ tử ấy, này Thôn trưởng, với lòng tham từ bỏ như vậy, với lòng sân từ bỏ như vậy, không có lòng si, tĩnh giác, chánh niệm, sống biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy, phương từ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư; như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư như sau: "Vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có cha, không có mẹ, không có loại hóa sanh. Ở đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này, đời khác, và truyền dạy lại'". Nếu vị Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự thật, ta cũng không có tội lỗi gì. Vì ta không có hại một ai, kẻ yếu hay kẻ mạnh, ở đây cả hai phương diện, ta là kẻ gieo quẻ gặp may. Thân ta được hộ trì, lời nói được hộ trì, ý được hộ trì. Và sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Với vị ấy, hân hoan sanh khởi; do hân hoan, hỷ sanh khởi; do hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc tho được cảm giác; với người cảm giác lạc tho, tâm được định tĩnh. Này Thôn trưởng, đây là pháp Thiên định. Ở đây, nếu Ông được tâm định như vậy, sự phân vân của Ông được đoạn diệt.

IV.(ii)

45) Vị Thánh đệ tử ấy, này Thôn trưởng, với lòng tham được từ bỏ như vậy, với lòng sân được từ bỏ như vậy, không có lòng si, sống tĩnh giác, chánh niệm, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư; như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư như sau: "Vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thực các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có cha, có mẹ, có các loại hóa sanh. Ở đời, có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này, đời khác và truyền dạy lại'". Nếu vị Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự thật, ta cũng không có tội lỗi gì, vì ta không hại một ai, kẻ yếu hay kẻ mạnh. Ở đây, cả hai phương diện, ta là kẻ gieo quẻ gặp may. Thân ta được hộ trì. Lời nói ta được hộ trì. Ý ta được hộ trì. Và sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Với vị ấy hân hoan sanh khởi... (như trên, số 44)... như vậy, sự phân vân của Ông được đoạn diệt.

IV.(iii)

46) Vị Thánh đệ tử, này Thôn trưởng, với lòng tham được từ bỏ như vậy... biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ... không hận, không sân. Vị ấy suy tư như sau: "Vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Tự làm hay khiến người làm... (như trên, số 40)... hành động như vậy không có tội ác gì'. Nếu vị Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự thật, ta cũng không có tội lỗi gì..". (như trên, số 44)... như vậy, sự phân vân của Ông được đoạn diệt.

IV.(iv)

47) Vị Thánh đệ tử, này Thôn trưởng, với lòng tham được từ bỏ như vậy... biến mãn một phương tâm câu hữu với từ... không hận, không sân. Vị ấy suy tư như sau: "Vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Tự làm hay khiến người khác làm... (như trên, số 41)... do duyên ấy, có tội ác, có đi đến tội ác... do nhân duyên ấy, có công đức, có đi đến công đức'". Nếu Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự thật, ta cũng không có tội lỗi gì..". (như trên, số 44)... như vậy, sự phân vân của Ông được đoạn diệt.

V.(i)

48) Vị Thánh đệ tử, này Thôn trưởng... (hoàn toàn giống như đoạn (i) số 44, chỉ khác, trước là tâm câu hữu với từ, nay là tâm câu hữu với bi. ... tâm câu hữu với hỷ. ... tâm câu hữu với xa).

V.(ii)

49)... (giống như đoạn (ii) số 45, chỉ khác, đây với tâm câu hữu với bi... câu hữu với hỷ... tâm câu hữu với xả).

V.(iii)

50)... (giống như đoạn (iii) số 46, chỉ khác, đây với tâm câu hỮU với bi... câu hữu với hҮ... câu hữu với xã).

V.(iv)

51)... (giống như đoạn (iv) số 47, chỉ khác, ở đây với tâm câu hỮU với bi... câu hữu với hҮ... câu hữu với xã).

52) Khi được nói vậy, thôn trưởng Pàtaliya bạch Thế Tôn:

-- Thật là vi diệu, bạch Thé Tôn, thật là vi diệu, bạch Thé Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

-00000-

CHƯƠNG IX
43. TƯƠNG ƯNG VÔ VI

Phần Một - Phẩm Một**I. Thân (S.iv,359)**

- 1) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về pháp vô vi và con đường đưa đến vô vi (asankhata). Hãy lắng nghe.
- 2) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô vi? Nay các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là vô vi.
- 3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Thân niệm (kàyagatà sati), này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến vô vi.
- 4) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta thuyết về vô vi, Ta thuyết về con đường đưa đến vô vi.
- 5) Nay các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ悯, vì khởi lên lòng từ悯 đối với họ ; tất cả, Ta đã làm đối với các Ông.
- 6) Nay các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, hãy tu tập Thiên định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

II. Chỉ (Samatha) (S.iv,360)

- 1) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về vô vi và về con đường đưa đến vô vi. Hãy lắng nghe.
- 2) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô vi? Nay các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là vô vi.
- 3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi, chỉ và quán, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên)...

III. Tâm (S.iv,360)

1-2) ...

- 3)-- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Có định có tâm, có tú; có định không tâm, có tú; có định không tâm, không tú. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến vô vi.

IV. Không

1-2) ...

- 3) -- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Không định, Vô tướng định, Vô nguyên định. Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

V. Niệm Xứ.

1-2) ...

3) -- Và này các Tỷ-kheo, thê nào là con đường đưa đến vô vi? Bốn niệm xứ, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

VI. Chánh Cầm.

1-2) ...

3) -- Và này các Tỷ-kheo, thê nào là con đường đưa đến vô vi? Bốn chánh cầm, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

VII. Như Ý Túc.

1-2) ...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, thê nào là con đường đưa đến vô vi? Bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

VIII. Căn.

1-2) ...

3) -- Và này các Tỷ-kheo, thê nào là con đường đưa đến vô vi? Năm căn, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

IX. Lực.

1-2) ...

3) -- Và này các Tỷ-kheo, thê nào là con đường đưa đến vô vi? Năm lực, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

X. Giác Chi.

1-2) ...

3) -- Và này các Tỷ-kheo, thê nào là con đường đưa đến vô vi? Bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

XI. Vói Con Đường (S.iv,361)

1-2) ...

3) -- Và này các Tỷ-kheo, thê nào là con đường đưa đến vô vi? Con đường Thánh đạo Tám nganh, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

4) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta thuyết về vô vi; Ta thuyết về con đường đưa đến vô vi.

5) Nay các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ ; tất cả, Ta đã làm đối với các Ông.

6) Nay các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, hãy tu tập Thiền định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

Phần Hai - Phẩm Hai

I. Vô Vi

I. Chỉ (S.iv,362)

1) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về vô vi, và về con đường đưa đến vô vi. Hãy lắng nghe.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, thế nào là vô vi? Nay các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si; này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô vi.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Chỉ, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

4) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta thuyết về vô vi, Ta thuyết về con đường đưa đến vô vi.

5) Nay các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả, Ta đã làm cho các Ông.

6) Nay các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, hãy tu tập Thiền định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

II. Quán.

1)-- Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về vô vi và con đường đưa đến vô vi. Hãy lắng nghe.

2) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô vi? Nay các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si ; này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô vi.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Quán, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

4-6)... (như trên).

III. Sáu Định (S. iv. 62)

1-2) ...

3) -- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Định có tầm có tú, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên)...

IV. Sáu Định (2)

1-2) ...

3)-- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Định không tầm, chỉ có tú ; này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

V. Sáu Định (3)

1-2) ...

3) -- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Định không tầm không tú; này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

VI. Sáu Định (4)

1-2) ...

3) -- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Không định, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

VII. Sáu Định (5)

1-2) ...

3) -- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Định Vô tướng, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

VIII. Sáu Định (6)

1-2) ...

3)-- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Định Vô nguyên, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

IX. Bốn Niệm Xứ (1) (S.iv,363)

1-2) ...

3)-- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tùy quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến vô vi...

X - XII. Bốn Niệm Xứ (2-4)

1-2) ...

3)... Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tùy quán thọ trên thọ... tùy quán tâm trên tâm... tùy quán pháp trên pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

XIII. Bốn Chánh Cân (1)

1-2) ...

3)-- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phát sanh lòng ước muốn rằng các ác bất thiện pháp chưa sanh không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, kiên tâm, trì chí. Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

XIV - XVI. Bốn Chánh Cân (2-4)

1-2) ...

3)-- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phát sanh lòng ước muốn rằng các ác bất thiện pháp đã sanh được đoạn tận, tinh cần, tinh tấn, kiên tâm, trì chí... phát sanh lòng ước muốn rằng các thiện pháp chưa sanh được sanh khởi... phát sanh lòng ước muốn rằng các thiện pháp đã sanh được an trú, không tán thất, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, tinh cần, tinh tấn, kiên tâm, trì chí. Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

XVII. Bốn Như Ý Túc (1) (S.iv,365)

1-2) ...

3)-- Và này các Tỷ-kheo thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc, câu hữu với dục Thiền định, tinh cần hành. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến vô vi...

XVIII-XX. Bốn Như Ý Túc (2-4)

1-2) ...

3)-- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc, câu hữu với tâm Thiền định, tinh cần hành... câu hữu với tinh tấn Thiền định... câu hữu với tư duy Thiền định, tinh cần hành. Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

XXI. Năm Căn (1) (S.iv,365)

1-2) ...

3)-- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn, y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ diệt tận, hướng đến từ bỏ. Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

XXII-XXV. Năm Căn (2-5)

1-2) ...

3)-- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tu tập tấn căn... tu tập niệm căn... tu tập định căn... tu tập tuệ căn, y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ diệt tận, hướng đến từ bỏ. Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

XXVI-XXX. Năm Lực (1-5) (S.iv,336)

1-2) ...

3)-- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tu tập tín lực... tân lực... niêm lực... định lực... tuệ lực... y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ diệt tận, hướng đến từ bỏ. Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

XXXI-XXXVII. Bảy Giác Chi (1-7) (S.iv,367)

1-2) ...

3)-- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tu tập niêm giác chi... trách pháp giác chi... tinh tấn giác chi... hỷ giác chi... khinh an giác chi... định giác chi... xả giác chi, y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ diệt tận, hướng đến từ bỏ. Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

XXXVIII-XLV. Tám Chánh Đạo (1-8) (S.iv,367)

1-2) ...

3)-- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tu tập chánh tri kiến... chánh tư duy... chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niêm... chánh định, y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ diệt tận, hướng đến từ bỏ. Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

II. Đích Cuối Cùng (Antam) (S.iv,368)

I-XLV.

1)-- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về mục đích cuối cùng và con đường đưa đến mục đích cuối cùng, hãy lắng nghe.

2) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là mục đích cuối cùng?... (giống như đoạn về Vô Vi, từ I đến XLV).

III. Vô Lậu (S.iv,360)

I-XLV.

1)-- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về vô lậu và con đường đưa đến vô lậu, hãy lắng nghe.

2) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô lậu?... (giống như đoạn về Vô Vi, từ I đến XLV).

IV. Sự Thật (Saccam)...

V. Bờ Bên Kia (Pàram)...

VI. Tê Nhị (Nipunam)...

VII. Khó Thầy Được (Sududdasam)...

VIII. Không Già (Ajajjaram)...

IX. Thường Hằng (Dhuvam)...

X. Không Suy Yếu (Apalokitam)...

XI. Không Thấy (Anidassanam)...

XII. Không Lý Luận (Nippapam)...

XIII. Tịch Tịnh (Santam)...

XIV. Bất Tử (Amatam)...

XV. Thủ Thành (Paniitam)...

XVI. An Lạc (Sivam)...

XVII. An Ôn (Khemam)

XVIII. Ái Đoạn Tận...

XIX. Bất Khả Tư Nghì (Acchariyam)...

XX. Hy Hưu (Abhutam)...

XXI. Không Tai Họa (Anitika)...

XXII. Không Bị Tai Họa (Anitakdhamma)...

XXIII. Niết Bàn....

XXIV. Không Tồn Tại (Avyàpajjho)...

XXV. Ly Tham (Viràgo)...

XXVI. Thanh Tịnh....

XXVII. Giải Thoát (Mutti)...

XXVIII. Không Chứa Giữ (Anàlayo)...

XXIX. Ngọn Đèn (Dipa)...

XXX. Hang ẩn (Lena)...

XXXI. Pháo Đài (Tànam) ...

XXXII. Quy Y (Saranam)...

XXXIII. Đến Bờ Bên Kia (Paràyanam)

1) -- Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về sự đến bờ bên kia và con đường đưa đến bờ bên kia,

hãy lắng nghe.

2) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là đến bờ bên kia? Nay các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si ; này các Tỷ-kheo, đây gọi là đến bờ bên kia.

3) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến bờ bên kia? Thân niệm, này các Tỷ-kheo, là con đường đưa đến bờ bên kia.

4) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, Ta thuyết về sự đến bờ bên kia, Ta thuyết về con đường đưa đến bờ bên kia.

5) Nay các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả, Ta đã làm đối với các Ông.

6) -- Nay các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, hãy tu tập Thiền định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

I-XLV

...(Như trên)...

-ooOoo-

CHƯƠNG X
44. TƯƠNG ƯNG KHÔNG THUYẾT

I. Trưởng Lão Ni Khemà (S.iv,374)

- 1) Một thời Thέ Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika.
- 2) Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo-ni Khemà đang đi du hành giữa dân chúng Kosala và trú ở tại Toranavatthu, giữa Sàvatthi và Sàketà.
- 3) Vua Pasenadi nước Kosala cũng đang đi từ Sàketa đến Sàvatthi và trú một đêm ở Toranavatthu, giữa Sàketa và Sàvatthi.
- 4) Rồi vua Pasenadi nước Kosala gọi một người và nói:
 -- Hãy đến, này Người kia. Ông có biết vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào ở tại Toranavatthu để hôm nay ta có thể đến yết kiến vị ấy?
 -- Thưa vâng, tâu Đại vương.
 Người ấy vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala, đi tìm khắp Toranavatthu không thấy có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào để vua Pasenadi nước Kosala có thể đến yết kiến.
- 5) Rồi người ấy thấy Tỷ-kheo-ni Khemà đến trú ở Toranavatthu; sau khi thấy, người ấy đi đến vua Pasenadi nước Kosala và thưa:
 -- Tâu Đại vương, tại Toranavatthu không có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào để Đại vương có thể yết kiến. Nhưng tâu Đại vương, có Tỷ-kheo-ni Khemà là đệ tử của Thέ Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Tiếng đôn tốt đẹp sau đây được truyền đi về bậc nữ Tôn giả ấy: "Nữ Tôn giả là bậc hiền trí, thông minh, có trí, nghe nhiều, lời nói đến tâm, ứng đáp lanh lợi". Đại vương có thể đến yết kiến vị ấy.
- 6) Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Tỷ-kheo-ni Khemà; sau khi đến, đảnh lễ vị ấy rồi ngồi xuống một bên.
- 7) Ngồi một bên, vua Pasenadi nước Kosala thưa với Tỷ-kheo-ni Khemà:
 -- Thưa Nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?
 -- Tâu Đại vương, Thέ Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".
- 8) -- Thέ là, thưa Nữ Tôn giả, Như Lai không tồn tại sau khi chết?
 -- Tâu Đại vương, Thέ Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết".
- 9) -- Thέ là, thưa Nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?
 -- Tâu Đại vương, Thέ Tôn cũng không trả lời: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết".
- 10) -- Thέ là, thưa Nữ Tôn giả, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

-- Tâu Đại vương, Thέ Tôn cũng không trả lời: "Nhu Lai không tồn tại và không tồn tại sau khi chết".

11) -- Được hỏi: "Thưa Nữ Tôn giả, Nhu Lai có tồn tại sau khi chết không?", Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thέ Tôn không trả lời: 'Nhu Lai có tồn tại sau khi chết''''. Được hỏi: "Thέ là, thưa Nữ Tôn giả, có phải Nhu Lai không tồn tại sau khi chết không?", Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thέ Tôn cũng không trả lời: 'Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết''''. Được hỏi: "Thέ là, thưa Nữ Tôn giả, có phải Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?", Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thέ Tôn cũng không trả lời: 'Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết''''. Được hỏi: "Thέ là, thưa Nữ Tôn giả, có phải Nhu Lai không tồn tại và không tồn tại sau khi chết?", Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thέ Tôn cũng không trả lời: 'Nhu Lai không tồn tại và không tồn tại sau khi chết''''. Thưa Nữ Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, Thέ Tôn lại không trả lời?

12)-- Vậy thưa Đại vương, ở đây, tôi sẽ hỏi Đại vương. Đại vương kham nhẫn như thế nào, hãy trả lời như vậy.

13) Đại vương nghĩ thế nào, thưa Đại vương, Đại vương có người kế toán nào, chưởng án nào (muddiko), toán số nào có thể đêm được cát sông Hằng có số hột cát như vậy, có số trăm hột cát như vậy, có số ngàn hột cát như vậy, có số trăm ngàn hột cát như vậy?

-- Thưa không, thưa Nữ Tôn giả.

14) -- Đại vương có người kế toán nào, có người chưởng án nào, có người toán số nào có thể đong lường được nước của biển lớn có số đầu nước như vậy, có số trăm đầu nước như vậy, có số ngàn đầu nước như vậy, có số trăm ngàn đầu nước như vậy?

-- Thưa không, thưa Nữ Tôn giả.

-- Vì sao?

-- Thưa Nữ Tôn giả, vì rằng biển lớn thăm sâu, vô lường, khó dò đến đáy.

15) -- Cũng vậy, thưa Đại vương, nếu có người muốn định nghĩa Nhu Lai ngang qua sắc thân (rupeena), nhưng sắc thân ấy, Nhu Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của sắc thân. Thưa Đại vương, Nhu Lai là thăm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận. Nói rằng: "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

16) Nếu có người muốn định nghĩa Nhu Lai ngang qua cảm thọ, nhưng cảm thọ áy, Thέ Tôn đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của cảm thọ. Thưa Đại vương, Nhu Lai là thăm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận... Nói rằng: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

17-19) Nếu có người muốn định nghĩa Nhu Lai qua các tưởng... qua các hành... qua các thức; nhưng thức áy, Nhu Lai đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh,

làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của thíc. Thura Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

20) Rồi vua Pasanadi nước Kosala hoan hỷ, tín thọ lời của Tỷ-kheo-ni Khemà, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni Khemà, thân phía hữu hướng về Nữ Tôn giả rồi ra đi.

21) Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau một thời gian, đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.

22) Ngồi một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?

-- Thura Đại vương, Ta không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

23) Thé là, thura Thé Tôn, Như Lai không có tồn tại sau khi chết?

-- Thura Đại vương, Ta cũng không trả lời: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết".

24-25)... (Như trên)...

26-34... (Như trên, từ số 11 đến số 19, với những thay đổi cần thiết)...

35) -- Thật vi diệu thay, bạch Thé Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thé Tôn! Vì rằng giữa Đạo sư với nữ đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

36) Một thời, bạch Thé Tôn, con đi đến Tỷ-kheo-ni Khemà và hỏi về ý nghĩa này. Nữ Tôn giả ấy đã trả lời cho con về ý nghĩa này với những câu này, với những lời này, giống như Thé Tôn. Thật là vi diệu, bạch Thé Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thé Tôn! Vì rằng giữa Đạo sư với nữ đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú. Bạch Thé Tôn, nay con phải đi, con có nhiều công vụ, nhiều việc phải làm.

-- Thura Đại vương, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

37) Rồi vua Pasenadi nước Kosala hoan hỷ, tín thọ lời Thé Tôn nói, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thé Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

II. Anuràdha. (S.iv380)

1) Một thời Thé Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm, ở Trung Các giảng đường.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Anuràdha đang ở một ngôi chòi trong rừng không xa Thé Tôn bao nhiêu.

3) Rồi rất nhiều du sĩ ngoại đạo đi đến Tôn giả Anuràdha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuràdha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

4) Ngồi một bên, các ngoại đạo du sĩ áy thưa với Tôn giả Anuràdha:

-- Nay Hiền giả Anuràdha, Như Lai là bậc Thượng Nhân, là bậc Tối thắng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai áy đã được trình bày dưới bốn trường hợp: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

-- Thưa chư Hiền, Như Lai áy là bậc Thượng nhân, bậc Tối thắng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai áy được trình bày ngoài bốn trường hợp sau đây: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Khi được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo áy nói với Tôn giả Anuràdha:

-- Tỷ-kheo này có lẽ là mới tu, xuất gia không bao lâu. Hay nếu là vị trưởng lão, thời vị này là ngu si, không có thông minh.

5) Các du sĩ ngoại đạo áy, sau khi chê trách (apasàdetvà) Tôn giả Anuràdha là người mới tu và ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

6) Rồi Tôn giả Anuràdha, sau khi các du sĩ ngoại đạo áy ra đi không bao lâu, liền suy nghĩ: "Nếu các du sĩ ngoại đạo áy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để câu ta trả lời cho các du sĩ ngoại đạo áy là đúng với lời Thệ Tôn, ta không có xuyên tạc Thệ tôn với điều không thật. Ta trả lời đúng pháp, thuận pháp, và những ai nói lời tương ứng đúng pháp, không có cơ hội để chỉ trích".

7) Rồi Tôn giả Anuràdha đi đến Thệ Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thệ Tôn rồi ngồi xuống một bên.

8) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuràdha bạch Thệ Tôn:

-- Ở đây, bạch Thệ Tôn, con trú trong một ngôi chòi trong rừng, không xa Thệ Tôn bao nhiêu. Rồi, bạch Thệ Tôn, rất nhiều du sĩ ngoại đạo đi đến con, sau khi đến, nói lên với con những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thệ Tôn, các du sĩ ngoại đạo áy nói với con: "Nay Hiền giả Anuràdha, Như Lai là bậc Thượng nhân, là bậc Tối thắng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai áy đã được trình bày dưới bốn trường hợp: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'". Bạch Thệ Tôn, khi được nói vậy, con nói với các du sĩ ngoại đạo áy như sau: "Thưa chư Hiền, Như Lai là bậc Thượng nhân, là bậc Tối thắng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thắng. Bậc Như Lai áy được trình bày ngoài bốn trường hợp như sau: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'". Khi được nói vậy, các du sĩ ngoại đạo áy nói với con: "Tỷ-kheo này có lẽ là mới tu, xuất gia chưa bao lâu. Hay nếu là vị trưởng lão, thời vị này là ngu si, không có thông minh". Các du sĩ ngoại đạo áy, sau khi chê trách con là người mới tu và ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

9) Bạch Thệ Tôn, khi các vị du sĩ ngoại đạo áy đi không bao lâu con suy nghĩ như sau: "Nếu các vị du sĩ ngoại đạo áy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để câu trả lời của ta cho các du sĩ ngoại đạo áy là đúng với lời Thệ Tôn, ta không có xuyên tạc Thệ Tôn với điều không thật. Ta trả lời đúng pháp, thuận pháp và những ai nói lời tương ứng đúng pháp, không có cơ hội để chỉ trích".

10)-- Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

-- Thọ là thường hay vô thường?. .. Tưởng là thường hay vô thường?.. Các hành là thường hay vô thường?. .. Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thέ Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

11) -- Do vậy, này Anuràdha, phàm có sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của tôi". Phàm có thọ gì, quá khứ, vị lai, hiện tại... Phàm có tưởng gì... Phàm có các hành gì... Phàm có thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của tôi".

12) Thấy vậy, này Anuràdha, vị Đa văn Thánh đệ tử nhảm chán đối với sắc, nhảm chán đối với thọ, nhảm chán đối với tưởng, nhảm chán đối với các hành, nhảm chán đối với thức. Do nhảm chán nên vị ấy ly tham. Do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

13) Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán sắc là Nhu Lai không?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

-- Ông có quán thọ là Nhu Lai không?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

-- Ông có quán tưởng là Nhu Lai không?

- Thưa không, bạch Thέ Tôn.
- Ông có quán các hành là Như Lai không?
- Thưa không, bạch Thέ Tôn.
- Ông có quán thức là Như Lai không?
- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

14-18) -- Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán Như Lai ở trong sắc không?

- Thưa không, bạch Thέ Tôn.
- Ông có quán Như Lai ở ngoài sắc không?
- Thưa không, bạch Thέ Tôn.
- Ông có quán Như Lai ở trong thọ không?
- Thưa không, bạch Thέ Tôn.
- Ông có quán Như Lai ở ngoài thọ không?
- Thưa không, bạch Thέ Tôn.
- Ông có quán Như Lai ở trong tưởng không?
- Thưa không, bạch Thέ Tôn.
- Ông có quán Như Lai ở ngoài tưởng không?
- Thưa không, bạch Thέ Tôn.
- Ông có quán Như Lai ở trong các hành không?
- Thưa không, bạch Thέ Tôn.
- Ông có quán Như Lai ở ngoài các hành không?
- Thưa không, bạch Thέ Tôn.
- Ông có quán Như Lai ở trong thức không?
- Thưa không, bạch Thέ Tôn.
- Ông có quán Như Lai ở ngoài thức không?
- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

19-20) -- Ông nghĩ như thế nào, này Anuràdha, Ông có quán Như Lai là sắc, thọ, tưởng, hành, thức hay không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán Như Lai là không có sắc, không có thọ, không có tưởng, không có các hành, không có thức hay không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

21) -- Ở đây, này Anuràdha, Ông ngay trong hiện tại không có nắm được Như Lai một cách chân thật, một cách xác chứng, thời có hợp lý chăng khi Ông tuyên bố về Như Lai rằng:

"Thưa chư Hiền, Như Lai là bậc Thượng nhân, là bậc Tối thăng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy được biết đến ngoài bốn trường hợp sau đây: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'".

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

22) -- Lành thay, lành thay! Này Anuràdha. Trước đây và hiện nay, này Anuràdha, Ta chỉ nói lên sự khô và sự diệt khô.

III. Sàriputta-Kotthika (1) (hay Trú trước) (S.iv,384)

1) Một thời Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Barànasi, tại Isipatana, trong vườn Nai.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kotthika, vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, Tôn giả Mahà Kotthika nói với Tôn giả Sàriputta:

-- Thưa Hiền giả Sàriputta, Như Lai có tồn tại sau khi chết hay không?

-- Thưa Hiền giả, Thế Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

4)-- Thế là, thưa Hiền giả, Như Lai không tồn tại sau khi chết?

-- Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại sau khi chết".

5)-- Thế là, thưa Hiền giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?

-- Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết".

6)-- Thế là, thưa Hiền giả, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

-- Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

7) -- Được hỏi: "Thura Hiền giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?", Hiền giả trả lời: "Thura Hiền giả, Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết'". Được hỏi: "Thura Hiền giả, thế là Như Lai không tồn tại sau khi chết?", Hiền giả trả lời: "Thura Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không tồn tại sau khi chết'". Được hỏi: "Thế là, thura Hiền giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?", Hiền giả trả lời: "Thura Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết'". Được hỏi: "Thura Hiền giả, thế là Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?", Hiền giả trả lời: "Thura Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không tồn tại và không không toàn tại sau khi chết'". Thura Hiền giả, do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại không trả lời?

8) "Như Lai có tồn tại sau khi chết", thura Hiền giả, là chấp trước sắc. "Như Lai không có tồn tại sau khi chết" là chấp trước sắc. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước sắc. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước sắc.

9) "Như Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước thọ. "Như Lai không có tồn tại sau khi chết" là chấp trước thọ. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thọ. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thọ.

10) "Như Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước tưởng. "Như Lai không tồn tại sau khi chết" là chấp trước tưởng. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước tưởng. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước tưởng.

11) "Như Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước các hành. "Như Lai không tồn tại sau khi chết" là chấp trước các hành. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước các hành. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước các hành.

12) "Như Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước thức. "Như Lai không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thức. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thức. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thức.

13) Nay Hiền giả, do nhân này, do duyên này, Thế Tôn không trả lời.

IV. Sàriputta - Kotthika (2) (hay Tập khởi) (S.iv,387)

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàraṇasi (Ba-la-nại), tại Isipatana, chỗ vườn Nai...

2-7) -- Thura Hiền giả, do nhân gì Thế Tôn không trả lời câu hỏi ấy?

8) -- Thura Hiền giả, do không như thật biết, như thật thấy sắc; do không như thật biết, như thật thấy sắc tập khởi; do không như thật biết, như thật thấy sắc đoạn diệt; do không như thật biết, như thật thấy con đường đưa đến sắc đoạn diệt nêu mới có quan điểm rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.."

9-11)... thọ... tưởng... các hành...

12) Do không như thật biết, như thật thấy thức; do không như thật biết, như thật thấy thức tập khởi; do không như thật biết, như thật thấy thức đoạn diệt; do không như thật biết, như thật thấy con đường đưa đến thức đoạn diệt nêu mới có quan điểm rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại

và không tồn tại sau khi chết".

13) Do như thật biết, như thật thấy sắc; do như thật biết, như thật thấy sắc tập khởi; do như thật biết, như thật thấy sắc đoạn diệt; do như thật biết, như thật thấy con đường đưa đến sắc đoạn diệt nên không có quan điểm rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

14-16)... thọ... tưởng... các hành...

17) Do như thật biết, như thật thấy thức; do như thật biết, như thật thấy thức tập khởi; do như thật biết, như thật thấy thức đoạn diệt; do như thật biết, như thật thấy con đường đưa đến thức đoạn diệt nên không có quan điểm rằng: "Như Lai có tồn tại sau chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

18) Thura Hiền giả, đây là nhân, đây là duyên, đây là lý do mà Thέ Tôn không trả lời vấn đề ấy.

V. Sàriputta - Kotthika (3) (hay Ái) (S.iv,368)

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàraṇasi (Ba-la-nại), tại Isipatana, chồ vườn Nai...

2-7) -- Thura Hiền giả, do nhân gì, do duyên gì, Thέ Tôn không trả lời câu hỏi ấy?

8) -- Thura Hiền giả, đối với ai chưa đoạn trừ tham đối với sắc, chưa đoạn trừ dục, chưa đoạn trừ ái, chưa đoạn trừ khát, chưa đoạn trừ nhiệt tâm, chưa đoạn trừ khát ái, thời người ấy có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

9-11)... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành...

12) Thura Hiền giả, đối với ai chưa đoạn trừ tham đối với thức, chưa đoạn trừ dục, chưa đoạn trừ ái chưa đoạn trừ khát, chưa đoạn trừ nhiệt tâm, chưa đoạn trừ khát ái, thời người ấy có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

13) Nay Hiền giả, đối với ai đã đoạn trừ tham đối với sắc, đã đoạn trừ dục, đã đoạn trừ ái, đã đoạn trừ khát, đã đoạn trừ nhiệt tâm, đã đoạn trừ khát ái, người ấy sẽ không có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

14-16)... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành...

17) Nay Hiền giả, đối với ai đã đoạn trừ lòng tham đối với thức, đã đoạn trừ dục, đã đoạn trừ ái, đã đoạn trừ khát, đã đoạn trừ nhiệt tâm, đã đoạn trừ khát ái, thời người ấy không có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

18) Nay Hiền giả, đây là nhân, đây là duyên, đây là lý do mà Thέ Tôn không trả lời vấn đề ấy.

VI. Sàriputta - Kotthika (4) (hay Vườn) (S.iv,388)

I

- 1) Một thời Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàraṇasì, tại Isipatana, ở vườn Nai.
- 2) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahà Kotthika; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahà Kotthika những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.
- 3) Ngồi một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Kotthika:
 - Thưa Tôn giả Kotthika, Như Lai có tồn tại sau khi chết?... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?... Được hỏi vậy, Hiền giả trả lời: "Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'".

Do nhân gì, thưa Hiền giả, do duyên gì, Thê Tôn không trả lời vấn đề ấy?
- 4) -- Thưa Hiền giả, với ai còn ái lạc sắc, ưa thích sắc, hoan hỷ sắc, không như thật biết, như thật thấy sắc đoạn diệt, thời người ấy có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết". Thưa Hiền giả, với ai còn ái lạc thọ, ưa thích thọ, hoan hỷ thọ, không như thật biết, như thật thấy thọ đoạn diệt, thời người ấy có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"... tưởng... các hành... Thưa Hiền giả, với ai còn ái lạc thức, ưa thích thức, hoan hỷ thức, không như thật biết, như thật thấy thức đoạn diệt, thời người ấy có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".
- 5) Nay Hiền giả, đối với ai không ái lạc sắc, không ưa thích sắc, không hoan hỷ sắc, như thật biết, như thật thấy sắc đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. .. Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết". Thưa Hiền giả, với ai không còn ái lạc thọ... tưởng... các hành... không ái lạc thức, không ưa thích thức, không hoan hỷ thức, như thật biết, như thật thấy thức đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".
- 6) Nay Hiền giả, đây là nhân, đây là duyên, đây là lý do mà Thê Tôn không trả lời về vấn đề ấy.

II

- 7) -- Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do đấy Thê Tôn không trả lời về vấn đề ấy?
- Thưa có, này Hiền giả.
- 8) Ai còn ái lạc hữu, thưa Hiền giả, ưa thích hữu, hoan hỷ hữu, không như thật biết, không như thật thấy hữu đoạn diệt, thời người ấy có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".
- 9) Ai không còn ái lạc hữu, thưa Hiền giả, không ưa thích hữu, không hoan hỷ hữu, như thật biết, như thật thấy hữu đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

10) Thưa Hiền giả, đây là lý do vì sao Thέ Tôn không trả lời về vấn đề ấy.

III

11) -- Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do vậy Thέ Tôn không trả lời về vấn đề ấy?

-- Thưa có, này Hiền giả.

12) Ai còn ái lạc thủ, thưa Hiền giả, ưa thích thủ, hoan hỷ thủ, không như thật biết, như thật thấy thủ đoạn diệt, thời người ấy có những quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

13) Ai không còn ái lạc thủ, thưa Hiền giả, không ưa thích thủ, không hoan hỷ thủ, như thật biết, như thật thấy thủ đoạn diệt, thời người ấy không có những quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

14) Thưa Hiền giả, đây là lý do vì sao Thέ Tôn không trả lời về vấn đề ấy.

IV

15) -- Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do vậy Thέ Tôn không trả lời về vấn đề ấy?

-- Thưa có, này Hiền giả.

16) VỚI ai còn ái lạc ái, thưa Hiền giả, ưa thích ái, hoan hỷ ái, không như thật biết, không như thật thấy ái thủ đoạn diệt, thời người ấy có những quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

17) VỚI ai, thưa Hiền giả, không còn ái lạc ái, không ưa thích ái, không hoan hỷ ái, và như thật biết, như thật thấy ái thủ đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

18) Thưa Hiền giả, đây là lý do vì sao Thέ Tôn không trả lời về vấn đề ấy.

V

19) -- Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do vậy Thέ Tôn không trả lời về vấn đề ấy?

-- Ở đây, thưa Hiền giả Sàriputta, sao Hiền giả còn muốn hỏi thêm chi nữa. Đối với Tỷ-kheo đã được giải thoát nhờ đoạn tận ái, thời không còn gì để nêu rõ là được tăng trưởng.

VII. Moggalàna (hay Xứ) (S.iv.391)

1). ..

2) Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Tôn giả Mahà Moggalàna; sau khi đến, nói với Tôn giả Mahà Moggalàna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta thưa với Tôn giả Mahà Moggalàna:

- Thưa Tôn giả Moggalàna, thế giới là thường còn?
- Này Vaccha, Thé Tôn không trả lời: "Thế giới là thường còn".
- 4) -- Vậy thưa Tôn giả Moggalàna, thế giới là vô thường?
- Này Vaccha, Thé Tôn cũng không trả lời: "Thế giới là vô thường".
- 5) -- Thưa Tôn giả Moggalàna, có phải thế giới là hữu biên?
- Này Vaccha, Thé Tôn không trả lời: "Thế giới là hữu biên".
- 6) -- Vậy thưa Tôn giả Moggalàna, thế giới là vô biên?
- Này Vaccha, Thé Tôn cũng không trả lời: "Thế giới là vô biên".
- 7) -- Thưa Tôn giả Moggalàna, có phải sinh mạng và thân thể là một?
- Này Vaccha, Thé Tôn không trả lời: "Sinh mạng và thân thể là một".
- 8)-- Thưa Tôn giả Moggalàna, vậy sinh mạng và thân thể là khác?
- Này Vaccha, Thé Tôn cũng không trả lời: "Sinh mạng và thân thể là khác".
- 9)-- Thưa Tôn giả Moggalàna, có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết?
- Này Vaccha, Thé Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".
- 10)-- Thưa Tôn giả Moggalàna, vậy Như Lai không có tồn tại sau khi chết?
- Này Vaccha, Thé Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết".
- 11) -- Thưa Tôn giả Moggalàna, vậy Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?
- Này Vaccha, Thé Tôn cũng không trả lời: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết".
- 12)-- Thưa Tôn giả Moggalàna, vậy Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?
- Này Vaccha, Thé Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".
- 13)-- Thưa Tôn giả Moggalàna, do nhân gì, do duyên gì các vị du sĩ ngoại đạo, khi được hỏi như thế này, thời trả lời như thế này: "Thế giới là thường còn. Hay thế giới là vô thường. Hay thế giới là hữu biên. Hay thế giới là vô biên. Hay sinh mạng và thân thể là một. Hay sinh mạng và thân thể là khác. Hay Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?"
- 14) Thưa Tôn giả Moggalàna, do nhân gì, do duyên gì, Sa-môn Gotama, khi được hỏi như thế này, thời không trả lời như thế này: "Thế giới là thường còn. Hay thế giới là vô thường. Hay thế giới là hữu biên.

Hay thế giới là vô biên. Hay sinh mạng và thân thể là một. Hay sinh mạng và thân thể là khác. Hay Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?"?

15) -- Nay Vaccha, vì rằng các du sĩ ngoại đạo quán con mắt là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi";.. quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi". Do vậy, các du sĩ ngoại đạo, nên khi được hỏi như vậy, trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

16) Và Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, này Vaccha, quán con mắt là: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của tôi"... quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải là tự ngã của tôi". Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy, không có trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

17) Rồi du sĩ Vacchagotta từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thê Tôn; sau khi đi đến, nói lên với Thê Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

18) Ngồi một bên, Vacchagotta bạch Thê Tôn:

-- Thưa Tôn giả Gotama, thế giới thường còn?

-- Nay Vaccha, Ta không trả lời: "Thế giới là thường còn".

19-26)... (như trên)...

27) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

-- Nay Vaccha, Ta không có trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

28) -- Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì các du sĩ ngoại đạo, khi được hỏi như vậy, thời trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"? Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, khi Tôn giả Gotama được hỏi như vậy, lại không trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

29)-- Nay Vaccha, các du sĩ ngoại đạo quán con mắt là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi", quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi". Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, nên trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

30) Còn Như Lai, này Vaccha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quán con mắt là: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải là tự ngã của tôi", quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải là tự ngã của tôi". Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy, không trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

31) -- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Vì rằng giữa Đạo sư với nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

32) Thưa Tôn giả Gotama, nay con đi đến Sa-môn Mahà Moggalàna và nói về ý nghĩa này. Sa-môn Moggalàna, với những câu như thế này, với những lời như thế này đã trả lời về ý nghĩa này giống như Tôn giả Gotama. Vì rằng giữa Đạo sư với nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

VIII. Vaccha (hay Trói buộc) (S.iv,395)

1). ..

2) Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thé Tôn; sau khi đến, nói lên với Thé Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta bạch Thé Tôn:

-- Thưa Tôn giả Gotama, thế giới có phải là thường còn?

-- Nay Vaccha, Ta không có trả lời: "Thế giới là thường còn..".

4-11)... (như trên)...

12) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

-- Nay Vaccha, Ta không có trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

13) -- Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, thời trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"? Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, khi Tôn giả Gotama được hỏi như vậy, lại không trả lời: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

14) -- Nay Vaccha, các du sĩ ngoại đạo quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Họ quán thọ như là tự ngã... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, liền trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

15) Như Lai, nay Vaccha, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quán sắc không phải là tự ngã, hay tự ngã không phải có sắc, hay sắc không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong sắc. Như Lai quán thọ không phải tự ngã... quán tưởng... quán các hành... quán thức không phải là tự ngã, hay tự ngã không phải có thức, hay thức không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong thức. Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy, lại không trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

16) Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahà Moggalàna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahà Moggalàna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

17) Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta nói với Tôn giả Mahà Moggalàna:

-- Thưa Tôn giả Moggalàna, có phải thế giới là thường còn?

-- Nay Vaccha, Thέ Tôn không trả lời: "Thέ giới là thường còn".

18-26)... (như trên)...

27) -- Thura Tôn giả Moggalàna, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

-- Nay Vaccha, Thέ Tôn không có trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

28) -- Thura Tôn giả Moggalàna, do nhân gì, do duyên gì, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, liền trả lời như vậy: "Thέ giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"? Do nhân gì, do duyên gì, thura Tôn giả Moggalàna, Sa-môn Gotama khi được hỏi như vậy, lại không trả lời như vậy: "Thέ giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

29) -- Nay Vaccha, các du sĩ ngoại đạo quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Họ quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, liền trả lời như vậy: "Thέ giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

30) Còn Như Lai, nay Vaccha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quán sắc không phải là tự ngã, hay tự ngã không phải có sắc, quán sắc không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong sắc. Như Lai quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức không phải là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy, không có trả lời như vậy: "Thέ giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

31) -- Thật vi diệu thay, thura Tôn giả Moggalàna! Vì rằng, giữa Đạo sư và nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

32) Thura Tôn giả Moggalàna, nay tôi đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến tôi hỏi về ý nghĩa này. Sa-môn Gotama với những câu văn, với những lời văn đã trả lời về ý nghĩa này giống như Tôn giả Moggalàna. Thật vi diệu thay, Tôn giả Moggalàna! Thật hy hữu thay, Tôn giả Moggalàna! Vì rằng, giữa Đạo sư và nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

IX. Luận Nghị Đường (Kutuhalasàlà) (S.iv,398)

1). ..

2) Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói lên với Thέ Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta thura với Thέ Tôn:

-- Thura Tôn giả Gotama, những ngày về trước, những ngày về trước nữa, rất nhiều Sa-môn, Bà-la-môn là du sĩ ngoại đạo ngồi tụ tập, tụ hội tại Luận nghị Đường, và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Vị Pùrana Kassapa này là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng". Khi nói về một đệ tử từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: "Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này". Nếu đệ tử là vị thượng nhân, tôi thượng nhân, đã đạt địa vị tối thăng, khi vị này từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau:

"Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này".

4-9) Makkhali Gosāla... Nigantha Nātaputta... Sanjaya Belatthiputta... Pakuddha Kaccayana... vị Ajita Kesakambala này là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng. Khi nói về một đệ tử từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: "Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này". Nếu đệ tử là vị thượng nhân, tối thượng nhân, đã đạt địa vị tối thắng, khi vị này từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: "Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này".

10) Còn Sa-môn Gotama này là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng. Khi nói về một đệ tử đã từ trần, đã mệnh chung, Sa-môn Gotama nói sanh xứ của vị ấy như sau: "Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này". Nếu đệ tử là bậc thượng nhân, tối thắng nhân đã đạt địa vị tối thượng, khi vị này từ trần, mệnh chung, Sa-môn Gotama không có trả lời: "Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này". Nhưng Ngài nói về vị ấy như sau: "Vị ấy đã chặt đứt ái, đã phá hủy các kiết phược, nhờ chơn chánh thấy rõ kiêu mạn, đã đoạn tận khổ đau".

11) Thura Tôn giả Gotama, con có khởi lên phân vân và nghi ngờ như sau: "Như thế nào, cần phải thâu hiểu pháp của Sa-môn Gotama?"

12) -- Nay Vaccha, thôi vừa rồi sự phân vân của Ông. Thôi vừa rồi sự nghi ngờ của Ông. Chính do trên điểm Ông phân vân mà nghi ngờ được khởi lên. Ta tuyên bố sự sanh khởi, này Vaccha, đối với những ai có chấp thủ, không phải đối với ai không có chấp thủ.

13) Ví như, này Vaccha, một ngọn lửa cháy đỏ khi nào có nhiên liệu (saupàdàna), không phải không có nhiên liệu. Cũng vậy, này Vaccha, Ta tuyên bố về sanh khởi đối với người có chấp thủ (sanh y), không phải với người không có chấp thủ.

14) -- Thura Tôn giả Gotama, trong khi có gió thổi ngọn lửa đi thật xa, thời Tôn giả Gotama tuyên bố cái gì làm nhiên liệu cho ngọn lửa này?

-- Nay Vaccha, trong khi có gió thổi ngọn lửa đi thật xa, thời Ta nói chính gió là nhiên liệu. Trong khi ấy, này Vaccha, chính gió là nhiên liệu (upàdàna).

15) -- Thura Tôn giả Gotama, trong khi một loài hữu tình quăng bỏ thân này để sanh vào một thân khác, thời Tôn giả Gotama tuyên bố cái gì làm nhiên liệu cho thân này?

-- Nay Vaccha, trong khi một loài hữu tình quăng bỏ thân này và sanh vào một thân khác, này Vaccha, Ta tuyên bố rằng trong khi ấy chính ái (tanhà) là nhiên liệu (upàdànam).

X. Ananda (hay Sự có mặt của ngã) (S.iv,400)

1). ..

2) Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta thưa với Thế Tôn:

-- Thura Tôn giả Gotama, có tự ngã không?

Khi được hỏi vậy, Thέ Tôn im lặng.

-- Thưa Tôn giả Gotama, có tự ngã không?

Lần thứ hai, Tôn giả Gotama giữ im lặng.

Rồi du sĩ Vacchagotta từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

4) Rồi Tôn giả Ananda, sau khi du sĩ Vacchagotta ra đi không bao lâu, liền bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, vì sao Thέ Tôn không trả lời câu hỏi của du sĩ Vacchagotta?

5) -- Này Ananda, nếu được hỏi: "Có tự ngã không?", và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: "Có tự ngã", như vậy, này Ananda, thuộc về phái các Sa-môn, Bà-la-môn chấp thường kiến.

6) Và này Ananda, nếu được hỏi: "Có phải không có tự ngã?" và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: "Không có tự ngã", như vậy, này Ananda, là thuộc về phái các Sa-môn, Bà-la-môn chấp đoạn kiến.

7) Lại nữa, này Ananda, nếu được hỏi: "Có tự ngã không?" và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: "Có tự ngã", như vậy, câu trả lời của Ta có phù hợp với trí khôi lên rằng: "Tất cả các pháp là vô ngã"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

8) -- Lại nữa, này Ananda, nếu được hỏi: "Có phải không có tự ngã?" và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: "Không có tự ngã", như vậy, này Ananda, lại làm cho du sĩ Vacchagotta càng ngơ ngác bối rối hơn nữa: "Trước đây ta có tự ngã, nay không có tự ngã nữa".

XI.Sabhiya (S.iv,401)

1) Một thời, Tôn giả Sabhiya Kaccàna trú ở Nàtiка, tại ngôi nhà bằng gạch.

2) Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Tôn giả Sabhiya Kaccàna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sabhiya Kaccàna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta nói với Tôn giả Sabhiya Kaccàna như sau:

-- Thưa Tôn giả Kaccàna, có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết?

-- Này Vaccha, Thέ Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

4) -- Thέ là, thưa Tôn giả Kaccàna, Như Lai không tồn tại sau khi chết?

-- Này Vaccha, Thέ Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại sau khi chết".

5) Thέ là, thưa Tôn giả Kaccàna, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?

-- Này Vaccha, Thέ Tôn cũng không trả lời: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết".

- 6) -- Thέ là, thura Tôn giả Kaccàna, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?
- Nay Vaccha, Thέ Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".
- 7) -- Thura Tôn giả Kaccàna, vì sao khi được hỏi: "Như Lai có tồn tại sau khi chết?", Tôn giả lại nói: "Nay Vaccha, Thέ Tôn không có trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết'"?
- 8) Thura Tôn giả Kaccàna, vì sao khi được hỏi: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết?", Tôn giả lại nói: "Nay Vaccha, Thέ Tôn không trả lời: 'Như Lai không có tồn tại sau khi chết'"?
- 9) Thura Tôn giả Kaccàna, vì sao khi được hỏi: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết?", Tôn giả lại nói: "Nay Vaccha, Thέ Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết'"?
- 10) Thura Tôn giả Kaccàna, vì sao khi được hỏi: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?" Tôn giả lại nói: "Nay Vaccha, Thέ Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'".
- 11) Thura Tôn giả Kaccàna, do nhân gì, do duyên gì, Sa-môn Gotama lại không trả lời về vấn đề áy?
- 12) -- Nay Vaccha, do nhân gì, do duyên gì, mà trình bày người áy là có sắc, hay không có sắc, có tưởng hay không có tưởng, không có tưởng hay không không có tưởng, thì khi nhân áy, duyên áy được đoạn diệt không có dư tàn, một cách toàn diện, một cách hoàn toàn, khi áy lấy cái gì để trình bày người áy là có sắc, hay không có sắc, có tưởng hay không có tưởng, không có tưởng hay không không có tưởng?
- 13) -- Nay Tôn giả Kaccàna, Tôn giả xuất gia đã bao lâu?
- Thura Hiền giả, không lâu, chỉ có ba năm.
- 14) -- Hãy xem, với thời gian ngắn như vậy, lại được thấy nhiều như vậy. Còn nói gì đến các vấn đề vi diệu!

[HÉT TẬP IV - TƯƠNG ỨNG BỘ]

-ooOoo-

**TẬP V: THIÊN ĐẠI PHẨM
CHƯƠNG I
45. TƯƠNG ƯNG ĐẠO**

I. Phẩm Vô Minh

1.I. Vô Minh (S.v,1)

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), tại Thắng Lâm, trong vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". -- "Thura vâng, bạch Thế Tôn".

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

3) -- Khi nào vô minh dẫn đầu, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thành tựu các pháp bất thiện, thời vô tàm, vô quý nổi tiếp theo. Với kẻ bị vô minh chi phối, vô trí, này các Tỷ-kheo, tà kiến sanh. Đối với kẻ có tà kiến, tà tư duy sanh. Đối với kẻ có tà tư duy, tà ngũ sanh. Đối với kẻ có tà ngũ, tà nghiệp sanh. Đối với kẻ có tà nghiệp, tà mạng sanh. Đối với kẻ có tà mạng, tà tinh tấn sanh. Đối với kẻ có tà tinh tấn, tà niêm sanh. Đối với kẻ có tà niêm, tà định sanh.

4) Khi nào minh dẫn đầu, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thành tựu các thiện pháp, thời tàm và quý nổi tiếp theo. Với kẻ được minh chi phối, có trí, này các Tỷ-kheo, chánh kiến sanh. Đối với vị chánh kiến, chánh tư duy sanh. Đối với vị chánh tư duy, chánh ngũ sanh. Đối với vị chánh ngũ, chánh nghiệp sanh. Đối với vị chánh nghiệp, chánh mạng sanh. Đối với vị chánh mạng, chánh tinh tấn sanh. Đối với vị chánh tinh tấn, chánh niêm sanh. Đối với vị chánh niêm, chánh định sanh.

2.II. Một Nửa (Upaddham) (S.v,1)

1) Một thời, Thế Tôn trú giữa các dân chúng Sakka, tại thị trấn của dân chúng Sakka tên là Sakkara.

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

-- Một nửa Phạm hạnh này, bạch Thế Tôn, là thiện bạn hữu (kalyàsamittatà), thiện bạn đặng (kalyànasahayatà), thiện thân tình (kalyàsam-pavankatà).

3) -- Chó có nói vậy, này Ananda! Chó có nói vậy, này Ananda! Toàn bộ Phạm hạnh này, này Ananda, là thiện bạn hữu, thiện bạn đặng, thiện thân tình. Với Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đặng, thiện thân tình, này Ananda, thời được chờ đợi Thánh đạo Tám ngành được tu tập, Thánh đạo Tám ngành được làm cho viên mãn.

4) Và này Ananda, thế nào là Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đặng, thiện thân tình, tu tập và làm cho viên mãn Thánh đạo Tám ngành? Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tỷ-kheo tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngũ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niêm... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này Ananda, là Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đặng, thiện thân tình, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

5) Nay Ananda, chính với pháp môn này, các Ông cần phải hiểu thế nào toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đặng, thiện thân tình. Do Ta lấy thiện làm bạn hữu, này Ananda, nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Chính với pháp môn này, này Ananda, các Ông cần phải hiểu thế nào toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đặng, thiện thân tình.

3.III. Sàriputta (S.v,3)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngoài một bên, Tôn giả Sàriputta bạch Thé Tôn:

-- Toàn bộ Phạm hạnh này, bạch Thé Tôn, chính là thiện bạn hữu, thiện bạn đặng, thiện thân tình này.

3)-- Lành thay, này Sàriputta! Lành thay, này Sàriputta! Chính toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đặng, thiện thân tình này. Nay Sàriputta, với Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đặng, thiện thân tình, được chờ đợi rằng Thánh đạo Tám nganh sẽ được tu tập, sẽ được làm cho viên mãn.

4-5) (Như đoạn số 4, số 5 của kinh trên, chỉ khác: đây là Tôn giả Sàriputta chứ không phải Tôn giả Ananda)

4.IV. Bà La Môn (S.iv,4)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Tôn giả Ananda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực.

3) Rồi Tôn giả Ananda thấy Bà-la-môn Jàṇusoni đi xe ra khỏi Sàvatthi, cỗ xe toàn ngựa trắng kéo. Trắng là những con ngựa kéo xe. Trắng là những đồ trang sức. Trắng là cỗ xe. Trắng là những bộ phận tùy thuộc (parivàro). Trắng là những sợi dây cương. Trắng là cây gậy thúc ngựa. Trắng là cái lọng. Trắng là cái khăn đội. Trắng là những quần áo. Trắng là giày mang. Và được quạt với cái quạt trắng. Quần chúng thấy vậy, liền nói: "Thật là cỗ xe thù thắng. Thật là cỗ xe thù thắng về dung sắc!"

4) Rồi Tôn giả Ananda đi khát thực ở Sàvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngoài một bên, Tôn giả Ananda bạch Thé Tôn:

-- Ở đây, bạch Thé Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát và đi vào Sàvatthi để khát thực. Bạch Thé Tôn, con thấy Bà-la-môn Jàṇusoni đi xe ra khỏi Sàvatthi, cỗ xe toàn ngựa trắng kéo. Trắng là những con ngựa kéo xe... Thật là cỗ xe thù thắng về dung sắc! Bạch Thé Tôn, Thé Tôn có thể nói lên cỗ xe thù thắng trong Pháp và Luật này?

Thé Tôn nói:

-- Có thể được, này Ananda. Thánh đạo Tám nganh này, này Ananda, là đồng nghĩa với cỗ xe thù thắng, cỗ xe pháp này. Vô thượng là sự chinh phục trong chiến trận.

5) Chánh tri kiến, này Ananda, được tu tập, được làm cho viên mãn, cuối cùng đưa đến nghiệp phục

tham, nghiệp phục sân, nghiệp phục si. Chánh tư duy, này Ananda, cuối cùng đưa đến nghiệp phục tham, nghiệp phục sân, nghiệp phục si. Chánh ngữ... Chánh nghiệp... Chánh mạng... Chánh tinh tấn... Chánh niệm... Chánh định, này Ananda, được tu tập, được làm cho viên mãn, cuối cùng đưa đến nghiệp phục tham, nghiệp phục sân, nghiệp phục si.

Này Ananda, chính với pháp môn này, các Ông cần phải hiểu như thế này: "Cỗ xe thù thắng, cỗ xe pháp, vô thượng là sự chinh phục trong chiến trận, là đồng nghĩa với Thánh đạo Tám nganh này".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Ai được tín, trí tuệ,
Thường xuyên liên kết lại,
Lấy hổ thiện làm cán,
Lấy ý làm ách xe.
Niệm là người đánh xe,
Biết hộ trì, phòng hộ,
Cỗ xe lấy giới luật
Làm vật dụng cho xe.
Thiền là trực bánh xe,
Tinh tấn là bánh xe,
Xả là định thường hằng,
Vô dục là nệm xe.
Vô sân và vô hại,
Viễn ly là binh khí,
Nhẫn nhục là áo giáp,
An ổn khỏi khổ ách,
Làm mục đích đạt đến,
Cỗ xe được chuyển vận.
Pháp này tự ngã làm,
Trở thành thuộc tự ngã.
Là cỗ xe thù thắng,
Vô thượng, không sánh bằng.
Ngồi trên cỗ xe ấy,
Bậc Trí thoát ly đói,
Chắc chắn, không sai chạy,
Họ đạt được chiến thắng.*

5.V. VỚI MỤC ĐÍCH GI? (S.v,6)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Rồi rất nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lẽ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.
- 3) Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo đến hỏi chúng con: "Này chư Hiền, vì mục đích gì, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, chúng con trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Này chư Hiền, với mục đích liễu tri đau khổ, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama". Được hỏi như vậy và trả lời như vậy, bạch Thế Tôn, có phải chúng con trả lời đúng với lời nói Thế Tôn, chúng con không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, chúng con trả lời đúng pháp và

thuận pháp, và những ai là vị đồng pháp, nói lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích?

4) -- Ngày các Tỳ-kheo, các Ông được hỏi như vậy và trả lời như vậy là các Ông trả lời đúng với lời của Ta, các Ông không xuyên tạc Ta với điều không thật, các Ông trả lời đúng pháp và thuận pháp, và những ai là vị đồng pháp, nói lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích. Ngày các Tỳ-kheo, do mục đích liều tri đau khổ mà Phạm hạnh được sống dưới Ta. Ngày các Tỳ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông: "Ngày Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến liều tri đau khổ này?" Được hỏi vậy, thời các Ông hãy trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Ngày chư Hiền, có con đường, có đạo lộ đưa đến liều tri đau khổ này".

5) Ngày các Tỳ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến liều tri đau khổ? Đây là con đường Thánh đạo Tám nganh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Ngày các Tỳ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến liều tri sự đau khổ này.

6) Được hỏi vậy, ngày các Tỳ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy.

6.VI. Một Tỳ Kheo Khác (1) (S.iv,7)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi một Tỳ-kheo khác đi đến Thέ Tôn...

3) Ngoài một bên, Tỳ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- "Phạm hạnh, Phạm hạnh", bạch Thέ Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thέ Tôn, thế nào là Phạm hạnh? Thế nào là cùu cánh Phạm hạnh?

-- Ngày Tỳ-kheo, con đường Thánh đạo Tám nganh này là Phạm hạnh, tức là chánh tri kiến... chánh định. Ngày Tỳ-kheo, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây là cùu cánh Phạm hạnh.

7.VII. Một Tỳ Kheo Khác (2) (S.iv,8)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi một Tỳ-kheo đi đến Thέ Tôn; sau khi đến...

3) Ngoài một bên, Tỳ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- "Nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si", bạch Thέ Tôn, được gọi là như vậy. Đồng nghĩa với gì, bạch Thέ Tôn, là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si?

-- Đồng nghĩa với Niết-bàn giới là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si, cũng được gọi là đoạn tận các lậu hoặc.

4) Khi được nói vậy, Tỳ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

-- "Bất tử, bất tử", bạch Thέ Tôn, được gọi là như vậy. Thế nào là bất tử, bạch Thέ Tôn? Thế nào là con đường đưa đến bất tử?

-- Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, này Tỷ-kheo, được gọi là bát tử. Con đường Thánh đạo Tám nganh này là con đường đưa đến bát tử, tức là chánh tri kiến... chánh định.

8.VIII. Phân Tích (S.iv,8)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng và phân tích Thánh đạo Tám nganh này. Hãy lắng nghe và khéo tác ý. Ta sẽ giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thέ Tôn.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thέ Tôn. Thέ Tôn nói như sau:

3) -- Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường Thánh đạo Tám nganh? Tức là chánh tri kiến... chánh định.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tri kiến? Này các Tỷ-kheo, chính là trí về khổ, trí về khổ tập, trí về khổ diệt, trí về con đường đưa đến khổ diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tri kiến.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tư duy? Này các Tỷ-kheo, chính là xuất ly tư duy, vô sân tư duy, vô hại tư duy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tư duy.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh ngữ? Này các Tỷ-kheo, chính là từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh ngữ.

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh nghiệp? Này các Tỷ-kheo, chính là từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ phi Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh nghiệp.

8) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh mạng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đoạn trừ tà mạng, nuôi sống với chánh mạng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh mạng.

9) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tinh tấn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay được sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có lu mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tinh tấn.

10) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh niệm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, với mục đích điều phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh niệm.

11) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh định? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tú. Làm cho tịnh chỉ tầm và tú, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tú, nội tĩnh, nhất tâm. Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm, tinh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm

lạc trú, chúng và trú Thiền thứ ba. Xả lạc, xả khô, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chúng và trú Thiền thứ tư, không khô không lạc, xả niệm thanh tịnh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh định.

9.IX. Sùka (Râu lúa mì) (S.iv,10)

1-2) Tại Sàvatthi...

-- Nay các Tỷ-kheo, ví như sợi râu của lúa mì hay sợi râu của lúa mạch đặt hướng sai lạc, khi bị tay hay chân đè vào, có thể đâm thủng tay hay chân, hay có thể làm đổ máu; sự tình này không xảy ra. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì sợi râu bị đặt hướng sai lạc. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kiến bị đặt hướng sai lạc, con đường tu tập bị đặt hướng sai lạc, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, có thể đạt Niết-bàn; sự tình này không xảy ra. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì kiến bị đặt hướng sai lạc.

3) Nay các Tỷ-kheo, ví như sợi râu của lúa mì, hay sợi râu của lúa mạch được đặt hướng chân chánh, khi bị tay hay chân đè vào, có thể đâm thủng tay hay chân, hay có thể làm đổ máu; sự tình này có xảy ra. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì sợi râu được đặt hướng chân chánh. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kiến được đặt hướng chân chánh, con đường tu tập được đặt hướng chân chánh, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, có thể chứng đạt Niết-bàn; sự tình này có xảy ra. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì kiến được đặt hướng chân chánh.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo có kiến được đặt hướng chân chánh, con đường tu tập được đặt hướng chân chánh, đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, chứng đạt Niết-bàn?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo áy do kiến được đặt hướng chân chánh, do con đường tu tập được đặt hướng chân chánh, nên đâm thủng vô minh, minh được sanh khởi, chứng được Niết-bàn.

10.X. Nandiya (S.iv,11)

1) Tại Sàvatthi.

2) Rồi du sĩ Nandiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, du sĩ Nandiya bạch Thế Tôn:

-- Thưa Tôn giả Gotama, có bao nhiêu pháp được tu tập, được làm cho viên mãn, đưa đến Niết-bàn, hướng đến đích Niết-bàn, đưa đến cứu cánh Niết-bàn?

4) -- Có tám pháp này, nay Nandiya, đưa đến Niết-bàn, hướng đến đích Niết-bàn, đưa đến cứu cánh Niết-bàn. Tức là chánh tri kiến... chánh định. Có tám pháp này, nay Nandiya, được tu tập, được làm cho viên mãn, đưa đến Niết-bàn, hướng đến đích Niết-bàn, đưa đến cứu cánh Niết-bàn.

5) Khi được nói vậy, du sĩ Nandiya bạch Thế Tôn:

-- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống... từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

II. Phẩm Trú

11.I. Trú (1) (S.v,12)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta muốn sống Thiền định trong nửa tháng, không có ai đến yết kiến Ta, trừ độc nhất người mang đồ ăn khát thực.
- Thưa vâng, bạch Thê Tôn.

Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Như vậy, không một ai đến yết kiến Thê Tôn, trừ một người người mang đồ ăn khát thực lại.

- 3) Rồi Thê Tôn sau nửa tháng, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy và gọi các Tỷ-kheo:

-- Với sự an trú, Ta đã trú khi Ta mới chứng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng Ta chỉ trú một phần thôi.

- 4) Như vậy, Ta rõ biết những gì được cảm thọ do duyên tà kiến, những gì được cảm thọ do duyên chánh kiến... những gì được cảm thọ do duyên tà định, những gì được cảm thọ do duyên chánh định, những gì được cảm thọ do duyên ước muồn (chanda), những gì được cảm thọ do duyên tâm (vitakka), những gì được cảm thọ do duyên tưởng (sannà).

- 5) Khi ước muồn không tịnh chỉ, thời tâm không tịnh chỉ, tưởng không tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ. Và khi ước muồn được tịnh chỉ, nhưng tâm chưa được tịnh chỉ, tưởng chưa được tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ. Và khi ước muồn được tịnh chỉ, tâm được tịnh chỉ, nhưng tưởng chưa được tịnh chỉ, do duyên như vậy, có được những cảm thọ. Và khi ước muồn được tịnh chỉ, tâm được tịnh chỉ, tưởng được tịnh chỉ, do duyên như vậy, có được những cảm thọ.

- 6) Đối với người chưa chứng đạt, cần phải tinh tấn để được chứng đạt. Trong trường hợp đã được chứng đạt; do duyên như vậy, có được những cảm thọ.

12.II. Trú (2) (S.v,13)

- 1-2) Ở Sàvatthi...

-- Nay các Tỷ-kheo, Ta muốn sống Thiền tịnh trong ba tháng...

- 3) Sau ba tháng, Thê Tôn từ Thiền tịnh đứng dậy, gọi các Tỷ-kheo:

-- Với sự an trú, Ta đã trú khi Ta mới chứng Chánh đẳng Chánh giác. Nhưng Ta chỉ trú một phần thôi.

- 4) Như vậy, Ta rõ biết (pajānāmi) những gì được cảm thọ do duyên tà kiến, những gì được cảm thọ do duyên tà kiến được tịnh chỉ, những gì được cảm thọ do duyên chánh kiến, những gì được cảm thọ do duyên chánh kiến được tịnh chỉ, những gì được cảm thọ do duyên tà định, những gì được cảm thọ do duyên tà định được tịnh chỉ, những gì được cảm thọ do duyên chánh định, những gì được cảm thọ do duyên chánh định được tịnh chỉ, những gì được cảm thọ do duyên ước muồn (chanda), những gì được cảm thọ do duyên ước muồn được tịnh chỉ, những gì được cảm thọ do duyên tâm, những gì được cảm thọ do duyên tâm được tịnh chỉ, những gì được cảm thọ do duyên tưởng, những gì được cảm thọ do duyên tưởng được tịnh chỉ.

5) Khi ước muôn không tịnh chỉ, tâm không tịnh chỉ, tưởng không tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ. Và khi ước muôn được tịnh chỉ, nhưng tâm chưa được tịnh chỉ, tưởng chưa được tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ. Và khi ước muôn được tịnh chỉ, tâm được tịnh chỉ, nhưng tưởng chưa được tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ. Và khi ước muôn được tịnh chỉ, tâm được tịnh chỉ, tưởng được tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ.

6) Đôi với người chưa chứng đạt, cần phải tinh tấn để chứng đạt. Trong trường hợp đã được chứng đạt; do duyên như vậy, có được những cảm thọ.

13.III. Hữu Học (S.v,14)

- 1) Ở Sàvatthi.
- 2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thệ Tôn...
- 3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thệ Tôn:

-- "Hữu học, hữu học", bạch Thệ Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thệ Tôn, là bậc hữu học?

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ chánh kiến của bậc hữu học... đầy đủ chánh định của bậc hữu học. Cho đến như vậy, Tỷ-kheo ấy được gọi là bậc hữu học.

14.IV. Sanh Khởi (1)

- 1) Ở Sàvatthi...
- 2) -- Có tám pháp này được tu tập, được làm cho viên mãn, chưa được sanh khởi, có thể sanh khởi, nhưng chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện.
- 3) Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Tám pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho viên mãn, chưa được sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện.

15.V. Sanh Khởi (2) (S.v,14)

- 1) Ở Sàvatthi...
- 2) -- Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho viên mãn, nếu chưa sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ trong giới luật của bậc Thiện Thệ.
- 3) Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho viên mãn, nếu chưa được sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ trong giới luật của bậc Thiện Thệ.

16.VI. Thanh Tịnh (1) (S.v,15)

- 1-2) Tại Sàvatthi...

Thệ Tôn nói như sau:

3) -- Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh, trong sáng, không cầu uế, ly các phiền não, nếu chưa sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện.

4) Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh, trong sáng, không có cầu uế, ly các phiền não, nếu chưa sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện.

17.VII. Thanh Tịnh (2) (S.v,15)

1-2) Tại Sàvatthi...

Thế Tôn nói như sau:

3) -- Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh, trong sáng... có thể sanh khởi, nhưng chỉ trong giới luật của bậc Thiện Thệ.

4) Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh, trong sáng, không có cầu uế, ly các phiền não, nếu chưa sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ trong giới luật của bậc Thiện Thệ.

18.VIII. Vườn Gà (1) (Kukkutàràma) (S.v,15)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Ananda, Tôn giả Bhadda trú tại Vườn Gà, tại Pàtaliputta.

2) Rồi Tôn giả Bhadda, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngoài một bên, Tôn giả Bhadda nói với Tôn giả Ananda:

-- "Phi Phạm hạnh, phi Phạm hạnh", này Hiền giả Ananda, được nói đến như vậy. Thế nào, thưa Hiền giả, là phi Phạm hạnh?

-- Lành thay, lành thay, Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là đường hầm (ummagga) của Hiền giả! Hiền thiện thay, là lời biện tài! Tốt đẹp thay, là câu hỏi!

4) Nay Hiền giả Bhadda, có phải như vậy là câu hỏi của Hiền giả: "Phi Phạm hạnh, phi Phạm hạnh, này Hiền giả Ananda, được nói đến như vậy. Thế nào, thưa Hiền giả, là phi Phạm hạnh?" chẳng?

-- Thưa vâng, Hiền giả.

5) -- Nay Hiền giả, con đường tà đạo tám ngành này là phi Phạm hạnh. Tức là tà tri kiến... tà định.

19.IX. Vườn Gà (2) (S.v,16)

1-2) Nhân duyên ở Pàtaliputta...

3)-- "Phạm hạnh, Phạm hạnh", này Hiền giả Ananda, được nói đến như vậy. Nay Hiền giả, thế nào là

Phạm hạnh, thế nào là cùu cánh Phạm hạnh?

-- Lành thay, lành thay, này Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là đường hầm của Hiền giả! Hiền thiện thay, là lời biện tài! Tốt đẹp thay, là câu hỏi!

4) Nay Hiền giả Bhadda, có phải như vậy là câu hỏi của Hiền giả: "Phạm hạnh, Phạm hạnh, này Hiền giả Ananda, như vậy được nói đến. Nay Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh, thế nào là cùu cánh Phạm hạnh?" chăng?

-- Thưa phải, Hiền giả.

5) -- Nay Hiền giả, con đường Thánh đạo Tâm ngành này là Phạm hạnh. Tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay Hiền giả, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si là cùu cánh Phạm hạnh này.

20.X. Vườn Gà (3) (S.v,16)

1-2) Nhân duyên tại Pàtaliputta...

3)-- "Phạm hạnh, Phạm hạnh", thưa Hiền giả, như vậy được nói đến. Thưa Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh? Thế nào là người hành Phạm hạnh? Thế nào là cùu cánh Phạm hạnh?

4) -- Lành thay, lành thay, Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là đường hầm của Hiền giả! Hiền thiện thay là lời biện tài! Tốt đẹp thay, là câu hỏi!

5) Nay Hiền giả Bhadda, có phải như vậy là câu hỏi của Hiền giả: "Phạm hạnh, Phạm hạnh, này Hiền giả Ananda, như vậy được nói đến. Nay Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh? Thế nào là người hành Phạm hạnh? Thế nào là cùu cánh Phạm hạnh?" chăng?

-- Thưa phải, Hiền giả.

6) -- Nay Hiền giả, con đường Thánh đạo Tâm ngành này là Phạm hạnh, tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay Hiền giả, ai đầy đủ Thánh đạo Tâm ngành này, người ấy được gọi là người hành Phạm hạnh. Nay Hiền giả, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây là cùu cánh Phạm hạnh.

III. Phẩm Tà Tánh

21.I. Tà Tánh (S.v,17)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về tà tánh và chánh tánh. Hãy lắng nghe.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà tánh? Tức là tà tri kiến... tà định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tà tánh.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tánh? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tánh.

22.II. Pháp Bất Thiện (S.v,18)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi.

Thέ Tôn nói như sau:

- 3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về bất thiện pháp và thiện pháp. Hãy lắng nghe.
- 4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bất thiện pháp? Tức là tà tri kiến... tà định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là bất thiện pháp.
- 5) Thế nào là thiện pháp? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Đây gọi là thiện pháp.

23.III. Đạo Lộ (S.v,18)

1-2) Sàvatthi.

Thέ Tôn nói như sau:

- 3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về tà đạo lộ và chánh đạo lộ. Hãy lắng nghe.
- 4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà đạo lộ? Tức là tà tri kiến... tà định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tà đạo lộ.
- 5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh đạo lộ? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh đạo lộ.

24.IV. Đạo Lộ (2) (S.v,18)

1-2) Sàvatthi.

Thέ Tôn nói như sau:

- 3) -- Nay các Tỷ-kheo, với người tại gia hay với người xuất gia, Ta không tán thán tà đạo lộ.
- 4) Người tại gia hay người xuất gia, theo tà hạnh, này các Tỷ-kheo, do vì tà hạnh và nhân tà hạnh, vị ấy không phải là người phát huy (àràdhaka) chánh lý (nàyam), pháp (dhammam), và thiện (kusatam). Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà đạo lộ? Tức là tà tri kiến... tà định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tà đạo lộ. Đối với người tại gia hay người xuất gia, này các Tỷ-kheo, Ta không tán thán tà đạo lộ.
- 5) Người tại gia hay người xuất gia theo tà hạnh, này các Tỷ-kheo, do vì tà hạnh và nhân tà hạnh, vị ấy không phải là người phát huy chánh lý, pháp và thiện.
- 6) Và này các Tỷ-kheo, với người tại gia hay với người xuất gia, Ta tán thán chánh đạo lộ.
- 7) Người tại gia hay người xuất gia theo chánh hạnh, này các Tỷ-kheo, do vì chánh hạnh và nhân chánh hạnh, vị ấy là người phát triển chánh lý, pháp và thiện. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh đạo lộ? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh đạo lộ. Và này với người tại gia hay người xuất gia, Ta tán thán chánh đạo lộ.
- 8) Người tại gia, hay người xuất gia, theo chánh hạnh, này các Tỷ-kheo, do vì chánh hạnh và do nhân chánh hạnh, vị ấy trở thành người phát huy chánh lý, pháp và thiện.

25.V. Không Phải Chân Nhân (1) (Asappurisa) (S.v,19)

1-2) Ở Sàvatthi...

Thế Tôn nói như sau:

- 3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về phi chân nhân và chân nhân. Hãy lắng nghe.
- 4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là phi chân nhân? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người theo tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, là tinh tấn, tà niệm, tà định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là phi chân nhân.
- 5) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là chân nhân? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người theo chánh tri kiến, theo chánh tư duy, theo chánh ngữ, theo chánh nghiệp, theo chánh mạng, theo chánh tinh tấn, theo chánh niệm, theo chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là chân nhân.

26.VI. Không Phải Chân Nhân (2) (S.v,20)

1-2) Ở Sàvatthi...

Ở đây, Thế Tôn nói như sau:

- 3) -- Ta sẽ giảng cho các Ông, nay các Tỷ-kheo, về phi chân nhân và tệ hơn phi chân nhân. Ta sẽ giảng cho các Ông, nay các Tỷ-kheo, về chân nhân và tốt hơn chân nhân. Hãy lắng nghe...
- 4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là phi chân nhân? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người theo tà kiến... theo tà định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là phi chân nhân.
- 5) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là phi chân nhân còn tệ hơn phi chân nhân? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người theo tà kiến... theo tà định, theo tà trí, theo tà giải thoát. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là phi chân nhân còn tệ hơn phi chân nhân.
- 6) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là bậc chân nhân? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người theo chánh tri kiến... theo chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là chân nhân.
- 7) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là bậc chân nhân còn tốt đẹp hơn bậc chân nhân? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người theo chánh tri kiến... theo chánh định, theo chánh trí, theo chánh giải thoát. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là bậc chân nhân còn tốt đẹp hơn các bậc chân nhân.

27.VII. Cái Bình (S.v,20)

1-2) Ở Sàvatthi...

- 3)-- Nay các Tỷ-kheo, ví như một cái bình, nếu không có cái giá chống đỡ thời dễ bị nghiêng ngã, nếu có cái giá chống đỡ thời khó nghiêng ngã. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu tâm không có cái giá chống đỡ thời dễ bị nghiêng ngã, nếu có cái giá chống đỡ thời khó nghiêng ngã.
- 4) Và nay các Tỷ-kheo, cái gì là giá chống đỡ cho tâm? Chính là Thánh đạo Tám ngành này, tức là chánh tri kiến... chánh định. Đây gọi là cái giá chống đỡ tâm.

5) Nay các Tỷ-kheo, ví như cái bình không có cái giá chống đỡ thời dễ bị nghiêng ngã, nếu có cái giá chống đỡ thời khó bị nghiêng ngã. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu tâm không có cái giá chống đỡ thời dễ bị nghiêng ngã, nếu có cái giá chống đỡ thời khó bị nghiêng ngã.

28.VIII. Định (S.v,21)

1-2) Ở Sàvatthi...

Rồi Thế Tôn nói như sau:

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về chánh định với sở y (saupanisam), với tư lường (saparikkhàram). Hãy lắng nghe.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là chánh định với sở y, với tư lường? Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm.

5) Nhứt tâm, nay các Tỷ-kheo, có bảy chi phần này làm tư lường. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh chánh định với sở y, với tư lường.

29.IX. Thọ (S.v,21)

1-2) Ở Sàvatthi...

Thế Tôn nói như sau:

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Nay các Tỷ-kheo, đây là ba thọ này.

4) Muốn liễu tri ba thọ này cần phải tu tập Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Muốn liễu tri thọ này cần phải tu tập Thánh đạo Tám ngành.

30.X. Uttiya hay Uttika (S.v,22)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Rồi Tôn giả Uttiya đi đến Thế Tôn...

4) Ngòi một bên, Tôn giả Uttiya bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con độc cư Thiền tịnh, tư tưởng như sau được khởi lên: "Năm dục công đức được Thế Tôn nói đến, và năm dục công đức được Thế Tôn nói đến là gì?"

5 -- Lành thay, lành thay, nay Uttiya! Năm dục công đức này được Ta nói đến, nay Uttiya. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Năm dục công đức này, nay Uttiya, được Ta nói đến.

6) Muốn đoạn tận năm dục công đức này, nay Uttiya, cần phải tu tập Thánh đạo Tám ngành. Thế nào là Thánh đạo Tám ngành? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Muốn đoạn tận năm dục công đức này, nay

Uttiya, cần phải tu tập Thánh đạo Tám ngành này.

IV. Phẩm Về Hạnh (Patipattivagga)

31.I. Hạnh (Patipatti) (S.v,23)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Thέ Tôn nói như sau:

- 3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về tà hạnh và về chánh hạnh. Hãy lắng nghe.
- 4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là tà hạnh? Tức là tà tri kiến... tà định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tà hạnh.
- 5) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là chánh hạnh? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh hạnh.

32.II. Người Hành Trì (S.v,23)

1-2) Ở Sàvatthi...

Ở đây, Thέ Tôn nói như sau:

- 3) -- Và nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về người tà hạnh và người chánh hạnh. Hãy lắng nghe.
- 4) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là người tà hạnh? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người theo tà kiến... theo tà định. Đây gọi là người tà hạnh.
- 5) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là người chánh hạnh? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người theo chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là người chánh hạnh.

33.III. Thối Thất (Viraddha) (S.v,23)

1-2) Tại Sàvatthi...

3) -- Với những ai, nay các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành bị thối thất, đối với họ, bị thối thất là Thánh đạo Tám ngành, con đường chân chánh đưa đến đoạn tận khổ đau. Với những ai, nay các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành được thực hiện (àraddho), đối với họ, được thực hiện là Thánh đạo Tám ngành, con đường chân chánh đưa đến đoạn tận khổ đau.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đạo Tám ngành? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Đối với những ai, nay các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành bị thối thất, bị thối thất là Thánh đạo Tám ngành, con đường chân chánh đưa đến đoạn tận khổ đau. Với những ai, nay các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành được thực hiện, đối với họ, được thực hiện là Thánh đạo Tám ngành, con đường chân chánh đưa đến đoạn tận khổ đau.

34.IV. Đến Bên Kia (S.v,25)

1-2) Tại Sàvatthi...

3) -- Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này đến bờ bên kia (apàràpa ramgamanày). Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Tám pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này đến bờ bên kia.

4) Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*1) Ít thay là những người,
Đạt đến bờ bên kia.
Phần lớn quần chúng khác,
Chạy qua lại bờ này.*

*2) Những ai theo thuyết giảng,
Chánh pháp khéo tuyên thuyết,
Họ đến bờ bên kia,
Khéo vượt cảnh giới Ma.*

*3) Đoạn tận các hắc pháp,
Bậc trí tu bạch pháp,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Trong độc cư, khó lạc.*

*4) Ở đây, muốn hưởng lạc,
Hãy bỏ mọi dục vọng,
Bậc trí tự thanh lọc,
Tự tâm khởi phiền não.*

*5) Những ai khéo tu tập,
Chánh tâm trong giác chi,
Từ bỏ các chấp trước,
Hoan hỷ không chấp thủ,
Lại hoặc tận, chói sáng,
Đạt tịch tịnh ở đời.*

35.V. Sa Môn Hạnh (1) (S.v,25)

1-2) Tại Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về Sa-môn hạnh và quả Sa-môn hạnh. Hãy lắng nghe.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn hạnh? Chính là Thánh đạo Tám ngành này, tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Sa-môn hạnh.

5) Và này các Tỷ-kheo, theo nào là quả Sa-môn hạnh? Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả, A-la-hán quả. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là quả Sa-môn hạnh.

36.VI. Sa Môn Hạnh (2) (S.v,25)

1-2) Ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về Sa-môn hạnh và mục đích Sa-môn hạnh. Hãy lắng nghe.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn hạnh? Chính là Thánh đạo Tám ngành này, tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Sa-môn hạnh.

5) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là mục đích Sa-môn hạnh? Nay các Tỷ-kheo, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si. Đây gọi là mục đích Sa-môn hạnh (sàmannattho).

37-38.VII-VIII.Bà La Môn Hạnh (1-2) (S.v,25-26)

(Giống như 35-36, chỉ khác: các kinh trước nói đến Sa-môn hạnh, các kinh này nói đến Bà-la-môn hạnh)

39-40.IX-X. Phạm Hạnh (1-2) (S.v,26)

(Giống như kinh 35-36, chỉ khác: các kinh trước nói đến Sa-môn hạnh, các kinh này nói đến Phạm hạnh)

Ngoại Đạo Trung Lược

41.I. Ly Tham. (S.v,27)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) Rồi nhiều Tỷ-kheo... bạch Thé Tôn.

3) -- Nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: "Vì mục đích gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Do mục đích đoạn tận tham, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama".

4) Nay các Tỷ-kheo, nhưng nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: "Có con đường nào, có đạo lộ nào, này chư Hiền, đưa đến đoạn tận tham?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận tham".

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham? Chính là Thánh đạo Tám ngành này, tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham. Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời như vậy cho các du sĩ ngoại đạo ấy.

42.II. Kiết Sứ (Samyojanam) (S.v,28)

1) ...

2)-- Nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: "Vì mục đích gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Vì mục đích đoạn tận các kiết sứ, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama..".

43.III. Tùy Miên (S.v,28)

1) ...

2) "... Vì mục đích nhỏ sạch lén các tùy miên, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thê Tôn..".

44.IV. Hành Lộ (Addhànam) (S.v,28)

1) ...

2) "... Vì mục đích liễu tri hành lộ, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thê Tôn..".

45.V. Đoạn Tận Các Lậu Hoặc (S.v,28)

1) ...

2) "... Vì mục đích đoạn tận các lậu hoặc, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thê Tôn..".

46.VI. Được Giải Thoát Nhờ Minh (Vijjàvimutti) (S.v,28)

1) ...

2) "... Vì mục đích chứng ngộ được quả giải thoát nhờ minh, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thê Tôn..".

47.VII. Trí (S,v,28)

1) ...

2) "... Vì mục đích tự kiến, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thê Tôn..".

48.VIII. Không Chấp Thủ (S.v,29)

1) ...

2)-- Nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: "Vì mục đích gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại áy như sau: "Vì mục đích hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thê Tôn".

3) Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: "Có con đường nào, này chư Hiền, có đạo lô nào đưa đến hoàn toàn tịch tịnh không có chấp thủ?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo áy như sau: "Có con đường, này chư Hiền, có đạo lô đưa đến hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ".

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lô đưa đến tịch tịnh hoàn toàn không có chấp thủ? Chính Thánh đạo Tám ngành này, tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lô đưa đến hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ. Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo áy như vậy.

Mặt Trời Lược Thuyết (Suriyassa peyyàlam)

Tất cả đều nhân duyên ở Sàvatthi.

I. Liên Hệ Đến Viễn Ly.

49.I. Thiện Hữu (1) (S.v,29)

1) ...

2)-- Nay các Tỷ-kheo, như cái đi trước và đi kèm tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông (arunuggam); cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, cái đi trước và đi kèm tướng báo trước sự sanh khởi của Thánh đạo Tám ngành, chính là bạn hữu với thiện.

3) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo bạn hữu với thiện, thời chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bạn hữu với thiện, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định... hướng đến từ bỏ. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn hữu với thiện, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

50.II. Giới Hạnh (2) (S.v,30)

1) ...

2)-- Nay các Tỷ-kheo, như cái đi trước và đi kèm tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông; cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, cái đi trước và đi kèm báo trước Thánh đạo Tám ngành sanh khởi chính là sự thành tựu giới hạnh.

3) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thời chờ đợi rằng... (như kinh trên, với những thay đổi cần thiết).

51.III. Ước Muốn (1) (Chanda) (S.v,30)

1-2) ... Tức là sự đầy đủ ước muón (chanda-sampadà) ... (như kinh trên, với những thay đổi cần thiết).

52-54.IV.VI. Ngã, Kiến, Không Phóng Dật. (1) (S.v,30)

(Đầy đủ ngã... đầy đủ kiến... đầy đủ không phóng dật, với những thay đổi cần thiết)...

55.VII. Như Lý (1) (Yoniso). (S.v,31)

1) ...

2)-- Nay các Tỷ-kheo, như cái đi trước và đi kèm tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông; cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, cái đi trước và đi kèm tướng báo trước Thánh đạo Tám ngành sanh khởi chính là đầy đủ như lý tác ý (yonisomana-sikārasampadà).

3) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ như lý tác ý này, thời chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ như lý tác ý, tu tập Thánh đạo Tám ngành, và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ như lý tác ý, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

II. Nhiếp Phục Tham (Ràgavinaya).

56.VIII. Bạn Hữu Với Thiện (2) (S.v,31)

1) ...

2)-- Nay các Tỷ-kheo, như cái đi trước và đi kèm tướng báo trước mặt trời mọc... chính là bạn hữu với thiện.

3) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn hữu với thiện, thời chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bạn hữu với thiện, tu tập Thánh đạo Tám ngành, và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cùu cánh là nghiệp phục tham, với cùu cánh là nghiệp phục sân, với cùu cánh là nghiệp phục si... tu tập chánh định, với cùu cánh là nghiệp phục tham, với cùu cánh là nghiệp phục sân, với cùu cánh là nghiệp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn hữu với thiện, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

57.IX. Giới Hạnh (2) (S.v,31)

1-2)-- Nay các Tỷ-kheo, như cái đi trước... chính là sự thành tựu giới hạnh... (như trên).

58.X. Ước Muốn (2) (Chanda) (S.v,32)

1-2) -- Nay các Tỷ-kheo, như cái đi trước... chính là sự đầy đủ ước muốn... (như trên)...

59.XI. Ngã (2) (S.v,32)

1-2) -- Nay các Tỷ-kheo, như cái đi trước... chính là sự đầy đủ ngã... (như trên)...

60.XII. Kiến (2) (S.v,32)

1-2) -- Nay các Tỷ-kheo, như cái đi trước... chính là sự đầy đủ kiến... (như trên)...

61.XIII. Không Phóng Dật (2) (S.v,32)

1-2) ... chính là sự đầy đủ không phóng dật... (như trên)...

62.XIV. Như Lý (2) (S.v,32)

1) ...

2)--...Nay các Tỷ-kheo, như cái đi trước... chính là sự đầy đủ như lý tác ý.

3) Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ như lý tác ý này, thời chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành sẽ

được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ như lý tác ý, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với círu cánh là nghiệp phục tham, với círu cánh là nghiệp phục sân, với círu cánh là nghiệp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ như lý tác ý... tu tập chánh định với círu cánh là nghiệp phục tham, với círu cánh là nghiệp phục sân, với círu cánh là nghiệp phục si... Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ như lý tác ý, tu tập Thánh đạo Tám ngành, và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

Một Pháp Trung Lược I

Tất cả đều nhân duyên ở Sàvatthi.

I. Liên Hệ Đến Viễn Ly

63.I. Bạn Hữu Với Thiện (1) (S.v,32)

1) ...

2)-- Có một pháp, này các Tỷ-kheo, lợi ích nhiều cho Thánh đạo Tám ngành được sanh khởi. Thế nào là một pháp? Chính là bạn hữu với thiện.

3) VỚI TỶ-KHEO bạn hữu với thiện, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là Thánh đạo Tám ngành sẽ được tu tập, sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bạn hữu với thiện, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn hữu với thiện, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

64.II. Giới Hạn (1) (S.v,33)

1) ...

2) -- Có một pháp, này các Tỷ-kheo, lợi ích nhiều cho Thánh đạo Tám ngành sanh khởi. Và thế nào là một pháp lợi ích nhiều cho Thánh đạo Tám ngành sanh khởi?... (như trên)...

65.III. Ước Muốn (1) (S.v,33)

1-2) ... túc là đầy đủ ước muôn...

66.IV. Ngã (1) (S.v,33)

1-2) ... túc là đầy đủ ngã...

67.V. Kiến (1) (S.v,33)

1-2) ... túc là đầy đủ kiến...

68.VI. Không Phóng Dật (1) (S.v,33)

1-2) ... tức là đầy đủ không phóng dật...

69.VII. Như Lý (1) (S.v,33)

1-2) ... tức là đầy đủ như lý tác ý...

3) VỚI CÁC TỶ-KHEO ĐẦY ĐỦ NHƯ LÝ TÁC Ý, ĐƯỢC CHỜ ĐỢI LÀ THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH SẼ ĐƯỢC TU TẬP, THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH SẼ ĐƯỢC SUNG MÃN. VÀ NÀY CÁC TỶ-KHEO, THẾ NÀO LÀ TỶ-KHEO ĐẦY ĐỦ NHƯ LÝ TÁC Ý, TU TẬP THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH VÀ LÀM CHO SUNG MÃN THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH?

4) Ở ĐÂY, NÀY CÁC TỶ-KHEO, TỶ-KHEO TU TẬP CHÁNH TRÌ KIẾN LIÊN HỆ ĐẾN VIỄN LY, LIÊN HỆ ĐẾN LY THAM, LIÊN HỆ ĐẾN ĐOẠN DIỆT, HƯỚNG ĐẾN TỪ BỎ... TU TẬP CHÁNH ĐỊNH LIÊN HỆ ĐẾN VIỄN LY, LIÊN HỆ ĐẾN LY THAM, LIÊN HỆ ĐẾN ĐOẠN DIỆT, HƯỚNG ĐẾN TỪ BỎ. NHƯ VẬY, NÀY CÁC TỶ-KHEO, LÀ TỶ-KHEO ĐẦY ĐỦ NHƯ LÝ TÁC Ý, TU TẬP THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH, LÀM CHO SUNG MÃN THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH.

II. Nhiếp Phục Tham**70.VIII. Bạn Hữu VỚI THIỆN (2). Cho đến****76.XVI. Như Lý (2) (S.v,34-35)**

1) Ở Sàvatthi...

(Hoàn toàn giống như từ số 63 đến số 69).

Một Pháp Trung Lược II

Tất cả đều nhân duyên ở Sàvatthi...

I. Liên hệ Đến Viễn Ly**77.I. Bạn Hữu VỚI THIỆN (1) (S.v,35)**

1) ...

2) -- TA KHÔNG THẤY MỘT PHÁP NÀO KHÁC, DO PHÁP ÁY, THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH CHƯA KHỎI LÊN ĐƯỢC SANH KHỎI, HAY THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH KHỎI LÊN RỒI ĐƯỢC ĐI ĐẾN TU TẬP SUNG MÃN. PHÁP ÁY TỨC LÀ BẠN HỮU VỚI THIỆN.

3) VỚI TỶ-KHEO BẠN HỮU VỚI THIỆN, NÀY CÁC TỶ-KHEO, THỜI ĐƯỢC CHỜ ĐỢI THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH SẼ ĐƯỢC TU TẬP, THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH SẼ ĐƯỢC LÀM CHO SUNG MÃN. VÀ NÀY CÁC TỶ-KHEO, NHƯ THẾ NÀO TỶ-KHEO BẠN HỮU VỚI THIỆN, TU TẬP THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH VÀ LÀM CHO SUNG MÃN THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH?

4) Ở ĐÂY, NÀY CÁC TỶ-KHEO, TỶ-KHEO TU TẬP CHÁNH TRÌ KIẾN LIÊN HỆ ĐẾN VIỄN LY, LIÊN HỆ ĐẾN LY THAM, LIÊN HỆ ĐẾN ĐOẠN DIỆT, HƯỚNG ĐẾN TỪ BỎ... TU TẬP CHÁNH ĐỊNH LIÊN HỆ ĐẾN VIỄN LY, LIÊN HỆ ĐẾN LY THAM, LIÊN HỆ ĐẾN ĐOẠN DIỆT, HƯỚNG ĐẾN TỪ BỎ. NHƯ VẬY, NÀY CÁC TỶ-KHEO, LÀ TỶ-KHEO BẠN HỮU VỚI THIỆN, TU TẬP THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH VÀ LÀM CHO SUNG MÃN THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH.

78-83.II-VII. (S.v,36)

(Như các đoạn trước với những thay đổi cần thiết).

II. Nhiếp Phục Tham**84.VIII. Bạn Hữu Với Thiện (2) (S.v,37)**

1) ...

2) -- Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp áy, Thánh đạo Tám ngành được tu tập, được làm cho viên mãn. Chính là bạn hữu với thiện.

3) VỚI TỶ-KHEO bạn hữu với thiện, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi Thánh đạo Tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo bạn hữu với thiện, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với círu cánh là nghiệp phục tham, với círu cánh là nghiệp phục sân, với círu cánh là nghiệp phục si... tu tập chánh định với círu cánh là nghiệp phục tham, với círu cánh là nghiệp phục sân, với círu cánh là nghiệp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo bạn hữu với thiện, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

85-90.II-VII. (S.v,37)

(Như những đoạn trước với những thay đổi cần thiết).

Hằng Hà Lược Thuyết

Tất cả đều nhân duyên ở Sàvatthi...

I. Liên Hệ Đến Viễn Ly**91.I. Phương Đông (1) (S.v,38)**

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiêng về hướng Đông, hướng về hướng Đông, xuôi về hướng Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, thiêng về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, thiêng về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, thiêng về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

92-96.II-VI. Hướng Đông (2-6) (S.v,38-39)

(Như kinh 91, chỉ khác tên các con sông Yamunà, Aciiravatii, Sarabuu, Mahii, các sông lớn như các

sông Hằng, Yamunà, Aciiravattii, Sarabhuu, Mahii...)

97-102.VII-XII. Biển (1-6) (S.v,39-40)

(Như các kinh 91-96, chỉ khác, ở đây là hướng về biển, không phải hướng về hướng Đông).

II. Nhiếp Phục Tham

103-108.I-VI. Hướng Đông (1-6) (S.v,40)

109-114.VII-XII. Biển (1-6) (S.v,40)

1-2) ...

3) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cùu cánh là nghiệp phục tham, với cùu cánh là nghiệp phục sân, với cùu cánh là nghiệp phục si... (như trên với những thay đổi cần thiết) ...

III. Nhập Vào Bất Tử (Amatogadha)

115-120.I-VI. Hướng Đông (1-6) (S.v,41)

121-126.VII-XII. Biển (1-6) (S.v,41)

1-2) ...

3)-- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, nhập vào bất tử, hướng về bất tử, cùu cánh là bất tử.

IV. Thiên Về Niết Bàn

127-132.I-VI. Hướng Đông (1-6) (S.v,41)

133-138.VII-XII. Biển (1-6) (S.v,41)

1-2) ...

3) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành... thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

V. Phẩm Không Phóng Dật

139.I. Như Lai (S.v,41)

I. Viễn Ly

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Cũng như, này các Tỷ-kheo, đối với tất cả loại hữu tình không chân, hai chân bốn chân, hay nhiều

chân, có sắc hay không sắc, có tưởng hay không tưởng, hay không có tưởng và không không có tưởng; Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có thiện pháp gì, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, đều lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ. Không phóng dật được gọi là tối thượng đối với tất cả pháp ấy.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành được tu tập, Thánh đạo tám ngành được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành. (Ba kinh khác về viễn ly, cũng được thuyết tương tự).

II. Nhiếp Phục Tham

1-2-3) ...

4) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, lấy nghiệp phục tham làm cứu cánh, lấy nghiệp phục sân làm cứu cánh, lấy nghiệp phục si làm cứu cánh... tu tập chánh định, lấy nghiệp phục tham làm cứu cánh, lấy nghiệp phục sân làm cứu cánh, lấy nghiệp phục si làm cứu cánh...

III. Bất Tử.

1-2-3) ...

4) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, lấy bất tử làm chỗ hội nhập, lấy bất tử làm mục đích, lất bất tử làm cứu cánh... tu tập chánh định, lấy bất tử làm chỗ hội nhập, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh.

IV. Niết Bàn

1-2-3) ...

4) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn... tu tập chánh định thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn...

140.II. Đầu Chân (I-IV) (S.v,43)

1) Ở Sàvatthi...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những dấu chân của các loại chúng sanh bộ hành nào, tất cả đều hội tập (samodhànam gachanti) trong chân con voi, vì chân con voi được gọi là tối thượng trong tất cả loại chân, tức là về phần to lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành được tu

tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn.

141.III. Chóp Máí (I-IV) (S.v,43)

1) Ở Sàvatthi...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, các đòn tay nào của một ngôi nhà có mái nhọn, tất cả đều đi đến mái nhọn, hướng đến mái nhọn, quy tụ vào mái nhọn. Mái nhọn đối với chúng được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên)

142.IV. Gốc Rẽ (I-IV) (S.v,44)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại rẽ hương nào, loại chiên-đàn đen (kàlānu-sàriyam) được gọi là tối thượng. Cũng vậy... (như trên) ...

143.V. Lôi Hương (I-IV) (S.v,44)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại lôi hương nào, loại chiên-đàn đỏ (lohitacandanam) được gọi là tối thượng. Cũng vậy... (như trên) ...

144.VI. Hạt Sanh Hoa (Bông huệ: vassikam) (I-IV) (S.v,44)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại hoa hương nào, hoa huệ được gọi là tối thượng. Cũng vậy... (như trên) ...

145. VII. Vua (I-IV) (S.v,44)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những tiểu vương nào (kuttaràjàno), tất cả đều tùy thuộc Chuyên luân vương. Vua Chuyên luân đối với họ được gọi là tối thượng. Cũng vậy... (như trên) ...

146.VIII. Mặt Trăng (I-IV) (S.v,44)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm ánh sáng của bát cú loại sao nào, tất cả đều không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng. Ánh sáng mặt trăng đối với chúng được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên) ...

147.IX. Mặt Trời (I-IV) (S.v,44)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, vào mùa thu, khi hư không mở rộng không có mây mù, mặt trời vươn thẳng lên hư không, quét sạch mọi tối tăm trên trời, chói sáng, bừng sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên) ...

148.X. Vái (I-IV) (S.v,45)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có vái gì được dệt, vái dệt ở Ba-la-nại được gọi là tối thượng... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành được tu tập, Thánh đạo Tám ngành được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

VI. Phẩm Việc Làm Càn Sức Mạnh

Tất cả đều nhân duyên ở Sàvatthi.

149. I. Sức lực (S.v,45)

1) ...

2)-- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những hành động gì muốn làm cần phải có sức lực, tất cả những hành động ấy đều y cứ vào đất, đều an trú vào đất. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ trên giới, an trú trên giới, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo y cứ trên giới, an trú trên giới, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

(Đoạn này giống với đoạn "Hăng hà lược thuyết", được thuyết rộng thêm).

150.II. Các Hột Giống (1) (S.v,46)

1) ...

2)-- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những hột giống nào, những cây mạ nào (bhutagàmà) tăng trưởng, lớn mạnh, quảng đại, tất cả đều y cứ vào đất, đều an trú vào đất. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo,

Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đạt được tăng trưởng, lớn mạnh và quảng đại trong các pháp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đạt được tăng trưởng, lớn mạnh, quảng đại trong các pháp?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành và đạt đến tăng trưởng, lớn mạnh và quảng đại trong các pháp.

151.III. Con Rắn (Nàga) (S.v,47)

1) ...

2) -- Y cứ vào vua núi Tuyết sơn, này các Tỷ-kheo, các loài rắn lớn tăng trưởng tự thân, thâu hoạch sức mạnh. Ở đây, khi chúng tăng trưởng tự thân, thâu hoạch sức mạnh, chúng đi xuống các hồ nhỏ; sau khi xuống các hồ nhỏ, chúng đi xuống các hồ lớn, chúng đi xuống các sông nhỏ; sau khi đi xuống các sông nhỏ, chúng đi xuống các sông lớn; sau khi đi xuống các sông lớn, chúng đi ra biển, ra đại dương. Tại đây thân của chúng được to lớn và quảng đại hơn.

3) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các thiện pháp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đạt đến sự to lớn, sự quảng đại trong các thiện pháp?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú trên giới, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đạt đến sự to lớn, sự quảng đại trong các pháp...

152.IV. Cây (S.v,47)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, có cây thiên về hướng Đông, hướng về hướng Đông, xuôi về hướng Đông, khi bị chặt từ gốc, cây ấy sẽ rơi về hướng nào?

-- Bạch Thé Tôn, về phía nó thiên về, về phía nó hướng về, về phía nó xuôi về.

3) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

153.V. Cái Ghè (S.v,48)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái ghè, nếu bị nghiêng đổ, nước đã bị đổ ra không thể đổ vào lại được. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các bất thiện pháp đã được đổ ra, không thể đổ vào lại được. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp đã được đổ ra, không thể đổ vào lại được?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các bất thiện pháp đã được đổ ra, không có thể đổ vào lại được.

154.VI. Râu Lúa Mì (Sukiya) (S.v,48)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, sợi râu lúa mì, hay sợi râu lúa mạch được đặt hướng chân chánh, khi bị tay chân đè vào, có thể đâm thủng tay chân, hay có thể làm đổ máu. Sự tình này có xảy ra. Vì sao? Vì sợi râu được đặt hướng chân chánh.

3) Cũng vậy, Tỷ-kheo nhờ đặt hướng chân chánh, tu tập con đường chơn chánh, thời vô minh được cắt đoạn, minh sẽ được khởi lên, Niết-bàn sẽ được chứng đắc. Sự kiện như vậy có xảy ra. Vì sao? Vì tri kiến được đặt hướng một cách chân chánh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo nhờ chân chánh đặt hướng tri kiến, nhờ chân chánh đặt hướng con đường tu tập nên đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, chứng ngộ được Niết-bàn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chân chánh đặt hướng tri kiến, chân chánh đặt hướng con đường tu tập, đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, chứng ngộ được Niết-bàn.

155.VII. Hu Không (S.v,49)

1) ...

2)-- Ví như, này các Tỷ-kheo, trên không trung, có nhiều loại gió thổi, gió từ phương Đông thổi, gió từ phương Tây thổi, gió từ phương Bắc thổi, gió từ phương Nam thổi, gió có bụi thổi, gió không bụi thổi, gió lạnh thổi, gió nóng thổi, gió nhỏ thổi, gió thật lớn thổi.

3) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, thời bốn niệm xứ được tu tập, đi đến viên mãn, bốn chánh cần... bốn như ý túc... năm căn... năm lực... bảy giác chi được tu tập đi đến viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, bốn niệm xứ được tu tập đi đến viên mãn... bốn chánh cần... bốn như ý túc... năm căn... năm lực... bảy giác chi được tu tập đi đến viên mãn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo,

Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, bốn niệm xứ được tu tập đi đến viên mãn, bốn chánh cần... bốn như ý túc... năm căn... năm lực... bảy giác chi được tu tập đi đến sung mãn.

156.VIII. Mây Mưa (1) (S.v,50)

1) ...

2)-- Ví như, này các Tỷ-kheo, vào cuối tháng mùa hạ, bụi mù bay lên, rồi có đám mây lớn trái mùa thình lình làm chúng tiêu tan và tịnh chỉ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh thình lình làm chúng tiêu tan và tịnh chỉ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh lập tức làm cho chúng tiêu tan và tịnh chỉ?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh (uppannuppanne) lập tức làm cho chúng tiêu tan và tịnh chỉ.

157.IX. Mây Mưa (2) (S.v,50)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngọn gió lớn thỉnh thoảng làm cho đám mây mưa lớn khởi lên bị tiêu tan, tịnh chỉ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh khởi, khiến chúng tiêu tan và tịnh chỉ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh khởi khiến chúng tiêu tan và tịnh chỉ?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định... hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh khởi khiến chúng tiêu tan và tịnh chỉ.

158.X. Chiếc Thuyền (S.v,51)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một chiếc thuyền đi biển, đầy đủ cột buồm, và dây buồm (vettabandhanabandhaya), và bị mắc cạn trên bờ, trong sáu tháng bị nước làm cho hao mòn. Còn trong mùa khô, các dây buồm bị gió và mặt trời làm cho hư hại. Rồi trong mùa mưa, bị thấm ướt (abhippavutthāni) bởi cơn mưa giông, rất dễ (appakasiraneva) bị yếu, hư và mục nát. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, rất dễ làm cho các kiết sử yếu mòn và mục nát. Và thế nào, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, rất dễ làm cho các kiết sử yếu mòn và mục nát?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly... hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, rất dễ làm cho các kiết sử yếu mòn và mục nát.

159.XI. Các Khách (S.v,51)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, có một nhà khách, ở đây có người từ phương Đông tới ở, có người từ phương Tây tới ở, có người từ phương Bắc tới ở, có người từ phương Nam tới ở, có người Sát-đế-lị tới ở, có người Bà-la-môn tới ở, có người Phệ-xá tới ở, có người Thủ-dà tới ở. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, với các pháp cần phải liễu tri nhờ thăng trí, họ nhờ thăng trí liễu tri các pháp ấy; với các pháp cần phải đoạn tận nhờ thăng trí, họ đoạn tận các pháp ấy nhờ thăng trí; với các pháp cần phải chứng ngộ nhờ thăng trí, họ chứng ngộ các pháp ấy nhờ thăng trí; với những pháp cần phải tu tập nhờ thăng trí, họ tu tập những pháp ấy nhờ thăng trí.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải liễu tri nhờ thăng trí? Cần phải được trả lời là năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là những pháp cần phải liễu tri nhờ thăng trí.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải đoạn tận nhờ thăng trí? Vô minh, hữu và ái (bhavatanhà), những pháp này cần phải đoạn tận nhờ thăng trí.

5) Và này các Tỷ-kheo, những pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thăng trí? Minh và giải thoát, này các Tỷ-kheo, những pháp này cần phải chứng ngộ nhờ thăng trí.

6) Và này các Tỷ-kheo, những pháp nào cần phải tu tập nhờ thăng trí? Chỉ và quán, này các Tỷ-kheo, những pháp này cần phải tu tập nhờ thăng trí.

7) Và thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành; đối với các pháp cần phải liễu tri, họ liễu tri được các pháp ấy nhờ thăng trí; đối với các pháp cần phải đoạn tận nhờ thăng trí, họ đoạn tận các pháp ấy nhờ thăng trí; đối với những pháp cần phải chứng ngộ nhờ thăng trí, họ chứng ngộ những pháp ấy nhờ thăng trí; đối với những pháp cần phải tu tập nhờ thăng trí, họ tu tập những pháp ấy nhờ thăng trí?

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành; đối với các pháp cần phải liễu tri nhờ thăng trí, vị ấy liễu tri những pháp ấy nhờ thăng trí; đối với những pháp cần phải đoạn tận nhờ thăng trí, vị ấy đoạn tận những pháp ấy nhờ thăng trí; đối với những pháp cần phải chứng ngộ nhờ thăng trí, vị ấy chứng ngộ những pháp ấy nhờ thăng trí; đối với những pháp cần phải tu tập nhờ thăng trí, vị ấy tu tập những pháp ấy nhờ thăng trí.

160.XII. Con Sông (S.v,53)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về hướng Đông, hướng về hướng Đông, xuôi về hướng Đông. Rồi có một quần chúng lớn đến cầm cuốc và giò nói rằng: "Chúng ta sẽ làm cho sông Hằng này thiên về hướng Tây, hướng về hướng Tây, xuôi về hướng Tây". Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, quần chúng lớn ấy có thể làm cho sông Hằng thiên về hướng Tây, hướng về hướng Tây, xuôi về hướng Tây không?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

-- Vì sao? Vì rằng sông Hằng thiên về hướng Đông, hướng về hướng Đông, xuôi về hướng Đông, không dẽ gì có thể làm sông Hằng thiên về hướng Tây, hướng về hướng Tây, xuôi về hướng Tây. Quần chúng lớn ấy chỉ phải khổ nhọc, phiền não mà thôi.

3) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, thời các vua, đại thần của vua, bằng hữu, đồng nghiệp, thân thích hay quyến thuộc cùng một huyết thống, đem tài sản đến mời mọc: "Hãy đến, này Bạn! Sao đê những cà-sa này làm phiền não Bạn? Sao lại bộ hành với đầu trọc và y bát? Hãy hoàn tục, hướng các tài sản và làm các công đức". Ngày các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự kiện như vậy không xảy ra. Vì sao? Vì rằng, ngày các Tỷ-kheo, tâm của vị ấy đã lâu ngày thiên về viễn ly, hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, không thể nào có thể trở lại hoàn tục; sự kiện như vậy không xảy ra. Và thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

VII. Phẩm Tâm Cầu (Esanavaggo)

1) Tất cả đều nhân duyên ở Sàvatthi.

161.I. Tâm Cầu (S.v,54)

I. Thắng Trí

1) ...

2) -- Ngày các Tỷ-kheo, có ba loại tâm cầu. Thế nào là ba? Tâm cầu về dục, tâm cầu về hữu, tâm cầu về Phạm hạnh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba tâm cầu. Chính do thắng tri ba tâm cầu này mà Thánh đạo Tám ngành này được tu tập. Thế nào là Thánh đạo Tám ngành được tu tập?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chính do thắng tri ba tâm cầu này mà Thánh đạo Tám ngành này được tu tập.

4-5) ... Tu tập chánh định, với círu cánh là đoạn tận tham, với círu cánh là đoạn tận sân, với círu cánh là đoạn tận si.

6-7) ... Tu tập chánh định, thê nhập vào bất tử, với mục đích là bất tử, với círu cánh là bất tử.

8-9) ... Tu tập chánh định, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

II. Liễu Tri: Parinnà

10-17) -- Ngày các Tỷ-kheo, có ba loại tâm cầu. Thế nào là ba? Tâm cầu về dục, tâm cầu về hữu, tâm cầu về Phạm hạnh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba tâm cầu. Chính vì liễu tri ba tâm cầu này mà Thánh đạo Tám ngành được tu tập.

III. Đoạn Diệt: Parikkaya.

18-25) -- Này các Tỷ-kheo, có ba loại tâm cầu. Thế nào là ba? Tâm cầu dục, tâm cầu hữu, tâm cầu Phạm hạnh. Chính vì mục đích đoạn tận ba tâm cầu này mà Thánh đạo Tám ngành được tu tập.

IV. Đoạn Tận: Pahàna

26-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba tâm cầu này. Thế nào là ba? Tâm cầu dục, tâm cầu hữu, tâm cầu Phạm hạnh. Chính vì mục đích đoạn tận ba tâm cầu này mà Thánh đạo Tám ngành được tu tập.

162.II. Kiêu Mạn (Vidhà) (I-IV) (S.v,56)

1) ... Sàvatthi...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba kiêu mạn. Thế nào là ba? Kiêu mạn: "Tôi hơn"; kiêu mạn: "Tôi bằng"; kiêu mạn: "Tôi thua". Này các Tỷ-kheo, đó là ba kiêu mạn này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba kiêu mạn này mà Thánh đạo Tám ngành được tu tập. Thế nào là Thánh đạo Tám ngành được tu tập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba kiêu mạn này mà Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

163.III. Lậu Hoặc (I-IV) (S.v,56)

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này. Thế nào là ba? Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Này các Tỷ-kheo, đó là ba lậu hoặc này. Chính vì mục đích thắng tri... liễu tri... đoạn diệt... đoạn tận ba lậu hoặc này mà Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

164.IV. Hữu (I-IV) (S.v,56)

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba hữu này. Thế nào là ba? Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Chính vì mục đích thắng tri... liễu tri... đoạn diệt... đoạn tận ba hữu này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

165.V. Khô Tánh (Dukkhatà) (I-IV) (S.v,56)

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba khô tánh này. Thế nào là ba? Khô khô tánh, hành khô tánh, hoại khô tánh. Chính vì mục đích thắng tri... liễu tri... đoạn diệt... đoạn tận ba khô tánh này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

166.VI. Hoang Vu (Khilà) (I-IV) (S.v,57)

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba hoang vu này. Thế nào là ba? Tham hoang vu, sân hoang vu, si hoang vu. Chính vì mục đích thắng tri... liễu tri... đoạn diệt... đoạn tận ba hoang vu này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

167.VII. Cầu Nhiễm (Malam) (I-IV) (S.v,57)

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba cầu nhiễm này. Thế nào là ba? Tham cầu nhiễm, sân cầu nhiễm, si cầu nhiễm. Này các Tỷ-kheo, đó là ba cầu nhiễm này. Chính vì mục đích thắng tri... liễu tri... đoạn diệt... đoạn tận ba cầu nhiễm này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

168.VIII. Dao Động (I-IV) (S.v,57)

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba dao động này. Thế nào là ba? Tham giao động, sân dao động, si dao động. Này các Tỷ-kheo, đó là ba dao động này. Chính vì mục đích thắng tri... liễu tri... đoạn diệt... đoạn tận ba dao động này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

169.IX. Thọ (I-IV) (S.v,57)

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, đó là ba thọ này. Chính vì mục đích thắng tri... liễu tri... đoạn diệt... đoạn tận ba thọ này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

170a.X. Khát Ái (Tanhà) (I-IV) (S.v,57)

1) ...

2-3) -- Này các Tỷ-kheo, có ba khát ái này. Thế nào là ba? Dục khát ái, hưu khát ái, phi hưu khát ái. Này các Tỷ-kheo, đó là ba khát ái này. Chính vì mục đích thắng tri... liễu tri... đoạn diệt... đoạn tận ba khát ái này, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập. Thế nào là Thánh đạo Tám ngành cần phải tu tập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, liên hệ đến đoạn tận, hướng đến từ bỏ.

Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khát ái này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

170b.XI. Khát Ái (Tasinà hay Tanhà) 2-4 (I-IV) (S.v,58)

1-2-3) ...

4-33) -- Có ba khát ái này, này các Tỷ-kheo... Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khát ái này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến

viễn ly, liên hệ đến ly tham... liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định với círu cánh là đoạn tận tham, với círu cánh là đoạn tận sân, với círu cánh là đoạn tận si... tu tập chánh định với mục đích là thể nhập bất tử, với mục đích là bất tử, với círu cánh là bất tử... tu tập chánh định thiền về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn... Chính vì mục đích thắng tri... liễu tri... đoạn diệt... đoạn tận ba khát ái này, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

VIII. Phẩm Bột Lưu

1) Tất cả đều nhân duyên ở Sàvatthi...

171.I. Bột Lưu (Ogha). (S.v,59)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn bột lưu này. Thế nào là bốn? Dục bột lưu, hữu bột lưu, kiến bột lưu, vô minh bột lưu. Này các Tỷ-kheo, đó là bốn bột lưu này. Chính vì mục đích muốn thắng tri, muốn liễu tri, muốn đoạn diệt, muốn đoạn tận bốn bột lưu này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

3-33) (Như đoạn về Tâm cầu...)

172.II. Ách Phược (Yogo) (S.v,59)

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn ách phược này. Thế nào là bốn? Dục ách phược, hữu ách phược, kiến ách phược, vô minh ách phược. Này các Tỷ-kheo, đó là bốn ách phược này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận bốn ách phược này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

173.III. Chấp Thủ (S.v,59)

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn chấp thủ. Thế nào là bốn? Dục thủ, kiến thủ, giới cầm thủ, ngã luận thủ. Này các Tỷ-kheo, đó là bốn chấp thủ này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận bốn chấp thủ này, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

174.IV. Hệ Phược (Ganthà) (S.v, 59)

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn hệ phược này. Thế nào là bốn? Tham thân hệ phược, sân thân hệ phược, giới cầm thủ thân hệ phược, chấp đây là sự thực thân hệ phược. Này các Tỷ-kheo, đó là bốn hệ phược này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận bốn hệ phược này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

175.V. Tùy Miên (S.v,60)

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có bảy tùy miên này. Thế nào là bảy? Dục tham tùy miên (kàmaràgàanusaya), hận tùy miên, kiền tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hưu tham tùy miên (bhavaràgàanusaya), vô minh tùy miên. Nay các Tỷ-kheo, đó là bảy tùy miên này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận bảy tùy miên này, nay các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

176.VI. Dục Công Đức (S.v,60)

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm dục công đức. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hý, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hý, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Nay các Tỷ-kheo, đó là năm dục công đức này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm dục công đức này, nay các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này phải được tu tập.

177.VII. Các Triền Cái (S.v,60)

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm triền cái này. Thế nào là năm? Dục tham triền cái (kàmacchandaniivaranà), sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi triền cái. Nay các Tỷ-kheo, đó là năm triền cái này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm triền cái này, nay các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

178.VIII. Uẩn (S.v,60)

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

Nay các Tỷ-kheo, đó là năm thủ uẩn này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thủ uẩn này, nay các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

179.IX. Hạ Phàn Kiết Sứ (S.v,61)

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm hạ phàn kiết sứ này. Thế nào là năm? Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân. Nay các Tỷ-kheo, đó là năm hạ phàn kiết sứ này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm hạ phàn kiết sứ này, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

180.X.Thượng Phàn Kiết Sứ (S.v,61)

1) ...

2) -- Có năm thượng phàn kiết sứ này, nay các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Sắc tham, vô sắc tham, mạn, trạo cù, vô minh. Nay các Tỷ-kheo, đó là năm thượng phàn kiết sứ này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu

tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thương phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập. Thế nào là Thánh đạo Tám ngành cần phải tu tập?

3-17) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thương phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Ví như, này các Tỷ-kheo, con sông Hằng...

18) Nay các Tỷ-kheo, có năm thương phần kiết sử. Thế nào là năm? Sắc tham, vô sắc tham, mạn, trao cử, vô minh. Nay các Tỷ-kheo, đó là năm thương phần kiết sử này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thương phần kiết sử này, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập. Thế nào là Thánh đạo Tám ngành cần phải tu tập?

19-33) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định với cùu cánh là đoạn tận tham, với cùu cánh là đoạn tận sân, với cùu cánh là đoạn tận si... thể nhập vào bát tử, hướng đến bát tử, với cùu cánh là bát tử... thiêu về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thương phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

-ooOoo-

CHƯƠNG II
46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI

I. Phẩm Núi**1.I. Tuyết Sơn (S.v,63)**

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi ...

Thế Tôn nói như sau :

3) -- Y cứ vào vua núi Tuyết sơn, này các Tỷ-kheo, các loài rắn lớn tăng trưởng tự thân, thâu hoạch sức mạnh. Ở đây, khi chúng tăng trưởng tự thân, thâu hoạch sức mạnh, chúng đi xuống các hồ nhỏ. Sau khi xuống các hồ nhỏ, chúng đi xuống các hồ lớn. Sau khi đi xuống các hồ lớn, chúng đi xuống các sông nhỏ. Sau khi đi xuống các sông nhỏ, chúng đi xuống các sông lớn. Sau khi đi xuống các sông lớn, chúng đi ra biển, ra đại dương. Tại đây, thân của chúng được to lớn và quảng đại hơn.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các pháp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các pháp?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niêm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

6) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các pháp.

2.II. Thân (S.v,64)**I**

1-2) Tại Sàvatthi...

3) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, cái thân này y cứ món ăn, duyên món ăn được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, năm triền cái y cứ món ăn, duyên món ăn được an trú; không có món ăn thì không an trú.

4) Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với dục tham (kamacchanda) chưa sanh được sanh khởi; hay đối với dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Nay các Tỷ-kheo, có tịnh tướng (subhanimittam), ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời tịnh tướng này là món ăn khiến cho dục tham chưa sanh được sanh khởi; hay đối với dục tham đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại.

5) Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với sân chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với sân đã sanh khiến được tăng trưởng, quảng đại? Nay các Tỷ-kheo, có đối ngại tướng (patighanimittam). Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đối ngại tướng này là món ăn khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay đối với sân đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại.

6) Nay các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với hôn trầm thụy miên chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với hôn trầm thụy miên đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại? Nay các Tỷ-kheo, có sự không hân hoan, biếng nhác (tandi), uể oải (vijambhità), ăn quá no, tâm rụt rè (linàttam). Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính là món ăn khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay đối với hôn trầm thụy miên đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại.

7) Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với trạo hối chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với trạo hối đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại? Nay các Tỷ-kheo, có tâm không được tịnh chỉ. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính là món ăn khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi; hay đối với trạo hối đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại.

8) Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với nghi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với nghi đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại? Nay các Tỷ-kheo, có những pháp làm trú xứ cho nghi hoặc. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính các pháp này là món ăn khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay đối với nghi hoặc đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại.

9) Ví như, này các Tỷ-kheo, cái thân này y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nǎm triền cái y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú.

II

10) Ví như, này các Tỷ-kheo, cái thân này y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi này y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú.

11) Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với niêm giác chi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với niêm giác chi đã sanh khởi được tu tập, làm cho viên mãn? Có các pháp, này các Tỷ-kheo, làm trú xứ cho niêm giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đây là món ăn khiến cho niêm giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với niêm giác chi đã sanh khởi khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn.

12) Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với trạch pháp giác chi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập và làm cho viên mãn? Nay các Tỷ-kheo, có các thiện pháp và bát thiện pháp, có các pháp đáng chỉ trích và không đáng chỉ trích, có các pháp liệt và thắng, có các pháp đen và trắng (kanhàsukkasa-ppatibhàgà). Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đây là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh khởi được sanh khởi; hay đối với trạch pháp giác chi đã sanh khởi khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn.

13) Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với tinh tấn giác chi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với tinh tấn giác chi đã sanh khởi được tu tập và làm cho viên mãn? Nay các Tỷ-kheo, có phát càn giới (àrambhadhàtu), tinh càn giới (mikkamadhdhàtu), càn dōng giới (parakkamadhdhàtu). Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đây là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với tinh tấn giác chi đã sanh khởi khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn.

14) Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với hỷ giác chi chưa sanh khiến cho sanh khởi; hay đối với hỷ giác chi đã sanh khởi được tu tập, làm cho viên mãn? Nay các Tỷ-kheo, có những pháp làm trú xứ cho hỷ giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho viên mãn, thời đây là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với hỷ giác chi đã sanh khởi khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn.

15) Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với khinh an giác chi chưa sanh khiến cho sanh khởi; hay đối với khinh an giác chi đã sanh khởi được tu tập, làm cho viên mãn? Nay các Tỷ-kheo, có thân khinh an, tâm khinh an. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đây là món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với khinh an giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn.

16) Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với định giác chi chưa sanh khiến cho sanh khởi; hay đối với định giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn? Nay các Tỷ-kheo, có tịnh chỉ tướng, bất loạn tướng. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho viên mãn, thời đây là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với định giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn.

17) Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với xả giác chi chưa sanh khiến cho sanh khởi; hay đối với xả giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn? Nay các Tỷ-kheo, có các pháp làm trú xứ cho xả giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho viên mãn, thời đây là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với xả giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, cái thân này y cứ món ăn, duyên món ăn được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi này y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú.

3.III. Giới (S.v,67)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào cự túc giới, cự túc định, cự túc tuệ, cự túc giải thoát, cự túc giải thoát tri kiến, Ta nói rằng ai thấy các Tỷ-kheo ấy thì có rất nhiều lợi ích.

3) Ai nghe các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Ai yết kiến các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Ai thân cận các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Ai nhớ nghĩ đến các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Ai tùy thuận các Tỷ-kheo ấy xuất gia, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích.

4) Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, khi nghe pháp từ các Tỷ-kheo như vậy, vì nào sống viễn ly (vupakattho), được hai sự viễn ly : viễn ly về thân và viễn ly về tâm. Vì sống viễn ly như vậy thì sẽ tùy niêm (anussarati) pháp ấy, tùy tâm pháp ấy.

5) Nay các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sống viễn ly như vậy, tùy niêm, tùy tâm pháp ấy; trong lúc ấy, niêm giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập niêm giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, niêm giác chi đi đến viên mãn. Vì ấy trú với chánh niêm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát, thành tựu quán sát pháp ấy.

6) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chánh niêm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát và đi đến quán sát pháp ấy; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, trach pháp giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập trach pháp giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, trach pháp giác chi đi đến viên mãn. Trong khi vị ấy với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời tinh tấn, không thụ động (asallinam) bắt đầu phát khởi nơi vị ấy.

7) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời tinh tấn, không thụ động bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập tinh tấn giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, tinh tấn giác chi đi đến viên mãn. Với vị tinh cần, tinh tấn, hỷ không liên hệ đến

vật chất (piti niràmisà) khởi lên.

8) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tinh cần, tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên; trong khi ấy, hỷ giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập hỷ giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, hỷ giác chi đi đến viên mãn. Với vị có ý hoan hỷ, thân được khinh an, tâm được khinh an.

9) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với ý hoan hỷ, thân được khinh an, tâm được khinh an; trong khi ấy, khinh an giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập khinh an giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, khinh an giác chi đi đến viên mãn. Với vị có thân khinh an, lạc hiện hữu. Với vị có lạc, tâm được định tĩnh.

10) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thân khinh an, được an lạc, tâm được định tĩnh; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, định giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập định giác chi; trong khi ấy, định giác chi nhờ tu tập, đi đến viên mãn. Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy, khéo trú xả nhìn (sự vật) (sàdhukam ajjhupekkhità).

11) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với tâm định tĩnh, khéo trú xả nhìn (sự vật) như vậy; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, xả giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập xả giác chi; trong khi ấy, xả giác chi nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

12) Nay các Tỷ-kheo, bảy giác chi được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, thời bảy quả, bảy lợi ích được chờ đợi. Thê nào là bảy quả, bảy lợi ích?

13) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức (patihacca) thành tựu được (chánh) trí; nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí, thời khi lâm chung, thành tựu được chánh trí.

14) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được chánh trí, thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn (antaràparinibbàyii).

15) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian bát Niết-bàn, thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Tồn hại (upahacca) Bát-niết-bàn.

16) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không chứng được chánh trí; nếu khi lâm chung, không chứng được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Tồn hại Bát-niết-bàn, thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn (asankhàraparinibbàyii)

17) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu chánh trí; nếu khi lâm chung, không chứng được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn diệt được năm hạ phần kiết sử, không chứng được Tồn hại Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Vô hành Bát-niết-hàn; thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn.

18) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu chánh trí; nếu khi lâm chung, không chứng được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, không chứng được Tồn hại Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Vô hành Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn; thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là bậc

thượng lưu (uddhamsoto), đạt được Sắc cứu cánh thiêng.

19) Nay các Tỷ-kheo, do tu tập bảy giác chi như vậy, do làm cho sung mãn như vậy nên được chờ đợi bảy quả này, bảy lợi ích này.

4.IV. Chuyển (Vatta) (S.v,70)

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi, tại Thắng Lâm, vườn ông Anàthapindika.

2) Tại đây, Tôn giả Sàriputta gọi các Tỷ-kheo:

-- Chu Hiền giả Tỷ-kheo.

-- Thura Hiền giả.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Tôn giả Sàriputta. Tôn giả Sàriputta nói như sau :

3) -- Nay chư Hiền, có bảy giác chi này. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Nay chư Hiền, đó là bảy giác chi này.

4) Đối với bảy giác chi này, nay chư Hiền, đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi sáng, trong giác chi áy, ta an trú vào buổi sáng. Đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi trưa, trong giác chi áy, ta an trú vào buổi trưa. Đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi chiều, trong giác chi áy, ta an trú vào buổi chiều.

5) Nếu là niệm giác chi hiện hữu trong ta, nay chư Hiền, ta rõ biết được giác chi áy là vô lượng trong ta, giác chi áy là khéo phát khởi trong ta, và giác chi áy an trú trong ta, ta rõ biết là có an trú. Nếu giác chi áy từ bỏ ta, ta rõ biết giác chi áy từ bỏ ta vì nhân duyên này.

6-10) ... (như trên, với các giác chi khác) ...

11) Nếu là xả giác chi hiện hữu trong ta, nay chư Hiền, ta rõ biết được giác chi áy là vô lượng trong ta, giác chi áy là khéo phát khởi trong ta, và giác chi áy an trú trong ta, ta rõ biết là có an trú. Nếu giác chi áy từ bỏ ta, ta rõ biết giác chi áy từ bỏ ta vì nhân duyên này.

12) Ví như, nay chư Hiền, hòm áo của vua hay vị đại thần của vua đầy những loại áo có màu sắc sai biệt. Nếu vị ấy muốn mặc loại áo nào vào buổi sáng, vị ấy mặc loại áy vào buổi sáng. Nếu muốn mặc loại áo nào vào buổi trưa, vị ấy mặc loại áo áy vào buổi trưa. Nếu muốn mặc loại áo nào vào buổi chiều, vị ấy mặc loại áo áy vào buổi chiều.

13) Cũng vậy, nay chư Hiền, đối với bảy giác chi này, đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi sáng, trong giác chi áy ta an trú vào buổi sáng. Đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi trưa, trong giác chi áy ta an trú vào buổi trưa. Đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi chiều, ta an trú giác chi áy vào buổi chiều.

14) Nếu là niệm giác chi hiện hữu trong ta, nay chư Hiền, ta rõ biết... (như trên đoạn số 5)

15-19) ... (như trên đoạn số 6-10)

20) Nếu là xả giác chi... (như trên đoạn số 11)

5.V. Vị Tỷ-Kheo (S.v,72)

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến... ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thế Tôn :

-- "Giác chi, giác chi", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là giác chi?

-- Nay Tỷ-kheo, chúng đưa đến giác ngộ, do vậy, chúng được gọi là các giác chi.

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niêm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

4) Do vị áy tu tập bảy giác chi này, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, trí khởi lên : "Ta đã được giải thoát". Vị áy biết rõ : "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

5) Chúng đưa đến giác ngộ, này Tỷ-kheo, nên chúng được gọi là giác chi.

6.VI. Kundaliya (Người đeo vòng tai) (S.v,73)

1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàketa, tại rừng Ancana, vườn Lộc Uyển.

2) Rồi du sĩ Kundaliya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Kundaliya bạch Thế Tôn :

3) -- Thưa Tôn giả Gotama, tôi sống gần khu vườn, giao du với hội chúng. Sau khi ăn buổi sáng xong, thưa Tôn giả Gotama, như sau là sở hành (àcàra) của tôi. Tôi bộ hành, tôi du hành, từ khóm vườn này qua khóm vườn khác, từ khu vườn này qua khu vườn khác. Tại đây, tôi thấy một số Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về lợi ích thoát ly các tranh luận (itivàdapamokkànisansam) và lợi ích cật vắn (upàramabhànisansam). Còn Tôn giả Gotama sống có lợi ích gì?

-- Nay Kundaliya, Như Lai có quả lợi ích của mình và giải thoát (vijjàvimuttiphalà-nisamsam).

4) -- Nhưng thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tập, được làm cho sung mãn khiến cho mình và giải thoát được viên mãn?

-- Nay Kundaliya, bảy giác chi được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho mình và giải thoát được viên mãn.

5) -- Nhưng thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho bảy giác chi được viên mãn?

-- Nay Kundaliya, bốn niệm xứ được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho bảy giác chi được viên mãn.

6) --Nhưng thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn?

--Này Kundaliya, ba thiện hành (sucaritāni) được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn.

7) --Nhưng thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho ba thiện hành được viên mãn?

--Này Kundaliya, hộ trì căn được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho ba thiện hành được viên mãn. Nhưng này Kundaliya, hộ trì căn tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho ba thiện hành được viên mãn?

8) Ở đây, này Kundaliya, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc khả ý không có tham trước, không có hoan hỷ, không để tham dục (rāga) khởi lên. Thân của vị ấy được an trú, tâm an trú, nội phần khéo an trú, khéo giải thoát. Và khi mắt thấy sắc không khả ý, không có tuyệt vọng (manku), tâm không có dao động, ý không có chán nản (àdinamàṇasō), tâm không có tức tối (avyāpānnacetasō). Thân của vị ấy được an trú, tâm được an trú, nội phần khéo an trú, khéo giải thoát.

9-12) Lại nữa, này Kundaliya, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc...

13) Lại nữa, này Kundaliya, Tỷ-kheo khi ý biết pháp khả ý, không tham trước, không có hoan hỷ, không để tham dục khởi lên. Thân của vị ấy được an trú, tâm an trú, nội phần khéo an trú, khéo giải thoát. Và Tỷ-kheo khi ý biết pháp không khả ý, không có tuyệt vọng, tâm không có dao động, ý không có chán nản, tâm không có tức tối. Thân của vị ấy được an trú, tâm được an trú, nội phần khéo an trú, khéo giải thoát.

14) Ngày Kundaliya, khi nào Tỷ-kheo, mắt thấy sắc, đối với sắc khả ý hay không khả ý, thân được an trú, tâm được an trú, nội phần được khéo an trú, khéo giải thoát... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết pháp, đối với các pháp khả ý hay không khả ý, thân được an trú, tâm được an trú, nội phần được khéo an trú, khéo giải thoát. Ngày Kundaliya, hộ trì căn được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho ba thiện hành được viên mãn.

15) Và ngày Kundaliya, ba thiện hành được tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn? Ở đây, này Kundaliya, Tỷ-kheo đoạn tận thân ác hành, tu tập thân thiện hành; đoạn tận khẩu ác hành, tu tập khẩu thiện hành; đoạn tận ý ác hành, tu tập ý thiện hành. Ngày Kundaliya, ba thiện hành được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn.

16) Và ngày Kundaliya, bốn niệm xứ được tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho bảy giác chi được viên mãn? Ở đây, này Kundaliya, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời, quán thọ trên các thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Ngày Kundaliya, bốn niệm xứ được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy khiến cho bảy giác chi được viên mãn.

17) Và ngày Kundaliya, bảy giác chi được tu tập như thế nào, được làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho minh và giải thoát được viên mãn? Ở đây, này Kundaliya, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Ngày Kundaliya, bảy giác chi được tu tập

như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho minh và giải thoát được viên mãn.

18) Khi được nói vậy, du sĩ Kundaliya bạch Thέ Tôn :

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama... từ nay cho đến trọn đời con xin quy ngưỡng.

7. VII Nóc Nhà (S. v, 75)

1-2) ...

3) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, các cây đà, cây kèo của ngôi nhà có nóc nhọn; tất cả cây đà, cây kèo áy đều thiên về nóc nhọn, hướng về nóc nhọn, xuôi về nóc nhọn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

4) Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi như thế nào, làm cho sung mãn bảy giác chi như thế nào, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; tu tập trach pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

8.VIII. Upavàna (S.v,76)

1) Một thời Tôn giả Upavàna và Tôn giả Sàriputta sống ở Kosambi, tại vườn Ghosita.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Upavàna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Upavàna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Upavàna.

3)-- Thưa Hiền giả Upavàna, Tỷ-kheo có thể biết được chẳng, do tự mình như lý tác ý, bảy giác chi được khéo an trú trong ta, đưa đến lạc trú?

4) -- Thưa Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo có thể biết được, do tự mình như lý tác ý, bảy giác chi được khéo bắt đầu trong ta, đưa đến lạc trú. Thưa Hiền giả, Tỷ-kheo chỉ bắt đầu niệm giác chi, biết được : "Tâm ta được khéo giải thoát. Hôn trầm thụy miên trong ta được khéo nhổ sạch. Trạo hối trong ta được khéo điều phục. Tinh tấn đã bắt đầu trong ta. Lấy giác chi ấy làm đối tượng (atthikatvà), ta dụng tâm tác ý. Giác chi ấy không có thối thất (linàm)"... Thưa Hiền giả, Tỷ-kheo chỉ bắt đầu xả giác chi, biết được : "Tâm ta được khéo giải thoát. Hôn trầm thụy miên trong ta được khéo nhổ sạch. Trạo hối trong ta được khéo điều phục. Tinh tấn đã bắt đầu trong ta. Lấy giác chi ấy làm đối tượng, ta dụng tâm tác ý. Giác chi ấy không có thối thất". Cũng vậy, thưa Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo có thể biết được, do tự mình như lý tác ý, bảy giác chi được khéo an trú trong ta, đưa đến lạc trú.

9.IX. Sanh (1) (S.v,77)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bảy giác chi này chưa khởi lên, nếu được tu tập, làm cho sung mãn, có thể khởi lên. Nhưng không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nào là bảy?

3) Niệm giác chi... xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, bảy giác chi này chưa khởi lên, nếu được tu tập, làm cho sung mãn, có thể khởi lên. Nhưng không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác.

10.X. Sanh (2) (S.v,77)

1) ...

2) -- Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, chưa khởi lên, nếu được tu tập, làm cho sung mãn, có thể khởi lên. Nhưng không thể không có giới luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là bảy?

3) Niệm giác chi... xả giác chi. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, chưa khởi lên, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, có thể khởi lên. Nhưng không thể không có giới luật của bậc Thiện Thệ.

II. Phẩm Về Bệnh

11.I. Sanh Loại (S.v,78)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, có những loại hữu tình (pàna) theo bốn cử chỉ, khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm. Tất cả những sanh loại ấy y cứ vào đất, an trú vào đất; mà thực hiện bốn cử chỉ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

3) Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

12.II. Ví Dụ Mặt Trời (1) (S.v,78)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước mặt trời sắp mọc, tức rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước bảy giác chi sanh khởi, tức là làm bạn với thiện. Tỷ-kheo làm bạn với thiện, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng : bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

13.III. Ví Dụ Mặt Trời (2) (S.v,79)

1) ...

2) Ví như, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước mặt trời sắp mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước bảy giác chi sanh khởi, tức là như lý tác ý. Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng: bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn.

3) Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo như lý tác ý, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

14.IV. Bệnh (1) (S.v,79)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Vương Xá, rừng Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Kassapa trú ở hang Pippali, bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh.

3) Rồi Thé Tôn, vào buổi chiều, từ Thiên tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahà Kassapa; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

4) Ngồi xuống, Thé Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa :

-- Này Kassapa, Ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng? Có phải khổ tho giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có triệu chứng giảm thiểu, không có tăng trưởng?

-- Bạch Thé Tôn, con không thể kham nhẫn, con không thể chịu đựng. Khổ tho kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có giảm thiểu. Có triệu chứng tăng trưởng, không có giảm thiểu.

5) -- Này Kassapa, bảy giác chi này do Ta chọn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thé nào là bảy? Niệm giác chi, này Kassapa, do Ta chọn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn... Xả giác chi, này Kassapa, do Ta chọn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Bảy giác chi này, này Kassapa, do Ta chọn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

-- Thật vậy, bạch Thé Tôn, chúng là giác chi. Thật vậy, bạch Thiên Thệ, chúng là giác chi.

6) Thé Tôn thuyết như vậy, Tôn giả Mahà Kassapa hoan hỷ tín thọ lời Thé Tôn dạy. Và Tôn giả Mahà Kassapa được thoát khỏi bệnh ấy. Bệnh ấy của Tôn giả Mahà Kassapa được đoạn tận như vậy.

15.V. Bệnh (2) (S.v,80)

1-6) (Hoàn toàn giống kinh trên, chỉ khác đây là trường hợp ngài Mahà Moggalàna).

16.VI. Bệnh (3) (S.v,81)

1) Một thời Thé Tôn ở Vương Xá, rừng Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Thé Tôn bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh.

3) Rồi Tôn giả Mahà Cunda đi đến Thé Tôn, sau khi đến, đánh lě Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên.

4) Thé Tôn nói với Tôn giả Mahà Cunda đang ngồi một bên :

-- Nay Cunda, hãy thuyết về giác chi.

5) -- Bạch Thé Tôn, có bảy giác chi này do Thé Tôn chọn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bảy? Bạch Thé Tôn, niêm giác chi do Thé Tôn chọn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn... Bạch Thé Tôn, xá giác chi do Thé Tôn chọn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Bạch Thé Tôn, bảy giác chi này do Thé Tôn chọn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

-- Thật vậy, này Cunda, chúng là giác chi. Thật vậy, này Cunda, chúng là giác chi.

6) Tôn giả Mahà Cunda thuyết như vậy, bậc Đạo Sư chấp nhận. Và Thé Tôn thoát khỏi bệnh áy. Bệnh áy của Thé Tôn được đoạn tận như vậy. (Kinh Hán Tạng: Tăng, Đại 2,73la)

17.VII. Đến Bờ Bên Kia Hay Không Có Hơn Nữa (S.v,81)

1) ...

2) -- Có bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia. Thế nào là bảy? Niêm giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia... Xá giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia.

3) Thé Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

1) *Ít thay là những người,
Qua được bờ bên kia,
Phản lớn quần chúng khác,
Chạy qua lại bờ này.*

2) *Những ai khéo thuyết giảng,
Chánh pháp khéo tuyên thuyết,
Họ đến bờ bên kia,
Khéo vượt cảnh Ma giới.*

3) *Đoạn tận các hắc pháp,
Bậc trí tu bạch pháp,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Trong độc cư an lạc.*

4) *Ở đây muốn hưởng lạc,
Hãy bỏ mọi dục vọng,
Bậc trí tự thanh lọc,
Tự tâm khởi phiền não.*

5) *Những ai khéo tu tập,
Chánh tâm trong giác chi,
Tù bỏ các chấp trước,
Hoan hỷ, không chấp thủ,
Lại hoặc tận, chói sáng,
Đạt tịch tịnh ở đồi.*

18.VIII. Thối Thất (Virdddha) hay Tân Tu (Aradda) (S.v,82)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, những ai thối thất bảy giác chi thì cũng thối thất Thánh đạo Tám ngành đưa đến tận diệt khổ. Nay các Tỷ-kheo, những ai tấn tu bảy giác chi thì cũng tấn tu Thánh đạo Tám ngành đưa đến tận diệt khổ. Thế nào là bảy? Niệm giác chi,... xả giác chi.

3) Nay các Tỷ-kheo, những ai thối thất hay tấn tu bảy giác chi thì cũng thối thất hay tấn tu Thánh đạo Tám ngành đưa đến tận diệt khổ.

19.IX. Thánh (S.v,82)

1) ...

2) -- Bảy giác chi này, nay các Tỷ-kheo, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, thì sẽ thành những thánh dẫn độ. (Niyyānikà : Đưa đến giải thoát), dắt dẫn người sở hành chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi... Bảy giác chi này, nay các Tỷ-kheo, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, thì sẽ thành những thánh dẫn độ, dắt dẫn người sở hành chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

20.X. Nhàm Chán (S.v,82)

1) ...

2) -- Có bảy giác chi này, nay các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi... Bảy giác chi này, nay các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

III. Phẩm Udāyi

21.I. Giác (Bodhanà) (S.v,83)

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến... rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thế Tôn:

-- "Giác chi, giác chi", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là giác chi?

-- Đưa đến giác ngộ, này Tỷ-kheo, nên được gọi là giác chi.

4) Ở đây, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Đưa đến giác ngộ, này Tỷ-kheo, cho nên được gọi là giác chi.

22.II. Thuyết Giảng (Tập 26,17 Đại 2, 196a) (S.v,83)

1) ...

2)-- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về bảy giác chi. Hãy lắng nghe. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là bảy giác chi? Niệm giác chi... xả giác chi. Nay các Tỷ-kheo, có bảy giác chi này.

23.III. Trú Xứ (Thànà) (Tập 26,71 Đại 2, 190b) (S.v,84)

1) ...

2) -- Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho dục và tham (kàmaràga), này các Tỷ-kheo, nên dục tham (kamacchanda) chưa sanh được sanh khởi; và dục tham đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

3) Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho sân, này các Tỷ-kheo, nên sân chưa sanh được sanh khởi; và sân đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

4) Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo, nên hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; và hôn trầm thụy miên đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

5) Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho trạo hối, này các Tỷ-kheo, nên trạo hối chưa sanh được sanh khởi; và trạo hối đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

6) Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho nghi hoặc, này các Tỷ-kheo, nên nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

7) Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, nên niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

8) Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho xả giác chi, này các Tỷ-kheo, nên xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; và xả giác chi đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

24.IV. Phi Như Lý (Ayoniso) (Tập 27, 14 Đại 2, 195b) (S.v,84)

1) ...

2)-- Do phi như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, dục tham (kamacchanda) chưa sanh được sanh khởi; và dục tham đã sanh khởi đi đến tăng trưởng, quảng đại.

3) ... sân chưa sanh được sanh khởi; và sân đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

4) ... hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; và hôn trầm thụy miên đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

- 5) ... trạo hối chưa sanh được sanh khởi; và trạo hối đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.
- 6) ... nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.
- 7) ... và niệm giác chi chưa sanh không sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh bị đoạn diệt... xả giác chi chưa sanh không sanh khởi; và xả giác chi đã sanh bị đoạn diệt.
- 8) ... Và này các Tỷ-kheo, nếu như lý tác ý, dục tham chưa sanh không thể sanh khởi; và dục tham đã sanh bị đoạn tận.
- 9) ... sân chưa sanh không thể sanh khởi; và sân đã sanh bị đoạn tận.
- 10) ... hôn trầm thụy miên chưa sanh không thể sanh khởi; và hôn trầm thụy miên đã sanh bị đoạn tận.
- 11) ... trạo hối chưa sanh không thể sanh khởi; và trạo hối đã sanh bị đoạn tận.
- 12) ... nghi hoặc chưa sanh không thể sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh bị đoạn tận.
- 13) ... Do như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh, nhờ tu tập, đi đến viên mãn... xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; và xả giác chi đã sanh, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

25.V.Không Tốn Giảm (Aparihàni) (1) (S.v,85)

- 1) ...
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về bảy pháp không tốn giảm. Hãy lắng nghe.
- 3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy pháp không tốn giảm? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Nay các Tỷ-kheo, những pháp này là bảy pháp không tốn giảm.

26.VI. Đoạn Tận (Khaya) (S.v,86)

- 1) ...
- 2) -- Con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến đoạn tận khát ái, hãy tu tập con đường ấy, đạo lộ ấy.
- 3) Và con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến đoạn tận khát ái? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi.
- 4) Khi được nói vậy, Tôn giả Udàyi bạch Thê Tôn :
- Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, bạch Thê Tôn, bảy giác chi đưa đến đoạn tận khát ái?
- 5) -- Ở đây, này Udàyi, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân. Đối với vị tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân thì khát ái được đoạn tận. Do khát ái được đoạn tận nên nghiệp được đoạn tận. Do nghiệp

được đoạn tận nên khổ được đoạn tận.

6-11) ... trạch pháp giác chi... tinh tấn giác chi... hý giác chi... khinh an giác chi... định giác chi...

12) Ở đây, Tỷ-kheo tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân. Đối với vị tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân thì khát ái được đoạn tận. Do khát ái được đoạn tận nên nghiệp được đoạn tận. Do nghiệp được đoạn tận nên khổ được đoạn tận.

13) Như vậy, này Udāyi, do khát ái đoạn tận nên nghiệp đoạn tận. Do nghiệp đoạn tận nên khổ đoạn tận.

27.VII. Đoạn Diệt (Tập 27, 18 Đại 2, 196a) (S.v,87)

1) ...

2) -- Con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến đoạn diệt khát ái, hãy tu tập con đường ấy, đạo lộ ấy.

3) Và này các Tỷ-kheo, con đường nào, đạo lộ nào đưa đến đoạn diệt khát ái? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi.

4) Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi đưa đến đoạn diệt khát ái?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ,... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi đưa đến đoạn diệt khát ái.

28.VIII. Thế Nhập (Nibbedha). (S.v,87)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông con đường thế nhập phần (nibbedhabhàgiyam). Hãy lắng nghe.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thế nhập phần? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi.

4) Khi nghe nói vậy, Tôn giả Udāyi bạch Thé Tôn :

-- Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, bạch Thé Tôn, bảy giác chi đưa đến thế nhập?

5) -- Ở đây, này Udāyi, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân. Vị ấy nhở tâm tu tập niệm giác chi, đâm thủng được (nibbijjhati), phá vỡ được (padàleti) tham uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được, phá vỡ được sân uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được, phá vỡ được si uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng,

từ trước chưa từng bị phá vỡ... Tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân. Vị ấy nhờ tâm tu tập xả giác chi, đâm thủng được, phá vỡ được tham uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được, phá vỡ được sân uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được, phá vỡ được si uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ.

6) Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này Udāyi, bảy giác chi đưa đến thể nhập.

29.IX. Một Pháp (S.v,88)

1) ...

2) -- Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử. Đó chính là bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi.

3) Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niêm giác chi liên hệ đến viễn ly,... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp có khả năng sanh kiết sử? Mắt, này các Tỷ-kheo, là pháp có khả năng sanh kiết sử. Ở đây, khởi lên các tham trước (ajjhosanà), sai sứ, trói buộc (samyojanavinibandhà) ... Ý là pháp có khả năng sanh kiết sử. Ở đây, khởi lên các tham trước, sai sứ, trói buộc.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là các pháp có khả năng sanh kiết sử.

30.X. Udāyi (S.v,89)

1) Một thời Thé Tôn trú ở giữa những người Sumbha, tại một thị trấn của những người Sumbha tên là Setaka.

2) Rồi Tôn giả Udāyi, đi đến Thé Tôn... ngồi xuống một bên, Tôn giả Udāyi bạch Thé Tôn :

3) -- Thật vi diệu thay, bạch Thé Tôn ! Thật hy hữu thay, bạch Thé Tôn ! Xúc động nhiều thay (bahukatam), bạch Thé Tôn, là lòng ái mộ, tôn kính, lòng tàm và quí của con đối với Thé Tôn. Bạch Thé Tôn, trước khi con còn là người tại gia, con không có nhiều xúc động (bahukata) đối với Pháp, không có nhiều xúc động đối với Tăng. Nhưng, bạch Thé Tôn, khi con cảm thấy (sampassamàno) lòng ái mộ, tôn kính, lòng tàm và quí đối với Thé Tôn, thời con xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và Thé Tôn thuyết pháp cho con : "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt, đây là con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt... Đây là thíc, đây là thíc tập khởi, đây là thíc đoạn diệt, đây là con đường đưa đến thíc đoạn diệt".

4) Rồi, bạch Thé Tôn, con đi đến chỗ nhà trống, và trong khi tùy quán (samparivattento) theo sự sanh diệt của năm thủ uẩn này, con như thật thắng tri : "Đây là khổ". Con như thật thắng tri: "Đây là khổ tập khởi". Con như thật thắng tri: "Đây là khổ diệt". Con như thật thắng tri : "Đây là con đường đưa đến khổ diệt".

5) Pháp, bạch Thέ Tôn, được con hoàn toàn chứng tri (abhisamito). Con đường được con chứng đắc, con đường này được tu tập, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con, với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đắc như vậy (tathattaya). Nhờ vậy, con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Bạch Thέ Tôn, con chứng được niêm giác chi. Niệm này được tu tập, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con, với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đắc như vậy. Nhờ vậy, con sẽ rõ biết được rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"... Con chứng được, bạch Thέ Tôn, xả giác chi. Xả này được tu tập, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con, với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đắc như vậy. Nhờ vậy, con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Bạch Thέ Tôn, con đường này được con chứng đắc, con đường này được tu tập, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con, với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đắc như vậy. Nhờ vậy, con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

6) -- Lành thay, lành thay, này Udāyi ! Con đường này, này Udāyi, Ông chứng được, con đường này được tu tập, được làm cho sung mãn sẽ dắt dẫn Ông, với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đắc như vậy. Nhờ vậy, Ông sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

IV. Phẩm Triền Cái

31.I.Thiện (1) (S.v,91)

1) ...

2) -- Phàm có những pháp nào, này các Tỷ-kheo, dự phần về thiện và bất thiện, nhưng thuộc về phần thiện, tất cả những pháp ấy lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ; không phóng dật được gọi là tối thượng đối với những pháp ấy.

3) VỚI TỶ-KHEO KHÔNG PHÓNG DẬT NÀY, NÀY CÁC TỶ-KHEO, ĐƯỢC CHỜ ĐỢI RẰNG BẨY GIÁC CHI SẼ ĐƯỢC TU TẬP, BẨY GIÁC CHI SẼ ĐƯỢC LÀM CHO SUNG MÃN. VÀ NHƯ THẾ NÀO, NÀY CÁC TỶ-KHEO, TỶ-KHEO KHÔNG PHÓNG DẬT TU TẬP BẨY GIÁC CHI, LÀM CHO SUNG MÃN BẨY GIÁC CHI?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niêm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật tu tập bẩy giác chi, làm cho sung mãn bẩy giác chi.

32.II. Thiện (2) (S.v,91)

1) ...

2) -- Phàm có những pháp nào, này các Tỷ-kheo, dự phần về thiện và bất thiện, nhưng thuộc về phần thiện, tất cả những pháp ấy lấy như lý tác ý làm căn bản, lấy như lý tác ý làm chỗ quy tụ; như lý tác ý được gọi là tối thượng đối với những pháp ấy.

3) VỚI TỶ-KHEO THÀNH TỰU NHƯ LÝ TÁC Ý NÀY, NÀY CÁC TỶ-KHEO, ĐƯỢC CHỜ ĐỢI RẰNG BẨY GIÁC CHI SẼ ĐƯỢC TU TẬP, SẼ ĐƯỢC LÀM CHO SUNG MÃN. VÀ NHƯ THẾ NÀO, NÀY CÁC TỶ-KHEO, TỶ-KHEO THÀNH TỰU NHƯ LÝ TÁC Ý, TU TẬP BẨY GIÁC CHI, LÀM CHO SUNG MÃN BẨY GIÁC CHI?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niêm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập bẩy giác chi, làm cho sung mãn bẩy giác chi.

33.III. Câu Ué (1) (S.v,92)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo có năm câu ué này đối với vàng. Do những câu ué ấy, vàng bị ué nhiễm, không có nhu nhuyễn, không có kham nhãm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn (pabhangu), và không chân chánh chịu sử dụng.

3) Sắt, nay các Tỷ-kheo, là câu ué của vàng. Do câu ué ấy, vàng bị ué nhiễm... chịu sử dụng.

4) Đồng (loham), nay các Tỷ-kheo, là câu ué của vàng. Do câu ué ấy, vàng bị ué nhiễm... chịu sử dụng.

5) Thiếc (tipu), nay các Tỷ-kheo, là câu ué của vàng. Do câu ué ấy, vàng bị ué nhiễm...

6) Chì (siisam), nay các Tỷ-kheo, là câu ué của vàng. Do câu ué ấy, vàng bị ué nhiễm...

7) Bạc (sajjhum), nay các Tỷ-kheo, là câu ué của vàng. Do câu ué ấy, vàng bị ué nhiễm, không có nhu nhuyễn, không có kham nhãm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, và không chân chánh chịu sử dụng.

8) Chính câu ué của vàng, nay các Tỷ-kheo, do những câu ué ấy, vàng bị ué nhiễm, không có nhu nhuyễn, không có kham nhãm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, và không chân chánh chịu sử dụng. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, có năm câu ué này của tâm, chính những câu ué ấy khiến tâm bị ué nhiễm, không có nhu nhuyễn, không có kham nhãm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, không chân chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm?

9) Dục tham (kàmachanda), nay các Tỷ-kheo, là câu ué của tâm. Do câu ué ấy, tâm bị ué nhiễm, không có nhu nhuyễn, không có kham nhãm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, không chân chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc.

10-13) ... (Với sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi)

14) Những pháp này, nay các Tỷ-kheo, là năm câu ué của tâm. Chính do những câu ué ấy, tâm không có nhu nhuyễn, không có kham nhãm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, và không chân chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc.

34.IV. Các Câu Ué (2) (Tập 26,67, Đại 2,189b) (S.v,93)

1) ...

2)-- Nay các Tỷ-kheo, có bảy giác chi này không chướng ngại, không triền cái, không ué nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát. Thế nào là bảy?

3) Có niêm giác chi, nay các Tỷ-kheo, không chướng ngại, không triền cái, không ué nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát... Xả giác chi không chướng ngại, không triền cái, không ué nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát.

4) Nay các Tỷ-kheo, có bảy giác chi này không chướng ngại, không triền cái, không ué nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát.

35.V.Như Lý (1) (S.v,93)

1) ...

2) -- Do phi như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, dục tham (kàmacchando) chưa sanh được sanh khởi; và dục tham đã sanh đưa đến tăng trưởng, quang đại.

3) ... sân chưa sanh được sanh khởi; và sân đã sanh đưa đến tăng trưởng, quang đại.

4) ... hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; và hôn trầm thụy miên đã sanh đưa đến tăng trưởng, quang đại.

5) ... trạo hối chưa sanh được sanh khởi; và trạo hối đã sanh đưa đến tăng trưởng, quang đại.

6) Và này các Tỷ-kheo, do phi như lý tác ý, nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh đưa đến tăng trưởng, quang đại.

36.VI. Như Lý (2) (S.v,94)

1) ...

2) -- Do như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh, nhờ tu tập, đi đến viên mãn... xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; và xả giác chi đã sanh, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

37.VII. Tăng Trưởng Hay Không Giảm Thiểu (Tạp 26,67, Đại 2, 189b) (S.v,94)

1) ...

2)-- Có bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến tăng trưởng, không đưa đến giảm thiểu. Thế nào là bảy?

3) Niệm giác chi... Xả giác chi.

4) Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến tăng trưởng, không đưa đến giảm thiểu.

38.VIII. Chướng Ngại, Triền Cái (Tạp 26, 69, Đại 2, 189c) (S.v,94)

1) ...

2) -- Có năm chướng ngại, triền cái, này các Tỷ-kheo, làm uế nhiễm tâm, làm yếu ót trí tuệ. Thế nào là năm?

3) Dục tham, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, làm uế nhiễm tâm, làm yếu ót trí tuệ. Sân, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái... Hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái... Trạo hối, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái... Nghi hoặc, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, làm uế nhiễm tâm, làm yếu ót trí tuệ.

4) Năm chướng ngại, triền cái này, này các Tỷ-kheo, làm uế nhiễm tâm và làm yếu ót trí tuệ.

5) Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát. Thế nào là bảy?

6) Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát... Xá giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát.

7) Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát.

8) Trong khi, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử lấy pháp làm đối tượng (atthim katvà) tác ý, tập trung tất cả tâm ý (sabbacetaso sammannàharitvà), lắng tai nghe pháp; trong khi ấy, năm triền cái không có hiện hữu trong vị ấy. Và bảy giác chi, trong khi ấy, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

9) Năm triền cái nào, trong khi ấy, không có hiện hữu? Dục tham triền cái, trong khi ấy, không có hiện hữu. Sân triền cái... Hôn trầm thụy miên triền cái... Trạo hối triền cái... Nghi hoặc triền cái, trong khi ấy, không có hiện hữu. Năm triền cái, trong khi ấy, không có hiện hữu trong vị ấy.

10) Bảy giác chi nào, trong khi ấy, nhờ tu tập, đi đến viên mãn? Niệm giác chi, trong khi ấy, nhờ tu tập, đi đến viên mãn... Xá giác chi, trong khi ấy, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

11) Trong khi, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử lấy pháp làm đối tượng tác ý, tập trung tất cả tâm ý, lắng tai nghe pháp; trong khi ấy, năm triền cái không có hiện hữu trong vị ấy. Bảy giác chi này, trong khi ấy, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

39.IX. Cây (Tập 26,70, Đại 2, 190a) (S.v,96)

1) ...

2) -- Có những cây lớn, này các Tỷ-kheo, sanh từ hột giống nhỏ, có thân cây lớn, lớn lên bao trùm các cây khác. Các cây ấy bị bao trùm, bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống.

3) Và này các Tỷ-kheo, những cây lớn nào sanh từ hột giống nhỏ, có thân cây lớn, lớn lên bao trùm các cây khác, các cây ấy bị bao trùm, bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống. Ví như cây Bồ-đề, cây bàng, cây sanh (pilakka), cây sung (udumbara), cây bách hương (kacchaka), cây kapitthaka; những cây lớn này, này các Tỷ-kheo, sanh từ hột giống nhỏ, có thân cây lớn, lớn lên bao trùm các cây khác. Các cây ấy bị bao trùm, bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có thiện nam tử đoạn trừ các dục vọng, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhưng bị những dục vọng ấy, hay bị những dục vọng tệ hại hơn làm cho người ấy bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống.

5) Năm chướng ngại, triền cái này, này các Tỷ-kheo, bao trùm tâm, làm cho yếu ót trí tuệ. Thế nào là năm? Dục tham (kamacchanda), này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm, làm cho yếu ót trí tuệ. Sân, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm, làm cho yếu ót trí tuệ. Hôn trầm thụy miên... Trạo hối... Nghi hoặc, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm, làm cho yếu ót trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, năm chướng ngại, triền cái này bao trùm tâm và làm cho yếu ót trí tuệ.

6) Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không bao trùm tâm, được

tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không bao trùm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát... Xả giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không bao trùm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không bao trùm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát.

40.X. Triền Cái (Tập 26, 68, Đại 2, 189c) (S.v,97)

1) ...

2) -- Năm triền cái này, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tồn hại, không đưa đến Niết-bàn. Thế nào là năm? Dục tham triền cái, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tồn hại, không đưa đến Niết-bàn. Sân triền cái... Hôn trầm thụy miên triền cái... Trạo hối triền cái... Nghi hoặc triền cái, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tồn hại, không đưa đến Niết-bàn. Năm triền cái này, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tồn hại, không đưa đến Niết-bàn.

3) Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tồn hại, đưa đến Niết-bàn. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tồn hại, đưa đến Niết-bàn. Trạch pháp... Tinh tấn... Hỷ... Khinh an... Định... Xả giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tồn hại, đưa đến Niết-bàn. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tồn hại, đưa đến Niết-bàn.

V. Phẩm Chuyển Luân

41.I. Các Kiêu Mạn (Vidhà) (Tập 27, 19, Đại 2, 196a) (S.v,98)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời quá khứ, đã đoạn tận ba kiêu mạn (vidhà); tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong tương lai, sẽ đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời hiện tại, đoạn tận ba kiêu mạn này; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi này.

3) Thế nào là bảy giác chi? Niệm giác chi... Xả giác chi.

4) Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời quá khứ, đã đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi này.

42.II. Chuyển Luân (Tập 27, 10. Đại 2, 194a) (S.v,99)

1) ...

2) -- Cùng với sự xuất hiện của vua Chuyển luân, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của bảy báu. Thế nào là bảy?

3) Sự xuất hiện của bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, sự xuất hiện của tướng quân báu. Cùng với sự xuất hiện của vua Chuyển luân, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của bảy báu này.

4) Cùng với sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của bảy báu giác chi. Thế nào là bảy?

5) Niệm giác chi báu xuất hiện... Xả giác chi báu xuất hiện. Cùng với sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của bảy giác chi báu này.

43.III. Màra (S.v,99)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông con đường đưa đến chinh phục Ma quân. Hãy lắng nghe.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến chinh phục Ma quân? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... Xả giác chi. Đây là con đường, này các Tỷ-kheo, đưa đến chinh phục Ma quân.

44.IV. Liệt Tuệ (Duppanna) (S.v,99)

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến... ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn :

3) -- "Kẻ liệt tuệ ngu đần, kẻ liệt tuệ ngu đần", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là liệt tuệ ngu đần?

4) -- Do bảy giác chi không được tu tập, không được làm cho sung mãn, này Tỷ-kheo, nên được gọi là liệt tuệ ngu đần. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... Xả giác chi.

5) Nay các Tỷ-kheo, chính do bảy giác chi này không được tu tập, không được làm cho sung mãn, nên được gọi là liệt tuệ ngu đần.

45.V. Có Trí Tuệ (S.v,100)

1-2) ...

3) -- "Có trí tuệ không ngu đần, có trí tuệ không ngu đần", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là có trí tuệ không ngu đần?

4) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, được gọi là có trí tuệ không ngu đần. Thế nào là bảy giác chi này? Niệm giác chi... Xả giác chi.

5) Do tu tập, do làm cho sung mãn bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được gọi là có trí tuệ không ngu đần.

46.VI. Bàn Cùng (Daliddo) (S.v,100)

1-2) ...

3) -- "Bần cùng, bần cùng", bạch Thέ Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thέ Tôn, được gọi là bần cùng?

4) -- Do không tu tập, do không làm cho sung mãn bảy giác chi, nên được gọi là bần cùng. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... Xả giác chi.

5) Do không tu tập, không làm cho sung mãn bảy giác chi này, này Tỷ-kheo, được gọi là bần cùng.

47.VII. Không Bần Cùng (S.v,100)

1-2) ...

3) -- "Không bần cùng, không bần cùng", bạch Thέ Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thέ Tôn, được gọi là không bần cùng?

4) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn bảy giác chi, này Tỷ-kheo, được gọi là không bần cùng. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... Xả giác chi.

5) Chính do tu tập, làm cho sung mãn bảy giác chi này nên được gọi là không bần cùng.

48.VIII. Mặt Trời (S.v,101)

1) ...

2) -- Cái này là điềm đi trước, này các Tỷ-kheo, cái này là tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, cái này là tướng báo trước bảy giác chi sanh khởi, tức là làm bạn với thiện (kalyànamittatà).

3) Tỷ-kheo làm bạn với thiện, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện, được tu tập bảy giác chi, được làm cho sung mãn bảy giác chi?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

49.IX. Chi Phàn (1) (Tập 27, 20, Đại 2, 196a) (S.v,101)

1) ...

2) -- Sau khi làm thành nội chi phàn, này các Tỷ-kheo, Ta không quán thấy một phần nào khác khiến bảy giác chi được sanh khởi, này các Tỷ-kheo, thành phần ấy tức là như lý tác ý.

3) Với Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng bảy giác chi được tu tập, được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ

đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

50.X. Chi Phần (2) (S.v,102)

1) ...

2) -- Sau khi làm thành ngoại chi phần, này các Tỷ-kheo, Ta không quán thấy một chi phần nào khác khiến bảy giác chi được sanh khởi, này các Tỷ-kheo, chi phần áy túc làm bạn với thiện.

3) VỚI TỶ-KHEO LÀM BẠN VỚI THIỆN, NÀY CÁC TỶ-KHEO, ĐƯỢC CHỜ ĐỢI RẰNG Bảy giác chi ĐƯỢC TU TẬP, ĐƯỢC LÀM CHO SUNG MÃN. VÀ NÀY CÁC TỶ-KHEO, THẾ NÀO LÀ TỶ-KHEO LÀM BẠN VỚI THIỆN, TU TẬP Bảy giác chi, LÀM CHO SUNG MÃN Bảy giác chi?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

VI. Phẩm Tổng Nhiếp Giác Chi

1) Tất cả nhân duyên ở Sàvatthi...

51.I. Đồ Ăn (Tập 27, 4, Đại 2, 192a) (S.v,102)

1) ...

2) -- Ta sẽ giảng cho các Ông, này các Tỷ-kheo, các món ăn và không phải món ăn của năm triền cái và bảy giác chi. Hãy lắng nghe.

I. Món Ăn Của Các Triền Cái

1-2) ...

3) -- Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho dục tham (kamacchanda) chưa sanh được sanh khởi; hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có tịnh tướng, này các Tỷ-kheo. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho dục tham chưa sanh được sanh khởi, hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

4) Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có chướng ngại tướng (patighanimittam), này các Tỷ-kheo. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi, hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

5) Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho hờn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay hờn trầm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Không hân hoan, biếng nhác, chán nản, ăn quá no, tâm uể oải. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho

hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi, hay hôn trầm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

6) Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiên cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi, hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có tâm chưa được chỉ tịnh, này các Tỷ-kheo. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi, hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

7) Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiên cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có các pháp trú xứ của nghi hoặc. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

II. Món Ăn Cho Các Giác Chi

8) -- Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiên cho niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Nay các Tỷ-kheo, có các pháp trú xứ cho niệm giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn.

9) Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiên cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Có những pháp thiện và bất thiện, này các Tỷ-kheo, có những pháp có tội và không có tội, có những pháp liệt và thăng, có những pháp dự phân đen và trắng. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

10) Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiên cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Có phát cần giới, này các Tỷ-kheo, tinh cần giới, dỗng mãnh giới. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

11) Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiên cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có những pháp trú xứ cho hỷ giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

12) Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiên cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Nay các Tỷ-kheo, có thân khinh an, tâm khinh an. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

13) Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiên cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Nay các Tỷ-kheo, có tịnh chỉ tướng, bất loạn tướng. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

14) Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiên cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay xả giác

chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các pháp trú xứ cho xả giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

III. Không Phải Món Ăn Cho Các Triền Cái

15) -- Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho dục tham chưa sanh được sanh khởi, hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có bất tịnh tướng. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho dục tham chưa sanh được sanh khởi, hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

16) Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi, hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có từ tâm giải thoát. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi, hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

17) Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi, hay hôn trầm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có phát càn giới, tinh càn giới, dōng mānh giới. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi, hay hôn trầm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

18) Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi, hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có tâm chỉ tịnh. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi, hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

19) Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có pháp thiện và bất thiện, có pháp có tội và không có tội, có pháp liệt và thắng, có pháp dự phần vào đen và trắng. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

IV. Không Phải Là Món Ăn Cho Các Giác Chi

20) -- Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các pháp trú xứ cho niệm giác chi. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

21) Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các pháp thiện và bất thiện, có tội và không có tội, liệt và thắng, dự phần vào đen và trắng. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

22) Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có phát càn giới, tinh càn giới, dōng mānh giới. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái

này không phải là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

23) Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Nay các Tỷ-kheo, có những pháp trú xứ cho hỷ giác chi. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

24) Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Nay các Tỷ-kheo, có thân khinh an, tâm khinh an. Ở đây, nếu phi như lý tác ý, làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

25) Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Nay các Tỷ-kheo, có tịnh chỉ tướng, bất loạn tướng. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

26) Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Nay các Tỷ-kheo, có các pháp trú xứ cho xả giác chi. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

52.II. Pháp Môn (Pariyaya) (Tập 27, 4, Đại 2, 192a) (S.v,108)

1) ...

2) Rồi một số đông Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, mang y bát đi vào Sàvatthi để khất thực.

3) Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ : "Nay còn quá sớm để đi vào Sàvatthi khất thực, vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo".

4) Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên :

5) -- Nay chư Hiền, Sa-môn Gotama có thuyết pháp như sau cho các đệ tử : "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, sau khi đoạn tận năm triền cái là những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ót trí tuệ, hãy như thật tu tập bảy giác chi". Nay chư Hiền, chúng tôi cũng thuyết pháp như vậy cho các đệ tử : "Hãy đến, này chư Hiền, sau khi đoạn tận năm triền cái là những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ót trí tuệ, hãy như thật tu tập bảy giác chi".

6) Ở đây, này chư Hiền, cái gì là đặc thù (viseso), cái gì là thù thắng (abhippayo), cái gì là sai biệt giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi, tức là về thuyết pháp hay về giáo giới?

7) Rồi các Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ, không bác bỏ lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ,

không bắc bối, từ chỗ ngồi đứng dậy họ ra đi với ý nghĩ : "Chúng ta sẽ được biết ý nghĩa lời nói này từ noi Thê Tôn".

8) Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi đi khất thực ở Sàvatthi, sau buổi ăn, trên con đường đi khất thực trở về, đi đến Thê Tôn; sau khi đến, họ đánh lễ Thê Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9) Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thê Tôn :

-- Ở đây, bạch Thê Tôn, chúng con, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát và đi vào Sàvatthi để khất thực. Bạch Thê Tôn, rồi chúng con suy nghĩ : "Nay còn quá sớm để đi vào Sàvatthi khất thực. Vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo". Rồi, bạch Thê Tôn, chúng con đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Rồi bạch Thê Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với chúng con đang ngồi một bên : "Này chư Hiền, Sa-môn Gotama thuyết pháp như sau... tức là về thuyết pháp hay về giáo giới?"

10) Rồi, bạch Thê Tôn, chúng con không tán thán, không bắc bối lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ, không bắc bối, từ chỗ ngồi đứng dậy chúng con ra đi với ý nghĩ : "Chúng ta sẽ được hiểu lời nói này từ Thê Tôn".

11) -- Được nói vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải trả lời với các du sĩ ngoại đạo như sau : "Này chư Hiền, có pháp môn nào, do pháp môn ấy, năm triền cái được trở thành mười, bảy giác chi được trở thành mười bốn?" Được đáp như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo sẽ không thể cắt nghĩa được, sẽ rơi vào khó khăn.

12) Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, vấn đề này vượt ngoài giới vực của họ. Nay các Tỷ-kheo, Ta không thấy một ai ở Thiên giới, thế giới này, ở Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người có thể làm thỏa mãn tâm với câu trả lời cho những câu hỏi này, ngoại trừ Như Lai, hay đệ tử Như Lai, hay những ai được nghe từ hai vị ấy.

I. Năm Trở Thành Mười

13) -- Và này các Tỷ-kheo, pháp môn nào, do y cứ pháp môn ấy, năm triền cái trở thành mười?

14) Cái gì thuộc nội dục tham, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại dục tham, cái ấy là triền cái. Gọi là dục tham triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

15) Cái gì thuộc về nội sân, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại sân, cái ấy là triền cái. Gọi là sân triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

16) Cái gì thuộc về nội hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại hôn trầm thụy miên, cái ấy là triền cái. Gọi là hôn trầm thụy miên là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

17) Cái gì thuộc nội trạo hối, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại trạo hối, cái ấy là triền cái. Gọi là trạo hối triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

18) Cái gì thuộc về nội nghi hoặc, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại nghi hoặc, cái ấy là triền cái. Gọi là nghi hoặc triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

19) Nay các Tỷ-kheo, chính là pháp môn này, do pháp môn này, năm triền cái trở thành mươi.

II. Bảy Trở Thành Mươi Bốn

20) -- Và này các Tỷ-kheo, pháp môn nào, do y cứ pháp môn ấy, bảy giác chi trở thành mươi bốn?

21) Cái gì là niêm đói với nội pháp, này các Tỷ-kheo, cái ấy là niêm giác chi. Cái gì là niêm đói với ngoại pháp, cái ấy là niêm giác chi. Gọi là niêm giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

22) Cái gì là quyết trạch, tư sát, quán sát với trí tuệ đói với các nội pháp, này các Tỷ-kheo, cái ấy là trạch pháp giác chi. Cái gì là quyết trạch, tư sát, quán sát đói với các ngoại pháp, cái ấy là trạch pháp giác chi. Gọi là trạch pháp giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

23) Cái gì là thân tinh tấn, này các Tỷ-kheo, cái ấy là tinh tấn giác chi. Cái gì là tâm tinh tấn, cái ấy là tinh tấn giác chi. Gọi là tinh tấn giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

24) Cái gì là hỷ có tầm, có tú, này các Tỷ-kheo, cái ấy là hỷ giác chi. Cái gì là hỷ không tầm, không tú, cái ấy là hỷ giác chi. Gọi là hỷ giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

25) Cái gì là thân khinh an, này các Tỷ-kheo, cái ấy là khinh an giác chi. Cái gì là tâm khinh an, cái ấy là khinh an giác chi. Gọi là khinh an giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

26) Cái gì là định có tầm, có tú, này các Tỷ-kheo, cái ấy là định giác chi. Cái gì là định không tầm, không tú, cái ấy là định giác chi. Gọi là định giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

27) Cái gì là xả đói với các nội pháp, này các Tỷ-kheo, cái ấy là xả giác chi. Cái gì là xả đói với các ngoại pháp, cái ấy là xả giác chi. Gọi là xả giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

28) Nay các Tỷ-kheo, chính là pháp môn này, y cứ pháp môn này, bảy giác chi trở thành mươi bốn.

53.III.Lửa (Tập 27,3, Đại 2, 191c) (S.v,112)

1) ...

2) Rồi một số đông Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực.

3-10) ... (Giống như kinh Pháp Môn 52)

11) -- Được nói vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo cần được trả lời như sau : "Này chư Hiền, khi tâm thụ động (linam), trong khi ấy, tu tập giác chi nào là không phải thời, trong khi ấy, tu tập giác chi nào là phải thời? Nhưng, này chư Hiền, trong khi tâm dao động (uddhatam), trong khi ấy, tu tập giác chi nào là không phải thời, trong khi ấy, tu tập giác chi nào là phải thời?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo sẽ không thể cất nghĩa được, sẽ rơi vào khó khăn.

12) Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, vấn đề này vượt ngoài giới vực của họ. Nay các Tỷ-kheo, Ta không thấy một ai ở Thiên giới, thế giới này, ở Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người có thể làm thỏa mãn tâm với câu trả lời cho những câu hỏi này,

ngoại trừ Như Lai, hay đệ tử Như Lai, hay những ai được nghe từ hai vị ấy.

I. Phi Thời

13)-- Trong khi tâm thụ động, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, không phải thời là tu tập khinh an giác chi, không phải thời là tu tập định giác chi, không phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Khi tâm thụ động, này các Tỷ-kheo, thật khó làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

14) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người muốn đốt lên một ngọn lửa nhỏ, người ấy ném vào đáy cỏ ướt, phân bò ướt, cùi ướt, để ngọn lửa ấy giữa mưa, gió và rắc bụi lên trên; người ấy có thể nhen đốt ngọn lửa nhỏ ấy không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, không phải thời là tu tập khinh an giác chi, không phải thời là tu tập định giác chi, không phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Vì rằng, khi tâm thụ động, thật khó làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

II. Phải Thời

15) -- Và này các Tỷ-kheo, trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, khi tâm thụ động, thật dễ làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

16) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người muốn đốt lên một ngọn lửa nhỏ, người ấy ném vào đáy cỏ khô, phân bò khô, cùi khô, dùng miệng thổi, không có rắc bụi lên trên; người ấy có thể nhen đốt ngọn lửa ấy không?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, khi tâm thụ động, thật dễ làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

III. Không Phải Thời

17) -- Và này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, không phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, không phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, không phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tâm dao động, thật khó được tịnh chỉ do những pháp ấy.

18) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người muốn dập tắt một đống lửa lớn. Ở đây, người ấy ném vào cỏ khô, phân bò khô và cùi khô, lấy miệng thổi, và không rắc bụi lên trên. Người ấy có thể dập tắt đống lửa lớn ấy không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, không phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, không phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, không phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, tâm dao động, thật không dễ được tịnh chỉ nhờ những pháp ấy.

IV. Phải Thời

19) -- Và này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, phải thời là tu tập khinh an giác chi, phải thời là tu tập định giác chi, phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Vì rằng, tâm dao động thật dễ được tịnh chỉ nhờ những pháp này.

20) Ví như, này các Tỷ-kheo, có người muốn dập tắt một đống lửa lớn. Ở đây, người ấy ném vào cỏ ướt, ném vào phân bò ướt, ném vào cùi ướt, để giữa gió và mưa, và rắc bụi lên trên. Người ấy có thể dập tắt ngọn lửa lớn ấy không?

-- Thưa có, bạch Thέ Tôn.

-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, phải thời là tu tập khinh an giác chi, phải thời là tu tập định giác chi, phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Vì rằng, tâm dao động, thật dễ được tịnh chỉ nhờ các pháp này.

21) Nhưng đối với niêm, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lợi ích trong mọi trường hợp.

54.IV. Từ (Tập 27,32, Đại 2, 197b) (S.v,115)

1) Một thời, Thέ Tôn trú ở giữa dân chúng Koliya, tại thị trấn của dân Koliya tên là Haliddavasana.

2) Rồi một số đông Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y cầm y, bát đi vào Haliddavasana để khất thực.

3) Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ : "Thật là quá sớm để đi vào Haliddavasana khất thực. Vậy, chúng ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo".

4) Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, họ liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

5) -- Này chư Hiền, Sa-môn Gotama có thuyết pháp như sau cho các đệ tử : "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ót trí tuệ, hãy trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy, với phương thứ hai; cũng vậy, với phương thứ ba; cũng vậy, với phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả; cũng vậy, với phương thứ hai; cũng vậy, với phương thứ ba; cũng vậy, với phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân".

6) Ngày chư Hiền, chúng tôi cũng thuyết pháp cho các đệ tử như sau : "Hãy đến, này chư Hiền, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ót trí tuệ, hãy trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả... không hận, không sân".

7) Ở đây, này chư Hiền, cái gì là đặc thù, cái gì là thù thắng, cái gì là sai biệt giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi, tức là về thuyết pháp hay về giáo giới?

Rồi các Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ, không bác bỏ lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ, không

bác bỏ, từ chỗ ngồi đứng dậy, họ ra đi với ý nghĩ : "Chúng ta sẽ được biết ý nghĩa lời nói này từ nơi Thé Tôn".

8) Rồi các Tỷ-kheo ấy sau khi đi khất thực ở Haliddavasana, sau buổi ăn, trên con đường đi khất thực trở về, đi đến Thé Tôn; sau khi đến, họ đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thé Tôn :

9) -- Ở đây, bạch Thé Tôn, chúng con, vào buổi sáng, đắp y cầm y bát đi vào Haliddavasana để khất thực. Rồi, bạch Thé Tôn, chúng con suy nghĩ như sau : "Thật là quá sớm để đi vào Haliddavasana khất thực. Vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo". Rồi, bạch Thé Tôn, chúng con đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo... (như trên) ... Rồi chúng con, bạch Thé Tôn, không hoan hỷ, không bác bỏ lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ, không bác bỏ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chúng con ra đi với ý nghĩ : "Chúng ta sẽ được biết ý nghĩa lời nói này từ Thé Tôn".

10) -- Được nói vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải nói với các du sĩ ngoại đạo ấy như sau :

"Nhưng này chư Hiền, từ tâm giải thoát tu tập như thế nào? Thú hướng như thế nào? Tối thảng như thế nào? Quả như thế nào? Cứu cánh như thế nào? Và này chư Hiền, bi tâm giải thoát tu tập như thế nào? Thú hướng như thế nào? Tối thảng như thế nào? Quả như thế nào? Cứu cánh như thế nào? Và này chư Hiền, hỷ tâm giải thoát... xả tâm giải thoát tu tập như thế nào? Thú hướng như thế nào? Tối thảng như thế nào? Quả như thế nào? Cứu cánh như thế nào? " Khi được hỏi như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo sẽ không thể cắt nghĩa được, sẽ rơi vào khó khăn.

11) Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, vấn đề này vượt ngoài giới vực của họ. Nay các Tỷ-kheo, Ta không thấy một ai ở Thiên giới, thế giới này ở Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quân chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người có thể làm thỏa mãn tâm với câu trả lời cho những câu hỏi này, ngoại trừ Nhu Lai, hay đệ tử Nhu Lai, hay những ai được nghe từ hai vị ấy.

12) Và này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát tu tập như thế nào? Thú hướng như thế nào? Tối thảng như thế nào? Quả như thế nào? Cứu cánh như thế nào?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với từ... tu tập xả giác chi câu hữu với từ, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Nếu vị ấy muốn : "Ta sẽ trú với tướng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tướng ghê tởm. Nếu vị ấy muốn : "Ta sẽ trú với tướng không ghê tởm đối với pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tướng không ghê tởm. Nếu vị ấy muốn : "Ta sẽ trú với tướng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm và pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tướng ghê tởm. Nếu vị ấy muốn : "Ta sẽ trú với tướng không ghê tởm đối với pháp ghê tởm và pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tướng không ghê tởm. Nếu vị ấy muốn : "Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả, chánh niệm tinh giác", vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm tinh giác, hay đạt đến giải thoát được gọi là thanh tịnh, vị ấy an trú. Nay các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát là thanh tịnh tối thượng, Ta tuyên bố như vậy. Ở đây là trí tuệ đối với Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn.

13) Và này các Tỷ-kheo, bi tâm giải thoát tu tập như thế nào? Thú hướng như thế nào? Tối thảng như thế nào? Quả như thế nào? Cứu cánh như thế nào?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với bi... tu tập xả giác chi câu hữu với bi, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Nếu vị ấy muốn : "Ta sẽ trú với tướng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tướng ghê tởm... Nếu vị ấy muốn : "Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả, chánh niệm tinh giác", vị ấy trú ở đây với

xả, chánh niệm tinh giác. Vượt qua một cách hoàn toàn các sắc tướng, chấm dứt các tướng đối ngại, không tác ý các tướng sai biệt, vị ấy nghĩ rằng : "Hư không là vô biên", vị ấy đạt đến và trú Không vô biên xứ. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng từ tâm giải thoát lấy Không vô biên xứ làm tối thắng. Ở đây là trí tuệ của Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn.

14) Và này các Tỷ-kheo, tu tập hỷ tâm giải thoát như thế nào? Thú hướng như thế nào? Tối thắng như thế nào? Quả như thế nào? Cứu cánh như thế nào?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niêm giác chi câu hữu với hỷ... tu tập xả giác chi câu hữu với hỷ liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tướng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tướng ghê tởm... Nếu vị ấy muốn: "Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả, chánh niệm tinh giác", vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm tinh giác... Vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, vị ấy nghĩ rằng: "Thức là vô biên", vị ấy đạt đến và trú Thức vô biên xứ. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hỷ tâm giải thoát lấy Thức vô biên xứ làm tối thắng. Ở đây là trí tuệ của Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn.

15) Và này các Tỷ-kheo, tu tập xả tâm giải thoát như thế nào? Thú hướng như thế nào? Tối thắng như thế nào? Quả như thế nào? Cứu cánh như thế nào?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niêm giác chi câu hữu với xả... tu tập xả giác chi câu hữu với xả liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tướng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tướng ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tướng không ghê tởm đối với pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tướng không ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tướng không ghê tởm đối với pháp ghê tởm và pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tướng không ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả, chánh niệm tinh giác", vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm tinh giác. Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn với ý nghĩ: "Không có vật gì", vị ấy chứng đạt và trú Vô sở hữu xứ. Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, xả tâm giải thoát lấy Vô sở hữu xứ làm tối thắng. Ở đây là trí tuệ của Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn.

55. V. Sangàrava (S.v,121)

1) Sàvatthi...

2) Rồi Bà-la-môn Sangàrava đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, vị ấy liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Bà-la-môn Sangàrava thưa với Thế Tôn:

3) -- Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, có khi các chú thuật (mantà) mà tôi học thuộc lòng lâu ngày (sajjhàyakatà: đọc tụng) lại không nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng? Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, có khi các chú thuật mà tôi không học thuộc lòng lâu ngày, lại nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật được học thuộc lòng?

I

4) -- Nay Bà-la-môn, khi trú với tâm bị dục tham (kàmaràga) xâm chiếm, bị dục tham chi phối và không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước trộn lẫn với thuốc nhuộm gôm lắc, hay màu đỏ tía, hay màu xanh, hay màu vàng, và ở đây một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, không có thể như thật biết được, thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

5) Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị sân xâm chiếm, bị sân chi phối, không như thật biết sự xuất ly khỏi sân đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước được lửa đun sôi, sôi lên sùng sục, sôi lên cuồn cuộn. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị sân xâm chiếm... Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

6) Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, bị hôn trầm thụy miên chi phối, không như thật biết sự xuất ly ra khỏi hôn trầm thụy miên đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước bị rong rêu che phủ. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

7) Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm, bị trạo hối chi phối, không như thật biết sự xuất ly khỏi trạo hối đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước bị gió thổi, dao động, chấn động, nổi sóng. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

8) Lại nữa, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối, và không như thật biết sự xuất ly khỏi nghi hoặc đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy sự lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy sự lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy sự lợi ích cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước bị khuấy động, khuấy đục, khuấy bùn, đặt trong bóng tối. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

9) Đây là nhân, đây là duyên, này Bà-la-môn, có khi các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

II

10) -- Ngày Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị dục tham xâm chiếm, không bị dục tham chi phổi, lại như thật rõ biết sự xuất ly của dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích cả hai. Cho nên, các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày được nhớ đến, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như, ngày Bà-la-môn, một bát nước không trộn lẫn với thuốc gôm lắc, hay màu đỏ tía, hay màu xanh, hay màu vàng. Ở đây, một người có mắt muôn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, ngày Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị dục tham xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

11) Lại nữa, ngày Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị sân xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như, ngày Bà-la-môn, một bát nước không được lửa đun sôi, không sôi lên sùng sục, không sôi lên cuồn cuộn. Ở đây, một người có mắt muôn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, ngày Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị sân xâm chiếm, không bị sân chi phổi... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

12) Lại nữa, ngày Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, không bị hôn trầm thụy miên chi phổi... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như, ngày Bà-la-môn, một bát nước không bị rong rêu che phủ. Ở đây, một người có mắt muôn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, ngày Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, không bị hôn trầm thụy miên chi phổi... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

13) Lại nữa, ngày Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị trạo hối xâm chiếm, không bị trạo hối chi phổi... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như, ngày Bà-la-môn, một bát nước không bị gió thổi, không bị dao động, không bị chấn động, không bị nỗi sóng. Ở đây, một người có mắt muôn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, ngày Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị trạo hối xâm chiếm, không bị trạo hối chi phổi... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

14) Lại nữa, ngày Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị nghi hoặc xâm chiếm, không bị nghi hoặc chi phổi... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như, ngày Bà-la-môn, một bát nước trung tĩnh, trong sáng, không bị khuấy động, đặt giữa ánh sáng. Ở đây, một người có mắt muôn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, ngày Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị nghi hoặc xâm chiếm, không bị nghi hoặc chi phổi và như thật biết sự xuất ly khỏi nghi hoặc đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích cả hai. Cho nên, các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày được nhớ đến, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

15) Đây là nhân, đây là duyên, này Bà-la-môn, có khi các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày lại có thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

16) Có bảy giác chi này, này Bà-la-môn, không chướng ngại, không triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này Bà-la-môn, không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát... Xả giác chi, không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát. Bảy giác chi này, này Bà-la-môn, không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát.

17) Khi được nói vậy, Bà-la-môn Sangàrava bạch Thé Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thé Tôn!... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

56. VI. Abhaya (Vô úy) (Tập 27,1, Đại 2,191a) (S.v,126)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại núi Linh Thủu.

2) Rồi hoàng tử Abhaya đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lẽ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngoài một bên, hoàng tử Abhaya bạch Thé Tôn:

3) -- Bạch Thé Tôn, Puurana Kassapa nói như sau:

-- "Không có nhân, không có duyên để không biết, không thấy. Không biết, không thấy không có nhân, không có duyên. Không có nhân, không có duyên để biết, để thấy. Biết và thấy không có nhân, không có duyên". Ở đây, Thé Tôn đã nói như thế nào?

4) -- Nay Hoàng tử, có nhân, có duyên để không biết, để không thấy. Không biết, không thấy có nhân, có duyên. Nay Hoàng tử, có nhân, có duyên để biết, để thấy. Biết và thấy có nhân, có duyên.

I

5) -- Do nhân nào, do duyên nào, bạch Thé Tôn, để không biết, để không thấy? Như thế nào không biết, không thấy có nhân, có duyên?

6) -- Nay Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham chi phối và như thật không biết, không thấy sự xuất ly khỏi dục và tham đã sanh; đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử, để không biết, để không thấy. Như vậy, không biết, không thấy có nhân, có duyên.

7) Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị sân xâm chiếm, bị sân chi phối...

8) Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, bị hôn trầm thụy miên chi phối...

9) Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm, bị trạo hối chi phối...

10) Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối, và thật sự

không biết, không thấy sự xuất ly khỏi nghi hoặc đã sanh; đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử, để không biết, không thấy. Như vậy, không biết, không thấy có nhân, có duyên.

11) -- Bạch Thé Tôn, pháp môn này được gọi là gì?

-- Nay Hoàng tử, được gọi là các triền cái.

-- Thật vậy, chúng là triền cái, bạch Thé Tôn. Thật vậy, chúng là triền cái, bạch Thiện Thệ. Chỉ bị chinh phục bởi một triền cái mà thôi, bạch Thé Tôn, cũng không có thể biết như thật, thấy như thật, còn nói gì bị cả năm triền cái chinh phục.

II

12) -- Nhưng, bạch Thé Tôn, do nhân nào, do duyên nào để biết, để thấy? Như thế nào biết và thấy có nhân, có duyên?

13) -- Ở đây, này Hoàng tử, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Vì ấy nhờ tâm được tu tập niệm giác chi nên như thật biết và thấy. Đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử, để biết, để thấy. Như vậy, biết và thấy có nhân, có duyên.

14-18) Lại nữa, này Hoàng tử, Tỷ-kheo...

19) Lại nữa, này Hoàng tử, Tỷ-kheo tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Vì ấy nhờ tâm được tu tập xả giác chi nên như thật biết và thấy. Đây là nhân, đây là duyên để biết, để thấy. Như vậy, thấy và biết có nhân, có duyên.

20) -- Bạch Thé Tôn, pháp môn này được gọi là gì?

-- Nay Hoàng tử, được gọi là các giác chi.

-- Thật vậy, chúng là giác chi, bạch Thé Tôn. Thật vậy, chúng là giác chi, bạch Thiện Thệ. Bạch Thé Tôn, chỉ được đầy đủ với một giác chi mà thôi đã có thể như thật thấy và biết, còn nói gì đầy đủ cả bảy giác chi.

Bạch Thé Tôn, sự mệt nhọc về thân và mệt nhọc về tâm khi con leo lên núi Linh Thủu đã được khinh an, nhẹ nhàng và pháp đã được con hoàn toàn chứng đắc.

VII. Phẩm Hơi Thở Vô Gơi Thở Ra

57. I. Bộ Xương (Tập 27,38, Đại 2,198a) (S.v,129)

I. Quả Lớn, Lợi Ích lớn

1) Sàvatthi...

2) -- Tu tập cốt tướng, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn, được quả lớn, được lợi ích lớn.

3) Nay các Tỷ-kheo, cốt tướng tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, đưa đến quả lớn, đưa đến lợi ích lớn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với cốt tướng liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi câu hữu với cốt tướng liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Nay các Tỷ-kheo, cốt tướng được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, có quả lớn, có lợi ích lớn.

II. Trí Và Bất Hoàn (Annàsativà)

1) ...

2) -- Tu tập, làm cho sung mãn cốt tướng, này các Tỷ-kheo, một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn.

3) Tu tập cốt tướng như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo, một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với cốt tướng... tu tập xả giác chi câu hữu với cốt tướng liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Tu tập cốt tướng như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn.

III. Nghĩa Lợi Lớn

1) ...

2) -- Cốt tướng, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nghĩa lợi lớn.

3) Cốt tướng, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến nghĩa lợi lớn?... (Như số 4,5 đoạn trên).

IV. An Ôn Lớn Khỏi Khô Ách

(Như kinh trên, chỉ khác là đưa đến an ổn lớn, khỏi khô ách)

V. Hứng Khỏi Lớn (Samvegà) (S.v,130)

(Như trên, chỉ khác là đưa đến hứng khởi lớn)

VI. Lạc Trú (S.v,131)

(Như kinh trên, chỉ khác là đưa đến lạc trú)

58. II. Côn Trùng Ăn (Pulavaka)

I-VI) Tu tập tướng bị trùng ăn, này các Tỷ-kheo...

59. III. Xanh Bầm (Vinilaka)

I-VI. Tu tập tưởng xác bị xanh bầm, này các Tỷ-kheo...

60. IV. Bị Nứt Nẻ (Vicchiddaka)

I-VI. Tu tập tưởng xác bị nứt nẻ, này các Tỷ-kheo...

61.V. Sung Phòng Lê (Uddhumàtaka)

I-VI. Tu tập tưởng xác bị sung phòng lên, này các Tỷ-kheo...

62. VI. Từ (Tạp 27,33, Đại 2,197c)

I-VI. Tu tập từ tâm, này các Tỷ-kheo...

63. VII. Bi

I-VI. Tu tập bi tâm, này các Tỷ-kheo...

64. VIII. Hỷ

I-VI. Tu tập hỷ tâm, này các Tỷ-kheo...

65. IX. Xả

I-VI. Tu tập xả tâm, này các Tỷ-kheo...

66. X. Hơi Thở Vô Hơi Thở Ra

I-VI. Tu tập hơi thở vô hơi thở ra, này các Tỷ-kheo...

VIII. Phẩm Đoạn Diệt (S.v,132)

67. I. Bất Tịnh (Tạp 27,30, Đại 2,197a)

I-VI. Tu tập tưởng bất tịnh, này các Tỷ-kheo...

68.II. Chết (Tạp 27,31, Đại 2,197b)

I-VI. Tu tập tưởng chết này, này các Tỷ-kheo...

69. III. Ghê Tớm (Tạp 27,38, Đại 2,198b)

I-VI. Tu tập tưởng ghê tởm đối với đồ ăn, này các Tỷ-kheo...

70. IV. Bất Khả Lạc Hay Toàn Thế Giới

I-VI. Tu tập tưởng bất khả lạc đối với toàn thế giới, này các Tỷ-kheo...

71.V. Vô Thường (Tạp 27,37, Đại 2,198a)

I-VI. Tu tập tưởng vô thường, này các Tỷ-kheo...

72. VI. Khô (Tập 27,38, Đại 2,198a)

I-VI. Tu tập khô tưởng, này các Tỷ-kheo...

73. VII. Vô Ngã

I-VI. Tu tập tưởng vô ngã, này các Tỷ-kheo...

74. VIII. Đoạn Tận

I-VI. Tu tập tưởng đoạn tận, này các Tỷ-kheo...

75. IX. Ly Tham

I-VI. Tu tập tưởng ly tham, này các Tỷ-kheo...

76. X. Đoạn Diệt

I. Quả Lớn, Lợi Ích Lớn (S.v,133)

1) ...

2) -- Tu tập tưởng đoạn diệt, làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, được quả lớn, được lợi ích lớn.

3) Và này các Tỷ-kheo, tu tập tưởng đoạn diệt như thế nào...

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt...

5) Tu tập tưởng đoạn diệt như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, được quả lớn, được lợi ích lớn.

II. Trí Và Bất Hoàn

2) -- Tu tập tưởng đoạn diệt, làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn.

3) Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn tưởng đoạn diệt như thế nào, này các Tỷ-kheo...

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt...

5) Tu tập tưởng đoạn diệt như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo...

III. IV, V, VI. Nghĩa Lợi Lớn, An Ôn Lớn Khỏi Khó Ách, Hứng Khởi Lớn, Lạc Trú (S.v,133)

1) ...

2) -- Tưởng đoạn diệt được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nghĩa lợi lớn, đưa đến an ổn lớn

khỏi các khổ ách, đưa đến hưng khởi lớn, đưa đến lạc trú lớn.

3) Tu tập đoạn diệt tưởng như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, đưa đến nghĩa lợi lớn, đưa đến an ổn lớn khỏi các khổ ách, đưa đến hưng khởi lớn, đưa đến lạc trú lớn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt... tu tập xả giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ...

5) Tu tập tưởng đoạn diệt như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, đưa đến nghĩa lợi lớn, đưa đến an ổn lớn khỏi các khổ ách, đưa đến hưng khởi lớn đưa đến lạc trú lớn.

IX. Phẩm Sông Hằng Quảng Thuyết

77. I. Hướng Về Đông (S.v, 134)

1) ...

2) - Ví như, này các Tỷ Kheo, Sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Bảy Giác Chi làm cho sung mãn bảy Giác Chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi.... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

78-88. II - XII (S.v,134)

(Cho đến phẩm Tâm Cầu, như trên)

X. Phẩm Không Phóng Dật

89-98. I-X. (S.v,135)

-- Nay các Tỷ-kheo, như các loài hữu tình không chân, hay có hai chân, hay có bốn chân, hay có nhiều chân...

(Như trên, theo đoạn bảy giác chi)

XI. Phẩm Cần Dùng Sức Mạnh

99-100. I-XII. (S.v,135)

-- Nay các Tỷ-kheo, ví như các hành động cần phải dùng sức mạnh...

(Như trên, theo đoạn bảy giác chi)

XII. Phẩm Tâm Cầu

101-110. I-XII. (S.v,136)

-- Có ba sự tầm cùu, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Tầm cùu dục, tầm cùu hữu, tầm cùu Phạm hạnh...
 (Như trên, theo đoạn bảy giác chi)

XIII. Phẩm Bộc Lưu

111-119 I-IX. (S.v,136)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Có bốn bộc lưu, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu...

120.X. Thượng Phần Kiết Sứ (S.v,136)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sứ. Thế nào là năm? Tham sắc giới, tham vô sắc giới, mạn, trạo cử, vô minh. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm thượng phần kiết sứ.

3) Nay các Tỷ-kheo, với mục đích thăng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sứ này, bảy giác chi cần phải tu tập. Thế nào là bảy?...

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Nay các Tỷ-kheo, vì mục đích thăng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sứ này, bảy giác chi này cần phải tu tập.

XIV. Phẩm Sông Hằng Quảng Thuyết

121. I. (S.v,137)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi với mục đích nghiệp phục tham, với mục đích nghiệp phục sân, với mục đích nghiệp phục si. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo... xuôi về Niết-bàn.

122-132. II-XII.(S.v,138)

(Như trên, cho đến phẩm Tâm Cầu) ...

XV. Phẩm Không Phóng Dật (Nhiếp phục tham)

132-142. I-X. (S.v,138)

Gồm các kinh:

Chân Của Như Lai, Nóc Nhọn, Căn Rẽ, Với Lõi, Cây, Hoa Lý, Vua, Mặt Trăng, Mặt Trời, và Vái là thứ mươi.

XVI. Phẩm Càn Dùng Sức Mạnh(Nhiếp phục tham)

143-154. I-XII. (S.v,138)

Gồm các kinh:

Sức Mạnh, Hột Giống, Rắn, Cây, Ghè, Râu Lúa Mì, Hu Không, Mây, Tàu, Thuyền, Khách, Sông.

XVII. Phẩm Tâm Cầu (Nhiếp phục tham)

155-164 I-X (S.v, 139)

Gồm các kinh:

Tâm Cầu, Mạn, Lại Hoặc, Hữu, Khô, Chướng Ngại, Vết Nhơ, Đau Đớn, Thọ, Ái, Khát.

XVIII.Phẩm Bộc Lưu

165-174. I-IX. (S.v,139)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn bộc lưu này. Thế nào là bốn? Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiêng bộc lưu, vô minh bộc lưu...

120.X. Thượng Phần Kiết Sứ (S.v,136)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sứ. Thế nào là năm? Tham sắc giới, tham vô sắc giới, mạn, trạo cử, vô minh. Các pháp này, nay các Tỷ-kheo, là năm thượng phần kiết sứ.

3) Nay các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sứ này, bảy giác chi cần phải tu tập. Thế nào là bảy?...

4) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Nay các Tỷ-kheo, vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sứ này, bảy giác chi này cần phải tu tập.

XIV. Phẩm Sông Hằng Quảng Thuyết

121. I. (S.v,137)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiêng về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, thiêng về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niêm giác chi... tu tập xả giác chi với mục đích nghiệp phục tham, với mục đích nghiệp phục sân, với mục đích nghiệp phục si. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo... xuôi về Niết-bàn.

122-132. II-XII.(S.v,138)

(Như trên, cho đến phẩm Tâm Cầu) ...

XV. Phẩm Không Phóng Dật (Nhiếp phục tham)

132-142. I-X. (S.v,138)

Gồm các kinh:

Chân Của Như Lai, Nóc Nhọn, Căn Rẽ, Với Lõi, Cây, Hoa Lý, Vua, Mặt Trăng, Mặt Trời, và Vái là thứ mươi.

XVI. Phẩm Cần Dùng Sức Mạnh (Nhiếp phục tham)

143-154. I-XII. (S.v,138)

Gồm các kinh:

Sức Mạnh, Hột Giống, Rắn, Cây, Ghè, Râu Lúa Mì, Hu Không, Mây, Tàu, Thuyền, Khách, Sông.

XVII. Phẩm Tâm Cầu (Nhiếp phục tham)

155-164 I-X (S.v, 139)

Gồm các kinh:

Tâm Cầu, Mạn, Lậu Hoặc, Hữu, Khô, Chướng Ngại, Vết Nhơ, Đau Đớn, Thọ, Ái, Khát.

XVIII. Phẩm Bộc Lưu

165-174. I-IX. (S.v,139)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn bộc lưu này. Thế nào là bốn? Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu..

175. X. Thượng Phần Kiết Sứ (S.v,139)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm thương phần kiết sử. Thế nào là năm? Tham sắc giới, tham vô sắc giới, mạn, trạo cử, vô minh. Đây là năm thương phần kiết sử.

3) Nay các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thương phần kiết sử này, bảy giác chi cần phải tu tập. Thế nào là bảy?

4) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi với mục đích nghiệp phục tham, nghiệp phục sân, nghiệp phục si, nhập vào bất tử, lấy bất tử làm tối thượng, lấy bất tử làm cứu cánh, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

5) Nay các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thương phần kiết sử này, bảy giác chi này cần phải tu tập.

-ooOoo-

CHƯƠNG III
47. TƯƠNG ƯNG NIỆM XỨ

I. Phẩm Ambapàli

1. I. Ambapàli (Tạp 24,20, Đại 2,174a) (S.v,141)

1) **N**hư vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Vesàli, tại rừng Ambapàli.

2) Tại đây, Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". "Bạch Thέ Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thέ Tôn. Thέ Tôn nói như sau:

3) -- Có con đường độc nhất này, này các Tỷ-kheo, khiên cho các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt qua được sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Tức là bốn niệm xứ. Thέ nào là bốn?

4) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm... trú, quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tinh giác... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

5) Có con đường độc nhất này, này các Tỷ-kheo, khiên cho các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt qua được sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Con đường ấy tức là bốn niệm xứ.

6) Thέ Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thέ Tôn nói.

2. II. Chánh Niệm (Tạp 24,6-7, Đại 2,171b) (S.v,142)

1) Một thời Thέ Tôn ở Vesàli, tại rừng Ambapàli.

2) Ở đây, Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải trú chánh niệm, tinh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

4) Và này các Tỷ-kheo, thέ nào là Tỷ-kheo chánh niệm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời... quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm.

5) Và này các Tỷ-kheo, thέ nào là Tỷ-kheo tinh giác? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui, đều tinh giác; khi nhìn, tới khi nhìn lui, đều tinh giác; khi co cánh tay, duỗi cánh tay, đều tinh giác; khi đắp y Tăng-già-lê, khi mang y bát, đều tinh giác; khi ăn uống, nhai nếm, đều tinh giác; khi đi tiểu tiện, đại tiện, đều tinh giác; khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng, đều tinh giác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tinh giác.

6) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hãy chánh niệm, tinh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

3. III. Tỷ Kheo (Tập 24,37, Đại 2,176A) (S.v,142)

1) Một thời Thέ Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thέ Tôn:

3) -- Lành thay, bạch Thέ Tôn, nếu Thέ Tôn thuyết pháp vẫn tắt cho con. Sau khi nghe Thέ Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Và như vậy có thể có những người nghi ngờ pháp ấy và họ thẩm tra con; sau khi con nói pháp cho họ, họ nghĩ rằng đi theo con sẽ có lợi ích cho họ. Bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy thuyết pháp vẫn tắt cho con. Thiện Thé hãy thuyết pháp vẫn tắt cho con. Chắc chắn con có thể hiểu lời Thέ Tôn thuyết. Chắc chắn con có thể trở thành người thừa tự lời Thέ Tôn dạy.

4) -- Vậy này Tỷ-kheo, Ông phải gột sạch hai pháp cơ bản về các thiện pháp. Và thế nào là hai pháp cơ bản về các thiện pháp? Chính là giới khéo thanh tịnh, và tri kiến chánh trực. Nay Tỷ-kheo, khi nào Ông được giới khéo thanh tịnh và tri kiến chánh trực, này Tỷ-kheo, Ông hãy y cứ trên giới, an trú trên giới, tu tập bốn niệm xứ theo ba cách. Thế nào là bốn?

5) Ở đây, này Tỷ-kheo, Ông hãy trú, quán thân trên nội thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Hay Ông hãy trú, quán thân trên ngoại thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Hay Ông hãy trú, quán thân trên nội ngoại thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Hay Ông hãy trú, quán thọ trên các nội thọ... Hay Ông hãy trú, quán tâm trên các nội tâm... Hay Ông hãy trú, quán pháp trên các nội pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Hay Ông hãy trú, quán pháp trên các ngoại pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Hay Ông hãy trú, quán pháp trên các nội ngoại pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

Này Tỷ-kheo, khi nào Ông y cứ trên giới, an trú trên giới và tu tập bốn niệm xứ theo ba cách như vậy; khi ấy, này Tỷ-kheo, hoặc đêm hay ngày, chờ đợi là tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải là tốn giãm.

6) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thέ Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

7) Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà một thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến: Chính là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, vị ấy tự mình với thẳng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

8) Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

4. IV. Sàlà (Tập 24,29, Đại 2,173c) (S.v,144)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú giữa dân chúng Kosala, tại một làng Bà-la-môn tên là Sàlà.

2) Ở đây, Thέ Tôn gọi các Tý-kheo... Thέ Tôn nói như sau:

3) -- Những Tý-kheo nào, này các Tý-kheo, mới tu, xuất gia chẳng bao lâu, mới đến trong Pháp Luật này; những Tý-kheo ấy, này các Tý-kheo, cần phải được khích lệ (samàdapetabbà), cần phải được hướng dẫn, cần phải được an trú, tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

4) "Hãy đến, này chư Hiền, hãy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, để có chánh trí như thật đối với thân. Hãy trú, quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tinh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm để có chánh trí như thật đối với các thọ. Hãy trú, quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tinh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, để có chánh trí như thật đối với tâm. Hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, để có chánh trí như thật đối với các pháp".

5) Nay các Tý-kheo, có những Tý-kheo hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cầm cù vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Các vị ấy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhứt tâm để liễu tri về thân. Các vị ấy trú, quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tinh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhứt tâm để liễu tri về thọ. Các vị ấy trú, quán tâm trên tâm... để liễu tri về tâm. Các vị ấy trú, quán pháp trên pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm để liễu tri về các pháp.

6) Nay các Tý-kheo, những Tý-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hưu kiết sử, chánh trí, giải thoát; các vị ấy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhứt tâm, ly hệ phược đối với thân. Các vị ấy trú, quán thọ trên các thọ... Các vị ấy trú, quán tâm trên tâm... Các vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhứt tâm, ly hệ phược đối với các pháp.

7) Nay các Tý-kheo, những Tý-kheo nào mới tu, xuất gia chẳng bao lâu, mới đến trong Pháp Luật này; những vị ấy, này các Tý-kheo, cần phải được khích lệ, cần phải được hướng dẫn, cần phải được an trú, tu tập bốn niệm xứ này.

5. V. Một Đóng Thiện (Tập 24,28, Đại 2,171b) (S.v,145)

1-2) Tại Sàvatthi. Ở đây, Thέ Tôn nói như sau:

3) -- Đóng bất thiện, này các Tý-kheo, nếu có ai nói là năm triền cái, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đóng bất thiện này, này các Tý-kheo, tức là năm triền cái. Thế nào là năm?

4) Dục tham triền cái, sân triền cái, hờn trâm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi hoặc triền cái. Đóng bất thiện này, này các Tý-kheo, nếu có ai nói là năm triền cái, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đóng bất thiện này, này các Tý-kheo, tức là năm triền cái.

5) Đóng thiện, này các Tý-kheo, nếu có ai nói là bốn niệm xứ, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đóng thiện này, này các Tý-kheo, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

6) Ở đây, này các Tý-kheo, Tý-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời... quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Đóng thiện này, này các Tý-kheo, nếu có ai nói là bốn niệm xứ, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đóng thiện này, này các Tý-kheo, tức là bốn niệm xứ.

6. VI. Con Chim Ưng (Sakunagghi) (Tập 24,15, Đại 2,172c) (S.v,146)

1-2)...

3) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, một con chim ưng cái thình lình vồ xuống và chụp lấy một con chim cút.

4) Rồi này các Tỷ-kheo, con chim cút bị con chim ưng cái bắt, than khóc như sau:

"-- Như thế này, thật bất hạnh cho tôi! Thật thiêu công đức cho tôi! Vì rằng tôi đã đi không phải chỗ hành xứ của mình, đi vào cảnh giới của người khác. Nếu tôi đi trong chỗ hành xứ của tôi, trong cảnh giới của cha mẹ tôi, thời con chim ưng này không thể hơn tôi, nếu phải đánh nhau".

-- "Này Chim cút, thế nào là chỗ hành xứ của ngươi, thế nào là cảnh giới của cha mẹ ngươi?"

-- "Là vật đất được lưỡi cày xới lên".

5) Rồi này các Tỷ-kheo, con chim ưng cái không có siết mạnh sức mạnh của mình, không có bóp chặt sức mạnh của mình, thả con chim cút rồi nói:

-- "Hãy đi, này Chim cút. Sau khi đi tại chỗ ấy, ta sẽ không thả cho ngươi".

6) Rồi này các Tỷ-kheo, con chim cút đi đến vạt đất được lưỡi cày xới lên, leo lên một hòn đất lớn, đứng trên ấy và nói với con chim ưng:

"-- Này, hãy đến ta, Chim ưng! Này, hãy đến ta, này Chim ưng!"

7) Rồi này các Tỷ-kheo, con chim ưng cái siết mạnh sức mạnh của mình, bóp chặt sức mạnh của mình, xếp cả hai cánh, thình lình vồ lấy con chim cút. Nay các Tỷ-kheo, khi con chim cút biết được: "Con chim ưng này đang vồ mạnh xuống ta", liền nấp sau hòn đất ấy. Nay các Tỷ-kheo, ở đây, con chim ưng bị bể ngực.

8) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với ai đi tới chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác. Do vậy, này các Tỷ-kheo, chớ có đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác. Nay các Tỷ-kheo, đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác, thời Ác ma năm được cơ hội, Ác ma năm được đối tượng.

9) Nay các Tỷ-kheo, chỗ nào không phải hành xứ của Tỷ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của người khác? Chính là năm dục công đức. Thế nào là năm?

10) Có các sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Có các tiếng do tai nhận thức... Có các hương do mũi nhận thức... Có các vị do lưỡi nhận thức... Có các xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay các Tỷ-kheo, đây là chỗ không phải hành xứ của Tỷ-kheo, chỗ cảnh giới của người khác.

11) Nay các Tỷ-kheo, hãy đi đến chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình. Nay các Tỷ-kheo, đi đến chỗ hành xứ của mình, đến cảnh giới của cha mẹ mình, thời Ác ma không năm được cơ hội, không năm được đối tượng.

12) Và này các Tỷ-kheo, chỗ nào là chỗ hành xứ của Tỷ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của cha mẹ? Chính

là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

13) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời; trú, quán thọ trên các thọ...; trú, quán tâm trên tâm...; trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình.

7. VII. Con Vượn (Tập 24,18, Đại 2,173b) (S.v,148)

1-2)...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, tại núi chúa Tuyết sơn có khoảnh đất gò ghè, không thăng bằng, chỗ ấy không có các loài vượn, loài người qua lại.

4) Nay các Tỷ-kheo, tại núi chúa Tuyết sơn có những khoảng đất ghồ ghè, không bằng phẳng, chỗ ấy chỉ có loài vượn qua lại, không có loài người.

5) Tại núi chúa Tuyết sơn, có những khoảnh đất bằng phẳng, khả ái. Tại chỗ ấy có các loài vượn và loài người qua lại. Tại đây, này các Tỷ-kheo, những người thợ săn đặt các bẫy nhựa (leparam) trên những con đường có vượn qua lại để bắt các con vượn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, những con vượn nào tánh không ngu si, không tham ăn, thấy bẫy nhựa ấy liền tránh xa. Còn con vượn nào ngu si, tham ăn, thấy bẫy nhựa ấy, thò tay nắm lấy và bị dính vào đấy. "Ta sẽ gỡ bàn tay ra", nó thò bàn tay thứ hai nắm lấy và bị dính ở đây. "Ta sẽ gỡ hai tay ra", nó gio chân nắm lấy và bị dính ở đây. "Ta sẽ gỡ hai bàn tay và bàn chân ra", nó gio bàn chân thứ hai nắm lấy và bị dính ở đây. "Ta sẽ gỡ cả hai tay và hai chân", nó dùng miệng ngậm lấy và bị mắc dính ở đây.

6) Như vậy, này các Tỷ-kheo, con vượn bị bắt nắm chỗ, liền rên la nǎm xuống, rơi vào bất hạnh, rơi vào khổ não, bị người thợ săn muộn làm gì thì làm. Nay các Tỷ-kheo, người thợ săn đâm chết nó, nướng nó trên đồng than cùi, và ra đi, theo sở thích của mình.

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, là người đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác. Nay các Tỷ-kheo, đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác, Ác ma nắm được cơ hội, Ác ma nắm được đối tượng.

8) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không phải chỗ hành xứ của Tỷ-kheo, chỗ cảnh giới của người khác? Tức là nắm dục công đức. Thế nào là nắm?

9) Các sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Các xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay các Tỷ-kheo, đây không phải là chỗ hành xứ của Tỷ-kheo, là chỗ cảnh giới của người khác.

10) Nay các Tỷ-kheo, hãy đi đến chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình. Nay các Tỷ-kheo, đi đến chỗ hành xứ của mình, đến chỗ cảnh giới của cha mẹ mình, Ác ma không nắm được cơ hội, Ác ma không nắm được đối tượng.

11) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành xứ của Tỷ-kheo, là cảnh giới của cha mẹ mình? Tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

12) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời...; trú, quán thọ trên các cảm thọ...; trú, quán tâm trên tâm...; trú, quán pháp trên các

pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là chỗ hành xứ của Tỷ-kheo, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình.

8. VIII. Người Đầu Bếp (Tập 24,14, Đại 2,172b) (S.v,149)

I.

1)...

2-3) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo, được giao lo liệu các thứ xúp sai khác cho vua hay cho các đại thần của vua, như xúp chua, đắng, cay, ngọt, chất kiềm, không phải chất kiềm (khàrikehi pi akhàrikehi pi), chất mặn, không phải chất mặn.

4) Nay các Tỷ-kheo, người đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy không nắm được sở thích về việc ăn uống của người chủ của mình (bhattasa hay bhattuno?): "Hôm nay, chủ ta thích món xúp này", hay: "Món xúp này chủ ta lấy ăn", hay : "Món xúp này chủ ta dùng nhiều", hay: "Chủ ta tán thán món xúp này". "Hôm nay, chủ ta thích món xúp chua này", hay: "Món xúp chua này chủ ta lấy ăn", hay: "Món xúp chua này, chủ ta dùng nhiều", hay : "Chủ ta tán thán xúp chua này". "Hôm nay, chủ ta thích món xúp đắng này"... hay : "Hôm nay, chủ ta thích món xúp cay này"... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món xúp ngọt này"... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món xúp chất kiềm này"... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món xúp không phải chất kiềm này"... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món xúp không phải chất mặn này", hay: "Món xúp không phải mặn này chủ ta lấy ăn", hay: "Món xúp không phải mặn này chủ ta dùng nhiều", hay: "Chủ ta tán thán món xúp không phải mặn này".

5) Và này các Tỷ-kheo, người đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy không nhận được đồ mặc, không nhận được lương bổng, không nhận được tiền thưởng. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, kẻ đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy không nắm được sở thích về việc ăn uống của người chủ của mình.

6) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo ngu si, không thông minh, không khéo léo, trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Đầu vị ấy trú, quán thân trên thân, nhưng tâm không định tĩnh, các phiền não không được đoạn tận; vị ấy không học được tướng ấy. Đầu vị ấy trú, quán thọ trên các thọ.. quán tâm trên tâm... Vì ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Đầu vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhưng tâm không định tĩnh, các phiền não không được đoạn tận; vị ấy không học được tướng ấy.

7) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy, không được lạc trú ngay trong hiện tại, không được tinh giác. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy, không học được tướng tâm của mình.

II.

8) Ví như, này các Tỷ-kheo, có người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo, được giao lo liệu các thứ xúp sai khác cho các vua hay cho các đại thần của vua, như xúp chua, đắng, cay, ngọt, chất kiềm, không phải chất kiềm, chất mặn hay không phải chất mặn. Nay các Tỷ-kheo, người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo ấy nắm được sở thích về việc ăn uống của người chủ mình: "Hôm nay, chủ ta thích món xúp này", hay: "Món xúp này chủ ta lấy ăn", hay : "Món xúp này chủ ta dùng nhiều", hay: "Món xúp này chủ ta tán thán", hay: "Hôm nay, chủ ta thích món xúp chua này", hay : "Món xúp chua này chủ ta lấy ăn", hay: "Món xúp chua này chủ ta dùng nhiều", hay : "Món xúp chua này chủ ta tán thán". "Hôm nay, chủ ta thích món xúp đắng này"... "Hôm nay, chủ ta thích món xúp cay này"... "Hôm nay, chủ ta thích món xúp

ngọt này"..."Hôm nay, chủ ta thích món xúp vị kiềm này"..."Hôm nay, chủ ta thích món xúp không vị kiềm này"..."Hôm nay, chủ ta thích món xúp vị mặn này"..."Hôm nay, chủ ta thích món xúp không mặn này", hay: "Món xúp không mặn này chủ ta lấy ăn", hay: "Món xúp không mặn này chủ ta dùng nhiều", hay: "Món xúp không mặn này chủ ta tán thán".

9) Nay các Tỷ-kheo, người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo ấy nhận được đồ mặc, nhận được lương bông, nhận được tiền thưởng. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo ấy nắm được sở thích về việc ăn uống của người chủ của mình.

10) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo có trí, thông minh, khéo léo, trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Do vị ấy trú, quán thân trên thân, tâm được định tĩnh, các phiền não được đoạn tận; vị ấy học được tướng áy. Vì ấy trú, quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Do vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, tâm được định tĩnh, các phiền não được đoạn tận; vị ấy học được tướng áy.

11) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí, thông minh, khéo léo áy, ngay trong hiện tại, chúng được lạc trú, chúng được chánh niệm tinh giác. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí, thông minh, khéo léo áy, học được tướng tâm của mình.

9. IX. Bệnh (Trường 2, Đại 1,15ab) (S.v,152)

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Vesàli, tại làng Beluva.

2) Ở đây, Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy an cư vào mùa mưa xung quanh Vesàli, chỗ nào có bạn bè, có người quen biết (sandittham), có người thân thiết (sambhattam). Ở đây, Ta sẽ an cư mùa mưa tại làng Veluva này.

-- Thura vâng, bạch Thé Tôn.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thé Tôn, an cư mùa mưa xung quanh Vesàli, tại chỗ có bạn bè, có người quen biết, có người thân thiết. Còn Thé Tôn thời an cư mùa mưa tại làng Beluva.

3) Trong khi Thé Tôn an cư mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, những cảm thọ khốc liệt gần như chết tiếp diễn. Ở đây, Thé Tôn chánh niệm, tinh giác, không có than vãn.

4) Rồi Thé Tôn suy nghĩ: "Thật không tương xứng đối với Ta, nếu Ta không báo trước các vị ủng hộ Ta và không từ giã chúng Tỷ-kheo mà nhập Niết-bàn. Vậy Ta hãy tinh tấn nghiệp phục trọng bệnh này, lưu giữ mạng hành (jivitasankhara) và sống". Rồi Thé Tôn với sức tinh tấn nghiệp phục trọng bệnh áy, lưu giữ mạng hành và sống.

5) Rồi Thé Tôn thoát khỏi cơn bệnh; thoát khỏi cơn bệnh không bao lâu, Ngài đi ra khỏi nhà bệnh, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, trong bóng im, sau lưng ngôi nhà.

6) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, con thấy Thé Tôn kham nhẫn! Bạch Thé Tôn, con thấy Thé Tôn chịu đựng! Bạch Thé Tôn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mit không thấy rõ phương hướng. Pháp không được tỏ rõ cho con vì Thé Tôn bị bệnh. Nhưng bạch Thé Tôn, con được chút an ủi rằng Thé Tôn sẽ không diệt độ, nếu Ngài không có lời di giáo lại cho chúng Tỷ-kheo.

7) -- Này Ananda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỏi gì nữa ở nơi Ta. Này Ananda, Ta giảng pháp không có phân biệt trong ngoài. Vì, này Ananda, đối với các pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo Sư còn nắm tay. Này Ananda, những ai nghĩ rằng Ta sẽ là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo, hay : Chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta, thời này Ananda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo. Này Ananda, Như Lai không có nghĩ rằng: "Ta sẽ là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo", hay "Chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta", thời này Ananda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo?

8) Này Ananda, Ta nay đã già, bậc trưởng thượng, bậc trưởng lão, đã đạt đến đoạn cuối của đời, đã đến tám mươi tuổi. Này Ananda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chằng chịt. Cũng vậy, thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ dây thừng chằng chịt.

9) Này Ananda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chúng và an trú vô tướng tâm định, chính khi ấy, thân Như Lai được thoái mái. Vậy này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chứ nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chứ nương tựa một điều gì khác. Và này Ananda, thế nào là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác?

10) Này Ananda, ở đây, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham tru ở đời; quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham tru ở đời. Này Ananda, như vậy là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa cho chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác.

11) Này Ananda, những ai hiện nay hoặc sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một điều gì khác; những vị ấy, này Ananda, là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

10. X. Trú Xứ Tỷ KheoNi (Tập 24,13, Đại 2,172,172a) (S.v,154)

1) Tại Sàvatthi...

2) Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi một số đông Tỷ-kheo-ni đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ananda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo-ni ấy thưa với Tôn giả Ananda:

3) -- Ở đây, bạch Thượng tọa Ananda, một số đông Tỷ-kheo-ni sống khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, đạt được sự rõ biết (sampajānanti) quảng đại, trước sau thù thắng.

-- Như vậy là phải, này các Đại tỷ! Như vậy là phải, này các Đại tỷ! Này các Đại tỷ, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết

quảng đại, trước sau thù thắng.

4) Rồi Tôn giả Ananda với bài pháp thoại, sau khi tuyên thuyết cho các Tỳ-kheo-ni ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

5) Rồi Tôn giả Ananda sau khi đi khát thực ở Sàvatthi, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, con, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỳ-kheo-ni, sau khi đến, con ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi, bạch Thế Tôn, một số đông Tỳ-kheo-ni đi đến con, sau khi đến, đảnh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo-ni ấy thưa với con: "Ở đây, bạch Thượng tọa Ananda, một số đông Tỳ-kheo-ni sống khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng". Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các Tỳ-kheo-ni ấy: "Như vậy là phải, này các Đại ty! Như vậy là phải, này các Đại ty! này các Đại ty, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng".

6) -- Như vậy là phải, này Ananda! Như vậy là phải, này Ananda! Nay Ananda, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng. Thế nào là bốn?

7) Ở đây, này Ananda, Tỳ-kheo sống, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tĩnh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán thân trên thân, hoặc thân sở duyên (kàyàrammano) khởi lên, hoặc thân nhiệt não (kàyasmin parilàho), hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán hướng ngoại (bahiddha va cittam vikkhipati); do vậy, này Ananda, Tỳ-kheo cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín (pasàdaniyenimitta). Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín, hân hoan (pàmujjam: Thắng hỷ) sanh. Người có tâm hân hoan, hỷ sanh. Người có tâm hỷ, thân được khinh an. Người có tâm khinh an, lạc thọ sanh. Người có tâm lạc thọ, tâm được định tĩnh. Vị ấy tư sát như sau: "Mục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui (patisamharàmi) (khỏi đối tượng tịnh tín)". Vị ấy rút lui, không tâm, không tú. Vị ấy rõ biết: "Không tâm, không tú, nội tâm chánh niệm, ta được an lạc".

8-9) Lại nữa, này Ananda, Tỳ-kheo sống, quán thọ trên các thọ... sống, quán tâm trên tâm...

10) Vị ấy sống, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tĩnh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, hoặc thân sở duyên khởi lên, hoặc thân nhiệt não, hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán, hướng ngoại; do vậy, này Ananda, Tỳ-kheo cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín. Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín, hân hoan sanh. Người có hân hoan, hỷ sanh. Người có tâm hỷ, thân được khinh an. Người có thân khinh an, lạc thọ sanh. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Vị ấy tư sát như sau: "Mục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui (khỏi đối tượng tướng tịnh tín)". Vị ấy rút lui, không tâm, không tú. Vị ấy rõ biết: "Không tâm, không tú, nội tâm chánh niệm, ta được an lạc".

11) Như vậy, này Ananda, là sự tu tập về hướng tâm.

12) Và này Ananda, thế nào là sự tu tập không có hướng tâm?

13) Nay Ananda, Tỳ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại". Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau (pacchàpure), nhưng được giải thoát, không có hướng tâm". Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tĩnh giác, chánh

niệm, ta được an lạc".

14) Ngày Ananda, Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại". Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau, nhưng được giải thoát, không có hướng tâm". Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, ta được an lạc".

15) Ngày Ananda, Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại". Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, ta được an lạc".

16) Ngày Ananda, Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, ta được an lạc".

17) Như vậy, ngày Ananda, là tu tập không có hướng tâm.

18) Như vậy, ngày Ananda, Ta thuyết tu tập có hướng tâm; Ta thuyết tu tập không có hướng tâm. Những gì, ngày Ananda, một bậc Đạo Sư cần phải làm vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đối với các đệ tử, vì lòng từ mẫn khởi lên, những việc ấy, Ta đã làm cho các Ông. Ngày Ananda, đây là những gốc cây. Đây là những nhà trống. Hãy tu Thiền, ngày Ananda. Chớ có phóng dật. Chớ có hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

19) Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ananda hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

II. Phẩm Nàlanda

11. I. Đại Nhân (Tạp 24,12, Đại 2,172a) (S.v,158)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên, Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

3) -- "Đại nhân, đại nhân", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là đại nhân?

-- Với tâm giải thoát, ngày Sàriputta, Ta gọi là đại nhân. Không có tâm giải thoát, Ta không gọi là đại nhân. Và ngày Sàriputta, thế nào là tâm giải thoát?

4) Ở đây, ngày Sàriputta, một Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Khi vị ấy trú, quán thân trên thân, tâm được ly tham, được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ;... Trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Khi vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, tâm được ly tham, được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

5) Như vậy, ngày Sàriputta, là tâm giải thoát. Với tâm giải thoát, ngày Sàriputta, Ta gọi là đại nhân. Không có tâm giải thoát, Ta không gọi là đại nhân.

12. II. Nàlanda (Tạp 18,9 Đại 2,130c) (S.v,159)

1) Một thời, Thế Tôn trú ở Nàlanda, tại rừng Pavàrikamba.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta đi đến Thέ Tôn... Ngồi một bên, Tôn giả Sàriputta bạch Thέ Tôn:

3) -- Nhu vậy, bạch Thέ Tôn, là lòng tịnh tín của con đối với Thέ Tôn. Không thể đã có, không thể sẽ có, không thể hiện có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể vĩ đại hơn, thắng trí hơn Thέ Tôn về Chánh giác.

-- Thật là đại ngôn (ulāra), này Sàriputta, là lời tuyên bố như con ngưu vương này của Ông, lời tuyên bố một chiều, tiếng rống của con sư tử: "Nhu vậy là lòng tịnh tín của con đối với Thέ Tôn. Không thể đã có, không thể sẽ có, không thể hiện có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, có thể vĩ đại hơn, thắng trí hơn Thέ Tôn về Chánh giác".

4) Nay Sàriputta, đối với các vị A-la-hán, Chánh Đắng Giác trong thời quá khứ, tất cả các vị Thέ Tôn ấy, Ông có thể biết rõ tâm niệm với tâm của Ông rằng: "Các bậc Thέ Tôn ấy đã có giới đức như vậy. Các bậc Thέ Tôn ấy đã có pháp như vậy. Các bậc Thέ Tôn ấy đã có tuệ như vậy. Các bậc Thέ Tôn ấy đã có hạnh trú như vậy. Các bậc Thέ Tôn ấy đã giải thoát như vậy"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

5) -- Nay Sàriputta, đối với các vị A-la-hán, Chánh Đắng Giác trong thời vị lai, tất cả các vị Thέ Tôn ấy, Ông có thể biết rõ tâm niệm với tâm của Ông: "Các bậc Thέ Tôn ấy sẽ có giới đức như vậy. Các bậc Thέ Tôn ấy sẽ có pháp như vậy. Các bậc Thέ Tôn ấy sẽ có tuệ như vậy. Các bậc Thέ Tôn ấy sẽ có hạnh trú như vậy. Các bậc Thέ Tôn ấy sẽ giải thoát như vậy"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

6) -- Nay Sàriputta, đối với các vị A-la-hán, Chánh Đắng Giác trong thời hiện tại, tất cả các bậc Thέ Tôn ấy, Ông có thể biết rõ tâm niệm với tâm của Ông rằng: "Các bậc Thέ Tôn ấy hiện có giới đức như vậy. Các bậc Thέ Tôn ấy hiện có pháp như vậy. Các bậc Thέ Tôn ấy hiện có tuệ như vậy. Các bậc Thέ Tôn ấy hiện có hạnh trú như vậy. Các bậc Thέ Tôn ấy hiện có giải thoát như vậy"?

-- Thưa không, bạch Thέ Tôn.

7) -- Và này Sàriputta, ở đây, Ông không có chánh trí với tâm của Ông biết được tâm của các vị A-la-hán, Chánh Đắng Giác, quá khứ, vị lai, hiện tại; thời này Sàriputta, do ý nghĩa gì Ông lại thốt ra lời đại ngôn, lời tuyên bố như con ngưu vương, lời tuyên bố một chiều, tiếng rồng tiếng cơn sư tử của Ông rằng: "Nhu vậy là lòng tịnh tín của con đối với Thέ Tôn. Không thể đã có, không thể sẽ có, không thể hiện có một Sa-môn, hay Bà-la-môn nào khác, có thể vĩ đại hơn, thắng trí hơn Thέ Tôn về Chánh giác"?

-- Bạch Thέ Tôn, con không có chánh trí với tâm của con biết được tâm các vị A-la-hán, Chánh Đắng Giác, quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng bạch Thέ Tôn, con biết được pháp truyền thống (dhammanvayo).

8) Ví như, bạch Thέ Tôn, tại một thành ở biên giới, với những hào lũy kiên cố, vững chắc, với những thành quách, tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đây, có một người gác cửa sáng suốt, thông minh, có trí, không cho vào những người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt. Trong khi người ấy đi tuần đến con đường xung quanh thành trì ấy để xem, không thấy có một khe hở ở tường nào, hay lỗ hổng ở tường nào, cho đến một con mèo có thể lọt qua được. Và người ấy suy nghĩ rằng: "Có những sinh loại thô lợn nào đi vào hay đi ra ngôi thành này, tất cả phải đi vào hay đi ra cửa này". Như vậy, bạch Thέ Tôn, là pháp truyền thống mà con được biết.

9) Bạch Thέ Tôn, phàm có những bậc A-la-hán, Chánh Đắng Giác nào trong thời quá khứ, tất cả bậc

Thέ Tôn ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu kém trí tuệ, sau khi khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, sau khi như thật tu tập bảy giác chi, đã chứng ngộ vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thέ Tôn, phàm có những bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nào trong thời vị lai, tất cả các bậc Thέ Tôn ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái, các pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, sau khi khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, sau khi như thật tu tập bảy giác chi, sẽ chứng ngộ vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Còn Thέ Tôn, bạch Thέ Tôn, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu kém trí tuệ, sau khi khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, sau khi như thật tu tập bảy giác chi, chứng ngộ vô thượng Chánh đẳng giác.

10) -- Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Ông hãy luôn luôn thuyết pháp thoại này cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ. Nay Sàriputta, nếu có những người ngu si nào còn có những nghi ngờ, hay những do dự đối với Nhu Lai sau khi nghe pháp thoại này của Ta, sự nghi ngờ, do dự ấy của họ đối với Nhu Lai sẽ trừ diệt.

13. III. Cunda (Tập 24,39, Đại 2,176b) (S.v,161)

- 1) Một thời Thέ Tôn trú ở Sàvatthi, tại Thắng Lâm, khu vườn của ông Cấp Cô Độc.
- 2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàriputta trú ở Magadha, tại làng Nàla, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Và Sa-di Cunda là thị giả của Tôn giả Sàriputta.
- 3) Tôn giả nhập Niết-bàn vì bệnh áy.
- 4) Rồi Sa-di Cunda cầm lấy y bát của Tôn giả Sàriputta đi đến Sàvatthi, Thắng Lâm, tại khu vườn của ông Cấp Cô Độc, đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ananda, rồi ngồi xuống một bên. .. Ngồi một bên, Sa-di Cunda nói với Tôn giả Ananda:

-- Bạch Thượng tọa, Tôn giả Sàriputta đã mệnh chung. Đây là y bát của vị ấy.

5) -- Nay Hiền giả Cunda, đây là lý do để đến yết kiến Thέ Tôn. Nay Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, chúng ta hãy báo tin này cho Thέ Tôn.

-- Thura vâng, Thượng tọa.

Sa-di Cunda vâng đáp Tôn giả Ananda.

- 6) Rồi Tôn giả Ananda và Sa-di Cunda đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, Sa-di Cunda này thưa như sau: "Bạch Thượng tọa, Tôn giả Sàriputta đã mệnh chung. Đây là y và bát của vị ấy". Bạch Thέ Tôn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy (bàng hoàng) (madhurakajato). Các phương hướng không hiện ra rõ ràng đối với con. Pháp sẽ không được giảng cho con, khi con nghe tin Tôn giả Sàriputta đã mệnh chung.

7) -- Nay Ananda, Sàriputta có đem theo giới uẩn khi mệnh chung? Có đem theo định uẩn khi mệnh chung? Có đem theo tuệ uẩn khi mệnh chung? Có đem theo giải thoát uẩn khi mệnh chung? Có đem theo giải thoát tri kiến khi mệnh chung không?

-- Bạch Thέ Tôn, Tôn giả Sàriputta không đem theo giới uẩn khi mệnh chung, không đem theo định uẩn khi mệnh chung, không đem theo tuệ uẩn khi mệnh chung, không đem theo giải thoát uẩn khi mệnh

chung, không đem theo giải thoát tri kiến khi mệnh chung. Nhưng bạch Thé Tôn, Tôn giả Sàriputta là vị giáo giới cho con, là vị đã vượt qua (bộc lưu), là bậc giáo thọ, là vị khai thị, khích lệ, làm cho phán khởi, làm cho hoan hỷ, là vị thuyết pháp không biết mệt mỏi, là vị hộ trì cho các đồng Phạm hạnh. Chúng con đều ức niêm rằng Tôn giả Sàriputta là tinh ba của pháp (dhammojam), là tài sản của pháp (dhammadbhogam), là hộ trì của pháp.

8) -- Nay Ananda, có phải trước đây Ta đã từng tuyên bố với Ông rằng mọi pháp khả ái, khả ý đều có tánh chất khác biệt, có tánh chất ly tán, có tánh chất đối khac? Làm sao, này Ananda, ở đây, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong rằng cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi, là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hoại!"? Sự kiện như vậy không xảy ra.

9) Ví như, này Ananda, từ một cây lớn mọc thẳng, có lõi cây, một cành cây lớn bị gãy đổ. Cũng vậy, này Ananda, từ nơi chúng Tỷ-kheo đứng thẳng, có lõi cây, Sàriputta bị mệnh chung. Làm sao, này Ananda, ở đây, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong sao cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi, là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hoại!"? Sự kiện như vậy không xảy ra.

10) Do vậy, này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chứ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chứ nương tựa một điều gì khác. Nay Ananda, thế nào là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác?

11) Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác.

12) Nay Ananda, những ai hiện nay, hay sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác; những vị ấy, này Ananda, là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

14. IV. Celam (Tập 24, 40, Đại 2,177a) (S.v,163)

1) Một thời Thé Tôn trú giữa dân chúng Vajjii, tại Ukkacelà, trên bờ sông Hằng, với đại chúng Tỷ-kheo, sau khi Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Moggalàna mệnh chung không bao lâu.

2) Lúc bấy giờ Thé Tôn đang ngồi ngoài trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thé Tôn, sau khi nhìn quanh chúng Tỷ-kheo im lặng, liền nói với các Tỷ-kheo:

3) -- Nay các Tỷ-kheo, chúng này của Ta được xem hình như trống không. Nay Sàriputta và Moggalàna đã mệnh chung, này các Tỷ-kheo, chúng của Ta thành trống không. Phương hướng nào Sàriputta và Moggalàna trú, phương hướng ấy không còn có ước vọng gì (anapekkha).

4) Nay các Tỷ-kheo, các bậc A-la-hán, Chánh Đắng Giác trong thời quá khứ, các vị Thé Tôn ấy đã có một cặp đệ tử tối thăng như Ta có Sàriputta và Moggalàna. Nay các Tỷ-kheo, các bậc A-la-hán, Chánh Đắng Giác nào trong đời vị lai, những bậc Thé Tôn ấy sẽ có một cặp đệ tử tối thăng như Ta có Sàriputta và Moggalàna.

5) Thật là vi diệu thay về các đệ tử, này các Tỷ-kheo! Thật hy hữu thay về các đệ tử, này các Tỷ-kheo! Họ thực hành những lời dạy của đức Bổn sư. Họ làm trách nhiệm giáo giới. Họ được bốn chúng ái kính, khả ý, khả kính, quý mến. Thật vi diệu thay, này các Tỷ-kheo, về Như Lai! Thật hy hữu thay, này các Tỷ-kheo, về Như Lai! Trong khi cắp đệ tử như vậy mệnh chung, Như Lai không có sâu buồn, hay không có than khóc. Làm sao, này Ananda, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong sao cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi, là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hoại!"? Sự kiện như vậy không xảy ra.

6) Ví như, này các Tỷ-kheo, từ một cây lớn mọc thẳng, có lõi cây, những cành cây lớn hơn bị gãy đổ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, từ nơi đại chúng Tỷ-kheo đứng thẳng, có lõi cây, Sàriputta và Moggalāna bị mệnh chung. Làm sao, này các Tỷ-kheo, ở đây, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong sao cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi, là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hoại!"? Sự kiện như vậy không thể xảy ra.

7) Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình... (như trên số 10, kinh trước)...

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... không nương tựa một ai khác.

9) Nay các Tỷ-kheo, những ai hiện nay, hay sau khi Ta diệt độ... nếu những vị ấy thiết tha học hỏi.

15. V. Bàhiya, hay Bàhika (Tập 24,24, Đại 2,175a) (S.v,165)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Bàhiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi một bên, Tôn giả Bàhiya bạch Thế Tôn:

-- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp văn tắt cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

-- Như vậy, này Bàhiya, hãy làm cho thanh tịnh các pháp căn bản trong các thiện pháp. Thế nào là các pháp căn bản trong các thiện pháp? -- Giới khéo thanh tịnh và tri kiến chánh trực.

3) Và này Bàhiya, khi nào Ông có giới khéo thanh tịnh, và tri kiến chánh trực; rồi này Bàhiya, y cứ vào giới, an trú vào giới, Ông hãy tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này Bàhiya, Ông hãy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Hãy trú, quán thọ trên các thọ... Hãy trú, quán tâm trên tâm... Hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Khi nào, này Bàhiya, y cứ vào giới, an trú vào giới, Ông tu tập như vậy bốn niệm xứ này. Do vậy, này Bàhiya, ban đêm hay ban ngày, chờ đợi là các thiện pháp tăng trưởng, không phải tốn gián.

5) Rồi Tôn giả Bàhiya hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

6) Rồi Tôn giả Bàhiya sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chúng được mục đích mà người thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: Chính là vô thượng Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, vị ấy tự mình chứng ngộ với thượng trí, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

7) Rồi Tôn giả Bâhiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

16. VI. Uttiya (Tập 24,22, Đại 2,174c) (S.v,166)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2-4) Rồi Tôn giả Uttiya đi đến Thê Tôn; sau khi đến...

-- .. Do vậy, này Uttiya, Ông sẽ vượt khỏi giới vực của tử ma.

5-7) Rồi Tôn giả Uttiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

17. VII. Bậc Thánh (Tập 24,23, Đại 2,176a) (S.v,166)

1) Ở Sàvatthi...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này được tu tập, được làm cho sung mãn, là những Thánh dẫn đạo, dẫn dẫn những ai thực hành theo, đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Thê nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

4) Này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này được tu tập, được làm cho sung mãn, là những Thánh dẫn đạo, dẫn dẫn những ai thực hành theo, đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.

18. VIII. Phạm Thiên (Tập 44,12, Đại 2,322a; 24.3,171a; 410b; 494a) (S.v,167)

1) Một thời Thê Tôn trú ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, tại cây bàng ajapàla, sau khi mới giác ngộ.

2) Trong khi Thê Tôn độc cư Thiền tịnh, tâm niệm tư tưởng như sau được khởi lên: "Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ đau, chứng đạt chánh lý (này), chứng ngộ Niết-bàn. Tức là bốn niệm xứ". Thê nào là bốn?

3) -- Này Tỷ-kheo, hãy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ở đời. Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Tức là bốn niệm xứ.

4) Rồi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biết được tâm ý Thê Tôn, ví như nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới, hiện ra trước mặt Thê Tôn. Rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thê Tôn và bạch Thê Tôn:

5) -- Như vậy là phải, bạch Thê Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thê Tôn, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Tức là bốn niệm xứ. Thê nào là bốn? Bạch Thê Tôn, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Tỷ-kheo trú, quán thọ trên các cảm thọ... Tỷ-kheo trú, quán tâm trên tâm... Tỷ-kheo trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Bạch Thê Tôn, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các

chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Tức là bốn niệm xứ.

6) Phạm thiên Sahampati thuyết như vậy. Nói như vậy xong, Phạm thiên Sahampati lại nói thêm:

*Thấy con đường độc nhất,
Đưa đến đoạn tận sanh.
Bậc lân mãn chúng sanh,
Biết được con đường ấy.
Chính với con đường này,
Trước đã từng vượt qua,
Tương lai sẽ vượt qua,
Nay vượt khỏi bộc luru.*

19. IX. Sedaka, hay Ekantaka (Tập 24,17, Đại 2,173b) (S.v,168)

1) Một thời Thé Tôn trú ở giữa dân chúng Sumbha, tại Desakà, một thị trấn của dân chúng Sumbhà.

2) Tại đây, Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo:

-- Thuở trước, này các Tỷ-kheo, một người nhào lộn với cây tre, sau khi dựng lên một cây tre, liền bảo người đệ tử tên là Medakathàlikà: "Này Medakathàlikà, hãy đến, leo lên cây tre và đứng trên vai ta" -- "Thưa thày, vâng". Ngày các Tỷ-kheo, đệ tử Medakathàlikà vâng đáp người nhào lộn trên cây tre, leo lên cây tre và đứng trên vai của thày.

3) Rồi ngày các Tỷ-kheo, người nhào lộn trên cây tre nói với đệ tử Medakathàlikà: "Này Medakathàlikà, Ông hộ trì cho ta và ta sẽ hộ trì cho Ông. Như vậy, chúng ta nhờ che chở cho nhau, nhờ hộ trì cho nhau, trình bày các tiết mục, thâu hoạch được lợi tức và leo xuống cây tre một cách an toàn".

4) Khi được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, đệ tử Medakathàlikà nói với người nhào lộn trên cây tre: "Thưa thày, không nên như vậy. Thưa thày, nên như vậy: Thày nên hộ trì tự ngã thày và con sẽ hộ trì tự ngã con. Như vậy, chúng ta tự che chở cho mình, tự hộ trì cho mình, trình bày các tiết mục, thâu hoạch được lợi ích, và leo xuống cây tre một cách an toàn. Đây là chánh lý (nayo) cần phải làm".

5) Thé Tôn nói:

-- Ngày các Tỷ-kheo, như đệ tử Medakathàlikà đã nói với thày của ông ấy: "Tôi sẽ hộ trì cho mình", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Ngày các Tỷ-kheo, "Chúng ta sẽ hộ trì người khác", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Trong khi hộ trì cho mình, này các Tỷ-kheo, là hộ trì người khác. Trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình.

6) Và ngày các Tỷ-kheo, thế nào trong khi hộ trì cho mình, là hộ trì người khác? Chính do sự thực hành (àsevanàya), do sự tu tập (bhàvanàya), do sự làm cho sung mãn. Như vậy, ngày các Tỷ-kheo, trong khi hộ trì cho mình, là hộ trì người khác.

7) Và ngày các Tỷ-kheo, thế nào trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình? Chính do sự kham nhẫn, do sự vô hại, do lòng từ, do lòng ai mẫn. Như vậy, ngày các Tỷ-kheo, trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình.

8) Ngày các Tỷ-kheo, "Tôi sẽ hộ trì cho mình", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Ngày các Tỷ-kheo, "Tôi

sẽ hộ trì người khác", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Trong khi hộ trì cho mình, này các Tỷ-kheo, là hộ trì người khác. Trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình.

20. X. Quốc Độ (hay Ekantaka) (Tập 24,21, Đại 2,174b) (S.v,169)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thê Tôn trú giữa dân chúng Sumbha, tại một thị trấn của dân chúng Sumbha tên là Sedaka.

2) Tại đây, Thê Tôn gọi các Tỷ-kheo...

3) -- Ví như một số đông quần chúng, này các Tỷ-kheo, tụ họp lại và nói: "Cô gái hoa hậu của quốc độ. Cô gái hoa hậu của quốc độ!". Và người con gái hoa hậu quốc độ ấy với tất cả sự quyến rũ của mình, múa (cho họ xem), với tất cả sự quyến rũ của mình, hát (cho họ nghe). Và một số quần chúng còn đông hơn tụ họp lại và nói: "Cô gái hoa hậu của quốc độ múa và hát". Rồi một người đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, họ nói với người ấy như sau: "Này Ông, hãy xem đây. Đây là cái bát đầy dầu. Ông hãy mang bát dầu ấy và đi vòng quanh đám quần chúng lớn và người con gái hoa hậu của quốc độ. Và một người với cây kiếm giơ cao sẽ đi theo sau lưng Ông. Tại chỗ nào làm đổ một ít dầu, tại chỗ ấy, đầu Ông bị rơi xuống". Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, người ấy có thể không tác ý đến bát dầu, phỏng tâm hướng ngoại không?

-- Thưa không, bạch Thê Tôn.

4) -- Ví dụ này, này các Tỷ-kheo, Ta nói ra để nêu rõ ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa của nó. Nay các Tỷ-kheo, cái bát đầy dầu là đồng nghĩa với thân hành niêm.

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ tu tập thân hành niêm, làm cho sung mãn, làm cho như thành cô xe, làm cho như thành đất nền, làm cho tiếp tục an trú, làm cho tích tập, làm cho khéo có hiệu năng (susamàraddhà)". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

III. Phẩm Giới Trú

21. I. Giới (Tập 24,27, Đại 2,175b) (S.v,171)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Ananda và Tôn giả Bhadda trú ở Pàtaliputta, ở khu vườn Kukkuta.

2) Rồi Tôn giả Bhadda, vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu... nói với Tôn giả Ananda:

3) -- Này Hiền giả Ananda, những thiện giới này được Thê Tôn nói đến, những thiện giới này vì mục đích gì được Thê Tôn nói đến?

-- Lành thay, lành thay, này Hiền giả Bhadda! Hiền thiện là trí tuệ (ummagga) của Hiền giả, này Hiền giả Bhadda! Hiền thiện là biện tài (patibhànam) của Hiền giả! Chí thiện là câu hỏi của Hiền giả! Nay Hiền giả Bhadda, có phải như vậy là câu hỏi của Hiền giả: "Này Hiền giả Ananda, những thiện giới này được Thê Tôn nói đến, những thiện giới này, vì mục đích gì được Thê Tôn nói đến?" Chẳng ?

-- Thura vâng, Hiền giả.

4) -- Này Hiền giả Bhadda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến, những thiện giới này, chính do tu tập bốn niêm xứ đưa lại, như Thế Tôn đã nói. Thế nào là bốn?

5) Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Này Hiền giả Bhadda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến, những thiện giới này, chính do tu tập bốn niêm xứ đưa lại, như Thế Tôn đã nói.

22. II. Trú (Tập 24,29, Đại 2,173c) (S.v,172)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Bhadda nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

3) -- Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền Giả Ananda, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không có tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?

-- Lành thay, lành thay, này Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là trí tuệ của Hiền giả! Hiền thiện là biện tài của Hiền giả! Chí thiện là câu hỏi của Hiền giả! Có phải như vậy, này Hiền giả Bhadda, là câu hỏi của Hiền giả: "Này Hiền giả Ananda, do nhân gì, do duyên gì, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không có tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả Ananda, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?" chẳng?

-- Thura vâng, Hiền giả.

4) -- Do bốn niêm xứ không được tu tập, không được làm cho sung mãn, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không có tồn tại lâu dài. Do bốn niêm xứ được tu tập, được làm cho sung mãn, thưa Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài. Thế nào là bốn?

5) Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Do không tu tập, không làm cho sung mãn bốn niêm xứ này, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niêm xứ này, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài.

23. III. Tồn Giảm (Parihànam) (Tập 24,28, Đại 2,175b) (S.v,173)

1-2) Trú tại Pàtaliputta, tại khu vườn Kukkuta...

3) -- Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả Ananda, khiến cho Diệu pháp bị tồn gián? Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả Ananda, khiến cho Diệu pháp không bị tồn gián?

... (giống như kinh trước, chỉ thay đổi câu hỏi và câu trả lời).

24. IV. Thanh Tịnh (Tập 24,2, Đại 2,171a) (S.v,173)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỳ-kheo, có bốn niêm xứ này. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, nay các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Nay các Tỳ-kheo, có bốn niêm xứ này.

25. V. Bà La Môn (S.v,174)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Sàvatthi, tại Thắng Lâm, khu vườn ông Cấp Cô Độc.

2) Rồi một Bà-la-môn đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, nói lên với Thέ Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vị Bà-la-môn ấy thưa với Thέ Tôn:

3) -- Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?

4-6) (như kinh trên, với những thay đổi cần thiết).

7) Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn ấy bạch Thέ Tôn:

-- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

26. VI. Một Phần (Tập 24,26, Đại 2,175a) (S.v,174)

1) Một thời Tôn giả Sàriputta, Tôn giả Mahà Moggalàna và Tôn giả Anuruddha trú ở Sàketa, tại rừng Kantakii.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Moggalàna, vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sàriputta thưa với Tôn giả Anuruddha:

3) -- "Hữu học, hữu học", thưa Hiền giả Anuruddha, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là hữu học?

-- Do tu tập một phần bốn niêm xứ, thưa Hiền giả, là bậc hữu học. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, thưa Hiền giả, Tỳ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Do tu tập một phần bốn niêm xứ này, thưa Hiền giả, là bậc hữu học.

27. VII. Hoàn Toàn (Samattam) (S.v,175)

1-2)... (như kinh trên, số 1 và 2)...

3) -- "Vô học, vô học", thưa Hiền giả Anuruddha, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là bậc vô học?

-- Do tu tập hoàn toàn bốn niệm xứ, thưa Hiền giả, là bậc vô học. Thế nào là bốn?

4)... (như kinh trên, số 4; chỉ đoạn sau có khác: Do tu tập một cách hoàn toàn bốn niệm xứ này, thưa Hiền giả, là bậc vô học)

28. VIII. Thế Giới (S.v,175)

1-2) ... (như kinh trên, số 1 và 2)

3) -- Do tu tập, làm cho sung mãn những pháp nào, thưa Hiền giả Anuruddha, đại thắng trí được đạt tới?

-- Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ, đại thắng trí được đạt tới. Thế nào là bốn?

4)... (như kinh trên, số 4; chỉ khác đoạn cuối: Chính do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, thưa Hiền giả, tôi đạt được đại thắng trí).

5) Và thưa Hiền giả, do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi thắng tri được ngàn thế giới.

29. IX. Sirivaddha (Tập 37,13, Đại 2,270b) (S.v,176)

1) Một thời Tôn giả Ananda trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chở nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, cư sĩ Sirivaddha bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi gia chủ Sirivaddha bảo một người:

-- Hãy đến, này Bạn. Hãy đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Ananda và thưa: "Thưa Tôn giả, gia chủ Sirivaddha bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Gia chủ cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Ananda, và thưa như vậy: 'Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ananda đi đến trú xứ của gia chủ Sirivaddha vì lòng từ悯'".

-- Thưa vâng, Gia chủ.

Người ấy vâng đáp gia chủ Sirivaddha, đi đến Tôn giả Ananda.

4) Sau khi đến, vị ấy đánh lễ Tôn giả Ananda và ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vị ấy thưa với Tôn giả Ananda:

-- Thưa Tôn giả Ananda, gia chủ Sirivaddha bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Gia chủ cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Ananda và thưa: "Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ananda đi đến trú xứ của gia chủ Sirivaddha vì lòng từ悯".

Tôn giả Ananda im lặng nhận lời.

5) Rồi Tôn giả Ananda đáp y, cầm y bát đi đến trú xứ của gia chủ Sirivaddha; sau khi đến, ngồi xuống

trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda nói với gia chủ Sirivaddha:

6) -- Này Gia chủ, Gia chủ có thể kham nhẫn được chăng? Gia chủ có thể chịu đựng được chăng? Có phải các khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không có tăng trưởng?

-- Thura Tôn giả, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Các khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có giảm thiểu; có dấu hiệu tăng trưởng, không có giảm thiểu.

7) -- Vậy, này Gia chủ, hãy tự học tập như sau: "Tôi sẽ trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Tôi sẽ trú, quán thọ trên các cảm thọ... Tôi sẽ trú, quán tâm trên tâm... Tôi sẽ trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời". Như vậy, này Gia chủ, Ông cần phải học tập.

8) -- Thura Tôn giả, bốn niệm xứ này được Thέ Tôn thuyết giảng, những pháp ấy có ở trong con, và con hiện thực hành những pháp ấy. Thura Tôn giả, con trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Con trú, quán thọ trên các cảm thọ... Con trú, quán tâm trên tâm... Con trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

9) Thura Tôn giả, năm hạ phần kiết sử được Thέ Tôn thuyết giảng này, con không thấy có một pháp nào mà không được đoạn tận ở nơi con.

10) -- Lợi đắc thay cho Ông, này Gia chủ! Thật khéo lợi đắc thay cho Ông, này Gia chủ! Này Gia chủ, Gia chủ đã tuyên bố về quả Bát lai.

30. X. Mànadinna (Tập 37,16, Đại 2,270c) (S.v,178)

1) Nhân duyên giống như trên.

2) Lúc bấy giờ, gia chủ Mànadinna bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3-6) Rồi gia chủ Mànadinna gọi một người và bảo...

7) -- Đầu cho con phải cảm giác những khổ thọ như vậy, con vẫn trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

8) Thura Tôn giả, năm hạ phần kiết sử được Thέ Tôn thuyết giảng này, con không thấy có một pháp nào chưa được đoạn tận nơi con.

9) -- Thật lợi đắc thay, này Gia chủ! Thật khéo lợi đắc thay, này Gia chủ! Này Gia chủ, Gia chủ đã tuyên bố về quả Bát lai.

IV. Phẩm Chưa Từng Được Nghe

31. I. Chưa Từng Được Nghe (S.v,178)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- "Quán thân trên thân này", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe,

nhẫn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh. Quán thân trên thân cần phải tu tập này... Quán thân trên thân đã được tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhẫn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh.

4) "Quán thọ trên các cảm thọ này"...

5) "Quán tâm trên tâm này"...

6) "Quán pháp trên các pháp này", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhẫn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh. Quán pháp trên pháp cần phải tu tập này... Quán pháp trên pháp đã được tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhẫn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh.

32. II. Ly Tham (Tập 24,34, Đại 2,276a) (S.v,179)

1-2) Tại Sàvatthi...

3) -- Bốn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng nhảm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Bốn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo, nếu tu tập, nếu làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng nhảm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

33. III. Thối Thát (Viraddha) (S.v,179)

1-2)...

3) -- Với những ai, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ bị thối thát, đối với những người ấy, cũng bị thối thát là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

4) Với những ai, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này được thực hành, đối với những người ấy, cũng được thực hành là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Thế nào là bốn?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Đối với những ai, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này bị thối thát, thời cũng thối thát là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt đau khổ. Đối với những ai, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này được thực hành, thời cũng được thực hành là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

34. IV. Tu Tập (S.v,180)

1-2) Tại Sàvatthi...

3) -- Bốn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua đến bờ bên kia. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Bốn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua đến bờ bên kia.

35. V. Niệm (S.v,180)

1-2) Tại Sàvatthi...

- 3) -- Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hãy trú chánh niệm, tinh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.
- 4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời... Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm.
- 5) Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo tinh giác? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết rõ ràng các cảm thọ khởi lên, biết rõ ràng các cảm thọ an trú, biết rõ ràng các cảm thọ đi đến tiêu mệt; biết rõ ràng các tưởng khởi lên, biết rõ ràng các tưởng an trú, biết rõ ràng các tưởng đi đến tiêu mệt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tinh giác.
- 6) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hãy trú chánh niệm, tinh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

36. VI. Chánh Trí (S.v,181)

1-2) Tại Sàvatthi...

- 3) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Nay các Tỷ-kheo, đây là bốn niệm xứ.
- 4) Do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là một trong hai quả: Ngay trong hiện tại, chứng được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoản.

37. VII. Ước Muốn (Chandam) (S.v,182)

1-2) Tại Sàvatthi...

- 3)-- Nay các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn?
- 4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Do vị ấy trú, quán thân trên thân, ước muốn đối với thân được đoạn diệt. Do ước muốn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử.
- 5) Vị ấy trú, quán thọ trên các cảm thọ... Do vị ấy trú, quán thọ trên các cảm thọ, ước muốn đối với thọ được đoạn diệt. Do ước muốn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử.
- 6) Vị ấy trú, quán tâm trên tâm... Do vị ấy trú, quán tâm trên tâm, ước muốn đối với tâm được đoạn diệt. Do ước muốn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử.
- 7) Vị ấy trú, quán pháp trên các pháp... Do vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, ước muốn đối với các

pháp được đoạn diệt. Do ước muôn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử.

38. VIII. Liễu Tri (S.v,182)

1)...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Do vị ấy trú, quán thân trên thân, thân được liễu tri. Do liễu tri thân nên chứng ngộ được bất tử... (Cũng vậy, đối với thọ, đối với tâm, đối với pháp).

39. IX. Tu Tập (Tập 24,2, Đại 2,171a) (S.v,182)

1)...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về tu tập bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là tu tập bốn niệm xứ?

3) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Đối với các thọ... Đối với tâm... Tỷ-kheo trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

4) Nay các Tỷ-kheo, đây là sự tu tập bốn niệm xứ này.

40. X. Phân Biệt (S.v,183)

1)...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về niệm xứ, tu tập bốn niệm xứ và đạo lộ đưa đến tu tập bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe.

3) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là niệm xứ? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm xứ.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là tu tập bốn niệm xứ?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán tánh tập khởi trên thân; trú, quán tánh đoạn diệt trên thân; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các cảm thọ; trú, quán tánh đoạn diệt trên các cảm thọ; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các cảm thọ... trú, quán tánh tập khởi trên tâm... trú, quán tánh tập khởi trên các pháp; trú, quán tánh đoạn diệt trên các pháp; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, là sự tu tập niệm xứ.

5) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là đạo lộ đưa đến sự tu tập niệm xứ? Đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo lộ đưa đến tu tập niệm xứ.

V. Phẩm Bát Tử

41. I. Bát Tử (Tập 24,4 Đại 2,171a) (S.v,184)

- 1) Tại Sàvatthi...
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, hãy trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ. Nhưng các Ông chớ có bỏ mất bát tử. Thế nào là bốn?
- 3) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.
- 4) Nay các Tỷ-kheo, hãy trú, với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ. Nhưng các Ông chớ có bỏ mất bát tử.

42. II. Tập Khởi (Tập 24,5, Đại 2,171a) (S.v,184)

- 1). ..
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về sự tập khởi và sự chấm dứt bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe.
- 3) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là sự tập khởi của thân? Sự tập khởi của món ăn là sự tập khởi của thân. Sự đoạn diệt các món ăn là sự đoạn diệt của thân.
- 4) Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Sự đoạn diệt của xúc là sự chấm dứt của thọ.
- 5) Sự tập khởi của danh sắc là sự tập khởi của tâm. Sự đoạn diệt của danh sắc là sự chấm dứt của tâm.
- 6) Sự tập khởi của tác ý là sự tập khởi của các pháp. Sự đoạn diệt của tác ý là sự chấm dứt của các pháp.

43. III. Con Đường (S.V,185)

- 1) Tại Sàvatthi...
- 2) Tại đây, Thê Tôn gọi các Tỷ-kheo:
 - Một thời, nay các Tỷ-kheo, Ta trú ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, dưới cây bàng Ajapàla, khi vừa mới được giác ngộ.
 - 3) Nay các Tỷ-kheo, trong khi độc cư Thiên tịnh, tâm niệm, tư tưởng như sau khởi lên nơi Ta: "Đây là con đường độc nhất khiên chúng sanh được thanh tịnh, giúp vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Tỷ-kheo hãy trú, quán thân trên thân... Hãy trú, quán thọ trên các thọ... Hãy trú, quán tâm trên tâm... Hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Đây là con đường độc nhất khiên chúng sanh được thanh tịnh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ.
 - 4) Nay các Tỷ-kheo, rồi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biết được tâm niệm suy tư của Ta, ví

như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên và hiện ra trước mặt Ta.

5) Rồi, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Ta và thura với Ta: "Như vậy là phải, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải, bạch Thiên Thủ. Đây là con đường độc nhất khiến chúng sanh được thanh tịnh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Bạch Thế Tôn, đây là con đường độc nhất khiến chúng sanh được thanh tịnh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Tức là bốn niệm xứ".

6) Nay các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati thuyết như vậy, nói vậy xong, lại nói thêm như sau:

*Thấy con đường độc nhất,
Đưa đến đoạn tận sanh,
Bậc đại từ lân mẫn,
Rõ biết chính con đường.
Chính với con đường này,
Trước đã vượt được qua,
Tương lai sẽ vượt qua,
Và hiện vượt bộc lưu.*

44. IV. Niệm (S.v,186)

1) Tại Sàvatthi...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, hãy trú chánh niệm. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

3) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm.

4) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hãy trú chánh niệm. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

45. V. Đóng Thiện (Tập 24. 8, Đại 2,171b) (S.v,186)

1)...

2) -- Nói đến "Đóng thiện", nay các Tỷ-kheo, nói một cách chọn chánh phải nói là bốn niệm xứ.

Toàn bộ đóng thiện này, nay các Tỷ-kheo, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

4) Nói đến "Đóng thiện", nay các Tỷ-kheo, nói một cách chọn chánh phải nói là bốn niệm xứ này. Toàn bộ đóng thiện này, nay các Tỷ-kheo, chính là bốn niệm xứ.

46. VI. Pàtimokkha (S.v,187)

1)...

- 2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thέ Tôn; sau khi đến... Ngồi một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thέ Tôn:
- 3) -- Lành thay, bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy thuyết pháp văn tắt cho con. Sau khi nghe pháp từ Thέ Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.
- Vậy này Tỷ-kheo, hãy làm cho thanh tịnh căn bản trong các thiện pháp. Thế nào là căn bản trong các thiện pháp?
- 4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, hãy sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bốn (Pàtimokkha), đầy đủ uy nghi chánh hạnh (àcàragocarasampanno), thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và thực hành các học giới. Nay Tỷ-kheo, sau khi sống, hộ trì với sự hộ trì của Giới bốn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và thực hành các học giới rồi, này Tỷ-kheo, y cứ trên giới, an trú trên giới, hãy tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?
- 5) Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hãy trú, quán thân trên thân... Hãy trú, quán thọ trên các cảm thọ... Hãy trú, quán tâm trên tâm... Hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham trú ở đời.
- 6) Khi nào, này Tỷ-kheo, Ông y cứ trên giới, an trú trên giới, tu tập bốn niệm xứ; khi ấy, này Tỷ-kheo, hoặc là đêm hay ngày, hãy chờ đợi ở nơi Ông sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải sự tồn giãm.

7) Tỷ-kheo áy hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn thuyết...

8) Rồi Tỷ-kheo áy sống một mình...

9) Rồi Tỷ-kheo áy trở thành một vị A-la-hán nữa.

47. VII. Ác Hành (Tập 24,11, Đại 2,172a) (S.v,188)

1)...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thέ Tôn...

- 3) -- Lành thay, bạch Thέ Tôn, nếu Thέ Tôn thuyết pháp văn tắt cho con. Sau khi nghe Thέ Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

-- Vậy, này Tỷ-kheo, Ông hãy làm cho thanh tịnh những căn bản trong các thiện pháp. Và thế nào là căn bản trong các thiện pháp?

- 4) Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi đoạn tận thân ác hành, hãy tu tập thân thiện hành. Sau khi đoạn tận khẩu ác hành, hãy tu tập khẩu thiện hành. Sau khi đoạn tận ý ác hành, hãy tu tập ý thiện hành. Rồi này Tỷ-kheo, y cứ vào giới, an trú vào giới, Ông hãy tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

5) Ở đây, này Tỷ-kheo, Ông hãy trú, quán thân trên thân... Ông hãy trú, quán thọ trên các cảm thọ... Ông hãy trú, quán tâm trên tâm... Ông hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm,

nhiếp phục tham ưu ở đời.

6) Nay Tỷ-kheo, sau khi y cứ trên giới, an trú trên giới, Ông tu tập bốn niệm xứ này như vậy; thời này Tỷ-kheo, hoặc là đêm hay ngày, hãy chờ đợi ở nơi Ông sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải sự tốn giảm.

7-8). ... (như trên)...

9) Rồi Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

48. VIII. Thân Hữu (S.v,189)

1) Tại Sàvatthi...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, những ai mà các Ông có lòng lân mẫn, những ai mà các Ông nghĩ rằng cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu hay bà con, hay huyết thống; này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải khích lệ các người ấy, hướng dẫn, an trú các người ấy trong sự tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tĩnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

4) Nay các Tỷ-kheo, những ai mà các Ông có lòng lân mẫn, những ai mà các Ông nghĩ rằng cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, huyết thống; này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải khích lệ các người ấy, hướng dẫn, an trú các người ấy trong sự tu tập bốn niệm xứ.

49. IX. Các Cảm Thọ (S.v,189)

1) Tại Sàvatthi...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Nay các Tỷ-kheo, đây là ba thọ.

3) Vì muốn liễu tri ba thọ này, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tĩnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

5) Chính để liễu tri ba cảm thọ này, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

50. X. Các Lậu Hoặc (S.v,189)

1)...

2) -- Có ba lậu hoặc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Nay các Tỷ-kheo, đây ba là lậu hoặc.

3) Chính để đoạn tận ba lậu hoặc này, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên

tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

5) Chính để đoạn tận ba lậu hoặc này, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này cần phải được tu tập.

VI. Phẩm Sông Hằng Rộng Thuyết

(Đoạn này và bốn mục kế tiếp, cho đến cuối Tương Ưng này, đều được tóm tắt trong nguyên bản, chỉ có tên kinh mà thôi, trừ 51-62, I-XII)

51-62. I-XII. (S.v,190)

1)...

2) -- Ví như sông Hằng, này các Tỷ-kheo, thiên về phương Đông, hướng về phương Đông... Cũng vậy, Tỷ-kheo tu tập bốn niệm xứ... xuôi về Niết-bàn.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo... Niết-bàn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp... Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo... xuôi về Niết-bàn.

(Tóm tắt các đề kinh)

(Sáu hướng về Đông và sáu hướng về biển. Hai lần sáu thành mười hai, và mục này được gọi là như vậy. Các kinh được thuyết rộng về bốn niệm xứ, như các kinh trước).

VII. Phẩm Không Phóng Dật

63-72. I-X. (S.v,191)

Gồm các kinh:

Như Lai, Dấu Chân, Nóc Nhọn, Rẽ Cây. Lõi Cây, Hoa Mưa Sanh, Vua, Mặt Trăng, Mặt Trời, Vái, tất cả là mươi kinh.

(Các kinh này được thuyết rộng theo bốn niệm xứ).

VIII. Phẩm Việc Làm Cần Sức Mạnh

73-82. I-X. (S.v,191)

Gồm các kinh:

Quả, Chủng Tử, Rồng, Cây, Ghè, Râu Mì, Hư Không, Khách, Sông.

IX. Phẩm Tầm Cầu

83-93. I-XI. (S.v,192)

Gồm các kinh:

Tầm Cầu, Kiêu Mạn, Lậu Hoặc, Khô Tánh, Ba Chướng Ngại (khila), Cầu Uế, Khô Và Thọ, Ái và Khát, thành phẩm Tầm Cầu.

X. Phẩm Bộc Lưu

93-102. (I-IX) (S.v,191)

103. X. Thượng Phần Kiết Sứ (S.v,191)

1)...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sứ này. Thế nào là năm? Sắc tham, vô sắc tham, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, những pháp này là năm thượng phần kiết sứ.

3) Này các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sứ này, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

5) Này các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sứ này, bốn niệm xứ này phải tu tập.

(Các đề kinh: Bộc Lưu, Ách, Cháp Thủ, Hete Phược, Tùy Miên, Dục Công Đức, Triền Cái, Uẩn, Thượng, Hạ Phần Kiết Sứ).

-ooOoo-

CHƯƠNG IV
48. TUƯƠNG ƯNG CĂN

I. Phạm Thanh Tịnh**1. I. Thanh Tịnh** (Tập 26,3, Đại 2,182c) (S.v,193)

1-2) Tại Sàvatthi... Thέ Tôn thuyέ:t:

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thέ nào là năm? Tín căn, tần căn, niêm căn, định căn, tuệ căn. Nay các Tỷ-kheo, những pháp này là năm căn.

2. II. Dự Lưu (1) (Tập 26,3, Đại 2,182b) (S.v,193)

1-2) ...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thέ nào là năm? Tín căn, tần căn, niêm căn, định căn, tuệ căn.

4) Khi nào vị Thánh đệ tử, nay các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm căn này; khi ấy, nay các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là vị Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

3. III. Dự Lưu (2) (S.v,193)

1-2) ...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thέ nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

4) Khi nào vị Thánh đệ tử, nay các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; khi ấy, nay các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là vị Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

4. IV. A-La-Hán (1) (Tập 26,4, Đại 2,182b) (S.v,194)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thέ nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

3) Khi nào vị Thánh đệ tử, nay các Tỷ-kheo, sau khi như thật rõ biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, được giải thoát không có chấp thủ; khi ấy, nay các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là vị A-la-hán, lậu hoặc đã được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát.

5. V. A-La-Hán (2) (S.v,194)

1) ...

2) Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thέ nào là năm? Tín căn... tuệ căn...

3) Khi nào Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, sau khi như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, được giải thoát không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát.

6. VI. Sa Môn, Bà La Môn (1) (Tập 26,9, Đại 2,182c) (S.v,194)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn...

3) Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly năm căn này; những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình chứng ngộ với thượng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

4) Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly năm căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng tự mình chứng ngộ với thượng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

7. VII. Sa Môn, Bà La Môn (2) (S.v,195)

1-2) ...

3) -- Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết tín căn, không như thật rõ biết tín căn tập khởi, không như thật rõ biết tín căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến tín căn đoạn diệt... không như thật rõ biết tần căn... không như thật rõ biết niêm căn... không như thật rõ biết định căn... không như thật rõ biết tuệ căn, không như thật rõ biết tuệ căn tập khởi, không như thật rõ biết tuệ căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến tuệ căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình chứng ngộ với thượng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay của Bà-la-môn hạnh.

4) Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết tín căn, như thật rõ biết tín căn tập khởi, như thật rõ biết tín căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến tín căn đoạn diệt; như thật rõ biết tần căn... như thật rõ biết niêm căn... như thật rõ biết định căn... như thật rõ biết tuệ căn, như thật rõ biết tuệ căn tập khởi, như thật rõ biết tuệ căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến tuệ căn đoạn diệt; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng tự mình chứng ngộ với thượng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay của Bà-la-môn hạnh.

8. VIII. Cần Phải Quán (Tập 26,5, Đại 2,182b) (S.v,196)

1) ...

- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn...
- 3) Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán tín căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán tín căn trong bốn chánh tín (Phật, Pháp, Tăng, và Giới).
- 4) Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán tấn căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán tấn căn trong bốn chánh căn.
- 5) Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán niệm căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán niệm căn trong bốn niệm xứ.
- 6) Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán định căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán định căn trong bốn Thiên.
- 7) Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán tuệ căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán tuệ căn trong bốn Thánh đế.
- 8) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

9. IX. Phân Biệt (Tập 26,6, Đại 2,182b (S.v,182b) (S.v,196)

- 1) ...
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn...
- 3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn". Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tín căn.
- 4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tấn căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần, tinh tấn đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, với nỗ lực kiên trì, tinh tấn, không có từ bỏ gánh nặng các thiện pháp (anikkhittadhu). Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn căn.
- 5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử chánh niệm, thành tựu niệm tuệ, tối thăng (satinepakkena), úc niệm, tùy niệm các việc làm từ lâu, các lời nói từ lâu. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm căn.
- 6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định, được nhứt tâm. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là định căn.
- 7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt các pháp, trí tuệ các bậc Thánh thể nhập (các pháp), đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ căn.

10. X. Phân Tích (Tập 26,14, Đại 2,183b) (S.v,197)

- 1) Tại Savatthi, ... Thế Tôn thuyết
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn". Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là tín căn.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tấn căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần, tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, với nỗ lực kiên trì, tinh tấn, không có từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp. Vị ấy đối với các pháp bất thiện chưa sanh, phát khởi lòng ước muôn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho không sanh khởi; đối với các pháp bất thiện đã sanh, phát khởi lòng ước muôn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho đoạn tận; đối với các thiện pháp chưa sanh, phát khởi lòng ước muôn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho sanh khởi; đối với các thiện pháp đã sanh, phát khởi lòng ước muôn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho an trú, không có mê ám, được tăng trưởng, quảng đại, được tu tập, được làm cho viên mãn. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn căn.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niêm căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử chánh niêm, thành tựu niêm tuệ, tối thắng, úc niêm, tùy niêm các việc làm từ lâu, và lời nói từ lâu. Vị ấy trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là niêm căn.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định, được nhứt tâm. Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tú... an trú Thiền thứ hai... an trú Thiền thứ ba... từ bỏ lạc, từ bỏ khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niêm thanh tịnh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là định căn.

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, đầy đủ trí tuệ về sự sanh diệt các pháp, trí tuệ thuộc bậc Thánh thể nhập (các pháp), đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Vị ấy như thật rõ biết đây là khổ, như thật rõ biết đây là khổ tập khởi, như thật rõ biết đây là khổ đoạn diệt, như thật rõ biết đây là con đường đưa đến khổ đoạn diệt. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ căn.

8) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

II. Phẩm Có Phần Yếu Hơn (Mudutaravaggo)

11. I. Chứng Được (S.v,199)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc... Phật, Thế Tôn". Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tín căn?

4) Và này các Tỷ-kheo, thê nào là tín căn?

Này các Tỷ-kheo, khi tu tập bốn chánh càn, thâu nhận tinh tấn; này các Tỷ-kheo, đây gọi là tín căn.

5) Và này các Tỷ-kheo, thê nào là niêm căn? Nay các Tỷ-kheo, khi tu tập bốn niêm xứ, thâu nhận niêm; này các Tỷ-kheo, đây gọi là niêm căn.

6) Và này các Tỷ-kheo, thê nào là định căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được nhứt tâm. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là định căn.

7) Và này các Tỷ-kheo, thê nào là tuệ căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt (các pháp), với trí tuệ các bậc Thánh thể nhập (các pháp), đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ căn.

8) Nay các Tỷ-kheo, những pháp này là năm căn.

12. II. Tóm Tắt (1) (Tập 26, 7, Đại 2, 182c, 196c)(S.v,200)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thê nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

3) Với sự toàn diện (samattà), này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Bát hoàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Dự lưu. Yếu nhẹ hơn nữa là bậc Tùy pháp hành. Yếu nhẹ hơn nữa là bậc Tùy tín hành.

13. III. Tóm Tắt (2) (Tập 26, 11, Đại 2, 182a) (S.v,200)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thê nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

3) Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán... là bậc Tùy tín hành.

4) Như vậy, này các Tỷ-kheo, có sự sai biệt về căn, có sự sai biệt về quả, có sự sai biệt về súc mạnh, có sự sai biệt về người.

14. IV. Tóm Tắt (3) (S.v,201)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm?

Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

3) Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán... là bậc Tùy tín hành.

4) Như vậy, này các Tỷ-kheo, ai làm viên mãn, được quả viên mãn. Ai làm từng phần, được quả từng phần. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng năm căn không phải trống không.

15. V. Rộng Thuyết(1) (S.v,201)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

3) Với sự đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Tồn hại Bát-niết-bàn (Upahacca parinibhavii). Yếu nhẹ hơn là bậc Vô hành Niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Hữu hành Niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Thượng lưu, đạt đến Sắc cirus cánh thiên. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Dự lưu. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy pháp hành. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy tín hành.

16. VI. Rộng Thuyết (2) (S.v,201)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

3) Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn... là bậc Tùy tín hành.

4) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự sai khác về căn, sự sai khác về quả, sự sai khác về lực, sự sai khác về người.

17. VII. Rộng Thuyết (3) (S.v,202)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

3) Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian bát Niết-bàn... Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy tín hành.

4) Như vậy, này các Tỷ-kheo, ai làm viên mãn, được quả viên mãn; ai làm từng phần, được quả từng phần. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng năm căn không phải trống không.

18. VIII. Thực Hành (Hướng: Patipanno) (Tập 26.11,Đại 2,183a) (S.v,202)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

3) Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả A-la-hán (A-la-hán hướng). Yếu nhẹ hơn là bậc Bất lai. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Bất lai (A-na-hàm hướng). Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất lai. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Nhất lai (Nhất lai hướng). Yếu nhẹ hơn là bậc Dự lưu. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Dự lưu (Dự lưu hướng).

4) Đối với ai, này các Tỷ-kheo, năm căn này toàn bộ và toàn diện không có, thời Ta nói rằng người ấy là người đứng phía ngoài, là thuộc thành phần phàm phu.

19. IX. Tịch Tịnh (Upasanno) (S.v,202)

1) ...

2) -- Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thế Tôn:

3) -- "Căn đầy đủ, căn đầy đủ", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là căn đầy đủ?

4) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ... tu tập tuệ căn, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ.

5) Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có căn đầy đủ.

20. X. Đoạn Tận Các Lậu Hoặc (Tập 26.8, Đại 2,182c) (S.v,203)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

3) Do tu tập, do làm cho sung mãn năm căn này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

III. Phẩm Sáu Căn

21. I. Không Có Tái Sanh, hay Người Có Trí (Tập 26.9, Đại 2,182c) (S.v,203)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

3) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta không biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

4) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta mới biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới, như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người..

22. II. Mạng (S.v,204)

- 1) ...
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba căn này. Thế nào là ba? Nữ căn, nam căn, mạng căn.
- 3) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn.

23. III. Chánh Lý (Tập 26.1, Đại 2,182a) (S.v,204)

- 1) ...
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba căn này. Thế nào là ba? Vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn.
- 3) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn.

24. IV. Nhứt Thắng Trí, hay Nhứt Chứng Tử (Tập 26. 12, Đại 1,183) (S.v,204)

- 1) ...
- 2) -- Có năm căn này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.
- 3) Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Tốn hại Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Vô hành Niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Hữu hành Niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Thượng lưu đạt tới Sắc cứu cánh thiền. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhứt chứng. Yếu nhẹ hơn là bậc gia gia (kolankolo). Yếu nhẹ hơn là bậc phải tái sanh lại nhiều nhất là bảy lần. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy pháp hành. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy tín hành.

25. V. Thanh Tịnh (S.v,205)

- 1) ...
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhã căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn.
- 3) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là sáu căn.

26. VI. Dòng Nước Hay Dự Lưu (S.v,205)

- 1) ...
- 2) -- Nay các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhã căn... ý căn.

3) Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi sáu căn căn này; khi ấy, vị Thánh đệ tử được gọi là bậc Dụ lưu, không còn bị thói đọa, quyết định đạt tới Chánh Đẳng Giác.

27. VII. A-La-Hán (1) (S.v,205)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhẫn căn... ý căn.

3) Khi nào Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, sau khi như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi sáu căn này, được giải thoát, không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nêu làm đã làm, đã gặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn diệt, chánh trí, giải thoát.

28. VIII. A-La-Hán hay Phật (2) (S.v,205)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhẫn căn... ý căn.

3) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta chưa như thật chứng tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi sáu căn này, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta không biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới, như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta như thật chứng tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi sáu căn này, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta mới nhận biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới, như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

29. IX. Sa-Môn, Bà-La- Môn (1) (S.v,206)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhẫn căn... ý căn.

3) Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi sáu căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

4) Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi sáu căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

30. X. Sa-Môn, Bà-La-Môn (2) (S.v,206)

1-2) ...

3) -- Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết nhẫn căn, không như thật rõ biết nhẫn căn tập khởi, không như thật rõ biết nhẫn căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến nhẫn căn đoạn diệt... nhĩ căn... tỳ căn... thiệt căn... thân căn... không như thật rõ biết ý căn, không như thật rõ biết ý căn tập khởi, không như thật rõ biết ý căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến ý căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

4) Nhưng những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết nhẫn căn, như thật rõ biết nhẫn căn tập khởi, như thật rõ biết nhẫn căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến nhẫn căn đoạn diệt... nhĩ căn... tỳ căn... thiệt căn... thân căn... như thật rõ biết ý căn, như thật rõ biết ý căn tập khởi, như thật rõ biết ý căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến ý căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

IV. Phẩm Lạc Căn**31. I. Thanh Tịnh (S.v,207)**

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

3) Những pháp này,này các Tỷ-kheo, là năm căn.

32. II. Dòng Nước (S.v,207)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

3) Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi năm căn này; vị Thánh đệ tử ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết định đạt đến Chánh Đẳng Giác.

33. III. A-La-Hán (S.v,208)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

3) Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sau khi như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi năm căn này, được giải thoát không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo,

Tỷ-kheo ấy được gọi là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nêu làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát.

34. IV. Sa-Môn, Bà-La-Môn (1) (S.v,208)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

3) Vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi năm căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

4) Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi năm căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng tự mình chứng ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

35. V. Sa-Môn, Bà-La-Môn (2) (S.v,208)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

3) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không rõ biết lạc căn, không rõ biết lạc căn tập khởi, không rõ biết lạc căn đoạn diệt, không rõ biết con đường đưa đến lạc căn đoạn diệt... không rõ biết xả căn, không rõ biết xả căn tập khởi, không rõ biết xả căn đoạn diệt, không rõ biết con đường đưa đến xả căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

4) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, rõ biết lạc căn, rõ biết lạc căn tập khởi, rõ biết lạc căn đoạn diệt, rõ biết con đường đưa đến lạc căn đoạn diệt... rõ biết xả căn, rõ biết xả căn tập khởi, rõ biết xả căn đoạn diệt, rõ biết con đường đưa đến xả căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

36. VI. Phân Tích (1) (S.v,209)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc căn? Nay các Tỷ-kheo, cái gì lạc thuộc về thân, cái gì thích thú

thuộc về thân, cái gì lạc do thân xúc sanh, cái gì thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là lạc căn.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ căn? Nay các Tỷ-kheo, cái gì khổ thuộc về thân, cái gì không thích thú thuộc về thân, cái gì khổ do thân xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là khổ căn.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hỷ căn (somanassa)? Nay các Tỷ-kheo, cái gì lạc thuộc về tâm, cái gì thích thú thuộc về tâm, cái gì lạc do ý xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hỷ căn.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ưu căn? Nay các Tỷ-kheo, cái gì khổ thuộc về tâm, cái gì không thích thú thuộc về tâm, cái gì khổ do ý xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là ưu căn.

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả căn? Nay các Tỷ-kheo, cái gì không thích thú và không không thích thú thuộc về thân hay thuộc về tâm được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là xả căn.

8) Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

37. VII. Phân Tích (2) (S.v,209)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc căn?... (Như số 3, kinh trước).

4-7). ... (Như số 4 đến 7 của kinh trước) ...

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, cái gì thuộc lạc căn và cái gì thuộc hỷ căn, cần phải xem là lạc thọ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, cái gì thuộc về khổ căn, và cái gì thuộc ưu căn, cần phải xem là khổ thọ. Ở đây, cái gì thuộc xả căn, cần phải xem là bất khổ bất lạc thọ.

9) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

38. VIII. Phân Tích (3) (S.v,210)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc căn?... (như trên) ...

4-8) ...(như trên) ...

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các căn này, trước năm sau trở thành ba, trước ba sau trở thành năm, tùy theo pháp môn.

39. IX. Cây Quay Ra Lửa (Arani) (S.v,211)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

3) Nay các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là lạc, khởi lên lạc căn. Khi cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác lạc thọ". Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là lạc ấy, lạc căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng (tajjam) được cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết lạc căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

4) Nay các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là khổ, khởi lên khổ căn. Khi cảm thọ là khổ, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác khổ thọ". Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là khổ ấy, khổ căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là khổ, người ấy rõ biết khổ căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

5) Nay các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là hỷ, khởi lên hỷ căn. Khi cảm thọ là hỷ, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác hỷ". Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là hỷ ấy, hỷ căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là hỷ, người ấy rõ biết hỷ căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

6) Nay các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là ưu, khởi lên ưu căn. Khi cảm thọ là ưu, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác ưu thọ". Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là ưu ấy, ưu căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là ưu, người ấy rõ biết ưu căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

7) Nay các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là xả, khởi lên xả căn. Khi cảm thọ là xả, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác xả thọ". Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là xả ấy, xả căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là xả, người ấy rõ biết xả căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

8) Ví như, nay các Tỷ-kheo, sự xúc chạm và sự cọ xát hai thanh cùi, sức nóng sanh khởi, lửa được hiện hữu. Khi hai thanh cùi ấy được tách rời, được ly khai, sức nóng thích ứng ấy được đoạn diệt, được tịnh chỉ. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là lạc, khởi lên lạc căn. Khi cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác lạc thọ". Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là lạc ấy, lạc căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết lạc căn ấy diệt, được tịnh chỉ. Do duyên xúc được cảm thọ là khổ, khởi lên khổ căn... Do duyên xúc được cảm thọ là hỷ, khởi lên hỷ căn... Do duyên xúc được cảm thọ là ưu, khởi lên ưu căn... Do duyên xúc được cảm thọ là xả, khởi lên xả căn. Khi cảm thọ là xả, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác xả thọ". Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là xả ấy, xả căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là xả, người ấy rõ biết xả căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

40. X. Sanh (S.v,213)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Khổ căn, ưu căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn.

3) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên khổ căn, vị ấy rõ biết như vậy: "Khổ căn này khởi lên nơi ta". Và khổ căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và khổ căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên sẽ khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Và vị ấy rõ biết khổ căn, rõ biết khổ căn tập khởi, rõ biết khổ căn đoạn diệt. Từ chỗ nào, khổ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết khổ căn ấy. Và tại chỗ nào khổ căn khởi lên, được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tú. Ở đây, khổ căn khởi lên, được đoạn diệt không có dư tàn. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của khổ căn, tập trung tâm (upasamhāsi) để đạt tới điều kiện ấy.

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên ưu căn, vị ấy rõ biết như vậy: "Trong ta khởi lên ưu căn này". Và ưu căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và ưu căn ấy có thể khởi lên, không tướng, không nhân, không hành, không duyên; sự kiện như vậy không xảy ra. Và vị ấy rõ biết ưu căn, rõ biết ưu căn tập khởi, rõ biết ưu căn đoạn diệt. Từ chỗ nào, ưu căn khởi lên, được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết ưu căn ấy. Và tại chỗ nào ưu căn khởi lên, được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ tầm và tú, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tú, nội tịnh, nhứt tâm. Và ở đây, ưu căn khởi lên, được đoạn diệt không có dư tàn. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của ưu căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên lạc căn; vị ấy rõ biết như vậy: "Lạc căn này khởi lên nơi ta". Lạc căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và lạc căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Và vị ấy rõ biết lạc căn, rõ biết lạc căn tập khởi, rõ biết lạc căn đoạn diệt. Từ chỗ nào, lạc căn khởi lên, được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết lạc căn ấy. Và tại chỗ nào lạc căn khởi lên, được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ, trú xả, chánh niệm, tinh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niêm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Ở đây, lạc căn khởi lên, được đoạn diệt không có dư tàn. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của lạc căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên hỷ căn; vị ấy rõ biết như sau: "Hỷ căn này khởi lên nơi ta". Và hỷ căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và hỷ căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Vị ấy rõ biết hỷ căn, rõ biết hỷ căn tập khởi, rõ biết hỷ căn đoạn diệt. Từ chỗ nào khởi lên, hỷ căn được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết hỷ căn ấy. Và tại chỗ nào hỷ căn khởi lên, được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn lạc, đoạn khô, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc xả niêm thanh tịnh. Ở đây, hỷ căn khởi lên, được đoạn diệt không có dư tàn. Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của hỷ căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên xả căn, vị ấy rõ biết như sau: "Xả căn này khởi lên nơi ta". Và xả căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và xả căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Vị ấy rõ biết xả căn, rõ biết xả căn tập khởi, rõ biết xả căn đoạn diệt. Từ chỗ nào khởi lên, xả căn được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết xả căn ấy. Và tại chỗ nào xả căn khởi lên, được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú diệt thọ tưởng định. Ở đây, xả căn khởi lên, được đoạn diệt không có dư tàn. Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của xả căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

V. Phẩm Về Già

41. I. Già (S.v,216)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Sàvatthi, tại Pubbàràma, trong lâu đài của mẹ Migàra.

2) Lúc bấy giờ, Thé Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ độc cư đứng dậy, ngồi sưởi ấm lưng trong ánh nắng phương Tây.

3) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lề Thé Tôn, với tay xoa bóp chân tay cho Thé Tôn, thưa rằng:

-- Thật kinh hoàng thay, bạch Thé Tôn! Thật kỳ dị thay, bạch Thé Tôn! Bạch Thé Tôn, màu da Thé Tôn nay không còn thanh tịnh, trong sáng, tay chân rã rời (sithilāni), nhăn nheo, thân được thấy còm về phía trước, và các cǎn đang bị đổi khác, nhǎn cǎn, nhĩ cǎn, tỳ cǎn, thiệt cǎn, thân cǎn.

4) -- Sự thě là vậy, này Ananda, tánh già nằm trong tuổi trẻ; tánh bệnh ở trong súc khỏe; tánh chét ở trong sự sống. Như vậy, màu da không còn thanh tịnh, trong sáng, tay chân rã rời, nhăn nheo, thân còm về phía trước, và các cǎn đang bị đổi khác, nhǎn cǎn, nhĩ cǎn, tỳ cǎn, thiệt cǎn, thân cǎn.

5) Thé Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

-- Bất hạnh thay tuổi già! Đáng sợ thay cuộc sống! Tuổi già làm phai nhạt sắc diện của màu da. Hình bóng trước khả ý, nay già đã phá tan! Ai sống được trăm tuổi, cuối cùng cũng phải chết, không bỏ sót ai, tất cả bị phá sập.

42. II. Bà La Môn Unnàbha (S.v,217)

1) Ở Sàvatthi...

2) Rồi Bà-la-môn Unnàbha đi đến Thé Tôn; sau khi đến, nói lên với Thé Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Bà-la-môn Unnàbha thưa Thé Tôn:

3) -- Có năm cǎn này, thưa Tôn giả Gotama, đổi cảnh khác nhau (nànavisayāni), hành cảnh khác nhau (nàna - gocarāni), chúng không dung nạp (paccanubhoniti) hành cảnh đổi cảnh của nhau. Thé nào là năm? Nhǎn cǎn, nhĩ cǎn, tỳ cǎn, thiệt cǎn, thân cǎn. Thưa Tôn giả Goama, năm cǎn này, đổi cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp hành cảnh đổi cảnh của nhau, thời cái gì làm chỗ quy tựa cho chúng? Và cái gì dung nạp hành cảnh đổi cảnh của chúng?

4) -- Này Bà-la-môn, có năm cǎn này, đổi cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp hành cảnh đổi cảnh của nhau. Thé nào là năm? Nhǎn cǎn... thân cǎn. Này Bà-la-môn, năm cǎn này, đổi cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp hành cảnh đổi cảnh của nhau, ý làm chỗ quy tựa cho chúng, ý dung nạp hành cảnh đổi cảnh của chúng.

5) -- Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho ý?

-- Này Bà-la-môn, niệm là chỗ quy tựa cho ý.

6) -- Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho niệm?

-- Này Bà-la-môn, giải thoát là chỗ quy tựa cho niệm.

7) -- Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho giải thoát?

-- Này Bà-la-môn, Niết-bàn là chỗ quy tựa cho giải thoát.

8) -- Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì là chỗ quy tựa cho Niết-bàn?

-- Nay Bà-la-môn, câu hỏi đi quá xa (ajjhaparam) không thể nắm được chỗ tận cùng của câu hỏi. Nay Bà-la-môn, Phạm hạnh được sống để thể nhập Niết-bàn, Phạm hạnh lấy Niết-bàn làm mục đích, lấy Niết-bàn làm cứu cánh.

9) Rồi Bà-la-môn Unnàbha hoan hỷ, tín thọ lời Thέ Tôn thuyết, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thέ Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

10) Sau khi Bà-la-môn ra đi không bao lâu, Thέ Tôn bảo các Tỷ-kheo:

11) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái nhà có nóc nhọn, hay một giảng đường có nóc nhọn, với cửa sổ hướng về phía Đông, khi mặt trời mọc và các tia nắng chiếu vào ngang qua cửa sổ, chúng dựa vào chỗ nào?

-- Chúng dựa trên bức tường phía Tây, bạch Thέ Tôn.

12) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, lòng tin của Bà-la-môn Unnàbha hướng về, căn cứ, được an trú trên Như Lai. Lòng tin ấy kiên cố, không bị Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chiếm đoạt. Nếu trong lúc này, này các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Unnàbha bị mệnh chung, không có một kiết sử nào có thể cột đế kéo Bà-la-môn Unnàbha trở lui về đời này.

43. III. Sàketa (S.v,219)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Sàketa, tại rừng Anjana, vườn Lộc Uyển.

2) Lúc bấy giờ, Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, có pháp môn nào, y theo pháp môn ấy, năm căn túc là năm lực, và năm lực trở thành năm căn?

-- Bạch Thέ Tôn, các pháp lấy Thέ Tôn làm căn bản...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có pháp môn, y theo pháp môn ấy, năm căn túc là năm lực, và năm lực trở thành năm căn. Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y theo pháp môn ấy, năm căn túc là năm lực, và năm lực trở thành năm căn?

4) Cái gì là tín căn, này các Tỷ-kheo, cái ấy là tín lực. Cái gì là tín lực, cái ấy là tín căn. Cái gì là tấn căn, cái ấy là tấn lực. Cái gì là tấn lực, cái ấy là tấn căn... Cái gì là tuệ căn, cái ấy là tuệ lực. Cái gì là tuệ lực, cái ấy là tuệ căn.

5) Ví như, này các Tỷ-kheo, một con sông thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông, và giữa con sông có hòn đảo. Nay các Tỷ-kheo, có pháp môn, y theo pháp môn ấy, dòng con sông ấy được tính là một. Nhưng này các Tỷ-kheo, lại có pháp môn, y theo pháp môn ấy, dòng con sông ấy được tính là hai.

6) Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y theo pháp môn ấy, được tính là một? Nay các Tỷ-kheo, nước cuối phía Đông và nước cuối phía Tây của hòn đảo ấy được tính là một dòng. Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp môn, y theo pháp môn ấy, dòng con sông ấy được tính là một.

7) Và này các Tỷ-kheo, pháp môn áy là gì, y theo pháp môn áy, dòng con sông áy được tính là hai? Này các Tỷ-kheo, nước cuối phía Bắc và nước cuối phía Nam của hòn đảo áy được tính là hai dòng. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp môn, y theo pháp môn áy, dòng sông áy được tính là hai.

8) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì là tín căn, cái áy là tín lực. Cái gì là tín lực, cái áy là tín căn... Cái gì là tuệ căn, cái áy là tuệ lực. Cái gì là tuệ lực, cái áy là tuệ căn.

9) Này các Tỷ-kheo, do tu tập, do làm cho sung mãn năm căn này, Tỷ-kheo đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, với thăng trí tự mình chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không có lậu hoặc.

44. IV. Pubbakotthaka (Ngôi nhà phía Đông) (S.v,220)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi, tại Pubbakotthaka.

2) Tại đây, Thέ Tôn bảo Tôn giả Sàriputta:

3) -- Ông có tin không, này Sàriputta, tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh...? Ông có tin không, này Sàriputta, tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh?

4) -- Ở đây, bạch Thέ Tôn, con không đi với lòng tin của Thέ Tôn, rằng tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Với những ai, bạch Thέ Tôn, không chứng tri, không thấy, không hiểu, không chứng ngộ, không đạt tới với trí tuệ; họ cần đi với lòng tin của kẻ khác (tin rằng): "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh". Còn với những ai, bạch Thέ Tôn, đã chứng tri, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ, đã đạt tới với trí tuệ; những người áy, ở đây, không có nghi ngờ, không có phân vân (tin rằng): "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh". Còn con, bạch Thέ Tôn, đã chứng tri, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ, đã đạt tới với trí tuệ; con ở đây, không có nghi ngờ, không có phân vân (tin rằng): "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh".

5) -- Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Với những ai, này Sàriputta, không chứng tri, không thấy, không hiểu, không chứng ngộ, không đạt tới với trí tuệ; ở đây, họ cần đi với lòng tin của kẻ khác (tin rằng): "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh". Và còn với những ai, này Sàriputta, đã chứng tri, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ, đã đạt tới với trí tuệ; những người áy, ở đây không có nghi ngờ, không có phân vân (tin rằng): "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh".

45. V. Vườn Phía Đông (1) (S.v, 222)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn ở Sàvatthi, tại Đông Viên, ở lầu đài của mẹ Migàra.

2) Tại đây, Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?

-- Bạch Thé Tôn, các pháp lấy Thé Tôn làm căn bản...

3) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn chỉ một căn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa". Một căn ấy là căn gì?

4) Với vị Thánh đệ tử có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, tất nhiên (tadanvayà) tín được an trú, tất nhiên tinh tấn được an trú, tất nhiên niêm được an trú, tất nhiên định được an trú.

5) Do tu tập, do làm cho sung mãn chỉ một căn này, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

46. VI. Vườn Phía Đông (2) (S.v, 222)

1) Nhân duyên như trên.

2) -- Bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?

-- Bạch Thé Tôn, các pháp lấy Thé Tôn làm căn bản...

3) -- Hai căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa". Thế nào là hai?

4) Thánh trí tuệ và Thánh giải thoát. Cái gì trong vị ấy, này các Tỷ-kheo, là Thánh trí tuệ, cái ấy là tuệ căn. Cái gì trong vị ấy, này các Tỷ-kheo, là Thánh giải thoát, cái ấy là định căn.

5) Hai căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

47. VII. Vườn Phía Đông (3). (S.v, 223)

1) Nhân duyên như trên.

2) -- Có bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?

-- Bạch Thé Tôn, các pháp lấy Thé Tôn làm căn bản...

3-5) ... (như trên, chỉ khác là kinh này nói đến bốn căn túc tấn căn, niêm căn, định căn, tuệ căn...)

48. VIII. Vườn Phía Đông (4) (S.iv,223)

... (như kinh trước, chỉ khác là đây chỉ năm căn túc tín căn, tấn căn, niêm căn, định căn, tuệ căn) ...

49. IX. Pindolo (Kẻ tìm tội các đồng rác) (S.iv,224)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Pindolabhàradvàja tuyên bố với chánh trí như sau: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa. Ta rõ biết như vậy".

3) Rồi một số đồng Tỷ-kheo đi đến Thé Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thé Tôn:

-- Tôn giả Pindolabhàradvàja đã tuyên bố với chánh trí như sau: "Ta rõ biết rằng: Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa". Do thấy lý do gì (althavasam), bạch Thé Tôn, Tôn giả Pindolabhàradvàja lại tuyên bố với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?

4) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn ba căn, này các Tỷ-kheo, khiến Tỷ-kheo Pindolabhàradvàja tuyên bố với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa". Ba căn ấy là gì?

5) Niệm căn, định căn, tuệ căn.

6) Chính do tu tập, do làm cho sung mãn ba căn này, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo Pindolabhàradvàja đã tuyên bố với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

7) Và này các Tỷ-kheo, ba căn này, chúng đi đến tận cùng ở đâu? Tận cùng đi đến đoạn diệt. Đi đến đoạn diệt cái gì? Đi đến đoạn diệt gì? -- Sanh già và chết. Vì thấy sanh già và chết đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, nên Tỷ-kheo Pindolabhàradvàja đã tuyên bố với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

50. X. Tín, hay Ngôi Chợ (S.v,225)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở giữa dân chúng Anga, tại thị trấn của dân chúng Anga tên là Apana.

2) Tại đây, Thé Tôn bảo Tôn giả Sàriputta:

-- Này Sàriputta, có vị Thánh đệ tử nào đi đến nhứt tâm và hoàn toàn tin tưởng ở Nhu Lai; vị ấy có thể có phân vân hay nghi ngờ đối với Nhu Lai, hay đối với lời giảng dạy của Nhu Lai?

3) -- Vị Thánh đệ tử nào, bạch Thé Tôn, đi đến nhứt tâm và hoàn toàn tin tưởng ở Nhu Lai; vị ấy không có thể phân vân hay nghi ngờ đối với Nhu Lai, hay đối với lời giảng dạy của Nhu Lai. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin, được chờ đợi rằng: Vị ấy sẽ trú tinh cần, tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện, để làm sanh khởi các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, tinh tấn, không có quăng bỏ gánh nặng đối với thiện pháp.

4) Sự tinh tấn của vị ấy, bạch Thé Tôn, là tần căn của vị ấy. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin và tinh cần, tinh tấn, bạch Thé Tôn, được chờ đợi rằng: Vị ấy có niêm, thành tựu niêm tuệ tối thắng, úc niêm, tùy niêm những điều làm đã lâu, nói đã lâu ngày.

5) Sự niêm của vị áy, bạch Thé Tôn, là niêm căn của vị áy. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin, tinh cần, tinh tấn, với niêm được an trú, bạch Thé Tôn, được chờ đợi rằng: Sau khi từ bỏ pháp sở duyên, vị áy sẽ được định, được nhứt tâm.

6) Định của vị áy, bạch Thé Tôn, là định căn của vị áy. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin, an trú chánh niêm, với tâm Thiền định, bạch Thé Tôn, được chờ đợi như sau: Vị áy rõ biết rằng vô thi là luân hồi, khởi điểm đầu tiên không thể chỉ rõ. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị khát ái trói buộc, lưu chuyền luân hồi. Sự ly tham, đoạn diệt vô minh không có dư tàn, ô nhom u ám áy, là tịch tịnh của vị này, là thù thăng của vị này, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn tận tham ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn.

7) Trí tuệ của vị áy, bạch Thé Tôn, là tuệ căn của vị áy. Vị Thánh đệ tử có lòng tin áy, tinh tấn, tinh cần như vậy; ức niêm, ức niêm như vậy; định tĩnh, định tĩnh như vậy; rõ biết, rõ biết như vậy; lòng thâm tín như sau sanh khởi: "Những pháp này mà trước kia ta từng được nghe, nay ta trú, tự thân chứng đạt những pháp áy. Nay với trí tuệ, ta thế nhập chúng, ta thấy chúng rõ ràng".

8) Lòng tin của vị áy, bạch Thé Tôn, là tín căn của vị áy.

9) -- Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Vị Thánh đệ tử nào, này Sàriputta, đi đến nhứt tâm và hoàn toàn tin tưởng ở Như Lai; vị áy không có phân vân, không có nghi ngờ gì đối với Như Lai, hay đối với lời dạy của Như Lai. Vị Thánh đệ tử nào có lòng tin, này Sàriputta, được chờ đợi như sau: Vị áy sẽ trú tinh cần, tinh tấn, để đoạn tận các pháp bất thiện, để làm sanh khởi các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì tinh tấn, không quăng bỏ gánh nặng đối với thiện pháp.

10-13) Sự tinh tấn của vị áy, này Sàriputta, là tấn căn của vị áy. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin và tinh cần, tinh tấn, này Sàriputta... Vị Thánh đệ tử có lòng tin áy, tinh cần, tinh tấn như vậy; rõ biết, rõ biết như vậy; lòng thâm tín như sau sanh khởi: "Những pháp này trước kia ta từng được nghe, nay ta trú, tự thân chứng đạt những pháp áy. Nay với trí tuệ, ta thế nhập chúng, ta thấy chúng rõ ràng".

14) Lòng tin của vị áy, này Sàriputta tức là tín căn của vị áy.

VI. Phẩm Thứ Sáu

51. I. Sàlà (S.v.227)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú giữa dân chúng Kosala, tại một làng Bà-la-môn tên Sàlà.

2) Tại đây, Thé Tôn gọi các Tỷ-kheo...

3) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, trong các loài bàng sanh, con sư tử, vua các loài thú, được xem là tối thượng, tức là về sức mạnh, về tốc lực, về dũng mãnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp thuộc phần giác ngộ?

4) Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ. Tán căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ. Niệm căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ. Định căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ. Tuệ căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ.

5) Ví như, này các Tỷ-kheo, trong các loài bàng sanh, con sư tử, vua các loài thú, được xem là tối thượng, tức là về sức mạnh, về tốc lực, về dũng mãnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

52. II. Mallikà (Tập 26,13, Đại 2,183b) (S.v,228)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở giữa dân chúng Mallikà, tại một thị trấn của dân chúng Mallikà tên là Uruvelakappa.

2) Ở đây, Thέ Toân gọi các Tỷ-kheo...

3) -- Cho đến khi nào Thánh trí chưa khởi lên nơi vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, bốn căn chưa được đăng trú (santhiti), cho đến khi ấy, bốn căn chưa được an trú (avatthiti). Và cho đến khi nào Thánh trí khởi lên nơi Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, bốn căn được đăng trú, cho đến khi ấy, bốn căn được an trú.

4) Ví như, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào xà ngang của một nhà có mái nhọn chưa được gác qua, cho đến khi ấy, các kèo nhà chưa được đăng trú, cho đến khi ấy, các kèo nhà chưa được an trú. Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào xà ngang của một nóc nhà có mái nhọn được gác qua, cho đến khi ấy, các kèo nhà được đăng trú, cho đến khi ấy, các kèo nhà được an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Thánh trí chưa khởi lên nơi vị Thánh đệ tử, cho đến khi ấy, bốn căn chưa được đăng trú, cho đến khi ấy, bốn căn chưa được an trú. Và cho đến khi nào Thánh trí khởi lên nơi vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, bốn căn được đăng trú, cho đến khi ấy, bốn căn được an trú. Thế nào là bốn? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn.

5) Với vị Thánh đệ tử có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, tất nhiên lòng tin được đăng trú, tất nhiên tinh tấn được đăng trú, tất nhiên niệm được đăng trú, tất nhiên định được đăng trú.

53. III. Hữu Học (S.v,229)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita.

2) Tại đây, Thέ Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Có pháp môn nào, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc hữu học", Tỷ-kheo vô học (asekha) đứng trên vô học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc vô học"?

-- Bạch Thέ Tôn, các pháp lấy Thέ Tôn làm căn bản...

3) -- Có pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc hữu học", Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa, có thể rõ biết: "Tôi là bậc vô học".

4) Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học trú trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học". Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học như thật rõ biết: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập khởi", như thật rõ biết: "Đây là khổ đoạn diệt", như thật rõ biết: "Đây là

con đường đưa đến khổ đoạn diệt". Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".

5) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học suy nghĩ như sau: "Ngoài Tăng chúng này, có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn hay không?". Và vị ấy rõ biết như sau: "Ngoài Tăng chúng này, không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn". Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".

6) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học rõ biết năm căn: tín căn... tuệ căn. Nhưng về sanh thú, về tối thặng, về quả, về mục đích của chúng, vị ấy không có thể trú, tự thân thông đạt được, và không thể với trí tuệ, thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo... rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".

7) Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa rõ biết: "Ta là bậc vô học"? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vô học rõ biết năm căn: tín căn... tuệ căn với sanh thú của chúng, với tối thặng của chúng, với quả của chúng, với mục đích của chúng. Và vị ấy trú, với tự thân thông đạt được, và với trí tuệ thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa rõ biết: "Tôi là bậc vô học".

8) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vô học rõ biết sáu căn: nhẫn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn. Vị ấy rõ biết: "Sáu căn này được đoạn diệt, không có dư tàn, toàn bộ và toàn diện. Và sẽ không có sáu căn khác khởi lên, tại một chỗ nào và như thế nào". Vị ấy rõ biết như vậy. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn ấy. Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa, rõ biết: "Tôi là bậc vô học".

54. IV. Vết Chân (S.v,234)

1) ...

2)-- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các bàn chân của loài hổu tinh bộ hành (jangalànam pàṇànam), tất cả bàn chân ấy nằm gọn trong bàn chân con voi. Bàn chân con voi được xem là tối thượng, trong các loại bàn chân, tức là về to lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong tất cả bàn chân nào (padàni) đưa đến giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng về phương diện giác ngộ.

3) Và này các Tỷ-kheo, những bàn chân nào đưa đến giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là bàn chân đưa đến giác ngộ. Tán căn... niệm căn... định căn... tuệ căn là bàn chân đưa đến giác ngộ.

4) Ví như, này các Tỷ-kheo, trong bát cú loại chân nào của những loài bộ hành, tất cả loại chân đều nằm gọn trong bàn chân của con voi. Bàn chân con voi được xem là tối thượng trong các loại bàn chân, tức là về to lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có bàn chân nào đưa đến giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng trong tất cả bàn chân, tức là về giác ngộ.

55. V. Lõi Cây (S.v,231)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những lõi hương nào, cây chiên-dàn đỗ được xem là tối thượng trong tất cả lõi hương. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn là

pháp tối thượng trong tất cả pháp áy, tức là về phần giác ngộ.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp thuộc phần giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ, pháp áy đưa đến giác ngộ... Tuệ căn là pháp thuộc phần giác ngộ, pháp áy đưa đến giác ngộ.

4) Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những lõi hương nào, cây chiên-dàn đó được xem là tối thượng trong các lõi hương. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tuệ căn được xem là tối thượng trong các pháp áy, tức là về giác ngộ.

56. VI. Y Chỉ , An Trú (S.v,232)

1) Tại Sàvatthi...

2) -- Tỷ-kheo y chỉ một pháp, này các Tỷ-kheo, năm căn được tu tập, được khéo tu tập. Một pháp áy là gì? Là không phóng dật.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp không phóng dật? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hộ trì tâm đối với các lậu hoặc và các pháp hữu lậu. Do vị ấy hộ trì tâm đối với các lậu hoặc và các pháp hữu lậu, nên tín căn được tu tập đi đến viên mãn... tuệ căn được tu tập đi đến viên mãn.

4) Tỷ-kheo y chỉ một pháp như vậy, này các Tỷ-kheo, năm căn được tu tập, đi đến viên mãn.

57. VII. Phạm Thiên (S.v,232)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Uruvela, trên bờ sông Neranjara, dưới cây bàng Ajapala, khi vừa mới giác ngộ.

2) Rồi Thé Tôn trong khi độc cư Thiền định, tâm tư suy tưởng sau đây được khởi lên: "Năm căn được tu tập, được làm sung mãn, thế nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là năm? Tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thế nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Tín căn... Niệm căn... Định căn... Tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thế nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Năm căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, thế nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh".

3) Rồi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biết được tâm tư suy tưởng của Thé Tôn, ví như người lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra, cũng vậy, Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thé Tôn.

4) Rồi Phạm thiên Sahampati, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái chào Thé Tôn và bạch Thé Tôn:

-- Thưa vậy là phải, bạch Thé Tôn. Thưa vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Năm căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thế nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là năm? Tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thế nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh... Tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thế nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh.

5) Thuở xưa, bạch Thé Tôn, con sống Phạm hạnh trong thời ngài Kassapa Chánh đăng Chánh giác. Tại

đấy mọi người biết con là: "Tỷ-kheo Sahaka, Tỷ-kheo Sahaka". Và con, bạch Thέ Tôn, nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn năm căn này, sau khi từ bỏ dục tham đói với các dục, sau khi thân hoại mạng chung, con được sanh lên thiện thú, Phạm thiên giới. Tại đây, họ gọi con là: "Phạm thiên Sahampati, Phạm thiên Sahampati".

6) Như vậy là phải, bạch Thέ Tôn. Như vậy là phải bạch Thiên Thệ. Con biết như sau, con thấy như sau: "Năm căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh".

58. VIII. Hang Con Gáu (S.v,233)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Gijjhakuuta (núi Linh Thú) trong hang Con Gáu (suukarakhatà).

2) Tại đây, Thέ Tôn bảo Tôn giả Sàriputta:

-- Do thấy lý do gì, này Sàriputta, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Nhu Lai, hay lời giảng dạy của Nhu Lai?

-- Vì thấy vô thượng an ủn khỏi các khổ ách, bạch Thέ Tôn, nên Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Nhu Lai, hay lời giảng dạy của Nhu Lai.

3) -- Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Do thấy vô thượng an ủn khỏi các khổ ách, này Sàriputta, nên Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Nhu Lai, hay lời giảng dạy của Nhu Lai.

4) Thέ nào là vô thượng an ủn khỏi các khổ ách, này Sàriputta, do thấy vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Nhu Lai hay lời giảng dạy của Nhu Lai?

5) -- Ở đây, bạch Thέ Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc tu tập tín căn, đưa đến an tịnh, đưa đến giác ngộ... tần căn... niêm căn... định căn... tu tập tuệ căn, đưa đến an tịnh, đưa đến giác ngộ. Đây là vô thượng an ủn khỏi các khổ ách, bạch Thέ Tôn, do thấy vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Nhu Lai, hay lời giảng dạy của Nhu Lai.

6) -- Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Cái này là vô thượng an ủn khỏi các khổ ách, này Sàriputta, do thấy vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Nhu Lai, hay đối với lời giảng dạy của Nhu Lai.

7) Và này Sàriputta, thέ nào là sự tối thượng tôn kính mà Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Nhu Lai hay đối với lời giảng dạy của Nhu Lai?

8) -- Ở đây, bạch Thέ Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc sống tôn trọng, cung kính bậc Đạo Sư; sống tôn trọng, cung kính Pháp; sống tôn trọng, cung kính chúng Tăng; sống tôn trọng, cung kính học giới; sống tôn trọng, cung kính Thiền định. Đây là sự tối thượng tôn kính, bạch Thέ Tôn, mà Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc; bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Nhu Lai, hay lời giảng dạy của Nhu Lai.

9) -- Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Cái này là tối thượng tôn kính mà Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Nhu Lai, hay đối với lời giảng dạy của Nhu Lai.

59. IX Sanh (1) (S.v,235)

1) Tại Sàvatthi...

2) -- Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, nếu chưa sanh khởi, sẽ được sanh khởi, nhưng không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

3) Thê nào là năm? Tín căn, tần căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, nếu chưa sanh khởi, sẽ được sanh khởi, nhưng không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

60. X. Sanh (2) (S.v,235)

1-2) Tại Sàvatthi. Tại đây, Thế Tôn nói như sau:

3-4) -- (Như kinh trên, chỉ khác, ở đây là không thể không có sự hiện hữu giới luật của bậc Thiện Thệ) ...

VII. Phẩm Giác Phàn**61. I. Kiết Sứ (S.v,236)**

1) Tại Sàvatthi...

2) -- Có năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các kiết sứ.

62. II. Tùy Miên (S.v,236)

1-2) ... đưa đến sự nhổ sạch các tùy miên.

63. III. Liễu Tri hay Con Đường Ra Khỏi (S.v,236)

1-2) ... đưa đến liễu tri con đường ra khỏi.

64. IV. Đoạn Diệt Các Lậu Hoặc (S.v,236)

1) ...

2) ... đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc.

3) -- Thê nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các kiết sứ, đưa đến nhổ sạch các tùy miên, đưa đến liễu tri con đường ra khỏi, đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc.

65. V. Hai Quả (Tập 27.23,27, Đại 2,196b) (S.v,236)

1) ...

2) -- Có năm căn này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này.

3) Do tu tập, làm cho sung mãn năm căn này, này các Tỷ-kheo, một trong hai quả được chờ đợi như sau: Ngay trong hiện tại được chánh trí; hay nếu có dư tàn, được quả Bất lai.

66. VI. Bảy Lợi Ích (S.v,237)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này.

3) Do tu tập, làm cho sung mãn năm căn này, bảy quả, bảy lợi ích được chờ được. Thế nào là bảy quả, bảy lợi ích?

4) Ngay trong hiện tại, lập tức (patihacca) thành tựu chánh trí. Nếu ngay trong hiện tại không lập tức thành tựu chánh trí, thời khi lâm chung, thành tựu được chánh trí. Nếu ngay trong hiện tại không lập tức thành tựu chánh trí, thời sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chúng được Trung gian Bát-niết-bàn, chúng được Tồn hại Bát-niết-bàn (Upahacca), chúng được Vô hành Niết-bàn, chúng được Hữu hành Niết-bàn, chúng được thượng lưu, đạt được Sắc cứu cánh thiên.

Do tu tập, làm cho sung mãn năm căn này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi bảy quả này, bảy lợi ích này.

67. VII. Cây (1) (S.v,237)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tất cả cây sống ở Jambudipa (Diêm-phù-đè), cây Jambu (Diêm-phù) được xem là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp thuộc phần giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ, vì pháp ấy đưa đến giác ngộ... Tán căn... Niệm căn... Định căn... Tuệ căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì pháp ấy đưa đến giác ngộ. Ví như, này các Tỷ-kheo, những cây sống trên cõi Diêm-phù-đè, cây Jambu được xem là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

68. VIII. Cây (2) (S.v,238)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những cây của chư Thiên cõi Ba mươi ba, cây Pàricchattaka được xem là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp thuộc phần giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ... Tuệ căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì pháp ấy đưa đến giác ngộ. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những cây gì của chư Thiên cõi Ba mươi ba, cây Pàricchattaka được xem là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối

thượng, tức là về giác ngộ.

69. IX. Cây (3) (S.v,238)

1-2-3) ... (như kinh 68, chỉ khác, ở đây là những cây của các loài A-tu-la và cây Cittapàtali được xem là tối thượng, với những thay đổi cần thiết).

70. X. Cây (4) (S.v,238)

1-2-3) ... (như kinh 68, chỉ khác, ở đây là những cây của các Supannà (Kim xí điêu) và cây Kuutasimbali được xem là tối thượng, với những thay đổi cần thiết) ...

VIII. Phẩm Sông Hằng Rộng Thuyết

71. I. Viễn Ly (S.v,239)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, Tỷ-kheo tu tập năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Và thế nào... xuôi về Niết-bàn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tân căn... niêm căn... định căn.... tuệ căn.... hướng đến từ bỏ.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo... thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

72-82 II-XII. (S.v,240)

... (giống như chương Đạo Tương Ưng) ...

IX. Phẩm Không Phóng Dật

83-92 I-X Viễn Ly (S.v,240)

Gồm các kinh:

Như Lai, Chân, Nóc Nhà, Gốc, Lõi, Hạ Sanh Hoa, Vua, Mặt Trăng, Mặt Trời, Y; tất cả là mười. (Được thuyết rộng như các căn).

X. Phẩm Làm Việc Càn Sú Mạnh

93-104. I-XII Viễn Ly (S.v,240)

Gồm các kinh:

Lực, Chủng Tử, Rồng, Cây, Ghè, Mặt Trời, Hu Không, hai kinh Mây, Thuyền, Khách, Sông. (Được thuyết rộng như Căn Tương Ưng).

XI. Phẩm Tâm Cầu**105-117. I-XII. Viễn Ly (S.v,240)**

Gồm các kinh:

Tâm Cầu, Mạn, Lậu Hoặc, Hữu K Khổ (ba kinh), Chướng Ngại, Cầu Uế, Dao Động, Thọ, Khát ái. (Được thuyết rộng như Căn Tương Ưng)

XII. Phẩm Bộc Lưu**118-127. I-IX. Viễn Ly (S.v,241)****128. X. Thượng Phàn (S.v,241)**

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm thượng phàn kiết sử này. Thế nào là năm? Sắc tham, vô sắc tham, mạn, trạo cử, vô minh. Nay các Tỷ-kheo, đây là năm thượng phàn kiết sử. Để thắng tri, để liễu tri, đea đoạn diệt, để đoạn tận các thượng phàn kiết sử này, năm căn cần phải tu tập. Thế nào là năm?

3) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn liên hệ đến viễn ly... tu tập tuệ căn liên hệ đến viễn ly... hướng đến từ bỏ. Nay các Tỷ-kheo, để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phàn kiết sử này, năm căn này cần phải tu tập.

(Rộng thuyết như Căn Tương Ưng, phẩm Bộc Lưu)

XIII. Phẩm Sông Hằng Rộng Thuyết**129. I Tham (S.v,241)**

1) ...

2) -- Ví như, nay các Tỷ-kheo, sông Hằng...

3) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn với cùu cánh nghiệp phục tham, với cùu cánh nghiệp phục sân, với cùu cánh nghiệp phục si... tu tập tuệ căn với cùu cánh... nghiệp phục si. Cũng vậy, Tỷ-kheo... thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

130-140. II-XII. (S.v,242)

(Tóm tắt đề kinh : Sáu thiên về phía Đông, sáu thiên về biển, sông Hằng thành mười hai, phẩm được đặt tên như vậy).

XIV. Phẩm Không Phóng Dật**141-150. I-X. Tham (S.v,242)****XV. Phẩm Việc Làm Cần Sức Mạnh**

151-162. I-XII. Tham (S.v,212)

XVI. Phẩm Tâm Cầu

163-175. I-XII. Tham (S.v,242)

XVII. Phẩm Bộc Lưu

176-184. I-IX. Tham (S.v,242)

185. X. Thượng Phản Kiết Sứ (S.v,242)

1) ...

2) -- Có năm thượng phản kiết sứ này. Thế nào là năm? Sắc tham, vô sắc tham, mạn, trao cử, vô minh. Nay các Tỷ-kheo, đây là năm thượng phản kiết sứ. Nay các Tỷ-kheo, để thắng tri, để liễu tri, để đoạn diệt, để đoạn tận năm thượng phản kiết sứ này, năm căn này cần phải tu tập.

(Phẩm Bộc Lưu được thuyết rộng theo Căn Tương Ưng về nghiệp phục tham)

-ooOoo-

**CHƯƠNG V
49. TUƯƠNG ƯNG CHÁNH CẦN**

I. Phẩm Sông Hằng Rộng Thuyết**1-12.(I-XII) (S.v,244)**

1-2) Tại Sàvatthi. Tại đây, Thέ Tôn nói như sau :

-- Nay các Tỷ-kheo, có bốn chánh cần này. Thế nào là bốn ?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

4) Đối với các ác, bất thiệp pháp đã sanh, khởi lên ý muốn đoạn tận, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

5) Đối với các ác, thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

6) Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất (asammosaya), làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

7) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn chánh cần.

8) Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Nay các Tỷ-kheo, bốn chánh cần tu tập làm cho sung mãn như thế nào, lại thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn ?

9) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng; đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn đoạn tận, tinh cần... cố gắng; đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi... cố gắng; đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

II. Phẩm Không Phóng Dật**13-22.I-X. (S.v,245)**

Gồm các kinh :

Như Lai, Chân, Nóc Nhọn, Căn, Lõi Cây, Hạ Sanh Hoa, Vua, Mặt Trăng, Mặt Trời, Vải; tất cả là mười.

III. Phẩm Viết Làm Cần Sức Mạnh

23-34.I-XII. (S.v,246)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những việc làm cần dùng đến sức mạnh mà làm tất cả công việc ấy, được làm y cứ vào đất, an trú vào đất. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần.

3) Như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần ?

4-7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng... đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho sung mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

8) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần.

IV. Phẩm Tâm Cầu**35-44.I-X. (S.v,246)**

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba tâm cầu này. Thế nào là ba ? Dục tâm cầu, hữu tâm cầu, Phạm hạnh tâm cầu. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba tâm cầu.

3) Để thăng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba tâm cầu này, này các Tỷ-kheo, bốn chánh cần này cần phải tu tập. Thế nào là bốn ?

4-7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh...; đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho sung mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

8) Để thăng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba tâm cầu này, bốn chánh cần này cần phải tu tập.

V. Phẩm Bộc Lưu**45-43.I-X (S.v,247)****54.X. Thượng Phàn Kiết Sứ (S.v,247)**

1) ...

2) -- Có năm thượng phàn kiết sứ này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm ? Sắc tham, vô sắc tham, mạn, trạo cử, vô minh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm thượng phàn kiết sứ.

3) Để thăng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phàn kiết sứ này, bốn chánh cần này cần phải tu tập. Thế nào là bốn ?

4-7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh...; đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

8) Chính để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thương phần kiết sử này, bốn chánh càn này cần phải tu tập.

-ooOoo-

CHƯƠNG VI
50. TƯƠNG ƯNG LỰC

I. Phẩm Sông Hằng Rộng Thuyết

1.I Viễn Ly (S.v,249)

1) ...

2) -- Có năm lực này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm lực.

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tấn lực... niệm lực... định lực... tu tập tuệ lực liên hệ đến viễn ly... hướng đến từ bỏ.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

2-12.II-XII (S.v,250)

(Tóm tắt đề kinh: Sáu thiên về phương Đông, sáu thiên về biển, sông Hằng thành mười hai, tên phẩm là như vậy).

II. Phẩm Không Phóng Dật

13-22.I-X Viễn Ly (S.v,250)

Gồm các kinh :

Như Lai, Bàn Chân, Nóc Nhà, Cội Gốc, Lõi Cây, Hạ Sanh Hoa, Vua, Mặt Trăng, Mặt Trời, Vải; gồm tất cả là mươi.

III. Phẩm Sức Mạnh (Viễn Ly)

23-34.I-XII (S.v,250)

Gồm các kinh:

Lực, Chủng Tử, Long, Cây, Ghè, Mặt Trời, Hu Không, hai kinh Mây, Thuyền, Khách, Sông.

IV. Phẩm Tâm Cầu

35-46.I-XII Viễn Ly (S.v,250)

Gồm các kinh :

Tầm Cầu, Kiêu Mạn, Lậu Hoặc, Hữu, Khổ, Ba Ué Nhiễm, Chướng Ngại, Cầu Ué, Dao Động, Thọ, Ái.
(Phẩm Tầm Cầu được thuyết rộng như chương nói về Lực)

V. Phẩm Bộc Lưu

47-55.I-IX. Viễn Ly (S.v,251)

56.X. Thương Phản Kiết Sứ (S.v,251)

1) ...

2) -- Có năm thương phản kiết sứ, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Sắc tham, vô sắc tham, mạn, trạo cử, vô minh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm thương phản kiết sứ. Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thương phản kiết sứ này, năm lực cần phải tu tập. Thế nào là năm?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thương phản kiết sứ này, năm lực này cần phải tu tập.

(Tóm tắt đề kinh :

Bộc Lưu, urch Chấp Thủ, Tay, Tùy Miên, Dục Công Đức, Triều Cái, Uẩn Thương, Hạ Phản Kiết Sứ).

VI. Phẩm Sông Hằng Rộng Thuýết

57.I. (S.v,251) Tham

1) ...

2) -- Có năm lực này. Thế nào là năm?

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo... thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo... xuôi về Niết-bàn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực với mục đích nghiệp phục tham, với mục đích nghiệp phục sân, với mục đích nghiệp phục si... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

58-68.II-XII. (S.v,252)

(Tóm tắt đề kinh: Sáu thiên về phương Đông, hai thiên về biển và sông Hằng thành mười hai. Tên phẩm là như vậy).

VII. Phẩm Không Phóng Dật

69-78.II-XII. (S.v,252) Tham

Gồm các kinh: Như Lai, Chân, Nóc Nhọn, Rẽ, Lõi, Hạ Sanh Hoa, Vua, Mặt Trăng, Mặt Trời, Vải, tất cả là mười.

VIII. Phẩm Lực

79-90.I-XII. (S.v,252) Tham

Gồm các kinh :

Lực. Chủng Tử, Long, Cây, Ghè, Mặt Trời, Hư Không, hai kinh Mây, Thuyền, Khách, Sông.

IX. Phẩm Tâm Cầu

91-100.I-X. (S.v,252) Tham

Gồm các kinh:

Tâm Cầu, Mạn, Lại Hoặc, Hữu, Khô, Ba Chướng Ngại, Cầu Uê, Dao Động, Thọ, Ái.

X. Phẩm Bộc Lưu

101-109 I-IX (S.v,53) Tham

110.X. Thượng Phản Kiết Sứ (S.v,243)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm thượng phản kiết sứ này. Thế nào là năm? Sắc tham, vô sắc tham, mạn, trạo cử, vô minh. Nay các Tỷ-kheo, đây là năm thượng phản kiết sứ. Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phản kiết sứ này, năm lực cần phải tu tập. Thế nào là năm?

3) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực... tu tập tuệ lực với mục đích nghiệp phục tham, với mục đích nghiệp phục sân, với mục đích nghiệp si.

4) Nay các Tỷ-kheo, để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phản kiết sứ này, năm lực cần được tu tập.

(Tóm tắt đề kinh: Bộc Lưu, Ách, Chấp Thủ, Hộ Phược, Tùy Miên, Dục Công Đức, Triền Cái, Uẩn, Thượng, Hạ Phản Kiết Sứ).

CHƯƠNG VII
51. TƯƠNG ƯNG NHƯ Ý TÚC

I. Phẩm Càpàla**1.I. Bờ Bên Kia** (Tăng 29. 7 Đại 2, 658a) (S.v,254)

1) ...

2) -- Có bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này đến bờ bên kia. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc, câu hữu với dục định tinh cần hành; tu tập như ý túc, câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành; tu tập như ý túc, câu hữu với tâm định tinh cần hành; tu tập như ý túc, câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn như ý túc, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này đến bờ bên kia.

2.II. Thối Thất (S.v,254)

1) ...

2) -- Với những ai bốn như ý túc bị thối thất, này các Tỷ-kheo, với những người ấy, bị thối thất là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Với những ai bốn như ý túc được thực hiện, này các Tỷ-kheo, với những người ấy, được thực hiện là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc, câu hữu với dục định tinh cần hành,... tinh tấn định,... tâm định... tu tập như ý túc, câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

4) Với những ai bốn như ý túc này bị thối thất, này các Tỷ-kheo với những người ấy, bị thối thất là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Với những ai bốn như ý túc này được thực hiện, này các Tỷ-kheo, với những người ấy, được thực hiện là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.

3.III. Thánh (S.v, 255)

1) ...

2) -- Có bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, trở thành những Thánh lãnh đạo, dắt dẫn những ai thực hiện, đi đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc, câu hữu với dục định tinh cần hành; tinh tấn định,... tâm định... tu tập như ý túc, câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

4) Có bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, trở thành những Thánh lãnh đạo, dắt dẫn những ai thực hiện đi đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

4.IV. Yếm Ly (S.v,255)

1) ...

2) -- Có bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng yém ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

4) Bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng yém ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

5.V. Một Phần (S.v,255)

1) ...

2) -- Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã thực hiện một phần như ý túc; tất cả những vị ấy đã làm như thế nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời tương lai, này các Tỷ-kheo, sẽ thực hiện một phần như ý túc; tất cả những vị ấy sẽ làm như thế nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại, này các Tỷ-kheo, có thực hiện một phần như ý túc; tất cả những vị ấy đang làm như thế nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành; tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

4) Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã thực hiện một phần như ý túc... sẽ thực hiện... đang thực hiện một phần như ý túc; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

6.VI. Toàn Diện (S.v,256)

1) ...

2) -- Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã thực hiện toàn diện như ý túc; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời tương lai, này các Tỷ-kheo, sẽ thực hiện toàn diện như ý túc; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, đang thực hiện toàn diện như ý túc; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

4) Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã được hiện toàn diện như ý túc... sẽ thực hiện toàn diện như ý túc... đang thực hiện toàn diện như ý túc; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

7.VII. Tỷ Kheo (S.v,257)

1) ...

2) -- Những Tỷ-kheo nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong

hiện tại, tự mình với thắng trí đã chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; tất cả các vị ấy đều nhờ đỗ tu tập, đã làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những Tỷ-kheo nào trong thời tương lai, này các Tỷ-kheo, đã đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, sẽ tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những Tỷ-kheo nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt, và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

4) Những Tỷ-kheo nào trong thời quá khứ, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, sau khi tự mình chứng ngộ với thắng trí, đã chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát... sẽ chứng đạt... đang chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc này.

8.VIII. Phật hay A-La-Hán (S.v,257)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn như ý túc này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn như ý túc.

3) Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Như Lai được gọi là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

9.IX. Trí (S.v,258)

1-2-3) ...

4)-- Với suy tư: "Đây là như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, ở nơi Ta, nhẫn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên. Với suy tư: "Như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành này cần phải tu tập", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, ở nơi Ta, nhẫn khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên. Với suy tư: "Như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành này đã được tu tập", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, ở nơi Ta, nhẫn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

5) ... (như trên, chỉ khác đây là tinh tấn định) ...

6) ... (như trên, chỉ khác đây là tâm định) ...

7) ... (như trên, chỉ khác đây là tư duy định) ...

10.X. Cetiya (Đền thờ) (Trường 2, Đại 1, 15 b-c) (S.v,258)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thích Tôn ở Vesàli, tại Đại Lâm, tại ngôi nhà có nóc nhọn.

2) Rồi Thέ Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Vesàli để khát thực. Sau khi vào Vesàli để khát thực, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, Thέ Tôn gọi Tôn giả Ananda:

- Hãy cầm tọa cụ, này Ananda, Ta sẽ đi đến đền thờ Capàla để nghỉ trưa.
- Thưa vâng, bạch Thέ Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thέ Tôn, cầm tọa cụ và đi theo sau lưng Thέ Tôn.

3) Rồi Thέ Tôn đi đến đền thờ Capàla; sau khi đến ngồi xuống trên chõ đã soạn sẵn. Tôn giả Ananda đánh lễ Thέ Tôn, ngồi xuống một bên.

4) Thέ Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

-- Nay Ananda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền thờ Udena! Khả ái thay đền thờ Gotamaka! Khả ái thay đền thờ Sattambaka! Khả ái thay đền thờ Bahuputta! Khả ái thay đền thờ Sarandada! Khả ái thay đền thờ Càpàla! Nay Ananda, những ai đã tu tập bốn như ý túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu muôn, người ấy có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn như ý túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo. Nay Ananda, nếu muôn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

5) Nhưng Tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thέ Tôn. Tôn giả không thỉnh cầu Thέ Tôn: "Bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp. Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người", vì tâm Tôn giả Ananda bị Ma vương ám ảnh.

6-7) Lần thứ hai, Thέ Tôn...

8) Lần thứ ba, Thέ Tôn nói với Tôn giả Ananda:

-- Nay Ananda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay Udena!... có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

9) Tuy vậy, Tôn giả Ananda không thể nhận hiểu... vì tâm của Tôn giả Ananda bị Ác ma ám ảnh.

10) Rồi Thέ Tôn nói Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đi và làm những gì Ông nghĩ là phải thời.
- Thưa vâng, bạch Thέ Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thέ Tôn, từ chõ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi đi đến một gốc cây không xa bao nhiêu.

11) Tôn giả Ananda đi ra chưa bao lâu, Ác ma liền đến chõ Thέ Tôn, khi đến xong, liền thưa với Thέ Tôn:

- Bạch Thέ Tôn, nay Thέ Tôn hãy diệt độ; Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thέ Tôn, nay đã đến thời Thέ

Tôn diệt độ. Bạch Thé Tôn, đây là lời Thé Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những vị đệ tử có học, có kỷ luật, tự chủ, đạt được an ổn khỏi khổ ách, đa văn, trì pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống thuận Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, họ chưa có thể cật vấn và khéo hàng phục, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu..".

Bạch Thé Tôn, nhưng nay những Tỷ-kheo của Thé Tôn đã trở thành những vị đệ tử có học, có kỷ luật, tự chủ, đạt được an ổn khỏi các khổ ách, đa văn, trì pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống thuận Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, họ đã có thể cật vấn và khéo hàng phục, đã có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu.

12) Như vậy, bạch Thé Tôn, nay Thé Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Nay đã đến thời Thé Tôn diệt độ. Bạch Thé Tôn, đây là lời Thé Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ, khi nào những Tỷ-kheo-ni của Ta chưa trở thành những vị đệ tử có học, có kỷ luật..".

13) "Khi nào những nam cư sĩ của Ta... khi nào nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử có học, có kỷ luật, tự chủ, đạt được an ổn khỏi khổ ách, đa văn, trì pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống thuận Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, họ chưa có thể cật vấn và khéo hàng phục, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu". Bạch Thé Tôn, nay những nam cư sĩ của Thé Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, đầy đủ Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, họ đã có thể cật vấn và khéo hàng phục, và có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu.

14) Như vậy, bạch Thé Tôn, nay Thé Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thé Tôn, đã đến thời Thé Tôn diệt độ. Bạch Thé Tôn, đây là lời Thé Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ, khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người". Bạch Thé Tôn, nay Phạm hạnh Thé Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người. Như vậy, bạch Thé Tôn, nay Thé Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thé Tôn, nay đã đến thời Thé Tôn diệt độ.

15) Khi được nói vậy, Thé Tôn nói với Ác ma:

-- Này Ác ma, hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng, bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

16) Và tại chỗ Càpàla, Thé Tôn chánh niệm, tĩnh giác, từ bỏ thọ hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa). Khi Thé Tôn từ bỏ, không duy trì mạng sống thêm nữa, thời đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy.

17) Thé Tôn nhận hiểu ý nghĩa của sự kiện ấy, lúc bấy giờ Ngài nói lên bài kệ cảm khái như sau:

*Mạng sống có hạn hay vô hạn,
Đạo sĩ từ bỏ không kéo dài,
Nội tâm chuyên nhất trú Thiền định,
Như thoát áo giáp đang mang mặc.*

II. Phẩm Lầu Rung Chuyển

11.I. Trước hay Nhân (S.v.263)

1) Tại Sàvatthi.

2) -- Trước khi Ta giác ngộ, này các Tỷ-kheo, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, tu tập như ý túc?" Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:

3) "Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành (với ý nghĩ): 'Như vậy, ý muôn (dục) của ta sẽ không quá thụ động và không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tướng trước sau đồng đẳng (pacchāpure-sanni). Trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy. Dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào, thời dưới như vậy. Ban ngày thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy'. Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó (apariyonaddhena), với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

4) "Có người tu tập như ý túc câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành (với ý nghĩ): 'Như vậy, tinh tấn của ta sẽ không quá thụ động và cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tướng trước sau đồng đẳng. Trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy. Dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào, thời dưới như vậy. Ban ngày thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy'. Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

5) "Có người tu tập tập như ý túc câu hữu với tâm định tinh cần hành (với ý nghĩ): 'Như vậy, tâm của ta sẽ không quá thụ động và cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tướng trước sau đồng đẳng. Trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy. Dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào, thời dưới như vậy. Ban ngày thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy'. Như vậy, với tâm rộng mở, không với tâm gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

6) "Có người tu tập như ý túc, câu hữu với tư duy định tinh cần hành (với ý nghĩ): 'Như vậy, tâm của ta sẽ không quá thụ động và cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tướng trước sau đồng đẳng. Trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy. Dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào, thời dưới như vậy. Ban ngày thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy'. Như vậy, với tâm rộng mở, không với tâm gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

7) "Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo chúng được nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân; nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua tường, qua thành lũy, qua núi, không dính như đi ngang qua hư không; trồi lên, độn thổi, ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không nứt ra như đi trên đất liền; ngồi kiết-già, đi trên hư không như con chim, với bàn tay chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại thần lực, đại uy thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

8) "Tu tập như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo chúng được thiền nhĩ thông thanh tịnh, siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và loài Người, hoặc xa hoặc gần".

9) "Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo với tâm của mình rõ biết tâm của các chúng sanh, của những người khác. Với tâm có tham, vị ấy rõ biết là tâm có tham; với tâm không có tham, rõ biết là tâm không có tham; với tâm có sân, rõ biết là tâm có sân; với tâm không có sân, rõ biết

là tâm không có sân; với tâm có si rõ biết là tâm có si; với tâm không có si, rõ biết là tâm không có si; với tâm co rút, rõ biết là tâm co rút; với tâm tán loạn, rõ biết là tâm tán loạn; với tâm đại hành, rõ biết là tâm đại hành; với tâm không đại hành, rõ biết là tâm không đại hành; với tâm hữu hạn, rõ biết là tâm hữu hạn; với tâm vô thương, rõ biết là tâm vô thương; với tâm Thiền định, rõ biết là tâm Thiền định; với tâm không Thiền định, rõ biết là tâm không Thiền định; với tâm không giải thoát, rõ biết là tâm không giải thoát; với tâm giải thoát, rõ biết là tâm giải thoát.

10) "Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ: Như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: 'Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, món ăn như thế này, thọ khỏe lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, món ăn như thế này, thọ khỏe lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây'. Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ với các nét đại cương và các chi tiết.

11) "Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh: Vị ấy rõ biết chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang ; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Các vị này làm những ác hạnh về thân, ngữ hay ý, phi báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những vị làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phi báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy, vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng: 'Chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ'.

12) "Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ và chứng đạt vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát".

12.II. Quả Lớn (S.v,267)

1) ...

2) -- Bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn. Bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành (với ý nghĩ): "Như vậy, ý muốn của ta sẽ không quá thụ động, và cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đồng đẳng. Trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy. Dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào, thời dưới như vậy. Ban ngày thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy". Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

4-6) ... tinh tấn định... tâm định... tư duy định...

Bốn như ý túc được tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn.

7-11) Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo chúng được nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân... có thể tự thân bay đến Phạm thiên...

12) Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

13.III. Ý Muốn (Chando) (S.v,268)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo nương tựa dục được định, được nhứt tâm, đây gọi là dục định. Đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, vị ấy khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, vị ấy khởi lên ý muốn đoạn diệt, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các thiện pháp chưa sanh, vị ấy khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các thiện pháp đã sanh, vị ấy khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Những (pháp) này được gọi là tinh cần hành.

Như vậy, đây là dục, đây là dục định, và những pháp này là tinh cần hành. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành.

3) Nếu Tỷ-kheo nương tựa tinh tấn, này các Tỷ-kheo, được định, được nhứt tâm, đây gọi là tinh tấn định. Đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh... Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Các (pháp) này được gọi là tinh cần hành.

Như vậy, đây là tinh tấn, đây là tinh tấn định, những pháp này là tinh cần hành. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý túc câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành.

4) Nếu Tỷ-kheo nương tựa tâm, này các Tỷ-kheo, được định, được nhứt tâm, đây gọi là tâm định. Đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh... Đối với các thiện pháp đã sanh, vị ấy khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Các (pháp) này được gọi là tinh cần hành.

Như vậy, đây là tâm, đây là tâm định, những (pháp) này là tinh cần hành. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý túc câu hữu với tâm định tinh cần hành.

5) Nếu Tỷ-kheo nương tựa tư duy, này các Tỷ-kheo, được định, được nhứt tâm, đây gọi là tư duy định. Đối với ác, bất thiện pháp chưa sanh... đối với các thiện pháp đã sanh, vị ấy khởi lên ý muốn làm cho an trú, không vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Các (pháp) này được gọi tinh cần hành.

Như vậy, đây là tư duy, đây là tư duy định, những pháp này là tinh cần hành. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

14.IV. Moggalāna (S.v,269)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Sàvatthi tại Đông Viên, lâu đài của mẹ Migàra.

2) Lúc bấy giờ, một số Tỷ-kheo trú ở dưới lâu của mẹ Migàra, trạo cử, kiêu mạn, dao động, lám miệng, tạp thoại, thát niêm, không tinh giác, không định tĩnh, tâm mê loạn, các căn không chế ngự (pàkatindriyà)

3) Rồi Thέ Tôn bảo Tôn giả Mahà Moggalàna:

-- Nay Moggalàna, những đồng Phạm hạnh ấy trú dưới lâu của mẹ Migàra, trạo cử, kiêu mạn, dao động, lám miệng, tạp thoại, thát niêm, không tinh giác, không định tĩnh, với tâm mê loạn, các căn không chế ngự. Hãy đi, này Moggalàna, và làm cho họ hoảng hốt (samvejeti)

-- Thura vâng, bạch Thέ Tôn.

Tôn giả Mahà Moggalàna vâng đáp Thέ Tôn, thực hiện thần thông, với ngón chân lớn, làm cho rung động, rung chuyển, làm cho chấn động lâu đài của mẹ Migàra.

4) Rồi các Tỷ-kheo ấy hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, họ đứng về một bên và (la lớn): "Thật là vi diệu, chư Tôn giả! Thật là hy hữu, chư Tôn giả! Lâu đài của mẹ Migàra này được che chở khỏi gió, được khéo đào những nền móng thăm sâu, không có dao động, không có chuyển động. Tuy vậy, nó rung động, rung chuyển, chấn động!"

5) Rồi Thέ Tôn đi đến các Tỷ-kheo ấy; sau khi đến nói với họ:

-- Nay các Tỷ-kheo, tại sao các Ông lại hốt hoảng, lông tóc dựng ngược, và đứng về một bên như vậy?

-- Thật vi diệu thay, bạch Thέ Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thέ Tôn! Lâu đài của mẹ Migàra được che chở khỏi gió, được khéo đào thành những nền móng thăm sâu, không có dao động, không có chuyển động. Tuy vậy nó rung động, rung chuyển, chấn động.

6) -- Nay các Tỷ-kheo, chính do Tỷ-kheo Moggalàna muôn làm cho các Ông hoảng hốt, với ngón chân lớn, đã làm cho lâu đài này của mẹ Migàra bị rung chuyển, rung động, bị chấn động. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, do tu tập, do làm cho sung mãn những pháp nào, Tỷ-kheo Moggalàna có đại thân lực như vậy, đại uy lực như vậy?

-- Bạch Thέ Tôn, các pháp lấy Thέ Tôn làm căn bản, lấy Thέ Tôn làm lãnh đạo... sau khi nghe pháp, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

7) -- Vậy hãy nghe, này các Tỷ-kheo. Chính do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc, Tỷ-kheo Moggalàna đã có đại thân lực như vậy, đại uy lực như vậy. Thế nào là bốn?

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Moggalàna tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... Tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành (với ý nghĩ): "Như vậy, tư duy của ta sẽ không quá thụ động, cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tướng trước sau đồng đẳng. Trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy. Dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào thời dưới như vậy. Ban ngày thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy". Như vậy, với tâm rộng mở, không với tâm gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

9) Nay các Tỷ-kheo, chính do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggalàna được

đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy.

10) Và này các Tỳ-kheo, cũng chính do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỳ-kheo Moggalāna thực hiện nhiều loại thần thông... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

11) Và chính nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỳ-kheo Moggalāna do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

12) (Sáu thần thông được thuyết rộng ra như vậy).

15.V. Bà-La-Môn (S.v,271)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Ananda trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita.

2) Rồi Bà-la-môn Unnābha đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Bà-la-môn Unnābha thưa với Tôn giả Ananda:

3) -- Do mục đích gì, thưa Tôn giả Ananda, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?

-- Với mục đích đoạn tận dục (chanda), này Bà-la-môn, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama.

4) -- Có con đường gì, thưa Tôn giả Ananda, có đạo lộ gì đưa đến đoạn tận lòng dục?

-- Có con đường này, này Bà-la-môn, có đạo lộ này đưa đến đoạn tận lòng dục.

5) -- Con đường ấy là gì, thưa Tôn giả Ananda? Đạo lộ ấy là gì đưa đến đoạn tận lòng dục?

-- Ở đây, này Bà-la-môn, Tỳ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Đây là con đường, này Bà-la-môn, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận lòng dục.

6) -- Sự thể là vậy, thưa Tôn giả Ananda, thời một công việc liên tục (santaka), không có chấm dứt. Lấy dục mà trừ dục, sự kiện như vậy không xảy ra.

-- Nay Bà-la-môn, về vấn đề này, tôi sẽ hỏi Ông. Nếu Ông kham nhẫn, xin hãy trả lời.

7) Nay Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Có phải trước có lòng dục (ý muốn) nơi Ông (thúc đẩy Ông): "Ta sẽ đi đến khu vườn". Sau khi Ông đến khu vườn rồi, lòng dục ấy được tịnh chỉ?

-- Thưa vâng, Tôn giả.

-- Có phải trước có tinh tấn nơi Ông, (thúc đẩy Ông): "Ta sẽ đi đến khu vườn". Sau khi Ông đến khu vườn, tinh tấn ấy được tịnh chỉ?

-- Thưa vâng, Tôn giả.

-- Có phải trước có tâm nơi Ông (thúc đẩy Ông): "Ta sẽ đi đến khu vườn". Sau khi Ông đến khu vườn, tâm ấy được tịnh chỉ?

-- Thưa vâng, Tôn giả.

-- Có phải trước có tư duy nơi Ông, (thúc đẩy Ông): "Ta sẽ đi đến khu vườn". Sau khi Ông đến khu vườn, tư duy ấy được tịnh chỉ?

-- Thưa vâng, Tôn giả.

8) -- Cũng vậy này Bà-la-môn, khi Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn, chánh trí, giải thoát. Lòng dục mà vị ấy có trước để chứng được A-la-hán thì khi chứng được A-la-hán rồi, lòng dục ấy được tịnh chỉ. Sự tinh tấn mà vị ấy có trước để chứng đạt A-la-hán, thì khi chứng được A-la-hán rồi, tinh tấn ấy được tịnh chỉ. Tâm mà vị ấy có trước để chứng đạt A-la-hán, thì khi chứng được A-la-hán rồi, tâm ấy được tịnh chỉ. Tư duy mà vị ấy có trước để chứng đạt A-la-hán, thì khi chứng được A-la-hán rồi, tư duy ấy được tịnh chỉ.

9) Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn, sự thế là vậy, thời một công việc có chấm dứt liên tục hay là một công việc không chấm dứt?

-- Thực vậy, thưa Tôn giả Ananda, sự thế là vậy, một công việc có chấm dứt, không phải là một công việc không chấm dứt.

10) Thật vi diệu thay, Tôn giả Ananda! Thật vi diệu thay, Tôn giả Ananda!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

16.VI. Sa-Môn, Bà-La-Môn hay Đại Thần Thông (S.v,273)

1) ...

2) -- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, có thần lực lớn, có uy lực lớn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

3) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai, này các Tỷ-kheo, có thần lực lớn, có uy lực lớn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

4) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, có thần lực lớn, có uy lực lớn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Thế nào là bốn?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

6) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ này các Tỷ-kheo, có đại thần lực... sẽ có đại thần lực, đại uy lực... có đại thần lực, có đại uy lực; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

17.VII. Sa-Môn, Bà La Môn hay Kiêu Mạn (S.v,274)

1) ...

2) -- Phàm những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua tường, qua thành lũy, qua núi như đi ngang hư không, trời lên, độn thổi, ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không nứt ra như đi trên đất liền, ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim, với bàn tay chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại thần lực, đại uy lực như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

3) Phàm những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai, này các Tỷ-kheo, sẽ thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân... bay đến cõi Phạm thiên; tất cả những vị này đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

4) Phàm những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại, này các Tỷ-kheo, sẽ thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân... bay đến cõi Phạm thiên; Tất cả những vị này đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Thế nào là bốn?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

6) Phàm những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, đã thực hiện nhiều loại thần thông... sẽ thực hiện nhiều loại thần thông... thực hiện nhiều loại thần thông...; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc này.

18.VIII Tỷ Kheo (S.v,275)

1) ...

2) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Chính nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

19.IX. Thuyết Pháp hay Tu Tập (S.v,276)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về như ý (Iddhi), về như ý túc, về tu tập như ý túc, và về con đường đưa đến tu tập như ý túc. Hãy lắng nghe.

3) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là như ý? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý (Iddhi)

4) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là như ý túc? Con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến chứng được như ý, chứng đắc như ý. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý túc.

5) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là sự tu tập như ý túc? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc

câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tu tập như ý túc.

6) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến tu tập như ý túc? Đây là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến sự tu tập như ý túc.

20.X. Phân Tích (S.v,276)

I

1) ...

2) -- Có bốn nhu ý túc này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn. Tu tập nhu thế nào làm cho sung mãn nhu thế nào, này các Tỷ-kheo, bốn nhu ý túc này có quả lớn, có lợi ích lớn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập nhu ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành (nghĩ rằng): "Như vậy, dục của ta sẽ không có quá thụ động, sẽ không có quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đồng đẳng..". Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị áy tu tập tâm... tinh tấn định... tâm định... tu tập nhu ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành (nghĩ rằng): "Như vậy, tư duy của ta sẽ không quá thụ động..". Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị áy tu tập tâm.

II

4) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là dục quá thụ động? Dục nào, này các Tỷ-kheo, đi đôi với biếng nhác, tương ứng với biếng nhác, này các Tỷ-kheo, đây gọi là dục quá thụ động.

5) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là dục quá hăng say? Dục nào, này các Tỷ-kheo, đi đôi với trạo cử, tương ứng với dao động, này các Tỷ-kheo, đây gọi là dục quá hăng say.

6) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là dục bị co rút phía trong? Lòng dục nào, này các Tỷ-kheo, đi đôi với hôn trầm thụy miên, tương ứng với hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo, đây gọi là dục bị co rút phía trong.

7) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là dục bị phân tán phía ngoài? Lòng dục nào, này các Tỷ-kheo, hướng về phía ngoài, duyên năm dục công đức, bị phân tán, bị phân ly, này các Tỷ-kheo, đây gọi là dục bị phân tán phía ngoài.

8) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo trú với tưởng trước sau đồng đẳng, trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tưởng trước sau của Tỷ-kheo được khéo nắm lấy, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thế nhập với trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, trú với tưởng trước sau đồng đẳng, trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy.

9) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo trú dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào thời dưới như vậy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán thân này, từ bàn chân trở lên, từ đầu tóc trở xuống, bao bọc bởi da, đều đầy những vật bất tịnh; thân này có tóc, lông, móng, răng, da, thịt, dây gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mồ nước mắt, mồ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào, thời dưới như vậy.

10) Nay các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo trú ban ngày thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ban ngày tu tập như ý túc câu hưu với dục định tinh cần hành, với hành tướng, đặc tướng, nhân tướng gì, thời ban đêm vị ấy tu tập như ý túc câu hưu với dục định tinh cần hành, với hành tướng, đặc tướng, nhân tướng ấy (yehi àkàrehi yehi lingehi yehi nimittehi). Như vậy, này các Tỳ-kheo, là Tỳ-kheo trú ban ngày thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy.

11) Nay các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm? Ở đây, này các Tỳ-kheo, quang tướng (alokasannà) của Tỳ-kheo, được khéo nắm lấy, tướng ban ngày được khéo an trú. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là Tỳ-kheo với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

III.12-19; IV. 20-27; V.28-35.

(Giống như kinh 20 từ đoạn số 3 đến đoạn số 11. Chỉ khác là trước nói đến dục định, nay nói đến tinh tấn định, tâm định và tư duy định).

36) -- Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỳ-kheo, bốn như ý túc này có quả lớn, có lợi ích lớn. Nay các Tỳ-kheo, tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỳ-kheo thực hiện nhiều loại thần thông. Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

37) Tu tập như vậy, làm cho sung mãn bốn như ý túc như vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

III. Phẩm Thứ Ba

21.I. Đạo (S.v,281)

1) Tại Sàvatthi.

2) -- Ngày xưa, trước khi Ta giác ngộ, này các Tỳ-kheo, chưa thành Chánh giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Con đường gì, đạo lộ gì để tu tập như ý túc?" Rồi này các Tỳ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:

3) "Tỳ-kheo tu tập như ý túc câu hưu với dục định tinh cần hành (nghĩ rằng): 'Như vậy, dục của Ta sẽ không quá yếu đuối, sẽ không quá hăng say... với tâm chói sáng tu tập tâm'.

4-5) "... tinh tấn định... tâm định...

6) "... tu tập như ý túc câu hưu với tư duy định tinh cần hành (nghĩ rằng): 'Như vậy, tư duy của Ta sẽ không quá yếu đuối, sẽ không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, vị ấy trú với tướng trước sau đồng đẳng. Trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy. Dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào, thời dưới như vậy. Ngày thế nào, thời đêm như vậy; đêm thế nào, thời ngày như vậy. Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm'.

7) "Bốn như ý túc được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, Tỳ-kheo thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện thành nhiều thân, nhiều thân hiện thành một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên".

8) "Bốn như ý túc được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát".

9) ... (Sáu thắng trí được thuyết rộng) ...

22.II. Hòn Sắt (S.v,282)

1) Tại Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thέ Tôn; sau khi đến đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thέ Tôn:

3) -- Bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn có biết làm thế nào với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới với thân do ý làm ra?

-- Ta có biết, này Ananda, làm thế nào với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới với thân do ý làm ra.

4) -- Bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn có biết làm thế nào với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới, với thân do bốn đại tác thành này?

-- Ta có biết, này Ananda, làm thế nào với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới, với thân do bốn đại tác thành này.

5) -- Thέ Tôn có thể hóa thân (opapàti) với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới với thân do ý làm ra. Thέ Tôn có thể rõ biết được với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới với thân do bốn đại hợp thành. Như vậy, bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn thật là vi diệu, thật là hy hữu!

-- Thật vậy, này Ananda, Như Lai thật là vi diệu, này Ananda, vì Như Lai đây đủ vi diệu pháp. Như Lai thật hy hữu, này Ananda, vì Như Lai đây đủ hy hữu pháp.

6) Khi nào, này Ananda, Thέ Tôn định thân trên tâm và định tâm trên thân, trong khi nhập vào và an trú lạc tưởng và khinh an tưởng trong thân; trong khi ấy, này Ananda, thân của Như Lai lại càng khinh an hơn, càng nhu nhuyễn hơn, càng kham nhận hơn, càng chói sáng hơn.

7) Ví như một hòn sắt (hâm nóng) cả ngày, trở thành nhẹ nhàng hơn, nhu nhuyễn hơn, kham nhận hơn, chói sáng hơn. Cũng vậy, này Ananda, khi nào Thέ Tôn định thân trên tâm hay định tâm trên thân; trong khi nhập vào và an trú lạc tưởng và khinh an tưởng trong thân; trong khi ấy, này Ananda, thân của Như Lai lại càng khinh an hơn, nhu nhuyễn hơn, càng kham nhận hơn, càng chói sáng hơn.

8) Trong khi, này Ananda, Thέ Tôn định thân trên tâm hay định tâm trên thân, trong khi nhập vào và an trú lạc tưởng và khinh an tưởng trong thân; trong khi ấy, này Ananda, thân của Như Lai không mệt nhọc, từ đất bay bồng lên hư không, và thực hiện nhiều loại thân thông: Một thân hóa thành nhiều thân, nhiều thân hóa thành một thân... tự thân có thể bay đến Phạm thiên giới.

9) Ví như, này Ananda, hoa bông gòn hay hoa cỏ bông dai được gió thổi nhẹ, không mệt nhọc, từ đất bay bồng lên hư không. Cũng vậy, này Ananda, trong khi Thέ Tôn định thân trên tâm, hay định tâm trên thân, trong khi nhập vào và an trú lạc tưởng, khinh an tưởng trong thân; trong khi ấy, này Ananda, thân của Như Lai không có gì mệt nhọc, có thể từ đất bay bồng lên và thực hiện nhiều loại thân thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... tự thân có thể bay đến Phạm thiên giới.

23.III. Tỷ kheo (S.v,284)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn như ý túc này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như túc câu hũu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hũu với tư duy định tinh cần hành. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn như ý túc.

3) Nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

24.IV. Thanh Tịnh (S.v,284)

... (Giống như kinh trên 23) ...

25.V. Quả (1) (S.v,285)

1) ...

2)-- Này các Tỷ-kheo, có bốn như ý túc này. Thế nào là bốn?...

3) Tu tập, làm cho sung mãn bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là một trong hai quả: Ngay hiện tại được chánh trí, hay nếu có dư y, được quả Bát lai.

26.VI. Quả (2) (S.v,285)

1) ...

2)-- Này các Tỷ-kheo, có bốn như ý túc này. Thế nào là bốn?...

3) Tu tập, làm cho sung mãn bốn như ý túc này, được chờ đợi bảy quả, bảy lợi ích. Thế nào là bảy quả, bảy lợi ích?...

4) Ngay trong hiện tại, lập tức thành tựu chánh trí; nếu ngay trong hiện tại, không lập tức thành tựu chánh trí, thời khi mạng chung, thành tựu chánh trí; nếu khi mạng chung, không thành tựu chánh trí, thì sau khi diệt năm hạ phần kiết sử, được Trung gian Bát-niết-bàn, được Tồn hại Bát-niết-bàn, được Vô hành Niết-hàn, được Hữu hành Niết-bàn, được chứng thượng lưu, sanh Cứu cánh thiên.

27.VII. Ananda (1) (S.v,285)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thê Tôn, sau khi đến... ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thê Tôn:

-- Bạch Thê Tôn, thế nào là như ý lực? Thế nào là như ý túc? Thế nào là sự tu tập như ý túc? Thế nào là con đường đưa đến tu tập như ý túc?

(Như trên chương II, kinh 19, từ đoạn số 2 đến đoạn số 6. Nguyên bản trang 276)

28.VIII. Ananda (2) (S.v,285)

1) ...

2) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thê Tôn:

-- Bạch Thê Tôn, thế nào là như ý lực? Thế nào là như ý túc? Thế nào là tu tập như ý túc? Thế nào là con đường đưa đến tu tập như ý túc?

(Như trên chương II, kinh 19, từ đoạn số 3 đến đoạn số 6. Nguyên bản trang 276).

29.IX. Tỷ Kheo (1) (S.v,287)

1) ...

2) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thê Tôn... ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo áy bạch Thê Tôn:

-- Bạch Thê Tôn, thế nào là như ý lực? Thế nào là như ý túc? Thế nào là tu tập như ý túc? Thế nào là con đường đưa đến tu tập như ý túc?

3-6) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập nhiều loại thần thông: Một thân trở thành nhiều thân... cho đến Phạm thiên. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến như ý túc.

30.X. Tỷ Kheo (2) (S.v,287)

(Như kinh trên 28 chỉ khác là ở đây chỉ cho nhiều Tỷ-kheo)

31. XI. Moggalàna (S.v,288)

1) ...

2) Ở đây, Thê Tôn gọi các Tỷ-kheo:

3) -- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, tu tập, làm cho sung mãn những pháp nào, Tỷ-kheo Moggalàna có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy?

-- Bạch Thê Tôn, các pháp lấy Thê Tôn làm căn bản...

4) -- Do tu tập, làm cho sung mãn bốn như ý túc, Tỷ-kheo Moggalàna có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy. Thế nào là bốn?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Moggalàna tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành (nghĩ rằng): "Như vậy, dục của ta không quá yếu đuối... với tâm chói sáng, tu tập tâm".

6-7) ... tinh tấn định... tâm định...

8) ... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành (nghĩ rằng): "Tư duy của ta sẽ không quá yếu đuối, sẽ không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài...". Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

9) Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggalāna có đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy.

10) Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggalāna thực hiện nhiều loại thần thông: Như một thân hiện thành nhiều thân, nhiều thân hiện thành một thân... tự thân có thể bay đến Phạm thiên giới.

11) Do tu tập, làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggalāna đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

32.XII. Như Lai (S.v,289)

1) ...

2) Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

(Giống như kinh 31. Chỉ khác, đây là Như Lai)

IV. Phẩm Sông Hằng Rộng Thuyết

33.I - 44 XII (S.v,290-291)

V. Phẩm Không Phóng Dật

45 - 54.I-X. (S.v,291)

VI. Phẩm Việc Làm Cân Sức Mạnh

55 - 66.I-XII. (S.v,291)

VII. Phẩm Tâm Cầu

67 - 76.I-X. (S.v,291)

VIII. Phẩm Bộc Lưu

77 - 85.I-IX. (S.v,292)

(Tất cả đoạn này giống các đoạn trước, chỉ khác, ở đây là tu tập bốn như ý túc).

CHƯƠNG VIII
52. TUƯƠNG ƯNG ANURUDDHA

I. Phẩm Độc Cư**1.I. Độc Cư (1) (S.v,294)**

1) **N**hư vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Anuruddha trú ở Sàvatthi, tại Thắng Lâm, khu vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Tôn giả Anuruddha trong khi độc cư Thiền tịnh, tâm tưởng suy tư sau đây được khởi lên: "Những ai thối thất bốn niệm xứ, cũng thối thất đối với họ là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Những ai thành tựu bốn niệm xứ thì cũng thực hiện được Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau".

3) Rồi Tôn giả Mahà Moggalàna với tâm của mình biết được tâm của Tôn giả Anuruddha. Như người lực sĩ duỗi cánh tay co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Tôn giả Mahà Moggalàna hiện ra trước mặt Tôn giả Anuruddha.

4) Rồi Tôn giả Mahà Moggalàna nói với Tôn giả Anuruddha:

-- Cho đến như thế nào, này Hiền giả Anuruddha, Tỷ-kheo thực hiện bốn niệm xứ?

5) -- Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán tánh tập khởi trên nội thân... quán tánh đoạn diệt trên nội thân, quán tánh tập khởi, tánh đoạn diệt trên nội thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

6) Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên ngoại thân... quán tánh đoạn diệt ngoại thân, quán tánh tập khởi, tánh đoạn diệt trên ngoại thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

7) Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên nội ngoại thân... trú, quán tánh đoạn diệt trên nội ngoại thân... trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên nội ngoại thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

8) Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tướng nhảm chán đối với pháp không nhảm chán"; vị ấy trú ở đây với tướng nhảm chán. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tướng không nhảm chán đối với pháp nhảm chán"; vị ấy trú ở đây với tướng không nhảm chán. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tướng nhảm chán đối với các pháp không nhảm chán và pháp nhảm chán"; vị ấy trú ở đây với tướng nhảm chán. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tướng không nhảm chán đối với pháp nhảm chán và pháp không nhảm chán"; vị ấy trú ở đây với tướng không nhảm chán. Nếu vị ấy muốn: "Tù bỏ cả hai, không nhảm chán và nhảm chán, ta sẽ trú xả, chánh niệm, tinh giác"; vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm, tinh giác.

9) Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các nội thọ. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên các nội thọ. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các nội thọ, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

10) Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các ngoại thọ. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên các ngoại thọ. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các ngoại thọ, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

11) Vị áy trú, quán tánh tập khởi trên các nội ngoại thọ. Vị áy trú, quán tánh đoạn diệt trên các nội ngoại thọ. Vị áy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các nội ngoại thọ, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

12) Nếu vị áy muôn...

13) ... trên nội tâm...

14) ... trên ngoại tâm...

15) ... trên nội ngoại tâm...

16) Nếu vị áy muôn...

17) ... trên nội tâm...

18) ... trên ngoại tâm...

19) Vị áy trú, quán tánh tập khởi trên các nội ngoại pháp. Vị áy trú, quán tánh đoạn diệt trên các nội ngoại pháp. Vị áy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các nội ngoại pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

20) Nếu vị áy muôn: "Ta sẽ trú với tưởng nhảm chán đối với pháp không nhảm chán"; vị áy trú ở đây với tưởng nhảm chán... Ở đây, vị áy trú xả, chánh niệm, tinh giác.

21) Cho đến như vậy, này Hiền giả, là Tỷ-kheo thực hiện bốn niệm xú.

2. II. Độc Cư (2) (S.v,296)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Anuruddha, trong khi độc cư Thiên định, tâm tưởng, suy tư sau đây được khởi lên: "Những ai thối thất bốn niệm xú, cũng thối thất đối với họ là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Những ai thành tựu bốn niệm xú, cũng thành tựu đối với họ là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau".

3) Rồi Tôn giả Mahà Moggalàna với tâm của mình biết tâm tư suy tưởng của Tôn giả Anuruddha. Như một nhà lực sĩ... hiện ra trước mặt Tôn giả Anuruddha.

4) Rồi Tôn giả Mahà Moggalàna nói với Tôn giả Anuruddha:

-- Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là Tỷ-kheo thực hiện bốn niệm xú?

5) -- Ở đây, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên nội thân, tinh cần, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo trú, quán thân trên ngoại thân, tinh cần, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo trú, quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

6) Tỷ-kheo trú, quán thọ trên các nội thọ...

7) Tỷ-kheo trú, quán tâm trên nội tâm...

8) Tỷ-kheo trú, quán pháp trên các nội pháp, tinh cần, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo trú, quán pháp trên các ngoại pháp, tinh cần, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo trú, quán pháp trên các nội ngoại pháp, tinh cần, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời.

9) Cho đến như vậy, này Hiền giả, là Tỷ-kheo thành tựu bốn niêm xứ.

3. III. Sutanu (S.v,297)

1) Một thời Tôn giả Anuruddha trú ở Sàvatthi, trên bờ sông Sutanu.

2) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, các Tỷ-kheo áy thưa với Tôn giả Anuruddha:

-- Tôn giả Anuruddha tu tập, làm cho sung mãn những pháp nào đạt được đại thắng trí?

4) -- Thưa các Hiền giả, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niêm xứ nên tôi đạt được đại thắng trí. Ở đây, này chư Hiền, tôi trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Này chư Hiền, chính do tu tập, làm cho sung mãn bốn niêm xứ này, tôi được đại thắng trí.

5) Và thưa chư Hiền, chính do tu tập, làm cho sung mãn bốn niêm xứ này, tôi chứng tri liệt pháp là liệt pháp, trung pháp là trung pháp, thắng pháp là thắng pháp.

4. IV. Kataki (1) (S.v,298)

1) Một thời Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Moggalàna trú ở Sàketa, tại rừng Kantakii.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Moggalàna, vào buổi chiều, từ độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, Tôn giả Sàriputta thưa với Tôn giả Anuruddha:

-- Thưa Hiền giả Anuruddha, Tỷ-kheo hữu học, sau khi đạt pháp gì, phải an trú pháp áy?

-- Thưa Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo hữu học, sau khi đạt bốn niêm xứ, phải an trú pháp áy. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo trú, quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo trú, quán tâm trên tâm... Tỷ-kheo trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Thưa Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo hữu học, sau khi chứng đạt bốn niêm xứ này, phải an trú pháp áy.

5. V. Kantakì (2) (S.v,299)

- 1-2) Nhân duyên ở Sàketa... Ngồi một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Anuruddha:
- 3) -- Thura Hiền giả Anuruddha, Tỷ-kheo vô học, sau khi chứng đạt pháp gì, phải an trú pháp ấy?
- Thura Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo vô học, sau khi chứng đạt bốn niêm xứ, phải an trú pháp ấy. Thế nào là bốn?
- 4) Ở đây, thura Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Thura Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo vô học, sau khi chứng đạt bốn niêm xứ này, phải an trú pháp ấy.

6. VI. Kantakì (3) (S.v,299)

- 1-2) Tại Sàketa, ngồi xuống một bên, vị ấy nói như sau:
- 3) -- Tôn giả Anuruddha do tu tập, làm cho sung mãn những pháp gì, đã đạt được đại thắng trí?
- Thura Hiền giả, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niêm xứ, tôi chứng đạt được đại thắng trí. Thế nào là bốn?
- 4) Ở đây, thura Hiền giả, tôi trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Thura Hiền giả, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niêm xứ này, tôi chứng đạt đại thắng trí.
- 5) Thura Hiền giả, do tu tập, làm cho sung mãn bốn niêm xứ này, tôi thắng tri được một ngàn thế giới.

7. VII. Ái Tận (S.v,300)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi...
- 2) Tại đây, Tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ-kheo:
- 3) -- Bốn niêm xứ này, thura chư Hiền, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận khát ái. Thế nào là bốn?
- 4) Ở đây, thura chư Hiền, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niêm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Thura chư Hiền, bốn niêm xứ này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận khát ái.

8. VIII. Nhà Bằng Cây Sàla (S.v,300)

- 1) Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sàvatthi, tại nhà làm bằng cây sàla.
- 2) Tại đây, Tôn giả Anuruddha gọi các Tỷ-kheo... nói như sau:
- 3) -- Ví như, này chư Hiền, sông Hằng thiêng về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương

Đông. Rồi một số đông quàn chúng đến, cầm cuốc, thúng và nói: "Chúng ta sẽ làm cho sông Hằng này thiêng về phương Tây, hướng về phương Tây, xuôi về phương Tây". Thưa chư Hiền, chư Hiền nghĩ thế nào, số đông quàn chúng này có thể làm cho sông Hằng thiêng về phương Tây, hướng về phương Tây, xuôi về phương Tây không?

-- Thưa không, Hiền giả. Vì sao? Thưa Hiền giả, vì sông Hằng thiêng về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông, không dễ gì khiến cho thiêng về phương Tây, hướng về phương Tây, xuôi về phương Tây được. Và quan chúng ấy chỉ mệt nhọc và tốn não mà thôi.

4) -- Cũng vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập bốn niệm xứ, làm cho sung mãn bốn niệm xứ. Dầu cho vua chúa, hay đại thần, hay thân hữu, hay bạn bè, hay bà con huyết thống có thể đến dâng các tài vật và mời: "Hãy đến, này Người tốt kia, sao để các áo vàng này hành hạ Ông? Sao lại đi biểu diễn với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng các tài vật và làm các phước đức!"; Tỷ-kheo ấy, thưa chư Hiền, được tu tập bốn niệm xứ, được làm cho sung mãn bốn niệm xứ, có thể từ bỏ giới trở lui hoàn tục; sự kiện như vậy không xảy ra. Vì sao? Vì này chư Hiền, tâm người ấy đã lâu ngày thiêng về viễn ly, hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, lại trở lại hoàn tục, sự kiện như vậy không xảy ra.

5) Và này chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập bốn niệm xứ như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào? Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời; như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập bốn niệm xứ, làm cho sung mãn bốn niệm xứ.

9. IX. Tất Cả, hay Ambapàla (S.v,301)

1) Một thời Tôn giả Anuruddha và Tôn giả Sàriputta trú ở Vesàli, tại rừng Ambapàla.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi chiều, từ chỗ độc cư đứng dậy...

3) Ngồi một bên, Tôn giả Sàriputta thưa với Tôn giả Anuruddha:

-- Thưa Hiền giả Anuruddha, các căn của Hiền giả trong sáng, thanh tịnh, sắc mặt được sáng suốt. Tôn giả Anuruddha nay trú nhiều sự an trú gì?

-- Thưa Hiền giả, nay tôi an trú nhiều với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, thưa Hiền giả, tôi trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Thưa Hiền giả nay tôi an trú nhiều với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ.

5) Thưa Hiền giả, Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt tới, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí, giải thoát; vị ấy an trú nhiều với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ này.

6) -- Thật lợi ích cho chúng tôi, thưa Hiền giả! Thật khéo lợi ích cho chúng tôi, thưa Hiền giả! Chúng tôi đối mặt với Tôn giả Anuruddha, đã được nghe tiếng nói như nguru vương.

10. X. Bị Trọng Bệnh, hay Bệnh (S.v,302)

1) Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sàvatthi, tại rừng Andha, bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh.

2) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Anuruddha và nói với Tôn giả Anuruddha:

-- Tôn giả Anuruddha an trú với sự an trú gì, khiến cho khổ thọ về thân khởi lên, lại không có ảnh hưởng gì đến tâm?

-- Thưa chư Hiền, do tôi trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ, nên các khổ thọ về thân khởi lên không có ảnh hưởng gì đến tâm. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, thưa chư Hiền, tôi trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Thưa chư Hiền, do tôi trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ, nên các khổ thọ về thân khởi lên không có ảnh hưởng đến tâm.

II. Phẩm Thứ Hai

11. I. Một Ngàn (S.v,303)

1) Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sàvatthi, tại Thắng Lâm, trong khu vườn ông Anàthapindika.

2-3) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm... nói với Tôn giả Anuruddha:

-- Do tu tập, do làm cho sung mãn những pháp gì, Tôn giả Anuruddha đạt được đại thắng trí?

-- Thưa chư Hiền, do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ, nên tôi chứng được đại thắng trí. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này chư Hiền, tôi trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, thưa chư Hiền, nên tôi nhớ được ngàn kiếp.

12. II. Như Ý Lực (1) (S.v,303)

5) -- Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi thực hiện nhiều loại thân thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến Phạm thiên giới.

13. III. Như Ý Lực (2) (S.v,304)

5) -- Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi chứng được thiên nhĩ thông, thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe được hai thứ tiếng, chư Thiên và loài Người, hoặc xa hoặc gần.

14. IV. Với Tâm Của Mình (S.v,304)

5) -- Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ, tôi với tâm của mình biết được tâm của nhiều loại hữu tình khác, nhiều loại người khác. Với tâm có tham, tôi rõ biết là tâm có tham... với tâm giải thoát, rõ biết là tâm giải thoát.

15. V.Xứ (1) (S.v,304)

5) -- Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thực rõ biết xứ là xú, phi xứ là phi xú.

16. VI. Xứ (2) (S.v,304)

-- Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết quả dị thục các nghiệp báo (kammasamadanam) quá khứ, vị lai, hiện tại tùy thuộc sở do (thānatī) và tùy thuộc về thân (hetaso).

17. VII. Đạo Lộ (S.v,304)

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết con đường đưa đến tất cả cảnh giới.

18. VIII. Thế Giới (S.v,304)

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại sai biệt.

19. IX. Thắng Giải Sai Biệt (S.v,305)

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết chỉ hướng sai biệt của các loại hữu tình.

20. X. Căn (S.v,305)

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết các căn thượng hạ (indriyaparopariyattim) của các loại hữu tình và các loại người.

21. XI. Thiền (S.v,305)

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiền chúng, về Thiền, về Giải thoát, về Định.

22. XII. Minh (1) (S.v,305)

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi nhớ được nhiều đời quá khứ, như một đời, hai đời... nhiều đời sống quá khứ cùng các nét đại cương và các chi tiết.

23. XIII. Minh (2) (S.v,305)

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi chứng được thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh.

24. XIV. Minh (3) (S.v,305)

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, với thắng trí, tôi chứng ngộ, chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

CHƯƠNG IX
53. TUƯƠNG ƯNG THIỀN

I. Phẩm Sông Hằng Rộng Thuyết

1.I. Thanh Tịnh Thứ Nhất (S.v,307)

1-2) Tại Sàvatthi...

-- Nay các Tỷ-kheo, có bốn Thiên này. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly các pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tú.

4) Làm tịnh chỉ tầm và tú, chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tú, nội tĩnh, nhứt tâm.

5) Ly hỷ, trú xả, chánh niệm, tĩnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiên thứ ba.

6) Đoạn lạc, đoạn khô, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng và trú Thiên thứ tư, không khô, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

7) Những pháp này, nay các Tỷ-kheo, là bốn Thiên.

8) Ví như, nay các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông; cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn Thiên, làm cho sung mãn bốn Thiên, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Và nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn Thiên như thế nào... xuôi về Niết-bàn?

9) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tú. Làm tịnh chỉ tầm và tú... nội tĩnh, nhứt tâm... Thiên thứ ba... Thiên thứ tư. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn Thiên, làm cho sung mãn bốn Thiên, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

2-12. II-XII. (S.v,308)

Như Sông Hằng Rộng Thuyết.

II. Phẩm Không Phóng Dật

13-22 I-X. (S.v,308)

III. Phẩm Làm Việc Cần Sức Mạnh

23-34. I-XII. (S.v,308)

IV. Phẩm Tâm Cầu

35-44. I-X. (S.v,309)

V. Phẩm Bột Lưu

45. I. (S.v,309)

46-53. II-IX. (S.v,309)

54. X. Thượng Phần Kiết Sứ (S.v,309)

1). ..

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sứ này. Thế nào là năm? Sắc tham, vô sắc tham, mạn, trạo cử, vô minh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm thượng phần kiết sứ. Này các Tỷ-kheo, để thăng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sứ này, bốn Thiền cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

3-6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tú... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư.

7) Để thăng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sứ này, này các Tỷ-kheo, bốn Thiền cần phải tu tập.

-ooOoo-

CHƯƠNG X
54. TƯƠNG ƯNG HƠI THỞ VÔ, HƠI THỞ RA

I. Phẩm Một Pháp**1.I. Một Pháp (S.v,311)**

1) Tại Sàvatthi...

2) Ở đây... nói như sau:

3) -- Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Thế nào là một pháp? Niệm hơi thở vô, hơi thở ra. Và này các Tỷ-kheo, niệm hơi thở vô, hơi thở ra, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến chỗ nhà trống, ngồi kiết-già, lung thăng, đặt niệm trước mặt; vị ấy chánh niệm thở vô, chánh niệm thở ra.

5) Thở vô dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô dài". Thở ra dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra dài". Thở vô ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô ngắn". Thở ra ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra ngắn".

6) "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

7) "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

8) "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

9) "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

10) "Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

11) Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

2. II. Giác Chi (S.v,312)

1-2) Tại Sàvatthi... Tại đây... nói như sau:

3) -- Niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Và này các Tỷ-kheo, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, niệm hơi thở vô,

hơi thở ra thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với niệm hơi thở vô, hơi thở ra, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; tu tập trạch pháp giác chi... ; tu tập tinh tấn giác chi... ; tu tập hý giác chi... ; tu tập khinh an giác chi...; tu tập niệm giác chi...; tu tập định giác chi...; tu tập xả giác chi câu hữu với niệm hơi thở vô, hơi thở ra, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

3. III. Thanh Tịnh (S.v,313)

1-2) Sàvatthi... Ở đây... thuyết như sau:

3) -- Niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Tu tập như thế nào, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như thế nào, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già, lung thăng, đặt niệm trước mặt; vị ấy chánh niệm hơi thở vô, chánh niệm hơi thở ra.

5-10) ... như kinh 1, từ đoạn 5 đến đoạn 10...

11) -- Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra có quả lớn thời có lợi ích lớn.

4. IV. Quả (S.v,313)

1-2) ...

3) -- Niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Tu tập như thế nào, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như thế nào, niệm hơi thở vô, hơi thở ra có quả lớn, có lợi ích lớn?

4-10) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

11) Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

12) Niệm hơi thở vô, hơi thở ra được tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, được làm cho sung mãn như vậy, được chờ đợi một trong hai quả sau: Ngay trong hiện tại, được Chánh trí; nếu có dư y, chứng quả Bất lai.

5. V. Quả (2) (S.v,314)

1-2) ...

3) -- Niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn thời có quả lớn,

có lợi ích lớn. Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

4-10) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

11) Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

12) Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời được chờ đợi bảy quả, bảy lợi ích. Thế nào là bảy quả, bảy lợi ích?

13) Ngay trong hiện tại, lập tức thành tựu Chánh trí. Nếu ngay trong hiện tại không lập tức thành tựu Chánh trí, thời khi mệnh chung, thành tựu Chánh trí. Nếu khi mệnh chung không thành tựu Chánh trí, thời sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được Trung gian Bát-niết-bàn, được Tồn hại Bát-niết-bàn, được Vô hành Bát-niết-bàn, được Hữu hành Bát-niết-bàn, được thượng lưu, đạt đến Sắc cứu cánh thiên.

14) Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời được chờ đợi bảy quả, bảy lợi ích này.

6. VI. Arittha (S.v,314)

1-2) Tại Sàvatthi. Tại đây, Thέ Tôn... nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, các Ông hãy tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra.

3) Khi được nói vậy, Tôn giả Arittha bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, con có tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra.

-- Nay Arittha, Ông tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra như thế nào?

4) -- Bạch Thέ Tôn, đối với các dục (kàma) quá khứ, con đoạn trừ dục tham (kàmacchanda). Đối với dục tương lai, con từ bỏ dục tham. Đối ngại tướng (pàtighasanna), đối với nội ngoại pháp, được khéo nghiệp phục nại con. Chánh niệm, con thở vô. Chánh niệm, con thở ra. Như vậy, bạch Thέ Tôn, con tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra.

5) -- Đây cũng là niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này Arittha, nhưng Ta tuyên bố là không phải. Nay Arittha, Ta sẽ nói cho Ông như thế nào là niệm hơi thở vô, hơi thở ra, được phát triển, được làm cho viên mãn. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

-- Thưa vâng, bạch Thέ Tôn.

Tôn giả Arittha vâng đáp Thέ Tôn.

6) Thέ Tôn nói như sau:

-- Nay Arittha, niệm hơi thở vô, hơi thở ra được phát triển, làm cho viên mãn như thế nào?

7-13) Ở đây, này Arittha, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi

kiết-già:... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

14) Như vậy, này Arittha, niêm hơi thở vô, hơi thở ra được phát triển, được làm cho sung mãn.

7. VII. Kappina (S.v,315)

1-2) Tại Sàvatthi...

3) Lúc bấy giờ Tôn giả Mahà Kappina đang ngồi kiết-già, không xa bao nhiêu, thân thẳng, để niệm trước mặt.

4) Thê Tôn thấy Tôn giả Mahà Kappina ngồi kiết-già, không xa bao nhiêu, thân thẳng, để niệm trước mặt. Thấy vậy, Ngài liên gọi các Tỳ-kheo:

-- Nay các Tỳ-kheo, các Ông có thấy Tỳ-kheo áy, thân có rung động hay có dao động không?

5) -- Bạch Thê Tôn, chúng con thấy vị Tôn giả áy ngồi giữa Tăng chúng hay ngồi một mình, độc cư; chúng con không thấy vị Tôn giả áy thân bị rung động hay dao động.

6) -- Đối với một vị có Thiền định như vậy, này các Tỳ-kheo, nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn, nên thân vị áy không rung động hay dao động, nên tâm vị áy không rung động hay dao động. Đối với vị Tỳ-kheo áy, được định như vậy, không có khó khăn, không có gian nan, không có mệt nhọc.

7) Và này các Tỳ-kheo, vị áy tu tập, làm cho sung mãn định nào mà thân không rung động, không dao động, hay tâm không rung động, không dao động? Nay các Tỳ-kheo, do vị áy tu tập, làm cho sung mãn định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, nên thân không rung động, không dao động, hoặc tâm không rung động hay dao động.

8) Và này các Tỳ-kheo, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào mà thân không rung động hay không dao động, hoặc tâm không rung động hay không dao động?

9-15) Ở đây, này các Tỳ-kheo, vị áy đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi-kiết già... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập, "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

16) Nhờ tu tập như vậy, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỳ-kheo, nhờ làm cho sung mãn như vậy nên thân không bị rung động hay dao động, hoặc tâm không rung động hay dao động.

8. VIII. Ngọn Đèn (S.v,316)

1-2) Sàvatthi... nói như sau:

3) -- Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỳ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Và này các Tỳ-kheo, tu tập định niệm hơi thở vô, hơi thở ra như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

4-10) Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

11) Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỳ-kheo, tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

12) Nay các Tỷ-kheo, Ta trước khi giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta trú nhiều với trú này. Nay các Tỷ-kheo, do Ta trú nhiều với trú này, thân Ta và con mắt không có mệt nhọc; và tâm Ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

13) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng thân và mắt khỏi bị mệt mỏi, và mong rằng tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ", thời định niệm hơi thở vô và hơi thở ra này cần phải khéo tác ý.

14) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng các niệm, các tư duy của ta được đoạn tận", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này phải được khéo tác ý.

15) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng ta sẽ trú với tưởng nhảm chán đối với các pháp không nhảm chán", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

16) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng ta sẽ trú với tưởng không nhảm chán đối với các pháp nhảm chán", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

17) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Tôi sẽ trú với tưởng nhảm chán đối với các pháp không nhảm chán và nhảm chán", thời định niệm...

18) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Tôi sẽ trú với tưởng không nhảm chán đối với các pháp nhảm chán và không nhảm chán", thời định niệm...

19) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng sau khi từ bỏ cả hai không nhảm chán và nhảm chán, tôi sẽ trú xả, chánh niệm, tịnh giác", thời định niệm...

20) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng ly dục, ly pháp bất thiện, tôi sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tú", thời định niệm...

21) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng làm cho tịnh chỉ tầm và tú, tôi sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tú, nội tĩnh, nhất tâm", thời định niệm...

22) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng ly hỷ trú xả, chánh niệm tịnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, tôi sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ ba", thời định niệm...

23) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng đoạn lạc, đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh", thời định niệm...

24) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Vượt qua sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt đối ngại tướng, không tác ý các tướng sai biệt, nghĩ rằng: 'Hư không là vô biên', chứng đạt và an trú Không vô biên xứ", thời định niệm...

25) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: 'Thức là vô biên', tôi có thể chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ", thời định niệm...

26) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Vượt qua Thúc vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: 'Không có vật gì', tôi sẽ chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ", thời định niệm...

27) Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muôn rằng: "Vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, tôi sẽ chứng đạt và an trú Phi tưởng phi tưởng xú", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

28) Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muôn rằng: "Vượt qua Phi tưởng phi tưởng xú một cách hoàn toàn, tôi sẽ chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

29) Trong khi tu tập định niệm hơi thở vô, hơi thở ra như vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi làm cho sung mãn như vậy, vị ấy cảm giác lạc thọ. Vị ấy rõ biết: "Thọ ấy là vô thường". Vị ấy rõ biết: "Không có chấp trước thọ ấy". Vị ấy rõ biết: "Không có hoan duyệt thọ ấy". Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy rõ biết: "Thọ ấy là vô thường". Vị ấy rõ biết: "Không chấp trước thọ ấy". Vị ấy rõ biết không hoan duyệt thọ ấy". Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy rõ biết: "Thọ ấy là vô thường". Vị ấy rõ biết: "Không có chấp trước thọ ấy". Vị ấy rõ biết: "Không có hoan duyệt thọ ấy".

30) Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, thọ ấy được cảm thọ không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, thọ ấy được cảm thọ không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, thọ ấy được cảm thọ không bị trói buộc. Khi vị ấy đang cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của thân, vị ấy rõ biết: "Tôi cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của thân". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của sinh mạng, vị ấy rõ biết: "Tôi cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của sinh mạng". Khi thân hoại mạng chung, vị ấy rõ biết: "Ở đây, tất cả mọi cảm thọ đều không có gì được hân hoan, và sẽ trở thành mát lạnh".

31) Ví như, này các Tỷ-kheo, do duyên dầu, duyên tim, một cây đèn dầu được cháy sáng. Nếu dầu và tim của ngọn đèn ấy đi đến tiêu diệt, nhiên liệu không được mang đến, thời ngọn đèn sẽ tắt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của thân, vị ấy rõ biết: "Tôi cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của thân". Khi Tỷ-kheo cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của sinh mạng, vị ấy rõ biết: "Tôi cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của sinh mạng". Khi thân hoại mạng chung, vị ấy rõ biết: "Ở đây, tất cả những gì được cảm thọ đều không có gì được hân hoan, và sẽ trở thành mát lạnh".

9. IX. Vesàli (S.v,320)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thê Tôn ở giữa dân chúng Vesàli, tại Đại Lâm, ngôi nhà có nóc nhọn.

2) Lúc bấy giờ Thê Tôn dùng nhiều phương tiện giảng về bất tịnh, nêu rõ về bất tịnh, tán thán sự tu tập bất tịnh.

3) Rồi Thê Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- Ta muốn sống Thiền tịnh một mình trong nửa tháng, không gặp một ai, trừ người đem đồ ăn cho Ta.

-- Thưa vâng, bạch Thê Tôn.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thê Tôn, không cho một ai đến thăm Thê Tôn, trừ một người đem đồ ăn.

4) Rồi các Tỷ-kheo áy được nghe Thê Tôn dùng nhiều pháp môn nói về bất tịnh, nêu rõ về bất tịnh, nói lời tán thán sự tu tập bất tịnh, nên sống chuyên chú tu tập bất tịnh dưới nhiều hình thức sai biệt. Họ tủi

hở với thân này, tầm quý và nhảm chán, tầm cầu đem lại con dao. Mười Tỷ-kheo một ngày đem lại con dao... Hai mươi... Ba mươi Tỷ-kheo trong một ngày đem lại con dao.

5) Rồi Thέ Tôn sau nửa tháng, từ Thiền tịnh đứng dậy và bảo Tôn giả Ananda:

-- Nay Ananda, vì sao chúng Tỷ-kheo giảm thiểu như vậy?

6) -- Bạch Thέ Tôn, vì Thέ Tôn dùng nhiều pháp môn thuyết cho các Tỷ-kheo về bất tịnh, nêu rõ về bất tịnh, tán thán sự tu tập bất tịnh, nên các vị ấy sống chuyên chú tu tập bất tịnh dưới nhiều hình thức sai biệt. Họ tủi hổ với thân này, tầm quý và nhảm chán, tầm cầu đem lại con dao. Mười Tỷ-kheo trong một ngày đem lại con dao... Hai mươi... Ba mươi Tỷ-kheo trong một ngày đem lại con dao. Lành thay, bạch Thέ Tôn, nếu Thέ Tôn thuyết cho pháp môn khác, nhờ vậy chúng Tỷ-kheo được an trú vào chánh trí.

7) -- Vậy này Ananda, hãy tập họp tại giảng đường tất cả các Tỷ-kheo trú xung quanh Vesàli.

-- Thưa vâng, bạch Thέ Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thέ Tôn và mời tất cả Tỷ-kheo trú xung quanh Vesàli tập họp tại giảng đường, rồi Tôn giả Ananda đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, bạch Thέ Tôn:

-- Bạch Thέ Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tập họp. Nay Thέ Tôn hãy làm những gì Thέ Tôn nghĩ là phải thời.

8) Rồi Thέ Tôn đi đến giảng đường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Thέ Tôn bảo các Tỷ-kheo:

9) -- Nay các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này được tu tập, được làm cho sung mãn là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất (asecanako), lạc trú, làm cho các ác, bất thiện pháp đã sanh biến mất, tịnh chỉ lập tức (thānasō).

10) Ví như, này các Tỷ-kheo, trong cuối mùa hạ, bụi nhớp bay lên và một đám mưa lớn trái mùa lập tức làm chúng biến mất, tịnh chỉ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra được tu tập, được làm cho sung mãn là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất, lạc trú, làm cho các ác, bất thiện pháp đã sanh biến mất, tịnh chỉ lập tức.

11) Và này các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, được tu tập như thế nào, được làm cho sung mãn như thế nào là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất, lạc trú, làm cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được biến mất và tịnh chỉ lập tức?

12-18) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-giả... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

19) Nay các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất, lạc trú, và các ác, bất thiện pháp đã sanh được biến mất và tịnh chỉ lập tức.

10. X. Kimbila (S.v,322)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú ở Kimbila, tại Veluvana.

2) Ở đây, Thέ Tôn gọi Tôn giả Kimbila:

-- Tu tập như thế nào, này Kimbila, làm cho sung mãn như thế nào, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra được quả lớn, được lợi ích lớn?

Khi được nói vậy, Tôn giả Kimbila im lặng.

3) Lần thứ hai, Thέ Tôn...

4) Lần thứ ba, Thέ Tôn bảo Tôn giả Kimbila:

-- Tu tập như thế nào, này Kimbila, làm cho sung mãn như thế nào, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời được quả lớn, được lợi ích lớn?

Lần thứ ba, Tôn giả Kimbila im lặng.

5) Được nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thέ Tôn:

-- Nay đã đến thời, bạch Thέ Tôn. Nay đã đến thời, bạch Thiện Thệ. Mong Thέ Tôn giảng dạy pháp tu tập định niệm hơi thở vô, hơi thở ra! Sau khi nghe Thέ Tôn dạy, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

-- Vậy này Ananda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thέ Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thέ Tôn.

6) Thέ Tôn nói như sau:

-- Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này Ananda, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

7-13) Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

14) Tu tập như vậy, này Ananda, làm cho sung mãn như vậy, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

15) Lúc nào, này Ananda, Tỷ-kheo thở vô dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô dài". Hay khi Tỷ-kheo thở ra dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra dài". Hay khi Tỷ-kheo thở vô ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô ngắn". Hay khi Tỷ-kheo thở ra ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra ngắn". "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tĩnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tĩnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Này Ananda, sống quán thân trên thân, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vì sao?

16) Này Ananda, Ta tuyên bố rằng, tùy thuộc về thân, tức là hơi thở vô, hơi thở ra. Do vậy, này Ananda, quán thân trên thân, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

17) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo: "Cảm giác hý tho, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hý tho, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác lạc tho, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác lạc tho, tôi sẽ thở ra", vị ấy

tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi quán thọ trên các cảm thọ, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vì sao?

18) Nay Ananda, Ta tuyên bố rằng, tùy thuộc về thọ, tức là hơi thở vô, hơi thở ra, được khéo tác ý. Do vậy, nay Ananda, quán thọ trên các cảm thọ, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

19) Trong khi, nay Ananda, Tỷ-kheo: "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi quán tâm trên tâm, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vì sao?

20) Nay Ananda, Ta tuyên bố rằng sự tu tập chánh niệm hơi thở vô, hơi thở ra không phải cho người thật niêm và không tinh giác. Do vậy, nay Ananda, quán tâm trên tâm, Tỷ-kheo trong khi ấy, trú nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

21) Trong khi Tỷ-kheo, nay Ananda, "Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi quán pháp trên các pháp, nay Ananda, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời, đoạn tận các tham ưu; sau khi thấy với trí tuệ, vị ấy khéo trú xả. Do vậy, nay Ananda, quán pháp trên các pháp, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

22) Ví như, nay Ananda, một đống rác bụi lớn ở ngã tư đường, nếu từ phương Đông, một cái xe (sakatam hay ratha) đi đến và làm cho đống rác bụi ấy giảm bớt đi; nếu từ phương Tây...; nếu từ phương Bắc...; nếu từ phương Nam, một cái xe đi đến và làm cho đống rác bụi ấy giảm bớt đi. Cũng vậy, nay Ananda, Tỷ-kheo trong khi trú, quán thân trên thân, làm cho giảm bớt đi các ác, bất thiện pháp, khi trú, quán thọ trên các cảm thọ... khi trú, quán tâm trên tâm... khi trú, quán pháp trên các pháp... làm cho giảm bớt đi các ác, bất thiện pháp.

II. Phẩm Thứ Hai

11. I. Icchàñangala (S.v,325)

1) Một thời, Thé Tôn trú ở Icchàñangala, tại khóm rừng ở Icchàñangala.

2) Tại đây, Thé Tôn bảo các Tỷ-kheo:

-- Ta muốn sống độc cư Thiền tịnh trong ba tháng, không tiếp một ai, trừ một người đem đồ ăn lại.

-- Thưa vâng, bạch Thé Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thé Tôn. Như vậy, không một ai đến viếng Thé Tôn, trừ một người đem đồ ăn lại.

3) Rồi Thé Tôn, sau khi ba tháng ấy đã mãn, từ chỗ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, gọi các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo đến hỏi các Ông: "Với sự an trú nào, này chư Hiền, Sa-môn Gotama an trú nhiều trong mùa mưa?" Được hỏi vậy, nay các Tỷ-kheo, các Ông hãy trả lời cho cho các du sĩ ngoại đạo áy như sau: "Với định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này chư Hiền, Thế Tôn an trú nhiều trong các mùa mưa".

4) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, chánh niệm Ta thở vô, chánh niệm Ta thở ra.

5-10) Hay thở vô dài, Ta rõ biết: "Ta thở vô dài". Hay thở ra dài, Ta rõ biết: "Ta thở ra dài". Hay thở vô ngắn, Ta rõ biết: "Ta thở vô ngắn". Hay thở ra ngắn, Ta rõ biết: "Ta thở ra ngắn"... "Quán từ bỏ, Ta thở vô", Ta rõ biết như vậy. "Quán từ bỏ, Ta thở ra", Ta rõ biết như vậy.

11) Nay các Tỷ-kheo, ai muốn nói một cách chơn chánh, đây là Thánh trú, đây là Phạm trú, đây là Như Lai trú; người áy nói một cách chơn chánh, phải nói định niệm hơi thở vô, hơi thở ra là Thánh trú, là Phạm trú, là Như Lai trú.

12) Nay các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào là bậc hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cù vô thượng an ổn khỏi các khổ ách; những vị áy tu tập, làm cho sung mãn định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, sẽ đưa đến đoạn tận các lậu hoặc. Và nay các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đoạn tận các lậu hoặc, tu hành thành mãn, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí, giải thoát; những vị áy tu tập, làm cho sung mãn định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, ngay trong hiện tại, đưa đến lạc trú, chánh niệm tinh giác.

13) Nay các Tỷ-kheo, ai muốn nói một cách chơn chánh, đây là Thánh trú, đây là Phạm trú, đây là Như Lai trú; người áy nói một cách chơn chánh, phải nói định niệm hơi thở vô, hơi thở ra là Thánh trú, là Phạm trú, là Như Lai trú.

12. II. Nghi Ngờ (S.v,327)

1) Một thời Tôn giả Lomasavangisa trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, trong khu vườn Nigrodha.

2) Lúc bấy giờ Thích tử Mahànàma đi đến Tôn giả Lomasavangiisa; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Lomasavangiisa rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Thích tử Mahànàma thưa với Tôn giả Lomasavangisa:

3) -- Thưa Tôn giả, hữu học trú với Như Lai trú là một, hay hữu học trú là khác, Như Lai trú là khác?

-- Nay Hiền giả Mahànàma, hữu học trú không phải là một với Như Lai trú. Nay Hiền giả Mahànàma, hữu học trú là khác, Như Lai trú là khác.

4) Nay Hiền giả Mahànàma, những Tỷ-kheo nào là bậc hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cù vô thượng an ổn khỏi các khổ ách; sau khi đoạn tận năm triền cái, những vị áy trú. Thế nào là năm? Đoạn tận dục tham triền cái, các vị áy trú. Đoạn tận sân triền cái... Đoạn tận hờn trầm thụy miên triền cái... Đoạn tận trạo hối triền cái... Đoạn tận nghi hoặc triền cái, các vị áy trú. Nay Hiền giả Mahànàma, những Tỷ-kheo nào là bậc hữu học, trú với tâm chưa thành tựu, đang sống cần cù vô thượng an ổn khỏi các khổ ách; sau khi đoạn tận năm triền cái này, những vị áy trú.

5) Và nay Hiền giả Mahànàma, những Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã tu hành thành mãn, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí, giải thoát; những vị áy đoạn tận năm triền cái, chặt đứt tận gốc rễ, làm cho như

thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể khởi lên. Thế nào là năm? Dục tham triền cái được đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây ta-la, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể khởi lên; sân triền cái được đoạn tận... hôn trầm thụy miên triền cái được đoạn tận... trạo hối triền cái được đoạn tận... nghi hoặc triền cái được đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây ta-la, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể khởi lên. Nay Hiền giả Mahànàma, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã tu hành thành mẫn, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí, giải thoát; những vị ấy đã đoạn tận năm triền cái này, đã chặt đứt từ gốc rễ, đã làm cho như thân cây ta-la, đã làm cho không thể tái sanh, đã làm cho không thể khởi lên.

6) Như vậy, với pháp môn này, này Hiền giả Mahànàma, Hiền giả cần phải hiểu rằng hữu học trú là khác, Như Lai trú là khác.

7) 1. -- Một thời, thưa Hiền giả Mahànàma, Thệ Tôn trú ở Icchànangala, tại khu rừng Icchànangala.

8) 2. Rồi này Mahànàma, Thệ Tôn bảo các Tỷ-kheo:

9) 3. Rồi Thệ Tôn...

10) 4. "Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta...

11-16) 5-10. Thở vô dài...

17) 11. Ai muốn nói một cách chơn chánh, đây là Thánh trú...

18) 12. Những ai là những Tỷ-kheo hữu học...

19) 13. Ai muốn nói một cách chơn chánh...".

20) Với pháp môn này, này Hiền giả Mahànàma, cần phải hiểu như sau: Hữu học trú là khác, Như Lai trú là khác.

13. III. Ananda (1) (S.v,328)

1-2) Sàvatthi...

Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thệ Tôn... Ngòi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thệ Tôn:

3) -- Bạch Thệ Tôn, có một pháp nào được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bốn pháp? Bốn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bảy pháp? Bảy pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn hai pháp?

-- Nay Ananda, có một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bốn pháp. Bốn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bảy pháp. Bảy pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn hai pháp.

4) -- Một pháp ấy là gì, bạch Thệ Tôn, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bốn pháp? Bốn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bảy pháp? Bảy pháp được tu tập được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn hai pháp?

-- Nay Ananda, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bốn niệm xứ. Bốn niệm xứ được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bảy giác chi. Bảy giác chi được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn minh và giải thoát.

I

5) Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, làm cho viên mãn bốn niệm xứ?

6-12) Ở đây, nay Ananda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

13-14) Lúc nào, nay Ananda, Tỷ-kheo thở vô dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô dài..". Nay Ananda, sống quán thân trên thân, Tỷ-kheo trong khi ấy trú nhứt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Vì sao? (xem 10, đoạn số 15-16) ...

15-16) Trong khi, nay Ananda, Tỷ-kheo "Cảm giác hỷ tho, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập... tham ưu ở đời. (xem 10, đoạn số 17-18)

17-18) Trong khi, nay Ananda, Tỷ-kheo "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập... tham ưu ở đời. (xem 10, đoạn số 19-20)

19) Trong khi, nay Ananda, Tỷ-kheo "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập... nghiệp phục tham ưu ở đời. (xem 10, đoạn số 20-21)

20) Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, nay Ananda, được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, làm viên mãn bốn niệm xứ.

II

21) Tu tập như thế nào, nay Ananda, làm cho sung mãn như thế nào, bốn niệm xứ làm cho viên mãn bảy giác chi?

22) Trong khi, nay Ananda, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, niệm được an trú; khi ấy, nay Ananda, Tỷ-kheo có niệm, không phải thất niệm. Trong khi, nay Ananda, Tỷ-kheo an trú niệm, không phải thất niệm, thời niệm giác chi, đối với Tỷ-kheo ấy được thành tựu. Trong khi, nay Ananda, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, niệm giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn. Vị ấy trú chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát, thành tựu quán pháp ấy.

23) Trong khi, nay Ananda, Tỷ-kheo sống chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát và đi đến quán sát ấy; khi ấy, nay Ananda, trạch pháp giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi; khi ấy, nhờ tu tập, trạch pháp giác chi đi đến viên mãn. Trong khi vị ấy với trí tuệ, quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời tinh tấn, không thu động bắt đầu phát khởi nơi vị ấy.

24) Trong khi, nay Ananda, Tỷ-kheo với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời tinh tấn, không thu động phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập tinh tấn giác chi; khi ấy, nhờ tu tập, tinh tấn giác chi đi đến viên mãn. Với vị có tinh cần, có tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên.

25) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo tinh cần, tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chát khởi lên; khi ấy, hỷ giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập hỷ giác chi; khi ấy, nhờ tu tập, hỷ giác chi đi đến viên mãn. Với vị có ý hoan hỷ, thân được khinh an, tâm được khinh an.

26) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo với ý hoan hỷ, thân được khinh an, tâm được khinh an; khi ấy, khinh an giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập khinh an giác chi; khi ấy, nhờ tu tập, khinh an giác chi đi đến viên mãn. Với vị có thân khinh an, lạc hiện hữu. Với vị có lạc, tâm được định tĩnh.

27) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo có tâm khinh an, được an lạc, tâm được định tĩnh; khi ấy, này các Tỷ-kheo, định giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi, Tỷ-kheo tu tập định giác chi; khi ấy, định giác chi, nhờ tu tập, đi đến viên mãn. Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy, khéo trú xả nhìn sự vật.

29) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo với tâm định tĩnh khéo trú xả nhìn (sự vật) như vậy; khi ấy, này Ananda, xả giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập xả giác chi; khi ấy, xả giác chi, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

29-31) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo trú, quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp... (như trên, từ đoạn số 22-28)

32) Tu tập như vậy, này Ananda, làm cho sung mãn như vậy, bốn niệm xứ làm viên mãn bảy giác chi.

III.

33) Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, bảy giác chi làm viên mãn minh và giải thoát?

34) Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

35) Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, bảy giác chi làm viên mãn minh và giải thoát.

14. IV. Ananda (2)(S.v,333)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thέ Tôn... Thέ Tôn nói với Tôn giả Ananda:

(Rồi Thέ Tôn hỏi câu hỏi giống như trước và Ananda trả lời).

"Đối với chúng con, các pháp lấy Thέ Tôn làm căn bản.." ..

(Rồi Thέ Tôn lập lại toàn bộ nhu kinh trước, từ đoạn số 3-35)

15. V. Tỷ Kheo (1) (S.v,334)

(Ở đây, các Tỷ-kheo hỏi cùng một câu hỏi áy và được Thέ Tôn trả lời toàn bộ đúng nhu kinh trước, từ đoạn số 3-35)

16. VI. Tỷ Kheo (2) (S.v,335)

(Ở đây, Thέ Tôn hỏi các Tỷ-kheo cùng một câu hỏi, các Tỷ-kheo trả lời các pháp lấy Thέ Tôn làm căn bản..., rồi Thέ Tôn trả lời toàn bộ đúng như kinh trước).

17. VII. Kiết Sứ (S.v,340)

1) ...

2) -- Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các kiết sứ.

18. VIII. Tùy Miên (S.v,340)

1) ...

2) ... đưa đến nhổ sạch các tùy miên.

19. IX. Con Đường (S.v,340)

1) ...

2) ... đưa đến liễu tri con đường (ba kinh trên được giải thích như kinh kế tiếp).

20. X. Đoạn Tận Các Lậu Hoặc (S.v,340)

1) ...

2) ... đưa đến đoạn tận các lậu hoặc.

3) -- Nay các Tỷ-kheo, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra đưa đến đoạn tận các kiết sứ... đưa đến nhổ sạch các tùy miên... đưa đến liễu tri con đường... đưa đến đoạn tận các lậu hoặc?

4-10) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

11) Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra đưa đến đoạn tận các kiết sứ... nhổ sạch các tùy miên... liễu tri con đường... đoạn tận các lậu hoặc.

CHƯƠNG XI
55. TƯƠNG ƯNG DỰ LUU

I. Phẩm Veludvàra

1. I. Vua (S.v,342)

1-2) Sàvatthi. Ở đây... nói như sau:

3) -- Dầu cho, này các Tỷ-kheo, một vị Chuyển luân vương làm chủ tể và cai trị bốn châu, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, thế giới này, cộng trú với chư Thiên ở cõi Ba mươi ba; tại đây, vị ấy trú trong rừng Nandana, được chúng Thiên nữ doanh vây, được đầy đủ, được cung cấp, được bao bọc năm thiên dục công đức, nhưng không được đầy đủ bốn pháp; tuy vậy, vị ấy chưa được giải thoát khỏi địa ngục, chưa được giải thoát khỏi sanh vào loài bàng sanh, chưa giải thoát khỏi ngã quỷ, và chưa thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

4) Nhưng này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, dầu muôn sống bằng các miếng ăn khát thực, đắp với y nhiều tấm (nantakāni); vị ấy đầy đủ bốn pháp. Và vị ấy được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi sanh vào loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngã quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ. Thế nào là bốn?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, Úng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thuợng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

6) Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu".

7) Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ưng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".

8) Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định.

9) Vị ấy thành tựu bốn pháp này.

10) Và này các Tỷ-kheo, có sự lợi đắc của bốn châu và sự lợi đắc của bốn pháp. Sự lợi đắc bốn châu không đáng giá (agahati) một phần mười sáu lợi đắc bốn pháp.

2. II. Thể Nhập (S.v,343)

1-2) ...

3) -- Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không có thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thê Tôn".

5-6) Đối với Pháp... Đối với Tăng...

7) Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định.

8) Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

9) Thê Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ thuyết vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Ai có tín và giới,
Tịnh tín và thấy pháp,
Đến thời chúng chín muồi,
Nhập Phạm hạnh, được lạc.*

3. III. Dìghàvu (S.v,344)

1) Một thời, Thê Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, cư sĩ Dìghàvu bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi cư sĩ Dìghàvu thưa với cha là Jotika:

-- Hãy đi, thưa Cha, đi đến Thê Tôn, sau khi đến, nhân danh con, cúi đầu đảnh lễ chân Thê Tôn và thưa: "Cư sĩ Dìghàvu, bạch Thê Tôn, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, xin cúi đầu đảnh lễ chân Thê Tôn". Rồi Cha hãy thưa như sau: "Lành thay, bạch Thê Tôn, nếu Thê Tôn đi đến nhà cư sĩ Dìghàvu vì lòng từ mẫn!"

-- Được, này Con.

Gia chủ Jotika nghe lời cư sĩ Dìghàvu, đi đến Thê Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thê Tôn và ngồi xuống một bên.

4) Ngoài một bên, gia chủ Jotika bạch Thê Tôn:

-- Bạch Thê Tôn, cư sĩ Dìghàvu bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thê Tôn và thưa như sau: "Lành thay, bạch Thê Tôn, nếu Thê Tôn đi đến trú xứ cư sĩ Dìghàvu vì lòng từ mẫn!"

Thê Tôn im lặng nhận lời.

5) Rồi Thê Tôn đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ cư sĩ Dìghàvu; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngoài xuống rồi, Thê Tôn nói với cư sĩ Dìghàvu:

-- Này Dìghàvu, Ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng? Có phải khổ tho giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không tăng trưởng?

-- Bạch Thê Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Đau đớn kịch liệt nơi con không có giảm thiểu, chúng tăng trưởng. Chúng có dấu hiệu tăng trưởng, không có dấu hiệu giảm thiểu.

6) -- Do vậy, này Dìghàvu, Ông hãy học tập như sau: "Ta sẽ thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: 'Đây là Như Lai, Úng Cúng... Phật, Thé Tôn. Đối với Pháp... Đối với chúng Tăng... Tôi sẽ thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định'". Như vậy, này Dìghàvu, Ông cần phải học tập.

7) -- Bạch Thé Tôn, đối với bốn Dự lưu phần do Thé Tôn thuyết giảng, tất cả các pháp ấy đều có ở trong con. Con thực hiện chúng đầy đủ. Bạch Thé Tôn, con thành tựu lòng tin bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai, Úng Cúng... Phật, Thé Tôn... Đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Tôi thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định".

-- Do vậy, này Dìghàvu, sau khi Ông đã an trú trong bốn Dự lưu phần này, Ông hãy tu tập thêm sáu minh phần pháp (chavijjā-bhāgiye dhamme).

8) Ở đây, này Dìghàvu, Ông hãy trú, quán vô thường trong tất cả hành, quán khổ tưởng trong vô thường, quán vô ngã tưởng trong khổ, quán tưởng đoạn tận, quán tưởng ly tham, quán tưởng đoạn diệt. Như vậy, này Dìghàvu, Ông cần phải học tập.

-- Bạch Thé Tôn, đối với sáu minh phần pháp được Thé Tôn thuyết giảng này, chúng đều có ở trong con và con thực hiện chúng đầy đủ. Bạch Thé Tôn, con trú, quán vô thường trong tất cả hành, quán khổ tưởng trong vô thường, quán vô ngã tưởng trong khổ, quán tưởng đoạn tận, quán tưởng ly tham, quán tưởng đoạn diệt.

9) Nhưng, bạch Thé Tôn, con có ý nghĩ sau đây: "Ta không có muôn gia chủ Jotika, ở đây khi ta chết phải rơi vào khốn khổ (vighāta)".

-- Này Dìghàvu, chó có tác ý như vậy! Hãy nhìn, này Dìghàvu! Những gì Thé Tôn đang nói cho con, con hãy khéo tác ý.

10) Rồi Thé Tôn sau khi giáo giới cho cư sĩ Dìghàvu với lời giáo giới, từ chỗ ngồi đứng dậy, và ra đi.

11) Cư sĩ Dìghàvu, sau khi Thé Tôn ra đi không bao lâu liền mệnh chung.

12) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, người cư sĩ tên là Dìghàvu; sau khi được nghe Thé Tôn giáo giới một cách tóm tắt, đã mệnh chung. Sanh thú cư sĩ ấy thế nào? Sanh xứ cư sĩ ấy chỗ nào?

-- Hiền minh, này các Tỷ-kheo, là cư sĩ Dìghàvu! Cư sĩ Dìghàvu thực hiện các pháp và tùy pháp, không làm phiền nhiều Ta với những kiện tụng về pháp.

13) Cư sĩ Dìghàvu, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh nhập diệt ở tại đây, không còn trở lui thế giới này nữa.

4. IV. Sàriputta (1) (S.v,346)

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Ananda trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika.

2) Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy... ngồi xuống một bên, Tôn giả

Ananda thưa với Tôn giả Sàriputta:

3) -- Thưa Hiền giả Sàriputta, do nhân thành tựu bao nhiêu pháp, chúng sanh ở đời này được Thέ Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ?

-- Nay Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp nên chúng sanh ở đời này được Thέ Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc sẽ chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, nay Hiền giả, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... đây đủ các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định.

5) Nay Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp này nên các chúng sanh ở đời này được Thέ Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

5. V. Sàriputta (2) (S.v,347)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Sàriputta đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thέ Tôn nói với Tôn giả Sàriputta đang ngồi một bên:

3) -- "Dự lưu phần, dự lưu phần", nay Sàriputta, được nói đến như vậy. Nay Sàriputta, thế nào là Dự lưu phần?

-- Thân cận bậc Chân nhân, bạch Thέ Tôn, là Dự lưu phần. Nghe diệu pháp là Dự lưu phần. Như lý tác ý là Dự lưu phần. Thực hành pháp và tùy pháp là Dự lưu phần.

-- Lành thay, nay Sàriputta! Lành thay, nay Sàriputta! Thân cận bậc Chân nhân là Dự lưu phần... thực hành pháp và tùy pháp là Dự lưu phần.

4) "Dòng sông, dòng sông", nay Sàriputta, được nói đến như vậy. Nay Sàriputta, thế nào là dòng sông?

-- Bạch Thέ Tôn, đây là dòng sông Thánh đạo Tám nganh. Tức là chánh tri kiến... chánh định.

-- Lành thay, lành thay, nay Sàriputta! Nay Sàriputta, đây là dòng sông Thánh đạo Tám nganh, tức là chánh tri kiến... chánh định.

5) "Dự lưu, Dự lưu", nay Sàriputta, được gọi là như vậy. Nay Sàriputta, thế nào là Dự lưu?

-- Bạch Thέ Tôn, ai thành tựu Thánh đạo Tám nganh này, người ấy gọi là Dự lưu, vị Tôn giả với tên như vậy, với họ như vậy.

-- Lành thay, lành thay, nay Sàriputta! Nay Sàriputta, ai thành tựu Thánh đạo Tám nganh này, người ấy được gọi là bậc Dự lưu, vị Tôn giả với tên như thế này, với họ như thế này.

6. VI. Các Người Thợ Mộc (Thapataye) (S.v,348)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thέ Tôn, nghĩ rằng: "Khi y xong, Thέ Tôn sau ba tháng

sẽ ra đi, du hành".

3) Lúc bấy giờ, Isidatta và Puràna, hai người thợ mộc trú ở Sàdhuka vì một vài công việc phải làm. Hai người thợ mộc Isidatta và Puràna nghe rằng nhiều Tỳ-kheo đang làm y cho Thé Tôn, khi y làm xong, Thé Tôn sau ba tháng sẽ ra đi, du hành.

4) Rồi hai thợ mộc Isidatta và Puràna đặt một người đứng ở giữa đường và dặn:

-- Ông, khi nào Ông thấy Thé Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đi đến, hãy báo tin cho chúng tôi biết.

5) Sau khi đứng hai, ba ngày, người ấy thấy Thé Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền đi đến hai người thợ mộc Isidatta và Puràna và nói với họ:

-- Thưa Quý vị, bậc Thé Tôn ấy đã đến, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nay là thời Quý vị nghĩ phải làm gì.

6) Rồi hai người thợ mộc Isidatta và Puràna đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi đi theo sau lưng Thé Tôn.

7) Rồi Thé Tôn đi xuống đường, đến một gốc cây; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Isidatta và Puràna đánh lễ Thé Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, hai người thợ mộc Isidatta và Puràna bạch Thé Tôn:

8) -- Bạch Thé Tôn, khi chúng con được nghe: "Thé Tôn sẽ đi khỏi Sàvatthi để du hành giữa dân chúng Kosala"; khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, (nghĩ rằng): "Thé Tôn sẽ ở xa chúng ta". Và khi, bạch Thé Tôn, chúng con được nghe: "Thé Tôn đã đi khỏi Sàvatthi, đang du hành giữa dân chúng Kosala"; khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn (nghĩ rằng): "Thé Tôn đã ở xa chúng ta".

9) Bạch Thé Tôn, khi chúng con được nghe: "Thé Tôn sẽ đi khỏi dân chúng Kosala để du hành giữa dân chúng Malla"; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn (nghĩ rằng): "Thé Tôn sẽ ở xa chúng ta". Và khi, bạch Thé Tôn, chúng con được nghe: "Thé Tôn đã ra đi khỏi dân chúng Kosala, và đang du hành giữa dân chúng Malla"; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn (nghĩ rằng): "Thé Tôn đã ở xa chúng ta".

10) Bạch Thé Tôn, khi chúng con được nghe: "Thé Tôn sẽ ra đi khỏi dân chúng Malla để du hành giữa dân chúng Vajji"; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn (nghĩ rằng): "Thé Tôn sẽ ở xa chúng ta"; Và khi, bạch Thé Tôn, chúng con được nghe: "Thé Tôn đã ra đi khỏi dân chúng Malla, và đang du hành giữa dân chúng Vajji"; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn (nghĩ rằng): "Thé Tôn đã ở xa chúng ta".

11) Bạch Thé Tôn, khi chúng con được nghe: "Thé Tôn sẽ ra đi khỏi dân chúng Vajji để du hành giữa dân chúng Kàsi"; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn (nghĩ rằng): "Thé Tôn sẽ ở xa chúng ta". Và khi, bạch Thé Tôn, chúng con được nghe: "Thé Tôn đã ra đi khỏi dân chúng Vajji, và đang du hành giữa dân chúng Kàsi"; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn (nghĩ rằng): "Thé Tôn đã ở xa chúng ta".

12) Bạch Thé Tôn, khi chúng con được nghe: "Thé Tôn sẽ ra đi khỏi dân chúng Kàsi để du hành giữa dân chúng Magadha"; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn (nghĩ rằng): "Thé Tôn sẽ ở xa

chúng ta". Và khi, bạch Thέ Tôn, chúng con được nghe: "Thέ Tôn đã ra đi khỏi dân chúng Kàsi, và đang du hành giữa dân chúng Magadha"; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn (nghĩ rằng): "Thέ Tôn đã ở xa chúng ta".

13) Bạch Thέ Tôn, khi chúng con được nghe: "Thέ Tôn sẽ ra đi khỏi dân chúng Magadha để du hành giữa dân chúng Kàsi"; khi ấy, chúng con được vui vẻ, có sự hoan hỷ (nghĩ rằng): "Thέ Tôn sẽ ở gần chúng ta". Khi chúng con được nghe: "Thέ Tôn đã ra đi khỏi dân chúng Magadha và đang du hành ở Kàsi"; khi ấy, chúng con được vui vẻ, có sự hoan hỷ, (nghĩ rằng): "Thέ Tôn đã ở gần chúng ta".

14) ... "khỏi dân chúng Kàsi để du hành ở giữa dân chúng Vajji..".

15) ... "khỏi dân chúng Vajji để du hành ở giữa dân chúng Malla..".

16) ... "khỏi dân chúng Malla để du hành ở giữa dân chúng Kosala..".

17) Bạch Thέ Tôn, khi chúng con được nghe: "Thέ Tôn sẽ ra đi khỏi dân chúng Kosala, để du hành giữa dân chúng Sàvatthi"; khi ấy, chúng con được vui vẻ, có sự hoan hỷ, (nghĩ rằng): "Thέ Tôn sẽ ở gần chúng ta". Khi chúng con được nghe: "Thέ Tôn trú ở Sàvatthi, Thắng Lâm, khu vườn ông Anàthapindika"; khi ấy vô lượng là sự vui vẻ của chúng con, vô lượng là hoan hỷ của chúng con (nghĩ rằng): "Thέ Tôn đã ở gần chúng ta".

18) -- Do vậy, này các người Thợ mộc, chật hẹp là đời sống ở gia đình, đầy những bụi đời! Phóng khoáng giữa trời là đời sống người xuất gia! Như vậy là vừa đủ, này các người Thợ mộc, để các Ông không có phóng dật.

19) -- Nhưng bạch Thέ Tôn, ở đây chúng con có đòn áp khác, còn áp bức hơn, còn bội phản áp bức hơn.

-- Thέ nào là sự đòn áp khác, này các người Thợ mộc, còn áp bức hơn, còn bội phản áp bức hơn?

20) -- Ở đây, bạch Thέ Tôn, khi vua Pasenadi nước Kosala muốn đi ra viếng thăm khu vườn, thời các con voi của vua Pasenadi nước Kosala cần phải được chúng con chuẩn bị và trang sức, và các cung phi khả ái, khả ý của vua Pasenadi nước Kosala cần phải có chúng con đặt ngồi một người ngồi trước, một người ngồi sau. Bạch Thέ Tôn, mùi hương của các cung phi ấy thật là thơm ngọt như một hộp nước hoa vừa được mở ra, các cung phi của vua được ướp với mùi thơm như vậy. Lại nữa, bạch Thέ Tôn, thân xác các cung phi này thật là mềm dịu như một túm bông hoa hồng, vì họ được nuôi dưỡng rất an lạc. Bạch Thέ Tôn, trong lúc ấy, chúng con cần phải hộ trì cho voi, cần phải hộ trì cho các cung phi, cần phải hộ trì cho tự ngã nữa.

21) Dầu vậy, bạch Thέ Tôn, chúng con không rõ biết sự khởi lên ái tâm đối với các cung phi ấy. Đây, bạch Thέ Tôn, là đòn áp khác, còn áp bức hơn, còn bội phản áp bức hơn!

22) -- Do vậy, này các người Thợ mộc, chật hẹp là đời sống ở gia đình, đầy những bụi đời! Phóng khoáng giữa trời là đời sống người xuất gia! Như vậy là vừa đủ, này các người Thợ mộc, để các Ông không có phóng dật!

23) Nay các người Thợ mộc, thành tựu bốn pháp, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thối đoá, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thέ nào là bốn?

24) Ở đây, này các người Thợ mộc, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thέ Tôn"... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Vị ấy sống ở gia đình, với tâm gột

sạch, cát uế, xan tham. Vị ấy thường bố thí, bàn tay rộng mở, ưa thích từ bỏ, thích được nhở cậy, thích thú chia sẻ vật được bố thí. Thành tựu bốn pháp này, này các người Thợ mộc, vị Thánh đệ tử là bậc Dụ lưu, không còn bị thối dọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

25) Nay các người Thợ mộc, các Người thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thế Tôn"... đối với Pháp... đối với chúng Tăng. Trong gia đình các Người, phàm có vật được bố thí nào, tất cả đều được chia sẻ hoàn toàn và vô tư cho những vị có trì giới và các thiện nhân.

26) Các Ông nghĩ thế nào, này các người Thợ mộc, có bao nhiêu người ở tại Kosala có thể ngang bằng các Ông về phần chia vật bố thí?

27) -- Thật lợi đắc cho chúng con, bạch Thế Tôn! Thật khéo lợi đắc cho chúng con, bạch Thế Tôn, được Thế Tôn biết chúng con như vậy!

7. VII. Những Người Ở Veludvàra (S.v,352)

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đi đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala tên là Veludvàra.

2) Các Bà-la-môn gia chủ ở Veludvàra được nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, đã xuất gia từ gia tộc họ Thích, đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đã đến Veludvàra". Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: "Đây là Như Lai, Úng Cúng, Chánh Biển Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Sau khi chứng ngộ, Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện có nghĩa, có văn. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn, đầy đủ, trong sạch. Tốt lành thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!"

3) Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Veludvàra đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, một số đánh lě Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên; một số chấp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên với Thế Tôn tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; một số im lặng ngồi xuống một bên.

4) Ngoài một bên, các Bà-la-môn gia chủ ở Veludvàra bạch Thế Tôn:

-- Thura Tôn giả Gotama, chúng tôi có ước vọng như thế này, có ước muôn như thế này, có chú tâm (adhippaya) như thế này: "Mong rằng chúng tôi được sống trong một nhà chật đầy trẻ con! Mong chúng tôi được sử dụng các hương chiên đàn từ Kàsi! Mong rằng chúng tôi được trang sức bằng vòng hoa và phẩn sáp! Mong rằng chúng tôi được sử dụng vàng và bạc! Sau khi thân hoại mạng chung, mong rằng chúng tôi được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này!" Mong rằng Tôn giả Gotama hãy thuyết pháp cho chúng tôi, những người có ước vọng như vậy, có ước muôn như vậy, có chú tâm như vậy. Hãy thuyết pháp như thế nào để chúng tôi được sống trong một nhà chật đầy trẻ con, để chúng tôi được sử dụng các hương chiên đàn từ Kàsi... để chúng tôi, khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

5) -- Vậy này các Gia chủ, Ta sẽ thuyết cho các Ông một pháp môn đưa đến lợi ích (tự lợi cho tự ngã) (attuupanàyikam). Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

-- Thura vâng, Tôn giả.

Các Bà-la-môn ở Veluvàra vâng đáp Thé Tôn. Thé Tôn nói như sau:

-- Nay các Gia chủ, thế nào là pháp môn đưa đến lợi ích cho tự ngã?

6) Ở đây, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Ta muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ. Nếu có ai đến đoạt mạng sống của ta, một người muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý đối với ta. Nhưng nếu ta đoạt mạng sống một người muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý đối với người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho một người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ sát sanh, khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh, nói lời tán thán từ bỏ sát sanh. Như vậy, về thân hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh (kotiparisuddham).

7) Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai lấy của không cho của ta, gọi là ăn trộm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta lấy của không cho của người khác, gọi là ăn trộm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ lấy của không cho, khuyến khích người khác từ bỏ lấy của không cho, nói lời tán thán từ bỏ lấy của không cho. Như vậy, về thân hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

8) Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Nếu ai có tà hạnh với vợ của ta, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta có tà hạnh với vợ của người khác, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, khuyến khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục, nói lời tán thán từ bỏ tà hạnh trong các dục. Như vậy, về thân hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

9) Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Nếu có ai làm tổn hại lợi ích ta với lời nói láo, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng làm tổn hại lợi ích người khác với lời nói láo, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này... cho một người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ nói láo, khuyến khích người khác từ bỏ nói láo, nói lời tán thán từ bỏ nói láo. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

10) Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai chia rẽ bạn bè ta bằng lời nói hai lưỡi, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta chia rẽ bạn bè người khác bằng lời nói hai lưỡi, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp không khả ái... đem cột pháp ấy cho một người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ nói hai lưỡi, khuyến khích người khác từ bỏ nói lời hai lưỡi, nói lời tán thán từ bỏ nói lời hai lưỡi. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

11) Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai đối xử với ta bằng thô ác ngữ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng đối xử với người khác bằng thô ác ngữ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Và một pháp không khả ái... đem cột pháp ấy cho một người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ thô ác ngữ, khuyến khích người khác từ bỏ thô ác ngữ, nói lời tán thán từ bỏ thô ác ngữ. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn

toàn thanh tịnh.

12) Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai đối xử với ta với lời tạp ngữ, với lời phù phiếm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng đối xử với người khác với lời tạp ngữ, với lời phù phiếm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Và một pháp không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho một người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ lời nói phù phiếm, khuyên khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm, tán thán từ bỏ nói lời phù phiếm. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

13) Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thê Tôn".

14) ... đối với Pháp...

15) ... đối với chúng Tăng...

16) Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị điểm ố, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định.

17) Nay các Gia chủ, khi nào vị Thánh đệ tử thành tựu bảy pháp này và bốn lời nguyện xứ này, nếu vị ấy muốn, vị ấy có thể tuyên bố về mình: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loại bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dụ lưu, không có bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ".

18) Được nói vậy, các Bà-la-môn gia chủ ở Veluvàra bạch Thê Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thê Tôn... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

8. VIII. Giang Đường Bằng Gạch (1) (S.v,356)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thê Tôn ở Nàtiка, trong ngôi giảng đường bằng gạch.

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thê Tôn; sau khi đến... bạch Thê Tôn:

-- Bạch Thê Tôn, Tỷ-kheo Sàlha đã mang chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Bạch Thê Tôn, Tỷ-kheo-ni Nànda mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Bạch Thê Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Nữ cư sĩ Sujàtā mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào?

3) -- Tỷ-kheo Sàlha, này Ananda, đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Tỷ-kheo-ni Nànda, này Ananda, mệnh chung, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui thế giới này. Cư sĩ Sudatta, này Ananda, do đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhất Lai, sau khi trở lui thế giới này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau. Nữ cư sĩ Sujàtā, này Ananda, mang chung, sau khi đoạn tận ba kiết sử, là bậc Dụ lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

4) Nay Ananda, thật không có gì lạ vấn đề con người phải mện chung. Nhưng mỗi lần có người mện chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này, thời này Ananda, như vậy làm phiền nhiều Như Lai. Nay Ananda, vì vậy Ta sẽ giảng pháp môn Pháp kinh (gương Chánh pháp) để vị Thánh đệ tử sau khi thành tựu pháp môn này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta đã chứng quả Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ".

5) Nay Ananda, pháp môn Pháp kinh ấy là gì mà Thánh đệ tử thành tựu pháp môn ấy, nếu muốn, sẽ tự mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục... Ta đã chứng quả Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ"?

6) Ở đây, này Ananda, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn"... với Pháp... với Tăng.... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định.

7) Đây là pháp môn Pháp kinh, này Ananda, thành tựu pháp môn này, vị Thánh đệ tử nếu muốn, tự mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ".

8) (Kinh này và hai kinh sau đều cùng một nhân duyên).

9. IX. Giảng Đường Bằng Gạch (2) (S.v,358)

1-2) ... ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Asokà đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo-ni Asokà đã mệnh chung... Nam cư sĩ Asokà đã mệnh chung... Nữ cư sĩ Asokà đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào?

3-6) -- Nay Ananda, Tỷ-kheo Asokà đã mệnh chung, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát... (như kinh trên 8, đoạn số 3 với Tỷ-kheo-ni Asokà, nam cư sĩ Asokà và nữ cư sĩ Asokà) ...

7) Nay Ananda, đây là pháp môn Pháp kinh, thành tựu pháp môn này, vị Thánh đệ tử nếu muốn, tự mình tuyên bố về mình: "Ta đã đoạn tận địa ngục, ta đã đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ, ta đã đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ".

10. X. Ngôi Nhà Bằng Gạch (3) (S.v,358)

1-2) ... ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

-- Cư sĩ ở Nàtiка tên Kakkata đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Cư sĩ ở Nàtiка tên Kàlinga, bạch Thế Tôn, đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Cư sĩ ở Nàtiка tên Nikata... Cư sĩ Katissaha... Cư sĩ Tuttha... Cư sĩ Santuttha... Cư sĩ Dhadda... Cư sĩ Subhadda ở Nàtiка, bạch Thế Tôn, đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào?

3) -- Cư sĩ Kakkata, này Ananda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này. Cư sĩ Kàlinga, này Ananda... Cư sĩ Nikata, này

Ananda... Cư sĩ Katissaha, này Ananda... Cư sĩ Tuttha, này Ananda... Cư sĩ Santuttha, này Ananda... Cư sĩ Bhadda, này ēnanda... Cư sĩ Subhadda, này Ananda, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này nữa. Tất cả đều cùng một sanh thú.

4) Hơn năm mươi cư sĩ ở Nàtiка, này Ananda, đã mệnh chung, sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này nữa. Hơn chín mươi nam cư sĩ ở Nàtiка, này Ananda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, sau khi làm cho muội lược tham, sân, là bậc Nhứt Lai, sau khi trở lui thế giới này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau. Năm trăm lẻ sáu nam cư sĩ ở Sàkata, này Ananda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự lưu, không còn thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

5-7) Nay Ananda, thật không có gì lạ vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung, Ông lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này; thời này Ananda, như vậy làm phiền nhiều Như Lai... (xem trên 9, đoạn số 4,5,6,7) ... quyết chắc chứng quả giác ngộ.

II. Phẩm Một Ngàn, hay Vườn Vua

11. I. Một Ngàn (S.v,360)

1) Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại khu vườn Ràjaka.

2) Rồi một chúng gồm một ngàn Tỷ-kheo-ni đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

3) Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo-ni đang đứng một bên:

-- Nay các Tỷ-kheo-ni, vị Thánh đệ tử thành tựu bốn pháp là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, nay các Tỷ-kheo-ni, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thế Tôn".

5-6) ... đối với Pháp... đối với Tăng...

7) Vì áy thành tựu các giới được bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định.

8) Thành tựu bốn pháp này, nay các Tỷ-kheo-ni, bậc Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

12. II. Các Bà La Môn (S.v,361)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi.

3) -- Nay các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn trình bày một đạo lộ hướng thượng (udayagàminim). Họ khuyến khích các đệ tử như sau: "Hãy đến, nay các Ông! Sáng sớm dậy, hãy đi hướng mặt về phía Đông. Chớ có tránh những lỗ hổng, lỗ trũng, khúc cây, chỗ có gai, hồ nước nhôp, chớ có tránh đường mương. Nếu có rơi vào các chỗ ấy và đi đến chết, như vậy, nay các Ông, sau khi thân hoại mạng chung, các Ông sẽ sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này".

4) Nhưng nay các Tỷ-kheo, con đường áy của các Bà-la-môn là con đường của kẻ ngu, con đường của

kẻ si, không đưa đến yém ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Nay các Tỷ-kheo, nay Ta trình bày một đạo lô hướng thượng trong luật của bậc Thánh, và con đường ấy nhứt hướng đưa đến yém ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo, đạo lô hướng thượng ấy là gì, đạo lô đưa đến nhứt hướng yém ly... Niết-bàn?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai...".... đối với pháp... đối với chúng Tăng... Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định.

6) Đây là đạo lô đưa đến hướng thượng, này các Tỷ-kheo,... nhứt hướng yém ly... đưa đến Niết-bàn.

13. III. Ananda (S.v.362)

1) Một thời, Tôn giả Ananda và Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, Tôn giả ngồi xuống một bên. Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Ananda:

3) -- Do đoạn tận những pháp nào, này Hiền giả Ananda, do nhân thành tựu những pháp nào, quần chúng ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ?

4) -- Do đoạn tận bốn pháp, thưa Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp, quần chúng ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

5) Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, không thành tựu tịnh tín đối với đức Phật, khi thân hoại mạng chung, sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy là không có tịnh tín đối với đức Phật. Và vị Đa văn Thánh đệ tử, thưa Hiền giả, thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy là tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thế Tôn".

6) Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, không thành tựu tịnh tín đối với Pháp, khi thân hoại mạng chung, sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy là không có tịnh tín đối với Pháp. Và vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp... Như vậy là tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết... chỉ người có trí mới giác hiểu".

7) Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, không thành tựu tịnh tín đối với chúng Tăng... Như vậy là tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn... vô thượng phuort điền ở đời".

8) Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, thành tựu ác giới... Như vậy là không có tịnh tín bất động... Như vậy tịnh tín bất động đối với các giới: "Các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định".

9) Do đoạn tận bốn pháp này, này Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp này, quần chúng ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

14. IV. Ác Thú (1) (S.v.364)

1-2) ...

3) -- Do thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử vượt qua sợ hãi của tất cả ác thú. Thế nào là bốn?

4-7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thê Tôn"... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định.

8) Do thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử vượt qua sợ hãi của tất cả ác thú.

15. V. Ác Thú (2) (S.v,364)

1-2) ...

3) -- Do thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử vượt qua sợ hãi của tất cả ác thú, đọa xứ. Thế nào là bốn?

4-7) ... (như đoạn số 4-7, kinh trên) ...

8) Do thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử vượt qua sợ hãi của tất cả ác thú, đọa xứ...

16. VI. Thân Hữu (1) (S.v,364)

1-2) ...

3) -- Tất cả những ai, này các Tỷ-kheo, các Ông có lòng từ mẫn, và những người mà các Ông nghĩ cần phải nghe theo, những ai là bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, hay cùng một huyết thống; tất cả những vị ấy, này các Tỷ-kheo, cần phải được khuyên khích, phải được áp đặt, phải được an trú trong bốn Dự lưu phần. Thế nào là bốn?

4) Họ cần phải được khuyên khích, phải được áp đặt, phải được an trú vào tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thê Tôn"... đối với Pháp... đối với Tăng... đối với các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định.

5) Những ai mà các Ông có lòng từ mẫn, này các Tỷ-kheo, những ai mà các Ông nghĩ là cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, hay cùng một huyết thống; các người ấy cần phải được khuyên khích, cần phải được áp đặt, cần phải được an trú trong bốn Dự lưu phần này.

17. VII. Bạn Bè Thân Hữu (2) (S.v,365)

1-2) ...

3) -- Những ai, này các Tỷ-kheo, các Ông có lòng từ mẫn, những ai mà các Ông nghĩ rằng cần phải nghe theo, các bạn bè, thân hữu, hay bà con, hay cùng một huyết thống; các người ấy cần phải được các Ông khuyên khích, áp đặt, an trú trong bốn Dự lưu phần. Thế nào là bốn?

4) Cần phải khuyên khích, cần phải áp đặt, cần phải an trú trong tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thê Tôn". Dầu cho, này các Tỷ-kheo, bốn đại chủng địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại có đổi khác, nhưng nhất định không có thay đổi trong vị Thánh đệ tử đã thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật. Ở đây, sự đổi khác có nghĩa là: Một Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động như vậy sẽ sanh vào địa ngục, hay vào loài bàng sanh, hay vào hàng ngạ quỷ; sự kiện như vậy không

xảy ra.

5-6) ... đối với Pháp... đối với Tăng.

7) Cần phải khuyên khích, cần phải áp đặt, cần phải an trú vào các giới được các bậc Thánh ái kính. Dầu cho, này các Tỷ-kheo, bốn đại chủng địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại có đổi khác; nhưng nhất định không có sự đổi khác trong vị Thánh đệ tử đã thành tựu tịnh tín bất động đối với các giới được các bậc Thánh ái kính. Ở đây, sự đổi khác có nghĩa là vị Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, sẽ sanh vào địa ngục, hay các loài bàng sanh, hay các ngạ quỷ; sự kiện như vậy không xảy ra.

8) Những ai mà các Ông có lòng từ mẫn, này các Tỷ-kheo,... an trú trong bốn Dự lưu phần.

18. VIII. Du Hành Chư Thiên (S.v,366)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Mahà Moggalàna, như nhà lực sĩ duỗi ra cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Tôn giả biến mất ở Jetavana và hiện ra ở cõi trời Ba mươi ba.

3) Rồi một số đông chư Thiên cõi Ba mươi ba đi đến Tôn giả Mohà Moggalàna; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Mahà Moggalàna rồi đứng một bên. Tôn giả Mahà Moggalàna nói với chư Thiên đang đứng một bên:

4) -- Lành thay, chư Hiền, là sự thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thế Tôn". Do nhân thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, như vậy ở đây, một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

5-6) Lành thay, chư Hiền, là tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với chúng Tăng...

7) Lành thay, chư Hiền, là sự thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Do nhân thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, chư Hiền, như vậy ở đây, một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiền giới, cõi đời này.

8) -- Lành thay, Tôn giả Moggalàna, là sự thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thế Tôn". Do nhân thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, thưa Tôn giả Moggalàna, như vậy ở đây, một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiền giới, cõi đời này.

9-11) Lành thay, Tôn giả Moggalàna, là sự thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với chúng Tăng... các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Do nhân thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, thưa Tôn giả Moggalàna, như vậy ở đây, một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiền giới, cõi đời này.

19. IX. Thăm Viếng Chư Thiên (1) (S.v,367)

1) Một thời Tôn giả Mahà Moggalàna trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại khu vườn của ông Anàthapindika.

2-7) Rồi Tôn giả Moggalàna, như người lực sĩ... (như trên) ...

8-11) ... (như trên) ... một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiền giới,

cõi đời này.

20. X. Thăm Viêng Chư Thiên (2) (S.v,357)

(Giống như kinh 18, chỉ khác, đây là Thέ Tôn, không phải Mahà Moggalàna) ...

III. Phẩm Saranàni

21. I. Mahànàma (1)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thέ Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha.

2) Rồi họ Thích Mahànàma đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngoài một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thέ Tôn:

3) -- Kapilavatthu này, bạch Thέ Tôn, là phòn vinh, phú cường, dân cư đông đúc, quần chúng khắp nơi chen chúc, chật hẹp. Bạch Thέ Tôn, sau khi con hầu hạ Thέ Tôn hay các Tỷ-kheo đáng kính, vào buổi chiều, con đi vào Kapilavatthu, con gặp con voi cuồng chạy; con gặp con ngựa cuồng chạy; con gặp người cuồng chạy; con gặp cỗ xe lớn cuồng chạy; con gặp cỗ xe nhỏ cuồng chạy. Trong khi ấy, bạch Thέ Tôn, tâm con nghĩ đến Phật bị hoang mang, tâm con nghĩ đến Pháp bị hoang mang, tâm con nghĩ đến chúng Tăng bị hoang mang. Rồi bạch Thέ Tôn, con suy nghĩ như sau: "Nếu lúc ấy con mệnh chung, thời sanh thú của con là gì, sanh xứ đời sau chỗ nào?"

4) -- Chớ có sợ, này Mahànàma! Chớ có sợ, này Mahànàma! Không ác sẽ là cái chết của Ông! Không ác là cái chết của ông! Này Mahànàma, với ai đã lâu ngày tâm tu tập trọn vẹn về tín, tâm tu tập trọn vẹn về giới, tâm tu tập trọn vẹn về sở văn, tâm tu tập trọn vẹn về thí xá, tâm tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, dầu thân có sắc này, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn, chim ưng ăn, chó ăn, hay giả-can ăn, hay các loại chúng sanh sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở văn, tu tập trọn vẹn về thí xá, tu tập trọn vẹn về trí tuệ, thời tâm của vị ấy thượng thặng, đi đến thù thắng.

5) Ví như, này Mahànàma, một người nhận chìm một ghè sữa bơ, hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu và đậm bể ghè ấy. Ở đây, các mảnh ghè hay mảnh vụn chìm xuống nước; nhưng sữa, bơ hay dầu thời nổi lên, trồi lên trên. Cũng vậy, này Mahànàma, với ai đã lâu ngày, tâm được tu tập trọn vẹn về tín, tâm được tu tập trọn vẹn về giới, tâm được tu tập trọn vẹn về sở văn, tâm được tu tập trọn vẹn về thí xá, tâm được tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, thân có sắc này, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn, chim ưng ăn, chó ăn, giả-can ăn hay các sanh loại sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở văn, tu tập trọn vẹn về trí tuệ; thời tâm của vị ấy thượng thặng, đi đến thù thắng.

6) Này Mahànàma, đã lâu ngày tâm Ông được tu tập trọn vẹn về tín, được tu tập trọn vẹn về giới, được tu tập trọn vẹn về sở văn, được tu tập trọn vẹn về thí xá, được tu tập trọn vẹn về trí tuệ. Chớ có sợ, này Mahànàma, chớ có sợ, này Mahànàma, không ác sẽ là cái chết của Ông! Không ác là cái chết của Ông!

22. II. Mahànàma (2) (S.v,371)

- 1) Như vậy tôi nghe.
 - 2) Rồi Mahànàma...
 - 3) -- Ở đây, bạch Thề Tôn, Kapilavatthu...
 - 4)-- Chớ có sợ hãi, này Mahànàma! Chớ có sợ hãi, này Mahànàma! Không ác sẽ là cái chết của Ông! Không ác là cái chết của Ông! Do thành tựu bốn pháp, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử thiêng về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Thế nào là bốn?
 - 5) Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thề Tôn..".... đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định.
 - 6) Ví như, này Mahànàma, một cây thiêng về phía Đông, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nếu bị chặt đứt từ gốc rễ, nó sẽ ngã về phía nào?
 - Bạch Thề Tôn, về phía nào nó thiêng, về phía nào nó hướng, về phía nào nó xuôi.
 - Cũng vậy, này Mahànàma, do thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử thiêng về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.
- 23. III. Godhà hay Mahànàma (3) (S.v,371)**
- 1) Nhân duyên ở Kapilavatthu.
 - 2) Rồi họ Thích Mahànàma đi đến họ Thích Godhà; sau khi đến, nói với họ Thích Godhà:
 - 3) -- Này Godhà, theo như Hiền giả biết một người là bậc Dự lưu, thành tựu bao nhiêu pháp thời không bị thối dọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ?
 - Này Mahànàma, theo như tôi biết một người là bậc Dự lưu thành tựu ba pháp thời không còn bị thối dọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.
 - 4) Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai.. Phật, Thề Tôn".... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... là vô thượng phước điền ở đời. Nay Mahànàma, do thành tựu ba pháp này, tôi được biết một người là bậc Dự lưu, không còn bị thối dọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.
 - 5) Nhưng này Mahànàma, theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bao nhiêu pháp thời không còn thối dọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ?
 - Này Godhà, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bốn pháp thời không còn bị thối dọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây, này Godhà, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thề Tôn".... đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Nay Godhà, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bốn pháp này thời không còn bị thối dọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.
 - 6) -- Hãy chờ một lát, này Mahànàma, hãy chờ một lát, này Mahànàma. Thề Tôn biết rõ việc này, thành tựu hay không thành tựu những pháp này. Nay Godhà, chúng ta hãy đi đến Thề Tôn và sau khi đến, hãy

hỏi về ý nghĩa này.

7) Rồi họ Thích Mahànàma và họ Thích Godhà đi đến Thé Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thé Tôn:

8) -- Ở đây, bạch Thé Tôn, con đi đến họ Thích Godhà; sau khi đến, nói với họ Thích Godhà:

"-- Này Godhà, theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bao nhiêu pháp... giác ngộ?"

Được nói vậy, bạch Thé Tôn, họ Thích Godhà nói với con:

--Này Mahànàma, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu ba pháp... giác ngộ. Thế nào là ba? Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: 'Đây là Như Lai... Phật, Thé Tôn'... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Ngày Mahànàma, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu ba pháp này thời không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Còn ngày Mahànàma theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bao nhiêu pháp... giác ngộ?"

9) Được nói vậy, bạch Thé Tôn, con nói với họ Thích Godhà

-- Ngày Godhà, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bốn pháp... giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây, này Godhà, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: 'Đây là Như Lai... Phật, Thé Tôn'... đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Ngày Godhà, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bốn pháp... giác ngộ".

Được nghe nói vậy, bạch Thé Tôn, họ Thích Godhà, nói với con:

-- Hãy chờ một lát, này Mahànàma, hãy chờ một lát, này Mahanàma. Thé Tôn sẽ biết rõ việc này, là thành tựu hay không thành tựu những pháp này".

10) Ở đây, bạch Thé Tôn, nếu nói vấn đề pháp sự khởi lên (dhamma samuppàda), và một bên là Thé Tôn, một bên là chúng Tỳ-kheo. Bên nào là Thé Tôn, bên ấy con theo. Vì bạch Thé Tôn, đó là tịnh tín của con. Mong Thé Tôn chấp nhận.

11) Ở đây, bạch Thé Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thé Tôn, một bên là chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni. Bên nào là Thé Tôn, bên ấy con theo. Vì bạch Thé Tôn... Mong Thé Tôn chấp nhận.

12) Ở đây, bạch Thé Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thé Tôn, một bên là chúng Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo-ni và nam cư sĩ. Bên nào là Thé Tôn... Mong Thé Tôn chấp nhận.

13) Ở đây, bạch Thé Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thé Tôn, một bên là chúng Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo-ni, và nữ cư sĩ. Bên nào là Thé Tôn... Mong Thé Tôn chấp nhận.

14) Ở đây, bạch Thé Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thé Tôn, một bên là chúng Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, chúng Thiên giới, chúng Ma giới, chúng Phạm thiên giới, quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Bên nào là Thé Tôn, bên ấy con theo. Vì bạch Thé Tôn, đó là tịnh tín của con. Mong Thé Tôn chấp nhận.

15) -- Họ Thích Mahànàma đã nói như vậy, này Godhà, Ông có nói gì không?

-- Họ Thích Mahànàma đã nói như vậy, con không có nói gì trừ lời nói "Thiện", trừ lời nói "Tốt".

24. IV. Sarakàni, hay Saranàni (1) (S.v,375)

1) Nhân duyên ở Kapilavatthu.

2) Lúc bấy giờ, họ Thích Sarakàni mệnh chung và được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chứng quả giác ngộ.

3) Tại đây, một số đông họ Thích tụ họp lại với nhau, chỉ trích, phê bình, bàn tán: "Thật là lạ lùng ! Thực là hy hữu! Ngày nay ai cũng có thể thành bậc Dự lưu, vì rằng họ Thích Sarakàni đã mệnh chung, được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Họ Thích Sarakàni đã phạm giới và uống rượu".

4) Rồi họ Thích Mahànàma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngoài một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:

5) -- Ở đây, bạch Thế Tôn, họ Thích Sarakàni đã mệnh chung và được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu... chứng quả giác ngộ. Ở đây, bạch Thế Tôn, một số đông họ Thích khi tụ tập lại với nhau, chỉ trích, phê bình, bàn tán: "Thật là lạ lùng! Thực là hy hữu!... Họ Thích Sarakàni đã phạm giới và uống rượu"

-- Nay Mahànàma, một cư sĩ lâu ngày qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng làm sao có thể đi đến đọa xứ được?

6) Nay Mahànàma, nếu nói một cách chơn chánh: Người cư sĩ nào đã lâu ngày qui y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, nói một cách chơn chánh phải nói là họ Thích Sarakàni. Nay Mahànàma, họ Thích Sarakàni đã lâu ngày quy y Phật, quy y Pháp, qui y Tăng, làm sao có thể đi đến đọa xứ?

7) Ở đây, này Mahànàma, có người thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Nhu Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn"... đối với Pháp... đối với chúng Tăng, có trí tuệ hoan hỷ (hàsapanna), có trí tuệ tốc hành và thành tựu giải thoát. Vị ấy do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Người này, này Mahànàma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

8) Ở đây, này Mahànàma, có người thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật. "Đây là Nhu Lai... Phật, Thế Tôn"... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... có trí tuệ hoan hỷ, có trí tuệ tốc hành nhưng không thành tựu giải thoát. Vị ấy do đoạn diệt năm hạ phần kiết sú, được hóa sanh, tại đây nhập Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa. Người này, này Mahànàma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

9) Ở đây, này Mahànàma, có người thành tựu lòng tịnh tin đối với đức Phật: "Đây là Nhu Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn"... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Vị ấy sau khi đoạn diệt ba kiết sú, sau khi làm cho muội lược tham, sân, thành bậc Nhất lai, chỉ trở lui đời này một lần nữa, đoạn tận khổ đau. Người này, này Mahànàma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

10) Ở đây, này Mahànàma, có người thành tựu lòng tịnh tin bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng, không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Vị

áy sau khi đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự lưu không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Người này, này Mahànàma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi ngã quý, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

11) Ở đây, này Mahànàma, có người không có lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với Tăng, không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành... không thành tựu giải thoát. Nhưng vị ấy có những pháp này: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn và những pháp này do Như Lai tuyên bố được thiêu phán kham nhẫn quán sát với trí tuệ. Người này, này Mahànàma, không đi đến địa ngục, không đi đến loài bàng sanh, không đi đến cõi ngã quý, không đi đến ác sanh, ác thú, đọa xứ.

12) Ở đây, này Mahànàma, có người không thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật, đối với pháp, đối với chúng Tăng, không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Nhưng vị ấy có những pháp này: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, chỉ có lòng tin, chỉ có lòng ái mộ ở Như Lai. Người này, này Mahànama, không có đi đến địa ngục, không có đi đến loài bàng sanh, không có đi đến cõi ngã quý, không có đi đến cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

13) Nếu những cây ta-la lớn này, này Mahànàma, biết những gì là thiện thuyết, ác thuyết, thời Ta cũng sẽ tuyên bố những cây ấy là những bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ, huống nữa là họ Thích Sarakàni. Nay Mahànàma, họ Thích Sarakàni, sau khi mệnh chung, đã chấp nhận học giới.

25.V. Sarakàni hay Saranàri (2) (S.v,378)

1) Nhân duyên ở Kapilavatthu.

2-7) ... (giống như đoạn số 2-7 kinh trên) ...

8) -- Nhưng ở đây, này Mahànàma, có người có lòng nhứt hướng sùng tín đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn"... đối với Pháp, đối với chúng Tăng, có trí tuệ hoan hỷ, có trí tuệ tốc hành, thành tựu giải thoát. Vị này sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn, chứng được Tồn hại Bát-niết-bàn, chứng được Vô hành Niết-bàn, chứng được Hữu hành Niết-bàn, chứng được Thượng lưu, sanh ở Sắc cứu cảnh thiêng. Người này, này Mahànàma, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

9) Ở đây, này Mahànàma, có người có lòng nhứt hướng sùng tín đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... đối với Pháp... đối với chúng Tăng, không có trí huệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không có thành tựu giải thoát. Vị này sau khi đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, thành bậc Nhất Lai, chỉ một lần trở lui cõi đời này. Nay Mahànàma, người này được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

10) Ở đây, này Mahànàma, có người có lòng nhứt hướng sùng tín đức Phật: "Đây là Như Lai"... đối với Pháp... đối với chúng Tăng, không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không có thành tựu giải thoát. Vị này sau khi đoạn diệt ba kiết sử, thành bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Người này, này Mahànàma, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

11) Ở đây, này Mahànàma, có người không có lòng nhứt hướng sùng tín đức Phật: "Đây là... Thế Tôn...".... đối với Pháp, đối với chúng Tăng, không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không có thành tựu giải thoát, nhưng có những pháp này: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Và những pháp do Như Lai tuyên bố được thiêu phán kham nhẫn, quán sát với trí tuệ. Người này, này

Mahànàma, không có địa ngục... không có đi đến cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

12) Ở đây, này Mahànàma, có người không có lòng nhút hướng sùng tín đối với đức Phật... đối với Pháp, đối với Tăng, không có thành tựu giải thoát, nhưng có những pháp này: Tín căn, tấn căn, tuệ căn, chỉ có lòng tin, lòng ái mộ đối với Như Lai. Người này, này Mahànàma, không có đi đến địa ngục... không có đi đến cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

13) Ví như, này Mahànàma, có đám ruộng xấu, đất xấu, các gốc cây chưa được phá hủy, các hột giống bị bể nát, bị hư thối, bị gió nắng làm cho hư hại, không thể nẩy mầm, không khéo cây trồng, và trời không mưa lớn thích hợp; thời các hột giống ấy có thể lớn, tăng trưởng, lớn mạnh không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này Mahànàma, ở đây, pháp giảng kém, trình bày kém, không đưa đến xuất ly, không đưa đến an tịnh, không được một vị Chánh Đẳng Giác thuyết giảng. Ta nói rằng pháp này như ở đám ruộng xấu. Vị đệ tử ấy sống trong pháp ấy, thực hiện pháp và tùy pháp, chọn chánh thực hành, hành trì đúng pháp. Như vậy, Ta nói rằng, người này giống như hột giống xấu.

14) Ví như, này Mahànàma, một đám ruộng tốt, đất tốt, các gốc khéo phá hủy, các hột giống không bị bể nát, không bị hư thối, gió nắng không làm hư hại, có thể nẩy mầm, khéo cây, khéo trồng và trời mưa lớn thích hợp. Như vậy, các hột giống ấy có lớn lên, có tăng trưởng, có lớn mạnh không?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này Mahànàma, ở đây, pháp được khéo giảng, khéo trình bày, đưa đến xuất ly, đưa đến an tịnh, được bậc Chánh Đẳng Giác thuyết giảng, Ta nói pháp này như đám ruộng tốt. Vị đệ tử sống trong pháp ấy, thực hành theo pháp và tùy pháp, chọn chánh thực hành, hành trì đúng pháp. Như vậy, Ta nói rằng người này như hột giống tốt, huống nữa là họ Thích Sarakàni. Này Mahànàma, họ Thích Sarakàni, khi mạng chung, đã làm viên mãn học giới.

26.VI. Ác Giới, hay Anàthapindika (1) (S.v,380)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ, gia chủ Anàthapindika đang bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi gia chủ Anàthapindika bảo một người:

-- Hãy đến, này Bạn. Hãy đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Sàriputta và thưa: "Gia chủ Anàthapindika, thưa Tôn giả, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Sàriputta"; và thưa: "Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Sàriputta đi đến trú xứ của gia chủ Anàthapindika vì lòng từ悯!"

-- Thưa vâng, Gia chủ.

Người ấy, vâng đáp gia chủ Anàthapindika, đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Sàriputta rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi một bên, người ấy thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- Gia chủ Anàthapindika, thưa Tôn giả, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, xin cúi đầu dảnh lẽ chân Tôn giả Sàriputta, gia chủ thưa: "Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Sàriputta đi đến trú xứ của gia chủ Anàthapindika vì lòng từ mẫn!"

Tôn giả Sàriputta im lặng nhận lời.

5) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát với Tôn giả Ananda là Sa-môn tùy tùng, đi đến trú xứ của gia chủ Anàthapindika; sau khi đến, ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Tôn giả Sàriputta nói với gia chủ Anàthapindika:

-- Nay Gia chủ, Gia chủ có kham nhẫn nỗi không? Gia chủ có chịu đựng nỗi không? Có phải khổ tho giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không có tăng trưởng?

-- Thưa Tôn giả, con không thể kham nhẫn. Con không thể chịu đựng. Kịch liệt là khổ tho nơi con. Chúng tăng trưởng, không có giảm thiểu. Có dấu hiệu chúng tăng trưởng, không giảm thiểu.

6) -- Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này Gia chủ, thành tựu lòng bất tín đối với Phật, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng Gia chủ không có lòng bất tín đối với Phật. Trái lại, Gia chủ thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thê Tôn". Nếu Gia chủ tự thấy lòng tịnh tín bất động của Gia chủ đối với đức Phật, thời lập tức các cảm tho của Gia chủ được an tịnh.

7) Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này Gia chủ, thành tựu lòng bất tín đối với Pháp, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng Gia chủ không có lòng bất tín đối với Pháp. Trái lại, Gia chủ thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thê Tôn khéo thuyết... tự mình giác hiểu". Nếu Gia chủ tự mình thấy lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, thời lập tức các cảm tho của Gia chủ được an tịnh.

8) Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này Gia chủ, thành tựu lòng bất tín đối với chúng Tăng, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng Gia chủ không có lòng bất tín như vậy đối với chúng Tăng. Trái lại, Gia chủ thành tựu tịnh tín đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thê Tôn... là phuớc điền vô thượng ở đời". Nếu Gia chủ tự mình thấy lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, thời lập tức các cảm tho của Gia chủ được an tịnh.

9) Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này Gia chủ, thành tựu ác giới, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào... địa ngục. Nhưng Gia chủ không có ác giới như vậy. Trái lại, Gia chủ có giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Nếu Gia chủ tự thấy các giới được các bậc Thánh ái kính ấy, thời lập tức các cảm tho của Gia chủ được an tịnh.

10) Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này Gia chủ, thành tựu tà kiến như vậy, nên sau khi thân hoại... địa ngục. Nhưng Gia chủ không có tà kiến như vậy. Trái lại, Gia chủ có chánh kiến. Nếu Gia chủ tự mình thấy chánh kiến của Gia chủ, thời lập tức các cảm tho của Gia chủ được an tịnh.

11-19) Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này Gia chủ, thành tựu tà tư duy... tà ngữ... tà nghiệp... tà mạng... tà tinh tấn... tà niêm... tà định... tà trí... tà giải thoát như vậy, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng Gia chủ không có từ tư duy... tà ngữ... tà nghiệp... tà mạng... tà tinh tấn... tà niêm... tà định... tà trí... tà giải thoát như vậy. Trái lại, Gia chủ có chánh tư duy... chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niêm... chánh định... chánh trí... chánh giải thoát. Nếu Gia chủ tự mình thấy chánh tư duy... chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niêm... chánh định... chánh trí... chánh giải thoát của Gia chủ, thời lập tức các cảm tho của

Gia chủ được an tịnh.

20) Rồi các cảm thọ của gia chủ Anàthapindika lập tức được an tịnh.

21) Rồi gia chủ Anàthapindika mời Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Ananda dùng bữa ăn (từ nơi nồi nấu cơm của mình).

22) Sau khi Tôn giả Sàriputta ăn xong, tay đã rời khỏi bát, gia chủ Anàthapindika đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, lấy một ghế thấp và ngồi xuống một bên.

23) Tôn giả Sàriputta tán thán gia chủ Anàthapindika với những lời kệ này:

*Ai tin tưởng Như Lai,
Bất động khéo an lập.
Ai có giới thiện lành,
Được bậc Thánh ái kính.
Ai tin tưởng chúng Tăng,
Sở kiến được chánh trực,
Người ấy gọi "Không nghèo",
Đời sống không uổng phí.
Do vậy, bậc Hiền minh
Cần tu tập tín giới,
Thấy rõ được Chánh pháp,
Không quên lời Phật dạy.*

24) Rồi Tôn giả Sàriputta, sau khi nói lời hoan hỷ tán thán với các lời kệ này, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

25) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

26) -- Này Ananda, Ông đi đâu để nghỉ trưa?

-- Bạch Thế Tôn, gia chủ Anàthapindika đã được Tôn giả Sàriputta giáo giới với lời giáo giới như thế này, thế này...

-- Hiền minh, này Ananda, là Sàriputta ! Đại tuệ, này Ananda, là Sàriputta ! Vì ấy có thể chia chẻ bốn Dự lưu phần thành mười tướng.

27.VII. Ác Giới, hay Anàthapindika (2) (S.v,385)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ, gia chủ Anàthapindika bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3-5) ... (giống như kinh trước, chỉ khác, đây là Tôn giả Ananda chứ không phải Tôn giả Sàriputta, và Tôn giả Ananda đi chỉ có một mình, cho đến... có dấu hiệu tăng trưởng, không có giảm thiểu).

6) -- Này Gia chủ, kẻ vô văn phàm phu thành tựu bốn pháp nên run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau. Thế nào là bốn?

7) Ở đây, này Gia chủ, kẻ vô văn phàm phu thành tựu lòng bát tín đối với Phật. Khi vị ấy tự thấy lòng bát tín của mình đối với Phật, vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau. Lại nữa, này Gia chủ, kẻ vô văn phàm phu thành tựu lòng bát tín đối với Pháp. Khi vị ấy tự thấy lòng bát tín của mình đối với Pháp; vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau. Lại nữa, này Gia chủ, kẻ vô văn phàm phu thành tựu lòng bát tín đối với Tăng. Khi vị ấy tự thấy lòng bát tín của mình đối với chúng Tăng; vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau. Lại nữa, này Gia chủ, kẻ vô văn phàm phu thành tựu ác giới. Khi vị ấy tự thấy sự thành tựu ác giới của mình; vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau. Do thành tựu bốn pháp này, này Gia chủ, kẻ vô văn phàm phu run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau.

8) Do thành tựu bốn pháp, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử không có run sợ, không có hoảng hốt, không có sợ hãi về cái chết, về đời sau. Thế nào là bốn? Ở đây, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thế Tôn". Khi tự thấy lòng tịnh tín bất động của mình đối với Phật, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau. Lại nữa, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết... chỉ người có trí tự mình giác hiểu". Khi tự thấy lòng tịnh tín bất động của mình đối với Pháp, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau. Lại nữa, này Gia chủ... lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là đệ tử của Thế Tôn... là phước điền vô thượng ở đời"... về đời sau. Lại nữa, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Khi tự thấy sự thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính của mình, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau. Thành tựu bốn pháp này, này Gia chủ, bậc Đa văn Thánh đệ tử không có run sợ, không có hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.

9) -- Thưa Tôn giả Ananda, con không sợ hãi. Sao con có thể sợ hãi? Con đã thành tựu lòng tịnh tín đối với Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn"... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... thưa Tôn giả, phàm có những học giới hòa kính (sàmici) tại gia do Thế Tôn thuyết giảng, con thấy không có tự mình vi phạm một giới nào.

10) -- Lợi đắc thay cho Gia chủ, này Gia chủ! Khéo lợi đắc thay cho Gia chủ, này Gia chủ ! Gia chủ đã tuyên bố về Dự lưu quả rồi.

28.VIII. Hận Thủ, hay Anàthapindika (3) (S.v,387)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi gia chủ Anàthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anàthapindika đang ngồi một bên:

3) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này Gia chủ, làm cho tịnh chí năm sự sợ hãi hận thù (pancabhayàni), thành tựu bốn Dự lưu phàn, và nhờ trí tuệ, Thánh lý (này) được khéo thấy, được khéo thông đạt, nếu vị ấy muốn, sẽ tự mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận các loài bàng sanh; ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ; ta là bậc Dự lưu, không còn thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ". Thế nào là năm sự sợ, hãi hận thù được tịnh chí?

4) Sự sợ hãi, hận thù, này Gia chủ, ngay trong hiện tại khởi lên cho người sát sanh; do duyên sát sanh, sự sợ, hãi, hận thù khởi lên ở đời sau, sự khố ưu do tâm người ấy cảm thọ. Với người từ bỏ sát sanh, thời sự sợ hãi, hận thù như vậy được tịnh chí.

... khởi lên cho người lấy của không cho...

... khởi lên cho người tà hạnh trong các dục...

... khởi lên cho người nói láo...

Sự sợ hãi, hận thù, này Gia chủ, ngay trong hiện tại khởi lên cho người say đắm rượu men, rượu nấu; do duyên say đắm rượu men, rượu nấu, sự sợ hãi, hận thù khởi lên ở đời sau, khổ ưu do tâm người ấy cảm thọ. Với người từ bỏ say đắm rượu men, rượu nấu, thời sự sợ hãi, hận thù như vậy được tịnh chỉ.

Năm sự sợ hãi, hận thù này được tịnh chỉ.

5) Với bốn Dự lưu phần nào, vị ấy được thành tựu?

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Nhu Lai... Phật, Thế Tôn...". đối với Pháp... đối với chúng Tăng... vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định.

Bốn Dự lưu phần này được thành tựu.

6) Thánh lý nào được vị ấy khéo thấy với trí tuệ, khéo thông đạt?

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử khéo như lý tác ý lý duyên khởi: Do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh khởi, cái kia sanh khởi. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thù, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh không có dư tàn, nên hành diệt, nên thức diệt... nên lão tử diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này vậy.

Đây là Thánh lý, với trí tuệ, được khéo thấy, khéo thông đạt.

7) Khi nào vị Thánh đệ tử, này Gia chủ, được tịnh chỉ năm sự sợ hãi, hận thù này, được thành tựu bốn Dự lưu phần này, và thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, khéo thông đạt thời nếu muốn, vị ấy có thể tự mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận loài bàng sanh; ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ; ta đã đoạn tận cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ".

29.IX. Sợ Hãi, hay Vị Tỷ Kheo (S.v,389)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) ... (như kinh trên 28, chỉ khác, đây là một số đông Tỷ-kheo đến đức Phật và đức Phật thuyết cho các vị ấy) ...

30.X. Lichavi, hay Nandaka (S.v,389)

1) Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm, chỗ ngôi nhà có nóc nhọn.

2) Rồi đại thần người Licchavi tên là Nandaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Nandaka, vị đại thần người Licchavi đang ngồi một bên:

-- Nay Nandaka, thành tựu bốn pháp, một vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu... chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này Nandaka, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn"... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh... đưa đến Thiền định. Thành tựu bốn pháp này, này Nandaka, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

4) Thành tựu bốn pháp này, này Nadaka, vị Thánh đệ tử liên hệ đến tuổi thọ chư Thiên và loài Người, liên hệ đến dung sắc, liên hệ đến an lạc, liên hệ đến thanh danh, liên hệ đến lực tăng thương (adhipateyya) chư Thiên và loài Người.

5) Điểm này, này Nandaka, Ta biết chứ không phải nhờ nghe từ một Sa-môn hay Bà-la-môn nào rồi Ta tuyên bố. Chính do tự Ta biết, tự Ta thấy, tự Ta ý thức rồi Ta tuyên bố.

6) Khi được nghe nói vậy, một người thưa với Nandaka, vị đại thần người Licchavi:

-- Thưa Đại quan, nay đã đến giờ tắm.

-- Thôi, nay đã vừa rồi, nay Bạn, đó chỉ là sự tắm rửa bề ngoài. Tắm rửa bên trong này là vừa đủ cho ta, tức là lòng tịnh tín đối với Thế Tôn.

IV. Phẩm Phuớc Đức Sung Mān

31. I. Sung Mān (1) (S.v,391)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn phuớc đức sung mān, thiện sung mān, món ăn cho lạc này. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn". Đây là phuớc đức sung mān, thiện sung mān, món ăn cho lạc thứ nhất.

4) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết... chỉ người có trí tự mình giác hiểu". Đây là phuớc đức sung mān, thiện sung mān, món ăn cho lạc thứ hai.

5) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn... là phuớc điền vô thượng ở đời". Đây là phuớc đức sung mān, thiện sung mān, món ăn cho lạc thứ ba.

6) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Đây là phuớc đức sung mān, thiện sung mān, món ăn cho lạc thứ tư.

7) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phuớc đức sung mān, thiện sung mān, món ăn cho lạc.

32. II. Sung Mān (2) (S.v,391)

1-5) ... (giống như kinh trên, đoạn 1-5) ...

6) -- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử trú ở gia đình, với tâm thoát khỏi cầu uế của xan tham, bồ thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia sẻ vật bồ thí. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ tư.

7) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc.

33. III. Sung Mān (3) (S.v,392)

2-5) ... (giống như kinh 31, đoạn 2-5) ...

6) -- Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt (các pháp), trí tuệ các bậc Thánh thể nhập (các pháp), đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ tư.

7) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc.

34. IV. Con Đường Của Chư Thiên (1) (S.v,392)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Có bốn thiền đạo này của chư Thiên, này các Tỷ-kheo, khiến chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, khiến chúng sanh chưa thuần bạch được thuần bạch. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín đối với đức Phật... Đây là thiền đạo thứ nhất của chư Thiên, khiến chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, khiến chúng sanh chưa thuần bạch được thuần bạch.

4-6) ... (như trên đối với Pháp, với chúng Tăng, với các giới) ... "Đây là thiền đạo thứ tư của chư Thiên, khiến chúng... được thuần bạch.

7) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn thiền đạo của chư Thiên, khiến chúng sanh... được thuần bạch.

35. V. Con Đường Của Chư Thiên (2) (S.v,393)

1) ...

2) -- Có bốn thiền đạo của chư Thiên này, này các Tỷ-kheo, khiến chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, khiến chúng sanh chưa thuần bạch được thuần bạch. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động với đức Phật: "Đây là Nhu Lai, bậc A-la-hán, Phật, Thế Tôn". Vị ấy suy tư như sau: "Thế nào là thiền đạo của chư Thiên? Nói rằng không sân hận là tối thượng. Ta không làm hại một ai, các chúng sanh di động hay các chúng sanh không di động. Thật vậy, ta sống thành tựu pháp của thiền đạo". Đây là thiền đạo thứ nhất của chư Thiên khiến các loài chúng sanh... được thuần bạch.

4-5) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với chúng Tăng...

6) ... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Vị ấy suy tư như sau: "Thế nào là thiên đạo của chư Thiên?". Vị ấy rõ biết như sau: "Ta nghe các chư Thiên nói rằng không sân hận là tối thượng. Ta không làm hại một ai, các chúng sanh di động hay các chúng sanh không di động. Thật vậy, ta sống thành tựu pháp của thiên đạo". Đây là thiên đạo thứ tư của chư Thiên, khiến các chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, khiến các chúng sanh chưa thuần bạch được thuần bạch.

7) Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn thiên đạo của chư Thiên, khiến chúng sanh... được thuần bạch.

36. VI. Đì Đến Bạn Bè (S.v,394)

1) ...

2) -- Chư Thiên, này các Tỷ-kheo, hoan hỷ nói chuyện bạn bè với ai thành tựu bốn pháp. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn". Chư Thiên nào thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, sau khi mệnh chung ở chỗ này, được sanh ở đây. Chư Thiên ấy suy nghĩ: "Như chúng ta thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, mệnh chung chỗ kia, được sanh chỗ này". Vị Thánh đệ tử cũng thành tựu lòng tịnh tín bất động như vậy. Họ nói với vị ấy: "Hãy đến đây, đến gần chư Thiên".

4-5) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử... đối với Pháp... đối với chúng Tăng...

6) Vị Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Chư Thiên nào thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, sau khi mệnh chung ở chỗ này, được tái sanh chỗ kia. Họ suy nghĩ như sau: "Chúng ta thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính. Do vậy, chúng ta mệnh chung tại chỗ kia, sanh tại chỗ này". Vị Thánh đệ tử cũng thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính như vậy. Họ nói với vị ấy: "Hãy đến đây, đến gần với chư Thiên".

7) Những ai thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, chư Thiên hoan hỷ nói chuyện bạn bè với họ.

37. VII. Mahànàma (S.v,395)

1) Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, trong khu vườn cây bàng.

2) Rồi họ Thích Mahànàma đi đến Thế Tôn, sau khi đến... ngồi xuống một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:

3) -- Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ?

-- Ai quy y Phật, này Mahànàma, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ.

4) -- Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ giới?

-- Nay Mahànàma, người cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ giới.

5) -- Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ tín?

-- Ở đây, này Mahānāma, người cư sĩ có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn". Cho đến như vậy, này Mahānāma, là người cư sĩ đầy đủ tín.

6) -- Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn là người cư sĩ đầy đủ lòng bố thí?

-- Ở đây, này Mahānāma, người cư sĩ trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cầu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích chia sẻ vật bồ thí. Cho đến như vậy, này Mahānāma, là người cư sĩ đầy đủ bố thí.

7) -- Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ?

-- Ở đây, này Mahānāma, người cư sĩ có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt (các pháp), trí tuệ các bậc Thánh thể nhập (các pháp), đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Cho đến như vậy, này Mahānāma, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ.

38. VIII. Mưa (S.v,396)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, khi trên đầu núi có cơn mưa to lớn, nước mưa ấy chảy theo hướng xuôi của nó, tràn đầy các hang núi, khe núi; sau khi tràn đầy các hang núi, khe núi, nó tràn đầy hồ nhỏ; sau khi tràn đầy hồ nhỏ, nó tràn đầy hồ lớn; sau khi tràn đầy hồ lớn, nó tràn đầy sông nhỏ; sau khi tràn đầy sông nhỏ, nó tràn đầy sông lớn; sau khi tràn đầy sông lớn, nó tràn đầy biển, đại dương.

3) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị Thánh đệ tử, lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, và các giới được các bậc Thánh ái kính; những pháp này trôi chảy đến bờ bên kia, đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc.

39. IX. Kāli (S.v,398)

1) Lúc bấy giờ Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Cây Bàng.

2) Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến nhà của Thích nữ Kāligodhà; sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

3) Rồi Thích nữ Kāligodhà đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Thích nữ Kāligodhà đang ngồi một bên:

-- Thành tựu bốn pháp, này Godhà, vị nữ Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này Godhà, vị nữ Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thế Tôn"... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Vị này trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cầu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích chia sẻ vật bồ thí. Này Godhà, thành tựu bốn pháp này, một nữ Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

5) -- Bốn Dự lưu phần được Thế Tôn thuyết giảng này, bạch Thế Tôn, chúng đều có trong con. Con thực hiện những pháp này. Bạch Thế Tôn, con thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật, Như Lai... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Phàm những vật gì được đem bồ thí trong gia đình, tất cả đều được

phân phát cho những người có giới và những người làm thiện.

6) -- Lợi đắc thay cho Người, này Godhà! Thật khéo lợi đắc thay cho Người, này Godhà! Này Godhà, Người đã tuyên bố về Dự lưu quả.

40) X. Nandiyà (S.v,397)

1) Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, trong khu vườn Cây Bàng.

2) Rồi họ Thích Nandiyà đi đến Thế Tôn; sau khi đến... ngồi xuống một bên, họ Thích Nandiyà bạch Thế Tôn:

3) -- Với vị Thánh đệ tử nào, bạch Thế Tôn, toàn diện, toàn bộ không có bốn Dự lưu phần này; vị Thánh đệ tử ấy, bạch Thế Tôn, có thể được gọi là trú phóng dật không?

-- Này Nandiyà, với ai toàn diện, toàn bộ không có bốn Dự lưu phần này; người áy, Ta tuyên bố là người đứng ngoài, trong hàng ngũ kẻ phàm phu.

4) Tuy vậy, này Nandiyà, Ta sẽ nói cho Ông như thế nào một Thánh đệ tử trú phóng dật và trú không phóng dật. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Họ Thích Nandiyà vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

5) -- Này Nandiyà, thế nào là vị Thánh đệ tử trú phóng dật?

Ở đây, này Nandiyà, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn". Vì ấy thỏa mãn với lòng tịnh tín bất động đối với Phật, không có gánh thêm, ban ngày không sống viễn ly ban đêm không sống Thiền tịnh. Do vị ấy sống phóng dật như vậy, nên không có hân hoan. Do không có hân hoan, nên không có hỷ. Do không có hỷ, nên không có khinh an. Do không khinh an, nên sống đau khổ. Do tâm đau khổ, nên không định tĩnh. Do tâm không định tĩnh, nên các pháp không hiện rõ. Do các pháp không hiện rõ, nên vị ấy được gọi là trú phóng dật. Lại nữa, này Nandiyà, vị Thánh đệ tử... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Vì này thỏa mãn với những giới được các bậc Thánh ái kính, không có gánh thêm, ban ngày không sống viễn ly, ban đêm không sống Thiền tịnh. Do vị ấy trú phóng dật như vậy nên không có hân hoan. Do không có hân hoan, nên không có hỷ. Do không có hỷ, nên không có khinh an. Do không có khinh an, nên sống đau khổ. Do tâm đau khổ, nên không định tĩnh. Do tâm không định tĩnh, nên các pháp không hiện rõ. Do các pháp không hiện rõ, nên vị ấy được gọi là trú phóng dật.

6) Này Nandiyà, thế nào là vị Thánh đệ tử trú không phóng dật?

Ở đây, này Nandiyà, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thế Tôn". Vì này không thỏa mãn với lòng tịnh tín bất động ấy, có gánh hơn nữa, ban ngày sống viễn ly, ban đêm sống Thiền tịnh. Do vị ấy sống không phóng dật, nên hân hoan khởi. Do vị ấy hân hoan, nên hỷ sanh. Do ý có hỷ, nên thân khinh an. Do thân khinh an, nên vị ấy cảm thọ lạc. Do tâm được lạc, nên vị ấy định tĩnh. Do tâm định tĩnh, các pháp được hiện ra. Do các pháp được hiện ra, vị ấy được gọi là trú không phóng dật. Lại nữa, này Nandiyà, vị Thánh đệ tử đối với Pháp... đối với chúng Tăng... vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Vì ấy không thỏa mãn với

các giới được các bậc Thánh ái kính, có gắng tinh tấn hơn nữa, ban ngày sống viễn ly, ban đêm sống Thiền tịnh. Do vị ấy sống không phóng dật như vậy, hân hoan sanh. Vì ấy có hân hoan, nên hỷ sanh. Do ý có hỷ, nên thân kinh an. Do thân khinh an, nên vị ấy cảm thọ lạc. Do tâm được lạc, nên vị ấy định tĩnh. Do tâm định tĩnh, các pháp được hiện ra. Do các pháp được hiện ra, vị ấy được gọi là trú không phóng dật. Như vậy, này Nandiyà, là vị Thánh đệ tử trú không phóng dật.

V. Phẩm Phước Đức Sung Mãn Vói Kệ

41. I. Sung Mãn (1) (S.v,399)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc này. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn". Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ nhất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ tư. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc.

4) Với vị Thánh đệ tử thành tựu bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc này, này các Tỷ-kheo, thật không dễ đếm được vô lượng phước đức: "Số lượng như thế này là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc". Chúng chỉ có thể gọi được là vô số, vô lượng, đại uẩn phước đức.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thật không dễ đếm được số lượng nước trong biển lớn là có bao nhiêu thùng, hay có bao nhiêu trăm thùng, hay có bao nhiêu trăm ngàn thùng. Chúng chỉ có thể gọi được là vô số, vô lượng nước lớn tụ tập. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc này, thật không dễ đếm được số lượng phước đức: "Số lượng như thế này là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc". Chúng chỉ có thể gọi được là vô số, vô lượng, đại uẩn phước đức.

6) Thế Tôn nói như vậy:

*Là đại dương, đại hải,
Nước mênh mông rộng lớn,
Đầy rẫy những hãi hùng,
Chứa vô lượng trân châu,
Phục vụ trăm ngàn người,
Các con sông (lớn, nhỏ),
Chúng tuôn chảy ó ạt,
Chúng đổ về bể khơi.
Cũng vậy là những người,
Thí đồ ăn, uống, vài,
Bó thí giường, chỗ ngồi,
Mèn, nệm, các đồ nằm,
Vô lượng nguồn phước đức,
Từ kẻ trí tuôn chảy,
Như sông hồ đầy nước,*

Chảy tuôn ra bể cá.

42. II. Sung Mān (2) (S.v,401)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc này. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... trú ở gia đình, với tâm thoát khỏi cầu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia xé vật bồ thí. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ tư. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc.

4) ... (như đoạn số 4, kinh trên) ...

5) Ví như, tại chỗ mà các con sông lớn này gặp nhau, nhập vào một dòng với nhau, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Sarabhuu, sông Mahi, thật không dễ gì đếm được số lượng nước tại chỗ ấy là có bao nhiêu thùng, bao nhiêu trăm thùng, bao nhiêu trăm ngàn thùng. Chúng chỉ có thể gọi được là vô số, vô lượng nước lớn tụ tập... đại uẩn phước đức.

6) Thế Tôn nói như vậy:

... (giống như hai bài kệ kinh trên) ...

43. III. Sung Mān (3) (S.v,401)

1) ...

2) ... (như đoạn số 2, kinh trên) ...

3) ... (đoạn đầu giống kinh trên về đối với Phật, Pháp, Tăng...) có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt (các pháp), trí tuệ các bậc Thánh thể nhập (các pháp), đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc.

4) ... (như đoạn số 4, kinh trước) ...

5) Thế Tôn thuyết như vậy:

*Ai ước muôn phước đức,
Vững trú trên điều thiện,
Tu tập theo con đường,
Đưa đến đạt bát tú,
Chúng được lõi của pháp,
Thích thú đoạn (lâu hoặc),
Vị ấy không run sợ,
Khi nghĩ đến thân chết.*

44. IV. Rất Giàu Hay Giàu (1) (S.v,402)

1) ...

2) -- Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử được gọi là giàu, rất giàu, có tài sản lớn, có danh xưng lớn. Thê nào là bốn?

3) ... (như các kinh trước, nói về tịnh tín bất động đối với ba ngôi báu và các giới) ...

4) Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử được gọi là giàu, rất giàu, có tài sản lớn, có danh xưng lớn.

45. V. Rất Giàu Hay Giàu (2) (S.v,402)

... (giống như kinh trước) ...

46. VI. Tỷ Kheo Hay Thanh Tịnh (S.v,403)

1) ...

2) -- Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thê nào là bốn?

3) ... (như các kinh trước, nói về tịnh tín đối với ba ngôi báu và các giới) ...

4) Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

47. VII. Nandiya (S.v,403)

1) Nhân duyên ở Kapilavatthu.

2) Thê Tôn nói với họ Thích Nandiya đang ngồi một bên: "Thành tựu bốn pháp này, này Nandiya, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu... giác ngộ. Thê nào là bốn?".

3) ... (thành tựu tịnh tín đối với Ba Ngôi Báu và các giới) ...

4) ... (như đoạn số 4, kinh trước) ...

48. VIII. Bhaddiya (S.v,403)

... (như kinh trước, chỉ khác, đây là họ Thích Bhaddiya) ...

49. IX. Mahànàma (S.v,404)

... (như kinh trước, chỉ khác, đây là họ Thích Mahànàma) ...

50. X. Phàn (S.v,404)

1) ...

- 2) -- Có bốn Dự lưu phần này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?
- 3) Thân cận bậc Chân nhân, nghe diệu pháp, như lý tác ý, thực hành pháp và tùy pháp.
- 4) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn Dự lưu phần.

VI. Phẩm Vói Trí Tuệ

51. I. Vói Bài Kệ (S.v,404)

- 1) ...
- 2) -- Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?
- 3) ... (Như các kinh trước, tịnh tín Ba Ngôi báu và thành tựu các giới) ... Nay các Tỷ-kheo, thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu... giác ngộ.
- 4) Thế Tôn nói như vậy...

*Với ai tin Như Lai,
Bất động, khéo an trú,
Với ai giới thiện lành,
Bậc Thánh kính, tán thân.
Với ai tịnh tín Tăng,
Với tri kiến chánh trực,
Được nói: không phải nghèo,
Sống vậy không vô ích.
Do vậy, bậc Hiền minh,
Cần tu tập tín giới,
Thấy rõ được Chánh pháp,
Không quên lời Phật dạy.*

52. II. An Cư Mùa Mưa (S.v,405)

- 1) Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anàthapindika.
- 2) Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo, sau khi an cư mùa mưa ở Sàvatthi xong, đi đến Kapilavatthu vì một vài công việc.
- 3) Các họ Thích ở Kapilavatthu được nghe một Tỷ-kheo, sau khi an cư mùa mưa xong ở Sàvatthi, đã đến Kapilavatthu.
- 4) Rồi các họ Thích ở Kapilavatthu đi đến Tỷ-kheo ấy; sau khi đến, đánh lễ Tỷ-kheo ấy rồi ngồi xuống một bên. Các họ Thích ở Kapilavatthu thưa với Tỷ-kheo ấy:
- 5) -- Thưa Tôn giả, Thế Tôn có sức khỏe không, có khỏe mạnh không?
- Nay chư Hiền, Thế Tôn có sức khỏe, có khỏe mạnh.

- Thura Tôn giả, Tôn giả Sariputta và Tôn giả Moggallāna có sức khỏe không, có khỏe mạnh không?
- Nay chư Hiền, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Moggallāna có sức khỏe, có khỏe mạnh.
- Thura Tôn giả, chúng Tỷ-kheo có sức khỏe không, có khỏe mạnh không?
- Nay chư Hiền, chúng Tỷ-kheo có sức khỏe, có khỏe mạnh.

6) -- Thura Tôn giả, trong dịp an cư này, Tôn giả có tự thân nghe, tự thân lãnh thọ gì từ Thέ Tôn?

-- Nay chư Hiền, tôi có tự thân nghe, tự thân lãnh thọ từ Thέ Tôn như sau: "Thật là ít, này các Tỷ-kheo, là các Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Và nhiều hơn là các Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đây nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa".

7) Lại nữa, này chư Hiền, tôi tự thân nghe, tự thân lãnh thọ từ Thέ Tôn như sau: "Thật là ít, này các Tỷ-kheo, là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đây nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Và nhiều hơn là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si là bậc Nhất lai, chỉ một lần trở lui đời này nữa để chấm dứt khổ đau".

8) Lại nữa, này chư Hiền, tôi tự thân nghe, tự thân lãnh thọ từ Thέ Tôn như sau: "Thật là ít, này các Tỷ-kheo, là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, thành bậc Nhất lai, chỉ một lần trở lui đời này nữa để chấm dứt khổ đau. Và nhiều hơn là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, thành bậc Dụ lưu, không còn phải thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ".

53. III. Dhammadinna (S.v,406)

1) Một thời, Thέ Tôn trú ở Bàrànasi, tại Isipatana, ở vườn nai.

2) Rồi cư sĩ Dhammadinna với năm trăm cư sĩ đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, cư sĩ Dhammadinna bạch Thέ Tôn:

3) -- Bạch Thέ Tôn, Thέ Tôn hãy giảng dạy cho chúng con. Thέ Tôn hãy giáo giới cho chúng con! Như vậy chúng con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

-- Nếu vậy, này Dhammadinna, các Ông cần phải học tập như sau: Các kinh điển nào do Như Lai thuyết giảng thâm sâu, nghĩa lý thâm sâu, siêu thế, liên hệ đến nghĩa không, cần phải thường thường được tìm đến và an trú (học hỏi). Như vậy, này Dhammadinna, các Ông cần phải học tập.

4) -- Bạch Thέ Tôn, thật không dễ gì cho chúng con, phải sống trong những ngôi nhà đầy những trẻ con, sử dụng hương chiên-dàn từ Kàsi, đeo các vòng hoa, hương và phấn sáp, thọ dụng vàng và bạc, đối với các kinh điển do Thέ Tôn thuyết giảng thâm sâu, với ý nghĩa thâm sâu, siêu thế, liên hệ đến nghĩa không, có thể thường thường tìm đến những kinh điển ấy và học hỏi. Bạch Thέ Tôn, chúng con là những người an trú trên năm học pháp, Thέ Tôn hãy giảng cho chúng con các pháp khác!

5) -- Do vậy, này Dhammadinna, các Ông hãy học tập như sau: "Chúng ta sẽ thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: 'Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thέ Tôn... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định'". Như vậy, này Dhammadinna, các Ông cần phải học tập.

-- Bạch Thé Tôn, bốn Dự lưu phần này được Thé Tôn thuyết giảng, các pháp ấy có mặt ở nơi chúng con. Chúng con thực hiện các pháp ấy.

6) Bạch Thé Tôn, chúng con thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thé Tôn... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... chúng con thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiên định".

7) -- Lợi đắc thay cho Ông, này Dhammadinna! Thật khéo lợi đắc thay cho Ông, này Dhammadinna! Nay Dhammadinna, Ông đã tuyên bố về Dự lưu quả.

54. IV. Bị Bệnh (S.v,408)

1) Một thời, Thé Tôn trú ở giữa dân chúng họ Thích, tại Kapilavatthu, khu vườn các cây bàng.

2) Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thé Tôn, nghĩ rằng khi y làm xong, Thé Tôn sau ba tháng sẽ đi du hành.

3) Họ Thích Mahànàma được nghe: "Nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thé Tôn và họ nghĩ rằng: 'Khi y làm xong, Thé Tôn sau ba tháng sẽ đi du hành'". Rồi họ Thích Mahànàma đi đến Thé Tôn; sau khi đến, đánh lě Thé Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thé Tôn:

4) -- Bạch Thé Tôn, con được nghe nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thé Tôn và họ nghĩ rằng: "Sau khi y làm xong, Thé Tôn sau ba tháng sẽ ra đi du hành". Chúng con chưa được tự thân nghe từ Thé Tôn, tự thân lãnh thọ từ Thé Tôn điều này. Bạch Thé Tôn, một cư sĩ có trí bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, cần phải được một cư sĩ có trí giáo giới như thế nào?

5) -- Nay Mahànàma, một cư sĩ có trí bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, cần phải được an ủi với bốn pháp an ủi như sau (assàsaniya dhamma): Tôn giả hãy yên tâm, với lòng tịnh tín bất động của Tôn giả đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thé Tôn. Tôn giả hãy yên tâm, với lòng tịnh tín bất động của Tôn giả đối với Pháp... Tôn giả hãy yên tâm, với lòng tịnh tín bất động của Tôn giả đối với chúng Tăng... Tôn giả hãy yên tâm, với các giới của Tôn giả được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiên định".

6) Một cư sĩ có trí bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, này Mahànàma, phải được một cư sĩ có trí giáo giới với bốn pháp an ủi này. Cần phải nói như vậy.

7) Tôn giả ấy có lòng thương nhớ cha mẹ. Nếu vị ấy nói: "Tôi còn có lòng thương nhớ cha mẹ", thời nên nói với vị ấy như sau: "Thưa Tôn giả, Tôn giả thế nào cũng phải chết. Dầu Tôn giả có lòng thương nhớ cha mẹ, Tôn giả cũng sẽ chết. Dầu Tôn giả không có lòng thương nhớ cha mẹ, Tôn giả cũng sẽ chết. Vậy tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ lòng thương nhớ đối với cha mẹ của Tôn giả".

8) Nếu vị ấy nói như sau: "Lòng thương nhớ của tôi đối với cha mẹ, lòng thương nhớ ấy đã được đoạn tận", vị ấy cần phải được nói như sau: "Tôn giả có lòng thương nhớ vợ con hay không?" Nếu vị ấy nói: "Tôi có lòng thương nhớ vợ con", thời vị ấy cần phải được nói như sau: "Tôn giả thế nào cũng chết. Dầu Tôn giả có lòng thương nhớ vợ con, Tôn giả cũng sẽ chết. Dầu Tôn giả không có lòng thương nhớ vợ con, Tôn giả cũng sẽ chết. Vậy tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ lòng thương nhớ đối với vợ con của Tôn giả".

9) Nếu vị ấy nói như sau: "Lòng thương nhớ của tôi đối với vợ con, lòng thương nhớ ấy đã được đoạn tận", vị ấy cần phải được nói như sau: "Tôn giả có lòng thương tiếc năm dục công đức của loài Người

không?" Nếu vị ấy nói như sau: "Tôi có lòng thương nhớ năm dục công đức của loài Người", vị ấy cần phải được nói như sau: "Các Thiên dục đối với nhân dục, còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn. Vậy tốt hơn Tôn giả hãy từ bỏ tâm khỏi các nhân dục, và hướng tâm đến Tứ đại thiên vương thiên".

10) Nếu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ nhân dục và hướng đến Tứ đại thiên vương thiên", vị ấy cần được nói như sau: "Chư Thiên ở cõi Ba mươi ba còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn Tứ đại thiên vương thiên. Tốt hơn Tôn giả hãy từ bỏ tâm khỏi Tứ đại thiên vương thiên và hướng tâm đến chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba".

11-16) Nếu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ Tứ đại thiên vương thiên và hướng đến chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba", vị ấy cần được nói như sau: "Chư Thiên Yamà, chư Thiên Tusità, chư Thiên Hóa lạc thiên, chư Thiên Tha hóa tự tại thiên còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba".

17) ... "Chư Thiên ở Phạm thế còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn chư Thiên ở Tha hóa tự tại thiên. Tốt hơn Tôn giả từ bỏ tâm khỏi chư Thiên Tha hóa tự tại thiên và hướng tâm đến Phạm thế, Phạm thiên giới".

18) Nếu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ chư Thiên Tha hóa tự tại thiên và hướng tâm về chư Thiên ở Phạm thế", thời vị ấy cần phải được nói như sau: "Này Tôn giả, Phạm thiên giới là vô thường, không thường hằng, bị thân kiến giới hạn. Tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ tâm khỏi Phạm thế và hướng tâm đến đoạn diệt thân kiến (Sakkaya)".

19) Nếu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ Phạm thế và hướng đến đoạn diệt thân kiến"; vị cư sĩ nói như vậy, này Mahànàama, và với Tỷ-kheo có tâm giải thoát khỏi các lậu hoặc, Ta nói rằng không có gì sai biệt, tức là về phương diện giải thoát.

55. V. Bốn Quả (1) (S.v,410)

1) ...

2) Có bốn pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn đưa đến chứng ngộ quả Dự lưu. Thế nào là bốn?

3) Thân cận với bậc Chân nhân, nghe diệu pháp, như lý tác ý, thực hiện pháp và tùy pháp.

4) Bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Dự lưu.

56. VI. Bốn Quả (2) (S.v,411)

2) ... (như kinh trên, chỉ khác, đây đưa đến chứng ngộ quả Nhất lai).

57. VII. Bốn Quả (3) (S.v,411)

3) ... (như kinh trên, chỉ khác, đây đưa đến quả Nhất lai)

58. VIII. Bốn Quả (4) (S.v,411)

4) ... (như kinh trên, chỉ khác, đây đưa đến quả A-la-hán)

59. IX. Lợi Đắc (S.v,411)

2) ... đưa đến lợi đắc trí tuệ...

60. X. Tăng Trưởng (S.v,411)

2) ... đưa đến tăng trưởng trí tuệ...

61. XI. Quang Đại (S.v,411)

2) ... đưa đến quang đại trí tuệ...

VII. Phẩm Đại Trí Tuệ**62. I. Đại (S.v,412)**

4) ... đưa đến đại trí tuệ...

63. II. Quang Đại (Puthu)(S.v,412)

4) ... đưa đến quang đại trí tuệ...

64. III. Tăng Trưởng(Vipula) (S.v,412)

4) ... đưa đến tăng trưởng trí tuệ...

65. IV. Thâm Sâu (S.v,412)

4) ... đưa đến trí tuệ thâm sâu...

66. V. Không Có Ngang Bằng (Asamatta) (S.v,412)

4) ... đưa đến trí tuệ không có ngang bằng...

67. VI. Sung Mãn (Bhuuri) (S.v,412)

4) ... đưa đến trí tuệ sung mãn...

68. VII. Nhiều (S.v,412)

4) ... đưa đến trí tuệ sung túc...

69. VIII. Nhanh Lẹ (Sigha) (S.v,412)

4) ... đưa đến trí tuệ nhanh nhẹn...

70. IX. Khinh An (S.v,412)

4) ... đưa đến trí tuệ khinh an...

71. X. Hoan Hỷ (Hàsa) (S.v,412)

4) ... đưa đến trí tuệ hoan hỷ...

72. XI. Tốc Hành (S.v,413)

4) ... đưa đến trí tuệ tốc hành...

73. XII. Sắc Bén (S.v,413)

4) ... đưa đến trí tuệ sắc bén...

74. XIII. Thê Nhập (Nibbedhika) (S.v,413)

4) ... đưa đến trí tuệ thê nhập. Thê nào là bốn? (như trên) ...

-ooOoo-

CHƯƠNG XII
56. TƯƠNG ƯNG SỰ THẬT

I. Phẩm Định**1.I. Định (S.v,414)**

1) **Ở** Sàvatthi...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, hãy tu tập định. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có định, như thật rõ biết (pajānati). Và như thật rõ biết gì?

3) Như thật rõ biết: "Đây là Khổ". Như thật rõ biết: "Đây là Khổ tập". Như thật rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

4) Nay các Tỷ-kheo, hãy tu tập định. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có định, như thật rõ biết. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

2. II. Thiền Tịnh (Patisallāna) (S.v,414)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, hãy chú tâm tu tập Thiền tịnh. Tỷ-kheo tu tập Thiền tịnh, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết. Như thật rõ biết gì?

3) (Như đoạn số 3, kinh trên) ...

4) Nay các Tỷ-kheo, hãy chú tâm tu tập Thiền tịnh. Tỷ-kheo tu tập Thiền tịnh, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

3. III. Thiện Nam Tử (1) (S.v,415)

1) ...

2) -- Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã chọn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy đã làm như vậy để như thật chứng ngộ bốn Thánh đế.

3) Những thiện nam tử nào trong thời vị lai, này các Tỷ-kheo, sẽ chọn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy sẽ làm như vậy để như thật chứng ngộ bốn Thánh đế.

4) Những thiện nam tử nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, chọn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy làm như vậy để như thật chứng ngộ bốn Thánh đế. Thế nào là bốn?

5) Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

6) Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã chọn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... sẽ chọn chánh xuất gia... tất cả những vị ấy làm như vậy để như thật chứng ngộ bốn Thánh đế này. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cỗ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... Một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

4. IV. Thiện Nam Tử (2) (S.v,415)

- 1) ...
- 2) -- Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã chọn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy đã như thật chứng ngộ bốn Thánh đế.
- 3) ... trong thời vị lai... sẽ như thật chứng ngộ bốn Thánh đế.
- 4) ... trong thời hiện tại... như thật chứng ngộ bốn Thánh đế. Thế nào là bốn?
- 5) Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.
- 6) Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã chọn chánh xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, đã như thật chứng ngộ... sẽ như thật chứng ngộ... như thật chứng ngộ. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cỗ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... Một cỗ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

5. V. Sa-Môn, Bà-La-Môn (1) (S.v,416)

- 1) ...
- 2) -- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã như thật chánh đẳng giác, tất cả những vị ấy như thật chánh đẳng giác bốn Thánh đế.
- 3) ... trong thời vị lai... sẽ như thật chánh đẳng giác bốn Thánh đế.
- 4) ... trong thời hiện tại... như thật chánh đẳng giác bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.
- 5) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã như thật chánh đẳng giác... sẽ như thật chánh đẳng giác... như thật chánh đẳng giác; tất cả những vị ấy như thật chánh đẳng giác bốn Thánh đế này. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cỗ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

6. VI. Sa-Môn, Bà-La-Môn (2) (S.v,417)

- 1) ...
- 2) -- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã tuyên bố như thật chánh đẳng giác; tất cả những vị ấy đã tuyên bố như thật chánh đẳng giác bốn Thánh đế.
- 3) ... trong thời vị lai... sẽ tuyên bố như thật chánh đẳng giác...; tất cả những vị ấy sẽ tuyên bố như thật chánh đẳng giác bốn Thánh đế.

4) ... trong thời hiện tại... tuyên bố như thật chánh đẳng giác...; tất cả những vị ấy tuyên bố như thật chánh đẳng giác bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

5) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã tuyên bố như thật chánh đẳng giác... sẽ tuyên bố... tuyên bố như thật chánh đẳng giác, tất cả những vị ấy đã tuyên bố... sẽ tuyên bố... tuyên bố như thật chánh đẳng giác bốn Thánh đế. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cỗ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... Một cỗ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

7. VII. Các Tầm (S.v,417)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, chớ có suy tầm các tầm ác, bất thiện, như dục tầm, sân tầm, hại tầm. Vì sao?

3) Các tầm áy, này các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, chúng không phải căn bản cho Phạm hạnh, chúng không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Khi các Ông suy tầm, này các Tỷ-kheo, các Ông hãy suy tầm: "Đây là khổ"... hãy suy tầm: "Đây là Khổ tập"... hãy suy tầm: "Đây là Khổ diệt"... hãy suy tầm: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt". Vì sao?

5) Các suy tầm áy, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, chúng là căn bản cho Phạm hạnh, chúng đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cỗ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... Một cỗ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

8. VIII. Suy Tư (Cintà) (S.v,418)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, chớ có suy tư ác, bất thiện tầm: "Thế giới là thường hằng", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng này, thân thể này là một", hay "Sinh mạng này, thân thể này là khác", hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết". Vì sao?

3) ... (Như đoạn số 3, kinh trên) ...

4) Và có suy tư, này các Tỷ-kheo, các Ông hãy suy tư: "Đây là Khổ"... hãy suy tư: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt". Vì sao?

5) ... Các suy tư áy... (Như đoạn số 5, kinh trên) ...

9. IX. Tranh Luận (Viggàhikà) (S.v,419)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, chớ có nói lời tranh luận nhau: "Ông không biết Pháp và Luật này. Tôi biết Pháp

và Luật này. Sao Ông có thể biết Pháp và Luật này? Ông theo tà hạnh. Tôi theo chánh hạnh. Điều đáng nói trước, Ông lại nói sau. Điều đáng nói sau, Ông lại nói trước. Lời nói tôi tương ứng. Lời nói Ông không tương ứng. Điều Ông quan niệm, trình bày đã bị đảo lộn. Quan điểm của Ông đã bị thách đố. Hãy đi giải tỏa quan điểm của Ông. Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu Ông có thể làm được". Vì sao?

3) Những câu chuyện ấy, này các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, không phải căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yêm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Và này các Tỷ-kheo, nếu có nói, thời hãy nói: "Đây là Khô"… hãy nói: "Đây là Con Đường đưa đến Khô diệt". Vì sao?

5) Các lời nói ấy, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, làm căn bản cho Phạm hạnh… một cố gắng cần phải làm…

10. X. Lời Nói (S.v,419)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, chớ có nói những câu chuyện của loài súc sanh, như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện về hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biên trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Vì sao?

3) Những câu chuyện này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến mục đích, không phải căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yêm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Có nói chuyện, này các Tỷ-kheo, các Ông hãy nói chuyện: "Đây là Khô"… hãy nói chuyện: "Đây là Con Đường đưa đến Khô diệt"… Vì sao?

5) Các câu chuyện này, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yêm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khô"… Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khô diệt".

II. Phẩm Chuyển Pháp Luân

11. I. Như Lai Thuyết (1) (S.v,420)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú ở Bàrànasi, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai.

2) Tại đây, Thé Tôn bảo chúng năm Tỷ-kheo:

-- Có hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thé nào là hai?

3) Một là đắm say trong các dục (kàmesu), hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, là con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Chính là con đường Thánh đạo Tám nganh, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

5) Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gắp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

6) Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Túc là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

7) Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.

8) Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, chính là con đường Thánh đạo Tám nganh, tức là chánh tri kiến... chánh định.

9) Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhẫn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhẫn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhẫn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

10) Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

11) Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

12) Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhẫn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

13) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyền và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác.

14) Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyền và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo,

trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

15) Thé Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy. Trong khi lời dạy này được tuyên bố, Tôn giả Kondanna khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không cầu uế như sau: "Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt".

16) Và khi Pháp luân này được Thé Tôn chuyển vận như vậy, chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thé Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời".

17) Sau khi được nghe tiếng chư Thiên ở cõi đất, Tứ đại Thiên vương thiên lên tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thé Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời".

18) Sau khi được nghe tiếng của chư Thiên ở Tứ đại Thiên vương thiên, thời chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba... chư Thiên Yàmà... chư Thiên Tusitā... chư Hóa lạc thiên... chư Tha hóa tự tại thiên... chư Thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thé Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận... bất cứ một ai ở đời".

19) Như vậy, trong sát-na áy, trong khoảnh khắc áy, trong giây phút áy, tiếng áy lên đến Phạm thiên giới. Và mươi ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quang đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy lực chư Thiên.

20) Rồi Thé Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây: "Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna (Kiều-trần-như)! Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna!"

Như vậy Tôn giả Kondanna được tên là Annata Kondanna (A-nhã Kiều-trần-như).

12. II. Như Lai Thuyết (2) (S.v,424)

1) ...

2) -- Thánh đế về Khổ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước đến nay các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ đã được liễu tri này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

3) Thánh đế về Khổ tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe.... quang sanh. Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

4) Thánh đế về Khổ diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.

5) Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe, nhã sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

13. III. Uẩn (S.v,425)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ? Cần phải được nói là năm thủ uẩn. Tức là sáu thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập? Chính là ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hý tham, tìm cầu hý lạc chỗ này, chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt? Chính là sự đoạn diệt, ly tham, không có du tà khát ái áy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt? Đây là Thánh đạo Tám nganh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

7) Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là các Thánh đế. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cõi gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cõi gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

14. IV. Xứ (S.v,426)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn Thánh đế này... Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ? Cần phải trả lời là sáu nội xứ. Thế nào là sáu? Nhã xứ, nhĩ xứ, tỳ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ.

4-7) ... (giống như đoạn số 4-7 của kinh trên).

15. V. Thọ Trì (1) (S.v,426)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, hãy thọ trì bốn Thánh đế Ta đã thuyết giảng cho các Ông.

3) Khi được nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thê Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, con có thọ trì bốn Thánh đế do Nhu Lai thuyết giảng.

4) Bạch Thé Tôn, con thọ trì Khổ là Thánh đế thứ nhất do Thé Tôn thuyết giảng. Bạch Thé Tôn, con thọ trì Khổ tập là Thánh đế thứ hai do Thé Tôn thuyết giảng. Bạch Thé Tôn, con thọ trì Khổ diệt là Thánh đế thứ ba do Thé Tôn thuyết giảng. Bạch Thé Tôn, con thọ trì Con Đường đưa đến Khổ diệt là Thánh đế thứ tư do Thé Tôn thuyết giảng.

Như vậy, bạch Thé Tôn, con thọ trì bốn Thánh đế do Nhu Lai thuyết giảng.

5) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Ông thọ trì bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Nay Tỷ-kheo, Khổ là Thánh đế thứ nhất do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì... Nay Tỷ-kheo, Con Đường đưa đến Khổ diệt là Thánh đế thứ tư do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì.

6) Nay Tỷ-kheo, hãy thọ trì như vậy bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Do vậy, này Tỷ-kheo, một cõ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cõ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

16. VI. Thọ Trì (2) (S.v,427)

1) ...

2-3) ... (giống như đoạn số 2-3 của kinh trên)

4) -- Bạch Thé Tôn, con thọ trì Khổ là Thánh đế thứ nhất do Thé Tôn thuyết giảng. Bạch Thé Tôn, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Khổ này được Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ nhất. Tôi bác bỏ Khổ ấy là Thánh đế thứ nhất. Tôi sẽ tuyên bố một Khổ khác là Thánh đế thứ nhất". Sự kiện như vậy không xảy ra.

5-6) Bạch Thé Tôn, con thọ trì Khổ tập là Thánh đế thứ hai... Khổ diệt là Thánh đế thứ ba.... không xảy ra.

7) Bạch Thé Tôn, con thọ trì Con Đường đưa đến Khổ diệt là Thánh đế thứ tư do Thé Tôn thuyết giảng. Bạch Thé Tôn, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Con Đường đưa đến Khổ diệt này, được Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ tư. Tôi bác bỏ Con Đường đưa đến Khổ diệt ấy là Thánh đế thứ tư. Tôi sẽ tuyên bố một Con Đường đưa đến Khổ diệt khác là Thánh đế thứ tư". Sự kiện này không xảy ra.

8) Bạch Thé Tôn, như vậy con thọ trì bốn Thánh đế do Thé Tôn thuyết giảng.

9) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Ông thọ trì bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Khổ, này Tỷ-kheo, là Thánh đế thứ nhất, do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì. Nay Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Khổ này do Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ nhất. Tôi bác bỏ Khổ này là Thánh đế thứ nhất. Tôi sẽ tuyên bố một Khổ khác là Thánh đế thứ nhất". Sự kiện như vậy không xảy ra... "Khổ diệt Thánh đế... Con đường đưa đến khổ diệt". Nay Tỷ-kheo, là Thánh đế thứ tư do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì. Nay Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Con Đường đưa đến Khổ diệt này do Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ tư. Tôi bác bỏ Con Đường đưa đến Khổ diệt này là Thánh đế thứ tư. Tôi sẽ tuyên bố một Con Đường đưa đến Khổ diệt khác là Thánh đế thứ tư". Sự kiện như vậy không xảy ra.

10) Nay Tỷ-kheo, hãy thọ trì như vậy bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Do vậy, này Tỷ-kheo, một cõ

gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cõi gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

17. VII. Vô Minh (S.v,429)

- 1) ...
- 2) Rồi một Tỷ-kheo... ngồi xuống một bên.
- 3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thé Tôn:
 - "Vô minh, vô minh", bạch Thé Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thé Tôn, thế nào là vô minh? Và cho đến như thế nào là đi đến vô minh (avijjāgato)?
 - 4) -- Này Tỷ-kheo, chính là không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con Đường đưa đến Khổ diệt. Này Tỷ-kheo, đây gọi là vô minh. Cho đến như vậy là đi đến vô minh.
 - 5) Do vậy, này Tỷ-kheo, một cõi gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cõi gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

18. VIII. Minh (S.v,429)

- 1) ...
- 2) ... (như kinh trên) ...
- 3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thé Tôn:
 - "Minh, minh", bạch Thé Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thé Tôn, thế nào là minh? Và cho đến như thế nào là đi đến minh?
 - 4) -- Này Tỷ-kheo, chính là rõ biết Khổ, rõ biết Khổ tập, rõ biết Khổ diệt, rõ biết Con Đường đưa đến Khổ diệt. Này Tỷ-kheo, đây gọi là minh. Cho đến như vậy là đi đến minh.
 - 5) Do vậy, này Tỷ-kheo... (như đoạn số 5, kinh trên) ...

19. IX. Thi Thiết (Sankāsanā) (S.v,430)

- 1) ...
- 2) -- Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, đã được Ta trình bày. Ở đây có vô lượng chữ (vannā), vô lượng văn (vyanjanā), vô lượng thi thiết (sankāsanā). Đây là Thánh đế về Khổ.
- 3) ... Đây là Khổ tập...
- 4) ... Đây là Khổ diệt...
- 5) Đây là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đã được Ta trình bày. Ở đây có vô lượng chữ, vô lượng văn, vô lượng thi thiết. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

6) Do vậy, này Tỷ-kheo, một cõ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cõ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

20. X. Như Thật (Tathà) (S.v,430)

1) ...

2) Bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, là như thật, không ly như thật (avitathàni), không khác như thật (anannathàni). Thế nào là bốn?

3) Đây là Khổ, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật.

4) Đây là Khổ tập, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật.

5) Đây là Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật.

6) Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật.

7) Bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, là như thật, không ly như thật, không khác như thật. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cõ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

III. Phẩm Kotigàma

21.I. Minh (1) (S.v,431)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thé Tôn trú giữa các dân chúng Vajji, tại Kotigàma.

2) Tại đây, Thé Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- Này các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, do không thông đạt bốn Thánh đế mà Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruỗi, lưu chuyền như thế này. Thế nào là bốn?

3) Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, nên Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruỗi, lưu chuyền như thế này... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế về Khổ diệt... Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, nên Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruỗi, lưu chuyền như thế này.

4) Nhưng nay, này các Tỷ-kheo, Thánh đế về Khổ này đã được giác ngộ, đã được thông đạt Thánh đế về Khổ tập đã được giác ngộ, đã được thông đạt Thánh đế về Khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt. Được chặt đứt là hữu ái, được đoạn tận là những gì đưa đến tái sanh (bhavanetti). Nay không còn tái sanh nữa.

5) Thé Tôn thuyết giảng như vậy... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Do không như thật thấy,
Bốn sự thật bậc Thánh,*

*Phải lâu ngày luân chuyển,
Trải qua nhiều đời sống.
Khi chúng được thấy rõ,
Mầm tái sanh nhổ sạch,
Gốc khổ được đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

22.II.Minh (2) (S.v,432)

1) ...

2)-- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết: "Đây là Khổ", không như thật rõ biết: "Đây là Khổ tập", không như thật rõ biết: "Đây là Khổ diệt", không như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", thời này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình với thăng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, Bà-la-môn hạnh.

3) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết: "Đây là Khổ", như thật rõ biết: "Đây là Khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là Khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", thời này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay của Bà-la-môn hạnh.

4) Thê Tôn thuyết giảng như vậy... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Những ai không rõ biết,
Khổ và Khổ tập khởi,
Không rõ như thế nào,
Khổ đoạn tận không dứt,
Không biết Con Đường ấy
Đưa đến chỉ tịnh Khổ.
Những vị ấy không có
Tâm và tuệ giải thoát,
Họ không thể chấm dứt,
Phải đi đến sanh già.
Những vị nào rõ biết,
Khổ và Khổ tập khởi,
Và rõ như thế nào,
Khổ đoạn tận không dứt,
Rõ biết Con Đường ấy
Đưa đến chỉ tịnh khổ.
Tâm giải thoát thành tựu,
Và các tuệ giải thoát,
Họ có thể chấm dứt,
Không đi đến sanh già.*

23.III. Chánh Đắng Giác (S.v,433)

1-2) Tại Sàvatthi...

-- Có bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

3) Thánh đế về Khô,... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khô diệt.

4) Nay các Tỷ-kheo, do như thật chánh giác bốn Thánh đế này, Như Lai được gọi là bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác.

5) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, một cõi gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khô"... một cõi gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khô diệt".

24.IV. A-La-Hán (S.v,433)

1) Tại Sàvatthi...

2) -- Những bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác nào trong thời quá khứ, nay các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh Đẳng Giác; tất cả những vị ấy đã như thật chánh đẳng chánh giác bốn Thánh đế.

3) Những bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác nào trong thời vị lai, nay các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh Đẳng Giác; tất cả những vị ấy sẽ chánh đẳng chánh giác bốn Thánh đế.

4) Những bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác nào trong thời hiện tại, nay các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh Đẳng Giác; tất cả những vị ấy hiện đang chánh đẳng chánh giác bốn Thánh đế. Thế nào là bốn?

5) Thánh đế về Khô, Thánh đế về Khô tập, Thánh đế về Khô diệt, Thánh đế về Con Đường đưa đến Khô diệt.

6) Những bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác nào trong thời quá khứ như thật đã chánh đẳng chánh giác... sẽ như thật chánh đẳng chánh giác, hiện như thật chánh đẳng chánh giác; tất cả những vị ấy... hiện đang chánh đẳng chánh giác bốn Thánh đế.

7) Do vậy, nay các Tỷ-kheo, một cõi gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khô"... một cõi gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khô diệt".

25.V. Đoạn Tận Các Lậu Hoặc (S.v,434)

1) ...

2) -- Với người biết, với người thấy, nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố các lậu hoặc được đoạn tận, không phải với người không biết, với người không thấy. Và do biết gì, do thấy gì, nay các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận?

3) Do biết, do thấy: "Đây là Khô", nay các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận. Do biết, do thấy: "Đây là Khô tập"... "Đây là Khô diệt"... Do biết, do thấy: "Đây là Con Đường đưa đến Khô diệt", các lậu hoặc được đoạn tận.

4) Do biết vậy, do thấy vậy, nay các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận. Do vậy, nay các Tỷ-kheo, một cõi gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khô"... một cõi gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khô diệt".

26.VI.Thân Hữu (S.v,434)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, những ai mà các Ông có lòng lân mẫn, những ai mà các Ông nghĩ cần nghe theo như bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, hay huyết thống, thì này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải khích lệ những người ấy, huấn luyện, an trú các người ấy trong sự chứng ngộ như thật bốn Thánh đế. Thế nào là bốn?

3) Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

4) Ngày các Tỷ-kheo, những ai mà các Ông có lòng lân mẫn... như thật bốn Thánh đế.

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cô gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cô gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

27.VII. Như Thật (S.v,435)

1) ...

2) -- Ngày các Tỷ-kheo, có bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn?

3) Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

4) Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, là như thật, không ly như thật, không khác như thật. Do vậy, chúng được gọi là Thánh đế.

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như đoạn số 5 kinh trên) ...

28.VIII. Thế Giới (S.v,435)

1) ...

2-3) ... (Như đoạn số 2-3, kinh trên) ...

4) -- Ngày các Tỷ-kheo, trong các thế giới, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, và quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, Như Lai là bậc Thánh, do vậy được gọi là Thánh đế.

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như đoạn số 5, kinh trên) ...

29.IX. Cần Phải Liễu Tri Hay Thắng Tri (S.v,436)

1) ...

2) -- Ngày các Tỷ-kheo, có bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn?

3) Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

4) Trong bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, có Thánh đế cần phải liễu tri, có Thánh đế cần phải đoạn tận, có Thánh đế cần phải chứng ngộ, có Thánh đế cần phải tu tập. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế cần phải liễu tri?

5) Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, cần phải liễu tri. Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận. Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ. Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như đoạn số 5, kinh trên) ...

30.X. Gavampati (S.v,436)

1) Một thời, một số đông Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Ceti tại Sahuncanika.

2) Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo Thượng tọa sau bữa ăn, sau khi đi khất thực trở về, đang ngồi tụ họp trong ngôi nhà tròn, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiền, ai thấy Khổ, người ấy thấy Khổ tập, thấy Khổ diệt, thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt".

3) Được nghe nói vậy, Tôn giả Govampati nói với các Tỷ-kheo Thượng tọa:

-- "Tôi có tự thân nghe từ Thέ Tôn, thưa chư Hiền, tự thân lãnh thọ như sau:

4) "Này các Tỷ-kheo, ai thấy Khổ, người ấy cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Khổ diệt, cũng thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt. Ai thấy Khổ tập, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ diệt, cũng thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt. Ai thấy Khổ diệt, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt. Ai thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Khổ diệt".

IV. Phẩm Rừng Simsapà

31.I. Simsapà (S.v,437)

1) Một thời, Thέ Tôn trú ở Kosambi, tại rừng Simsapà.

2) Rồi Thέ Tôn lấy tay nhặt lên một ít lá Simsapà, rồi bảo các Tỷ-kheo:

-- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá Simsapà mà Ta nắm lấy trong tay, hay lá trong rừng Simsapà?

-- Thật là quá ít, bạch Thέ Tôn, một ít lá Simsapà mà Thέ Tôn nắm lấy trong tay, và thật là quá nhiều lá trong rừng Simsapà.

3) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thật là quá nhiều, những gì Ta đã thăng tri mà không nói cho các Ông! Thực là quá ít những gì mà Ta đã nói ra!

4) Nhưng tại sao, này các Tỷ-kheo, Ta lại không nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những điều ấy không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yém ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta không nói lên những điều ấy.

5) Và này các Tỷ-kheo, điều gì mà Ta nói? "Đây là Khổ", này các Tỷ-kheo, là điều Ta nói. "Đây là Khổ tập", là điều Ta nói. "Đây là Khổ diệt", là điều Ta nói. "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", là điều Ta nói.

6) Nhưng tại sao, này các Tỷ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những điều ấy liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yém ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng

trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy.

7) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cõi găng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cõi găng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

32.II. Cây Keo (Khandira) (S.v,438)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ, không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ tập, không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ diệt, không có như thật giác ngộ Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, ta sẽ chọn chánh đoạn tận khổ đau"; sự kiện này không xảy ra.

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người nói như sau : "Với những lá cây keo, hay lá cây palàsa (một thứ cây có bông màu đỏ thắm mọc trước lá) hay lá cây kha-lê-lặc (àmalaka), tôi sẽ làm giỏ bằng lá để đem nước lại hay làm cái quạt"; sự kiện này không xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Không như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... không như thật giác ngộ Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, ta sẽ chọn chánh đoạn tận khổ đau"; sự kiện này không xảy ra.

4) Nay các Tỷ-kheo, nếu có ai nói như sau: "Sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, ta sẽ chọn chánh đoạn tận Khổ đau"; sự kiện này có xảy ra.

5) Ví như, này các Tỷ-kheo, có người nói như sau: "Với những lá sen hay lá pasàla hay lá màluva (một loại cây leo), tôi sẽ làm các giỏ bằng lá để đem nước lại hay làm cái quạt"; sự kiện này có xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ai nói như sau: "Sau khi như thật chứng ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế về Khổ diệt... sau khi như thật chứng ngộ Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, ta sẽ chọn chánh đoạn tận Khổ đau"; sự kiện này có xảy ra.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cõi găng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cõi găng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

33.III. Cái Gậy (S.v,439)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây gậy được quăng lên hư không, khi thì rơi xuống đầu gốc, khi thì rơi xuống chặng giữa, khi thì rơi xuống đầu ngọn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh bị vô minh che lấp, bị khát ái trói buộc, dong ruồi, luân chuyển, khi thì đi từ thế giới này đến thế giới kia, khi thì đi từ thế giới kia đến thế giới này. Vì sao? Vì rằng không thấy bốn Thánh đế. Nay các Tỷ-kheo, bốn Thánh đế ấy là gì?

3) Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

4) Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như số 6, kinh trên) ...

34.IV. Khăn Đầu (S.v,440)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, khi khăn đầu hay đầu bị lửa cháy, thời phải làm gì?

-- Bạch Thé Tôn, khi khăn đầu hay bị bị lửa cháy, để dập tắt khăn đầu hay đầu cần phải có ước muồn tăng thượng (chanda), tinh tấn (vàyàmo), cố gắng (ussàho), nỗ lực (ussohii), không có thối thất (appativami), chánh niệm và tinh giác.

3) -- Bỏ qua đầu và khăn bị cháy, này các Tỷ-kheo, không có tác ý để như thật chứng ngộ bốn Thánh đế, chưa được chứng ngộ, cần phải có ước muồn tăng thượng, tinh tấn, cố gắng, nỗ lực, không thối thất, chánh niệm và tinh giác. Thế nào là bốn?

4) Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

35.V. Một Trăm Cây Thương (Sattisata) (S.v,440)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một người tuổi thọ đến một trăm năm, mạng sống đến một trăm năm. Có người đến nói với người ấy: "Này Ông, vào buổi sáng, Ông sẽ bị đâm một trăm cây thương. Vào buổi trưa, Ông sẽ bị đâm một trăm cây thương. Vào buổi chiều, Ông sẽ bị đâm một trăm cây thương. Nay Ông, như vậy mỗi ngày Ông bị đâm ba trăm cây thương, với tuổi thọ đến một trăm năm, với mạng sống đến một trăm năm. Sau một trăm năm, Ông sẽ được giác ngộ bốn Thánh đế trước kia chưa được giác ngộ". Nay các Tỷ-kheo, một thiện nam tử hiểu biết nghĩa lý (atthavasikena) có thể chấp nhận chăng? Vì sao?

3) Vô thi, này các Tỷ-kheo, là sự luân chuyển, khởi điểm không thể nêu rõ, đối với (những đau khổ) do bị thương đâm, do bị kiém chém, do bị búa chặt. Đầu vậy đi chăng nữa, này các Tỷ-kheo, Ta cũng không tuyên bố rằng nhờ khổ và ưu mà bốn Thánh đế được chứng ngộ. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng nhờ lạc và hỷ mà bốn Thánh đế được chứng ngộ. Thế nào là bốn?

4) Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

5) ... (như đoạn số 5, kinh trên) ...

36.VI. Sanh Loại (Pàṇà) (S.v,431)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một người trên cõi Diêm-phù-dè này chặt cỏ, cây, cành, lá và chất thành một đống. Chất thành một đống xong, vị ấy làm thành những cây gậy có vót nhọn (sulàm). Sau khi làm thành những cây có vót nhọn, vị ấy đâm những sanh loại lớn trong biển lớn với những cây gậy có vót nhọn lớn; vị ấy đâm những sanh loại bậc trung trong biển lớn với những cây gậy có vót nhọn bậc trung; vị ấy đâm những sanh loại nhỏ trong biển lớn với những cây gậy có vót nhọn bậc nhỏ. Nay các Tỷ-kheo, các sinh loại to lớn trong biển lớn không có thể cạn sạch hết. Đầu rằng tất cả cỏ, cây, cành, lá ở cõi Diêm-phù-dè có thể đem ra dùng hết sạch. Nhưng còn nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, là những sinh loại nhỏ trong biển lớn không dễ gì đâm chúng trên các gậy có vót nhọn. Vì sao?

3) Nay các Tỷ-kheo, vì cá thể (attabhava) của chúng rất tệ nhỉ. Lớn vậy, này các Tỷ-kheo, là đọa xứ. Và

này các Tỷ-kheo, được thoát khỏi đọa xứ lớn áy là người nào đã thành tựu chánh kiến, như thật rõ biết: "Đây là Khổ"… như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

4) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"… một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

37.VII. Ví Dụ Mặt Trời (1) (S.v,442)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, đây là điềm đi trước, đây là tướng báo trước mặt trời sắp mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đây là điềm đi trước, đây là tướng báo trước sự giác ngộ như thật bồn Thánh đế, tức là chánh tri kiến…

3) Với Tỷ-kheo có chánh tri kiến này, này các Tỷ-kheo, chờ đợi là vị áy sẽ rõ biết: "Đây là Khổ"… Vì áy sẽ rõ biết. "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

4) Do vậy, này các Tỷ-kheo… (như đoạn số 4, kinh trên) …

38.VIII. Ví Dụ Mặt Trời (2) (S.v,442)

1) ...

2) -- Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, mặt trăng, mặt trời không hiện ra ở đời, cho đến khi áy, không có ánh sáng lớn, hào quang lớn hiện hữu. Khi áy chỉ có đêm tối, chỉ có u ám, không thể phân biệt đêm và ngày, không thể phân biệt tháng và nửa tháng, không thể phân biệt thời tiết hằng năm.

3) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, mặt trăng, mặt trời hiện ra ở đời, cho đến khi áy, có ánh sáng lớn, có hào quang lớn hiện hữu. Khi áy không có đêm tối, không có u ám. Và có sự phân biệt đêm ngày, có sự phân biệt tháng và nửa tháng, có sự phân biệt thời tiết hằng năm.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không hiện ra ở đời, cho đến khi áy, không có ánh sáng lớn, không có hào quang lớn. Khi áy chỉ có đêm tối, chỉ có u ám. Cho đến khi áy, không có sự tuyên bố, không có sự thuyết giảng, không có sự trình bày, không có sự thiết lập, không có sự khai diễn, không có sự phân tích, không có sự hiển thị bốn Thánh đế.

5) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện ra ở đời, cho đến khi áy, có ánh sáng lớn, có hào quang lớn. Khi áy không có đêm tối, không có u ám. Cho đến khi áy, có sự tuyên bố, có sự thuyết giảng, có sự trình bày, có sự thiết lập, có sự khai diễn, có sự phân tích, có sự hiển thị bốn Thánh đế. Thế nào là bốn?

6) Thánh đế về Khổ… Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

7) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"… một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

39.IX. Cột Trụ (Indakhilo) (S.v,433)

1) ...

2) -- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết: "Đây là Khổ"... không như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt". Họ ngược nhìn mặt (ullokenti) một Sa-môn hay Bà-la-môn khác và nhận xét: "Vị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy".

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, một hột bông hay một hột bông kappàsa bị gió nhẹ thổi lên, rơi xuống đất bằng, và gió phía Đông thổi nó qua phía Tây; gió phía Tây thổi nó qua phía Đông; gió phía Bắc thổi nó qua phía Nam; gió phía Nam thổi nó qua phía Bắc. Vì sao? Vì hột bông kappàsa rất nhẹ, này các Tỷ-kheo.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật rõ biết: "Đây là Khổ"... không như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến khổ diệt". Họ ngược nhìn mặt một Sa-môn hay Bà-la-môn khác và nhận xét: "Vị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy". Vì sao? Vì không chánh kiến bốn Thánh đế, này các Tỷ-kheo.

5) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật rõ biết : "Đây là Khổ"... như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt". Họ không ngược nhìn mặt một Sa-môn hay Bà-la-môn khác và nhận xét: "Vị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy".

6) Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây cột sắt hay cây cột trụ, bàn tọa được đóng sâu (gambhiiranemo), khéo chôn sâu, bất động, không có lay chuyển; nếu từ phương Đông có gió và mưa lớn đến, cột trụ ấy không rung chuyển, không lay chuyển, không động chuyển...; nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam có gió và mưa lớn đến, cột trụ ấy không có rung chuyển, không lay chuyển, không động chuyển. Vì sao? Vì bàn tọa được đóng sâu, khéo chôn sâu, này các Tỷ-kheo.

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào như thật rõ biết: "Đây là Khổ"... như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến khổ diệt". Họ không ngược nhìn mặt một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác và nhận xét: "Vị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy". Vì sao? Vì bốn Thánh đế được khéo thấy, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

8-9) ... (xem đoạn số 6 và số 7 của kinh trên) ...

40.X. Tranh Luận (S.v,445)

1) ...

2) -- Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết: "Đây là Khổ"... như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến khổ diệt". Nếu từ phương Đông có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến, ưa thích tranh luận, tầm câu tranh luận, nói rằng : "Ta sẽ tranh luận", người này không thể làm cho rung chuyển, làm lay chuyển, làm động chuyển Tỷ-kheo ấy một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra. Nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến, ưa thích tranh luận, tầm câu tranh luận, nói rằng: "Ta sẽ tranh luận"; người này không thể làm rung chuyển, làm lay chuyển, làm động chuyển Tỷ-kheo ấy một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra.

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, một cột đá dài đến mười sáu khuỷu tay, và tám khuỷu tay được chôn dưới đất từ bàn tọa và tám khuỷu tay ở phía trên. Nếu từ phương Đông có gió và mưa lớn đến, không thể làm cột đá ấy rung chuyển, lay chuyển, động chuyển, nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam có gió và mưa lớn đến, không thể làm cho cột đá ấy rung chuyển, lay chuyển, động chuyển. Vì sao? Vì bàn tọa cột trụ được đóng sâu, khéo chôn sâu, này các Tỷ-kheo.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo nào như thật rõ biết: "Đây là Khổ"... như thật rõ biết: "Đây

là Con Đường đưa đến Khổ diệt". Nếu từ phương Đông có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến, ưa thích tranh luận, cầm cù tranh luận, nói rằng: "Ta sẽ tranh luận", vị ấy có thể làm cho Tỷ-kheo kia rung chuyển, lay chuyển, động chuyển một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra. Nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến, ưa thích tranh luận, cầm cù tranh luận, nói rằng: "Ta sẽ tranh luận", vị ấy có thể làm cho Tỷ-kheo kia rung chuyển, lay chuyển, động chuyển một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra. Vì sao? Vì bốn Thánh đế đã được khéo thấy, này các Tỷ-kheo. Thê nào là bốn?

5-6) ... (Giống như đoạn số 8, số 9, kinh 39) ...

V. Phẩm Vực Thambi

41.I. Tư Duy (S.v,446)

1) Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá) tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Tại đây, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

-- Thuở trước, này các Tỷ-kheo, một người đi ra khỏi Vương Xá, nghĩ rằng: "Ta sẽ suy tư về thế giới", và người ấy đi đến hồ sen sumàgadhà; sau khi đến, ngồi trên bờ hồ sumàgadhà và suy tư về thế giới.

3) Nay các Tỷ-kheo, người ấy trên bờ hồ sumàgadhà thấy một đoàn quân với bốn loại binh chủng (voi, ngựa, xe, bộ binh) đi vào trong một cù sen; thấy vậy, người ấy nghĩ: "Có lẽ ta phát cuồng! Có lẽ ta điên loạn! Nay ta thấy một điều không thể có ở đời".

4) Rồi người ấy, này Tỷ-kheo, đi vào trong thành và nói với một quân chúng lớn:

"-- Nay Quý vị, có lẽ ta phát cuồng; này Quý vị, có lẽ ta điên loạn. Nay ta thấy một điều không thể có ở đời!"

"-- Như thế nào, này Bạn, Bạn phát cuồng? Như thế nào, Bạn điên loạn? Bạn đã thấy gì không thể có ở đời?"

5) "-- Thưa Quý vị, tôi đi ra khỏi Vương Xá, nghĩ rằng: 'Tôi sẽ suy tư về thế giới'. Tôi đi đến hồ sumàgadhà; sau khi đến, ngồi trên bờ hồ sumàgadhà, suy tư về thế giới. Thưa Quý vị, tôi thấy trên bờ hồ sumàgadhà một đoàn quân với bốn loại binh chủng đi vào trong một cù sen. Thấy vậy, thưa quý vị, tôi nghĩ: 'Có lẽ ta phát cuồng! Có lẽ ta điên loạn! Nay ta thấy một điều không thể có ở đời'!"

"-- Thật vậy, này Bạn, Bạn đã phát cuồng. Thật vậy, Bạn bị điên loạn, Bạn đã thấy một điều không thể có ở đời!"

6) Nay các Tỷ-kheo, điều mà người ấy đã thấy là có thật, không phải không thật. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, chư Thiên và loài Asuura giàn trận để khai chiến. Và này các Tỷ-kheo, trong trận chiến ấy, chư Thiên thắng trận, các Asuura bại trận. Các Asuura bại trận, này các Tỷ-kheo, hoảng hốt đi vào thành Asuura ngang qua cù sen vì quá sợ hãi chư Thiên.

7) Do vậy, này các Tỷ-kheo, chớ có suy tư về thế giới: "Thế giới là thường còn", hay: "Thế giới là vô thường", hay: "Thế giới là hữu biên", hay: "Thế giới là vô biên", hay: "Mạng sống và thân thể là một", hay: "Mạng sống và thân thể là khác", hay: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay: "Như Lai không tồn tại sau khi chết", hay: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", hay: "Như Lai không tồn tại và

không khôn tồn tại sau khi chết". Vì sao?

8) Các điều suy tư ấy, này các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

9) Nếu có suy tư, này các Tỷ-kheo, các Ông hãy suy tư: "Đây là Khô"… "Đây là Con Đường đưa đến Khô diệt". Vì sao?

10) Các suy tư như vậy, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, các suy tư ấy làm căn bản cho Phạm hạnh, các suy tư ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

11) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cõ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khô"… một cõ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khô diệt".

42.II. Vực Thăm (S.v,448)

1) Một thời, Thế Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá) trên núi Gijjhakuuta (Linh Thứu).

2) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến Patibhànakuuta để nghỉ trưa.

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo áy vâng đáp Thế Tôn.

3) Rồi Thế Tôn cùng số đông Tỷ-kheo đi đến Patibhànakuuta. Một Tỷ-kheo thấy một vực thăm ở Patibhànakuuta, thấy vậy, liền bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, thật là lớn, vực thăm này! Bạch Thế Tôn, thật là đáng sợ hãi, vực thăm này! Bạch Thế Tôn, không biết có vực thăm nào khác, lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thăm này?

-- Nay các Tỷ-kheo, có vực thăm khác, lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thăm này.

-- Bạch Thế Tôn, thế nào là vực thăm khác, lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thăm này?

4) -- Nay Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật rõ biết: "Đây là Khô"… không như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khô diệt". Họ hoan hỷ với các hành đưa đến sanh, họ hoan hỷ với các hành đưa đến già, họ hoan hỷ với các hành đưa đến chết, họ hoan hỷ với các hành đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não. Vì họ hoan hỷ với các hành đưa đến sanh… đưa đến già… đưa đến chết… đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não, họ tạo dựng các hành đưa đến sanh, họ tạo dựng các hành đưa đến già… đưa đến chết,… do họ tạo dựng các hành đưa đến sanh… đưa đến già… đưa đến chết… đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não, nên họ rơi vào vực thăm sanh, họ rơi vào vực thăm già, họ rơi vào vực thăm chết, họ rơi vào vực thăm sầu, bi, khổ, ưu, não. Họ không liều thoát khỏi sanh, khỏi già, khỏi chết, khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng, họ không liều thoát khỏi đau khổ.

5) Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật rõ biết: "Đây là Khô"… như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khô diệt", họ không hoan hỷ với các hành đưa đến sanh… đưa đến già… đưa đến chết… đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não. Vì họ không hoan hỷ với các hành đưa đến sanh… đưa đến già… đưa đến chết… đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não, họ không tạo dựng các hành đưa đến sanh…

đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não. Do họ không tạo dựng các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não, họ không rơi vào vực thăm sanh; họ không rơi vào vực thăm già; họ không rơi vào vực thăm chết; họ không rơi vào vực thăm sầu, bi, khổ, ưu, não. Họ liều thoát khỏi sanh, khỏi già, khỏi chết, khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng, họ liều thoát khỏi đau khổ.

6) Do vậy, này Tỷ-kheo, một cõ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cõ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

43.III. Nhiệt Não (S.v,450)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có một địa ngục tên là Đại nhiệt não, tại đây con mắt thấy sắc gì, chỉ thấy bất khả lạc sắc, không phải khả lạc sắc, chỉ thấy bất khả hỷ sắc, không phải khả hỷ sắc, chỉ thấy bất khả ý sắc, không phải khả ý sắc. Tai có nghe tiếng gì... mũi có ngửi hương gì... lưỡi có nếm vị gì... thân có cảm xúc gì... ý có nhận thức pháp gì, chỉ nhận thức bất khả lạc pháp, không phải khả lạc pháp, chỉ nhận thức bất khả hỷ pháp, không phải khả hỷ pháp, chỉ nhận thức bất khả ý pháp, không phải khả ý pháp.

3) Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thé Tôn:

-- Bạch Thé Tôn, thật lớn thay, nhiệt não áy! Bạch Thé Tôn, thật khéo to lớn thay, nhiệt não áy! Bạch Thé Tôn, không biết có nhiệt não nào khác nữa, còn lớn hơn, còn đáng sợ hãi hơn nhiệt não áy?

-- Nay Tỷ-kheo, có nhiệt não khác còn đáng sợ hãi hơn nhiệt não áy.

-- Bạch Thé Tôn, nhiệt não khác áy như thế nào, còn lớn hơn, và đáng sợ hãi hơn nhiệt não áy?

4-6) ... (như đoạn số 4,5,6 của kinh trước, có một thay đổi trong kinh trước, có nói: "Họ rơi vào vực thăm sanh, vực thăm già, vực thăm chết, vực thăm sầu, bi, khổ, ưu, não". Còn kinh này nói: " Họ bị đốt cháy trong nhiệt não sanh... già... chết... sầu, bi, khổ, ưu, não " với những thay đổi cần thiết khác).

44. IV. Nhà Có Nóc Nhọn (S.v,452)

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế về Khổ diệt... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, ta sẽ chọn chánh đoạn tận khổ đau"; sự kiện này không xảy ra.

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Không xây dựng tầng dưới của ngôi nhà có nóc nhọn, tôi sẽ xây dựng tầng trên của ngôi nhà", sự kiện này không xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, ta sẽ chọn chánh đoạn tận khổ đau"; sự kiện này không xảy ra.

4) Ví như, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Sau khi xây dựng tầng dưới của căn nhà có nóc nhọn, tôi sẽ xây dựng tầng trên của ngôi nhà"; sự kiện này có xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, ta sẽ đoạn tận khổ đau"; sự kiện này có xảy ra.

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cỗ găng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cỗ găng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

45. V. Chiggala (1) (Lỗ khóa hay sợi lông) (S.v,453)

- 1) Một thời, Thέ Tôn trú ở Vesàli, Đại Lâm, tại Trùng các giảng đường.
- 2) Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát vào thành Vesàli để khất thực.
- 3) Tôn giả Ananda thấy một số đông thiêu niên người Licchavi trong hội trường tập bắn cung, từ xa bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này tiếp lông đuôi mũi tên khác, không ai trượt lần nào.
- 4) Thấy vậy, Tôn giả suy nghĩ: "Thật có tập luyện, các thiêu niên Licchavi này! Thật khéo tập luyện, các thiêu niên Licchavi này! Vì rằng, từ xa họ bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này tiếp lông đuôi mũi tên kia, không sai trượt lần nào".
- 5) Rồi Tôn giả Ananda, sau khi khất thực ở Vesàli xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khất thực trở về, đi đến Thέ Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thέ Tôn:
- 6) -- Ở đây, bạch Thέ Tôn, con, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Vesàli để khất thực. Bạch Thέ Tôn, con thấy rất nhiều thiêu niên Licchavi trong hội trường tập bắn cung, từ xa bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào. Thấy vậy con nghĩ như sau: "Thật có tập luyện, các thiêu niên Licchavi này! Thật khéo tập luyện, các thiêu niên Licchavi này! Vì rằng từ xa họ bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này nỗi tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào".
- 7) -- Ông nghĩ thế nào, này Ananda, cái gì khó làm hơn hay cái gì khó đạt đến (abhisambhava), từ xa bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào, hay bắn xuyên đầu một sợi lông được chia nhỏ một trăm lần?

-- Việc này khó làm hơn, bạch Thέ Tôn, khó đạt đến hơn, tức là bắn xuyên đầu một sợi lông được chia nhỏ một trăm lần.

8) -- Cũng vậy, này Ananda, chúng đậm xuyên ngang qua một cái gì khó đậm xuyên hơn là những ai như thật đậm xuyên qua: "Đây là Khổ"... như thật đậm xuyên qua: "Đây là Con Đường đưa đến sự Khổ diệt".

9) Do vậy, này Ananda, một cỗ găng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cỗ găng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

46. VI. Hắc Ám (S.v,454)

- 1) ...
- 2) -- Có một hắc ám giữa các thế giới không có trần che, tạo ra tối tăm, tạo ra hắc ám; ở đây ánh sáng của mặt trăng, mặt trời, những vật có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy cũng không hiện ra.
- 3) Được nghe nói như vậy, một Tỷ-kheo bạch Thέ Tôn:

-- Thật là to lớn, bạch Thé Tôn, tối tăm áy! Thật là to lớn, bạch Thé Tôn, tối tăm áy! Bạch Thé Tôn, có một tối tăm nào khác, còn to lớn hơn, còn đáng sợ hãi hơn tối tăm áy?

-- Nay Tỷ-kheo, có một tối tăm khác, còn to lớn hơn, còn đáng sợ hãi hơn tối tăm áy.

-- Bạch Thé Tôn, sự tối tăm khác áy là gì, còn to lớn hơn, còn đáng sợ hãi hơn tối tăm áy?

4-6) ... (như đoạn số 4, số 5, số 6 kinh 42 có một thay đổi. Trong kinh trước có nói: "Họ roi vào vực thăm sanh, vực thăm già, vực thăm chết, vực thăm sầu, bi, khổ, ưu, nã. Còn kinh này thời nói: " Họ roi vào tối tăm sanh, tối tăm già, tối tăm chết, tối tăm sầu, bi, khổ, ưu, nã ").

47. VII. Lỗ Khóa (2) (S.v,455)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một người quăng một khúc gỗ có một lỗ hổng vào biển lớn. Tại đây có con rùa mù, sau mỗi trăm năm nồi lên một lần.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, con rùa mù áy sau mỗi trăm năm nồi lên một lần, có thể chui cổ vào khúc gỗ có một lỗ hổng hay không?

-- Năm khi mười họa may ra có thể được, bạch Thé Tôn, sau một thời gian dài.

4) -- Ta tuyên bố rằng còn mau hơn, này các Tỷ-kheo, là con rùa mù áy, sau mỗi trăm năm nồi lên một lần, có thể chui cổ vào khúc gỗ có một lỗ hổng áy; còn hơn kẻ ngu, khi một lần đã roi vào đọa xứ để được làm người trở lại. Vì sao?

5) Vì rằng ở đây không có pháp hành, chánh hành, thiện nghiệp, phuortic nghiệp. Ở đây, này các Tỷ-kheo, chỉ có ăn thịt lẫn nhau, và chỉ có người yếu bị ăn thịt. Vì sao?

6) Vì không thấy được bốn Thánh đê. Thế nào là bốn? Thánh đê về Khô... Thánh đê về Con Đường đưa đến Khô diệt.

7) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cõi găng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khô"... một cõi găng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khô diệt".

48. VIII. Lỗ Khóa (3) (S.v,456)

1) ...

2)-- Ví như, này các Tỷ-kheo, quả đất lớn này chỉ toàn một bãi nước và một người đến ném xuống đây một khúc cây có một lỗ hổng. Rồi gió phương Đông thổi nó trôi về phương Tây; gió phương Tây thổi nó trôi về phương Đông; gió phương Bắc thổi nó trôi về phương Nam; gió phương Nam thổi nó trôi về phương Bắc. Tại đây, một con rùa mù cứ mỗi trăm năm nồi lên một lần.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, con rùa mù áy sau mỗi trăm năm nồi lên một lần, có thể chui cổ vào trong khúc cây có một lỗ hổng không?

-- Thật khó được vậy, bạch Thé Tôn, con rùa mù áy, sau mỗi trăm năm nồi lên một lần, có thể chui cổ vào trong khúc cây có một lỗ hổng áy!

4) -- Thật khó được vậy, này các Tỷ-kheo, là được làm người! Thật khó được vậy, này các Tỷ-kheo, là Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đắng Giác! Thật khó được vậy, này các Tỷ-kheo, là Pháp và Luật này do Thé Tôn thuyết giảng chiếu sáng trên đời.

5) Nhưng nay, này các Tỷ-kheo, các Ông đã được làm người, và Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác. Và Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng chói sáng ở đời.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cõ gắng cần phải làm... (xem đoạn số 7, kinh trước).

49. IX. Núi Sineru (1) (Tu Di) (S.v,457)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đặt trên núi Sineru, vua các loài núi, các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được đặt như vậy hay núi chúa Sineru?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thé Tôn, tức là vua núi Sineru. Rất ít là các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được đặt như vậy, chúng không có thể ước tính được, chúng không có thể so sánh được, chúng không có thể thành một phần nhỏ được, khi đem đặt các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu so sánh với núi chúa Sineru.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn này. Rất ít là khổ còn tồn tại, không có thể ước tính, không có thể so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn. Tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: "Đây là Khổ"... đã rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cõ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cõ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

50. X. Núi Sineru (2) (Tu Di) (S.v,458)

1) ...

2) ... Ví như, này các Tỷ-kheo, núi chúa Sineru đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại các viên sạn, lớn bằng bảy hạt đậu.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, núi chúa Sineru áy đi đến đoạn tận, đi đến tiêu mòn hay các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu còn tồn tại?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thé Tôn, tức là núi chúa Sineru đi đến đoạn tận, đi đến tiêu mòn. Và ít hơn là các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được còn lại, không thể đem ước tính, không thể đem so sánh và không thể bằng một phần nhỏ, nếu so sánh các viên sạn lớn, bằng bảy hạt đậu còn lại với núi chúa Sineru đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu mòn.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, được tiêu mòn này; và rất ít là khổ còn tồn tại, không

có thể ước tính, không có thể so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn, tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: "Đây là Khổ" ... đã rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như đoạn số 5, kinh trước) ...

VI. Phẩm Chứng Đạt

51. I. Đầu Móng tay (S.v,459)

1) ...

2) Rồi Thέ Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ-kheo:

-- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy ở đầu móng tay, hay quả đất lớn này?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thέ Tôn, tức là quả đất lớn này. Còn ít hơn là một ít đất mà Thέ Tôn lấy ở đầu móng tay. Chúng không thể ước tính được, không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất mà Thέ Tôn lấy lên đầu móng tay.

3-4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kién, với người đã chứng đạt, cái này là nhiều hon... (xem đoạn số 4, số 5 kinh 49) ...

52. II. Ao Hồ (S.v,460)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, có một hồ nước bè dài năm mươi do tuần, bè rộng năm mươi do tuần, bè sâu năm mươi do tuần, dày nước tràn trên bờ để con quạ có thể uống được. Từ nơi hồ nước ấy, có người lấy lên một ít nước trên đầu ngọn cỏ kusa.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một ít nước lấy lên trên đầu ngọn cỏ kusa, hay là nước trong hồ nước?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thέ Tôn, tức là nước trong hồ nước. Còn ít hơn là nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ kusa. Chúng không có thể ước tính, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước ở hồ nước với nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ kusa.

4-5) ... (như kinh trên 49, đoạn số 4,5) ...

53. III. Hợp Dòng (Sambhejja) (1) (S.v,460)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, tại chỗ mà các con sông lớn này nhập vào nhau, cùng chảy với nhau, tức là sông Hằng, sông Yamuna, sông Aciravatii, sông Sarabhuu, sông Mahii. Từ đây, một người lấy lên hai hay ba giọt nước.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lấy lên, hay là

nước ở chỗ hợp dòng?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thé Tôn, tức là nước ở chỗ hợp dòng. Còn ít hơn là hai hay ba giọt nước được lấy lên. Chúng không thể ước tính được, không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước ở chỗ hợp dòng với hai hay ba giọt nước lấy lên.

4-5) ... Cũng vậy... (xem đoạn số 4-5, kinh 49)

54. IV. Hợp Dòng (2) (S.v,461)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, tại chỗ mà các con sông lớn này nhập vào nhau, cùng chảy với nhau, tức là sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravatii, sông Sarabhuu, sông Mahii, nước sông ấy đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, trừ hai hay ba giọt nước còn sót lại.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, nước chỗ hợp dòng đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, hay là hai hay ba giọt nước còn sót lại?

-- Cái này là nhiều hơn bạch Thé Tôn, tức là nước chỗ hợp dòng đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt. Còn ít hơn là hai hay ba giọt nước còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước chỗ hợp dòng đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, với hai hay ba giọt nước còn sót lại.

4-5) ... (như đoạn số 4,5, kinh 49) ...

55. V. Quả Đất (1) (S.v,462)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đặt trên quả đất lớn các cục đất lớn bằng bảy hạt táo (sattakolatthimattiyo).

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, các cục đất lớn bằng bảy hạt táo đã được đặt lên như vậy, hay là quả đất này?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thé Tôn, tức là quả đất này, còn ít hơn là các cục đất lớn bằng bảy hạt táo đã được đặt lên như vậy. Chúng không thể ước tính được, không thể so sánh được, không thể bằng một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn này với các cục đất lớn bằng bảy hạt táo được đặt lên như vậy.

4-5) ... (như đoạn số 4,5, kinh 49) ...

66. VI. Quả Đất (2) (S.v,462)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, quả đất đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại những cục đất lớn bằng bảy hạt táo.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều, quả đất lớn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, hay là các cục đất lớn bằng bảy hạt táo còn sót lại?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thé Tôn, tức là quả đất lớn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt. Còn ít hơn là các cục đất lớn bằng bảy hạt táo còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn đã đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt với các cục đất lớn bằng bảy hạt táo còn sót lại.

4-5) ... (như đoạn số 4,5, kinh 49) ...

57. VII. Biển (1) (S.v,463)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một người lấy lên hai hay ba giọt nước từ biển lớn.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lấy lên, hay là nước trong biển lớn?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thé Tôn, tức là nước trong biển lớn. Còn ít hơn là hai hay ba giọt nước được lấy lên. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước trong biển lớn với hai hay ba giọt nước được lấy lên.

4-5) ... (như số 4,5, kinh 49) ...

58. VIII. Biển (2) (S.v,463)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, nước trong biển lớn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, trừ hai hay ba giọt nước còn sót lại.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, nước trong biển lớn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, hay là hai hay ba giọt nước còn sót lại?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thé Tôn, tức là nước trong biển lớn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt. Còn ít hơn là hai hay ba giọt nước còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước trong biển đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, với hai hay ba giọt nước còn sót lại.

4-5) ... (xem đoạn số 4,5, kinh 49) ...

59. IX. Ví Dụ Với Núi (1) (S.v,464)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, có người đặt trên núi chúa Tuyết Sơn các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải được đặt lên như vậy, hay là núi chúa Tuyết Sơn?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thέ Tôn, tức là núi chúa Tuyết Sơn. Còn ít hơn là những hòn sạn lớn bằng bảy hột cài được đặt lên như vậy. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh núi chúa Tuyết Sơn với các viên sạn lớn bằng bảy hột cài.

4-5) ... (như đoạn số 4,5, kinh 49)

60. X. Ví Dụ Với Núi (2) (S.v,464)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, núi chúa Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, trừ các hòn sạn lớn bằng bảy hột cài.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, núi chúa Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, hay là các hòn sạn lớn bằng bảy hột cài còn sót lại?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thέ Tôn, tức là núi chúa Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt. Còn ít hơn là các hòn sạn lớn bằng bảy hột cài còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh núi chúa Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, với hòn sạn lớn bằng bảy hột cài còn sót lại.

4-5) ... (như đoạn số 4,5, kinh 49) ...

VII. Phẩm Bánh Xe Lược Thuyết

61. I. Người Khác (S.v,465)

1) ...

2) Rồi Thέ Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ-kheo:

3) -- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy lên trên đầu móng tay, hay là quả đất lớn này?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thέ Tôn, tức là quả đất lớn này. Còn ít hơn là một ít đất Thέ Tôn lấy lên trên đầu móng tay. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất được Thέ Tôn lấy lên trên đầu ngón tay.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là những chúng sanh được tái sanh làm người. Còn nhiều hơn là những chúng sanh bị tái sanh ra khỏi loài Người. Vì sao?

5) Nay các Tỷ-kheo, vì không thấy bốn Thánh đế. Thέ nào là bốn? Thánh đế về Khô... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khô diệt.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cõ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khô"... một cõ gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khô diệt".

62. II. Biên Địa (S.v,466)

1) ...

2-3) ... (giống như 2-3 của kinh trước)..

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh được tái sanh vào các quốc độ trung ương. Và nhiều hơn là các chúng sanh được tái sanh vào các biên địa, giữa những man di (mìlakkha Sk. mleccha) vô ý thức. Vì sao?

5-6) ... (như đoạn số 5-6, kinh trên) ...

63. III. Trí Tuệ (S.v,467)

1) ...

2-3) ... (giống như đoạn số 2-3, kinh trên) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh thành tựu tuệ nhẫn của bậc Thánh. Và nhiều hơn là các chúng sanh đi đến vô minh, si ám. Vì sao?

5-6) ... (như đoạn số 5-6, kinh trên) ...

64. IV. Rượu (S.v, 467)

1) ...

2-3) ... (giống như đoạn số 2-3, kinh trên) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Vì sao?

5-6) ... (như đoạn số 5-6, kinh trên) ...

65. V. Sanh Ở Nước (S.v,467)

1) ...

2-3) ... (giống như đoạn số 2-3, kinh trên) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh được sanh trên đất liền (thalàjà). Và nhiều hơn là các chúng sanh được sanh ra trong nước. Vì sao?

5-6) ... (giống như đoạn số 5-6, các kinh trên) ...

66. VI. Hiếu Kính Mẹ (S.v,467)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với mẹ. Và nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với mẹ.

...

67. VII. Hiếu Kính Cha (S,v,467)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với cha. Và nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với cha.

...

68. VIII. Kính Trọng Sa Môn (S,v,468)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh kính trọng các hàng Sa-môn. Và nhiều hơn là các chúng sanh không kính trọng các hàng Sa-môn.

...

69. IX. Kính Trọng Bà La Môn (S,v,468)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh kính trọng các hàng Bà-la-môn. Và nhiều hơn là các chúng sanh không kính trọng các hàng Bà-la-môn.

...

70. X. Kính Trọng Các Bậc Lớn Tuổi (S,v,468)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh kính trọng các bậc lớn tuổi trong gia tộc. Và nhiều hơn là các chúng sanh không kính trọng các bậc lớn tuổi trong gia tộc.

VIII. Phẩm Ít Người Từ Bỏ**71. I. Sanh Loại (S.v,468)**

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ sát sanh. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ sát sanh. Vì sao?

...

72. II. Lấy Của Không Cho(S.v,469)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ lấy của không cho. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ lấy của không cho. Vì sao?

...

73. III. Trong Các Dục Vọng (S.v,469)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ tà hạnh trong các dục. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ tà hạnh trong các dục. Vì sao?

...

74. IV. Nói Láo (S.v,469)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói láo. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói láo. Vì sao?

...

75. V. Nói Ly Gián (S.v,469)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói lời ly gián. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói lời ly gián. Vì sao?

...

76. VI. Nói Lời Thô Ác (S.v,469)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói lời thô ác. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói lời thô ác. Vì sao?

...

77. VII. Nói Lời Phù Phiếm (S.v,469)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói lời phù phiếm. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói lời phù phiếm. Vì sao?

...

78. VIII. Hột Giống (S.v,470)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ làm hại các hột giống và các loại cây cỏ. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ làm hại các hột giống và các cây cỏ. Vì sao?

...

79. IX. Phi Thời (S.v,470)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ ăn phi thời. Còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ ăn phi thời. Vì sao?

...

80. X. Hương Liệu (S.v,470)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, các đồ trang sức để mang, để đeo. Còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, các đồ trang sức để mang, để đeo. Vì sao?

...

IX. Phẩm Lúa Gạo Sóng Rộng Thuyết

81.I. Múa (S.v,470)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch.

...

82. II. Giường Nằm (S.v,471)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ các giường cao, các giường lớn. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ các giường cao, các giường lớn.

...

83. III. Bạc (S.v,471)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận vàng và bạc. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận vàng và bạc.

...

84. IV. Lúa Gạo (S.v,471)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận các lúa gạo sống. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận các lúa gạo sống.

...

85.V. Thịt (S.v,471)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận các thịt sống. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận các thịt sống.

...

86. VI. Con Gái (S.v,471)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận đàn bà, con gái. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận đàn bà, con gái.

...

87. VII. Nữ Tỳ (S.v,472)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận lấy các nô tỳ nữ, nô tỳ nam. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận các nô tỳ nữ, nô tỳ nam.

...

88. VIII. Dê, Dê Rừng (S.v,472)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận dê và dê rừng. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận dê và dê rừng.

...

89. IX. Gà, Heo (S.v,472)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận gà, heo. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận gà và heo.

...

90. X. Voi (S.v,472)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận voi, bò, ngựa, ngựa cái. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận voi, bò, ngựa, ngựa cái.

...

X. Phẩm Chúng Sanh Nhiều Hơn

91. I. Ruộng (S.v,473)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận lấy ruộng đất. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận lấy ruộng đất.

...

92. II. Mua Bán (S.v,473)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ mua bán. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ mua bán.

...

93. III. Đưa Tin Tức (S.v,473)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ không phái người môi giới hay tự mình làm môi giới. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ phái người làm môi giới, hay tự mình làm

môi giới.

...

94. IV. Cân Lường (S.v,473)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc, đo lường. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc, đo lường.

...

95. V. Hối Lộ (S.v,473)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ hối lộ, gian trá, lừa đảo. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ hối lộ, gian trá, lừa đảo.

...

96-101. VI-XI. Sát Hại, Trộm Cắp, Cướp Phá (S.v,473)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không thấy bốn Thánh đế. Thế nào là bốn?

5) Thánh đế về Khô... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khô diệt.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cõ găng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khô"... một cõ găng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khô diệt".

XI. Phẩm Năm Sanh Thú

102. I. Năm Sanh Thú (S.v,474)

1) ...

2) Rồi Thê Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ-kheo:

3) -- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy trên đầu móng tay, hay quả đất lớn này?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thê Tôn, tức là quả đất. Và ít hơn là một ít đất mà Thê Tôn lấy trên đầu móng tay, không thể ước tính được, không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất mà Thê Tôn lấy trên đầu móng tay.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh trong địa ngục.

...

103) II. Năm Sanh Thú (S.v,474)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh trong loài bàng sanh.

...

104. III. Năm Sanh Thú (S.v,475)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh vào cõi ngạ quỷ.

...

105-107. IV-VI. Năm Sanh Thú (S.v,475)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh giữa chư Thiên. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh vào địa ngục... phải tái sanh vào loài bàng sanh... phải tái sanh vào cõi ngạ quỷ.

...

108-110. VIII-X. Năm Sanh Thú (S.v,475)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư Thiên, được tái sanh giữa chư Thiên. Còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư Thiên, phải tái sanh trong địa ngục... phải tái sanh trong loài bàng sanh... phải tái sanh trong cõi ngạ quỷ.

...

111-113. XI-XIII. Năm Sanh Thú (S.v,475)

1-2-3) ...

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư Thiên, được tái sanh làm người. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư Thiên, phải tái sanh trong địa ngục... phải tái sanh trong loài bàng sanh... phải tái sanh trong cõi ngạ quỷ.

...

114-116. XIV-XVI. Năm Sanh Thú (S.v,475)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục, được tái sanh làm người. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục, bị tái sanh ở cõi địa ngục... bị tái sanh ở loài bàng sanh... bị tái sanh ở cõi ngạ quỷ.

...

117-119. XVII-XIX. Năm Sanh Thú (S.v,476)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục, được tái sanh làm chư Thiên. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục, bị tái sanh ở cõi địa ngục... bị tái sanh ở loài bàng sanh... bị tái sanh ở cõi ngạ quỷ.

...

120-122. XX-XXII. Năm Sanh Thú (S.v,476)

1-2-3) ...

4)-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh, được tái sanh làm người. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh, bị tái sanh trong cõi địa ngục... bị tái sanh trong loài bàng sanh... bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ.

...

123-125. XXIII-XXV. Năm Sanh Thú (S.v,476)

1-2-3) ...

4)-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh, sau khi chết từ các loài bàng sanh, được tái sanh giữa chư Thiên. Và nhiều hơn là chúng sanh, sau khi chết từ các loài bàng sanh, bị tái sanh trong cõi địa ngục... bị tái sanh trong loài bàng sanh... bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ.

...

126-128. XXVI-XXVIII. Năm Sanh Thú (S.v,476)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh, sau khi chết từ cõi ngạ quỷ, được tái sanh làm người. Và nhiều hơn là các chúng sanh, sau khi chết từ cõi ngạ quỷ, bị tái sanh ở cõi địa ngục... bị tái sanh trong loài bàng sanh... bị tái sanh ở cõi ngạ quỷ.

...

129. XXIX. Năm Sanh Thú (S.v,476)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngã quỷ, được tái sanh làm chư Thiên. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngã quỷ, bị tái sanh ở địa ngục.

...

130. XXX. Năm Sanh Thú (S.v,477)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngã quỷ, được tái sanh làm chư Thiên. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngã quỷ, bị tái sanh ở loài bàng sanh.

...

131. XXXI. Năm Sanh Thú (S.v,477)

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngã quỷ, được tái sanh làm chư Thiên. Còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngã quỷ, bị tái sanh ở cõi ngã quỷ. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì không thấy bốn Thánh đế. Thế nào là bốn?

5) Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cô gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cô gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cô gắng cần phải làm rõ biết: "Đây là khổ diệt". Một cô gắng phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt"

-- Hết --

-00Ooo-